

NGUYỄN HUỆ CHI
(Chủ biên)

TRUYỀN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

QUYỂN BA



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRUYỆN TRUYỀN KỶ
VIỆT NAM
QUYỂN BA
(TẬP V – TẬP VI)

SUPPORTED BY THE TOYOTA FOUNDATION

NGUYỄN HUỆ CHI
(CHỦ BIÊN)

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

QUYỂN BA
(TẬP V - TẬP VI)

(Tái bản lần thứ nhất, có bổ sung)

Tuyển soạn :

NGUYỄN HUỆ CHI
ĐẶNG THỊ HẢO - TRẦN HẢI YẾN
PHẠM NGỌC LAN - LẠI VĂN HÙNG
TRẦN THỊ BĂNG THANH

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Công ty Cổ phần dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội -
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm**

* Trong phần tuyển tập Truyện truyền kỳ Việt Nam, Nhóm biên soạn sưu tầm, lựa chọn 262 truyện truyền kỳ và phỏng truyện kỳ trong vòng 7 thế kỷ (thế kỷ XIV - thế kỷ XX), trong đó có 216 truyện dịch từ chữ Hán và 46 truyện tiếng Việt, bắt nguồn từ 21 tập truyện chữ Hán và 11 tập truyện quốc ngữ. Để thu thập được một khối lượng tác phẩm rộng rãi như trên, khái niệm truyện truyền kỳ vận dụng ở đây ít nhiều có xuất nhập so với tiêu chí chặt chẽ xác định cho thể loại trong phần khảo luận. Cụ thể hơn chúng tôi có đem vào bộ sách một số truyện ma quái đơn giản vốn được các tác giả thế kỷ XVIII-XIX sưu tầm hoặc phóng tác xen lẫn với truyện truyền kỳ. Phần truyện phỏng truyện kỳ thu lượm rải rác dưới thời cận, hiện đại (thế kỷ XX), về mặt tiêu chí cũng có cách hiểu gần như vậy. Nói chung, những truyện ngắn và cá biệt một đôi truyện vừa có sự tham gia đậm nét của yếu tố kỳ ảo dùng lại mô típ truyện truyền kỳ quá khứ, đều được coi là phỏng truyện kỳ.

* Việc giải quyết các vấn đề văn bản học của phần văn bản truyện truyền kỳ chữ Hán thực tế rất phức tạp và không phải là nhiệm vụ chủ yếu của bộ tuyển tập này. Chúng tôi chỉ có thể chọn lấy một văn bản làm căn cứ chính trong khi dịch hoặc đối chiếu bản dịch, đồng thời cũng có tiến hành cả thao tác hiệu chỉnh văn bản đến một chừng mực nào đấy. Kết quả việc giám định và chọn lọc văn bản sẽ được giới thiệu một cách vắn tắt với tiểu sử tác giả trong lời dẫn đầu mỗi tập sách được chọn lọc.

* Phần dịch truyện chữ Hán do Nhóm biên soạn đảm nhiệm, hoặc chọn lại các bản dịch có uy tín đã công bố từ trước. Trường hợp chọn lại các bản dịch cũ đều có đối chiếu kỹ với nguyên gốc để chỉnh lý và nếu cần, bổ sung những chỗ dịch giả đã lược bỏ. Những phần dịch lại hoặc bổ sung có ký chú tên

người dịch mới để bạn đọc dễ theo dõi. Chúng tôi quan niệm truyện truyền kỳ là một loại hình văn xuôi nghệ thuật mà thơ và văn xuôi biến ngẫu thường làm thành những phần hữu cơ trong kết cấu. Vì vậy, gặp các loại văn thơ này, trù trường hợp thật cá biệt, đều cố gắng dịch ra các thể loại thơ văn tương ứng. Do yêu cầu thống nhất của việc trình bày, các lời bình trong từng truyện nhất loạt đem xuống cuối, nhưng vẫn được quan niệm như một phần hữu cơ của từng thiên truyện.

* Việc chú giải truyện truyền kỳ là một công đoạn phức tạp tiếp theo phần tuyển chọn và dịch thuật. Có bốn loại chú giải trong phần truyện dịch từ chữ Hán : chú giải các điển cố, chú giải các nhân vật lịch sử, chú giải các địa danh có thật trong lịch sử, chú giải niên hiệu của các vương triều. Nhằm giúp bạn đọc sử dụng sách tiện lợi theo các yêu cầu khác nhau, chúng tôi xếp hai loại chú giải trước (điển cố và tên người) xuống cuối mỗi trang, và hai loại chú giải sau (tên đất và niên hiệu) vào hệ thống các bảng tra cứu cuối sách. Ở phần truyện tiếng Việt, do phương thức nghệ thuật đã khác với phần truyện chữ Hán, bảng tra cứu tên đất và niên hiệu các triều vua được lược bỏ. Nếu có những tên đất cần chú giải xin chú luôn ở dưới từng trang. Tuy bộ sách là một công trình nhất quán, nhưng vì phải phân chia thành 6 tập, mỗi tập có thể được sử dụng tương đối độc lập, nên phần chú giải và tra cứu cũng soạn riêng cho từng tập. Một chú giải hoặc một mục từ tra cứu đã có ở tập này vẫn có khả năng lặp lại ở tập khác. Nhưng trong mỗi tập, để tránh sự trùng lặp một chú thích đã có ở truyện trước sẽ được ký chú số chú thích và tên truyện đã chú, khi gặp lại lần sau.

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

TẬP V

Tác giả:

NHẤT LINH - THẾ LŨ - TCHYA - NGUYỄN TUÂN

NGƯỜI QUAY TỜ

Tác giả : **Nhất Linh** (25.VII.1906 – 7.VII.1963). Tên khai sinh là Nguyễn Tường Tam, còn có các bút danh Bảo Sơn, Đông Sơn, Tân Việt. Quê gốc ở Quảng Nam, sinh tại phố huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương, trong gia đình viên chức, gốc quan lại. Thuở nhỏ học ở Hải Dương rồi Hà Nội. Sau khi đỗ bằng Thành chung vào làm ở Sở Tài chính và bắt đầu sáng tác. Năm 1924, thi vào Trường Cao đẳng Mỹ thuật đỗ đầu, nhưng học được một năm ông xin thôi, sau đó sang Pháp học và năm 1930 về nước với bằng Cử nhân khoa học. Từ 1930 dạy ở Trường Thăng Long, kết hạn với Khái Hưng. Năm 1932, ra báo Phong hóa mới và thành lập Tự lực văn đoàn, chủ trương hiện đại hóa nền văn học tiếng Việt, phê phán lễ giáo phong kiến, hô hào "Âu hóa" và đấu tranh cho "chủ nghĩa cá nhân". Từ năm 1942, bí mật thành lập Đảng Hưng Việt rồi làm Tổng thư ký Đảng Đại Việt dân chính chống Pháp. Bị Pháp khủng bố, ông trốn sang Trung Quốc, liên lạc với các đảng phái người Việt tại Trung Quốc, trở thành một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quốc dân đảng. Cuối năm 1945, các đảng phái người Việt ở Trung Quốc trở về nước theo chân quân Tưởng Giới Thạch vào giải giáp quân Nhật. Nguyễn Tường Tam cũng về nước ít lâu sau đó và được mời tham gia Chính phủ liên hiệp với chức danh Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Năm 1946, ông cầm đầu phái bộ Việt Nam dự Hội nghị Đà Lạt. Tiếp đó, được cử đi dự Hội nghị Fontainebleau nhưng viết thư từ chức và bỏ sang Trung Quốc. Năm 1951, trở về Hà Nội, tuyên bố không làm chính trị nữa. Về sau vào Sài Gòn, có thời gian lên Đà Lạt ẩn cư. Năm 1963, ông tự tử do bị chính quyền miền Nam xem là có dính líu vào vụ đảo chính Ngô Đình Diệm bất thành trong năm này và bị gọi ra tòa. Trước khi chết, để lại lá thư tuyệt mệnh trong đó có câu : "Đời tôi để cho lịch sử xử".

Tác phẩm tiểu thuyết và truyện ngắn :

- Nho phong (1925)
- Người quay tơ (1927)
- Anh phải sống (chung với Khái Hưng, 1934)
- Gánh hàng hoa (chung với Khái Hưng, Hà Nội, 1934)
- Đời mưa gió (chung với Khái Hưng, Hà Nội, 1934)
- Nắng thu (Hà Nội, 1934)
- Đoạn tuyệt (Hà Nội, 1935)
- Đi Tây (Hà Nội, 1935)
- Lạnh lùng (Hà Nội, 1936)
- Tối tăm (chung với Khái Hưng, Hà Nội, 1935)
- Hai buổi chiều vàng (Hà Nội, 1937)
- Thế rồi một buổi chiều (Hà Nội, 1937)
- Đôi bạn (Hà Nội, 1937)
- Bướm trắng (Hà Nội, 1939)
- Xóm Cầu Mới (Sài Gòn, 1958)
- Dòng sông Thanh Thủy (Sài Gòn, 1960 -1961)
- Mối tình chân (Sài Gòn, 1961)

Người quay tơ gồm 11 truyện ngắn, viết vào thời kỳ ngòi bút Nhật Linh chưa trải qua một cách tân lớn nên giọng văn vẫn còn nhiều hơi hướng kiểu truyện ngắn trong Nam phong tạp chí. Trong 11 truyện, có 3 truyện mang màu sắc truyền kỳ, nhưng truyện Người ca kỹ họ Nguyễn là phỏng dịch Lan Trì kiến văn lục (xem Quyển II) và truyện Bạch Liên có phần chắc phỏng dịch một truyện truyền kỳ của Nhật Bản, nên ở đây chúng tôi chỉ chọn một truyện : truyện Giật mình tỉnh dậy.

217. GIẬT MÌNH TỈNH DẬY

Cái đêm tôi trồng rau cách trại độ nửa ngày đường. Đến mùa hoa nở tôi đem một chiếc thuyền với người con cả tôi ra để coi sen, vì đây xưa nay vẫn có lắm đũa hay đến hái hoa trộm. Nhân tiện mang theo mấy cái cần câu và mấy cái lờ nan để bắt cá.

Cái nhà lều coi sen, tôi làm đã lâu, nay mục nát và hư hỏng nhiều chỗ. Nhưng nhà có gì đâu ? Chỉ có bốn cái cọc cắm xuống đáy nước, mấy tấm phản gỗ nằm ngang với một cái mái lá trùm hụp lên trên. Đằng trước có một cái cửa con trông ra dải sen, phía sau treo một cái màn mảnh mảnh rách.

Trong nhà nào chăn, nào chiếu, nào gối bừa bộn, một bên để chỗ nằm, còn một bên làm bếp nấu nướng. Trên mái treo mấy cái rế đựng đồ ăn, và cùi để thổi.

Khi nào mưa to gió lớn, căn nhà lều cứ lung lay hình như muốn đổ ụp xuống nước. Tôi quán cái chăn nằm trên chiếu, mặt quay ra phía dải sen để trông trộm. Tôi phải đắp chăn vì đêm ấy ở ngoài trời làm rét lắm.

Những đêm trời bình tĩnh, tôi không đi ngủ mấy khi, tôi ra ngồi phía sau lều, cuốn màn lên câu cá, có khi đến nửa đêm chưa thôi. Sát vào nhà lều có một cái bãi vào độ một mẫu đất, nổi lên trên mặt nước. Trên bãi có vài cái má khách đã lâu ngày lắm. Chen vào đám cỏ rậm, có một con chó đá ngồi yên lặng như để canh giữ lấy cỏ lãng. Họ đồn rằng trước Tàu có phong thần để giữ của ở đây. Những hòn đá rải rác bên mộ, con chó đá ngồi trơ trơ, những hốc tối, những con rắn bò trong đám cỏ dưới ánh trăng mờ mờ, trông thấy dấu người có bạo đến đâu cũng kinh khiếp.

Một hôm chỉ có một mình tôi ở ngoài lều ; đứa con cả tôi vì bận chút việc phải về nhà. Hôm ấy tôi ngồi câu đến khuya lắm, trời vẫn lặng lẽ như

thường không có sự gì lạ cả. Vào độ nửa đêm bỗng nhiên trời tối sầm lại ; trông lên, mây kéo tối đen, không còn một ngôi sao nào. Được một lúc trời mưa xuống như trút nước. Tôi vội cuốn cần câu rồi buông mình vào trong lều, bỗng nghĩ thầm rằng đêm nay gió bão thế này chắc không đứa nào dám chèo thuyền hái trộm hoa. Nghĩ vậy liền đi ngủ, lấy chân đắp kín. Vì gió lọt vào lạnh cả chân tay.

Ngủ một mình trong cái lều nhỏ giữa đầm nước mông mênh vào một hôm mưa to, gió lớn như đêm nay, cứ nghĩ đến cũng đủ sợ rồi. Ngay bên cạnh tôi nằm lại có mấy cái mả khách. Không biết ma khách đêm nay có đến trêu ghẹo mình không. Bụng nghĩ vậy, rồi thi u thi u ngủ lúc nào không biết. Nhưng trí tôi hay nghĩ đến cái mả khách, nên lúc đi ngủ, chiêm bao thấy rất ghê rợn ; ở trong lều như có một cái đuôi sam, động đậy được, bò ở phen rồi tự nhiên rớt ngay xuống trước mặt tôi. Tôi giật mình tỉnh dậy.

Ngoài lều vẫn mưa to, lắng tai nghe chỉ thấy gió ào như sóng bể vỗ vào bờ.

Tôi nhắm mắt sắp ngủ, sau thấy bụng lạnh lạnh và như bị cái gì đè lên, bèn lấy làm nghi, lặng yên, cố sức nghĩ xem vì có gì, rồi lần lần đưa tay lên bụng sờ thấy một vật tròn và nhờn nhờn. Tôi sợ quá run cả người nhưng phải nín hơi không dám cựa quậy. Tôi lấy tay sẽ lật chân lên, thì vừa có một cái chớp sáng rực. Trên bụng, tôi trông thoáng một con rắn bằng cổ tay nằm vắt ngang. Tôi trông thấy không còn hồn vía nào nữa, muốn vùng trở dậy nhưng lại sợ nó cắn. Tôi đợi đến cái chớp thứ hai, rồi giơ tay thật nhanh nắm lấy cổ con rắn đứng ngay dậy. Con rắn giẫy lên mấy cái ngoi ngóp đầu rồi cong đuôi lên châm vào cổ tôi đau quá, nhảy lùi lại một bước, may sao con rắn không nghĩ đến cắn, bò lần theo phen rồi nhân lỗ thùng chui xuống bãi.

Tôi đã thoát khỏi nạn, mà chân tay vẫn run lấy bầy, ngồi thu hình giữa chiếu không dám đắp chân nữa.

Ngoài lều trời tối đen như mực, cơn mưa đã tạnh chỉ thỉnh thoảng còn vài cái chớp rớt lại. Trên bãi tôi trông thoáng có bóng người, không biết ai dám bạo gan, đến đây trong lúc đêm tối tăm này ? Tôi vội lấy tay vạch mình mình trông ra bãi. Một cái chớp nhoáng ở phương xa làm sáng rực cả góc trời. Gần mả khách, tôi trông rõ hai bóng người : một người đứng

còn một người ngồi xuống như đào vật gì đó. Hai cái bóng người ghê gớm dương đào mà làm tôi khiếp đảm.

Một chốc có ánh sáng ngọn đèn bật ra giữa đêm tối, nhờ đấy nên tôi trông thấy hình hai đứa.

Đứa ngồi mặt hung tợn, người to lớn đầy đà. Thằng đứng đưa hai mắt sáng quắc nhìn ra bốn phía, tay giơ đèn soi vào hốc tối, còn mồm thì lầm bầm nói gì tôi không nghe rõ, vì lúc bấy giờ gió thổi còn mạnh lắm.

Chúng thò tay móc ở trong mả ra mấy miếng gỗ nát rồi rút dao cạy sãng, một lúc lâu, thằng cầm đèn thò tay kéo ra một cái hòm gỗ con quần đai sắt chặt chẽ, rồi đưa cho thằng kia cầm. Trong mả dưới ánh sáng ngọn đèn, tôi không thấy một cái xương người nào. Chúng xếp gỗ sãng vào rồi lấp lại như cũ, một thằng đưa mắt về phía lều, hai con mắt sáng quắc ghê gớm như hai mắt con ma. Ngọn đèn tắt ; đêm lại tối đen như thường. Tôi sợ chúng nó đến giết nên không dám đánh tiếng, lặng yên để chúng nó đi khỏi rồi mới về chỗ cũ.

Bỗng tự nhiên tôi thấy rùng mình, sờn óc, tóc gáy dựng ngược lên, tôi nghĩ đến con rắn, đến con rắn lúc nãy nó nằm ngang trên bụng, con rắn ấy chính nó ở dưới mả nó bò lên, chính là thần giữ cửa cho hai thằng khách ấy.

Sáng ngày hôm sau tôi ra ngoài mả thấy vết đào còn mới, ngay bên mả có một cái xác rắn to, vương trên bụi cây.

ANH PHẢI SỐNG

Tác giả : Nhất Linh (xem Tiểu dẫn ở Người quay tơ)

Anh phải sống là tập truyện ngắn in chung với Khái Hưng, do Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, công bố năm 1934. Phần lớn các truyện đều đăng trên Phong hóa và Ngày nay trong các năm 1932-1933.

Chúng tôi chọn trích vào đây truyện Bóng người trên sương mù, một truyện ngắn lãng mạn không hẳn là truyện kỳ, nhưng vẫn gợi được chút ít liên tưởng về sự huyền hoặc trong tâm trạng nhân vật chính.

218. BÓNG NGƯỜI TRÊN SƯƠNG MÙ

Ở ngoài, đêm tối như mực. Trong toa hạng nhì, riêng tôi ngồi đối diện với Trạch, một người bạn cũ, tình cờ gặp vì cùng đi một chuyến xe. Mười năm trước, bạn tôi còn là một người cầm lái xe lửa, cũng hàn vi như tôi ; bây giờ gặp lại nhau trong toa hạng nhì, hai người vô cùng ngạc nhiên và cùng mừng cho nhau.

Lúc nói chuyện, tôi thấy bên cạnh bạn có cái hộp khảm rất đẹp liền cầm lấy xem, rồi tình cờ mở hộp ra ; bạn tôi như có ý không bằng lòng, nhưng vì nể tôi nên không nói gì. Tôi nhìn vào hộp thấy rất lạ : hộp bịt kính, ở trong có một con bướm rất to, hai cánh đã xơ xác. Tôi hỏi bạn :

– Con bướm này vùng tôi thường thấy luôn, quý gì mà anh phải giữ cẩn thận thế này ?

– Vâng, bướm thường, nói cho đúng thì chính là một con ngài, nhưng đối với tôi...

Vừa nói đến đây xe rầm rầm đi qua một cái cầu sắt. Bạn tôi lắng tai nghe rồi nói :

– Xe đi qua cầu N.G. Tôi bắt con bướm chính ở cái cầu này đã mười năm nay...

Thấy bạn có vẻ khác, tôi đoán có chuyện gì, liền hỏi :

– Con bướm này chắc cũng có sự tích gì đây ?

– Vâng, nhưng sự tích buồn... chuyện đã ngoài mười năm : mười năm trước độ anh đi Sài Gòn thì tôi còn là anh cầm lái tàu hỏa. Chính độ ấy tôi chạy con đường này, tình cảnh tôi độ ấy anh đã rõ.

– Cũng như tình cảnh tôi...

– Nhưng có một việc tôi không nói anh hay, là độ ấy tôi có lấy một người vợ, nhưng giấu nhà, giấu mọi người, giấu anh. Chúng tôi sống trong nghèo khổ mà thật lấy làm sung sướng. Nhưng vì cảnh nghèo, vì nhà tôi không quen chịu được kham khổ nên người một ngày một yếu dần.

Về sau nhà tôi bị bệnh nặng mà tôi thì vẫn phải đi làm, không ai trông nom ở nhà. Một đêm nhà tôi yếu quá ngắt người đi mấy lần, mà chính đêm ấy là đêm tôi được ông Chánh cử đi cầm lái chuyến xe riêng chở quan Toàn quyền. Thật là một dịp rất hay cho tôi. Nhưng tôi biết không thể nào đi được, liền kêu với ông Chánh, nói là vợ ốm. Ông Chánh đập bàn, đập ghế, gắt :

– Tôi không biết! Một là mười giờ đêm nay anh phải có mặt ở ga, hai là từ giờ này trở đi, anh đừng bước chân đến đây nữa. Thôi anh ra.

Lời ông Chánh nói quả quyết, tôi phân vân không biết nghĩ ra sao : lúc về nhà ngồi ở đầu giường, nhìn đến vợ mới biết rằng không đi được, dầu có mất việc làm cũng không cần.

Nhà tôi thấy tôi có vẻ lo nghĩ, hỏi duyên cớ vì sao, tôi liền đem việc ấy kể cho nhà tôi nghe. Nhà tôi nghe xong, vẻ mặt tươi hẳn lên, bảo tôi rằng :

– Thế cậu đi chứ! Việc gì phải ngần ngại! Tôi không việc gì đâu, đã thấy đỡ nhiều. Chiều mai về mua cái gì làm quà cho tôi đấy.

– Tôi thấy nhà tôi cười nói vui vẻ, tôi vững tâm, thay quần áo ra ga. Đến ga đúng mười giờ. Nhưng khi cho xe chạy rồi, tôi mới thấy lo, tôi mới biết là tôi liều. Lúc đó, tôi có cái cảm giác lạ lắm : hình như tôi đi thế này, lúc về chắc không nhìn thấy mặt vợ nữa. Tôi cố định trí để cầm máy, nhưng chỉ được một lúc thôi.

Bỗng cả chuyến xe lửa nghiêng về một bên, rồi lắc lư như muốn đổ, Người "ét" của tôi vội bỏ cái xẻng xúc than, nín lấy tôi nói :

– Ô hay! Hôm nay ông làm sao thế ? Chỗ ấy đường cong nguy hiểm thế mà ông không hãm máy. Ông ngủ à ?

Tôi không ngủ nhưng người tuy ở đây mà trí còn nghĩ đến người vợ nằm đợi chết một thân, một mình trong gian nhà nhỏ kia. Mắt tôi hoa lên, mồ hôi ướt đầm cả người.

Xe đi vào khe núi, hết lên cao lại xuống thấp như có vẻ nhọc nhằn. Tôi thò đầu ra cửa, nhìn thẳng trước mặt, nhưng đêm ấy sương mù đầy trời, không nhìn rõ gì cả, chỉ một màu trắng xóa dưới hai cái đèn ở đầu toa.

Bỗng tôi thấy... rõ ràng tôi thấy in trên sương mù một cái hình người đàn bà mặc áo rộng đứng giang tay. Tôi dụi mắt tưởng mình trông hoảng, nhưng không, hình người đàn bà vẫn đấy. Tôi gọi người "ét" lại của toa, bảo anh ta nhìn rồi hỏi :

– Bác có thấy gì không ?

Vừa nói xong hình người vụt biến mất. Bác "ét" thò đầu ra và bảo tôi :

– Chỉ thấy sương mù! Ông lại mê ngủ rồi.

– Không, rõ ràng tôi thấy có hình người đàn bà in trên sương mù nhưng vừa biến mất.

Người "ét" cười ra vẻ không tin, lấy xẻng xúc than cho vào lò, còn tôi vẫn đứng nguyên chỗ cũ dăm dăm nhìn thẳng trước mặt. Được một lát, hình người đàn bà lại hiện ra, lần này rõ ràng hơn, hai tay vẫn giang thẳng như muốn ngăn đường không cho xe chạy lên nữa.

Tôi gọi người "ét" nhưng bác ta làm bộ không nghe thấy, cứ cắm đầu xúc than cho vào lò. Tôi biết tôi không mê, tôi biết là cái hình người ấy có thật, mà ai nhìn cũng phải thấy. Tôi đến cầm tay bác "ét" kéo bác ra xem rồi bảo, cá quyết :

– Nhìn xem!

Bác ta há mồm giương to đôi mắt, hốt hoảng nói :

– Là thật!... Ma ông ạ!

Xe tiến đến đâu, cả hình người lui đến đấy, có lúc mờ, có lúc rõ, lơ lửng giữa lưng chừng trời.

Rồi cái hình người ấy vẫy hai tay một cách thông thả, như có ý bảo chúng tôi đừng tiến lên nữa, có sự gì nguy hiểm.

Tôi bảo bác "ét" :

– Bác này, có sự gì lạ sắp xảy ra.

– Vâng, sao cái hình ấy lại như lấy tay làm hiệu bảo ta dừng lại.

Cái hình người trước còn vẫy tay thông thả, sau vẫy thật nhanh như người tỏ ra ý thất vọng vì bảo chúng tôi mà chúng tôi không nghe.

– Hay ta dừng lại xem sao chắc là ma!

– Không được, tự nhiên vô cớ.

Còn tôi bấy giờ hai tai ù như người mất trí khôn : tôi văng vẳng nghe có tiếng người ở thật xa đưa lại, tiếng một người đàn bà bảo tôi :

– Đồ lại, đồ lại!

Tôi lắng tai, tay nắm chặt lấy cái "phanh" như định hãm rồi không dám hãm.

Một lát, tôi lại nghe tiếng người đàn bà, rõ hơn lần trước, giục tôi :

– Hãm lại, hãm lại ngay!

Lúc bấy giờ tôi không biết gì nữa, nhắm mắt hãm phanh lại thật mạnh. Các toa rung một cái, bánh xe kêu rít lên trong đêm thanh vắng. Xe chạy từ từ một quãng rồi đỗ hẳn. Tôi chưa kịp bước xuống, đã thấy người "xếp tanh" cầm đèn chạy lên hỏi :

– Việc gì thế ?

Tôi lưỡng cuống không biết trả lời làm sao, vì nói thật ai tin mình. Tôi trả lời một cách mập mờ :

– Chắc có sự gì lạ. Để tôi cầm đèn đi xem đã.

Lúc bấy giờ mấy ông quan hầu quan Toàn quyền cũng vừa đến, rồi thấy lạ, đi theo chúng tôi. Vừa đi được một quãng thì nghe trước mặt có tiếng nước chảy ầm ầm. Tôi định tâm mới nhớ ra rằng đó là cầu N.G.

Mấy đêm ấy mưa lũ, nước chảy xiết, nên mới réo to như vậy. Đến bờ sông, giơ đèn lên soi mấy người đều kinh hoàng : cái cầu N.G. bị nước nguồn chảy về xoáy gây làm đôi.

Một ít nữa, nếu không hãm kịp thì cả một chuyến xe riêng chở quan Toàn quyền đâm nhào xuống sông sâu, chắc không sống sót một ai ; tưởng không có cái tai nạn nào ghê gớm hơn, thế mà chính vì tôi nên mới không có cái tai nạn ấy. Tôi đứng ngẩn người, không hiểu ra sao cả.

Người "xếp tanh" mừng cuống quýt, hỏi tôi :

– Sao ông biết mà hãm ?

– Tôi cũng không hiểu.

Mấy người quan hầu có vẻ mừng lộ ra mặt, xúm xít quanh tôi hỏi dồn, tôi không trả lời ra sao. Một lát, mọi người đứng giãn ra, quan Toàn quyền đến ; ngài không nê tôi là người lao động, trong lúc mừng quá, ngài giơ tay bắt tay tôi, cái bàn tay đầy bụi than, rồi ngài tỏ lời khen.

Tôi chắc rồi sau thế nào cũng được trọng thưởng, nhưng trọng thưởng lúc đó đối với tôi cũng như không, tôi chỉ nghĩ đến nhà tôi ở nhà, không biết ra sao. Tôi đi trở lại và thoáng thấy con gù bám ở cái đèn ở đầu toa. Nhìn kỹ thì ra là một con bướm thật to, vướng vào đèn, đang đập cánh để tìm đường thoát. Chính là con bướm trong cái hộp này đây.

Trông thấy con bướm tôi thốt nghĩ ra ngay. Chính phải rồi, chính cái hình người đàn bà lúc này là cái bóng con bướm này in lên trên sương mù, đầu con bướm là đầu hình người, mà hai cánh con bướm đập là hai cái tay người vậy.

Tôi bắt con bướm rồi định thả cho nó bay đi ; sau nghĩ con bướm này đã giúp mình được việc, nên giữ lại làm kỷ niệm. Tôi nhìn vào đồng hồ trong toa, thấy kim chỉ đúng hai giờ đêm...

Hôm sau tôi vừa về tới cổng nhà thì thằng nhỏ chạy ra báo tin nhà tôi mất, mất vào quãng một giờ đêm hôm qua.

Tôi không hay tin nhầm ; tôi chắc đó chỉ là một sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên, nhưng tôi vẫn yên trí rằng linh hồn nhà tôi đã nhập vào con bướm này để phù hộ cho tôi tránh được cái tai nạn đêm hôm ấy. Nhưng tránh được cái tai nạn mà làm gì, tôi thoát được thân tôi mà làm gì, giàu sang phú quý bây giờ đối với tôi như không, tôi cũng chỉ như con bướm này, xác đây mà hồn tạt đâu đâu...

Bạn tôi kể xong câu chuyện, đẩy cái hộp khảm lại rồi thần thờ nói :

– Bây giờ chỉ còn lại cái xác bướm không hồn!

HAI BUỔI CHIỀU VÀNG

Tác giả : Nhất Linh (xem Tiểu dẫn ở Người quay tơ).

Hai buổi chiều vàng gồm 1 truyện vừa và 5 truyện ngắn, do Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, công bố năm 1937, phần lớn tập hợp các tác phẩm của Nhất Linh đã đăng trên Ngày nay. Trong số 6 truyện, có 2 truyện mang màu sắc truyền kỳ là Câu chuyện mơ trong giấc mộng và Lan rừng, nhưng thủ pháp truyền kỳ ở Lan rừng đậm hơn và cũng có thể nói là gần với truyền kỳ cổ điển hơn hẳn các loại truyện truyền kỳ hiện đại đương thời. Vì thế, ở đây chúng tôi chọn truyện Lan rừng.

219. LAN RỪNG

Quang xuống xe rồi vào một cái nhà ở đầu phố để hỏi thăm đường đi Bản Lang và để thuê ngựa. Người cho thuê ngựa hỏi :

– Ông vào nhà ai trong đó ?

– Vào nhà ông Vi Văn Hoài. Đường vào đấy có xa lắm không ?

– Độ mười cây số thôi. Nhưng ông phải đi ngay kẻo trời tối mất. Để tôi lấy con ngựa thật khỏe ông đi cho chóng. Ông vào trong ông Hoài thì tôi không cần cho người đi theo giắt ngựa về, khi nào ra, ông đem ngựa lại trả tôi cũng được.

Rồi người cho thuê ngựa chỉ tay về phía một con đường lên dốc, bảo Quang :

– Ông cứ đi theo con đường đó. Đến một cái chùa đã đổ nát, thì ông rẽ sang bên tay phải, rồi đi thẳng, khi nào đến một cái cầu gỗ là đến Bản Lang.

Lên hết chỗ dốc Quang cho ngựa chạy phóng để kịp đến trước khi tối trời.

*

* *

Đi vài cây số gặp một cái chùa đổ nát, chàng theo lời người cho thuê ngựa rẽ về bên tay phải, rồi lại cho ngựa phóng. Nhưng đi được ít lâu, chàng có cái cảm tưởng là lạ rằng con đường đang theo không phải là đường về Bản Lang, tuy chưa lần nào chàng về Bản Lang cả. Chàng tự cho mình nghĩ thế là vô lý, rồi cứ cắm đầu quất ngựa.

Đi đã lâu lắm, đáng lẽ phải tới nơi rồi, mà vẫn chưa thấy cái cầu gỗ. Chàng nhìn ra không có một cái nhà nào để có thể hỏi thăm được. Xung

quanh chỉ toàn rừng già ; những cây cao vót, ngọn nghiêng ngả, rào rào trước ngọn gió chiều vừa bắt đầu nổi lên. Chàng thấy rợn rợn, sợ hãi trước cảnh non cao rừng cả, nhưng vẫn quất ngựa cho phóng nước đại, tiến lên.

Đường thấy khó đi dần. Hai bên toàn là một thứ cỏ cao, hoa trắng như bạc, lá nhọn và sắc. Sương chiều dần dần tỏa xuống Quang phải cho ngựa đi từ từ, vì cách năm thước không nom thấy rõ đường.

Bỗng chàng ghì ngựa lại, lắng tai, mừng rỡ. Trong sương, chàng nghe rõ có tiếng người, tiếng thanh thanh của một người con gái :

– Có ai cưỡi ngựa trắng đi trên đường.

Quang cất tiếng hỏi :

– Ai đấy ?

Thấy có tiếng động ở sau lưng, Quang quay nhìn lại. Một người con gái Thổ vai gánh hai cái giỏ, đi với một đứa bé con tiến đến phía chàng.

– Đến Bản Lang còn xa không có ?

Quang vừa hỏi vừa nhìn cô gái Thổ và để ý đến nước da trắng và đôi mắt đen của cô bé. Chàng lấy làm lạ rằng cái sợ hãi lúc nãy đã biến đâu mất và tui then rằng mình được yên tâm như thế là nhờ ở một cô gái yếu ớt.

Quang nhắc lại câu hỏi :

– Đến Bản Lang còn xa không, có ?

Người con gái thản nhiên đáp :

– Ông đi nhầm đường rồi.

Quang buột mồm kêu :

– Bây giờ làm thế nào ?

Chàng toan quay ngựa thì cô gái Thổ như đoán được ý chàng, nói :

– Ông không quay được nữa đâu.

– Nhưng mà đêm nay có trăng.

– Có trăng, nhưng nhiều sương không nom thấy rõ đường.

Thấy Quang lưỡng lự, cô gái Thổ nói tiếp :

– Vả lại ông phải đi qua một cái rừng có nhiều hổ.

Cô con gái quay lại vẫy đứa em :

– Chúng mình về đi thôi, kéo ở nhà mong.

Quang không muốn quay lại nữa, hỏi cô bé :

- Nhà cô ở gần hay xa ?
- Gần đây.
- Tôi muốn về nhà cô có được không ?

Cô gái Thổ vừa đi vừa nói :

- Ông cứ về.

Quang nhảy xuống ngựa, rồi yên lặng rẽ cỏ đi theo hai chị em cô Thổ.

Chàng tưởng mình đi trong một thế giới huyền ảo vì chung quanh chàng chỉ có một màu sương trắng mờ dưới ánh trăng.

Đi khỏi mấy khóm cây, bỗng chàng nghe thấy một tiếng gì ở xa, ồn ào như tiếng họp chợ.

- Tiếng gì thế cô ?
- Tiếng thác, thác Linh Hai ở gần nhà em.

*

* *

Vì trời không lạnh lắm, nên Quang bảo cô gái Thổ cho mượn cái chiếu để chàng nằm ngủ ngoài sân sần. Chàng vừa ăn cơm no, và uống ít rượu nên thấy trong người dễ chịu, khoan khoái. Bữa cơm chỉ có một đĩa chả trứng và một bát canh măng mai, nhưng chàng ăn rất ngon miệng ; xưa nay chàng không thích rượu, mà bữa cơm ấy chàng cũng uống nổi hai chén, vì rượu đó chàng thấy có một hương riêng phảng phất như hương lan. Cha mẹ cô gái Thổ đối với chàng rất là ân cần. Chàng mừng rằng lỡ đường lại gặp được một gia đình tử tế như vậy, và nhất là được gặp một cô gái Thổ xinh đẹp. Chàng mỉm cười, sung sướng, đánh diêm châm thuốc lá hút và đợi cô gái Thổ mang chiếu ra để được nhìn lại nét mặt cô dưới bóng trăng. Giải chiếu xong, chàng nằm một lát rồi ngủ thiếp đi.

Lúc Quang thức dậy thì trăng đã lên cao, sương đã tan hết. Trời trong lắm, nên những ngọn núi trông như ở sát ngay cạnh nhà, mấy giải rừng đen trên ngọn núi in rõ nền trời đầy sao.

Nghe có tiếng dẹt vài sau nhà, Quang tìm đến chỗ dẹt vài định xin nước uống và nhất là để gặp mặt cô gái Thổ, vì chàng chắc rằng chính cô đang ngồi dẹt vài.

Cô gái Thổ ngừng thoi, mỉm cười, nhìn Quang hỏi :

– Ông chưa đi ngủ ?

Quang hỏi lại :

– Thế cô cũng chưa đi ngủ.

– Em còn dệt vải.

– Còn tôi thì khát nước, nên không ngủ được.

Cô gái Thổ lại cúi xuống bắt đầu dệt.

– Ông ra suối mà uống.

– Tôi sợ lắm, sợ hổ nó ăn thịt.

Cô gái Thổ bật cười. Quang thấy hết cả gương mặt, chàng tiến lại đứng sát bên khung dệt, hỏi :

– Tên cô em là gì ?

– Tên em là Sao.

Quang mỉm cười :

– Thảo nào mà cô đẹp như sao trên trời.

Cô Sao ngáy thơ đáp :

– Em chẳng đẹp.

Nhưng câu đó cô ra nói bằng một thứ giọng cố làm ra nũng nịu, và vừa nói vừa đưa mắt nhìn Quang một cách tinh nghịch.

Bỗng Quang thấy thoảng qua một cơn gió thơm ngát mùi hoa, và ngay lúc đó Quang nhận thấy nét mặt cô gái Thổ tươi lên bội phần. Nàng nói :

– Nửa đêm rồi.

Quang lấy đồng hồ xem thì kim chỉ đúng mười hai giờ. Chàng ngạc nhiên hỏi :

– Sao cô biết đúng thế ?

– Vì hoa lan nở. Ông không ngửi thấy mùi thơm à ?

– Có, nhưng mà lan gì vậy ?

– Hoa lan rừng, nở đúng nửa đêm.

Cô Sao đặt thoi xuống, rồi nhìn thẳng vào mặt Quang, nói :

– Ông có đi chơi rừng không... đi xem lan nở, và nhân tiện em đưa ông ra suối uống nước.

Quang thấy một cô gái rủ mình đi chơi rừng đêm, lấy làm ngạc nhiên vô cùng, song chàng nghĩ rằng người đường rừng có tính tự nhiên, chất phác, nên sự đó, họ cho là thường chẳng.

Quang để cô gái Thổ đi trước mình một ít. Qua mấy thửa ruộng ngô non, hai người đến một cái khe suối, nước chảy lấp lánh như bạc sau những ngọn cỏ đen.

Quang hỏi :

– Nước này uống có sợ sốt rét không cô ?

– Không sao. Ngày nào em cũng uống. Ông trông người em tươi tắn thế này thì đủ biết.

Quang bạo dạn tiến lên trước rồi quay lại cúi nhìn vào tận mặt cô Thổ, mỉm cười nói đùa :

– Thử xem mặt cô Sao có tươi tắn thật không nào.

Chàng đứng lặng nhìn không chớp mắt : màu da cô Thổ dưới bóng trăng, chàng trông trắng mát như màu một cành hoa phong lan và đôi mắt đen phẳng phất như hai chấm đen trên cành hoa. Bỗng Quang thấy một thứ hương thơm thoảng qua, cũng một thứ hương thơm như ban nãy.

Cô Sao nói :

– Ở bên suối đây có một cây lan. Cây này ít khi có hoa lắm. Nếu có thì chỉ nở một cái hoa là cùng. Ông muốn xem ?

Quang lấy làm lạ : chàng ví mặt cô Thổ với hoa lan thì cô ấy đột nhiên nói đến hoa lan như đã đọc được ý nghĩ của chàng.

Nhìn theo phía ngón tay trỏ của cô Thổ, Quang thấy một bông hoa trắng na ná như một bông huệ to, nhưng hai cành phía trên có hai chấm đen như mực. Thật là một thứ hoa lạ, chàng chưa được thấy bao giờ.

Quang tiến lên toan ngắt, thì cô Thổ vể mặt sợ hãi giơ hai tay giữ lấy tay Quang :

– Em xin ông. Chỉ có mỗi một cây này gần nhà, em quý lắm. Chốc nữa vào rừng vô số, ông tha hồ bẻ... Ông uống nước, rồi ta đi.

Quang cúi rạp xuống mặt suối uống nước và tưởng mình lúc đó như một con hổ đang uống bóng trăng.

Lúc ngừng lên, chàng để ý đến một vật gì trắng trắng ở giữa dòng suối. Nhìn kỹ thì là một hòn đá. Hòn đá ấy, kỳ lạ thay, Quang thấy phẳng phất

giống hình một cái vai của người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước. Chàng lại thấy hòn đá ấy như có vẻ sống nữa. Chàng bảo cô Thổ :

– Trông hòn đá như vai người con gái, cô Sao ạ.

Cô Thổ cười bảo đùa Quang :

– Sao ông không đánh thức cô ta dậy để cùng vào rừng chơi... Nhưng mà cô ta còn mái tắm, chúng mình đi thôi.

Chữ "chúng mình" Quang thấy cô Thổ nói một cách thân mật, âu yếm. Lúc đó chàng cũng bắt đầu coi cô Thổ như một người tình nhân quen biết đã từ lâu. Chàng nắm lấy tay cô Thổ, nói :

– Chúng mình cùng nhảy qua suối nào.

Lúc qua bên kia bờ suối, Quang hỏi cô bạn :

– Sao tay em lạnh thế em ?

– Lúc này em vừa rửa tay ở nước suối.

Quang không để ý nên không biết là cô Thổ vừa nói dối chàng.

Hai người đi qua một bãi cỏ, rồi vào một cái rừng thưa. Bóng cành cây in trên đất, trên áo hai người lại càng làm tăng vẻ sáng của đêm trăng. Cô Thổ nói :

– Qua một cái rừng nữa thì đến chỗ lan nở.

Hai người đi vào bóng tối đen của rừng già. Quang có cái cảm tưởng như người vừa ở ngoài nắng vào trong rợp, chàng hơi sợ, nắm chặt lấy tay cô Thổ.

Đi khỏi một cái dốc, chàng thấy hiện ra ở trước mặt một mảng trắng xóa dưới bóng trăng.

– Rừng lan.

Cô Sao mừng rỡ vừa nói vừa kéo tay Quang chạy vào trong đám hoa. Hương thơm ngát. Quang thấy đầu óc choáng váng ; chàng mơ màng thấy cô Thổ kéo mình ngồi xuống giữa rừng lan. Chàng lắc đầu dụi mắt để cố nhìn cho rõ, nhưng không thể được. Trong lúc bàng hoàng, chàng thấy hình như tất cả những bông hoa trong rừng đều ngả cả về phía chàng, những bông hoa mềm và mát rung rinh bên má chàng như mơn man, ve vuốt...

... Lúc chàng mở mắt ra chàng thấy mình nằm ở trên cỏ, chung quanh chỗ nằm, những bông lau đều ngả dẹp xuống đất. Chàng thấy có bóng đen che khuất ánh trăng, liền quay đầu nhìn lại : cô Thổ đứng bên cạnh chàng, tay cầm bó lá to, mỉm cười.

– Sao ông ngủ say thế. Em đánh thức mãi, ông mới tỉnh.

Quang ngạc nhiên :

– Tôi vừa ngủ ? Thế mà tôi không biết đấy.

Ngắm nghĩ một lát, chàng nói tiếp :

– Có lẽ không phải tôi ngủ đâu, vì say hương lan, nên thiếp đi một lúc đấy.

Quang nhìn cô Thổ một lúc rồi trong lòng sinh ra một mối nghi : hay cô con gái này không phải là người. Chàng vừa sợ vừa hỏi :

– Sao đầu tóc cô rối bời thế ?

– Vì em phải chui qua bụi rậm để bẻ trộm ngô.

Cô Thổ vút xuống bên cạnh Quang một bó ngô.

– Ông có diêm không để nướng ngô ăn ?

– Không, tôi không mang diêm theo.

– Thế thì đi về đi, ông đi. Về nhà ăn ngô, em đói lắm.

Nghe tiếng cô Thổ nói, và trông điệu bộ, Quang lại thấy hết cả nghi ngờ.

Lạ nhất là đêm khuya ở giữa rừng có mỗi một mình mình với một cô con gái yếu ớt mà chàng không thấy có cái ham muốn của một người con trai khi gần người con gái. Chàng lại có cảm tưởng mà chàng cho là vô lý là người con gái ấy đã thuộc về chàng rồi.

Cô Thổ bảo Quang :

– Bây giờ ông muốn hái hoa thì tha hồ hái. Em không cấm nữa đâu.

Quang đứng dậy thấy trong người mỗi một lạ thường. Chàng không thiết hái hoa nữa ; chàng chỉ muốn về ngay vì không chịu nổi hương lan thơm một cách hắc quá.

– Về đi, cô Sao.

*

* *

Sáng hôm sau thức dậy, Quang nhìn phong cảnh chung quanh không thấy có vẻ huyền ảo như đêm qua nữa. Cô Thổ bung ra một bát cháo nóng mời chàng một cách thân mật :

– Ông xơi cháo.

Quang dăm dăm nhìn cô Thổ. Dưới ánh sáng mặt trời, chàng thấy cô Thổ có cái vẻ đẹp hồng hào của một người con gái khỏe mạnh.

Ăn cháo xong Quang xin đi một cách vội vàng. Chàng chỉ mong đến nhà ông Vi Văn Hoài thu xếp cho chóng xong công việc, khi về chàng sẽ rẽ qua đây.

Quang nhìn cô Thổ :

– Đến mai xong công việc, đi qua đây tôi sẽ rẽ vào thăm cô.

Cô Thổ gật :

– Để em tiễn ông ra khỏi rừng, sợ ông lạc đường.

Quang giắt ngựa đi theo cô Thổ. Đi qua một cái suối, Quang hỏi :

– Hòn đá trắng đêm qua đâu mất rồi ?

Cô Thổ đáp :

– Ở về phía sau nhà em cơ. Rừng lan cũng ở về phía ấy.

Bỗng Quang thấy trước mặt sương dày đặc như khói. Cô Thổ bảo :

– Đây là khe núi, sáng nào cũng có sương. Phải quen đường mới đi qua được... Vì thế em mới phải tiễn ông ra tận đây.

Ra khỏi chỗ sương, Quang nhảy lên ngựa từ biệt cô Thổ.

Ngựa đi được mười bước, Quang quay đầu nhìn lại vẫn thấy cô Thổ đứng trong sương mù nhìn theo. Quang giơ tay nói to :

– Đến mai...

Lúc lên tới đường cái, Quang để ý đến hai cây chò lên cao vút như hai cái cột quét vôi trắng.

*

* *

Hôm trước, Quang đã lầm đường vì người cho thuê ngựa quên không nói rõ cho chàng biết rằng : dọc đường, trước khi đến cái chùa đỏ, có một cái miếu cũng đỏ nát.

Quang mới đến cái miếu đã rẽ về bên tay phải. Chàng không trách gì người cho thuê ngựa, vì sự lầm đường ấy đã cho chàng được biết một cảnh thú vị.

Chiều hôm sau ở nhà ông Hoài ra, chàng cho ngựa phóng hết sức mau, vì chàng nóng lòng được gặp mặt cô Thổ. Đến cái miếu đỏ nát, chàng rẽ về tay trái, rồi cứ đi mãi vào trong. Gặp hai cây chò, chàng cho ngựa đi rẽ xuống.

Chàng lần theo vết cũ, rẽ cỏ đi được ít lâu thì đến cái thung lũng có nhà cô Thổ. Chàng cho ngựa nhảy qua cái suối hôm nọ, nhưng lúc ngừng lên nhìn thì, bỗng chàng biến sắc mặt, nắm chặt lấy dây cương, mắt mở to nhìn thẳng về phía trước ; ở chỗ đất mà chàng chắc là có cái nhà của cô Thổ, thì không có cái nhà nào cả. Đấy chỉ là một bãi cỏ.

Chàng nghĩ mình lầm đường và cho rằng tại cảnh đường rừng phần nhiều hay giống nhau. Chàng tiến ngựa lên trên bãi cỏ không thấy một dấu vết gì có thể chứng rằng ở chỗ ấy mới hôm qua đây còn có người ở, còn có nhà cửa.

Chàng lắng tai nghe : xa xa có tiếng thác chảy. Chàng lăm bắm :

– Rõ tiếng thác Linh Hai!

Chàng cho ngựa xuống và đi men theo dòng suối. Bỗng chàng ghi cương ngựa lại : sau đám cỏ chàng trông thoáng thấy một vật trắng trắng. Chàng nhảy xuống ngựa đến gần xem thì đó là một hòn đá trắng ; chàng kinh ngạc thấy hòn đá đó trông phẳng phất giống hòn đá gần nhà cô Thổ, nghĩa là cũng giống hình như một cái vai của một người con gái trắng trẻo nằm dưới làn nước.

Quang lúc đó tưởng mình đang mê ngủ. Chàng muốn định thần trí lại để cố nghĩ cho hiểu sự lạ lùng ấy, nhưng không thể được. Hòn đá chàng thấy như có vẻ sống và dưới ánh sáng mặt trời chàng trông rõ một tia đỏ chạy ngang hòn đá như một tia máu.

Chàng cúi xuống giơ hai tay mức nước để rửa mặt cho tỉnh. Nước suối lạnh làm chàng rùng cả mình mảy. Bỗng chàng thấy- rõ ràng chàng thấy- bên cạnh bóng mặt chàng in xuống đáy nước có bóng mặt một người khác nữa, mặt một người con gái Thổ chàng trông phẳng phất giống cô Sao.

Chàng rợn người, đứng thẳng lên, nhìn quay lại thì không có ai cả. Chỉ có con ngựa của chàng đứng sau đang rút cỏ ăn. Thoảng thấy hương lan, chàng nhìn quanh quẩn. Lúc ngừng lên, chàng thấy ở ngay trên đầu có một bóng lan, hoa trắng nuột, cành điểm hai chấm đen... bông lan rừng.

Quang toan giơ tay hái bông hoa, nhưng có một nỗi sợ vô cớ làm ngừng tay chàng lại. Văng vẳng bên tai chàng tưởng như nghe thấy tiếng cô Sao nói với chàng đêm hôm trước :

– Em xin ông, chỉ có một cây này gần nhà, em quý lắm.

*

* *

Lúc ra đến ngoài đường cái, Quang đợi mãi mới gặp được một người Thổ kiểm củi đi qua. Chàng gọi lại hỏi :

– Ở trong kia có nhà ai ở không ?

Người Thổ đáp :

– Quanh đây không có nhà ai ở cả. Ai dám ở đây. Nhiều hổ lắm.

Quang bảo người Thổ lắng tai nghe tiếng thác rồi hỏi :

– Có phải thác Linh Hai đó không ?

Người Thổ ngạc nhiên không hiểu :

– Thác Linh Hai ? Linh Hai ?...

Không phải, đây là thác Na Pang. Ở khắp châu này không có thác Linh Hai.

*

* *

Mấy hôm sau, người cho thuê ngựa thấy Quang sáng nào cũng đến thuê ngựa rồi cứ chiều tối mới đem ngựa về trả.

Bẵng đi mấy tháng, người cho thuê ngựa lại thấy Quang đến, nhưng lần này chiều không thấy đem ngựa về. Ngày hôm sau cũng không thấy bóng ông khách thuê ngựa đâu. Nửa đêm nghe tiếng động ở cửa, người cho thuê ngựa đem đèn ra soi thì thấy con ngựa của mình đứng bên giậu, hục hặc tìm lối vào.

Trên lưng ngựa, yên còn đóng nguyên, mà người thuê không thấy đâu cả.

BA HỘI KINH DỊ

*Tác giả : **Thế Lữ** (6.X.1907 - 3.X.1989). Tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, một bút danh khác nữa là Lê Ta, quê làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Sinh trong một gia đình viên chức nhỏ. Sống ở Lạng Sơn từ nhỏ, đến năm 11 tuổi thì xuống Hải Phòng học. 1928 học xong bậc Thành chung, vào học Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, một năm sau bỏ học. 1932 gia nhập Tự lực văn đoàn, viết nhiều cho các báo Phong hóa, Ngày nay. Từ 1937, làm diễn viên, đạo diễn trong các nhóm Tinh hoa, Ban kịch Thế Lữ, Ban kịch Anh Vũ. Kháng chiến chống Pháp, ông lên Việt Bắc, là Ủy viên thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, chỉ đạo nghệ thuật Đoàn sân khấu Việt Nam, sau phụ trách Đoàn kịch Chiến thắng (quân đội), chỉ đạo nghệ thuật Đoàn văn công trung ương. Từ 1957, từng là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Những năm cuối đời, sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

Tác phẩm truyện và thơ :

- Ba hội kinh dị
- Trại Bỏ Tùng Linh (Hà Nội, 1930)
- Vàng và máu (Hà Nội, 1934)
- Mấy văn thơ (Hà Nội, 1935)
- Bên đường thiên lôi (Hà Nội, 1936)
- Lê Phong phóng viên (Hà Nội, 1937)
- Đòn hẹn (Hà Nội, 1939)
- Mấy văn thơ, tập mới (Hà Nội, 1940)

- Gối thuốc lá (*Hà Nội, 1940*)
- Gió trắng ngàn (*Hà Nội, 1941*)
- Con quỷ truyền kiếp
- Bóng ma trong gương

Ba hồi kinh dị gồm 3 truyện : Một truyện ghê gớm, Những tiếng nói thầm và Tiếng hú ban đêm, sáng tác trước 1930. Sáu năm sau, tác giả sửa chữa lại và mới công nhận là sản phẩm đích thực của mình. Dưới đây chúng tôi chọn 2 truyện lấy từ bản in của Nhà xuất bản Đại La, năm 1945, xem như một trong những tác phẩm mở đầu cho dòng truyện phóng truyền kỳ bằng tiếng Việt ở thế kỷ XX.

220. MỘT TRUYỆN GHÊ GÓM

– Phái, thực là truyện ghê gớm, truyện dị thường mà ghê gớm nhất là vì có thật, không huyền hồ như những truyện cổ tích yêu quái ta thường nghe kể lại hay thường đọc thấy trong những tập truyền kỳ.

Ông cụ ngồi tiếp chuyện mấy ông khách người làng, ngừng lại để rót thêm nước. Trên khuôn mặt răn rỏi, dăm dăm một vẻ trang trọng ưu tư. Hút tàn môi thuốc lào, uống cạn bát chè tươi, ông hắng giọng rồi lại nói :

– Tôi bình sinh biết đã nhiều truyện kỳ dị mà không hề có thấy kinh lạ sợ hãi, vì mình đã biết trước là những điều hoang đường không đáng tin. Nhưng đến câu chuyện này thì lại khác. Chính tôi phải một phen hút chết ở câu chuyện này đây. Các ông ạ, mỗi lần một bóng một mình, trong lúc đêm khuya mưa gió sục sùi, mà nghe thấy tiếng ễnh ương nó ỳ oặc, tiếng ếch nhái nó nghiêng răng bốn bề, tôi lại nhớ ngay đến chuyện trước. Bền tai như vang những tiếng người chết nó cười, nó kéo từng đoàn từng lũ đến đầu giường tôi nằm mà tranh nhau nguyền rủa tôi. Cố tình quên cũng không thể được ! Tôi đã trải một bước nguy hiểm quá, phải một phen khiếp sợ thái quá, hầu như lạc mất hồn vía, còn sống lại chỉ như để mà nhớ mãi, tâm trí như cái kho tích chứa bao điều quái gở đã qua.

Năm Minh Mệnh thứ sáu⁽¹⁾, tôi hồng kỳ thi Hội lần thứ ba. Bấy giờ tuy mới hai mươi hai tuổi nhưng khí khái càng mạnh thì thất vọng càng sâu, uất cho phận mình lại càng khinh những tài học non nớt mà gặp vận. Ba kỳ thi lạc đệ⁽²⁾, nhà lại nghèo thêm, sinh ra chán ghét đường công danh, lấy cớ không đủ lực theo đuổi khóa sau mà coi rẻ việc đèn sách. Nhân văn

(1) *Minh Mệnh thứ sáu* : tức năm 1825.

(2) *Lạc đệ* : thi trượt.

tập tành mấy ngón võ nghệ, sở đắc về đường quyền kiếm cũng không đến nổi thiếu kém, nên cái lòng ưa mạo hiểm bốn phương được thể ngày một thêm hào hùng. Tôi bèn quyết chí bỏ làng, viết một bài ca từ gửi cho mấy người trong chỗ thân bằng gọi là đáp lại những lời khuyên can, mà cũng để từ biệt hẳn cái đời văn chương kinh sử.

Rồi "Bán kiên hành lý nhất thân khinh"⁽¹⁾, cuộc đời giang hồ kẻ lăm bước gian truân nhưng cũng đem lại cho mình nhiều cái thú đột ngột.

Hồi đó, mấy khúc trường hành của tôi, làm từ ngày còn ham mê đường khoa hoạn, vẫn được cái may là gọi hào hứng những bạn tri kỷ không quen biết ở nhiều nơi. Vì thế mà có được những cuộc gặp gỡ thực bất ngờ, nhân mới nhận ra rằng mỗi bước đường đi lại khiến mình sợ hãi thay cho cái lúc do dự toan ở lại nơi quê quán. Mỗi bước đường đi, lòng được quyến luyến thêm một cảnh lạ người mới, trí được phong phú thêm những tư tưởng đậm thắm, những kinh nghiệm không thường.

Nay đó mai đây, khi lưu liên hàng năm ở một miền sơn thôn bình tịch, khi thì ngày ngày lặn lội qua những miền thâm u thưa vắng bóng người. Bất cứ ở đâu dù xa xôi hiểm trở đến đâu cũng mặc, hễ nghe tiếng có bạc ân sĩ hay có tay võ nghệ cao siêu thì thế nào tôi cũng phải tìm gặp. Đó là hữu ý mà đến, nhưng cũng có những phen tình cờ. Một lần người ta chỉ lăm đường, tôi lạc vào sào huyết của một bọn cường khấu. Ngót nửa năm trời, mình phải làm một hảo hán bất đắc dĩ, qua được những tai nguy là nhờ có phần quyền thuật đã thêm vững chãi, mà trốn thoát được cuộc đời hung bạo ấy lại là nhờ ở phần mưu trí nhà nho. Kể cái hồi gian hiểm sống chung với bọn cướp rừng này cũng lắm chạng ly kỳ. Nhưng so với câu chuyện dưới đây thì cái tính mệnh của tôi lần trước chỉ như mới vướng bụi gai, còn lần sau thực như sa vào cạm ác thú.

Cũng vì cái tai tiếng là đã đi với kẻ cướp mà tôi không ở yên được một chỗ. Người đời đã hay nghi kỵ, lại nhân cái tính tình phóng lãng của mình không hợp với thói lệ thường ngày, ác cảm dễ sinh, rồi do thế, một lời đắc ý ngang tàng hóa thành những lời vớng ngao. Tôi đang ngồi dạy lũ trẻ ở nhà một người riêng có bụng mến mình thì được tin có trát nã gấp. Một ông bạn tâm phúc đến bảo mình rằng những bài ca từ của tôi súc tích những ý phạm thượng, mà cái hình trạng phản nghịch đã lộ rõ ở thái độ của

(1) "Bán kiên hành lý nhất thân khinh" : Nửa vai hành lý, một tấm thân ngang dọc nhẹ nhàng.

tôi, ở cuộc đời tôi nhất là hồi gần đây tôi "đã từng giao thông với quân giặc cướp". Tôi biết trước, một án cữu như thế chỉ có một hình pháp, mà những người đã kết án, tôi lại biết là một vài người đồng học với tôi trước kia... Tìm cách minh oan tức là làm việc tôi vô ích. Tôi chỉ còn một kế là lại đi. Bước giang hồ chỉ như mở rộng thêm, xa thêm. Chỉ khác là cuộc đời lữ thứ của tôi từ đó lại canh cánh một nghĩa nữa là đời phóng trục. Mình tự phóng trục mình, một đi là không hẹn ngày về.

Tôi theo đường tắt qua Lạng Giang. Ở Yên Thế ít ngày, rồi đi ngược sâu mãi vào trong cảnh sơn lâm, đổi họ đổi tên, nhưng tính danh dù để nguyên cũng vô hại. Bọn Nùng, Thổ man đã ở các nơi tôi đến trú ngụ là những người chất phác, tôi có đem hết nỗi bất hạnh của mình nói thực ra họ cũng vẫn quý mình như lúc họ mới biết.

Sống chung với người sơn dã quen phong tục, thuộc ngôn ngữ, tôi dần dần cũng thấy tâm tư đơn giản như họ rồi thành yêu chung trọng lẫn, tôi nhiều lúc coi mình là người đường rừng mà vẫn lấy làm vui. Trước còn ở miền dưới cũng thừa thấy yên thân. Nhưng lâu ngày quên cả chuyện trước, tính thích xông pha lại đến giục giã, tôi cứ lần hồi đi ngược mãi lên. Mỗi bước như một kích thích thêm lòng hiếu kỳ. Trong cái phong thổ hăm hiêng nước độc, còn chứa chất không biết bao nhiêu sự dị thường lẫn quất ở trong bóng tối vòm cây, ở dải nước sâu vắng xanh, ở những trận gió ồn ào như có rất nhiều thanh âm gờ lạ. Tiếng chim kêu cũng phảng phất thành những lời nói. Những tên đất, tên làng là những tên, những tiếng khác tai. Mỗi cảnh vật đều có một sự tích oan khiên, hay khủng khiếp. Tôi từng nghe tiếng ngọn suối ban đêm như than khóc, người Thổ nói là tiếng kêu khóc của đôi trai gái bị hại ở lưng bờ. Hang núi, mạch rừng, thác, đèo... mỗi nơi có một tên, phát tích ở một chuyện thảm khốc hay rừng rợn. Bóng oan khuất như gây ra các sự kinh hoàng, người ta dù cứng bóng vía đến đâu cũng không thể không thấy một thứ ghê rợn lạnh lùng rất khó nói. Đâu đâu cũng toàn là những chuyện kinh người hết. Nào chuyện ma gà, chuyện hùm tinh, chuyện lợn biết hát, chuyện thần rắn, chuyện Mán làm mắm trẻ con... Họ thuật lại cho tôi nghe như những việc hiển nhiên, sự khủng khiếp lộ ra trên nét mặt kính cẩn dạn dặt.

*

* *

Chỗ tôi ở lâu nhất là một làng ở phía Bắc trấn Lạng Sơn, tên gọi là bản Khau, hay là Khau Giẻ. Tiếng là một làng, song chỉ lác đác mươi nóc nhà tranh, hoặc dựng cao trên sàn, hoặc lèn đất làm tường. Dân cư, phần lớn là người Nùng, sinh nhai bằng nghề trồng hồi với nghề săn bắn. Người Nùng ở đây săn rất giỏi, cung nỏ bách phát bách trúng, lại riêng có tài dùng hỏa mai học được chẳng biết ở một người Tàu nào truyền dạy cho đã lâu đời. Những cuộc đi săn của họ, họ coi quan trọng lắm ; rất nhiều nguy hiểm mà cũng cực kỳ vui. Tôi ở với họ liên ba bốn năm rất lấy làm vừa lòng, không muốn đi nơi khác nữa. Khi nào săn ở rừng xa, rừng dữ, thì gần hết cả làng cùng đi.

Lần ấy định săn ở tận Lùng Sa, Mùng Sáy, gần miền cương giới. Sáng hôm đi, bạn săn dây thực sớm. Hơn hai chục đàn ông tay lao tay nỏ, gậy gộc khí giới đủ mọi thứ, cơm nước xong, mỗi người đeo thêm một nải gạo hoặc lương khô đủ dùng trong mười mấy ngày. Đàn bà con trẻ với những ông cụ già tuổi quá thì sắm sửa giúp những vật dụng lặt vặt. Đâu canh tư thì lên đường. Bọn ở lại ra tận đầu làng tiễn chân. Gặp những dịp này, tôi là người hăm hở bận rộn hơn hết, vì mỗi năm họ mới đi như thế có một lần, vào hồi cuối thu.

Từ canh tư hôm trước, đi không nghỉ. Đường càng gần tới càng gập ghềnh. Phải qua những nguồn suối dềnh lên một mực bất ngờ, có khi phải chịu ngừng lại lâu, ngồi đợi cho nước rút xuống. Qua canh năm đêm hôm sau thì đã trông thấy Lùng Sa. Sương sớm còn đặc. Dải rừng lớn, hình bóng còn chập chờn. Tuy mô núi không cao, xem ra chỉ ấp thoải thoải giữa những đồi trụi mông trọc kỳ khu hơn nhiều, nhưng cứ nhìn cái dáng lù đen của những vòm già lá kết cũng đủ đoán biết cái tính ác dữ không phải là ngoa truyền. Lùng Sa có tiếng là hoang hiểm. Thực là một cảnh săn tốt đối với con nhà đi săn.

Chúng tôi không ai tưởng đến nghỉ ngơi, thẳng bước vào tìm chỗ làm chòi. Trú ngụ ở đâu khác cũng làm cho dân làng quanh quất đó kinh nghi. Đi toán đông thì chỉ ăn ngủ ngay trong rừng là tiện.

Tìm được một khoảng vừa ý, từ cửa rừng đi vào không xa lắm, chúng tôi đang chia tay nhau người dẫn cây, người kéo lá, thì một anh trong bọn bỗng rco lên, gọi tất cả chạy đến một đám cây thấp bùm tum. Phất cành rút rợ vào xem, thì ra đấy là một tòa cổ miếu. Chung quanh miếu có tường quây, nhưng tường phần lớn sập đổ gần tới móng. Mái cũng vậy, bẹp trĩu

dưới những đợt lá nặng, chỉ ở một góc bên trong còn lại dấu vết mấy chiếc dầm mục với vài ba miếng ngói đen sì. Ánh sáng qua những tầng cây soi xuống tha hồ. Trước miếu có một khoảng sân khá rộng, gạch đã nứt vỡ hay bật chồi lên vì rễ cây to, mà hầu hết bị cỏ lá với đất rêu phủ kín khắp mặt. Không còn cảnh nào có vẻ hoang phế hơn nữa. Cả cái bệ chính giữa cũng lở nứt, có chỗ như bị xô, bị húc nhiều lần. Hương khói lạnh lẽo hắt đã lâu lắm rồi, sự linh thiêng có lẽ không bằng một cái chồi lá đơn sơ dựng ở một quãng vách đền hay hốc suối. Nhưng tôi vẫn lấy làm nghi ngại mãi trong lúc bọn người Nùng sạo sục mà chẳng tìm thấy gì thêm. Miếu tuy bỏ vắng, nhưng cũng đã phụng sự một uy quyền nào ở đây, không thì cũng đã yên ủi một vong hồn nào bị oan khuất. Cái nơi nguy hiểm ghê gớm là cảnh rừng này, một thuở xa xăm nào đó, cũng đã từng có vết chân người. Mấy chữ đá thảo còn sót lại ở những chỗ trước kia là cột viết câu đối. Tôi không thể nào đọc rõ : hần chữ với màu mực đã mòn lẩn mất hết. Một mảnh đại tự mập mờ không đủ cho mình đoán được là chữ *hải* hay là chữ *mai*⁽¹⁾.

Có người bàn nên dùng chỗ này, đắp đất chất gạch cho cao tường thêm, để thay cho cái chỗ bằng chồi định làm khi trước. Ý kiến ấy được mọi người khen hay. Chúng tôi liền đem cỏ cây, lá, mây, nửa đã kiếm được, chất cả lại trước khu miếu. Rồi lèn vách, trồng cột, lợp gỏi, đan liếp, không mấy chốc dựng thành cái nhà một gian rộng rãi, có tường dày, có cửa phên chắc chắn, vừa làm nơi ăn chốn ngủ, vừa có chỗ chứa sẩy vật sản được, tiện lợi không đâu bằng. Làm xong nhà thì ống com nếp lụi cũng vừa chín, chúng tôi ngã lương ra ăn uống no nê rồi vun thêm lá khô bên ngoài giải lên đất mà nghỉ ngơi.

Đi đường xa, lại vừa lợp lát tuy có mệt nhưng tôi cũng không muốn ngủ. Mình là người hay thần thơ : gặp cảnh lạ cảnh mới bao giờ cũng thấy lòng bồi hồi náo nức. Tôi ra cửa ngồi đó một mình.

Cái khoảng phạt quang chạy ngang trước mắt như một con đường, mà bên kia đường chẳng chặt, uốn có trùn rù cả một phần rừng xanh lúc đó như sấn lại trước mặt. Tôi vui mắt mãi xem bấy khi đu nhẩy trên những dây võng cành la gần đó. Một vài con men xuống bám ở những chạc thấp nhất, nhòm nhòm ghé ghé vào gian nhà mới của chúng tôi ra vẻ hết sức ngạc nhiên.

(1) Chữ *hải* (海) và chữ *mai* (梅) đều có một nửa bên phải là chữ *mỗi* (每) như nhau.

Bỗng có tiếng lạ tai. Tôi giật mình. Cùng một lúc với tiếng sột soạt, lùm cây rậm trước cửa rung động một vẻ khác thường. Hình như có một con vật đang rẽ lá lách cành mà tiến đến. Tôi sững sốt đứng phắt dậy, quay vào trong lều. Các bạn sẵn ngủ ngon giấc quá. Tôi không đánh thức ai vội, vớ lấy một cái nỏ, chĩa vào lùm cây một hai chỉ đợi bắn. Thì lùm cây lại thấy yên, không còn rung rẩy nữa. Nhưng có tiếng chân rẽ về phía khác. Bước chân mau nhẹ, dẫm lên một lối chùng quang phẳng nhất mà nghe mỗi lúc một xa dần. Tôi đoán có lẽ không phải là thú dữ, vì nếu phải tấ nó đánh hơi thấy, đã xông ra hại mình rồi. Nghĩ thế nên vững tâm hơn, tôi liền rẽ ngang, chạy theo một lối nhỏ cây thưa, cứ tiếng chân dẫm lá của con vật làm chùng mà đuổi nó. Tôi hết sức đuổi, cố tình tìm bắn cho bằng được. Được chùng quá trăm bộ đến một chỗ ngoặt, cây chen mau, nhưng lối không dốc, tôi sấn bước nhảy cho chóng tới gần con vật. Thoáng một cái, trong một vùng quang có ánh nắng ló xuống tận cỏ, tôi thấy bóng một người. Không thể trông rõ mặt được : tuy cách nhau chỉ vài chục bước nhưng hấn lẩn nhanh lắm, như biến vào đám cây lá, mà từ lúc ấy, không để lại một tăm hơi nào. Chỉ kịp nhận ra là người ấy to béo, quần áo màu chàm bạc, đầu lại có đuôi sam. Chắc hấn là một người Tàu. Nhưng người Tàu ấy là hạng người nào, ở đâu đến đây, mà đến cái chốn nguy hiểm này làm gì ? Bảo là đi săn chăng ? Người Tàu họ không săn ở đây. Mà có chăng nữa tấ phải đi thành đoàn, thành bọn ; mấy ai dám xông pha một mình. Điều kỳ dị hơn nữa là sao hấn lại có vẻ lẩn lút, thấy tôi lại trốn chạy như một kẻ gian đồ ? Hay có lẽ hấn quả là một tên cường bạo ? Một tội nhân vượt ngục hay một kẻ vong mệnh bị tróc nã gì đây chăng ?

Tôi vừa quay trở về vừa nghĩ bụng thế, thỉnh thoảng vẫn tròn trợn ngoái lại đằng sau. Về nhà, ngồi vẫn vợ mãi cũng không đoán ra người khách ban nãy là người thế nào. Bọn người Nùng ngủ dậy, thấy tôi vẫn tư lự. Tôi đem việc vừa rồi kể lại rành mạch cho họ nghe. Không ai tin. Họ bảo tôi rằng không có gì đâu, không đời nào có người dám táo tợn một mình vào trong nơi ghê sợ này như thế cả. Tôi nói là chính mắt tôi trông thấy người khách, tôi lại cầm chính cái nỏ kia đuổi theo hấn. Họ vẫn một mực không chịu tin. Mà như thế không phải để chọc tức tôi. Họ quả quyết bảo không thể có người nào dám cả gan vào rừng này được. Người nhiều tuổi nhất trong bọn phân giải câu chuyện như thế này : cái người mà tôi trông thấy, không phải là người. Hấn trước đây có anh khách nào đó, vì không biết mà đi qua rừng một mình rồi bó mạng ; vong hồn không tiêu

tan được, vẫn lẫn quất ở đây, rồi bây giờ làm ma rừng, hiện lên để trừu tôi đó. Rồi mọi người thành thực tin, khẳng khẳng tin là thế : "Phải, phải, ma khách đấy. Ở trong rừng thì nhiều ma lắm, nhưng đừng sợ nó thì nó sợ mình". Trí nghĩ họ thực đơn giản quá. Tất nhiên tôi không thể cũng tin như họ được, nhưng cũng không cố biện bạch làm gì, dẹp chuyện đó lại cũng như họ thản nhiên gạt hẳn ra ngoài tâm trí. Đến lúc sửa soạn khí giới, bàn tính cuộc săn đêm, thì tôi cũng không còn chút băn khoăn nào nữa.

Chúng tôi ở đó được ba hôm, ngày thì ngủ, đêm lại đóng cửa kéo nhau khua động vẩy đón rợn cả mấy khu rừng. Săn có hai đêm là được cả một cặp hổ, con đực to lớn lạ thường, hai con hoẵng, ba con nai, một con hươu nhung. Hổ thì chỉ lột da, róc cốt. Những con khác mới giữ lấy cả thịt phần lớn phơi, sấy, hoặc ướp ; còn thì nướng ăn tại trận cùng với lương thực đem theo từ nhà. Vụ săn xem chừng còn mần nhiều ; cuộc xông pha càng nguy hiểm càng thấy có hứng thú. Mọi người đều lấy làm vui vẻ sốt sắng, thường cười nói báo nhau : "Trời giáng thiên tai cho rừng này nên sai toán thiên tướng chúng ta xuống sát phạt một mẻ".

Chiều ngày thứ ba, tôi thức dậy trước nhất. Tôi mở cửa vừa bước chân ra khỏi miếu, vụt đã thấy bóng người khách kỳ dị hôm đầu. Lần này thì tôi trông thấy mặt cùng với nửa người phía trên của hắn. Khuôn mặt to phính, nhô ra giữa cụm lá, lặng lẽ mà nham hiểm, lại như vừa ngạc nhiên vừa căm tức. Trong có giầy lát mà hình ảnh ấy như in mãi trong tâm trí tôi. Nhất là hai con mắt xéch của hắn, tuy nhỏ mà sáng lạ, sắc lạ, long lanh một vẻ độc ác ghê người. Thấy tôi chùng sững sờ, hắn chưa kịp lùi. Rồi tức khắc, hắn thụt vào, mau như biến. Thoảng cái đã mất hút, y như là không có bao giờ ! Tự nhiên cơn giận bùng bùng nổi, tôi trở vào, vớ lấy cái cung sắt lớn, miết đuổi theo. Tôi không cần gọi bọn người Nùng, rắp tâm hề trông thấy thì dù là người khách hay là ma khách tôi cũng bắn chết.

Tôi sẵn chạy vào lối hắn lùi, nhảy những bước rất táo tợn qua những đám gai góc. Đuổi một chập hết sức khẩn bách, đã trông thấy hắn chỉ còn cách tôi độ dăm chục bộ. Sợ hắn sớm lách vào đám rậm mát, tôi không đợi gần đích, vừa chạy vừa giương cung. Khoan bước để hất một cành lá đâm ngang, thì thành khách đang khom người. Nó tìm cách lẫn đây ! Tôi liền phóng ngay phát tên ra. Rắc, rắc ! Mấy tiếng cành gãy cùng với tiếng lá xô. Mười phần chắc bắn trúng cả mười, nhưng trông lên thành khách đã đau mất. Rồi, ngay lúc ấy, từ cái phía sọt soạt ấy, một vật loáng dài như một

thân cây, quấy cựa trong khoảng vòm tối tranh sáng. Tôi nhận ngay ra là con trăn ! Một thứ trăn lớn nhất, khỏe nhất. Nó lẳng lẳng mà tiến thẳng lại trước mặt tôi chậm chạp, lừ lừ lại có vẻ thản nhiên, nhưng quả thực là ghê gớm ! Tôi biết cái nguy cấp bách đến bậc nào rồi. Phất tên vừa buông đã thành hư vô. Rút bắn phát nữa tôi lại thấy trật đích mà trật một quãng xa như người bắn vụng ! Trong lúc đó con trăn vươn lên một chạng đáng sợ. Tôi vội vã quay đầu chạy. Con trăn lẳng lẽ trườn theo. Gần về đến khu miếu, tôi hét rất lớn để kêu gọi bạn săn. Họ đã ngủ dậy cả. Nghe tiếng tôi, một vài người nhanh chân xông ra trước. Con trăn coi như không thấy ai. Nó cứ đuổi tôi mãi. Sau, tất cả bọn giáo mác gậy gộc ồ cả ra, kẻ xia người nện, nó mới quấy ra chạy. Con trăn khỏe mà lại dai dòn một cách quái lạ. Suýt nữa nó quán được mấy người lúc nó vượt qua cửa miếu. Tuy bị thương nhiều vết nặng mà nó còn bắt chúng tôi phải đuổi xa đến trăm bộ nữa mới chịu nằm im. Con trăn chết rồi, hai mắt vẫn mở như sống.

Bọn người Nùng bảo tôi sao đi ra sớm thế, mà đi xa trong rừng sao không gọi ai cùng đi ? Tôi thuật chuyện đuổi thẳng khách cho họ nghe. Họ cười ồ cả lên. Tôi ngạc nhiên, họ lại càng cười to. Rồi ôn tồn phân giải cho tôi biết rằng : "Nó là ma đấy, thẳng khách là ma rừng đấy, sao lại đuổi bắn nó ? Bây giờ thì nó đã rồi, con ma ấy đã rồi !".

Vừa nói họ vừa trở vào con trăn, vỗ tay lên vai tôi để yên ủi tôi : "Con ma ấy nó nhập vào con này, bây giờ con này chết, con ma nó cũng chết".

Câu nói của họ rất thành thực, có một giọng quả quyết rất chắc chắn. Tôi cũng thấy sồn lòng, thế gian quả là có những sự biến ảo hiển nhiên đến thế được sao ? Thẳng khách kia chỉ là một hình ma ! Mà con ma lại hóa ra con trăn bị giết chết ? Thực là kỳ quái hơn cả mọi điều kỳ quái ! Tôi nhìn xuống. Hai mắt con vật mở như vẫn nhìn tôi trừng trừng ! Tôi rợn người lên một lượt, sợ hãi tràn lạnh khắp thịt da : "Có lẽ là ma quái thực cũng nên... Lúc trước rõ ràng phất tên của mình nhằm trúng thẳng khách. Thoát được tất phải do một sự may mắn kỳ diệu lắm lắm, không thì tất do một sức huyền bí nào ! Vậy mà nó thoát khỏi, nó biến mất, rồi tức thì thấy tiến ra cái quái vật này". Tôi vốn không tin ma quỷ, mà lúc đó cũng phải nhận rằng yêu dị chưa hẳn là chuyện hoang đường.

Nhưng dù sao tôi cũng đã qua được lúc nguy rồi. Người khách kia, dù là người hay là giống hung thần nào tôi cũng không cần quan tâm nữa.

Người Nùng nói có lý lắm. Đuổi bắt nó làm gì. Tự dưng chúng nó có làm hại được mình bao giờ đâu ?

Phải đến ba bốn người mới lôi xác con trăn được dễ dàng. Ai nấy gạt gù báo nó lắm mỡ, ép ra thấp đèn thì tốt không gì hơn ; da nó là thứ bịt chuôi dao rừng vừa bền vừa quý. Tôi đi đầu đoàn. Đến quãng rẽ trông thấy được cửa miếu, tôi hốt nhiên kêu lớn kinh ngạc. Tôi thoáng thấy thằng khách ! Nó vừa lên vào trong lều.

Tôi hét âm lên báo cho các bạn sẵn biết.

Bọn người Nùng vẫn chưa nghe ra, dừng đỉnh hỏi :

- Lại cái gì đấy ?
- Thằng khách !
- Thằng khách nào ?
- Thằng khách, chứ còn thằng khách nào !
- Nhưng thằng khách làm sao ?
- Nó vừa vào trong miếu.

Tôi bảo họ bỏ con trăn đấy, cùng xông vào với tôi. Nhưng không một ai vội vàng. Họ lại còn ra ý không tin.

- Không có gì đâu mà, không có gì đâu, anh trông lầm đấy.

Tôi phải nhắc đi nhắc lại :

- Chính nó, tôi trông thấy chính nó ! Không thể sai được !

Rồi xăm xăm tôi chạy về ! Chợt chợt dạ. Tôi đứng lại giục, họ vẫn tròng trĩnh vừa lắc đầu vừa gàn :

- Đã bảo không có gì mà, sợ gì mới được chứ ?

Tôi bực dọc phát gắt lên :

- Thì cứ về với tôi xem nào ! Chẳng lẽ tôi lại mờ quáng đến thế ?

Mãi lúc ấy họ mới miễn cưỡng mà theo tôi.

Tuy để chậm mất một quãng khá lâu nhưng trong lúc đó tôi vẫn không rời mắt khỏi cửa miếu. Chiều đã mải bóng, nhưng đến một con chuột ra vào bấy giờ tôi cũng thấy được rõ. Thằng khách chắc chắn vẫn còn trong lều.

Tôi vung thanh dao giật ở tay một người để xông lên trước, quyết bắt, mà thế nào cũng bắt được thằng khách cho bọn người Nùng hết nói là ma.

Tôi bước vào. Bọn người Nùng cũng đã ô tới chặt cả cửa. Trong lều im phăng phắc. Tôi quắc mắt nhìn đến cùng kẻ mọi xó tối. Kỳ dị thật. Không thấy qua bóng vết thằng khách đâu.

Đánh đuốc lên xem nào !

Lửa sáng, soi cũng chẳng gì khác. Cũng không có gì thay đổi, đồ vật mọi chỗ vẫn y nguyên. Trong lều còn có một vài chỗ tấp lá khô, nhưng đóng thấp, bối tìm chỉ thêm việc. Tường vách làm để phòng ngự thú rừng, một con mèo cũng không lọt được, mà lúc đó vẫn kín, không một dấu đào khoét nào qua. Vậy thì thằng khách trốn đằng nào ? Chỉ có lối cửa thì tôi đã để ý chăm chú lắm rồi, không thể bảo nó ra khỏi mà tôi không trông thấy được !

Tôi kinh ngạc hết sức. Nhớ lại thì cái bóng thằng khách lúc lên vào vẫn rõ rệt, cái mình áo chàm, cái đuôi sam đen, cả đôi ống quần nịt quần của nó, nhất nhất tôi thấy rành rẽ. Cả cái vè lén lút của nó nữa. Thế mà rồi thành hư ảo, mà sự biến ảo chỉ có tôi trông thấy, hình như chỉ ngạo nạt riêng một mình tôi. Các bạn săn thì không ai ngấm nghĩ lâu. Họ cứ tin theo ý họ vẫn tin, một mực bảo tôi rằng : "Chỉ là ma đấy thôi đừng sợ nó, ma không hay làm chết những người ngay thẳng hiền lành". Tôi không hiểu nên cho thế nào là phải, tâm trí tôi như rối loạn, vừa hoảng sợ ngấm ngấm vừa tức giận, bớ gối ngồi bực dọc một xó, mặc những người kia hỳ hực lột da con trăn.

Họ thấy tôi chưa từng bán khoán quá như thế bao giờ, thấy một người gan dạ vui vẻ như tôi mà bỗng có thái độ đối khác đến thế họ cũng phải sinh ngờ vực, cũng phải hiểu rằng những điều tôi trông thấy tất phải là những điều phi thường. Sau cùng người trưởng đoàn đồ là tôi gặp bóng thần rừng, hay chính thần miếu. Vị thần khu cổ miếu này bị bọn tôi đến quấy rối sự yên tĩnh, hiển hiện lên để tỏ ý giận dữ ; đã thế thì chỉ có việc cúng bái là yên ngay. Họ vừa sùng sốt vừa trầm trồ như mới vỡ ra một lẽ tất nhiên không thể nào khác được. Trong bọn có người thường nhật làm thầy "mo" cho cái ý vừa rồi phải đem làm ngay. Hắn liền đốt lửa giữa lều, gõ thanh la niệm thần chú, để tạ ông "thềng" ông "thần" ở đấy : "Xin ông cho phép bọn người đi săn ngựa trong miếu này, săn trong rừng này, để người đi săn giết nhiều hổ, nó vẫn làm hại cho con cho cháu người dân người làng, nó vẫn ăn trộm con lợn con bò của người dân người làng... xin ông đừng giận người đi săn làm chi nữa".

Cầu cúng xong, thế là yên chuyện. Bọn họ lại nói đến cuộc săn, không ai nhắc đến người khách hay ông *thằng, thần* nữa. Gặp phải sự cản trở cho công việc họ thì họ giết phất kẻ làm trở ngại kia đi. Nếu lại là thần thánh hay tà ma xui nên thì họ cầu đảo, phù chú : "Đói khát thì ăn thì uống, đau ốm thì thuốc thì bùa". Sự cầu cúng họ tin có hiệu lực vững vàng như kết quả của mọi sự thiết thực. Phần tôi, tôi không thể dễ dãi yên lòng được như thế. Tuy không lộ vẻ lo ngại nhiều vì không muốn họ cho mình quá nhút nhát, song tôi thành ra ít nói, lúc nào cũng trầm ngâm cố giải những điều kỳ quặc nọ. Cả những lúc săn bắn trong rừng, tôi cũng không thể quên được, mỗi chốc lại tưởng chừng sắp thấy một sự lạ nào xảy ra...

Chiều tối hôm sau, nhân phần khởi về số vật săn khá nhiều trong đêm vừa qua, lại hăm hở sửa soạn cuộc săn vầy lớn đêm sắp tới, mọi người ăn uống một bữa ồn ào vui vẻ khác thường. Họ rót cho tôi một gáo rượu đầy, bông đùa mấy câu về những chuyện ma rừng, lại ép tôi uống thực nhiều để thêm vững trí. Tôi không hay rượu, nhưng bữa này lấy vui rượu cảm thơm ngon một hứng vị riêng, tôi cũng sẵn lòng cười nói như thường, tâm trí nhẹ hẫng đi ; những việc quái dị, những điều lo ngại không còn gì quan trọng mấy nữa. Minh lại tự nhủ : "Ừ, tội gì mà thắc mắc. Minh là người chính trực, không làm hại ai, không có gì tà khuất trong lòng, thế thì dù có những loài yêu quý hung bạo thật chẳng nữa, chúng nó đã dám làm gì được mình". Chuyện nói bữa đó nhiều câu thực hào hứng, rượu uống cũng hăng hái, lúc sực nhớ đến cái hại quá chén, biết nghĩ đến sự nên ngừng lại để khỏi phải bỏ cuộc săn, thì đã say mất rồi. Tôi đứng lên được nhưng bước đi cố gắng cũng không giữ nổi thăng bằng, ăn được chút nào thì chỉ chực những nôn hết. Một người bạn săn phải đỡ lấy tôi. Mấy người khác dọn vội lấy một góc kín rồi cùng vực tôi đến đặt nằm yên đấy. Tôi mơ hồ thấy một bộ mặt cười cợt, hiền lành cúi xuống, rồi từng khoảng ánh lửa trong lều đổi chỗ, bước chân của bạn săn nhẹ nhõm với những tiếng trò chuyện như thấp xuống, như thì thào.

Tôi ngủ một giấc thẳng không biết được bao lâu. Lúc thức dậy, bàng hoàng, nhưng tỉnh ngay tức khắc. Chừng đã khuya lắm. Trong lều, tối như bùng. Bấy giờ hơi rượu đã tan hết. Sờ quanh mình thì biết là đang đè lên đám lá khô. Trên bụng đắp một manh chiếu cói. Nằm rón một lúc nhìn đến nhức mắt cũng không biết được là đang ở khoảng nào, cũng không rõ cửa ở phía nào. Bạn săn có lẽ đi đã lâu lắm. Thử cố nghe xem có thấy tiếng tù và hay tiếng thanh la đưa vọng lại không. Tĩnh không. Bầu tối ngật đen. Tiếng

rừng đêm cũng như nhỏ xuống mãi. Trong lòng tôi tự nhiên thấy ghê sợ quá, mình như bị bỏ vào một chốn ngục sâu lạnh lẽo kín mít trong đó đầy những súc âm u quái gở, không mong có ai ngó ngang cứu vớt mình. Tôi lại nhớ ngay đến thằng khách, nhớ đến con trâu lớn, nhớ hết các việc dị kỳ mấy hôm vừa qua... Nghĩ cứ giận bọn người Nùng sao nỡ để tôi trơ trọi chốn này. Chắc hẳn tôi say quá họ biết không thể đi săn được, đành để tôi ngủ yên ở nhà. Nhưng họ có ngờ đâu là tôi không thể yên tâm được đối với những điều xảy ra kia, tôi có đứng vững được như họ đâu ?

Có tiếng động khác tai.

Bên ngoài những bước chân như đang tiến lại. Tôi lắng nghe. Không thể lắm được. Tiếng chân bước đều, thong thả mà như quen đi trên đường lối gập gềnh. Nhưng khi gần tới chỗ mà tôi đã nhận ra là phía cửa thì bước đi lại ra chiều dè giũ, rón rén. Loáng thoáng có ánh lửa đuốc. Vì thế tôi mới nhận được phương hướng cùng với chỗ mình vẫn còn nằm. Bước đi càng thêm nường nhẹ có vẻ nghe ngóng, lá khô bên ngoài bị xéo dí xuống mà tiếng nghe vẫn êm. Rồi im hẳn. Lửa đuốc như sáng tỏ hơn. Một tiếng cọt kẹt từ từ mở cửa phen. Một bó đuốc đưa vào cùng một cánh tay áo chàm, rồi cả một người lách vào ! Tôi nhận được mặt ngay. Chính là thằng khách !

Tôi tái hẳn người đi. Mép chiếu đã kéo lên tới gần mắt, tôi cố thu hình lại, mong cho nó không biết trong này có người. Cũng may, bấy giờ tôi nằm ở một góc miếu phía trong cùng, nơi xếp những lương khô, mình khuất sau mấy nải gạo mà bọn người Nùng kéo ra có lẽ để chọn cho tôi được chỗ kín gió mà sạch sẽ cao ráo nhất. Từ góc đó, tôi có thể trông qua những quãng hờ để xem cử động của thằng khách mà nó thì khó thấy được tôi. Thằng khách giơ bó đuốc nhựa lên nhìn khắp lều một lượt, xem chiều yên trí rằng bọn đi săn thực không còn một ai ở nhà. Tuy vậy lúc nào nó cũng có vẻ giữ gìn, dè phòng, hai mắt sắc, nhanh như lửa, liếc đây liếc đó ; mà tai thì lúc nào cũng như lắng nghe. Nó bước lên một bước, ngẩng nhìn ra cửa một cái, cúi xuống cảm bó đuốc ở một kẽ gạch, rồi rút ở lưng ra một con dao rừng lớn, nhìn thẳng về phía tôi. Trống ngực tôi đánh rất dữ ! Có lẽ nó nghe tiếng mắt. Nó cứ nhìn về phía tôi mãi, nhất định không rời mắt đi đâu. Nó nghĩ ngợi, như còn lưỡng lự nghi ngờ một lát, rồi thong thả bước lại góc miếu, lúi một nải gạo áp tường bê lên rồi vút lên người tôi. Tôi phải hết sức nhịn mới khỏi kêu. Hai nải gạo nữa lại đề lên tôi, một ở chính giữa bụng, một ở dưới đầu gối. Dễ thường nó giữ cho tôi không dậy được chắc.

Tôi vừa nghĩ thế thì nó đã nhặt con dao lên ướm, trở cái mũi vừa sắc vừa nhọn vào cạnh sườn tôi. Tôi không còn hồn vía nào. Toàn vùng chạy nhưng chân tay lại bị bó ép trong mảnh chiếu dưới ba nải gạo nặng, thì con dao đã cắm xuống cách đùi tôi chỉ độ một gang. Thằng khách cúi khom người, mặt nó sát gần với mình tôi, đang lúi húi vun những lá khô đất vun mới rấp lại chỗ ấy. Nó chưa biết có tôi ở đó cũng là một sự lạ. Cái khăn chàm quấn trên đầu tôi tuy sổ ra nhưng búi tóc buột xuống, thò ra ngoài mép chiếu khá nhiều. Hay nó biết mà làm như không ? Tôi thực khổ sở vì điều ngờ vực ấy. Nhưng có lẽ ánh đuốc xa, nó lại sắp bóng, mà những áo tôi, bao tải thì hỗn độn trong góc chiếu, vì thế mà tôi chưa bị lộ diện cũng nên. Tôi nhíp mắt nhìn xuôi xuống xem nó làm gì thì cái chuôi dao đang bị hai tay nó ấn xiêu về phía lòng nó : nó đang bẫy một cái gì ở dưới đất. Tôi không phải chú ý lâu đã thấy chồi lên một phiến gạch lớn, dày lắm, vuông và to gấp hai ba chiếc bàn cờ. Tiếng động chạm lúc thằng khách lúi nhích phiến gạch, nghe có âm vang khác lạ. Tôi nhận ra đó là nắp đậy của một cái hầm đào.

Người tôi mỗi lúc một cứng ra như gỗ, hết sức ghì giữ hơi thở, vì để nó biết thì chỉ một nhát dao kia là uống đời. Lúc đó nó còn mài chưa để ý nhưng lát nữa nó đem bó đuốc lại soi xuống hầm, mà tôi thì nằm sờ sờ ra đấy, dưới ánh sáng rõ, thì thoát sao cho khỏi đôi mắt sáng như hai mũi gương kia !

Thằng khách tra dao vào vỏ, nâng phiến gạch nặng lớn như thế mà coi ra vẻ rất nhẹ nhàng. Lúc nó kéo hẳn sang một bên miệng hầm thì bỗng thành linh cái nải gạo trên bụng tôi lăn ngay xuống. Cổ tôi tắc lại vì sợ. Lần này thì hẳn nó biết. Nhưng nó vô tình. Nó cho là việc tự nhiên lúc xê dịch phiến gạch vừa rồi, nên lấy chân ấn hai nải gạo còn lại trên người tôi vào quá phía trong. Có lẽ lúc ấy cả người tôi cũng chỉ là một bọc lương hay một bó chiếu gì đó. Nó háng giọng khạc nhổ một cái rồi vừa lăm bắm nói vừa bước ra phía cửa phen. Cửa vẫn chỉ mở hé. Nó mở rộng thêm chút nữa, đến bên toan nhổ bó đuốc, nhưng sau ra khỏi lều tay không. Tôi dè chừng nó còn định mang xuống hầm một vật gì nữa.

Tôi liền hất chiếu vùng dậy. Phải lợi dụng cái khoảnh khắc thằng khách vắng mặt ở đấy. Chưa kịp có mưu kế gì, tôi nhảy một bước đến bên vách, hăng nhắc lấy cung tên treo ở tâm tay. Trông trước trông sau, không có một chỗ nào khả dĩ ẩn được kín đáo, thì tiếng lá khô bên ngoài đã lạo xạo.

Túng thế, tôi thấy chỉ còn cách trốn xuống ngay dưới hầm. Cái tiếng nải gạo rơi xuống đó lúc trước, nghe gần lắm, hầm tất cũng chẳng sâu bao nhiêu. Tôi bèn lẹ chân nhảy xuống. Trong trí bấy giờ đã tính sẵn : nếu không tìm được chỗ nào khuất, nếu thằng khách xuống hầm còn có thể vớ được tôi, thì thừa lúc anh chàng bất ngờ, cấm ngay cho mấy mũi tên sắt này vào gáy là rảnh chuyện.

Chân tôi chạm tới đất thì vừa vặn ngồi lên nải gạo lăn xuống vừa rồi. Đất dưới chân ẩm, nhưng không mềm nhẽo. Hầm tối như hũ nút. Quờ tay sờ soạng chỉ thấy quăng không đen ngòm. Trông lên, chếch phía trên đầu là cái khung vuông, ánh sáng đỏ mờ mờ : đó là cái miệng hầm nắp mở ra gần hết.

Cứ trông qua cái miệng hầm ấy cũng đoán được hành vi thằng khách trên miếu lúc đó. Bó đuốc chừng nó đã nhỏ lên, rồi đi soi mới khắp mọi xó. Khoảng mái lá tôi trông được bên trên, ánh sáng lúc tỏ lúc mờ, có lúc tối hẳn. Có lẽ thằng khách bấy giờ mới sinh nghi, hoặc vẫn chưa đành tâm về hồi xem xét sơ qua lúc đầu, nên soi lại để cho thực vững bụng. Xem chừng nó không bỏ sót một chỗ nào. Tôi nghĩ mà hú vía. Giá nó cẩn thận như thế từ lúc trước, lúc tôi còn nằm dí ngay trước tầm dao của nó thì muôn phần không có một phần mong vẹn toàn.

Ánh lửa biến dần, rồi lại sáng lên rất mau. Rồi sau cùng, tôi trông thấy cả ngọn đuốc. Thằng khách đã cấm bó củi nhựa ngay cạnh miệng hầm. Nhờ có sáng, tôi nhận ngay được một cái hõm thụt vào vách đất cách tôi không đầy ba bước, khuất sau một thứ cột cây mà lúc ấy tôi mới thấy hiện ra. Tôi nép ngay vào cái hõm để ẩn. Trên kia, thằng khách đưa xuống một cái thang. Một cái thang nhỏ, ngắn, làm sơ sài bằng những giống cây không thẳng. Nhanh nhẹn như nó mà phải dùng thang mới xuống được, đã là một điều bất ngờ. Lúc nó xuống thang, tôi lại thấy nó phải dò dẫm. Chân nó chậm chạp đặt vào từng bậc, như miễn cưỡng bị ai bắt xuống. Thì ra nó mang trên vai một vác lớn, một thứ bọc vải dài, xem chừng khá nặng, lại đeo thêm một gói nhỏ cũng bọc vải, buộc ở một bên. Xuống hết bậc, nó đi ngay vào trong bóng tối, có vẻ quen chân lắm. Tôi đoán chừng chứ không trông thấy nó đặt cái vác nặng xuống một chỗ. Một lát, tay không, nó trở ra, leo lên thang lấy bó đuốc xuống, nhân thế đẩy lại cái nắp hầm.

Nó đem bó đuốc vào, cấm bên cạnh cái bao đã đặt trước một thứ bệ đất, trên đặt mấy đồ thờ cũ, kiểu lạ, chỉ thấy ở những đình chùa của người Tàu.

Chỗ ấy cách tôi chừng hai chục bộ. Nó còn trở lên xem lại chỗ miệng hầm một lần nữa. Biết là nắp hầm đã đậy thật kín, nó mới yên tâm xuống, đến bên hai cái bọc, mở cái nhỏ lấy ra vàng, hương, xếp lên mặt bệ. Nó thấp hương cây, cắm vào hai cái lọ vuông, châm thêm điểm hương vòng rất lớn vẫn treo đó từ trước, rồi đốt bốn ngọn nến sắp cắm sẵn trên bốn cái giá nến bằng đồng hun. Lúc đó tôi mới để ý xem xét.

Hầm này không biết có từ đời nào, hầm đào do hạng người nào mà sâu rộng được đến thế ! Chu vi có đến ngót ba miếng, gần theo hình chữ nhật, song không được ngay gọn ; bề cao một người trung bình cố nhảy lên mới với được đến trần. Bề dày đất trần non một thước, có những dầm lớn bắc ngang giữ lấy những bập tre dài đặt dọc. Bảy tám súc cây để nguyên thân, chỉ đẽo có vỏ ngoài, dựng thành hai hàng cột không thẳng, không đều, xiêu vẹo cong quẹo. Từ chỗ bệ thờ, lửa nền, lửa đuốc chiếu tỏa ra những hình đen ngả lên mặt đất, giải lên trên trần, to lạ lùng và dài ngoằng ngoẵng, nhích động linh hoạt, theo ánh sáng bập bồng. Bóng tối, lửa đỏ, cảnh tượng chập chờn, âm u, tối khác nào ở giữa một nơi yêu dị, kinh hoàng. Không khí trong hầm lại bức nặng. Hơi mục, hơi ẩm, hơi rề ngái, đất lạnh, bọc thấm tận da thịt mình ; mà lẫn với mùi hương nến, mùi khói nhựa ở bó đuốc tàn ngọn, lại thoảng những hơi cá ươn, cóc chết trong đám vẩn rác ruộng hôi. Một thứ sương mờ loe quanh mấy quang sáng trên bề đất.

Phía trước chân bệ, một khoảng đá lớn bằng nửa cái chiếu, phẳng liền như chỉ đục một phiến. Thằng khách lom khom quỳ trên đó, bên cạnh cái bao lớn đặt chếch một bên. Vách hầm bên hữu, treo hai thanh mác cực lớn, tuy hoen rỉ nhưng vào hạng cổ khí rất tốt. Sát vách bên tả, một bản gỗ to, cao gấp rưỡi cánh phán, dày đến ngót nửa gang, dựng đứng như một thứ bia. Trước mặt bản gỗ lủng lẳng những vòng sắt, móc sắt với xích sắt mắc treo tận dầm trần. Dưới chân bản gỗ cuộn nằm ngổn ngang những sợi dây thừng nhỏ có, lớn có. Thoạt tiên, tôi cho chốn này là một thứ sào huyết của một bọn giặc cướp nào, không thì cũng là một nơi ngục thất bí hiểm đặc biệt, mà những hình cụ đó tất dùng vào một việc tra tấn hành phạt riêng. Từ lúc thấy thằng khách vắn quỳ gối trước bệ, lâm râm như khấn khứa, nhân lại thấy nó mang cái bao xuống theo, thì tôi đoán ngay rằng : có lẽ thằng khách đem yểm vàng yểm ngọc chi đó. Cái bao kia tất không đựng cái gì khác một số của vĩ đại phi thường. Sự tình cờ khiến tôi bất gặp cái công việc mà nó hết sức giữ kín đáo. Tôi nghĩ bụng : "Hắn là thế thực.

Có vàng bạc đem chôn giấu tất nhiên phải cẩn mật lắm lắm. Những việc rình mò lẩn trốn của thằng khách mấy hôm trước kia cũng không có gì lạ lùng quá đáng nữa. Thế thì mình chỉ việc đợi cho nó cất xong bao của rồi lên khỏi, là mình sẽ có cách thoát thân". Tôi nghĩ vậy, nên kiên lòng vừa chờ vừa xem.

Sau khi cầu cúng vị thần mà tôi đồ là thần tài của nó, thằng khách dậy, lôi cái bao vải chàm ra để nằm chính giữa phiến đá, rụi tàn cho cháy to chỗ đuốc còn có một đoạn ngắn, rồi dùng lưỡi dao rạch ngược để mở cái bao ra. Nó rút bỏ một ít mảnh vải lót đi, bên trong còn bọc một lần chần màu tro. Khi những mối buộc, thắt ở mấy góc đã cởi đến nút sau cùng, thì, kỳ dị quá tôi thấy lại là một người, một người con gái Tàu, quần áo thường ngày nhưng vào hạng lịch sự khác xa với cách ăn mặc thô dày của thằng khách. Người con gái trạc độ mười tám, hai mươi tuổi. Nước da xanh, lúc đó xạm mét vẫn không làm kém vẻ đẹp của khuôn mặt nhỏ, nét đều mà thanh. Hai mắt nhắm nghiền dưới ánh đuốc sáng gần đó, cô ta im bất như chết. Nhìn kỹ mới biết là hơi thở rất nhẹ, như chỉ còn thoi thóp. Thằng khách không ra vẻ để ý đến vội, thông thả kéo cái bọc nhỏ lại, mở lấy ra một cái bầu, bình tinh đổ vào miệng người con gái, rồi lặng lẽ ngồi chờ. Tôi thốt nhiên trợn lòng, sự nhớ đến một điều kinh khủng, một công việc ghê gớm trong những chuyện yểm vàng của người Tàu.

Mình thường nghe nói đến nhiều phép người Tàu họ giấu của ở nước ta, mà cách hiểm độc nhất là bắt một người con gái còn trinh, cho ngậm nhân sâm, gán trám đường vào mồm mà táng sống trong một sinh phần riêng hay trong một hầm huyết nào để làm thần giữ những của để trong đó. Tôi chắc hẳn một cảnh tượng giết người độc địa như thế sắp diễn ra trước mắt tôi. Thằng khách đem người con gái vào nơi rừng sâu u tịch này làm gì ? Chẳng phải cũng là nhét mồm khóa miệng một cách thái ác, rồi bắt chết dân ở đây sao ? Duy tôi còn ngờ một điều : bọn người Tàu thường bắt con gái nước Nam ta để phong thần, chứ chưa từng nghe thấy họ dùng con gái nước họ. Tôi nghĩ bụng, hay đây là một sự bất đắc dĩ, một biến thái cũng nên.

Người con gái dần dần tỉnh dậy. Cô ta ngồi lên, ngơ ngác giữa một cảnh lạ như còn trong mộng. Mắt cô ta chớp đến ba bốn lần, rồi lại chớp nữa. Lúc gặp mắt thằng khách, cô ta trân trân nhìn hẳn⁽¹⁾, bỗng biến hẳn

(1) Mất một chữ, chúng tôi tạm đoán mà thêm vào.

sắc mặt, miệng há, cặp mắt hơi long⁽¹⁾, người co rúm lại, tất cả thân hình cô ta thành một dáng khiếp sợ dữ dội mà im lìm. Cô ta muốn gào thét mà đã như tuyết hắt mất hơi. Rồi mãi sau, mới run run khắp mình, vừa run vừa lê dần, cố lùi xa lại đằng sau. Thằng khách bất thành lình vồ sấn ngay lấy hai tay cô ta, nhọc miệng. Như người nhàn, cười lên những tiếng nắc nẻ ngạo nghễ mà nghe thực quái lạ. Thoắt một cái, nó ngừng bật, hai mắt mở như điên khùng, nó nghiêng răng lại vừa rít vừa trỏ tay lên bệ thờ, găm ghè nói một thôi, một hồi những câu tôi không hiểu gì, chỉ đoán là những lời nạt nộ tức tối. Người con gái cố vùng được, riu chân mà chạy. Thằng khách chỉ nháy một bước nắm được vai lời cô ta lại, rồi xô cho ngã lăn trên phiến đá, dúi vào chân bệ. Những tiếng đe dọa chửi mắng lại tuôn ra không ngừng. Người con gái giấu mặt khóc, cố nói to trong những tiếng nức nở. Tất nhiên tôi không hiểu gì hết. Có mấy câu nói nhắc đi nhắc lại, những tiếng như "Ngộ, ngộ... ngộ đầu..." cái gì "chối có...". Giọng nói như van vãn, như phân trần.

Thằng khách thấy thế, tợn môi lên cười, trông đến là khả ố. Nó quắc hai mắt sáng như hai điểm lửa lạnh, rồi chõ cái mặt đầy những hằn học sát vào tận mặt cô ta. Người con gái quay cổ đi. Nó liền nắm ngay lấy mớ tóc xỏa, vặn cho đầu cô ta ngẩng lên mà khắc nhỏ ra một mẻ những lời cục cằn nữa. Người con gái chỉ biết khóc, hai bàn tay nắm lấy nhau, run bật lên. Nó trỏ ngón tay đâm vào tận trán cô ta, rồi sấn sổ đến định lột áo người con gái. Cô ta hết sức chống cự, úp sấp người xuống để giấu ngực. Thằng khách phải giằng co mãi, sốt ruột, xoắn ngay lấy tóc, lôi cô ta đến chân bàn gỗ dày. Nó xách cô ta kéo dẩy như xách một con mèo, đẩy cho đứng dựa vào bản gỗ, lấy thùng trói mỗi cổ tay vào một vòng xích lưng lỏng rủ xuống. Hai tay cứ thế giờ mãi lên phía trần hầm. Hai chân cô ta giẫy đạp vung lên, nó ghì xuống, buộc vào hai cái vòng sắt phía dưới. Trói xong cả bốn chân tay, nó hục hặc vừa mắng chửi vừa giằng rút hết mấy lần áo trên thân người con gái. Vải lụa tơ tằm thành trăm mảnh theo hai bàn tay vũ phu. Cô ta không thể vùng vẫy ngăn cản được, cứ thảm thiết mà gào khóc. Nó mặc kệ. Lột hết áo, thằng khách lại xé đến quần.

Tôi đứng trong bóng tối, bấy giờ vừa lo sợ vừa kinh dị, lại vừa tức giận, chưa biết thằng khách còn hạ những thủ đoạn đê mạt độc địa tới bậc nào.

(1) Mất hai chữ, chúng tôi tạm đoán mà thêm vào.

Chân tay tôi như bị tê liệt đi, thần trí không được yên vững. Tuy sẵn cung tên đó mà tôi không dám dùng. Không những khó lựa chiều vì hàng cột án ngữ, tay cung của tôi bấy giờ lại không được thực mấy, tôi sợ rằng bắn ra rất dễ sai, không khéo nhằm thằng khách mà lại trúng vào cái thân thể lỗa lỗ kia mất. Tôi lại tính đến cái nguy khác nữa, thằng khách mà biết tôi ở đó tất không để cho tính mệnh tôi vẹn toàn. Dưới cái hăm bí hiểm của nó đây, nó khác nào một bạo thần vô địch. Mỗi lúc xem thái độ nó, nhìn cử chỉ nó, tôi một nhận thêm ra nó có một sức lợi hại chẳng phải vừa... Trông người con gái thảm hại quá ! Vừa khiếp hãi vừa then thùng, kêu gào cũng vô ích, van vì chỉ chuốc lấy sỉ nhục thêm : cô ta tỏ ra một vẻ tuyệt vọng bị đát đến cùng cực. Hăm trong cái cảnh ác hại ghê gớm này, cô ta chắc hẳn không còn một ai biết đến, không thể có một sự tình cờ nào đến cứu được mình.

Bố được tắt hẳn rồi. Bốn ngọn nến hoe quăng như rung rinh hoài. Thằng khách ngạo nghễ nhìn từ đầu đến chân người con gái, cười gằn lên mấy tiếng thô bỉ. Nhân đó tôi ngờ rằng đây là một chuyện cưỡng dâm, một chuyện hăm hiếp ô uế cũng không biết chừng. Có lẽ, ở nơi khác, thằng khách đã bị xấu hổ, đã bị người con gái khinh bỉ, cự tuyệt, nên nó lập mưu bắt cô ta xuống đây để tha hồ mà lăng nhục... Mấy phen tôi giương cung toan bắn, nhưng sau cùng lại thôi. Tâm thần tôi không định. Thằng khách lại không ở ngoài cái đường xuyên nguy hiểm cho người con gái. Phát tên buông ra, rất có thể giết chết người tôi muốn cứu, vả lại, như tôi đã nói, chỉ sớm gây họa cho chính mình tôi.

Tôi hồi hộp mà cứ phân vân mãi. Cái ý nghĩ cứu người con gái liền theo với cái ý nghĩ liều chết. Liệu cứu có nổi không ? Hay đành cứ đứng yên mà coi cái hành vi khốn mạt của con vật bị ổi đó ? Tôi thử thấy bức nặng. Cái không khí bấy giờ sao mà kỳ ảo lạ, y như ám ảnh mình, làm mê loạn trí tinh mẫn của mình. Thằng khách lại cười. Tiếng cười hể hể, nghe mà thêm lợm lợm cá mình lên. Nó đã áp đến gần người con gái Tàu. Người con gái đã riu cá lưởi vào, nói, khóc không ra tiếng nữa. Tôi bất giác nhắm mắt lại, quay mặt đi, như không nỡ nhìn một cảnh nhẽ nhại rác rưởi. Cả tấm lòng bất bình chợt thấy hổ then quá dồi, thấy mình vô lý, thấy mình hèn nhát không đáng làm một người con trai ! Chẳng biết mình giận mình hay giận nó hơn, nhưng sự phần nộ lúc đó ghê gớm lắm. Tôi quay lại, quả quyết, chân dạn sẵn bước nhảy ra. Nhưng điều trông thấy trước mắt lại thực bất ngờ. Tôi kinh lạ, đứng sững đó, không hiểu ra sao hết.

Thằng khách lúc ấy lại đang quỳ gối trước bệ. Mình cúi gằm hai tay chống đất, gần như phục vị trên phiến đá, không một chút cử động nào qua. Thế là nghĩa lý gì ? Nó cứ im lặng như thế mãi, tưởng không bao giờ ngời lên. Mãi sau tôi mới thấy hai vai nó dần dần run rẩy, mỗi lúc một rõ, nhịp với tiếng sụt sùi, rồi nức nở, trước còn nhỏ sau to thêm, rồi sau cùng bỗng òa lên những tiếng khóc lớn. Tiếng khóc nghe ra thảm thiết cay đắng, bào gan xé ruột, vang âm đầy cả cái hầm đất. Thằng khách vừa khóc vừa đen đét vỗ hai tay lên phiến đá, trước bệ thờ. Từ những ngọn lửa bập bùng cho đến các đồ đạc, hình ảnh trong chốn này lúc đó như có một cảm giác, một tâm hồn như xúc động cùng với tôi. Tiếng khóc càng lớn, tôi càng thấy kinh dị, tưởng đâu như trời đất điên đảo, rừng núi chuyển lay, tất cả sập đổ xuống cái hầm này mà lấp gí cả, mà chôn tươi vùi sống ba sinh mạng, thằng khách, người con gái, lẫn tôi.

Trong có chốc lát thì giờ, tôi thấy kế tiếp diễn qua mỗi điều một thêm kỳ quái, mà mau chóng quá, đến nỗi trí tôi không kịp hiểu, không kịp suy lường. Ngờ thằng khách là gian đồ, rồi tức khắc lại tưởng nó là một kẻ có của mà hiểm ác, đang cho nó là một con dâm quỷ khốn mạt thì lại thấy cái cơ sự vừa rồi ; mỗi lúc nó lại hiện ra một hình trạng khác hẳn. Có lúc tôi chực không tin rằng mình còn là người dương gian. Trong cảnh huống kia, gặp những điều biến đổi dị thường ấy, giống như ở giữa môi trường ác mộng, ai là người chẳng phải thất thần ? Tôi đi sâu, trải những phen rất hiểm nghèo, đã từng bị báo hổ nhảy chồm đến tận vai mấy lần hút chết. Nhưng tôi đều coi thường. Ngay lúc lâm nguy mà trí vẫn tỉnh, gân vẫn vững. Là vì những nguy nan đó dẫn đến thế nào cũng không ra ngoài chừng mực, người đi săn ai cũng đón đợi những phen như thế, ai cũng trải qua ít ra cũng vài ba phen. Nhưng mà những cảnh tượng trong cái hầm đất kia, tôi tưởng chả cần phải gặp thêm một lần nào nữa mới biết thế nào là sợ hãi. Suốt đời tôi, tôi có quên được bao giờ đâu ?

Thằng khách khóc một hồi lâu lắm. Bỗng nó vùng dậy, khạc nhổ, rồi lấy ở đâu ra bốn năm cái roi mây dài, vẫn còn màu xanh cháp cả lại mà vút ngang mình từ mặt đến chân người con gái. Cô ta gào lên những tiếng rất đau đớn, răng rít chặt, mình oằn oại như con rết bị chịt đầu. Trong lúc đánh, thằng khách quát tháo không ngơi mồm, như muốn nhồi nhét bao nhiêu câu nguyên rủa căm hờn vào những vết lần đỏ nổi trên khắp thân thể người con gái. Vụt bằng roi chán, nó lại cứ mặt cô ta nó vả. Hai bàn tay

hộ pháp ấy vả chán lại cầm roi vút. Người con gái khóc khản cả cổ, tiếng sặc nghẹn vì nước mắt, vì máu mồm trào ra. Nhưng nó vẫn không nghỉ tay. Mớ tóc dài rũ từng món hỗn độn ở bên mình cô ta, mỗi lần vướng vào bàn tay hay vào ngọn roi, lại bị nó giật đến nghẹo hẳn đầu đi trong lúc nó phải gõ. Sự đau đớn tưởng đến ê chề rồi, đến một độ khiến xác thịt người ta không biết đau thêm nữa. Thằng khách bật lên cười mấy tiếng quái ác, lấy trong bọc ra một nắm lá tươi, trông tựa như lá trúc đào, cùng với nắm muối. Nó vò hai thứ ấy với nhau rồi đem cái bã xanh nhẽo nhớt kia mà xát vào những lần roi rớm máu. Người con gái thét lên một tiếng rùng rợn, mặt sất lại, đầu gục xuống ngực, người lịm bật đi. Trong hầm lặng lẽ một lát ngắn, rồi lại vang âm lên vì tiếng thằng khách vừa lú lỏ kể lể, vừa gào khóc. Nó quỳ gối, lưng cúi, tay chống lên phiến đá, vể khúm núm trước cái bệ thờ.

Khóc chán, nó lại đứng lên xĩa xối người con gái. Cô ta vẫn bất tỉnh hồi lâu. Nó đi vốc nước đọng ở một chỗ hõm sâu bên vách hầm toan vã lên mặt người con gái, thì cô ta đã thở một hơi mạnh. Đôi mắt nhắm chậm chạp mở. Cô ta cất tiếng rên rĩ, lời nói ngắt những đoạn nức nở, giọng tha thiết như kêu van. Cái câu "*Ngô... chồi cô*" vẫn thấy nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nhưng thằng khách không thời xĩa xối, chửi rủa. Không cần phải hiểu nghĩa, cứ nghe lời tuôn ra từng thôi, từng tràng vội vã, tôi cũng biết thằng khách nạt nộ những câu ghê gớm chừng nào. Cô ta vừa lắc đầu vừa năn nỉ luôn miệng. Biết cô ta đã tỉnh hẳn, thằng khách mới lấy ra một con dao nhọn, sáng như tráng bạc, giơ lên tận mặt cho cô ta nhìn. Người con gái lạng người đi vì vừa nghe thấy một câu dọa ghê sợ. Dứt lời, thằng khách mở hẳn cái gói riêng, tãi ra một bó đến ngót hai chục con dao nhọn cũng sáng cũng sắc như con trước. Nó gần lên mấy tiếng cười mà nhảy lùi lại. Người con gái vừa rú một tiếng thì một con dao đã phập cắm vào sát bên sườn cô ta. Nó nhặt con dao thứ hai, lùi đứng chỗ cũ, một tiếng cười một vút tay, ánh sắc loáng mũi dao bập sát bên vú. Nó ném mấy con sau cũng một điệu như thế. Dao chỉ bén sát da thịt chớ không hề phạm vào người. Dao đến cắm bên cổ, dao đến cắm hai bên đùi, con thì móm trên đỉnh đầu, con thì chỉ ly sợi tóc nữa cắt mất tai. Thì ra thằng khách dùng một phương khùng bố cực kỳ nham hiểm. Mỗi nhát dao nó ném ra, nó khiến người con gái tưởng là nhát dao tối độc. Lần nào người con gái cũng tưởng bị dao giết chết. Như thế tức là chết đi rồi sống lại, sống lại để chịu chết thêm chưa biết đến bao nhiêu lần. Chẳng biết rắp tâm từ bao giờ mà thằng khách tìm

được cách hành hình hiểm độc như thế. Dao ném đã gần hết. Còn lại con sau cùng nó sợ người con gái chết khiếp từ trước khi nó giết, nên còn giữ lại, cầm lủng lẳng ở hai đầu ngón tay. Im lặng một lúc hồi hộp. Người con gái xem chừng cũng hiểu. Tính mệnh cô ta sắp đến lúc liễu kết : nhát dao ấy mới thật là nhát hại người. Thằng khách nhìn như để hưởng cái thảm khốc sau cùng ở tội nhân của nó. Mắt nó nheo lại, long lanh cái ánh quái ác hơn cả mọi lúc trước. Tiếng cười của nó làm tôi sớn lạnh khắp mình. Nó nhảy lùi đến cỡ trước, miệng mím, răng nghiêng nổi gân hàm, nó lừ lừ mắt nhằm một chỗ hiểm trên thân người con gái. Con rắn độc ngóc cổ lên để rình bỏ, vẻ ghê gớm thế nào thì giáng điệu thằng khách cũng thế. Nó thông thả, nó chậm chạp nữa, đưa cái bàn tay cầm dao lên cạnh vai, nhẹ nhẹ sẽ dướn về phía sau, theo điệu tay giơ. Cái cử chỉ khủng khiếp lạ lùng. Tôi nóng bừng mặt lên. Cái tên lấp sẵn ở cung để giữ mình vút ra cùng một lúc thằng khách hất tay qua sau gáy. Con dao văng ra một chỗ, thằng khách chỉ "ấy a !" một tiếng, rồi bóp lấy tay mà nhăn.

Vẻ rõ rệt nhất trên mặt thằng khách không phải là đau, nhưng là kinh sợ. Nó không hiểu một sức thần bí gì vừa hiện ứng, trước hết trông lên bề thờ, rồi lăm lét quay nhìn về phía tôi. Tôi biết là cơ sự đã đến lúc kịch liệt. Tôi không thấy mình sợ hãi thái quá nữa, cũng không hề ân hận gì về sự liễu lĩnh vừa rồi. Tôi lấp sẵn tên để đợi, trí xếp đặt đường lối sẽ đối phó... Ngoài kia, thằng khách đã rút được mũi tên ra khỏi cánh tay. Vết thương khá nặng mà không làm nó tê liệt. Nó chệch lấy chỗ áo thùng cho máu đỡ chảy, lắng tai nghe ngóng rất cẩn thận, vẻ kinh ngạc trên mặt dần dần thêm vẻ tức giận trông dữ dội không biết ngăn nào. Hai con mắt sắc dị thường của nó nhìn soi vào khoảng bóng tối như trông được thấy tôi. Nó bước một bước, hai bước, định tiến đến phía tôi ẩn, nhưng dừng ngay lại, ra chiều e dè, rồi từ từ nó đi giạt lùi lại đằng sau xiên về phía người con gái cử chỉ lơ dờ, bí hiểm, nhưng tôi đoán trên cái khuôn mặt mờ tối sắp bóng kia đang hiện những ý nghĩ, những mưu mô quỷ quyệt khó lường. Nó cứ lùi hoài. Tôi chưa đoán được nó giữ ngón gì thì thoáng một cái, rất nhanh, nó vùng tay giăng một con dao bên cạnh người con gái. Tức khắc một ánh loáng sắc bay vào người tôi. Tôi né mình tránh được, thì con dao khác đã cắm phập vào mé dưới cái cột gỗ, ngay cạnh chân tôi, Con thứ ba liệng tới một bên vai, nhưng không cắm vào vách hầm, rơi xuống. Tôi cúi toan nhặt, vừa may thoát được một mũi chí nguy : đứng thì thế nào cũng bị trúng giữa ngực. Không thể yên chỗ được. Tôi liền nhảy bổ ra, bắn cho nó một tên vào giữa

bụng. Nhưng nhanh như vượn, thằng khách gạt được rất dễ dàng. Nó ném con dao nữa ra, lại rút mũi tên đâm cạnh bản gỗ mà ném lại tôi. Tôi bắn phát nữa thì nó lách ngang, bắt ngay được chiếc tên mà cười. Tôi rợn tóc gáy lên vì thấy cái tài nghệ phi thường ấy. Nó ném tên lại, tôi may mà tránh được. Hai bên cách nhau chỉ còn hơn chục bước, cùng lấy những cột cây để lẫn nấp, nhưng xem chừng thằng khách nóng tiến đến tôi mau hơn. Nó không cần giữ gìn nhiều nữa. Tôi chấp tên bắn ra giữa lúc nó hờ mình nhất, nhưng nó lại tránh được như chơi. Tôi vừa đặt phát nữa thì nó đã xông lại trước mặt gạt tay tôi, đâm thẳng một cái miếng thương. Tôi né được, vội nhảy giữ thế. Nó đánh gấp ra, khiến tôi sợ bí đường phải tiến về phía bệ thờ, sau hàng cột tay phải. Tôi đã tưởng nó chỉ cốt chen lối ra, nhưng sau tôi nhận thấy ngay là nó còn có ý xem xét : nó và ngoài tôi, còn có người nào khác xuống đây nữa chăng. Thừa lúc đó, tôi vớ được ngay thanh mác đương treo, liền múa hết vòng rộng ra. Vừa múa vừa định trí.

Hiệp xung đột vừa rồi, tôi vì may mà không chết. Còn thằng khách thì quả thực là một tay tuyệt giỏi ; to béo thì to béo, nhưng mau lẹ một cách bất ngờ. Ngón võ của tôi lúc ban đầu, chừng nó không coi ra trò gì cả. Tuy thế, hết sợ hãi, lại thêm kích thích chiếm được thanh mác, tôi thấy cũng có thể bất chấp được tài thuật của kẻ thù. Trong lúc giao tranh, thắng thế thì dễ lắm, võ thư thường khấn thiết răn người ta về cái họa khinh địch. Tôi nhớ điều đó lắm. Thanh mác lợi hại thực, nhưng không hẳn để cho mình cầm được phần thắng dễ dàng đâu ! Nhưng không nguy hiểm như lúc tay chỉ có tên cung, tôi không luống cuống chút nào như trước nữa. Tiến đã vững, lùi đã có ích. Thằng khách chỉ có một mũi tên sắt sau cùng của tôi để đối lại. Tôi chú ý không cho nó kịp lấy được khí giới nào khác nhất là cố ngăn không cho nó giăng thêm dao ném lại tôi. Nó cúi xuống, nhảy lên, tránh được những miếng công phu nhất của tôi ; mà chỉ đầu mũi tên của tôi trong tay nó cũng khiến được tôi luôn luôn phải tỉnh ý thủ ngự.

Nó biết rằng tôi khó lấy được đà chém bổ xuống, vì trần hầm thấp, mà phạt ngang thì chỉ có lợi ở khoảng giữa hầm. Vì thế gần hàng cột vẫn là một phương hay nhất để cầm cự với đường mác của tôi. Nó cứ giữ một mực thế mà đợi lúc tôi hờ cơ. Tôi quen mưu nó rồi, bèn tính sẵn cách trừ nó. Tôi tính thế này : hết sức đánh cho nó phải xa hàng cột, lừa khi nó áp gần vách tôi sẽ dùng lối hư công. Dữ đánh một chiêu, làm như để hết tinh thần về một bên, rồi tức thì, rà lưỡi mác cho một nhát phản diện, thế là xong đời anh chàng.

Song nó chống giữ rất kín, rất vững, không một lúc nào sợ sệt, lại thường chọc lẩn dất của tôi. Cái chủ ý rõ rệt nhất của nó có lẽ là mong tôi chém mạnh, hất nó, bập lười mác vào cột gỗ. Tôi biết thế vì hai ba lần suýt mắc phải cái nước đó. Một lần chỉ thiếu một ly nữa là tôi bị nó bắt được tay. Dụng tử công phu mới khiến được nó đi vào thế của mình. Lười mác của tôi cấp thiết mà ý tứ lăm lăm. Nó phải chuyển chỗ, dần dần lùi về một bên, chỗ ấy là sau hàng cột phía hữu. Tôi mừng thầm. Lại thấy như nó không ngờ vực gì tôi càng thêm phấn khởi. Nó vẫn tỏ ý ngạo mạn ; mình né, chân lượn, mà miệng vẫn cười một vẻ rất khinh thường. Tôi nổi giận, đánh càng hăng. Sau cùng, sự tiến thoái của nó đã có vẻ hỗn loạn. Tôi không để nó kịp điều khiển lại cử chỉ, sẵn đến công kích rất dữ. Rồi, xuất kỳ bất ý, tôi thét lên một tiếng, lười mác hết sức văng đưa ngang cổ nó. Đèn loáng một cái, cả mấy ngọn nến, cả cái bệ, đảo lộn một vòng, cùng với hình người, chân cột, trần hầm, cùng đốc ngược quanh tôi.

Tôi đã lăn quay dưới đất. Thằng khách nhảy ngay lại. Cả cái thần xác vạm vỡ của nó ngồi đè lấy ngực tôi.

Thì ra, ngay từ lúc đầu thằng khách đã biết ý tôi định. Lợi dụng ngay cái mưu tôi toan đem lừa nó tương kế tựu kế, nó mớm cho tôi ham đánh, rồi chờ lúc tôi xuất lực bình sinh ra chém, nó đâm soài người xuống đất, đưa cả sức mạnh lia tay mà gạt ống cẳng tôi. Tôi thành linh xiêu người đi, gần như bị hất tung lên, đầu chao xuống theo một đường cánh cung nguy hại.

Lười mác văng ra, tay tôi bị trói nghiêng lại. Hai chân chỉ đá đập quăng không, cũng bị giữ nổi, kẹp ở trong bàn tay nó thắt lại như gọng kìm. Không thể nào vùng được lên. Trên người tôi, một quả núi nén rì xuống. Lúc thằng khách đứng dậy thì hai cổ tay tôi quặt ra sau lưng, cùng chung một dây thừng trói lẫn vào thịt.

Nó không nói nửa tiếng từ lúc tôi ra mặt. Bấy giờ cũng vẫn lẳng lặng, nó kéo tôi lại để gần cái phiến gỗ dựng đứng, cạnh chân người con gái Tàu. Cổ ta nhìn tôi chăm chăm, đầu tóc rũ rượi, nét mặt thiếu ngủ, có vẻ tự hỏi, không hiểu tôi là người thế nào, vào đây có ý gì để cho thằng khách nó tóm được.

Tôi bụng bảo dạ : "Thôi thế là hết. Định cứu người con gái, mà rồi đến mình cũng khó lòng cứu nổi mình. Cái chết thực mười phần chắc cả mười. Chỉ còn cách là đành tâm mà chịu. Oán thán nữa, có ích gì đâu ? Chỉ

hận rằng mình phải chết mà không biết người con gái đáng thương kia phải đau đớn ô nhục đến thế vì tội tình gì". Tôi nhìn lên, cô ta vẫn chưa khỏi lấy làm lạ, nhưng đôi mắt ra chiều cũng ái ngại cho tôi. Cô ta cũng biết rằng đã vào tay giống lang sói kia thì chỉ có việc đợi nó giết chết. Tôi cũng chẳng còn một chút hy vọng nào khác, chỉ mong cho nó hạ thủ mình càng mau chóng càng hay. Nhưng ao ước đến như thế cũng không xong. Thằng khách đâu có chịu cho tôi thoát nợ ngay ! Nó cúi xuống soi mói nhìn khắp người tôi, để lộ một cái vui ác nghiệt, miệng nó nhếch ra, một vẻ cười hóm hỉnh, ngạo nghễ, như bảo cho tôi biết rằng nó đã nghĩ được lối ghê gớm để làm tội tôi.

Cái vết thương do mũi tên tôi bắn, chừng đến bây giờ mới bắt đầu tấy ; hoặc vì mái đối địch với tôi nên lúc này nó chưa để tâm. Tôi thêm sốt gáy vì chợt thấy cái vẻ căm tức im lặng của nó. Đôi mắt kia hẹn cho tôi một hình phạt xứng đáng. Nó liếc nghiêng nhìn tôi một cái trong lúc quãng mũi tên nó vừa nhả lên xem. Tôi cứ lấy làm tiếc rằng đó chỉ là thứ tên bịt sắt dùng để giết thú lớn vì sức mạnh thôi, chứ nếu là tên tre ngâm thuốc độc thì tình thế có lẽ ổn tiện lắm.

Máu ra cũng khá nhiều, đọng quện lại ở ngoài lẫn vải, nhưng vết thương không nặng lắm. Nó vén ống tay áo lên, tôi mới biết nó bị toạc đứt thịt ở khoảng giữa bắp nhỏ ; xương cẳng tay không việc gì. Lấy một nắm lá dâu mà người đi rừng ai cũng nhớ mang theo, nó nhai rít vào chỗ đau cùng với một thứ thuốc bột ; xé vải buộc lại, co ruỗi mấy cái nhẹ nhàng, rồi cứ giữ cánh tay thực thẳng, chừng nó dùng một phép nội công mà tôi từng nghe nói đến sự công hiệu để cho thương tích khỏi làm liệt gân về sau. Phàm chi thế bị đứt, cần phải giữ yên một chiều, để thuốc ngấm càng lâu càng có cơ chóng lành, lại cũng phải giữ yên tĩnh cả thân thái.

Trong thời khắc thằng khách ở yên có lẽ vừa để nghỉ ngơi nó phục vị xuống trước bệ thờ. Tôi nghe thấy tiếng lẩm rầm từng hồi. Chừng nó tạ cái tội bất cẩn để cho người ngoài lên được vào đây. Tiếng khấn nhẹ nhàng, đều đều, rồi sau dần im hẳn, chẳng biết nó đắm chìm vào những tư lự trầm ngâm nào... Nó cứ nằm phục vị như thế hoài. Nén trên bệ còn có vài đốt ngón tay, lửa không gió nhưng chốc chốc lại khe khẽ tắt ngọn. Tôi nằm hơi nghiêng ra, mình dề lên một cánh tay bị trói, người chênh chếch với chiều dọc phiến đá, đầu về phía cửa hầm. Hai vòng sắt móc vào cái rầm trần ở ngay trên mắt tôi thẳng lên. Gần đấy là hai tròng xích sắt kéo rút tay người

con gái Tàu. Tôi ngảnh nhìn cô ta thì thấy đang mấp máy môi như muốn nói gì, đầu cử động, mắt long lanh như ý muốn nói cho tôi hiểu. Tôi chăm chú một lúc mới nhận thấy cô ta đưa mắt cho tôi để ý đến con dao rơi ở bên cạnh mình. Tôi càng lấy làm lạ có lẽ nó xui mình tự tử để tránh khỏi cái lúc đáng sợ sau cùng hay sao ? Nhưng người con gái vẫn ra hiệu, cấp bách hơn trước. Mắt cô ta vừa cau vừa trợn, đảo đưa nhìn con dao, nhìn thằng khách, nhìn tôi. Tôi chợt hiểu, liền se sẽ lẻ mình cho tay thu được con dao, cố lura lưỡi dao lách vào những vòng dây thừng trói cổ tay, rồi hết sức cứa. Dao sắc, chỗ buộc tuy chặt nhưng cũng dễ đứt. Tôi vừa nhìn thằng khách vừa thong thả gấp chân lại cho gót sát với mông. Tìm mãi không thấy đầu mối, tôi đành phải cắt giữa khúc quăn. Thằng khách vẫn nằm phục, thấy tôi thờ mạnh, ngảnh đầu xuống nhìn. Tôi chờ người ra. Cổ tác nghẹn. Nhưng may chân lúc ấy chưa gỡ xong, mà tay vẫn quặt ra sau lưng giữ nguyên cái vẻ bị trói. Nó không ngờ vực gì, lại cúi trán sát đất, lại phục vị như cũ. Bấy giờ tôi mới dám thở. Người con gái sợ quá, vẫn chưa hoàn hồn. Thoát được dây trói chân, không một tiếng động nhỏ, tôi rón lại một lát ngán rồi, lấy hết gân sức nường giữ cho êm nhẹ tôi đứng dậy, rón rén bước đến chỗ thằng khách lăm lăm con dao, nhằm một chỗ trên lưng nó để đâm. Trước khi cắm ngọn lưỡi dao vào cái xác thịt to béo kia, làm sao tay tôi như chùn lại, tâm tôi thấy ngán ngại một cách thực là kỳ dị. Trong giây thoáng mà bao nhiêu ý vương vít. Tôi phải giận mình là nhu nhược, là vô lý, phải thúc giục mình bạo dạn để lấn át cái thứ tâm trạng quái lạ lúc ấy... Không giết nó chết là nó giết chết mình kia mà !

Thằng khách như sấn lưng đón cái chết. Tôi lăm lăm cầm vững chuôi dao trong nắm tay, giờ cao lấy đủ tầm, mắt môi đắm xuống. Bất đồ thằng khách vừa đến lúc ngồi thẳng dậy ! Con dao trượt sát cánh tay trái nó. Tôi chúm dụi ngã xiêu theo đà, cố đứng lại thì nó đã vội cướp sấn lấy tay tôi bóp cho con dao rơi xuống. Túng thế, tôi xuất lực đâm trái một đâm vào bên má. Hai mắt nó hốt hoảng, mặt bì ra trong lúc kinh ngạc. Tôi giật được cánh tay phải về. Rồi "chát", một cái liền theo tôi cho luôn một tổng vào mang tai nữa. Nó đã bấu được tôi lại, nhưng quả đâm sau rất dữ, lại vào chỗ phạm nên nó gục xuống, ôm lấy chân tôi. Tôi đạp nó ngã ngửa ra, rồi vội vàng đến bên người con gái toan gỡ trói hộ. Cô ta thờ như bị đè nén, nhất định không chịu, lấy đầu ra hiệu giục giã như bảo tôi trốn ra ngay tức khắc. Tôi chưa có chủ định gì rõ rệt, lại thêm luống cuống vì thấy thằng khách đang cựa mình. Tôi liền chạy lại cửa hầm leo lên thang, lấy tay nâng phiến

gạch bên trên, nhưng không thấy chuyển. Càng vội vàng càng thấy sức đuối, hỳ huych mãi cái nắp hầm vẫn không nhích qua chút nào. Ngoảnh xuống xem thì thằng khách đã chỗi dậy được. Nó loạng choạng bước tới chân thang. Tôi lo cuống lên. Còn bao nhiêu gân sức dồn cả lên đẩy một cái cực mạnh. Cửa hầm mới thấy bật hé được ra. Chỉ gắng húc một cái mạnh nữa cho phiến gạch nhích thêm ít nữa là tôi chui qua được, nhưng thằng khách đã đến nơi rồi. Tôi liền bám mép gạch, đu hăng người lên, đập rớt rít vào đầu vào ngực, vào vai thằng khách. Nó điên tiết nắm lấy hai chân tôi lôi tuột xuống, rồi cứ thế kéo thẳng đến trước bệ thờ. Lần này nó trối tất nhiên là kỹ lưỡng. Dây nghiêng tường cắt được ống thân cổ tay mình. Ấy là nó bị thương đấy, chứ không thì chưa biết tôi còn đau đớn tới bậc nào. Tay tôi ngoặt ra sau, bị trối cũng như lần trước, và cũng như lần trước cùng một sợi dây cổ chân. Rồi từ mắt cá lên đến vai, một cuộn dây chèo quấn thêm mấy vòng nữa. Thực là hết mong lại có cách thoát thân ! Vả lại cũng đừng có hòng thằng khách lại sợ ý đến lần nữa. Nghĩ mà cứ lấy làm hối hận mãi. Mình thực đáng giận vì đã quá ngu ngốc. Thằng khách bị điếng người lúc nãy sao tôi không biết thừa cơ lấy dao, lấy mác hay cái gì đó mà giết phăng ngay nó đi. Thực chẳng đại nào giống cái đại nào. Mà cái đại dột này, mới thực là cay đắng, thực là khóc hại ! Nhưng lúc bối rối thì cũng không thể nói mạnh được. Vả lại tôi cũng tưởng có thể thoát được khỏi tay thằng khách mà không phải giết nó kia ! Tôi còn mong có thể đi gọi bọn người Nùng xuống giúp tôi bắt sống lấy nó. Tôi vốn không bao giờ khinh sát, người Nùng vẫn cười tôi về chuyện đó, họ bảo tôi lẩn thẩn, hay nghĩ rắc rối. Nếu ở địa vị tôi, thì họ không hề do dự xử gọn được ngay. Ăn năn thì sự đã rồi. Thằng khách trối tôi xong đang chọn một sợi dây thừng to, ra ý sửa soạn cho tôi một hình phạt mới. Nó chập cái dây, chung đôi lại, ném quăng gấp khúc cho mắc thêm một chiếc móc sắt trên trần rồi kéo tôi lại, buộc một đầu dây vào chỗ thừng trối chân tôi, rồi sau cùng cầm nửa phần dây kia mà kéo. Hai chân tôi bị rút ngược lên gần chạm tới cái dầm ngang, đầu dốc xuống, cách mặt đất độ hơn một sải tay. Người tôi lủng lẳng như một bó giò treo. Mọi vật trong hầm tôi trông đều đảo lộn lại một vẻ kỳ quặc. Người con gái ở cách tôi vài ba bước không hiểu sao lại nức nở khóc. Thấy vậy, thằng khách quắc mắt, tuôn ra một mẻ lời tức giận, cột đầu dây xuống một vòng sắt dưới đất rồi lấy roi vun vút quất lên mình cô ta. Không chịu nổi, người con gái lại bật lên khóc. Tiện tay, thằng khách quất luôn cả tôi.

Bấy giờ máu khắp mình tôi dồn cả xuống mặt. Đầu ù, mắt hoa, da mặt nóng như hơi lửa, cổ chân đau như bị tiện, mình mẩy nhức nhối vừa bởi lần dây thắt, vừa bởi lần roi. Hình như thằng khách có một thuật riêng về đòn vọt. Mỗi cái vút của nó tôi lại phải nghiêng răng lại để khỏi kêu. Tôi cố giữ vững lòng khảng khái. Nét mặt không đổi nhất quyết không lộ ra vẻ sợ hãi, đau đớn. Mắt tôi lảng lảng nhìn thằng khách cho nó thấy tôi khinh bỉ nó không biết ngần nào. Nó càng thêm tức tối. Nó tưởng rồi tôi phải van vì nó, có lẽ nó muốn xem tôi khổ sở kêu khóc cũng nên. Tính mệnh tôi ở trong tay nó đã đành. Nhưng như thế chưa hẳn là tôi bị thua nó. Tôi còn một sức để nó phải thấy là phần thắng ở tôi ấy là sự nhẫn nhục, sự thản nhiên, cái thái độ khinh sinh của người quân tử. Thành thực mà nói, tôi đã phải gắng sức kiên cường, phải tưởng nhớ đến các gương oanh liệt mới cầm vững được can trường. Nó thấy tôi không thêm coi sự hành hạ của nó vào đâu, nó giận sôi lên. Nó rít răng lại mà đánh tôi như một thằng điên cuồng. Roi rất như đốt da thịt tôi, quất gấp trận đổ hồi lên cái thân trơ trọi sắt đá. Mồ hôi đã thành giọt lăn trên mặt tôi. Tôi hết lòng mong nó tức giận nữa lên, đến phát khùng lên và giết ngay tôi tức khắc.

Nó vẫn không quên người con gái. Vì thế ngừng được một lát, tiếng khóc của cô ta lại từng chập nổi lên áo não thê thảm bên tai tôi. Có gan chịu nổi thứ đòn thù dữ dội kia, tôi lại không nén được lòng thương con người tội nghiệp ấy. Thực đáng thương lắm. Trai trẻ như tôi bấy giờ mà còn phải treo hàm răng đi để cố nín thinh, hướng chỉ một người con gái yếu ớt, thân thể lại bọc lộ. Thằng khách lúc đó trông hung bạo hơn cả loài ác thú. Tôi thù ghét nó đã đến cực độ. Sự phẫn nộ đã đến lúc khó nén được yên. Tôi đem hết khinh bỉ vào trong một câu rẽ rọt, ghê gớm, như một lời tuyên án một lời nguyền. Tôi nhìn thẳng vào mặt nó mà nói : "Đồ phi nhân loại, chúng ta chết đi vong hồn sẽ báo oán, sẽ theo đuổi mày không biết đến mấy mươi đời". Thằng khách ngừng tay lại, nhìn tôi sùng sộ một lúc, rồi mặt đang trang nghiêm, bỗng nó nhăn tít lên mà cười. Nó vừa đưa đẩy gạt gù cái đầu vừa cúi xuống gần mặt tôi, sì sò nói như bảo cho tôi biết rằng : "Mày cứ đợi đó, ta cho mày biết một lối chết thực là hay !".

Nó đi lấy nến đốt nổi vào bốn cây chày gần hết, rồi nhả nhờ đi nhỏ một con dao trên phiến gỗ, đưa qua mắt cho tôi xem. Nó nói gì tôi không hiểu nhưng vỡ nghĩa ngay, vì con dao kia, nó đem trồng đằng chuôi xuống đất, mũi dao trở thẳng vào chính đầu tôi. Tôi đoán lát nữa, dao cắm đã

vững chắt, nó sẽ cắt đứt cái phần dây vẫn giữ tôi lửng lơ dưới trần hầm : tôi sẽ tuột xuống, đầu tôi sẽ đâm xuống lưỡi dao, hay nói đúng hơn, lưỡi dao sẽ cắm ngập vào đầu tôi.

Nhưng nào nó đã cho tôi hưởng cái chết nhanh chóng ấy ! Như thế thì chẳng khác nào thí ngay cho tôi một nhát rảnh đời sao ? Cái phần dây rút tôi lên móc sắt trần hầm, vẫn buộc một quãng ở cái vòng sắt đầu phiến đá lớn : thằng khách quay mình tôi lại để tôi nhìn thấy nó cởi nút buộc ra. Cởi xong hai tay nó nắm chắc lại rồi thả dần ra cho đầu tôi hạ xuống đất. Nghĩa là nó muốn làm một ác thần cầm giữ cái giờ tận số của tôi. Nó thả xuống, chỉ cho mũi dao chạm vào da tóc, là lại kéo người tôi lên ngay. Kéo hết mực lại thả xuống. Cứ thế tái tam tái tứ lần nào tôi cũng tưởng là lần quyết liệt cuối cùng ! Có lúc buông từ từ, để tôi thấy cái ghê buốt xuyên từ óc vào suốt sống lưng ; rồi thoát lúc lại buông mau. Tay nó điều khiển một cách khôn khéo rất tinh ma, vừa kéo tôi lên cao, bỗng nó để buột dây, đầu tôi vừa chạm mũi dao thì nó giữ lại kịp. Nó cười khoái trá lắm, trong lúc ấy thì tôi toát mồ hôi lạnh. Lối giả vờ quái gở ấy nhắc lại luôn mấy lần. Ví phỏng tôi giàu có mà nó dùng cách ấy để khảo của thì có dễ tôi đến phải xưng. Nhưng đòi lấy một lời năn nỉ bấy giờ thì dù có phương khùng khiếp hơn cũng vô ích. Tôi không dám nói là mình không sợ chết, nhất là cái chết theo kiểu độc địa kia. Lòng tôi lúc ấy chua xót vô cùng, tâm trí cũng dị kỳ lắm. Vẫn mong cho nó giết đấy, lúc tưởng phải chết lại mong nó khoan tay. Cái lòng muốn rút cho xong tức thì lại có lòng muốn sống thêm chút nữa đối ngay lại. Thằng khách có biết tâm sự tôi không mà nó làm khổ tôi đến thế ? Tuy vậy, tôi nhất định không để lộ một vẻ gì khiếp nhược ra bề ngoài. Cả đến sắc mặt tôi cũng cố không để biến.

Thằng khách thấy tôi trơ trơ không một tiếng kêu hốt nhiên, không một hơi thở mạnh thì cảm giận lắm. Cái lối hành hình của nó hóa ra nhảm, hóa ra nhụt trước sự kiên cường khó chuyển của tôi. Trước nó còn hầm hầm phun ra những lời tức tối, sau nó lấy làm lạ, nhìn tôi chăm chú lắm bầm nói như thách thức, như nạt nộ : "Được lắm, được lắm, rồi mày biết tay ta !". Rồi nó cột dây lại như cũ, ngồi nhìn quanh quẩn, ra vẻ suy nghĩ nhiều lắm. Tôi biết nó đang nghĩ cách hiểm ác hơn để làm tôi đến điều khốn khổ. Nhưng tôi đã nhất quyết không để nó được vui sướng mà trông thấy cái chết trong lòng tôi lúc bấy giờ.

Người con gái rữ rượi lả lổ kia vẫn không nhin được rên khóc. Tiếng khóc nấc lên từng trội. Tóc cô ta xoắn thành nhiều món hỗn độn, bết vào

nước mắt nước mũi, với những vết máu rớm trên mình. Tôi bị treo cách bản gỗ dựng không xa, song dần dần mắt tôi hoa lên, lấm lức chỉ trông thấy một hình thể mờ trắng, có những ánh lửa lấp loé trên mấy lưỡi dao sát cạnh cô ta. Thằng khách chừng không để tâm đến cô ta nữa.

Nó đứng dậy quay đầu nhìn khắp hầm đáng vẻ bản khoán suy tính. Mắt nó gặp mắt tôi hai ba lần, hần học, thâm hiểm. Bỗng nó phát tay lên đùi một cái, reo lên một tràng cười thích ý, nói lảm nhảm một thôi một hồi. Tôi chớp mắt, chăm chăm đợi, thì thấy nó ôm ở đâu ra một tảng đá lớn, rồi nhanh nhẩu đi lòi cái nải gạo ở chân thang vào để một bên. Trong hầm đất này cái hình vóc to xù kia qua lại, cử động có một vẻ hoạt bát dị kỳ như một bóng ác quỷ trong một địa ngục lạnh lẽo.

Nó hạ tôi xuống, lựa cho ngực với bụng tôi nằm áp mặt đất, bên cạnh con dao, nhưng chân vẫn bị treo ngược. Tôi không rằng, không nói, không có một mảy may chống cự vô ích, cứ lẳng lặng mà xem nó làm. Nó cởi bỏ cái dây chảo quấn bờ người tôi ở lần ngoài cùng đi, rồi kéo hai tay trói ké sau lưng tôi mà buộc làm một với hai chân ; gối tôi liền gấp lại. Tôi chẳng khác gì một con vật sắp bị đem làm thịt. Người tôi lùng lẳng sát đất, ngực ưỡn lên mũi dao sắc, búi tóc sổ rủ xuống hai bên thái dương.

Thằng khách lại rút tôi lên, rút lên giữa chừng cái khoảng từ trần hầm với mặt đất. Giữ như thế làm mực nhất định, nó bắt người tôi bị kéo lên hạ xuống mấy lượt nữa. Chỗ móc sắt dây thừng cọ đi cọ lại từ trước lúc đó đã nhẵn bóng, tay kéo đã thêm dẽ mà tiếng dây siết đã êm hơn. Chán rồi nó mới đem buộc kỹ lưỡng đầu nải gạo với tảng đá lúc nãy vào với nhau, lại buộc phần dây thừng buông kéo tôi vừa rồi vào hai thứ ấy. Buộc xong nó còn thử xem nải gạo với tảng đá đủ nặng, cho người tôi khỏi lòi bóng lên được không. Thử đã vừa ý - sức nặng của tôi với hai vật kia đã thăng bằng - thằng khách liền buông tay ra. Người tôi lúc ấy lửng lơ, không rơi lên được lưỡi dao dưới đất. Thằng khách bèn lấy con dao khác, chọc một lỗ ở đáy nải cho gạo chảy ra dần, bấy giờ tôi mới hiểu cái độc kế của nó.

Nó khoan tay ngắm cái công trình cơ xảo độc dữ của nó, vẻ đắc chí hơn hở trên mặt. Tôi lấy làm ảo não mà hiểu rằng lần này thế là hết, lần này thì cái phép tuyệt diệu của nó sẽ đưa thẳng tôi đến cái chết sau cùng. Nó đang ngồi chăm chú dò xem thần sắc của tôi, sức nhìn lên thấy người con gái đang nức nở. Nó dùng dùng nổi giận, vớ roi nhảy lên vừa quát tháo vừa thẳng cánh vụt. Người con gái lại gào khóc. Nó càng hăng đánh. Tiếng

roi bay vun vút như quạt đen đét vào những tiếng kêu thảm thê. Tôi nghe chừng người con gái đã nhọc sức lắm. Trận đòn vẫn dữ, mà tiếng khóc như yếu đi, nghe càng chua xót, càng náo lòng thêm, nhất là vì tôi biết cái số mệnh của tôi cũng không được bao lâu nữa.

Dòng gạo trắng bên cạnh tôi vẫn không ngừng chảy. Cái dây treo tôi bắt đầu cựa ở chỗ móc sắt, các thớ da thịt thân thể tôi gai sồn cả lên. Huyết mạch chuyển qua từng dội sóng bàng hoàng. Người tôi chốc chốc lại tưởng tụt mau xuống một cái.

Nải gạo đã vơi đi đến chừng ba bốn đấu hạt gạo rơi bắn tăn mạn, trên mặt đất đã thấy dần dần thành có chỏm, mà mỗi khắc một cao dần. Thằng khách chợt để ý. Nó vội lấy chân vun hết gạo hất thực xa. Từ lúc ấy nó vẫn coi chừng giữ cho cái khoảng đất chung quanh con dao bao giờ cũng quang phẳng.

Lưỡi dao loáng sắc, yên lặng chĩa cái mũi nhọn lên ngực tôi, như đợi chờ đó đã lâu, như một thứ khí giới yêu ma, chồi mọc lên từ một cõi âm ty nào.

Lưỡi dao đó chỉ lát nữa sẽ ngấp vào tim phổi tôi. Tôi sẽ giãy giụa hấp hối không biết bao lâu, rồi người sẽ cứng còng, chân tay co quặt trong một dáng thiếu nào !

Gạo cứ chảy. Tôi cảm thấu từng mẩu dây chậm chạp tuột qua vòng móc. Chẳng mấy chốc nữa đồng cân bên gạo rút đi, mà người tôi sẽ gấp mau sức nặng thêm hoài !

Tôi thực là trông rõ thấy mình chết.

Mặt tôi nóng như tức máu, những vết trói, dấu đòn không biết đau nữa trống ngực đập đến tức thở, hai tai nghe ồn ào muôn nghìn tiếng rất lạ lùng. Ô ! Cái chết phi thường, cái chết tai quái ! Nải gạo kia tức là một thứ đồng hồ, mà gạo trong nải tức là những giọt nước vô cùng thảm khốc, vô cùng khắc nghiệt, mà mau chóng làm sao ! Gạo tuy có đều đều từ từ mà rơi, nhưng thoát ra lẽ nào vực nào là cái chết nghiêm khắc, khát khe lại gần chừng ấy ! Cái thời khắc vừa quá ngắn, lại vừa dài ghê !

Tôi bắt nghĩ đến thân thể tôi, đến quê hương tôi, nghĩ đến tất cả những bằng hữu thân thích tôi, đến cuộc đời của tôi đáng lẽ còn dài, còn nhiều bước hạnh ngộ tốt đẹp, còn bao nhiêu húng vị sẽ được hưởng ở bao nhiêu độ tiến ở tuổi trời... đột nhiên đến bây giờ là đoạn, là tuyệt ! Tôi phải chết.

Mà chết bởi một kẻ thâm độc ở đâu chợt đến, chết vì một việc kỳ quái, vô nghĩa lý ; chết thâm kín, chậm chạp, giữa lúc khỏe mạnh linh tảo, trong giờ bi đát không được xuôi ruỗi, không ai phủ khăn vuốt mắt ; chịu để cho một lưỡi dao bình yên giết hại ; chết trong lúc làm trò vui mắt cho một con quái vật nó lấy câu nguyên rủa để làm lời tiễn tống mình. Bao nhiêu ý nghĩ chua xót thấm thía !

Người tôi hạ xuống một gang, rồi hai gang.

Nhưng tôi biết trước rằng, chẳng mấy chốc khi nài gạo với quá nửa, nhẹ bỗng đi, thì tôi sẽ rơi xuống thẳng một mạch, chứ không dần dà được mãi như lúc này. Ý nghĩ cay đắng ấy làm chói buốt tâm can. Chẳng biết tôi làm thế nào mà giữ được thân sắc lạnh lùng chứ thực tôi thấy lòng tôi thảm hại quá, thiếu nảo quá. Mất tôi đến lúc lóa thêm rồi nhìn cái chân quét gạo của thằng khách chỉ thấy một hình thù xăm xanh cử động, nhưng lưỡi dao như sáng thêm, dài thêm. Cái dây chảo kia thực là dây treo tính mệnh tôi, mà thực cũng mảnh hơn sợi tóc.

Dòng gạo trắng đổ xuống một vệt thẳng mơ hồ. Cái thăng bằng đã thiên lệch nhiều. Nài gạo với tảng đá không ở tầm nhìn của tôi nữa. Càng khác tôi càng thấy người thêm nặng. Giá tôi quấy mạnh lên một cái thì xong nợ tức thì. Nhưng tại sao lại không ? Tôi cứ ở yên, cố sức lặng yên... Cứ y như là vẫn trông mong một sự gì đây : nhưng bấy giờ thì trông mong gì được ! Nài gạo nhẹ lắm rồi. Dây chuyển qua chỗ móc sắt cấp thiết thêm. Tôi nín thở lại mà gạo vẫn cứ chảy.

Chẳng biết vì cơ gì người con gái gần tôi vẫn khóc ; thằng khách đã nghi tay đánh từ lâu. Tôi phảng phất thấy một khuôn mặt tròn, nhăn nhó cười, nhe trắng một miệng răng. Nó áp mặt rất gần để xem tôi hấp hối. Miệng nó thở ra những tiếng găm ghè, hục hặc. Rồi lại hể hể cười. Vừa cười vừa hô, vừa lấy tay đánh nhịp như để thúc giục cho gạo chảy mau hơn nữa, cho tôi thêm mau rơi xuống, cho mũi dao cắm ngay vào ngực tôi.

Tôi chịu sự khốn khổ đến mức cùng tột mất rồi, phải nhắm mắt lại để đợi, mà cũng là để thôi nhìn cái mặt ác thú kia. Tôi buông sức cố gắng ra tâm thần hồ thành mê loạn. Chỉ trong khoảng hai hơi thở, hai nhịp trống ngực mà tôi thoáng nghĩ đến trăm nghìn muôn ức hình ảnh kỳ quái thoáng nghe thấy hỗn hòa những tiếng ồn ào... Mà bên tai vẫn nhận rõ tiếng người con gái vẫn còn thút thít với tiếng thằng khách hô nhịp không ngơi mồm. Rồi như xôn xao tiếng người thưa thưa gọi gọi, lại như huỳnh huých những

tiếng tấp nập chen chúc ở đâu đây. Người tôi như ngã từ trên mây rơi tuột xuống rất nhanh. Nhưng không qua một chút gì là đau đớn hết. Có tiếng gọi ôn tồn ngay bên cạnh :

– Anh Triệu à, anh còn tỉnh chứ ?

Tôi thấy tôi hẫng lên, rồi hạ nằm nghiêng dưới đất. Tiếng vừa rồi tưởng như nói trong thế giới nào. Tôi mở mắt, thấy toàn là mặt quen cả : không biết xuống đây từ bao giờ ? Bàn sân của tôi đã lấy dao gỡ hết dây trói, chân tay tôi đã thoát nhưng vẫn tê dại, họ phải xốc đỡ ngồi lên. Tôi vẫn mơ màng chưa hiểu ra sao. Bao nhiêu miệng cùng thăm hỏi mà mình vẫn ừ ào chưa nói lên được. Trông đến người con gái thì mặt xám ngắt như chàm đỏ, bấy giờ bất tỉnh, vẫn bị ràng trói, vẫn trấn trụ. Tôi cũng không phải phân giải câu nào, chỉ lấy tay ra hiệu cho họ nhỏ dao quanh mình rồi cời trói cho cô ta. Còn thằng khách thì đã bị năm sáu người đè xuống, đang lấy dây quấn chặt từ đầu đến chân.

Bấy giờ tôi biết là thoát nạn rồi, nhưng phải nghĩ mới dám tin là chắc chắn.

Một lúc lâu nữa tôi mới thực hoàn hồn. Người con gái hơi thở đã mạnh, mặt đã lại sắc dần, họ đã lấy quần áo của tôi mặc cho, đặt nằm một nơi đợi cô ta hồi tỉnh. Tôi bèn đem việc ở dưới hầm sơ lược kể cho họ nghe, nhân lại hỏi sao họ biết được tôi bị khốn ở đây mà xuống cứu.

Người Nùng đêm ấy bàn nhau nghỉ sớm, cuối canh ba đã gọi nhau trở về, khác hẳn lệ thường cứ đến gần sáng mới nổi hiệu mãn cuộc. Họ định trưa mai đem da cộp đi trình ông châu Lùng Sa. Vào đến miếu, họ không thấy tôi đâu, điếm xem thì lại thấy mất một nải gạo. Họ còn chưa hiểu duyên cớ thì bỗng vắng vắng nghe tiếng rên khóc cùng với tiếng quát tháo. Họ ngạc nhiên lắm, lẳng lặng tìm sục các nơi xem. Không thấy gì cả, nhưng tiếng khóc, tiếng mắng vẫn còn. Trước họ còn tưởng là chính ông thần miếu này đang nạt nộ, sau mới chợt tìm ra lối xuống hầm. Thì ra lúc tôi chực trốn lên, tôi đã hé được phiến gạch mà thằng khách vô tình không đẩy lại. Tiếng dưới hầm do đấy vắng lên. Người Nùng mới vì thế mà biết được lối xuống. Cũng may, họ không làm ồn. Còn thằng khách thì, phần đang mái, phần không ngờ, nên không thấy gì hết. Họ mở nắp hầm lên, trước hết trông ngay thấy người con gái trước phiến gỗ, thấy tôi đang bị treo, rồi thấy thằng khách quay lưng ra, tay đang khoa, miệng hò hét. Họ máy nhau rón rén xuống cả, nấp sau bóng cột, rồi cùng một lượt ồ lại bắt

thằng khách. Hai bên xung đột một lúc thằng khách mới chịu thua. Trong khi đó, hai người đến cứu tôi. Họ vừa kịp đón lấy tôi chính giữa lúc tôi tuột thẳng xuống. Trước hết lấy chân xéo đổ con dao dưới đất, một người bế nâng tôi lên cho người kia cắt dây.

Thực hủ vía ! Muôn phần tôi không ngờ được một là lại còn được sống ở đời. Trong bụng vui mừng mà tôi vẫn tròn trợn bàng hoàng, tâm thần như chưa thực hẳn.

Chúng tôi bàn định ngay hôm ấy sáng rõ thì dẫn người con gái với thằng khách lên châu Lũng Sa để quan châu tra vấn. Tôi bảo bạn sẵn hãy vực người con gái lên trên miếu để khi tỉnh dậy khỏi phải trông thấy quang cảnh khủng khiếp dưới hầm.

Bỗng từ chỗ thằng khách nằm, mấy tràng cười rống lên. Tiếng cười nghe thực ghê rợn, không ra tiếng cười giòn, không ra tiếng cười khúc khích mà cũng không hẳn là cười nữa. Cứ thấy khe nặc lên từng hồi những tiếng "hồ hô", "hềch hềch" rất lớn vang âm quái gở, nghe gần tựa như tiếng ễnh ương hay ếch trâu nó "ỳ oà oặc" liên thanh sau những trận mưa rào. Ai nấy kinh ngạc đứng phỗng ra, lúc đến gần soi được xem thì trên mình thằng khách máu tràn ra như chan, đỏ ngòm hai tay nó, lại vũng cả một khoảng mặt đất.

Thì ra tay bị trói dề lên bụng, nó đã cố lách vào lẫn áo trong móc ruột ra mà tự tử ! Ngăn cản thì đã quá muộn. Thằng khách không giãy giụa chỉ co giật mấy cái rồi đờ người, nằm im. Nó chết rồi mà hai mắt vẫn trừng trừng còn mở, nhìn trao tráo vào mắt tôi. Tôi rùng mình bất giác lại tưởng đến hai mắt tôi bất chợt hôm nào, rồi lại nhớ đến hai mắt con trăn... Mắt người đã chết rồi mà sao vẫn còn cái sức yêu ma đến thế. Suốt đời, tôi khó mà quên đi được, mà mỗi khi thốt nhiên nghĩ tới thì về nhìn quái gở lúc đó vẫn còn xiên qua khắp tâm hồn tôi. Lại còn tiếng cười kia nữa, tiếng cười kỳ quặc, khủng khiếp ! Tôi tưởng như đó là những câu đe dọa ghê gớm : trước khi nó chết, hình như thằng khách hẹn với tôi rằng nó sẽ không quên tôi, nó còn tìm được mưu độc hại cho bằng được tôi để báo oán. Trong cuộc đời tôi sau này, mỗi khi bị hiểm trở, mỗi lần mắc phải tai ương nào, tôi lại nghi là do vong hồn con ác quỷ kia xui nên. Cả trong yên vui tôi cũng thường chợt dạ. Oan khí như không bao giờ tiêu tan hết bao nhiêu căm hờn, bao giờ cũng theo đuổi bước đường đời của tôi, ám ảnh sự thái bình của tôi : không có cách nào trừ đi được.

Cả bọn người Nùng đều lắc đầu lè lưỡi trước cái chết đột nhiên mà phi thường này. Còn tôi thì như đã quen, đã dạn những điều quái đản từ trước, tôi không lấy sự thảng khách cầu rồn tự từ làm quá đổi lạ lùng. Chỉ ngấm ngấm lo sợ không dám nhìn đôi mắt mở của thằng khách, tôi nín thinh vừa rờ tay thăm lại những dấu đòn trên người, vừa đi xem xét khắp hầm vừa ngấm nghĩ.

Tôi bụng bảo dạ : những việc xảy ra dưới hầm này đêm hôm đó, tất thằng khách đã rắp từ lâu, mà chùng làm quen tay lắm, cho nên mới sẵn những hình cụ, như bản gỗ, những móc xích với những dây thừng. Các thứ ấy đã cũ đã gỉ cả. Công việc hẩn làm có lẽ không hề ai biết, không từng có ai cản trở. Bỗng đến nay, thấy một bọn người từ đâu đâu kéo đến làm cho hẩn kinh lạ. Hẩn phải để mắt dò xét cẩn thận : những lúc thốt nhiên thấy cái bóng áo chàm xanh trong rừng, có lẽ chính là những lúc thằng khách lẩn lút quanh quất đó mà dòm dò chúng tôi. Cả bọn hẩn lén vào trong nhà lều, hẩn cũng là một phen trốn tránh giữa lúc bí thế ; không chùng thằng khách nhân dịp ấy còn muốn gây cho cái thói mê tín của người Nùng thêm vững, để cho họ đừng chú ý đến các tính cách công việc riêng của hẩn cũng nên. Hay ngoài ra, lén vào lều, hẩn còn chủ ý gì khác nữa, thì tôi không đoán ra được. Lúc hẩn lén vào trong miếu chỉ có tôi trông thấy hút ; nhưng dù cho cả mọi người trông thấy nữa, hẩn cũng biến mất như một bóng ma. Lúc ấy thì nào ai ngờ đâu đến cái hầm dưới đất ? Thằng khách chỉ việc lật cái phiến gạch, nhảy xuống, đập lại như cũ, thế là đủ cho bọn người sẵn lòng tin chuyện biến ảo, yên trí là vừa gặp vía quỷ thần. Trốn ở dưới hầm, giá thằng khách biết rằng trên miếu người ta đang lừa hương cầu cúng hẩn, chắc cũng phải lấy làm buồn cười. Rình mò nghe ngóng mấy hôm thằng khách dò biết chắc chắn rằng chúng tôi là bọn đi săn, mà chỉ ban đêm mới kéo ra khỏi miếu, hẩn mới dám đem tội nhân của hẩn xuống. Hẩn không ngờ là trong miếu đêm ấy lại có tôi, sự tình cờ đã khiến tôi biết được những "chuyện kín" ghê gớm dị thường kia, lại cũng khiến tôi phải một phen kinh khủng, hút chết.

Song thằng khách là người thế nào ? Vì những lý do gì lại đến tận chốn này mà thi hành những việc độc ác như vậy ? Trong mình nó không có qua một thứ giấy má nào để người ta có thể biết được tên tuổi lai lịch của nó.

*

* *

Thằng khách đã chết thì bao nhiêu ẩn tình về chuyện này họa chăng chỉ có người con gái Tàu kia là biết được ngành ngọn. Từ hôm đưa cô ta đi trình ông châu thì cô ta bị một cơn sốt kịch liệt rồi cứ mê mê mẩn mẩn, khi cười khi khóc như người hóa điên. Ông quan châu biết chưa thể tra vấn được, nên cất người săn sóc thuốc thang đợi cho cô ta hoàn lại tính người. Trong khi đó, thổ dân ở những thôn gần đó không mấy ngày là không nói đến việc xảy ra trong rừng lớn ở Lũng Sa. Người thì cho rằng người con gái kia là một vật hy sinh đem đến cho con yêu trong miếu ăn thịt, người thì lại bảo là thằng khách cưới vợ cho Thần Rừng. Vì thế có kẻ lo sợ rằng vị thần Lũng Sa sẽ oán bọn người Nùng đi săn, rồi oán lây cả đến dân làng, vì bọn đi săn đã làm chết mất thằng khách là người hằng năm vào trong hăm cúng tế. Nhiều người kể cho tôi nghe rằng, mấy năm trước đây, họ trông thấy một người khách to béo thường vào trong rừng hoang, khi đi một mình, khi dắt theo một người con gái ; cứ gặp người làng là ù té chạy, rồi không biết biến dạng nào mất.

Những điều ước đoán với cách giảng nghĩa của họ, cũng như của bọn người Nùng bạn săn với tôi, đều mơ hồ lắm. Lòng tin tưởng của họ ngây ngô, đơn giản nhưng thực là vững mạnh. Tôi cũng không muốn biện bác với họ làm gì. Tuy vậy, cũng có điều khiến tôi suy nghĩ, là thấy họ nói đã từng gặp thằng khách một vài lần. Về điều này nhiều người cam đoan là không sai, vì đã có nhiều người trông thấy. Thế thì có lẽ cái cảnh tượng tôi được "thực mục sở thị" đêm hôm xưa, quả như điều tôi đã đoán trước, không hẳn chỉ mới diễn ra lần đầu. Mà nếu thằng khách không bị bại lộ thì chưa biết chừng nó còn ngấm ngấm tàn ác đến bao nhiêu phen nữa.

Ông châu Lũng Sa cùng những người có trách vụ hoặc chú ý đến chuyện này, trong khi đợi-người con gái bình phục, đều băn khoăn như tôi. Thằng khách là hạng người nào ? Cái hăm đất kia với nó có những quan hệ gì ? Những việc nó hành động là do những căn nguyên nào ? Khó lòng phân giải được cho xuôi ổn.

Khám xét trong hăm cũng không thấy ngách ngả nào thêm nữa. Hăm đào chừng lâu lắm, cách chống đỡ rất kiên cố, mà xem ra đào cùng một thời dựng tòa miếu. Không thể nào đoán được miếu ấy thờ ai. Có lẽ miếu dựng nên chỉ để làm nơi đánh dấu, hoặc để người ra vào hăm đó không bị nghi ngờ gì. Cửa hăm thì ở một góc miếu phía tay tả (kể lúc mình ngánh mặt vào trong), nhưng hăm lại đào ở hẳn khu ngoài. Tìm kỹ lưỡng, thì

thoạt tiên ngoài những cái tôi trông thấy ngay đêm tai nạn, chỉ thấy thêm được ít lương khô cùng với mấy nén bạc thàng khách đem theo. Mãi sau, vì cái mùi thối nát khác thường, không thể ngờ là do xác chết của thàng khách xông ra được, người ta mới đào một vài chỗ lên xem thì thấy những xương người đen xì, thịt chưa rửa hết, có đến hai ba bộ. Nhưng sự kỳ bí chỉ tôi tâm dày đặc thêm lên.

Người con gái Tàu thì càng ngày càng kiệt lực. Cô ta không mê hoảng như mấy hôm đầu nữa, song bệnh tình trầm trọng như thế, xem chừng cũng không đặng được bao lâu. Một hôm tôi ở bản Khau đến thăm cô ta bên châu, cô ta ứa nước mắt không nói gì cả. Tôi lấy giọng ôn tồn dịu ngọt yên ủi cô ta. Tuy không hiểu tiếng nhưng cũng biết là lời ân cần khuyên nhủ mình, cô ta nhè nhẹ mỉm cười, đầu khe khẽ gật.

Cách đó ít bữa, tôi lại đến châu Lũng Sa thì được tin người con gái Tàu đã chết. Tôi bùi ngùi lắm, toan trở ra về thì ông châu cho người lưu lại, mời tôi vào nói chuyện. Ông ta lấy trong tráp đưa ra cho tôi một phong thư dày, nói là của người con gái Tàu để lại, dặn gửi riêng cho tôi. Bức thư dài lắm, nét bút ẻo lả, viết lối hành khải nhiều dòng chữ lúu rúu chỉ chút nhưng cũng đủ rõ ràng. Ông châu nói rằng trước hôm cô ta tắt nghỉ, lại thấy tươi tỉnh, ra hiệu mượn bút giấy, nhờ người đỡ ngồi dậy để viết bức thư này. Trong thư, người con gái Tàu kể rõ tên tuổi, lai lịch mình, với cái duyên cớ vì đâu cô ta bị thàng khách hành hạ. Nhờ đó tôi biết được phần lớn câu chuyện. Mãi mấy năm về sau, gặp được một viên quan Tàu sứ bộ Trung Quốc sang giao thiệp với triều đình ta, ngẫu nhiên tôi nhắc đến việc xưa thì thấy ông Phó sứ ấy nói là đồng quận với thân nhân người con gái Tàu. Hợp với lời trần bạch trong thư của cô ta, câu chuyện ông quan Tàu thuật lại với tôi khiến tôi biết hết đầu cuối những điều mà tự mình sưu tầm, tường khó lòng thấu rõ được.

*

* *

Cô ta tên là Thúy Liễu, con gái họ Lâm, quê ở mạn Phù Nam⁽¹⁾ bên Tàu, cha mẹ nhà nghèo chỉ có một mụn con gái làm của bấu. Năm cô ta lên chín, hai ông bà kế nhau ty trần. Trong họ, có bà dì nhà cũng khá giả, động

(1) *Phù Nam* : tên một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

lòng vì cái cảnh thương tâm cùng mực đó, đem Thúy Liễu về nuôi. Thúy Liễu ngoan nết lại thông minh, bà di hết lòng chăm nom dạy dỗ, nhan sắc ngày một thêm dịu dàng, được nhiều người quý mến khen ngợi. Đến năm cô ta mười tám bà di từ chối các đám giàu có, gả Thúy Liễu cho một viên huyện quan họ Mã tính tình thuần lương.

Mã sinh là người ở xa đến, mãi đâu từ trên Hán Khẩu⁽¹⁾ nhậm huyện này kể đã năm sáu năm, mà chưa lần nào về thăm quê nhà. Từ ngày lấy nhau, vợ cũng không từng được chào lạy họ mạc bên chồng.

Mã sinh quý vợ lắm, tình ngày thêm khăng khít mà hai người trọng lẫn kính chung. Nhưng Mã sinh vốn ít nói về chuyện tổ phụ mình, chàng lại kín đáo lạ thường. Thúy Liễu thường bất chợt thấy chàng băn khoăn lo lắng, có hỏi thì chỉ đáp lại là bận lòng về việc quan. Được dịp giục về thăm quê, chàng bao giờ cũng tìm được cớ thoái thác. Mã sinh làm quan hết lòng chăm chỉ, rất mực liêm khiết ; thái độ nhũn nhặn ; tính hiếu thiện, hay thương giúp người khốn cùng. Cả huyện ai cũng mến và nể sợ. Cảnh gia đình tuy thanh bạch song thực là đầm ấm êm ái. Mã sinh như thế có thể gọi là người được sung sướng ít ai bì. Nhưng cái mối u uẩn kia bởi đâu khiến về mặt chàng lúc nào cũng có bóng ưu phiền ? Thúy Liễu hết cách ý tứ để dò xét cũng không thể nào biết được. Có những buổi chồng nàng lặng lẽ thái quá, lại có những khi cười nói hờn hờ một cách không được tự nhiên, những lúc đó Thúy Liễu lại lo hơn, mắt chàng thoáng qua những vẻ hoảng hốt.

Một hôm thân sắc Mã sinh biến loạn một vẻ rất đáng sợ. Chàng bỗng như cuồng dại, không thể giữ gìn được cử chỉ, cả ngày bứt rứt, đứng ngồi không yên chỗ, mà cứ quanh quẩn ở hậu đường. Đến tối, sai tôi tớ mỗi người một việc, chàng gọi Thúy Liễu vào phòng, cầm lấy hai tay nàng rồi rưng rưng khóc. Thúy Liễu hết lời khuyên van, căn vặn mãi, chàng mới đem chuyện kín ra kể cho vợ nghe.

Ông thân sinh ra cha Mã sinh là Mã Hồng trước kia làm quan cao phẩm, có thế lực lớn. Khi hồi hưu, vẫn giữ thói thị oai, thường làm nhiều điều tà khuất, ức bách dân gian. Tuổi tuy già nhưng tính đam mê nữ sắc không dẹp bớt. Đàn bà con gái, cứ thấy ai ưa mắt là sai bắt về cho bằng

(1) Hán Khẩu : thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

được, gây ra nhiều tình cảnh oan khổ mà không ai dám hé răng. Sự buồng túng ngày một tệ thêm, vợ con trong nhà khuyên can thế nào cũng không nổi.

Trong bọn người bị cưỡng đoạt có Trương thị là người nhan sắc hơn cả. Trương thị kháng khái trinh liệt, một mực không chịu để người nhục phạm được mình. Mã Hồng dụ dỗ chỉ uống lời, đe dọa cũng không mấy chuyển. Sau cùng Hồng sai lột hết xiêm áo của Trương thị, trói chân tay lại mà hành hạ, dùng cách tàn ngược để bắt phải theo. Trương thị phần đau đớn phần hổ thẹn, đến đêm hôm thứ ba Mã Hồng mở cửa phòng giam bước vào thì đã thấy người đàn bà cắn lưỡi mà chết. Mã Hồng vội sai người đắp điểm rồi ngấm đem vùi một góc vườn ngoài.

Chồng Trương thị là Lý Chu, cùng với con trai đi buôn ngọc ở các nơi xa về căm tức đến phần uất. Chu biết rằng mình thấp cổ bé miệng, dù có phá sản để đi kêu khiếu cũng vô ích : cái quyền thế của họ Mã vững chắc như thành liền. Những nhà giàu có chẳng kém gì nhà Lý, vai vế lại không phải tầm thường mà đối với sự tàn ác của Hồng cũng đành phải chịu nín. Chu nuốt hận nuôi chí báo thù.

Chu để tâm hết sức dò xét, biết được chỗ đất chôn Trương thị, nhân một đêm tối, đào lên đem xác về mai táng hẳn hoi. Trông thấy cái thân hình lỏa lồ của vợ, Chu cuống đại lên vì đau xót, thể nguyên rất độc rằng sẽ ăn gan uống máu Mã Hồng. Nhưng Mã Hồng đã dự mưu từ trước, dùng luôn việc báo thù của Lý Chu để hại Chu.

Một đêm Chu lên được vào tường phủ thấy Mã Hồng ngồi đọc sách ở đại sảnh một mình. Chu nhảy xổ lại đâm thì bị gia đình của Hồng phục sẵn ở đó đổ ra bắt Chu trói lại. Muốn trừ tiết hậu họa, Hồng bèn nghĩ ra một kế thâm độc là mua chứng cứ, hãm Lý Chu vào tội thái ác. Mã Hồng vu cho Lý theo nghịch đảng, ước với giặc về mưu sát công thần. Trong nước bấy giờ vào khoảng năm Đạo Quang thứ mười⁽¹⁾, bề ngoài vẫn bình trị, nhưng ngấm ngấm đã có những mối loạn ẩn nấp lẫn với những bọn cường khấu ở một vài nơi. Đạo số của Mã Hồng tâu lên, triều đình tin ngay, tức khắc truyền chỉ bắt lấy cả nhà Lý Chu và hạ lệnh tru lục. Mã Hồng tịch thu lấy sản nghiệp của họ Lý, bao nhiêu bạc vàng châu báu riêng lượm lấy hết

(1) Đạo Quang thứ mười : niên hiệu Thanh Tuyên Tông, Trung Quốc, tức năm 1830.

trích ra phần lớn đút cho mạnh thêm vây cánh, cho việc mưu tính của y chóng xong. Việc bức tử Trương thị người ta có đoán biết cũng làm ngơ, lấp liếm dưới của hối lộ và quyền thế.

Con trai lớn của Lý Chu là Lý Thạch đang ở trên đường lên Bắc Kinh⁽¹⁾ để chạy chọt cổ kều oan cho cha, nghe tin biến, tức khắc quay lại, nhưng không dám về nhà nữa. Hắn phải ẩn náu, trốn tránh đến điều cực. Khi cả nhà bị xử tử thì Lý Thạch đã lẩn lút ở miền Nam. Đến đâu cũng thấy bị truy nã, hắn phần chí, theo bọn cướp lớn ở Linh Lâm, một đảng có tiếng là thần xuất quỷ một.

Cách đó ba năm, Mã Hồng đương ung dung tác uy, tác hại thì bị một người giữa đêm nhảy vào nội đường giết chết, cắt mất đầu mang đi. Bên cạnh thấy, một bức thư ký tên Lý Thạch. Trong thư Lý Thạch thách thức, đe dọa, hẹn rằng sẽ giết ba đời họ Mã để rửa hờn. Việc ám sát Mã Hồng, người nhà hết sức bùng bít để tránh thêm phần nhơ nhục cho gia thanh, vì thế người đến phúng viếng có hỏi, Mã phu nhân đều trả lời rằng tướng công vì ngộ cảm mà tạ thế. Mã Hồng bị giết, tổng táng vừa được ba ngày, thì chính thất phu nhân tự dung không biết đi đâu mất. Cả nhà chưa hiểu sao, cũng chưa kịp thăm hỏi các chỗ thân thích, bỗng một buổi sáng, Mã Hoàng là trưởng nam nhà họ Mã trở dậy sớm, chợt trông thấy một mũi tên cắm ở cửa phòng phu nhân. Cuối tên buộc một cuốn giấy. Giở ra đọc thì chỉ có năm chữ "Hào hán báo mẫu cừu". Mã Hoàng nhớ ngay đến bức thư bên cạnh thấy cha, biết rằng mẹ chàng cũng mắc tay Lý Thạch. Hoàng lo sợ lắm. Mấy lời nguyên cả quyết báo thù kia, Lý Thạch tất không đời nào quên. Vậy thì mình, cùng với anh em mình, rồi vợ con mình rồi đây tất sẽ lần lần bị hại. Cơ nguy bao bọc lấy con cái họ Mã trong cái trùng vây thù oán vô hình. Họ không cho tiếng tăm lọt ra ngoài, nhưng ngày đêm vẫn tìm hết phương kế phòng ngừa.

Mã Hoàng có độc một trai là Mã sinh, bảy giờ tuổi mười bốn. Mã sinh đang ham chuyên việc khoa cử thì thấy cha bắt sửa soạn gấp rồi gửi mình cho một người cố hữu ở tận Quảng Tây⁽²⁾. Trước khi chia tay, Mã Hoàng ghé tai dặn dò cẩn thận rằng, việc nhà chớ nên đem thổ lộ với ai, đi xa như thế lấy tiếng là du học, nhưng chính là để lánh họa. Mã sinh cứ đi xuống

(1) Bắc Kinh : thủ đô Trung Quốc.

(2) Quảng Tây : tỉnh phía Nam Trung Quốc, giáp Việt Nam.

Quảng trước, rồi độ dăm bữa nửa tháng chi đó, khi nào thu xếp cửa nhà xong, cha mẹ sẽ liệu xuống sau.

Mã sinh đến Quảng được hai mươi hôm thì có tên đầy tớ cần tín ngày đêm đi từ nhà đến báo luôn mấy tin dữ : Mã Hoàng bị một mũi dao phóng chết trong phủ rồi ngay đêm sau Mã Thao em ruột Hoàng cũng bị giết vì một mũi tên. Tìm hung thủ không những không thấy mà rồi mẹ với cô dì Mã sinh cũng không biết bị bắt đi bằng cách nào.

Thế là chỉ trong vòng hai tháng trời, con cái anh em nhà họ Mã cùng bị hại về một tay Lý Thạch. Trong lá thư đầu nó đã nói : Lý Thạch còn báo thù nữa kỳ lấy được mạng đủ ba đời thù nhân để hả oan hồn của cha mẹ họ hàng. Vậy thì rồi cũng đến lượt Mã sinh. Sinh còn sống ngày nào còn phải lo sợ ngày ấy.

Ở nhà vị thân nhân của cha, sinh hết sức kín tiếng. Quảng Tây cũng xa nơi hoạn họa có hàng trăm nghìn dặm sơn xuyên. Tuy vậy Mã sinh không mấy lúc dám ra ngoài. Một tiếng động cũng khiến chàng nghẹn hơi. Chàng e dè những kẻ ra vào ngõ vực cả đến kẻ hầu cận. Thỉnh thoảng phải đi đâu, chàng tránh hết những đường vắng, nhưng cũng không yên bụng ở những chỗ đông người. Sinh thấy kẻ thù đón mình ở khắp các nẻo.

Nhưng hết năm nọ sang năm kia, lạ thay Mã sinh vẫn vô sự.

Chàng không ứng thí nhưng được hưởng lệ tập ấm, ở Quảng được năm năm thì chàng đặc cách được bổ nhiệm một huyện ở Phù Nam. Kẻ thù chết rồi hay bị bắt rồi chăng ? Sao chàng không được tin tức gì ? Sinh quyết rằng sự yên ổn đó không phải do ở sự Lý Thạch lạc mất tâm tích chàng : chàng trốn lánh ở đâu mà cái chí báo thù kia không tìm thấy được ? Có lẽ Mã sinh vốn là người chuộng nhân nghĩa, đã hết lòng làm điều thiện, cố ý chuộc lại tội lỗi của ông cha, nên đã được thần minh giữ gìn chăng ? Mã sinh nghĩ thế nên khi làm quan, cái phẩm hạnh đức độ liêm khiết của chàng trong quan liêu không ai sánh kịp. Hai mươi tuổi thì lấy vợ. Gặp được Thúy Liễu là người vừa đẹp vừa hiền. Mã sinh thầm tạ ơn trời, tưởng sẽ được yên tâm mà hưởng thú đình viên. Không ngờ, một buổi sớm, ra công đường lúc chưa có ai, một phát tên cắm trên án với một bức thư của Lý Thạch. Thư rằng :

"Cha mẹ họ hàng ta đang an cư lạc nghiệp, tổ phụ nhà ngươi dùng thủ đoạn thái ác mà giết hại, khối máu căm giận chưa biết bao giờ mới tan. Ta

may còn lọt sống lại đây, nên quyết đem cái mạng thừa này làm cho ba đời nhà ngươi cùng chịu với cha mẹ ta một số phận. Bấy lâu ngươi chưa phải chết là vì ngươi chưa có gia đình để ta đến phá. Bây giờ ngươi đã có vợ, là đã đến giờ ta ra tay. Thử cấp ngươi, ta đem tể cha ta, còn tính mạng vợ ngươi ta sẽ đem tể mẹ ta ngày nay ở dưới cừu tuyên văn đợi trông ta báo phục".

Thúy Liễu nghe chồng kể hết căn do câu chuyện kín, lo sợ lắm, bàn với chồng tìm cách tị lánh hoặc tìm phương đề phòng. Mã sinh lắc đầu thờ dãi. Chàng biết rằng kế nào cũng vô hiệu : vì nếu mình còn có thể trốn chạy, ngăn ngừa để thoát khỏi tay nó được tất nó đã không bắn thư đe trước làm gì. Và lại Mã sinh vẫn giấu kín việc nhà, cả đến Thúy Liễu mãi bấy giờ sự đã đến nơi, chàng mới đem tâm sự ra thổ lộ cho biết. Thúy Liễu nghĩ cũng không thấy được mưu nào có thể tránh được họa nữa, phân thương chồng phần tự thương mình, rồi hai người chỉ biết ôm nhau mà khóc.

Mã sinh cùng với vợ ngồi sợ hãi thâu đêm. Tường tuy cao, cửa tuy kín, nhưng thâm nghiêm sao được bằng dinh phủ của cha ông chàng ? Mã Hoàng cũng vẫn biết trước có ngày Lý Thạch đến, đã tìm hết phương để đề phòng cẩn mật. Thế mà tên cướp rừng tự xưng là hào hán kia cũng len được vào tận nơi mà trả thù. Huống chi một huyện đường bé nhỏ này thì ngăn ngừa sao nổi cái tài nghệ thần bí của nó. Mã sinh đành bó tay chịu, phó mặc thân mình cho số mệnh, kẻ thù đến, chỉ cố hết lời kêu xin cho Thúy Liễu khỏi chết oan vì chàng.

Qua mấy trống canh nôn nao trong sự lặng lẽ hãi hùng, bỗng có tiếng động trên mái ngói. Rồi cửa phòng bật mở, một người to béo, nai buộc gọn ghẽ, nhảy vào, tay giơ một con dao sáng, Thúy Liễu rú lên một tiếng ngất lịm đi. Rồi về sau tâm thần hoang mang, cứ ngơ ngác như ăn phải bùa. Lý Thạch đem đi đâu cũng theo, bảo gì cũng nghe, nhưng không hiểu gì hết. Mãi cho đến lúc Lý Thạch bỏ vào dây vác nạng xuống cái hầm kia, Thúy Liễu mới tỉnh lại để chịu hành hạ.

Hầm đất này trước kia nguyên là một nơi giấu của, Lý Chu tìm được cùng với một bọn chuyên đi tìm vàng các nơi. Bao nhiêu vàng ngọc của người Tàu cất ở đó từ xưa, đều về tay bọn Lý Chu hết ; của cải không còn gì ở trong nữa. Lý Thạch bèn dùng cái hầm bỏ không làm nơi mai táng hài cốt song thân, rồi sắm các hình cụ để làm tội các kẻ hán bắt đem xuống.

Cái hình phạt Thúy Liễu phải chịu đó, nó nói cho biết là để tế vong hồn cha mẹ nó. Vì thế, trước khi ra tay, nó nhớ đến cái thảm cảnh nhà nó phải chịu, nên động lòng gào khóc trước cái bệ nó thiết lên như một bàn thờ. Trong cơn thịnh nộ, Lý Thạch vừa nguyên rửa vừa quát tháo, hét vào mặt Thúy Liễu mà bảo rằng : Bao nhiêu con trai nhà họ Mã đều phải chết như phụ thân nó, mà con gái, con dâu họ Mã cũng phải chịu một khổ hình cay độc như nhục như mẹ nó đã bị hành hạ khi xưa. Khi nó đã giết được đủ ba đời nhà Mã Hồng, nó sẽ đào lấy thủ cấp chưa kịp cất đem xuống chôn cùng với những thầy bị hành hình ở trong hầm này để cho cha mẹ nó ở dưới âm ti còn được báo thù một phen nữa.

Duyên do câu chuyện ghê gớm kia, phần lớn thuật lại ở bức thư của Thúy Liễu viết cho tôi lúc biết mình không sống được nữa. Bức thư tôi vẫn còn giữ. Lời trần tình có một giọng tha thiết mà cảm động, nhất là ở đoạn cuối cùng : "Tiện thiếp nhờ được tráng sĩ ra tay hào hiệp, nên thoát khỏi lưỡi dao độc địa của thù nhân. Những tưởng thân được sống để còn mong có ngày báo đáp cái ơn cứu mệnh. Nào hay bấy nhiêu hình cực khổ, cùng với bấy nhiêu điều khủng khiếp, đã khiến thiếp mang trọng bệnh mà từ bỏ trần gian.

Những việc trên đây, đáng lẽ thiếp phải biết giữ kín, nhưng nghĩ rằng chiếc thân gửi nơi đất lạ, không đành làm một khối oan hồn kỳ bí, khiến cho ân nhân không hiểu những tội tình kia thiếp chịu là duyên cớ vì đâu. Vậy tiện thiếp không quản bại nhục cố trình tâm thần, để lại mấy hàng này, xin ân nhân soi xét".

221. TIẾNG HÚ BAN ĐÊM

Tiếng hú đưa từ phía rừng Sam Na lại. Đêm nào mưa gió thì nghe rõ từng hồi một : trước còn thấp, sau bỗng cao, kéo dài ra, rồi chìm biến trong bốn bề rừng núi. Trời đất âm thầm lạnh, vì hồi ấy về cuối thu. Tiếng hú đưa lên ai oán thảm thê, tưởng như giọng ba bốn đứa trẻ xác xơ đang ngồi trên bãi vắng hay bờ lau mà gào mẹ chết.

Người Mán Khao La ngủ không yên giấc, đêm đêm nằm trong khiếp sợ mà lòng mê tín của họ làm tăng mãi lên.

Bởi vì trước đó không lâu, trong làng có nhiều điều quái dị xảy ra như đi trước đón đường cho tiếng hú bí mật. Rừng Sam Na là một khu rừng lớn, người Mán thường ngày vào săn bắn những cầm thú nhỏ và khai phá những của thiên nhiên. Bỗng dưng đã một tháng nay có một con hổ cái hung dữ lạ thường, chẳng biết từ đâu về rừng đó ở. Con hổ to lớn khỏe mạnh lắm, giữa ban ngày cũng dám ra bắt súc vật của dân Mán – có khi lại vồ cả người. Đến những thiện xạ xưa nay vẫn làm tai làm họa cho thú rừng cũng nhiều lần bị khốn vì con hổ cái. Họ tìm đủ mọi phương kế : nào vây đón, nào bày cạm, mà không tài nào bắt được – lần nào hổ cũng thoát rất dễ, lại còn tha được cả mồi đi. Người Mán thường coi hổ báo chỉ như một con chó dữ mà bấy giờ nghe tiếng nó gầm cũng phải run sợ. Cùng một thời kỳ hiện ra cái nạn rừng ghê gớm này, một người đàn bà với một cô con gái làng khác đến ở ngụ. Xem chừng là hai mẹ con. Hai người dựng một cái lều tận đàng xa, bên một cái bụm cây lớn, ở ngay cửa rừng. Như thế hình như nhà này muốn cách biệt hẳn với thôn xóm ở đây. Cả một làng dăm ba mươi nóc, chen sít nhau trong đám cây cối dưới sườn một quả núi thấp và quay mặt hướng về Sam Na, dân cư vẫn giúp đỡ nhau, thân cận nhau, nay đột nhiên có người ở đâu đến, lại ra ý tứ hiểm chia rẽ, thì ai cũng phải cho là những nhân vật lạ lùng.

Không ai hiểu tính tình hai mẹ con nhà ấy. Mà từ khi rừng thành dữ không mấy người dám đến, nên không biết họ ăn ở ra sao.

Chỉ những ngày phiên mới thấy hai người ra mặt : họ gánh củi từ cửa rừng đem ra chợ đổi lấy gạo muối về nhà. Người đàn bà trong vòng năm mươi tuổi, váy áo màu chàm đã bạc, bao giờ cũng dúm núm xốc xếch ; người khô xác, thấp bé, chỉ tinh nhanh ở hai con mắt sắc rất linh động, nhưng lúc nào cũng gườm gườm. Cô con gái độ mười bảy mười tám, ăn mặc gọn ghẽ, nét mặt xinh xắn và có vẻ e lệ ngay thơ. Cô ta theo sau như bám lấy bà mẹ. Các cậu trai tân ở trong làng ra chợ, cậu nào trông thấy cô ả cũng phải ngáy ngất mà nhìn hoài. Họ thích cánh và cười vụng với nhau, nhưng không cậu nào dám toe toét lá lời tỏ ra ý mon men trêu ghẹo cô bé. Vì có mụ già đầy : mụ sẽ trả lời lại những lời trai lơ kia bằng một cái lườm nguýt khinh bỉ và hằn giận đến rùng mình. Anh nào to gan, không sợ cứ sấn gần đến cô bé, tức thì mụ rửa cho như khắc lửa vào mặt rồi chẳng đổi chác thì chớ, cầm ngay lấy tay cô bé, cất gánh củi, một mạch đi về.

Người Mán vốn đang đột thật thà, không có lòng hiểm độc ghen ghét, nhưng thấy cái thái độ lạnh lùng và kỳ dị của mụ già khô khan kia họ chẳng khỏi sinh bụng nghi ngờ. Vì thế, sau những buổi chợ, hoặc khi ngồi chuyện vãn với nhau, người Mán thường chỉ bàn tán đến chuyện hai mẹ con người đàn bà lạ mặt. Trước thì còn bảo đó là một *mụ ké* cay nghiệt hiểm ác, sau cho là một mụ dí cầy thuốc độc ở móng tay. Nhiều người chắc thế nào nhà mụ cũng có thờ ma. Rồi mỗi ngày để thêm ra những điều quái gở để gán cho mụ. Điều kỳ quặc đến đâu cũng không ai cho là thái quá, thậm chí có người dựng đứng lên bảo rằng mụ đàn bà ấy là một con hùm tinh. Mọi người liền tin theo, mà tin như thế một cách vững vàng, như là chuyện hiển nhiên trước mắt : "Phải, chính nó đấy, chính nó là con hùm trong rừng nó biến thành con *mụ ké* với đứa con gái đẹp để đánh lừa chúng ta đấy. Ta cứ để yên rình lúc nó vô ý nắm ngay lấy đuôi nó là bắt được, vì con mẹ này có đuôi !".

*

* *

Bỗng nhiên mấy phiên chợ sau cùng, người ta không thấy mặt mẹ con *mụ ké* nữa. Mà từ ngày *mụ ké* không ra chợ thì dân cư bắt đầu nghe thấy tiếng hú ban đêm. Người Mán lại càng tin *mụ ké* không phải là người thật. Họ chắc *mụ ké* biết đã lộ việc kín nên không dám giao tiếp với người trong

làng nữa, từ nay đành phải giữ nguyên hình. Thế rồi thường thường trong những lúc buổi tối quây quần, nhà nào nhà nấy đóng cửa cho kín, họ vây quanh ngọn đèn hay bếp lửa kể cho nhau nghe những chuyện hoang đường truyền khẩu từ đời này qua đời khác, những chuyện có một vẻ quan trọng thần bí trọng tâm hồn của dân đồng rừng.

Theo những câu chuyện họ kể thì trước kia ở Sam Na cũng có một con hùm tinh. Người ta thường gặp nó trên núi, dưới ruộng, trong rừng, nhất là ở các đường lối có người hay qua lại. Con hùm tinh ấy trèo được lên những cây cao, nói được tiếng người. Khi thì hát như ru em, khi thì khúc khích như đùa, khi thì than khóc. Thấy người nào một mình quăng vắng thì nó giả tiếng bà già hay đứa bé nhoe nhoét gọi : "Thầy ơi, u ơi, ông ơi, cô ơi..." theo tiếng gọi người ta thử xem thì hoặc ở sau lưng hoặc ở trên cây chỉ thấy một con hổ đang cười sằng sặc. Người kia khiếp sợ riu chân lại : hùm tinh cứ việc nhảy tới tha đi. Về sau con hùm tinh ấy hình như bị sét đánh chết, nên dân cư mới được yên cho mãi đến bây giờ.

Rồi đến nay, lại có một con nữa đến. Cái hú kia từ phía rừng đưa lại chẳng phải là tiếng con hùm tinh đó sao ?

Một đêm kia, dân Khao La lấy làm kinh ngạc lắm. Có nhẽ con hùm tinh đã đến lúc bày mưu chước giáng để thêm tai họa ; tiếng hú không thấy vắng đưa nữa mà đêm hôm ấy lại tạnh ráo, không có tiếng mưa gió nào qua. Khắp làng Mán lạnh lẽo trơ trơ dưới ánh sáng non của mặt trăng còn khuyết. Cách rừng Sam Na bằng một bể ruộng ngút ngát mấy chục nóc nhà xám chen úp trong những đám cây cối sẫm đen. Cái lo sợ nặng nề như bầu sương ẩm ẩm trong không khí.

Mọi nhà đều đóng cửa thực kín : Hơi có một tiếng động cũng tưởng là tiếng con hùm tinh đi qua... Giá thử có ai đứng gọi xin lửa ở ngoài họ cũng không dám mở vì biết là tiếng yêu quái hay tiếng người ? Một vài nhà đánh bạo nhìn qua khe cửa phen trông ra. Bên ngoài vắng yên như cảnh chết. Trên những từng ruộng khô và trắng chỉ thấy mấy đống rạ lớn ngổ lù lù. Đàng xa dải rừng lạng ngát mập mờ vẫn giữ kín những cái bí mật.

Gần hết canh hai, bỗng nhiên từ phía làng xóm có một toán sáu bảy người lực lưỡng ráo cẳng đi về mạn Sam Na. Đó là bảy người đi săn giỏi và khỏe nhất trong làng Mán. Họ tiến lên những bước mạnh bạo và yên lặng, mấy người đi trước cầm dao lớn, ba người đi sau mang một cuộn dây dài.

Từ lúc trời bắt đầu tối, không thấy tiếng hú đưa ra họ đã họp nhau ở nhà ông lang để bàn định. Họ nhờ một thầy pháp bên cho họ mấy sợi dây ngũ sắc và yểm phép vào dây để họ đem đi rình trói con *mụ ké* hay là con hùm tinh... Những việc ác hại làm khổ dân làng đã quá lắm rồi, bây giờ không thể để cho con quái vật kia hoành hành mãi được nữa. Họ quyết lòng trừ cho dân làng một cái họa lớn. Không thì họ chết chứ không trở về.

Bọn người can đảm ấy tiến lên không mấy chốc đã đến nhà *mụ ké*. Một người ra hiệu cho ai nấy nhẹ bước ; dạn khê nhau hề trông thấy con *mụ* già đó thời đem dây phép mà trói nghiêng lại ; rồi hề vớ được đuôi của nó là giết phăng ngay đi.

Cổng ngoài mở, cửa phen cũng mở, trong nhà đèn tối nhìn kỹ thì như không có người ! Bọn này đã sinh nghi, cũng đi ra lối sau nghe ngóng... Một người bỗng kéo áo người đi cạnh, trở vào một vật lù lù nằm ở sân sau. Mọi người nhìn xem, thì đều sờn cả gai ốc. Bên cái vò nước, dưới ánh trăng mờ một con vật lông vằn nằm không cử động... Không phải chỉ một con, coi lại thì như ba bốn con nằm đó, mà con nào cũng như ngủ mê mết không biết gì. Ghê sợ quá, họ cùng nhau hết sức nín tiếng mà lùi - "Vô phúc nó trở dậy bây giờ thì chết cả" - Cũng có người sực tỉnh khê bàn nên nhân lúc nó còn ngủ đem dây ngũ sắc trói lại cho mau. Khốn nỗi chưa mấy ai hoàn hồn. Đột nhiên gặp thấy cái cảnh bất ngờ ấy thì táo tợn đến đâu cũng phải núng. Và lại con *mụ ké* là yêu tinh, nên nó khôn lắm. Biết đâu đó chẳng là một mưu chước nó bày ra để lừa người ?

Trước họ tiến lên cẩn thận bao nhiêu thì nay họ thoái bước cũng cẩn thận chừng nấy. Người nọ bám lấy người kia thực chặt. Bỗng thấy gầm lên một tiếng cực lớn, nghe rất dữ dội. Bọn con trai không còn hồn vía nào, họ nhảy choàng cùng kêu thét như bị vút vào lửa. Tiếng gầm kia lại rống, ngày một gằn, một lớn, một gấp, như vỡ trời đổ núi bên mình. Anh nào anh nấy cũng mong thành cánh ở chân, tranh nhau cắm cổ chạy về làng lẫn cả xuống rãnh, chui cá vào cây, đâm vào cả bụi rậm.

Về đến làng xóm thì vừa hết cả sức, họ gào lên những tiếng khàn, líu lười lại mà gọi, đập cửa như phá rồi vào nằm vật cả xuống đất, thở không ra hơi. Bên ngoài, không có gì đuổi theo, nhưng tiếng gầm vẫn hét vang cả một phía rừng. Sam Na như chuyển động, như có bao nhiêu hổ báo cùng vật lộn xau xé nhau. Cho mãi đến quá nửa đêm, tiếng gầm rống thưa dần

và yếu dần rồi tắt hẳn. Bốn bề dân làng trong sự im lặng kinh hoàng vẫn tưởng như tiếng hú mọi đêm còn vẫn vơ trong hơi gió.

Kể từ hôm ấy người Mán Khao La lại càng thêm lo sợ. Họ biết thế nào cũng có những tai họa phi thường. Nhưng lạ thay ! Hết ngày ấy sang đêm khác dân làng cứ mất mặt mà sẵn chờ những điều ghê gớm không xảy đến bao giờ.

Tiếng hú trong rừng thấy mất. Người Mán và trâu lợn của họ vẫn bình yên. Con hùm lớn cũng không thấy để lại một bóng vết nào qua. Hơn một tháng rưỡi trời *mụ ké* hay con hùm tinh biến đâu ? Chết rồi chăng ? Hay đi nơi khác. Mà hùm tinh chết hay đi nơi khác dân làng đã hẳn được mừng chưa ?

Cái ngờ vực ấy náy vẫn như tiếng vang còn lại của bao nhiêu điều khiếp sợ. Cách đó hơn hai tháng cũng chưa ai dám đánh liều vào rừng xem. Đến nhà *mụ ké* cũng không ai bén mảng tới. *Mụ ké* với người con gái đẹp cũng không thấy ra nữa. Người Mán thần nhiên kết luận rằng : "Phải rồi, con *mụ ké* ấy chính là con hùm tinh, con hùm tinh ấy nó bỏ Sam Na. Nó đi vì dân Khao La có thầy pháp có quan lang, dân Khao La khôn hơn con hùm tinh ấy".

Đó là việc có thực xảy ra ở làng Khao La ngày trước, đến nay dân Mán vùng đó ai cũng biết, ai cũng nói lại, từ người già cả cho đến bọn trẻ con. Nhưng chuyện thực, sao lại có lảm về hoang đường quá như thế. Người Mán không cần biết. Họ chỉ vững tin những điều họ tưởng, những điều mà lòng mê tín của họ cắt nghĩa ra thôi.

Bởi vậy duyên do câu chuyện này không mấy ai cho là thực.

Người đàn bà Mán mà họ ngờ cho là hùm tinh ấy nguyên là người ở một làng xa, cách đó những gần hai ngày đường. Bà ta góa chồng từ năm ba mươi tuổi. Nói là góa, nhưng thực ra bà ta bị chồng lừa ; lấy nhau chừng một năm, đến khi bà ta có mang thì người đàn ông bỏ nhà đi mất.

Bà căm tức lắm, nguyên rằng hễ sinh con trai thì giết chết ngay.

Nhưng đứa trẻ ra đời lại là con gái. Bà ta mới đổi oán làm mừng, nung niu chăm chút con thơ và ra sức làm lụng để nuôi cho nó khôn lớn. Người con gái ấy là cái hạnh phúc của bà mẹ, nó làm cho sự sống của bà ta có nghĩa và thay cho cái ái tình đã chết đi. Mẹ đặt tên cho con là Mi Nàng, bỏ tên chồng nhận lấy tên ấy để tỏ ra hai mẹ con như một.

Nhan sắc trong trẻo của Mi Nàng cũng tăng lên với ngày tháng. Năm Mi Nàng mười tám tuổi thì trong làng có người đem rất nhiều của cải đến xin kết hôn. Bà Mi Nàng không nghe. Cô ấy tuy bằng lòng nhưng cũng từ chối. Mi Nàng ngây thơ lắm. Bên con trai tìm cách dỗ dành không ngớt. Rồi trong vòng bảy tám phiên chợ làng, những tiếng hát ái ân của họ đã làm cho người thiếu nữ phải say mê. Mi Nàng một khi sa ngã, rất hồ thẹn ăn năn, bèn đem sự lòng thú thực cả với mẹ. Bà mẹ tức khắc sang điều đình với bên kia nói là thuận gả con gái. Nhưng anh con trai giở mặt, muốn bà ta đem Mi Nàng biểu không cho mình. Bà mẹ tím mặt lại vì giận, nhớ đến người chồng bà ta coi như đã chết rồi, nhớ đến con người đã lừa dối tình phụ. Bà ta trở về ; không nói năng gì cả. Đến đêm lăm lăm thanh đao rùng ở tay, bà ta đứng rình ở một chỗ khuất rồi xông ra chém một nhát vào sau gáy thằng con trai kia. Giết nó xong, không hối hận, không sợ hãi, người đàn bà Mán xốc ngay cái xác còn đeo lủng lẳng cái đầu ma đem ra vất sau vườn, rồi vào gọi con gái vác nải gạo với bọc quần áo đi trốn.

Hai mẹ con trông thẳng mạn Sam Na đi suốt đêm, đến chiều tối hôm sau thì tìm chỗ tạm nghỉ. Bấy giờ bà mẹ mới cầm hai má cô con gái mà nhìn. Bồng nước mắt tràn ra, rồi ôm chặt lấy con khóc rưng rức.

– Mi Nàng ! Mi Nàng ! Nong Khon nó muốn đánh lừa mẹ, đánh lừa con, mẹ đã chém Nong Khon cho nó chết.

Rồi bà ta lại khóc như muốn lấy tiếng nức nở để nói nốt bao nhiêu lời. Mi Nàng cũng khóc, có lẽ nửa thương tình nhân bỏ mạng nửa thương bà mẹ phạm tội ác vì yêu dấu cô ta.

– Mi Nàng ơi ! Mẹ với con đi xa, đi trốn, ở đây làm gì những người nó chỉ chực cướp sống con gái của mẹ. Con nghe chưa ?

– Con nghe rồi. Con cũng... muốn thế...

– Ủ ! Thế thì hay lắm, mẹ với con đi rõ thực xa ! Xa lắm. Rồi làm nhà riêng một nơi, mẹ đi làm, con đi làm, mẹ con nuôi nhau, con yên vui mà mẹ cũng vẫn được yêu dấu con : mẹ sung sướng.

Đêm hôm ấy, hai người đến dưới bóng cây to giải áo trên đám cỏ cao và sò sạt. Mi Nàng mỏi quá ngủ ngay, nhưng bà mẹ vẫn thức, vừa thở dài vừa xua muỗi hay kéo lại khăn áo cho con nằm yên.

Sáng hôm sau hai mẹ con lại lên đường. Cô con gái thì đi trước xách bọc vải lớn ; bà mẹ đi sau, khom lưng dìu một nải gạo nặng nề. Mi Nàng

hai mắt đỏ hoe, chốc chốc lại ngảnh đầu trông lại, trông trời cao mây vẩn, trông rừng lá vẫy quanh, trông cái phía đường xa núi chắn nó ngăn cách người con gái với chốn quê hương. Nhiều lúc cô ta gặp mắt bà mẹ. Bà mỉm cười cho con gái quay đi, rồi đắm đắm nhìn thẳng trước mặt như tìm xét xem nơi nào mới chắc chắn, nơi nào mới kín đáo để mẹ con ẩn nấu mà nuôi nhau. Đối với lúc phải bỏ nơi sinh trưởng của mình, ai là người không buồn cảm ? Nhưng bà mẹ Mi Nàng lúc ấy vui mừng lắm, vui mừng vì vẫn giữ được con gái là sự vui sống của bà ta. Từ ngày bị người chồng bỏ đi bà ta chỉ biết lấy cái bông hoa quý này để làm cho đẹp cái cảnh đời thảm đạm. Bao nhiêu căm giận người đơn bạc nay vứt đổ đi hết mà để lại trong lòng cái tình rất đậm thắm là tình yêu con. Người đàn bà ấy yêu Mi Nàng một lòng say đắm dữ dội, một cách ghen tuông ích kỷ, như không muốn ai được dòm dò, không muốn cho ai được tấm tắc khen cô ta. Cái quả bầu kia, cái nhan sắc kia là của bà ta, của riêng bà ta thôi, bà mẹ lấy làm đặc chí mà chiếm giữ lấy một mình cái thú được yêu được ngắm.

Đi chừng ngót một ngày đường nữa thì đến cánh rừng Sam Na. Thấy gần đây có nhà cửa dân cư, nên mẹ con quyết định lấy làm chỗ nương nấu. Ở lẫn với người trong làng thì lại sợ cho con, nên bà mẹ Mi Nàng mới dựng một túp nhà nhỏ ở xa cho cách biệt.

Từ đó bắt đầu cuộc đời vất vả nhưng rất sung sướng cho bà mẹ. Sáng đi xới vườn kiếm củi, tối về rau cháo bên ngọn đèn con. Sự ái ân với lòng thương xót ở đời có nhẽ thấy cái hình ảnh cảm động nhất ở trong gian nhà tranh húp túp ấy.

Một tháng bốn ngày phiên chợ bà mẹ lại dắt con gánh củi ra đồi lấy gạo muối và những thứ cần dùng. Đến nơi, đổi chác cho mau rồi về, bà ta rất gồm những trai làng nó chỉ giở thói nhân nhờ để câu mắt con gái.

Mẹ con ở với nhau được hơn một tháng, mẹ kiên nhẫn, con chịu khó, cặm cụi suốt ngày quên cả nhọc nhằn. Thực là yên vui. Bà mẹ vẫn nhắc đi nhắc lại một mình rằng : "Suốt đời người bây giờ mới thực biết cái sung sướng". Tuy thế trong lòng bà ta vẫn phấp phồng sợ, cho rằng mình không thể được sung sướng mãi. Cái phúc của bà cũng như giọt sương mai tuy đẹp dễ, nhưng đến lúc rục rờ thì tan mất – mà chỉ đậu trong khoảng một buổi sớm thôi ! Người thiếu nữ là con gái bà ta kia trông yêu kiều nhan sắc quá ! Bà ta nhiều khi chợt thấy như chỉ được làm mẹ nó để rồi thương khóc nó, chứ không được âu yếm nó trọn đời. Mi Nàng vẫn hết lòng tươi cười

vui vẻ. Nhưng con mắt nồng nàn tình cảm của người mẹ ấy nó sắc sảo lạ thường. Trên khuôn mặt cô Mi Nàng bà vẫn thấy cái bóng mây buồn nó vương vít, cái nét đau khổ nó ẩn núp nó cứ chực lên vào đôi con mắt ướt với cái miệng cười như cố gượng của cô ta. Có khi đang ngồi cùng nhìn nhau, bà ta để cô ngồi một mình trong nhà lặng yên ra núp một nơi rón rén bước lại khe hở vách ghé mắt nhòm qua mà xem mặt con gái. Những lúc đó, mặt Mi Nàng chưa đổi sắc, vẫn còn giữ nguyên cái vui tươi vừa rồi. Bà mẹ thấy thế nhẹ bay lên vì mừng rỡ, chạy ngay vào bế lấy cô con gái mà nâng niu hủ hỉ trong lòng.

-- Con yêu mẹ nhé, con thương mẹ nhé. Con khỏe đi, con lớn đi, con vui vẻ đi để cho mẹ sung sướng với con.

Rồi bà ta lại ôm chặt lấy Mi Nàng giấu đầu vào ngực cô ta mà không biết là cười hay là khóc. Mi Nàng cảm động lắm, càng ngày càng cố làm cho mẹ vui mừng hơn lên. Sau mấy lần rình xem như thế bà mẹ mới hơi yên lòng, rồi lâu dần cũng quên hẳn được những điều lo ngại.

Mẹ con đã bàn nghĩ với nhau đến những kế sinh nhai khá cho cuộc đời thêm có thú và thêm dễ dàng. Xới thêm đất trồng các giống rau, đánh những cây có quả về chung quanh nhà, lại tìm lấy mấy cái tổ ong gây lấy mật. Rồi ra nếu trời thương hai mẹ con sẽ kiếm lấy mấy con lợn, con bò về nuôi, đợi cho sinh nở ra nhiều thì cũng dễ đổi chác với người làng lấy thóc gạo. Mi Nàng lại nghĩ thêm được mấy cách nữa, nàng chần lăm, kéo sợi, rồi tìm cách đóng lấy một cái khung cửi dệt lụa, dệt vải hay thêu thùa và may trong những buổi không đi kiếm trên rừng.

Cô con gái tính cách nào mẹ cũng khen hay, nói đến câu nào cũng rất phải, bà già đã trông thấy trước cái cảnh tượng mới mẻ và sung túc trong cái chốn lều vườn bé nhỏ của mẹ con mình.

Chiều hôm ấy đang chém củi hái nấm trên rừng, bà mẹ Mi Nàng chợt nhớ tới mấy cái bẫy chim ở nhà nên bảo con đứng đợi tất tả chạy về lấy đem lên, Mi Nàng dặn theo : "Mẹ đem cả cái giỏ mới đan lên đây nữa nhé ! Nấm này hãy còn non, xâu vào dây thì rụng hết".

Lần này là lần thứ nhất bà để con một mình trên rừng, vì chỗ ấy gần nhà, bà ta lại lên ngay được. Tuy thế nhưng trong bụng vẫn thấy bồn chồn như sắp thấy một điều không hay. Chạy một mạch về rồi lại tức khắc chạy một mạch lên rừng. Đến nơi Mi Nàng đã không thấy đâu nữa. Bà ta chắc

con gái đứng sau một chỗ khuất nào đó nên chưa muốn nghĩ đến cái nguy. Bụng bảo dạ : "Không, con ta không việc gì đâu, không việc gì hết". Rồi tươi cười giơ mấy cái bẫy và cái giỏ ra, bà ta nói :

– Lay ông trời nhé, ông cho mẹ con tôi đến chiều bắt được nhiều chim... Mi Nàng ơi ! Giỏ đây rồi, bẫy đây rồi... Ra đây mắc bẫy với mẹ.

Hai mắt bà mẹ Mi Nàng lộ ra vẻ sợ mà miệng vẫn cứ mỉm cười.

– Con ơi, Mi Nàng ơi ? Mi Nàng à !

Bà già bỗng thất sắc. Mặt nhăn như người chực khóc, tiếng gọi hơi run run :

– Mi Nàng ! Mi Nàng đâu con ?

Bà già liền đi quá vào chỗ con tìm nắm lúc nãy rồi cất tiếng gọi lớn. Các bụi cây quanh đó yên lặng không trả lời ! Bà già cuống cuống lên vút mấy cái bẫy xuống đất, sấn vào trong đám lá rậm, đâm thẳng xuống bờ suối rồi tức tốc lại trở ngược lên, hai mắt mở trừng trừng, vừa chạy vừa nhìn hết mọi chỗ, miệng thì mấp máy không ra lời ; chốc chốc lại gào lên mấy tiếng gọi :

– Mi Nàng ! ... Mi Nàng ! ... Mi Nàng ! ! !...

Trời đã gần tối, tìm Mi Nàng không thấy được nữa, bà già bó cả củi, cả nấm, cả bẫy không thiết gì hết, vừa khóc thê khóc thảm, vừa lủi thủi về nhà. Bấy giờ vẫn còn chút hy vọng ! Vào trong lều : vắng ngắt. Trông khắp bốn phía, nhìn cả xuống gầm chõng, lục cả sau đám chăn áo, không thấy đâu ! Không thấy đâu ! Con gái bà hẳn bị hổ bắt mất rồi. Thế là xong ; thế là biến mất cái vui sướng mà bà ta đã tốn biết bao nhiêu công lao mới được hé thấy...

Bà già bỗng thét lên khóc rồi văng mình xuống chân chõng, dứt tóc, cào đất, vùng đứng dậy rồi lại gieo mình ! Khóc đã khản cổ, đã mất cả tiếng : tâm thần muốn cho say mê để quên khổ, trời đất muốn cho tan nát để mình tiêu diệt theo... Trong lúc đau đớn mình khóc gào như vẫn nghe thấy con gái sùi sụt, như trông thấy con gái đứng ở tận những quả núi nào đang cứ vùn vụt lùi xa... bỗng lại vùng đứng lên, bà già đâm bổ vào trong rừng, đầu thì lắc, mồm thì há, tay thì múa, chân thì lão đảo, rồi ngồi xuống bên một bụi cây âm tối nói cho nó nghe những lời kỳ quái, như không phải tiếng người. Rồi lại đứng vươn thẳng mình giữa cái cảnh thâm thì bí mật ấy ; bà ta quắc mắt nhìn đây nhìn đó, quần áo xóc xếch, đầu tóc bù rối,

ghê gớm, độc ác như hình tượng của sự căm hờn. Đứng như thế một lúc lâu, không nói năng gì, rồi chân nam đá chân chiêu, bà già lão đảo về nhà nằm vật trên mặt chõng.

Sáng hôm sau, bà Mi Nàng chợt tỉnh cái giấc mê mệt mà bao nhiêu đau đớn đã làm cho ngất đi từ đêm qua. Bà ta ngồi dậy khóc lóc một hồi. Thoắt nín bật, mồm môi lại, bà ta đai lưng vấn tóc, cầm lấy con dao rừng lăm lăm, rồi bước ra. Trên mặt không còn ngăn nước mắt chảy, chỉ thấy hiện ra một vẻ dữ tợn lạ thường. Bà ta xông thẳng vào rừng, từ cái chỗ vút những bầy chim hôm trước đi trở lên, rồi cứ đi sâu vào mãi, theo một đường cây lá rẽ ra chỉ để vừa lọt được một người. Đến một chỗ ánh sáng soi xuống nhiều nhất, người đàn bà đứng lại, chăm chú nhìn như mới trông thấy vật gì quái gở lắm. Cúi xuống nhìn, thì ra đó là những mảnh áo chàm thấm máu : những mảnh áo của Mi Nàng ! Bà già mặt tái đi như người chết, răng nghiến lại rít lên một tiếng tưởng đứt ruột, rồi vừa nguyên rủa vừa cầm đầu bước lên.

Suốt một ngày hôm ấy bà Mi Nàng không lúc nào ngơi chân, chúi vào các bụi cây, len qua mọi chỗ rậm rạp, luôn tay chém những dây dọc chẳng chịt nó xoắn xuýt dưới chân và những cành lá đâm ngang trước mặt ; luôn mồm vừa chửi vừa nói :

– À phải ! À phải, bà không có sợ mày. Bà giết chết mày ! Giết chết mày bằng được, bà mới nghe !

Cái giọng nói với cử chỉ của bà Mi Nàng quả quyết và đáng sợ đến nỗi giá con hổ lớn ở Sam Na có nghe thấy chắc cũng rùng mình.

Vì chính nó đã vô mất người con gái.

Từ ngày hai mẹ con nhà này đến ở đây, con hổ ấy vẫn có ý dòm dò nhiều lắm. Nhưng bà ta đã phòng bị sẵn. Ban đêm thì trong túp lều vẫn có đồng lửa cháy sáng làm cho nó phải xa lánh. Ban ngày thì nó lại sợ tiếng cái ống nứa gõ mà lúc nào bà ta cũng đem theo. Vả lại cái vẻ mạnh bạo của người đàn bà Mán hình như đã có một oai lực làm nhụt hẳn cái dữ tợn của con vật. Hai con mắt bà ta lúc nào cũng như lửa, hình như vẫn coi chừng cái nguy hiểm, mà nếu gặp phải thì bà ta sẽ một tay ôm giữ lấy con, một tay múa dao rừng ra tứ phía như vung ra bao nhiêu cái đảm lực thiêng liêng của tình mẫu tử. Chết thì bà ta liều chết, chứ chạm vào con gái bà ta là không xong.

Không ngờ cái lúc bà mẹ Mi Nàng để con gái một mình lại là lúc con hổ vẫn chờ đợi. Bà ta chưa xốt hối hận. Hết chửi rửa con hổ lại lấy đủ các tiếng tẻ hại để tự rửa lại mình. Nhiều lúc đang bước xăm xăm, bà ta bỗng đứng lại lấy tay cứ vả mãi vào mặt rồi hai chân giậm đất, bà ta ngửa cổ hắt ra bao nhiêu tuyết vọng cay đắng trong một tiếng hét dài.

Rồi từ đó, người đàn bà Mán quên ăn, bỏ ngủ, quyết chí tìm cho được con hổ để báo thù cho con.

Ban ngày thì không có bụi cây hõm núi nào bà ta không sục đến, đầu tóc thì chẳng quần dây rợ, váy áo thì bướm rách vì cành gai, mặt mũi chân tay bị lá sắc nó cứa vào như bị chém ; máu có chảy nhiều quá thì bà ta chỉ lấy cánh tay chùi ngang một quệt, như không biết gì là đau. Ban đêm thì lại ngồi ở cửa rừng mà đợi.

Những lúc vắng khuya một mình giữa nơi hoang đại, tưởng chừng như hồn con gái bây giờ đang vợ vắn bên mình, nỗi thương đau của người đàn bà như dội lên đến cực điểm. Nhưng không khóc hay là không khóc ra lời, bà ta chỉ đem bao nhiêu nỗi phẫn giận cực khổ trong lòng gửi vào một tiếng hú. Đó là cái tiếng hú hồn lạnh lùng thê thảm đã làm cho dân Khao La sợ hãi luôn mấy đêm trời.

Bà ta ngồi đó, cố ý đợi cho con hổ đến. Nhưng hình như con vật cũng biết, chỉ tìm lối khác ra kiếm ăn. Còn ban ngày thì nó lẩn lút một nơi không để cho người đàn bà bắt gặp. Nhiều lần nó có dịp để hại người đàn bà Mán, nhưng có lẽ nó còn ghê còn gờm một sức gì khó hiểu ở một người dữ tợn nhất trong giống người tinh khôn kia.

*

* *

Đến mãi ngày thứ bảy, bà ta mới tìm được sào huyết con hổ cái. Sau bảy đêm ngày cơ cực. Giá không có ngọn lửa hăng hái mà tám lòng quả quyết báo thù nó vẫn đốt lên trong lòng người mẹ kia, thì chắc hẳn bà ta không có gan sức nào chống được với nỗi khổ sở mệt nhọc. Chiều hôm ấy bà ta đi tới một chỗ có nhiều bụi cây rậm và lớn, thì chợt thấy mấy con hổ còn nhỏ đang lăn lộn ở trước một cái hõm tối cảnh lá trùm phủ như che tàn. Bà ta đứng nấp một nơi rình xem thì biết con hổ mẹ đi vắng. Bà Mi Nàng liền rón rén lại gần rồi xô ra đâm chết được ba con. Hai con kia hồng hộc chạy trốn mất. Sức lực đã gần đến lúc kiệt, bây giờ lại thấy trở về

đầy đủ, bà ta vác ngay ba con hổ chết đem quăng ở sau nhà. Biết trước con hổ cái thế nào cũng về hang, bà ta liền sấn dây rọ rồi đai chịt gọn ghẽ cầm lăm lăm con dao đi vào rừng. Đến bên hang nằm đợi cho đến khuya mà vẫn không thấy con hổ mẹ về có lẽ nó đi tìm những con hổ con đã bị bà ta giết.

Đêm ấy là một đêm về giữa tháng Chín, bóng trăng sáng tỏ ló qua những từng lá cây thưa. Vào khoảng quá nửa canh hai, bà ta thấy trong hang thò thân đi ra hai con hổ chạy thoát lúc nãy. Bà Mi Nàng nghĩ ra được một ý, lập tức chạy ra giết phăng đi rồi vừa trối chặt hai chân sau hai con hổ lại vừa nguyên rủa : "Mày giết con tao ! Mày không trả con tao. Tao cũng giết con mày. Tao lại giết mày nốt". Nhưng chỉ giết con hổ cái cũng chưa hả giận, bà ta muốn cho trước khi bị giết, hổ mẹ phải trông thấy hổ con chết, mà chết vì tay mình.

Bà ta vừa trối xong hai con hổ con thì chợt nghe thấy tiếng chen lá giẫm cành đi gần lại. Biết rằng con hổ lớn đã đến, bà ta bèn cầm lấy một đầu dây rồi trèo lên một cái cây ở gần.

Trong nẻo đường tối từ chân rừng đi lên, bà ta thấy hai con mắt xanh lè ở giữa những mảnh sáng trăng mập mờ và lay động. Một lát thì trông thấy cả cái mình vừa dài vừa lớn của con vật. Nó đứng lại một lát dưới những tán lá thấp, đuôi hơi ve vẩy, hai mắt từ từ chớp như úp mở hai ngọn đèn to. Rồi nó lại thông thả bước lên ; đi chưa được xa nghe tiếng động đằng sau nó lại toan quay trở lại. Nhưng xem chừng đã ngủi thấy hơi lạ nên nó dừng đình bước thẳng về hang.

Trên kia người đàn bà Mán đã buộc hẳn mình vào một cành cây to và đã thắt cái dây dài trối hổ vào cái chạc bên cạnh. Con hổ vào hang hình như kinh ngạc lắm. Nó ngoắt ra, trông ngay thấy hai con mình treo lủng lẳng gần đó thì nhe nanh mà gừ. Chợt lại thấy có bóng người trên cây, con hổ nghe chừng đã hiểu, nên lông lên và gầm một tiếng cực dữ.

Bà mẹ Mi Nàng lấy làm đắc chí lắm. Bởi vì bà ta biết rằng hổ cũng có con, hổ cũng làm mẹ. Hổ con bị giết, mẹ hổ chắc cũng xót thương. Vậy thì cái đau khổ kia bây giờ bà ta gây nên và được trông thấy. Bà ta lại cầm dây rút mãi, khiến cho hai con hổ cứ lay lắt dưới đầu dây. Một tiếng gầm nữa, hai chân trước con hổ đã quai gần đến tay bà Mi Nàng. Bà ta chém xuống một cái thực nhanh, con hổ tụt xuống rồi lại nhảy lên tức khắc. Một chân trước nó bám được một cành nhỏ, thiếu chút nữa chân kia tấp được vào mặt người đàn bà, con dao đã gần văng đi mất ; nhưng rắc một cái, cành cây gãy,

con hổ ngã lăn kênh dưới gốc cây. Bà Mi Nàng đã bắt đầu lo không ngờ con hổ nhảy giỏi được đến thế. Bà ta tưởng rằng nó thấy mình trên cây thì chỉ biết tức tối mà không làm gì được mình. Hay đâu hổ cũng đã nhẹ, đã khóc, lại thêm phần hăng sức vì giận, nếu không leo mau có lẽ thế nào con hổ cũng bám được vào người. Nhưng bà ta đã chót buộc rất chặt mình vào cây từ trước rồi bây giờ thì không còn tay nào mà cởi ra được nữa. Con hổ cứ chồm lên mãi, mỗi lúc một nguy bách, mỗi lúc một cao thêm. Mặt bà Mi Nàng ba lần bị tay hổ lướt qua, con dao gạt phải những vuốt của nó rít lên những tiếng như sỏi xiết lên sắt. Một lần bà ta nhắm mắt lại bỏ xuống một nhát rất dữ. Con hổ vừa lúc tung mình tới bị nhát dao bập vào giữa đầu. Hổ bị choáng hồn, tai cúp lại găm lên một tiếng như sét nổ. Nó đứng sững lên hai chân dưới, hai chân trên quờ quạng quăng quăng không như muốn ôm lấy người đàn bà. Nhưng bà Mi Nàng vẫn hết sức cẩn thận luôn tay chém xuống. Con hổ tức giận như cuồng dại, nó vừa rống vừa chạy lồng lộn chung quanh đấy, gặm cây, rút cỏ, cào đất để tìm cách vô lấy bà già.

Lúc ấy cả một khu rừng như nín hơi. Người làng Khao La thì trên mặt không còn một giọt máu. Bảy người con trai bạo dạn đi dòm dò nhà *mụ ké* lúc đó tuy đã thoát, nhưng vẫn còn tưởng như con hùm tinh sắp đuổi tới nơi. Còn những tiếng găm dữ dội đêm ấy cũng như những tiếng hú bí mật mấy đêm trước kia thì không ai biết đó là những tiếng hờn giận khóc thương của một người và một vật cùng nặng tình mẫu tử.

Bà già chống nhau với con hổ đến gần nửa trống canh không một phút nào ngơi, cũng vẫn luôn tay chém xuống. Dần dần sức đã kiệt, cái lo sợ cũng hiện đến, bà ta chắc rằng mình chết mất, chết mà chưa báo thù được cho con... Hai mắt đã hoa, trông thấy bốn năm cái đầu hổ nó còn chồm lên và không biết bao nhiêu nanh vuốt nó chực đâm vào mặt.

Thần trí chập chờn như say, con dao mấy lần muốn rời ra khỏi nắm tay đã thấy bùn rùn, bà Mi Nàng chột nghĩ đến cái thân cơ khổ, đến cái cảnh thảm hại của hai mẹ con mình ; bên tai nghe thấy tiếng con gái khóc than, trong trí thoáng trông thấy lúc thân con gái bị xâu xé, con gái yêu quý bị hổ cướp sống mất, giữa lúc đang vui tươi khôn lớn, khiến cho bà đau khổ rồi đến nỗi nước này. Mặt đương tê tái bỗng nóng bốc lên, vừa lúc con hổ quờ móng đến. Bà ta rít lên một tiếng quái gờ, giáng con dao xuống, con hổ bị què mất một chân. Bà già lại lăm lăm con dao, quắc mắt nhìn con vật

ngã trên cỏ, phun xuống những lời nguyện rửa độc địa tưởng không phải là tiếng người. Dưới đất con hổ đã đứng lên nhe nanh đáp lại. Bà già cầm lấy cái dây trói hai con con hổ giật lấy giật để, rồi vừa khóc vừa quát tháo, vừa bằm vằm mãi xuống quăng không. Con hổ lại há miệng găm. Hai mắt ngầu đỏ, hai bên mép vành chồm gai rầu, nó thu hình lấy sức nhảy vọt lên bám lấy ngang lưng bà Mi Nàng. Bà già không biết đau nữa cứ nhè đầu con ác thú mà ghè xuống. Con hổ gào vang lên như vũ núi song nhất định không chịu buông. Bà già chém bừa đi vào cả mặt cả vai cả miệng con hổ. Nó nhô đầu lên để chực ngoạm lấy đầu người đàn bà Mán nhưng chỉ cắn được lưỡi dao. Lúc ấy mặt người với mặt hổ gần nhau cùng ghê gớm như nhau : bốn mắt long lộn con người nhìn nhau trao tráo lộ ra không biết bao nhiêu cay độc, bao nhiêu hàn học căm hờn, lẫn với chút cảm giác bi ai trước khi phải chết. Mẹ Mi Nàng còn sức chém, con hổ còn sức bám lấy lưng bà ta. Dần dần bà ta đuối sức không giơ được dao lên nữa thì con hổ cũng yếu tiếng gào. Đến lúc người đàn bà tắt hơi buông thõng tay xuống thì con hổ cũng vừa hết sức mà rã rời chân ra.

Dưới đám cỏ sắc lá khô đầm đìa những máu, thấy con hổ rơi nặng xuống trong một "tay" còn nắm lấy một mảnh áo trên miếng thịt lưng bà già.

TRẠI BỒ TÙNG LINH

Tác giả : Thế Lữ (xem Tiểu dẫn ở Ba hồi kinh dị).

Trại Bồ Tùng Linh là một truyện vừa, gồm 9 chương, xuất bản lần đầu 1930, kể về cuộc gặp gỡ thơ mộng giữa một nhà văn trẻ tên là Tuấn với một cô gái xinh đẹp là Hoàng Lan Hương (mà kỳ thực là một bóng ma). Thực tế đây là một câu chuyện hiện đại được viết dưới hình thức kỳ ảo truyền thống.

222. TRẠI BỒ TÙNG LINH

I

Trại Bồ ngày... tháng IX năm 1930

"Anh Bình,

Chỗ tôi đến ở là Trại Bồ. Tôi gọi đùa là Trại Bồ Tùng Linh. Cái tên đặt trong lúc cợt tính đó không ngờ lại hợp với cái cảnh biệt tịch này đến thế. (Nhất là từ bữa xảy ra ở đây những việc có thể gọi là rất dị thường).

Anh thử tưởng tượng một cái trại rộng ngót hai mẫu và rậm như một khu rừng. Cây toàn là cây cổ. Gân hết là nhãn, mười gốc mít và mấy thứ ăn quả mà người ta không nghĩ đến sự lấy hoa lợi ; lại thêm hai gốc đa cổ kính, buông từng súc rễ chằng chịt xuống lối đi. Trên là bóng lá rườm rà. Dưới là cỏ và hoa. Những thứ cây bụi không biết tên là gì và thường thường chỉ mọc ở những cánh đồng hoang, cũng tìm đến sống ở đây, chen lẫn với những khóm hoa không được chăm bón. Một vài khoảng đất vuông vắn, trên đó có lau dâm lên tự do, có lẽ đã là những thửa vườn cũ. Trên con đường rộng nhất trở vào từ cái cổng xây đã đổ nát và mất cánh cửa, một đoạn còn thấy dấu gạch lát, những gạch chỗ thì lụn, chỗ thì bị bầy chồi lên vì những rễ ngầm. Một cái ao lớn, bèo tấm xanh lè kín gần khắp mặt, chắc là một chỗ trước kia rất đẹp : vì trên một phía bờ ao, một ráng liễu già rủ lá xuống tận nước, xen lẫn với mấy khóm trúc lá mập và mình vàng. Thêm vào đó một ít cây ngọc lan, hoàng lan và từng vầng lớn mẫu đơn cao um tùm.

"Lớp nhà ngói tôi ở, ẩn khuất trong những cây đẹp và quý ấy.

"Nhà kiểu cũ, tuy làm trên nền đá nhưng vẫn thấp ; hiên trước rộng ; bên trong, hai hàng cột lớn chia thành ba gian. Gian giữa cửa bức bàn. Hai gian bên tường bưng, có cửa sổ nhìn ra cảnh trước hiên ; cửa sổ chấn song con tiện, nhưng long mất gần hết. Một nơi phảng phất mùi phong lưu và... chứa chất mùi ẩm mốc. Ngay từ sáng hôm đến, tôi để ra cả một nửa ngày bảo quét tước sửa chữa, sắp đặt và làm cho bọn khách trọ bình yên trong ấy - lũ dơi và lũ chuột - phải một bữa hoảng hồn.

"Tôi phân ra từng căn riêng (nhưng là những căn tưởng tượng lấy cột làm địa giới). Một cái giường cầu mua lại, một cái va li đựng, và một cái treo áo : đó là phòng ngủ. Ở giữa một cái án thư cũ và một cái bàn mây : đó là "phòng khách" có tên mà không có thực, vì nhất định sẽ không bao giờ có ai đến chơi. Một cái bàn kê áp cửa sổ ngăn thứ ba, một ngăn sách, một va li đựng cũng toàn sách và một cái ghế mây dài dùng để nằm nghỉ : đó là phòng làm việc và thư viện, chỗ lịch sự và quan trọng nhất nhà. Cũng nên kể thêm một vài bức tranh mang theo, một bình hoa. Thế là chỗ ở của tôi thành một biệt thự cũng khá tươm tất.

"Tôi muốn xa Hà Nội với sự náo động và bao nhiêu cái bận rộn vội vã, tìm thuê một chỗ tĩnh mịch để làm việc thông thả trong yên lặng ; gặp được cái trại bỏ không này tưởng không cần phải mong đâu hơn. Có thể nói ý muốn của mình được tô điểm thêm lên nữa. Cảnh tịch mịch của tôi lại là cảnh kỳ thú, giữ một màu cổ kính, bí mật trong bóng những cây cối gần như hoang dại. Tôi đã nghĩ đến một vài truyện và một cảnh tả trong truyện *Liêu Trai*⁽¹⁾. Thành Dân, thành nhỏ tôi đem theo, tuy rất ít mồm miệng mà ngay hôm đầu cũng nổi lên một ý nghĩ tương tự như của tôi :

- Cậu ạ, trại này trông như một trại có ma ấy.

Nó ngạc nhiên và có vẻ sờ sợ khi tôi bảo :

- Có ma thì càng hay cho tao !

"Tôi phải tìm lời an ủi nó ngay, vì xem ra anh chàng chỉ chực những xin trở về. Tuy vậy nó không phải là một đứa yếu bóng vía.

"Chắc anh muốn biết tôi lần mò thế nào mà tìm được chỗ này. Tôi không phải tìm lâu. Nói là gặp có lẽ đúng hơn. Và do một sự tình cờ kể

(1) *Liêu Trai* : tức *Liêu Trai chí di*, tác phẩm của nhà văn Trung Quốc Bồ Tùng Linh (1640 - 1715).

cũng hơi lạ. Tôi đến thăm một người cô họ xa ở Hà Nội ; một tin trong báo nói về vụ kiện ở một đồn điền. Câu chuyện dẫn đưa từ đó đến những ấp, những trại và đến một khu trại bỏ không ở Thái Bình. Tôi chú ý liền. Hỏi rõ thêm. Và tức khắc đi tìm chủ nhân Trại Bỏ hiện vẫn ở Hà Nội. Tôi hỏi thuê ngay từ trước khi đến thăm và người ta rất vui vẻ cho tôi thuê, trước khi biết tôi là người thế nào và đến ở đó để làm gì. Giá trả hàng năm và rẻ một cách không thể ngờ được. Hôm tôi tới xem trại, người gác ở đây cũng tỏ ra vẻ mừng rỡ như người chủ hôm trước. Trong câu chuyện qua lại, tôi thấy một vài điều hơi có vẻ bí mật khi người ta muốn tìm cách cắt nghĩa về hoang phế của Trại Bỏ : "Trại Bỏ bỏ không vì không hợp với cụ cố chúng tôi... vì mợ cả đau yếu luôn...". Tôi cũng không gắng hỏi kỹ càng hơn vì điều quan trọng nhất đối với tôi là có một chỗ yên lặng và biệt tịch. Hôm "dọn nhà" xuống - tất cả đồ đạc là hai cái va li lớn và những thứ ứng biến mới sắm thêm ngay ở đây - tôi cũng có nghe thấy mấy người tôi thuê đến quét dọn nói bóng nói gió đến sự "bỏ không" của trại này. Hình như trong gia đình "cụ lớn" có người chết oan hoặc tự tử hoặc hóa điên, không rõ lắm ; và hình như từ đấy, nhà "cụ lớn" không được phong túc như xưa. Tôi còn thoáng bắt chợt được những tiếng "oan hồn", "con ma gốc đề" - cây đề này mọc lẻ loi ở một góc cuối trại - và những câu trả lời lúng túng của họ khi tôi hỏi rõ thêm. Tôi không muốn có một điều gì đến làm vướng bận cái vui của tôi nên không để tai đón chuyện của họ nữa. Tôi lại tự nghĩ : cảnh như ở đây tất nhiên gây nên những ý huyền hoặc trong óc người quê mùa... Còn mình chỉ nên để tâm đến vẻ đẹp của cảnh với sự tiện lợi của nơi ở. Vả lại, dù có ma di nữa, thì đã sao chưa ?

"Trước sự lo ngại của thằng Dân, tôi cũng giữ vững cái ý nghĩ vừa rồi : tôi thành thật tin rằng dù có những việc hiển hiện lên trước mắt, tôi cũng không khiếp sợ - có lẽ lại coi là một dịp tốt cho cái tính tò mò của mình.

"Ngày thứ hai ở Trại Bỏ tôi đã bắt đầu nghĩ đến cái công việc sung sướng tôi định làm ở đây : là khoan thai viết tập tiểu thuyết tôi nghĩ đã lâu, một tác phẩm thân yêu mà tôi vượt ve từ trước cái hình ảnh mang trong trí. Thực không phải là "làm việc" nữa, tôi thấy say mê khoái trá khi nghĩ đến, khi dàn xếp những ý tưởng, khi cầm bút sắp viết, và khi những hàng chữ hiện lần lần trên giấy với tất cả sự rung động của tâm hồn mình.

"Lúc nghỉ viết lại là những lúc vui thú khác : hoặc đọc sách hoặc thức dậy giữa cái thế giới nhỏ của khung cảnh trong Trại Bỏ. Những cây cỏ rất

nhiều hình sắc ở đây hiện trong vẻ đẹp riêng của sự kích thích tinh thần. Phạm vi của một vùng xanh tươi như rộng rãi thêm : có những trường hợp trùng nhau của cảnh tưởng tượng với cảnh bên ngoài, khi đó thì nhân vật tạo tác thường như hoạt động trong lúc thực hiện.

"Cái thói quen làm việc ban đêm để tránh sự náo động ban ngày khi còn ở thành phố khiến cho thời gian viết của tôi thường lẫn xa vào những giờ khuya. Mà ban đêm ở đây có một sự yên lặng khác thường, đây những tiếng rộng lớn của gió cây rì rào và tiếng giun dế dưới chân hoa cỏ.

"Một tối về thượng tuần trăng, tôi mái ngồi ngắm cảnh ở ngoài hiên cho đến lúc trăng lặn đã lâu và trời đã trở lại tối đặc. Hàng liễu trước nhà là hình ảnh đẹp mắt và đáng yêu nhất trong cả buổi. Đến lúc trăng khuất hẳn, những nét mảnh dẻ, mềm mại vẫn như còn in trên những vầng đen nặng, vẫn như còn nhuốm, rất huyền ảo, một ánh sáng mà trí tưởng vẫn thấy còn sót lại riêng trên mình óng mượt của những lá to... Những hình ảnh tưởng tượng nhẹ nhõm cử động theo hơi gió lùa qua, phơ phất, lả lướt, chập chờn... những cảm giác rất mong manh cũng phảng phất qua, gợn trong tâm hồn, gợn trên da thịt... Tôi được hưởng một thứ say sưa hiếm có và chóng biến, những vấn đề khiến cho tình cảm còn rung mãi một điệu rất êm nhẹ và ngọt ngào.

"Khi tôi chợt nhớ đến đoạn văn sẽ viết tiếp trên bàn, tôi trở vào, ngồi ở cái bàn áp cửa sổ rồi cầm bút lên, nhưng trong trí vẫn còn những nét liễu se se động, xiêu xiêu như theo một chiều nghĩ ngợi. Hình ảnh ấy gợi ra những tà áo mong manh và những dáng điệu biến hiện trong mờ ảo... Tâm hồn có một ý bàng khuâng, lưỡng lự, hình như sắp định một điều chưa rõ rệt, chơi vơi một chút rồi buông xuôi vào một cõi bất định, không biết đâu là bờ bến. Cứ thế, tôi ngồi bên bàn viết, đầu ngả dựa một tay chống đỡ, trước cây đèn chụp hắt ánh sáng xuống vòng quanh. Tiếng giun dế dón dả ran lên khi tai lắng nghe và dần dần chìm đi, lùi xa vào trong lãng quên, để rồi lại giục giã thêm và nài gọi sự chú ý. Tiếng gió hình như vẫn rco hoài và vừa mới ngừng lại. Một luồng gió nhẹ mát thoáng ùa qua cửa sổ như gửi vào một phần đêm bên ngoài.

"Tại sao tôi lại rờn rợn người lên ? Tôi biết tâm trí vẫn nghĩ bình thường – đang cố nhận lấy từng chút chi ly đổi thay của cảm xúc. Mà tôi lúc đó đang nhìn hàng chữ cuối cùng trên tờ giấy viết dở chừng.

"Không, không có gì khác thường.

"Nhưng tôi vẫn thấy một cảm giác lạ. Một cảm giác đột ngột, không liên lạc, hình như vừa chợt đến : gờn gợn, lạnh lẽo, rõ rệt và mạnh mẽ. Tôi nghĩ bụng : "Hừ ! Vô lý thực !". Nhưng vẫn thấy như một sức gì, một sự gì... một vật gì đang chú ý đến tôi. Ở đâu ? Ở rất gần mình, ở trước mặt mình - từ cái khung tối đen ngòm kia - ở cái chỗ tôi không trông thấy gì nhưng đối với "nó" tôi hiện ra rành mạch trước ánh đèn sáng.

"Chỉ ngừng lên là tôi sẽ trông thấy - sẽ biết, hoặc sẽ yên lòng là đã nghĩ lầm. Nhưng không, tôi không lầm. Sự ấy tôi có nghĩ ra đâu. Nó đến. Và bắt tôi nghĩ. Tôi vẫn không nhúc nhích, mắt vẫn đọc hàng chữ viết, cố tình nán chậm cái lúc nhìn ra, tuy đó là sự rất vô lý... Sau cùng, lấy hết can đảm, tôi ngẩng mặt lên.

"Cửa sổ - cái huyệt đen, sâu thẳm và vô cùng - cửa sổ vẫn không có gì khác.

"Nhưng ngay lúc ấy, tôi tái hân người đi. Một tiếng động nhẹ - nhưng rành rẽ - một tiếng nhẹ và nhanh do một cử chỉ nào của cái vật đứng bên ngoài. Đứng bên ngoài tường. Và cũng nghe ngóng. Tôi "cảm thấy" - không thể mơ hồ được - rõ ràng nó có ở đây, nó **đụng** đây...

"Tôi tính nhẩm : sẽ gọi thằng Dân dậy - nó vẫn nằm ở cái ghế dài cạnh ngăn sách và rất tỉnh ngủ - cùng chạy ra cửa, rồi chia ngả đuổi (nếu nó chạy) : dù là vật gì cũng không thể thế được. Tôi nhẹ nhàng với lấy cái đèn bấm trong ngăn kéo, rồi ngừng lên và kinh ngạc dị thường.

"Giữa khung cửa sổ một khuôn mặt lạng lẽ, trắng một cách lạ, một khuôn mặt đàn bà rất trẻ, đẹp, một vẻ đẹp tuyệt mỹ, đẹp đến lạnh mình...

"Hiện lên như ở đó đã từ bao giờ. Và thoáng biến ngay, như không bao giờ có...

II

Viết tới đó, Tuấn ngừng lại, ngón tay cầm bút cứng ra vì mỏi : anh đã viết thẳng một mạch cả câu chuyện lạ lùng lên hơn tám trang lớn lúc đó dùng thay cho giấy viết thư.

Việc xảy ra ở Trại Bồ này cùng với bao nhiêu cảm tưởng chí lý mà thói quen phân tích của nhà văn đã khiến anh ghi nhớ được, Tuấn đem thuật lại tường tận với một người bạn ở xa. Anh muốn cho bạn biết chuyện để hỏi ý kiến, để xem một người khác sẽ nghĩ và sẽ đoán về việc ấy ra thế nào, và cũng để qua thì giờ. Đêm nay anh cũng lại thức. Anh không đọc sách hay viết tiểu thuyết như mọi tối, vì anh cố ý đợi. Anh chắc hẳn sự kỳ dị sẽ "nhắc lại" cũng như đã nhắc lại đêm sau.

Cái bóng đàn bà thoáng hiện ra lần đầu, lại hiện ra lần thứ hai, trong đêm vừa qua, cùng một trường hợp giống nhau, nghĩa là lúc anh đang làm việc mài miết. Thốt nhiên, một cảm tưởng là lạ ám ảnh đến, anh rờn rợn như mình có người chú ý ; ngừng đầu lên : trong khung cửa sổ, một người rất đẹp đang nhìn anh, lẳng lẳng và miệng như mỉm cười. Tuấn chưa hết kinh ngạc thì người ấy lui ngay nhẹ nhàng như lặn biển vào bóng tối. Tuấn cầm đèn ra soi khắp hiên, tìm quanh nhà, sục sạo khắp trại, nhưng đều vô ích : không có một dấu vết nào khác lạ. Người đàn bà đẹp như đã tan vào trong đêm.

Nhưng Tuấn không thể tin đó là một hình ảnh hư ảo được. Tuy hình ảnh chỉ hiện ra trong thoáng mắt, Tuấn cũng còn nhớ rất rõ khuôn mặt tuyệt mỹ với nước da rất trắng, – và từng nét môi, từng vòng mi, từng vành tai nhỏ và nhất là cặp mắt nhìn đen láy, long lanh sáng và yên lặng một vẻ dị thường.

Không ! Không thể là một ảo tưởng được. Một hình ảnh thấy trong lúc kích thích của trí não, hoặc lúc hốt hoảng của tâm thần tất không có những nét thực hiện và nổi rõ đến thế. Cái ý tưởng rằng đó là một người sống sẽ chiều được ý thiết thực của Tuấn nhưng sẽ đem lại biết bao nhiêu câu hỏi lạ lùng : người đàn bà – một nhan sắc yêu kiều như thế đến nơi hoang đại vắng vẻ này làm gì, và sao lại đến giữa những lúc đêm tối ghê rợn nhất ? Cái dáng lạng lẽ, cái lối hiện biến nhanh chóng, những lúc tìm tòi vô hiệu của Tuấn và sự quái lạ của hành vi người đàn bà khiến cho Tuấn như không biết đường nào mà suy nghĩ.

*

* *

Ban ngày anh đã hỏi chuyện mấy người cày cấy quanh trại, cho tìm cả người coi trại đến, nhưng không ai biết người đàn bà nào giống như lời anh

mô tả. Họ không giúp đỡ anh khỏi sự bối rối mà chỉ bàn thêm những câu rất huyền hồ. Người coi trại lại còn nhắc đến một vài chuyện ma quái mà hần đã có lần trông thấy hồi hần phải ở trước ngày Tuấn đến. Anh hết lòng không để ý tới, nhưng sự mê tín của hần cũng làm anh băn khoăn. Tuấn không muốn nài thêm, gạt ra ngoài tai những ý kiến của mấy người nhà quê và cảm thảng Dân không được nói là cậu nó thấy ma nữa.

Anh nhất định chỉ cho việc xảy ra hai đêm vừa rồi là một bí mật chưa khám phá được. Anh tạm cho là mình bất giác chịu ảnh hưởng của cái vẻ um tùm cổ kính trong trại. Cái tên "Trại Bồ Tùng Linh" biết đâu chẳng đã gọi đôi chút dị đoan còn cổ hủ trong anh ? Hay biết đâu óc tưởng tượng đã chẳng tạo ra cái hình ảnh mà anh trông thấy trong lúc tâm trí bị kích thích mà không ngờ ?

Nhưng mà...

Tuấn không muốn suy nghĩ kỹ càng hơn. Anh vội giữ lấy những lý luận sơ sài ấy để yên lòng.

Buổi trưa, anh ngủ một giấc dài hơn mọi ngày để khỏi mệt tinh thần và đến chiều, sau bữa cơm, anh để tâm chỉ hát những bài vui trong khi đi bách bộ quanh trại.

Bóng chiều đổ mau dưới những vòm lá nắng um tùm. Tuấn cất nghĩa mỗi tiếng reo động gần quanh và luôn luôn tự bảo những lúc hồi hộp của mình là vô cớ, vô lý. Anh đi thăm những cây đa cổ kính, nắm lấy những thân rễ lớn một cách bạo dạn và ngạo nghễ với những vùng bóng xanh tối mỗi lúc một thâm già. Gió rì rào trên đầu cây, trong cành lá, có một âm vang như tự xa về, và hơi lạnh bao vây khiến Tuấn se se rùng mình : anh tự nhủ đó là do tiết trời về thu. Nhưng Tuấn thấy mình bỗng đi gập bước. Bóng âm u thay đổi cảnh hoa cỏ ở đây nhanh chóng quá. Tuấn nhìn lại và thấy lạ hần những chỗ lúc trước vừa đi qua. Anh bực mình vì không thể cưỡng nổi một ý lo ngại cứ dần dần tăng. Một đôi lần, lúc đang bước, anh quay cổ nhìn trở lại. Không ngờ Trại Bồ về tối lại có vẻ hoang tịch đến thế.

Tuấn bước lên tới thêm nhà mà vẫn còn thấy khó chịu. Anh vội nhảy qua bậc cửa : ánh sáng đèn làm cho anh được tạm yên lòng.

*

* *

Tuấn không thấy muốn làm việc như mọi lần. Anh cầm bút rất lâu và sau cùng xếp giấy lại, trí nghĩ đi vào những hõm cây hốc bụi và tưởng đến sự huyền bí ẩn nấp dưới các hình bóng dị kỳ : Trại Bồ lúc này là một nơi cũ kỹ trong một bầu không khí cổ sơ. Anh nhớ lại những chuyện truyền thuyết, những nhân vật hoang đường. Anh thấy mình có vẻ một chàng thư sinh ngồi dùi mài trong một ngôi chùa và có những sự gặp gỡ quái quái.

Sự hiển hiện hai đêm trước không giữ được cái tính cách bí mật "trần gian" mà anh muốn thấy. Tuấn cố xua đuổi những ý tưởng huyền hồ đến dui dít tâm trí anh. Sự kỳ dị không một lối nào để dò theo, không có một đầu mối nào có thể lần gỡ được. Tuấn không biết nên để sự suy xét đi theo một chiều nào. Anh chỉ biết – mỗi lúc một rõ, một chắc chắn thêm – rằng hán sẽ hiện về. Điều đó thành một sự cố nhiên mà anh cứ yên lặng nhận lấy và chịu lấy.

Tuấn thấy suy tính cũng vô ích. Anh đành lòng đợi vậy : "Để xem đêm nay nữa, xem nào !".

Anh muốn đánh thức thằng Dân dậy để đi rình bên ngoài - anh vẫn còn giữ một chút nghi hoặc mơ hồ - nhưng anh trông thấy trước sự khiếp sợ của nó. Tuấn đi dạo ngoài hiên hai ba lượt. Ánh sáng từ cửa sổ chạy đến một khóm mẫu đơn gần nhất. Đêm tối sấn đến quanh cùng với cả một thế giới bí hiểm và vô hình. Tuấn bắt đầu cân nhắc lòng can đảm của mình và không thấy vững lòng lắm. Anh gắng đi quanh lớp nhà một vòng nữa, bước chân ghé rón ; lúc trở vào, anh ngồi trước bàn viết và không còn tâm trí nào để lại bước ra ngoài đêm. Anh nói nhỏ bằng tiếng Pháp :

– Thế mà một người con gái dám đến đây !

Tuấn toan nghĩ thêm :

– ...Nếu thực là người.

Nhưng anh vội bật cười thành tiếng và nghĩ chuyện khác.

Anh giở sách ra đọc ngắt quãng từng đoạn để nghe gió chạy ồ ạt từng trận, và chú ý luôn đến các tiếng giun, dế ở xa và ở quanh thêm.

Lúc Tuấn nghĩ đến sự viết thư cho Bình, thì anh mừng rỡ như tìm thấy một việc rất ích lợi. Anh tự nhủ : "Không thể quên được thì gì bằng nói ngay đến. Xem Bình hán đoán việc này thế nào". Tuấn không nghĩ sắp câu, cầm bút lên là những chữ tiếp theo nhau hiện lên mặt giấy.

Tuấn thấy ham viết cũng như lúc viết văn.

Việc mới xảy ra còn rõ từng nét trong trí nhớ, thêm linh hoạt vì sức khêu gợi : Tuấn thấy sống lại từng phút, từng đoạn cảm xúc trong hồi đã qua. Sự "có mặt" của người giai nhân bí mật bớt vẻ tỵ hiềm vì sự tô điểm của văn chương. Anh nghĩ thầm : "Giá lúc này ta nhắc đến nàng hiện ra nhỉ !". Và mấy lần toan nói to ý nghĩ ấy lên.

Tuấn đọc lại những hàng cuối cùng. Tay đã hết mồi, anh cầm bút để viết tiếp bức thư.

Anh đoán lúc đó đã khuya lắm và nghĩ thầm : "Hôm qua với hôm kia mười hai giờ rưỡi thì mình thấy...".

Rồi đặt bút xuống.

Mười hai rưỡi là khoảng thì giờ người đẹp vẫn hiện đến. Anh chắc lúc ấy sớm ra cũng đã hơn một giờ. Nhìn lên cửa sổ vẫn là cái khuôn đen ngòm, dẫn vào một chút gió rất chậm và rất yếu. Tiếng đêm ran trong vùng tối vẫn giống như bao nhiêu đêm... Trước khi lại viết tiếp, Tuấn lấy đồng hồ coi và biết mình đoán lắm : mới mười hai giờ hai mươi : "Quái, thế mà mình tưởng khuya lắm rồi !".

Và tự dưng Tuấn như thấy hồi hộp.

Anh cầm bút chấm mực, cho sự hồi hộp đó là thói quen ở hai lần kinh ngạc trước và tự yên ủi bằng một câu cứng cỏi vẫn quen nghĩ : "Ừ, thì là người, là ma, là tinh nữa, thế đã sao chưa ?".

Nhưng sự hồi hộp lần đến rất mau chiếm lấy cả tâm trí anh. Tuấn lại cố thu cảm tưởng lạnh lùng, nặng nề, và ghê rợn y như mấy lần trước... : "Chắc lần này lại".

Cả câu nghĩ thầm cũng như nghẹn ngào trong cổ.

Tuấn chợt sinh bức tức, thấy rõ mình bị giễu cợt, trêu ghẹo, dù bởi ma hay người... Sự căm giận, nổi lên vì hổ thẹn và phản kháng, như thêm một sức mạnh lạ lùng, Tuấn nắm tay lại, nhìn phất lên : ngoài cửa sổ không thấy gì khác.

Hơi Tuấn thở vội, hỗn loạn với nhịp trống ngực. Tuấn sững sờ và thấy mình ngộ nghĩnh đáng nực cười. Anh lại toan cất tiếng cười lên : muốn tự cho mình là người lo sợ không đâu, và chỉ tưởng tượng ra những điều kỳ dị

để tự sát. Nụ cười đã phát sẵn ở miệng Tuấn, nhưng cứ giữ nguyên thế. Tuấn vừa lại "cảm thấy" một sự gì khác thường. Phải, một sự gì vừa xảy ra.

Hình như có tiếng gì vừa động. Nhưng ở đâu ?

Tuấn nghe ngóng, bỗng quay lại đằng sau : chưa bao giờ – thực vậy, chưa bao giờ – Tuấn kinh ngạc đến thế.

Một người thiếu phụ – người hai đêm trước – vẫn tóc trần, mặc hàng lụa xanh phơn phớt, ngồi bất chéo chân trong chiếc ghế bành gian giữa, bình thản, lặng lẽ, và tự nhiên như người trong nhà. Tuấn lần này mới nhìn rõ nhan sắc của nàng ta, nhìn rất lâu. Và lần đầu tiên anh biết thế nào là sự rung rợn.

III

Bao ý nghĩ vừa rồi về những việc đã qua, vẫn còn xao xuyến sôi nổi trong trí Tuấn. Tinh thần kích thích như dây đàn căng vừa ngắt tiếng sau một khúc, vang âm còn rung động giữa lúc êm lặng đêm khuya. Trên mặt bàn ngay dưới tay Tuấn, tập thư vừa viết còn ghi nguyên tang chứng của "sự thực". Cái bút đặt lên lọ mực, mấy quyển sách gáy in chữ vàng lấp lánh bên chân đèn. Tuấn nhớ rõ những hình ảnh thực hiện đó. Ánh đèn chiếu xuống không đổi sắc. Tuấn nghe thấy tiếng bác chày. Đồng hồ nhỏ lách tách những dịp vội vã đều đặn. Giun dế quanh nhà vẫn lách chích kêu như cũ và từ xa lắm, tiếng chó sủa đáp lại nhau qua mấy cánh đồng...

Tuấn để tai nghe tất cả một lượt rất nhanh. Anh kiểm điểm lại động tĩnh bây giờ trong lúc nhìn cái bóng đàn bà ngồi kia, trong nhà anh, và ở đó như đã từ lúc nào rồi.

Sự kỳ quái của giấc mơ ấy lại là sự thực nhãn tiền.

Mắt Tuấn nhìn người đàn bà đẹp từ đầu đến chân, thấu nhận lấy từng dáng ngồi, đường thân, màu tóc, nếp áo. Bàn tay "nàng ta" trắng nõn, nhỏ và dẻo một cách lạ, dáng nhẹ nhàng cầm giữ ở đầu ngón một lá cỏ dài và mập như một chiếc lá lan. Nước da trên mặt cũng trắng nõn – một màu trắng đẹp tưởng chưa từng thấy bao giờ. Khuôn mặt thanh tú giữ những đường cong nét uốn hòa đối và mỹ lệ lạ thường. Tất cả người "nàng ta" đều có một vẻ đẹp khác thường, một vẻ đẹp quá chừng như không thể nào

có được. Tuấn thấy rợn khắp mình. Một cảm tưởng lạnh lạnh lại gờn gợn chạy lan cả tâm hồn một cách rất nhẹ, rất chậm. Chưa bao giờ Tuấn nhìn một người đàn bà rõ ràng như thế và lâu đến thế. Mắt anh không thể nào rời khỏi được. Anh gần như không có quan niệm về thì giờ nữa. Sự kinh ngạc giữ anh mãi trong cái phút vô cùng đó và anh tưởng chừng đứng như thế mãi, nhìn như thế mãi mãi, và người đàn bà đẹp cũng sẽ ngồi đó mãi, cũng như ở đó đã tự bao giờ.

Nàng ta không hề ngượng, rất tự nhiên – Có lẽ rất thản nhiên trước vẻ sững sờ của Tuấn. Điều ngồi lặng lẽ như người đang suy nghĩ. Tuấn như ở đâu chợt tới, và thấy người ta không để ý đến, hay không biết đến mình.

Người bối rối nhất không phải là người khách dị thường kia ; Tuấn lại thấy ở mình có một vẻ bối ngỡ như chính mình không phải là chủ nhân. Sự yên lặng vẫn ở nguyên, dai dẳng, bướng bỉnh và hết sức khó chịu.

Tuấn không thể tìm được cách nào để xử trí. Anh chờ người ra và như có một sức ám ảnh gì giữ lấy sự lạnh lẽo. Tuấn muốn dặng hăng lên. Anh kéo chân về định cho dép xiết trên nền gạch. Vò một tờ giấy. Hay đánh rơi một vật gì rồi cúi xuống nhặt. Tuấn nghĩ đến các việc đó, nhưng anh vẫn đứng im.

Tuấn thấm bực tức cho cái vô lý của mình. Sao mình lại rụt rè thế ? Sao lại có cái ý tưởng kỳ dị là cứ phải đứng lặng đó ? Sao lại có sự ước mong hồ đồ rằng cái người kia sẽ thôi ở đây, sẽ biến đi ?

– Dù sao (Tuấn nghĩ thầm) ta cũng cứ nói lên một câu xem nào ?

*

* *

Sự kinh dị đầu tiên đã lui dần. Tuấn bắt đầu tìm một lời nào , một cử chỉ nào, để đối phó. Tuấn sửa soạn như sắp làm một việc quan trọng và khó nhọc. Anh lựa đường lối để tiến một bước hành động. Câu hỏi đã thấm quá lên trong trí, thấm nhắc lại vài ba lần và chỉ chực lên tiếng. Tuấn nuốt nước bọt mới nhận thấy cổ họng mình khô :

– Tôi muốn hỏi... cô...

Lời nói vang âm lên trong sự im lìm.

Tuấn ngừng lại, thấy trơ trên quá, sượng sùng quá : "Trời ơi ! Sao lại thế mới được chứ !". Tuấn nhất định hỏi nữa, rồi muốn ra sao thì ra.

Nhưng rất dịu dàng, người đàn bà đẹp ngẩng nhìn, miệng ngậm một nụ cười kín đáo, nhã nhặn. Tuấn thấy một cảm giác rất dễ thương cùng lúc đôi mắt kia soi vào mắt mình – đôi mắt đen, sáng và long lanh những tia lửa lạnh.

Anh nghe thấy một câu nói nhẹ, giọng thanh và như đưa lại từ đâu xa :

– Thưa anh, anh hỏi gì em ? Mà anh hỏi em làm gì ?

Câu đáp bất ngờ và giọng thân mật càng làm cho Tuấn ngạc nhiên.

Nhưng anh đã thấy nhẹ mình.

Một chút rung rợn êm ái dội qua tâm hồn một luồng khác lạ. Tuấn đáp lại và nghe lời nói của mình như trong mơ hồ :

– Tôi muốn... tôi... tôi chưa được cái hân hạnh gặp cô... quen biết cô...

Người ngồi đó đưa mắt nhìn vu vơ, miệng cười hé mở : đôi mày nhẹ nhàng cao trên vùng trán xinh nhỏ và cả người đung đỉnh một vẻ đằm dáng lãng lờ. Câu trả lời cũng giấu giọng lời là đùa cợt :

– Anh không quen biết em, nhưng em quen biết anh, thế cũng đủ.

Nàng tiếp luôn :

– Vả lại sự quen biết không cần cho sự yêu mến lắm. Anh trông thấy em, em trông thấy anh lần đầu tiên, thế là ta có thể thành đôi bạn thân yêu được rồi.

Tuấn không nhận thấy điều gì quá dị thường trong câu nói tuy có hơi kiểu cách. Anh đã tìm lại được hết can đảm. Anh lại thấy câu chuyện tuy vẫn lạ lùng nhưng không thiếu phần ngộ nghĩnh dễ ưa. Những tiếng "anh" đột nhiên gửi cho mình và những tiếng "em" ngọt ngào người ta nhận lấy, nói lên từ cái miệng tuyệt mỹ kia, hứa một sự giao thiệp có thể trở nên rất êm đềm. Tuấn gần như được hưởng cái thú ghê rợn rất phức tạp. Anh sẵn sàng để cho tâm trí chiều theo những đường lối một câu chuyện anh chưa biết rồi sẽ dẫn tới đâu. Từ trước đến bây giờ anh chỉ toàn thấy hết cái ngạc nhiên này đến cái ngạc nhiên khác.

– Ta cứ nhắm mắt lại để cho "nàng ta" dẫn đi cũng được.

Ý nghĩ ấy khiến anh chợt tưởng đến một sự không thể nào làm ngơ được. Tuấn nhìn soi mói người khách lạ của mình.

Anh nhận thấy vẻ kiêu lệ rõ ràng hơn : bức nhan sắc anh đang tiếp trong một trường hợp khác thường kia có một giá cao quý tuyệt phẩm.

Tuấn băng khuâng như đang ở trong một sự kỳ ảo, lòng mênh mang thấm nhuần hạnh phúc, và lo ngại như chiếm giữ châu ngọc...

*

* *

Người đẹp đang nhìn anh, miệng tươi, vé ân ái và đắm đuối.

Nàng ta thong thả đứng lên, thong thả đến gần Tuấn, bước nhẹ và nhịp nhàng. Người uyển chuyển trong màu áo dịu mềm và tỏa ra một làn hương mong manh của son phấn hay của da thịt.

Nàng đặt một tay lên vai Tuấn, cười một tiếng khẽ và ấm như hơi thở. Lần thứ nhất – Tuấn gợn người tự gót chân tới chân tóc – Tuấn chạm tới bàn tay mỹ nhân. Tuấn thấy tay mình đã nắm những ngón tay nhỏ, mát, trong làn da nhung dịu như cánh hồng non. Một cánh tay anh đã quàng ở ngang tấm lưng thon và gọn. Anh được thấy bên người anh cả một sự xúc động âu yếm của tấm thân giai nhân thực hiện : một giai nhân "đúc bằng xương bằng thịt" có quả tim hồi hộp và có những huyết mạch nồng nàn.

Tuấn không cần biết tại sao người ấy lại ở trong tay anh, anh sẵn lòng quên hết các trường hợp ly kỳ. Quả vườn cấm đưa đến tận mình – cần gì biết do đường lối nào ? – anh cứ vui lòng hưởng.

Tuấn dìu nàng đến ngồi chung một ghế. Nàng ngoan ngoãn – và sung sướng – vâng theo, dáng điệu thân mật như đã quen biết nhau lâu ngày.

Tuấn "cảm thấy" sự rạo rực rung động trong thân thể người thiếu nữ truyền đến cánh tay mình. Phảng phất một ánh hương nhẹ lại thoảng qua, anh nhú mắt lại nghĩ đến một ý nhỏ nhắn. Anh chợt hỏi, giọng vô tình hoa mỹ và lời như sẵn tron – và cả tâm hồn lúc đó như ngan ngát trong một khí vị văn chương :

– Em là ai, em ở đâu đến đây mà lạ lùng, mà bí mật như một người trong giấc mơ thế ?

Nàng ta đáp ngay :

– Có lẽ em là người trong mộng của anh đấy, người trong mộng biến thành người thực, thành sự thực đến với anh đấy.

Tuấn mỉm cười :

– Anh không ngờ lại gặp một sự thực huyền hồ, một sự thực... mơ mộng đến như thế này.

Rồi giọng chân thực hơn, Tuấn nói :

– Nhưng không thể... vì không nhẽ chúng ta cứ như thế này mãi. Gặp nhau, mến nhau, thân mật nhau ngay lúc đầu, được lắm, nhưng anh muốn biết... anh muốn em nói cho anh biết rõ hơn kia.

– Biết rõ mà làm gì ? Mà anh muốn biết rõ những gì ? Anh biết là em yêu anh, em tìm đến với anh, thế không đủ sao ?... Còn ngoài ra có quan hệ gì ?

Câu chuyện theo giọng ấy kéo dài thêm, Tuấn gạn gùng thì người thiếu nữ chỉ cười hoặc thoái thác khéo. Sự cố ý giấu giếm đó càng kêu gọi thêm cho Tuấn muốn thấu hiểu tường tận hơn.

Anh tìm được một cách ví von khôn khéo để làm cớ cho câu hỏi :

– Nhan sắc như bông hoa quý, anh không thể đành lòng không biết tên thứ hoa mà anh khen ngợi được. Không, hình ảnh chỉ để cho trí nhớ thôi ; anh muốn lòng anh được gọi đến tên em, nhắc đến tâm tình em... anh muốn được trông thấy cả cái vườn tiên mà em đã tạm bỏ để đến đây thăm anh...

Tuấn mỉm cười, nhưng nói bằng giọng hết sức chân thực. Những câu hoa mỹ viễn vông đó hình như cũng làm xiêu được lòng giai nhân. Nàng ta nhìn Tuấn rồi lại nhìn vắn vơ và đủng đỉnh nói :

– Em thì em nghĩ rằng anh không biết có lẽ hơn... Nhưng nếu anh nhất quyết thì vâng, em cũng xin thú thực, không dám giấu nữa...

Tuấn vui vẻ :

– Thế thì em ngoan quá... Em nói đi... Em nói cho anh biết tên em đã này...

Nàng ta thoáng có vẻ buồn rầu, nhưng miệng tươi cười ngay :

– Tên em ư ? Anh thử đoán xem.

Tuấn nhú mày nghĩ, rồi lắc đầu. Nàng ta nhắc :

– Tên em là một thứ hoa !

– Lan ? Cúc ? Huệ ? Liên ?...

Nàng ta lắc đầu :

– Không...

Và lại nói :

– Không, Lan Hương, Hoàng Lan Hương.

Tuấn cười :

Có lẽ chính em là hoa hoàng lan đấy.

Nàng ta khẽ thở dài :

– Có lẽ.

Tuấn hơi ngạc nhiên. Anh hỏi cho có chuyện :

– Hoa hoàng lan à ? Hoàng lan thì tất ở trại... Hẳn em cũng có cái trại hoa nào gần đây ?

– Không, nhà em ở trên hồ nước bên một hàng liễu xanh tốt và một khóm trúc vàng. Anh không thể tìm được đâu, trừ khi nào em dẫn anh đến.

Nàng là một bên đầu xuống gần vai Tuấn, hai giọt lệ đọng nơi khóe mắt. Tuấn không dung cũng cảm thấy lòng buồn. Anh mơ hồ tưởng đến một điều vẫn từng động tới cảm tình vẫn chương của mình và thoáng thấy trong một giây rất chóng biến, hình như hiện đang nhắc lại một cảnh nào đã sống ở một cuộc đời thần tiên nào đã qua.

Tuấn vội xua đuổi ý nghĩ đó và ôm lấy Lan Hương :

– Hoàng Lan Hương, cái tên em mới thơm tho làm sao ? Nhưng sao vừa rồi em nói là anh không thể tìm được nhà em ?

– Vì anh không tài nào tìm được nếu không có em dẫn đường.

Tuấn hỏi một câu rất vô tâm :

– Thế liệu em có dẫn anh tới không ?

– Điều đó có thể có, mà cũng có thể không... Vì đó là còn nhờ ở tình anh, và cũng ở cả duyên em...

Nàng thở dài khi dứt câu nói.

Tuấn không hiểu tại sao Lan Hương lại buồn.

Nhưng anh cũng lựa lời dỗ dành, và chăm chú vuốt ve nàng. Bỗng nhiên Lan Hương lắc đầu, thông thả đứng dậy, thông thả bước ra phía cửa.

Tuấn hoảng hốt :

– Em đi đâu bây giờ ?

– Em xin phép anh em về.

– Kìa ! Lan Hương, sao em lại về ngay không ở chơi nói chuyện với anh lát nữa.

Nàng ta ngoảnh lại :

– Có lẽ đêm mai... em sẽ lại. Từ nay trở đi em không phải ở ngoài nữa, có lẽ đêm đêm em sẽ lại thăm anh... Bây giờ xin tạm biệt anh... Nhưng xin anh đừng tìm em đấy.

Nàng đã mở cửa ra.

Tuấn sững sờ nhìn trân trân ra cánh cửa vừa khép, hồi hận và thương tiếc. Chợt anh lạnh hẳn người đi, vấp phải một ý quái gở :

– Có lẽ... phải có lẽ đấy cũng là...

Tuấn lấy đèn bấm, chạy ra ngoài sục tìm, và biết trước là vô ích.

Anh trở vào ngồi, thở dài một tiếng làm động mép một tờ giấy trên bàn.

IV

Bức thư viết cho bạn, Tuấn định sẽ không gửi đi. Anh sẽ chỉ thuật lại vắn tắt trên một bức khác để Bình biết đại khái câu chuyện, còn nguyên bản anh giữ lại để lúc nào cũng có sẵn trước mặt những "dấu tích thực tại" của những việc có đủ các vẻ huyền hồ.

Tuấn ngồi lặng trước bàn giấy đến ngót nửa giờ sau khi nàng ta không còn đó. Anh kéo tập thư lại, lấy bút định ghi tiếp theo cuộc gặp gỡ sau cùng. Anh sẽ chép lại các cử chỉ, các lời nói và tất cả cảm giác, ý nghĩ của mình, thành thực và rõ ràng như viết những trang nhật ký. Công việc đó thực quan trọng đối với Tuấn. Sự tưởng nhớ của ký ức chưa đủ : anh phải có tang chứng của những nét chữ kia để có thể tin rằng những việc xảy ra, quả nhiên đã xảy ra thực. Tuấn vẫn cho rằng có lẽ mình mơ : "Một giấc mơ ?Ồ ! Có lý nào !".

Nhưng Tuấn phải nhận là một "sự thực" kỳ quái hết sức.

Người giai nhân biến đi như một cái hình bóng. Tuấn lại đã chạy ra sục tìm và cũng lại mất công như những lần nàng hiện ra trước.

Trong đêm, Trại Bồ càng rộng um tùm, nhiều lùm cây lớn lạ lùng và nhiều lối khuất khúc hiện lên một phần trong ánh đèn soi mới. Tuấn muốn

nghĩ rằng nàng ta có thể lẩn trốn đâu đây, nhưng trong lòng anh vẫn không chịu tin : "Lẩn trốn làm gì ? Mà nếu biến đi được thì chẳng hóa ra...".

Cái nhân vật quái lạ ấy thực đã có lần Tuấn ôm giữ trong tay kia mà !

Tuấn càng nghĩ càng bối rối trong lúc trí anh, lòng anh và các giác quan anh còn rung động một thứ tình cảm ly kỳ và thơm dịu... Màu đen sáng của đôi mắt nhìn. Miệng cười son thắm. Cái thân hình óng muốt, lả lướt ân ái. Tất cả cử chỉ tin cậy, vâng chịu của người đàn bà trong cái khoảnh khắc gần gũi... Tuấn nhắm mắt lại và lần nào cũng như còn ngửi thấy mùi hương phấn ở cạnh mình. Bên vai anh còn thấy cảm giác êm dềm của một mái đầu đã dựa xuống. Trong cánh tay anh đã ẩn nấu hình vóc nóng nần của một tấm lưng thon. Bàn tay anh, con mắt, rồi cái kỷ niệm một bàn tay nhỏ muốt anh đã nắm giữ.

Tuấn vắn vẽ quăn bút trước khi viết những hàng tiếp theo.

*

* *

Suốt ngày hôm sau, Tuấn để tâm tìm tòi suy nghĩ. Ban ngày với ánh sáng mặt trời khiến cho tâm trí mình mất, song không làm bớt một chút nào cái vẻ nửa hư nửa thực của việc xảy ra trong đêm. Tuấn tha thẩn hàng giờ trên các đường lối trong Trại Bồ. Nhìn lại từng bụi cây, từng góc vườn và thuộc hết những chỗ có lẽ không bao giờ Tuấn để ý tới. Tuấn mong thấy một câu trả lời đột nhiên hoặc một ý nghĩ nào vụt hiện lên trong lúc đi nhận xét đó. Nhưng Tuấn chỉ thấy mất thì giờ không đâu.

Cuộc đi dò tìm các vùng quanh trại cũng thế. Những xóm nhà tranh thưa thớt ở đây chỉ là chỗ ở nghèo nàn của những người cày cấy quê mùa. Một con đường rộng dẫn đến hai đầu làng xa. Tuấn nhìn lên những đồng lúa xanh, bằng phẳng và thật thà, không giữ một vẻ gì là bí mật. Vừa nghĩ tới anh đã vội bỏ ngay cái ý kiến đi tìm những người anh đã hỏi han mấy hôm trước. Người coi trại thì có vẻ dè dặt khi anh vào chơi nói những chuyện hoang đường hẩn thuật lại hôm xưa : Tuấn hiểu ngay là hẩn sợ anh tìm cơ không thuê Trại Bồ nữa.

Tuấn đành phải theo cái phương pháp giản tiện nhất là : lại đợi như trước. Lần này anh đợi với một lòng hồi hộp và một ý mong mỏi riêng.

Nhưng đêm hôm ấy người đẹp không đến.

Trong khi ngạc nhiên, Tuấn lấy làm bất mãn và nghĩ đến những ý nghĩ mà anh cũng tự nhận là vu vơ, Tuấn ngờ có lẽ "nàng ta" biết. Việc dò hỏi của mình, những hành vi trong suốt một ngày, những bước chân anh trên các đường lối Trại Bò và ở gần quanh, không chừng vẫn có con mắt vô hình chăm chú theo dõi. Tuấn bật cười, nhưng không tìm được nhẽ nào khác để cắt nghĩa sự "vắng mặt" của người thiếu nữ đêm qua.

*

* *

Đêm hôm sau, Tuấn lại thức để chờ, nhưng lại không thấy gì hết. Rồi cứ thế luôn ba đêm nữa, Tuấn càng ngày càng có ý mong đợi hơn lên.

Đêm nào Tuấn cũng tự nhủ : "Chắc đêm nay đây". Anh thấy mình thất vọng trong những buổi chờ đợi vô ích và vẫn vững lòng tin chờ lần sau.

Cái khoang cửa sổ đen tối mỗi đêm một bớt sâu thẳm vì trăng một thêm tròn. Tuấn nhìn quen đến nỗi nhận xét được những vẻ thay đổi rất nhỏ.

Tuấn không muốn làm việc trong những lúc ngồi hàng giờ yên lặng trước bàn viết, đọc sách không cầm giữ được trí, giác quan chăm chú đến từng tiếng động rất khẽ trong đêm. Những hình ảnh tưởng tượng về dáng điệu giai nhân càng thêm lạnh lùng, sự lạnh lùng vắng mặt. Tuấn nhớ lại và bất gặp thấy lòng mình âm thầm buồn. Khi nào ngồi lâu mỗi mết, anh chợp đi một lúc rồi choàng dậy. Tuấn ngơ ngác như thấy một sự gì vừa hiện lại vụt biến ngay : Tuấn vẫn tự giấu mình : "Để thường mình tương tư một cái bóng kỳ dị hay sao ?". Ý nghĩ ấy khiến anh lại tưởng đến những chuyện đan díu với linh hồn hoa, cây của những ngày xưa huyền hoặc.

Một đêm Tuấn ngồi ghéch hai chân lên bàn giấy vừa đợi vừa mơ tưởng. Thân trí anh hoang mang không hẳn theo một ý nghĩ nào. Nhiều lần anh thấy, rất nhanh chóng, như có lại cảm tưởng mới mẻ giống hệt lần gặp gỡ đầu tiên. Anh tưởng chừng như người đẹp hiện về, đang đứng ngoài, đang đợi chờ... Nhưng lúc định thân lại, cảm tưởng ấy lại mất. Tuấn dần dần bị thêm một kích thích. Hai ba lần anh trỗi dậy chạy ra hiên để thấy ngoài đó vẫn vắng lặng như thường. Anh bực dọc và giận dữ như người bị lỗi hẹn. Anh vào ngôi chỗ cũ định tìm đủ các lẽ để tự bảo là mình đang làm những việc vô nghĩa lý và để giục mình đi nằm. Đêm đã quá khuya và người anh đã mỗi lúc một thêm bơ phờ. Nhưng Tuấn vẫn ngồi yên, vẫn phảng phất có

một ý trông chờ và hy vọng. Tiếng gió xào xạc bên ngoài như nghe qua một giấc mơ chập chờn mong manh.

Tuấn tưởng chừng như người đẹp hiểu thấu lòng anh và đang tìm đến. Anh lại thấy hình như nàng đã đến, đã ở đó và đang nhìn mình. Dẫu là người hay là nhân vật hư huyền, giai nhân cũng đã từng nói nên lời những câu dịu dàng và cũng đã làm anh cảm động. Cái tên Hoàng Lan Hương anh thầm nhắc đến bằng tất cả sự âu yếm của lòng thanh niên lúc đó hình như bay thành phấn hoa bao quanh Tuấn. Anh thoáng thấy từng làn hương đưa lại từ đêm xưa. Tuấn cảm thấy một sự gì gần gũi rất thân mật và hơn nữa, rất "thực".

Anh lo sợ không dám trông lên cửa sổ để thất vọng. Anh muốn mặc cho sự kích thích của tưởng tượng đánh lừa mình lâu nữa, lâu mãi và mỗi lúc một thêm sức mạnh để anh "thấy" hình ảnh Hoàng Lan Hương một rõ lên.

Hương hoa - phải chăng chính đó là hương hoàng lan dịu dặt trong mơ tưởng của anh cùng với một dáng người nhịp nhàng ở gần đâu đây, ở trước mặt hay ở bên cạnh ? Tuấn để cho người anh mê đi trong tay ôm ấp gọn nhẹ của chiếc ghế bành - cũng như tâm hồn du dương ẩn nấp trong lòng một thú vui mơ hồ.

Một tiếng động khẽ của tờ giấy trên bàn.

Tuấn hé trông thấy một bàn tay quen, mấy ngón muốt búp măng hiện tỏ hiện mờ theo chiều mơ tưởng chờn vờn hay theo nhịp lim dim của đôi mắt nhíp.

Cái hình ảnh thân yêu vẫn không mất. Tuấn tưởng thấy cả hai bàn tay, cả màu áo xanh phơn phớt và màu da trắng điểm hồng.

Hoàng Lan Hương... Hoàng Lan Hương đến đây chăng ? Câu hỏi nhắc hai, ba lần trong trí chưa tỉnh giấc của Tuấn, và sau cùng cất lên thành tiếng nhỏ dịu. Tuấn mơ hồ nghe thấy lời mình :

– Hoàng Lan Hương đấy phải không ?

Một tiếng đáp lại bên tai :

– Vâng !

Tuấn nghe rõ ràng câu tiếp liền theo :

– Chính em của anh.đây !

Tuấn thúc hần dẩy.

Người thiếu nữ đã ở đó, đứng bên phía trái, đang mỉm cười nhìn anh. Lan Hương nhìn Tuấn không chớp – và không cất nụ cười – vẻ ngạc nhiên vui tươi và im lặng. Tuấn chưa tin ngay và vẫn lo sợ. Anh hỏi rất nhẹ tiếng :

– Thế ra... Thật ra tôi không nằm mơ ?

Người thiếu nữ thông thả lắc đầu, dáng điệu khoan hòa và có vẻ nhu mì rất ngây thơ, rất ngoan ngoãn.

Nàng để cho Tuấn đi xuống cái ghế anh vừa ngồi. Nàng đợi, những sự vui mừng làm Tuấn lúng túng ? Tay nàng - bàn tay trắng đẹp làm sao ! - vẫn cầm một tập bản thảo mà lúc đó Tuấn mới nhận rõ là của anh : đó là tập thư đối thành nhật ký.

Tuấn đã tìm được câu nói :

– Em đến lúc nào thế ? Em đến lâu chưa ?

Nàng thưa :

– Thưa anh chưa lâu lắm, nhưng cũng đủ xem văn của nhà văn.

– Văn nào ? Tập thư này sao ?

– Vâng, xin anh thứ lỗi cho, em thấy nói đến câu chuyện hay, nên...

Nàng cười rất dịu dàng.

Tuấn thấy ngượng một cách sỗ sàng, y như người bị bắt chợt đang lúc tắm gội. Nàng tiếp luôn :

– Em vẫn là giống ham văn chương, yêu văn nhân, thi nhân cũng như yêu hoa cỏ, yêu nước non, yêu trăng gió... Em được đọc bài văn thì như được tưới thêm nước, lòng sung sướng không biết ngần nào.

Lời nói lưu loát, văn hoa. Nàng có một giọng nhẹ trong và hơi trầm mà Tuấn muốn cho ấm hơn vui hơn. Anh bỗng thấy lo ngại vì cái vẻ trầm lặng và vẻ buồn nhẹ nhàng của người thiếu nữ. Anh chợt nhớ đến sự thay đổi đột nhiên đêm nào và dụng tâm ngăn đón trước. Tuấn toan hỏi một câu nhưng lại thôi.

Nàng đặt tập bản thảo xuống bàn, nhìn sang một bên, đôi mắt nghĩ ngợi. Thấy nàng thờ dài một tiếng, Tuấn vội vàng gọi :

– Em !

Nàng ngẩng lên mỉm cười, đôi mắt lặng lẽ chứa chan một ý thân mật âu yếm. Tuấn thấy xôn xao cả tâm hồn :

– Em Lan Hương... Em... Em có cho phép anh nói chuyện với em, nói chuyện lâu với em không ?

– Thì em đến đây chỉ mong được thế...

– Em đến một cách bất ngờ, một cách êm nhẹ như cái bóng hiện lên (Tuấn sợ lời chữa ngay), như... một nàng tiên đến trong giấc mơ...

– Và anh cũng sợ như nàng tiên trong giấc mơ, rồi em sẽ biến mất sao ?

Đôi mày nàng hơi nhíu lại khiến Tuấn sợ cuống lên, tìm cách cải lời nói của mình. Nàng lắc đầu khoan thai để tay vịn lên vai Tuấn :

– Không, em không biến nữa, em không biến vội đâu... Đêm nay em còn nói nhiều chuyện với anh, em sẽ bầu bạn với anh lâu hơn đêm hôm nào... Và nếu anh biết cho em...

Nàng ngập ngừng một lát, khe khẽ thở dài :

– Nếu anh hiểu cho thân phận mỏng manh của em, em sẽ được gần gũi anh nhiều đêm hơn...

Tuấn càng nghe càng ngạc nhiên nhưng giữ nét mặt rất vui để khuyến khích nàng. Anh ngắt lời :

– Không, em sẽ là bạn anh mãi mãi.

– Em không dám chắc, tự cổ chí kim, hạng chúng em chỉ là...

Tuấn vội vàng nói :

– Không, dù sao, dù em là ai, nhưng anh chỉ biết em là một nhan sắc quý báu, một châu ngọc anh tìm thấy tình cờ... Không, em Hoàng Lan của anh... sẽ mãi mãi là của anh.

Tuấn chợt nghĩ tới cái tên Hoàng Lan Hương, để ý đến cái hương riêng phảng phất bên mình... Anh rung rợn khắp tâm hồn và thấy ghê người một cách rất êm đềm, rất đậm thâm và rất mới lạ. Anh nghĩ bụng trong lúc quàng tay giữ lấy ngang lưng nàng :

– Có lẽ ta được sống những cuộc đời rất kỳ quái như ngày xưa thực chẳng.

Tuấn lại chợt hiểu cái tiếng "nàng ta" mà anh vẫn thầm gọi khi nghĩ đến người thiếu nữ.

Cảnh tượng lúc đó có một vẻ văn hoa – một vẻ văn chương kiểu cách – đem lại cho tâm hồn Tuấn một thứ cảm động cổ kính cũng như ở nhân vật

sống trong chuyện hoang đường. Tuấn nghĩ đến hiện tại bây giờ và thấy nó như lùi lại rất xa. Anh nhìn anh với người đẹp như trong một bức tranh quý giá. Anh thoáng nghĩ thầm :

– Lan Hương ơi, hai ta trong khoảnh khắc này là hư hay là thực đây ?

Những tiếng xưng hô mà Tuấn định sẽ nói, trong giây phút ấy không phải là những tiếng anh em mà Tuấn đã dùng. Giá gọi Lan Hương là "nàng" và tự xưng là "kẻ thư sinh này" có lẽ mới thực đúng, mới thực hợp.

Ngồi trong ghế và thả mình vào tay ôm giữ của Tuấn, Lan Hương đang nhìn phía trước mặt. Nàng ta thở đều, thông thả và ở yên đó như người tình nhân ngoan ngoãn đang chung một phút trầm ngâm thân mật với người yêu. Không hề có chút sượng sùng. Tuấn lại ngạc nhiên khi nhận thấy cái vẻ quen thuộc trong lúc thân cận đột nhiên ấy.

Tuấn nghĩ thầm một câu hỏi vẫn về :

– Hoàng Lan Hương ơi, nàng là ai thế, nàng là người ở đâu đến đây ?

Và đoán chừng câu trả lời sẽ có những ý tứ cho mình biết Lan Hương chỉ là hiện thân của thảo mộc, là hương thơm của hoàng lan biến thành người, là một nhân vật trong cái thế giới u linh ở lồng với khung cảnh trần gian nhưng lại cách biệt hẳn trần gian : người ta phải có con mắt riêng của một tâm hồn khác thường mới gặp thấy. Tuấn cũng như một người sót lại từ cái thế kỷ cổ sơ trước, Tuấn là một linh hồn còn thuộc những âm vang và những hình ảnh cũ của một thời đại nhuộm màu tím huyền...

Tuấn thu hẹp lại cái cánh tay ôm quanh vai người thiếu nữ. Anh mỉm cười vờ vẩn, nhận thấy từng chút thời khắc qua đi, tịch mịch trong cái lặng lẽ khuya khoắt của không gian. Anh sống một quãng đời băng khuâng rất lạ lùng, tâm trí vừa ngạc nhiên mà bình thản mà hướng theo nguồn tư tưởng không cố gắng, lưu loát như sẵn hiển cho mình một trang văn thơ.

Một chút lo sợ rất quen cũng phảng phất trong lòng Tuấn.

Tuấn liếc nghiêng mắt nhìn người thiếu nữ và hồi hộp trong khi thầm khen nét mày rất thanh tú, hàng mi cong dài ríu lại và xa xăm thêm vẻ nhìn trong sáng.

Tuấn lại thấy cần phải dè dặt những lời phải nói ra, những cử chỉ sẽ làm và im lặng như để dò ý tứ.

Không bao giờ có một đôi bạn gắn gũi nhau một cách khác thường như thế. Tuấn lại nghĩ :

– Hoàng Lan Hương ơi ! Em là ai thế ? Em ở đâu thế ? Sao em lại ở trong tay ta lúc này ?...

Câu nói dịu dặt vang khê trong lòng Tuấn và hình như cũng động tới ý Lan Hương. Người thiếu nữ nhìn lên mỉm cười với Tuấn, rồi lại nhìn đi. Tuấn bỗng gọi :

– Lan Hương !

Và tưởng tiếng nói của mình có thể kinh động cả bầu không khí.

Nhưng Tuấn nhắc lại, tiếng ghìm khê xuống :

– Lan Hương ! Lan Hương ! Em nghĩ gì thế ?

Tuấn muốn thú thực hết cả nỗi sung sướng của lòng trai trẻ, hết cả nỗi xúc động của sự gặp gỡ và ngộ hết tình âu yếm với Lan Hương. Nhưng người thiếu nữ lại nhìn lên, đôi mắt đen lặng lẽ một ý quá đổi nồng nàn. Những tia lửa chìm trong đôi ngọc huyền ấy bỗng dưng khiến Tuấn ngây ngất. Anh dẽ mê im lặng.

Đầu nàng ta rất nhẹ nhàng giấu mãi vào lòng tay Tuấn và cả tấm thân yếu kiều nhỏ bé lại lả lướt bên người con trai. Năm tay nàng vịu lấy Tuấn với một ý nhắc bảo xui giục. Và bao nhiêu cử chỉ ấy thấm lặng gào lên những nỗi lòng van lơn.

Nàng không kịp nói với Tuấn thành tiếng một câu ân ái nào.

Nàng để Tuấn hiểu trước lời nói. Và Tuấn mỗi lúc một hiểu rõ ý nàng, mỗi lúc một đắm đuối tha thiết hơn.

Anh nghĩ thầm :

"Lan Hương ơi, vì đâu ?... Lan Hương ơi... cứ sao... Lan Hương em là loài đa tình nào... Lan Hương ơi...".

Những ý nghĩ âu yếm, gạn gùng reo động vang cả tâm hồn. Nhưng đôi mắt kia nhìn Tuấn.

Ngọn trào bông bột dâng lên.

Tuấn ôm bên mình một mỹ nhân nhu mỳ, thuần thực nhưng nồng nàn xiết bao ! Anh cúi xuống dần. Đôi mắt kia dịu Tuấn vào một bể sôi nổi.

Đồng hồ trong nhà lách tách đều rõ rệt từng tiếng. Tuấn âu yếm bước xa dần ánh sáng đèn trên bàn viết, bên vai êm trịu một sức nặng bám níu lá loi. Nàng ngoan ngoãn như trẻ thơ, bước chân nhẹ nhàng và ân ái theo Tuấn.

Ngoài đêm, tiếng gió vừa chạy ào qua. Vài tiếng đế bao quanh. Tuấn tưởng qua đến sự thức giấc của côn trùng và trông thấy hình lá reo động... Nhưng tất cả thành hỗn độn, bị quên đi, mờ xóa trong một cử chỉ vuốt ve. Tuấn thu lượm trong bàn tay mê man những đường nét thanh tân của một thân hình dịu mềm và rung động.

V

Sáng hôm nay Tuấn thức dậy như tự trong một giấc mơ dài. Ánh sáng vàng tươi soi vào tận chỗ gối chăn và bên mình anh không còn chút dấu vết nào của người đẹp. Phảng phất một làn hương thơm mát giấu gần đó. Tuấn trỗi dậy ; ở ngực mình rơi xuống một bóng hoàng lan cánh đã hơi se.

Tâm trí Tuấn bàng hoàng, nhưng không ! Không thể là một sự mơ hồ được.

Anh còn nhớ rõ quá. Hơi thở ấm áp của người thiếu nữ với nhịp tim hồi hộp... hơn thế nữa, bao nhiêu ái ân dữ dội tuy thâm lặng còn để lại cho anh một kỷ niệm mê cuồng. Người đàn bà trong tay ôm ấp đêm qua là cả một tấm tình - là cả một thân thể đa tình bùng cháy. Trong bóng dịu mơ, cái nhan sắc nghiêng ngả kia đã khiến anh mừng rỡ kiêu căng giữa lúc ngạc nhiên. Trên khuôn mặt đỏ say, bông bênh thả trong đám sóng tóc tối đen đôi mắt còn lạ lùng thỉnh thoảng lại mở nhìn anh một vẻ lặng lẽ rừng mình : Tuấn tưởng chừng lại thấy những tia lửa chìm giấu trong đó.

Cả câu chuyện trong lúc gần gũi chỉ là những câu hỏi dò chừng của Tuấn và những câu trả lời lảng tránh của người con gái tên là Lan Hương. Anh đã cố tình muốn được biết người yêu của anh hơn. Anh đã quyết hỏi cho rõ hơn.

– Lan Hương ơi ! Lòng anh em chiếm được rồi. Chúng ta đã là của nhau rồi, mà anh chỉ biết tên của em thôi ư ?

– Lan Hương ơi ! Em nói cho anh biết hết cả đi ?...

– Lan Hương ơi ! Em không muốn thực tình yêu nhau sao ? Sao em cứ mãi lững lờ...

Phần nhiều là những ngón tay đặt lên miệng giữ anh lại, hoặc bịt lại bằng cặp môi ; đôi khi anh ngoảnh đi để tránh thì Lan Hương chui đầu vào nách anh và cùng cười với anh. Nàng đứng đĩnh nói một giọng đùa cợt :

– Lan Hương của anh là Lan Hương của anh.

Hoặc :

– Lan Hương là người yêu anh...

– Em có biết anh là ai đâu, anh ở đâu đâu ?

Nhất định Lan Hương chỉ nói có bằng ấy câu khi Tuấn nài hỏi.

Anh lựa lời căn vặn nữa thì nàng buồn rầu đáp :

– Có lẽ em không đáng cho anh thương em...

Tiếng thờ dãi của nàng khiến Tuấn vội đồ dành vuốt ve an ủi. Tức khắc Lan Hương lại cười, và nhí nhảnh như đứa trẻ tinh nghịch trong tay anh.

Tuấn ngủ đi giữa lúc thử tìm cách phân giải cái ý nghĩa sự giấu giếm của nàng. Lúc Lan Hương đã ngủ yên từ lâu, bỏ dở một câu ước hẹn không rõ rệt.

Tuấn không thể rõ Lan Hương lên đi lúc nào.

Sự nhớ tiếc chân thành xui anh nghĩ đến việc đi tìm nhưng anh lại bỏ ý nghĩ đó ngay, anh chắc lại sẽ mất công như mấy lần trước.

Tuấn nhìn bông Hoàng Lan trong lòng bàn tay và tưởng tới sự liên lạc với tên người thiếu nữ. Không thể xua đuổi những ý sẵn sàng đến trong trường hợp đó, Tuấn nhìn ra ngoài phong cảnh ban ngày như cố ý để phản đối lại. Những cảm tưởng ban đêm lúc gần người thiếu nữ vẫn còn vương trong tâm trí anh.

Tuấn tắc lưỡi :

– Thì lại đợi xem !

Một lần nữa, anh lại bất chợt thấy mình có cái hy vọng rằng Hoàng Lan Hương biết anh đang nghĩ đến nàng trong lúc này. Anh nhìn bông hoa, một lòng chứa chan âu yếm.

*

* *

Buổi chiều hôm ấy Tuấn chợt nghĩ ra một ý để tối đến thực hành.

Trước lúc người đẹp quen "hiện" đến nửa giờ, Tuấn bắc ghế ngồi ở một chỗ khuất ngoài hiên với chiếc đèn bấm, và đợi đến quá một giờ đêm. Nhưng không thấy gì. Anh trở vào, ngồi bàn giấy đợi hơn một giờ nữa. Cũng vô ích. Suốt đêm ấy, Tuấn không thấy bóng Lan Hương.

Đêm hôm sau, Tuấn có ý ngồi đợi ở trong nhà như mấy lần đầu thì Lan Hương lại đến.

Rồi đêm sau và những đêm sau nữa cũng vậy, Lan Hương vẫn giữ cách hành động bất ngờ và bí mật của nàng. Tuấn đang ngồi trước bàn, lúc ngoảnh lại đã thấy Lan Hương hoặc ở gian giữa hoặc ở trong cửa, hoặc đứng bên mình anh.

Lần nào cũng lặng lẽ, lần nào cũng để cho Tuấn tưởng như chợt hiện lên.

Và lần nào cũng nồng nàn âu yếm.

Không đêm nào Tuấn thức được trọn để rình lúc nàng lén mắt, anh đành phải lượm lấy bông hoàng lan mà bao giờ nàng cũng để lại như một lời yên ủi cột dừa.

Sự quán quýt vẫn giữ một bức ham mê, nhưng cái bí mật của Lan Hương, Tuấn chưa vào thêm được bước nào. Nàng vẫn lững lờ khi Tuấn căn vặn hỏi. Tuấn hơi tỏ ý giận dỗi thì nàng buồn rầu có khi đến khóc sùi sụt, nhưng tức khắc lại vui vẻ cười khi Tuấn vỗ về.

Tuấn cũng muốn mặc ý nàng và bỏ cả tính thốc mách của chính mình : cần gì biết Lan Hương là người thế nào ; gặp nhau thì cứ yêu nhau, như lời nàng vẫn nói. Nhưng Tuấn đã thấy lòng yêu người con gái kỳ dị ấy một cách sâu xa hơn. Nàng nhắc lại câu văn quen nói :

– Anh yêu em chừng nào em càng được đến với anh chừng ấy... Tự em, em không bỏ anh đâu.

Tuấn hỏi tại sao có đêm anh phải đợi vô ích thì nàng dùng đỉnh cười, lắc đầu không thừa. Tuấn hỏi gặng, nàng đáp một câu làm Tuấn càng nghĩ ngợi :

– Thì anh cũng biết đấy.

Một đêm Lan Hương vừa chợt ngủ, Tuấn vùng dậy tắt đèn và đốt hết cả bao nến cho nhà sáng trưng lên. Lan Hương vừa thức dậy hỏi, anh

không đáp, trăn trăn nhìn nàng. Lan Hương cười một cách rất lạ lùng rồi tắt hết các ngọn lửa vừa mới thấp :

– Em dù là người gì mà anh yêu được như lòng em yêu anh thì cũng đáng là bạn sánh đôi với anh rồi. Anh đừng tìm cách xua đuổi em như thế.

Tuấn phân giải sự ngờ vực của mình bằng lời khôn khéo. Mãi sau một hôm bất ngờ nàng vừa hỏi Tuấn, vừa mỉm cười như mùa mai :

– Nếu bây giờ anh biết em không phải là người thường như mọi người thì anh nghĩ sao ?

Nhưng nàng không nghe câu trả lời lung tung của Tuấn. Mà chính câu nàng vừa nói ấy cũng không rõ ý "không phải người thường". Người thường đây liệu có cùng một nghĩa như Tuấn hiểu không ?

Một đêm khác đang ngủ, Tuấn bỗng giật mình thức dậy. Anh tưởng là Lan Hương không ở đó nữa. Nhưng lúc anh mở mắt ra thì Lan Hương đang ngồi bên anh và đang cúi nhìn anh. Tuấn mỉm miệng, nhưng nụ cười ngừng hẳn lại. Lan Hương sao nhìn anh chăm chú thế, kỳ dị thế ? Và đôi mắt - anh rợn người lên một chút - đôi mắt sao lại sáng một cách quái lạ thế kia ?

– Lan Hương !

Tuấn gọi, nhưng người thiếu nữ lặng thinh và vẫn cúi nhìn anh im lặng và chăm chú như thế mãi.

– Lan Hương ! Kia ! Lan Hương !

Không có tiếng đáp. Lan Hương vẫn không nhúc nhích. Anh bắt đầu nghi ngại. Đưa mắt hai bên thấy nhà vắng và lạnh lẽo hết sức. (Thằng Dân anh cho ngủ buông dưới từ sau hôm anh gặp nàng).

Hai con mắt đen vẫn soi mói anh.

Tuấn chực hét lớn và vùng lên...

Bỗng Lan Hương thở dài một hơi, nghẹn ngào, rồi tự dưng ôm mặt khóc nức nở.

Tuấn hết sợ đến ngạc nhiên, ngồi lên đỡ dành đủ các lời ngọt ngào. Lan Hương vẫn còn thẫn thức :

– Thân em chỉ là thân cây cỏ : anh có coi ra gì, anh ngờ vực em, anh không cho em được xứng đáng với anh...

Nàng nép đầu ngủ lại trong tay Tuấn, dịu dàng và khăng khít, một cánh tay trần vắt qua ngực anh.

Tuấn mở mắt nhìn lên đỉnh chiếc màn không buông, và đôi ba lần nghe thấy nàng còn thỏn thức trong mộng.

Tuấn nghĩ rất nhiều về Lan Hương. Tiếng đêm trăng bên ngoài nhẹ nhàng xôn xao theo hơi gió cột nhà.

Anh định tâm cố thức. Nhưng đến chừng gần bốn giờ anh ngủ quên đi.

Sáng ngày, Tuấn thức dậy, tâm hồn băng khuâng quá chừng quạnh vắng. Anh thấy một sự biến đổi lớn, lòng chua cay một tình thương tiếc vô cùng tận, một nỗi lạnh lẽo mệnh mang. Có dấu hiệu gì đây mà anh tin chắc rằng Lan Hương giận anh và sẽ không đến với anh nữa. Anh buồn rầu nhìn chỗ nằm của người đẹp : bông hoàng lan vẫn để lại cái ý nghĩ bí mật như mọi lần.

VI

Tuấn mong rằng mình nghĩ lắm.

Mấy hôm đầu, một chút hy vọng còn vấn vương song chỉ như thứ hương khói mong manh, lòng càng cố tình luyến giữ càng thấy mau tan biến. Ban ngày vào những giờ quen làm việc, Tuấn thường ngừng bút giữa đoạn, thần thờ nghĩ những chuyện xa hazy đầu đề. Phần thứ nhất thiên tiểu thuyết của anh gần xong, kết thúc một cách uể oải. Tuấn không ham viết như trước. Anh thấy người mỗi mệt, và cho đó là tại mấy đêm vừa qua anh trần trọc thâu canh.

Từ buổi gặp sau cùng trở về trước, Tuấn không kém làm việc trong khi đan dúi với nàng ta. Sự kích thích do một thứ tình duyên kỳ dị, cùng với sự hồi lòng ái ân, không trực tiếp ảnh hưởng đến tác phẩm của Tuấn. Anh vẫn bình tĩnh trong suy tưởng, minh mẫn trong kết cấu và say sưa trong lúc pho diễn bằng lời văn. Hình ảnh của giai nhân có thoáng hiện lên những lúc này cũng chỉ như màu hoa đẹp trong bình mà Tuấn chợt nhiên để mắt tới. Cả những nỗi ngạc nhiên hồi hộp vì Lan Hương cũng không lấn được hết cả tâm trí Tuấn. Anh chia biệt hẳn thì giờ tạo tác nghệ thuật với thì giờ yêu đương. Nhà văn sĩ này giữa những phút say đắm nhất cũng không quên phân tích những cảm xúc chia ly. Anh vẫn tin, theo quan niệm của anh, cái thuyết hai bản ngã trong một người, người sống và đắm mê, nhà nghệ sĩ mới tận hưởng.

Nhưng băng đi năm đêm liền, Lan Hương không đến. Có lẽ nàng ta thực không đến nữa chăng ? Tất cả sự vắng lạnh bao quanh, phủ lấy nỗi trơ trọi của tâm hồn anh, đã trả lời Tuấn.

Lan Hương đã biến mất hẳn.

Những ngày trống không tẻ ngắt kéo dài từng phút thơ thẩn lê thê. Mùa thu muộn cũng vừa độ tới nơi, bắt đầu xao xác khắp vườn. Lá lìa cành bay vào tận bàn viết.

Chiều nào Tuấn cũng lên đèn sớm để thấy đêm chóng về. Anh vẫn chờ đợi hết giờ nọ qua giờ kia, nhưng ở trong tuyệt vọng. Việc văn chương không còn chút nào hứng thú. Viết nhật ký anh cũng bỏ, và những trang "thư" đọc lại chỉ làm gay gắt thêm niềm nhớ nhung. Tuấn không có lòng nào thương thức vị chua cay như nhà thi sĩ vẫn ca ngợi. Anh bỏ ghế để nằm thao thức trong giường. Hương hoàng lan thơm nhẹ vẫn chìm đọng lại ở gần anh. Tuấn chìm bên má xuống gối mềm và không buồn cầm giữ nước mắt.

Tuấn không còn đem những ý đùa cợt để tự dối lòng như trước. Anh hiểu rồi. Bao nhiêu bữa ăn không biết vị ngon, bao nhiêu giờ ngồi dăm cùng khổ hận, bao nhiêu tiếng thở dài âm u ảo não, bao nhiêu cảnh khuya vui mình trong chăn nệm để trào bên khóe mắt từng bao nhiêu giọt lệ tủi thương. Những triệu chứng đã quá rõ rệt rồi. Tuấn chịu để cho lòng ủ rũ dưới âu sầu. Thì giờ qua, anh cứ ở hoài trong một hiện tại nặng nề ngao ngán.

Tưởng lại những giờ gần kề người đẹp, tâm hồn Tuấn càng thấy é chề. Tiếng cười, giọng nói, những lời âu yếm hay những câu êm ái văn hoa, những dáng điệu mềm dịu, lả lơi. Tất cả cái thân thể rung động kia, cái hình ảnh kia còn lưu lại trong bầu không khí nhà này một âm vang tịch mịch xa xăm, một hương vị thấm thía lạnh lùng của một sự gì rất thân yêu đã mất đi - đã chết hẳn.

Thà Lan Hương là người tình đã chết ! Tuấn sẽ không bị một ngờ vực khác thường ám ảnh thêm nữa. Tuấn sẽ chết dần. Anh chàng chưa xót nghĩ :

- Lan Hương ơi ! Em là người gì mà cảm dỗ lòng anh tới bậc này ? Em chiếm cả tâm hồn anh rồi.

Khấp tâm hồn Tuấn tê tái đi vì cái ý thiết tha nào nuốt. Anh lại thầm trách :

"Lan Hương ơi ? Em quái ác quá lắm ! Em để thương để yêu cho nhau mà sao em không cho anh một hy vọng nào tìm được em thế ? Em là ai ? Em ở đâu ? Anh biết đường nào để theo bóng vết em ?".

Tuấn càng suy tưởng, càng thấy lòng bối rối thêm. Anh không thể hiểu được những cái dị kỳ về Lan Hương. Điều đó đã thành một sự dĩ nhiên cay đắng : "Cái khổ của lòng ta càng thêm xót xa thấm thía và đến lúc này ta mới thực yêu nàng... Lan Hương ơi ! Em nở tình phụ lòng anh đến thế sao ?".

Và những tiếng thở dài từng khắc, từng giờ, xáo trộn thấu mấy canh trường, hay âm nặng khắp ngày ủ dột.

*

* *

Thằng Dân, tên đầy tớ yên lặng của Tuấn, bắt đầu lo sợ.

Sáng nào nó cũng lên nhà rất sớm để buồn rầu thấy chủ ngày một bơ phờ, một rộc rạc thêm. Trong lúc anh ngồi thu trước cửa sổ, hoặc nằm thẳng trên ghế dài, hoặc đứng dựa cột rất lâu ngoài hiên, nó thường quanh quẩn gần đó. Tính rất kín đáo, chỉ nói khi nào hỏi đến hay có việc tối cần, nó không tỏ một ý kiến gì hay một thái độ nào về việc của Tuấn. Anh cũng không cần để tâm đến sự nghĩ ngợi của đầy tớ. Nhưng đến nay anh thấy nó có vẻ ái ngại cho anh rất nhiều. Anh bắt chợt những lúc nó đứng sững nhìn anh bằng đôi mắt băn khoăn ; thấy anh nhìn lại, nó vội cúi xuống dọn dẹp quét tước.

Một đêm nửa thức nửa ngủ, anh thấy tiếng chân chạy nhẹ nhàng nhưng gấp ở đâu đó. Vùng thức dậy thì thoáng có bóng người động trong vùng liêu dưới đèn trăng tàn. Anh gọi, thằng Dân lúng túng trở vào, ngượng ngùng và trả lời bên cạnh những câu anh hỏi.

Anh căn vặn mãi đến gần nổi giận nó mới rụt rè thưa :

- Con nằm mơ thấy có người đến...
- Ai đến ?
- Con không biết.
- Nhưng người thế nào ?

Dần thêm cuống quýt, ấp úng mãi mới nói được. Nó không trông rõ mặt, chỉ biết một hình tóc xòa, vụn toàn đồ trắng chập chờn đi qua. Nó giật mình thức dậy, thấy rờn rợn, và nghe như có tiếng loạt soạt ở gần. Nó vùng chạy ra, thì một vùng liễu bên rừng mầu đơn còn phe phất một cách khác lạ. Nó như sợ quá hóa táo tợn, sẵn đến xem thì lại không thấy gì.

Tuấn đang nghi hoặc, bỗng ngạc nhiên vì thấy Dần se sẽ gọi :

– Thưa cậu...

Nhưng nó im bất khi anh ngoảnh nhìn. Ngập ngừng mãi, rồi nó mới lại khẽ nói :

– Thưa cậu... ở trại này có ma.

Thoạt nghe, Tuấn cho ngay đó là do cái sợ lưu truyền và rất giản dị của những tâm trí ngô nghê. Thấy trời đã sáng dần, anh không muốn ngủ lại nữa. Nhân dịp vừa rồi anh thử hỏi chuyện đây tớ trong lúc đợi sôi ấm nước trên đèn cồn. Lúc đó, Tuấn mới biết đây tớ anh bị giày vò vì một sự khiếp sợ thâm kín.

Hắn biết chủ vẫn tiếp một người con gái đẹp dị kỳ đêm đêm thường hiện đến, nhưng sẵn tính nể sợ chủ và rất ít lời, lại thêm cái lòng kiêng dè, không hay dă động tới việc hắn biết, nên tuy vẫn lo cho Tuấn mà hắn không dám đem điều ấy ra nói với anh. Vâng lời Tuấn, hắn phải xuống ngủ dưới nhà phía sau và đêm đêm nghe thấy những tiếng gió thổi kinh hoàng. Hắn nhắm mắt lại là thấy người xòa tóc, giống với dáng người con gái mà chỉ đêm đầu hắn thoáng thấy trong nhà, ở cạnh Tuấn. Hắn thú thực vẫn mạn phép Tuấn đi rủ một người nhà quê, mua rượu cho người ấy uống để ngủ với hắn những đêm về sau... Dần không dám lộ câu chuyện xảy ra. Hắn lựa lời hỏi dần dà thì người nhà quê cũng chỉ mơ hồ nói đến những việc hiển hiện kỳ quặc mà chính mình không trông thấy. Theo lời đồn quanh quất thì Trại Bồ vẫn có ma khi thì mập mờ, khi thì hiện ra, nhưng không làm ai việc gì. Người nhà quê bảo Dần : "Mình không động đến họ thì chả bao giờ họ hại mình". Dần vẫn không yên lòng, mấy đêm sau cùng hắn phải trốn ra ngủ ở chính nhà người bạn táo tợn kia, cho đến hôm hắn thấy Tuấn bơ phờ như người ốm. Hắn lại ngủ ở nhà, ngủ gần Tuấn, mừng vì đoán rằng người đàn bà không hiện đến nữa, nhưng lại lo vì chủ hắn một ngày một hốc hác xanh xao thêm. Dần không dám nói rõ hết ý nghĩ của hắn, nhưng Tuấn hiểu thâm : "Hắn nó cho là mình bị yêu ma ám ảnh".

Tuấn cười một tiếng vu vơ của người đã hiểu và không tin những ý nghĩ của kẻ khác. Dần càng ngờ ngẩn khi thấy anh vừa pha nước uống vừa mỉm cười. Một lát Tuấn lại thờ dài, mắt đăm đăm buồn. Anh chợt hỏi :

– Mày trốn... mày ra ngủ ngoài mấy đêm ?

Anh lấy giọng ôn tồn để cho Dần khỏi lo bị trách mắng. Dần thưa :

– Bấm cậu, bảy, tám đêm.

– Sáng về lúc nào ?

– Bấm hôm nào con cũng về từ từ mờ đất.

Anh nghĩ một lát, dọn câu hỏi cho hẳn hiểu rõ :

– Thế... có sáng nào về mày thấy có người trong nhà nữa không ?

Dần lúng túng :

– Bấm...thấy...người đàn bà.

– Phải rồi. Có thấy gì không ?

– Bấm không. Hôm nào về con cũng lên ngay nhà dọn dẹp quét tước trong lúc cậu chưa dậy. Con không thấy gì cả...không thấy ai cả. Nhưng...

– Nhưng sao ?

Tuấn chăm chú nghe, đôi mắt nhìn bao dung để khuyến khích Dần nói tiếp :

– Bấm... chỉ có sáng sớm mười tư (Tuấn tính nhầm thấy cách đó có bảy ngày) sớm hôm mười tư con về tới cổng thì thấy có bóng người đi ra...

– Ở đâu ra ?

– Bấm ở trong nhà này ra... Con thấy đi rất nhẹ nhàng, nhưng lúc ấy chưa sáng trời nên con trông không rõ lắm.

– Người thế nào ?

– Bấm...người... ở trong này.

– Ăn mặc thế nào ?

– Bấm áo trắng, áo dài.

– Sao lại áo trắng ?...Mày nhớ kỹ xem... Áo xanh phơn phớt chứ ?

Dần không nhớ rõ, và lúc ấy cũng không phân biệt được màu trắng hay màu phơn phớt, vì sương sớm vẫn hờn mờ chút bóng đêm tàn. Hẳn lại

khấp sợ quá, phải đứng nép vào xó cổng, không dám thở nữa. Bóng dáng kia ra khỏi hiên, thướt tha bên rặng liễu, nhẹ nhàng một cách rất quái lạ, khiến hấn sợ tưởng đến lịm người đi. Dẫn cố gượng đứng vững, tay níu gậy một cành khô bên cột gạch. Hình như thấy động cái bóng trắng biến đi ngay.

– Biến đi ?

– Bẩm vâng...

– Biến thế nào ? Biến ở đâu ?

– Bẩm...

– Nghĩa là mày thấy tới đâu thì mất ?

– Bẩm ở khoảng cuối hàng liễu đầu hiên. Bẩm đầu hiên phía này (Dẫn chỉ về phía tay phải) ở khoảng cây đề chẽ ba với cây lan tây già.

Tuấn quay về phía bên phải nhìn xem. Sau những khóm lá sum sê, một cây đề phản chạc từ dưới gốc choãi ra những cành lớn, tàn lá ken mau và chòm tới sát mặt phía ao trước nhà. Tuấn chú ý đến cây hoàng lan hơn. Cây này to om, vươn cái thân vút cao lên trên cả lũy tre bên dãy ngoài và gửi những cành mềm cong lá dính thành tràng vờn xuống những khóm cây khác.

Trời bình bịch sáng. Bóng mờ tối kéo lên khỏi cái thế giới cây cỏ vườn hoang. Một hơi gió chậm thoảng qua, dất dứu trong áng hương thơm mát và thân yêu làm động đến lòng Tuấn. Nỗi buồn khổ của anh chàng có một tình nũng nịu như được vỗ về.

Tuấn lặng lẽ trở vào, mang theo một ý định còn mơ hồ, trong lòng trống trải. Anh chậm chạp uống tiếp tuần nước, nghe vị trà nóng thấm dần vào huyết mạch và đợi cho rõ rệt thêm cái ý mới mẻ vừa rồi : "Lan Hương có phải là thế đó chăng ? Hay em là một giống cây hoa nào khác trong trại này ?".

Cái buổi sáng thảnh Dấn trông thấy cái hình bóng đàn bà, chính là buổi sáng bữa sau cùng nàng ta đến với Tuấn. Nó có thể hết hoảng mà trông sai được, nhưng lối biến hiện của nàng ta bao giờ cũng vẫn đột nhiên. Tuấn sao lại cứ muốn suy nghĩ theo những cách thông thường của mỗi trường hợp trần gian ? Anh nhớ lại các câu nói bóng của người yêu và thấy những ý nghĩa rành rọt trong đó.

Tuấn lý luận để tác trách. Lòng anh không nghi hoặc như trước nữa, đã hướng cả về một chiều tin tưởng rồi.

Lan Hương biết bao lần đã bảo anh rằng nàng ta không hẳn là người thường : "Em dù là thứ người gì mà anh yêu được thì cũng đáng là bạn của anh... Tự cổ chí kim, em là giống yêu văn thơ, yêu hoa cỏ...". Và lần sau cùng gần gũi, nàng than trách Tuấn : "Thân em chỉ là thân cây cỏ, anh có coi ra gì, anh ngờ vực không cho em được xứng đáng với anh...".

Tuấn để trở đến tâm hồn mình tất cả bầu hương khói dị đoan mà trí não anh trước đây vẫn cố xua đuổi. Một chút phản kháng của phần thiết thực còn sót lại, nhưng Tuấn nhất tâm làm ngơ. Con người si tình ấy như đã được thứ men nồng làm chìm lỉm bớt đi cái sức giày vò của sáu muộn.

VII

Trưa hôm đó Tuấn đã chịu ăn uống hơn mấy bữa trước.

Tên đầy tớ của anh vẫn kín đáo hầu hạ gần đây và lo ngại nhìn xem thái độ của anh. Có lần Tuấn bất chợt thấy nó kinh ngạc nghe thấy anh khẽ cười. Tự anh cũng ngạc nhiên khi thấy mình lẩm nhẩm đọc những lời thơ *Liêu Trai* và có một ý mong đợi bằng quơ và êm nhẹ : "Hay là...".

Nhưng anh không dám theo ý nghĩ này, vì vẫn sợ gợi thêm sự thất vọng. Anh lặng lẽ mỉm cười và thở dài một tiếng rất thông thả.

— Lan Hương ơi ! Em có biết cho lòng anh lúc này không ? Em ở đâu ? Xa chơi những chốn non nước nào ?

Anh nghĩ tới cái thân thể anh ôm ấp trong bao đêm nồng, đến nay là một hình ảnh hư huyền mà tất cả sự rung động tâm hồn anh, của xác thịt anh đều tê mê luyến tiếc. Cả niềm oán hận, cả sự đau thương cùng thấm thía những ý vị yêu dấu chí tình mà anh tưởng có thể động được tới tâm hồn người đẹp.

Buổi chiều, ngồi hờ hững giờ những trang sách ngoài hiên, Tuấn trông thấy Dân ở đâu về mang lấp lánh một nghìn vàng hoa, một thẻ hương và xách một chai rượu nhỏ.

Tưởng như mọi lần đọc sách, Tuấn không bao giờ để ý tới hắn, Dẫn đi ra phía đầu hiên bên ngoài. Tuấn không nói gì ngồi lại một lát rồi trở vào, mở cửa sau xuống nhà dưới : Dẫn không có đấy. Anh rảo ra phía đầu hiên xem thì thấy hắn đang xếp vàng, rượu lên cái bàn cũ đặt bên gốc hoàng lan.

Dẫn lúng túng trả lời câu hỏi của anh. Hắn đặt lễ cho yên đất. Tuấn biết là nói dối, tra vặn mãi, Dẫn mới thú thực rằng hắn đi xem bói bên làng về.

– Ngài dạy cậu gặp vía âm, phải cúng ngay mới giải được hạn. Con sợ cậu cấm, mới mạn phép cậu tự ý sửa lễ ở đây...

Tuấn ái ngại cho lòng thành thực của tên đây tớ trung thành, nhưng không muốn cho nó được đề tâm đến chuyện riêng của anh thêm, Tuấn bảo :

– Thôi được, cất cả đi...

Về mặt thất vọng của Dẫn làm động lòng anh.

– Cất cả lên nhà... Việc của cậu, để cậu... cúng lấy cũng được.

Anh nói cho hắn vững bụng :

– Mà như thế linh nghiệm hơn.

Dẫn phải vâng theo.

Tuấn nhìn những lễ vật cất trên chiếc bàn nhỏ của anh giữa nhà. Anh mỉm cười thấy cả hai đồng tiền xin âm dương đặt trên đĩa trầu cau. Mấy nén hương cháy đã cắm sẵn trên bát gạo sống.

Lòng ái ân ngan ngát một niềm thành kính. Tuấn bỗng trầm lặng, cảm thấy một sự xui khiến nào rất lạ lùng.

Anh khe khẽ gạt đầu và thâm hiểu ra cái ý định chập chờn trong tâm trí anh tự sáng sớm.

*

* *

Buổi chiều, thằng Dẫn bung com lên, Tuấn bảo nó lấy đưa anh chai rượu nhưng không được dọn chỗ vàng hương. Tuấn không quen rượu nên chóng ngà say. Anh thấy tâm tình nhẹ thêm được nổi buồn, lại rót uống cố chén nữa. Chai rượu nhỏ chỉ vơi đi một phần ba nhưng Tuấn cho là mình đã túy lúy.

Anh đợi Dân cất mâm bát và lên đèn rồi dặn hấn :

– Hôm nay cậu lại cần ở một mình nhà trên, cho mày xuống đi ngủ sớm đi... Cậu như thường rồi, mày đừng lo.

Anh vui vẻ nói thêm câu sau cùng để yên lòng đầy tớ.

Bóng tối đã buông đầy vườn, trước khi anh chú ý, Tuấn ra đầu hiên nhìn lên cây hoàng lan vút lên trong cao thẳm, lòng ngậm ngùi một tình nhớ thương cũ kỹ như chàng thư sinh buổi nào. Anh thầm nhẩm những lời khẩn gọi dặt dờ. Anh thoáng thấy mình nghĩ gần gần, nhưng tức khắc quên bỏ.

Tuấn rón rén trở vào nhà, ngạc nhiên thấy vắng lặng quá chừng. Anh làm ngoa thêm dáng điệu ngất ngưỡng, miệng mỉm cười hoài, nhưng buồn vẫn còn rời rợi.

Anh nói lên tiếng :

– Biết thế ta cứ uống hết chai rượu...

Trong lúc đó cả tâm hồn anh trách gọi Lan Hương : "Lan Hương ơi, em nữ bỏ anh thực sao ? Bao nhiêu cực khổ tan nguôi chẳng được bao lâu, vết cũ lại mở ra, càng thêm đau xót lắm".

Mắt anh nhòa trông ánh đèn. Anh đổ cho tại rượu. Anh dè chừng thương nhớ chua cay lại sắp kéo đến, và tưởng trước cái đêm trần trọc, sẽ kéo dài hiu quạnh không biết đến bờ bến nào.

Nỗi sầu đùng đỉnh nhắc lại trong lời thơ nào nùng. Thi nhân xưa đã chịu vò xé biết mấy mươi từng mà thấu được tình cảnh anh chàng đến thế ?

– Lan Hương ơi, em là người sống hay là vật hư huyền, thì tâm hồn em cũng phải anh linh để mà cảm thông với anh chứ. Mà hoa, cây là giống đa tình sao mà tệ ác được thế, sao để khổ cho nhau đến cực nào ?

Lòng thấm đượm oán hờn, và đôi mắt bi ai, Tuấn thờ thẩn đến rút thêm mấy nén hương châm cắm trên bàn và quên mình trong một bầu buồn thương mênh mang bát ngát.

Anh ngồi ngả trong ghế bành nhìn sang làn khói đưa thẳng lên để uốn éo hồn hào trong sự tan biến. Tất cả tâm hồn anh như chấp tay cầu khẩn lời thầm reo động, muốn quỵên bay xa cùng áng hương ngà say.

Anh muốn có sự tâm niệm chân thực của người đàn bà góa ngồi trước bài vị lang quân. Anh muốn có những câu van nài đi thấu tới cõi u linh của tâm tưởng. Lời của anh chỉ là ý nghĩ, anh thấy chưa đủ vang động. Giá Tuấn có thể quên thẹn để lên tiếng khấn những ý kêu gọi trong lòng !

Một bài thơ đã nhiều lần anh nhắc tới, lúc đó như long lanh nói lên những ý tha thiết không ngờ :

*Có những buổi ta nhìn em kinh ngạc,
Hồn mắt dân trong cặp mắt lưu ly.
Ôi mắt xa khơi, ôi mắt dị kỳ !
Ta trông đó thấy trời ta mơ ước.
Ta thấy bóng cả một vùng đông thưở trước.
Cả con đường sao mọc lúc ta đi.
Cả chiều sương mây phủ lúc ta về,
Khắp vũ trụ bỗng vô cùng thương nhớ (*)*

Tuấn đọc khê mấy câu đầu. Rồi hứng khởi nâng giọng cao dần, anh say sưa nghe tiếng anh vang trầm và đưa xa, vượt hẳn từng đoạn ngân, dịu dàng và réo rắt theo những điệu sôi nổi :

*Ta run sợ cho yêu là mệnh số,
Mắc tay em định hộ kiếp ngày sau.
Vì người em có bao phép nhiệm mầu,
Một sợi tóc đủ làm nên mê hoặc.
Ta đặt em lên ngai thờ nữ sắc,
Trong âm thầm chiêm ngưỡng một làn da.
Buổi em về, xác thịt tắm hương hoa,
Ta sống mãi thờ lấy hồn trinh tiết.
Ôi ! Cám dỗ cả mình em băng tuyết,
Rộn xuân tình lên bộ ngực thanh tân !*

(*) Thơ của Đinh Hùng.

*Ta gần em, mê từ ngón bàn chân,
Mắt nhắm lại, để lòng nguôi gió bão.
Khi sùng bái ta nâng từng nếp áo,
Nhưng cúi đầu trước vẻ ngọc trang nghiêm.
Ta khẩn cầu từng sớm lại từng đêm,
Chưa tội lỗi cũng thấy tràn hồi hận (*)*

Một câu cười khê sóc lên đầu đó.

Tuấn quay lại nhìn ra hiên. Khung cửa sau tối trống không. Anh ngoảnh sang phía trong thì Lan Hương đã đứng cạnh anh, áp bên tay trái.

Tuấn mừng rỡ không nói được.

Khói hương bay loạn vì anh vùng đứng lên.

Lan Hương lại về ! Đang ở trước mặt anh đây, và Lan Hương tươi đẹp lộng lẫy hơn trước ! Áo nàng màu lá cây điểm kín áo những vòng thêu ẩn hiện lấp lánh như giắt ngọc châu. Thân nàng như một cành cây rêu bám đầy hạt móc.

– Lan Hương ! Lan Hương ! Em...Ồ...Thực Lan Hương của anh đây rồi !

Nàng mỉm cười, đôi mắt ngọc huyền khoan dung soi vào lòng sung sướng của bạn...

– Lan Hương ? Em có biết anh đang cầu khẩn em đây không ?

Nàng thoáng liếc những vàng hương bày giữa nhà. Nàng đứng đĩnh nói qua nét cười :

– Em không biết sao em lại về ?

Rồi nghiêm nét mặt lại, nàng thở dài, nhưng đôi mắt lại tươi sáng ngay, nàng ngồi xuống ghế và dìu Tuấn ngồi ghế cạnh. Một tay vẫn đặt trên vai bạn. Nàng nhìn, nhận thấy vẻ mặt xanh gầy của anh chàng.

Nàng nói, tiếng nói kể gần như tự đầu xa đưa tới :

– Em giận anh lắm, anh đòi biết những điều không cần biết, anh bần khoản nghĩ ngợi quá để động lòng hờn dỗi của em... Em vẫn còn giận anh, đã nguôi đâu, nhưng giận mà vẫn không thể nào quên được thương nhớ.

(*) Thơ của Đinh Hùng.

Nàng ngả đầu bên má Tuấn, ngửa lòng bàn tay cho anh đặt tay lên. Tuấn chỉ khẽ nói được một câu :

– Thế em có còn giận anh nữa không ?

Nàng giòn giã cười, ngẩng lên nhìn nghiêng :

– Cái bác sĩ tình này rõ khéo hỏi ngẩn ngơ. Những nỗi khổ của lòng còn cá trên nét mặt anh đây, sao em không cảm không thương. Thôi, em chả giận nữa đâu, đừng khóc nữa.

Tuấn đã qua được cái phút mừng tủi ban đầu. Anh tự nhiên hơn trong cử chỉ thân yêu, và lời nói có duyên dễ dàng đến miệng.

– Không đâu, anh không khóc nữa, mà cũng chẳng còn khổ nữa. Em đến thế mà cất hết cả gánh nặng cho anh, tiêu tan hết cả muôn nghìn vạn ức từng cay đắng...Lòng anh bây giờ chỉ tràn đầy hạnh phúc mà Lan Hương đem đến, đem trả lại cho anh...

Nàng nghe, mắt đắm đắm một vẻ say sưa dịu dàng. Nàng hưởng dần lấy những lời tâm tình của ai mỗi lúc một nồng nàn theo sự áp yêu một thêm khăng khít.

Cánh mũi hơi nheo lại, nàng trách đùa :

– Anh chàng này lại sinh ra rượu chè nữa đây !

Tuấn cười, muốn nói : "Uống để quên buồn". Nhưng anh chỉ im lặng. Nàng nhẹ gỡ cánh tay Tuấn, đứng lên nhìn anh trong làn mắt quyến luyến lá lơi, rồi lững thững đi xem khắp nhà như một người mới đến.

Tuấn nhân lúc ấy ra hiên sửa vội lại vẻ trề tràng của râu tóc anh. Anh cạo mặt mờ trong bóng tối.

Lúc Tuấn trở vào thì Lan Hương đang bỏ áo bên giường.

Anh đến trước mặt nàng, lòng khẽ run một thứ tủi hổ êm nhẹ. Anh giữ mãi lấy nàng trong hai tay ràng buộc.

Ánh đèn vắn nhỏ trên bàn làm trong trẻo bóng tối.

Những ngón măng chuốt của nàng bó lấy cánh tay anh. Nàng nói như mê man :

– Ai mà không thương anh cho được ! Người đàn ông nào đây ? Mà có sự quyến rũ nhau đến chừng ấy...

Nàng kéo Tuấn lên, nói nhỏ vào tai anh chàng :

– Em nhớ anh quá quá lắm...Chốn nằm ngời của thân em như trăm nghìn cánh tay ôm ấp của người yêu...

Tuấn chỉ khẽ đáp :

– Lan Hương !

Nàng là người, buông mình trong nguồn im lặng nồng say.

*

* *

Tuấn rập tâm hỏi một câu anh đã dự sẵn.

Anh chưa lựa được cách cho lời nói thốt ra và lặng nhìn lên trong khi nàng thu người nép bên cạnh. Nghe hơi thở đều đều của nàng, Tuấn sợ nàng ngủ đi mất, anh khẽ gọi :

– Lan Hương.

Đôi mắt đen ngược nhìn anh. Miệng nàng mỉm cười chờ đợi.

– Lan Hương ơi... em... em có biết anh nghĩ gì lúc này không ?

Nàng hơi nhúu mày nhưng vẫn cười :

– Anh chỉ nghĩ lẫn thần.

Rồi không để Tuấn nói nữa, nàng tiếp luôn :

– Em khổ lắm. Anh giày vò em vì bao nhiêu lần nghi ngại... Anh đón hỏi, anh nghĩ ngợi... cả trong những đêm yên giấc, anh dò xét em trong giấc mơ. Không, anh để em nói. Anh nghĩ gì, anh định hỏi em đêm nay, em biết cả, mà em biết, em càng thêm tủi... Em yêu anh, em có cần biết rõ anh đâu. Cả đến tên của anh em có hỏi đâu. Duyên may như gió thổi, tình cờ đưa em qua chốn này. Em thấy có một văn nhân câu tự trong đêm khuya, thế là lòng em rung động. Đến với nhau ngẫu nhiên, rồi sẽ phải xa nhau mãi, trước kia không duyên cớ, không gặp gỡ mà yêu dấu, thì sau cũng không oán giận sự chia ly... Duyên ta chỉ có một hồi, anh nên để cả trăm năm vào sự ngấn ngại ấy.

Câu nói nàng đượm một giọng buồn mà Tuấn chưa từng biết lần nào. Những lời yên ủi anh như thốn thức những ý tủi hận.

– Trời ơi ! Sao em lại khóc ! Lan Hương ! Lan Hương ?

Nàng ghen ngào :

– Không, em sung sướng mà khóc đấy. Em chỉ nghĩ đến lúc này thôi, chỉ hưởng lấy hạnh phúc được gần bên anh thôi. Giây phút này còn nhiều nữa trong đêm nay kia mà, phải không anh, phải không mình ?

Tiếng "mình" nàng gọi đến lần đầu tiên, tha thiết một vẻ rất lạ thường trong giọng ướm lệ. Tuấn chợt lo sợ. Anh không nhận được câu hỏi :

– Sao, Lan Hương ? Chỉ còn đêm nay nữa thôi ư ?

Nàng gật đầu, nhưng rồi bật cười thấy Tuấn cuống sợ ra hết cử chỉ. Nàng che tay bịt lấy miệng Tuấn :

– Anh để em nói anh nghe. Lúc này vào đây em bảo là giận mình, nhưng em nói dối đấy. Em chỉ giận mình một chút nhỏ thôi. Hết giận lại khổ. Em tưởng kiếp kiếp không thể nào về với nhau được nữa, nhưng lòng em còn ân hận mãi. Đêm nay cảm vì tâm thành của người yêu em lại về để cảm tạ tình anh, cũng để giải cái hận không có đêm từ biệt... Không, mình đừng nói, em nghe thấy ý mình rồi. Duyên ta có lúc cùng, nhưng tình ta còn mãi mãi không thể mất được...

Nàng vui vẻ đưa tay cho Tuấn giữ.

– Thật đấy, thân em sẽ không được gần anh nữa, nhưng tâm hồn Lan Hương không mất được...vì...vì...còn ở mãi mãi trong tưởng nhớ của anh phải không ? Đây em nói rõ cho anh biết nhé : anh có biết tình anh đã sinh ra một Lan Hương không giống ai, không thuộc về loài nào, cũng không có hẳn nguyên tính, nguyên chất của Lan Hương nữa. Trước kia có lẽ em là một loài thảo mộc nào. Nhưng bây giờ anh muốn em là giống nào thì em là giống ấy. Em có thể là nàng khuê nữ thất tình ở đâu đấy, một buổi chết rũ dưới hoa, và tâm hồn u uất còn vương mãi ; em có thể là một người của những áng văn thơ ngàn đời kết lại, mà cũng có thể là hồn tinh của hương hoa ? Nhưng Lan Hương của anh chỉ muốn là Lan Hương của anh thôi.

Nàng đắm mắt nhìn xa, đối diện Tuấn mà như cách biệt, nói những lời quá chừng hoa mỹ và giọng hết sức chân thành.

Lòng Tuấn ngơ ngác nghe theo và ngạc nhiên thấy trong ý sâu kín của mình đã nghĩ đúng như nàng vừa nói.

Thốt nhiên, nàng cười rốn một tràng, tiếng lanh lảnh rung động khắp người Tuấn, rồi nàng chui đầu vào vai áo rúc rích hoài. Tuấn lùi ngực lại, nhẹ ấn vai nàng ra coi thì đôi mắt lại như vừa khóc, vẻ mặt buồn khổ ngoảnh đầu về phía trong. Tuấn lại chống tay dậy vỗ về nàng. Tâm trí hỗn độn và ảo não một tình thương mơ hồ. Anh âu yếm lau nước mắt cho nàng và ngừng tay trước hai mắt kia nhìn anh một vẻ yên lặng vô cùng tận.

Anh gỡ người lên vì một tiếng gọi âu yếm :

– Minh.

Nàng thấp tiếng xuống nói tiếp :

– Em nói nhiều quá, toàn những lời vô ích, đến với nhau có phải để phân giải đâu ? Đêm của ta một khắc một mất đi mãi. Em... có chuyện này muốn hỏi mình.

Nàng áp miệng vào tai Tuấn nói bóng gió một câu rất tình tứ.

Và nói tiếp sau tiếng cười khê :

– Phải đấy, ta yêu nhau hơn, mình yêu Lan Hương nữa đi !

Nàng áp má đón giữ lấy bàn tay vuốt ve của anh.

Tóc nàng xoa lướt dưới khuôn mặt bừng say...

*

* *

Tuấn nhất định cố thức. Đêm tịch mịch trùm vây lấy căn phòng mờ sáng một màu hồng. Lan Hương khép cánh hoa thơm dịu bên mình anh. Thần trí Tuấn dật dờ trong các tiếng canh khuya, chập chờn vương theo một ý băng khuâng... và bỗng như choàng tỉnh dậy.

Anh không chối, tin rằng mình không hề ngủ. Có chăng cũng chỉ là chớp mắt một giây lát ngắn thôi. Nhưng Lan Hương đâu ? Anh chực vùng dậy lòng sẵn đón các điều buồn bực, thì nhận thấy có người thấp thoáng trong nhà ở căn kê bàn làm việc của anh.

Nàng.

Anh gọi :

– Lan Hương !

Người thiếu nữ không giật mình "ạ !" một tiếng rất ngoan, nàng đã chỉnh tề như lúc mới vào, lụng thụng bước lại gần Tuấn. Lần thứ nhất anh chú ý đến bước đi quá chùng êm nhẹ của Lan Hương. Nàng đi như không hề đặt chân xuống mặt đất. Anh chợt hỏi :

– Kìa, đôi giày của em đâu rồi ?

Nàng đặt tay giữ ống quần và hé bàn chân không ra, vừa thông thả cười và nói :

– Em... đang tìm giấy gói để lại đôi hài này cho anh.

Rồi nàng đưa cái tay giấu sau lưng ra. Tuấn cầm lấy đôi hài, ngẫm nghĩ một lát.

Nàng ngồi xuống mép giường kéo tay Tuấn đặt vào lòng với đôi hài và dò ý tứ trong mắt bạn. Rồi chậm rãi, nàng bảo Tuấn :

– Đôi hài này ghi những bước sau cùng của em khi tới đây với anh...

Nàng vội nói thêm :

– Nghĩa là làm chứng cho lòng ân ái của em khi trở lại với anh lần sau cùng. Em để vật ấy lại cho anh làm kỷ niệm.

Tuấn bất chợt thấy mắt nàng long lanh lên một thoáng rất mau. Nụ cười điểm ngay trên vẻ mặt nghiêm trầm. Nàng đứng dậy vừa nói :

– Nó cũng là hoa kết lại đấy, mình nương nhẹ cho em.

Rồi đỡ lấy đôi hài, nàng dùng dỉnh ra ngồi trên ghế bành và gọi Tuấn :

– Anh ra đây.

Lúc Tuấn ngồi chung ghế với nàng, Lan Hương lại dặn :

– Anh lấy giấy bọc lại rồi cất đi, em chả muốn cho ai trông thấy nó đâu.

Tuấn với một tờ báo phong đôi hài lại đặt xuống gần đó và không dám đứng dậy.

– Anh đem cất đi đi !

– Không ! Lan Hương chả nhẽ bỏ anh bây giờ sao ? Kỷ niệm của em anh sẽ gìn giữ nhưng anh trao lại cho em cả tâm hồn anh rồi. Cả sự sống nữa. Em mà ra đi lúc này...

Nàng giơ tay bịt câu nói của Tuấn :

- Không, em không đánh lừa anh để biến mất đâu, em chưa đi vội đâu...
- Nhưng rồi em cũng bỏ anh phải không ?

Nàng thở dài :

- Em không gần anh được mãi.

Bao nhiêu lời van lơn của Tuấn chỉ làm nàng thêm nức nở. Hỏi nàng chỉ ghen ngào than trách số phận ác nghiệt. Tuấn cũng rung rung nước mắt. Hai người ôm nhau chung một tình ngậm ngùi.

Lan Hương thu nhỏ người lại trong tay vỗ về im lặng của anh.

Tất cả vẻ đẹp của nàng như nổi dậy lên, như lộng lẫy thêm, quý báu vô cùng vì sẽ không còn đó mãi. Sự tiếc rẻ thêm gay gắt và lòng quyến luyến càng thiết tha.

Thân thể nàng rung gợn cùng một câu nói hạ thấp :

- Sao mình không cắt đôi hài của em đi.

Tuấn đem cắt vào ngăn kéo bàn giấy rồi trở lại ngay. Lan Hương vui tươi, nhưng một vẻ trang trọng là lời còn trầm ngâm lắng trong đôi mắt.

Nàng run run tiếng nói vào tai Tuấn :

- Mình, em yêu mình, em yêu mình !

Tuấn thức dậy thì trời đã sáng bạch. Anh không thấy bông hoàng lan nào nàng để lại như mọi lần. Có lẽ đó cũng là một dấu hiệu. Anh cố tìm cách tự yên ủi để đành tâm chịu lấy sự vắng mặt người yêu. Tất cả ân hận của anh bấy giờ là không thể gắng thức được lúc nàng đi, gọi là có phút thở than vĩnh biệt.

Nhưng Lan Hương có để cho ta tiễn biệt bao giờ đâu ? Có lẽ nàng không đủ can đảm.

Tuấn đoán rằng đêm vừa qua nàng định đi ngay từ lúc để lại đôi hài.

Tuấn cảm động nghĩ đến sự gìn giữ trân trọng của anh đối với vật kỷ niệm thân yêu đó. Anh thầm nhủ : "Lan Hương ơi, từ nay anh chỉ còn một chút hương thừa của bàn chân em nữa thôi".

Đến bàn viết, rút ngăn kéo nâng cái gói cất đêm qua lên, thì lạ lùng sao ! Anh thấy trên tay nhẹ bồng.

Tuấn thất vọng mở mau tờ báo ra để thấy điều mình đoán trước.
Trong gói toàn một thứ cánh hoa mẫu đơn trắng với những sợi cỏ tóc tiên.
Mấy bông hoàng lan khô anh giữ trong hộp đựng thư cũng biến mất.

VIII

Tuấn lường trước cái buồn của mình trong những ngày dài dặc sau này. Anh không thể đành lòng ngay với sự đoạn tuyệt đột nhiên và kỳ dị của người thiếu nữ. Cái phen tái hợp ngắn ngủi kia chỉ khiến anh thêm tiếc thương, thêm ham muốn người đẹp. Lòng anh mất hẳn cả mối hy vọng của sự nghi ngờ. Thôi từ nay trở đi, Lan Hương sẽ không khi nào còn đến với anh nữa.

Tuấn nhận được điện tín của Bình ở Hà Nội hẹn về chơi. Anh mong bạn như mong sự yên ủi. Trong thư trước trả lời anh, Bình xem ra để tâm tới chuyện của Tuấn lắm. Anh chờ đợi bạn đến mãi mười một giờ hôm sau.

Nhưng khi Bình đến Trại Bỏ, Tuấn thấy hơi khó chịu. Người bạn vui vẻ nhanh nhẹn kia hồi hán và xem xét cuộc tình duyên của anh như một nhà luận lý thiết thực. Tập "thư nhật ký" dở chừng của Tuấn, Bình đọc rất chăm chú nhưng mắt thoáng có những ánh đùa cợt. Tuấn thuật tiếp chuyện Lan Hương để đáp lại câu hỏi cặn kẽ của Bình và rào trước :

– Không phải là tôi không suy nghĩ đến đủ các lẽ, nhưng vô ích. Đến ở ngay trong cảnh, đem hết tri giác, hết tâm tư ra mà luận đoán bao nhiêu lâu còn không hiểu gì cả, nữa là đứng ngoài trông vào... Đây có phải là tiểu thuyết đâu ?

Bình gật đầu mỉm cười nói chậm rãi :

– Đứng ngoài trông vào... có lẽ chính vì thế mà cái tiểu thuyết của anh, hay của cô Lan Hương mới rõ được các đường lối... giá anh tình tường được như lúc chưa bỏ dở những đoạn nhật ký rất hay của anh thì có lẽ tôi nói chuyện với anh dễ hơn. Nhưng anh si tình mất rồi. Tôi lấy làm lạ rằng anh si tình như một cậu học trò hai mươi được yêu lần thứ nhất.

Tuấn nhìn bạn, buồn rầu và thương hại cho bạn hay cho chính mình anh. Một lúc lâu anh mới thở dài nói :

– Không phải đâu Bình ạ. Có lẽ tôi yêu mê yêu say thực, nhưng chính vì tôi không còn tấm lòng của người học sinh tuổi hai mươi. Đàn bà qua trong đời tôi cũng đã nhiều, nhưng toàn là những thứ tình đẹp để một cách rất văn chương : tôi ôm ấp trong tay và nghĩ đến một đoạn văn sẽ viết. Tôi thực không được yêu - không yêu được ai hết. Nhưng đến người đàn bà kỳ dị này...Không ! Thực thế đấy, cái sự vô lý ôm ở đó thực đã khiến tôi...không đời nào sẽ quên được. Cái bí mật của Lan Hương tôi dò xét chán chê rồi nhưng bây giờ tôi đành chịu.

Anh nhìn xa, nói trầm ngâm như nhắc lại cho mình nghe một câu quen nghĩ :

– Đã là sự bí mật chỉ là sự bí mật, không thể nào tìm được cách phân giải nào bao giờ...

Tuấn để mặc bạn dò xét, tìm tòi và căn vặn.

Anh trả lời các điều Bình hỏi và lững thững đưa Bình đi xem khắp Trại Bó.

Tuấn nhìn lại các hình cây, vòm lá anh đã thuộc lòng và nay thấy mất đi một khí sắc huyền hồ rất thấm thiết. Anh nhớ lại những lúc đứng dưới bóng đa cổ kính mà tưởng đến hồi quá khứ nặng trĩu cành lá những ngày nào : bây giờ cây đã hóa không hồn cũng như những rèm liễu, những vùng mầu đơn và cả đến đám báy gốc hoàng lan trơ trọi.

Tuấn nhìn về trầm mặc ngẫm nghĩ của Bình mà thấy hết cả sự vô ích của lý trí. Bình trở cây đề cỗi gần bờ nước :

– Từ khoảng cây này đến cây hoàng lan là chỗ cái hình bóng biến đi phải không ? Thằng Dần không trông rõ lúc biến ?

Tuấn toan nhại : “– Trông – rõ – lúc – biến”. Nhưng anh chỉ gật đầu.

Bình với tay uốn một thân cây, rồi len qua khóm lá thấp tới bên gốc đề ba chạc.

– Trèo lên đây dễ lắm. Lá chung quanh phủ kín đáo ba mặt. Giá... một buổi tối nào tôi muốn biến mất thì...

Bình ngừng bật lại : đôi mắt Tuấn vừa lườm anh.

Bữa cơm chiều, Tuấn khẽ khà uống rượu trước vẻ ngạc nhiên và ái ngại của Bình. Tuấn chỉ nói đến chuyện văn thơ. Bình hiểu anh chàng tránh những lý luận của bạn. Nhưng Bình đã rắp tâm hỏi tới việc muốn biết, rồi

đi bách bộ ở ngoài hiên rất lâu. Anh nhấm thẫm trong trí câu nói của Lan Hương mà Tuấn chép lại trong tập "nhật ký" :

"Nhà em ở bên một hồ nước, sau rặng liễu và khóm trúc vàng... Em sẽ đưa anh đến khi nào anh xứng đáng...".

Bình vào nhà, ngồi trước bàn viết của Tuấn nghĩ ngợi đến khuya rồi mới đi nằm. Bên cạnh Tuấn, trong bóng hồng mờ - ngọn đèn treo phía bàn lúc ấy đã vụn nhỏ ngọn, - Bình chấp chờn với nhiều câu hỏi. Anh ngủ đi khi tưởng tượng đến một hình ảnh kiều diễm.

...

*

* *

Sáng hôm sau Tuấn thức dậy chưa biết Bình đi đâu vắng, toan gọi thằng Dần hỏi thì Bình mũ áo hăn hoi ở ngoài vừa về.

Bình trả lời Tuấn :

- Tôi đi tìm cô Hoàng Lan Hương cho anh. Chưa thấy nhưng thế nào cũng thấy. Tôi muốn cả anh cùng đến một chỗ này, nhưng tôi còn muốn anh nghe tôi nói đã. Đêm qua tôi nghĩ nhiều lắm. Thì ra câu chuyện của anh cũng có liên lạc đến cái bí mật của chủ nhân Trại Bỏ này...

Hôm nhận được bức thư vắn tắt của Tuấn, Bình đã hơi biết được rằng chủ nhân Trại Bỏ là một vị hưu quan. Ông ta có một trai và hai gái. Người con trai lấy vợ rồi sang Pháp học và chết ở đó ; con dâu ông Án buồn rầu quá tự tử chết, nhưng việc ấy giữ kín trong nhà. Hai cô con gái lớn lên rồi "lấy chồng rất xa". Cả việc ấy cũng chỉ là một cách che đậy. Hình như họ bị thất tình, hoặc trốn đi, hoặc bị cầm giữ ở một bệnh viện nào, hay cũng lại quyên sinh như người chị dâu. Những chuyện đó đến hôm nay Bình không cho là quan hệ lắm nữa.

Vì Bình đã biết người vẫn hiện đến đây, trái với điều Bình đoán từ hôm trước, không phải là người nhà này. Cô gái tên là Hoàng Lan Hương (tên đó có phải tên thực hay tên mượn ?) có lẽ chỉ là bạn bè thân thuộc gì với nhà ông Án. Cũng là con nhà thế gia, sống trong khuôn nghiêm cấm, và nuôi tâm hồn cô quanh bằng tất cả cái kho tàng lãng mạn nồng đậm của văn chương, Hoàng Lan Hương hẳn cũng có một phen thất tình (Bình vội

chứa câu nói lỡ) hẳn cũng... có một sự uất ức gì đó. Người thiếu nữ kiêu nhược sống với tưởng tượng, lòng âm ỷ chấy những sự ước muốn ngấm ngấm, là hạng rất dễ bị khích động. Một cuộc phân ly, một chuyện bức bách về tâm tình, một sự tuyệt vọng cho duyên phận : thế là đủ cho cô Lan Hương khuê các, lặng lẽ thành ra cái nhân vật dị kỳ mà Tuấn thấy "hiện lên" ở Trại Bồ này. Trại Bồ chẳng là nơi trước kia Lan Hương thường qua lại chuyện trò với mấy người bạn chí thiết ? Những lời tâm giao, những câu than thở hay giải bày, những mộng tưởng ân ái thổ lộ qua từng đoạn văn thơ... Bao nhiêu tâm sự ấy vẫn còn u uất trong bóng cây lá.

Trại Bồ về sau bỏ hoang vì cái oan khí của người con dâu và cảnh chia rẽ đột nhiên của gia đình chủ nhân.

Chỉ có Lan Hương là thỉnh thoảng đến thăm viếng. Và chỉ đến những lúc đêm tối, hoặc để không ai trông thấy, hoặc để cảm thông với hồn cảnh vật, hay để tưởng mình là hiện tinh của hoa cỏ, hay vì một cố éo le ồm ở nào thường dật dờ trong trí não vợ vẩn của người... người... (Bình chọn lấy một tiếng nhẹ) người không vững bộ thần kinh ?

Tuấn ngồi nghe, bình tĩnh và có vẻ nhẫn nại. Anh chỉ mỉm cười một đôi chỗ, rồi lại chăm chỉ yên lặng theo lời phân giải của Bình. Lúc đó anh mới khẽ nói :

– Không... vững bộ... thần kinh ? Thì anh cứ bảo là điên có tiện không ?

Bình :

– Người điên... có lẽ. Nhưng không là thứ người điên rõ đại mất hẳn thần trí. Lan Hương có những lúc, những hồi giữ một ý định rất bền chắc, những hoài niệm rất mạnh mẽ và có tinh thần sáng suốt một cách kỳ dị để sống trong những nhân vật và những cảnh tưởng tượng ra...

Lan Hương đến trại lần anh thấy không phải là lần đầu. Những lần trước không biết cô ta tưởng mình là gì. Nhưng khi đột nhiên thấy có một anh chàng viết lách dưới ngọn đèn trước cửa sổ, không biết ở đâu tới nhưng đoán chắc là một nhà văn, Lan Hương mới nảy ra cái ý dàn xếp câu chuyện có một vẻ đẹp mơ hồ và làm hiện thực một thiên *Liêu Trai* mới. Trong đó có sự tò mò tinh nghịch của người đàn bà và tính thị kỳ của tấm lòng ưa tác quái. Cừ chỉ của anh, sự kinh ngạc cùng với những câu hỏi ngờ vực kêu gọi thêm cái hứng thú khác thường của người thiếu nữ. Cái tấn kịch ứng biến ấy, đêm này qua đêm khác, nối tiếp theo một điệu, một cách khá

công phu. Không khí huyền ảo đã thừa có ở nơi hoang tịch này rồi, chỉ thêm sự giữ gìn chờ đợi cho khôn khéo. Lan Hương có thể ẩn đâu mà chẳng được ? Cô nàng chọn một nơi ẩn tiện nhất, những khi cần phải lánh : không kín đáo lắm nhưng lại rất chắc chắn vì không ai ngờ. Những người vào hạng này thường vẫn có những cái thông minh sắc sảo thế đấy.

Tuấn dừng đỉnh hỏi :

– Anh cho là Lan Hương trốn lên cây...hoàng lan ?

– Không.

– Cây liễu ?

– Không. Có một cây rậm hơn... dễ leo hơn...

– Cây đề ?

– Có lẽ. Một người gái đẹp ẩn lên cây để xem một anh chàng ngơ ngẩn theo tìm... sao lại không ? Mà sự treu ghẹo đó biết bao thi vị !

– Nhưng về sau, Lan Hương có bị ai theo tìm đâu ? Tôi ngủ dậy thì...

Bình bật cười :

– Thì không thấy cô nàng bên cạnh ? Lạ nhỉ. Anh không thể ngờ được sao ? Cô nàng đã biến một cách giản dị nhất : là nhân trời chưa sáng, bỏ anh ngủ đấy, để lại cho anh một bông hoàng lan nhạt ở ngoài vườn hay đem theo sẵn trong lòng mình...lẳng lặng ra về dễ lắm. Những bông hoàng lan của Hoàng Lan Hương.. cái ý nên thơ xinh xắn có thể làm vợ vẫn được một anh chàng tên là Tuấn... Nhưng đến mớ cò với những cánh mẩu đơn tráo đổi vào đôi hài... thì... cũng hơi ngoa.

Bình chắc hẳn rồi lý thuyết của mình làm tỉnh ngộ bạn ngay, và cũng sờ thấy mặt Tuấn vẫn lạnh lùng. Tuấn kháy một nụ cười nhạt nhẽo của người không tin nhưng không buồn cãi.

– Đa tình cũng đẹp lắm, nhưng đừng mê muội. Tuấn ạ. Anh làm tôi muốn thương hại cho anh...

Tuấn đáp :

– Đúng đấy. Bây giờ anh dẫn tôi đến con đường cuối cùng của anh đi.

– Con... đường...cuối... cùng ?

– Ừ. Quên rồi à ? Anh còn đưa tôi đi tìm... tìm thấy Lan Hương mà ! Phải không ? Ở đâu thế nhỉ ?

Bình toan gạt vội cái giọng thờ ơ của Tuấn, nhưng anh vẫn ôn tồn :

– Ở cũng không xa đây, độ hơn hai cây số. Tôi biết đây có một ngôi chùa, và mới qua quýt hỏi thăm được rằng có một người con gái nhà giàu đến ở trong ấy. Tôi chưa kịp tìm đến tận nơi, và muốn về để anh khỏi nóng ruột lúc thức dậy. Rồi ta sẽ cùng đến để anh trông thấy người tiên của anh giữa ban ngày. "Nàng thiếu nữ ban đêm" có lẽ bây giờ đã ngủ dậy.

Tuấn không nói gì, lấy chiếc áo trắng dài, mặc rồi theo Bình. Ngôi chùa nhỏ có vẻ cũ nát ở trong một rào cây lưa thưa. Trước chùa, một cây đa lớn và cả bóng. Cửa chùa bung đóng, một cánh gỗ hé mở một phía bên.

Im vắng nhẹ reo trong râm lạnh và thơm nhẹ hương hoa. Một cây hoàng lan nhô lên khỏi một khóm trúc.

Tuấn thản nhiên như trước một cảnh vô nghĩa lý.

Hai người đẩy cánh cửa hé bước vào. Không thấy ai. Hương khói vắng ngắt.

Trở ra còn đương bờ ngõ thì từ phía sau chùa có tiếng lá khô bị giày xéo chậm chạp. Một bà già ăn mặc cũ kỹ cầm chổi bước ra sân, một đứa bé gái đầu còn trái đào : tay cầm một cành ổi, hai quả đã chín, trở mắt nhìn hai người.

Bà già lúc đó mới biết có khách lạ.

Bình hỏi nhưng bà già không biết ai là cô Lan Hương. Ở đây độ hơn tháng nay có một cô gái lịch sự, nói tiếng trọ trẹ, và một đứa ở gái, không biết từ đâu đến, xin trọ ở chùa. (Đứa bé nói leo : – A phải rồi, cô Huế, với chị Tân). Cô gái hình như ở dương bệnh. Cả ngày chẳng chuyện trò chi hết, chỉ thỉnh thoảng hát những câu lạ tai và buồn... Bà già là người vẫn ở đây, giúp đỡ người con gái kia về việc mua bán thổi nấu ; nhiều lúc bà già cũng dò hỏi và tìm cách gợi chuyện với cô Huế, nhưng không biết được gì.

Bình hỏi người con gái hình dung thế nào.

Bà già đáp rằng cô ta mặc quần áo hàng đen, tóc vấn trần cũng có hòm búi thành món sau gáy, da trắng xanh, dáng người yếu ớt, có lúc nào sai bảo đứa ở thì nói nhỏ nhẹ, ít khi bà già hiểu là nói gì.

Bình thấy Tuấn nghe bằng cái tai rất lơ đãng. Tuấn có vẻ một người ngoài cuộc đi với Bình cho có bạn và lẽ phép không dính dáng đến việc không phải của mình.

– Thế... - lời Bình hỏi bà già - cô... Huế không ở đây nữa sao ?

– Bẩm vâng. Hai ba hôm trước người nhà đưa ô tô đến đón đi. Hôm đến ở cũng người nhà đưa đến...

– Sao lại ở đây mà không ở chỗ khác ?

Nhưng Bình tắc lưỡi hỏi tiếp một câu mà bà già lại không biết thế nào trả lời. Sau một hồi cân vạy không có kết quả gì, Bình đành phải trở ra với cái anh chàng Tuấn hững hờ một vẻ đáng ghét. Hai người không nói với nhau một tiếng nào trên đường về.

*

* *

Về nhà Tuấn ngả người trên ghế bành, ngồi rất im lặng.

Bình đang tìm cách phân giải cho Tuấn nghe những lý luận của mình thì đột nhiên, nhìn thẳng vào mặt bạn, Tuấn hỏi :

– Này Bình, bao nhiêu lời anh nói với tôi lúc sắp ra đi anh còn nhớ cả chứ ?

– Còn, thế nào ?

– Anh cũng không tin hẳn phải không ?

Tuấn lẩm bẩm như nói một mình :

– Sự bí mật có bao giờ cất nghĩa được đâu.

Bình không giấu được vẻ lúng túng. Mắt Tuấn sáng lên một cách lạ.

Bình hiểu rằng lời thuyết giải đến thế nào cũng không ích gì, ái ngại nhìn Tuấn.

IX

Mặc dầu bao công tìm kiếm về sau, Tuấn và Bình đành chịu nhận Hoàng Lan Hương là sự bí mật không thể khám phá được. Một lần, cách đó tám năm, Tuấn nghe một vị bác sĩ chuyên chữa về thần kinh nói đến một bệnh nhân có những triệu chứng giống như trong giả thuyết của Bình. Đó là một người đàn bà. Người ấy khi tưởng mình là đủ các nhân vật trong

tiểu thuyết, khi tin mình là công chúa trong cung cấm, khi là người kỹ nữ sông Hương ca những câu ai oán, lại cũng có khi tự nhận là một vai đào hát trứ danh Nam Kỳ. Bệnh không thể nào chữa được. Người điên mất hết lý trí, đã giao trả về nhà, hình như đã chết. Tuấn không còn cách nào biết rõ thêm.

Thời gian không có hiệu lực gì : Tuấn không bao giờ quên được Hoàng Lan Hương, và cả với Bình anh cũng không bao giờ chịu nhắc đến chuyện trước. Văn nghiệp của Tuấn không hề có chút dấu vết nào của người thiếu nữ. Cuộc đời tình duyên của anh chàng cũng không thiếu những phen gặp gỡ dễ ư.

Nhưng đàn bà đối với Tuấn không ai có nhan sắc nữa.

VÀNG VÀ MÁU

*Tác giả : **Thế Lữ** (xem Tiểu dẫn ở Ba hồi kinh dị).*

Vàng và máu là một tập truyện ngắn và vừa do Nhà xuất bản Đời nay in lần đầu tại Hà Nội vào năm 1934. Tập sách gồm 4 truyện, mang hình thức những câu chuyện đường rừng kỳ quái, bí ẩn với phong cảnh của vùng rừng núi Lạng Sơn, nơi Thế Lữ sống những ngày thơ ấu.

Ở đây chúng tôi chọn 2 truyện.

223. MỘT ĐÊM TRĂNG

Đường quanh co ở giữa hai bên rừng núi, phần nhiều là hẹp và xấu ; chúng tôi phải cho ngựa dẫn hàng một tiến lên.

Ở Pakha, chỗ nghỉ sau cùng tới đây, từ mười hai giờ trưa đến bảy giờ đã gần sáu giờ chiều, mà chỉ đi được chừng ba mươi cây số. Hồi ấy vào trung tuần tháng Hai, trời về tiết xuân, nhưng gặp lúc ấy cũng ẩm áp, dễ chịu.

Chúng tôi dừng ngựa trước một cái nhà lều rộng lớn, làm trên một khoảng đất san phẳng, lấn vào khu rừng phía tay trái độ bốn năm sào. Lều dựng theo lối ta, mái lợp tranh, ba phía vách đều bằng phên nửa hây còn xanh tươi ; cửa cũng bằng phên, nhưng đan chưa xong, còn đặt nằm dưới đất. Chỗ này dựng lên để cho những người đi xa nghỉ chân. Và nhân thể cho bọn người Thổ săn bắn ở vùng này làm nơi tạm trú. Cái lều cao, rộng hơn nhà ta ở nhiều lắm, nhưng trông không bày biện gì. Ở mặt đất giữa lều, chỉ thấy một đồng củi gỗ giấm, một làn khói đưa lên thông thả, với năm ba chiếc ghế thấp vút chung quanh. Áp theo cả chiều dài bức vách trong cùng và bức vách phía trái còn có một tầng phên cũng đan bằng nửa, rộng ngót một thước tây, cao tới ngực, buộc vào những cột chống là mấy khúc cây nhỏ mới đẵn về. Có hai người Thổ đang thông chân nằm ngủ ở trên, tôi đoán đó là một thứ chõng hay một thứ giường phên mới ứng chế.

Gửi người buộc ngựa rồi, chúng tôi vào lều gỡ bánh tây, cơm nắm, Lạp xưởng và giò chả ra ăn với nhau. Trong lều không có đèn, chúng tôi ngồi quây quần lấy đồng củi bảy giờ đã thối cháy to lên cho sáng. Những chuyện Mán Thổ núi rừng tất nhiên được dịp đem ra kể. Người thì khoe những cảnh lạ, những điều kỳ quái ghê sợ mà mình đã trải qua ; người thì thuật những phen thập tử nhất sinh ở chốn ma thiêng nước độc ; nhưng đậm đà nhất là những chuyện trăng gió đường rừng, những chuyện hát đúm

ở các chợ phiên. Mỗi người đều có một chuyện "tìm hoa" trong làng để nhắc lại.

Nhân đó một người bạn kể cho tôi nghe những bước phiêu lưu của một người đàn ông mà thỉnh thoảng tôi được gặp trong những lúc đứng uống bát nước ở một hàng quán. Ông này là người Kinh, nhưng nét mặt với tiếng nói thì y như người Thổ ; vóc trông đầy đà lực lưỡng, bao giờ cũng mặc một bộ quần áo bằng vải ka ki. Ông ta rất táo tợn ; bọn đi rừng, cả đến người Thổ cũng phục ông ta là người thạo và xông pha nhất. Họ gọi ông là ông Ba đi ghệt - nhưng cái sính đi ghệt ông ta đã bỏ, chỉ còn lưu lại cái tên hiệu thôi - ông Ba chẳng ở lâu được một chỗ bao giờ ; gặp việc gì ở đâu cũng đi nhận làm ngay, thấy cái gì cũng buồn : gỗ, vải vóc, thuốc phiện lậu, xương hùm, nấm hương, nhung hươu, đủ mọi thứ. Có một điều ai cũng chú ý nhất mà ông ta vẫn đem khoe với bất kỳ người nào muốn nghe chuyện, là đến đâu, ở đâu ông ta cũng tìm được một người con gái để kết duyên hờ với mình. Ở với nhau được ít ngày rồi một hôm, người con gái Thổ thấy ông ta đi không bao giờ trở về nữa. Tôi chưa ngồi nói chuyện với ông Ba đi ghệt bao giờ nên không biết rõ tâm địa của người đàn ông ấy. Nhưng xem ra thì không mấy người ưa. Họ bảo rằng ông ta bạo dạn thì không ai hơn, nhưng giáo quyết tham hiểm cũng không ai bằng.

Ăn uống xong, tôi để các bạn ngồi đó, giải áo khoác lên chiếc chõng bên cạnh một cái cửa sổ mắt cáo rồi nhảy lên ngả lưng. Tôi đuổi thẳng chân ra nằm, vươn vai mà thở một hơi thực dài, đuổi hết những cái mệt nhọc nặng nề từ trước. Không gì khoái trá bằng được nghỉ ngơi sau một cuộc trèo non lội suối đường trường.

Hai người Thổ vẫn ngủ say, tiếng ngáy rờn rờn. Các bạn đi đường thì bàn nhau vào ngủ trong làng, nhân tiện để tìm mấy đóa hoa rừng. Hôm ấy có cuộc hát thi, vì gặp ngày làng mở hội.

Tôi lẳng lặng nhắm mắt không trả lời ai hết, vì tôi không muốn theo họ và để phí mất một lúc khoan khoái dễ chịu bấy giờ. Tôi thấy tâm hồn băng khuâng như nằm trên mây, trí tưởng chấp chờn... rồi giấc ngủ dịu dàng dần tới.

Tôi mở mắt ra thì trăng đã xuyên qua khung cửa sổ mắt cáo, đặt trên mình tôi những mảnh sáng vuông nhỏ. Bấy giờ có lẽ đã nửa đêm, hai người Thổ không còn ngủ gần tôi, mà các bạn người Kinh cũng đi cả.

Tôi không muốn ngồi dậy, cứ để nguyên giày mà nằm yên đó, hai mắt lim dim.

Nhưng tôi không buồn ngủ nữa.

Trong mình thấy tỉnh táo dễ chịu lắm. Huyết mạch lưu thông như hơi gió thổi ; tưởng chừng có thứ thuốc tiên trong thân thể, khiến cho người tôi bỗng chốc thành khinh khoái như bay...

Tôi lắng tai nghe. Một dải suối róc rách ở gần, tiếng sáng như thủy tinh reo, hòa lẫn với giọng rừ rừ tối tăm của những côn trùng dưới cỏ. Sau lều, khu rừng cây yên lặng như ngủ kỹ ; nhưng ở trong đưa ra những tiếng bí ẩn, khiến mình cảm thấy được cái sinh hoạt của nó trong lúc đêm khuya. Một con hươu đang ngó ngán nhìn cái lều vắng không. Những tiếng động rất nhẹ của con sóc chạy trên cành ; những tiếng lá cựa dưới mình một con vật đang nằm ; một tiếng vỗ cánh nặng nề của con chim lớn. Từng trận gió thổi qua, lá rơi rào rạc, rồi tất cả lại im lặng như ngóng đợi, như nín hơi. Xa xa, rõ thực xa, tiếng thác đổ ào ào, để ý thì một lúc thấy một gần thêm, rồi lại xa dần, rồi lại như biến đi mất. Có khi nghe như tiếng muôn nghìn người ồn ào đưa từ đâu đâu tới, phảng phất trí não hình dung ra những cảnh chợ búa xe pháo ở chốn thị thành.

Tôi cứ nằm đó nghe hoài, nghe càng lâu muôn tiếng càng hỗn độn. Sau cùng thành một thứ giọng rừ rào mờ ám mỗi khác một nhạt dần. Thần trí lại chịu một sức thôi miên đưa lại đầu từ chốn bỗng lại. Văng vẳng trên không, chỉ còn những tiếng nhạc gần rồi lại xa, với những hơi sáo rất nhỏ, rất trong, và cao tít.

Bỗng đâu, một cơn gió lạnh thổi qua làm tôi hơi rùng mình. Tôi thử dãi rồi mở hé mắt ; trên lông mi những phản bụi ánh sáng đang nhảy nhót rập rờn. Tôi lại thấy như không phải nằm đó một mình... Hình như có ai đứng bên tôi. Mà "ai" đó hình như là một người thiếu nữ. Tôi chắc đó chỉ là hình ảnh của sự mơ màng thôi, nên cứ lặng yên. Bỗng thấy một bàn tay, một bàn tay nhỏ bé dịu dàng, êm ái để lên vai tôi.

– Đêm trăng sáng đẹp như thế này mà không đi nghe hát một lúc chơi, lại nằm đây ngủ !...

Câu nói tiếng Thổ, giọng mềm mại trong trẻo nghe rất hay. Chưa nhìn cũng chắc người đứng đó đẹp lắm. Tay thiếu nữ lại lay tôi lần nữa.

Tôi mở hẳn mắt nhìn thì cô ta nhoén miệng cười :

– Đi dậy đi anh. Dậy đi chơi một tý !

Cô ta đứng trước cái cửa sổ vách liếp và ngoảnh mặt ra phía rừng. Người trạc mười chín, hai mươi, hai mắt tinh anh, đẹp lạ thường, đôi má

đây món mớ đào non, nhỏ và mượt : "Trời ơi ! Con gái Thổ mà có người nhan sắc đến thế này ư ? Tôi mơ hay tỉnh ?". Tôi nghĩ bụng thế, rồi ngồi đây, thì ra tỉnh chứ không phải mơ. Tôi hỏi cô ta :

- Cô em ở đâu đến ?
- Tôi ở trong làng (Cô vừa nói vừa lấy bàn tay lau miệng).
- Làng cô xa không ?
- Không xa lắm.
- Cô em có đi với ai nữa không ?
- Không.

Tôi bối rối quá, vì cô ta bỗng dưng có vẻ thẹn. Tôi ngăn người ra, không biết hỏi thêm câu gì. Tôi nhìn cô ta một lúc lâu, cô ngẩng lên nhìn tôi rồi trông đi chỗ khác.

Giá tôi đừng nín lặng, hỏi chuyện nữa đi mới phải. Nhưng biết hỏi gì ? Những phút đối diện yên lặng ấy sao mà dài và khó chịu đến thế !

Tôi ngượng ngịu quá chừng. Xin thú thực rằng xưa nay tôi nói đùa với các chị con gái Thổ đã nhiều, nhưng tôi đều coi thường, không để ý gì đến ai hết. Cũng nhiều cô khá lắm, song không ai có thể gọi là đẹp, đẹp trong trẻo và say đắm như cô gái này.

Tôi nghĩ mãi, mà chẳng có câu nào cho hợp lúc cả ; mãi sau mới thốt lên được :

- Cô em ở đâu đến ?
- Thì lại là câu mình đã hỏi rồi.

Cô gái nhìn tôi hơi ngạc nhiên, song cũng đáp :

- Tôi ở trong làng.
- Gần không ?
- Không xa lắm.
- Nhưng cô em đi đâu thế ?

Cô Thổ đã hết thẹn, tươi cười nét mặt và nhanh nhẹn trả lời :

- Tôi đi chơi. Tôi đến đây thấy có ngựa buộc ở ngoài kia, tôi vào, không có ai, chỉ có anh ngủ... Tôi vào rủ anh đi nói chuyện chơi.

Rồi cô cười, mà cười quá chừng ; tiếng giòn và đầy đặn. Tôi cũng cười góp nhưng nghĩ thầm : " Quái lạ, chả nhẽ người này lảng lơ đến nỗi đi tìm

một người đàn ông ngủ một mình để nói chuyện với, hay sao ?". Tôi nhìn người thiếu nữ một lần nữa : Không ! Cô ta chỉ có vẻ đẹp dễ, trong sạch và rất đáng yêu thôi. Đôi mày đưa cong lên ở dưới cái trán bịt khăn chàm, có một vẻ kín đáo ý nhị, tôi ưa quá. Tôi lại hỏi cô :

- Thế cô em vào đã lâu chưa ?
- Vào lâu rồi. Tôi xem anh ngủ mãi.
- Tôi không ngủ, mà sao tôi không biết ?
- Anh ngủ đấy mà !

Cô vừa thông thả nói lại vừa cười. Cô cười sao xinh thế. Con người nhan sắc mà có duyên thay !

- Này cô em...

Cô bé nhìn tôi. Nhưng tôi không tiện hỏi câu ấy. Miệng cô vẫn hé mở, để lộ ra một nét trắng nhỏ của đầu hàm răng trên. Cô lại ưỡn ẹo dựa cái thân mềm mại vào chân tôi, làm cho tôi rợn cả người lên và không nghĩ đến những cái vẫn vợ như trước nữa. Tôi mỉm cười và liếc để tay lên vai cô ta. Người con gái nói luôn :

– Anh nhé, anh đi chơi nói chuyện với tôi nhé. Tôi... tôi đến rủ anh đi chơi...

- Cô thích đi chơi với tôi à ?
- Thích. Mà thế nào cũng đi nhé ?
- Ở đây nói chuyện cũng được chứ sao ?

Nói rồi, tôi liền xốc nách bé cô ngồi lên với tôi, và lấy áo khoác phủ cho tấm thân nhỏ nhắn ấy. Cô ta có ý không bằng lòng, bỏ áo của tôi xuống và ngồi nhích ra một chút. Cô mặc một chiếc áo chàm mới, lúc ấy trông thâm đen ; áo cài một bên nách, hở cổ, thân ngắn, tay rộng, thắt ở ngang lưng ; chiếc váy cộc cũng bằng vải chàm và cũng mới. Cái đen tối dưới lều trong treo dịu dàng ; chúng tôi hình như ở dưới bóng rợp của một thứ "nắng trăng". Cửa trước lều không đóng, lại thêm có ba cái cửa sổ mắt cáo ở vách trong nên chúng tôi trông được rõ mặt nhau và cả những gói hành lý để ở một góc.

Lúc ấy hai tay cô con gái thu lại để chống lên một đùi. Chân cô buông thõng và hơi đưa dấy, nét mặt cô có một vẻ buồn bực làm cho tôi lo ngại.

Tôi lấy tay nhẹ nâng cằm thiếu nữ rồi kéo lại gần :

- Cô em không muốn ngồi với tôi sao ?

Cô khẽ mỉm cười :

– Sao lại không muốn ? Không thì tôi "lại với anh" làm gì ?

– Thế cô muốn nói chuyện với tôi lắm sao ?

Cô Thổ lại cười :

– Ủ, muốn !

Tôi đánh liêu hồi một câu nữa :

– Thế cô em yêu tôi chứ ?

– Anh bảo cái gì há ?

Tôi ghé vào tai cô nói :

– Em... có yêu tôi không ?

Cô vợ vẫn trả lời :

– Không biết.

Rồi lại vợ vẫn nhìn tôi.

Bấy giờ, tấm lòng xuân phơi phới của cái tuổi hai mươi lăm bị kích động rạo rức trong người tôi, khiến cho tôi quên cả chủ định từ trước. Tôi liền ôm lấy cô bé, ôm bằng cả một tấm lòng chứa chan yêu dấu và bảo cô rằng :

– Sao lại "không biết" hờ em ? Em đến đây với tôi như một người trong giấc mơ màng, tôi có biết em là ai đâu ; nhưng tôi yêu em ngay, mà sao em cứ lững lờ không để cho tôi biết bụng em thế ?

Tôi còn nói nhiều câu rất ngọt ngào, nhiều lời rất hay, mà cái vốn tiếng Thổ của tôi có thể cho nói được.

Hơi nóng trong người cô thiếu nữ như thấm vào người tôi, vào tận trong huyết mạch, tôi mơn trớn cô ấy như một con chim bé nhỏ mà người ta nâng lên để vào trái tim mình...

Bỗng nhiên, cô đẩy khẽ tôi ra, ngồi thẳng lên, buộc lại cái khăn chàm ; rồi tụt đứng xuống đất. Tôi nhìn cô ra ý hỏi duyên cớ, thì cô cau đôi mày lại, bảo tôi :

– Tôi không bằng lòng thế. Tôi lại rủ anh đi đằng này với tôi kia mà.

Tôi cũng đứng xuống đất, giữ lấy hai vai cô, rồi nhìn vào cái mặt lạnh lùng của cô mà nói :

– Trời ơi, em không biết ! Trong lúc đêm khuya canh vắng em đến đây, em gọi tôi, em làm cho tôi vui sướng vô cùng ; em là con gái, mà em lại xinh đẹp dường này ! Thế thì em bảo tôi không yêu mến em sao được ?

Cô Thổ nhìn tôi :

– Nhưng anh đi đàng này với tôi đã.

Tiếng cô nói gọn, quả quyết ; tôi hơi sinh nghi. Nhưng cô mỉm cười ngay ; cô lại kéo tay tôi, nói một cách nũng nịu :

– Đi chơi một lúc thì sao ? Anh nhé, đi chơi với tôi một lúc nhé, anh bằng lòng đi !

– Mà đi đâu bây giờ ?

– Chơi bên rừng... trên bờ thác, xem nước chảy. Đêm trăng đẹp, đẹp quá, không đi cũng hoài...

Tôi nói :

– Không sợ hổ à ?

Cô ta cười mấy tiếng khẽ :

– Sợ hổ ! Đây không có hổ, hay có cũng ít khi lắm. Vả lại có trăng kia mà. Anh nằm đây còn không sợ thì đi chơi có sợ gì ? Anh à, anh đi với tôi nhé !

Bên rừng tối, trên thác sâu, ở những nơi phong cảnh đêm khuya hoang dại này phải đâu là nơi để khách đa tình đến cùng nhau than thở ? Người con gái Thổ chắc cũng chả ưa gì những chốn ấy cho lắm, thế mà cứ thiết tha nài tôi đi cho được, hẳn cũng có duyên cớ gì đây ? Mà duyên cớ gì ? Trông cái mặt nhan sắc dịu hiền thế kia, tôi không thể cho cô ta là một người có lòng bí hiểm được.

Tôi ngẫm nghĩ một lát, rồi quyết thử "đi chơi" với cô ấy xem sao.

Tôi lấy cái áo khoác phủ lên vai, thắt lại cái thắt lưng da ở áo ngoài rồi đi lấy mũ đội.

Cô ấy trông theo tôi từng cử chỉ một : lúc thấy tôi thu gọn lại cái ống dây thừng to nằm cuộn tròn trong một góc lều, để lấy một cái gậy ở dưới, thì cô Thổ liền chạy lại hỏi ngay :

Ồ ! Anh có những dây tốt nhỉ ! Để làm gì thế ?

– Để qua cầu.

– Sao lại để qua cầu ?

– Cầu nhỏ ở ven núi trên này chật chưỡng lắm. Giá không có cuộn dây này thì tôi rơi xuống núi mấy lần rồi.

Cô Thổ cười :

– Thế mà tôi đi không việc gì đấy !

Chúng tôi đã ra tới cửa ; cô Thổ toan dắt tôi theo một lối tắt đi về bên rừng. Bỗng cô đứng yên, mắt nhìn vào mắt tôi, rồi chạy vào trong lều, đến bên cuộn dây chảo. Tôi hỏi :

– Cô làm gì thế ?

– Anh à, đem cái này đi !

Cô vừa nói vừa lôi cuộn dây ra. Tôi lại hỏi :

– Đi chơi kia mà ?

– Cứ đem đi, anh ạ.

Tức khắc, tôi không nói một lời nào, đi vào bỏ gậy và mũ áo ra, rồi toan trèo lên cái "giường" phên nằm, nhất định không đi đâu nữa. Cô ta liền chạy lại bên tôi vúi lấy tay tôi năn nỉ :

– Anh đi với tôi một tý, đi với tôi một tý thôi mà.

– Không ! Đi làm gì thì cô phải nói rõ cho tôi biết đã.

– Rồi anh biết mà !

– Nói ngay bây giờ kia !

Người thiếu nữ ra chiều thất vọng vô cùng :

– Không... anh đi, anh đi với tôi một tý thôi, rồi anh thấy cái này hay lắm.

Cô ta vừa nói vừa cầm cái mũ và dìu tôi ra cửa, cuộn dây chảo đeo nặng một cánh tay.

Tôi không còn hiểu gì về cái cử chỉ lạ lùng của người con gái nữa. Miệng cười của cô ta cũng không còn duyên gì hết ; tôi thấy bức mình lắm ; nhưng tôi cứ theo.

Ra đến ngoài thì thấy mặt trăng đã chệch về Tây. Đám rừng âm u với dãy núi trập trùng tắm trong một bầu ánh sáng rõ ràng và lạnh lẽo. Tiếng ve sanh sánh kêu ran như đã kêu từ mấy thế kỷ ; bóng trăng theo đó mà rung rung trên ngọn cỏ, bụi cây.

Chúng tôi xuống một con đường dốc nhỏ đi vào mé rừng. Cô Thổ trước còn cười nói don đả để tôi vui lòng, đến sau, thấy tôi đã nhất định đi theo thì cô chỉ rào chân bước. Người thiếu nữ ấy cũng đủ nhan sắc và dịu dàng

để tôi quên được sự lo ngại ; và cái cảnh ngộ cũng đủ kỳ dị để gợi tính tò mò và lòng mạo hiểm của tôi.

Xuống hết đường dốc này lại trèo lên một khu rừng nhỏ nữa. Chúng tôi đi qua một đám cây rất rậm chỉ lác đác ít mảnh sáng trăng. Rồi cây cối mỗi lúc một thưa dần, lối đi mỗi lúc một rõ. Tôi đi rừng đã quen, và chỗ này cũng không khó đi lắm, nên tôi chỉ để mắt trông chơi những bóng lá đi lẩn lẩn trên má và trên vai người thiếu nữ, với hai ống chân trắng trắng thoăn thoắt ở trong đám tối mập mờ. Có một lần tôi đi sát lưng cô ta, để tay lên vai mà giữ cô lại. Cô ngảnh đầu cười gượng. Tôi hỏi :

– Cô định dẫn tôi đi đâu ?

– Đi đằng này, mà !

– Làm gì ? Há ?

Mặt cô bỗng ra vẻ thương khó. Cô ta muốn cười nhưng không được, chỉ quay đầu đi, rồi vừa nói vừa thở dài :

– Anh đi một lúc nữa rồi anh biết ; anh, anh ! Đi, đi !

Xuống một đường dốc.

Rồi lại lên một đường dốc nữa.

Chỗ này trèo rất khó nhọc, lại không rõ lối như trước, chỉ có người thiếu nữ đi quen nên đã lên được quãng xa. Tôi phải bảo cô ấy quãng một đầu dây xuống cho tôi và lên trước, buộc đầu kia vào một gốc cây để tôi bám leo lên cho dễ. Qua một lớp cây rậm và tối om thì đường đã dốc xuống ; đi một lát nữa thì đã thấy lối rõ và dễ đi. Tôi nghe thấy tiếng ào ào ở đầu từ lúc này ; bấy giờ nghe càng gần thêm.

– Có phải gần đây có một cái thác không ?

Tôi hỏi người thiếu nữ thế. Cô ta đáp :

– Phải. Gần đến nơi rồi.

– Đến nơi ? Thế ra đi đến đây à ?

– Phải.

– Nhưng đến làm gì mới được chứ ?

– Anh cứ đi rồi biết mà !

Tôi nghĩ bụng chưa bao giờ gặp cảnh ngộ nào lạ kỳ hơn. Thực vậy. Mà cho cả về sau này cũng thế, trong suốt cuộc đời phiêu linh của tôi, tôi không hề gặp đêm nào như cái đêm hôm ấy cả.

Tôi tự hỏi xem cái kết quả cuộc "đi chơi" này rồi sẽ ra sao. Nhưng không tìm được câu trả lời, thì tôi cứ ra chân bước.

Tôi có ý xem xét những chỗ vừa đi qua, thì phần nhiều đường lối giống nhau không thể phân biệt và nhớ được rõ. Phải là người ở lâu và quen đây lắm mới thuộc được những đường tắt này.

Chúng tôi đang đi trong bóng những cây lá chen nhau, bỗng đến ngay một nơi quang quẻ rộng rãi toàn ánh trắng sáng. Tôi nhú mắt lại vì hơi chói, trông ra thì núi non nhấp nhô, tỏ mờ trước mặt ; khuôn trăng tròn vẹn, kê ngay trên một đỉnh núi, bình tĩnh như có ý đợi chờ.

Tiếng thác nghe thấy từ lâu, bấy giờ đang rầm rã còn cộn ở phía dưới chân. Nhưng tôi chưa trông thấy nước : nguồn thác sâu lắm, mà chỗ ấy thì cao. Một con đường nhỏ chạy qua mắt tôi, dẫn đến một cái cầu ghép bằng thân cây như tôi thường gặp. Cầu này thay một chỗ đất sụt làm lở một quãng đường ven núi đất và cắt đứt mất lối đến Hoàng Su Phì ; bấy giờ tôi đã nhận ra rằng cô con gái dẫn tôi đi toàn nẻo tắt và hà tiện được tới ba phần tư đường. Vì từ chỗ lều tranh đến đây, đi khỏi một quãng đường thấp rồi lên những đường leo lưng chừng núi, còn phải qua một khúc cầu nữa.

Chúng tôi tiến lên chừng hai chục bước thì đến bên cầu. Cầu hẹp và dài, chỉ có mười khúc cây đâm ngang cắm sâu vào núi để nâng đỡ. Cô gái Thổ nhẹ nhàng đi ra giữa cầu rồi ngoảnh lại đợi tôi đi theo. Tôi trông xuống, thấy dưới sâu lắm, mà rải rác có những tảng đá lớn ; thác nước chảy xiết âm âm từ một nẻo khuất giữa hai chân núi vòng khúc rần tuôn ra. Tôi còn ngập ngừng một hồi chưa dám đi lên vội. Sau đánh bạo tiến được ba bước. Một khúc gỗ cựa mình một cái làm tôi sồn cả gai ốc, đã tưởng cái cầu gãy ; nhưng không việc gì.

Tôi phải hết sức dè giữ mới lại dám bước lên, dò đi như người "leo cầu vòng" vậy. Dưới chân, nước vẫn gầm như chuyển đá, mà bên trái thì cái núi dốc như tường xiêu, lại ở quá tầm tay không thể nào vịn được.

Dò được nửa cầu rồi. Càng thấy ghê rợn thêm. Liệu chừng không thể qua được khỏi cầu mà không ngã, tôi phải lấy cuộn dây định quăng lên một cái chạc cây nào trên lưng núi, rút chung đôi lại rồi vúi lấy mà sang.

Bỗng người con gái Thổ giữ lấy tay tôi nói :

– Thôi ! Không phải đi nữa.

Tôi vừa ngật ngưỡng vừa nhìn cô ta, lấy làm kinh dị. Cô gái Thổ diễm nhiên nhắc lại :

– Thôi, không phải đi nữa. Đến nơi rồi !

– Sao ? Đến nơi ?

– Phải.

– Ô quái lạ ! Quái lạ ! Quái lạ ! – Tôi nghĩ bụng thế – Người con gái này thực kỳ quái. Nó định treo mình hay sao ?

Tôi nhìn mặt người con gái để dò xét ý tứ, nhưng cô ta không nhìn tôi và có ý quay mặt đi. Tôi vừa bực mình vừa lo ngại, quát khẽ lên một câu :

– Làm sao lại thế này ! ?

Cô ta không trả lời. Ánh trăng chiếu vào sắc da người con gái, lúc ấy xanh bệch như da người chết. Nét mặt sắt lại như lo sợ hay tức giận, miệng mím vào một cách đặc biệt, rồi bỗng nói rất nhanh :

– Ở dưới cầu này có một người ngã xuống chết !

Tôi còn chưa hiểu, hỏi lại, thì cô ta nói luôn :

– Người ấy là một người đàn ông cùng đi với tôi, rồi lỡ chân rơi xuống đây chết.

– Cũng "đi chơi" với cô à ?

– Ừ.

– Thế làm sao, nói mau ! Sao cô lại gọi tôi đến ?

Cô gái Thổ nói :

– Tôi nhờ anh đem nó lên đây cho tôi.

– Nhờ tôi ? Sao lại nhờ tôi ! Nhờ tôi mà được à ?

Cô ta diễm tĩnh không đáp câu hỏi của tôi, nhưng trở xuống dưới cầu mà bảo :

– Kia kìa, nó ngã xuống mắc vào cành cây ở lưng núi kia kìa !

Tôi chú mắt trông, chỉ thấy nước thác chảy xuống từng bực, bọt sùi lên trắng như tuyết ở chung quanh những tảng đá cuội lù đen.

– Đâu nào ?

– Ở cái cây kia mà. Kia kìa, chỉ có một cây thôi, mà nó ở lưng chừng núi.

Tôi quỳ gối, đầu cúi về phía trong mà trông xuống thì quả thấy ở ngang núi đâm ra một cây nhỏ, rễ ăn chặt vào, có lẽ sâu lắm, nên đất lở

đến tận chỗ ấy mà cây vẫn vững nguyên. Minh cây cong cong ở chân rồi đâm vát lên trời, cành lá xòe ra gần che mất một nửa mình người bị nạn. Lúc ấy tôi chỉ trông thấy có một cái vai dốc xuống mắc vào gốc cây.

– Các người đi xem hát hội ở làng xa hết cả (người con gái nói). Tôi đi tìm chỉ thấy có anh, tôi mới định nhờ anh lấy nó lên hộ tôi.

– Ủ, thế làm sao không nói thực ngay để cho tôi... (tôi nghĩ đến những cử chỉ của tôi trong lều) để cho tôi tưởng cô đến rủ tôi đi chơi thực ?

Cô gái mỉm cười một cách nhạt nhẽo :

– Tôi sợ anh không đến, tôi phải nói thế...

Thấy tôi có dáng nổi giận, cô vội nói thêm :

– Mà rồi tôi cũng về với anh kia mà !

Tôi vừa lườm vừa nhai :

– Hừ ! Về – với – anh !

Cô gái Thổ lại hết lời nói với tôi những câu rất ngọt ngào và thiết tha ; mặt thì nhợt nhạt, mắt thì long lanh mà miệng vẫn gượng cười ; giọng nói lạc đi, hình như cô ta cố nén sự xúc động.

Tôi không nỡ từ chối giúp đỡ cô ta. Nhưng tôi không giấu cái bực mình, vừa tìm cách xuống đến cái cây vừa gắt.

Chỗ sườn núi lở, dốc như bức vách nghiêng, mà trừ cái cây giữ lấy người chết cách chúng tôi khá xa, thì chả còn bầu vịu vào đâu được nữa ; người bị nạn chắc hẳn ngã về phía trong, nên mới tình cờ mắc vào gốc cây đó, chứ nếu ngã phía ngoài hay ngã nhích ra chút nữa thì không còn mảnh xác nào. Tôi gỡ cuộn dây ra, nằm úp mình trên cầu rồi dùng dây xuống ước thử. Cái dây dài hơn hai chục thước mà thả đến chỗ ấy cũng không thừa được bao. Tôi thử tìm cách buộc vòng, câu lấy người chết lên, nhưng vướng nhiều cành nên không làm thế được. Tôi lại phải kéo dây lên thất hơn một chục nút để cho dễ bám. Trong khi ấy người con gái lặng lẽ ngồi bên cạnh tôi mà xem.

Nước thác vẫn réo ào ào, làm tăng cái vẻ hùng vĩ của chốn núi vực cao sâu ở dưới bóng một vành trăng ngàn năm lạnh lẽ.

Tôi nhìn cô gái Thổ thì cô ta lại nhìn lại ; tôi cau mày mắng :

– Buộc đi chứ, ngồi đấy à ?

– Buộc gì ?

– Thì thất nút đi chứ !

Cô ta lới một phần dây lủng túng thắt được một nút rồi hỏi :

– Anh làm những nút này làm gì thế ?

Tôi không thềm đáp. Tôi thấy cô ta cứ dang tay kéo dây mãi chưa thắt được vòng nào thêm, tôi tức mình giật về, không khiến nữa. Nút thắt xong tôi buộc rất chắc chắn một đầu dây vào ba thân gỗ về phía núi, bỏ mũ ra ; bảo cô gái Thổ giữ lấy mỗi buộc chắc chắn để tôi leo xuống. Chân tôi đạp vào đất núi làm cho cát bụi ở đáy theo gió bay cả vào mắt mũi tôi. Tôi vừa buông một tay để dụi thì "sự" một tiếng ở đầu dây. Tôi lạnh cả người vội quát :

– Cái gì thế, cái gì thế ?

– Không hề gì. Cái mối dây nó thắt chặt lại đấy mà.

– Phải cẩn thận, nghe không ! Phải nằm xuống mà giữ !

Cô gái Thổ trên cầu nằm áp người xuống, hai bàn tay nắm lấy phần đầu dây.

Xuống đến nơi, tôi bẻ mấy cành lá đi cho quang, và để chân lên một cái chạc dún thử mấy cái. Cây này là một giống ổi rừng, thân già quánh và to. Lúc đứng trên cầu tôi tưởng là một thứ cây dai và mềm vì thấy nó nhỏ lắm, nên định buộc cuối dây vào người, ôm lấy cái xác mà bảo cô gái Thổ kéo lên. Nhưng thế thì khó nhọc vô cùng, chưa chắc người con gái đã kéo nổi.

Nhưng bấy giờ tôi lại tính cách khác. Người chết là một người đàn ông to lớn mặc quần áo tay vàng ; hai chân dặng ra, áp vào núi và đâm ngược lên trời, mình úp vào trong nên tôi trông không thấy mặt. Hắn bị mắc vai bên phải vào ngay gốc cây và hình như bị nát cả cổ và có lẽ gãy xương đâm vai ; nhưng máu chỉ dầm ra ngoài áo có một ít. Một cánh tay nắm lại chọc vào núi, còn tay kia bị đè ở dưới mình. Tôi ngồi quắp lấy một cành to, trông lọng dây vào hai chân người kia rồi lựa cho lách xuống đến tận thắt lưng.

Mặt trăng lúc ấy mới lọt một phần xuống sau đỉnh núi trước mặt. Tôi trông thấy bóng cây với bóng người tôi in lên cái thây chết. Những cành lá theo gió và theo cách cử động của tôi mà lung lay một cách bình yên.

Xem cách ăn mặc của người chết thì tôi đoán là một người Thổ "văn minh" giàu có, hoặc một người Kinh buôn bán đường rừng.

Tôi bám dây tụt xuống, để một chân lên mình người chết và ghì cho cái trông ở lưng hắn thắt vào rõ chặt rồi đạp chân kia vào núi, tôi đu người sang một bên. Vai cái xác liền rời ra cùng với một loạt đất vụn rơi xuống ; người chết đã nằm ngang ra dưới đầu dây. Cổ hắn treo về một bên và hơi ngật ra đằng sau ; tóc rối và ướt đẫm, da xám như màu đá mài.

Tôi lại ngồi lên một cành cây nắm lấy vai hắn cúi lại xem cho rõ mặt. Nhưng tôi kêu lên một tiếng kinh dị : "Ồ lạ này !".

Người bị nạn nào phải ai đâu ? – Chính là ông Ba đi ghệt !

Phải, ông Ba đi ghệt, cái người mạo hiểm táo tợn chúng tôi vẫn biết tiếng, mà tôi mới gặp được hơn nửa tháng, trong một làng ở gần Pakha. Ông này đi trước chúng tôi đã lâu kia mà, sao bây giờ vẫn ở đây, rồi lại chết thảm hại thế này ? Mà sao người con gái Thổ kia lại...

Tôi thoáng nghĩ đến một điều làm cho tôi căm tức : "À thì ra (tôi lắm bầm nói thế) thì ra họ trắng gió với nhau đã lâu, hôm nay đi chơi trên cầu này, rồi một người rơi xuống chết, rồi nó tìm mình đến, nó dụ mình đến để mình gỡ xác tình nhân nó lên !".

Hai con mắt ông Ba mở lim dim như ngủ gà, như xem cái tức giận trong lòng tôi. Trên cái mặt đầy những máu, máu đọng đen thẫm lại một bên, hai môi dày trên lún phún một hàng râu ; miệng thì nhả một cái cười kinh khiếp.

Tôi liền buông tay ra bám dây leo lên cầu. Người con gái hỏi, nhưng tôi lặng thinh. Lên tới nơi tôi nhìn nó một cách rất khinh bỉ.

Nó hỏi nữa :

– Sao ? Anh ? Xong rồi chứ ?

Tôi cười gằn :

– Xong. Chị cứ việc kéo tình nhân chị lên !

Nó chỉ trông tôi một cái nhanh, không nói gì, chống tay ngồi lên rồi mồm môi kéo.

Nhưng cái xác nặng lắm, nó ngã hẳn người ra mới lôi lên được một chút, rồi lại để tụt xuống ngay. Tôi thấy nó làm ngửa mặt liền vuốt tóc lại bên kéo đỡ. Không đầy năm phút cái xác đã lên nằm trên cầu.

Người con gái không buộc lại cái khăn vuông xoắn xuống vai ; mở tóc trong cái khăn ngang phấp phới bộn bề trước gió. Tôi cởi được cái dây tròng ra khỏi lưng người chết thì nó liền xốc nách kéo giật lùi "ông Ba" ra một phía cầu.

Tôi toan cuốn xong cái dây thùng rồi mới hỏi xem người con gái định xử trí ra sao, thì bỗng thấy nó cười nhạt một tiếng nghe lạnh đến xương tủy. Tôi ngẩng lên nhìn.

Bấy giờ cô thiếu nữ dịu dàng gặp ở trong lều không còn đó nữa. Tôi chỉ nhìn thấy một người con gái kỳ dị, đang nghiêng răng mà lắm bầm ở trước

mặt tôi. Nó vẫn xóc nách người chết để ngồi rũ dưới chân, trông thẳng vào mặt tôi nhách mép một cái, rồi nói :

– Anh tưởng nó là tình nhân tôi, hả ? Không ! Nó là kẻ thù của tôi. Tại sao ? Nó giết mất anh Cẩm của tôi. Anh Cẩm là người sắp lấy tôi, mà nó giết đi, rồi quăng xuống đây cho mất xác.

Nói đoạn nó chỉ tay xuống những từng nước trắng xóa ở dưới. Tiếng thác chảy như dữ dội thêm. Nhưng trường hợp này làm tôi quên cả ghê rợn.

Người con gái lại nói - phải nghe giọng nó nói mới thấy được cái cảm giác của tôi lúc bấy giờ :

– Nó nhiều tiền, nó muốn lấy tôi, nó đến dụ tôi, tôi bằng lòng ngay ; nhưng tôi bằng lòng ở với nó để lừa giết nó đấy. Tôi rủ nó đến đây chơi, nó không nghi ngờ, tôi liền chém cho nó một nhát. Anh trông đây này !

Tôi trông.

Ở sau gáy ông Ba quả có một nhát dao bổ thực sâu, nhưng chỗ ấy máu đọng lại thấm xì nên lúc này tôi không để ý.

– Tôi chém nó (lời người con gái), để cho nó cũng chết ở dưới cầu này, để chồng tôi... (giọng nói ngày một thêm đầy, gần như ngào nghen) để cho chồng tôi trông thấy được hả dạ... Nhưng mà nó không rơi xuống thác, nó lại vướng vào cây. Tôi muốn cho nó xuống đến tận dưới thác kia, tôi mới gọi anh đến. Bây giờ anh đứng mà xem.

Trước cái dáng điệu kia, cái giọng nói kia, tôi không biết trả lời ra sao cả. Tôi cũng không biết xử trí thế nào nữa : tôi đứng ngẩn ra nhìn.

Trông con mắt lóng lánh của người con gái, cùng với cái nét mặt đánh thép kia, tôi tưởng như thấy cái khí chất rừng núi, cái tâm hồn Thổ Mán hiện ra.

Tôi vẫn ngẩn ra nhìn.

Người con gái lại cười nhạt mà lấy lại câu lúc này :

– Bây giờ anh đứng mà xem.

– Nói xong, nó đứng dạng hai chân ra, cái mép váy đằng trước thẳng căng bởi hai ống chân hơi thô và trắng. Một tay nó xách ông Ba đứng dậy, một tay nữa nâng ở ngang lưng. Tôi toan dò bước đến gần thì đã thấy người con gái dướn mình văng cái thầy xuống. Rồi, không biết vì quá đà hay cố ý, cả người con gái cũng văng theo...

Mặt trăng kia đã kín đáo ẩn mình sau đỉnh núi ; hai cái thân người trên cao rơi xuống, một âm thanh ghê rợn trong tiếng thác đổ âm âm không bao giờ ngừng.

224. MA XUỐNG THANG GÁC

Tối hôm ấy sáng trăng.

Chúng tôi tất cả có tám người, họp nhau ở nhà anh Đình, một cái nhà gạch hai tầng ở gần vùng quê, chung quanh toàn ruộng vườn mênh mông và những ao chuôm đang lấp dờ. Nhà này ngoảnh mặt ra con đường đá nhỏ ; bên kia đường là một rừng dâu cần cỗi ; sau vườn dâu, có một nhà lá lụp sụp, vắng vẻ như không bao giờ có người.

Chỗ nào cũng như bỏ hoang, cả đến cái nhà chúng tôi đang họp cũng thế. Anh Đình thì chỉ ở trên gác. Tầng dưới không có ai thuê. Nếu chúng tôi không kê lại cái phản gậy chân với đem mấy cái bàn ghế của anh Đình xuống thì dưới nhà không có chỗ nào ngồi. Một cái đèn vách treo trên tường, lại phải thêm hai cây nến nữa mới đủ sáng. Lúc ấy đã mười giờ rưỡi. Cửa ngoài và cửa sổ hai bên khép, chỉ để ngó cái cửa sổ trông vào sân sau.

Các bạn tôi thì nằm ngổn ngang trên cái phản kê sát bức vách trong. Tôi ngồi vẽ ở một đầu bàn. Phi Nga ở đầu bàn bên kia thì mài đánh phấn thoa son trước cái gương để cạnh một cây nến. Tôi nói :

– Đã khuya rồi mà còn làm dóm mãi.

Phi Nga chỉ mỉm cười rồi cứ lặng yên ngấm vuốt. Bỗng dung anh Duyệt đến sau lưng ôm choàng ngay lấy "cô ả" bế đến ngồi một nơi, nói một cách vân vân :

– Em ơi, Phi Nga yêu quý ơi ? Đêm nay trăng thanh gió mát, trời đất chứa chan một bầu không khí ái ân ; em có thấu cho lòng anh chăng ? Có thấu chăng tấm lòng khao khát bấy nay... em có thương đến...

Các anh kia đang chống tay ngồi dậy xem, thì Phi Nga vùng dậy chạy đến bám lấy tôi giọng nói làm ra bộ năn nỉ :

– Khổ quá. Anh để cho đứa thô tục kia phạm đến em như thế hay sao ? Em chỉ yêu anh thôi...

Rồi ngoảnh lại bảo Duyệt :

– Tôi không yêu anh. Tôi chỉ yêu người tình họa sĩ của tôi thôi... Anh tâm thường lắm.

Cả bọn phá lên cười. Tôi vuốt ve Phi Nga, Duyệt thì nắm tay chống sườn, đứng trợn mắt măm miệng một cách khôi hài trước mặt chúng tôi.

Cửa sổ mở toang làm mọi người trông ra : anh Đình với bóng trắng cùng chạy vào một lượt. Đình mang ở đâu về một gói bánh tây, bánh giấy bánh tẻ với giò chả ; anh ta đem phân phát mỗi người mấy cái rồi ngồi cùng ăn.

Tôi vừa nhai bánh giấy vừa nói :

– Nay thôi, chúng ta đừng nô đùa nữa. Ăn rồi đi ngủ sớm đi, để tối mai mà thức. Còn cô này nữa (chỉ Phi Nga), bỏ quần áo ra, rửa mặt đi. Ngày mai tập lại một lần sau cùng ; tối mai khai diễn rồi đấy.

Vì tối hôm sau là tối diễn vở kịch của chúng tôi thực. Vở kịch ấy tôi vừa soạn ra vừa làm người xếp đặt chỉ bảo. Phi Nga đây, tức là một anh bạn cũ, người nhỏ nhắn, nên đóng một vai thiếu nữ. Hai anh Trường và Đức cũng đóng vai con gái, nhưng bỏ cả lột ra rồi. Chúng tôi mượn được nhà anh Đình tập diễn đã tám chín ngày. Hôm đó tập khuya hơn cả.

Chả anh nào buồn ngủ vội. Cái vui vẻ của sự đồng lòng làm cho các bạn tôi thức tỉnh cùng nhau bàn đến lối dàn cảnh, và đã trông thấy trước cái kết quả hôm sau.

Anh Tú là người đóng vai Phi Nga tuyệt khéo, tiếng nói mềm mại dẻo dăng, mà lúc ăn mặc đàn bà vào thì trông đáng yêu lắm. Nhưng anh ta phải cái tính trẻ con, là sau khi tập diễn, thường để nguyên quần áo vai kịch mà đi diễu ở ngoài đường. Có bạn anh ta cả gan lên các phố đông, gặp chàng công tử nào cũng liếc. Tôi đã phải nhiều lần bảo khế : "Này ! Đừng có đú đờn mãi, không lại được nếm cơm nhà pha". Phi Nga bĩu môi : " Mất thánh cũng không biết được là tôi giả gái".

Tối hôm ấy, anh Tú trong bộ quần áo Phi Nga nhất định đòi ra với tôi. Tôi giảng giải thế nào cũng không nghe, đã toan làm mặt giận, nhưng đối với anh ta trong lúc ăn mặc một cách óng ả yêu kiều thế kia thì không nỡ. Sau tôi nghĩ được một kế. Tôi biết chỗ yếu của anh Tú, liền bấm sẽ anh

Đình kể câu chuyện quái gở ở nhà này cho Tú nghe. Chuyện này chỉ có Đình là người ở đây, với tôi biết.

Đình uống nước rồi nói :

– Này anh Tú ạ, nhà này có ma đấy ! Nếu anh muốn ra thì ra một mình. Rồi tìm chỗ nào mà ngủ chứ đừng về đây ; về thì thế nào cũng bị ma nó nhát.

Anh Tú sợ ma lắm, nhưng lại rất thích chuyện ma, thấy thế liền ngồi lại hỏi :

– Có thực không ?

– Có đời nào anh thấy tôi nói dối ?

Các anh khác cũng hỏi Đình :

– Nhà này thực có ma ư ? Thế sao anh ở được ?

Anh Đình đáp :

– Để tôi kể các anh nghe.

*

* *

"Nhà này là của ông chú họ tôi làm để cho thuê được hơn mười năm nay. Khi người ở thuê sau cùng dọn đi thì chú tôi định chữa lại cái cầu thang ngoài cửa với cái buồng trong dưới này ; bởi thế không cho ai đến ở vội. Hồi ấy đang lắp một cái dầm bên cạnh và định còn làm thêm mấy gian nhà nữa để cho thuê.

Bỗng một hôm, có một tên ăn trộm phải án nhiều lần bị người ta tóm được gán đây, không biết lừa thế nào mà vùng khỏi tay mấy người đội xếp. Bọn cảnh sát chia ra các ngã đuổi, thì nó chạy về con đường này rồi túng thế phải chạy vào đây trốn. Nó lên ngay trên gác, vì cửa thang gác trông ra đường vẫn mở và chừng như nó biết là vẫn bỏ không. Nhưng bọn cảnh sát trông hút thấy. Họ liền ào cả đến đập cửa thành thành. Sau họ phải nạy những tấm ván bưng ở cầu thang ra mới có lối lên gác. Nhà ngoài không có ai. Buồng trong cửa đóng chặt. Họ hết sức phá được cánh cửa thì thấy tên ăn trộm đã thất cổ bằng một cái dây thừng buộc lên sàn nhà.

Từ hôm đó trở đi, những người thợ nề ngủ đêm ở đây thường bị hồn thằng ăn trộm hiện lên nhất. Họ thấy một người quần áo nâu suốt đêm đi đi lại lại trên sàn gác, rồi lại đến đứng trên đầu họ hàng giờ. Họ nói với

chú tôi ; chú tôi đến ngủ cũng thấy y như vậy. Sau phải bỏ dở các việc sửa chữa và để không gian nhà trong ít lâu.

Hồi ấy tôi ở trọ một nhà trên phố, vừa tốn kém vừa ăn ở không được yên tĩnh. Tôi nghe thấy hết chuyện mới xin với chú tôi cho tôi dọn xuống đây thì ông ưng liền. Nhiều người cho tôi là điên cuồng, nhưng tôi không nghe ai hết. Tôi không tin những điều tôi vẫn cho là huyền hoặc ấy ; mà đâu có ma quỷ thật chẳng nữa thì nó đã làm gì được mình ?

Tôi nghĩ thế nên cứ đem giường, bàn, hòm xiềng đến đây cùng ở với thằng Ngô là một đứa đầy tớ dở hơi, nhưng được cái chẳng sợ gì cả. Bây giờ nó về quê rồi mà tôi vẫn phải cố chờ nó ra vì không mượn được ai thay nó.

Tối hôm đầu ở nhà này kể cũng không phải là một tối êm đềm lắm... Tôi khêu to ngọn đèn nằm đọc sách trong gian nhà trong trên gác (là nơi kín đáo sạch sẽ nhất), kéo chăn lên tận cổ, vì hồi ấy về mùa đông. Quyển sách tôi đọc là một thứ sách khoa học lý luận. Phải nói thế để cho các anh biết rằng tôi có ý tìm những cảm giác có thể phản lại cái lòng hồi hộp phảng phất của tôi lúc bấy giờ... Thì ra chính vì cái chủ ý kia đã làm chứng rằng tôi không hản được bạo như tôi tưởng.

Nhưng tôi quyết rằng không đời nào sợ ma.

Tôi lại có cái lòng mong ước của phần nhiều người trong bọn mình, là muốn gặp con ma nữa kia... Tuy vậy, không hiểu sao, tâm hồn mình lúc ấy không được vững vàng, như e ngại một điều gì không lành... Nhìn đồng hồ thấy đã mười hai giờ rưỡi.

Ngoài cửa sổ đưa vào một hơi gió đen tối ; trang sách của tôi loạt xoạt bay như một tàu lá ; ngọn đèn trên đầu cứ nhảy bập bồng.

Mắt tôi vẫn nhìn những hàng chữ in. Nét mặt hết sức giữ bình tĩnh như không ; nhưng trống ngực đập mạnh làm tôi khó thở... Tôi sẽ liếc mắt sang bên trái : không thấy gì...".

Câu chuyện đang đến chỗ quan trọng thì bỗng anh Đàm là một người lỗ mãng nhất ngăn lại hỏi anh Đình :

– Nhưng này ! Anh nói thực đấy chứ ?

Đình hơi có ý bực :

– Ô thế anh tưởng tôi bịa ra sao ?

– Hừ !... Thế nhưng mà...

Chúng tôi mắng Đàm :

– Chặc ! Anh không tin mặc anh, nhưng cứ ngồi yên đây !

Mọi người im phăng phắc chờ anh Đình nói tiếp. "Phi Nga" nóng nảy đòi ra lúc trước bấy giờ cũng ngồi đến tái xanh người đi. Anh chàng đã kéo hai chân lên ngồi xếp vòng trên giường và nắm lấy tay tôi thực chặt.

Đình lại kể tiếp :

"... Tôi liếc mắt sang bên trái không thấy gì hết. Lại liếc sang bên phải. Cũng không. Tôi định đọc nốt trang nữa, hết mục rồi thôi ; nhưng chữ sách không còn nghĩa gì nữa. Bấy giờ tôi mới thấy rợn, mới biết rợn. Tôi không đưa mắt như trước, quay hẳn đầu sang phía cửa, rồi ngược đầu nhìn thẳng lên cái bàn nhỏ kê sát đấy : con ma đang đứng ở đầu giường.

Phải. Con ma. Con ma đàn ông, hình vóc gầy gò y như người kẻ trộm mà họ kể chuyện với tôi bữa trước. Nó đứng yên một lúc lâu lắm, chỉ có cái đầu là ngoảnh nhìn hai bên, mà nhìn một cách rất thờ ơ, rất chậm chạp. Nó hiện lên ngay trước lối cửa vào, cách đầu giường tôi độ hai bước. Ngọn đèn dầu chỉ để tôi trông thấy rõ cái mặt trơ trơ của nó với cái áo nâu cộc. Nửa mình dưới thì mờ tối như trong bức ảnh bán thân.

Lạ một điều là rợn với sợ của tôi lúc ấy đi đâu mất cả. Tôi thấy mình thản nhiên lắm. Nói đùa mà chơi, giá phải là ma thiếu nữ, hay là hồ tinh như trong *Liêu Trai* nữa, tôi sẽ sẵn lòng ngồi lên nói chuyện cho đỡ buồn. Nhưng trông cái vẻ mặt lạnh lẽo khô khan của bác này thì hết muốn. Quyển sách tôi vẫn cầm ở tay, gió thổi giờ quá mất bốn năm tờ. Tôi rủa lên một tiếng Tây : "Sapristi !" ⁽¹⁾. Ngảnh lại con ma đã tan mất.

Hết đêm ấy tôi ngủ chập chờn lắm ; vì trên gác, từ nhà trong ra nhà ngoài cứ thấy lịch kịch những tiếng khuôn bàn kéo ghế luôn. Một lần tôi định quát lên một câu rất to : "Có để cho người ta ngủ không !". Nhưng bỗng khanh khách bên tai có tiếng cười giòn lẩn với tiếng rên. Tôi nín hơi nghe xem. Thì ra thằng nhỏ nó cười trong mộng.

Sáng hôm sau tôi nói chuyện đó với thằng Ngộ và đi xem xét mọi nơi : chẳng thấy cái gì lạ hết. Những thanh với những phiến gỗ cất dở chỗ nào vẫn nguyên chỗ ấy ; cửa trên nhà với cửa dưới đóng rất cẩn thận, còn cửa sổ tuy đang chữa cánh, nhưng có chắn song.

(1) *Sapristi* : tiếng rủa thân mật.

Tôi còn thấy con ma hiện lên đêm hôm sau. Rồi lại đêm hôm sau nữa. Rồi mãi thế đến hơn hai tuần lễ. Rồi một đêm kia thấy im. Cái nhà tôi ở đây chỉ khác mọi nhà thường là duy có một mình tôi dám ở. Cũng có đêm trời âm u mưa gió, "người khách" ở chung với tôi tính khí không được ôn hòa. Nhưng tôi không để ý gì. Mà hề tôi không ngủ được vì thấy hấn đứng ám tôi, hay vì tiếng "dọn nhà" suốt đêm thì tôi chỉ nói một câu : "Làm vừa vừa chứ, người ta mai phải dậy sớm làm việc kia mà !" hay quá lắm, bắt chước hôm đầu : "*Sapristi !*" một tiếng rất lớn thế là hết.

Ở với nhau đã năm rưỡi nay rồi mà không có điều tiếng gì cả. Lâu dần thành ra tôi hiểu được tính hấn, mà như hấn cũng hiểu được tính tôi. Chúng tôi cùng thích yên lặng như nhau. Không muốn ai đến quấy rối.

Các anh đến đây tập diễn kịch, bởi chỉ ở dưới này, lại là bạn tôi, nên con ma không "nói" gì cả. Nhưng thử người khác đến thử xem".

*

* *

Sau câu chuyện, anh Đàm là người nói lên trước hết :

– Khéo đấy, anh bịa đặt ra khéo đấy. Nhưng chỉ có anh với bọn non gan này là tin thôi. Đời thuở nào lại...

Tôi lườm Đàm :

– Anh, ở đời anh chỉ có hai việc, là phá hoại với hoài nghi thôi.

Đàm nhún vai cười :

– Với khôi hài nữa chứ !

Cả anh Đình cũng bật lên cười với chúng tôi.

Rồi Đình nghiêm sắc mặt dặn dò chúng tôi đừng ai lên gác làm gì, chỉ để một mình anh ta ngủ trên ấy thôi ; cũng đừng nên sợ hãi gì và nhất là đừng tìm cách trêu ghẹo "hấn".

Đoạn anh Đình chào chúng tôi mà lên gác.

Bấy giờ đã quá nửa đêm. Cái bóng trắng xuyên thẳng vào giữa nhà ban này, lúc ấy đã thu ngắn lại và soi chệch vào một bên tường.

Đình trước khi đi qua cửa ngách lên cầu thang, toan đóng cửa ngoài lại, nhưng tôi bảo cứ để yên cho mát.

Đình lên gác rồi, chúng tôi thì thảo bảo nhau :

– Thăng cha bạo khiếp !

Rồi tắt đèn, tắt nến bảo nhau đi ngủ.

Tôi đang cố im lặng để chờ giấc, thì thằng Trường là một người bạn đóng vai con Nhài, bỗng nói :

– Anh Lịch ạ, tôi không ngủ được.

– Thì thức !

– Ủ, nhưng tôi không muốn nằm đây mà nghe các anh ngáy đầu.

Tôi nói :

– Thì bịt tai lại. Hay là... đi nói chuyện với ma.

Anh Đàm nằm trên bàn phi lên cười :

– Con bé cái Nhài này gớm thực, bây giờ lại dám ra mè cả ma nữa !

Đàm vốn là người vui vẻ nhanh nhẹn và lỗ mãng. Anh đóng vai thằng Quýt trong vở kịch của chúng tôi.

Trường nghe thấy tiếng anh ta, mắng át một câu rồi lại ghé vào tai tôi nói :

– Đây, anh ạ, tôi... muốn lên gác.

– Hử ? Lên gác ?

– Phải. Tôi muốn lên gác nằm với anh Đình... Không nhân dịp này để xem thực hư còn chờ lúc nào. Tôi muốn thấy ma lắm... Mà tôi không tin hẳn câu chuyện anh Đình nói.

– Thế nhưng mà...

– Không ! Anh đừng can tôi.

Nói rồi vùng đứng xuống đất. Tôi chưa kịp giữ thì Trường đã chạy ra giữa nhà. Tôi gọi lại, Trường đáp :

– Anh cứ để mặc tôi.

Bấy giờ tiếng cười nói được thể nhao nhao lên, người hỏi câu này, người chế câu kia, vì các bạn tôi ai cũng còn để tâm đến câu chuyện ma, chưa ai ngủ được. Anh Tú thì cứ thở dài, nằm co ở một bên tôi, chép miệng hỏi :

– Khiếp ! Lại còn cái gì thế nữa ?

– Dạ thưa cô – lời Đàm nói – con Nhài nó phải lòng ma đấy ạ !

– Khiếp anh Đàm nói những câu tợn quá !

Một anh nằm trên ghế nói :

– Bây giờ là mấy giờ rồi còn pha trò ?

Mấy người bạn hỏi tôi sao để anh Trường lên. Tôi chưa trả lời thì có người cho là con ma quấy rầy. Đàm nói :

– Không phải là ma rầy. Anh ấy muốn làm mặt bạo đi xem ma đấy chứ gì ? Nhưng làm quái gì có ma ? Các anh cứ để yên, tôi sẽ giả làm ma trừu cho một mẻ mới được.

Nói rồi chống tay ngồi dậy, đứng xuống đất, đi chân không lần đến bên ghế lấy một cái áo đen mặc vào mình.

Một anh can :

– Này anh Đàm ! Anh Đình đã bảo đừng làm rầy rà ra, lại còn không nghe...

Lúc ấy anh Trường đã lên khỏi cầu thang. Tôi nghe thấy tiếng quẹt diêm ở gian nhà ngoài trên gác nên bảo mọi người đừng nói nữa. Anh Đàm đứng gài nút áo. Một người bạn ngồi dậy rồi tắt cả đèn theo.

– Này anh Đàm ! Đã bảo thôi mà...

– Thôi anh Đàm, đừng nghịch nữa !

– Anh Đàm bướng quá ! Chỉ hay phá rối thôi. Không khéo ma nó bóp lè lưỡi ra mới biết hời.

Câu sau cùng là của anh Duyệt. Đàm trả lời :

– Bấm quan lớn, vàng ạ. Con sẽ biết hời khi nào ma của ngài đến bóp lè lưỡi con.

Nhưng không ai muốn cười vì câu pha trò không gặp lúc.

Chúng tôi can mãi cũng không được, sau phải để Đàm lên. Vả lại, xin thú thực, trừ có anh Tú, ai cũng muốn biết câu chuyện ma là có thực hay không. Anh Tú bó gối ngồi bên tôi phàn nàn. Còn thì không ai nói câu nào cả.

Ngoài bậu cửa, chỉ còn một nét ánh sáng trăng mỏng mảnh. Trên dải đường trắng xóa chạy ngang trước nhà, không có một bóng người nào qua lại. Chúng tôi yên lặng nhìn nhau. Trông cái lũ người ngáy ra trên tấm phản trong đám tối kia có một vẻ đến kỳ khôi. Chúng tôi đều có một thứ cảm giác ghê rợn và lo ngại.

Tôi vừa nóng ruột vừa lo sợ cho cả hai người bạn tôi.

Anh Tú ra dáng không nhận được bức tức, lăm lăm nói :

– Đùa gì lại đùa tình quái thế ? Anh Đình đã bảo con ma ấy mà treo vào nó thì nó không để yên cho đâu.

Tôi quàng tay bá vai Tú để yên ủi vuốt ve vì tôi yêu Tú như một cô em gái nhỏ.

Mọi người nín im thin thít. Bỗng Tú kéo tay tôi bảo khẽ :

– Này nghe !

Quả nhiên trên đầu chúng tôi có những bước chân bắt đầu đi. Bước chân đi ngày một thêm nặng : bịch, bịch, bịch !

Rồi im.

Rồi lại bước liền : bịch, bịch, bịch !

– Tiếng chân anh Đàm hẳn ? Nhưng sao bước lạ lùng thế ?

Im một lát. Rồi lại bước nữa ; lần này bước mạnh và nhanh.

Rồi bỗng dung như thấy đá đổ ở lưng chừng núi xuống một lượt : đó là những bước chân chạy nhanh và mạnh một cách dữ dội ở trên cầu thang.

Tôi vội gọi các bạn đến bên cái cửa ngách đón anh Trường cho khỏi sợ, vì chắc chỉ là anh Trường bị Đàm nhát.

Tiếng chân chạy đến giữa cầu thang thì ngừng.

Rồi lại rầm rầm chạy xuống.

Rồi, từ cái cửa ngách tối đen, một bóng người chạy ra níu lấy tôi mà gọi không ra tiếng. Ánh trăng không đủ sáng đến chỗ đó. Trong lúc bối rối, tôi chưa rõ ai. Người kia bám chặt hết sức lấy tôi, vừa cố nói vừa rên : "...M...m...a ! M... ma ! Tôi... thấy ma ! ". Rồi nín lặng.

– Làm sao không phải tiếng Trường ?

– Ai ?

– Thế Đàm đâu ?

– Sao ? Sao ?

– Thấp đèn lên !

Bằng ấy tiếng nói lên cùng một lúc.

Một người bạn thấp đem lại một cây nến, soi vào tận mặt người ấy, thì ra anh Đàm.

Đàm mặt cắt không ra máu, mắt mở, con ngươi như lồi ra ngoài. Anh thấy chúng tôi và ngọn nến mới định được trí. Nhưng cái tay vịn tôi vẫn còn run lẩy bẩy, mà chực nói thì chỉ nghe thấy tiếng răng va nhau.

Tôi đỡ vững lấy bạn rồi gọi :

– Anh Đàm ? Anh Đàm ! Anh Đàm !

Đàm lắc đầu "Hử !" một tiếng. Mắt mở, nhưng không có tinh thần.

– Anh Đàm ! Tỉnh chưa ?

– Rồi !

– Thế nào thế !

– Thế này !...

Anh ta đứng hẳn lên, nhìn lại đằng sau rồi bảo :

– Nó sắp xuống đấy !

– Ai ?

– Con ma !

– Con ma ? Có ma thực ư ? Sao thế ? Trường đâu ?

Đàm thưa :

– Để yên tôi nói... Trường còn ở nhà trong... nằm với Đình... Không biết có biết không... Tôi... ở ngoài này... định đi... vào nhà trong... để...

– Thở đi rồi hãy nói !

Đàm thở mạnh một cái rồi lắc đầu :

– Tôi định vào nhà trong... định gãi chân kéo tay Trường... Nhưng bỗng trông ra cửa sổ phía ngoài đường... thì... thấy "nó". Nó ! Con ma ấy ! Nó đi lại gần tôi. Tôi lùi nó tiến. Tôi đứng, nó đứng. Rồi nó cứ lừ lừ như quả núi áp lại gần tôi. Tôi hoảng lên chạy thì nó đuổi. Suýt nữa nó vớ được tôi. Tôi liền chạy xuống thì nó cũng làm mặt chạy theo... Nó sắp xuống đấy.

Đàm ngừng một lát, trông tôi rồi lại nói, mặt anh ta có một vẻ đặc biệt.

– Phải. Thế nào nó cũng xuống... Cứ nghe xem.

Bấy giờ chúng tôi đứng ngay trước cửa ngạch lên gác. Theo lời anh Đình thuật, chỗ này là chỗ mấy người cảnh sát bấy vác ra để xông lên. Anh Đình đem sửa lại để làm lối lên cho tiện.

Ngọn nến ở tay anh Thành cử động chập chờn soi vào sáu bảy cái mặt kinh dị.

Chúng tôi vừa nhìn cái cửa ngách tối om vừa lắng tai nghe.

– Đây này... Nghe xem.

Đó là tiếng Đàm mách.

Từ đầu thang gác, hình như những bước chân không đang xuống. Xuống một cách rất thong thả - rất chậm chạp mới đứng ; mà càng xuống càng chậm thêm.

Thang gác này đã cũ, nên dưới mỗi bước chân, bậc thang lại kêu cọt kẹt... Đi tới giữa chừng thì con ma ngừng bước. Tôi có cái cảm giác như nó đang nghĩ ngợi gì thì phải.

Đợi đến chừng một phút rất lâu, không thấy động, chúng tôi đã tưởng con ma trở lên.

Ngọn nến cứ nhỏ giọt xuống tay anh Thành mà anh ta vẫn không biết. Lúc ấy anh Thành lựa đứng ở một bên cửa để tránh luồng gió cho lửa nến cháy thẳng khỏi bập bùng. Anh Đàm thì đứng bên kia. Anh ta nghe tiếng chân ở cầu thang như nghe giờ chịu tội. Nhưng có chúng tôi ở đó nên cũng đỡ lo.

Cầu thang lại bắt đầu kèn kẹt kêu : bước chân nhận lên bậc ván cứ dần dần gần xuống. Tôi nghe rành rẽ lắm : Một bậc... Hai bậc... Ba... Bốn... Năm.

Còn gần một chục bậc nữa thì xuống tới nơi.

Bước chân chậm đi, nhưng không ngừng nữa :

Một... hai... ba... bốn... năm.

Một luồng gió lạnh đưa ra. Sau bậc ván mỏng ngăn chúng tôi với cuối cầu thang, tôi đoán thấy hình tượng một người đang nghe ngóng. Chúng tôi thấy máu trong mạch như chảy chậm lại, cùng nhau đứng lặng như hình nhân. Rồi không đầy mười giây đồng hồ từ trong cái khung đen chữ nhật cao hơn đầu dần dần hiện ra một người, không : một thân hình người ; không : một cái thầy người biết cử động ! Đầu tóc lơ thơ, khuôn mặt hốc hác, nước da xanh nhợt ; ánh nến chiếu rõ ràng vào trán nó, lên cái sống mũi dài của nó, lên lưỡng quyền nó ; lên hai má hóp vào sâu và tối như thủng ; hai mắt nó mở nhưng đục lờ lờ, nhìn thẳng vào chúng tôi.

Tôi đứng bên trái anh Thành, anh Thành đứng ngay cạnh nó. Tôi nghe tiếng nó phì phò thở rất chậm chạp, thở như người mệt mỏi. Ngực nó như

một cái lồng xương phủ chiếc áo nâu nhạt, theo hơi thở mà sẽ nhô lên và lép xuống.

Tôi cứ muốn đưa tay ra sờ vào người con ma, nhưng chưa dám, vì giữa nó và tôi có anh Thành.

Tôi định men đến gần, thì bỗng có ai bấm vào tay tôi. Đưa mắt lại xem ai thì tôi thấy là anh Tú. Tôi không biết Tú vớ được cái tay thước ở đâu và từ lúc nào để nhét vào tay tôi. Mặt anh chàng tái mét ; nhưng có lẽ cái sợ quá chừng thường dẫn đến cái táo tợn.

Tôi hiểu ý anh Tú, nên nắm chặt lấy cái tay thước gỗ. Nhìn vào con ma thì vẫn thấy mặt nó điềm nhiên. Từ lúc nó hiện ra chưa đầy nửa phút.

Anh Tú cứ lấy tay bấm tôi ra ý thúc giục.

Tôi liền định trí lại, chọn một chỗ tốt trên đầu con ma để rồi đánh lên một cái hết sức bình sinh.

Con ma lúc ấy thở mạnh quá, ngọn nến tạt mãi về một bên. Tôi mồm môi vào, lựa trước lối đi của cái tay thước thì ngọn nến bỗng vụt tắt... Tôi liền nhắm mắt nện một cái rất dữ lên cái trán, tôi nhắm sẵn. Mọi người xông xáo cả lên.

Tức thì một cái bóng đen dậm dẫu chạy đến giữa nhà rồi nằm gục xuống. Tôi nhìn vào nó không rời mắt, vì tôi quyết đó là bóng con ma. Bỗng thấy nó ngồi lên, vừa quần quai rên vừa chắc lưỡi.

– Hừ... tôi... chết... rồi... Tôi... chết... mất... !

Thế rồi im.

Tiếng anh Tú hỏi tôi :

– Đèn bấm của anh đâu ?

– Để trong ngăn kéo.

Duyệt lại hỏi :

– Nến đâu thế ?

Thành đáp :

– Đây.

– Sao không thắp lên ?

– Tôi còn tìm bao diêm không biết rơi đâu mất.

Đến lúc có lửa sáng, chúng tôi đổ xô lại, thì cái bóng đen kia lại là anh Đàm.

Chúng tôi không kịp ngạc nhiên, vội vực Đàm lên phản. Rồi người thì thắp đèn thêm cho sáng, người thì xé áo buộc vết thương. Đàm nằm yên, không biết gì hết.

Cũng may mà vết thương không đến nỗi nguy đến tính mệnh, vì không trúng giữa đỉnh đầu. Nhưng tôi vẫn rung mình và ngậm ngùi hoài. Không ngờ con ma ăn trộm kia lợi dụng chính tay tôi để hại người đã trêu ghẹo nó.

Anh Duyệt toan đi gọi Trường với Đình thì vừa lúc hai anh nghe tiếng ồn ào cũng xuống tới nơi.

Trông cái vẻ kinh ngạc của hai anh, chúng tôi mới hiểu rằng Đàm lên gác mà Trường và Đình vẫn không biết gì. Đình lắc đầu :

– Thì tôi đã bảo mà, trêu vào nó làm gì ?

*

* *

Việc diễn kịch của chúng tôi, vì vết thương của anh Đàm, phải đình lại gần nửa tháng⁽¹⁾.

(1) Lời ghi cuối truyện : Truyện này thuật theo lời Nguyễn Quân Hiệp, một người bạn của tác giả.

THẦN HỔ

Tác giả : Tchya (1908 - 8.VIII.1968). Tên khai sinh là Dải Đức Tuấn. Bút hiệu khác là Mai Nguyệt. Người xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Đỗ bằng Tú tài. Trước 1945 từng nhiều năm làm Tham tá ở Nha học chính Đông Dương. Viết cho các báo Đông Tây, Nhật tân, Tiểu thuyết thứ Bảy. 1946 tham gia Việt Nam Quốc dân đảng, sau đó bỏ sang Trung Quốc. 1947-1968, sống ở Hà Nội, rồi vào Sài Gòn, dạy học và viết báo. Từng tham gia Trung tâm văn bút Sài Gòn và đi dự hội nghị Trung tâm văn bút thế giới ở Tôkyô, 1957.

Tác phẩm chính :

- Thần hổ (Hà Nội, 1973)
- Linh hồn hay xác thịt (Hà Nội, 1938)
- Kho vàng Sầm Sơn (Hà Nội, 1940)
- Ai hát giữa rừng khuya (Hà Nội, 1942)
- Đầy voi (Thơ, Hà Nội, 1943)

Thần hổ là tập truyện dài gồm 3 chương, có tính cách 3 truyện ngắn tương đối biệt lập : Biệt cố hương, Ma trành, Báo phục đăng trên Phổ thông bán nguyệt san, số 10, ra ngày 1 tháng Chín năm 1937. Tác giả tiếp thu những cốt truyện truyền kỳ trong sách cũ, phối hợp với nhiều mẫu chuyện ly kỳ được lưu truyền trong nhân dân các huyện miền núi Thanh Hóa khoảng ba bốn thập kỷ đầu thế kỷ XX, tạo nên một câu chuyện rừng rợn với không ít tình tiết thần bí hoang đường. Có thể coi đây là kiểu truyện phỏng truyền kỳ hiện đại tiếp sau Giật mình tỉnh dậy, Lan rừng của Nhất Linh, và Trại Bỏ Tùng Linh, Vàng và máu,... của Thế Lữ.

225. THẦN HỒ

BIỆT CỐ HUƠNG

I

Người ấy không phải là một người Mường. Nhưng họ hàng anh ta di cư lên ở huyện Thạch Thành⁽¹⁾ đã khá lâu, nên dần dà, chịu ảnh hưởng của thủy thổ, của hoàn cảnh, của phong tục, người ấy cũng hóa ra Mường.

Tên anh ta là Lâm Khăng. Đèo Lâm Khăng.

Chả biết trước kia, ông tăng tổ khảo anh ta họ gì - xem trong gia phả nhà Lâm Khăng chỉ thấy chép dòng họ anh ta vốn nòi người "dưới chợ", - song vì đâu Lâm Khăng mang một tính danh Mường, cái đó anh ta không rõ. Có kẻ bảo - kẻ ấy là ông nội Khăng - : họ Đèo xưa kia là họ Trịnh ; một chi nhánh họ Trịnh, - sau khi nhà Trịnh bị nạn diệt vong là chúa Trịnh Khải⁽²⁾ cắt cổ tự tận, sợ quân Tây Sơn⁽³⁾ lùng bắt nên vội vã chạy vào Thanh Hóa, lên ẩn nấp trên miền thượng du, và đổi tên họ để khỏi lo hậu hoạn. Đây chỉ là một lời phỏng đoán, song lời phỏng đoán đó có nhiều lẽ khiến ta phải tin là đúng sự thực. Sở dĩ gia phả họ Đèo không chép dòng họ đó là dòng quý phái, là họ Trịnh cải đi, bởi lẽ những tổ tiên Lâm Khăng sợ có kẻ thù theo đuổi nã tróc, không dám lộ chân tính, phải giữ bí mật hồng bảo tồn lấy dòng dõi sau này.

Từ năm sáu đời nay, họ Đèo an cư lập nghiệp trên một chiếc đồi con, thuộc về huyện Thạch Thành. Chỗ đó phần nhiều là rừng núi, ít người kinh

(1) Thạch Thành : thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) Trịnh Khải : chúa Trịnh Đao Nam vương, làm chúa 1782 - 1786.

(3) Quân Tây Sơn : chỉ quân sĩ của Nguyễn Huệ khi ra Bắc Hà.

thành đến ngu, chỉ toàn có dân Mường sinh hoạt mà thôi. Đáng lẽ Lâm Kháng cũng theo ý chỉ tổ tiên, không bao giờ rời bỏ nơi đã chôn rau cho chằng, nhưng chằng hiện nay đương bị một kẻ thù độc ác dữ dội theo đuổi, chằng không thể yên thân được nữa, bắt buộc phải bỏ làng lên tỉnh thành nương nấu ngô hầu tránh sự hiểm nghèo.

Nếu kẻ thù của Kháng là người, thì chằng đã không sợ lắm ; sức chằng khỏe mạnh và chằng lại thông minh, tự lượng mình có thể đối chọi với đồng loại được. Tiếc thay kẻ kia không phải là người : nó là một con vật, một con hổ đã thành tinh, mà dân huyện Thạch Thành kinh sợ như một vị thiên thần tái thế. Không nhà nào không đặt hương án thờ con hổ đó : người Mường nào cũng tin rằng hễ thờ nó, nó sẽ không làm hại đến, và sẽ phù hộ cho làm ăn, cày cấy, được phát đạt dễ dàng. Mỗi năm bốn kỳ, họ mua trâu, dê, bò, lợn, đem vào rừng cúng tế, rồi trói những con vật sống, bỏ nơi sườn núi vắng cho con hổ kia đến tha về tổ ăn dần. Tín ngưỡng của dân Mường, tuy vô lý, nhưng dựa vào kinh nghiệm : họ xét rằng, năm nào, vì sao nhăng, dân làng không cúng vái hoặc mua lễ vật biếu Thần hổ, năm ấy tự nhiên mất mùa và hay có thiên tai. Bởi lẽ đó họ thờ phụng con hổ sống kia như thờ một vị Thành hoàng, tuyệt nhiên không ai dám cả gan ngạo mạn hay láo xược với nó.

Họ tin rằng những con cộp thường là những vật "thiên lý nhĩ", nghe được ngàn dặm, ai nói gì động tới chúng nó, chúng nó đều biết cả. Nhưng trời lại phú cho chúng cái tật hay quên, hễ đụng tai vào một cành cây, vào một chùm lá, là quên bằng hết, không nhớ gì nữa. Duy có Thần hổ thì không thế.

Thần hổ hiểu hết, biết hết, nghe thấy hết.

Ai nói gì động đến nó, nó báo thù ngay. Láo xược vừa vừa, thì nó bắt một con lợn hay một con bò cho biết tay ; chửi rủa hay khinh nhờn nó quá, nó sẽ rình vả cho, rồi cắn chết. Nó là một con hổ xám, da không vàng như da các hổ khác. Nó lại to hơn các vật đồng loại, mình nó thì vằn trắng và đen. Trên trán có lượt bờm lông trắng xóa ; hai mắt sáng quắc như điện, vuốt dài và rất nhọn, tiếng kêu lại lạnh lạnh như chuông, không trầm trầm vắn đục như tiếng gầm của các hổ vàng. Đồn rằng tai nó thường vểnh lên lắng nghe thiên hạ bàn tán về nó : trong lỗ tai nó có hơn trăm vết đỏ ; chứng rằng nó đã ăn thịt hơn một trăm người. Phàm giả trong loài hổ, tục truyền rằng mỗi lần bắt được một người, trong tai lại thêm một vết đỏ ; con nào bình sinh gồm

được đủ trăm vết, thì sẽ được thành tinh, và nếu có phúc phận, sẽ sống lâu đến vài trăm tuổi. Từ sắc vàng, hổ yêu sẽ thay lông ra sắc xám, khi nào sắc lông trắng toát, ấy là lúc được làm chúa các loài hổ trong rừng.

Lâm Khăng, không may, là một kẻ thù của Thần hổ xám. Vì thế, chàng không dám ở lại Thạch Thành nữa, phải bỏ quê hương đi trốn nạn ở phương xa. Mối thù của Lâm Khăng đối với hổ xám, cũng như mối thù của con quái vật ấy đối với chàng, là một mối tử thù, một mối thù "bất cộng đái thiên". Nguyên nhân mối thù đó rất lạ lùng bí hiểm.

Con hổ xám kia ngày nay chột mắt một mắt, và – xin lỗi các bạn đọc giả - bị cụt mất dương vật. Sở dĩ nó hóa ra tàn tật, cũng bởi tổ phụ Lâm Khăng, một nhà thiện xạ giỏi săn bắn, đã làm cho nó trải qua một phen "thập tử nhất sinh". Câu chuyện này kể ra rất dị kỳ, mà cũng tức cười vỡ bụng. Nguyên quan huyện sở tại cùng phu nhân là một đôi vợ chồng mộ đạo, hay đi lễ bái ở các đền chùa. Gần huyện Thạch Thành có Phố Cát⁽¹⁾ là chỗ thờ tự rất thiêng, mà phong cảnh lại ngoạn mục. Nhưng đường đi sang Phố Cát rất gập ghềnh, hiểm trở, thuở xưa đường chưa mở rộng cho xe cộ và ô tô qua lại, nên đường bộ phải đi ngựa, đi cáng và đường thủy phải đi thuyền. Một lần cùng phu nhân sắp tới Phố Cát, quan huyện bị một phen kinh hồn táng đờm, vì giữa đường, cách cáng ngài cùng cáng phu nhân độ hơn mười bước, một ông "ba mươi" ngồi chễm chệ vẫy đuôi chơi. Con hổ ấy lại rất lớn, da nó nửa vàng, nửa xám trông rất đẹp, nó ngồi trên một chiếc cầu nhỏ bắc ngang qua suối, quay lưng lại phía quan quân. Quan huyện lúc bấy giờ lưỡng cuống không biết làm thế nào. May sao có một tên lính lệ can đảm, bảo phu đồ lại rồi vội chạy vào bụi chặt một cây vầu dài và lớn, vặt cho hết lá và cành nhỏ, dùng cây vầu ấy làm một ngọn roi để quát vào đít hổ. Đánh đuổi hổ như thế là một sự rất nguy hiểm, vì lỡ ra, nếu hổ ngoái đầu lại trông thấy người, tất điên tiết lên xông vào vồ, thì có kẻ thiệt mạng. Vì thế quan huyện bèn nghĩ ra một chước lạ ; ngài cho hai tên lính khiêng trống cái đứng lên mé trên (quan đi đến đâu vẫn thường có tiền hô hậu ủng), rồi một tên nữa cầm dùi trống đợi sẵn. Xong đâu đấy, kẻ cầm cây vầu vác roi rón rén lại sau lưng hổ. Còn cách độ năm sáu thước tây nữa, kẻ ấy giơ thẳng tay giáng vào lưng mãnh thú một roi. Liền lúc ấy, ba tiếng trống kinh thiên động địa làm cho hổ phải giật mình kinh khủng,

(1) Phố Cát : thuộc huyện Thạch Thành.

không có thì giờ quay đầu trông lại, chỉ kịp nhảy chồm lên rồi cúp đuôi chạy thẳng vào rừng.

Thế là quan huyện thoát nạn. Nhưng cách đấy mấy tháng sau, ngài một mình cưỡi ngựa sang Phố Cát, đến gần chỗ đầu cầu, lại vẫn gặp con hổ cũ ngồi chắn ngang đường, trên dòng suối. Ngựa thấy hổ cuống lên rúc đầu vào bụi, chân sau cứ đá ngược lên, suýt nữa làm ngã quan huyện. Lần này quan đi không có nhiều lính theo sau hộ vệ, không có chiêng trống như mọi khi, nên bất đắc dĩ quan phải quay ngựa, rồi phi nước đại, trở về. Quan gặp phải hai lần sợ hãi nên lấy làm tức bực ; không những tức, còn sợ thay cho tính mệnh nhân dân. Ngài bèn đem chuyện ấy kể lại cho một ông bạn thân của ngài, nhà thiện xạ Đèo Văn Bình.

Ông Bình vốn là một nhà hào phú trong huyện. Vừa có óc thông minh lỗi lạc ông vừa có sức khỏe hơn người, và ; thêm nữa, ông thạo đủ các môn võ nghệ, lại lành nghề săn bắn những ác thú trong rừng. Nghe quan huyện phàn nàn về nỗi hổ hay chặn đường lên Phố Cát, ông Bình tình nguyện làm mất hẳn sự nhùng nhể ấy đi. Rồi ông cáo từ lui ra.

Về nhà, trước tiên ông cho gia nhân đi dò xem con hổ kia hay đến ngồi trên cầu vào khoảng giờ nào, và nó đến đấy để làm gì. Nửa tháng sau, tên đầy tớ về báo rằng con mãnh thú ngày nào cũng đến ngồi trên dòng suối, ngoảnh đầu về phía núi trước mặt, từ cuối giờ Mùi đến quá giờ Dậu. Nó đến đấy, cốt để rình một đàn sơn dương ẩn nấp trên đỉnh núi, thường hay lờn vờn xuống chân núi kiếm ăn và xuống suối uống nước lúc mặt trời sắp lặn.

Biết rõ ràng như thế, ông Bình bèn nai nịt gọn gàng, vác súng đi sang Phố Cát.

Gần đến chỗ hổ phục, ông lên một gò đất cao, ẩn mình trong bụi rậm, ngồi rình. Quả nhiên đến cuối giờ Mùi, con hổ từ từ tiến lại bờ khe, bước lên cầu, ngồi chễm chệ nhìn lên sườn núi. Ông Bình ngồi cách con ác thú ấy chừng non hai mươi thước tây, nó không trông thấy ông, vì nó nhìn về phương bắc mà ông nấp ở phương tây. Nếu ông bắn, hòn đạn sẽ trúng nó dễ dàng, nhưng chỉ xuyên vào mang tai, vào cạnh sườn hay mạng mõ. Khẩu súng hỏa mai ông đeo trên vai không phải là súng tốt, bắn đến ba mồi cũng chưa chắc đã giết được hổ nếu những viên đạn không trúng vào các chỗ hiểm ở trên đầu. Có bắn cũng chỉ tổ làm cho con vật hăng tiết, nhảy xổ lại chỗ ông ngồi để cấu xé ông. Chỗ ấy không có cây to, chỉ toàn

những đám sậy thấp. Thế đất đã không được lợi, mà loài hổ kia lại là một con thú to lớn, mạnh mẽ vô cùng. So với các hổ thường, nó phải liệt vào hàng chúa tể, vì thân hình nó trông lực lưỡng và béo tốt hơn những vật đồng loại của nó nhiều. Đến lông lá nó cũng khác. Nó tất phải là một con hổ đã già, đã lão luyện, bởi lẽ lông nó gần xám cả, không vàng như lông các hổ thường. Suy đi tính lại, ông Bình không dám hạ thủ ngay, ông đi bắn đã sành nên biết rằng đối với một con cọp gần thành tinh (như con cọp ông định giết), ông phải cẩn thận lắm, phải dùng mưu kế và thủ đoạn mới có thể mong toàn thắng được. Kẻo nếu lỡ tay, đã không hại được nó, mà chỉ tổ làm cho nó thù ông, tìm cách hại ông và họ hàng nhà ông nữa. Như những người Mường khác, ông Bình tin rằng giống cọp thiêng lắm ; nó cũng như voi, như rắn, biết nhận được kẻ hại mình, rồi đối với kẻ ấy, hoài bão một mối thù rất sâu xa và tàn ác, thế nào cũng tìm cách hoặc tìm dịp báo thù cho kỳ được mới nghe. Bởi thế ai lỡ phạm đến oai hổ - nhất là Thần hổ xám vừa linh, vừa lắm mánh khéo hại người - ắt sẽ bị con ác thú ấy thù rất sâu, và làm cho phải chịu nhiều nỗi thương đau điều đứng.

II

Nghĩ vậy, không dám đánh bạo bắn hấp tấp, ông Bình đành nén giận, lùi thúi vác súng trở về. Về đến nhà, ba ngày ba đêm, ông mất ăn mất ngủ ; không phút nào ông không nghĩ kế trừ mối hại to cho dân hàng hạt được bình yên. Mãi đến ngày thứ tư, một buổi sáng sau khi ngắm nghía hết sức kỹ càng địa thế của trường đấu chiến, sau khi đứng trên bờ suối nhìn kỹ tám cầu tre đến hơn mười lượt, ông Bình mới vỗ trán một cách sung sướng và đắc chí : ông đã tìm ra được một kế tuyệt diệu, phi thường.

Vội về nhà, ông cho gọi con trai lớn của ông là Đèo Thắng Mãnh, một trang thiếu niên khôi ngô tuấn tú, lực lưỡng và đỏ xạm như đồng đen. Ông Bình thì thào vào tai con mấy câu ; cậu cả Mãnh nghe xong thì phớn phở ra đi, vừa đi vừa cười tủm tỉm. Ông Bình lại gọi đứa con rớt của ông - ông vốn chỉ có hai con trai, không có con gái - là Đèo Lâm Phá, cũng to lớn lực lưỡng như anh, năm ấy mới hai mươi một tuổi. Ông dặn Phá vài lời quan trọng, thấy Phá cũng hớn hờ ra đi. Xong đâu đấy, ông thay quần áo, mặc một bộ y phục màu lam, bó chèn lấy thân thể ; ông lại vào lục dưới đáy hòm bọc (tức là cái giường vừa dùng làm rương để đồ đạc) lấy ra ba con

mã tấu ngắn, đem mài sáng quắc, rồi ông quấn một vòng khăn đầu riu, thắt một chiếc dây lưng màu đỏ sặc sỡ, xỏ chân vào một đôi giày Tàu tết bằng cỏ ; ông lại lấy ra một chai nước gì không hiểu, đổ nước vào bát, xoa hai ba lần vào bàn tay, cánh tay, cổ tay và xoa lên mặt. Sắm sửa cẩn thận xong xuôi, ông Bình rút trên liếp một cái tù và bằng sừng trâu, thổi lên một tiếng to, rồi buộc tù và bên cạnh sườn. Tức thì ở nhà dưới vội chạy lên một người ăn mặc một cách lạ lùng vô kể. Người ấy trông như một hình nhân bằng rơm hay bằng cỏ, như một thứ bò nhìn to lớn hơn người thường, và cử động rất lạnh lẹn. Người đó toàn thân mặc một thứ áo quần kỳ dị, làm bằng thùng cối, từng vòng tròn một xếp lên nhau... Ta cứ tưởng tượng thành người "Michelin"⁽¹⁾ mặc áo làm bằng bánh ô tô ta sẽ trông rõ rệt hình ảnh của người bò nhìn kỳ dị đó, nếu ta đem thay những bánh cao su tròn bằng những vòng thùng hoặc chảo. Người ấy chỉ để lộ ra ngoài có đầu, hai tay và hai chân. Cứ như lời thuật lại của Lâm Khăng sau này, thì người đó trong có mặc một lượt quần áo bông chần nữa, hóa nên trông to lớn như con bò mộng. Trên đầu, hắn ta bịt một vành khăn vải rất dày, che kín cả tai cả cổ, chỉ để lộ ra bộ mặt đen sạm, nhưng hồng hào, cương quyết vô cùng. Chân hắn ta cũng đi một đôi hài cỏ như đôi hài của ông Bình. Cũng như ông Bình, hắn thắt ngang lưng một chiếc thắt lưng sặc sỡ ; buộc vào chiếc dây lưng đó, mé bên phải, một cuộn mây rất dẻo và trông vẻ rất bền. Nếu ta không trông thấy hai con mắt rất tinh anh, rất sáng, và cái mũi rất có duyên, để lộ hàm răng trắng nuốt, thì ta không thể đoán biết người vạm vỡ ăn mặc lạ kỳ đó là ai. Nhưng lúc nhìn kỹ, nhận thấy nét mặt rắn rỏi, nước da mun trơn bóng và vẻ thông minh, sắc sảo từ trong đồng tử chiếu ra, ta biết ngay người đó là Đèo Thắng Mãnh.

Tiếng tù và thổi vừa dứt, Mãnh ở dưới nhà nhô lên, cùng ông Bình đi ra ngô. Duy có Lâm Phá thì không trông thấy tăm hơi đâu cả. Hai cha con Thắng Mãnh cùng lên ngựa đi về mé Phố Cát. Lúc ấy độ hai giờ chiều. Gần đến chiến địa, tức là chỗ cộp hay xuống, đến một quãng đường quặt trên sườn núi, hai cha con thấy một con dê bị buộc mõm treo trên cành cây cao, một quả gấc sắp chín, cũng buộc lủng lẳng vào cành cây ấy, và trên thân cây, một cái búa sắt cắm sâu vào gỗ. Tức thì, cả hai cùng xuống ngựa, đem ngựa giấu trong một cái hang gần đó, buộc vào chỗ kín ; rồi ông Bình trèo lên cây bắt con dê xuống, mang nó sang phía bên kia cầu, buộc chân nó

(1) Nguyên chú : hình người quảng cáo của hãng cao su Pháp Michelin.

vào một cái cọc cắm sát mặt đất, làm hình như nó bị vướng chân ở đó, lại mở dây trói mồm ra, thả cho nó kêu "be be" inh ỏi. Công việc vừa xong, ông Bình vội lùi vào trong bụi ngồi nấp. Thắng Mãnh theo cha, cũng nấp ở gần đó độ vài thước.

Đợi ngót nửa trống canh, vào khoảng giữa giờ Thân, một tiếng gấm inh ỏi, trong lanh lảnh như tiếng khánh, làm tạo hóa phải giật mình kinh hãi. Những loài chim chóc, đương ríu rít kiếm ăn, rào rào vỗ cánh bay đi chỗ khác, những loài chồn, loài thỏ vội chui rúc vào lỗ, không dám lộ đầu ra ngoài. Con nào vô phúc chạy bị vấp, thì đành nằm chổng ngược bốn vó lên trời, kinh khủng đến cực điểm, không lẽ đi được bước nào nữa, cứ đành nằm run lẩy bẩy mà liều với số mệnh.

Một mùi hôi thối nồng nặc, sặc sụa, xông lên mũi hai cha con họ Đèo, tựa hồ tất cả gấm không khí bao bọc khu rừng toàn bị mùi hổ làm cho nhơ nhớp. Một cái bóng lù lù từ phía Đông Nam đi lại, ở trong một bãi sậy nhô ra. Cái bóng ấy vươn mình mấy lượt ; mỗi một lượt duỗi tấ hình hài vừa dài vừa to lớn, là một lần cúi gấm mặt xuống đất, ngáp một cái dài. Rồi những tiếng "à uôm" vang trời nối theo những cái ngáp ấy. Hai cha con Thắng Mãnh nhận biết Thần hổ xám, con hổ đã làm cho cả huyện Thạch Thành kinh sợ hơn sợ Thánh, sợ Trời. Con vật đã làm cho nhân dân huyện ấy không lúc nào làm ăn mà không nơm nớp lo ngại. Hai cha con lại hiểu rằng tục truyền không phải toàn những lời sai ngoa vô bằng cứ. Phàm trong loài cạp, không con nào, lúc ngáp, dám ngẩng mặt lên trời. Bởi lẽ mồm cạp rất hôi ; tung hơi bắn lên mặt Thượng đế là một sự tối vô lễ ; những con mãnh thú trước kia vô ý làm như thế, đều bị Thiên lôi dùng lưới tầm sét đánh cho tan nát hình hài. Cho nên ngày nay, những con ác thú ấy, - nhất là hổ - rất sợ sấm sét, và không khi nào dám ngạo mạn tuôn ám khí lên mây nữa.

Nhưng đó là một phương diện khác. Lúc hai cha con họ Đèo thấy hổ xám tiến lại, cả hai cùng nép mình yên lặng, thu hết can đảm và nghị lực, ngồi chờ. Hổ từ từ vừa vươn vai vừa đi lại phía bắc, ngưỡn là lại mé đầu cầu. Bên kia cầu, trước mặt hổ, là một rừng cây rậm rạp mọc ven sườn núi, chỗ ẩn thân của hai cha con nhà thiện xạ. Gần đến cầu, hổ đứng dừng lại như bị một mãnh lực gì ngăn cản. Mãnh lực ấy là sự sung sướng bất được mồi, nó cũng là sự ngạc nhiên. Vì ngay trước cầu, dưới mắt hổ, một con dê rừng con, kinh khủng, đương nhảy cuống cuống nhưng không thể làm sao giật đứt được sợi dây trói buộc chân vào cọc. Nhảy lồm mẫm vẫn vô hiệu, tiểu sơn dương đành phủ phục chịu số mệnh trước mặt chúa sơn lâm, hai

mắt như van lơn, mồm tuôn đầy bọt dãi, trông rất thương hại. Hồ đứng yên hồi lâu, nhìn ngang ngửa như e ngại có kẻ lừa dối mình, rồi chú ý trông thẳng vào miếng quà ngon quý. Miếng quà ấy, chịu không nổi mãnh lực thôi miên của đôi đồng tử sáng ngời điện tuyến, mềm nhũn ra như một cái xác không xương. Hồ bèn tiến lại gần, giơ chân trước vả cho một cái, ngửi một lúc, rồi định tha mỗi quay trở vào bụi, ngồi thong thả gặm từng tý một cho hả cơn thèm thịt nồn nà. Nhưng, vả chết mỗi thì dễ, tha nó đi lại hơi khó một chút.

Bởi lẽ con dê kia bị vướng dây buộc chắc chắn chân sau vào cọc đóng sâu xuống đất đến non ba bốn gang tay. Hồ đành phải cắn chân dê cho gãy, bỏ chân vướng lại ngơ hầu ngoạm xác mang đi. Đương cầm cùi làm nốt việc cuối cùng ấy để được hưởng giờ khoái lạc thì, bỗng đâu, một vật gì rất kỳ dị tự trong bụi nhảy xô ra, bước qua cầu, vút vào mặt hồ một miếng quái gì không rõ, tròn như quả bóng mà xanh xanh đỏ đỏ, hay hay. Hồ giật mình, nhả mồi lùi lại phía sau, đứng giương mắt thời miên vật ấy. Vật ấy như không sợ đôi mắt long lanh của hồ, cứ sấn lại, nhặt lấy xác dê. Hồ vừa điên tiết, vừa tức nổi bị tranh mất mồi, nhảy chồm lên, xông lại vỗ con vật bất nhã ấy. Lại quá nhảy gần đến nó, thì con vật đó lại nhào đi, tránh né rất tài tình. Trông cái thân hình múp míp và tròn trùng trục như cối xay kia, ai bảo con vật quái dị đó lại nhanh đến thế ! Nó cứ thoăn thoắt nhảy đi, nhảy lại làm cho hồ càng ngày càng nóng máu, điên cuồng. Hồ hết vỗ lại đứng nhìn, hết nhìn lại vỗ, nhưng không tài nào cướp lại được mồi và vả chết được cừ địch. Tranh đấu như thế độ ít lâu ; sang giờ Dậu thì hồ như hơi chán hơi mệt, bởi lẽ những cái vỗ những cái chồm nặng nề, cố sức của mình đều vô công hiệu cả. Sau cùng, dần đo lừa miếng mồi, hồ mới nhảy bắt được con vật ăn cắp dê. Con vật đó tựa như bằng lòng để hồ vỗ mình ; nó cúi đầu chạy tuột vào bụng hồ, cho hồ ngồi đè lên nó gọn thon lỏn.

Con vật ấy là Đèo Thắng Mãnh, người mặc áo kết bằng chảo dó.

Thắng Mãnh vừa lừa díp chui vào ngồi chồm hõm dưới bụng hồ, trong bụi lại thấy nhảy vút ra một người ăn mặc gọn gàng, thất dây lưng đỏ chóc. Người ấy là ông Bình. Cọp chưa có thì giờ cúi xuống cắn xé Mãnh, thì ông bố Mãnh đã nhảy vọt qua cầu, sang tới trước mặt nó. Ra đến ngoài, ông dùng ba con mã tấu sáng quắc, cứ vờn đi vờn lại trước mắt hồ, bắt hồ phải kinh ngạc, sợ hãi nhìn những khí giới sáng lóe ấy. Quả nhiên, hồ không dám cúi đầu xuống thật ; muốn cúi xuống lại sợ trong khi vô ý, kẻ múa đao kia thừa cơ đâm một mũi mã tấu vào mặt mình. Vì thế, chúa sơn lâm cứ

phải dờ mắt chăm chú nhìn ông Bình giữ thế thủ, không dám khai thế công. Trong khi ấy, Mãnh, mặc áo nịt kỹ càng, không sợ gì răng nhọn và vuốt sắc nữa, cứ việc ngồi điềm nhiên thu hình dưới bụng hổ. Đáng lẽ, nhân khi hổ mãi nhìn ông Bình, Mãnh phải thừa cơ mở cuộn dây trong người ra buộc lấy hai chân sau loài ác thú. Nhưng Mãnh mặc áo quần nhiều quá đến nỗi người to như cối xay, ngồi trong lòng hổ không tài nào cử động được. Biết việc buộc chân làm không nổi, Mãnh sẽ dịch một chút lên phía trước cố ý làm cho hổ thấy mình cựa. Hổ tuy thấy động nhưng cũng không dám cúi nhìn, lại phải nhồm đít lê lên một tý, nhốt chặt Mãnh vào khoảng giữa bốn chân mình, không cho Mãnh trốn thoát. Ông Bình hiểu ý, vừa múa dao, vừa lùi về mé cầu một bước, Mãnh lại làm ra bộ muốn trốn, tiến lên một vài tấc. Hổ lại phải xê lên một chút để giữ lấy mỗi. Ông Bình cũng lùi lại phía sau một bước nữa. Dần dà cứ thế mãi, cả ba, độ một giờ sau, cùng ở trên mặt cầu. Hổ đến ngồi chỗ vẫn thường ngồi mà không biết. Lúc hổ đã tới chỗ ấy, thì Mãnh chịu khó ngồi yên, không cựa nữa mà ông Bình cũng không lùi nữa. Chỗ hổ ngồi là một lớp sàn, làm bằng tre hoặc luồng, chấp lại như một cái bè dài, dùng làm cầu bắc ngang qua khe suối. Thế tất những quãng giữa hai cây tre chấp lại là một khe hổng dài làm cho ta đứng trên cầu, có thể trông suốt được xuống đến mặt suối. Những đường kẽ ấy, có chỗ bề rộng đến hơn một tấc ta. Chỗ Thần hổ ngồi, có một đường hở to như thế. Hai cha con Mãnh cố ý làm cho hổ ngồi đúng giữa đường hở ấy, Mãnh lại khôn khéo cố lết mãi lên gần hai chân trước của hổ, ép mình sát vào hai chân ấy, chỉ cốt để mé dưới bụng hổ được thành thoi. Mãnh làm như thế, không phải không có ý định. Nguyên xưa nay Thần hổ xám vẫn có vết rất xấu, là mỗi lần đến ngồi trên cầu tre, thì thường hay ngồi vào chỗ có kẽ hổng, rồi thả dương vật vào cái khe hổng ấy, cọ đi cọ lại cho đỡ ngứa, tự lấy thế làm khoái lạc vô cùng. Đó là một thói thường của hổ, tỷ như thói gãi tai của loài chó, hoặc thói gãi bẹn của giống hươu. Biết được thóp ấy, ông Bình cốt lừa hổ đến ngồi ở chỗ cũ, để bắt nó thế nào cũng phải chết sau khi chịu một phen cực khổ ê chề.

Ông Bình thần nhiên dùng ba con mã tấu liệng lên, tung xuống, đập chòn vòn múa trước mắt chúa sơn lâm. Trong khi ấy con trai lớn của ông, Đèo Thắng Mãnh, ngồi thu hình nép vào hai chân trước của hổ. Không mất một phút nào vô ích, khi Mãnh đã biết rõ hổ ngồi đúng giữa kẽ hổng, hấn vội vàng tháo cuộn song trong người, buộc một đầu rờ chặt vào dây lưng mình rồi do dẫn tử tế, lại buộc nốt đầu kia vào một cây luồng lớn giữa

sàn cầu. Hắn tính trước : nếu nghiêng mình nhảy xuống khe, tất sẽ ở lưng chừng khe, không sợ đập đầu vào đá. Từ mặt cầu xuống đến khe có hơn hai mươi thước ta (nghĩa là tám thước tây) mà khoảng song chỉ có độ già mười thước. Mãnh buộc cẩn thận đầu dây xong xuôi cả, lại ngồi yên độ một khắc còn con. Rồi bỗng hắn nhét hai ngón tay vào mồm, huýt một tiếng còi lạnh lạnh. Tiếng còi ấy vừa phát ra, một cảnh kinh hồn táng đờm bỗng theo tiếng còi, hiển hiện trên mặt cầu.

Thân hổ đương ngồi giương mắt, chăm chú thoi miên ông Bình, nghe tiếng còi tự nhiên hoảng hốt, nhảy chồm lên phía trước, tưởng chừng muốn xông vào ông Bình, xé tan ông ra muôn mảnh bằng những vuốt nhọn hoắt và những răng nanh nhe ra một cách gớm ghê. Hổ bắn lên đằng trước mạnh như một quả núi con văng lại, nhanh như một mũi tên bay. Sức mạnh của sự văng mình ấy rất lớn, đà cũng rất khỏe, khiến cho những vật cản đường hổ, không vật nào không phải tan tành. Nếu ông Bình vô phúc đụng phải động lực hăng hái ấy, ông tất không tài gì tránh được nạn ngã vào sườn núi đến nỗi đập óc tan xương. Nhưng, tuy đã già, ông là một người rất lanh lẹ. Không những ông tránh khỏi hổ vô trúng, ông lại còn đủ can đảm và dũng cảm, đứng cách sự chết chỉ có độ hơn mười bước, ngấm đúng mặt hổ phóng cả ba thanh mã tấu, xong đầu dây mới chịu nếp mình nằm rạp xuống, lộn năm sáu vòng cho xa tầm nanh vuốt của loài ác thú. Ba con dao ông lại bay đều rầm rập như ba mũi tiêu thép, ta chỉ thấy sáng loáng, loáng xoảng, trong khi nghe hổ gầm lên một tiếng đau đớn vang trời. Những việc này tuần tự xảy ra chỉ có trong nửa khắc còn con, lấy mắt nhìn không trông thấy rõ hết được. Chỉ vụt như một luồng chớp sự vật đã thay cả.

Tiếng còi của Thằng Mãnh vừa thoát, hổ gầm lên dữ dội ; nhảy vút lên cao, chụp vào đầu ông Bình. Sáng loáng ba mũi dao. Ông Bình ngã xuống đất lộn mấy vòng. Hổ bay đi, dao bay lại.

Loảng xoảng. Ááá... uôômm... Máu trong mình hổ vọt ra, đỏ ngầu, tía xuống đất. Ngoảnh đầu lại Thằng Mãnh đã ở lưng chừng khe thăm, bám vào sợi song lưng la lưng lửng, hai chân lơng thõng giữa trời. Nhìn lên cao, ông Bình đã ngồi chồm chồm trên một cành cây chót vót từ lúc nào không rõ. Con hổ vỗ huyệt tức tối lắm, lại gầm lên một tiếng nữa. Nó quay lại nhìn về phía cầu, định chồm lại trả thù ngay cho hả cơn nóng tiết. Nhưng nó không thấy ai cả. Mình nó lúc bấy giờ đầm máu, trông rất ghê sợ. Dưới bụng nó một vũng đỏ ngầu thay hẳn sắc lông trắng ; trên mặt nó vấy đầy những giọt máu tươi. Giữa con mắt bên trái loài ác thú, một con mã tấu vẫn

còn cắm chặt vào xương vào thịt. Máu rùng rùng chảy xuống như những dòng huyết lệ. Mồm hổ cũng phun ra dãi đỏ, ý chừng nó bị mấy mũi dao làm cho sứt lưỡi, rụng răng. Nhất là bụng nó trông rất đáng thương ; dưới bụng, như tưới cỏ xanh, một tia máu phọt ra không ngớt. Đau đớn quá, tức giận quá, con vật thét lên những tiếng kinh thiên động địa, gầm lên, lồng lên, quay ngang nhảy ngửa đến chín mười vòng để tìm người hại nó, cắn xé cho kỳ tan xác. Nhưng nó không làm gì được. Nó đành đứng trên bờ suối giương con mắt còn sót lại nhìn ông Bình trên cây và Thắng Mãnh giữa khe một cách oán hờn, dữ tợn ; nó chiếu thẳng vào hai cha con nhà thiện xạ những tia sáng quắc, đầy ý tưởng căm tức, tưởng chừng nó nguyện rửa hai cha con nhà ấy, và thế có đất trời chứng giám, thế nào nó cũng quyết chí báo thù rất độc ác sâu xa.

Nhưng bị thương như thế, chưa chắc nó còn sống sót ! Nó nhảy chồm lên hồi lâu cho hả giận ; rồi, biết lúc này lực cùng thế kém, sau khi gầm lên một tiếng cuối cùng rất thê thảm, đau đớn, nó đi thẳng tuột vào rừng.

Ông Bình khi ấy chưa dám xuống vội ; ông còn ngồi trên cây một lúc rõ lâu nữa, chờ cho con mãnh thú đi thật xa, trốn biệt tích, bấy giờ ông mới nhìn trước nhìn sau cẩn thận trụt từ trên cây xuống, lại giữa cầu kéo dây song đem Thắng Mãnh lên. Ông vừa đem được con trai lớn lên mặt cầu, thì một bàn tay đen thui thúi, tựa như làm bằng bùn, nhô lên cào chân ông. Điềm tĩnh như không, ông Bình cúi xuống, lấy tay nắm chặt cổ tay bùn ấy, kéo lên cầu một con quái vật trông kỳ dị lạ lùng. Con quái vật ấy không phải ai xa lạ cả, nó tức là Lâm Phá, nhưng một Lâm Phá trát bùn từ đầu đến chân, lại cầm trong tay tả một con dao găm sáng loáng và rớm máu. Thì ra anh chàng con út ấy phải nằm phục ở dưới cầu, dùng dây buộc mình vào thân cầu, nằm dài theo chiều cầu và úp mặt vào phía dưới sàn. Anh ta phải tẩm bùn cho hổ không ngửi thấy hơi người nữa, rồi cứ nằm ngửa sát mũi vào những cây luồng hé mắt qua khe hổng để nhìn lên trên cầu. Đợi khi Thắng Mãnh dữ hổ lại giữa khe hổng và buộc xong đầu đẩy phân mình, Lâm Phá mới dùng mũi dao găm đâm nhẹ vào bàn tay anh, ra hiệu. Khi Mãnh huýt còi cho hổ phải bằng hoàng kinh ngạc, thì Phá đưa lưỡi dao găm cho ngọt, dùng thân luồng làm thốt, cắt mắt của ông chúa sơn lâm cái quý vật rơi lông thông xuống khe cầu.

Thế là hổ đau quá, nhảy chồm lên ; ông Bình chỉ việc phóng dao cho đúng rồi chạy trốn. Công việc hoàn thành đầu đấy, ba cha con vội vã ra về. Cả ba cùng không dám chậm trễ, chạy tuột một mạch vào động lấy ngựa,

rồi ra roi phi nước đại, không dám ngoái cổ lại nhìn. Vì lúc đó, một tiếng "ã ư ư" long trời làm vang động cả một khu rừng núi.

Về đến nhà, ba cha con cùng nhau vui vẻ bàn bạc, định ninh rằng loài ác thú kia, bị những vết tử thương như vậy, thì khó lòng sống được ba ngày. Rồi ông Bình vui vẻ vào báo tin mừng cho quan huyện biết.

III

Cách đây non một năm, nhờ ơn cha con ông Bình trừ hại cho dân, quả nhiên huyện Thạch Thành không bị hổ thần làm náo loạn nữa. Thổ dân làm ăn được yên dạ, vui vẻ chắc chắn rằng con yêu tinh kia đã bỏ thân trong khe hiểm, vực sâu nào. Chỉ có một điều đáng nghi ngại là, từ khi hổ bị một phen đau đớn, tuy nó biệt tích, nhưng không nhà đi săn nào tìm thấy xác chết nó ở đâu. Có lẽ nó chạy sang một quả núi khác ở tận vùng xa để chết.

Sự làm ăn của gia đình họ Đèo, sau khi đánh hổ, vẫn được vui vẻ, cường thịnh mãi đến ngày, không hiểu vì sao, Đèo Thắng Mạnh đi sang ăn giỗ ở một làng bên cạnh, đi đến quá ba ngày đêm mà vẫn không thấy trở về. Ông Bình sốt ruột sai đầy tớ phi ngựa đi tìm, thì khi quay về, tên đầy tớ bảo rằng chủ nhà làm giỗ nói Đèo tiên sinh về cách đây đã được ba hôm. Hôm ăn giỗ, sau khi cơm nước xong, đến sâm xẩm tối, Mạnh cáo từ về ngay, không nán lại một phút nào cả. Thế thì Mạnh vì sao mà biệt tích ? Đi du lịch chăng ? Lên tỉnh chăng ? Xưa nay Mạnh đi đâu cũng đều về xin phép cha mẹ hẵn hoi, hoặc báo tin cho nhà biết. Lạ thật ! Hay là hẩn bị ám sát ? Không có lẽ, vì Mạnh có thù hiểm ai và có ghen ty, tranh cạnh cùng ai bao giờ ? Có khi Mạnh mê cô nàng nào mà phút chốc bỏ nhà, bỏ cửa ? Cái đó lại càng vô lý nữa. Vì, xưa nay, Mạnh là người rất có giáo dục. Từ thuở nhỏ, Mạnh vẫn được học, vẫn được cha dạy cho thế nào là luân lý, cương thường, bình sinh hẩn đối với đàn bà, dẫu đối với những cô nàng tuyệt sắc, cũng không khi nào có cử chỉ ra ngoài quy củ. Không lẽ nhất đán, hẩn bỏ cha, bỏ vợ con và em đi theo một ả nhân tình ? Vậy thì có lẽ hẩn bị ám sát thật ! Song le, bên nhà người mời ăn giỗ, khách khứa đều là bạn tốt cả, có ai nỡ lòng giết Mạnh, mà có giết thì để làm gì ? Lạ...Lạ quá ?

Ông Bình cho người đi tìm con khắp bốn phía. Sau ba ngày tìm kiếm, Lâm Phá thấy xác anh nằm trong khe đá, bên cạnh một dòng suối nhỏ ;

thân thể bị nát nát, ruồi bọ bâu đầy, mùi hôi thối xông lên sặc sụa, ngạt mũi. Khi khám tử thi, Phá rất lấy làm kinh ngạc.

Áo Mãnh vẫn còn lành lặn y nguyên, không rách. Chỉ có quần thì bị cắn nát, toi tả ra từng mảnh, để lộ nửa người phía dưới ra ngoài. Nhờ sự rách quần ấy, Phá nhận rõ thấy anh mình bị một loài gì cắn mất hạ bộ. Và không những thế, sau khi vạch làn tóc rối lòa xòa phủ kín mặt người chết, Phá lại nhận thấy Mãnh bị mất con mắt bên trái, ai đem móc ra và vứt đi từ bao giờ. Phá đau lòng quá, quỳ xuống thấy anh khóc sụt sùi, rồi không quản hôi thối, công anh lên vai chạy một mạch về nhà.

Ông Bình trông thấy xác con, vừa đau đớn vừa lo sợ. Lo sợ, vì ông suy nghĩ, biết ngay Thăng Mãnh thiệt thân không phải tại bị người ám sát, mà chính là bị Thần hổ xam cắn tha đi. Thật là ông vô phúc ! Lần này thế nào ông cũng bị vạ diệt môn ! Ông Bình cuống cuống lo ngại quá.

Ông Bình thực là người thông minh, nhanh trí. Ông đoán không sai chút nào ! Quả nhiên, con ác thú gần thành tỉnh kia chưa chết. Nó tuy bị một phen đau đớn cực điểm – mù một mắt, gãy hai ba cái răng, cụt mất dương vật và sút mất mũi – song nó khỏe lắm, nó chống cự rất hăng hái với tử thần, với thương tích, nó chạy vào một khe núi sâu thẳm nằm dưỡng bệnh, nó cố bám lấy sự sống. Sau khi lăn lộn mãi trong một thời gian thập tử nhất sinh, nó thoát nạn, thương tích của nó dần dần vá lại, nó đoạt được mệnh số gần nghiêng ngửa, lung lay. Nó sống. Nó sống là nhờ lòng tận tụy, nghĩa thủy chung của một con hổ cái, vợ nó, ngày ngày hết sức rình mò, săn các dã thú để nuôi nấng nó và hơn nữa, đi lũng trong rừng những thứ lá thuốc đem về cho nó ăn rồi đắp vào những vết thương cho nó. Người ta bảo giống vật không có trí khôn, nhưng thực quả trời – đáng hóa công tối thiêng liêng kia – đã phú cho mỗi loài một thứ khí giới riêng để bảo tồn lấy nòi giống. Mỗi một con vật – không ai bảo mà biết – lại có riêng một thứ lá để dùng những khi có tật bệnh. Những thứ lá ấy toàn là vị thuốc rất nghiệm, rất hay. Người Mường tò mò theo vết chân khỉ đi hái thuốc, có tìm được một vài thứ lá ấy. Vì thế nên khoa thuốc Mường có nhiều môn bí hiểm nhưng rất tài tình.

Nói tóm lại, con mãnh hổ xam kia nhờ được "hiền thê" nó săn sóc cho khỏi chết. Cũng là bởi số nó chưa đến ngày đoạn tuyệt, hóa nên quỷ thần xui khiến vợ nó không thê lười liếm vào những vết thương của nó, nếu không tất nó bị gai lười làm cho thối da thối thịt mà thiệt thân, không tài gì cứu chữa được nữa. Con hổ xam phải nằm dưỡng bệnh trong hang mất hơn

năm tháng. Qua khỏi cơn hoạn nạn, nó lại khỏe mạnh như thường, nhưng nó đâm ra tàn ác không biết thế nào mà kể. Trong lòng nó đeo sẵn một mối thù rất lớn đối với loài người, mối thù ấy chưa trả được nên tính khí nó sinh ra hung hăng nóng nảy. Vả lại, nay nó đã hóa nên một con vật tàn tật, sống không có sinh thú nữa ; bản năng của nó không được trăm phần thỏa mãn ; khiến vì thế nó thay hẳn cách ăn ở, sinh ra khó tính, dữ dội, ác nghiệt, hơn xưa nhiều. Thậm chí, vợ nó, nó cũng cấu xé, cắn rứt, đánh cho một trận nên thân rồi bỏ hẳn, không nghĩ đến ân tình cũ và tấm lòng hy sinh đáng quý của con vợ ấy trong khi nó còn bị điều đứng khổ sở suốt nửa phải đi đời. Nó không nghĩ gì cả, nó quên hết, bây giờ nó đã man, bội bạc đến cực điểm rồi. Thì nào có sự gì lạ ! Nó là một con vật còn sống, còn khỏe mạnh, nhưng đối với con cái, nó vô dụng đứt đi rồi. Nó không thể vừa lòng vợ nó được nữa, bởi lẽ nó không đủ tư cách làm cho vợ nó được thỏa nguyện bản năng. Thế tất con hổ cái phải đi lòng đực để bù vào chỗ khuyết điểm trong đời. Thân hổ xám biết mười mười mình là phế vật, nhưng cũng vẫn ghen, vẫn tức, vẫn không bằng lòng cho vợ có ngoại tình. Gia dĩ tính nó đã đổi khác hẳn sau trận đòn thập tử nhất sinh ; nó không nể nang gì vợ nữa, chỉ nghe tiếng gọi của sự tức giận, ghen ghét, nó nhảy chồm lên đánh đuổi nhân tình vợ nó, và, sau khi con vật kia trốn chạy, nó quay vào xông vô lấy vợ, rồi nào vả, nào cấu, nào xé, nào cắn, tung bùng túi bụi, đến nỗi vợ nó hoảng kinh phải cúp đuôi chạy thẳng, không dám cả gan quay lại nhìn chống.

Thân hổ xám, sau khi vợ đi mất, được hoàn toàn tự do, không còn có điều gì bó buộc nữa. Nó bèn mạnh mẽ ra đi. Đi thì đi đâu ? Trước tiên nó hãy tạm bỏ chốn rừng cũ, đi ngao du sang các núi bên cạnh vài ba tháng. Trong thời kỳ ngao du ấy, ngày nào nó cũng ngồi phục ở chỗ hay có người qua lại, rồi tìm cơ hội đổ ào ào vào giống người tất cả những nguồn oán hờn, căm giận chứa chất trong lòng từ trước đến nay. Ngày nào nó cũng vả chết hay cắn chết ba bốn người, ít ra là một hai người. Nó ăn chán thì tha đi vút vào bụi, dù no đến thế nào, thấy kẻ vô tội đi qua đường nó cũng không tha. Nó lại có một dấu hiệu đặc biệt để báo cho loài người biết oai quyền của nó : những kẻ bị hại đều mất một mắt và bị cắn mất bộ sinh dục, dù đàn ông hay đàn bà cũng vậy.

Khi Thân hổ trở lại huyện Thạch Thành, sáu tháng về sau, trong tai nó đã có hơn một trăm vết đỏ và da nó đã thay hẳn ra màu xám.

Bây giờ mới đến lượt gia đình ông Bình chịu số mệnh cay nghiệt nặng nề. Từ lúc Thân hổ lộn về, trong huyện náo động như có loạn. Thổ dân

kinh khủng như nghe tiếng giặc tạt qua. Người bị thiệt thân đầu tiên là Đèo Thảng Mãnh. Hôm ấy, Mãnh sang làng bên cạnh đánh chén, đến xâm xâm tối thì trở ra về. Uống rượu cần cả ngày, Mãnh say khướt, vừa đi vừa chập choạng. Thất thủ đi bộ được hơn một dặm, khi đến gần một tòa miếu cổ, Mãnh thấy một cái bóng đen, dài nhẩy vút lại vỗ mình. Thì ra Thần hổ ngồi chờ đấy từ buổi chiều, biết trước rằng Mãnh thế nào cũng sẽ trở về qua đấy. Mãnh nhận biết hổ, nhưng say quá, hoa cả mắt, lại mềm nhũn cả chân tay, và không có khí giới đem theo, nên không tài nào chống cự nổi kẻ thù. Thành ra Mãnh bị hổ hành hình một cách đau đớn.

Mãnh vừa bỏ mạng, tối hôm sau trong huyện lại có người tiểu phu vô phúc bị hổ vồ. Rồi hôm sau nữa, tấn thảm kịch lại diễn ra một lần nữa : ba người bị tát chết. Người nào cũng như người nào, đều mất mắt, và mất bộ phận sinh dục. Thần hổ đã để lại một dấu hiệu gớm ghê. Gớm ghê hơn nữa là xung quanh nhà ông Bình không sáng nào là không thấy vết chân cọp in sâu vào đất, và dấu bọt mép của con ác thú ấy lênh lảng trên thềm nhà. Cả nhà ông Bình lo sợ quá. Chỉ có ngót một tháng trời mà nhà thiện xạ đầu đã bạc phơ, trông mặt già đi nhiều lắm. Trong huyện, không ai dám đi đâu buổi sáng trước mười giờ, và quá ba giờ chiều mọi nhà đều đóng cửa ngõ kín mít. Thần hổ đã đem đến cho thổ dân một vẻ hãi hùng cực điểm. Sự sinh hoạt vì thế, hóa ra khó khăn vô kể ; dân huyện Thạch Thành không bị nạn mất mùa, lụt lội, mà cũng sống khổ sở như trong những buổi mất mùa. Quan huyện thương dân, ngày đêm lo lắng không biết cách gì giải thoát tai ương được.

Ông Bình biết rằng tình thế như vậy tất không tài nào ở yên được ; ông bèn nghĩ cách di cư cả gia đình, di sang ngụ ở một khu đất khác, lành hơn. Đi là phải lắm, nhưng đi bằng cách gì, làm thế nào đi cho thoát ? Ông Bình nghĩ mãi, sau ông tìm ra một cách : nhờ quan huyện thuê cho một chiếc xe ô tô lớn, ông bỏ tất cả đồ đạc lại, chỉ thu lấy tiền tài và những vật quý rồi sắm sửa ra đi.

Trước khi đi, ông vào khóc lạy từ quan huyện và đem theo một đứa cháu giao cho bạn, dặn rằng :

– Thành này là Đèo Lắm Khăng. Nó là con trai trưởng của thành Phá nhà tôi. Tôi xem trong họ chỉ có nó là thông minh hơn cả. Chúng tôi đi lần này, chưa biết sống chết thế nào – vì "ngài" đã thù, e rằng khó lòng trốn thoát – nên tôi phải đem cháu ký thác cho quan lớn, mong quan lớn nghĩ ân tình cũ, săn sóc nuôi nó hộ tôi. Khi nào nó khôn lớn, quan lớn sẽ kể lại lịch sử của gia đình nhà cho nó nghe.

Nói xong, ông Bình sút sùi, cáo từ ra về. Ông lại đem một đứa cháu bé nữa, mới mười hai tuổi, con thứ hai Đèo Thắng Mãnh, gửi một người bạn thân khác, ông Cai tổng cự. Rồi, một buổi sáng, khi ông xem chừng Thần hổ đã trở vào rừng rồi, ông bèn đem họ hàng lên xe ô tô, cùng chạy sang Cẩm Thủy⁽¹⁾. Đến nơi, ông vào ở tạm nhà một người thông gia, bố vợ Thắng Mãnh. Ông kể lại cho thông gia nghe những lễ khiến ông phải xin sang ở nhờ và có khi, ngụ cư luôn ở Cẩm Thủy. Gia đình nhà ông Bình ở Cẩm Thủy nghe chừng như yên ổn, bởi có sau khi ngụ được ba ngày ba đêm vẫn không thấy sự gì quái lạ xảy ra cả. Ông Bình vững dạ, bèn thuê làm một cái nhà sàn rộng rãi, vững vàng, để dọn sang cho khỏi phiền lụy, khỏi chật chội.

Cách đấy bốn năm hôm sau, cả gia đình họ Đèo đã an cư tại huyện Cẩm Thủy, trên một chiếc nhà sàn cao sạch. Ông Bình tưởng rằng thay chỗ ở, tức là tránh khỏi nạn hổ thù. Ai hay đâu số vận họ Đèo ngày ấy đã tận, xui nên Thần hổ theo dõi được mãi tới Cẩm Thủy, dò biết được chỗ ở của cha con nhà thiện xạ làm hại nó khi xưa. Rồi một buổi chiều, vào quãng xâm xẩm tối, khi cả nhà ông Bình vui vẻ ngồi xung quanh mâm cơm, dương mãi mê ăn uống, một cái bóng đen từ đâu không rõ, nhảy xổ qua khuôn cửa : xông lên nhà sàn. Cha con Đèo Lâm Phá không còn thì giờ đâu đứng dậy đối địch với loài mãnh thú. Trong khi cả nhà kinh hoàng, kêu la cầu cứu thất thanh, Thần hổ cứ diêm nhiên quay sang trái, nhảy sang phải, mỗi một lần cựa mình là một lần phân phát cho già trẻ lớn bé những cái vả, những cái tát, những cái ngoạm lẹ làng. Thương hại thay một gia đình vô tội, trong khoảnh khắc, không còn ai sống sót ! Thần hổ xám khôn lăm, trước tiên tát cho ông Bình quy xuống đã, rồi quay vào cắn cổ người thứ hai khỏe nhất trong nhà là Lâm Phá. Xong đâu đấy, nó mới lần lượt sửa cho đàn bà con trẻ, mỗi người một miếng đòn hằn. Trong khi hốt hoảng, chả ai kịp đề phòng, hóa nên cùng ngã gục xuống như một đồng người bằng rơm rạ. Lúc ai nấy nằm ngổn ngang bất tỉnh nhân sự, Thần hổ mới để lại trên những xác chết cái dấu hiệu ghê gớm, dị kỳ : xác nào cũng bị móc mất mắt bên trái và mất hạ bộ. Công việc báo thù đã làm yên ổn cả, Thần hổ đứng nhìn một khắc cho hả giận, rồi vẫy đuôi một cái rõ mạnh, nhảy vụt qua cửa sổ, chui vào quãng tối âm u.

Ông cha Đèo Lâm Khăng, từ đấy đều hóa ra người thiên cổ.

(1) *Cẩm Thủy* : thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Mối thù đã trả được, Thần hổ bỏ hai huyện Thạch Thành và Cẩm Thủy vào ẩn thân ở nơi rừng thẳm núi sâu. Dân hai huyện, trong năm sáu năm không thấy tăm tích con ác thú ấy đâu nữa, nên được yên lòng làm ăn như cũ, không phải đêm ngày thấp thỏm lo sợ, hãi hùng. Vả lại, ngày nay số trăm vết đỏ trong tai đã đủ, nó không cần phải giết người vô tội làm gì. Máu hiệu sát của nó nghe chừng cũng bớt nồng nàn, hăng hái. Ông thầy Mo Slầy ở chợ Kim Sơn cho rằng Thần hổ chui vào động để tĩnh dưỡng tu luyện cho thành tinh : nếu tu đắc đạo, nó sẽ có thể sống ngoài ba bốn trăm tuổi. Đó là một lời phỏng đoán, song thổ dân tin là rất đúng, không ai dám ngạo mạn cãi là không đúng bao giờ. Vì tín ngưỡng đó, Thần hổ được sùng kính như một vị Thượng Thánh.

IV

Dân hai huyện Thạch và Cẩm được yên ổn trong khoảng ngót mười năm, kể từ ngày họ Đèo bị tuyệt diệt, Thần hổ biệt hai xứ ấy, không biết đi về phương nào. Nhưng, bỗng một ngày kia - không hiểu vì sao, có lẽ tại lắm người nói xấu hay nguyên rủa nó - nó đột ngột trở về, bắt của nhà Cai tổng cự một con lợn, rồi ngày đêm cứ quanh quẩn hoặc nằm phục mé ngoài nhà, đáng chừng muốn rình mò một vật gì ở trong nhà ấy. Ông Cai tổng thấy thế lấy làm sợ hãi quá, nhưng cố giữ vẻ khảng khái điềm đạm, không lộ cho ai biết rằng ông lo ngại, ưu phiền. Ông cho gọi con nuôi là Đèo Thắng Hổ bắt nó phải chui vào trốn tránh trong một cái hầm, trốn tạm ít lâu để khỏi bị hổ Thần hãm hại. Thắng Hổ vốn là cháu nội ông Bình, con thứ hai Đèo Thắng Mạnh, em Đèo Đức Long. Trước khi bỏ nhà trốn lên Cẩm Thủy, ông Bình có đem cháu phó thác cho bạn chí thiết của ông là Cai tổng cự. Thấm thoát mười mấy năm trời, Thắng Hổ đã hai mươi hai tuổi.

Ngờ đâu mối thù của hổ lại dai dẳng làm vậy, mà loài quái vật kia nhớ mãi không quên ! Ai dun dúi cho nó dò biết được tông tích họ Đèo để theo dõi tới kỳ cùng, đó là một sự bí hiểm sau này ta sẽ giải. Hiện thời ta chỉ biết rằng Thần hổ sau khoảng mười năm, biết được chỗ ở của Thắng Hổ, rồi trở về huyện Thạch Thành rình bắt kẻ thù. Ông Cai tổng cự không biết làm thế nào cho con nuôi thoát nạn, không biết làm thế nào để giữ cho họ Đèo tránh khỏi vạ diệt môn. Ông lưỡng cống suy nghĩ ba bốn ngày đêm, mãi sau cùng ông mới tìm ra được một phương mà ông cho là tuyệt diệu.

Ông bèn sai đặt một bàn thờ rất nguy nga long trọng ở trước ngõ, trên hương án bày bài vị của Thần hổ và các đồ lễ phân minh. Trên bài vị có hai chiếc lọng xanh, xung quanh hương án thì có các sinh vật buộc vào cột hay trôi bỏ ngổn ngang trên mặt đất. Thôi thì đủ cả trâu, dê, bò, lợn, lại kèm thêm một con hươu sao non hơn hớ và một con nai con vừa mới lớn. Tối đến, ông sai thắp đèn đuốc sáng trưng, sai mở cờ giống trống chiêng inh ỏi, rồi ông mặc áo thụng xanh, thành kính ra lễ một tuần. Khi hành lễ, ông khấn khứa rất lâu, đại khái nói rằng : "Thắng Hộ (ông kiêng tên chúa sơn lâm) là giọt máu rớt của họ Đèo, nó là một đứa trẻ vô tội, không can dự gì đến việc làm của ông cha nó ; vậy xin ngài sinh phúc tha số mệnh cho nó. Gọi là lòng thành lễ bạc có chút quà mọn, xin ngài nhận cho và để nó được sống sót, ơn ấy sẽ ghi sâu trong đáy dạ, chẳng bao giờ dám quên. Vãn vãn...". Ông Cai tổng cự khấn xong lại cho đốt một lá sớ, rồi cả nhà ông cùng lần lượt ra quỳ lạy trước bàn thờ. Lễ bái đầu ra đấy, chiêng trống bèn nổi lên một hồi, rồi thiên hạ kéo nhau vào nhà trong, để lễ vật cho ngài đến nhận.

Làm tròn phận sự, ông Cai tổng cự tưởng như thế sẽ được vừa lòng Thần hổ và chắc mười mười ngài sẽ tha chết cho đứa con nuôi vô tội của mình. Vì thế nên cúng vái xong xuôi, ông yên lòng đi nghỉ, sau khi dặn người nhà đóng cửa trong, cửa ngõ, cho kỹ càng. Độ quá canh một, người nhà ông Cai tổng cự đều yên nghỉ cả. Trên chốn đồng rừng vắng vẻ, quang cảnh đêm khuya rất âm u, tĩnh mịch, khiến người xa lạ đến ngụ không tài nào không kinh sợ rừng mình. Một vẻ im lặng nặng nề, đầy những âm khí, đầy những bóng ma thiêng thú dữ chấp chùng, tựa hồ bao la khắp vũ trụ. Thình thoảng tiếng chim từ quy buồn bã lại xé tan tấm màn lặng lẽ của canh trường. Trong một đêm lạnh lẽo, hải hùng như những đêm ấy, người phu Muồng ngồi trên chòi, cạnh nhà ông Cai tổng cự, được thấy một sự làm cho anh ta mỗi khi kể đến, lại thấy tóc muốn dựng đứng lên và lạnh buốt cả xương sống.

Trước hết, khi các đèn đuốc trên bàn thờ Thần hổ lần lượt tàn cả, khi bóng đen tối đến vầy bọc lấy bàn thờ ấy, anh ta thấy, từ đường xa, chiếu thẳng lại nhà ông Cai tổng một tia lửa sáng, khi đỏ hồng, khi đỏ dịu ẩn hiện trong đám lá cây rậm rạp, đen sì. Tia lửa ấy dần dần tiến lại. Khi gần đến bàn thờ, anh ta nhận biết là một con mắt hổ, con mắt của Thần hổ chột. Thấp thoáng trong bóng tối, một thân hình dài đi dọc đi ngang. Làm quen với đêm mù mịt đã lâu ngày, anh phu Muồng nhận rõ được hết những cử động của hổ. Anh ta lấy làm lạ lúc thấy loài mãnh thú kia tiến đến mé

bàn thờ, hát cái bài vị xuống đất, rồi quay đi. Hắn không hề dụng đến những lễ vật bày xung quanh hương án. Hắn đi vòng hàng rào, ra phía sau nhà, tới một chỗ bụi thấp, nhảy thẳng vào sân trong, vụt như một cái bóng lẹ làng, mềm dẻo. Một tiếng huých. Phút chốc hổ đã đứng thẳng dậy, rồi lại phục xuống mé trước nhà ông Cai tổng, điềm nhiên ngồi đó. Từ lúc ấy, nó ngồi yên không nhúc nhích, con mắt đăm đăm trông thẳng vào phía nhà hầm. Con mắt ấy, lạ thay bỗng sáng rực như hòn ngọc quý, làm cho kẻ đứng cách xa độ chục thước có thể nhờ tia sáng trong con mắt ấy chiếu ra mà nhận thấy sự vật bên ngoài. Thần hổ giương mắt nhìn vào nhà không chớp, chăm chăm chú chú tỏa ra những ánh lửa đỏ ngầu, sáng chói, trong lúc đêm sương mù mịt, trông rất ghê sợ, lạnh lùng. Hổ ngồi như thế không biết trong bao lâu... Nó không hề cựa quậy, không hề nhìn đi chỗ khác. Nếu con mắt nó không tia ra hào quang chói lọi, tỏ rằng nó vẫn còn sống, thì anh phu Mường phải ngỡ rằng nó hóa ra tượng đá mất rồi. Về im lặng của nó lại càng khiến anh ta thêm sợ hãi.

Đến khi trống điểm canh ba vừa dứt, anh phu Mường lại thấy một chuyện nữa làm cho anh ta bị một phen kinh khủng đến cực điểm. Người nhà ông Cai tổng đương ngủ yên lặng cả thì bỗng đâu cánh cửa nhà dưới mở toang ra, một cái bóng vòng mé ngoài nhà trên, thất thểu chạy lên sân trước. Cái bóng chạy cứ giơ hai tay lên ; khi chạy đến gần con mắt sáng thì như hốt hoảng, luống cuống, quỳ gục xuống. Lúc ấy, con mắt hổ bỗng thấy mờ đi, không sáng rực lên nữa. Hổ từ từ đứng dậy, giẫm lên cái bóng quỳ rạp trên mặt đất. Một tiếng hét tha thiết, đau đớn, một tiếng kêu thê thảm, bi ai xé quăng không trung phẳng lặng. Đáp lại tiếng kêu ấy, hổ gầm lên một tiếng vang trời...

Bấy giờ mới bắt đầu một cuộc diễn trò hiếm có. Con mãnh thú cắn cái bóng đen kia tha đi vài bước, rồi nhảy chồm lên, hất cái bóng ấy lên trên không. Sáng sao mờ mờ, anh phu Mường nhận rõ cái bóng kia là thân hình một người đàn ông to lớn. Hổ vờn xác người hồi lâu, tung xác ấy lên rồi lại đỡ, tựa như một con sư tử hý cầu. Chơi chán rồi, hổ bỏ cái xác lại, nhảy qua bờ rào đi mất.

Anh phu Mường lấy làm lạ, không hiểu vì sao kẻ thiệt thân kia lại tự mình đến hiến da thịt cho hổ cầu xé. Anh còn đương hoảng hốt sợ hãi, sau khi được mục kích một tấn tuồng gớm ghê vừa mới diễn ; anh còn đương sờ mắt há miệng, chân tay cứng đờ không cựa được, cũng không kêu được, thì, ngoảnh đi ngoảnh lại, Thần hổ đã biến tự lúc nào rồi. Hồi lâu anh mới

định thần bèn đánh bạo xuống chòi, vào đánh thức cả nhà ông Cai tổng dậy, và lấy đèn đuốc ra soi xem người bị hổ cắn chết là ai.

Thiên hạ đều lấy làm kinh ngạc đến tột bậc khi nhận rõ người ấy là Đèo Thắng Hổ. Cũng như mọi kẻ chết dưới vuốt Thần hổ xám, đứa con nuôi vô phúc của ông Cai tổng đeo cái dấu hiệu của ngài : anh đã bị móc mắt mất bên trái và cắn mất hạ bộ. Lòng đau như cắt, ông Cai tổng cúi xuống xác con nuôi, khóc một hồi thảm thiết ; tưởng chừng Thắng Hổ là một giọt máu rơi của ông. Thực tình, ông vừa thương Thắng Hổ vừa đau xót cho nỗi giống bạn chí thân của ông nay đã khuất, nhà thiện xạ Đèo Văn Bình. Thắng Hổ đeo một cái tên cường tráng ; ông cha anh ta những mong sau này anh sẽ thắng nổi loài ác thú để trả thù cho gia tộc ; ai ngờ, trái lại, anh ta đã không thắng nổi hổ, lại bị hổ vật cho tan thịt nát xương. Đau đớn thay ! Ông Cai tổng bùi ngùi cho đem xác Thắng Hổ vào nhà khâm liệm tử tế, rồi ngày hôm sau mời thầy Mo về làm lễ thu hồn và bỏ xác vào một cây gỗ đục rỗng, dựng ở một góc nhà. Thắng Hổ phút đã thành ra ma xó.

Vì cố gì anh ta tự đem mình hiến cho Thần hổ ? Cái đó là một sự lạ nữa. Sau này ta sẽ hiểu rõ anh bị lạc mất linh hồn, bị một thứ ma rừng ám ảnh, một thứ ma mà dân Mường thường gọi là "ma trành". Câu chuyện "ma trành" rồi đây các bạn sẽ dần dần được biết. Bây giờ ta hãy để ý đến giọt máu cuối cùng của dòng máu họ Đèo : Đèo Lâm Khăng.

Đèo Lâm Khăng là con trai cả Đèo Lâm Phá. Theo lời tổ phụ anh ta nói, thì Khăng là đứa trẻ thông minh lanh lợi nhất trong nhà, khi ông Bình đem Khăng phó thác cho quan huyện Thạch, Khăng mới lên mười một. Thấm thoát tới bây giờ, Khăng vừa đúng hai mươi mốt tuổi. Quả như lời ông Bình đã bảo trước, Khăng càng lớn lên càng tinh khôn, láu lỉnh vô cùng. Ông huyện thương chàng như con, cho cùng học với các cậu công tử. Khăng học giỏi và mau tiến tới hơn con quan nhiều, quan huyện vì thế, lại càng quý như hòn ngọc. Mang lời ký thác của ông bạn thân thiết đã bất hạnh trong một trường hợp đau đớn, thảm thương, quan huyện hết sức chăm nom săn sóc đến Khăng. Quan không dám cho Khăng đi lạc ra ngoài nửa bước. Dầu rằng Khăng đã lớn tuổi, không bao giờ chàng được đi ra khỏi nhà một phút nào. Khăng cứ phải lẫn quất trong thư viện hoặc trong tư thất, cùng lắm là được ra đến ngoài vườn mé trước công đường ; hề hơi trái phép một chút ắt bị quan huyện quở mắng cho thậm tệ. Quan lại phó cho hai người lính có tuổi, đứng đắn, vừa khỏe mạnh, vừa có kinh nghiệm, ngày đêm phải đi kèm bên mình Khăng để trông nom và che chở cho

chàng. Tuy đã hai mươi một tuổi đầu, đi đâu một tý Khăng cũng có hai bố đi theo ; tới đến thì chàng nằm giữa, hai bố nằm hai bên canh gác. Khăng thực như một thằng tù bị giam lỏng, nhưng một thằng tù được nung niu chiều chuộng, quý báu vô cùng. Quan huyện coi Khăng và yêu Khăng có lẽ hơn cả các con ruột của ngài ; ai cũng mừng cho Khăng được sa vào một cửa sung sướng.

Thấm thoát mười năm, từ ngày ông Bình đem cháu phó thác cho bạn bè để di cư sang Cẩm Thủy. Từ ngày ấy, sau khi trị nhậm tại Thạch Thành năm năm, quan huyện đổi sang Cẩm Thủy, Quảng Xương⁽¹⁾ rồi quan được thăng hàm Tri phủ, nhưng vì đã già nên ngài phải về hưu. Quan phủ vốn là người Kim Sơn⁽²⁾ ; nhân khi ở huyện Thạch, ngài có mua nhiều ruộng vườn và lập một trại lớn ở vùng đó, nên khi về trí sĩ, ngài đem cả gia đình trở lại huyện Thạch Thành. Về tới đất Thạch Thành, ngài bí mật đặt hai tên bố già phải săn sóc trông nom cậu Khăng cẩn thận hơn, đừng sao nhãng chút nào mà có sự nguy hiểm xảy ra thì không thể gỡ được nữa. Hai bố già có biết chuyện họ Đèo, nên hết sức che chở cho giọt máu rớt cuối cùng của dòng họ ấy. Muốn tránh việc lộ tông tích của Khăng, quan phủ bắt chàng cải họ là họ Trịnh. Từ thuở mười một tuổi Khăng vẫn mang họ Trịnh, hóa nên lúc lớn lên, vẫn tưởng mình họ Trịnh. Chuyện gia đình của Khăng, quan huyện cũng giấu kín không nói, chỉ nói với Khăng là ông nội chàng đem chàng bán cho quan để làm con nuôi, và ông nội chàng nay đã thác. Lắm Khăng được rõ có thể, chàng lấy làm lạ, không hiểu vì sao dưỡng phụ lại bắt chàng cấm cung mãi mãi thế này. Nhưng mà chàng cũng không bị cấm cung quá hai mươi một tuổi đầu ! Một việc hiển nhiên sắp sửa bắt quan phủ phải kể rõ lai lịch họ Đèo cho chàng được biết. Việc hiển nhiên ấy, tức là Thần hổ xám rình nhà ông Cai tổng cự. Ông Cai tổng và quan phủ đã có lời hẹn nhau từ trước, khi nào có sự biến động, thì phải báo nhau ngay, và khi báo xong, một bên phải hết sức úp mở và trùng trùng rất lâu để giúp bên kia có thì giờ đánh tháo. Vì thế, khi Thần hổ đến rình nhà ông, ông Cai tổng vội vã cho người sang phi báo để quan phủ biết. Rồi một mặt đem thì bắt Thần Hổ vào hầm, ngày lại vẫn cho ra vào để đủ hồ đợi chờ trong non nửa tháng. Thực ra, ông Cai tổng biết không trước thì sau, thế nào con nuôi ông cũng chết ; nhưng ông cứ làm hết phận, cho khỏi hổ thẹn với người bạn dưới suối vàng.

(1) *Quảng Xương* : thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Kim Sơn* : thuộc tỉnh Ninh Bình.

Trong lúc bên kia ông Cai tổng đang lo ngại cho số mệnh Thăng Hổ, thì bên này, quan phủ cuống quýt, sợ cho thân phận con nuôi ngài. Quan bèn gọi Lâm Khăng và cả hai người bỏ vào phòng kín mít, rồi ngài bắt Khăng ngồi yên, nghe ngài kể rõ lại căn nguyên bắt ngài phải giam hãm Khăng như giam hãm một người có tội. Ngài lại thuật cho Khăng biết lai lịch của chàng. Ngài nói :

– Ngày nay con đã rõ vì cớ gì ông cha và bác con đều bị nạn diệt vong, cha phải tìm cách, tìm hết cách, để bảo tồn lấy con, vì con tức là giọt máu rớt cuối cùng – cuối cùng, con nghe không ? – của họ Đèo gần tuyệt diệt. Anh con ở bên nhà ông Cai tổng cự nay đương bị nạn, mà chưa chắc đã cứu nổi. Vậy nhân lúc này kẻ thù của con (quan phủ không dám phạm hủ) chưa để ý đến con, thì con nên đi ngay, đi ngay đi, lên tỉnh mà lánh nạn. Cùng lắm, con nên ra hẳn một tỉnh thành náo nhiệt, như Hà Nội chẳng hạn mà ẩn thân. Con có ở một chỗ đông đúc như Hà thành cha mới khỏi lo cho số mạng con được. Nhưng cốt nhất là con phải nghe cha ; đừng bao giờ nên lẩn quất trở về rừng, về núi. Dù ở mé nào cũng vậy, con chớ nên đi săn bắn làm gì. Cứ an cư dưới chợ, mới ra, có lẽ con còn bỏ ngỡ nhưng dần dà rồi cũng quen. Con cứ đi đi. Mỗi tháng cha gửi cho con dăm bảy chục để chi tiêu, rồi sau này, cha liệu gửi gắm con, tìm cho con một việc làm, cha lại sẽ chọn nơi xứng đáng, lấy vợ cho con tử tế.

Muốn bảo tồn lấy dòng họ, con cần phải có vợ. Sự ấy cha hiện đương lo, nhưng vì còn công việc bề bộn, hóa nên chưa làm xong được. Song le, con không ngại, bây giờ bởi chung tình thế bó buộc, cha cho con được toàn quyền tự do, trong khi ngụ ở Hà thành muốn lấy ai thì lấy, miễn làm sao có nhiều con trai thì thôi. Nhưng, mấy người con gái dưới chợ mà con sẽ lấy sau này, thế tất đều phải làm hầu cả. Còn như vợ chính thức của con, cha mẹ sẽ cố công để ý tìm tòi, khi nào tìm được chỗ môn đăng hộ đối, lúc ấy sẽ làm lễ linh đình cưới cho con. Cưới vợ, ta sẽ cưới theo lối Tàu, nghĩa là không cần chàng rể. Con cứ ở Hà Nội, cha mẹ sẽ đưa vợ con đến tận nơi. Con đừng lo ngại điều gì, cha xin quyết, xin đoan với con rằng : vợ con sau này sẽ đẹp lắm, đẹp lắm.

Nhưng ta hãy tạm gác chuyện đó. Con nên đi ngay, sáng sớm mai phải đi sớm. Trước hết, sang phủ Quảng Hóa⁽¹⁾, từ phủ Quảng con sẽ đi ô tô lên tỉnh, rồi từ tỉnh con sẽ đi tàu hỏa ra Hà Nội. Đường đi nguy hiểm nhất chỉ

(1) *Quảng Hóa* : thuộc tỉnh Thanh Hóa.

có từ đây sang phủ Quảng Hóa, vì con phải theo đường rừng, nhưng mà không, đường ấy không đi được ! Chết nỗi, cha quên, không đi được con ạ, không đi được ! Nếu đi đường ấy, con sẽ qua nhà Cai tổng, không nên, không nên ! Vậy con phải đi thẳng đường Phố Cát, ra Bìm Sơn⁽¹⁾ rồi con đi tuốt tàu ra Hà Nội. Quãng ấy tuy toàn đường rừng cả, nhưng lúc này thì con lại phải can đảm xông pha trên con đường ấy. Tuy là đường khó đi, song trên khúc đường đó tính mệnh sẽ không bị nguy hiểm.

Đây cha hãy tạm cho con hai trăm bạc này làm lộ phí ; đi xa con chớ nên đem nhiều của cải ; dần dần sau này cha sẽ gửi cho. Đi theo con, cha sai hai bố già của con và tám tên lính Mường mang đủ súng ống. Ngựa đã sẵn sàng cả rồi, mười một thầy trò con sáng sớm mai mờ mờ đất đã phải khởi hành, để đến trưa ngày kia kịp tới Bìm Sơn, kéo lữ tàu thì lắm điều đáng ngại. Con nên cẩn thận nhé ! Chớ nên cậy sức mình trai trẻ, cường tráng, mà có khi thiệt hại cả một đời.

Thôi, cha nói thế đủ rồi. Bây giờ con nên vào lạy từ mẫu thân con và hôn các em con, rồi con chong chóng đi ngủ sớm để sáng mai mà dậy sớm !

Ngày hôm sau trên con đường gập ghềnh ven sườn núi chạy từ Thạch Thành sang Phố Cát, ngồng ngoèo xuyên đám rừng rậm, một đoàn kỵ mã làm cho cát bay sỏi bắn mù trời. Trong đoàn kỵ mã đó, Đèo Lâm Khẳng tâm hồn lo mong, hồi hộp, bỏ chốn đã chôn rau chằng, đi tìm hạnh phúc ở một vùng khác, đi tìm sự sinh hoạt êm đềm lặng lẽ, xa lánh mặt kẻ thù tàn ác, ngỗ hầu bảo tồn lấy giọt máu cuối cùng của một dòng họ quý phái bị kẻ thù sắp làm cho tuyệt diệt suy vong.

MA TRẦNH

I

Trên con đường hẻm chạy quanh co ven những khu rừng sâu thẳm, ven những rìa núi gập ghềnh khi thì cheo leo, khi thì khuất khúc, một đoàn kỵ mã phi nước đại làm cho bụi bay sỏi bắn mù mịt, trông xa như một rừng

(1) Bìm Sơn : thuộc tỉnh Thanh Hóa.

mây trắng xóa phát phơ bay giữa đám lá cây um tùm xanh biếc, che khuất một góc rừng vầu. Đoàn kỵ mã ấy đi nhanh lắm không hề dừng lại nghỉ ngơi một phút còn con nào.

Suốt một ngày, ngựa gồng công, người cố sức, mà chỉ có thể vượt nổi non sáu chục cây số, không thể hơn được nữa. Như thế đã là nhiều lắm, bởi vì so với các hành khách thường, đoàn kỵ mã kia đi nhanh gấp đôi trên những quãng đường núi hiểm hóc dù có ngựa hay một ngày cũng chỉ đi được ba chục cây số đã là già lắm. Nếu đường đất bằng phẳng như đường nhựa dưới tỉnh, một con ngựa tốt có thể đi một trăm cây số là thường, nhưng ngặt nổi hết lên dốc thì xuống đèo, hết nhảy suối đến vượt khe, mà ngựa lại không phải là một vật ép đi nhanh được mãi ! Ví không thương đến nó, bắt nó chịu nhọc nhằn quá sức, thì ngày hôm sau thường khi phải bỏ nó lại để nó dưỡng bệnh hoặc phải đem chôn xác nó. Ngựa vốn không phải là máy, những kẻ sành nghề chơi ngựa chẳng bao giờ bắt ngựa làm việc quá chừng. Những quãng đường núi gập ghềnh, nếu muốn vượt qua cho mau chóng, phi dùng ngựa, không dùng được một thứ xe cộ nào cả. Xe đạp, xe mô tô, không đủ sức lên những cái dốc thẳng vút, xuống những con đèo dài ngoằn ngoẵng, hoặc nhảy qua những khe suối chạy ngang đường. Nói đến ô tô, thì lại càng chán nữa ! Tuy thứ xe ấy có khỏe, có tốt nhưng nó không thể dùng được để vận tải mình trên những quãng đường núi nhỏ hẹp, gồ ghề, nhiều khúc khuỷu. Giá có thể dùng được ô tô, Đèo Lâm Kháng đã không phải nhờ đến sức ngựa ! Mà cũng vì đi ngựa nên suốt một ngày, anh ta chưa qua hết địa phận xứ Mường. Chàng họ Đèo rất lấy làm lạ, tự nghĩ : "Quái ! Từ Thạch Thành đến Bìm Sơn, chỉ có độ hơn năm mươi cây số, đáng lẽ ta đã ra khỏi biên giới miền đồng rừng từ lâu, sao giờ đây vẫn còn lẩn quất ở chốn sơn lâm này mãi ?". Chàng bèn hỏi mười người lính theo hầu ; họ cũng đều ngơ ngác, không hiểu thế nào lại ra như vậy cả. Lâm Kháng, phứt chốc, thấy tâm thần rối loạn, chàng bồi hồi lo sợ cho sinh mệnh của chàng.

Khi mặt trời xế núi, ngọn gió rừng nổi lên, thổi tung lá khô tan tác, phả vào mặt cả đoàn kỵ mã, làm cho ai nấy đều ái ngại, rùng mình. Họ nhớ rằng phi ngựa đã một quãng xa mà suốt dọc đường không từng thấy căn nhà nào cả. Đến xâm xẩm tối tất cả đoàn cùng bốn chồn kinh khủng, chỉ lo không tìm được chỗ trú ngụ ban đêm, thì có khi khó lòng sáng hôm sau còn trông thấy ánh mặt trời nữa. Đương lúc đều chung một nỗi băn khoăn

ghê rợn, may sao Đèo Lâm Kháng, tinh mắt, nhận thấy nẻo xa một cái nhà sàn đứng trơ vơ dưới chân đèo. Đoàn kỵ mã bèn rào bước đi lại phía nhà sàn ấy. Tối nơi, trời vừa tối mịt, gần không trông rõ mặt nhau... Căn nhà kia trông vững chãi, lịch sự, nhưng tựa hồ hiu quạnh, không có ai ở cả. Bởi lẽ khi cả đoàn ồ lại, chẳng ai được nghe một tiếng động cồng con nào tự trong nhà ấy đưa ra. Họ đều lấy làm kỳ dị. Có lẽ chủ nhà là một gã tiểu phu hiện còn bận gánh củi, chưa kịp về tới nhà ; chứ nếu nhà kia không có chủ, sao bậc thang lên sàn vẫn đương còn bỏ xuống, chưa đem cất lên trên ? Mà sao dưới sàn lại có đủ bò, lợn, gà, vịt nằm ngổn ngang trên mặt đất ? Trông lên mé trên, cửa trước còn mở toang cả hai cánh ; thấp thoáng mé trong lại hình như có một cái bàn, một cái chõng ; trên bàn có mâm bát giống như trong một quán hàng nước dựng ở dọc đường. Có lẽ đây là một cái quán thật !

– Bà hàng ơi ! Bà hàng ! Có thể cho chúng tôi ngủ trọ một đêm không hở ?

Trong nhà vẫn không có tiếng động. Nhưng một giọng nói lạnh lạnh, giọng nói đàn bà, một giọng nói nghe gần mà như xa, cao mà như thấp, tựa hồ véo von từ cõi vô hình đưa lại, một giọng nói biết bao êm đềm thấm thía, sao cũng lạnh lẽo, buồn rầu, một giọng nói sang sảng thánh thót lọt ra, rót nhẹ vào tai đoàn kỵ mã lỡ đường, làm cho bọn họ tự nhiên, không hiểu tại vì đâu, bỗng thấy ghê ghê rờn rợn, lạnh đường sau gáy. Cả đoàn đứng tụ dưới đất, nhìn nhau, ngẩn ngại. Bởi lẽ tiếng ai kia vẫn vắng ra chào mời vốn vã, mà bóng hồng, tuyết nhiên, không được thấy ra vào. Đoàn kỵ mã dừng dằng, chưa quyết định. Ra đi cũng dở dang khó xử, vì trời đã tối lắm rồi, đường đất lại nhiều nguy hiểm. Ở nán lại, thì không khéo sa vào một căn nhà mờ vắng vẻ, nằm chung với chiếc quan tài ! Tiếng oanh tho thè kia, nghe lạnh lạnh như tiếng ma cảm dỗ. Bởi cơ ấy, cả đoàn không dám tiến, cứ bồn thần mân mê dây cương ngựa, giết thì giờ.

Giọng nói trong nhà sàn, bỗng đâu lại lọt ra đầm thấm :

– Mời các ông cứ vào đây, không ngại ! Em đang còn bận dở tay tý chút, thầy me em lại đi vắng chưa về. Xin các ông cứ vào, cho em thất lễ một vài phút, sắm sửa cho gọn gàng, rồi sẽ xin ra tiếp rước.

Ở với ma còn hơn quay đi hiến thân làm mối cho hổ, Lâm Kháng nghĩ vậy mạnh bạo bước lên thang, vừa bước vừa quay lại bảo anh em trong bọn :

– Anh em cứ vào ! Một vài người đem buộc ngựa cho chắc chắn, xong ta lên cả đây hội họp nghỉ ngơi ! Chúng ta hơn mười người, còn sợ gì mà phải rụt rè, vô lý thế.

Lời nói hăng hái của chủ đoàn làm cho cả bọn cùng thấy tâm thần phấn khởi. Sau khi đã buộc ngựa chắc chắn ở một góc gậm sàn, cả mười một người mạnh mẽ bước lên thang, tiến vào trong quán. Thoạt bước vào, ai nấy đều thấy mạch máu tựa hồ hơi ngừng lại, con tim tựa hồ vỗ đập nhẹ hơn tý chút, bởi lẽ trong nhà, một vẻ lạnh lẽo ngấm sâu vào hoàn cảnh, bao phủ thân thể họ, xuyên qua mấy lần áo, đủ tỏa khắp trên da thịt, làm cho khí khái của họ, vừa mới nhóm, bỗng đã thấy tiêu rồi. Cả mười một người cùng có chung một cảm giác : ai cũng như ai họ cùng thấy lạnh buốt sống lưng, ghê rợn một cách tự nhiên, không hiểu tại đâu nguồn gốc. Họ nhìn nhau im lặng. Không ai nói với ai, nhưng họ hiểu nhau thâm thúy ; họ biết rằng, tránh cộp, họ đã sa vào biệt thự của ma, một thứ ma Mường rất thiêng, rất độc, có thể lấy tính mệnh con người trong khoảnh khắc, dễ dàng hơn trở bàn tay.

Thôi chết ! Đây là một căn nhà mồ ! Một căn nhà mồ bỏ hoang, bỏ vắng, bỏ trống dọc đường ; một căn nhà chỉ chứa có mỗi một cỗ quan tài, một căn nhà không đựng một chút sinh khí nào cả ! Nguy hiểm quá ! Kẻ nằm trong quan tài kia lại là một thứ ma hiện ra người được, nói nheo nhéo được, đi đứng được, có đủ quyền thế và oai lực gìn giữ của cải của nó, dù của cải kia là miếng cơm, là bát nước, là con vịt, là con bò...

Nghĩ đến đây, đoàn kỵ mã mười một người bỗng thấy - thần hồn nát thần tính - kinh khủng tới cực điểm. Chỉ một chút nữa, họ sẽ hóa ra một lũ vật hoảng sợ, họ sẽ chen nhau, xô ngã nhau, chạy ùa ra ngoài sân, bước mau xuống cầu thang luống, vớ mau một con ngựa rồi trốn cho nhanh, cho nhanh, không còn dám ngoảnh đầu lại nữa. Nhưng...

Nhưng, bỗng đâu, từ gian nhà trong, xuyên qua lần tường phen và lần cửa tre đóng chặt, tiếng người thiếu phụ lạnh lạnh chào mời khi nãy, giờ đây lại sang sảng đưa ra, đậm hơn, nhẹ hơn, dịu dàng thánh thót hơn, làm cho ai nấy phải ngơ ngẩn nhìn nhau, nửa tin, nửa ngờ, không hiểu thế nào là phải nữa.

– Anh em ôi ! Xin đừng kinh hãi ! Em đây quả là người, trên có cha mẹ, dưới có anh em ; em là một kẻ đàn bà thô bỉ, nhưng là người thật, không phải ma quỷ đâu, xin đừng ngại ! Em không có lòng nào ám hại viên khách lỡ đường đâu ; em đây vốn dòng lương gia nữ tử ! Cha mẹ và

anh của em hôm nay không may đi vắng cả, có việc cần kíp phải đi, chả ngờ lại đúng vào ngày anh em hạ cố tới đây, vào nương nấu ngũ nhờ đây một tối ! Anh em cứ yên tâm ngồi nghỉ ngơi tý chút, em còn bận dở tay làm việc ; chốc nữa xin đem cơm rượu ra bồi tiếp anh em - xin đừng nghĩ quẩn, lo quanh ; nếu cả đoàn không chịu nán lại một đêm mà cứ nhất quyết ra đi, anh em sẽ không tránh khỏi vuột beo, hàm cọp. Ở xung quanh đây, suốt một vùng vài mươi dặm, hùm thiêng thú dữ rất nhiều. Nhất là... nhất là Thần hổ xám độ vào quăng này, ngài hay đi tuần qua núi...

Đương khúng khiếp muốn trốn đi, đoàn kỵ mã nghe tới đây đều đổi ý, không dám bước ra ngoài nữa. Họ dẫu còn chưa vững dạ hẳn, nhưng mấy lời êm thấm kia đã rót vào tâm hồn họ một vài tia hy vọng đầm ấm ; họ tự thấy đỡ lạnh lùng, đỡ ghê rợn ; họ đều muốn ở lại. Trong khi ấy, giọng người con gái trong nhà lại vắng ra thánh thót như ru :

– Anh em ở đây, không có gì đáng ngại. Ma cũng không sợ ! Phụ thân em nguyên làm thầy Mo trong vùng này, nhà em đều có dán các thứ bùa hộ mệnh rất nghiêm. Anh em nằm trong nhà sàn này tựa như nằm trong hang đá vững chãi, không còn mãnh thú ác quỷ nào dám xông xáo lại gần. Vậy, anh em đã rõ chưa ? Hãy cứ dần lòng chờ em độ ít lâu, em xong chút việc riêng xin mở cửa ngay cùng anh em trò chuyện !

Trong tất cả mười một người, riêng chủ đoàn là vị khách có can tràng hơn cả. Bởi vì chàng còn trẻ, chưa từng được nhiều kinh nghiệm, hóa nên coi cái chết rẻ như không. Song le, chàng không muốn chết một cách ngu si dưới hàm con thú dữ thù chàng ; chàng bèn quả quyết ra lệnh cho anh em cùng ở nán lại trong căn nhà sàn của thiếu phụ "không thấy người chỉ nghe thấy tiếng".

Đoàn kỵ mã lúc bấy giờ mới bạo thêm lên một chút, người nọ dựa vào kẻ kia, họ tin ở sức mạnh của số đông. Họ bèn vui lòng cời hành lý, tháo dây lưng ngồi nghỉ la liệt trên sàn lạnh lẽo.

II

Đoàn kỵ mã đi theo Đèo Lâm Kháng, khi mới thoát vào nhà sàn của người thiếu phụ có giọng nói lạnh lạnh, đã tưởng và sợ gian nhà ấy là một cái nhà mồ. Họ đều rõ biết phong tục của dân Mường, hóa nên càng suy nghĩ bao nhiêu, họ càng khùng khiếp bấy nhiêu. Lâm Kháng cũng có ý hơi

rờn rợn, song le chàng còn trẻ, có nhiều sức khỏe và can đảm, nên không lấy thế là đáng ngại ngừng cho lắm. Dù lỡ sa vào nhà ma thì đã có làm sao ? Chàng điềm tĩnh ra lệnh cho anh em cứ vui lòng nghỉ ngơi trong quán trọ.

Câu chuyện bắt đầu từ một lời vui đùa vô nghĩa, dần dần nở như gạo rang, rồi gây ra những tiếng cười giòn giã, những giọng nói mạnh bạo, trong khi hai ông bố già, từ xưa vẫn theo hầu Đèo công tử, nằm vắt tay lên trán, trầm ngâm trong những ý tưởng gì miên man, hoặc trong mối ái ngại gì bí mật, khiến trên trán hai vị lão nô đó, thỉnh thoảng lại in lằn rõ rệt những nét nhăn lo sợ, mà trong đồng tử họ, lờ mờ như ẩn hiện một nỗi buồn không bến không bờ.

Bỗng đâu, cánh cửa phòng bên kệt mở. Cùng giật mình quay lại, cả đoàn kỵ mã trông thấy một cánh nửa êm đêm nửa rừng rợn, xuyên vào óc họ một cảm giác dị kỳ. Giữa lúc họ đương bồi hồi thấp thòm, một con chim rừng gáy trống canh rúc lên một hồi ảo não, thảm buồn. Đoàn kỵ mã nhận biết lúc đó đúng mười hai giờ đêm, không sai nửa khắc. Sẵn có chút nghị lực cả đoàn im lặng đợi chờ...

Và cánh cửa tre mở ra, cõi u minh như hiện rõ ràng dưới tầm mắt họ. Và, trên nền trời tối đen, mờ mịt, bỗng nhô ra một cái bóng lẫm liệt, lại dịu dàng.

Cái bóng kia có lẽ là bóng ma rừng, một thứ ma rừng thiêng liêng và tàn ác lạ : đó là bóng một nàng con gái !

Trừ Lâm Kháng đương mơ màng thiêm thiếp, cả đoàn như dán mắt vào cửa phòng bên cạnh mở toang. Trông vào trong, không thấy sự gì, chỉ thấy bóng tối chập chùng, thăm thẳm...

Một khắc, cả đoàn cùng lo ngại. Nhưng không, người con gái kia đã tiến ra, vui vẻ, tươi cười.

– Em xin chào các anh em. Anh em sao mà đông thế ?

Giọng nói lạnh lạnh, như một luồng gió rừng lạnh buốt phả vào thân thể đoàn kỵ mã làm cho ai nấy giật mình. Thôi ! Ma, có lẽ là ma ! Mạnh bạo, cả đoàn cùng nán đợi...

Người con gái kia, nếu không phải là ma, họ tất đã tranh nhau xin cùng nàng ân ái. Nàng đẹp đâu mà đẹp quá ! Toàn thân mặc đồ trắng, không mặc vải lam như những đàn bà con gái khác. Y phục nàng là y phục hản thổ. Cũng cái khăn trùm mái tóc, cũng cái váy quần ngang lưng và dài

xuống tận mắt cá, cũng cái yếm che ngang ngực và mảnh áo dài bó sát lấy vai rồi thướt tha rủ xuống. Nàng là một thiếu nữ Mường, nhưng một thiếu nữ Mường tuyệt sắc, có lẽ đẹp hơn nhiều các cô ở dưới tỉnh thành ! Áo quần nàng làm sao không có vẻ thô bản như những áo quần vải trắng, nó trông óng ả như tơ, mềm mại như lụa ; nó còn có một dấu hiệu lạ hơn nữa là nó ẩn mà như hiện, rõ mà như tựa hồ bản chất nó là sương, là khói... Thiếu nữ đi như không bước, thế mà nàng tiến lại mé đông người. Môi nàng đỏ thắm như hoa, cười một nụ cười say đắm. Hàm răng ai trắng nõn như ngà. Trong bầu không khí ẩm đậm, mật mờ, đôi con mắt đen sáng như gương, dưới vành lông mày dài, phăn, vành cong bán nguyệt, chiếu ra một luồng quang tuyến dị kỳ. Cũng thì con mắt loài người sao đôi mắt nhi nữ kia quá sắc sảo, lạnh lùng như vậy ? Trông vào nó, như chạm phải một lưỡi dao mài rõ ngọt, như đương đứng trong tối mà ngẩng nhìn một tia chớp chói lọi xanh trong.

Phàm giả những cặp mắt đàn bà, từ xưa đến nay, có nhiều khi nó sắc hơn dao, hay nó nồng nàn say đắm ; chưa từng bao giờ nó chan chứa hào quang, thế mà, chả hiểu vì đâu, đôi mắt ai kia không có vẻ gì say sưa, đậm ấm cả, nó lạnh lẽo như băng giá, lại ngời sáng như điện quang. Mới thoát ngấm giai nhân, ta bị giật mình chói mắt, nhưng nhìn lâu rồi cũng quen đi ; chỉ là vì nổi càng trông thẳng vào nàng, càng như thấy một luồng điện êm như nhung, mà mạnh như gió, lôi cuốn mình như đá nam châm hút sắt, lại truyền cho mình thứ cảm giác gì khó hiểu luôn vào từng mảnh thịt trong người, làm cho mình phải lạnh buốt run lên. Nhưng đấy mới chỉ là đôi mắt. Trông đến tay chân và nước da thiếu nữ, cả đoàn kỵ mã lại càng thấy lòng can đảm tiêu tan dần dần. Tay thiếu nữ đáng lẽ, so với tám thân đều đặn diễm lệ kia, phải là một bàn tay ngọc ngà mũm mĩm, cơ sao nó gầy gò, xương xẩu, trông như thịt rã đi rồi ? Trái hẳn với đôi môi như tô sáp son đỏ rực, màu da mặt trông xanh, xanh lướt, xanh một màu xanh vàng lợt, chả khác gì màu sáp ong đã lọc sạch. Màu da ấy như chỉ cho kẻ sống biết thiếu nữ kia là người từ cõi u minh trở lại, là người trong cõi chết, là một cái thây ma vượt quan tài đứng dậy ra ngoài.

Đoàn kỵ mã, sẵn có khối óc tinh ma, đều nhìn nhau thất kinh. Sự sợ hãi của họ gần lên đến cực điểm. Chỉ một phút nữa họ bỏ cả chủ đoàn, cả hành lý chạy ùa xuống gác. Nhưng may thay, thiếu nữ hình như biết rõ tâm lý họ, vội xua tay, êm ả nhủ rằng :

– Các anh em đừng sợ. Xin cứ yên lòng ở nán lại đây. Em không làm hại các ngài đâu, em không được lợi gì cả. Mà dầu các ngài có bỏ đi, ví như ý em đã quyết bắt các ngài phải chết, các ngài có tài trời cũng không trốn thoát tay em. Nhưng trái lại, đã không làm hại anh em, em đây còn muốn cứu cho cả đoàn nữa. Chớ đi ! Xin chớ đi ! Qua khỏi cửa nhà em, đêm hôm nay không một vị nào thoát khỏi vuốt thiềng của Thần hổ xám !

Ba tiếng "Thần hổ xám" sau cùng nói to hơn các tiếng khác, khiến cho Đèo Lắm Khẳng, đương nằm lơ mơ thi u ngủ bỗng giật mình ngồi phắt dậy rồi đứng lên. Chàng dụi mắt ngắm hoàn cảnh xung quanh, bỗng luồng nhỡn tuyến của chàng chạm phải đôi đồng tử lạnh lẽo, nhánh đen của thiếu nữ mặc y phục trắng. Bốn mắt nhìn nhau lâu lắm ; chàng thiếu niên như không sợ sệt chút nào ; chàng không bị đôi mắt ai kia thôi miên và làm cho ngây ngất.

Có lẽ trong lúc óc chàng đương say mơ, chàng trông người con gái đứng trước mặt thấy nàng đẹp một vẻ rất diễm lệ, yêu kiều. Chàng ngỡ ngợ hình như có quen nàng từ trước : nhưng trong lúc say sưa, chàng quên bẵng đi, cứ tưởng tượng rằng ai kia là một vị tiên nga trong cõi mộng giáng lâm. Xiêu lòng vì mỹ cảm, chàng tiến lại mé nàng :

– Em ôi ! Một đời hồ dễ mấy phen được cùng nhau gặp gỡ tự nhiên, anh chắc đời ta hẳn có tiền duyên ràng buộc. Đã được vui vẻ cùng nhau sum họp, chúng ta phải có rượu mừng. Phải thưởng cho hết những phút say sưa, cuộc đời có được bao nhiêu sinh thú ? Nào em có cơm ngon rượu ngọt, cho chúng anh ăn uống với nào ! Rồi em cùng ra đây dự tiệc, đôi ta sẽ nâng chén quỳnh tương bàn mọi chuyện tương lai... Vì không biết nhau thì thôi, nhưng đã quen nhau trong một trường hợp như trường hợp hôm nay, em phải làm cho anh sụng sướng, ngõ hầu quên hết nỗi lo sợ, buồn rầu. Dù em có là yêu tinh hay là ma quỷ hiện hình, anh cũng không ngại. Âm dương tuy đôi ngả, nhưng ái tình chỉ có một đó thôi ! Nào em, em nếu thuận tình, xin nói thật cho anh hời dạ.

Mặt thiếu nữ đương xanh ngất bỗng đỏ hồng le lói như sắc mặt trời. Một thứ ánh sáng dị kỳ khiến nàng trông đẹp thêm ra, không có vẻ lạnh lùng như trước nữa. Nhan sắc nàng lúc đó tựa hồ vì câu nói chàng thiếu niên mà bừng bừng nhuốm dần sinh khí, mà tăng vẻ nồng nàn, tươi thắm : bông hoa phù dung ban đêm trắng toát đã vì lửa nắng hè mà hóa đỏ hồng hồng. Thiếu nữ liếc mắt gợn sang mé Lắm Khẳng những tia ân ái êm êm,

chan chứa ; nàng hé miệng tươi cười hớn hở lại gần nắm lấy tay chàng. Chàng vẫn bình tĩnh như không, hình như không cảm thấy bàn tay ấm áp và tốt đẹp của mình đã cầm phải những khớp xương cứng cỏi, đã vì sự đụng chạm đó mà lạnh tê, lạnh buốt, tưởng chừng bàn tay ai vốn làm bằng giá, bằng băng. Hai ông bà già thấy cảnh ấy bỗng giật mình, lo lắng. Hai bố lấy làm ngạc nhiên khi thấy Lâm Khăng ngây ngất quàng vai thiếu nữ, nhỏ nhẹ bảo nàng :

– Rượu đâu em ? Em khá mau đem cơm rượu ra đây, chúng ta cùng thưởng thức buổi hiếm có này làm kỷ niệm !

Thiếu nữ thoăn thoắt đi vào trong buồng tối. Hai ông bà già, nhân lúc vắng mặt nàng, bèn kéo Lâm Khăng xuống, rỉ tai chàng khuyên bảo những câu gì nhỏ quá, không ai nghe rõ. Lâm Khăng gật đầu mấy cái, ngồi thụp xuống, trả lời rằng :

– Hai bố cứ mặc con xoay xở. Nó vốn là ma hiện hình, con biết chắc nó là ma, nhưng rồi ta sẽ có cách. Hai bố đừng lo ngại, cứ yên lòng, kiên nhẫn, chờ xem cơ hội thế nào. Nếu quả nghiệp con phải đoán thọ về thú dữ hay ma rừng, thì dầu cao chạy xa bay cũng không thể nào tránh khỏi.

Một vài phút sau, độ gần canh ba, cơm rượu đã bày la liệt trên sàn nứa. Thiếu nữ thân bung mâm ra, vui vẻ mời khách lữ hành cùng hạ cố uống say một bữa. Dựa vào can đảm của chủ đoàn, mười người kỵ mã đuổi hết trong tâm trí những nỗi lo sợ viễn vông, cùng ngồi cả xung quanh mâm cỗ, chúc rượu mừng Lâm Khăng cùng giai nhân. Trong khi ăn uống, một người trong bọn tươi cười hát một khúc anh hùng ca chúc thọ chủ đoàn. Rồi cả bọn cười nói nô đùa ; gian phòng lạnh lẽo bấy giờ như chứa đầy sinh khí.

Ngọn đèn dầu lạc từ từ lụi tắt. Tiếng chim rừng đã xao xác báo canh tư. Mười tên kỵ mã say quá, lại mệt mỏi cả ngày đêm, nên cùng ngã gục xuống mặt sàn nằm la liệt ngủ miên man như xác chết. Đợi lúc tất cả cùng lăn ra mê mẩn, cô gái Mường mặc y phục trắng mới ung dung đứng dậy ; rồi, mắt liếc trăng hoa, mỉm cười mây gió, nàng lộ ra một vẻ si tình đắm đuối nũng nịu kéo tay Lâm Khăng, dắt chàng vào.

Một con mãnh hổ, mé xa gấm vang chuyển cả một khu rừng núi. Một làn gió lạnh, lọt vào khe cửa, bỗng lay động tia lửa còn con của ngọn đèn. Tia lửa vụt tắt. Bóng tối đen chiếm lấy không khí, chứa đầy và bao bọc hẳn gian phòng.

III

Đã tỉnh rồi nhưng chưa mở mắt, Đèo Lâm Kháng có cảm giác là trong tâm hồn chàng hình như có một chỗ hổng, một chỗ trống rỗng, đen mờ. Trí nhớ chàng như bị đứt quãng. Chàng không hiểu chàng nằm ở chỗ nào, và lúc đó vào khoảng mấy giờ. Ốc chàng lơ mơ, như bị một bức màn quên che lấp một vài lớp. Chàng thấy cồn cào ruột gan, khát nước lạ thường. Gân cốt chàng hình như bị nhũn hết cả ra ; chàng tuy không mệt nhọc, song không hiểu vì sao, thấy thân thể cứ như bị bản thần, tê tái, buồn buồn mỗi mỗi dị kỳ. Chàng bèn duỗi chân duỗi tay rõ mạnh cho lại sức và tỉnh táo, vừa vươn vai, chàng bỗng đã rút tay vào, kinh ngạc. Chàng vừa đụng phải một vật gì to và cứng, tựa hồ như một súc gỗ tròn. Súc gỗ ấy như kê sát bên cạnh chàng, chàng vì mê ngủ nên không biết. Một cái nhún mình, chàng bèn đứng phắt dậy, mở mắt to quan sát.

Chao ôi ! Càng trông rõ, hồn chàng như càng bay bổng lên mây. Lâm Kháng không thể cầm được nổi kinh hoàng đến cực điểm, chàng bịt mắt kêu to lên một tiếng. Thì ra vật chàng đụng phải là một cái quan tài, một cỗ quan tài bằng bạch mộc, bào rõ tròn và chạm trổ rất công phu. Chàng càng nghĩ lại, càng rung mình rợn tóc, bởi cả đêm hôm qua – bấy giờ chàng đã nhớ - chàng ôm ấp một xác ma khăng khít ở bên mình. Bao nhiêu những việc đã xảy ra đêm trước bỗng tự nhiên dồn dập hiện rõ trong óc chàng, lấp chập những chỗ trống rỗng chàng cảm thấy khi thoát vừa tỉnh giấc.

Sau khi bọn kỵ mã ngã lăn ra, say khướt, thiếu nữ mặc y phục trắng dìu chàng vào cùng chung gối trong phòng. Tia lửa cuối cùng của ngọn đèn dầu lạc bỗng bị gió lay, tắt mất. Giữa bóng tối trùng trùng điệp điệp, Lâm Kháng không nhìn thấy vật gì. Trong lúc ảo đảo say sưa, những cảm giác của chàng lơ mơ, không được rõ ràng, chính xác. Chàng chỉ nhận được rằng, khác với cảm tưởng buổi bắt tay trước tiên, những cảm giác sau này liên tiếp trong xác thịt chàng đều là những khoái lạc tiêu hồn và êm ái. Bên cạnh một giai nhân chung tình và nũng nịu, chàng thấy không khí tựa hồ ấm áp, lòng son tựa hồ bừng nóng, mạch máu tựa hồ nổi sôi. Bàn tay ai kia, buổi sơ thân, cứng như xương mà lạnh như băng tuyết, cứ sao nửa khắc sau khi người ngọc nhấp môi vào ba ly rượu nếp, nó bỗng hóa ra mềm mại, mịn, dẻo, nó bỗng tỏa ra một nguồn sinh khí nồng nàn ? Rồi không những thế, con mắt ai lạnh lẽo cũng dần dần thùy my, màu da ai xanh lợt cũng dần

dần tươi tỉnh, hồng hào. Cặp má đào của thiếu nữ bỗng đỏ bừng lên, nàng vứt bỏ tấm khăn quàng ngang mày, tung lăn tóc nhánh đen lòa xòa rủ dài xuống gót.

Ồi ! Sắc đẹp như thế sao không phải khuynh thành khuynh quốc ; Lâm Khăng những hối hận đã quá ngỡ vực, liệt bạn tình vào loài ma quỷ, yêu tình. Chàng lại tự cho mình sung sướng, tự cho mình có hạnh phúc, lần đầu tiên trong đời, được biết thú ái ân trong một thiếu nữ yêu kiều đường ấy. Say rượu, say gái, chàng đắm đuối trong trường lạc thú, rồi quên, quên cả, quên hết nghĩa vụ và bốn phận đợi chàng trong quăng tương lai. Ở một hoàn cảnh tương tự như hoàn cảnh này, không ai có thể làm hơn chàng được nữa. Lâm Khăng từ trước đã liều phò thân thể và linh hồn cho số mệnh cho duyên nghiệp, chàng cứ tự nhiên làm đúng theo lời dặn của con tâm, của xác thịt, không quản gì đến kết quả sau này.

Đêm hôm ấy, thấy thiếu nữ tỏ ý âu yếm chàng cũng chẳng nề hà, trả lại cho nàng một tấm yêu chân thật. Giữa bóng tối chập chùng lạnh lẽo chàng được biết người đàn bà thứ nhất, chàng được cùng nàng say đắm trong một cuộc ân ái mê ly. Chàng không thấy lạnh lẽo nữa, dẫu rằng ngủ không chăn, không đệm. Thiếu nữ tựa hồ cũng như chàng được biết khoái lạc chung tình lần thứ nhất. Nàng yêu đương chàng một cách nồng nàn thân thiết, sẽ vuốt ve chàng và lên giọng ní non hát ru cho chàng ngủ, khiến hồn chàng phút chốc như chia tan ra, như bay bổng lên một tầng thế giới xa xăm. Gối lên cánh tay ngà ngọc của người yêu, chàng thiu thiu buồn ngủ. Giọng hát âm trầm tòà trong không khí gian phòng một điệu ca Mường buồn bã, nửa nã nuốt, nửa dịu dàng, một điệu âm thanh khi nhẹ nhàng, khi ai oán, khiến cho chập chờn trong giấc điệp, chàng thiếu niên lánh nạn còn phảng phất nghe tiếng ru văng vẳng bên tai, tiếng ru xa lác xa lơ, từ cõi u minh đưa lại. Lâm Khăng ngủ đã say, hơi chàng thở đã đều, thế mà giọng hát vẫn còn âm í văng ra không ngớt. Mãi đến khi gà rừng báo hiệu canh năm đã dứt, mãi đến khi trăng sương đã đi hết quăng đường mây biếc, gần sang nắp bóng non Đoài, lúc bấy giờ tiếng hát bỗng nhẹ dần đi, rồi ngừng, rồi im bật.

Đến lúc Lâm Khăng bàng hoàng tỉnh giấc, chàng thấy mình nằm trơ vơ trên sàn nứa, ngay bên cạnh một chiếc quan tài. Chàng hoảng sợ định tìm đường chạy trốn, thì bốn bề cửa đóng kín như bưng. Buồng bên cạnh, cũng không nghe thấy tiếng người động dậy. Có nhẽ họ còn ngủ ? Có nhẽ họ bỏ

trốn, hay chạy đi tìm chàng tất tưởi ở trong rừng ? Hay là họ bị loài yêu kia làm cho chết hết cả ? Bao nhiêu ý nghĩ lộn xộn làm não lòng Lâm Kháng. Chàng hãi hùng, luống cuống vô cùng, nhưng chàng biết tìm cách gì thoát thân cho khỏi nạn. Trông khe phen tia ánh sáng ở ngoài vào phòng tối, chàng nhận biết lúc đó độ vào khoảng giờ Ngọ, gần đúng giữa trưa. Chàng như một tên tù bị giam hãm trong nhà pha, chỉ có cách vượt ngục là may ra tìm thấy ánh mặt trời xán lạn. Chàng bèn lấy vai húc vào tường rồi xô, rồi đập, nhưng đều vô công hiệu ; phen tuy trông mỏng mảnh mà rất chắc rất bền, và chẳng mé ngoài lại có những then ngang then dọc làm cốt. Chàng chân tay không, trong mình tịnh không có một tý khí giới nào, hóa nên dù lực lưỡng, chàng cũng đành bó tay chịu nhót. Chàng tự nghĩ : "Mình đã bị nó quyết lòng hãm hại, thì có chạy lên trời nó cũng đuổi theo !". Suy tính thiệt hơn, chàng đành lòng ở lại trong phòng cùng cỗ quan tài, cùng thầy ma chết. Chàng không muốn trốn nữa, vì biết rằng có trốn cũng vô ích, cũng uổng công.

Đương vợ vấn bốn chôn chàng bỗng thấy bên cạnh quan tài một tờ giấy hoa tiên phơn phớt đỏ. Không hiểu tờ giấy đó ở đâu bay lại, chàng lấy làm quái dị vô cùng. Chàng bèn cúi xuống lượm tờ giấy đó, đem lại một khe hồng trong tường, nhờ ánh sáng ở ngoài chiếu vào, đọc. Bức thư kia đại khái như sau này :

"Xin anh đừng lo ngại, em không nỡ lòng nào ám hại anh đâu. Sở dĩ nhót anh là vì em muốn cứu anh đó. Nếu anh dậy sớm quá, trước buổi đúng Ngọ, xin nán đợi em ít lâu. Đến trưa, mới là giờ em được về dương thế nói chuyện cùng anh, anh hãy cố kiên nhẫn. Sợ anh không yên dạ, em phải để lại thư này từ tối hôm qua. Anh chớ đi đâu nhé ! Chớ ra khỏi cửa phòng này mà bị hại, thì em khó lòng cứu anh được vạn toàn ! Muôn ngàn ân ái gửi cho anh, anh chớ phụ tình em yêu quý anh mãi mãi".

PENG SLAO ký

Lâm Kháng rất lấy làm sững sốt khi thấy trên lá thư bút tích của đàn bà. Chữ viết trên mảnh hoa tiên là chữ quốc ngữ, một thứ chữ quốc ngữ viết còn bỏ sót dấu hoặc đánh sai dấu và bằng một giọng ngô nghê khó hiểu, lơ lớ giọng Mường học tiếng Việt Nam. Nếu Lâm Kháng không phải là một kẻ thông thạo cả hai thứ tiếng, thì có lẽ chàng khó lòng đọc hết được bức thư. Đọc xong, yên trí rằng con ma trong quan tài không chủ tâm đọc địa giết chàng, chàng thu hết can đảm và nghị lực rón gối chờ đợi.

Chàng còn mãi mê suy nghĩ, mặt trời đứng bóng lúc nào. Trong áo quan khi ấy, bỗng vẳng ra một giọng nói lạnh lạnh, nhưng chan chứa vẻ yêu đương, giọng nói của con ma áo trắng. Lâm Khăng nhận biết tiếng tình nhân, chàng mạnh bạo tiến lại gần cổ quan tài vỗ vào súc gỗ :

– Sao nàng nhốt tôi trong phòng này, không cho ra ngoài họp đây tớ lại để đi cho thoát nợ ? Tôi còn một việc cần kíp phải làm, bốn phận và nghĩa vụ đương ngong ngóng đợi tôi : xin nàng sinh phúc cho, để tôi được làm tròn công việc. Ôn ấy in sâu trong tâm khảm. Tôi thề rằng không bao giờ nữa quên nàng...

Lâm Khăng nói đến đấy, quỳ xuống sà, vái cổ quan tài bốn lượt. Một giọng cười trong trẻo đáp lại bốn lễ đó.

– Anh không cần phải nói ! Em đây đã rõ cả rồi mà ! Anh cứ yên tâm rồi em sẽ thả cho anh đi, có giữ anh lại làm gì cho bận ? Nhưng ngay bây giờ thì anh chưa đi được, vì ra khỏi nhà này, anh sẽ bị hại ngay. Chỉ bởi lẽ em muốn cứu anh, nên phải bó buộc anh như vậy. Anh cùng em có chút duyên ân ái, nên bốn phận em là phải chu toàn tính mệnh cho anh và đây tớ anh. Anh không sợ. Khi nào nghe hết chuyện em kể lại, bấy giờ anh sẽ hiểu ngay. Vậy anh nán ngồi lại đây, gần em, đưa tay lên quan tài em, yêu em một chút xem nào ! Rồi em sẽ kể anh nghe một câu chuyện lạ. Rồi em sẽ cắt nghĩa anh nghe vì sao em phải cứu anh. Anh ời ? Anh có biết em mến quý anh là dường nào ! Ít lâu nữa đời ta sẽ phải lìa nhau, có khi lìa nhau mãi mãi ! Em rồi sẽ chịu cô thân chích ảnh, biết ngày nào mới lại được cùng anh âu yếm nhau đây ? Em sẽ buồn, sẽ tủi, sẽ nhớ anh, nhưng biết làm sao cho được ? Chả qua chỉ vì duyên nghiệp ! Đời ta đã bị âm dương chia ra hai ngã, mà tình duyên theo nghiệp số, cũng chỉ ngắn có dăm ngày ? Đã không hương lửa thì thôi, chớ đã chẵn gối cùng nhau, anh cũng như chồng em rồi đó. Em phải ở cùng anh cho trọn nghĩa, dẫu rằng đời sum họp hai ta chỉ có độ dăm ngày. Em, sau này, tuy có tiếc nhớ buổi họp hoan, cũng đành nằm yên lặng trong mồ này mà đợi chờ anh lìa đời phàm tục.

Nhưng thôi. Đây là tương lai xa lắc, giờ đây anh hãy nghe em kể lại chuyện hiện thời. Nhưng muốn cho em nói hết nguồn gốc sự gặp gỡ của đời ta, anh phải nguyện với em rằng sẽ yêu em thực bụng. Và, trong mấy khắc ngắn ngủi này, anh phải thương mến em cho nồng nàn, đầm thắm, cho em khỏi tủi mình duyên phận hẩm hời. Rồi đây anh sẽ ra đi, anh sẽ

dua chen trên chốn hồng trần huyền ảo ; em, em vẫn phải một mình lạnh lẽo nằm chờ anh trong chiếc quan tài ! Em chỉ mong rằng : giữa một cuộc vui, bên cạnh một người vợ sống, trong một khắc ân ái say sưa, anh sẽ để dành cho em một chút tình thương nhớ. Thế là đủ. Rồi ra, đời cảnh nào nùng, ngấm hoa đào rụng, trong bóng trắng tà, ví anh hồi tưởng đến em, xin tưới cho em vài giọt lệ. Em ở xa xôi trong cõi vô hình vô ảnh, sẽ thấu lòng anh và phù hộ cho anh...

Nào, tình quân ôi ! Xin anh đừng sợ em là thân gái đã ra ma, anh xích lại gần đây một tý ! Bây giờ em xin kể anh nghe một câu chuyện kinh hồn.

Như một đứa trẻ ngoan ngoãn biết vâng lời, Lâm Khảng, khi xác chết thở thè nói xong mấy lời thành thực, thì không còn ái ngại chút nào, bèn ngồi sát bên cổ quan tài, vừa vuốt ve mặt gỗ, vừa lắng tai chú ý vào câu chuyện rùng rợn của cô gái Muồng đã thành ma thiêng, một thứ ma biết yêu mê, say đắm...

IV

Năm đó, anh ạ, không nhớ rõ về năm nào, cũng trong vùng huyện Thạch Thành này, có một người lính đồng thường theo hầu bên cạnh quan huyện và được ông quan đó thương yêu, trọng dụng lắm. Một hôm có kẻ đến báo cho biết mẹ anh ta ở nhà ốm sắp chết, và khuyên anh ta nên xin phép quan huyện về thăm mẹ cho tròn đạo hiếu với người gần tới buổi lâm chung. Anh lính đồng đó vốn quê quán ở Ninh Bình, vì sự kiếm ăn nên phải đi xa xôi mãi vào mé thượng du miền Thanh Hóa. Thuở xưa chưa có xe cộ đi nhanh cho lắm, hóa nên từ Thạch Thành về tới quê anh lính đồng, đường đi phải nửa tháng nếu đi ngựa, và một tháng nếu đi cáng hoặc đi chân. Bởi thế, anh lính phải liệu đi sớm tối cho về tới nhà, kéo lữ chậm thì có khi bà mẹ không được trông thấy mặt anh trước khi tắt nghỉ.

Anh lính vội vàng khúm núm vào khóc lóc kể sự tình cho quan huyện rõ và xin phép quan từ chức để về nhà trông coi mọi việc gia đình. Quan huyện thương tình cho phép về ngay sáng hôm sau, lại đưa tặng anh ta hai chục quan tiền để về quê quán làm ăn và ma chay cho mẹ. Anh ta lạy từ quan huyện và gia quyến ngài rồi thu xếp hành lý định sáng ngày mai đi sớm. Tối hôm đó, anh lính ngủ ở đầu hè nhà tư thất, để tang täng sáng ra đi

cho tiện, đỡ phiền. Độ ấy vào tiết mùa thu, trung tuần tháng Chín. Trăng lên tròn vành vạnh và sáng quắc, phong cảnh ban đêm ngoạn mục vô cùng.

Quan huyện là một ông quan thanh liêm và hiền từ ; ngài vốn là một nhà thâm nho, xuất thân vì khoa mục. Tối hôm đó, chả biết sao, ngài tự thấy trong lòng bồn chồn khắc khoải ; ngài bèn sai bưng một cái bàn mây, một cái ghế nhỏ ra đầu hè để ngồi thưởng nguyệt ngâm thơ. Rồi ngài ngồi trâm ngâm trước nhà, vừa hút thuốc Lào, vừa thần thờ ngâm vịnh. Cách chỗ quan huyện ngồi không xa mấy bước, anh lính đồng nằm đắp chiếu ngủ say. Anh đập tung cả chiếu chăn, để lộ mặt ra ngoài. Bóng trăng chiếu vào khuôn mặt anh, khiến quan huyện phải giật mình kinh ngạc. Vì không biết tại sao trong khi ngủ say, anh ta trông khác hẳn. Cái vẻ tươi cười, lanh lẹn thường ngày vẫn hiện trên bộ mặt anh ta, tự nhiên biến đi đâu mất hẳn. Trên trán anh ta lúc ấy, những đường nhăn in lằn rõ rệt, một nét cười đau đớn làm xé hằn mồm anh khiến cho anh giống như một kẻ đã chết trong một trường hợp thê thảm. Quan huyện nghĩ thầm trong dạ : chắc anh lính kia nghe tin mẹ ốm nặng nên ưu phiền. Ngài đã định không nhìn đến anh ta nữa, đi vào nhà tư thất nghỉ ngơi. Bỗng đâu, vùng mây che lấp mặt trăng tan đi, ánh trăng tia thẳng vào đầu anh lính đồng. Liền lúc ấy, một con chuột từ phía dưới nhà chạy thẳng lên hè, mồm tha một chiếc lá bàng to. Con vật ấy rón rén lại gần đầu anh lính, phủ chiếc lá lên mặt người mê ngủ.

Quan huyện ngồi yên lặng trông con chuột. Ngài lấy làm kinh dị vô cùng. Ngài cho rằng việc phủ lá lên mặt tên lính kia có lẽ là sự tự nhiên, không có điểm gì quan trọng. Ngài lại gần anh lính, nhặt chiếc lá bàng trên mặt anh ta ném ra ngoài. Rồi ngài đợi một chốc ngấm xem con chuột làm gì. Một lúc lâu, con vật ấy lại hiện ra, chạy tới mé anh lính đồng. Nó trèo lên ngực anh, rồi ngơ ngác nhìn. Không thấy chiếc lá trên mặt anh ta nữa, nó bèn leo xuống. Chẳng bao lâu nó tha chiếc lá khác phủ lên mặt anh ta ; lần này thì quan huyện cho là rất lạ lùng, ngài định bụng thử xem con chuột làm đến thế nào mới thôi. Ngài bèn nhặt chiếc lá vứt đi chỗ khác. Quả nhiên, con chuột lại tha chiếc lá nữa, làm như mấy bận đầu tiên. Cứ như thế đến non mười lần, hề quan huyện lượm chiếc lá đi thì con chuột lại đem một chiếc lá mới phủ lên mặt người lính ngủ. Mãi sau cùng, quan huyện mới nhận ra rằng nếu mặt anh lính bị chiếc lá phủ kín, thì con chuột không kỳ cục làm gì. Ngài yên trí trong đó hẳn có một điểm quái gở, bèn thôi không tò mò nữa, vào phòng đi ngủ.

Sáng hôm sau ngài trở dậy rõ sớm, cho gọi anh lính đồng lên và khuyên anh ta đừng nên trở về quê quán mà có khi gặp sự chẳng lành. Anh lính khóc lóc, lạy lạy, nhất quyết xin cáo từ, kêu rằng mẹ anh chỉ có một con, nên anh không thể nào không về nhà cho được. Quan huyện phải đành lòng để anh lính trở về quê quán nhưng ngài kể lại chuyện chiếc lá phủ mặt cho anh ta nghe, và dặn dò anh ta phải rất cẩn thận trong khi đi đường.

Lạy từ chủ, anh lính đồng mạnh mẽ ra đi. Ngày thì trèo núi, vượt khe, đến chiều lại tìm nhà trọ nghỉ chân, không dám đi đêm khuya khoắt. Như thế độ non nửa tháng. Anh ta về tới Đồng Giao⁽¹⁾, gần đến chân đèo Tam Điệp⁽²⁾. Chỗ này đường đất rất hiểm hóc và có tiếng là nơi lắm cọp dữ, hùm thiêng. Sáng sớm, anh lính đồng vội ra đi, định bụng đến chiều tìm nơi ngủ trọ. Không may con đèo dài lắm, và suốt cả dọc đường không thấy một quán hàng nào. Tối đến, anh ta lo quá, vì anh trơ vợ ở giữa đồng rừng. Nhưng anh lính là một tay can đảm lắm, anh vội vàng kiếm một cây đại thụ, trèo lên tận ngọn, rút dao bầy bên lưng vạt bớt lá um tùm, rồi căng một tấm vải dùng làm võng nằm để ngủ. Anh ngủ ngon lắm không biết kinh sợ là gì. Ngủ một mạch đến sáng ngày, anh bị một tiếng inh ỏi làm choàng tỉnh dậy. Lúc ấy độ vào gần canh năm, tang tảng sáng. Nghe tiếng kêu vang động, anh ta cúi đầu nhìn xuống đất, phải giật mình kinh hãi vì thấy chính ở dưới chỗ anh ta nằm, bên cạnh gốc đại thụ, một vật gì to lớn trông như con hổ, lông lá trắng xóa đương ngồi chễm chệ, găm lên một tiếng nghe xa kể mấy dặm đường.

Anh lính hoảng kinh, đành nằm im trên ngọn cây, không dám xuống, cũng không dám cự. Anh ta chú ý dò xem con thú kia ngồi đó để làm gì. Một chốc, anh bỗng ghê rợn vô cùng, vì thấy ở mé xa đi lại một đàn hổ, đủ các màu, đủ các tuổi. Con thì đen, con thì xám, con thì vàng. Lại có con trẻ, con già, con lớn con bé. Chúng nó kéo nhau lũ lượt, cùng đi cả lại gốc cây. Đến nơi, hình như chúng cung kính sợ hãi, quỳ rạp cả xuống lạy chào con hổ trắng, rồi chia ngôi thứ tự cùng ngồi. Hai bên gốc cây, ngồi một hàng hổ đen, bốn con. Bốn con ấy quây quần chung quanh con hổ trắng như bốn ông tứ trụ. Rồi, sắp hai hàng rất tề chỉnh, đến hơn hai chục con hổ xám ngồi hàng đầu, đối diện con hổ trắng, cách gốc cây chừng năm sáu

(1) Đồng Giao : vùng núi thấp ở phía Tây thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

(2) Đèo Tam Điệp : cũng gọi là đèo Ba Dội, gồm ba đèo cao liên tiếp, trước đây là nơi rừng núi hoang vu, hiểm trở.

bước dài. Sau lưng đàn hổ xám, cứ theo thứ tự già trẻ, lớn bé, một đàn hổ đến mấy trăm con có lẽ là tất cả hổ trong rừng - ngồi châu về mé chúa đoàn. Chúng nó lữ lượt kéo đến dần dần, chỉ trong khoảnh khắc là đã đông nghịt cả một khu rừng thẳm.

Anh lính đông sợ quá. Nhưng anh nằm vắt vẻo trên tận ngọn cây, không ngại gì bị lũ hổ ăn thịt được. Anh bèn im lặng nhìn xem hội hổ hành động thế nào. Anh nhận thấy quân hổ tựa hồ rất kính trọng con hổ trắng. Chúng ngồi im phăng phắc, cúi đầu chờ lệnh chúa phán ra. Làm hoàng đế chốn sơn lâm, chắc hẳn là ông cộp trắng, độc nhất vô nhị. Thứ nhì đến loài hổ đen, cận thần của hổ trắng, bao giờ cũng chỉ có bốn con, dùng làm bốn ông đại tướng. Thứ ba thì đến các hổ xám, liệt vào hàng tỳ tướng coi các binh cơ. Rồi đến những hổ vàng thường, tức là dân hay lính. Hôm đó có lẽ là ngày tụ hội của triều đình hổ, các hổ xa gần nghe tiếng chúa gọi phải vội vàng đến châu chực để nghe lệnh chỉ ban ra. Quân hổ tụ nhau lại chỉ có trong độ nửa giờ, đến hết canh năm đã ngồi đông đủ mặt. Có lẽ từ trước, chúng nó đã hẹn nhau đúng ngày giờ nào thì chúa ngự ; hóa nên đều từ xa xoi lần lại đèo Tam Điệp, lần quất trong rừng núi, đợi nghe tiếng hổ trắng thì họp thành quân. Bởi thế nên hổ trắng vừa mới găm xong, đã thấy nhao nhao chạy lại không biết bao nhiêu là hổ.

Trong rừng lúc đó rất im lặng. Chim buổi sáng đều bay rất xa, không dám hót ; những đàn khỉ, đàn vượn, cũng lẩn tít lên ngọn cây không dám kêu la và nhảy nhót tung tăng. Bao nhiêu dã thú trong rừng đều ẩn nấp trong hốc, trong hang, chẳng con nào dám đánh bạo chồm vờn, sợ chết. Chỉ có đàn công là bao giờ cũng theo hổ như sáo sậu và quạ khoang theo trâu bò. Chỗ nào dưới có hổ, là trên có công và chim khướu. Nhưng công và khướu hôm nay chỉ khép cánh đậu trên cành mà không dám hót ; cả rừng đều im lặng như tờ. Trừ tiếng gió vi vu, tiếng lá khô xào xạc, không được nghe tiếng gì khác nữa.

Giữa quãng tĩnh mịch đó, bỗng vua hổ trắng găm lên một tiếng vang lừng rồi nhún mình đứng thẳng dậy như người. Hổ trắng chỉ chống xuống đất có hai chân sau, còn hai chân trước, khác với các hổ thường, có thể bẻ quặt lại như tay người, không liền một khớp. Vua hổ đứng dậy, rồi ngài rừng mình một cái, lấy hai tay phanh bụng, lột làn da bọc ngoài như thể cởi chiếc áo vậy. Anh lính đông lấy làm lạ khi thấy ông hổ trắng kia, sau khi cởi áo, hóa thành một ông lão đầu râu bạc phớt, trông oai nghi, lẫm liệt lại có bề nhân đức, hiền từ. Ông lão già bèn gập chiếc áo da để cạnh mình, rồi

ngồi xuống. Ông thò tay vào túi áo, móc ra một quyển sách nhỏ, mở sách ra phán rằng :

– Năm ngoái các con làm tròn công việc cả rồi, ta có lời khen cho đó. Vậy, những kẻ nào đã bị tận số, bây giờ các con phải khai ra, để ta in vết máu vào chỗ chữ tên, khảo lại cho đúng và cho đỡ lằng lằng. Các con mau mau khai ra !

Ông lão nói dứt lời, thì một con hổ đen nhảy ra ngoài, cúi đầu thi lễ. Con hổ đó rùng mình một cái, hóa ra một ông tướng mặt đen trông dữ tợn vô cùng. Ông tướng ấy móc túi lấy ra một quyển sổ con, rồi chỉ vào sáu con hổ xám ngồi mé bên phải, hàng đầu, râu rằng :

– Kính trình chúa soái ! Sáu viên tướng này đã chia cho ba chục quân vùng Đông Bắc, ba chục quân vùng Tây Bắc, ba chục quân vùng chính Bắc, bắt hành tội những người có tên trong sổ năm ngoái, không bỏ sót một người nào. Chúng tôi xin đọc từng tên để chúa soái khảo sát.

Nói xong, ông tướng mặt đen đọc một hồi những tên người bị hổ ăn thịt trong năm, và đọc cả ngày giờ những người đó bị nạn. Ông lão già nghe xong mỗi tên lại cầm một chiếc bút son đánh một chấm đỏ vào sổ của mình. Hồi lâu khi đã đọc xong, tướng mặt đen gấp sổ lại, bỏ vào túi, rồi quỳ xin thăng chức cho các phó tướng. Ông lão già phong tặng cho các hổ xám hàng thứ nhất bên phải xong đầu đấy, thì ông tướng kia lại rùng mình một cái biến ra hổ đen rồi đi lại chỗ ngồi như cũ. Xong lượt hổ đen thứ nhất, đến lượt hổ đen thứ nhì, hóa ra ông tướng mặt đỏ, cũng làm như thế, và xin thăng thưởng cho lũ hổ xám hàng thứ nhất bên trái. Rồi đến hổ đen thứ ba, tướng mặt xanh, cai quản hổ xám hàng thứ nhì, bên phải, và hổ đen thứ tư, tướng mặt trắng, chủ tướng đội hổ xám hàng thứ nhì bên trái. Khi đều phong tặng đầu đấy xong cả, các hổ đen lại hiện nguyên hình ngồi châu ở chỗ cũ, bên cạnh ông cụ già.

Anh lính đồng nghe ngóng biết được bốn con hổ đen kia cai quản bốn phương, mỗi con có sáu con hổ xám phò tá. Mỗi con hổ xám lại cai quản mười lăm con hổ vàng, ra lệnh cho hổ vàng đi bắt những kẻ có số hổ ăn thịt.

Sau khi công việc thuộc năm trước đã trình bày cặn kẽ, ông cụ già mới khép sổ, bỏ vào túi, lấy ra một quyển sổ mới cầm tay. Rồi ông đọc từng tên, chỉ từng giờ, phân việc cho các bộ hạ. Anh lính đồng lắng tai chú ý, nghe đọc những tên đầu đầu không quen thuộc, cũng có khi mang máng nghe được một tên quen.

Khi ông già đọc đến tên "Nguyễn Văn Hai, người làng Đồng Thụy, tỉnh Ninh Bình", số đáng bị cọp ăn thịt ngày 11 tháng Hai năm Đinh Hợi (1887) thì anh lính đồng kia bỗng giật nảy mình, suýt nữa ngã lộn nhào xuống đất. Anh ta vội vịn lấy một cành cây và ép tay vào ngực cho con tim đỡ đập mạnh. Anh ta hoảng hốt lo sợ đến cực điểm : lúc này anh mới thấy can đảm của anh tiêu tán tự bao giờ ! Vì Nguyễn Văn Hai chính là tên anh, và theo số mệnh, anh chỉ còn sống được có hơn bốn tháng !

Anh lính đồng Nguyễn Văn Hai lo quá, anh bồn chồn luống cuống, không biết nghĩ thế nào. Trông ông cụ già phúc đức thế kia, anh cũng muốn xuống lạy van cụ, xin tha cho anh, nhưng nếu xuống tấ thế nào cũng chết. Anh đành phải nén lòng nằm trên ngọn cây chờ dịp khi nào họ đi hết, họa chăng anh mới xuống được gốc cây. Rồi anh nghĩ vẩn, nghĩ vơ, rồi anh thương thân nằm khóc. Anh nghĩ tìm kế thoát thân cho khéo, anh tính rằng muốn khỏi chết, anh sẽ về nhà nằm tận đáy hầm sâu. Anh suy nghĩ hồi lâu, khi ngoảnh xuống thì đã thấy quần hổ tan đi từ lúc nào không rõ. Dưới gốc cây không còn ai nữa, chỉ có một mình ông cụ già đương nằm co ngủ rất ngon lành. Cụ gói đầu lên chiếc áo da, vắt tay qua trán. Trong miệng cụ tuôn ra không biết bao nhiêu là bọt, xùi lên thành một đám to bằng một cái nồi mười.

Anh lính Hai ở lâu trên mạn đồng rừng nên biết rõ cách xem bọt của hổ, trong khi hổ ngủ. Anh đợi lúc đồng bọt báo cho anh là ông hổ trắng kia ngủ đã say lắm, anh mới lén tụt xuống, vội vàng tìm một súc gỗ vuông vắn, nâng đầu cụ già để gối vào gỗ, rồi ăn cắp cái áo da, trèo một mạch lên ngọn cây, giấu áo vào khăn gói, buộc khăn gói vào một chỗ rõ cao, có nhiều lá rậm. Xong anh phấp phồng ngồi đợi.

Một lúc lâu, ông cụ giật mình tỉnh dậy, dụi mắt nhìn bốn phía. Thấy chiếc áo da mất tích, cụ lộ ra vẻ lo sợ, chạy loăng quăng tìm kiếm khắp mọi nơi. Mãi sau cùng, cụ nhìn lên đỉnh ngọn cây, thấy có người ngồi chót vót trên đó. Cụ bèn vẫy người ấy, bảo rằng :

– Tráng sĩ ơi ! Tráng sĩ chơi nghịch làm gì hãy đem áo trả cho lão, lão đội ơn nhiều lắm. Cái áo ấy tráng sĩ lấy cũng không làm gì được, mà làm cho lão cực khổ cả một đời. Tráng sĩ có lòng nhân từ, xin làm phúc trả tấm áo kia cho kẻ già nua tuổi tác !

Anh lính Hai ngồi trên cây nói xuống :

– Con có lấy áo của cụ đâu ? Nhưng con biết người ăn cấp áo của cụ. Nếu cụ thể với con một lời, con xin chỉ chỗ cho cụ để cụ lấy áo lại, không thì thôi !

– Thế điều gì ? Thế được thì lão xin thể !

– Điều này không có gì khó cả, vì nó là quyền của cụ. Vừa rồi, cụ bảo con sinh phúc cho cụ, con đâu có cái oai to lớn ấy. Chính cụ nên sinh phúc cho con mới phải ! Con nằm đây đã lâu con nghe hết những lời cụ nói và biết rõ hết các hành tung của cụ. Con là một người trong mấy trăm người có số bị cọp ăn thịt. Và con chỉ được sống có hơn bốn tháng nữa thôi ! Nếu cụ thể rằng cứu con khỏi chết, con sẽ trả áo cho cụ. Nếu không, con đường nào cũng chết, thà ăn cấp áo cụ mà chết còn hơn. Cụ có thể không ?

– Lão xin thể, lão sẽ cứu nhà ngươi ! Vậy nhà ngươi xuống đây, lão bảo cho cách tránh nạn. Nhưng hễ lão bảo cho biết rồi thì phải trả áo cho lão nhé !

Anh lính Nguyễn Văn Hai tụt xuống gốc cây, rạp đầu lạy cụ. Ông cụ đỡ anh ta đứng dậy, hỏi xong tên tuổi làng quán, ngày sinh tháng đẻ, rồi móc túi lấy quyển sổ ra, tìm kiếm một hồi. Khi cụ đã tìm được tên anh Hai, cụ sẽ lấy tay vuốt lên chữ tên anh một cái. Bỗng thấy chữ ấy mờ đi. Cụ nói :

– Cái này không khó, nhưng nhà ngươi phải kín đáo và cẩn thận lắm mới được. Ta xem nhà ngươi không phải là người gian ác, chả qua tại Nam Tào nhảm, cho nên ta mới cứu cho. Song cả đời, nhà ngươi phải tích đức tu nhân mới được ! Đợi đến ngày 11 tháng Hai, giờ Thân, nhà ngươi làm một người bồ nhìn thế mạng, cho đứa bồ nhìn ấy mặc quần áo nhà ngươi, và cho tay nó cầm một cái đĩa. Trên đĩa phải có máu gà hay máu vịt. Nhà ngươi phải cắt mười đầu móng tay móng chân bỏ vào đĩa máu ấy, lại lấy kim trích ngón tay, ngón chân bóp mỗi ngón cho ra một giọt máu, hòa hai mươi giọt máu ấy vào đĩa máu ở trên tay bồ nhìn. Rồi một vài giờ trước giờ Thân, cho đem thằng bồ nhìn đó vào khu rừng phía Tây làng... phủ Nho Quan, gần chỗ nhà ngươi ở. Lại phải buộc cách thằng bồ nhìn chừng hai bước, một con lợn béo độ hai năm. Vào khoảng cuối giờ Thân, một con hổ vàng sẽ qua mé ấy, nó sẽ thấy thằng bồ nhìn dâng cho nó đĩa máu, nó liếm sạch đĩa máu ấy, rồi bắt con lợn tha đi. Đĩa máu ấy thay cho máu ngươi, con lợn thay cho xác thịt ngươi, ngươi sẽ được toàn tính mệnh. Nhưng phải kín đáo và cẩn thận lắm mới được, kéo sai lầm thì không cứu được nữa đâu ! Nào, bây giờ ngươi khá mau mau trả áo cho ta, ta còn bận có tý việc phải đi ngay, không nên chậm trễ !

Anh lính đồng Nguyễn Văn Hai nghe nói xong, bèn phủ phục xuống lạy tạ ơn như chày máy, rồi vội trèo lên cây lấy áo trả cụ già. Cụ già vừa nhận tấm áo xong thì biến mất.

Anh lính Hai, khi cụ già đã khuất, vội thu thập hành lý, rồi đi thẳng về quê hương. Bốn tháng sau khi anh về tới nhà, anh lo làm đúng theo lời dặn của Thần hổ trắng, anh làm bồ nhìn xong xuôi, mặc áo quần cho nó, để tay nó cầm một đĩa máu gà pha với máu và móng mười đầu ngón tay ngón chân của anh. Rồi anh dặn dò kỹ lưỡng một người em họ, mượn đứa em ấy đem bồ nhìn và bắt lợn ra để ở mé làng..., ven rìa núi. Anh ta không dám đến đó, sợ vào rừng e cộp sẽ không ra, mà anh cũng không dám tiết lộ bí mật cho em biết, chỉ dặn dò cứ làm đúng như lời anh dặn, và làm thế để hiến cho hổ ăn. Thành em họ tiếc rẻ con lợn béo, nghĩ bụng tội gì đem biếu của ngon cho hổ trong rừng. Nghĩ thế, nó giữ con lợn về phần nó, chỉ đem có thành bồ nhìn ra dựng ở ngoài đồng.

Khi hổ đến nơi, trông thấy đĩa máu thì liếm sạch ngay tức khắc. Ăn xong đĩa máu hổ không thấy có quà gì nữa, tức mình gầm lên mấy tiếng, vạt ngã thành bồ nhìn ra rồi đi thẳng vào rừng.

Lúc ấy anh lính đồng Nguyễn Văn Hai đang ở trong nhà, bỗng kêu lên một tiếng rõ to, ngã lăn ra bất tỉnh. Họ hàng xúm lại thì anh Hai đã tắt thở mất rồi. Đứa em họ lúc ấy mới hiểu con lợn tức là sinh mệnh của anh nó vậy.

V

Tiếng thiếu nữ nằm trong cổ quan tài bạch mộc lạnh lạnh phát ra đến đây thì im bật. Từ lúc này Lâm Khăng vẫn lặng yên ngồi chống nạnh và dựa má vào áo quan không sợ sệt gì cả. Chẳng những chàng không sợ, chàng lại còn vuốt ve, vỗ về mặt gỗ một cách yêu đương, âu yếm, tưởng chừng chàng coi cổ quan tài như một người con gái bằng da, bằng thịt, như một người con gái còn sống, đương nằm tình tự với chàng. Xác chết trong quan tài hình như cảm thấy sự yêu thương đầm thấm ấy; giọng nói vắng ra lắm lúc run run như cảm động, lắm khi nũng nịu như say sưa. Có lẽ trong khi nghe chuyện, Đèo Lâm Khăng quên hẳn cảnh đời thực tại, chàng mê người thiếu nữ đã thác kia mà tưởng tượng như nàng nằm ngay bên cạnh chàng.

Đến lúc tiếng nói tự nhiên ngừng hẳn, chàng mới giật mình ra khỏi giấc mộng nặng nề. Một vẻ lạnh lẽo thấm thía bỗng đâu xuyên vào xương tủy chàng, chàng tự thấy hơi buồn buồn. Nhưng từ buổi đã cùng xác ma kia chung ân xẻ ái, chàng không thấy ghê rợn nữa, chàng đánh liều nhắm mắt bước theo vết xa lạ của mệnh đồ. Chàng hỏi :

– Anh không hiểu câu chuyện em nói có can hệ gì đến anh. Em kể lại anh nghe chuyện ấy vì cớ gì, em nhỉ ?

Một giọng cười trong trẻo đón tiếp câu hỏi của chàng. Rồi tiếng nói lúc này lại vắng vắng tuôn ra sang sảng :

– Câu chuyện ấy quan trọng lắm chứ ! Nó tức là chìa khóa mở cửa cho anh vào cõi sống đó. Nó tức là cứu tinh của anh đó. Anh hãy kiên tâm chút nữa, em sẽ nói rõ anh nghe nguồn gốc xui em cứu anh, và số mệnh của anh sau này ra thế nào.

"Anh hẳn còn nhớ đứa con gái nhỏ cùng học chung với anh trong thư viện quan huyện. Đứa con gái nhỏ ấy tên là Phà Khun. Năm nó được vào trong huyện học tập cùng anh, anh lên mười hai mà nó mới tám tuổi. Đến năm anh mười bảy thì Phà Khun thôi học. Anh còn nhớ độ thơ ấu anh cùng con bé ấy chơi đùa tình nghịch, khiến cho thầy đồ Lê Văn Hồng phải dè, phải dọa, lại có khi phải căng nọc cả hai đứa đánh năm roi ? Đứa con gái nhỏ ấy tức là em, tức là Peng Slao của anh đó.

Em vốn con một nhà nho ; thầy em, chắc anh đã từng biết tiếng : chính là ông Mo Slầy, bạn thân của đương phụ và tổ phụ anh đó. Mẹ em là người dưới chợ, hóa nên từ thuở bé em đã biết nói cả tiếng Mường lẫn tiếng Kinh. Em lại được học chữ nho và chữ quốc ngữ ; em lại xem nhiều sách, hóa nên cũng có chút thực học vững vàng. Chắc anh còn nhớ cả một vùng Thạch Thành, ai không biết tiếng con gái ông Mo Slầy là một giai nhân hay chữ và có sắc ?

Nhưng, anh ạ, tự cổ hồng nhan đa bạc mệnh. Em cũng bị chung luật ấy, em đã bị khổ sở, chỉ vì em có chút sắc tài. Khi em thôi học, từ già anh, em mới mười ba tuổi. Tuy bắt đầu từ đó em không được trông thấy anh luôn nữa, lòng em vẫn nhớ anh và mơ tưởng đến anh. Em chỉ mong một ngày kia được cùng anh kết tóc, đó là hy vọng và dục vọng duy nhất của em. Thình thoảng em đi chợ, hay có việc vào thăm bà huyện và các cô con quan huyện em vẫn thường để ý đến anh nhưng không mấy khi được giáp mặt anh trò chuyện. Có lẽ anh khinh bỉ em, anh không để ý đến em. Có lẽ

anh mãi mê học hành và luyện võ nghệ, nên anh không nhìn tới đàn bà. Nhưng em, càng khó gặp anh bao nhiêu, em càng mê anh bấy nhiêu. Bởi thế, những kẻ đến xin em về làm vợ, đến dạm em, em đều đuổi đi một cách rất tàn nhẫn. Em, Peng Slao, em chỉ muốn có một người chồng đúng ý tưởng của em mà thôi : người ấy là anh, anh Khăng ạ !

Khốn nỗi về phần anh, anh rất hững hờ, lãnh đạm. Anh như quên hẳn em rồi. Em không hiểu làm sao một người thiếu niên như anh lại quá chân chính, thản nhiên dường ấy. Em vẫn ôm trong tâm hồn một khối ái tình chưa thỏa nguyện. Giữa buổi ấy, em chết. Em chết khi trên đầu chưa đội hết mười tám tuổi, khi thân thể còn sạch như băng tuyết, khi tâm hồn còn thơ ngây.

Em chết dưới vuốt nhọn của Thần hổ xám. Em bị làm ma thành, bởi một lẽ rất dị kỳ nhưng cũng rất dễ hiểu. Một đứa khốn nạn kia, hỏi em về làm vợ, bị em từ chối. Nó lấy làm tức lắm. Ít tháng sau, nó bị cộp bắt. Con cộp ấy chính là Thần hổ đó. Thần hổ đi đến đâu, đều có một lũ ma thành hầu hạ, lũ đó đến năm sáu đứa. Có vài đứa con trai, vài đứa con gái. Đứa nào xui hổ bắt được người khác thế cho mình thì được thoát. Tên khốn nạn kia, muốn trả thù em, bèn đun dầu cho em bị mờ mắt, đi lạc đường để đến nỗi hổ vồ.

Em chết đi, thấy em thương em lắm, thu thập xác em về khám liệm và gác em vào xó. Khi em bị hổ bắt, em có gơ hai tay ra chống cự và tát hổ ; hai tay em bị gặm nát nhừ, hóa nên ngày nay khi anh trông thấy em, anh được rõ bàn tay em không có một chút thịt nào nữa. Thấy em làm hết phép để thu hồn em về nhập xác, nhưng không thể nào được. Xác em không thiêng, không nói. Bởi lẽ hồn em đã bị làm thành, mà làm thành, thì phải đi theo Thần hổ để hầu hạ nó như hầu hạ một ông chủ. Hồn em, vì thế, không về nhà được. Khổ lắm, nhưng biết làm thế nào ? Duy có một điều rất có ích, là trong khi hồn em bị đầy dọa, em đã hiểu thấu được nhiều lẽ bí hiểm của sự tử sinh. Những buổi gió mát trăng trong, những giờ êm ả lặng lẽ, hổ thường ngồi một chỗ vắng, nhắm mắt thiu thiu ngủ và bắt các ma thành hiện lên bắt chấy, gãi đầu và đấm bóp cho nó. Trong những lúc đó, lũ hổ thành cười đùa nói chuyện với nhau rất là vui vẻ. Cũng trong một buổi như thế em biết rằng một người con gái khác cùng chung số kiếp với em, định xui Thần hổ làm hại một người thiếu niên rẻ rúng nàng tên là Đèo Thằng Hổ. Nàng trước vốn có tình với chàng thiếu niên đó, song chàng kia ghét

bỏ nàng. Khi chết rồi, chị ả dò biết được anh kia vốn là cháu nội ông Đèo Văn Bình, kẻ thù rất thâm thúy của Thần hổ ; nàng bèn xui hổ đến rình nhà ông Cai tổng cự và dùng mắt thôi miên Đèo Thắng Hổ, khiến chàng phải mê hoảng rồi tự chạy ra hiến mình cho cái chết, tựa hồ một miếng sắt bị hút vào đá nam châm. Em nghe biết chuyện ấy, lấy làm lo ngại cho số phận anh, tại em yêu anh, lại biết anh là giọt máu cuối cùng của dòng họ Đèo gần tuyệt diệt.

Vì thế, em làm hết cách để thoát thân cho chóng. May sao cơ hội bày ra một cách may mắn ; em có dịp xui Thần hổ ăn thịt một chị tiểu phụ đã già rồi bắt hồn chị đó thay em. Thế là em thoát nạn. Em vội về nhà, nhập vào xác em. Nguyên trong quan tài đã sẵn đủ các bùa linh ứng, nên em thiêng ngay, nói được ngay. Em bèn xin thân phụ em làm cho một cái nhà mồ ở vùng này, và khiêng quan tài em ra để trong nhà mồ ấy. Em ở đây đã non hai tháng ; trong hai tháng ấy, em đợi anh hầu tan tác tâm hồn ! Em biết thế nào anh cũng phải qua đây, nhất là khi thấy Thắng Hổ bị nạn. Chính tối hôm qua, giữa lúc anh cùng em uống rượu, anh họ của anh đương bị hổ dùng mắt thôi miên, làm cho mê man, dun dui cho đi vào cõi chết. Em tuy biết thế mà không sao cứu được, vì chậm quá ! Bây giờ chỉ còn cách là cứu anh thoát nạn, và em chỉ muốn cứu một mình anh khỏi chết mà thôi !

Cả ngày hôm qua, em đã dự bị sẵn, làm cho đoàn kỵ mã của anh quáng mắt, phi ngựa vòng quanh hòn núi này cả ngày mà vẫn tưởng thẳng đường đi tới Bim Sơn. Em cốt làm thế chỉ là để, buổi chiều, anh cùng đầy tớ anh phải chui cả vào đây, rồi bấy giờ em sẽ liệu. Khi gặp mặt anh, em mừng quá.

Em đã yêu anh, quý thương anh, thế tất phải lo gỡ cho anh thoát khỏi vòng tai nạn. Bây giờ gỡ cho anh khỏi rặng vuốt của Thần hổ xám, nghĩ ra thực đã khó lòng. May thay, vì trước kia em có làm hổ thành, nên em biết rõ những nhược điểm của hổ. Em biết rõ tính nết kẻ thù của anh. Và lại, cứ theo như chuyện người lính đồng em vừa mới kể anh nghe, ta có thể theo đúng phương pháp của ông bạch hổ, để tự cứu lấy sinh mệnh. Vậy, muốn lấy lợn và bỏ nhìn thế mạng, ta phải chờ dịp tốt mới xong. Cứ như trí đoán của em, Thần hổ mãi đến ngày kia mới tạt qua đây săn các loài dã thú. Anh sẽ phải đợi đến hôm ấy. Anh đừng ngại ! Em biết rõ anh muốn nói gì rồi ! Đầy tớ anh phải không ? Đoàn kỵ mã phải không ? Bây giờ họ đương ngủ như chết. Nào có sự gì lạ đâu ! Em đã biết trước cả nên hôm qua, cho họ ăn uống, em đã đốt một đạo bùa mê hồn bỏ ngấm vào rượu từ lâu. Họ sẽ ngủ đúng năm ngày sáu đêm mới tỉnh dậy được. Anh và em cũng uống rượu ấy,

nhưng trước khi uống, em đã có ý mời anh một chén giải độc giải phù tửu. Bởi lẽ ấy ta vẫn tỉnh như sáo.

Bây giờ anh sẽ phải ở chung với em trong buồng này mấy hôm, không được ra ngoài. Anh muốn thức gì sẽ có thức ấy. Ngày, ta sẽ cùng nhau ăn cơm uống rượu hai bữa như ngày thường ; đêm ta lại cùng ngủ với nhau chung một gối. Nhưng, có một điều cần nhất anh phải nhớ là em chỉ có thể ở gần anh được mỗi ngày vài giờ mà thôi. Ngày từ đúng Ngọ tới giữa giờ Dậu, đêm từ giờ Tý đến giữa giờ Mão. Mặt trời lên đúng giữa đỉnh đầu thì em lại, khi ngã về Đoài thì em đi. Trống điểm đúng nửa đêm thì em trở về cùng anh ân ái, đến mặt trời mọc lại phải giả anh về cõi u minh.

Bây giờ sự cần nhất của hai ta là phải tiện dịp hội họp cùng nhau, yêu nhau cho đậm thắm dã. Kéo rồi đây âm dương cách trở, sinh lộ gặp ghềnh, anh sẽ không có thì giờ nhớ đến em, em cũng sẽ đâu thai kiếp khác, hoặc chờ anh cho tới khi anh nhắm mắt lìa đời. Sự cần thứ nhì của hai ta là cứu anh. Cái đó, anh không ngại. Anh cứ yên lòng ở đây cùng em, đến ngày kia, em sẽ lo chu toàn mọi việc. Lúc ấy sẽ có bồ nhìn, sẽ có lợn béo, anh chỉ việc cởi áo quần cho bồ nhìn mặc và cắt móng tay móng chân cùng rửa mười giọt máu ở ngón tay ngón chân vào một cái đĩa. Rồi anh nằm đợi ở đây ; thế là xong việc.

Khi đã cứu anh xong rồi, em sẽ cho anh uống một lá bùa hộ mệnh. Số anh vì đã lấy bồ nhìn và lợn thay rồi, tất không bị Thần hổ cướp mất nữa. Nhưng sợ những lúc bất kỳ không gìn giữ, có khi anh bị thiệt mình. Vì thế, em cho anh uống một đạo bùa, đạo bùa ấy sẽ làm cho anh có phép ẩn hình ; mỗi khi anh thấy hổ, anh trông thấy nó mà nó không thấy anh. Như vậy, nó không thể nào làm hại anh được. Tuy vậy, cốt nhất, anh không bao giờ nên ngủ trong rừng, vì hễ ngủ, anh sẽ bị hiện nguyên hình, hổ sẽ trông thấy anh. Nó sẽ không hại được anh ngay, vì anh đã làm phép thể thân rồi. Nhưng nếu lúc đó, nó liếm vào mặt anh, thì bao nhiêu phép thiêng của đạo bùa mất hết ; và không những thế, tính mệnh anh cũng khó bảo toàn. Anh là một người sống sót, anh ăn cắp số mệnh anh ; đáng lẽ anh chết từ trước mà chưa chết, chỉ vì anh biết cách thể thân. Song khi anh lỡ vô ý bị hổ liếm vào mặt, thì chỉ trong một vài tháng sau, anh tất phải chết không thể nào thoát được nữa.

Điều đó anh nên nhớ kỹ, kéo sau này nếu anh không chịu gìn giữ, sẽ sinh ra lắm tai nạn bất thần.

Bây giờ em đã kể rõ ràng rồi, anh khá ngối xê ra một chút, nhắm mắt lại cho em hiện hình, ngỗ hầu cùng anh ăn uống và vui thú. Anh xê ra !".

Lâm Khăng nghe hết chuyện bỗng thấy lòng mừng khắp khởi ; chàng biết rằng chàng được nhờ Peng Slao mà sống sót, và một ngày kia, trả được mỗi thâm thù. Hết sức yêu thương Peng Slao, chàng làm theo ý muốn của nàng như một đứa trẻ con ngoan ngoãn vâng lời mẹ. Chàng nhắm mắt lại. Khi mở mắt ra, Lâm Khăng thấy mình ngồi trên chiếu, trên đệm, trước một mâm cỗ linh đình, bên cạnh một người con gái tuyệt sắc, một người con gái Mường thù mị, diễm lệ, hết sức đẹp nếu không bị phải đôi bàn tay xương xẩu, hình như da thịt bàn tay ấy, từ xưa, đã bị rửa ra rồi.

Giữa khi nhấp chén quỳnh tương, giữa khi say sưa vuốt ve một làn da mịn màng, một tấm ngực đầy đặn, đôi má đào mơn mớn, làn tóc đen mềm mại, giữa lúc choáng váng tê mê, vì hơi rượu nồng hắc, vì mùi da thơm tho, vì khí ấm dịu dịu, Lâm Khăng nghe một giọng nói náo nức, êm ái, giọng nói run run như cảm động, không có vẻ gì sắc sảo, không có vẻ gì lạnh lạnh, giọng nói của người thiếu nữ nũng nịu dựa vào chàng :

– Em chỉ xin anh một điều. Rồi đây, giữa một cuộc vui, bên cạnh một người vợ sống trong một khắc ái ân, say sưa, anh sẽ để dành cho em một chút tình thương yêu, tiếc nhớ. Thế là đủ. Hoặc giả, đối cảnh náo nùng, ngắm cánh hoa tan tác, ví như anh hồi tưởng đến thân bạc mệnh này, xin tưới cho em vài giọt lệ. Em xa xôi, chìm hờn trong cõi lạnh lùng u uất, sẽ cảm thấu lòng anh và phù hộ cho anh...

Dưới ánh sáng mờ mờ, Lâm Khăng dường như thấy mấy giọt nước mắt lóng lánh trên đồng tử đen nháy sáng ngời của thiếu phụ, làm mát vẻ lạnh lùng, dữ dội, trong sắc đẹp nồng nàn gay gắt của nàng. Lâm Khăng ngậm ngùi, cũng tưới trên má Peng Slao vài giọt lệ chân thành, trong trẻo.

*

* *

Vài hôm sau, trên con đường hẻm chạy quanh co ven những khu rừng sâu thẳm, ven những rìa núi gập ghềnh, một đoàn kỵ mã phi nước đại làm cho cát bay sỏi bắn mịt mù, trông xa như những đám mây trắng xóa, phất phơ giữa vùng lá cây um tùm xanh biếc, che khuất một góc rừng vắng.

Trước đây mười ngày, đoàn kỵ mã ấy đi vào cõi chết. Nhưng giờ đây họ bay vào cõi sống.

BÁO PHỤC

I

Sự gặp gỡ trên đời nhiều khi đều do tiền định. Tôi không biết các bạn có tin như thế không ; riêng về phần tôi, tôi rất tin ở số mệnh và ở sự rủi may ta thường gặp trong lúc sống. Gặp gỡ nhau là một mối duyên, do nghiệp mình mà thành ra có.

Tôi sở dĩ tin ở duyên số, chỉ vì, nếu không bởi duyên số, tôi không bao giờ viết nổi truyện này. Nếu sự tự nhiên không xui tôi quen biết Đèo Lâm Kháng, tôi làm gì biết được truyện "Thần hổ" với "ma Mường" ? Những việc tôi đã thuật ra, nó có hay không có, nó xác thực hay huyền hoặc, cái đó tôi không rõ. Nhưng tôi dám nói chắc chắn và thề rằng tôi có quen Đèo Lâm Kháng, có được nghe rõ ràng những chuyện tôi vừa mới kể trên đây. Bây giờ tôi chỉ có công là đem các chuyện đã nghe ngả ra trên mặt giấy, tôi thú thực không thêm bớt bịa đặt gì cả, cũng không có ý làm cho bạn phải suy nghĩ hay ngờ vực lời tôi. Bản tâm tôi không phải định làm cho độc giả phải sợ hãi ; tôi được nghe một chuyện thú vị thì muốn đem chia thú vị ấy cho anh em cùng hưởng đó thôi, không có ý gì khác nữa.

Đèo Lâm Kháng có lừa dối tôi hay không, cái đó tôi không biết. Vì đây là ý riêng của Kháng, tôi không phải là Kháng nên không tài nào biết được thực hư. Cũng có lẽ : "Ai ở xa thường hay nói phét" ; có khi Lâm Kháng cho tôi là chưa biết xứ Mường bao giờ, nên bịa đặt những chuyện kỳ quặc trên miền rừng thiêng nước độc, để bắt phải phục tòng chàng với tấm lòng hay tin nhảm của tôi ? Cũng có lẽ như thế, song tôi không ngờ Lâm Kháng nói dối tôi bao giờ. Nghe chàng, tôi vẫn bán tín bán nghi, song vẫn cho chuyện chàng kể lại có vài phần sự thực.

Nhưng bây giờ, không hiểu vì sao tôi lại rất tin lời của chàng thiếu niên Mường đó. Bởi lẽ, tôi nhớ lại rõ rệt, khi chàng kể tâm sự cho tôi rõ, chàng nói một giọng rất trầm, nói nhỏ, chỉ đủ một mình tôi nghe mà thôi. Chàng không có vẻ gì là khoe khoang, là nói khoác, là "bịp" ; trái lại, mặt chàng còn hiện ra vẻ chân chính, thành thực ; chàng tựa hồ rất cảm động mỗi khi nói lại, tả lại một việc hay một cảnh bi đát hoặc thê thảm. Người chàng trong lúc đó như run rẩy, như xúc cảm, như chuyển động. Chàng có dặn tôi phải giữ kín không nên thuật lại cho ai nghe câu chuyện lạ lùng của chàng,

mà chàng giải bày lần thứ nhất cho tôi được rõ, tôi, người bạn trai đầu tiên chàng tin cần và mến yêu. Gia dĩ lúc tôi được hân hạnh trầm ngâm lắng nghe tâm sự éo le của bạn, hoàn cảnh bao bọc chúng tôi lại nhuốm một sắc âm thâm, một màu tịch mịch, một vẻ lạnh lẽo, hóa nên những cảm tưởng của tôi càng thấm thía lạ lùng.

Cứ riêng tôi xét đoán, câu chuyện hoang đường kia có lẽ không hoang đường. Hoặc giả có những sự bí hiểm, quái dị thuộc về ma quỷ, mà ta chưa từng nghe nói và trông thấy ? Tôi tin lời Lâm Khăng, không những vì chàng có vẻ thực thà, không những vì chàng cũng lộ ra vẻ tin sợ như tôi, không những vì hoàn cảnh dễ xúc cảm, mà nhất là bởi kết quả câu chuyện này giống hệt như lời chàng đã nói, không sai một mảy may nào.

Tôi hãy kể lại bạn nghe cái kết quả lạ lùng, bí hiểm ấy.

Tôi gặp Lâm Khăng là một sự may mắn lạ. Hôm đó không hiểu đúng vào ngày nào, tôi chỉ mang máng nhớ ngày ấy về mùa đông, cách đây độ hai ba năm về trước, một buổi chiều, luồng nhân tuyến của tôi chạm phải một đôi mắt rất đen, rất sắc, chứa đầy nghị lực và sinh khí, sáng quắc dưới đôi lông mày rậm rạp và dài. Đôi mắt đó là một đôi mắt đàn ông : một trang thiếu niên có nước da hơi ngăm ngăm mà hình dung vạm vỡ khỏe mạnh, trông khôi ngô tuấn tú hơn người. Chàng thiếu niên đó có lẽ là người xa lạ : chàng đến tiệm hút số 32 lần này là thứ nhất, nhìn thấy ai vào cũng trông ngơ ngác, lộ ra vẻ lạ kỳ. Chẳng biết ai dắt chàng vào tiệm, chẳng biết chàng ở đâu lại ; song đoán phỏng, thì tưởng chừng chàng người Thổ, Mán hay người Cao Miên gì. Bởi lẽ tiếng nói chàng lơ lớ và ngô nghê, nghe ngộ nghĩnh lắm.

Trong tiệm hút làm quen cũng dễ ; nhân tính tôi hiếu thắng kiêm hiếu sự và hiếu hữu, tôi không nề hà gì cả, lại nằm sát gần chàng, bắt đầu cùng chàng trò chuyện. Tôi biết được tên chàng là Phá Leng, chàng người Lào, ra Hà Nội du học.

Lần đầu, tôi chỉ được rõ có thế. Dần dà, mãi sau này tôi mới biết thêm chàng trọ ở phố Hàng Trống, nhà một ông đại phú thương và chàng chưa có vợ con, nhưng có một người nhân tình Việt Nam đẹp lắm. Lâu lâu ít nữa, tôi lại biết Phá Leng mỗi tháng nhận được một trăm bạc của thân phụ chàng gửi.

Phá Leng coi tôi như người bạn duy nhất của chàng. Ngoài ra, chàng còn một người bạn nữa, không thân lắm, tức là con ông chủ nhà chàng trọ.

Người bạn sau này là bạn trong những giờ săn bắn ; con ông chủ trọ có ô tô, có súng, hễ đi săn chỗ nào cũng rủ chàng đi. Trong những buổi đi săn ấy, Phá Leng phải tạm biệt tôi một hai ngày.

Như thế trong hai năm, chúng tôi, ngoài câu chuyện vui đùa không từng cân vắn nhau về các việc riêng. Vì thế, lai lịch Phá Leng thế nào, tôi không được rõ, mà nhà cửa thân thích tôi thế nào, bạn tôi cũng không hỏi đến bao giờ. Sự giao thiệp của chúng tôi thực là trong sạch, thoát ra ngoài vòng tài lợi, ganh đua. Bởi lẽ ấy hai chúng tôi rất quý trọng nhau, quý trọng nhau đến nỗi sau này sự chia rẽ càng thành ra thiết tha, đau đớn.

Một ngày kia, tôi thấy bạn mừng rỡ rút trong túi một tờ giấy trắng, trên có lằn chữ in và chữ viết ; rồi trịnh trọng đưa tôi xem, nét mặt lộ ra vẻ sung sướng, đắc chí cực kỳ. Tôi cầm lấy tờ giấy đọc, thì ra một tờ khai sinh. Một tờ giấy khai sinh cho một đứa con trai nhỏ đẻ ở nhà thương Đồn Thủy ngày 12 tháng Tám, 193... con của Đèo Lâm Khăng, người huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, và Nguyễn Thị Khuê, người Hà Nội, cả hai cùng buôn bán. Tôi rất lấy làm lạ, mở to mắt nhìn Phá Leng. Thì chàng đã vội thu lấy tờ giấy, không cho tôi nói gì cả, bá cổ tôi hôn lấy hôn để, rồi nhảy lồm lên mà reo :

– Hôm nay tôi mời anh đi chén rõ sang ! Đây : tôi có một trăm bạc ! Dịp mừng... Cứ chén cho no say đi. Sau này anh sẽ hiểu rõ cả.

Tôi không hỏi gì nữa, vui lòng theo ý muốn của bạn. Đêm hôm ấy, khoảng hai, ba giờ sáng Phá Leng mới rỉ tai tôi, nhủ nhủ :

– Anh Thảo ạ, từ xưa đến nay tôi chưa nói rõ với anh đời tôi ở Hà Nội nó ra thế nào. Vì quãng đời ấy xấu xí lắm hóa nên tôi phải giấu kỹ. Anh chớ tưởng lầm bản lĩnh tôi không tốt đâu, và tôi muốn làm những điều thô bỉ đâu ! Không phải. Tôi có một nỗi khổ tâm trước kia không nói ra được, nhưng bây giờ có nói anh biết cũng không hại gì. Số là tôi cần có con. Cần lắm, cần lắm. Anh không hiểu sự cần đó quan trọng là thế nào, đến bậc nào ! Tôi là con một, hay nói cho đúng, là giọt máu cuối cùng của một dòng họ gần tuyệt diệt. Vì thế tôi sợ lắm. Tôi tuy còn trẻ thật, còn khỏe mạnh, nhưng số kiếp con người nó bấp bênh như làn sóng, mong manh như sợi tóc, lấp lánh như ngọn đèn, biết thế nào mà lường được ! Lỡ ra tôi chết trước khi có vài đứa con trai, thì nguy, thì hỏng cả : họ nhà tôi mất tích, và tôi là người vô dụng ! Nhưng may, tôi có một đứa con trai rồi, đỡ được một phần lo. Vợ hai tôi lại chữa, sắp đẻ. Nếu được đứa con trai nữa thì khá quá !

Tôi lại còn một người nhân ngãi, cũng chưa. Tôi mừng lắm. Thực là may phúc cho tôi. Anh phải biết, tôi lao tâm lao lực biết bao mới được thấy kết quả mỹ mãn bây giờ.

Từ trước, tôi vẫn giấu anh. Tôi ở Hà Nội có hai vợ, bao giờ cũng có hai vợ. Ngoài hai vợ đó, tôi lại có nhân tình. Đã hơn hai năm nay, từ khi tôi bước chân lần đầu lên đất này, mỗi tháng nhà tôi gửi cho tôi một trăm hai bạc. Thấy tôi thương tôi quá, tôi biết lấy gì báo đáp lại được ? Ôn ấy có lẽ đời sau tôi mới trả nổi ! Nhưng thôi, tôi hãy nói anh biết, mỗi tháng, rất đều, tôi có một trăm hai mươi đồng.

Thân tôi, anh ạ bây giờ tôi không phải giữ nó khốn khổ và bo bo cho dòng họ nhà tôi nữa. Tôi còn mang trong tâm huyết một mối thù tôi phải trả, mà trả được mối thù ấy, có khi tôi khó lòng sống trọn hết đời. Tôi sẽ phải chết non, chết yếu mất. Dù tôi không trả thù, đành nhắm mắt làm thinh, thì một ngày kia, có khi tôi cũng thiệt mạng. Bởi lẽ kẻ thù tôi có bắt tôi chết vì nó, nó mới yên lòng. Vả lại thọ mệnh con người ẻo là như ngọn cỏ, nào được mấy chốc ? Hóa nên tôi phải kíp làm tròn bốn phận, cố cho có con trai, ngô hầu sau này, dù sống dù chết, tôi không hối hận gì cả.

Đến bây giờ thì yên lắm. Tôi đã có con trai, lại có hai vợ chưa, tôi không ngại gì nữa. Anh nên mừng cho tôi, anh Thảo ạ...

Đợi một vài tháng, khi nào các vợ tôi đã sinh nở vuông tròn, lúc bấy giờ tôi sẽ phải giã từ anh, giã từ Hà Nội, đi lòng kiếm kẻ thù của tôi để trả một mối hờn vạ cổ cũng không tiêu. Lúc bấy giờ, chết hay sống sót, tôi cũng không quản. Nhưng tôi quên không nói anh rõ : tôi không chết được, tôi khó chết lắm, bởi tôi có bùa hộ mệnh trong người rồi. Nếu tôi chết, chả qua là tại số. Song le, cũng phải phòng lúc chết. Tôi nói trước để anh hiểu phòng sau này anh trông nom và săn sóc con tôi cho nên người. Tôi trông vào anh đó. Tôi nhờ anh việc đó. Ví con tôi không may bỏ cõi bố, anh sẽ nghĩ tình bề bạn dạy dỗ cho chúng nó hộ tôi. Và anh sẽ đưa các cháu về cho ông chúng nó.

Nhân dịp này, tôi phải ngỏ anh biết tôi không có họ hàng thân thích nữa ; cha mẹ, ông bà tôi chết hết cả rồi. Người cư mang tôi bây giờ tức là dưỡng phụ tôi đó. Dưỡng phụ tôi tuy không có công để, nhưng có công nuôi tôi rất lớn. Kiếp này tôi đành chịu bội bạc, không thể báo hiếu cho ân nhân được vì tôi còn đeo trong mình một nghĩa vụ rất hệ trọng ; nhưng kiếp sau, tôi nguyện làm trâu ngựa để báo đền ơn cù dục ngày nay.

Một điều quan trọng cuối cùng bây giờ tôi mới nói anh nghe : tên tôi không phải là Phá Leng ; tên thực của tôi là Đèo Lâm Khăng...

II

Ba vợ của bạn tôi đều đẻ ba đứa con trai kháu khỉnh. Ba đứa nhỏ giống bố như tạc. Mười ngày sau khi đứa con thứ ba ra đời, bạn tôi bỗng đi đâu mất tích. Từ buổi đó, không mấy khi tôi được gặp chàng nữa. Thỉnh thoảng cũng có khi chàng đá gà về Hà Nội. Nhưng năm mười ngày mới gặp chàng một bận, chàng về độ một hai ngày lại hấp tấp đi ngay.

Trong buổi chuyện trò mấy tháng trời về trước, tôi biết rõ lai lịch và tâm sự của chàng. Lâm Khăng kể lại tỷ mỉ cho tôi nghe hết cả mọi nhẽ bất chàng phải biệt cố hương, ra lánh nạn ở nơi đô thành náo nhiệt. Chàng thuật lại sự tổ phụ chàng đánh hổ, sự Thần hổ xám phục thù, việc gặp gỡ và âu yếm ma thiêng, việc Peng Slao làm phép và làm bùa cứu chàng thoát nạn. Càng tin những sự dị đoan kỳ quái ấy, tôi càng lo cho sinh mệnh của chàng. Nói cho đúng chàng chỉ là người, một con người yếu ớt, vô tài trước những mãnh lực thiêng liêng bí mật của Thần hổ, đã thành tinh, thành mãnh. Biết rằng chàng có thể trả được thù nhà cho ổn thỏa, hay là lại bị như ông cha, chết thảm thiết dưới nanh vuốt của loài ác thú kia ?

Tôi rất lấy làm lo cho số kiếp Đèo Lâm Khăng.

Trong khi lo mong, hồi hộp đó, một đôi khi tôi được gặp chàng. Lần nào, chàng cũng lộ ra vẻ ngậm ngùi thất vọng. Như thế, đến năm bảy tháng.

Bỗng một ngày, đương nằm trằm ngám nghĩ vẩn vơ đến cuộc đời kỳ dị và đau đớn của bạn, tôi bị một bàn tay đập mạnh vào vai :

– Anh làm gì mà lim dim ngủ thế ? Tôi đây, anh Thảo ạ. Tôi đã về với anh đấy ! Lần này xong xuôi cả rồi. Thế là tôi làm tròn phận sự. Nhưng có lẽ tôi chết mất, anh ôi ! Chết mất...

Tôi kinh ngạc, Lâm Khăng nói tiếp :

– Anh đã hiểu biết mối thù của tôi nó thâm hiểm độc địa là thế nào. Từ khi ra lánh nạn ở Hà thành này, trong lòng tôi cũng dờ lo ngại nhiều lắm. Phần vì tôi ở một chốn phồn hoa đô thị, không bao giờ sợ nổi cọp bắt ; phần vì, khi gặp Peng Slao, nàng đã cho tôi uống một lá bùa hộ thân rất linh nghiệm, và đã làm phép thế thân cho tôi.

Phép thế thân, tôi không biết nó thân thông là thế nào ; tôi chỉ biết sau khi Peng Siao đem thằng bồ nhìn ra dựng ở trước nhà và đem buộc một con lợn béo cạnh thằng bồ nhìn ấy, thì Thân hổ xám không lảng vảng đuổi theo tôi nữa, khi đã nhận lễ vật và liếm đĩa máu gà pha lẫn với máu mười đầu ngón tay ngón chân của tôi. Còn như bùa hộ thân thì tôi, vì quá yêu Peng Siao và tin ở lòng nàng, nên tôi cứ uống, cũng không tự hỏi lòng xem là bùa ấy sau này có những ảnh hưởng gì đến sinh mệnh tôi. Khi ra đến Hà Nội, tôi không bao giờ nghĩ tới lá bùa ấy nữa. Nhưng không hiểu vì sao, anh Thảo ạ, từ buổi từ giã người nhân tình yêu quý của tôi, tôi thấy tâm thần phấn khởi lạ thường và rất tin ở thọ mệnh. Thỉnh thoảng tôi lại vui vẻ vào rừng săn bắn với con ông chủ nhà trọ, không khi nào kinh sợ một sự gì. Trong những lúc ấy, một động lực huyền bí bảo cho tôi biết mãnh hổ và ác thú không thể giết chết được tôi. Lò mò trong rừng có khi suốt đêm, tôi bắn được rất nhiều hươu, nai và dã thú khác song không hề gặp cộp bao giờ. Mãi đến một ngày kia, vào khoảng bốn năm giờ chiều, khi tôi cùng con ông chủ nhà đương thơ thẩn trong một khu rừng rậm, chúng tôi bỗng nghe tiếng hót và tiếng vỗ cánh của một đoàn khướu bay lại đậu trên đỉnh đầu chúng tôi. Bạn tôi lộ ra vẻ hốt hoảng khủng khiếp, nắm vạt áo tôi, níu lại :

– Ta nên mau mau trèo lên cây, cộp đến, có cộp đến anh ạ !

Rồi hắn chỉ đàn chim khướu cho tôi xem. Tôi hiểu rằng hễ bao giờ có khướu đến trước, tất thế nào cũng có cộp theo sau ; tôi điềm tĩnh trả lời :

– Anh cứ trèo lên cây đi, còn tôi, tôi đứng đây !

Bạn tôi nghe đáp lấy làm kỳ dị ; hắn chưa kịp hỏi tôi vì sao táo bạo thế, thì một tiếng gầm inh ỏi bỗng làm cho hắn cuống cuống vội vã nhảy lên một cây rõ cao, rồi ngồi vắt vẻo trên cây chĩa súng xuống, chăm chăm chú chú chờ hổ lại.

Một mùi hôi thối lúc bấy giờ xông lên, làm ngạt hẳn mũi tôi ; rồi từ mé xa, một cái bóng lù lù tiến lại. Khi cái bóng ấy chỉ còn gần tôi độ mười thước tây, tôi giơ thẳng súng ngang mày, ngắm đích xác, rồi bắn. Khói vừa tan, tôi đã thấy con cộp lồng lên chạy ủa lại, tôi bèn né tránh sang bên trái năm sáu bước, định trèo lên cây. Nhưng quái lạ ! Không hiểu vì sao con cộp kia bỗng đứng lại nhìn ngơ ngác, hình như không trông thấy tôi. Nó bị một vết thương ở cổ, đau quá, nhảy chồm chồm và quay ngang quay ngửa, nhưng vẫn không biết ai là kẻ bắn mình. Nhân dịp nó đương ngoái đi ngoái

lại, tôi cố sức lấy hết can đảm, thu hết nghị lực, đứng dựa lưng vào một gốc cây to, rồi chĩa súng vào con ác thú, bóp cò. Phát đạn "chevrotine"⁽¹⁾ bay ra mạnh lắm ; tôi chỉ cách con hổ có độ chừng bảy, tám thước nên mấy hòn chì xuyên xoáy vào mặt nó, lần này nó không gượng được nữa, gằm lên một tiếng kinh thiên động địa rồi nằm vật xuống.

Hình như tiếng kêu cuối cùng ấy của con cạp bị đạn là một tiếng gọi bạn đến cứu ; một con cạp nữa, mạnh hơn, không biết từ đâu bỗng xuyên qua bụi rậm, hồng hộc nhảy xổ ra. Tôi tỉnh mắt, trông thấy con hổ thứ hai kia, đã định thương ngay cho nó một phát súng. Tôi chưa kịp lắp đạn, vì hai phát đạn của tôi đã dùng mất cả rồi, thì đã nghe một tiếng "đoàng", rồi thấy loài mãnh thú kia chồm lên, bay lại mé tôi đứng. Tôi tưởng lần này tôi tận số, định lảng trốn phía sau gốc cây. Phát súng kia là phát súng của bạn tôi ngồi trên cây bắn xuống. Con cạp ngửi phải thuốc súng hăng tiết, chạy xông xộc lại chỗ người bắn nó để trả thù. Phát súng của bạn tôi lại không trúng, hóa nên nó còn nguyên sức mạnh. Khi nó tiến đến gần tôi, tôi rất lấy làm lạ vì thấy nó đứng dừng lại, nhìn lên ngọn cây, giương hai mắt tròn trố chiếu vào bạn tôi những tia sáng dữ dội, chứa đầy khí giận và oán thù. Bạn tôi ngồi cao quá, nó không làm gì được, nó tức tối vô cùng, bèn gằm to một tiếng rồi văng mình nhảy ngược lên, suýt nữa gần đến chỗ bạn tôi ngồi, chỉ còn cách độ non thước rưỡi. Bạn tôi sợ quá vội vã bắn ngay một phát nữa, rồi phát nữa, rồi vút súng trèo lên rõ cao. Lần này, con hổ bị trúng phải đạn. Càng hăng máu thêm, nó nhảy chồm lên càng cao, nhưng đều vô ích. Nó ngã huych xuống đất, gằm thét vang rừng và quay lộn như chong chóng. Thấy bạn đã quăng súng, tôi biết rằng lúc này là lúc phải xuất đầu lộ diện, bèn mạnh bạo tiến lên một bước, chĩa súng bắn một phát vào mặt cạp. Phát ấy chẳng may không trúng đích, vì tay tôi lẩy bẩy, tôi quá cảm động nên nhắm không được kỹ càng. Bắn xong, tôi vội vã nép mình sau gốc cây, định nhìn thế nào lần này cũng bị cạp tóm được. Thực là một sự rất kỳ dị : con hổ kia hình như không có mắt, nó ngơ ngác nhìn tứ phía, không biết hòn đạn xuyên vào người nó tự đâu ra. Nó lại nhảy vút lên cây định bắt bạn tôi song lại ngã xuống. Mỗi lúc ấy tôi mới hiểu lá bùa của Peng Slao linh nghiệm. Đã biết là bùa kia linh nghiệm, tôi tự thấy can đảm vô cùng, vì tôi tin ở thọ mệnh của tôi. Hùng dũng, tôi tiến lên, đi lại gần con ác thú. Tôi chỉ còn hai thước nữa là đến cạnh sườn nó. Nó vẫn tựa hồ

(1) "Chevrotine" : đạn bắn các loại hươu, nai và các loại thú lớn.

như không thấy có người. Tôi mới biết rằng mắt nó không trông thấy tôi được, tôi đã có phép tàng hình rồi. Vững chãi, dễ dàng, tôi giơ súng chĩa thẳng vào mặt nó. Cò bóp, súng nổ : con vật to lớn và mạnh mẽ kia chỉ còn là một đồng thịt lù lù nằm dưới chân tôi.

Bạn tôi ngồi trên cao, được trông rõ cảnh tượng lạ lùng ấy. Chàng ngạc nhiên đến cực điểm, không hiểu tại vì sao hai con cò kia chịu để tôi bắn chết, mà không hề dám xông đến hại tôi. Tôi chỉ mỉm cười một cách bí mật, khiến chàng tự lúc ấy, phục tôi như một vị kiếm hiệp có phép thần thông vậy.

Còn về phần tôi, sau cuộc săn hổ đó, tôi rất tin ở lá bùa hộ mệnh của tôi. Càng tin bao nhiêu, tâm hồn tôi càng phấn khởi mạnh mẽ bấy nhiêu, tôi tự thấy can đảm và hăng hái không ai bì được. Rồi, từ ngày đó, tôi chỉ có một sở nguyện, là lùng kiếm khắp các non sâu rừng thẳm, tìm cho được kẻ thù giết dòng họ tôi, ngõ hầu trả sạch mối thù. Sau khi ba vợ tôi, nhờ phúc trời, cho tôi ba đứa con trai, tôi không nghĩ đến thân tôi nữa, đến hạnh phúc riêng của tôi nữa, tôi bỏ cả vợ con ở lại, tôi đi...

Chỗ này, tôi xin phép ngỏ anh nghe một câu tâm sự. Có lẽ vì hồn Peng Slao thiêng liêng trong sạch, nên bấy giờ cũng theo dõi tôi để phù hộ cho tôi. Tôi không hề được chiêm bao thấy nàng, song không khắc nào không có cảm giác dịu dàng êm ả là nàng ở kề bên cạnh người tôi, trông nom săn sóc đến tôi.

III

Nhưng mà tôi vô duyên quá ! Tôi vội quá, chưa chi đã nói đến Peng Slao. Tôi hãy kể lại dần dần đầu đuôi câu chuyện để anh nghe như thế mới có ý vị !

Thế thì, cách đây độ bảy, tám tháng, mười mấy ngày sau khi đưa con trai thứ ba của tôi ra đời, tôi từ giã vợ con, đi luôn năm bảy hôm, nửa tháng, không về Hà Nội. Có về, tôi cũng chỉ tạt qua độ một hai ngày hoặc giả vài ba tiếng đồng hồ, rồi lại đi ngay. Trong những lúc đi vắng, tôi làm gì, chắc anh cũng hơi đoán được : tôi đi trả thù đó ! Tôi mất bao nhiêu công trình, bao nhiêu tâm cơ nghị lực, thế mà vẫn phải về không, chả được công cán gì. Trước hết, tôi trở về quê nhà, tìm căn nhà mồ của vợ tôi : Peng Slao.

Tôi tìm mãi, tìm đến hai ba ngày, không thấy dấu tích căn nhà ấy đâu cả. Hai bố tôi và tám người lính trước kia đi theo hầu tôi, đều giúp tôi tìm cho được căn nhà mồ ấy ; nhưng ngàn vâu thăm thẳm, cỏ nội mênh mang, tuyết mù không để lại một dấu vết gì của kỷ niệm năm xưa nữa. Tôi lấy làm kỳ dị, lần mò vào nhà thầy Mo Slây, hỏi thăm tin tức Peng Slao. Tôi mới biết rằng căn nhà mồ kia đã bị hủy đi rồi, mà Peng Slao nay đã nằm yên dưới đất. Theo lệ Mường, sau ba năm quản ở ngoài đồng thì họ hàng làm một lễ lớn để an táng hình hài người chết. Tôi bèn xin phép ra mộ nhân tình yêu quý của tôi. Tới nơi, tôi khấn khứa hồi lâu, rồi phủ phục xuống, ôm lấy nắm cỏ khâu mà khóc nức nở. Tôi khóc lâu lắm, thấy trong người mỗi mệt, bỗng thêm thiếp đi lúc nào không rõ. Trong giấc ngủ, tôi mơ màng như thấy Peng Slao vuốt ve tóc và má tôi, rồi cầm tay tôi, âu yếm bảo rằng :

– Chá bao lâu nữa anh sẽ được gặp em, bởi thế em đợi anh ở đây đã lâu. Chỉ vì nhà có nhiều âm đức hóa nên anh mới được gặp em, mới được sống thêm ba năm để nối lấy dòng dõi nhà họ Trịnh. Anh vốn họ Trịnh, không phải họ Đèo đâu. Con anh nên cho nó mang họ cũ của tổ tiên mới phải. Nay anh đã đủ bốn phận rồi, nay anh đã làm tròn nghĩa vụ rồi thì chả mấy chốc anh sẽ phải theo em về cõi chết. Anh sẽ phải chết vì Thần hổ xám, đúng theo số kiếp và duyên nghiệp của anh. Song le, bởi tội ác loài mãnh thú kia đã đẩy đủ nó cũng sẽ chết vì tay anh, ngô hầu mới oan nghiệt đến đây là đoạn tuyệt, không giây vướng mãi đến đời sau nữa. Mỗi tử thù của anh sẽ được báo phục. Thần hổ cũng sẽ được hóa kiếp. Như thế, sẽ tránh khỏi oan oan tương báo : sẽ tránh khỏi vòng nghiệt chướng lưu truyền.

Vậy, em xin mừng anh. Và em vui lòng nằm đây chờ đợi anh : ngày nào anh thấy trong người kiệt lực anh nên nhớ về quê nhà mà yên nghỉ, cho hai ta được gần gũi nhau, ngô hầu âu yếm nhau không bị sự gì ngăn trở. Thôi, anh đừng tiếc nhớ em làm gì nữa : rồi anh sẽ được gần em. Bây giờ anh hãy đi đi, hãy cố trả thù cho xong đã.

Peng Slao nói đến đây, tôi bỗng mở bừng mắt dậy thấy mình nằm trên mả tình nhân, giữa một khung cảnh âm u lạnh lẽo. Tôi vội vã trở dậy về nhà, rồi từ đấy bắt đầu đi tìm Thần hổ xám. Tôi tìm cả một vùng Thanh Hóa, lại cả một vùng Nghệ An, tôi vào mãi đến Quảng Trị, sang cả giáp giới xứ Lào, như Sầm Nưa, như Tà Khẹt, mà vẫn không tìm thấy kẻ thù độc ác của tôi. Chán nản, tôi lại trở về Hà Nội.

Nhưng, tin lời Peng Slao, tôi biết rằng, thế nào một ngày kia tôi cũng tóm được hổ thần. Quả nhiên, một buổi tối rất đẹp đẽ, nên thơ, thuộc về trung tuần tháng Mười này, một buổi sáng trăng vàng vạc, tôi được gặp con ác thú ấy trong một trường hợp ngẫu nhĩ lạ lùng. Tôi gặp nó không phải ở Thanh Hóa, không phải ở Nghệ An, mà chính ở phủ Nho Quan⁽¹⁾, về địa phận Bắc Việt ta đó ! Thì ra con quái ấy cũng rình mò theo vết chân tôi, anh ạ. Nó đương định tìm cách hãm hại tôi cho tuyệt tộc mới nghe.

Hình như nó biết rõ tôi chưa chết. Có lẽ những lũ ma trành xui nó, giục nó, khuyên nó nên cố sức giết tôi để tránh sự tôi báo phục mối tử thù. Có lẽ nó hiểu biết Peng Slao đã làm phép thế thân cho tôi, vì nó linh thiêng lắm. Nó chỉ định tóm được tôi là thôi miên cho tôi ngủ, rồi liếm vào mặt tôi, khiến lá bùa của tôi hết linh nghiệm, tôi phải thối thịt mà bỏ mình. Nó biết rằng hễ nó liếm được vào mặt tôi, tất thế nào tôi cũng chết. Vì số tôi bị chết vì tay nó, hóa nên nó chỉ việc chạm đến tôi là tôi hết kế thoát thân. Đối với những hổ thường, phép tàng hình của tôi rất có lợi, nhưng đối với hổ thần này, nếu nó không bị thương gì, mà vẫn tỉnh táo, mạnh mẽ, thì dù tôi tàng hình, nó cũng trông thấy tôi rõ rệt như tôi không tàng hình vậy.

Bởi lẽ, trong mắt nó, những tia điện sáng và sắc như nước ; nó nhận được tôi, chỉ phải trở mắt thôi miên tôi một chút, là bao nhiêu nhân điện, khí lực và can đảm của tôi phút chốc tiêu tán hết : tôi sẽ nhũn người ra, ngã gục xuống, thiếp ngủ đi ; hình hài tôi sẽ hiện rõ rệt dưới tầm mắt nó. Tại tôi đã làm phép thế thân bằng bỏ nhìn từ ngày trước. Hổ thần sẽ không cần chết hoặc sát chết được tôi. Song le, nó sẽ liếm vào má hay trán tôi, tôi bị vết thương ấy thì chỉ vài ba tháng là tận số.

Anh thử nghĩ mà xem, thực quả chỉ bởi mệnh tôi đến ngày đoạn tuyệt ! Cách đây hơn hai mươi tiếng đồng hồ, tôi cùng người bạn đi săn bắn với tôi, con ông chủ nhà trọ, cùng ngồi chung một chiếc xe hơi bỏ mui, đi vào địa hạt Nho Quan, định đến sáng sớm thì săn các loại dã thú. Lúc chúng tôi gần đến Nho Quan, còn độ hơn mười cây số nữa là đến phủ, bạn tôi bỗng bị một hòn cát bay vào mắt, phải hãm xe lại, đưa tay lái tôi cầm cho cẩn thận, vững vàng. Trời hôm qua trăng sao vàng vạc, sáng đẹp lạ thường. Hôm nay là rằm tháng Mười, phải, rằm tháng Mười ; hôm qua tức là ngày mười bốn đó. Trăng mười bốn, anh còn lạ gì, trong suốt một vùng trời đất,

(1) *Nho Quan* : thuộc tỉnh Ninh Bình.

nó tỏa ra một thứ ánh sáng dịu mát và lạnh lẽo, trắng bạc và êm đềm. Tháng Mười năm nay không lấy gì làm rét lắm ; chúng tôi tuy bó mui và cho xe chạy lướt, vẫn không thấy hơi lạnh giá buốt tay chân. Bàn tôi cảm lái đã mệt, đã lâu ; lúc anh ta dừng xe lại, tôi bèn khuyên anh nên ngồi nghỉ ngơi một chút rồi sẽ chạy nốt về phủ cũng không muộn gì. Anh ta nhận lời ; chúng tôi cùng đánh diêm châm thuốc hút.

Giữa một góc trời tịch mịch, trong một hoàn cảnh âm u, ngoạn mục, lại được tiết trời mát ráo, việc ngồi nghỉ giữa đường và hút thuốc lá trên ô tô thực là một khoái lạc êm ả cực kỳ, không tài nào tả xiết. Tôi dương lưng lể lửng thú thanh cao độc nhất vô nhị ấy, bỗng bạn tôi, khi vừa dụi mắt xong, cảm chiếc mùi xoa chỉ thẳng vào quãng rừng cây bên tả. Tôi giật mình chú ý nhìn thì, chao ôi, một cảnh tượng làm cho tôi bỗng rùng rợn, sớn gáy ! Ngay phía tả, hơi chệch về mé sau xe, có vật gì trông như một ngọn đèn đỏ ngầu và sáng rực, tựa hồ chiếu vào chỗ chúng tôi ngồi những tia lửa chói lọi, êm như nhung mà cũng sắc như dao. Vật ấy trông giống như một con mắt, một con mắt hổ. Không nghĩ ngợi xa xôi nữa, tôi đoán ngay, biết ngay, nhận thấy ngay : con mắt của con hổ chột, của loài quái vật thù tôi, của Thần hổ xám dó. Con mắt ấy, con mắt ấy long lanh như dương nhìn thẳng ra đường, thôi miên đôi chúng tôi. Bàng hoàng lo ngại, tôi chưa kịp định thần liệu xem nên báo phục hay nên trốn tránh đã, chưa kịp tự hỏi lòng xem con mắt kia có đúng là con mắt loài mãnh thú tôi định hại không, thì bạn tôi đã run lấy bầy nắm chặt lấy tay tôi, rồi chỉ con mắt sáng ngời kia nói :

– Anh Khăng ! Anh thử nhìn kỹ xem, cái gì mà lạ lùng lắm anh ạ. Có lẽ là ma, là ma thực đấy ! Có sao tôi trông, dưới ánh sáng mờ mờ của ánh trăng xuyên qua kẽ lá, hình như trong mé rừng kia có một đàn con gái nhón nhơ bao bọc một ông cụ già râu bạc ; kìa kìa, có phải ông cụ già không anh ? Hay là tôi vừa bị bụi chạm vào đồng tử mà hóa ra hoa mắt ?

Nghe bạn nói, tôi chăm chú nhìn rõ kỹ. Hỡi ôi ! Anh Thảo ! Sự tôi trông thấy sau này càng khiến tôi kinh ngạc bội phần ! Thực vậy. Quả thực trong một góc rừng sâu thẳm, cách chúng tôi độ bốn năm chục bước, dưới ánh trăng mờ một đoàn con gái đến bảy, tám đứa đương vui đùa nháy múa. Có đứa mặc quần áo kiểu thổ dân có đứa lại ăn vận theo lối người dưới chợ. Nhưng con nào cũng bỏ tóc xõa phất phơ rủ xuống hai vai : có ba bốn đứa lại như khỏa thân ngọc ngà trắng toát, không có áo quần gì cả. Có lẽ lũ ấy toàn là con gái ; trông xa không được rõ rệt lắm, nhưng thấy đáng diệu

chúng nó mềm mại, óng ả và tha thướt, thì tưởng chừng chúng cùng thuộc về phái thoa quần. Ba bốn đứa cầm tay nhau nháy vòng tròn, làm cho áo quần và tóc lòa tủa tung bay trước gió. Còn mấy đứa nữa - những đứa cời truồng - thì hình như đứng cạnh hầu hạ, bắt chấy, đấm lưng, và vuốt râu cho một ông cụ già đầu tóc râu ria bạc phơ, chỉ có một con mắt sáng loé, chiếu ra những tia lửa đỏ hồng lóng lánh. Có một điều rất quái dị là hình như trong bọn ba đứa con gái đứng kề ông cụ, một đứa trèo lên lưng ông ta giơ tay, hoa chân, đều nghịch cùng những cô ả nháy ở vòng ngoài. Đến lúc trông kỹ ông cụ, tôi lại càng khủng khiếp hơn nữa. Ông cụ già kia tưởng như không có tay ; sao lưng ông lại xam xám mà cong ; ông rõ ràng không mặc quần áo gì cả, ngồi chổng thẳng hai chân trước xuống đất, chả khác hình thú vật một chút còn con nào. Thôi dích rồi, đầu kia là một đầu người, nhưng thân thể kia là một thân thể vật, là xác thịt, hình hài một con hổ, con hổ xám đó !

Nhân buổi trăng sao vàng vạc, nhân khi khí tiết êm ả dịu dàng, nhân quang cảnh lặng lẽ âm thầm, con quái vật kia hiện ra hình người để cùng lũ ma trành đùa giỡn. Nhưng con yêu tinh đó chưa đủ phép thần thông biến hóa, mới hiện ra được cái đầu mé trên, còn mé dưới vẫn phải giữ nguyên hình, chưa hóa được. Dích rồi, nó là kẻ thù của tôi, phải trả thù mới được, phải nhờ dịp này báo phục mới xong ! Nhân nó đương ngồi chơi, không chú ý nhìn ra đường, phải lừa khi nó lơ đãng, giết nó thì mới dễ. Thoạt đầu tiên, nhìn con mắt sáng chiếu ra những tia lửa nóng nần dữ dội, tôi đã cho là nó thôi miên tôi. Song, nhìn kỹ lại thì không phải thế. Con mắt Thần hổ bao giờ cũng sáng ; con quái vật đó có mỗi một mắt, nên mình ở phía nào cũng tưởng chừng như nó nhìn mình. Hóa ra tôi lầm. Đương lúc con hổ kia đùa cùng bộ hạ nó, nó mãi nhìn mấy con ma nháy múa chung quanh mình, có phải chăm chú nhìn hai chúng tôi đâu ! Nếu quả nó nhận thấy chúng tôi, thì từ lúc nãy, nó đã sẵn lại gần rồi ! Tôi đương suy nghĩ, lại thấy bạn tôi dồn hỏi :

– Thế nào anh ? Có phải là ma không ? Rõ ràng đầu ông cụ mà mình như mình cộp ấy, anh ạ. Cớ sao da cộp mà lại hình như xám, không phải da vàng như các giống cộp thường ? Hẳn là một con yêu tinh đây, anh ạ, ta phải trốn mau đi mới được !

– Thông thả. Anh cứ sắp sẵn sàng đi. Cầm vô lăng cho vững ! Liệu trước cả đi. Đợi cho tôi ngắm trúng con quái đó, bắn một phát : hễ khi nào

súng nổ thì anh mở máy cho nhanh, phóng nước đại nhé. Cho khéo đấy. Đây, tôi sắp bắn này !

Tôi vừa dặn bạn vừa chĩa súng, ngắm cho rõ trúng đích, tức là con mắt sáng ngời kia. Bạn tôi lật đặt ngời chăm chú, chỉ đợi tôi bắn là cho xe chạy. Xe vừa bắt đầu kêu, máy vừa mở, thì một tiếng "doàng" bỗng xé không trung lạng lẽ, rồi tiếp luôn một tiếng doàng thứ hai. Hai phát súng vừa thoát ra trong vòng một khắc cồn con, xe ô tô đã vù vù chạy như chớp loáng trên con đường đá trắng. Bắn xong tôi tự thấy trong người xúc động đến cực điểm ; óc tôi bấy giờ rối loạn, phần vì mừng, phần vì sợ, phần vì cảm động vô cùng. Tôi không kịp nghĩ ngợi gì cả, chỉ một mặt giục bạn vận xe mở máy thật nhanh, cho thoát nạn. Không hiểu vì sao lúc ấy tôi đâm ra hoảng hốt, chỉ muốn lánh mình rõ xa, không dám quay đầu lại nữa. Bạn tôi lại càng sợ hãi và luống cuống hơn tôi, anh ta cố sống cố chết nằm rạp xuống vô lăng, mở đèn pha rõ sáng, rồi lái, rồi lái cho xe chạy trong đêm tối như một mũi tên thoăn thoắt.

IV

Xe chạy được một quãng thì tôi thấy can đảm dần dần trở lại, tôi ngoảnh đầu trông về phía sau. Chao ôi ! Khủng khiếp chết đi mất ! Khi xe đương chạy vút không kịp nhìn sau lưng mình, thì yên chí rằng mình trốn thoát, đến khi định thần nhìn lại, bao nhiêu can đảm, nghị lực, vừa nhóm dậy, đã tiêu bay, tán lác, đi đường nào ! Một cái bóng đen to lớn, dưới ánh trăng, vẽ một vết đen sì trên đường trắng. Cái bóng ấy chồm lên, chồm xuống, tiến đến vùn vụt, rất nhanh. Nó chạy theo ô tô, đuổi theo chúng tôi ; nó nhảy nhanh nhẹn không kém gì xe của hai chúng tôi mấy tý. Rõ ràng sau lưng chúng tôi một con hổ dài và lực lưỡng, đương cong vút đuôi "phì nước đại" cho kịp chúng tôi. Con vật khổng lồ ấy, mỗi lần chân nó chạm đất, làm náo không trung bằng những tiếng "huỳnh huych" rất nhịp nhàng, mãnh liệt, có thể át được tiếng máy xe rầm rập kêu vù vù. Tiếng "huỳnh huych" ấy một khắc một gân : con hổ xám kia chĩa mấy chốc sẽ tóm được chúng tôi, nguy quá ! Tôi luống cuống, nghiêng đầu kêu rõ to bên tai bạn, báo cho bạn biết cả đôi cùng bị ác thú đuổi theo. Bạn tôi càng kinh hãi, cuống lên, cố hết sức đạp "ga" cho xe chạy nhanh hơn, nhanh nữa.

Chúng tôi chạy, chạy mãi, chạy bán mạng không kể đất trời là gì nữa. Bởi sau lưng chúng tôi : cái chết nó quá gần. Còn mười lăm thước nữa, rồi còn độ mười hai. Rồi còn bảy, tám. Thôi chết !

Mỗi một khắc, tôi lại quay đầu xét tình hình bên địch. Tôi nhìn mãi hồi lâu, mới nhận thấy con mắt của kẻ thù làm sao không sáng rực, đỏ chói và dữ dội như lúc tôi vừa thấy nó ; con mắt ấy, giờ đây, trong khi Thần hổ đuổi theo tôi, tự nhiên trông mờ ám hẳn đi, đỏ vàng như một ngọn đèn dầu tắt, tựa hồ những tia lửa trong con mắt nó càng hình như thêm mờ, thêm ám, nó cứ tối đi, tối đi mãi, sau cùng chỉ lờ mờ sáng có tý chút mà thôi. Nhưng nó vẫn đuổi. Khốn khổ, chỉ còn có vài ba thước nữa thì kịp !

Xe vùn vụt nuốt rất mau quãng đường đá trắng tai hại ! Sao bóng trăng lại mù tịt thế này ! Thôi hỏng rồi, nó gần theo kịp, nó sắp đến nơi rồi ! Cố lên, mau lên ! Bọn tôi nằm rạp xuống, mở hết đủ mười bốn mã lực.

Nhưng... nhưng, thực là số chúng tôi phải chết ! Nếu không vì hàm cộp, thì ắt là vì nạn ô tô. Cha mẹ ôi ! Con hổ kia sắp sát đến nơi rồi, sao xe của mình lại kém nhanh thế này nhỉ ? Sao lại hãm máy lại thế hớ ? Chết, chết, chết, chết mất !...

Trước mặt không có đường đi nữa ! Tịt mất đường rồi ! Thì ra trong khi luống cuống, bọn tôi không theo đúng đường cái thẳng về phủ Nho Quan, lại đi lầm sang một con đường đi tuột vào cửa rừng, ven sườn núi. Thực quả là oan nghiệt ! Thực quả là nghiệp số ! Lần này thì không thoát được nữa. Xe hết đường phải từ từ hãm bánh, không thể làm thế nào được nữa.

Lúc ấy mắt tôi hoa lên, trống ngực tôi đánh như quả tim sắp nổ, mạch máu tôi phồng to, thái dương tôi nóng rực, tinh thần tôi bàng hoàng, bao nhiêu ý tưởng lộn xộn trong óc tôi, tôi, một khắc, loáng như chớp, thấy hình ảnh cha mẹ đẻ, ông bà nội, cha mẹ nuôi, vợ, con, Peng Slao, anh, và cả quãng đời trai trẻ của tôi... Tai tôi lúc ấy ù ù ; cảnh vật chung quanh người tôi quay lộn như chong chóng, tôi không phân biệt gì nữa, không biết gì nữa... Mang máng, tôi tựa như thấy một vật gì to lớn, nặng nề, húc mạnh vào xe ô tô, rồi tôi bị rung chuyển như ngã bắn ra ngoài, văng xa giữa quãng không trung, lăn lộn trong một cõi mơ màng, huyền ảo...

Tôi chết ngất đi lúc nào không biết. Thực là một sự kỳ dị, lúc tỉnh dậy, thấy mình nằm trên bãi cỏ, không xa xe ô tô mấy, bọn tôi nằm gục trên vô lăng, đầu ngã xuống thành xe, ngủ mê như chết. Còn xe thì vẫn đứng thẳng thắn,

mũi hơi chúc xuống, dít vểnh lên trời, theo dốc của một gò đất nhỏ lõm xuống. Cái "parechoc"⁽¹⁾ đường trước thì lõm vệt hằn đi, áp vào một hòn đá lớn. Tôi không hiểu thế nào cả, không nhớ gì nữa, tựa hồ như người uống rượu rờ say, vừa tỉnh lại sau khi ngủ một giấc rờ dài. Cử chỉ đầu tiên của tôi là lại lay bạn tôi dậy. Bạn bè bàng hoàng mở mắt, vươn vai, ngáp, rồi mở cửa xe bước ra ngoài. Anh ta cũng lộ ra vẻ kinh ngạc và hoảng hốt như tôi, hai chúng tôi nhìn nhau, và thờ thần, lúc ấy mặt trời lên đã cao, ánh lửa hồng đã đỏ rực cả một bên sườn núi. Chúng tôi rút đồng hồ xem, thì vừa mới bảy giờ sáng.

Ngồi trên bãi cỏ, móc túi để lấy bánh tây và đồ hộp ra ăn, chúng tôi vừa nhồm nhoàm nhồi dạ dày cho đỡ đói – vì lúc đó thấy đói quá – vừa cố sức thu nhặt trong ký ức những kỷ niệm tản mác của buổi hôm qua. Sau khi cùng nhau xếp lại trường hợp mình đã trải, chúng tôi mới nhớ rằng cả hai định lên phủ Nho săn bắn, không may gặp hổ giữa đường, bắn nó rồi bị nó đuổi theo tới chỗ ấy. Quan sát tình thế và ngắm nhìn xe, chúng tôi biết đã lái xe lạc đường, đến nỗi đi lâm vào núi. Chiếc xe nghiêng xuống chỉ rõ cho chúng tôi biết nó bị hổ húc phải rất mạnh, nên bị xô vào mãi cửa rừng, rồi gặp một hòn đá to mới đứng lại được. Sự hổ húc xe đó khiến chúng tôi lấy làm kỳ quái, nhất là vì thấy mé sau xe, trên mặt đất, trên đệm không biết bao nhiêu vết máu đỏ ngầu, chưa khô, tung tóe ra làm bẩn cả một vùng. Chúng tôi đoán chắc con hổ bị bắn hôm qua tất mang một trọng thương, khi nó hết sức đâm bổ vào xe thì vết thương ấy mở toang ra, khiến máu bắn phọt ra như tưới. Lăn theo vết máu thắm trên bãi cỏ, chúng tôi rủ nhau đi mãi, đi đến non một cây số thì đến cửa một cái hang rộng, hõm sâu vào sườn núi. Trong hang một cái xác hổ nằm phục trên một vũng nước quánh như hồ đồ ngầu, hoen cả làn da vàng xám có vằn đen, nhất là đầy loang ra chiếc bờm lông trắng toát. Trên mặt con mãnh thú kia không biết bao nhiêu là vết đạn : hai phát súng tối qua đã trúng đích, không sai. Cặp mắt thì một con bị chốt từ xưa, một con nữa vừa mới bị đạn bắn xuyên thủng nốt. Con hổ xám ấy còn thoi thóp thở, nó chưa chết. Nhưng nếu nó còn sống, cũng chả sống được bao lâu nữa, vì nó chỉ có một thân cô độc, mà không may lại mù tịt đi rồi. Thế tất nó sẽ không có cách gì kiếm được miếng ăn, dẫu rằng nó linh thiêng và khôn khéo.

(1) "Parechoc" : cái chắn xe.

Nhận được kẻ thù rõ rệt, tôi bỗng thấy lòng mừng chan chứa, đem súng quàng sau vai ra lấp đạn, chĩa vào ông chúa sơn lâm lúc sa cơ, rồi kể tội hần một hồi lâu, không ngớt. Thần hổ chả rõ có nghe hiểu những lời chửi rủa và kết tội của tôi không ; nó chỉ nằm yên không thềm cựa. Điền tiết, tôi bóp cò hai lượt, hóa kiếp cho loài ác thú đã hãm hại cả gia đình, dòng dõi nhà tôi.

Thần hổ xám nay đã hóa ra một đồng thịt gớm ghê nát bét vấy đầy những máu. Trả thù xong, tôi rủ bạn ra về. Khi chúng tôi cạy cục đem được xe ra đường, tôi mới nhận thấy bạn tôi có một vết bằng đồng bạc lớn mà đỏ hồng gay gắt như bị bỏng dầu sôi. Tôi biết rồi, tôi hiểu rồi, nhưng không dám nói rõ cho bạn nghe sợ hấn buồn rầu và oán trách tôi đưa hấn vào tử lộ. Tôi soi mặt vào gương chiếu đường, mặt tôi bỗng tái mét đi : trên trán tôi cũng có một vết đỏ hồng to bằng miệng chén tống. Ngậm ngùi, tôi bước lên xe ; nhưng từ đây trở về Hà Nội, tôi không nói với bạn nửa lời nào nữa. Tôi không đủ can đảm, sợ hễ nói thì òa lên khóc mất.

Về đến đây, tôi chỉ kịp lại thăm ba đứa con tôi xong, thì đến tìm anh. Bây giờ anh đã hiểu rõ đầu đuôi công việc của tôi xin anh nghĩ tình bạn hữu, nhớ đến những điều tôi đã trời trăng anh từ nãy nhé ! Còn tôi, không chóng thì chầy, thế nào tôi cũng chết. Nhưng trước khi chết, tôi muốn về Thạch Thành lấy từ dưỡng phụ, dưỡng mẫu tôi, hai bố già nuôi tôi, cùng ông Mo Slây, và xin thấy mẹ tôi, sau khi tôi nhắm mắt an táng tôi bên cạnh mộ Peng Slao. Ngày mai tôi đáp tàu về Bim Sơn chuyến sáu giờ sáng. Anh ở lại, cố trông nom vợ con cho tôi nhé ! Tôi lại có một điều rất tâm sự phải cúi lạy xin anh. Nếu tôi chết đi, những vợ tôi sẽ chịu bơ vơ, không biết nương tựa vào ai. Chúng nó đều ngoan ngoãn cả, nên tôi muốn nhường lại cho anh, cúi xin anh cho chúng nó dựa vào anh để sống nốt quãng đời thừa. Anh lắm của, lại còn trẻ, lại chưa vợ - anh tưởng tôi không biết anh chưa vợ ? - anh nên vứt hết các sự nề hà vật vãnh, lấy nghĩa lớn làm trọng, giúp tôi những việc khó khăn này. Như thế, thương mẹ, anh sẽ săn sóc đến con : con tôi cũng như con anh, tôi phó thác cả cho anh nuôi đó. Rồi, mỗi tháng cha nuôi tôi sẽ gửi trả anh một số tiền dăm chục bạc để bù cái công khó nhọc cho anh. Anh Thảo ôi ? Tôi là người Mường, không biết nói hoa hòe quá quào, anh nghĩ tình tôi, thương cảnh tôi, mà cứu lấy mấy giọt máu thừa của một dòng suýt tuyệt tự này đây !

Nếu số tôi không phải chết non, tôi đã không phiền lụy anh đến thế ! Anh là người độc nhất vô nhị được rõ nguồn tâm sự của tôi : nhưng được

cái lợi nhỏ nhất ấy, anh phải trả một món nợ rất to : nuôi vợ con cho tôi. Anh không thể từ chối được, anh phải nhận ! Bỗng phen anh bắt anh phải nhận. Lòng nghĩa hiệp của anh không cho phép anh từ chối ! Anh phải biết làm một điều phúc đức, ảnh hưởng đến muôn đời. Nếu ông cha tôi xưa kia không có tội lỗi, thì khi nào tôi bị chết giữa lúc máu trong tim đang bùng bột thế này ? Thực là có số anh ạ ! Đáng lẽ tôi không chết như tôi đã nói từ trước. Tôi không hiểu vì sao sau lúc bắn con hổ thần kia, trong người tôi bỗng dưng ra hoảng hốt, rồi tôi lên xe giục chạy trốn. Đáng lý, bắn xong, tôi nên cứ đứng yên dưới đất, chỉ để bạn tôi chạy mà thôi. Như thế con hổ mãi đuổi cái xe, nó sẽ không trông thấy tôi, vì tôi có phép tàng hình. Như thế tôi sẽ sống. Bởi vì tôi chạy mới thành ra kinh khủng, cảm động, đến nỗi chết ngất đi, ngã văng ra ngoài. Trong lúc mê man nhân diện trong người tôi, theo linh hồn tỏa ra ngoài cả, lá bùa của tôi không hiệu nghiệm nữa. Con hổ kia, nhờ thế, mới liếm được trán tôi.

Chả qua tôi và bạn tôi đã đến ngày tận số. Vì bạn tôi không lạc đường, làm gì con hổ kia húc xe rung chuyển được : nếu cứ đường thẳng mà chạy, thì nó có theo cũng vô ích, càng theo càng đuổi dần, và dẫu có đuổi kịp tới nơi thì mắt đã mù rồi, còn biết đường nào mà liếm trán tôi được nữa ? Khốn nỗi trước khi mù tịt, con quái kia còn nhận được chúng tôi ! Sau khi liếm mặt chúng tôi, nó còn lần được đến hang, mãi lúc bấy giờ máu mới tràn đầy óc, gân mắt nó mới bị bại hẳn, ngọn lửa trong đồng tử nó mới tắt hẳn.

Thôi, anh Thảo ạ, nói nhiều nữa càng thêm buồn, thêm tẻ ; tôi xin phép anh cho tôi được cúi chào anh và áp trên hai má anh hai cái hôn nồng nàn, biểu hiện của tấm lòng thành thực của tôi quý mến anh, cảm phục và tạ ơn anh, mãi đến khi hồn bay phảng phất ra ngoài cõi sinh tồn náo nhiệt, sung sướng này...

Thôi, anh ở lại !

Đèo Lâm Kháng ngay tối hôm đó, từ già tôi về nhà thu xếp hành lý để sáng mai ra tàu sớm. Từ ngày ấy, không bao giờ tôi gặp chàng nữa. Mất tích bạn đến ba tháng, tôi mới nhận được thư dưỡng phụ chàng báo tin cho tôi biết, tự nhiên, không bệnh tật, Kháng bỗng ngã lăn đùng ra chết, ngày 30 tháng Chạp, tức là hai tháng rưỡi sau khi chàng trả được oán thù. Theo ý chàng dặn kỹ càng trước buổi lâm chung, mộ chàng để gần mộ Peng Slao, người chàng yêu quý và mến thương thứ nhất.

Có một điều rất lạ, là ngày 30 tháng Chạp đó, đúng đầu giờ Dậu, người con ông chủ nhà trọ của Lâm Khăng, cũng như chàng, ngã quỵ xuống chết tươi. Cái vết lười của Thần hổ, quả như lời bạn tôi nói, thực là lợi hại và linh nghiệm.

Không phụ lòng Khăng và kính trọng lời ký thác của chàng, tôi hết sức nuôi cho ba đứa con bạn tôi khôn lớn. Còn như ba người vợ Khăng, tôi cho một người về quê hầu hạ ông bà huyện ; hai người sau còn trẻ và đều có nhan sắc, tôi đều tìm hộ cho những chỗ tử tế để sánh duyên, khỏi bỏ lỡ mất một đời xuân thiếu.

Lâm Khăng, nếu có linh thiêng, ắt cũng chẳng trách tôi không đúng sở nguyện chàng : cho các vợ chàng dựa vào tôi mà sống. Con thì tôi sẵn lòng săn sóc, chớ hững hờ cho bạn những ba người vợ còn non hơn hớ chẳng những tôi không dám, còn cúi đầu thành kính lạy cả ba bà cả nón lẫn khăn. Nói duyên hộ họ Đèo, biết đâu, chẳng phải là một sự thể đưa tôi vào cõi chết ?

Bởi vì tôi đã, theo ý điên cuồng của một người bạn đương cơn hăng nói, chìm hồn vào một gắm vô đạo, làm một điều trái ngược hẳn luân thường ? Ấy thế nên ba vợ của bạn tôi, tôi đều tìm chỗ cho mà dung thân cả. Chỉ có ba đứa trẻ ngộ nghĩnh còn sót lại, thì bao giờ tôi cũng để cạnh tôi, ngô hầu nhớ mãi quãng đời kỳ dị, phiêu linh của bố chúng nó, bạn tôi, một người đã ngạo ngược lấy ma rừng, lại can đảm dám tranh hùng với cọp⁽¹⁾.

(1) Tác giả để cuối truyện : Viết xong tại Hà thành ngày 18 Novembre năm 1936.

AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA

Tác giả : Tchya (xem Tiểu dẫn, tập Thần hổ).

Ai hát giữa rừng khuya vốn là tập truyện dài đăng trên Phổ thông bán nguyệt san số 101 và 102, ra ngày 16 tháng Hai và ngày 1 tháng Ba năm 1942, sau được in trọn vẹn thành sách. Truyện gồm 13 chương, cũng viết về chuyện hổ thần, theo lối phóng truyện kỳ như trong Thần hổ, nhưng đã thay đổi cốt truyện, tình tiết và nhân vật.

Vì sách quá dài nên trong khi tuyển chọn, chúng tôi có lược đi một vài đoạn luận giải, trừ tình ngoại đề không ảnh hưởng gì đến cốt truyện.

226. AI HÁT GIỮA RỪNG KHUYA

I

MA KHÔNG ĐẦU

Tôi dụi mắt nhắm kỹ một lần chót nữa. Quả nhiên, cũng như cảnh tượng vừa hiện ra lúc tôi mới đến, tất cả sự vật xung quanh mình tôi cứ tựa hồ chứa đầy một vẻ bí mật thiêng liêng rừng rợn, một vẻ bí mật mà hình ảnh rõ rệt tôi được mục kích càng làm cho dữ dội, nặng nề.

Hiện trạng đương phô bày trên mái đồi kia, trước mắt tôi không xa mấy, dưới ánh nắng vàng đỏ của buổi chiều tà, hiện trạng đó quả thực có là một hiện trạng hay không, hay là một hình ảnh mơ hồ mà đôi mắt quáng của tôi lầm tưởng là một bức tranh kỳ quặc ? Tôi phân vân không biết tự đáp thế nào. Ngắm đi ngắm lại, nhìn rồi lại dụi mắt, dụi mắt xong lại nhìn, tôi hết sức kinh nghiệm cho chắc chắn, cho kỳ mỗi ngờ vực của tôi thành hẳn ra ngờ vực, hoặc biến thành một tín ngưỡng sâu xa. Nhưng... có lẽ nó hóa ra tín ngưỡng mất.

Vì, chỉ cách tôi bảy, tám cột đèn, nghĩa là non hai trăm thước, giữa ban ngày, sự lạ lùng hiện ra cho tôi trông thấy vẫn không hề biến đi, mà cũng không thay đổi. Sự ấy thực là một kỳ quan độc nhất vô nhị, một sự tối vô lý mà mình phải tin là thật, nhưng cũng có khi ngờ là giả dối, mơ hồ. Cứ lấy con mắt hết sức chú ý nhìn, thì sự đó vẫn không trốn tránh tính tò mò liêu sự của ta ; song, hễ khi nào ta dùng đến một vật gì để đi gần lại trường hoạt động của nó, thì nó biến vụt ngay như làn khói bị gió lửa. Hoặc ta tìm cách đi lại gần chân đồi, còn độ hai ba cột đèn sẽ tới nơi, trông lên không thấy

gì nữa cả ; hoặc ta đem lên mắt một cặp ống nhòm để phóng đại trường quan sát, phong cảnh càng to ra bao nhiêu thì hình ảnh ta muốn thấy mờ ám đi bấy nhiêu, có khi hóa thành trong vắt như kính, nghĩa là không có hình sắc nữa.

Bằng cứ chịu khó đứng xa xa mà ngắm nhìn, thì dầu ngấm chán mắt, sự kỳ quặc kia cũng vẫn hiện ra cho mình trông thấy, hiện ra một cách nửa rõ rệt, nửa mơ hồ, lạ lùng khó tả quá ! Nhưng không phải ngày nào, giờ nào, bất cứ lúc nào, ta cũng có hạnh phúc được nhìn nó. Nó chỉ thoát khỏi cõi âm trở về cõi dương một năm có vài kỳ, mỗi lần sự biến thiên của khí hậu gọi cho nó nổi nhớ tiếc thời oanh liệt thuở xưa.

Sự biến thiên đó họa hoàn mới xảy ra ; ấy là một điều tối không may cho những khách tò mò hiếu sự. Như tôi chẳng hạn. Tôi phải dần lòng gắng sức đợi đến ngót tháng trời mới được trông thấy hình bóng tôi muốn thấy ; nào phải đâu là sự dễ dàng.

Cảnh tượng dị kỳ tôi đã được mục kích, nó là hai con ma, hai cái oan hồn uất ức của hai kẻ chịu tử hình, lâu ngày không tiêu đi được nên tụ lại thành bóng, hấp thụ mãi khí thiêng liêng của trời đất, nên mỗi khi bị hoàn cảnh xúc động đến là hiện được lên ngay, hiện lên để diễn lại một tấn trò mà xưa kia, hai oan hồn đó thường diễn trong những giờ cao hứng⁽¹⁾.

Hôm đó, cách đây chừng khoảng hai năm tôi đi về vùng Nam Định xuống ga Gôi, vào thăm một người bạn cũ.

Lâu ngày mới được gặp nhau, bạn tôi mừng lắm, vội vàng sai vợ con đi giết gà mổ vịt, lại cho người ra chợ đón mua những thứ quà ngon. Tôi được thấy bạn cũng mừng, hai anh em ngồi uống trà đàm đạo mãi cho tới chiều, không biết mệt.

Lúc ấy, vào khoảng bốn giờ. Trời tháng quý hạ, nồng nực lắm, tuy sắp sang thu mà cũng vẫn còn oi ả. Tôi đến lúc một giờ chiều, ngồi hàn huyên với bạn đã ba giờ có lẻ. Lúc tôi đến, trời nắng chang chang như lửa đốt, nhưng khi vào nhà bạn được hơn một tiếng đồng hồ thì bỗng đâu trời sa sầm mặt lại ; mây đen bốn bề rậm rộ kéo đến, rồi sấm chớp nối tiếp nhau xé toạc quăng không gian bằng những tiếng nổ âm âm và những luồng quang tuyến sáng xanh chói lọi. Sau cuộc thị uy thị hùng ấy, mưa ở lưng chừng

(1) Chúng tôi lược bỏ một đoạn tác giả luận giải về linh hồn hiển hiện.

tươi xuống trần ai như thác chảy, nhưng chỉ trong quãng nửa giờ lại tạnh ráo ngay. Mây đen, tụ lại ít lâu, cũng theo chiều gió tan đi hết cả. Trời lúc này bị vẩn ám bấy giờ quang đãng như không ; vài tiếng sấm cuối mùa thỉnh thoảng nổi dậy, nhưng chậm rãi uể oải, không có vẻ hùng tráng như khi mưa chưa rõ giọt.

Mặt trời, khỏi bị che kín sau bức màn mây tối, lại vui vẻ tia ra những luồng ánh sáng đỏ rực và gay gắt ; hình như sau mỗi trận mưa rào thì ánh nắng càng nồng càng đượm ; để cỏ cây mau chóng được khô ráo nhẹ nhàng. Mưa xuống nắng lên là một sự rất thường trong thời tiết, nhưng sự đó không mấy khi xảy ra trong các mùa êm dịu như xuân thu, và trong vụ mấy tháng mùa đông rét mướt. Nó chỉ thường xảy ra giữa mùa hạ, là một mùa hay có đồng tổ thất thường.

Mỗi lần mưa xuống nắng lên, thì khí đất lại ngùn ngụt bốc cao khói đầu ngọn cỏ, hơi thở của tạo vật lại nặng nề bực bội, mà khí hậu thì hóa ra độc địa vô cùng.

Những buổi trái trời trái đất ấy, ngoài việc làm cho khí hậu hóa nên ám chướng, có lẽ còn có một mãnh lực gì u ẩn, huyền bí, xúc động cả các âm hồn. Người ta thường nghiệm ra rằng sau một cơn bão, khí trời ở chốn thôn quê có mùi khen khét, khiến nhiều kẻ tưởng lầm là sét đốt cháy một vùng nào. Sự thực chỉ là, dưới sức mạnh âm ỉ của các luồng điện nhấp nháy trong không gian, dưỡng khí tụ đặc lại mà gây nên mùi khét. Sự tụ đặc ấy vô hình, ta chỉ nhận thấy ảnh hưởng của nó mà thôi ; nếu không có nhà bác học thí nghiệm xét ra, có lẽ ta cũng cho là hoang đường.

Hoang đường là tất cả mọi sự mà loài người chưa tìm ra cội rễ căn nguyên vậy.

Sự tôi sắp nói ra đây, vì chưa dò xét được duyên cớ, nên cũng phải tạm liệt vào loại hoang đường. Ấy là sự thay đổi trong cõi huyền bí do có luồng điện trong không khí tạo nên. Âm hồn làm bằng chất gì, ta không được rõ ; ta chỉ biết nó vô hình ảnh, nó nhẹ nhàng phảng phất, đầm như hơi sương, thoảng như làn gió, nó tan đi hay tụ lại theo những luật riêng, óc mình không xét đoán được. Nó cũng ví như những khói, những luồng điện trong vũ trụ vậy.

Những nhà phù thủy cao tay, những kẻ thôi miên thiện nghệ phần nhiều đều luyện được một thứ mãnh lực tiềm tàng có thể sai khiến âm hồn tan tụ, tở như nhà kỹ sư biết cách phát điện đi hay gom điện lại. Nếu ta cho

âm khí là một thứ điện, thì ta sẽ nhận rằng mỗi khi mưa dầm gió bắc, mỗi khi trời đất nặng nề, mỗi khi có mưa xuống nắng lên, thứ điện đó thường hay tụ lại thành khối. Nó tựa như chịu ảnh hưởng mật thiết của các luồng điện trong không khí, mỗi khi có sấm sét thì bị rung chuyển, xúc động ; rồi khi sấm sét đã nguôi, nó cũng đông lại, cũng đặc như đường khí, để hiện ra thành bóng.

Vì tình cờ run rủi, tôi đã được mục kích âm hồn hiển hiện, sau một trận mưa trong một ngày gay gắt nắng. Hôm đó, ngồi đàm luận cùng bạn, tôi đương vui vẻ, kể lể mọi nỗi hân huyên tâm sự, thì bỗng thấy bạn tôi như chợt nghĩ đến sự gì, vùng đứng dậy, vừa kéo tay tôi, vừa nói :

– Bác hãy theo tôi, tôi sẽ cho bác xem một sự lạ lắm !

Tôi ngạc nhiên hỏi bạn :

– Trời đang mưa xuống nắng lên thế này, khí đất bốc lên ngùn ngụt như kia, bác muốn chúng ta đi đâu ?

– Bác cứ theo tôi, rồi tự khắc rõ ! Bác sẽ không phải hối hận đã xông pha mưa nắng đâu. Mau lên, kéo bỏ lỡ mất dịp này thì uổng quá !

Nói đoạn, bạn kéo tay tôi rõ mạnh. Tôi không cưỡng cũng không dùng dằng, vội đứng dậy cùng đi. Hai chúng tôi ra khỏi nhà, lần theo bờ ruộng đi một quãng khá xa, gần tới một cái đồi. Đến một nơi cổ am, có bóng cây cao rườm rà phủ kín một vùng đất rộng, bạn tôi ra hiệu bảo tôi ngừng bước. Tôi theo đúng lời bạn, đứng tựa lưng vào gốc cây, nhưng chưa hiểu bạn tôi định tâm cho xem một cảnh vật thế nào.

Anh ta đứng trước mặt tôi độ vài ba bước ngoảnh đầu nhìn cả bốn phía, rồi ngược mắt trông ra mé chân đồi như tìm kiếm vật gì. Một chốc, hình như anh ta đã thấy cái anh muốn cho tôi được mục kích ; anh lùi ra, bá vai tôi, một tay trở ra phía sườn đồi xanh biếc :

– Đây, anh cứ thẳng tầm mắt trông theo ngón tay tôi chỉ, có phải ở ven đồi chỗ có nương khoai mà ta nhìn xa chỉ thấy màu đất vàng đỏ hiện rõ giữa một màu xanh thẫm, chính chỗ ấy, có hai người đang điều võ dương oai, vật nhau chán thì cùng múa một bài quyền...

Trong lúc bạn nói, tôi chăm chú thu hết nhãn lực cố phóng luồng nhỡn tuyến ra mé đồi ghi lấy cảnh vật mà anh đương tả một cảnh hùng dũng. Nhưng khốn nạn cho tôi ! Hai mắt đã hết sức nhận xét cho rõ rệt, mà vẫn chưa thấy tý gì ! Ngàn trùng mây lam lơ lửng, ruộng lúa xanh rờn, đồi cây

thăm biếc ; chẳng có một dấu hiệu gì tỏ cho tôi là có người đương nhảy múa cả. Bạn tôi thì cứ níu chặt lấy vai tôi, bắt đầu tôi phải gần sát đầu anh, hình như muốn truyền sang cho tôi nhồn lực của anh vậy.

– Chết rồi ? Anh chưa thấy gì ư ? Kia kia, anh cứ chú ý nhìn vào nương khoai do đó kia, chúng nó đương vờn nhau hay lắm. Anh đã thấy chưa ?

Bấy giờ hình như mắt tôi mới đỡ quáng đờ mờ, tôi thành linh thấy một vết trắng xám, hung hung ở sườn đồi, mé dưới nghiêng về bên tả. Liền lúc ấy, tôi cũng hình như trông thấy hai cái bóng sẫm, tựa hồ hình dáng người nhưng rất lạ. Buột mồm, tôi kêu lên rằng :

– Quái ! Làm sao nó không đầu !

Tôi vừa dứt tiếng, một đống cát bụi, ở đầu cạnh chỗ chúng tôi đứng, bỗng vụt bốc lên. Tôi nhắm mắt lại. Bụi cát và lá khô phả vào mặt tôi rõ mạnh, tôi cảm thấy một luồng gió dữ dội đương quán lấy thân tôi, hút tôi, làm cho tôi nghẹn ngào khó thở. Mũi tôi tự nhiên bị cuốn lên. Tôi níu chặt lấy bạn.

Một khắc như thế, không thấy bụi phả vào mặt nữa, tôi mở mắt ra, thì bị một cảnh tượng làm cho giật mình kinh sợ. Một luồng gió lốc, nhanh như chớp, cuốn chiếc mũ trắng của tôi lôi đi rõ xa, ở lưng chừng trời. Con gió lốc ấy như tiến lại mé chân đồi vùn vụt. Khi đến chỗ, nương khoai, chiếc mũ của tôi lúc đó trông chỉ là một điểm trắng còn con, bỗng rơi xuống đất, tỏ rằng cơn gió đã tan rồi.

Cố nhìn, thì chẳng thấy bóng dáng của hai anh chàng múa võ nữa. Tôi lấy làm lạ, chưa kịp hỏi bạn, anh đã cười bảo tôi :

– Thực là anh làm uổng mất một tấn tuồng đặc biệt ! Vì anh mà cuộc phô diễn này bị bỏ dở ; nếu không, ta đã được một phen khoái trá vô cùng !

– Cớ sao anh lại bảo vì tôi...

– Anh mới đến nên không biết. Cái mà tôi muốn anh được mục kích là một sự lạ lắm : ma diễn võ giữa ban ngày. Ở chân đồi kia, có hai oan hồn của hai nhà thiện xạ, vì phạm phép nước nên bị chém đầu. Hễ cứ có mưa xuống nắng lên, thì hai oan hồn đó lại hiện về, cùng nhau thí võ. Muốn xem họ nhảy múa, phải đứng rõ xa mới thấy, lại gần quan sát thì biến mất. Mà lại phải kiêng, không nên nói đến sự mất đầu. Nếu lỡ mồm, ắt xảy ra cái cảnh tượng như hai anh em mình vừa thấy đó. Thôi, bây giờ ta hãy đi

lại nướng khoai nhặt lấy mỡ về, rồi đợi đến dịp khác sẽ thưởng ngoạn cuộc múa võ kia, tưởng không lấy gì làm muộn...

Bạn tôi dúi tôi cùng đi lại mé chân đồi. Nhưng can đảm của tôi ít ỏi quá, tôi đành mất mỡ, không dám đi xa nữa chỉ cầu xin bạn dẫn về nhà mà thôi. Bạn cười tôi là nhát, song cũng chiều lòng ; anh đem tôi về nhà và sai một tên gia đình ra chân đồi lượm mỡ về cho tôi.

Tôi ở nhà bạn non ba tuần, nóng ruột muốn thỏa chí tò mò hiếu sự của mình ngay, nhưng ngặt nỗi không gặp ngày nào có mưa xuống nắng lên cả. Tôi đã xếp sẵn những khí cụ để sự quan sát được dễ dàng ; lại luôn luôn mình tự dặn mình đừng bao giờ nói đến hai tiếng "không đầu" khiến cho hỏng việc một lần nữa.

Thấm thoát vài hôm sau, tính đốt tay thì ra tôi quấy quả bạn tôi đã trọn hai mươi ngày. Hôm đó, may quá, vào khoảng chín mười giờ sáng, trời đương nắng chang chang bỗng có cơn mưa. Tôi mừng quá. Mưa vừa ngớt hột, tôi thủ ngay mấy ánh và ống nhòm, rủ bạn đi lại chỗ có cái miếu thần và cây cổ thụ mà chúng tôi đã đến một lần hôm trước.

Tới nơi, không cần bạn phải chỉ bảo, tôi tự đứng lên mé trên nhìn phương hướng, rồi quay đầu trông về vệt hung đỏ ở sườn đồi. Quả nhiên bạn tôi nói có ngoa đầu, tôi nhận thấy hai cái bóng dương vờn nhau nhảy nhót.

Mới đầu tiên, trông không được rõ lắm ; nhưng dần dần mắt tôi trông càng quen càng sáng ra. Cảnh vật tôi được mục kích thật là kỳ dị ; từ bé đến giờ tôi mới thấy một sự thú vị như thế này.

Đó chỉ là hai cái bóng, nhưng quái dị làm sao ! Hai cái bóng giống hệt như hai người, có tay chân, biết cử động, song chỉ vị không có đầu ! Hai cái bóng ma cụt tóc ! Đứng mé xa trông lại, tuy hình ảnh mình được thấy không lấy gì làm đích xác, nhưng cũng rõ rệt vô cùng. Mới trông thì chỉ thấy lơ mờ hai vệt xám, hiện rõ trên màu hung đỏ của nướng khoai ; để ý nhìn lâu tý nữa, thì rõ ràng là hai thân thể đàn ông, dương đâm đá nhau hùng dũng lắm.

Hai cái bóng ấy màu xám thẫm, xanh biếc như màu khói đặc tụ lại. Không thấy rõ quần áo mặc ra làm sao, chỉ hình như cùng mặc áo chèn mà quần thì xắn đến tận đùi. Đó là một thứ y phục tôi tưởng tượng ra, vì tôi trông na ná như thế ; sự thực thì chỉ có hai cái bóng chập chờn như hai hình

ánh nhấp nháy trên màn chớp bóng. Ngắm kỹ quái trạng hiện ra đó, ta có thể vừa trông vừa đoán, nhận ra rằng hai bóng ma kia là hai thân thể vạm vỡ cường tráng mà cũng lạnh lện phi thường. Chúng nó tuy không đầu, song đánh nhau chả kém gì người có mắt, lại có phần giỏi giang, sắc sảo, hơn những người có mắt nhiều.

Chúng diễn những đường võ cực kỳ bí hiểm, trông ngoạn mục và lý thú vô cùng. Cũng đâm, cũng đá, cũng né, cũng xông, cũng quay đi lộn lại, cũng cúi xuống ngừng lên, thực chả khác gì hai võ sĩ còn sống cùng nhau thi quyền trong một kỳ đả lôi đài hay thi cử võ vậy. Võ vẽ đôi ba miếng côn quyền học lõm, tôi nhận rằng bản lĩnh của hai oan hồn kia siêu quần xuất chúng, ít người thời này sánh kịp. Có lẽ hai con ma đó thuộc về thế hệ trước, một thế hệ còn trọng những môn đao kiếm, một thế hệ chỉ suy tài nghệ trong các đường quyền hiểm hóc, chứ không ý vào súng đạn để thủ thân. Thế hệ ấy ngày nay đã mất, đã biến trong cuộc dĩ vãng xa lác xa lơ. vết tích của nó, có chăng còn là hai bóng ma này, lạc loài vào một thời đại mới, mà vẫn còn mê muội trong cái chí hướng ngang tàng của thuở bình sinh.

Hai bóng ma kia cứ rập rờn quay lượn mãi. Chúng nó xử nhau những miếng võ tuyệt kỹ như các miếng "Song long quá hải", "Mãnh hổ tầm sâu", "Thái Sơn áp đỉnh", "Hạng Võ⁽¹⁾ phi truy", v.v. nhưng tựa hồ chúng không có ý làm hại nhau, chỉ thi nhau trở hết tài nghệ cho thỏa thích, cho bỏ nhớ nhung cái thời oanh liệt chúng đã từng sống, mà không được sống tới cùng.

Đứng ngắm nhìn sự phô diễn tự nhiên kia, cũng thực là một khoái lạc ý vị. Trong buổi văn minh ngày nay, dễ đâu đã có dịp xem hai người sử võ ?

Gia dĩ có xem xiếc hay xem tuồng Tàu, thì chỉ toàn một màu là múa may cho qua loa câu chuyện ; mấy khi đã gặp hai tay thiện nghệ hết sức trở tài quyền cước cho mà coi ? Bởi thế khi gặp trường hợp mà tình cờ tôi được trải qua, tôi ngắm nhìn mãi không hề mỏi mắt.

Ngắm chán, tôi lại giờ ống nhòm lên quan sát cho rõ rệt ; nhưng, thực là kỳ quặc, mỗi khi tôi để mắt vào ống nhòm, thì chỉ còn được thấy nường khoai hiện ra, tuyệt nhiên không nhận thấy được bóng dáng hai nhà võ sĩ

(1) *Hạng Võ* : tức Hạng Tịch (232 - 202 tr. CN), người có kỳ tài, sức khỏe có thể nhắc nổi vạc, cùng chú là Lương dấy binh diệt Tần, tự xưng là Tây Sở Bá Vương. Về sau bị Lưu Bang (Hán Cao Tổ, ở ngôi 206 - 195 tr. CN) vây hãm, đại bại, bị khốn ở Cai Hạ.

"cụt đầu" nữa ! Tôi thí nghiệm đến mười mấy lượt ; lượt nào cũng vậy, cứ bỏ ống kính ra thì tha hồ mà trông mà ngắm, hễ đem ống kính lên mắt, hình ảnh kia đã lại biến lúc nào rồi...

Kế ấy không xong, tôi dùng kế khác. Tôi trao ống nhòm cho bạn, chỉ đeo có một chiếc máy ảnh, một mình đi sát lại chân đồi. Cách xa độ bốn cột đèn, tôi còn trông rõ bóng hai con ma dương đâm đá. Đi thêm lên độ chục bước nữa hai bóng ma ấy cứ mờ dần đi, rồi sau cùng, khi tôi chỉ còn cách đồi độ chừng mười bước, trông lên chỉ thấy không khí một màu trong vắt, ruộng khoai một màu vàng đỏ, hình như không hề xảy ra sự gì cả.

Cho rằng mắt tôi bị các âm hồn làm cho mờ quáng đi, tôi đem máy ảnh ra cứ chụp lấy năm sáu bức, mong rằng may ra con mắt kính sẽ hơn tôi ghi được cảnh thần bí mà mắt người không ghi nổi. Về nhà rửa ảnh, tôi vẫn bị thất vọng như thường ; trên kính không có dấu vết gì của hai người võ sĩ cả !

Sự bí mật thực là hoàn toàn bí mật. Tôi vừa ngạc nhiên kinh dị, vừa tức tối khó chịu. Khó chịu cũng đành vậy, chứ biết làm thế nào ! Mình còn ở cõi dương gian lại muốn vén tấm màn huyền vi của Tạo hóa để nhìn rõ sang cõi âm thì làm sao cho được. Hai oan hồn kia chỉ có thể hiện lên cho loài người thấy chúng một cách lơ mờ mà thôi ; muốn thấy rõ nữa, thì ít ra cũng phải có con ma phù thủy đặc biệt thế nào mới được chứ !

Tôi có hỏi bạn về sự tích hai nhà võ sĩ bạc mệnh chịu bất đắc kỳ tử ; bạn tôi chỉ biết lơ mờ rằng hai người đó chết đã năm chục năm nay, lúc anh chưa đẻ, mà, theo như lời các cụ già kể lại, là hai tên tướng cướp bị sa vào lưới pháp luật và bị hành hình ngay ở chỗ chân đồi. Bạn tôi biết có thể thôi, câu chuyện của anh càng làm tăng tính tò mò hiếu sự của tôi, càng gợi lòng tôi muốn đi sâu vào bí mật của thời gian để giải cho ra vấn đề tôi suy nghĩ. Tôi muốn biết thuở bình sinh, hai vong hồn kia làm gì, mà tại sao cùng chịu chết thảm thương uất ức. Uất ức, bởi lẽ họ hiện lên múa võ như thế ; chứ nếu họ làm nên tội rồi bị giết, thì còn oan khổ nỗi gì mà đến nỗi, ngoài năm mươi năm, khối hận vẫn chưa tiêu ? Thực là một sự lạ.

Tôi nhất định phải dò xét sự lạ ấy cho tới gốc ngọn, dù phải tốn công khó nhọc cũng cam lòng ! Trong lúc hăng hái, tôi tự nhận lấy một nhiệm vụ bí hiểm như thế ; nhưng rồi dần dần, tôi phải tin rằng tôi, một kẻ cuồng ngông, chỉ nói khoác hão huyền và ước muốn những điều vô lý. Làm gì có đủ vật liệu mà đi ngược thời gian để đem ra ánh sáng một câu chuyện trong

hàng nghìn chuyện có lẽ còn ly kỳ hơn, đã xảy ra hồi nước Đại Pháp vừa dựng cờ Bảo hộ trên đất Việt Nam này ?

Tuy nghĩ thế thì nghĩ, nhưng lòng tôi cũng muốn biết vì sao lại có hai oan hồn cụt đầu, cứ mưa xuống nắng lên là hiện lên diên võ. Trước còn là một ý muốn, rồi sau dần thành một dự vọng, sau nữa thành hẳn một định ý cứ bám chặt lấy hồn tôi. Tôi như kẻ đứng trong cảnh ngộ một nhà toán học chưa tìm ra kết quả một bài tính khó nhưng thú vị. Cả ngày, cả đêm, tôi chỉ mãi mê về chuyện ma không đầu của tôi ; rồi tôi lục các sách trong nhà Bác Cổ, để họa may có tìm được một vết tích gì về hai nhà võ sĩ bạc mệnh kia không. Trong sách, tôi thấy nói rất nhiều chuyện về hồi ấu trĩ của cuộc Bảo hộ, song chả có pho nào đã động đến hai nhà thiện xạ chịu tử hình ở mạn núi Gôi...

Sau khi tôi ở nhà bạn ra về, cách đến hai năm, tôi vẫn còn nhớ cảnh vật tôi trông thấy tựa như nó mới vừa xảy ra ngày hôm qua vậy. Tôi rất bức mình vì đã cố tận tâm gắng sức, mà không tài nào biết thêm tí gì về quá trạng ấy cả. Những chuyện mà các người ở quanh vùng Gôi kể cho tôi nghe đều là những vật liệu lờ mờ, không chuyện nào giống chuyện nào, vì mỗi người lại thêm bớt mỗi vẻ theo ý riêng mình.

Sau cùng, biết rằng tôi vô lực, tôi đành gắng quên dự vọng của tôi đi. Quên ! Quên làm sao được ? Càng ở những chỗ phồn hoa đô thị, lòng tôi càng như quần quai khó chịu ; tôi càng tự trách mình sao không cố gắng thêm chút nữa, dò xét thêm chút nữa, biết đâu trong một pho sách ở viện bảo tàng, hoặc trong ký ức của một ông già đã sống thời loạn lạc, lại không có một vết tích, một dấu hiệu, chỉ cho tôi biết đường lần mò để đi sâu vào câu chuyện huyền bí của hai nhà võ sĩ không đầu, hiện lên mỗi lần mưa tạnh nắng lên ?

Ấy, cũng bởi tin rằng có người biết được điều tôi cần biết, nên tôi bỏ hẳn nhà một dạo, đi ngao du khắp đây đó, mong rằng sự tình cờ sẽ cho tôi được thỏa lòng. Không ngờ khi đến Đồng Giao, tôi đã không biết được tí gì về câu chuyện của tôi, lại nghe thêm được một chuyện ly kỳ hơn, khiến cho tính tò mò của tôi càng sôi nổi thêm lên nữa.

II

HẠT ĐỒNG GIAO

Khi chuyến tàu Hà Nội – Vinh ghé một phút tại ga Đồng Giao để trút xuống mỗi một người hành khách và một kiện hàng, thì kim đồng hồ nhà ga chỉ đúng 7 giờ 55 phút. Trời hôm ấy là một vòm trời đen tối ; mưa phùn rả rích phủ kín không gian bằng một tấm màn ẩm đạm ; khí hậu nặng nề ẩm thấp ; quang cảnh bốn bề lạnh lùng bí mật, chung quanh nhà ga đều là đồi núi rừng cây, khiến càng tăng thêm vẻ hoang vu rừng rợn.

Chỗ đó, xưa kia là một khu rừng sâu thẳm, ở vào một nơi đồi núi hiểm hóc, chỉ có thể dùng làm sào huyệt cho lũ giặc cỏ ẩn nấp, hoặc làm trường mai phục cho hai đạo quân chúa Nguyễn và chúa Trịnh khi Bắc Nam xung đột binh đao. Chỗ đó ở chính giữa khoảng giáp giới hai xứ Bắc và Trung Kỳ, nó chia rẽ bờ cõi hai kỳ bằng ba từng núi liền nhau ; vì cơ ấy tục thường gọi là đèo Tam Điệp.

Ai đã từng đi xe lửa từ Thanh Hóa ra Ninh Bình chắc cũng đã để ý đến một quãng đường sắt gập ghềnh, hiểm trở, có lắm đoạn khúc khuỷu, mỗi lượt xe đi qua lại ngửa nghiêng lúc lắc, phải ghìm bót đà lại, làm cho hành khách khó chịu mỗi khi nghe tiếng nghiêng kèn kẹt của bánh xe ép chặt trong máy hãm, giữa khi thân thể thì bị rung chuyển vì con tàu quần quai, lượn ngừng ngoằn như con rắn uốn éo trên một con đường hẹp, đục ở giữa núi. Ló đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn phong cảnh, ta chỉ thấy mặt đá trơ trơ, dựng cao như bức tường, và toàn thị là một thứ sậy khẳng khiu, mọc ở ven sườn đá. Một khi tàu chui qua khỏi núi ra tới nơi đất phẳng, thì lại chỉ là một khoảng đất mênh mông bát ngát, lởm chởm những đá, trên mọc xanh um tùm kín mít những thứ cây nhỏ không tên tuổi, lan rộng khắp vùng ; trông bụi không ra bụi, đồng không ra đồng, chỉ thuần một màu xanh thẳm, không thấy mặt đất nữa. Thứ cây đó chả hiểu là những loại gì, nó thấp lè lè, quá mặt đất độ hơn nửa thước, mọc chen lẫn với lau và sậy, với

cỏ, với rêu, biến quang bình địa ra một khu hoang vu xanh thẫm, rừng cây không ra rừng cây, nội cỏ chẳng ra nội cỏ. Trong muôn vàn thứ cây đó, thứ mọc nhiều nhất là cây săng, cây sim ; có thứ lại có hoa trắng và hoa tím, điểm một nét điểm lệ trên vẻ trơ trẻ cằn cỗi của ngàn lau.

Từ đã mấy năm nay, có một ông hào phú được Nhà nước cho phép khai khẩn chốn hoang vu đó để làm đồn điền. Nhưng đáng chùng sự khai hoang khó khăn quá, nên nhà hào phú kia đành bó tay chịu theo Tạo hóa, chỉ để lại trên đường sắt một tấm biển báo hiệu cho công chúng biết đất Đồng Giao là nơi sắp thành ấp nay mai. Ai đi qua Đồng Giao mà chẳng thấy một tấm biển gỗ to, đứng sừng sững trên ngàn cỏ xanh đã mấy năm nay, trên có một hàng chữ đập mạnh vào đồng tử người quá khách : "Concession Nguyễn Văn X"⁽¹⁾.

Sự mở mang khu đất rộng giáp với đường sắt ở vùng Đồng Giao hẳn phải là một công trình vĩ đại, mà trong một thời gian ngắn ngủi, sức người khó nổi làm xong. Muốn cho bãi đất hoang thành khoảng đồng phì nhiêu phong phú, tất phải bỏ ra một số tiền ỨC VẠN, một là để phạt hết cây hoang cỏ xấu, hai là để san bằng mặt đất, vạt cho hết lượt sỏi đá gồ ghề. Công trình ấy cũng đủ nuốt hết một gia sản khổng lồ, huống lại còn phải xây nhà cửa, nuôi súc vật và trồng trọt ! Có lẽ cũng vì thế nên nhà hào phú kia đành nhả nha làm việc, không thể tiến hành công cuộc khai khẩn một cách mau chóng hơn nữa.

Ấy là chưa nói về khí hậu xứ Đồng Giao. Ai đã ở vùng ấy độ dăm bảy tháng, ắt phải rùng mình ghê sợ, mỗi khi nói về thủy thổ miền giáp giới Bắc, Trung Kỳ. Đó là tổ sốt rét rừng, dầu uống ký ninh đến điếc tai cũng khó lòng tránh khỏi. Khí hậu thực là kỳ quặc : tuy ở vào miền gần bể, mà Đồng Giao về phương diện thời tiết cũng chả khác gì những chỗ ở mạn thượng du, và có lẽ còn độc hơn các tỉnh lỵ vùng thượng du nữa. Đêm thì lạnh buốt phải đắp chăn tới sáng, ngày lại nóng bức như giữa mùa hè. Sống trong bầu hàn thử tương xung đó, phải có xương đồng da sắt mới tránh khỏi ốm đau quặt quẹo. Buổi sáng, tám giờ, sương trắng như sữa, đặc như khói, còn phủ kín non sông cây cỏ ; mãi đến khi mặt trời lên cao lắm mới tan dần. Chiều tới, vào khoảng bốn năm giờ, sương đã bắt đầu rõ xuống rồi tụ lại, chỉ chốc lát là phong cảnh bị chìm đắm trong một bức màn trắng

(1) Đất nhượng của ông Nguyễn Văn X.

đục, ẩm thấp, khiến người đi trong năm bước khó lòng trông thấy mặt nhau. Trong vụ quý xuân, mỗi khi có mưa dầm rả rích, sự nặng nề ướt át càng tăng gấp bội, trời thu một màu tiêu điều xám đục, đất thì vắng lạnh đìu hiu, phong cảnh thực là thế lương ảm đạm. Có lẽ vì vùng Đồng Giao ở cao hơn mặt biển, lại có các rừng núi bao bọc, nên tuy không xa đồng bằng mấy mà khí hậu thời tiết khác hẳn các miền đồng bằng. Quanh năm không khí bao giờ cũng đầy hơi nước, sự ẩm thấp không làm sao tả xiết ; cỏ hoang rêu lạ tha hồ được tươi tốt nhưng áo quần đồ đạc thì luôn luôn phải hơi, phải sấy, nếu không ắt bị mốc bị mục một cách mau chóng lạ thường.

Dem so sánh các tỉnh rải rác trên quãng đường thiên lý chạy từ Hà Nội đến Huế, thì có lẽ hạt Đồng Giao là chỗ độc địa hơn cả. Sở dĩ nước độc, tại vì bốn chung quanh hạt toàn là rừng rú, ngàn nôi, trướng sậy bãi lau ; những lá cây mục nát từ thuở xưa còn chồng chất cả trên mặt đất, trong lòng suối, khiến nước xanh lẻo như màu rêu, hoặc đục vàng lên như nước ao tù.

Những cây cỏ thường hay giữ lấy hơi nước không cho tan đi, lại nhuộm các khí độc ở đất bốc lên, thu tất cả bao nhiêu những nguồn ám chướng vào lòng rừng rú. Gia dĩ trong rừng, bóng mặt trời không lọt vào được, lá cây cỏ thụ rườm rà che lấp hẳn ánh nắng, hóa nên sự ám chướng thiên niên vạn đại cũng chưa tiêu. Lá cây, khi rụng xuống, xếp lên thành khối, lâu ngày mục dần, biến ra một tầng đất đen hôi thối, có khi rơi vào nước, hoặc ngấm vào mạch nước, đầu độc cả các suối, các ngòi. Dân cư bởi thế, không tài nào tránh khỏi bệnh tật, vì ai ai cũng đều phải lấy nước làm một sự cần thiết cho cuộc sinh hoạt thường ngày.

Đấy, chỉ xem qua như thế, ta cũng đủ thấy đất Đồng Giao là một vùng ám chướng ; mà không những hạt ấy chỉ độc địa ở khí hậu, chỉ buồn tẻ cần cỗi ở phong cảnh, nó lại còn dữ dội tàn ác ở chỗ rừng núi bụi bờ chứa đầy các loại mãnh thú sinh hoạt một cách hùng cường phồn thịnh trong vẻ phồn thịnh của cỏ cây.

Bởi địa thế hiểm hóc, Đồng Giao đã làm trường thí nghiệm cho muôn ngàn tấn bi kịch khủng khiếp. Nào là cướp bóc, chém giết, nào là hãm hiếp, giam cầm, vãn vãn... Những trò thương tâm ấy đều là của loài người, tranh cạnh với loài người, mà diễn ra, nó không có tính cách lạ lùng cho lắm. Thế thảm bi đát hơn ấy là mãnh thú, vì đói ăn, bắt loài người cấu xé ra từng mảnh, xác thì dùng để lót dạ, mà hồn thì đầy dọa vào kiếp nô lệ ma

tránh. Một câu chuyện trong muôn ngàn chuyện hồ hại người, tình cờ khi đặt chân lần đầu trên đất hạt Đồng Giao này tôi đã được nghe thuật lại.

Bạn hãy theo tôi xuống tàu vào ga một chút, rồi chúng ta sẽ cùng đi tới đầu dề. Hôm đó, trời mưa rả rích, lại tối đen như mực, dẫu vừa mới tám giờ đêm. Quang cảnh nhà ga trông quanh hiu hoang vắng, sự buồn sự lạnh thấu trời rơi vào tận đáy tâm hồn. Tàu huýt còi rồi nặng nề lăn bánh trên con đường sắt, chui vào bóng tối chấp chùng. Tôi ngẩng trông trời, mưa phùn tạt vào mặt, tỉnh táo ra đôi chút. Một mình thui thủi, tôi xách va ly thất thểu trên vỉa đường ẩm thấp, đi vào cửa ga.

Cửa ga hé mở có một cánh. Một người thư ký, gầy gò trong chiếc áo the lưng thụng, giơ tay đón lấy cái vé tôi trao. Tôi cũng chả buồn nhìn xem ông ta già hay trẻ và mặt mũi thế nào. Vả lại tối lắm.

Bước vào mé trong ga, tôi thấy ấm áp dễ chịu. Ánh sáng các ngọn đèn dầu tây tỏa ra một cách dịu dàng trong gian phòng hẹp vắng, bản thủ, trên tường có tranh ảnh của sở hòa xa xuất bản, ở một góc lại có một cái cân to.

Tôi còn dương bàng hoàng ngần ngại, ở bóng tối bỗng đâu nhô ra một người vạm vỡ, mũ dạ đội sụp lấy trán, áo tơi mưa bọc kín cả người. Chàng lực sĩ ấy ra nắm lấy tôi, rồi nhẹ nhàng bộ răng trắng nhớn.

– Tôi đợi anh đã lâu. Sao tàu chậm thế ?

Tôi mới nhận ra rằng đó là Trần Văn Thủy, bạn tôi, một nhà thầu khoán to hiện đương dở công việc xây đắp nhà cửa và đường sá ở mạn Đồng Giao. Anh Thủy thấy tôi mừng quỳnh như kẻ được vàng, vội kéo tôi xênh xịch ra khỏi ga, đẩy tôi lên xe ô tô, mở máy chạy vèo vèo trên con đường đá vụn. Tôi ngồi trên xe, chỉ nhìn thấy một vùng vô định, lơ mờ u ám, không còn nhận rõ sự gì. Duy chốc chốc lại nghe tiếng sỏi bắn vào thành xe, kêu rắc rắc và luôn luôn bên tai tiếng động cơ xoay chuyển đều đều. Một nửa giờ như thế, xe ngừng lại. Bạn tôi bấm đèn "pile" rọi sáng, đưa tôi vào một tòa nhà.

Trời tối lắm, tôi cũng chả biết nhà ấy lợp bằng ngói hay bằng gỏi, tiến vào thì thấy nền nhà cao ráo, phòng ốc rộng rãi, tường tuy bằng rơm và phen trát vữa, nhưng có cửa kính cửa chớp chắc chắn, mé trên thì cũng có trần như các nhà tây. Trong nhà có ghế xa lông rơm, và dăm bộ phận, cùng một bộ bàn ăn, bày biện rất sơ sài, song thực là ngăn nắp sạch sẽ, thoát mới vào ai cũng phải vô đoán chủ nhân là một kẻ làm ăn cẩn thận, ưa sự thực tế

mà ghét thú xa hoa. Trên tường, quét vôi trắng toát, chả có tranh ảnh gì cả. Gian giữa, thì thấy treo một khẩu súng trường hai nòng và ba thứ khí giới ta : một thanh mã tấu, hai thanh gươm và một cái nỏ. Thế là hết. Các đồ trang hoàng chỉ có thế, còn thì trống trụi mặt tường không.

Nhưng ta cũng chớ nên vì thấy vẻ sơ sài đó mà vội liệt chủ nhân vào hạng người chỉ có óc buôn bán, không có óc mỹ thuật. Thực ra, Thủy là một thiếu niên rất chuộng văn chương, âm nhạc ; sở dĩ chàng chịu sống trong hoàn cảnh trơ trọi như thế chỉ bởi chàng muốn theo đúng chí hướng của cha, muốn tự buộc mình luôn luôn phải nghĩ đến sự làm ăn để làm thí dụ cho đứa con thơ và cho vợ. Cái nhà ở Đồng Giao này, chả qua chỉ là chỗ sống tạm bợ mà thôi, hà tất phải vẽ vôi trang hoàng, bày biện mỹ lệ làm gì cho tốn. Có quen Thủy lâu ngày, có đi sâu vào tâm lý chàng, mới có thể hiểu chàng là một nhân vật dễ xúc cảm, dễ mơ mộng, dẫu bề ngoài chàng cố hết sức nén dè các tính tình nhu nhược của mình đi.

Thoạt vừa tới nơi, tôi đã thấy trên bàn bày sẵn sàng bát đĩa và các món ăn nghi ngút. Có một sự làm tôi chú ý nhất, ngạc nhiên nhất, nhưng cũng vui nhất : ấy là một bộ khay đèn sáng loáng, rất tươi tắn bày trên một cái sập gụ ở góc phòng.

Trước khi xuống chơi với Thủy, tôi đã sắp sẵn trong va ly đủ các khí cụ cho sự nghiện hút của tôi rồi. Tôi vẫn biết bạn không ưa thuốc phiện mà chỉ trọng thể thao săn bắn nên chắc rằng anh chẳng để ý gì đến sự tìm kiếm khay đèn cho tôi. Ngờ đâu anh chu đáo quá ! Làm cho tôi vừa cảm kích vừa hổ thẹn nghĩ đến tình bạn đối với mình lại quý mến bạn biết bao !

Ăn cơm có Lệ Thi, vợ Thủy, cháu Thu Nhi, con gái Thủy, bạn tôi và tôi. Chuyện trò vui vẻ, ăn ngon quá, đồ ăn hết nhẵn, vì Thủy ăn khỏe như hùm. Giữa chốn đồng rừng u tịch này, vợ và con gái Thủy tựa như hai đóa hoa thành thị, lạc loài vào bãi thảo mộc xanh um của đồi núi, ngỗ hầu đem đến cho kẻ bị dầy vào nơi hoang vắng một chút hương thơm của chốn náo nhiệt phồn hoa. Vợ con Thủy tức là một cái mục gia của chàng, cái mục gia mà, mỗi lần quá mệt nhọc ưu tư, chàng quay về ngắm nghía thì khuấy hẳn nỗi lo sầu lao khổ. Có ở một chỗ xa xôi lạ người lạ đất, ở một chỗ là "Lau già trúc võ nẩy mầm quanh hiên", thì mới biết bàn tay mềm mại của người đàn bà và tiếng nói líu lo của đứa trẻ con, thực quả rất cần thiết cho sự sinh hoạt thường ngày. Mất hai thứ quý báu ấy cuộc đời dễ tẻ dễ chán lắm, và, mỗi lần phải xông pha những cuộc khó khăn để đạt tới công danh

hay phú quý thì không làm gì có sự khuyến khích thiết tha tâm trí để bền lòng gắng sức tiến lên.

Trong đời kẻ anh hùng, đem toàn thân thờ một quan niệm siêu quần, có lẽ vợ con là một điều trở ngại cho chí khí. Nhưng trong đời một kẻ sống một cách tầm thường bình dị, thì sự thiếu vợ con quả là một nỗi buồn rầu, một động lực làm trở ngại sự tấn tới trên đường sinh hoạt.

Bởi thế, đối với Thủy, tôi thấy ngay rằng anh đem vợ con cùng ra ở Đồng Giao là một điều chí lý, dấu rằng khí hậu thủy thổ ở đất này không được lành như ở đồng bằng. Song le, vì anh khéo giữ gìn, ăn ở đúng phép vệ sinh, nên cả nhà anh ít bị ốm đau quặt quẹo ; vợ con anh trông đều khỏe mạnh cả, không đến nỗi mặt bủng da chì như phần nhiều dân ở nước độc rừng thiêng.

Cơm nước xong, cả hai vợ chồng bạn và đứa con thơ theo gót tôi cùng lại sập gu ở góc phòng, bốn chúng tôi quây quần chung quanh bàn đèn, nói chuyện với nhau như họp chợ. Lệ Thi tự tay rót nước lọc ra ấm, đặt lên đèn cồn, đun một ấm nước sôi. Rồi lại tự tay nàng lấy cốc lấy đường, pha cho hai anh em tôi mỗi người một cốc cà phê rõ đặc.

– Hút thuốc phiện có hãm cà phê đẳng mới thú vị, em nghe cậu em ngày trước vẫn nói như vậy. Ở đây tuy có cà phê nhưng rang lấy không được ngon lắm, bởi thế thứ cà phê này, em phải gửi từ Hà Nội xuống đây. Nhà em uống quen rồi, cứ gần hết em lại vội nhấn mua cho kỳ được, nếu không con nghiện ông ấy lên, ông ấy day dứt cho đến khổ ! Ấy nghiện cà phê còn như thế, nghiện thuốc thì đến thế nào ?...Nhưng mà...anh thử uống xem có phải đúng Moka hảo hạng đó không ?

Hôm đó thực là ngày hội. Nào là Lệ Thi, nào cháu Thu Nhi, nào Thủy, nào tôi, cứ cướp lời nhau mà nói, nói đến chỗ vui quá lại cười ầm lên. Tôi hút bữa thuốc phiện đêm ấy sao mà không thấy đủ, dấu rằng thuốc tôi hút là một thứ "thuốc Mẹo" cũ kỹ đã có váng mốc, mà bạn tôi đem từ Lào về rồi giấu đi để dành cho tôi đã hơn một năm. Thì ra vừa hút vừa nói, thuốc phiện đi đâu mất hết. Tôi cứ nằm dài hút mãi, tiêm xong lại hút, hút lại tiêm, không có ai là bạn "đối hấp" cả.

Lệ Thi nói chuyện chán quay vào quấy nhiều bàn đèn, đòi tiêm thuốc cho tôi hút. Thủy vội vàng gạt đi, nhưng tôi lại chiều ý, đến nỗi thuốc phiện rơi vãi ra khay tứ tung nhoe nhoét, dính hàng tảng vào nhĩ tửu, và rõ

xuống tắt cả đèn. Có đến thế nàng mới chịu thôi, dắt con đi ngủ. Chỉ còn hai anh em chúng tôi nằm đối diện nhau cạnh bàn thờ Phù dung nữ chúa mà thôi. Thủy đứng dậy bỏ màn xuống cho đỡ muỗi.

Đêm lúc ấy đã khuya. Chim rừng miêng queng quéc báo hiệu đầu giờ Tý. Bạn và tôi buổi này không đàm đạo nữa, cùng nằm yên hưởng thú tĩnh mịch của canh trường. Chúng tôi hiểu rằng nói chuyện với nhau vô ích ; đã là đôi bạn tri giao thân thiết, thì nhiều khi kể bên nhau cũng đủ rồi. Chúng tôi được gần kề nhau, được thấy mặt nhau, còn gì sung sướng khoan khoái hơn nữa ? Tội gì đem lời nói phá tan sự khoan khoái ấy đi. Trong cái êm đềm lẳng lẳng nhìn nhau, đó mới thực là tương ái đến tột điểm. Mà có khi lại không cần nhìn nhau nữa ; mỗi người nhắm mắt mơ màng một lối, miễn là đều có tín ngưỡng rằng cả hai cùng được gần nhau. Thế là đủ, trong tất cả cuộc đời thân thiện của Thủy và tôi, chúng tôi tương tri nhau ở chỗ ấy hơn cả.

Tôi bấy giờ mới thấy thuốc Mẹo thấm vào gân cốt, trong người nhẹ nhàng êm ái, say sưa một cách rất dịu dàng, chỉ muốn lơ mơ nằm điềm tĩnh bên khay đèn mãi mãi, đừng bao giờ phải dậy nữa.

Thực là một thú vị ngây ngất, êm đềm và huyền ảo, không tài nào tả rõ được. Trong lúc bàng hoàng, yên chí rằng có bạn ở bên cạnh, và cũng đương trầm ngâm mơ mộng như mình, tôi cứ yên lặng nghĩ quanh nghĩ quẩn hết xa đến gần, thức cũng không phải thức, mà ngủ thì không ngủ được, linh hồn nửa tỉnh nửa mê, phiêu diêu phảng phất, đi sâu vào cõi yên hà. Bất giác tôi nghĩ đến đôi câu đối khắc trên yên dọc tàu của tôi, tôi bèn ngâm văng lên một cách rất tự nhiên, nhưng thực quả là vô lý :

Cao ngọa gia san, hô hấp vân yên hàm bán tháp ;

Ẩn cư cầu chí, trừ mâu phong vũ đối cô đăng...⁽¹⁾

Bạn tôi, có lẽ đương lim dim ngủ, giật mình tỉnh dậy. Nhìn đồng hồ, bấy giờ vào khoảng hơn một giờ đêm, đầu giờ Sửu. Thủy với tay lấy cốc cà phê, ghé lên mồm uống một hớp nhỏ. Tiếng cùi đĩa sắt đụng vào thành cốc leng keng.

(1) Dịch : Nằm cao trên núi, hít thở khói mây trùm nửa tháp/ Ẩn cư tìm chí hướng, gió mưa rừng buộc, đối diện với ngọn đèn cô đơn.

Liền lúc ấy, xa lắm, xa lắm, tôi thoáng nghe có tiếng đồn ca náo nức. Tôi lắng tai chú ý. Im lặng. Chỉ có tiếng mưa tuôn rả rích, tiếng gió phả vì vèo, tiếng trùng than để khóc, và chốc chốc, tiếng một con chim rừng kêu quạc quạc trên ngàn. Tôi lại ngả đầu xuống gối.

Bỗng đâu, một nhịp đàn hát lại văng vẳng lọt vào tai tôi, nhỏ lắm, xa lắm, tưởng chừng ở cõi vô hình đưa lại. Dưới mãnh lực của Phù dung, xúc động hết giác quan của tôi khi say khói, tai tôi nghe thính một cách lạ thường. Tôi áp tai xuống phản.

Thì này, không còn sai nữa, rõ ràng có tiếng hát ở đâu đây ! Tôi hết sức lắng nghe. Từng quãng một, như xa như gần, như khoan như nhặt, âm thanh kia réo rắt từng hồi. Càng ngày nghe càng quen, càng rõ. Một chốc, tiếng đồn ca ngừng bật, rồi lại tỏa ra ; nhưng ước chừng gọn dư âm kia ở mãi ngọn đồi, chân ải, ở một vùng xa nhà bạn tôi đến dăm bảy trăm thước, không biết phát xuất từ hướng nào. Cũng có lúc, nhờ sức gió bạt sang, nghe rõ nửa câu, vài điệu ; lại có khi gió quay đi chiều khác, chỉ nghe lơ mơ văng vẳng mà thôi.

Tôi chú ý đến nửa giờ, mới đoán được giọng hát kia là giọng cô đào hát nói. Bởi lẫn trong đàn hát, một đôi khi thoáng nghe có dịp phách chấm câu. Thôi, đích thị rồi ! Có lẽ quanh vùng đây, có nhà hào mục, tổng lý nào được sắc ăn khao, vui mừng nên đặt ra trò tiêu khiển thanh cao nhã đạm ấy. Nếu không phải thế thì trong hạt này làm gì có cái của hiếm, giống những nơi xa hoa phồn thịnh, tức là cái thú cô dẫu ?

Nghĩ thế, tôi ngồi nhóm lên, với tay gọi bạn :

– Này Thủy, ở đây có nhà nào đặt tiệc ăn mừng không ?

Bạn tôi mắt nhắm mắt mở, choàng thức dậy, với lấy cốc cà phê hớp nốt mấy ngụm cạn cuối cùng. Xong, mới hỏi tôi :

– Cái gì thế ? Anh không hút nữa à !

– Tôi thôi hút đã lâu, tôi muốn hỏi ở đây có nhà tổng lý nào được sắc ăn khao mà hát xướng om sòm lên thế ?

– Làm gì có ăn khao, làm gì có hát xướng ! Chẳng qua vì say thuốc phiện anh ù tai đấy mà thôi.

– Nói lạ ! Rõ ràng, tôi lắng đến nửa giờ, có tiếng hát ả đào văng vẳng, nên mới tưởng rằng quanh vùng này có tiệc ăn khao...

– Anh nghe thấy tiếng hát ư ? Thế thì anh có phúc thật ! Tôi ở đây đã mười mấy tháng trời, mà cả hai vợ chồng, chả đứa nào nghe thấy gì cả !

- Anh nói cái gì tôi không hiểu ? Nghe cái gì ?
- Nghe hát.
- Hát gì ?
- Hát cô đào.
- Cô đào ở đâu ?
- Ở trong rừng.
- Sao lại ở trong rừng ?
- Ở trong rừng nghĩa là ở trong rừng, chứ sao !
- Thằng cha này nói vô lý ! Cô đào nào lại có thứ cô đào ở trong rừng ?
- Thế mà ở trong rừng mới lạ chứ !
- Thôi, hẳn là có sự bí hiểm gì ở chỗ này rồi, chứ không sai ! Anh Thủy ôi ! Anh làm ơn kể cho đệ nghe với nào !
- Dễ chứ, anh có gì biểu, tôi mới kể cho mà biết ; chứ dễ thường mỗi lần muốn thỏa chí tò mò hiếu sự, thì anh cứ việc đang đêm hôm dựng cổ tôi dậy, là tôi phải kể hầu anh nghe đấy ư ?
- Tôi lạy anh. Hề anh kể tôi nghe, mà tôi viết được thành sách, thì quyển sách ấy sẽ riêng tặng anh, Lệ Thi và cháu Thu Nhi ! Thế là món quà quý nhất của tôi đó !
- Ủ, thì được, nhưng mà hãy thông thả một chút. Để tôi đánh thức Lệ Thi dậy, bảo đun nước pha một cốc cà phê đặc uống cho tỉnh táo đã, nhiên hậu mới kể được cặn kẽ cho anh nghe.
- Thôi để tôi pha hầu, hà tất phải làm tội Lệ Thi như thế !
- Không được ! Chỉ có vợ tôi pha, tôi uống mới ngon thôi, vì nó biết tính tôi rồi. Bao nhiêu nước, bao nhiêu đường, lại chỉ được lọc nửa cốc thôi, còn thì pha thêm nước sôi, nếu không, uống sẽ đắng mà không thơm. "Lệ Thi ! Còn thức đấy không ? Dậy anh mượn tý !".
- Lệ Thi trong màn bước ra, vừa đi vừa vấn tóc. Dưới ánh đèn mờ mờ, trông nàng ban đêm đẹp quá. Nàng lịch kịch đun nước, pha hai cốc cà phê. Và nàng lại rót mía đường chất đầy một đĩa cho chồng hãm giọng và bạn hãm thuốc.
- Đương khi chờ đợi, Thủy uống hớp cà phê đầu thì để cho lòng hiếu kỳ của tôi được mãn nguyện, và muốn cho câu chuyện đượm thêm vẻ nồng

nàn đầm thắm, tôi lại khêu to đèn tiêm thuốc hút nữa, khiến cho thời gian chung quanh mình cũng bớt phần ảm đạm, nặng nề.

Tiếng nước réo mãi không sôi làm tôi sốt ruột. Lệ Thi quay vào buồng đắp kín chân cho con bé cháu, rồi yểu điệu ngoan ngoãn ngồi thu hình sau lưng chồng, góp thêm trong quầng u tịch của đêm trường một cái bóng dịu dàng bên hai chiếc bóng cứng cỏi của tôi và Thủy.

Ngoài thêm, tiếng trùng than đế khóc âm ỉ tỳ tỳ như một khúc nhạc rầu rĩ êm dềm. Vài chiếc lá khô, thỉnh thoảng bị gió bạt lìa khỏi cành, xào xạc rơi xuống mặt sân gạch. Gió từng luồng nhẹ, chốc chốc rúc vào khe cửa, rên lên một tiếng náo nùng như tiếng thở dài. Mưa, nghe chừng đã tạnh, nên không có tiếng tí tách rả rích trên vỉa hè nữa. Vạc, hàng dẫy, xé không trung bằng những tiếng rải rắc, ngân ngùi không hề có gợn dư âm.

Lệ Thi vươn tay qua mình chồng, lấy cái lọc cà phê bỏ ra ngoài. Thủy hóp được vài hớp nước nóng, bấy giờ mới đăng hắng vài cái, bắt đầu nói chuyện.

Bóng Lệ Thi vẽ lên màn một cái hình thiếu phụ mơ màng.

III

NGÀN KHUYA VẮNG TIẾNG

— Hai vợ chồng tôi ở đây đã quá một năm mà thực quả chưa bao giờ được cái hân hạnh như anh cả.

Từ khi chúng tôi vừa mới đến, đã nghe các ông cai và các bác phu già nói dông dài về nhiều chuyện đường rừng ; nào dã sử của mấy mươi loài chim lạ, như con "cô ời", con "trà toàn", con "tử quy", con "đa đa", vân vân... nào sự tích của bao nhiêu loài dị thú như con "thủ thi", con "rắn lục", con "sài cứu", con "vọng nguyệt", nói thế nào cho hết được ; tóm lại phần nhiều những chuyện đó, tuy lý thú, ý vị cả, song không lấy gì làm kỳ dị hải hùng.

Bản tính tôi chỉ thích nghe những chuyện hải hùng mà thôi, hóa nên tôi chả để ý đến lời họ nói. Mãi sau này, có một ông Cai già mà anh em áo cộc thường gọi "Lão Cai Móm", vì răng ông ta rụng gần hết – ông ấy thuật tôi nghe một câu chuyện rất kỳ quặc, khủng khiếp. Đầu tiên tôi không tin, cho

là ông ta cố tình bịa đặt, một là để vừa lòng tôi, hai là để dọa vợ tôi cho thú vị. Nhưng, được ít lâu, trong một trường hợp cực kỳ quái gở, tôi suýt nữa bị táng đờm vì sợ hãi rồi từ đó tôi phải tin lời ông Cai già là đúng.

Từ độ ấy, hễ cứ đêm nào mưa dầm gió bắc như đêm nay chẳng hạn, là tôi cố thức và chú ý lắng tai nghe.

Tôi thức mãi, lắng mãi, mà chẳng bao giờ thấy gì cả. Cái lần đáng lẽ được nghe thấy thì tôi lại sợ quá, chết ngất đi, thiếu chút nữa mất mạng. Còn về sau này, thì cả vợ chồng đêm đêm thường cùng nhau ngồi lắng tai gần suốt sáng ; thế mà cũng chẳng thấy gì. Chán nản chúng tôi đành bỏ, không thám thính nữa. Ai ngờ lần đầu tiên anh đến, anh đã nhận được ngay sự bí hiểm mà tốn bao tâm trí tôi vẫn chưa nhận được, tại anh thực là tai thánh, linh ứng bằng tai hổ thần !

Quả như lời anh nói, sự bí hiểm kia là một điệu hát cô đầu. Trong rừng có ả đào đó mới là một sự đáng cho là bí hiểm ! Nhất là ở mạn rừng này. Bởi lẽ Đồng Giao là một hạt hẻo lánh, dân thưa, nước độc, cô đầu đến làm gì ? Trong mấy chục năm nay, có lẽ từ thượng cổ đến giờ, chưa khi nào có một chị ả quảng mớ hoặc điên rồ đến đây mở một ngôi hàng hồng lâu cả. Thế thì tại sao ở chỗ này lại được nghe hát ả đào ?

Cứ về đêm, quá giờ Tý, thì mới văng vẳng có tiếng đàn ca réo rắt. Đàn ca ấy lại phát xuất từ mé giữa rừng. Hai tháng đầu khi tôi mới đến cũng lắm người nói với tôi như thế, tôi đều cho là bịa đặt. Về sau nghe thấy ai cũng cam đoan là sự thật, tôi mới dăm nghi ngờ, muốn biết rõ duyên cớ vì đâu có sự dị kỳ như vậy. Nhưng hỏi ai, họ cũng đều bảo là trong rừng đêm đêm nghe có tiếng hát, không biết tại sao mà có. Người đoán đó là ma, kẻ bảo là yêu tinh, có một ông cụ lão nhà lại quyết rằng đó là một thứ hồ ly lạc mãi từ bên Tàu, đi lẫn đường núi thẳm qua Vân Nam⁽¹⁾ sang tới xứ Lào, rồi mò tới Đồng Giao thì không đi nữa, vì tìm được địa thế hợp với nó. Sau lại có một bà già nói là mất bà thấy con quái vật ấy ở trong hang đá nứt mà chui ra, trước thì con vượn trắng, rừng mình một cái biển ngay ra con gái rõ đẹp ; vô phúc ai gặp phải thì nó quyến rũ đưa vào hang, đàn bà nó không thềm bát, nhưng đàn ông thì túm ngay lấy làm chồng. Kẻ nào đi lại cùng nó, nó rút hết xương tủy, trong ba ngày phải chết.

(1) *Vân Nam* : một tỉnh của Trung Quốc, sát biên giới phía Bắc Việt Nam.

Ông ký ga bảo là không phải thế. Theo như ông biết, thì đó là một nàng tiên rất mỹ miều diễm lệ, không làm hại ai cả. Nàng ấy ngụ ở thân một cây quế lớn, đi tạt qua cũng ngửi thấy mùi hương xông lên, nhưng cố tìm tòi hàng tháng cũng không ra, bởi lẽ nàng tiên đã biến cây quế thành một cây gỗ khác rồi. Cứ những ngày tối tăm trời đất, nàng lại hiện ra. Trời đất buồn thì nàng buồn, trời đất vui thì nàng vui ; hoặc vui, hoặc buồn, nàng đều lấy điệu hát câu ca véo von làm thú tiêu khiển. Truyền rằng có khi nàng thổi sáo, nghe như tiếng sáo diều, bay xa ngàn dặm. Nhưng ít khi nàng dùng thứ âm nhạc ấy ; thường thường nàng tự mồm ca tay đàn, ca be bé cho một mình nàng nghe thôi, bởi thế ta có thính tai lắm mới thoáng nhận được vài điệu bổng trầm.

Đến lượt ông cụ Bát ở gần chợ thì không phải tiên mà là rắn, một thứ bạch xà to lớn hơn con trâu giố, biến hóa vô chừng. Nó lúc hóa đàn ông, lúc hóa đàn bà, lúc hóa trẻ con, không biết thế nào mà lường, vì nó đủ lực trí thần thông. Sở dĩ nó ca hát, là để mê hoặc lòng người, để cho những kẻ hiếu sự tò mò tìm đến xem nó tận đáy rừng, lúc đó nó sẽ há rộng miệng, rồi chỉ việc hít một cái nhẹ nhẹ là tự khắc mình bay tọt vào họng nó, cho nó nuốt.

Khi hỏi đến bà Chánh Ba, là người từng đi lại hạt Đồng Giao buôn bán, thì bà nghiêm nghị hạ thấp giọng xuống và nói se se, một cách rất kính cẩn rằng, nàng tiên đó là một vị Công chúa trong mười hai Châu Cô hầu Đức bà Thượng Ngàn. Ấy là "cô nương" Quỳnh Hoa đó. Vì cô nương lỡ tay làm rơi một chiếc chén cẩm ngọc khi rót rượu mời Đức bà Liễu Hạnh ở Sông Sơn⁽¹⁾, nên bị đày ra rừng Đồng Giao. Bởi thế, những đêm u tịch tẻ buồn, hay những đêm thanh vắng sáng sủa, nàng Quỳnh Hoa lại nhớ đến Châu bà Thượng Ngàn và mười một chị em, trong lòng buồn rầu tràn ngập, phải hiện lên đi du ngoạn cho tiêu sầu. Và giữa lúc ấy, đôi cảnh sinh tình, cô nương búi ngùi hoài vọng, hát lên một khúc ngổ hầu vợi bớt nỗi lòng.

Nghe thuyết của bà Chánh Ba, các bọn phụ nữ đều tỏ vẻ sợ hãi, sùng kính, ai cũng cho thuyết ấy là đúng. Nghĩ cho kỹ thì câu chuyện bà Chánh nói còn có ý vị, nó không hoang đường mấy và còn hợp lẽ hơn các chuyện khác nhiều.

Nhưng nó không được ly kỳ rừng rợn bằng câu chuyện của ông Phó cụ. Ông Phó cả quyết nói lớn rằng ông biết đích tông tích của con quái vật

(1) Sông Sơn : thuộc tỉnh Thanh Hóa, nơi có đền Sông nổi tiếng (tên chữ là đền Sùng Trán) thờ Liễu Hạnh Công chúa.

hiện ra trong rừng ; nó chính là một con sài kúu. Cái giống sài kúu này na ná như loài chó sói, song dữ hơn nhiều. Đầu nó cứng rắn như sắt ; có kẻ bẫy được nó, lấy búa bổ mãi vào sọ dừa mà cũng không vỡ. Nó thường hay cúi gầm mặt xuống mà đi, trông tựa như một con chó đại lớn lơ đãng buồn bã. Thế mà hề gặp người thì nó nhảy xổ lại mé sau lưng, bá chặt lấy vai, móc mắt, và khi mình ngã xuống rồi, nó cắn vào cổ cho chết ; xong đầu đẩy nó tha xác vào một hang hốc giấu đi. Nó đợi cho lúc xương thịt rã rời, có mùi hôi thối xông lên, có ruồi bọ bám đầy, lúc bấy giờ nó mới đến ăn. Cái giống sài ấy chỉ ham có thịt thiu thối rữa mà thôi, nó không thèm ăn thịt tươi như các mãnh thú khác. Ở phía Tây nước Tàu, trong các tỉnh lâm rừng rú hiểm trở như Tứ Xuyên, Quý Châu, và Vân Nam, Cam Túc⁽¹⁾, v.v. có rất nhiều sài kúu. Người Tàu thường dùng hai chữ sài lang ; lang là để chỉ chó sói, còn sài thì chỉ giống sài kúu đó. Giống đó đi lùnh khắp chốn, đánh hơi ngửi mùi xác chết ; phàm giả chỗ nào có mả mới là nó sục đến lấy đầu húc vào đất cho bật tung quan tài lên, rồi xé xác ra mà ăn. Bởi thế nên trong mấy tỉnh trên đây, ở các miền gần rừng rậm, dân cư không dám chôn người chết nữa, họ phải dùng lối táng treo, nghĩa là đem quan tài vào trong rừng rồi buộc lưng lẳng trên cành cây cao. Giống sài kúu không leo trèo được, đành chịu thua, hết kế vọc xác người chết. Nhưng chúng nó cứ đợi cho trong quan tài có nước rò xuống cỏ lại liếm thử nước "béo bổ" ấy.

Ăn thi thể mục nát mãi, lâu ngày có con thành tinh ; con nào ăn được hơn trăm tử thi, thì cũng linh thánh và có phép biến hóa như hổ bắt được đủ trăm người. Con yêu ở Đồng Giao này chính là một con sài kúu cái đã có hạnh phúc "xơi" được hơn trăm thầy người chết, nên thành ra đủ phép thần thông đó ! Nó cứ hiện lên hát véo von để bẫy người ta vào xem. Gần đến sào huyết của nó, nó sẽ run rủi cho mình đi vào tử địa, khiến mình bị bỏ xác ở những chỗ hang sâu vực thẳm, rồi, đợi khi nào trên tử thi mình đầy các thứ giòi bọ hôi tanh, lúc bấy giờ nó mới đến xé thịt mình ra đánh chén.

Cứ nghe thiên hạ xôn xao bàn tán, thì mỗi người nói một cách, mỗi người có một chuyện riêng. Mà không chuyện nào giống chuyện nào. Như thế, còn xét làm sao cho rõ biết căn nguyên của sự mình muốn biết nữa ? Thực là khó. Bởi thế tôi cứ phân vân, bán tín bán nghi, nghe bà con kể lại thì biết vậy, song không dám tin lời ai cả.

(1) *Tứ Xuyên, Quý Châu, Cam Túc* : đều là tỉnh thuộc phần đất phía Tây Nam Trung Quốc, gần biên giới Tây Bắc Việt Nam.

Cho đến lúc tôi được nghe chuyện ông Cai Móm. Ông Cai Móm là người làm công cho tôi từ lúc tôi vừa chân ướt chân ráo đến Đồng Giao lần đầu. Ông là một cụ già quắc thước, đứng đắn và nghiêm nghị, tôi tin cẩn lắm. Ông lại ít nói, không bồm xồm bồm bãi bao giờ. Các bạn đồng nghiệp và các phu phen sợ hãi và kính nể ông lắm lắm.

Ông chỉ giao thiệp với tôi trong những giờ có việc, còn ngoài ra, ít khi ông vào nhà tôi chơi lâu độ vài tiếng đồng hồ. Tuy già mà ông chăm chỉ làm lụng cặm cuội cả ngày hóa nên chả mấy lúc rảnh. Cũng do một sự tình cờ tôi mới được nói chuyện với ông trong một đêm, rồi được rõ sự tích khúc hát trong rừng nó ly kỳ rừng rợn như thế nào.

Hôm đó vào khoảng tám giờ tối, có một kiện hàng rất quan trọng từ Hà Nội gửi về. Lẽ ra thì sáng hôm sau ra ga lấy cũng được ; nhưng năm giờ sáng đã phải có đủ vật liệu để khởi công thành thử ông Cai Móm phải đi lãnh ngay hàng về cho tôi. Đường tối lại vận tải bằng xe bò, nên hì hục mãi gần chín giờ đêm ông Cai Móm mới về đến trại. Ông vừa tới nơi, vừa kịp xếp hàng vào kho thì gió đầu bỗng nổi lên bùng bùng, rồi mưa trút xuống như thác chảy, lại có cả sấm sét nữa. Một cơn bão lớn. Thực là gió núi mưa ngàn.

Ông Cai không về được, phải xuống bếp ngồi nghỉ cùng tụi cu ly đẩy xe và khuôn hàng. Tôi nhân có việc dặn ông, gọi ông lên nhà trên uống nước. Ông Cai Móm từ chối hai ba lượt nhất định không ngồi xuống ghế xa lông, mãi sau tôi cố sức mời, ông nể lắm mới ghé lưng ngồi rất kính cẩn lên chiếc ghế ở góc bàn ăn. Tôi vốn biết ông là người ít nói, cử chỉ rất thận trọng, nên cũng biết đãi ông. Nhân có một chai rượu nếp cẩm, ngọt lạt như đường và rất mạnh, của một người bạn thân vừa biếu tôi được vài ngày, tôi bèn sai mở ra, rót mời ông Cai Móm.

Ông đứng dậy tạ từ hai ba lần, không uống, tôi ép mãi, ông mới chịu đặt môi vào chiếc cốc con, dốc một hơi cạn hết. Ông là người thích rượu, rượu của tôi lại quá ngon, hóa nên khi mời đến cốc thứ hai, rồi thứ ba, ông không từ chối nữa, chỉ cảm ơn thôi. Cốc nào ông cũng hớp một hơi là sạch ráo, tôi thấy tửu lực hùng tráng của ông mà vui lòng. Tôi cứ rót, ông cứ uống. Chả bao lâu, chai rượu vơi hẳn, gần hết, tôi đoán chừng ông đã hơi say. Quả nhiên ông lấy tay ngăn không cho tôi rót tiếp nữa, ông tươi cười đắc ý, vãi tôi, nói khà khà :

– Đa tạ thầy đã yêu mà cho con uống quá nhiều, say rồi thầy ạ ! Biết lấy gì mà đáp ơn thầy ?

– Cái đó có hề chi ! Lúc vui ta cùng uống chơi, có gì mà ớn với huệ. À này, nhân tiện ông ở đây, tôi muốn hỏi ông về câu chuyện lạ của đất Đồng Giao này. Chả hay cái điệu hát cô đầu vắng vắng tự trong rừng đưa ra nguồn gốc nó ở đâu ? Thiên hạ mỗi người nói một lối, ông đã già, và lại ở đây đã lâu, chắc hẳn biết rõ hơn mọi người, ông thử kể lại tôi nghe ?

– Thầy đã dạy, con đâu dám trái lời, nhưng để khuya khuya chút nữa, khi nào tỉnh mạch hẳn, con thuật lại thầy nghe mới thú, bây giờ còn ồn ào lắm, và con còn đương say, nói chả được rành mạch.

– Chốc nữa ông sẽ say quá rồi ngủ mất tôi biết làm thế nào ?

– Thầy đừng ngại. Con có uống đến gấp bốn, năm lần như ngày hôm nay cũng chả say nữa là ! Thấy hầy chịu nán một chút nữa, con xuống bếp hút điếu thuốc lào rồi xin lên ngay...

Khi ông Cai Móm trở lên phòng khách của tôi, nửa giờ sau, thì đồng hồ chuông trong phòng gieo vào không gian mười một tiếng. Con Thu Nhi đi ngủ từ sớm, còn Lệ Thi thì vẫn ngong ngóng chờ đợi cho kỳ được nghe chuyện mới thôi. Vợ tôi bắc ghế ngồi bên cạnh tôi tỏ ý sốt ruột. Lúc thấy mặt ông Cai Móm, nàng mừng rỡ như trẻ con được kẹo, vội vàng đứng dậy đón, dắt lại chỗ ngồi cần thận, xong rót đưa ông một cốc rượu lớn.

– Nào bây giờ thì cụ kể cho chúng tôi nghe ! Tôi xin biếu cụ cốc rượu ngon này. Cụ uống hết bao nhiêu, cứ việc tự tiện, chúng tôi xin chu tất đủ hết. Cụ bắt đầu đi !

Dưới ánh đèn măng sông sáng lóe, lúc ấy tôi mới ngắm kỹ dung mạo ông Cai Móm. Một cái trán cao vọt, vồ hăn ra, làm cho ta phải để ý đến đầu tiên. Cái trán ấy lan rộng mãi đến tận gần đỉnh đầu hói bóng ; một làn tóc ngắn thưa và trắng xóa, lơ thơ bao vành hai bên và phía sau chiếc sọ dừa gần nhẵn thín. Một đôi mắt to, mà rượu đã làm mờ ám đi bởi những tia máu nổi lên đỏ ngầu ; một cái mũi hùng vĩ như mũi sư tử ở giữa đôi lông quền cao vọt vọt ; một cái mồm rất tươi, nhưng có hai hàm răng trụi cả, khiến cho hai làn môi mỏng co rúm lại ; vấp vào mé trong, làm khuôn mặt ngẩn hăn lại, đó là vài nét đặc biệt về thành diện mạo ông Cai Móm. Ông tuy già mà da dẻ còn hồng hào tươi tốt, chỉ sạm đi như màu đồng đen, và dần dums như vỏ trái xoài chín nẫu. Dưới bộ quần áo vải tây vàng, ta có thể đoán thân thể ông Cai còn khỏe mạnh, nhanh nhẹn lắm, dẫu nó không đủ khí lực cường tráng như thửa xuân xanh nữa.

Lúc ở nhà dưới trở lên, ông không quên mang theo cái điều cày, một vật liệu tối cần cho sự kể chuyện cổ tích giữa đêm khuya. Ông đặt điều xuống gầm bàn, rồi ngồi nghiêm trang trên ghế. Lệ Thi đưa biếu ông cốc rượu, ông giơ hai tay đỡ lấy, uống một hơi dài gần hết nửa cốc, không mời chào từ tốn như khi trước.

Uống xong, ông thở khà một tiếng, liếm môi rồi cất tiếng nói vang vang nghe hùng dũng lắm.

– Nào ! Mời thầy cô ngồi gần sát lại đây, và xin thầy cô đừng sợ nhé ! Câu chuyện này, nó không phải chuyện bịa đặt, vì nó hoàn toàn đúng sự thực, mà cũng không phải chuyện cổ tích, vì nó mới xảy ra được độ dăm chục năm nay. Chỗ xảy ra chuyện con sắp kể đây ấy chính là hạt Đồng Giao ta đó !

Tôi xin mạn phép anh hãy xen vào chỗ này một lời, trước khi thuật lại anh nghe sự tích ông Cai Móm đã kể cho vợ chồng tôi đêm hôm ấy. Đã lâu lắm rồi, tôi không nhớ rõ cách dàn xếp của ông Cai và nguyên văn của ông ra làm sao. Tôi chỉ biết cả Lệ Thi, cả tôi, nghe ông nói lấy làm thú lắm. Cảm giác của chúng tôi lúc đó thực là đặc biệt ; nói cho đúng, ông Cai quả có tài trứ thuật vô cùng. Ngày nay, tôi mặc lại câu chuyện, có lẽ không hay được như ông đã kể, song tôi tin rằng vẫn tôi sẽ rùng rà mà lắng lơ bay bướm hơn nguyên văn. Tôi sẽ xếp đặt theo cách của tôi, tôi sẽ thêm bớt theo ý riêng tôi, anh lượng trước cho tôi chỗ đó ! Rồi anh đừng bắt bẻ tôi sao ông Cai già mà lại có lời lẽ văn hoa tao nhã như lời tôi sẽ nói ; sau đây sẽ là câu chuyện của ông Cai mượn miệng lưỡi và tinh thần tôi mà lọt vào tai anh đó thôi. Anh nên hiểu như thế cho tôi thì mới được !

IV

OANH CƠ

Ngày xưa khi nước Đại Pháp vừa mới dựng nền Bảo hộ, thì dân ta sống theo các tục lệ cổ hủ ; đường sá thành thị thuở ấy chưa được mở mang rộng rãi, trong nước còn đang thời loạn lạc, cướp bóc tứ tung, các tay anh hùng lục lâm hoành hành khắp chốn mà nền trị an thì chưa lấy gì được vững vàng.

Ở các chốn đô thành, dân cư có lẽ được yên ổn đôi chút. Các quan cai trị một mặt thì hết lòng truy nã những đảng phản kháng, một mặt thì ra công mở mang khai khẩn các miền bình địa, đặt ra luật lệ mới và xây đắp các trường học để đưa dân trí thức con em trong nước tới nền văn học Âu Tây. Lúc ấy mới là cuộc sơ khai, làm gì đã có đường sá quang đãng, làm gì đã có hỏa xa và đèn điện ? Ông bà chúng ta vẫn sống bần tiện trong những căn nhà tranh hoặc ngói lợp sụp, tối tăm ảm thấp, sự sinh hoạt của các cụ mãi mãi về sau này mới được tăng bề sạch sẽ và sung sướng chút ít. Nói ra dài dòng lắm, tôi chỉ kể qua thấy cô được rõ rằng cách ăn ở lúc ấy rất lúi xùi khốn cực, về phương diện vật chất. Còn như về phương diện văn học và luân lý, thì lại là một câu chuyện khác.

Bởi chưa có nhiều đường sá, sự đi lại và sự vận tải là một điều khó khăn hiểm trở vô cùng. Ngoài Bắc Kỳ, đi đứng còn được dễ chịu đôi chút, bởi lẽ, từ trấn nọ qua trấn kia, - trừ các châu ở vùng thượng du - không có núi rừng ngăn cản. Vả chăng đồng bằng rộng rãi, phẳng phiu, các gian phi trộm cướp hết nghề tìm sào huyệt làm nơi căn cứ để trú ẩn lâu bền. Còn như ở đất Trung Kỳ, Thanh - Nghệ này, ôi thôi ! Trộm cướp không biết bao mà kể ! Vì rằng xứ Trung Kỳ eo hẹp, mé Đông tuy giáp bể song mé Tây lại tiếp ngay với núi rừng, hóa nên quân gian tìm ra nhiều chỗ đất có thể làm tổ quỷ lắm. Đường sá lại gập ghềnh, nguy hiểm, khi lên thác khi xuống đèo, khi qua rừng, khi ven núi, thực là kỳ khu, khó nhọc. Từ Thanh Hóa, theo đường thiên lý ra xứ Bắc, tất phải trèo đèo Tam Điệp, mà đèo Tam Điệp nó có phải đất xa lạ gì, chính là về hạt Đồng Giao ta đó ! Thuở trước chỗ này rừng núi rậm rạp gấp mười ngày nay, chỉ dùng để làm trường hỗn chiến cho mấy toán quân mai phục bắn nhau, giết nhau để chiếm quyền lợi hoặc cho chúa Nguyễn trong Nam, hoặc cho chúa Trịnh ngoài Bắc. Chỗ này lại còn là nơi thắng địa cho các loài mãnh thú, cho các khách lục lâm ; hổ cứ ở đó hàng đàn, kẻ cướp nấp ở đó hàng toán ; thực là một chốn nguy hiểm đến tột bậc, đi qua đấy không chết vì đao quân đao tặc, thì lại bỏ xác dưới các móng vuốt hùm thiêng.

Thế mà ngày ngày vẫn thường có kẻ can tràng len lỏi đi qua, đánh bạo với sự chết, không hề sợ hãi. Chả lẽ vì đường sá đầy tai nạn mà đành bó tay ngồi ở xó nhà, không dám vượt rừng núi từ Nam ra Bắc, để cho con đèo Tam Điệp, lâu dần, phải hóa một nơi hoang vắng, không hề có lối chân người ? Khó nhọc đến đâu thì khó nhọc, nguy hiểm đến đâu thì nguy hiểm,

lúc có việc quan trọng cần kíp, lúc phải quay cuồng xoay sở để mưu y mưu thực, nào ai còn suy nghĩ nữa, còn dùng dằng lo sợ nữa, còn ngại ngần chẳng dám vãng mình xông pha cửa ải ngọn đèn ? Những lúc cần sống, cần hăng hái để sống, một người con gái cũng còn đủ can đảm vượt ghềnh xuống thác, hướng hồ là lũ nam nhi !

Mà cũng bởi có hai kẻ "liều yếu đào tơ" dám len lỏi vào chốn ma thiêng nước độc, hổ dữ dội, cướp hung tàn này, nên mới có câu chuyện ngày hôm nay, một chuyện rừng rợn ghê người, nghe phải lạnh mình sờn gáy.

Số là, một buổi về mùa xuân, cách đây chừng sáu mươi năm về trước, quan nguyên Tri phủ Nho Quan, sau khi làm Sơn - Hưng - Tuyên Tổng đốc được ba năm thì cáo bệnh về dưỡng lão ở hạt đó, nhân được chiếu chỉ nhà vua phong cho làm Đông các đại học sĩ, lại vừa để được một công tử đầu lòng, thiết một lễ ăn mừng rất long trọng trong năm ngày ; có tiệc, có đàn, có cô đầu mời rượu, bắt bài bông, nhảy múa và ca hát, lại có cả phường tuồng và phường chèo thiện nghệ lần lượt diễn các tích hay nhất rồng rã suốt năm đêm ngày. Bởi thế, các giáo phường ở mọi vùng lân cận phủ Nho, đều rủ nhau tới phủ đường xin hát.

Tiếng đồn dinh quan thượng Nho Quan (đó là tên mà dân gian đặt ra để gọi cụ Đông các) có đại tiệc chạy mãi vào Thanh Hóa ; các thiệp mời gửi từ hai ba tháng trước, tất cả các quan xứ Bắc và các quan phủ huyện ở lân cận tỉnh Ninh Bình mỗi người đều nhận được một tờ hoa tiên màu hồng chói lọi, trên có mấy hàng chữ "Lan Đình"⁽¹⁾ đen láy, rất mỹ lệ sắc sảo, viết bằng một thứ mực hảo hạng, thơm ngát, hình như có lẫn mùi xạ, mùi trầm. Thiếp đó gửi cho quan phủ Quảng Hóa, Hà Trung, Thọ Xuân, Hoàng Hoa⁽²⁾, và cho các quan huyện Tống Sơn, Nga Sơn, Mỹ Hóa, Quảng Tế, Thụy Nguyên, Lôi Dương, Yên Định⁽³⁾, v.v.

(1) Chữ "Lan Đình" : tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc) có Lan Đình trên sông Lan Chử. Vương Hy Chi đời Tấn thường cùng bạn bè uống rượu, xướng họa thơ ở đó ; ông đã làm bài tự *Lan Đình* và viết bằng nét chữ rất đẹp. Lan Đình cũng là tên tự của Vương Hy Chi.

(2) *Quảng Hóa, Hà Trung, Thọ Xuân, Hoàng Hóa* : đều là các phủ cũ thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(3) *Tống Sơn, Nga Sơn, Mỹ Hóa, Quảng Tế, Thụy Nguyên, Lôi Dương, Yên Định* : đều là các huyện cũ thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Quan thượng Nho Quan là một tay cự phách làng nghiên bút, bốn đời ông cha ngài đều được phong tước, đến đời ngài thì đỗ Cử nhân đệ tam danh. Trong hoạn trường, ngài quen thuộc rất nhiều, đối đãi với ai cũng thuần hậu, có tình, nên các bạn đồng liêu đều một lòng kính nể quý mến ngài, coi ngài vào hàng thầy chứ không phải vào hạng bạn. Như thế cũng không lấy gì làm quá đáng ; trong đám quan lại thời ấy, một phần đông đã thụ giáo của ngài.

Cũng bởi vậy nên khi được tin báo ngài ngoại ngũ tuần mới sinh công tử đầu lòng, lại được thăng hàm Đông các, các thượng quan và các quan phủ huyện khắp xứ Bắc cùng trong hai trấn Thanh - Nghệ gửi đưa đồ lễ đến mừng nhan nhân : từng tốp lính cờ nón sơn, áo nâu nếp đỏ, khố lục, xà cạp điều, khiêng lễ mễ những cái níp nặng trĩu trên có phủ nhiều hồng ; lại có đũa đội trên đầu những cái hòm bọc da đen niêm phong cẩn thận, trông chả khác gì một đoàn gia đình nhà trai đem các đồ nạp thái đến nhà gái. Họ đi từng cánh một, đông lắm, cùng chỉ hướng Bắc trực tiến, cứ theo dọc con đường thiên lý mà ra khỏi cương giới xứ Trung Kỳ, rồi còn đi, đi nữa.

Nhập với bọn họ, có một ích lợi rất lớn, là đi đường xa khỏi bị những tai nạn cướp bóc – vì họ là lính quan – lại tránh cả được sự bị hổ ăn thịt – vì đông người thì hổ không dám hành hung. Hối ra mới rõ bọn họ cùng ra cả Nho Quan, dâng lễ mừng quan Đông các. Một người đồn mười, mười người đồn trăm, trăm người lại đồn nghìn ; bởi thế mà xa gần khắp xứ Bắc và phía bắc xứ Trung Kỳ, chẳng ai không biết nhà quan thượng Nho Quan có đại tiệc ăn khao mời khắp mặt quan viên hàng xứ.

Các giáo phường nghe đồn đại rủ nhau đi Nho Quan một chuyến, may ra kiếm được ít nhiều, càng hát hay càng hậu thưởng, gặp dịp sẽ có cơ phát tài to, đủ sống trong nửa năm không phải vất vả. Các phường đều hội nhau lại, đi nhập bọn với tốp lính quan khiêng lễ vật đông như người trẩy hội lễ đền.

Trong hạt Bàn Thạch phủ Thọ Xuân tức là nguyên quán của giáo phường, thuở ấy có hai cô đào chính tông hát hay có tiếng, đã được giải đình đám đến mười lần. Hai chị em nhà đó sản nghiệp chả có gì, lại mồ côi cha mẹ từ thuở còn ấu trĩ, phải sống nương nhờ vào người anh cả, mà người anh lại góa vợ, cũng nghèo. Anh thì làm kép, gảy đàn khuôn cho các em theo dịp, gõ phách, gõ sênh họa theo mà hát, kiếm ăn kế cũng không lấy gì làm sung túc, nếu hai đứa em không có chút nhan sắc hơn người.

Cha mẹ ba anh em nhà ấy thuở xưa đều là tay lỗi lạc ; mẹ là một nàng danh kỹ, một đời nổi danh tài tử, cha xuất thân là công tử con nhà thế phiệt, thi ba khoa đều nhường bằng Tôn Sơn⁽¹⁾, nên ngán nổi khoa trường lận đận, bực mình bỏ nhà đi ngao du sơn thủy, mà hát hay đến quên cả giai cấp, lấy ca nhi làm vợ, rồi đổi nghề nghiên bút ra nghề đàn địch, tự làm một tên kép cho vợ hát, sống một cuộc đời túng quẫn nhưng thanh nhàn...

Cuộc sinh hoạt lãng mạn của người cha đã để di tích trên thế gian trong ba đứa con thơ cùng lãng mạn, tài hoa vì truyền thống. Người anh cả, Văn Quân, từ thuở còn nhỏ lắm, đã thích thổi ống tiêu, ống địch, khi lớn lên thì chiếm giải quán quân trong nghệ thuật bốn cung đàn đáy, cả vùng chẳng có ai đàn lịch sự và thánh thót nào nuốt hơn chàng. Quân lấy một người vợ ở gần nhà, nhưng người vợ ấy, sau ba năm chân gối, bỗng thụ bệnh mà thác, không để lại đứa con nào. Quân đành ôm hận sống cô độc giữa hai người em gái ; đời tuy có bạn mà cũng vẫn quạnh hiu tẻ lạnh, khiến điệu đàn, những đêm mưa tuôn gió phà, càng bỗng trầm chua xót thế nào !...

Hai người em gái, trái lại, tính khí bao giờ cũng thản nhiên vui vẻ, bởi họ chưa từng bị nổi thất tình thấm thía như ông anh. Nàng thứ nhất Huyền Cơ, thanh rất trong, âm rất tinh nhưng hơi kém bề diễm lệ ; nàng cũng đẹp, song chỉ đẹp một cách dễ coi, xinh xắn – người nhỏ nhắn mà da ngăm ngăm – không lấy gì làm khuynh quốc khuynh thành.

Nàng thứ hai, Oanh Cơ thì là công trình tuyệt mỹ tuyệt xảo của Hóa công, gồm cả thanh âm lẫn nhan sắc. Đó là một người đàn bà độc nhất vô nhị trong một thời, mà cứ trong khoảng năm sáu trăm năm, mới được gặp một lần trên cõi trần phàm tục. Con người ấy chả kém gì Tây Thi, Muội Hỷ, Đát Kỷ, Quý Phi⁽²⁾, nàng đẹp, một vẻ đẹp oái oăm, huyền bí, oanh liệt, lại dịu dàng, tựa hồ đáng thiêng liêng đem hết cả bao nhiêu tinh túy của non sông cây cỏ mà chung đúc vào nhan sắc ấy. Tóc nàng là một đám mây

(1) *Nhường bằng Tôn Sơn* : tương truyền Tôn Sơn, người nước Ngô, cùng một người làng đi thi. Tôn Sơn đậu cuối cùng. Khi về người làng hỏi thăm người kia có đỗ hay không. Tôn Sơn đáp : "Đứng cuối cùng là Tôn Sơn, còn hiền lang ở ngoài Tôn Sơn". Từ đó trở đi người ta dùng "bằng Tôn Sơn" để chỉ những người thi đỗ. Ở đây ý nói thi không đỗ.

(2) *Tây Thi, Muội Hỷ, Đát Kỷ, Quý Phi* : bốn người đẹp nổi tiếng của Trung Quốc. Tây Thi : xem chú thích (1), trang 276, ở sau ; Muội Hỷ là vợ vua Kiệt nhà Hạ ; Đát Kỷ là vợ vua Trụ nhà Thương ; Dương Quý Phi là vợ vua Minh Hoàng nhà Đường.

thu chan chứa những vẻ êm đềm mơ mộng ; mỗi lần tóc ấy xõa tung chấm gót, thì rõ ràng một dải hắc tuyến cuộn cuộn, óng ả, nhẹ nhàng ; nét bút họa công khi vẽ đến phải cả quyết, lại ngấp ngừng, làm thế nào cho sợi tóc nõn nà đen mượt kia cũng phẳng phất giống một đám lục vân nặng trĩu những niềm u ẩn, mà phủ lên một hình hài tiên nữ, muôn phần yếu điệu, thanh kỳ...

Nói đến khổ người của mỹ nhân, tả làm sao cho hết mọi vẻ siêu phàm, xuất chúng ? Nội trong các bậc giai nhân trong lịch sử, mỗi người đẹp một vẻ riêng, như Thúy Kiều khác Thúy Vân, Tây Thi khác Trịnh Đán⁽¹⁾, dầu cũng "mười phân vẹn mười" cả. So sánh nàng Oanh Cơ với các giai nhân đó, cũng chưa biết nàng kém xa họ, hay họ phải lu mờ trước vẻ mỹ lệ của nàng. Chỉ biết nàng không béo mập tựa Dương Quý Phi, cũng không éo lá, mai cốt cách, liễu dung hình như mấy ả tiểu thư bị nhốt trong cung cấm. Oanh Cơ là một người tầm thước, hơi mảnh khảnh, dong dong cao, lưng ong, ngực nở, thực là "trúc mọc sân đình". Ông Tào hóa đã muốn cho ai đẹp, thì cái đẹp đó gồm đủ muôn vẻ mỹ miều, từ tiếng nói nụ cười cho đến nét đi điệu đứng, không cái gì là không ngộ không tươi. Oanh Cơ là một thiếu nữ đã có hạnh phúc được Hóa công ban cho muôn vẻ mỹ miều ấy đó. Thoạt đến tuổi mười lăm, mười sáu ai trông thấy nàng cũng phải tấm tắc khen ngợi, giá có nhà thi sĩ Đỗ Mục⁽²⁾, thì ông lập tức kéo lời đi, lựa là phải hẹn sau mười năm mới trở lại !

Các con gái thời cổ, nhất là con gái thôn quê, yếm sè, váy hàm ếch, dây lưng sồi, áo vá vai, khăn mỏ quạ – thì mấy chị trông "sạch nước cần" ; mà, dù có sạch nước cần, thì nào đâu đã có các màu mè bề ngoài để làm tăng nhan sắc của mình ? Phàm giá đã mặc váy, mặc yếm, quần áo lòa xòa, khăn khổ sùm sụp, thì bao nhiêu nét yếu điệu, bao nhiêu đường óng ả, mà trời đã phó cho để gợi tình cảm của bọn đàn ông, chúng nó đều bị giấu kín cả đi, đè nén không cho lộ ra được, thế thì lấy gì mà tô điểm trau chuốt cho nhan sắc, một mai, khuynh quốc với khuynh thành ? Theo cổ tục, con gái không được để đôi vú phồng lên mà mang tiếng, phải buộc dải yếm cho chặt, mặc yếm cho sát, làm thế nào cho ngực bằng phẳng, lép kẹp đi thì

(1) *Thúy Kiều, Thúy Vân* : hai người con gái đẹp trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. *Tây Thi, Trịnh Đán* : hai người con gái đẹp của nước Việt thời Chiến Quốc, được Việt Vương Câu Tiễn chọn làm kế mỹ nhân đánh Ngô Phù Sai.

(2) *Đỗ Mục* (803 - 853) : thi sĩ Trung Quốc đời Đường, lúc trẻ thường qua lại chốn kỹ viện.

thời. Bị tục lệ hủ lậu ấy bó buộc, có được phô trương vẻ lộng lẫy thiên nhiên của tấm ngực mình đâu mà chăm chút cho nó đẹp ? Gia dĩ lại thêm cái váy và dây lưng sồi quấn đến ba vòng quanh hông để lò xo rũ xuống ; mấy thứ xiêm dài ấy, nào nó có được như y phục Tàu bằng lượt là gấm vóc để tăng vẻ dịu dàng tha thướt cho hình dáng, nó chỉ tỏ làm cho nửa người phía trước bị chìm lấp chôn vùi sau một bức màn đen kịt lại lũng phùng, như tấm vải sẫm bao vành và phủ kín cái lồng chim vậy.

Nàng Oanh Cơ là một thiếu nữ đã chịu ải mình sau thứ quần áo thô lỗ ấy, vậy cho nên nhan sắc nàng mới gìn giữ được lâu bền. Nếu không, ắt hẳn từ đã lâu kia, nàng không còn tuyết trong giá sạch nữa ! Nàng càng khó lòng giữ gìn trinh bạch, vì nàng là một cô đầu ! Cái bộ y phục cổ hủ của nước Nam ta thuở xưa, tuy nó có nhiều điều bất tiện và thiếu mỹ thuật, song nó cũng có chỗ ích lợi. Nhất là Oanh Cơ !

Vẻ đẹp tuyệt diệu của nàng, mãi sau này mới có người nhận biết ; còn khi nàng chưa xuất giá, chỉ một mình chị nàng, Huyền Cơ, được rõ mà thôi ! Huyền đã phải say mê sắc đẹp của Oanh, tự ví mình như một nô tỳ mà coi em như một nữ chúa đáng thờ đáng kính. Như thế thực không quá đáng ; một khi đã bỏ hết những mảnh quần áo lò xo che lấp vẻ đẹp thiên nhiên của trời tạo cho, Oanh Cơ hiện ra dưới tầm mắt cảm phục của Huyền Cơ như một pho tượng ngọc ngà vô giá, tóc đen, đen nháy dài chấm gối, da trắng trắng hồng mịn như lụa, ngực nở dẹt cong, lưng thon vai nhỏ, càng trông càng đắm càng ngắm càng duyên ; đến chị em gái cũng còn phải mê nhau, huống hồ một khách si tình nam tử !

Không tài nào tạc đúng pho tượng tuyệt mỹ của nàng Oanh được, ta chỉ nên dùng tưởng tượng vẽ trong không gian và thời gian một thân hình Vệ nữ Á Đông, một thứ Vệ nữ nhỏ nhắn, xinh xinh, mềm mại dịu dàng, mà cũng nghiêm trang, oanh liệt...

Nhỏ nhắn, mềm mại, đó là mấy đức tính của khổ người, đáng diệu Oanh Cơ, còn như vẻ lẫm liệt oai nghiêm, chỉ có riêng ở nét mặt giai nhân, nhất là trong đôi mắt. Đôi mắt ấy trong veo như nước hồ thu những hôm trời quang mây dăng, đôi đồng tử đen như mảnh huyền không vết, lại sáng ngời như chứa điện ở trong. Con mắt lá răm dài dài như mắt bồ câu ; có lúc la đà ngầy ngất như mắt chim thư gọi chim hùng, có lúc đắm đắm mơ mộng như hướng về một cõi xa xăm, lại có lúc trông sâu sắc bí mật như đượm vẻ lạnh lùng dữ dội. Cũng thì đôi mắt giai nhân, mà nó hiện ra muôn vẻ

diễm lệ dịu dàng hay oai phong tàn ác ; nó tựa như con dao găm có hai lưỡi sắc, một lưỡi gọt móng tay và một lưỡi giết người.

Tất cả tinh thần và nguyện vọng u ẩn của một người đàn bà, chúng nó như nấp ở cả sau con mắt, có lắm khi hiện ra rõ rệt, trông mắt là đoán được người. Dù đẹp tinh thần hay đẹp vật chất, cái đẹp ấy cũng ở trong đôi mắt ; sờ dĩ so sánh các giai nhân, cũng toàn là cân nhắc giá trị của đôi mắt đó mà thôi !

Giá trị đôi mắt của Oanh Cơ ngàn vàng cũng không mua được, tuy nàng chỉ là người con gái nghèo nàn. Đôi ngọc quý ấy đẹp làm sao ! Mỗi khi định tả nó, vẽ nó ra, lời nói làm sai lạc hẳn bản tính của nó cũng như nét bút ghi sai mất đặc điểm của nó. Cái có thể ghi được, ấy chỉ là phần thể chất, hoặc như cố ý tạc cho đúng, tốn công tốn lực để cướp lại ít nhiều vẻ đẹp của thiên nhiên, thì chỉ là một nét tinh thần, biểu hiện của một dáng điệu mà thôi. Bất một cái hồng nhan phải sống lại trên trang giấy, có chăng chỉ là một ảo vọng của một ngòi bút ngông cuồng ? Khi người đã không còn, tinh túy cũng không còn, cái hình ảnh mình giữ lại của người đó chỉ là một vẽ, một đăng, trong một phút mà thôi, ngoài ra, còn bao nhiêu điều, bao nhiêu nét thời gian đã đem theo vào dĩ vãng mất rồi !

Cho nên muốn vẽ lại đôi mắt của Oanh Cơ phi băng hồn vào cõi u minh, thì không tài gì đạt được mục đích. Ta chỉ tạm phác qua một vài nét thô lỗ để hình dung mang máng lấy một phần diễm sắc của nàng. Đôi mắt sắc sảo, tuyệt mỹ của Oanh Cơ, đã đẹp đến lắm lắm rồi, lại còn được cái miệng tươi đỏ của nàng phụ thêm vào để tăng dung nhan nàng lên mãi mãi. Cái miệng đó có đôi môi son thắm hơi cong lên như một vành cung. Bao giờ nó cũng tươi cũng đẹp, cũng như đóa hoa hồng hàm tiếu nở nà. Hai hàm răng đen bóng như hạt na càng làm bật màu tươi của làn môi đều đặn. Giá Oanh Cơ sống vào thời vật chất này, biết để răng trắng nõn và bôi môi đỏ chót, thì chỉ riêng cái miệng nàng cũng đủ làm chết mê chết mệt hết lũ con trai vô bản lãnh ; lọ là cần đến tất cả nhan sắc của nàng !

Cứ tỷ mỹ tả mãi vẻ đẹp giai nhân, biết mấy pho sách mới chép xong câu chuyện ? Tuổi, ta chỉ biết qua Oanh Cơ dung mạo tuyệt trần, thân hình kiêu diễm thế là đủ.

Oanh Cơ không những chỉ có sắc đẹp, nàng lại có thanh nữ. Nàng hát rất hay, giọng trong trẻo, đầm ấm, khi nào nuốt lúc lâm ly, dịp khoan dịp nhặt, điệu bổng điệu trầm, thánh thót véo von ; giọng nàng thực là một cây

dàn muôn điệu mà nàng tựa hồ như làm bá chủ tất cả âm thanh, muốn sai khiến chúng thế nào cũng được.

Những hôm ngoài trời mưa phùn rả rích, gió bắc vi vu, những hôm mà lòng người tự nhiên cũng thấy bị đè nén nặng nề bức bối, những hôm đó mà được ngồi trong căn nhà cò, trước ngọn đèn dầu, cầm chiếc dùi nguyệt quế để gõ vào tiểu cổ, thưởng thức vài khổ hát của nàng Oanh, thì các thú tao nhã đậm đà của sự thẩm âm rũ sạch lòng mình hết những nỗi ưu phiền ô trọc, đưa tâm hồn mình lâng lâng lên cõi thơm tho xán lạn, tưởng có phải chết sau phút thanh kỳ đó, thực không ân hận tý gì !

Nói thế cũng không phải là quá đáng. Thực vậy, ai đã được hạnh phúc nghe Oanh Cơ và Huyền Cơ hát, nhất là nghe Oanh Cơ thì không bao giờ có thể quên được giọng thanh tao thánh thót ấy. Cái giọng lúc nỉ non âm ỉ, lúc chan chứa tình cảm, lúc man mác cảm hoài, nó véo von trầm bổng, náo nuột lâm ly, lúc thắm như nước nở sau bức màn lệ, khi vui như nhẹ nhàng chen lẫn chuỗi cười ; cái giọng ấy trong hơn tiếng trúc, đầm hơn tiếng tơ ; tinh hơn tiếng sắt, không tài nào tả rõ được. Oanh Cơ là một con chim tuyệt quý mà tiếng hót vô song đã làm rực rỡ cả một thời dĩ vãng không tên, nàng là một ca nhi sống trong bóng tối, nhưng tài sắc nàng đã trùm đời, đã khiến đấng Hóa công tạo ra nàng lại phải ghen với nàng, mà gây ra nỗi thảm họa sau này, tấn bi kịch xảy ra giữa chốn rừng thẳm núi thiêng, giữa hạt Đồng Giao độc địa, mà hiện chúng ta đương ở.

Oanh Cơ là kẻ sống sót sau tấn bi kịch ấy. Nàng là cái mối ngon quý mà loài mãnh thú rất thèm thưởng ham muốn, chỉ lăm le rình để bắt tha đi. Người đáng quan tâm chú ý nhất trong chuyện này, chính là nàng vậy.

V

TAI NẠN VÀ GẶP GỠ

Ông Cai Móm kể tới đây thì ngừng lại.

Chuyện mà ngày nay tôi thuật anh nghe một cách rành rọt văn hoa như thế, ông Cai đã kể cho vợ chồng tôi thưởng thức bằng một giọng oang oang cộc lốc, ông chỉ tả qua loa sắc đẹp của hai chị em nàng Oanh và lối đi hát ngày xưa thế nào.

Nay nhân đêm khuya cao hứng, tôi đem hết cả những sự từng kinh nghiệm nghe biết, thêm vào cho câu chuyện có ý vị hoa hòe, anh cũng nên lượng cho tôi nhé !

Ông Cai Móm sờ dĩ im bật đi không nói nữa, vì xa xa, ông thoáng nghe có tiếng hổ gầm. Ông trầm ngâm lặng lẽ hồi lâu, chú ý lắng tai trong đêm vắng. Một lát, ông cúi sát lại gần tai tôi, nói nhỏ :

– Thấy cô thử lắng nghe xem, có phải có tiếng hổ gầm chẳng ? Hổ gầm xong, lại vắng nghe có tiếng đàn ca đứt quãng. Thấy cô cứ chú ý một lúc, sẽ nhận rõ ngay.

Tôi và Lệ Thi hết sức chăm chú. Quả như lời ông Cai nói, chúng tôi nghe có tiếng "à à... ô ô u ô ô mm" vang động xa lắm ở trong rừng. Nhưng nghe chỉ có thể thôi, ngoài ra không có tiếng để than trùng khóc, tiếng gió rít lá rơi, chẳng có tiếng hát xướng đàn ca gì cả.

Chán nản, tôi bảo ông Cai :

– Chúng tôi nghe chả thấy gì, chỉ có tiếng hổ gầm ở tận đâu đâu...

– Lắng mãi chán tai vô ích. Thôi ông kể nốt câu chuyện Oanh Cờ đi, nghe đang thú vị...

Lệ Thi cũng nói leo :

– Rồi sau thế nào nữa, hờ ông Cai ? Ông vừa nói có tấn bi kịch ; bi kịch ấy làm sao, ông tiếp đi !

Ông Cai cầm cốc rượu nếp cẩm, uống nốt chỗ còn sót lại. Ông vừa để cốc xuống, Lệ Thi vội vàng rót bồi thêm rượu đầy. Ông Cai quen thói, khả một cái rất đặc ý, xong, liếm môi, ông nói tiếp :

– Hai nàng Huyền Cờ và Oanh Cờ có tiếng hát hay nhất xứ. Trong mấy cuộc hát đình, hát đám, nàng Huyền đã chiếm giải đến chín mươi lần, vì có sức, hát tốt giọng. Nàng Oanh hát hay hơn chị, song không sung sức, chỉ ca trong nhà được mà thôi, ra đình giọng bé quá, bị tiếng ồn ào át đi, không trở tài được.

Dù thế mặc dầu, các quan khách đã từng được nghe Oanh, thì không muốn nghe Huyền nữa. Như thế là một sự nhục nhã cho Huyền, thế mà nàng vẫn không ghen tỵ với em, chỉ quý hóa kính phục em thêm mà thôi. Lúc nào có các thượng quan, công tử vời đến hát mừng, chị lại nhường cho em, mặc sức em trở tài cùng quý khách. Nhưng hề gặp quan viên tầm thường,

không phải là người trí thức, thế nào Huyền cũng tranh lấy hát, cho em được nghỉ ngơi dưỡng sức dưỡng thân. Oanh rõ biết lòng chị như vậy, yêu chị như yêu mẹ, yêu anh như yêu cha, ở với chị một niềm kính nhường hiếu thảo.

Tất cả hàng tỉnh, chẳng ai không nức nở khen tài khen đức của nàng Oanh. Phàm các tay thích từ phú thi văn, tất thế nào cũng mời cho được anh em Văn Quán về tận nhà để hát. Hoặc, nếu xa xôi quá khó vơi về được, thì lại lần mò lên tận Bàn Thạch để nghe một lần cho biết giọng hát của Oanh Cơ. Không được thế, không cam lòng ; cho nên Oanh nổi danh khắp cả vùng Thanh – Nghệ, tiếng tăm đồn đại đi có nhẽ tới cả vùng Nam Định, Ninh Bình...

Trong buổi sinh bình, cha mẹ nàng Huyền và Oanh đã được hân hạnh thừa tiếp Nho Quan Tri phủ. Quan phủ xưa kia có nghe thân mẫu hai nàng hát và thân phụ hai nàng đàn. Sau một cuộc thẩm âm, quan phủ nhận biết ông kép già, đương kính cẩn nấn nót cung cầm để vừa lòng ngài, cũng là một nhà nho có tài thi phú, chỉ vì lỗi thời nên phiêu dạt nổi nênh... Sự tri ngộ ấy xui quan viên cùng kép hát dừng cuộc xướng ca để ngâm vịnh với nhau suốt sáng ; trống dùi xếp xó nhường chỗ cho bút nghiên, rồi hai tay thâm nho cùng đọ sức với nhau trong một trường bút chiến thanh tao nhả đậm. Rốt cuộc, quan phủ rất cảm phục tính tình cao siêu và văn tài lỗi lạc của ông kép ; ông kép cũng rất kính nể quan phủ vì chỗ có thanh nhãn biết xem người : hai bên ý hợp tâm đầu, vong niên vong giai cấp mà kết tình bằng hữu.

Đêm sáng, quan phủ ra đi, có đem tặng cha nàng Oanh một hòm trân châu để làm kỷ vật. Ông kép già tặng lại bạn bằng một cây sáo ngọc của tổ tiên lưu lại đã ba đời. Từ thuở chia phôi, trong hoạn trường ông phủ lưu lạc mãi đâu đâu ; ông kép già thì vẫn bo bo an cư tại Bàn Thạch. Hai bên không từng gặp nhau nữa.

Ông phủ một ngày một tháng quan tiến chức, dần dần ra Tổng đốc Sơn – Hưng – Tuyên, rồi cáo lão về Nho Quan. Về phần ông kép, thâm thoát một tuổi một già, sống cơ hàn rồi chết cũng cơ hàn, chung quy chẳng được biết thế nào là phú quý. Tự cổ chí kim, phàm giá đã ôm nghề tài tử, chả có ai được hưởng giàu sang. Ông kép già tránh sao khỏi luật thiên nhiên ấy ? Nhà tranh vách nứa, ông chỉ có một thửa vườn nho nhỏ cùng một mái nhà

gỏi ; thắc đi thì lưu lại cho con, thế là hết. Sản nghiệp chỉ có bấy, các con và vợ góa phải lần hồi bán giọng để sinh nhai.

Bà mẹ già chả mấy buổi cũng theo chồng, sau khi lấy vợ cho Văn Quán. Vợ Văn Quán lại chết nốt, chả còn ai để tảo tần xoay sở, giúp cho nghiệp nhà hai chị em Huyền và Oanh có thể để hưng thịnh dần lên. Trơ lại còn một người anh góa vợ và hai đứa em còn trẻ dại ; cả ba cùng có hồn tãi tử trong huyết mạch, nên chả biết một tý gì về cách trù tính đảm đang để làm giàu, hay nói cho đúng hơn, để đủ miếng cơm ăn.

Tuy hai nàng Huyền và Oanh có tiếng hát hay, song hàng tháng mới có lần được gọi hoặc có người đến hát. Hát hàng tuần suốt ngày hay thâu đêm tới sáng khi tan cuộc chỉ được độ ba quan tiền kềm không đủ cung khách và chi tiêu. Thiên hạ có phải luôn luôn lúc nào cũng có cuộc vui mừng sung sướng để mượn dịp mà ca hát cả năm đâu ?

Bởi thế, cuộc sinh hoạt của ba anh em nàng Oanh không lấy gì làm sung túc. Đã nhiều lần Văn Quán nghe nói ông bạn xưa của cha mình hiện là quan Thượng thư trí sĩ ở Nho Quan, cũng đã dự định trẩy thăm quan Đông các một lần, một là để nối lại mối dây liên lạc bấy lâu đứt quãng, hai là để mong có dịp được ngài nghĩ tình để bạt hoặc cưu giúp cho ít nhiều. Nhưng ngày giờ thắm thoát, đường xá xa xôi, Văn Quán chưa lúc nào rảnh việc nhà mà đi được. Muốn đi, ít ra cũng phải có tiền lộ phí, và có vốn để lại cho hai em sinh hoạt trong dăm tháng nửa năm. Bởi lẽ, anh ra đi, không lấy ai đàn cho hai em hát nữa, mà mượn một người kép lạ thì bất tiện biết chừng nào ! Cũng vì thế nên Văn Quán đành nấn ná chưa đi, vì chưa nghĩ được kế gì hoàn hảo cả.

Đến nay nghe nhà quan Đông các có đại tiệc. Quán nhất định thu xếp, bán đồ đặc quý giá trong nhà còn lại, và nếu thiếu, thì vay mượn bà con ít nhiều. Đi kỳ này, tiện thể có mọi cuộc ca vũ, cho cả Huyền Cơ và Oanh Cơ cùng đi, khiến hai nàng có dịp trở tài, ngô hầu chiếm giải quán quân trong khi thi hát. Quán một mực trù tính như vậy, chỉ đợi xếp xong mọi việc là đi. Trong giáo phường, đã có nhiều bạn đồng nghiệp rủ nhau thành một đoàn đông lắm, cùng trở hướng Nho Quan thẳng tiến, đi chen vào với lũ binh sĩ đem lễ vật của quan phủ Thọ Xuân.

Quán rất muốn theo bọn ấy cùng trẩy có bạn cho vui và cho đỡ lo tai nạn. Khốn nỗi khi họ khởi hành, anh ta chưa gom góp được đủ số tiền lộ

phí ; trong giáo phường ca nhi đi quá nửa, ai cũng bo bo giữ lấy vốn riêng để chi dụng ở dọc đường. Hóa nên Quản phải dẫn lòng chờ đợi.

Đợi đến bốn năm ngày mới bán được đồ bảo vật của cha để lại, và thu thập được dăm bảy quan tiền, có thể túc dụng cho ba anh em trong cuộc Bắc trình được. Nhân có tốp lính cơ ở Quảng Hóa cũng đem đồ mừng ra Ninh Bình, nếu kịp tới Đồ Lèn thì gặp họ ; Quản bèn sắm sửa hành lý cẩn thận định ngày đưa hai em gái lên đường. Gần đến kỳ xuất hành, không may, Huyền Cơ lâm bệnh, nằm liệt tám chín hôm mới dậy được, chạy thầy thuốc hút đi mất non một quan tiền.

Khi Huyền khỏe mạnh, có thể xông pha mưa gió được thì tính ra đã chậm mất ngót nửa tháng trời, có đi nhanh lắm may ra mới khỏi lỗ ngày đại hội ở dinh quan Đông các. Ba anh em tức tốc đeo nải quẩy gánh, vội vã lên đường, dẫu Huyền Cơ chưa lấy gì làm cứng cáp lắm. Đi suốt ngày, mỗi đêm chỉ nghỉ có vài giờ, cứ dẫu trống canh tư là đã trở dậy đi rồi, thế mà cũng mất ba hôm mới đến Đồ Lèn, bởi lẽ hai chị em Huyền và Oanh không quen đi bộ xa nên đi chậm quá. Thoạt mới ra khỏi nhà, phải thuê thuyền qua sông ; sang qua sông lại đi đường tắt ra Yên Lãng, rẽ về mé Quảng Hóa nhiên hậu mới đến Đồ Lèn được. Tới Đồ Lèn, ba anh em vào quán nghỉ chân, đợi xem có đoàn lính tráng nào ra Bắc thì xin nhập bọn cho chắc chắn.

Nhưng đợi đến hai ngày, chả thấy đoàn nào cả. Thì ra họ đã ra Nho Quan từ trước cả rồi. Hiện nay, chỉ còn độ ba hôm là tới ngày đại tiệc, không còn phường hát nào hay đội lính nào chưa khởi hành nữa, còn đợi cũng vô ích mà thôi. Lác đác trên đường, chỉ có những tốp dăm ba người đi ra phía bắc ; hỏi ai họ cũng nói rằng đi quanh quẩn trong vùng không ra khỏi biên giới nhà. Mãi sau cùng mới bắt gặp một lớp bảy người cho biết rõ họ buôn gạo tải ra Bím Sơn, rồi mua chè ở Bím Sơn tải về bán ở các vùng gần tỉnh lỵ. Anh em Văn Quản buộc lòng phải theo bọn ấy ; ra đến Bím Sơn họ đều rẽ về lối Phố Cát, Thạch Thành, để mặc ba anh em trơ trọi lẫn mò đi về phía đèo Tam Điệp.

Từ đây mới bắt đầu cuộc hành trình nguy nan và khó nhọc. Ba anh em sợ hãi không dám đi bạo, cứ phải chờ ai ra đường ấy mới lui thủi theo đi. May sao gặp được vài ba người thợ mộc, song họ chỉ đi đến đền Sòng mà thôi. Khởi đền Sòng, lúc ấy mới thưa người, không còn ai đi nữa.

Vô kế khả thi, ba anh em nàng Oanh không biết làm sao cho tiện, đành lần mò vào tận trong đền xin ngủ trọ một đêm, rồi nhất định mai sáng vượt qua đèo Tam Điệp. Đi suốt ngày, ra công sức bước nhanh, thế nào cũng sẽ qua khỏi chỗ nguy hiểm ấy. Kẻ cướp thì không sợ mấy, vì anh em nghèo chả có gì, có lẽ họ chả thèm đếm xỉa đến ; đáng sợ nhất, ấy chỉ là ông cộp, cái ông ba mươi vô tình mà dữ dội, hễ không may gặp phải, thì hết đường chạy trốn kêu van !

Ba anh em cùng thành kính lên cửa đền, quỳ xuống lễ hết cả mọi linh vị thờ Thánh Mẫu và các thần bộ hạ cùng các ông Hoàng bà Chúa. Khi đến trước thần tượng đức Bạch Hổ giữ đền, cả ba cùng khấn khứa rất lâu, cầu đức Bạch Hổ phù trì cho giữa buổi xông pha rừng núi, đừng xui xảy ra tai nạn hiểm nghèo nào.

Cái đêm hôm ngủ trọ ở đền Sông, ba anh em nhắm mắt làm sao cho nổi ! Đền làm ở giữa một nơi rừng sâu núi thẳm, chung quanh toàn là cảnh rừng rợn hoang vu, hễ cứ khuất bóng mặt trời là nghe muôn vàn tiếng kêu, tiếng hú, sợ đến sờn tóc gáy. Những ngày không có hội, thiếu gì loài mãnh thú ác diệu qua lại mé ngoài đền ; thời thì hùm, beo, sói, gấu, bò tót, lợn lòi, chả còn thiếu giống gì đến quấy nhiễu dân gian, bắt gà, bắt chó, giẫm nát cả ruộng lúa nương khoai, đến sáng ra, vết chân in trên đường trên cỏ thấy rõ mồn một. Bước ra khỏi đền buổi tối giờ, tức là tính mệnh khó toàn vẹn lắm ; có đi một lữ đông khi sáng sủa, họa chăng mới có thể tránh khỏi hàm hồ vuốt beo.

Cả đêm chỉ nghe tiếng vượn hú, cú kêu, hòa với muôn ngàn thứ tiếng khác rất lạ ; và, xé vùng không khí, trội hơn tất cả các thứ tiếng, một tiếng "à uôm" rung động cả rừng, vang trong đêm tối, dội vào da thịt và xương sống mình một luồng khí lạnh, lạnh hơn hơi lạnh mùa đông...

Đương lúc băn khoăn lo ngại, trời sáng lúc nào không rõ. Ba anh em Văn Quân thấy có ánh bình minh mà vẫn chưa dám ra đi. Đợi khi mặt trời đỏ chói cả vùng Đông, bảy giờ mới quấy gánh xách nải, giã từ ông từ bà đồng lo lắng ngẩn ngai đi lên, trông mé đèo Tam Điệp thẳng tiến. Từ Sông Sơn tới Tam Điệp đi còn xa lắm, vả lại ngòong ngoèo khuất khúc chả biết theo hướng nào cho khỏi lạc. Trơ vơ một người anh và hai đứa em gái ngơ ngác trên quãng đường rừng hoang vắng, không đánh bạo cố mà đi đến, cũng chả còn kế hoạch gì ! Vả chung quanh mình, chẳng có ai để hỏi dò cho biết lối, thôi cứ đành nhắm mắt đưa chân, cúi đầu thành kính trước thần linh, rồi phó mặc tấm thân cho số mệnh, muốn đến đâu thì đến.

Ba anh em đi mãi, hết sức bước nhanh gấp bội, mong sao lên đến ba dèo. Đường hai bên toàn cây cối và lau sậy. Quán đất tay Oanh, Oanh dắt tay Huyền im lặng theo gót nhau mà tiến. Đi mãi, đi mãi, hình như đã quá trưa rồi. Nhưng ô hay ! Sao chưa thấy ải dèo gì cả ? Chỉ toàn một màu rừng xanh thăm thẳm đường đá quanh co, chẳng thấy chỗ nào lên núi xuống núi cả chỉ thấy ven núi mà thôi. Chết mất ! Hay là đã lạc đường rồi !

Văn Quán định thần suy nghĩ. Thôi, phải rồi ! Có lẽ lúc ở đền Sòng ra độ chừng mươi dặm, có một chỗ rẽ, một bên về phía Đông, một bên về phía Tây. Anh em định ninh rằng đi ra Nho Quan phải đi chệch theo hướng Tây, thành bây giờ mới tới chỗ này, tiến mãi mà vẫn chẳng rõ đâu là dèo Tam Điệp !

Nhảm thật. Nhưng may còn sớm có thể bước đi lộn lại được, chiều sẽ về tới đền, sáng mai lại ra đi sớm. Cố đi ba ngày, may ra sẽ đến Nho Quan, cũng còn kịp ! Và chẳng từ sáng đến giờ, không gặp sự gì rủi ro cả, cướp cũng không mà ác thú cũng không, có lẽ đức Thánh Mẫu đã thương hại phù trì cho đó ! Bao giờ xong việc trở về, thế nào cũng sẽ vào đền lễ tạ Mẫu, không dám quên ơn ngài đã mở lòng từ bi mà săn sóc đến cho !

Nghĩ vậy, Quán nhủ hai em quay gót lại, đi lộn trở ra. Đi mãi, đến tận chiều, chân Huyền Cơ, Oanh Cơ sây sứt rớm máu cả. Ngoảnh nhìn tứ phía, nào thấy bóng dáng đền Sòng ở đâu, chỉ có ngàn nội xanh um, cây cỏ cao ngất, đường đi thì chỉ là một vệt lờ mờ giữa một bãi rậm rạp, hoang vu. Ba anh em lúc ấy lo ngại đến cực điểm, cùng vừa đi vừa niệm Phật, mong sao ra khỏi bãi lau sậy để được thấy bóng đền Sòng.

Đi giờ lâu nữa, thì ra khỏi bụi lau, đến một khu đất rộng, cỏ không cao lắm, cây mọc cũng thưa, nhưng toàn là cỏ thụ rườm rà xanh thắm, to đến vài ôm cả. Chung quanh khu bình địa ấy, bốn bề là sườn đồi thoải thoải, rừng rú um tùm, ngàn lau trắng xóa. Ngoảnh đầu tìm đường cũ vừa đi buổi sáng, chẳng biết nó ở tận đâu đâu, kiếm bóng một ngôi đền hay một tòa nhà để nghỉ chân, tìm đến mỏi mắt thì thôi, chớ chẳng có ngôi nào ! Thực là rừng hoang cảnh vắng, trơ vơ ba kẻ nhỡ đường ; không còn biết nương tựa vào đâu nữa !

Giữa đám bông lau gió rung phơ phới, một đàn cò trắng từ đâu vỗ cánh bay về. Từng lớp một, chúng nó bay đến đấy hàng ngàn, hàng muôn, lượn vòng trên không kêu quang quác, lượn mãi rồi mới bay xuống. Xem

có vẻ tối, cũng đủ biết lúc đó đã chiều rồi. Quả vậy, chỉ loáng một chốc, màu trời thấy sẫm lại, chả bao lâu nữa tối bây giờ !

Trong chốn thung lũng hẻm này, chung quanh đều là ngàn sâu, nội thăm, ba anh em biết chạy đường nào ? Biết lấy chỗ nào nướng thân cho khỏi sợ vuốt hùm móng báo ? Một màu cỏ cao, cây rậm, thực là hết kế thoát thân. Oanh Cơ biết rằng khó lòng sống hết đêm nay, nghĩ thương anh chị và thương thân, òa lên khóc. Huyền Cơ mũi lòng cũng khóc ; Văn Quân không can đảm được nữa, ứa hai hàng nước mắt ; song cố trấn tĩnh để lo tìm một kế trong trường hợp tối nguy này.

Đương khi than thở, cả ba anh em bỗng đâu nghe tiếng gọi, làm cho Oanh kinh sợ thất đảm, mặt tái mét đi, ngừng không khóc được nữa, chỉ rú lên ôm lấy chị. Huyền cũng sợ hãi như Oanh, cả hai ôm chặt lấy nhau, tưởng đâu ma quỷ trong rừng thiêng hiện lên dọa nạt. Duy Văn Quân, tuy thấy rợn gáy rùng mình, mà vẫn cố giữ lấy vẻ táo bạo ; gọi to lên rằng :

– Ai đó, xin làm phúc cứu anh em tôi với !

Quán vừa dứt lời, thì thấy ngay trên cây cổ thụ mọc giữa chỗ ba anh em ngồi nghỉ, một người trắng sẫm vạm vỡ nhảy xuống hỏi chào. Trắng sẫm nói :

– Các ngài cao danh quý tính là gì ? Đi đâu mà sa chân vào đây ?

Văn Quân vội vàng đem họ tên và câu chuyện định xảy ra Nho Quan thế nào nói một lượt cho trắng sẫm rõ. Trắng sẫm nghe xong lắc đầu :

– Chết nỗi ! Đường đi Nho Quan phải theo hướng Đông đi ra chợ Ghềnh, sao ông lại không biết ! Ở đây là hạt Đồng Giao, nhưng ở phía Tây, cách đền Sông còn xa, phải theo lối khác mới tới được. Đường này là đường xuyên sơn đi lên Mường lên Mán, kia mà ! Thôi, ông trót nhớ đường rồi, thì phải ngụ tạm ở chốn này một đêm, mai tôi sẽ đưa giúp ông qua đèo Tam Điệp. Tôi quê ở vùng Nam Định, tên là Lê Trọng Việt, bình sinh chỉ thích nghề săn bắn mà thôi. Tôi vào đây săn báo và săn hươu, nên có làm một cái sào con trên cây này, định đêm nay nằm rình các ác thú đến thung lũng này uống nước thì sửa một mẻ. Vả nay gần ngày vọng, có trăng sáng, bắn sẽ thú lắm.

Trắng sẫm nói đến đây ngừng lại ngảnh đầu nhìn lên ngọn cây. Bỗng chàng hít hơi rõ mạnh rồi nhả trán lại có vẻ lo nghĩ. Chàng vội vã bảo Văn Quân :

– Bây giờ tôi leo lên trước thả dây xuống. Ông buộc chặt vào nách một cô em, tôi kéo lên xong lại ròng dây xuống cho cô khác lên. Sau cùng đến

lượt ông. Nếu ông leo được thì, khi tôi đem hai cô lên cá trên cây rồi, ông nên trèo lên ngay đừng chậm trễ nhé ! Mà khi thả dây xuống, ông cố làm cho lẹ tay một chút, xin ông nhớ kỹ đấy !

Đoạn, tráng sĩ nhảy lên cây thoăn thoắt ; chỉ một chốc đầu dây đã xuống gốc cây rồi. Quân và Huyền cùng đồng lòng để Oanh lên trước, bèn túm nhau lại buộc dây vào nách Oanh. Xong dặn Oanh nắm chặt lấy dây, không được thả. Vừa buộc cho Oanh xong, bỗng thấy mùi hôi thối ở đầu xông lên sặc sụa, rồi nghe tiếng một đàn chim khướu riu rít kêu lên, bay đậu cả vào cây cổ thụ. Tráng sĩ đứng trên cây, ra sức kéo Oanh Cờ lên tận nhà sàn dựng ở gần ngọn. Oanh vừa sắp tới nơi, một quang cảnh bi đát, khủng khiếp và thê thảm bỗng hiện ra trước mắt nàng và tráng sĩ.

Một con hổ vàng to, từ đâu không rõ, hình như ở rừng rậm, nhảy về phía gốc cây, giữa lúc xuất kỳ bất ý, Văn Quân và Huyền Cờ vừa buộc dây xong, đương ngược mắt nhìn theo Oanh Cờ không biết rằng có tai nạn ở ngay cạnh mình. Hổ xông lại, chỉ trong nháy mắt, đã thấy dưới gốc cổ thụ có hai xác người đang giã giụa, máu đầm đìa.

Oanh vừa leo được lên sàn, thấy anh chị bị hại thảm thiết đau đớn quá, lòng như bị xé tan, bào rách ; nàng kêu lên một tiếng rồi ngã gục, suýt nữa rơi từ trên cao xuống tận mặt đất. Tráng sĩ lúc bấy giờ tay chân luống cuống vì Oanh, không có thì giờ lấy dao lấy nỏ. May sao dây buộc Oanh còn vướng ở người nàng, nên nàng không bị rớt, tráng sĩ vội vực nàng vào sàn nữa, rồi mới đem ra ba ngọn phi tiêu, đứng trên cây ném xuống. Hổ đang ngoạm đuôi Văn Quân, bị một mũi phi tiêu ném trúng cổ, một mũi nữa trúng sườn, đau quá, vùng gầm lên một tiếng, bỏ mồi chạy mất. Tráng sĩ phóng theo một mũi tên cắm vào đít hổ, hổ nhảy cao, biến vào bụi sậy...

VI

XÁC MA CƯỜI

Ông Cai Móm ngừng lại, rít một hơi thuốc lào. Câu chuyện đang đến đoạn hay, Lê Thi nóng ruột vội giục nói nốt. Ông mỉm cười cúi đặt điếu xuống găm bàn kể tiếp :

"Tráng sĩ, lúc ấy thấy cơ sự xảy ra như vậy, bèn đợi một chốc, rồi giắt lên lưng một con mã tấu, nhảy xuống xem họa may còn cứu được Văn Quân hoặc Huyền hay chăng ? Nhưng cả hai đều bị trọng thương, xác tuy còn nóng nhưng tim không đập nữa và đã hết thịt rồi. Ngậm ngùi, tráng sĩ lại leo lên ngọn cây còi dài lưng buộc chặt Oanh vào một cành to, rồi tháo đầu dây buộc nằng khi trước. Oanh vẫn mê man bất tỉnh, nằm thiêm thiếp, mặt cắt không còn hột máu, song hơi thở vẫn đều đều.

Yên trí rằng Oanh không việc gì, tráng sĩ lại trèo xuống, buộc rõ nhanh cả hai vào đầu dây, rồi vội nhảy lên ngọn cây lập tức. Đứng từ trên cao, chàng vịn vào một cành to cố sức kéo, đem được hai cái xác lên lưng chừng cây. Xong đầu dây, chàng buộc đầu dây rõ chắc vào thân cây, để hai cái xác khỏi bị rơi xuống đất. Chàng nghĩ đi nghĩ lại một chốc, sợ khi dây có thể đứt được, vì hai thi hài nặng lắm ; nên lại trụt xuống vài bậc đến gần tử thi Quân và Huyền. Chàng đem cả hai anh em để nằm ngang cẩn thận lên cành cây : đầu gối vào một cành, thân dựa vào một cành nữa, chân lại gác vào một chà cây. Đoạn chàng rút dao cắt một đoạn dây, và tháo thắt lưng của hai kẻ bạc mệnh buộc họ rõ chặt vào cành, sợ có con vật nào đến đem sục sạo thì cả Quân và Huyền lại rơi xuống đất mất.

Công việc ấy yên ổn rồi, tráng sĩ mới leo lên sàn ngồi. Chàng vừa vào thì Oanh Cơ mở mắt hồi tỉnh lại. Câu hỏi đầu tiên của nàng là hỏi về tính mệnh hai người thân yêu nhất :

– Thưa ông, anh chị của cháu đâu rồi ?

– Nằm cả dưới kia. Anh chị cô không may bị hổ vồ đã thác rồi. Nó đương định tha đi thì tôi bắn trúng, nó phải bỏ chạy. Tôi sợ nó ăn mất thi hài ông cả và cô hai nên phải đem buộc chặt cả vào cành cây dưới này ! Chẳng qua cũng là số phận cả, cô chớ than khóc làm gì ! Bây giờ có khóc cũng vô ích mà thôi, phải cố dưỡng sức mai còn đi, tôi sẽ đưa cô ra Nho Quan tử tế, cô đừng ngại ! Cô nên đi nằm nghỉ một chốc, tôi còn phải ngồi đây canh hai xác kia, kẻo nếu có loài ác quỷ ác thú khác đến nó sẽ rĩa ăn đi mất !

Tuy tráng sĩ hết lòng an ủi, Oanh Cơ cũng vẫn ngồi bưng mặt khóc như gió như mưa. Khóc một hồi rõ lâu, nàng mới gạt lệ, thỏ thẻ bảo tráng sĩ rằng :

– Ông đã có công cứu mạng cho tôi, thực là ơn trời bể, tôi lấy gì báo đáp được ! Không may cho anh chị tôi lại không được cứu nổi, đến nỗi phải vong mệnh một cách thảm thương thế này !

Nói đến đây, nàng mỉm lòng lại khóc rồi lại kể :

– Tôi từ bé đã mồ côi cha mẹ, chỉ nương nhờ vào anh chị tôi thôi. Nay anh chị tôi đều thác cả, cô thân chính ảnh, tôi biết làm sao bây giờ ! Thực là bơ vơ phận gái yếu hèn, tôi cũng đến chết mất ! Mà thà chết theo anh chị tôi còn hơn !

Tráng sĩ nghe nói, động niềm trắc ẩn, hết sức khuyên dỗ người bạn gái tình cờ :

– Cô đừng lo ngại ! Cô đã gặp tôi, tôi xin hết sức che chở cho cô. Nhà tôi tuy không giàu, song đủ bát ăn, cô nếu không chê là chỗ tường phên vách đất, xin cứ về ở với tôi, tôi có mẹ già, sẽ nhận cô làm nghĩa nữ, tôi sẽ làm anh nuôi. Tôi xin tình nguyện giúp đỡ cô tới khi cô yên bề gia thất. Cô không nên phiền muộn nữa cô ạ !

Tráng sĩ nói đến đây, bỗng nghe có tiếng xào xạc ở trên cành cây, rồi có tiếng vỗ cánh, Oanh Cơ sợ ngồi thu mình vào mé giữa sàn, im không khóc nữa. Giữa lúc ấy, lại nghe cả tiếng hổ gầm rất to, chừng như ở dưới chân cây, rồi người thấy mùi hôi hám khó chịu. Tráng sĩ nói sẽ :

– Hình như con cọp lúc nãy trở lại tìm mồi đó ! Cô cứ bình tâm ngồi yên lặng đừng sợ hãi gì cả ; cứ để mặc tôi với nó ! Thử xem con quái kia dám cả gan giở những trò trống gì nào ! Tôi sẽ cho nó một phen táng đờm kinh hồn cho nó biết !

Oanh Cơ ngoan ngoãn nghe lời tráng sĩ, ngồi nép vào một xó, không dám nhúc nhích cựa quậy. Tuy trong lòng đương đau như cắt vì cái chết rất bi đát của anh chị, nhưng nàng cũng cảm thấy, không hiểu vì đâu, một sự ấm áp trong tâm hồn, tựa như giọt nước cam lồ hay liều thuốc thần tiên làm cho vết thương đau lằng lằng dịu được vài phần, không mạnh mẽ sâu sắc như lúc anh chị nàng vừa bạc mệnh. Nàng vẫn nhớ như in trong óc trường hợp thê thảm vừa xảy ra, thương anh thương chị vô cùng, xót xa hận tiếc vô cùng, nhưng nàng cũng tựa hồ thấy một mối liên lạc gì ngẫu nhĩ mà thanh khiết buộc nàng với chàng võ sĩ vừa cứu riêng một nàng khỏi bước gian truân. Nàng nữa cảm ơn trời Phật đã run rủi mình khỏi thác, nữa lại oán trách quý thân đã xui khiến cho nàng mất cả chị lẫn anh. Trong lúc cô đơn nàng chỉ biết nương tựa vào tráng sĩ, gần tráng sĩ, nàng bớt lo ngại buồn rầu. Nàng nghĩ vẫn nghĩ vợ, trong óc man mác không biết bao nhiêu ý tưởng mới lạ, trong người bản thân không biết bao nhiêu cảm giác dị kỳ, những cảm giác không biết từ đâu đến, mà đến tự bao giờ.

Trong bóng tối, Oanh Cơ nghe lời tráng sĩ cố ngồi im lặng ; tráng sĩ thì chăm chú canh hai xác chết, nhìn xem có quái vật nào đến sẽ đuổi đi, hay bắn cho một mũi tên thần. Giữa lúc cả hai người cùng trầm ngâm, mỗi người có một hoài bão, mặt trăng ở đâu đã ló đầu qua khỏi núi, tia ra một thứ ánh sáng nhợt nhạt, trắng như màu sữa, biến quang cảnh u tối trong rừng ra một cảnh chứa đầy thi vị.

Có ở giữa chốn rừng cao núi cả trong một đêm có trăng sao sáng sủa, mới cảm thấy vẻ mệnh mông bát ngát của vũ trụ, vẻ rục rờ mà huyền bí của non sông, cây cỏ, vẻ êm đềm rừng rợn của nỗi cô tịch quanh hiu. Bóng cây um tùm bao bọc khắp thung lũng ; thảm cỏ xanh bằng phẳng lúc ấy tựa hồ một mảnh giấy xám rộng rãi bao la, trên có vẽ một bức tranh thủy mặc thiên nhiên, do một họa sĩ lấy bút điểm từng chấm khổng lồ, rồi lại lấy tay bôi thêm ra nhoè nhoẹt. Không thể nào tả rõ được cái sức của một đêm trăng tỏ, nhất là cái màu đậm không đậm, nhạt không nhạt, xám không xám, vàng không vàng, của các thứ bóng chen chúc nhau, mỗi thứ được một vẻ riêng, vì chiếu ánh sáng một lối riêng, cái mờ, cái rạng, cái tối, cái dịu, ngọn bút thiêng liêng đến đâu cũng khó lòng hình dung lại cho đúng được.

Trong hoàn cảnh kỳ dị ấy, lại có muôn ngàn thứ âm thanh cũng lạ lùng bí mật như các bóng âm u rừng rợn, bóng kia tưởng chừng như hồn người chết phảng phất hiện về để lượn phiêu phiêu dưới đám lá um tùm đen tối, mà tiếng kia tựa hồ như tiếng ma kêu quỷ khóc, tiếng các vong linh oan ức thở dài trong luồng gió thảm vi vu...

Các tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gâm thét, rên rỉ, chúng nó phát xuất ở muôn nghìn cửa miệng, muôn nghìn cổ họng, của đủ các thứ côn trùng, cầm thú, nó hòa nhau lại để cùng với tiếng vi vèo của hơi thở tạo vật, tiếng xạc xào của xã hội cỏ cây, biến thành một khúc âm nhạc ảo não, một điệu đàn bi thiết nghe lạnh lẽo thấu tận đáy lòng, luồn vào khắp hết các tia gân thớ thịt, khiến toàn thân tê buốt, vẻ lạnh lẽo kia nó tức là kết quả của sự sợ hãi, kinh hoàng...

Oanh Cơ ngồi im lặng bên cạnh tráng sĩ, trên sàn nửa ở ngọn cây, lần đầu tiên mới trải qua một cảnh hiu quạnh âm thâm đường ấy, trong lòng thấy nao nao khủng khiếp, ngồi thu hình co rúm lại, sát kề người tráng sĩ, quên cả lễ nghĩa cương thường. Giữa lúc sợ lạnh toát mồ hôi, thiếu chút nữa thì ngã lăn ra chết ngất, còn thần trí nào nghĩ đến câu "nam nữ thọ thọ

bất thân" ? Oanh Cơ trong lòng bối rối đủ trăm chiều, phần bốn chồn lo ngại, phần thương chị tiếc anh, phần sợ hãi ghê rợn, bấy giờ thực quả là một pho tượng nặn bằng xác thịt loài người mà không có tri thức gì cả. Bao nhiêu tinh thần của nàng bay đi đâu hết, nên nàng cứ dờ ra không cử động nói năng gì được nữa.

Tráng sĩ thì khác hẳn. Quen nghề săn bắn, chàng nhiều phen đã ngủ suốt đêm đến sáng trong rừng. Chàng chả biết lo sợ là gì, cứ bình tĩnh ngồi bó gối cạnh hai cái tử thi, cặp mắt đăm đăm không chớp. Nhân có ánh trăng vàng vạc, chàng nhận được rất rõ rệt tất cả sự vật chung quanh.

Sau khi bắn một con cú được nửa giờ, tráng sĩ lại bắn được một con chồn to luẩn quẩn dưới gốc cây, nhưng chàng không xuống nhặt xác con chồn ấy, định sáng mai lượm lên cũng không muộn. Rồi chàng lại ngồi yên chăm chú lắng tai nghe động tĩnh. Chốc chốc, chàng lấy đá lửa đánh vào bụi nhùi châm đóm hút một khói thuốc Lào cho đỡ tẻ. Hút xong, chàng có ý tắt lửa ngay, để khỏi bị các loài dã thú nhận được ánh sáng đèn.

Tráng sĩ đương trầm ngâm bỗng hơi cựa quậy, rồi ghé đầu ra mép sàn cúi xuống ngấm nhìn. Chàng bỗng hít mạnh đánh hơi, hít xong thì vội vã sờ vào mé trong sàn lấy cái nỏ, ba bốn mũi tiêu thép và con mã tấu để ngay cạnh mình. Liền lúc ấy, nghe bên rừng sậy phía đông có tiếng xào xạc, rồi, vụt một cái, thoáng nhận được một cái bóng dài, to bằng con trâu nhưng thấp hơn, đi lẹ làng êm ái lại chỗ gốc cây cổ thụ. Cái bóng ấy tới nơi, mới trông rõ là một ông chúa sơn lâm, ở sườn có vết máu đỏ hoen mất một đám lông vàng và trắng. Có lẽ là con hổ buổi chiều.

Nó tiến lại gốc cây, đánh hơi ngửi chỗ đất có máu đọng sót lại, cái chỗ mà, cách đây vài giờ, nó đã tát và cấu chết hai anh chị Oanh Cơ. Nàng biết nó đứng dưới sàn, hoảng hốt ôm chặt lấy tráng sĩ, kêu lên một tiếng. Nhưng vì nàng không còn hơi sức nữa, tiếng kêu của nàng chỉ là một tiếng rên se se mà thôi.

Tráng sĩ bấy giờ thế bất đắc dĩ phải che chở cho nàng ; chàng muốn nàng khỏi sợ hãi thái quá nên ôm xốc ngay nàng lên, cho nàng ngồi thu hình gọn lỏn hẳn vào lòng chàng. Rồi chàng ghé mồm sát vào tai nàng, bảo rằng :

– Cô chớ sợ hãi. Ở trong rừng đêm khuya, có kinh sợ cũng vô ích ! Lần đầu, cô chưa quen nên khủng khiếp, chớ sau, như tôi, nào có biết hãi là gì !

Đã có tôi đây, tôi xin hết sức bảo vệ cô, cô cứ an tâm. Dù con hổ nó có đứng dưới chân mình chẳng nữa, nhưng nó có làm trò trống gì được ? Giá phải con báo thì đáng sợ thật, song là con hổ thì chớ lo gì, vì nó không leo được. Đến ngẩng đầu lên trông ta còn khó thay cho nó, nữa là leo trèo tới đây. Cô cứ ngồi im trong lòng tôi đây cho ấm, như thế cô chả còn ngại nỗi gì ! Để xem con quái này nó giỏi những thủ đoạn ra làm sao cho biết ! Hôm nay vì có cô ; tôi cũng đành bỏ một đêm không săn bắn nữa ; tôi chỉ ngồi đây phù tá hộ vệ cô và chăm nom hai cái tử thi kia mà thôi. Cô cứ ngồi yên lặng, đừng hốt hoảng kêu la mà náo động lên, cô nhé !

Như một đứa trẻ con chiều ý mẹ, Oanh Cơ ngoan ngoãn ngồi gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ có giai nhân ngồi trong lòng, nhưng vì mãi mê trông con hổ nên không hề nghĩ đến sự gì cần rõ cả. Vả chẳng, chàng cũng là con nhà thi lễ gia giáo, lại là một tay nghĩa sĩ hào hiệp, có khi nào chàng lợi dụng cảnh ngộ nguy ngập khôn quẩn của một người đàn bà để chiếm đoạt lấy người ta ? Chàng ôm Oanh Cơ, áp ủ cho Oanh Cơ, chả khác gì chị gái áp cho em, mẹ áp cho con song tuyệt nhiên không vượt ve đụng chạm gì tay chân nằng cả.

Oanh Cơ đương ngồi êm ái trong lòng tráng sĩ bỗng níu chặt lấy cổ chàng. Liền lúc ấy trong bầu không khí hiu quạnh tẻ vắng của rừng khuya, bỗng thấy phát ra từ đâu không rõ, hai dịp cười hòa nhau lạnh lạnh, ròn rã, tưởng như tiếng cười sảng sặc của một cặp vợ chồng ma cù nhau, rú lên một cách vui vẻ lạ lùng. Bao đến như tráng sĩ, mà chàng cũng thấy rợn buốt đường sau gáy. Dịp cười tựa hồ ở ngay dưới chân chàng ; có lẽ con hổ yêu tinh kia đến để dọa nạt chàng nên mới cười lên như vậy.

Oanh Cơ trong lòng tin chắc là ma rừng hiển hiện, nằng ôm chặt lấy tráng sĩ rúc đầu vào nách chàng, không dám lộ mặt ra nữa. Tráng sĩ định thân một chốc, cúi xuống quan sát chỗ gốc cây. Chàng chả thấy gì, cũng không thấy hổ cười, chỉ thấy nó hình như đang cào đất làm gì không rõ. Ngắm lâu lâu một chút, mới hay ở dưới đất, ánh trăng vẽ trên thảm cỏ bóng cây cổ thụ và bóng hai xác người nằm ngang trên cành cây.

Con hổ cứ chạy vòng quanh bóng hai cái xác đó. Nó tựa hồ đùa cùng hai chiếc bóng, nó cong đuôi chạy lớn vồn một lúc rồi lại lấy chân trước vờn mặt đất, như cù hai chiếc bóng ấy vậy. Nó lấy trò chơi đó làm một tấn tuồng ý vị, nên chơi nhón một cách rất chăm chú, sốt sắng, để hết tâm lực

vào cái trò trẻ con ấy. Thực là một bức tranh tương tự như tranh "sư tử hý cầu"...

Tráng sĩ biết đích thóp của hổ rồi, chàng se sẽ lấy bùi nhùi đánh đá châm lửa ; xong thò tay vào một cái túi vải để ở góc sàn phía trong, lấy ra một ống nứa to và dài, ở một đầu có ngòi như ngòi pháo. Chàng buộc ống nứa vào một đầu dây, giơ bùi nhùi đốt cái ngòi, rồi thông dây xuống đất cẩn thận không cho có tiếng động.

Hổ đương mải mê chơi với bóng, không biết gì hết. Anh chàng cúi đầu găm xuống đất, chăm chú vờn mặt cỏ xanh. Đương lúc xuất kỳ bất ý, ngòi pháo cháy hết, cháy lan vào lần diêm sinh trong ống, làm cho ống pháo nổ một tiếng kinh thiên động địa. Hổ bị một phen thất dờm tưởng như sét đánh ngay giữa đỉnh đầu, không kịp nhìn xem từ đâu có sự lạ xảy ra, chỉ còn đủ thì giờ vật đuôi đánh chát một cái, nhảy bổ lên rồi cong đuôi chạy bán mạng vào rừng, không dám ngoảnh nhìn lại mé sau lưng nữa.

Tráng sĩ, đắc ý vỗ tay cười ha hả. Oanh Cơ cũng bị tiếng pháo giật ra khỏi cơn khùng khiếp, nằng đương ngồi ủ mặt vào ngực tráng sĩ, nghe pháo nổ bỗng giật bắn người lên, sừng sốt nhìn thì thấy tráng sĩ vỗ tay cười khoan khoái lắm. Tráng sĩ ôm lấy nàng cho nàng khỏi sợ, bảo nàng rằng :

– Xong rồi ! Cô chớ kinh hãi ! Đó là tiếng địa lôi tôi phát ra để đuổi loài mãnh thú kia đi, không cho nó diễn cái trò quỷ quái của nó nữa ! Sự này tuy rất lạ, song thực rất thường ; cô được mục kích lần đầu nên hoảng sợ đó mà thôi ! Tôi đã quen với những sự kỳ quặc hơn thế nữa, thành ra chẳng coi cái cảnh tượng đêm nay vào đâu. Bây giờ tôi đã đuổi hổ đi rồi, chúng ta không còn gì đáng ngại nữa. Ta có thể ngồi đây nghỉ ngơi yên ổn, chả còn giống vật loài ma nào dám tới quấy nhiễu. Cô cứ an tâm ở đây tới sáng ngày, mai tôi xin giúp cô hết cả mọi việc tống táng, rồi sẽ đưa cô lại Tam Điệp. Cô nên đi nghỉ một lát, cho khỏe, đi cô !

Tráng sĩ nói thế, mà Oanh Cơ cũng vẫn ngồi yên chễm chệ trong lòng chàng. Nàng không dám bước ra ngoài nữa vì nàng vẫn còn khiếp quá, không đủ can đảm ra ngồi cách xa ân nhân của nàng, dẫu chỉ xa một bước. Nàng không nói năng gì cả ; cứ ngồi lì ra, gục đầu vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ biết rằng nàng không dám lìa chàng, chàng đành phải ôm nàng mãi mãi trong lòng, lại cố sức làm cho nàng khuây khỏa, quên đau đớn và quên sợ hãi, để đủ nghị lực sống nốt quãng đêm dài tối vắng té buồn. Chàng bèn

tìm cách an ủi nàng, rồi kể chuyện cho nàng nghe, ngõ hầu tinh thần nàng bị chăm chú cả vào câu chuyện, không để ý gì đến sự vật bề ngoài nữa”.

VII

MA RỪNG

Ông Cai Móm lại ngừng lần thứ ba, lấy cốc rượu uống một hơi rồi kéo một mồi thuốc lào. Lệ Thi nóng ruột muốn nghe, giục ông Cai kể nốt, nhưng ông vẫn điềm tĩnh thong thả uống rượu hút thuốc khê khà, làm cho vợ tôi càng thúc giục thêm nữa. Thi muốn nghe, mà hễ nghe đến chỗ nào rừng rợn, thì lại bám riết lấy tôi, thu hình cuốn vó lại, trông buồn cười lắm. Phải thế chăng mình ?

Một hồi lâu ông Cai đã nghiện, mới oang oang nói tiếp :

– Bấy giờ Oanh Cơ gục mặt vào vai tráng sĩ. Tráng sĩ muốn cho nàng đỡ sợ, phải tìm kể nói chuyện để bắt nàng phải chú ý vào một sự khác, ngõ hầu quên nỗi đau xót và quên cảnh vật ghê sợ của rừng khuya. Câu chuyện tráng sĩ nói, sau này lại chính mồm Oanh Cơ kể lại cho cậu ruột tôi nghe, vì thế nên tôi mới biết rõ. Tráng sĩ sợ nàng cứ nghĩ ngợi mãi về cái chết thê thảm của anh chị nàng, và cứ bồn chồn lo ngại luôn luôn, thì không khéo chết ngất đi lần nữa, chàng phải nói luôn mồm cho nàng thấy bao giờ cũng có người ngồi bên cạnh và che chở cho mình. Tráng sĩ bảo Oanh Cơ :

– Có đừng nên sợ hãi kinh ngạc, cô ạ ! Có tôi ở đây, không khi nào tôi để thú dữ ma thiêng phạm đến cô được. Tôi có khi nằm trên chồi này hàng nửa tháng, đêm đêm trơ trọi một mình, tôi chả e ngại gì hết. Gặp ác điều, mãnh thú thì tôi bắn, tôi đánh, tôi cầm mã tấu hoặc đoản côn thử chơi với chúng nó vài keo, đi cho chúng nó xem vài đường võ, bao giờ chúng cũng thua chạy, hoặc bỏ xác lại cho tôi khiêng về. Chúng nó có làm gì được tôi ? To lớn, khỏe mạnh và nhanh nhẹn như con hổ, tôi chỉ coi như loài chó dữ mà thôi.

Cái đáng sợ nhất, ấy là ma rừng. Giống ấy thiêng lắm, và lợi hại lắm. Nhưng tôi có làm gì phạm đến chúng đâu, mà chúng nó xử tàn tệ với tôi ? Chả qua chúng chỉ muốn đùa giỡn quấy quả tôi cho vui, chứ chưa làm tôi

phải ốm đau và chịu thiệt bao giờ. Hay là chúng có ý nể tôi thì chả rõ. Một vài lần đầu tiên, có vài con đầu đàn, chúa tể ở vùng này, hiện lên dọa nạt tôi. Tôi đang nằm trên sàn thì nó làm sàn quay tít như chong chóng, định thần ngồi một lúc thì lại chả thấy gì. Có khi nó ném tôi đến bịch một cái xuống tận gốc, tôi nhìn lại thì vẫn còn ở trên sàn. Lại có lần vừa buổi chiều, mới trèo lên cây đã thấy ngay lũng lảng treo trên cành chỗ thì một cánh tay, chỗ thì một cẳng chân, chỗ khác lại cái đầu lâu máu ở cổ chảy xuống ròng ròng, chỗ khác nữa thì cái thấy người. Một chốc, tất cả mấy thứ ấy bay vùng lên sàn, liền nhau lại thành một người đen thui thui, đầu tóc dựng ngược, mắt mở rõ to, há mồm cười nhe răng trắng như nhon. Tôi cứ ngồi yên nhìn con ma ấy không nói : nó thè lưỡi đỏ như lửa dí tận sát mặt tôi, khí lạnh của nó thấu vào khắp người tôi, tôi rợn lúm lúm, song vẫn cố trấn tĩnh. Nó dọa chán thì biến mất.

Lần khác nó hiện lên đến sáu, bảy con, nhớn có, bé có, trẻ có, đứa nào cũng quần áo rách rưới hoặc trần như nhộng, trông người gầy gò đen thui, xấu xí lắm. Chúng đi lơ lửng như không bước, là là tiến trên mặt cỏ, lại chỗ tôi đứng dưới gốc cây, giang tay bao vành lấy tôi rồi nhảy múa làm tôi hoa cả mắt. Tôi bị chúng trêu nhiều lần lắm, lần này tôi mới chấp tay vào trước ngực, nhắm mắt niệm Phật Quan Âm, rồi đọc câu thần chú trừ tà : "Tả Thanh long, hữu Bạch hổ, tiền Chu tước, hậu Huyền vũ". Mở mắt ra, chúng đều biến cả. Tôi lên được trên sàn, ngồi khấn rằng :

– Tôi tên là Lê Trọng Việt, là một kẻ đi săn các ác điều, mãnh thú, không xâm phạm gì đến vong hồn các anh em cả. Anh em nếu có linh thiêng, xin phù hộ cho tôi, săn được nhiều, tôi sẽ chia cho một phần và xin cúng tế anh em tử tế, mỗi khi tôi tới đây. Từ trước tới nay, anh em trêu ghẹo tôi, tôi đã chịu nhẫn nại, không khinh khi gì cả, không làm gì cả. Tôi không dám chửi rủa các vong hồn, xin các người từ đây đừng dọa nạt đùa bỡn tôi nữa ! Nếu tôi khấn khứa tử tế thế này mà không tha, thì sau sẽ có cách tôi đối phó lại, bấy giờ đừng trách móc tôi đó ! Đây, gọi là thành tâm lễ bạc, tôi có chút quà này xin biếu anh em !

Khấn xong, tôi giở tay nải đem ra bày ở sàn một ít bánh dúc để trên vài tàu lá, và một ít hoa quả tôi đã cố tình mang đi từ chiều. Rồi tôi đốt hương, đốt nến, vái bốn vái. Xong lại đem đốt mấy chục lá vàng hồ. Công việc ấy ổn thỏa, tôi nằm chèo queo đánh một giấc đã, chờ đến canh hai thì dậy. Đêm hôm đó, quả nhiên, tôi săn được nhiều lắm, song toàn là các thú nhỏ. Và tôi cũng không bị trêu ghẹo nữa. Bắn được cáo, được cây, tôi đợi rạng

ngày là đem thui ngay vài con dưới gốc cây, cúng tế xong rồi mới về. Những đêm sau đều săn được khá khá. Tôi vẫn giữ lời hứa chỉ phần cho ma, nhưng ma ăn quen rồi thì lại rừng mỡ, đến đêm lại tìm cách làm cho trong nhà sàn của tôi các đồ đạc lung tung lên cả. Có một lũ chuột, mỗi con bằng con mèo to đến hì hục tìm mồi, ăn bánh đúc cơm nắm của tôi, gặm nát cả chuối tôi trữ sẵn để tráng miệng, cắn rách áo tôi và nhá chân tôi đau lắm. Chúng nó tha nỏ của tôi quăng xuống đất, tha mã tấu của tôi cắm vào một cành cây, vác tay nải của tôi treo lủng lẳng ở mái sàn. Lũ ranh ấy lục lợi đủ thứ chộc tức tôi đến cực điểm. Đêm tôi ngủ dậy, sờ nải chẳng thấy đâu, biết là có chuyện. Tôi bèn ngồi một lúc định thần cho mắt sáng ra, có thể trông rõ trong đêm tối được ; tôi nhờ ánh mờ mờ của các ngôi sao le lói tìm được dây nải và mã tấu vì lưỡi dao lấp lánh dễ thấy lắm.

Tôi mở nải lấy sẵn bùi nhùi, đá lửa, và hai ống địa lôi to. Rồi tôi ngồi đợi xem cái giống quái kia có đến quấy nhiễu tôi nữa chăng. Quả nhiên, chúng trở lại để xem tôi bị tức giận đến thế nào. Lần này, chúng biến ra một lũ cú mèo và mèo rừng đến vỗ cánh âm âm và kêu nheo nhéo râm rĩ cả chung quanh mình tôi, bầu lấy tôi đen ngịt. Tôi đã biết ý, thủ sẵn một sợi dây ngũ sắc dài, một bóng phẩm đỏ ướm, tôi cứ ngồi điềm nhiên niệm Phật và đọc thần chú. Chúng quây quần lấy người tôi song không phạm đến tôi được. Tôi đánh đá tóe lửa, đốt bùi nhùi, bùi nhùi cháy, tôi dí ngay vào ngồi hai cái pháo khổng lồ treo ở mé sàn ; xong tôi vội vàng đứng dậy, quờ tay túm được một anh mèo, rồi nhảy vọt ra ngoài, chuyển cành nọ sang cành kia, ra ngồi một chẽ cây gần gốc. Tôi vừa leo cây vừa kéo dây ngũ sắc ở cổ buộc vào mình con mèo, nó cắn tôi, cào tôi, giãy giụa và đập đuôi chan chát, tôi cũng mặc kệ. Buộc dây xong, tôi lại sờ vào túi áo lấy bóng phẩm đỏ, bôi nhoe nhoét vào mặt nó, xong đầu đấy, tôi thả nó rơi đến bịch xuống đất.

Tôi làm những việc trên đây nhanh như chớp, bởi đã định trước rồi ; chỉ loáng một tý là đốt xong ngồi pháo, bắt một con mèo và nhảy chuyển xuống gốc cây ngồi ở một chỗ, tươm tất lắm.

Tôi vừa an vị, hai tiếng nổ kinh thiên động địa nối tiếp nhau xé tan vừng lạng lẽ của rừng khuya ; bốn bên toàn là sườn núi cả nên tiếng pháo địa lôi càng dữ dội lắm lắm. Đàn mèo tranh nhau mà chạy, đàn cú tranh nhau mà bay, chúng chen nhau, húc nhau ủa cả ra khỏi sàn. Phần nhiều đều rơi xuống đất huỳnh huỵch, có con chạy không kịp, phải biến ra khói,

tan đi. Pháo vừa dứt nổ, định thần mà nhìn, chẳng thấy một con nào nữa cả, thì ra rơi vừa đến đất, hay chưa đến mặt cỏ, là chúng đã biến cả rồi ! Vô phúc có một anh cú bay tạt qua mặt tôi, tôi túm ngay lấy, luồn ngay dây ngũ sắc buộc vào hai cánh, rồi cũng đem phẩm bôi vào mặt. Tôi lại vớt con quái vật ấy xuống đất theo với con mèo ; hai con đó giãy giụa, vật mình dùng dùng vào gốc cây nghe rõ mồn một. Ý chừng chúng nó muốn tháo dây thì phải, nhưng tôi buộc theo phép phù thủy, có mà tháo đường trời !

Tôi lên ngồi chễm chệ trên sàn nửa. Lúc này tôi đốt bùi nhùi, thấp một ngọn bạch lập, đi tìm các thứ binh khí, thu thập xem có thiếu gì không. Xét ra chỉ mất cái "nỏ thần" của tôi mà chúng đã ném xuống gốc cây cổ thụ, còn đồ thì đủ cả. Tôi ngồi yên đợi xem động tĩnh thế nào. Lúc đó rõ ràng tôi tỉnh táo, bao nhiêu tinh thần tâm trí đều sáng suốt cũng như ngọn bạch lập rạng to thế mà không hiểu vì đâu tôi như mơ màng, tôi nghe văng vẳng có tiếng nói rất sê mà rất rõ, một thứ tiếng không phải là tiếng, chỉ như một dư âm xa lơ xa lắc, một tiếng gọi bị đập vào đá rồi oang oang đưa lại từ chỗ nào, một cái "bóng của lời nói" thì đúng hơn. Cái tiếng gọi đó gắn sát tai tôi, nhưng quái, cũng như ở một nơi xa lắm, chỉ nhận biết nó rành rọt, nghe tường tận vô cùng. Nó như thế này :

– "Ông Trọng Việt ơi ! Ông ác làm chi, ông tắt đèn đi ! Chúng tôi biết lỗi rồi, chịu phục ông rồi ! Ông cứu cho lần này, lần sau không bao giờ dám phá ông nữa ! Riêng hai đứa tôi, chúng tôi sẽ đời ơn ông và phù hộ cho ông. Ông hãy tắt đèn đi..."

Tôi đoán ngay là lời kêu van của con ma bị bùa ngũ sắc buộc, không biến được. Chúng nó đã hối quá, tôi cũng chẳng nên táng tận lương tâm. Chả qua tại chúng xử tệ với tôi hết sức, nên tôi mới phải báo thù, nếu không tôi cũng chẳng hơi đâu nghịch ngợm với chúng nó để mất một đêm săn bắn. Cái đêm ấy, thế là vô ích : tôi bị mất nỏ, lại lục đục mất thì giờ, lại đốt địa lôi và châm đèn thì còn con thú nào dám đến gần cho mà bắn nữa, mà dù có đến thì biết tìm nỏ ở đâu ? Xuống gốc cây ư ? Chả đại. Nhỡ ra có làm sao trong đêm tối, giữa rừng vắng, thì hết kế thoát thân. Thôi, chúng nó đã xin tắt đèn thì tôi tắt để xem chúng giờ trò trống gì nào ! Tôi dụi cây nến, ngồi đợi. Trời vừa tối bỗng nghe bịch bịch hai tiếng, sờ thì ra có con mèo và con cú ở ngay cạnh chân. Văng vẳng bên tai lại có tiếng :

– "Ông làm phúc tháo dây cho chúng tôi, và gột vết phẩm cho chúng tôi. Ông tha cho, sẽ xin đời ơn ông mãi mãi".

Tôi nói :

– "Lấy nước đâu mà gột ? Tôi chả có gì đựng nước cả, chỉ có cái vỏ dừa ở góc sàn, nhưng lại không có một giọt nước nào. Thì làm sao mà gột cho hai người được".

Tôi vừa dứt lời thì, quái lạ ! Thấy ngay một vật ươn ướt đụng chân, sờ xem là một gáo nước đầy, cái gáo sứ không có cán của tôi ! Tôi hơi ngạc nhiên một tý, song nghĩ ra ngay. Có gì lạ đâu ! Một lũ ma nữa, vô hình, đương bao bọc lấy tôi để xin tôi gỡ cho hai đứa bạn của chúng và để xem tôi xử sự ra thế nào. Tôi lên mặt đạo mạo, phán rằng :

– "Chỉ tại các người chộc ta, chớ ta có làm hại các người đâu ! Ta cúng các người, cho các người nào thịt, nào bánh, nào hoa quả, nào vàng lá, thế mà các người chả biết ơn phù hộ ta lại còn quấy quả ta, thì trời đất nào chứng cho các người ? Ta đây biết phù thủy - chỗ này tôi nói khoác để dọa chúng mà thôi, chớ thật tình tôi chả có phép quái gì !- Chúng bay làm gì nổi ta ? Các người nạt ta thế, chứ nạt nữa ta cũng chả sợ ! Ta đã có cách đối phó, còn nhiều cách lắm, đây này, các người hãy xem !".

Nói đến đó, tôi sờ tay nải, lấy ra một củ tỏi, bóp nát rồi dúi vào mũi con mèo và mũi con cú. Quả nhiên chúng nó giãy lên đành dạch. Tai tôi lại nghe văng vẳng :

– "Chúng con lạy ông ! Chúng con biết tội rồi, ông sinh phúc cho ! Ông rút tôi đi, rửa tay đi".

Tôi quẳng củ tỏi xuống đất, giội nước ở gáo rửa tay, dốc hết cả gáo. Tôi lấy vật áo lau tay, vừa lau vừa nói tiếp :

– "Ta còn nhiều thứ phép khác, lợi hại lắm lắm. Hễ các người xử ác ta, ta sẽ xử càng tàn tệ hơn, cho bố ghét ! Lần này là lần đầu, ta tha cho hai người, phải biết ơn mà cố tu tính lại, ta bắt được một lần nữa thì chớ trách ta đó ! Nhưng mà gáo hết nước rồi, lấy gì gột rửa cho các người đây ?".

Tôi nói dứt lời, sờ xuống chân thì gáo nước đã lại đầy rồi. Tôi bèn móc trong đấy ra một cái giẻ lau, dầm nước đi, rồi lau mặt mũi cho con mèo và con cú. Chúng nó để tôi làm phận sự đó một cách ngoan ngoãn lắm, không dám cự quậy, giãy giụa một tý gì. Tôi lau một lúc rõ lâu, ánh chừng đã sạch lắm rồi, bấy giờ mới thò tay tháo nút dây ngũ sắc ra. Vụt một cái, vừa cởi được dây, thì đã không thấy cú và mèo đâu nữa. Chỉ có phảng phất trước mặt tôi, lơ mờ như sương đọng lại, như khói tụ thành hình, hai cái

bóng dịu dàng trắng toát, thực là "sương in mặt, tuyết pha thân". Hai thiếu nữ yếu điệu thanh tân, tuy trong bóng tối mà cũng đoán được đó là hai giai nhân tuyệt sắc. Cả hai tựa hồ mặc áo bằng mây trắng, mập mờ ẩn hiện, trông đẹp vô cùng. Một làn tóc đen cuộn cuộn xõa xuống ngang lưng, một thân hình thướt tha mềm mại, tứ chi nhỏ nhắn tròn trĩnh, đó là cốt cách của hai nàng. Trông cả đôi đều giống nhau, tựa như chị em ruột, khó lòng phân biệt được, nếu một nàng không có làn tóc dài chấm gót, khác với nàng kia tóc chỉ xể quá lưng thôi.

Tôi thấy hai bóng ma con gái ấy, trong lòng cũng hơi bồn chồn, cứ dờ mắt ngơ ngác ngắm họ. Cả hai nàng cùng quỳ xuống sàn nứa, trước mặt tôi, trong khi tôi vắng nghe một điệu đàn êm ái vô cùng :

- "Hai em cảm ơn cái thầy tha cho. Đội ơn cái thầy nhiều nhiều. Sau này xin giúp cái thầy..."

Điệu đàn chỉ ngắn có thế. Điệu ấy tức là giọng của hai nàng thánh thót hòa nên. Tôi lấy làm lạ rằng sao cái giọng này nó êm ái du dương, nó thỏ thẻ, trong trẻo khác hẳn với tiếng nói phào phào lúc nãy.

Tôi nghĩ một lúc, mới hiểu rằng khi hai nàng này chưa biến được, thì cũng chưa nói được, đó chỉ là các bạn bè thay lời hai nàng mà cầu khẩn tôi đó thôi. Tôi bảo là hai nàng ấy nói, đó là lầm, vì thực ra không có thanh âm vang ra ngoài. Tôi chỉ thấy mỗi hai thiếu nữ đó lấp bắp, rồi tự nhiên tôi hiểu, tựa hồ trong tai tôi có tiếng nói dội vào óc tôi. Có lẽ khi đó tôi nghe hồn của tiếng người, cũng như tôi thấy bóng của hồn người vậy.

Hai ả lay tạ tôi sì sà, sì sụp, đoạn đứng dậy bước ra. Tôi vừa ngược mắt, chưa kịp trông theo, thì đã không thấy bóng dáng của hai nàng ấy đâu nữa...

Từ đấy, tôi đỡ bị nạn yêu ma quấy nhiễu làm rối loạn đồ đạc và ngăn trở sự săn bắn của tôi. Nhưng tôi lại bị một cái nạn mới lạ lùng nguy hiểm hơn : là hai con ma thiếu nữ Mường nó hình như mê tôi, đêm nào cũng lên ngồi cạnh tôi nói chuyện tử tế, như quán quýt lấy tôi không dứt. Tôi nhắm mắt ngủ, thì thấy như mình dắt tay chúng đi chơi trong rừng, bừng mắt dậy, lại thấy hai bóng trắng ngồi kề bên mình, trong óc, trong tai lại có tiếng dội văng vẳng nói chuyện với mình thân thiết lắm. Tôi là con trai chưa vợ thấy thế sợ lắm, chỉ ngại giống yêu tinh ấy nó thu mất nguyên dương thì sẽ chết mất. Tôi lo quá, bỏ rừng về nhà. Đêm nằm ngủ lại thấy

chúng nó đến trách móc sao không đến Đồng Giao săn bắn như mọi ngày cho chúng được gặp gỡ trò chuyện. Sáng dậy, tôi đem việc đó thuật lại cho anh tôi nghe. Anh tôi là người giỏi võ hơn tôi mà lại can đảm lắm. Anh tôi quyết cùng đi vào rừng với tôi một phen : quả nhiên, anh tôi được thấy hai thiếu nữ Mường của tôi và làm quen với chúng. Một đứa bám riết lấy anh tôi, còn một đứa thì vẫn cố mê hoặc tôi tới kỳ cùng. Hai anh em tôi hể nằm trên sàn thiu thiu ngủ là tự khắc thấy mỗi đứa ôm ấp một con ma đi dạo quanh khắp đồng khắp nội, bắt ong, đuổi bướm, bứt quả hái hoa, tình tự vui vẻ lắm. Tỉnh dậy, vừa bừng mắt đã thấy có cả hai ả ngồi dưới chân, con tóc ngắn kể anh tôi, con tóc dài kể tôi.

Thực là nguy ngập quá ! Tôi hối hận vô cùng, hối hận vì đã đưa anh tôi vào cỏi chết. Một mình tôi có thác cũng không oán gì số phận, song làm cho anh tôi vì muốn cứu tôi mà cũng thác nốt thì thực tôi có lỗi vô ngần ! Can tràng như tôi, mà tôi phải ứa lệ khóc. Nhưng không dám khóc trước mặt lũ quái đó, tôi đợi rạng ngày, dắt anh tôi ra khỏi núi, đi về quán trọ, lúc bấy giờ mới ôm lấy anh mà khóc và xin lỗi. Anh tôi mũi lòng cũng khóc và khuyên giải tôi :

– "Em đừng ngại ? Anh xem hai con yêu này nó không phải là đồ dâm tình, chả qua chỉ là oan hồn hai con bé chết lúc còn con gái, nên si tình đó mà thôi. Từ lúc mình quen chúng nó, mới cùng nhau đi chơi đi bời trong ngàn trong nội, nào chúng đã dắt mình đến cuộc mây mưa dâu bộc gì đâu ! Thế thì chưa lo ! Để thông thả anh nghĩ một kế làm cho chúng nó phải bạt đi mới được !".

Anh tôi nói vậy thì tôi biết vậy, chứ tôi vẫn khóc lóc như thường. May sao, vì sự khóc than thảm thiết đó, có một cụ già để ý đến tôi. Ông hỏi tôi, tôi nhất nhất kể sự tình cho ông rõ.

Ông già ngấm mặt mũi hai anh em tôi một lúc, rồi ông đòi xem bàn tay. Xem xong, ông đưa chúng tôi vào một căn buồng hẹp trong nhà trọ, ông đứng ngoài bắt bốn cái quyết, lầm rầm đọc chú hồi lâu rồi mới bước vào. Ông không dẫn đo gì cả nói ngay :

– "Tôi xem khí sắc hai thầy, chưa đến nỗi suy. Âm khí cũng chưa phạm được mây, vì hai thầy có can đảm nhiều, hóa nên tôi mới cứu được. Giá phải người yếu linh hồn, ắt bị hại đã lâu rồi. Cái giống ma này nó khôn lắm, nó muốn báo thù thầy đấy, nhưng nó cứ làm dần dần, mỗi đêm đi sâu

vào một chút thôi, độ nửa năm thì không chữa được nữa ! Tôi cho hai thầy hai đạo bùa này, hai thầy phải giấu kỹ trong búi tóc, nó sẽ không biết ; nếu để chỗ khác, nó trông thấy tất cướp mất. Ta lại tương kế tựu kế, nhân chúng nó đương rủ hai thầy đi vào đường tình ái, hai thầy sẽ làm như âu yếm nó lắm lắm, chớ đừng lộ ra vẻ lãnh đạm như xưa. Làm ra như mình thấy chúng yêu mình một lòng chân thật nên cũng hồi tâm mà sủng ái chúng. Rồi một thầy sẽ, trong khi tự tình, hỏi nó xem mả hay nhà mồ của chúng nó ở đâu. Nói rằng hễ khi nào anh thác đi, sẽ lại nằm chung với em. Khi nó chỉ mả rồi, thì thử ba lần xem có cùng đúng một chỗ không, mỗi lần nên nhận địa thế và đánh dấu kỹ càng. Lúc nào biết đích mả chúng nó rồi thì các thầy nên làm thế này... ”.

Đến đây ông cụ nói thắm rất sẽ : "Chúng nó sẽ phải kiêng hai thầy, không dám đến gần nữa. Hai thầy sẽ thoát nạn. Song cốt nhất hai thầy phải điềm đạm, cẩn thận suy xét cho tởm, chớ có mừng rỡ lộ ra nét mặt mà khó lòng giấu được chúng. Hai thầy nên nhớ kỹ. Thôi hai thầy đi ra, thế là xong rồi !".

Chúng tôi xin tạ ơn ông cụ, cụ nhất định từ chối. Túng thế, giữa lúc cụ vô tình, cả hai anh em tôi sụp xuống lạy cụ hai lạy, cụ phải buộc lòng nhận vậy, nhưng thế nào cũng không nhận tiền.

Đêm hôm ấy, anh em tôi lại vào rừng rồi bắt đầu làm đúng theo chương trình ông cụ già đã chỉ bảo. Muốn cho cẩn thận anh em tôi hỏi dò mả của hai con ma đến năm sáu lần rồi chúng tôi nhận kỹ địa thế và đánh dấu chỗ ở của chúng rất minh bạch, chỉ kỳ không lắm lần được nữa. Một hôm trời có nắng, chúng tôi đợi đến đúng Ngọ, vác xẻng vác cuốc vào rừng, đến chỗ hai cái mả mà chúng tôi đã đánh dấu, khai quật quan tài lên, mở nắp ra vớt lá bùa vào rõ nhanh rồi đập nắp lại, xong lật sắp áo quan cho xuống hố lấp đất lên cẩn thận.

Tối hôm đó, quả nhiên không thấy hai cái bóng trắng ngồi dưới chân nữa. Nhưng hai anh em tôi, lúc chợp ngủ đi cùng thấy hai giấc chiêm bao giống nhau. Trong mộng, cô ả nhân tình ma của đứa nào hiện lên bảo đứa ấy rằng :

– "Thôi được ! Anh đã đổi dải tẻ bạc và tàn nhẫn với em, rồi anh sẽ biết em báo cừ thế nào ! Em truyền hồn cho anh ! Em sẽ làm cho anh chết đau lia khỏi xác, giữa lúc còn niên thiếu như em, em mới nghe ! Sống, anh không muốn làm chồng em, chết, rồi anh sẽ phải làm chồng em, anh nghe chưa ?".

Chẳng qua đây là lời hăm dọa vu vơ, chứ nó chết rồi, còn làm quái gì được ai ? Sống chết đã có mệnh, dễ đâu con ma kia có thể sát hại được hai anh em tôi ? Chỉ biết từ khi triệt được nó, tôi được bình an vô sự. Lũ ma hình như sợ tối rồi, không con nào dám lại trêu tôi nữa. Đêm đêm tôi được ngủ ngon lành hết sức, tôi ở nhà sàn này quá như ở nhà tôi, chả còn ngại nỗi gì. Trước kia tôi sẵn mãi không bao giờ được hổ, báo và hươu nai, nay tôi bắn được rất nhiều hươu, sẵn được hàng mười mấy con, gác chất đầy nhà, bán được nhiều tiền lắm. Tôi lại vợ được đủ thứ ; ngày thì có sơn dương, có cây hương, có các thứ chim quý, đêm thì có hoẵng, nai, lợn, báo và chồn. Có một lần tôi ném phi tiêu giết chết được một hổ mẹ và hai hổ con, vừa đây tôi hựt một con beo xám to tiếc quá ! Từ lúc lũ mẹ ranh thôi không ám ảnh tôi nữa, tôi làm ăn khá lắm, chả ân hận nỗi gì ! Anh cả tôi, anh Mạnh Khôi, thì lại thích về mé chợ Ghềnh, anh tôi sẵn ở phía đó không vào đây mấy.

Nhưng kìa ! Cô xem có phải sắp sáng rồi đó không ? Chúng ta mãi miết nói chuyện mà ai ngờ sắp bạch nhật rồi !

VIII

TỪ BIỆT

Tráng sĩ nói tới đây, Oanh Cơ mới nhìn sang phía Đông thì thấy một góc trời sáng sữa, báo hiệu mặt trời sắp sửa xuất đầu trên các ngọn đồi. Lúc đó mới mờ mờ sáng, đủ trông rõ các sự vật trong một bức màn xám xám. Sương trong rừng dày như khói, có mặt trời lên chạng vạng, cũng còn phải đợi lâu mới có ánh nắng chiếu vào cây cỏ ướt đầm.

Từ tối, Oanh Cơ ngồi chễm chệ trong lòng tráng sĩ, ngoan ngoãn như một đứa trẻ thơ, quên cả sương sùng, e lệ. Nàng đầu tiên sợ cọp, sau lại sợ ma, sau nữa nghe hai cái xác cười lại càng sợ thêm, hóa nên cứ bám chặt lấy tráng sĩ, rúc đầu giấu mặt vào vai chàng. Kịp đến lúc chàng vui mồm kể chuyện nàng nghe, thì nàng mãi mê chăm chú vào câu chuyện. Câu chuyện chàng kể rùng rợn ghê sợ hết sức, hóa ra nàng càng ôm chặt sát lấy người chàng không nghĩ gì đến then thùng cả. Nàng bị một phen quá

khủng khiếp, thân kinh đảm ra suy nhược, chả còn sức nào nghĩ ngợi suy tính gì. Đến buổi trời mờ mờ sáng, nàng mới hơi hơi tỉnh ngộ nhưng chung quy vẫn chưa ra khỏi cơn kinh hãi. Gia dĩ ngay dưới sàn lại có hai xác chết nằm cứng đờ ra đó, nàng không đủ can đảm ra khỏi lòng tráng sĩ đâu biết rằng ngôi ôm lấy một người con trai lạ mặt là khó coi, là vô luân lý cương thường.

Ngộ biến phải tòng quyền, nàng biết làm sao được ? Nàng cứ ngồi lì trong lòng tráng sĩ, hai mắt lóng lánh áp vào ngực chàng, không muốn nhìn sự vật bề ngoài, sợ hoàn cảnh lại gây cho nàng một nguồn đau đớn hãi hùng thứ hai nữa. Nàng ngồi yên như thế, không cựa, không nói, tuy thức mà như ngủ. Tráng sĩ tưởng nàng vì mệt nên thiếp đi, nên cũng chiều ý nàng ; chàng cứ ngồi ôm lấy nàng khư khư, như giữ gìn một bảo vật quý giá, cả hai cùng thả hồn vào cõi mơ màng êm dịu, mỗi người đi về một đường nhưng có lẽ cùng chung một hướng.

Cặp thiếu niên xa lạ mà tự nhiên trời run rủi cho gần sát bên nhau trong trường hợp lạ lùng bí ẩn ấy, cặp thiếu niên đó cứ ngồi lơ lơ như một pho tượng, thức cũng chẳng phải thức, ngủ cũng không phải ngủ, cho mãi tới khi mặt trời lên rõ cao, rọi ánh sáng vào đám sương lam, làm cho sương biến thành hơi nước bay lên, khiến non sông được sáng láng mà cây cỏ được khô ráo nhẹ nhàng.

Tráng sĩ bấy giờ mới se sẽ vỗ vào vai Oanh Cơ, cúi xuống bảo nàng :

– Bạch nhật rồi, cô ạ ! Mặt trời đã chéch quá hai sào ! Bấy giờ chúng ta có thể xuống được, để còn lo liệu tống táng cho ông cả và cô hai chứ !

Oanh Cơ giật mình mở mắt ngơ ngác nhìn tứ phía, hình như mãi lúc này nàng mới biết rõ là vô tình ngồi trong lòng một thiếu niên xa lạ ; nàng vùng đứng dậy, ra chỗ khác, hai má ửng ửng đỏ, chỉ biết cúi rạp xuống chứ chả biết nói câu gì. Tráng sĩ cũng đứng dậy vươn vai, duỗi tay chân răng rắc ; đoạn nhìn Oanh cười :

– Bấy giờ chúng ta phải trèo xuống, tôi xin đỡ cô. Nếu cô đau chân quá, không leo cành cây được, tôi xin cõng cô đem xuống. Ta hãy nên để tử thi ông cả, cô hai ở đây, chốc nữa mượn người đến mang ra đồng phía ngoài núi cũng chưa lấy gì làm muộn. Thôi, ta xuống đi cô ! Cô nên theo tôi !

Oanh Cơ đi cả ngày hôm trước, chân bị sây sứt sưng lên đau đớn lắm, không leo trèo được. Tráng sĩ lại phải khi bế, khi cõng, đem nàng xuống gốc cây, xuống đến mặt đất, chàng tháo dải lưng sợi của nàng ra, làm

thành một cái vồng, cho nàng ngồi, rồi chàng công nàng, chạy vèo vèo ra khỏi thung lũng về quán trọ của chàng.

Chàng đem nàng vào một căn phòng sạch sẽ để nàng nghỉ ngơi dưỡng sức. Rồi một mặt chàng thuê sáu người phu và đốc thúc họ vào rừng ngay để khiêng xác Văn Quân và Huyền Cơ về nhà trọ ; một mặt chàng nhờ chủ quán đi mua ngay cho các đồ khâm liệm cùng hai chiếc quan tài.

Khi đem xác về đến nơi, tự tay tráng sĩ và Oanh Cơ tắm rửa cho hai kẻ bạc mệnh, rồi đem khâm liệm ngay. Đám ma hôm đó thực là giản dị đơn sơ ; càng giản dị đơn sơ trông lại càng thảm thiết. Một tên phu cầm một bó đuốc đi trước, rồi đến hai tên khiêng áo quan Văn Quân buộc vào một cái đòn dài. Tiếp đến áo quan Huyền Cơ cũng hai tên phu khiêng. Sau cùng, đến một tên phu đem đuốc cuộc và xẻng, rồi đến tráng sĩ đỡ Oanh Cơ vừa thất thủ lê bước vừa rũ xuống khóc như gió như mưa. Thế là hết : đám tang chỉ có bấy nhiêu người.

Ra đồng, tráng sĩ truyền cho đào rỗ sâu vùi rỗ chặt, lịch kịch mãi mới xong. Lúc về, hai tên phu phải quàng tay làm kiệu nâng đỡ Oanh Cơ về quán trọ.

Oanh Cơ đưa xong đám ma anh và chị thì ốm liệt giường chiếu, sốt rét ly bì, nói mê nói sảng. Tráng sĩ lo ngại lắm, bỏ cả cuộc săn bắn, chỉ lo thuốc thang cho nàng và ngồi bên cạnh giường bệnh của nàng thôi. Ốm nửa tháng ròng, Oanh chỉ ăn có hồ cháo qua ngày, người gầy rạc đi như ve. Tráng sĩ thương hại lắm, chăm chút nàng như chăm nom em gái, chẳng quản công lao gì cả. Nhờ sự tận lực đó, Oanh khỏi. Tráng sĩ để nàng nằm dưỡng sức mười ngày nữa ở quán trọ, khi nàng đã ăn trả bữa, da thịt bắt đầu tươi tỉnh, lúc ấy chàng mới bảo nàng rằng :

– Nay cô khỏi rồi, tôi xin đưa cô ra Nho Quan, kéo ngựa chậm. Cô định thế nào ?

– Bây giờ em ra Nho Quan làm trò gì ? Anh chị em thác rồi, em ra đó cũng vô ích, vả chăng nhà quan phủ thiết tiệc xong từ non một tháng, nay ra đó thì còn gì nữa !

– Thế cô phải suy tính thế nào chứ ! Hay là cô về núi Gôi ở với mẹ tôi, mẹ tôi yêu cô như con, tôi và anh tôi cũng sẽ quý cô như em vậy.

Oanh Cơ cúi đầu suy nghĩ một hồi, nàng ngược mắt nhìn tráng sĩ, rồi bỗng cúi gầm mặt xuống hai má ửng đỏ, nhưng chỉ thoáng một chút mặt nàng đã mờ những lệ, nàng gạt nước mắt thỏn thức nói rằng :

– Em đây bây giờ bơ vơ cô độc một thân, chả còn họ hàng thân thích nào nữa, chỉ có một đứa cháu gọi bằng cô hiện còn ở Bàn Thạch. Em đội ơn anh quá nặng, biết lấy gì báo đáp được ? Nếu em nhờ ơn trời Phật còn được sống dai dẳng ít lâu nữa, có ngày em sẽ xin đền đáp nghĩa anh. Nay em đang thụ trọng tang, tâm hồn tan nát, gan dạ héo hon, chưa biết định liệu ra làm sao cả. Em xin anh cứ theo đuổi các việc anh làm, đừng vì em mà phí cả ngày giờ cùng tâm lực, anh mặc em sống nốt quãng đời thừa này. Nguyên vọng duy nhất của em bây giờ là được ở chốn này cư tang và săn sóc mồ mả cho anh chị em mà em cũng coi như là cha mẹ ; em sẽ để trở và mặc chế phục sô gai trong hai mươi bảy tháng, họa là vong linh anh chị em đỡ tui một đôi phần ! Chỉ có một điều đáng ngại là mai đây, khi anh từ biệt em để trở về quê nhà anh, em sẽ chịu lẻ loi thân gái, sống giữa nơi xa lạ chả còn ai thân thích quen thuộc nữa ! Em muốn nhấc thằng cháu ra để ở chung với em cho vui, và luôn thể để hầu hạ giúp đỡ em nhưng biết nhấc ai bây giờ ? Cháu em tên là Nguyễn Đức Tiêu, nó hiện ở làng Đại Thạch, cũng gần Bàn Thạch là quê quán em, vì bác em từ xưa di cư ra ở đây, đến nay đã ba đời. Làng Đại Thạch cũng như làng Bàn Thạch là nguyên quán của giáo phường, hai làng ấy thuộc về phủ Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa...

Oanh Cơ nói xong, lệ rỏ ròng ròng ướt đầm cả hai gò má. Tráng sĩ nhìn nàng rất ái ngại, bảo nàng rằng :

– Cô chớ lo ngại ! Cứ chịu khó ở tạm đây năm, bảy hôm nữa, tôi thu xếp xong công việc cho cô, lúc đó sẽ về.

Oanh Cơ nghe lời ân nhân, ở lại trong quán trọ. Độ mười ngày sau, một hôm tráng sĩ đi sẵn về, vui vẻ, bảo nàng rằng :

– Công việc xong rồi, bây giờ cô chỉ còn phải dọn nhà là yên ổn cả !

Chàng đem nàng đến một nơi cao ráo, nàng lấy làm ngạc nhiên thấy, từ lúc nào không rõ, chàng đã sai thợ lợp riêng cho nàng một nếp nhà sàn rộng rãi chót vót đứng giữa một thửa vườn bát ngát mênh mông. Nàng vừa mừng rỡ, vừa ngại ngùng cảm động, bước lên thang vào sàn. Tới nơi, nàng ngã ngửa người ra : đồ đạc nổi niêu và quần áo rương hòm sắm sửa bày biện sẵn sàng cả ; và trong hoàn cảnh êm ấm đó, có phải ai đâu xa lạ, rõ ràng cháu ruột nàng Nguyễn Đức Tiêu, ngồi chễm chệ trên một chiếc ghế đầu ở một góc phòng !

Thấy Oanh Cờ, Tiêu mừng quá, chạy tất tưởi lại đón cô, nói tíu tít :

– Cô ơi ! Cô đã mạnh chưa ? Cháu nghe bác Hai đây – Tiêu có ý trở tráng sĩ – nói rằng chú và cô Huyền cháu đã thác vì vượt hổ, lòng cháu đau đớn vô cùng ; nhưng biết rằng cô còn sống sót, cháu sung sướng quá ! Từ nay cháu ở đây hầu hạ cô mãi không để cho cô phải ở một mình đâu, cô ạ !

– Ai nhần nhủ cháu ra, mà cháu biết lần mò len lỏi tới nơi đây ?

– Mấy hôm trước, có hai người về tận Đại Thạch đón cháu, bảo cháu dẫn sang nhà cô và Bàn Thạch. Song họ nói cho cháu rõ cô hiện ở Đồng Giao, muốn ngụ cư tại đó, nên cho người về đón cháu và khuân các đồ đạc ra ngoài này. Họ chọn lấy những đồ đạc còn tốt và thường dùng, đem đi, còn bao nhiêu, bỏ lại cả. Đến Đồng Giao, họ đem cháu lại nhà này, cháu được gặp bác Hai mới rõ đầu đuôi câu chuyện...

Mất Oanh Cờ mờ hẳn đi vì lệ ứa trào ra. Nàng cảm động quá, vuốt ve đầu cháu rồi lại ngồi ở một chiếc ghế thấp. Tráng sĩ ngồi ở một góc giường. Oanh đợi khi tráng sĩ vô tình giữa lúc xuất kỳ bất ý, nàng ngồi xếp xuống sàn, ngoảnh về phía chàng ngồi, lạy hai lạy rất cung kính. Chàng luống cuống đứng dậy nhưng không kịp nữa, vội chạy lại đỡ nàng lên, rồi bằng một giọng ghen ngào :

– Ô kìa ! Sao cô lại làm như vậy, tôi chẳng tổn thọ mất ư ? Bốn phận tôi là phải thế, cô chớ cảm ơn tôi làm gì. Người ta ở đời, chả qua nợ đồng lẩn nhau cả, có chi mà phải bận lòng ! Trong nhà này, tôi đã xếp đặt đủ cả, cô có thể sống nổi trong nửa năm. Trong hòm kia, có tích sẵn vài chục quan tiền, cô cứ việc lấy mà chi dùng. Sáu bảy tháng, tôi sẽ qua một lượt thăm cô, khi nào cô hết tang ; thì sẽ di cư đi chỗ khác, đừng ở nơi đây mà bất lợi. Cô phải cho cẩn thận, chớ có đi đêm về tối, lỡ ra có sự khó lòng. Nhà này, tôi đã có ý làm cao, có hai tầng sàn. Nếu động dụng gì, cô khá lên gác trên mà ẩn, đừng ở lớp dưới nhé ! Thôi công việc của tôi thế này là tạm yên ổn, tôi xin bái biệt cô. Cô nên thận trọng lấy mình, chớ để phụ lòng tôi đó !

Tráng sĩ nói xong, đứng dậy từ biệt, Oanh Cờ lúc ấy không hiểu thế nào, tựa như ngại ngừng quyến luyến, không nỡ chia tay. Nàng muốn giữ tráng sĩ lại chút nữa, nhưng cũng thẹn thùng không dám. Nàng thốn thức sùi sụt, ứa nước mắt tiễn tráng sĩ xuống gác, muốn nói vài lời tống biệt mà ghen ngào không nói được, chỉ thò thè được một lời :

– Em xin lạy anh !

Thế là hết. Rồi nàng đứng tựa gióng cửa sàn dờ mắt nhìn theo chàng mãi, theo mãi, tới khi bóng chàng khuất sau rặng lau, bụi ruối thì thôi. Ra đi, chàng cũng dùng dằng ; lúc thất thủ trên đường, chàng cũng ngoái cổ nhìn lại, thấy bóng nàng dựa cửa trông chàng. Trong tâm chàng, một cảm giác êm ái đầm ấm tự nhiên bùng bùng nổi dậy, làm giảm một đôi phần nỗi buồn rầu thấm thía của sự phân ly. Chàng nện mạnh gót trên đường, cầm đầu đi thẳng, cố xua đuổi trong lòng những ý tưởng bất chính, không xứng đáng với một tay thiếu niên nghĩa hiệp như chàng... Chàng đi, đi được bao xa ? Cứ hùng dũng tiến được mười bước, là đã ngại ngần muốn quay gót lại. Trở lại e bất tiện quá, chàng đành quay đầu trông lại mà thôi. Chàng vẫn thấy bóng nàng như bóng đá vọng phu, còn sừng sững đứng trên thang nhìn theo chàng không ngớt, nhìn mãi, nhìn mãi, lấy luồng nhỡn tuyến đuổi theo chàng...

Muốn cho tâm hồn khỏi bị suy nhược, sa ngã, chàng nhắm mắt lại, vùng cẳng chạy một mạch, không dám ngoái cổ lại nữa.

Tráng sĩ đi rồi, Oanh Cơ ở lại một mình với cháu là Nguyễn Tiêu, tại Đồng Giao. Nhờ có tiền nong tráng sĩ để lại, nàng cũng cố làm lụng cho khỏi ăn không ngồi rồi, nàng mở một cửa hàng nhỏ ở trên sà, nhận vải và áo quần để khâu vá. Nàng đoạn tuyệt hẳn với nghề ca xướng, dầu rằng cháu nàng cũng có thể đàn tằm để nàng hát được. Có hát nữa, thì ở mạn Đồng Giao buổi đó, đã mặt nào là tay biết thưởng thức cầm ca ? Kể ra, khâu vá kiếm ăn, cũng đủ chi tiêu sinh hoạt, lọ là phải giở nghề cũ làm gì ? Vả có danh giá gì cái nghiệp "xướng ca vô loài" ấy. Cháu nàng giúp nàng việc vặt như đi chợ, gánh nước, vãn vãn... Nói tóm lại, Tiêu là tay sai, hễ cứ có việc phải ra ngoài thì cậu phải gánh vác cả ; còn nội bao công việc trong nhà thì có Oanh đảm đang. Một đàn ngoại giao, một đàn nội vụ. Thành ra Oanh Cơ ở đấy đến ba bốn tháng, mà chả ai biết mặt mũi nàng. Bởi lẽ nàng không bước chân ra khỏi cửa bao giờ cả. Cứ tối đến, cháu nàng ngủ ở tầng sà dưới, còn nàng thì leo lên tầng cao nhất để ẩn mình.

Từ đó Oanh Cơ đến trú ngụ ở Đồng Giao, trong hạt bông xôn xao bàn tán về một câu chuyện lạ. Ấy là chuyện làm đầu đề cốt yếu cho bài thuật này đó, chuyện hát ả đào ở trong rừng. Cứ đêm đêm, quá trống canh hai, trong một thung lũng cách Đồng Giao gần năm dặm, người ta nghe có tiếng véo von đàn hát náo nùng. Những kẻ táo bạo rủ nhau vào rừng đi xem, lúc về đều thuật đúng như thế cả. Mới đầu tiên, cả vùng kinh dị,

nhưng rồi lâu dần cũng quen đi, chả ai nói đến nữa ; họ đều cho là sự dĩ nhiên, không có gì lạ cả.

Chỉ riêng một mình Oanh Cơ biết đó là hồn anh chị mình hiện lên ; nàng tin rằng hai anh chị đều linh thiêng nên hết sức chăm chỉ lễ bái, cúng tuần cúng giỗ cho vong hồn kẻ khuất, và lại sai cháu cứ ba ngày thì ra thăm mã Quả và Huyền một lần.

Oanh Cơ sống yên ổn và kiên nhẫn quăng đời hiu quạnh lặng lẽ của nàng dưới mái ngôi nhà sàn, không nghĩ gì đến tương lai cả. Thỉnh thoảng nàng cảm thấy tấm lòng dào dạt, vì hình ảnh trắng sị tự nhiên bỗng hiện ra rõ rệt trong ký ức nàng, tươi cười, sáng sủa, khiến nàng bị trái tim vỗ đập, máu trào lên gò má, nóng bừng. Mỗi lần như thế, nàng lại cố nén lòng, lấy tay để lên ngực, rồi nhắm mắt lại, xua đuổi cái ám ảnh kia. Song nó nhất định không đi bất nàng cứ phải luôn luôn trông thấy. Nàng vợ vẫn đứng dậy, nâng tấm liếp con lên, tỳ tay vào thành song thưa vợ vẫn trông trời...

Nàng đứng như thế giờ lâu, bỗng mắt nàng để ý đến những vết gì, tựa như lốt chân một giống vật to lớn, in sâu xuống nền đất cát, ở ngay thềm nhà nàng. Những vết nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà đếm hết được.

Nàng đi vòng gác nhìn ra bốn phía, cũng đều như thế. Lại có vết ở ngoài vườn, trên luống rau, trên luống khoai, rau và khoai bị giẫm nát cả. Có lẽ là vết chân lợn lòi về đào trộm khoai chăng ? Nàng đợi cháu đi chợ về, bàn tán, chả biết là vết gì. Tối hôm đó, cả hai cùng không ngủ, lấy bàn ghế và gỗ chặn ngang cửa chính, xong tắt đèn đóm lên gác trên, hé liếp ngồi rình, mỗi người một xó. Đêm hôm ấy có trăng khuyết, ánh sáng mờ mờ thỉnh thoảng mới lọt qua vùng mây ám mà tỏa ra một lúc, rồi mất ngay, trời đất lại tối như mực. Hai cô cháu rình lâu lắm, hết canh hai đầu canh ba bỗng thấy một cái bóng đen dài, lướt đi rất nhẹ nhàng trên thềm cát, đi vòng khắp nhà. Cái bóng ấy có hai con mắt lớn, đỏ rực như hai ngọn đèn ; hai cô cháu nhận biết ngay là mắt hổ, vì vẫn nghe các người quanh vùng nói như thế.

Oanh Cơ sợ quá hét lên một tiếng, ngã lăn trên mặt sàn. Con quái vật kia, nghe tiếng động, vùng cẳng chạy mất. Thì ra một con hổ vằn lượn qua nhà nàng, đêm nào cũng vậy. Hai cô cháu nàng rình bốn năm đêm, đều thấy bóng hổ đi lại tuần tiễu quanh nhà, tìm kế leo lên sàn. Cả hai cùng lo ngại cực điểm. Rạng ngày thứ năm, Tiêu chạy ra chợ, tìm một thầy số

dắt về. Oanh đặt tiền quẻ kể đầu đuôi câu chuyện cho thầy số nghe, rồi khóc mà hỏi rằng :

– Nhờ thầy coi giúp cho cháu một quẻ và xem có cách gì cứu cháu thoát nạn được chăng ?

Ông thầy bấm quẻ hồi lâu, nghiêm nghị phán rằng :

– Cô không lo. Thọ mệnh cô vững lắm chưa có thể chết ngay được. Ít ra, cô cũng còn sống được lâu nữa, bây giờ chưa đáng ngại đâu ! Nó không làm gì được cô cả ! Cô chỉ nên bỏ tạm chốn này lánh mình xuống thuyền ở vài tháng là tự nhiên nó chán, không theo cô nữa !

Ông thầy số đó chính là cậu ruột tôi. Trong khi ông đoán quẻ cho Oanh Cơ, nàng có thuật rõ ông nghe trường hợp gặp tráng sĩ Lê Trọng Việt ra làm sao, nàng được thoát nạn thế nào, câu chuyện tráng sĩ kể cho nàng nghe thế nào, và việc tráng sĩ giúp đỡ nàng những thế nào, v.v. Sau này, kể lại chuyện ấy tôi nghe cậu tôi nói :

– Lúc đó cậu thấy nàng bốn chôn kinh sợ quá, cậu cũng động tâm thương nàng, không muốn nói sự thực cho nàng phải lo nghĩ khủng khiếp. Theo quẻ, nàng có số cọp vô chết, chỉ còn sống được dăm bảy năm nữa là cùng !

Không biết về sau nàng bị tuấn nạn ở đâu, chỉ biết sau khi nghe thầy số chỉ bảo thì nàng bỏ tiền dành dụm ra mua một cái thuyền con, thu xếp đồ đạc, rồi khóa chặt cửa nhà lại, mang cháu xuống thuyền, bập bênh trôi nổi trên mặt một con sông con, không xa hạt Đống Giao mấy. Nàng yên trí lánh nạn như thế độ một hai tháng thì yên. Lúc bấy giờ sẽ trở về nhà cư tang anh chị như cũ, cho hết hạn hai mươi bảy tháng thì thôi, nhiên hậu đi đâu sẽ định liệu cũng không muộn.

Ngờ đâu đến ở trên sông, mà nàng cũng bị hổ theo rình để bắt ; ngày ngày nàng ra đầu thuyền vo gạo rửa cá, nhìn lên bờ thấy ông tướng kia ngồi chồm chồm chỗ mắt nhìn nàng. Giá lần đầu, có lẽ nàng thất đảm ngã lăn xuống nước, nhưng lâu nàng cũng quen đi, chỉ tát tưới bỏ gạo cá chạy thụt vào khoang thuyền mà thôi. Hổ rình chán, chả làm gì nổi, gằm lên cú thẳng.

Oanh Cơ và cháu sợ hãi, nhổ sào đi về khoảng sông rộng hơn, cắm thuyền tận giữa sông, không dám lại gần bờ. Như thế, hổ không làm gì ra tận giữa dòng được, hai cô cháu sẽ khỏi bị nạn. Khốn nỗi tránh khỏi cái

nạn hỏa, lại khó qua nạn phong ba : đã không dám đậu thuyền sát kê bờ, mỗi lần có sóng gió thì còn gì là tính mạng ? Nhất là hai cô cháu không phải nài chài lưới, nhờ bị lật thuyền hẳn là chết ngạt chết trôi trôi ! Hai cô cháu đều không biết bơi, thế mới lại càng nguy hiểm ! Nghĩ cho kỹ, ở trên đất cũng chết, xuống dưới sông cũng chết, chả thà lên mặt đất còn hơn. Từ sinh hữu mệnh, thầy số đã cho biết mình còn sống được lâu nữa, sợ gì mà chả dám về sà ở như thường ? Ta chỉ việc đóng cửa ngõ cho sớm, chặn cho chắc, lên tận tầng cao mà nằm, rút thang đi, nó giỏi mấy cũng không lên được. Ta cứ đứng đi đâu, ở tít trong buồng kín, dễ thường đã bắt được ta ?

Nghĩ như vậy, chọn lúc mặt trời đứng Ngọ, nàng cầm thuyền vào một chỗ đông đúc, thu xếp đồ đạc, thuê một toán phu khuân vác và hộ nàng đi ngựa trở về Đồng Giao. Tính đốt tay, hôm nàng lại nhà sà chính là hôm cách sáu tháng về trước anh chị nàng bị chết nạn trong rừng.

IX

THẦN TRÙNG HỒ

Ông Cai Móm lại ngừng lại một lượt nữa để uống rượu và hút thuốc Lào. Biết tính ông hay hăm câu chuyện bằng những món sở trường ấy, Lê Thi và tôi đành dăm dăm ngồi chờ nghe nốt, không dám giục ông nữa, sợ nếu làm cuống quýt lên, ông sẽ bị tinh thần rối loạn, quên đoạn mạch rồi làm cho sự tích kém hay đi. May sao, ông không để hai vợ chồng tôi đợi quá. Ông hút thuốc Lào xong, vội vã kể tiếp :

"Bây giờ Oanh Cơ trở lại ở đất Đồng Giao làm lụng khâu vá như thường. Bỗng một đêm, tự nhiên nàng thấy trong lòng bồn chồn khác khoải, tuy nằm tận sà trên, cửa ngõ đóng chặt và chặn kỹ lưỡng cả, thang cũng rút lên rồi, cửa gác đóng sập xuống rồi, thế mà nàng vẫn thấy lo ngại quá. Nàng cố ngủ đi cho đỡ mệt, thế mà không sao ngủ được, từ mấy tháng nay có đêm nào nàng nhắm mắt được đâu. Nàng cùng cháu mỗi người ngồi một góc phòng, thắm thính. Lúc bấy giờ vừa hết canh hai. Bỗng nghe có tiếng đập cửa thình thình, cấp bách lắm :

– Mở cửa cho tôi với, mau lên, cô Oanh ơi. Mở mau !

Đầu tiên, nàng nghe rõ cả, nhưng bấm cháu, cố làm thỉnh không trả lời. Tiếng đập cửa lại gấp nữa.

– Tôi đây mà, tôi là Lê Trọng Việt, đây mà ! Mở cửa mau cho tôi, tôi bảo cái này cần kíp lắm, không thì chết cả bây giờ nào ! Mau lên !

Nghe đến tên Lê Trọng Việt, nàng mới sai cháu thấp đèn lên, xuống từng sàn dưới dựng liếp, mở rèm, giờ đèn ra ngoài rọi xem. Quả nhiên là Lê Trọng Việt thực. Người cháu nhanh trí khôn, gọi Việt lại mé cửa song, vút xuống cho Việt một cái chạc lớn, bảo tráng sĩ nắm vào chạc và đu lên, còn một đầu thì người cháu cố sức kéo. Hì hục một lúc, tráng sĩ lần mò lên được, vội vàng cùng người cháu đóng liếp thả rèm cẩn thận, lấy gỗ chặn ngang cả cửa song, rồi cùng lên cả từng trên, rút thang lên, đóng sập cửa gác lại bắc ghế để lên trên cho chắc.

Tráng sĩ vừa lên đến nơi, bỗng thấy Oanh Cơ rên một tiếng, rồi ôm bụng la ó vang lừng, lăn từ trên giường xuống mặt sàn, giãy giụa khóc lóc. Hỏi nàng, nàng kêu đau bụng lắm lắm, vừa nói vừa quằn quại dưới chân tráng sĩ, ôm lấy bụng mà kêu van.

Người cháu lại nâng đỡ cô, đấm lưng cho cô và lăn trong bao, có một miếng mộc hương, bắt Oanh phải bỏ mồm nhai nuốt đi, mặc dầu nó đắng hơn mật gấu. Nuốt mộc hương rồi nàng vẫn còn kêu đau ; được một lúc, đòi xuống nhà, ra vườn đi đại tiện. Tráng sĩ vội ngăn nàng lại nói rằng :

– Cô điên đấy hay sao ? Bây giờ mà đòi xuống nhà, cô không sợ chết ư ? Cô cứ phải ngồi đây. Cô cứ phải ở ngay bên cạnh tôi, chả được đi đâu cả. Tôi không cho cô xuống !

Oanh Cơ hết sức kêu khóc, một mực đòi ra vườn, nếu không thì chết mất. Tráng sĩ nhất quyết giữ chặt lấy nàng, mặc nàng kêu la khản cổ thì thôi. Mãi sau cùng, nàng đau dữ dội kịch liệt quá cuống cuống cả lên, xé cả áo yếm toan đập đầu vào vách tự tử nếu ngăn cấm không cho nàng toại ý xuống gác. Tráng sĩ bất đắc dĩ, phải tìm một kế hoạch mới, bảo nàng rằng :

– Cô cần kíp đi sông quá, mà không thể nào xuống được, thì âu là tôi mở liếp ra, cô ngồi vào bọc cửa này, thế cũng được chứ gì ! Tôi chỉ có thể cho phép cô làm thế mà thôi, nếu cô không thuận nữa thì mặc cô, tôi cứ bắt cô ở đây !

Lần này, Oanh Cơ bằng lòng, nhưng nàng không chịu cho ai sờ đến nàng cả, muốn cho hai người đàn ông, cháu nàng và tráng sĩ, để mặc nàng một mình ra cửa sổ, không ai được đến gần. Nàng chỉ rình cho tráng sĩ vô ý là lao mình xuống đất.

Tráng sĩ hình như hiểu biết cả, chàng ghé sát mồm vào tai người cháu nói vài câu nhỏ rồi giả vờ cho phép Oanh Cơ muốn làm gì thì làm. Người cháu lại gần Oanh bảo nàng :

– Nào ! Cháu đỡ cô lại cửa sổ nào ! Khi nào cô an vị rồi, cháu sẽ buông cô ra !

Kỳ thực, cậu ta giả vờ nói thế, nhưng lại gần đến liếp thì cứ nắm chặt lấy dây lưng và dải yếm của cô không buông. Oanh giằng co, máng cháu tàn tệ, bắt cháu phải thả mình. Giữa lúc hai cô cháu đương xung đột ấy, nhanh như chớp, tráng sĩ đã nhận được ngay dưới cửa sổ một cái bóng đương thu hình ngời dọi rình hể Oanh có vãng mình xuống là đỡ lấy đem đi. Chàng giả vờ lại mé cửa song, can ngăn hai cô cháu :

– Thôi ! Cậu bỏ cô ấy ra, mặc cô ấy ngồi một mình !

Mồm tuy nói thế, nhưng chàng đã dang cổ tay sắt chặn ngang tám cửa, bám vào vai Tiêu. Người cháu biết ý, chạy đem cái đèn dầu lại. Oanh giẫy nảy :

– Ô hay ! Đem đèn lại làm gì thế này ! Tôi thẹn đến chết mất thôi ! Ô kìa ! Sao lại thế ?

Rồi nàng máng Tiêu, chửi Tiêu thậm tệ. Tráng sĩ chẳng nói gì cả, mặc nàng la ó ; chàng sẽ hơi né đầu qua cửa sổ, xem xét tình hình một chút, nhận rõ đích xác tọa vị của bên địch, rồi rút trong lưng ra cái pháo địa lôi cùng hai chiếc dùi đồng. Nhanh như cắt, chàng dí ngòi pháo vào đèn, luôn tay qua vai Oanh ném mạnh cái pháo xuống thêm, ngay dưới cửa sổ.

Tiếng pháo nổ kinh thiên động địa xen với một tiếng hổ gầm rung chuyển vùng lạng lẽ giữa đêm khuya. Tiếp những tiếng huỳnh huých nặng nề tỏ rằng có một con vật bị thương đương chạy bán sống bán chết, Oanh Cơ nghe tiếng nổ ngã gục về đằng trước, cháu nàng vội giơ tay nâng đỡ và vực nàng lại nằm nghỉ trên giường. Hồi lâu nàng tỉnh dậy, hỏi nàng vừa làm trò gì khi nãy, nàng chối rằng mê đi, chẳng biết đã xử sự ra sao. Thì ra nàng bị hồn ma ám ảnh ộp vào nàng để chực đưa nàng vào tử lộ. Bấy giờ

tráng sĩ mới ngỏ cho nàng rõ chàng đã tình cờ cứu mạng nàng một lượt thứ hai. Chàng ngồi kể :

– Tôi vào đây chiều hôm nay, định lại thăm cô trước khi vào thung lũng mọi ngày để bắn. Song không hiểu vì đâu tôi lại nghĩ rằng : "Mình ở Nam vào, chả có quả bánh gì, lại chơi thì khó coi quá : ầu là ta hãy vào rừng kiếm con cây, con cáo, may ra nếu vớ được con hoẵng, con nai, mai đem về làm quà, nấu nướng đánh chén với nhau thì vừa lịch sự vừa thú vị !". Tôi nghĩ thế nên đi thẳng vào rừng, lại chỗ nhà sàn của tôi. Tôi thấp hương đốt vàng khấn thần linh thổ địa và các vong, rồi theo lệ thường, nằm chéo khoeo ngủ một giấc dưỡng thân, đợi đến đầu canh hai thì dậy. Không hiểu thế nào tôi chỉ chợp đi có một chốc, khi tỉnh dậy, thấy một sự rất dị kỳ.

Trước lúc tôi còn ở đây săn bắn, cây cổ thụ chỗ tôi đóng đô tuy có nhiều rễ từ trên cành mọc xuống, song chưa có rễ nào mọc từ cành này liền qua cành kia. Đến nay, nó có nhiều rễ như thế lắm, trĩu xuống là là mặt đất, trông như một cái võng. Mới có sáu tháng mà rễ ấy đã chóng tốt thế ! Tôi mở mắt dậy, lúc ấy vừa cuối canh một mà thôi, chưa qua canh hai. Tôi nhìn xuống gốc cây, thấy một con hổ đương phủ phục nằm đó, hình như ngủ. Song không phải nó ngủ, bởi chỉ một chốc, thấy nó vẩy đuôi, rồi chồm đứng dậy hai chân trước vấu vào thân cây, tựa hồ muốn đứng thẳng hai chân như người. Quả nhiên nó muốn thế thật. Mới đầu tiên nó phải dùng thân cây làm chỗ dựa để đứng lên, sau nó tập quen thì đứng vững được. Nó cố lê đi một bước, đặt dít ngối lên những rễ cây uốn cong như võng, còn hai chân thì vấu vào những rễ cây ở là là ngang mặt nó. Tôi ngồi trên cây, lấy làm kinh dị lắm, cố ngồi yên không cựa quậy, thử xem con quái vật kia giờ trò gì mà càng ngày càng bí hiểm lạ lùng như vậy.

Con hổ an vị rồi thì lấy đuôi đập mạnh xuống đất, làm cho mấy cái rễ cây lung lay, đưa đi đưa lại như võng. Hình như nó cho sự bắt chước loài người như thế là thú lắm, nó ngồi chễm chệ, vênh váo, có vẻ tự tôn tự đại và đắc ý vô cùng. Nó ngồi như vậy trong giờ lâu, găm găm gừ gừ tỏ ra vẻ khoái lạc sung sướng tuyệt điểm. Bỗng nó găm lên một tiếng, nhưng găm be be thôi, không há miệng ra "à uôm" như mọi ngày đâu. Có lẽ nó ra một mệnh lệnh nên khi vừa thét xong, có hai cái bóng hiện ra ngối dưới đất, trước mặt nó : một người đàn ông, áo thâm, quần trắng, tay ôm một cây đàn dài, một người đàn bà, áo thâm, váy thâm, khăn mỏ quạ, cầm một đôi phách gỗ. Một kép một đào. Tôi mới thấy, cũng đoán đó là ông cả và cô hai nhà ta vậy. Gia dĩ mặt trăng lười liêm lúc đó lại không bị mây khuất ;

dưới ánh trăng mờ, tôi thấy rõ ông cả và cô hai ngồi ngay ở chỗ cả đôi bị tuần nạn ngày hôm trước. Ông cả lên dây đàn rồi gảy, cô em theo nhịp gõ phách hát. Tiếng đàn ca nghe rõ mồn một, vang cả một vùng thung lũng. Lần này, thứ tiếng tôi nghe, nó y như thứ tiếng đàn hát của loài người, không có cái vẻ âm thầm xa lắt xa lơ như tiếng ma ngày nọ, cái thứ tiếng mà tôi gọi là "bóng lời nói" ấy mà.

Ca hát lâm ly não ruột, tôi nghe cũng nhẹ nhàng khoan khoái cả tâm trí, nữa là hồ. Nó nghe tiếng du dương hình như ngồi ngủ gật giường, vừa mơ màng vừa rung rinh đưa văng theo nhịp đàn phách. Nghe như thế đến gần giữa canh hai. Bỗng thấy con hồ bỏ văng, nhảy chồm lại cào cấu ông cả, rồi cô hai. Vẳng nghe có tiếng than khóc và kêu van :

– Lay ông vạn lay ! Ông sinh phúc tha cho chúng tôi ! Ông đã biết nhà em nó ở đâu rồi, ông cứ việc lại bắt nó, hà tất phải cần đến chúng tôi ! Lay ông vạn lay !

Hồ nhảy lên chồm chồm, găm gừ như thất ý, hành hạ hai kẻ bạc mệnh một lần nữa. Lại than khóc, cầu xin :

– Em nó còn nhỏ dại, ông tha cho nó ! Vả nó xấu xí, hát còn kém cỏi lắm, dở hơn tôi nhiều, ông bắt nó làm gì, nó còn thơ, da thịt hôi tanh, lại là đàn bà, bẩn thỉu, ông xơi mà làm chi ? Ông tha cho nó.

Đó là lời cô Huyền, hồ nghe nói thế thì găm thét lên, đánh, tát, cào cấu túi bụi. Hai oan hồn vừa tránh, vừa né, vừa xin :

– Lay ông muôn vạn lay ! Tha cho chúng tôi, chúng tôi xin dẫn ông lại bắt nó !

Hồ hát hăm, nhìn chõ vào mặt hai oan hồn, như hỏi cách bắt ra sao, có tiếng thưa lại :

– Canh ba đêm nay, giờ Tý, ông ngồi ở dưới thềm. Chúng tôi đến, làm cho nó đau bụng, run rui nó xuống sàn, ra vườn đi rửa, ông sẽ vồ nó đem đi. Nếu nó không chịu xuống, chúng tôi làm cho nó phải đâm đầu qua cửa sổ phía Tây nhảy xuống hiên, ông cứ việc chờ ở đó, đỡ lấy nó là yên việc. Ông có bằng lòng không ?

Hồ gật đầu, lại ngồi ở văng. Đàn hát nữa.

Tôi xem chừng kíp giờ lắm, chả mấy chốc, đến canh ba ; nếu tôi không về ngay, e mạng cô nguy lắm lắm. Tôi sờ tay nải, đếm xem có bao nhiêu chiếc pháo địa lôi, thì ra tôi đem đi tất cả hơn chục cái. Tôi theo phương pháp hôm nọ, đốt hai cái ném xuống cạnh hồ, nó vùng căng chạy mất, mà

hai oan hồn cũng biến theo. Tôi chẳng quản đêm khuya trời tối, thu thập một vài khí giới giắt vào lưng, rồi cầm mã tấu treo xuống. Muốn cho ác thú đừng theo tôi quấy quả, cứ cách vài chục bước, tôi lại đốt một chiếc địa lôi cho vang động cả vùng. Đốt xong tôi chạy, chạy được quãng xa, lại ngừng lại đốt, như thế về mãi tận đây sờ lưng chỉ còn mỗi một chiếc pháo. Tôi về vừa kịp nên mới cứu cô thoát nạn, cũng là một sự may. Bắt đầu từ ngày mai, cô nên nghe tôi, đừng ở nán lại đây làm gì nữa. Cô và cậu em hãy theo tôi cùng về Gò, ở với mẹ tôi là hơn. Cô nghĩ thế nào ?

Oanh Cơ bây giờ cảm động đến cực điểm, nàng không biết lấy gì để tạ ơn tráng sĩ đã hai lần cứu mạng cho nàng ; nàng bèn thành thực thưa rằng :

– Em đội ơn anh rất dày, dầu gan óc lấy đất cũng không đền đáp được. Ngày nay em không có ai thân thích nữa, chỉ có một đứa cháu, vậy xin tình nguyện theo anh. Nếu anh quả có lòng thương, không chê em là ty tiện, không quản em là con nhà ca kỹ, thì em xin dùng quãng đời sống sót này để hầu hạ anh, nâng khăn sửa túi đỡ dần anh, dù phải làm phận tiểu tình em cũng cam lòng. Tấm thân băng giá này, em xin đem phó thác cho anh, gọi là để đáp lại mấy may tấm lòng trọng nghĩa của anh và ơn anh đã cứu mạng ! Có lẽ cũng tại trời xui khiến, nên từ buổi sơ thân, tình cờ đã chỉ bảo cho chúng ta biết, thân em phải chọn anh làm chủ. Em đang lúc thụ tang, nói đến hôn thú thực là mang tội cùng người khuất ; song le, đến nỗi nước này, không thưa thực anh bấy nhiêu lời, cũng không được. Chỉ mong anh cho biết rõ một điều là anh có ưng thuận hay không, thế là đủ. Em sẽ theo anh về Nam. Bao giờ em hết tang trở rồi, lúc đó sẽ làm vợ anh, anh có đem em vào chốn rừng hoang núi thẳm em cũng cam lòng.

Vài lời tâm huyết phát xuất từ tim phổi, xin anh chớ cười em là người thô lỗ, không biết đắn đo lời nói, cũng như không biết thẹn thùng. Đối với anh, là người đã hai lần cứu em, đã săn sóc cho em trên giường bệnh trong nửa tháng trời, em còn phải e lệ ngại ngùng làm gì nữa ? Em một niềm kính cẩn bày tâm sự hầu anh, xin anh định liệu cho em được nhờ, cho em phận nào em xin bái lĩnh phận ấy ! .

Câu chuyện Oanh Cơ đến đây là hết, chả biết tráng sĩ trả lời nàng ra làm sao, chỉ biết ngày hôm sau chàng đem cả hai cô cháu nàng vượt đèo Tam Điệp đi ra Nam Định. Từ đấy, chả còn ai biết rõ tông tích Oanh Cơ nữa. Cũng chẳng biết nàng sống hay thác, còn hay mất, có thoát được nạn hổ bắt hay đã bị mãnh thú ấy tha đi vào rừng lau sậy để ăn rồi !

Duy có một điều chúng ta biết rõ, là hồn anh chị nàng vẫn thường hiện lên để đàn ca réo rắt, mà đến nay đã năm sáu chục năm rồi, hai hồn oan ấy vẫn chưa tan...".

Ông Cai Móm nói xong câu chuyện, tôi trông đồng hồ trên vách thấy điểm hơn ba giờ. Ông Cai phải ngủ lại trong trại của tôi, không về nhà được. Tôi nghe nói, cũng có phần tin câu chuyện của ông đúng sự thực, vì nó ý vị và rành mạch, xem chừng không phải chuyện người ta cố ý bịa đặt ra. Tuy nhiên, tín ngưỡng của tôi cũng chưa lấy chi làm vững vàng lắm. Tấm lòng hiếu sự của tôi xui tôi dò xét xem lời ông Cai nói quả có đúng không hay là chỉ như những chuyện vu vơ mà người quanh vùng này thường bàn tán ? Phải trông thấy hai con ma đào kép, thì mới có thể tin rằng chuyện nàng Oanh Cơ có thực, không phải chuyện chơi. Phần nhiều, người trong hạt này, họ chỉ "văn kỳ thanh" mà thôi, rồi xây nặn ra đủ các thứ cổ tích, chưa ai dám có can đảm vào rừng dò xem bóng ma bóng quỷ nó ra làm sao.

Chỉ riêng một mình tôi có can đảm ấy. Tôi bắt ép ông Cai Móm phải đưa tôi vào cái thung lũng xưa kia làm trường săn bắn cho tay trắng sĩ đã cứu mạng nàng Oanh. Ông Cai hai ba lần ngăn tôi đừng nên đi, tôi nhất quyết không nghe, bắt ông phải dẫn đi xem cho kỳ được. Bất đắc dĩ, ông phải chiều lòng tôi. Ông bèn sắm sửa đủ khí cụ và khí giới để vào rừng, rồi hai thầy trò nai nịt gọn gàng, rẽ lau vạch cỏ tìm vào thung lũng. Đi mất ba, bốn giờ đồng hồ mới tới một nơi um tùm đầy cây cối, cỏ mọc cao vút, lau sậy trắng xóa, rẽ cây cành cây chi chít, phải lấy dao bầy phật bờ bụi mới vào được.

Chúng tôi tìm đến một cây cổ thụ, luôn dây qua chẽ cành đánh đu leo lên, rồi lấy dao phật bớt lá rậm, dọn một chỗ để ngồi. Chỗ đó có hai cành cây to mọc ngang, chỉ việc lấy một ít then tre hay một tấm phen gác lên trên là có một cái sàn sạch sẽ thơm mát, có thể nằm ngủ được. Dọn dẹp chỗ xong rồi, hai thầy trò tháo bỏ các đồ đạc đeo trên vai, ngồi nghỉ một chốc, giở các đồ nguội ra ăn uống. Chẳng bao lâu, mặt trời xế bóng, sương bắt đầu nặng hột, tới đến lúc nào không hay. Hôm đó là một hôm có trăng sáng vàng vạc, ngồi trên cây ngắm xuống thực không có thú gì bằng. Cái cảnh canh sương rừng rậm, tôi đã từng quen lắm, hóa nên cũng không sợ hãi kinh khủng chút nào. Lòng hiếu kỳ làm cho tôi nhẩn nại và can đảm thêm, tôi cứ ngồi điềm tĩnh trên ngọn cổ thụ, đợi xem ma sẽ hiện lên thế nào. Thì giờ bản bật trôi, chả mấy chốc hết canh một. Các thứ tiếng

xung quanh người tôi nổi lên như một cuộc hòa nhạc âm thầm ảo não, chúng nó gồm đủ các âm thanh cao thấp, khoan nhặt, thực là hết sức lạ lùng. Tôi tuy quen ở đồng rừng, thế mà chưa bao giờ tai được nghe hết mọi thứ tiếng kêu, tiếng hú, tiếng gọi, tiếng gầm, tiếng la, tiếng thét, như trong cái đêm hôm ấy. Giọng nói của rừng hoang là một giọng cực kỳ huyền bí ; trong bóng tối âm u, tịch mịch, biết bao giống sinh vật, biết bao loại thảo mộc, giữa cuộc đua tranh vật lộn, phát ra mỗi giống mỗi loài một khẩu hiệu riêng, cái đục cái thanh, cái dài cái ngắn, để hòa thành một cái âm hưởng không tên tuổi, có thể ví được với tiếng âm âm, lạo xạo, trong một ngày phiên chợ, hoặc trong một ngày hội hè tấp nập ở một chốn đô thành. Khó lòng tả rõ được cái vẻ ồn ào phức tạp ấy, chỉ có thể tưởng tượng ra nó mà thôi.

Giữa chốn rừng khuya, tôi có cảm giác là xung quanh người tôi có một vũ trụ đông đúc, tôi tuy không nhận được bằng mắt song thấy được bằng tai ; thế giới đó bao bọc khăng khít với tôi, quay cuồng múa may trên đầu, dưới chân tôi, tựa hồ lấy tôi làm đích cho một cuộc khiêu vũ phi thường. Ông Cai Móm và tôi thu hết can đảm và trí tuệ, ngồi chờ xem một cuộc phô diễn hiếm có, sắp sửa xảy ra giữa cái vũ trụ hải hùng náo động ấy. Ốc hiếu sự thực quả xui người ta làm lắm sự cầu kỳ, có khi đến quên cả sinh mệnh, chỉ có một ý định duy nhất trong tâm hồn là thỏa mãn được tính tò mò, mà nếu không như nguyện được, thì đứng ngồi không an, bứt rứt khó chịu lắm. Bởi thế, dẫu vào nơi hang hùm tổ rắn, để được thỏa thích thói hiếu sự của mình, ta cũng chẳng từ nan.

Riêng tôi, tính tò mò sôi nổi trong trí não, ngồi trên cây nóng lòng sốt ruột lắm, chăm chăm chú chú nhìn vào chỗ rễ cây cuốn cong như vồng, chỉ ước sao ma hiện ngay ra cho xem mới cam tâm. Tôi đợi cũng chả lâu lắm : vào khoảng giữa canh hai, một tiếng gầm to lớn khiến tôi phải giật nảy mình. Vừa định thân mở mắt nhìn, tôi đã thấy ngay trên cái vồng rễ cây một con cạp xám, to gấp rưỡi con hổ thường, da vằn đen vằn trắng, trông đẹp lắm. Ông tướng ấy ngồi chễm chệ như người, hai chân sau bơi bơi trên mặt cỏ để làm cho vồng lúc lắc, mau lẹ vô cùng. Hai chân trước thì giơ thẳng về phía trước, không bám vào gì cả. Một chốc như thế, tôi vừa chớp mắt có một khắc con con, trông xuống lại không phải cạp xám nữa, mà là ông cụ già đầu râu bạc phớt, ngồi nghiêng nghiêng trên vồng, tay để vào má, xem có vẻ trầm ngâm nghiêm nghị, tựa hồ đang nghĩ ngợi sự gì.

Tóc tôi tự nhiên bỗng thấy dựng đứng cả trên đầu, một luồng khí lạnh chạy khắp các mạch máu tôi, luồn vào sống lưng tôi, tôi nắm chặt lấy cánh tay ông Cai Móm. Giữa lúc đó, ông cụ cọp già kêu lên một tiếng, như ra một mệnh lệnh. Ông vừa dứt lời, ba cái bóng không biết từ đâu, bỗng phời phới lướt trên mặt cỏ, lại đứng trước mặt ông rồi quỳ xuống lạy ông cung kính lắm. Đó là bóng một người, hình như đàn ông thì phải, áo thâm, quần trắng búi tóc, tay ôm một cây đàn giai ; và hai người nữa, tựa hồ đàn bà, quần áo trắng toát, một làn tóc đen bỏ xòa sau lưng gần chấm gót, tay cầm vật gì đen đen, trông giống một cái then gỗ nhỏ. Cả ba cầm tay nhau làm thành một cái vòng, bao bọc lấy ông cụ già ngồi vòng, rồi quay cuồng chung quanh ông cụ, trông chả khác gì đèn kéo quân. Có một sự rất lạ là dưới gốc cổ thụ chỉ chít những rễ cây giằng buộc lấy nhau, những cành cây, những lá cỏ, không có đủ chỗ cho người thường nháy múa được. Thế mà ba cái bóng kia khiêu vũ như không có gì vướng cả, họ cứ lảng lảng lượn phieu phieu trong không khí nhẹ nhàng dễ dãi vô cùng. Họ lượn quanh mình ông cụ một hồi, ông cứ ngồi gật gưỡng thường thức tẩn trò ấy như lấy làm thú lắm. Bỗng ông thét lên một tiếng nữa, to hơn tiếng khi nãy nhiều. Sau mệnh lệnh thứ hai này, trong rừng tự nhiên hiện ra không biết cơ man nào là bóng, cái trắng lấp, cái xam xám, cái đen sì đều cầm tay nhau thành mười mấy lớp vòng tròn bay lượn mé ngoài, tưởng chừng một cuộc hội hè của lũ Mọi châu Phi khi nháy múa chung quanh thầy chết.

Thực là một quang cảnh lạ lùng hiếm có, càng xem sống lưng càng thấy lạnh buốt mà tóc càng dựng ngược cả lên. Đó mới là bài học hay cho mấy kẻ tò mò hiếu sự như tôi vậy. Tôi cứ bám chặt lấy ông Cai Móm.

Trong khi khủng khiếp, khuỷu chân tôi rùn quá, làm tôi gần quỵ xuống, phải lấy gân để đứng thẳng người lên. Ai ngờ tôi hụt chân, bước ra ngoài then tre hụt chân xuống khe sần, suýt ngã đúi xuống trước mặt ông hổ xám.

Tôi kinh hồn thất đảm. Trống ngực đánh như tim sắp vỡ, hoảng hốt kêu lên một tiếng vang trời. Ông Cai Móm phải vội vã đỡ lấy tôi, ôm chặt lấy nách tôi nâng lên, nếu chỉ chậm một khắc tôi sẽ bị lăn xuống đất. Tôi kêu thét lên xong, chết ngất đi, không biết trời đất là gì nữa. Đến lúc hồi tỉnh dậy, thấy mình đương nằm trong buồng, trên chăn, dưới nệm, và trước mặt có Lệ Thi, Thu Nhi, cả hai đều ra vẻ lo ngại, trong khi ngồi trên một chiếc ghế đầu ở góc phòng, ông Cai Móm vừa chum chim cười, vừa nhai bóm bẻm một miếng trâu dỏ loét :

– Nào, thầy đã bằng lòng chưa ? Lần sau có muốn vào rừng xem cọp nữa không, thì con lại dẫn thầy đi lần nữa !

Từ đây trở đi, anh xem, tôi chẳng dám không tin lời ông Cai Móm, nhưng thực quả là các vàng cho kẹo, tôi đây cũng hết dám vào rừng. Đêm đêm tôi chỉ cùng Lệ Thi ngồi diêm tĩnh ở một xó nhà, lắng tai chú ý nghe xem có nhận được điệu hát ả đào mà thiên hạ nhao nhao nói đến. Nhưng tôi vô duyên hết sức, cái lần đáng lẽ được nghe thì chết ngất đi, phải có người nhà cõng về tận trại, còn những lần sau thì thức suốt mấy đêm ròng mà tịnh chả thấy gì ! Thế mà ai ngờ mới đến đây lần đầu, anh đã có diêm phúc nhận được ngay điệu ca nhạc đó !

Đây, điển tích của điệu hát ấy dĩ kỳ là như thế, bây giờ anh đã rõ rồi. Có một điều tôi đoán được sau khi theo ông Cai Móm vào rừng, là có lẽ nàng Oanh Cờ cũng chết vì nạn hổ. Bởi lẽ, đúng lý ra, chỉ có hai cái bóng ma hiện lên diễn trò hầu cọp, cố sao tôi lại thấy những ba ? Người thứ ba chắc hẳn là Oanh Cờ, theo anh chị chết chung một nghiệp. Song chẳng biết nàng chết bao giờ, chết nơi đâu, và có lấy được ý trung nhân là tráng sĩ Lê Trọng Việt hay chăng ? Điều đó hiện còn mờ ám lắm.

X

VÉN MÀN BÍ MẬT

Tôi ở Đồng Giao về, trong lòng lại canh cánh đeo thêm một nguyên vọng thiết tha, trong ký ức lại tăng thêm một đoạn bí sử mới ; nhưng bị trôi nổi trong một cuộc mưu y, mưu thực thường ngày, tôi dần dà cũng chả có thì giờ đâu nghĩ đến hai câu chuyện ở núi Gỏi và Đồng Giao nữa. Mãi cho đến ngày tình cờ khiến tôi gặp gỡ ông Trần Công Chất, trong một trường hợp ngẫu nhĩ, khi tôi đem vợ con lên nghỉ mát tại Chapa⁽¹⁾.

Riêng tôi, tôi chả muốn đi xa điệu vợ làm gì, nhưng vợ tôi, Tuyết Tiên, cứ nằng nặc đòi lên Chapa một lần cho khỏi thẹn với chị em. Không thể từ chối được, tôi đành theo ý vợ tôi.

(1) Chapa : tức Sa Pa, một nơi nghỉ mát thuộc tỉnh Lào Cai.

Thế là, dắt díu bông bế "Quan san ngàn dặm, thê nhi một đoàn" tôi đi nghỉ mát Chapa. Cái cảnh đi nghỉ mát mà phải đeo đẳng sau một bà vợ dềnh dàng cùng một lũ con nheo nhóc, thì còn gì là thú nữa ? Còn gì thú nữa nếu tôi không gặp ông cụ Chất ngay trong mấy hôm đầu ?

Cái cảnh rừng núi Chapa, không có gì là rừng sâu núi thẳm cả. Chapa là một hòn ngọc, là một vườn hoa cao hơn mặt đất, là một nơi khí hậu ấm áp, thảo mộc tốt tươi, non nước hữu tình. Những đường lối, những bãi cỏ, những rừng cây ở đó sạch như ly như lai, có thể nằm trên mà ngủ không sợ bệnh tật gì cả. Không một con ruồi, không một con muỗi, loại vắt thì thật là không có hẳn. Chapa không phải chỉ đẹp ở những rừng đào, thác bạc, đẹp ở những căn nhà xinh xắn dựng chênh vênh trên sườn đồi. Chapa còn đẹp ở chỗ khách đến đây cư ngụ toàn là tay chơi hào hoa lịch sự, con gái mơn mớn như trái đào vừa chín, con trai khỏe mạnh như các hiệp sĩ thời Chiến Quốc, thỉnh thoảng đánh con ngựa thồ lên dốc núi, dùng cương đứng lăm liết giữa vùng thảo mộc xanh tươi, gọi cho kẻ bàng quan một bức ảnh thanh kỳ, tưởng chừng có thể làm sống lại một thời oanh liệt của lịch sử...

Trước khi mất được ngắm phong cảnh Chapa, ta phải vượt hết một con đường xoắn ốc chừng ba mươi nhăm cây số, ngừng ngoằn ngoèo quanh sườn đá theo hình chữ chi, khúc khuỷu, cong queo, có từng đoạn chênh vênh hết sức. Trong cái thú đi chơi Chapa, có lẽ khoái lạc là con đường ấy cũng dự một phần. Một bên là sườn núi cheo leo hiểm hóc, một bên là hang sâu vực thẳm đầy cây cối um tùm, mọc chi chít hai bên bờ một dải suối khổng lồ nước cuộn cuộn chảy nhanh như xuống thác, đương chảy thỉnh thoảng lại vấp phải một thân cây đổ bắc ngang qua khe, hoặc một tảng đá nhẵn lỳ nằm ngay giữa lòng, khiến vì thế lại bỗng bật nhảy chồm lên, bọt bắn tung tóe trắng phau, như muôn ngàn tia bạc... Trong khi đi đường, xe ô tô không chỗ nào mở được máy ba cả, cứ phải mở máy hai, sẽ sẽ cảm lấy đường thông thả lên dần. Đi chừng ba mươi ba, ba mươi tư cây, khí hậu vẫn còn như thường, trong người vẫn còn thấy nực như khi chưa lên núi ; thế mà gần đến địa hạt Chapa thì tựa hồ như có phép tiên biến hóa, khí hậu thấy dịu đi ngay, mình bỗng cảm thấy hơi lành lạnh. Một khi tới hẳn nơi rồi, sự mát mẻ khoan khoái không tả xiết được. Chỉ từ sáng đến chiều, xem trong người cũng đã thấy khác ngay ; nào là nhức đầu, khó ở, sổ mũi, hắt hơi, những bệnh vật đó biến hẳn đi như bị thánh được xua đuổi ; đi chơi chỉ một chốc về nhà ăn cơm đã khỏe bằng hai ngày thường, mà sự tiêu hóa cũng rất lưu thông, không bị bí, bị trệ như ở chốn thị thành dưới chợ.

Nghỉ dưỡng sức mà lên Chapa, chả mấy chốc lành mạnh không cần uống thuốc, tinh thần mình cũng nhờ khí hậu mà sáng suốt tỉnh táo thêm. Tôi chỉ được lên ở Chapa có một thời hạn mười lăm ngày, khi về lấy làm quyến luyến, tiếc rẻ, không muốn về nữa. Nếu không có vợ tôi, Tuyết Tiên, nhất định bắt tôi phải trở xuống Hà thành, thì có lẽ tôi cứ ở lì tại Chapa, dẫu phải sống nghèo nàn kham khổ cũng cam lòng. Chúng tôi đi chơi là do sự tình cờ, ai ngờ sự tình cờ ấy rất hữu ích cho tôi, giúp tôi được đủ vật liệu viết xong quyển tiểu thuyết này. Tôi đương bị tâm trí bứt rứt vì chưa tìm được ra bí thuật để giải quyết một vấn đề mà óc tôi đương suy tính : vấn đề tìm ra nguyên ủy của câu chuyện tráng sĩ không đầu ở núi Gôi. May thay đặt chân lên đất Chapa tính tò mò hiếu sự của tôi được thỏa mãn đến cực điểm ; không những tôi gây dựng lại được một đoạn bí sử ngày nay đã bị vùi lấp hẳn trong gấm dĩ vãng xa xăm u ám, không những tôi đem được hẳn bí sử ấy ra ánh sáng, tôi còn được hạnh phúc biết rõ sự tích của hai bóng oan hồn ở núi Gôi, và dây liên lạc của sự tích đó với câu chuyện rừng rợn tôi đã nghe ở Đồng Giao trong cái đêm mưa gió được nằm êm ấm bên cạnh Lê Thi và Thủy.

Người đàn ông giúp tôi đi ngược dòng thời gian để làm sống lại cuộc đời Oanh Cơ và hai tráng sĩ bị tử hình, người đó là ông cụ Trần Công Chất, một cụ già thâm nho thuộc về thế hệ trước, sống lạc loài ngơ ngác trong xã hội mới này, nhưng vẫn thành kính nhậm nại thờ quan niệm cổ hủ của ông cha không bị ánh sáng lộng lẫy rực rỡ của kim tiền làm lu mờ mất tính tình, nhân cách. Tôi ngẫu nhĩ được gặp ông cụ Chất trên chuyến xe lửa Hà Nội – Lào Cai, giữa lúc đang bồn chồn thấp thỏm không biết vợ chồng tôi sẽ trú ngụ ở đâu một đêm trước khi đáp ô tô lên Chapa nghỉ mát. Tuyết Tiên và tôi bàn tán cùng nhau về cách sẽ xử sự thế nào trên đất lạ, hai chúng tôi đều tỏ vẻ lo ngại, rì rầm suy đi tính lại mãi không thôi, nhất là khi tàu sắp tới ga Phố Mới, sau một ngày lức lắc trên một con đường gay go khúc khuỷu vô cùng.

Thấy dáng bộ lúng túng của Tuyết Tiên xoắn xoe chung quanh mấy đứa con thơ và mấy va ly đồ đạc, hết dặn bảo các con lại kiểm điểm soạn hành lý, một ông cụ già ngồi ngay cạnh chúng tôi từ ga Hà Nội, bỗng tự nhiên quay lại phía tôi :

- Tôi xem chừng hai thầy cô đi nghỉ mát Chapa thì phải !
- Thưa cụ vâng ! Thưa cụ cũng đi Lào Cai ?

– Không, tôi về Chapa chờ ! Tôi có nhà ở đó ! Tôi di cư lên Chapa đã mười mấy năm nay rồi, từ lúc Nhà nước mới bắt đầu khai khẩn hạt ấy.

– Vậy à ? Thưa cụ chúng cháu hỏi cụ khi không phải : chúng cháu lên nghỉ mát lần đầu, chả có ai quen thuộc cả, muốn xin cụ cho chúng cháu ở đậu ít ngày, chẳng hay như thế có phiền phức chăng ? Cụ có thể vui lòng dung nạp chúng cháu chăng ?

Ông cụ cười khà khà ra vẻ nhân từ hiền hậu lắm :

– Nếu thế thì quý hóa quá ! Thấy cô có lòng yêu hạ cố đến tệ xá thì còn gì bằng ! Tôi tuy già rồi, nhưng nhà vắng lắm, chỉ có một đứa con gái đã lớn và một thằng con nhỏ mà thôi. Thấy cô ở chơi làm bạn với tôi, tôi rất vui lòng. Tôi xin làm hướng đạo cho thấy cô !

Tuyết Tiên hết sức mừng rỡ, vội vàng cho hai con lại lay chào ông cụ : cụ vuốt ve hai cháu một cách rất âu yếm tưởng chừng như cháu ruột cụ vậy. Tàu đến ga Lào Cai cụ săn sóc cho cả bầu đoàn chúng tôi, dắt chúng tôi về Thiên Nhiên khách sạn. Chúng tôi thuê hai phòng, một phòng cho vợ con tôi, một phòng cho tôi và ông cụ. Cơm nước xuềnh xoàng cho qua bữa, rồi tôi xin phép ông bạn già mở va ly thiết một bàn thờ Phù dung dưới sàn gạch.

Tôi lấy làm sung sướng đến tột bậc khi nghe ông cụ tỏ cho tôi rõ ngài cũng là một tín đồ của Nương tử ; cho hay những kẻ cùng chung quan niệm thường hay được hội nhau trong những dịp tình cờ ! Nếu thế, hà tất tôi phải nằm đất để nhường giường cho ông cụ ; chúng tôi kiêng bàn tĩnh lên chiếc phản độc nhất của gian phòng, để cùng nhau cùng được hưởng khoái lạc lim dim "đi gió về mây" sau một cuộc hành trình khó nhọc.

Thực không bao giờ tôi ngờ được rằng tôi có thể, vì hai bữa nha phiến, mà ngẫu nhĩ viết lên một pho tiểu thuyết ; giá cứ mỗi lần cùng chị ả Phù dung tình tự, tôi cũng được diễm phúc như thế, thì dù phải hết sức khổ sở điều linh vì thuốc phiện, tôi cũng không hối hận than thở nổi gì ! Tối hôm đó, câu chuyện của cụ Chát và tôi chỉ loanh quanh ở những vấn đề làm ăn, ở lai lịch tôi và thân thế cụ. Tôi được biết qua loa, cụ là nòi Thổ, mẹ người bản xứ mà cha người Kinh ; thuở bé có xuống Hà thành học tập rồi được bổ đi Phán sự các miền Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai và Phong Thổ. Sau khi làm việc được hơn hai mươi năm, cụ xin về hưu, lên an cư tại Chapa, chỗ mà cụ cho là kỳ quan đệ nhất. Tôi cũng kể cụ nghe tông tích và

chí hướng tôi, sự tích nhân duyên của Tuyết Tiên, con một nhà đại phú hào chốn kinh đô với tôi, là một nhà văn sĩ nghèo nàn nghiệp ngập.

Nghe tôi nói, cụ chỉ gật gù điểm một lời rất ôn tồn, song chứa đầy triết lý :

– Chả qua chỉ là duyên nghiệp cả ! Ai mà tránh khỏi nghiệp duyên tự mình, mình đã gây nên ?

Điều chú, điều anh, thì giờ êm ả bần bật trôi, không biết đã lướt qua bao nhiêu độ. Tuyết Tiên và con tôi ngủ yên thìn thít trong phòng bên cạnh, chỉ còn tôi cùng cụ Chắt nằm lim dim, nửa mê nửa tỉnh, giữa một vùng lạng lẽ âm u. Bỗng đâu, tôi mơ màng thấy bên cạnh có bóng dáng một thiếu phụ áo quần trắng toát, tóc lòa xòa phủ kín ngang vai, giữa ngực một dòng máu tươi phọt ra đỏ sẫm. Tôi giật mình thức dậy, bỏ hơi ướt ướt cả sơ mi. Ngọn đèn dầu lạc lụn bắc tỏa ra một thứ ánh sáng lờ mờ, gian phòng tối vắng đìu hiu nhuộm một vẻ thê lương âm đạm.

Không dám chợp ngủ nữa, tôi khêu to ngọn bấc, tiêm thuốc hút để xua đuổi những tư tưởng rừng rợn đến ám ảnh tôi. Khói thuốc xanh cuộn cuộn tỏa khắp phòng, tựa hồ có mãnh lực thiêng liêng gạn lọc sạch trong không gian những bóng hình ma quỷ. Tiếng kêu vo vo của diều thuốc thu dần vào nhĩ tẩu chẳng khác gì một điệu kèn làm huyền não quăng u tịch thê thảm của canh trường. Tiếng vo vo ấy kinh động giấc ngủ thiu thiu của cụ bạn già, ngài mở choàng mắt dậy.

– Thừa cụ xơi với con vài điều nữa cho vui, con sợ quá, không dám ngủ.

– Làm sao mà thấy sợ ?

– Con vừa chợp mắt đi, thấy ngay một bóng ma đàn bà trắng lớp, giữa ngực có một vết thương máu tuôn đỏ chóc, đến sờ tay lạnh buốt vào tay con, con giật mình tỉnh dậy bỏ hơi ướt dầm khắp mình...

– Thôi, đích thị rồi ! Ấy là con gái ông Hường Quyền, bị người nhân tình ghen đâm chết trong phòng này đó ! Chị ả chết đến năm nay đã mười mấy năm rồi. Ra cái thứ ma chết oan lại bất đắc kỳ tử này nó sống dai dẳng thật, có khi đến mấy chục năm mà vong hồn vẫn chưa siêu linh !

– Bẩm cụ cũng tin là có ma ?

– Thầy hỏi lạ chưa ! Có chớ sao không ? Ma là giống ở cõi Âm cũng như mình là loại ở cõi Dương, có gì là lạ ! Ai ở địa hạt người ấy, miễn đừng xâm phạm đến nhau, đừng làm hại đến nhau thì thôi.

– Thưa cụ, mình có làm gì họ mà họ hại mình ?

– Có chứ ! Nó không thể xâm phạm đến mình được, nhưng nó chòng ghẹo mình thử chơi. Cũng tựa hồ như mình nói đùa con gái vậy. Một đôi khi, có lợi cho nó, thì nó tìm kế tàn sát mình nữa, tởn như lũ ma trành chả hạn...

– Bẩm cụ, con nghe nói trên các miền thượng du này có rất nhiều chuyện ma kỳ quái, chẳng hay có đúng hay chẳng ? Con tuy chưa bao giờ ở lâu tại đồng rừng, nhưng cứ như mắt con đã thấy ở núi Gôi và tại con đã nghe ở Đồng Giao, thì con phải tin rằng, trong cõi âm u lạnh lẽo của linh hồn, có nhiều sự dị kỳ hết sức. Con xin kể cụ nghe hai chuyện này, may ra cụ có thể chỉ giáo cho con được chút nào bổ ích chăng, vì sống trước con bốn năm chục năm, có lẽ cụ đã từng nghe nói về hai sự tích đó ?

Vừa tiêm thuốc mời ông cụ Chắt, tôi vừa dần dà kể hầu cụ hai chuyện bí hiểm lạ lùng mà tôi đã tường thuật trên đây, cụ như chăm chú nghe tôi lắm, thỉnh thoảng lại cười mỉm và gật gù thường thức lời tôi. Khi thuật xong, cụ không đợi tôi phải hỏi, nói ngay rằng :

– Thấy với tôi hẳn phải có tiền duyên, nên mới gặp nhau tình cờ như hôm nay đó ! Đã là bạn có duyên với nhau tôi nhẽ nào chẳng bổ chính thêm vào câu chuyện của thầy cho có ngành có ngọn, khiến thầy có thể, một ngày kia đem hiến cho người đời. Quả như thầy đã tường, tôi có thể giúp thầy gây dựng lại sự tích nàng Oanh Cơ được ! Hai câu chuyện thầy vừa kể, mặt ngoài tuy không có liên lạc gì mật thiết với nhau, song, bề trong chính là do một gốc mà ra cả.

Ai ngờ một chuyện bị chìm vào dĩ vãng ngoài năm chục năm rồi, bây giờ lại còn có người moi móc lên được ? Giá thầy không gặp tôi, chuyện đó sẽ không có gì lý thú đáng ghi chép cả, nó chỉ là hai đoạn dã sử rời rạc mà thôi. Đã gặp tôi, tôi đem hai đoạn ấy chấp liền làm một, biến chúng thành một thiên bi sử ly kỳ. Ngoài tôi ra, hiện thời này, thực không còn ai có thể giúp thầy làm nên việc ấy ! Tôi nói ngoài tôi, bởi tôi là người độc nhất vô nhị giấu trong ký ức thiên bi sử ly kỳ đó. Thầy đã có duyên với tôi, thì tôi xin kể thầy nghe !

Ông cụ nói đến đây, ngừng lại một chút. Tôi càng nghe ông, càng như nở từng khúc ruột, tai tôi nuốt lời ông một cách thèm khát, ngon lành.

Tôi thấy mờ đầu đã khá dài, cũng hơi nóng ruột, muốn đi vào đầu đề tức khắc. May sao, ông cụ Chắt không để tôi mất công chờ đợi.

Đêm hôm ấy, lại bên cạnh chiếc khay đèn nha phiến, cũng trong một gian phòng lặng lẽ âm u, tôi được hót trên môi ông bạn già lai lịch của hai võ sĩ ở núi Gôi, cũng như tôi đã hót trên môi anh Thủy, làm quen được với một đóa hoa vô cùng mỹ lệ và biết một phần sự tích của nàng Oanh Cờ !

Trong hoàn cảnh đêm đó, chỉ kém có một cái bóng yêu kiều : Lệ Thi. Một cái bóng khác may sao, tự nhiên đèn bù vào chỗ thiếu ; Tuyết Tiên không hiểu vì đầu không nhắm mắt được có lẽ cũng như tôi sợ con ma đàn bà bị đâm chết, nên mở cửa phòng sang nghe chỗ chuyện dưới chân chống, vẽ lên nền vàng xám của bức tường khách sạn một hình ảnh mảnh khảnh, dịu dàng, tha thướt như thông lay, buồn rầu như liễu rủ...

XI

ĐẸP DUYÊN CẨM SẮT

– Hồi ấy, nghĩa là cách đây đúng năm mươi sáu năm, mùa xuân năm Giáp Thân (1884), ngày 16 tháng Hai, thành Bắc Ninh thất thủ về tay Pháp. Hai đạo binh, dưới quyền chỉ huy của hai Thiếu tướng De Négrier và Brière de l' Isle, một mặt qua sông Hồng Hà, theo dọc sông Đuống, một mặt ở Hải Dương, đi tàu tới Phả Lại⁽¹⁾ rồi đổ bộ, cùng men bờ sông Nguyệt Cầu⁽²⁾ tiến đánh Bắc Ninh.

Trận ấy, quân Pháp chỉ mất độ tám tên binh và độ vài chục khẩu súng. Quân Tàu Cờ Đen⁽³⁾, núng thế, rút cả về Yên Thế⁽⁴⁾, còn trơ quân An Nam thế cô, phải cời giáp lai hàng. Một vị quan binh đứng đầu cai quản đội binh

(1) *Phả Lại* : thị trấn ở bên bờ trái sông Thái Bình, chỗ giáp ranh hai tỉnh Bắc Giang và Hải Dương, có nhà máy nhiệt điện, được xây dựng năm 1980.

(2) *Sông Nguyệt Cầu* : tức sông Cầu, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

(3) *Quân Tàu Cờ Đen* : đội quân Trung Quốc do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu, sang Việt Nam cuối thế kỷ XIX có tham gia đánh Pháp trong những năm quân Pháp xâm chiếm Bắc Kỳ (1873 và 1882 - 1885).

(4) *Yên Thế* : tên huyện thuộc tỉnh Bắc Giang.

ta hồi ấy trong thành Bắc Ninh là Lãnh binh Lê Vũ Khắc. Ông là dòng dõi cự thần nhà Lê tuy không phải tôn thất, song tổ tiên ông đã làm quan tới chức Công khanh, ba bốn đời nối tiếp nhau trong hàng tứ trụ. Sau bốn năm thế hệ văn quan, trong họ bỗng đổi nghề nghiên bút sang nghề cung kiếm, tổ phụ Lê Lãnh binh xuất chân cử võ, làm tới Ngũ quân Đô thống, thân sinh ông làm Sơn Nam Đề đốc, đến đời ông khí nhuệ nhụt đi chút ít, ông chỉ làm tới Chánh Lãnh binh thôi.

Khi thành Bắc Ninh có cuộc xung đột binh đao, Lê công đứng trên mặt thành đốc thúc quân sĩ, hợp với quân Cờ Đen kháng chiến cùng binh Pháp.

Phải một tốp lính phía dưới thành bắn lên, ông bị một phát trúng dưới xương vai, một phát trúng tay phải, rơi mất ba ngón tay. Biết mình khó lòng chống cự được nữa, Lê công bèn nhảy vào trong thành, theo đường hầm chạy khỏi chiến trường, rồi lên ngựa phóng thẳng một mạch về một chỗ đất phong ấp của ông, ở cách thành Bắc Ninh hơn một dặm. Gia đình ông ở cả trong ấp đó. Ông vừa phi ngựa tới cửa chưa kịp vào đến sân thì ngã gục xuống, lịm đi. Vực vào nhà, ông cứ thiếp dần, máu chảy ra lênh láng, không trối trăng câu nào cả.

Lê phu nhân hồi đó mới non bốn mươi tuổi, bà sống với hai người con trai đã khôn lớn, một người mười bốn, một người mười hai. Cậu cả tên Lê Mạnh Khôi, cậu em là Lê Trọng Việt. Hai anh em được mực kích cái chết thảm thương của thân phụ lấy làm đau đớn lắm ; tuy còn thơ ấu nhưng cũng đã cảm thấy sự tử biệt sinh ly là một nỗi thương tâm thống thiết nhất trên đời. Hai anh em giúp mẹ tắm rửa cho cha, khâm liệm tử tế và an táng cho người bị chết nạn chiến tranh vì tận tâm báo quốc.

Thành Bắc Ninh bị hạ rồi, khi loạn lạc đã yên yên, ba mẹ con thu thập đồ đạc bỏ đất phong ấp ở Bắc Ninh rút về an cư lạc nghiệp ở núi Gôi, là quê quán tổ tiên hai anh em Khôi và Việt.

Về đến tổ hương, mẹ dệt cửi vá may để nuôi cho hai con ăn học, theo các trẻ con trong làng. Sang đình thụ giáo của một ông đồ. Hai anh em họ Lê rất nhác, chẳng bao giờ thuộc bài vở sử kinh, chỉ toàn trốn thầy đi với lũ trẻ con du thủ du thực, tìm đến chân đồi chơi đánh trận giả và tập dượt quyền cước. Thấy đồ nhiều phen căng nọc đánh cho rất đau, mà hai anh em vẫn không chừa, cứ ham mê nghề võ hơn nghề văn. Bà từ mầu ngày ngày hết sức khuyên răn, Khôi và Việt thờ mẹ rất hiếu thảo nên lại quỳ xuống

xin lỗi mẹ và hẹn sẽ ra công chăm chỉ học, nhưng đến hôm sau, vắng mặt mẫu thân thì vẫn chứng nào tật ấy như thường.

Dần dần, bà mẹ biết rằng máu truyền thống chạy trong huyết mạch hai đứa con mình còn sôi nổi hăng hái lắm, nên cũng chỉ bảo ban lấy lệ mà thôi, còn mặc cho hai anh em Khôi, Việt được tự do luyện tập gân cốt, không ngăn cản nữa. Thành thử đến năm sáu năm sau, cả hai cùng to lớn khỏe mạnh ; rõ ràng một đôi lực sĩ hùng dũng, oai phong. Từ khi góa chồng, Lê mẫu làm lụng chăm chỉ, để dành để dụm thu xếp tảo tần, khi bỏ ắp ở Bắc ra đi, có bao nhiêu của cải thu vén đem cả về Nam Định ; nhờ thế cũng có ít nhiều ruộng nương phong phú, đủ túc dụng một đời. Hai anh em Khôi, Việt, kịp đến tuổi trưởng thành, bà chưa có thì giờ lo bề gia thất cho hai con thì tự nhiên lâm bệnh, rồi lúc khỏi, liệt mất cả hai chân không làm ăn gì được nữa. Hai anh em phải ở nhà lo liệu công việc giúp đỡ mẹ già. Tuy nói là giúp đỡ, nhưng kỳ thực hai cậu ảm chả được việc gì có lợi cả, bà mẹ ngồi một chỗ mà vẫn phải để tâm coi sóc đến công chuyện hằng ngày. Ruộng nương thì bà cho cấy rẽ, cứ đến vụ là có gia đình đi thu thóc lúa về, hai cậu ảm chỉ phải trông lữ người nhà, dùng để chúng ăn bớt ăn xén, thế là đủ. Lúc bán lúa cho hàng sáo, thì cũng đã có các vú bố đếm tiền dong thóc, chả bận gì đến cậu ảm cả và cậu ảm hai.

Những buổi không phải coi sóc người nhà, ngoài vụ mùa màng và vụ bán chác, hai anh em lại chia nhau, anh ở nhà với mẹ già ba tháng, em đi ngao du săn bắn nơi xa ; rồi em lại trở về nhà ở ba tháng trong khi anh được tự do đi chơi đây đó. Cậu hai Việt hay vào mạn Đồng Giao săn bắn, mỗi khi cậu đi vắng, thì cậu cả có thèm thương lắm cũng không dám rời mẹ đi chơi nốt, chỉ quanh quẩn vào chợ Ghềnh lòng hươu nai hay chôn cáo một hai ngày mà thôi. Nhưng hễ cậu hai quay gót trở về, lại tha hồ cho cậu ảm Khôi muốn vượt bể băng ngàn được tới đâu mặc sức.

Một buổi sớm, cậu Việt về nhà bỗng thấy vẻ vui mừng tươi tỉnh, song chỉ vui mừng tươi tỉnh được ít hôm đầu. Vui tươi xong, cậu bỗng dâm ra thần thờ, vớ vẩn, tựa hồ thần hồn thần trí bị một cái gì ám ảnh ; có ngày cậu buồn thiu chả nói một câu nào, bà mẹ có hỏi thì cậu gượng cười chốc lát, nhưng phút sau, lại trầm ngâm mơ tưởng nhớ nhung ai. Thấy anh cả đi vắng lâu, cậu lộ ra vẻ sốt ruột lắm, chỉ ngong ngóng ra đứng cửa châu chực, đợi cậu Khôi về suốt ngày.

Mong rông rã ba tháng, cũng chả thấy, mãi gần sáu tháng mới gặp cậu ấm anh trở lại, tải về một xe gác hươu nai và hai ba tấm áo da báo, một tấm da cạp và một bộ hổ cốt. Anh em chả kịp hàn huyên nữa ; cậu hai thấy có anh về thì mừng quýnh vội vàng thu xếp hành lý ra đi ngay. Lần này cậu đi chơi có non nửa tháng đã về, đem theo một người con gái mặc tang phục, và một đứa trẻ độ mười bốn, mười lăm tuổi.

Từ trước đến nay, có nhiều nhà phú hộ và danh giá trong vùng Gôi, thấy hai anh em họ Lê con nhà võ tướng, và rất khôi ngô tuấn tú, có ý muốn gả con cho. Mỗi lái có đến nhà hai cậu ngỏ lời cho Lê mẫu biết, bà cụ hỏi ý kiến hai con, song cả hai cậu, chẳng cậu nào bằng lòng lập gia đình cả.

– Lay mẹ, anh em chúng con còn ít tuổi, có đi đâu mà vội ! Mẹ còn trường thọ nữa, vì lão niên đới tật là một số rất tốt. Nếu mẹ cho phép chúng con, thì chúng con sẽ tự chọn lựa lấy người bạn trăm năm chân gối, như thế sau này chúng con chẳng còn oán thán nỗi gì ! Duyên số là một sự tình cờ mà thành, chứ biết thế nào mà chọn lựa ?

Lê mẫu nghe hai con trình bày như vậy, cũng vui lòng chiều ý không ép uống nữa. Hai anh em vì trọng võ thuật, cũng chả nghĩ đến sự lấy vợ. Tới khi Việt thỉnh linh đem một người con gái ở đâu về, cả nhà đều lạ lùng kinh ngạc hết sức. Cậu hai đem nàng ấy vào lay mẹ và lay anh, rồi đầu đuôi sự thể thế nào, thú thật cả một lượt cho mẹ và anh rõ. Lê mẫu mới hay thiếu nữ đó là nàng Oanh Cơ, quê ở làng Bàn Thạch tỉnh Thanh Hóa, bỏ cô cha mẹ và hiện không còn ai thân thích họ hàng. Bà và cậu ấm cả thấy Oanh Cơ thù mị dịu dàng lại thướt tha kiều diễm, nên rất vui lòng đẹp ý, nghĩ ngay đến sự cho phép nàng được cùng cậu hai Việt sánh đôi. Cậu hai cũng chỉ mong ước có thể thôi, lúc nghe mẹ và anh nói trúng tâm can mình, cậu bất giác đỏ mặt tía tai, phần vì thẹn, phần vì mừng, phần vì thương anh thương mẹ đã nghĩ đến hạnh phúc trăm năm của mình, không hề cản trở ý định của mình một chút con con nào cả.

Cậu Việt vội bẩm mẹ là nàng Oanh còn có trở anh chị nàng bị chết trong khi vào rừng gặp cạp, phải đợi nàng trừ phục đã mới bàn đến chuyện thành thân. Từ đó, hai cô cháu Oanh Cơ ở hầu hạ Lê mẫu như hầu hạ mẹ già, không có lòng muốn đi đâu nữa. Mà cậu ấm hai cũng nhường anh đi xa sẵn bản ; về phần cậu, cậu chỉ muốn ở nhà thân hôn định tỉnh bên gối huyền đường mà thôi.

Hơn một năm sau, nàng Oanh Cơ mặc áo quần hồng, quần khăn vành dây, che quạt lượt đỏ, lay Lê mẫu hai lay để trở nên mợ hai Việt. Lúa uyên ương mới cả ngày chỉ quán quýt lấy nhau, yêu mến nhau cực điểm, khiến mẹ già trông thấy cũng vui lòng. Trong gia đình họ Lê từ đó càng ngày càng thêm vui thêm thịnh ; Oanh Cơ đã từ đâu, đem về cho Lê mẫu sự an nhàn thư thái, đem về cho cậu hai sự hạnh phúc êm đềm. Từ ngày có nàng, Lê mẫu không phải nai lưng ra cang đáng công chuyện trong nhà nữa. Bao nhiêu việc tần tảo thu vén gặt lúa, bán thóc, một tay nàng coi sóc được hoàn hảo, vẹn toàn.

Nàng là người không những chỉ có thanh sắc, nàng còn khéo léo đủ đường, tề gia nội trợ đảm đang khôn xiết. Nhà họ Lê có nàng thì phòng ốc cửa ngõ ngăn nắp đầu vào đấy ; thêm gạch, sân hầu bao giờ cũng sạch sẽ thơm mát ; đồ đạc giường chiếu bao giờ cũng ngay ngắn chỉnh tề ; cơm bao giờ cũng ngon, canh bao giờ cũng ngọt ; trong gia đình bao giờ cũng êm thấm yên vui. Lê mẫu, nhiều phen ngồi bên ngọn đèn dầu đọc sách xem con dâu dệt vải, thỉnh thoảng gấp sách ngừng đọc, trông Oanh Cơ một cách yêu đương âu yếm, bảo nàng rằng :

– Này nhà hai ! Mày về làm dâu mẹ, mẹ chẳng còn điều gì trách móc được ! Mẹ bình sinh không có con gái, nay được con mẹ quý biết bao ! Nhất là tất cả mọi việc trong nhà, con một tay thu xếp gọn gàng yên ổn cả, khiến mẹ được ăn không dưong lão, mẹ còn gì mà chả vui lòng ? Sau này mẹ nếu thác đi, buổi lâm chung thực mẹ không ân hận oán than gì nữa ! Duy chỉ có một điều là anh con chưa có vợ, vợ chồng con thì chưa có con, nếu hai sự ấy nhất đán nhờ trời Phật, đều được như lòng mẹ ước, thì mẹ dù nhắm mắt cũng sẽ mãn nguyện đủ trăm bề !

Bà cụ mong như vậy, ai ngờ ước mong của bà nó linh hiệu làm sao ! Chẳng bao lâu, nàng Oanh thụ thai, khiến bà thiếu chút nữa mừng quá mà chết. Mãn nguyệt khai hoa, Oanh cho ra đời một đứa con gái nhỏ giống mẹ như tạc, lại được có vẻ khảng khái lắm liệc của cha. Trong gia đình, nhờ có đứa trẻ càng tăng hạnh phúc êm vui ; cậu Việt, từ buổi có con, chỉ quán quýt chung quanh mình vợ, hầu hạ con như một ông bố trung thành tận tụy.

Riêng chỉ có Khôi thì vẫn không quên nghề nguy hiểm, ở nhà lâu không săn bắn tập luyện là thấy chồn chân khó chịu vô cùng. Chàng thường đi đây đó suốt năm, ở nhà nhiều nhất chỉ được độ vài ba tháng. Mỗi kỳ ở nhà, Khôi lại bắt Việt theo mình ra chân đồi múa võ, sợ em lâu ngày

không rèn tập thì gân cốt yếu hèn đi. Bởi thế, cứ độ nào có Khôi, thì Việt phải tạm xa vợ xa con một ngày hai buổi, cùng anh ra dượt võ ở ngoài đồng. Lâu dần thành một thói quen, hễ cứ anh đi vắng thì thôi, lúc nào anh có nhà, Việt lại cùng anh đối thủ. Hai anh em tựa hồ rất có tín ngưỡng trong nghề quyền cước ; họ thi nhau trở tài, không phải để cố ý ganh nhau, cũng không phải để khoe khoang tài nghệ mình trước mặt công chúng. Công chúng đây là vài ba người nhà quê hiền hậu, chất phác chả hiểu cung kiếm là gì. Lắm khi hai anh em họ Lê rượt nhau chạy bên mình họ, họ cũng vẫn thản nhiên điểm tĩnh cây bừa, không buồn để ý đến. Tuy họ không chú ý ngắm nhìn hai cậu ám luyện võ, mà trong làng, từ trên chí dưới, chẳng ai là người không rõ hai anh em họ Lê là một đôi tráng sĩ hùng dũng, sẵn bắn giồi, có sức địch nổi muôn người. Tiếng đó đồn đãi rất xa ; quanh một vùng từ Bình Lục đến chợ Ghênh, Đồng Giao, rất nhiều tay hào kiệt, rất nhiều đảng lục lâm, đều mộ tiếng cả hai chàng Khôi, Việt.

Hai chàng giỏi võ nghệ gần đến nơi tuyệt đích thế mà không bao giờ dùng sức mạnh của mình để làm một sự gì phạm phép, hoặc mưu công danh tài lợi trong đời. Hai anh em chỉ an cư ở thôn quê, sinh hoạt bằng vài mươi mẫu ruộng và bằng nghề săn hươu, nai, bco, cộp ; họ thờ mẹ chí hiếu, đối với anh em vợ con, thân bằng cố hữu, chí tình, tính không có một dục vọng cao kỳ nào cả.

Ài ngờ đâu xử thế đến như vậy mà cả hai đều không tránh khỏi dây oan nghiệt đến chằng vào cổ ; một ngày kia, Khôi Việt cùng bị tình nghi, phải bắt giải lên tỉnh lý, rồi chẳng bao lâu, bị khép vào án tử hình. Thực là vạ gió tai bay, chả ai hiểu vì đâu nên nỗi. Có kẻ hiểu sự len lỏi vào gia đình hai cậu ám, bàn tán, rằng chả qua chỉ vì Oanh Cờ mà cửa nhà phút chốc tan tành. Họ nói :

– Phàm giả những đóa hồng nhan rực rỡ và hoàn hảo quá chỉ toàn là những binh khí giết người. Muội Hỷ làm chết vua Kiệt, Đát Kỷ làm chết vua Trụ, Tây Thi xúi Phù Sai vong quốc diệt thân, mà Bao Tự⁽¹⁾ khiến U Vương táng mệnh, còn Quý Phi thì làm Minh Hoàng sống cũng như thác ;

(1) *Bao Tự* : người đẹp nổi tiếng của Trung Quốc, vợ yêu của U Vương nhà Chu (781 - 771 tr. CN). U Vương chiều Bao Tự, đốt lửa trên hỏa đài đánh lửa chur hầu để nàng cười, nhưng cũng vì thế U Vương bị chur hầu giết ở Lư Sơn.

thực quả đàn bà đẹp là cái mầm tai họa cho đời ! Đến vương bá bị những của vu vật đó còn thiệt thân mất nước, nữa là người thường tránh sao khỏi nạn tan cửa nát nhà !

Câu nói ấy, tuy quá độc địa, song cũng có một phần sự thực. Sắc đẹp nàng Oanh Cơ quả là một duyên cớ trọng yếu khiến chồng và anh chồng nàng bị cái nạn đoạn đầu. Hai anh em họ Lê bình sinh hay đem nhau ra thi võ ở chân đồi làng Gôi, đều bị đao phủ hành hình tại chỗ đó.

Oan hồn, sau khi lìa khỏi xác trong một trường hợp cực kỳ thảm thiết, vì uất ức nên không tài nào tiêu tán được, nhất là vì hai tráng sĩ, chết rồi, lại không được họ hàng lập đàn cầu nguyện cho tinh thần chóng được siêu thăng. Hấp thụ mãi khí thiêng liêng của non sông cây cỏ, hai vong hồn đó lâu dần hóa ra một thứ ma, có đủ tư cách hiện hình về được, hiện về chẳng để dọa nạt hay làm hại ai cả, nhưng chỉ để diễn lại một bài quyền xưa kia họ ngày ngày hằng tập luyện ngõ hầu ghi trong cái thể hệ mới mẻ này vết tích một nỗi thương tâm uất ức của thời dĩ vãng, một nỗi đau thương do "oan nghiệt" dặt thành...

XII

TỬ BIỆT SINH LY

Thường thường, trong xã hội cũng như trong gia đình, hễ cứ thịnh vượng quá thì càng dễ bị suy vong ; cũng như một vết trên bánh xe khi lên đến đỉnh tuyệt cao rồi thì tự nhiên tụt dần xuống dưới. Hạnh phúc trong nhà không bao giờ hoàn toàn mỹ mãn quá ; hoàn mỹ quá tức là một cái mầm tai nạn, bởi lẽ Hóa công hình như hay đùa ghen với sự sung sướng tuyệt đích của loài người.

Oanh Cơ từ ngày về làm dâu họ Lê, đem về cho họ ấy đủ mọi sự phong lưu nhàn hạ. Cửa nhà ngăn nắp, thóc lúa đầy kho, tiền bạc chắt hòm. Lê mẫu không còn phải lo toan gì nữa. Gia dĩ Oanh lại sinh hạ được một đứa con nhỏ, sự vui vẻ trong gia đình thực quả như pha lê không vết, ai ai cũng đều sinh hoạt đầy đủ, mãn nguyện, chẳng có nỗi gì oán thán hay ước muốn viễn vông. Hoàn cảnh yên vui êm ấm đó tưởng đâu có thể lâu bền vĩnh viễn,

bởi lẽ anh em cậu ấm không hề làm sự gì ám muội phạm pháp, cũng không vì bon chen danh lợi mà bôn tẩu, sinh ra các mối oán thù.

Ai ngờ đâu Trời già không để cho yên, bỗng run rủi và gió tai bay đến phá nát hạnh phúc nhà họ Lê trong một sớm. Căn nguyên tai và đó rất là vô lý, thế mà cũng xui nên hai kẻ mất đầu !

Số là trong buổi sơ khai, nước ta còn nhiều đảng giang hồ trộm cướp, tụ tập binh lính quấy nhiễu lương dân và kháng cự cùng Nhà nước. Cứ chỗ nào có rừng cao núi cả khó lòng mang quân đến tiêu trừ được là chúng quần tam tụ ngũ, bầu một tên chánh soái, rồi lập ngay một sào huyệt, một cơ sở để làm nghề không vốn muôn đời. Những nơi hiểm trở như các miền Yên Thế, chợ Ghềnh, Đồng Giao, Phố Cát, các mạn thượng du xứ Bắc Kỳ và các hạt giáp giới với dải núi Giăng Màn xứ Trung Kỳ, phần nhiều là có giặc cỏ, kẻ cướp ẩn nấp ở trong các truông lau, bãi sậy, các thung lũng co hẹp ở chen vào những lớp núi cao ngất, gồ ghề dựng đứng như bức tường cheo leo, thẳng vút, các nơi hoang vu cô tịch ở phía Tây hạt Đồng Giao như mấy vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, La Hán, Hồi Xuân, toàn là các trường mai phục có địa thế, có thắng lợi, giúp cho một tên giặc mang súng ống nấp trong hang hốc bờ bụi có thể một mình địch nổi vài chục binh lính Nhà nước.

Thuở ấy, trong muôn ngàn đảng giặc cỏ lau nhau chui rúc trong các kẽ rừng hốc đá, như ở các vùng núi non hiểm trở tá trên đây, có một vài đảng rất cường thịnh hiển hách, quân Nhà nước lùng bắt trừ khử mãi không xong.

Có một đảng, trong các bọn thảo khấu cường thịnh đó, gồm độ vài trăm tên lâu la dưới mệnh lệnh của một tay cuồng nho phần chí tên là Nguyễn Quán hoành hành ở biên giới hai xứ Bắc và Trung Kỳ, nhất là ở các vùng Thạch Thành, Cẩm Thủy, Phố Cát, Đồng Giao ; thanh thế lan dọc từ Bím Sơn đến chợ Ghềnh, ngang từ Phát Diệm tới mãi Nho Quan, Hồi Xuân và La Hán.

Đám giặc cỏ ấy thường thường vào các làng cướp bóc lương dân, hãm hiếp đàn bà con gái, phá nhà thờ, bắt cố đạo, ngang tàng đốt phá, đến đâu thì xưng hùng xưng bá, sát hại khổ chủ, dọa nạt dân nghèo, bắt trâu dê, gà, lợn mổ xẻ làm tiệc linh đình chè chén với nhau, xong rồi vợ vét dây túi, kéo cả đàn lẩn tránh tán mát vào các hang sâu khe hẻm trong núi không tài

nào tróc nã được. Quan quân truy tâm lòng bất đã riết lắm, thế mà chúng vẫn chưa bị sa vào pháp luật bao giờ.

Tên đầu sỏ, Nguyễn Quán, là một kẻ không những chỉ lắm mưu gian kế quyết, lại còn giỏi võ nữa. Hắn có một khẩu súng hỏa mai thập bát hường, nghĩa là bắn luôn được mười tám phát không cách xa nhau mấy, lại có một con dao găm hai lưỡi rất lợi hại, rạch người như mổ lợn, không hề khó nhọc chút nào. Ngoài hai thứ khí giới đó, Quán còn biết sử dụng một ngọn roi gân hổ mà hắn múa vù vù, trông không thấy người đầu nữa, khiến tên bắn khó lòng trúng hắn được. Có thể mà thời đầu, hắn lại còn sở trường môn ném chuối tiên ; chuối tiên của hắn tung ra bách phát bách trúng, phi đoạt được gươm giáo còn dao của bên địch, cũng làm cho kẻ thù ngã quỵ xuống bị trọng thương. Võ nghệ của Quán thực là gần tới chỗ tuyệt đích. Nếu không giỏi như vậy, hắn đã làm sao thâu phục được lũ đầu trâu mặt ngựa làm lâu la giúp hắn ?

Hắn cứu tụi con em trong đảng đã nhiều phen, trong những trường hợp cực kỳ nguy khốn, hóa nhiều đứa từng chịu ơn cứu tử nên hết sức trung thành tận tụy với hắn. Tuy giỏi đến đâu thì giỏi, Quán cũng có ý gìn giữ phòng thân, sợ có khi bị người ta ném ám khí thì thiệt mạng. Bởi vậy hắn bèn chọn trong bọn lâu la bốn tay giỏi võ nghệ nhất để làm bốn kiện nhi hộ vệ theo hầu.

Bốn tên kiện nhi đó, đáng lẽ bốn phận là phải bảo trợ chủ tướng trong cơn nguy biến ; ai ngờ lại chính là Nguyễn Quán phải giữ gìn tính mạng cho chúng, mỗi lần có những cuộc xung đột gay go ! Bảy tám phen, giá Quán không giỏi đến tài nghệ bắn súng, ném dao, quất roi, hay ném tiên, bốn tên hộ vệ ắt bỏ mạng từ lâu.

Chúng chỉ được mỗi một việc là giúp chủ mà thôi, là vây bọc chủ lại, tả một đứa, hữu một đứa, tiền một đứa, hậu một đứa, để ngăn người ngoài ném trộm các ám khí. Ngoài sự che chở đó, chúng không được việc gì nữa. Bởi thế Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn chưa chọn được cặp tả hữu nào có nghệ thuật siêu quần để được nhờ mà khỏi bị hao công tổn lực, để mỗi lần có cuộc huyết chiến thì chúng gánh vác hộ cái phần nguy hiểm gian nan. Mỗi lần đi cướp bóc ở đâu, Quán xem chừng công cuộc phải làm to, thì thân đi đốc suất lâu la đánh phá ; nếu đoán là "tiếng bạc" hôm ấy bé thì chỉ nằm một chỗ, phái một hai tên thủ túc thay mình quản lĩnh là xong. Cũng do lẽ ấy, hắn cần phải có bốn tay chân xứng đáng. Bốn tên hộ vệ lúc ấy

chưa phải là những người đáng mặt thay quyền Quán mà cai quản được bọn lâu la, dẫu bọn ấy không lấy gì làm đông cho lắm. Quán có ý muốn tìm hai võ sĩ có bản lĩnh, có can trảng để rủ vào phe đảng mình, rồi giao cho cái chân Phó soái, họa may hần sẽ được an nhàn đôi chút.

Có kẻ mách hần ở vùng Gòi có hai thiếu niên tráng sĩ dòng dõi võ tướng, vì lỗi thời nên không lĩnh ấn công khanh. Hai người đó chính là hai cậu ấm con quan Lãnh Lê, võ nghệ đều siêu quần xuất chúng, tính tình thì cương trực anh hùng.

Nguyễn Quán nghe tiếng hai anh em Khôi, Việt đã lâu vẫn có lòng hâm mộ và cảm phục tài năng của hai chàng, song chưa có dịp nào làm quen cả. Nay nhân người tiến cử, hần bèn tự thảo một phong thư, sai kẻ tâm phúc đưa đến Gòi cho họ Lê ; trong thư đại ý nói rằng :

"Bỉ nhân trộm nghe đại danh hai công tử đã lâu, thường ao ước được một phen tương ngộ. Đấng hào kiệt tất phải lấy nghĩa xử nhân ; bậc anh hùng lẽ đâu chẳng lấy ân xử với người tri thức ? Từng mảng hai túc hạ là người khoáng đạt, có chí cao xa ; vậy bỉ nhân đây, cớ Mạnh Thường⁽¹⁾ mong đãi khách hiền lương, vàng Trịnh Bá⁽²⁾ rắp tặng người tuấn kiệt. Bằng hai túc hạ sẵn lòng giúp bỉ nhân cho hùm thiêng thêm cánh, thì ngoài giữ chân tay, trong làm lòng dạ, chúng ta tuy Nguyễn Lê khác họ, rồi sẽ như Hồ Việt một nhà ; nghĩa vườn đào rạng tiếng khách ngàn xưa, chúng ta há chẳng biết noi theo để cùng gây sự nghiệp ?... Xin hai công tử xét cho lòng thành thực này chớ có từ nan : được như thế, bỉ nhân sẽ lấy làm vạn hạnh ! Vạn hạnh !"

Hai anh em Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt được thư ấy vội vàng trả lời cho sứ giả đem về. Trong tờ phúc đáp, lời lẽ ngọt ngào khiêm tốn ; hai cậu ấm tỏ ý rất ân hận, không thể cùng Nguyễn Quán cộng tác được, viện cớ rằng mẹ già vợ đại, lại "Tông đường chút chứa cam lòng" nên không thể dứt tình bỏ cửa nhà vào núi để đeo roi cấp kiếm theo hầu dưới trướng Nguyễn Quán được. Vậy xin ông chủ tướng kia hãy tìm những người phò tá khác. Và chẳng, hai anh em lại tự lượng mình không có tài cán gì, không có thao lược gì để giúp cho Nguyễn gây nên cơ đồ lộng lẫy cả. Muốn cho

(1) *Cớ Mạnh Thường* : Mạnh Thường Quân, tức Điền Văn, quý tộc người nước Tề, thời Chiến Quốc, thường nuôi hàng ngàn thực khách trong nhà.

(2) *Vàng Trịnh Bá* : có lẽ là một vị nhân chủ của nước Trịnh thời Xuân Thu Chiến Quốc nổi tiếng giàu có, nhưng chưa rõ là người nào.

Nguyễn khôi bị thất vọng về sau, chỉ bằng ngay lúc đầu tiên, dùng để cho nhau tưởng tượng quá sâu xa về những công cuộc vĩ đại hay về một cuộc hiệp tác hảo huyền.

Hai cậu ấm Lê tuy đối phó một cách quyết liệt với sự mời mọc của tên đầu đảng cướp, nhưng bề ngoài vẫn dùng lời lẽ thanh tao lịch sự, không ai bắt bẻ nổi hoặc giận dữ vào đâu được.

Tưởng như thế tất là yên câu chuyện, không xảy ra điều gì rắc rối, khó khăn ; ai ngờ đâu vì mảnh thư vô tình kia hai anh em bỗng lâm vào một tình thế gian nan, càng ngày càng nguy hiểm, không tài nào gỡ thoát...

Ở một làng cách núi Gôi chừng hai ba mươi dặm, một đêm kia bỗng xảy ra một vụ cướp to. Quân cướp đề phòng không được cẩn mật, để mưu kế chúng bị bại lộ, khiến quan quân biết trước, đến mai phục quanh nhà sự chủ và căng lưới sẵn sàng để dụ cường đạo vào tròng. Quả nhiên sau một trận xung đột kịch liệt, mười lăm tên gian phi bị thương chịu cho quan quân trói lại, mười hai tên khác thì tử trận, duy có tên đầu đảng và một ít lâu la trốn thoát được mà thôi. Hỏi ra mới biết tay chủ tướng khôn ngoan ấy là Nguyễn Quán. Y sở dĩ tẩu thoát được, một là vì có súng, hai là nhờ bốn tay thị vệ hết sức xông xáo che chở hộ y. Trong bốn tên ấy, ba tên bỏ mạng trong trường xung đột ; đứa thứ tư thì bị bắt vì mang một vết trọng thương giữa đùi. Có sao bốn thằng kiện nhi đó lại hy sinh tính mệnh cho chủ một cách anh hùng như thế ? Căn nguyên sự hy sinh này mới kỳ dị làm sao ! Chính là bức thư Nguyễn Quán đã viết cho hai anh em chàng họ Lê đó ! Vốn từ lâu, Nguyễn Quán vẫn có ý phàn nàn về những tay hầu cận mình không được giỏi, bởi thế mới viết thư dụ dỗ hai anh em họ Lê vào phe đảng giúp mình. Bốn tên hầu cận bị chủ tướng khinh rẻ, lấy làm căm tức ngấm ngấm trong lòng, nên kịp khi lâm sự, chúng mới hết sức trở tài, thi nhau che giấu đỡ đạn cho Quán, để tỏ rằng nghệ thuật của chúng nào kém gì tài cán hai gã họ Lê. Ngờ đâu vì hăng hái quá, chúng đều bị những đòn độc ác của quan quân mà chết, chỉ còn mỗi đứa sống thì rồi cũng bị què và tàn tật suốt đời. Cái kết quả của một sự tức giận nhất thời nó là như thế. Kết quả ấy càng chua cay thê thảm bao nhiêu, nó càng làm cho tên kiện nhi sống sót nghĩ thương tiếc anh em đồng chí, bức tức số phận hẩm hiu mà thâm thù thâm oán hai anh em Khôi, Việt bấy nhiêu.

Bởi thế, khi bị giải về dinh Án sát để lấy khẩu cung, tên gian tặc ấy không ngập ngừng gì cả, khai ngay rằng muốn bắt được Nguyễn Quán, cứ

việc đem tra tấn hai chàng thiếu niên võ sĩ đã giúp ngấm y trong các cuộc cướp của đốt nhà. Hai thiếu niên đó là con quan Lãnh Bắc Ninh : Lê Mạnh Khôi, Lê Trọng Việt...

Tại nạn nhà họ Lê bắt đầu từ buổi ấy ; đương lúc cả nhà chung hưởng hạnh phúc thái bình vui vẻ, hai anh em bị bắt đem đi, ngơ ngác không hiểu vì đâu lại xảy ra cơ sự lạ lùng như vậy. Lê mẫu kinh khủng lo lắng, bỏ ăn bỏ ngủ ; Oanh Cơ thì khóc lóc suốt ngày. Về phần Nguyễn Tiêu, cháu Oanh Cơ, sau khi hai công tử bị giải lên tỉnh rồi tống vào lao, chàng bèn vội vã thu xếp hành lý theo lên Nam Định để đem cơm nước quà bánh cho hai người bị nạn và dò la xem tin tức thế nào.

Việt và Khôi bị bắt vừa được hai ngày thì sáng hôm thứ ba, các quan trên tỉnh về khám nhà họ Lê ở tại núi Gôi. Trong cuộc khám xét, chẳng bắt được giấy má gì quan trọng cả, duy chỉ tìm ra được bức thư của Nguyễn Quán mà thôi. Thấy thư ký thông ngôn theo quan Chánh cảm đến khám nhà Oanh Cơ, thấy nàng thùy mị dịu dàng, cứ chòng chọc ngấm nhìn nàng mãi, khiến nàng phải sượng sùng e lệ, cúi gằm mặt xuống, không dám ngừng lên nữa. "Gái một con, trông mơn con mắt", gia dĩ nàng Oanh lại có sắc đẹp tự nhiên vẹn vẻ, hóa nên thầy Thông ngôn càng mê đắm mê say, thấy tiến đến bên cạnh nàng, lộ ra vẻ hiền từ phúc hậu bảo nàng rằng :

– Bà chớ lo ! Tôi xin tình nguyện làm giấy má hộ bà, để bà đầu đơn khiếu nại cùng Nhà nước !

Oanh Cơ tưởng đấy chỉ là lời nói dãi bôi cho đẹp chuyện ai ngờ thầy Thông nói sao làm vậy, ngày hôm sau vội đến nhà họ Lê thảo các đơn từ từ tế rồi đọc cho Oanh Cơ và Lê mẫu nghe. Xong, thầy xin hai mẹ con ký tên vào đơn rồi đệ trình lên quan Án. Khi thầy Thông ra về, hai mẹ con Oanh Cơ cảm chút tình sấn sóc đến người có nạn, đem gạo tiền ra tiễn, song thầy Thông một mực chối từ, nhất định thế nào cũng không nhận.

Cách đấy ít lâu, chẳng biết Tòa xử tuyên án ra làm sao, chỉ rõ ngày 26 tháng Ba, đầu giờ Mão, anh em công tử họ Lê bị điệu về núi Gôi, trói vào hai chiếc cọc đóng thấp thấp ở một sườn đồi. Mười hai tên đạo tặc đồng đảng với Nguyễn Quán cũng bị trói như thế chung quanh mình hai cậu ấm.

Trên sườn đồi, trước mặt lũ tội nhân, nền đất bị san phẳng để dựng một cái rạp lớn, chung quanh có tinh kỳ đỏ ối, gươm giáo sáng quắc, tàn quạt uy nghi. Trong rạp, trên một chiếc ghế bành, đằng trước có bày hương án –

một ông quan áo mũ chỉnh tề – cân đai bối tử trịnh trọng, ngồi chễm chệ uy nghi, sắc mặt nghiêm nghị đượm vẻ sát khí lạnh lùng. Diện mạo cứng cỏi đó thực là hợp với vẻ long trọng thể thảm của pháp trường. Bên mình Giám trăm quan có các viên bộ hạ, các lính tráng theo hầu và một bộ đàn sáo bát âm. Hai bên trước cửa rạp, một bên là giá trống cái, một bên là giá chiêng đồng ; hai tên lính mặc quần áo chèn vàng nẹp đỏ, chân thắt xà cạp điều, cầm dùi đứng chực sẵn.

Trong hoàn cảnh lạnh lùng nghiêm nghị ấy bỗng thấy một người đàn bà vừa khóc sụt sùi như mưa gió, vừa thất thểu tiến đến. Thiếu phụ đó mặc đồ sô gai trắng bỏ tóc xòa, đội mũ che lấp cả mặt mũi hóa nên không ai nhận rõ được dung mạo nàng. Nàng bỗng một đứa con thơ, rẽ đám người đi xâm xâm vào tận giữa pháp trường, tới gần một tội nhân nâng đứa hài nhi cho anh ta hôn hít : đoạn, phủ phục dưới chân anh ta khóc nức nở, nói không ra tiếng.

Phạm nhân đó nào phải ai xa lạ, chính là công tử Lê Trọng Việt, mà thiếu phụ kia, ấy là nàng Oanh Cơ. Nàng Oanh Cơ ngồi xếp xuống đất, bên cạnh chồng, ruột gan quặn quại như đứt ra từng đoạn một. Cảnh sinh ly tử biệt, tự nhiên đến hủy hoại gia đình êm ấm nhà nàng, nó tàn ác quá, đau đớn quá, khiến nàng không còn tâm hồn nào nữa, không còn đủ tri giác và tinh thần sáng suốt để tìm ra một lời lẽ gì thống thiết khóc chồng và từ giã anh chồng. Nàng cứ quỳ mọp dưới đất. Cậu ấm hai, trông thấy vợ con lòng cũng tan tác, không thể cầm được nước mắt. Nhưng đã đến trường hợp này, cậu đành phải cúi đầu nhẫn nhục trước sắc lệnh cay nghiệt của định số, thốn thức bảo vợ rằng :

– Em khá mau về đi, đừng ở chốn rơi thịt đổ máu này làm gì ! Ngày nay anh sở dĩ đương tuổi thanh niên mà bỏ vợ con, chịu bất đắc kỳ tử một cách thảm thiết thế này, chẳng qua chỉ vì tiền oan nghiệp trái đó mà thôi, có cưỡng cũng vô ích ! Thân phụ chúng ta, xưa xông pha trong vòng khói lửa, chém giết tàn sát cũng nhiều, các oan hồn bởi thế mới theo dõi dòng họ ta mà trả thù, báo oán. Đến lúc vận trong nhà suy bĩ, lại có cả hai con ma rừng thừa trước cũng hòa vào tác quái ; mạng anh nghĩ cho kỹ, thực là khó nổi bảo toàn ! Em còn nhớ câu chuyện ma rừng anh thuật lại em nghe trong đêm vắng vẻ, khi hai ta mới bắt đầu gặp gỡ nhau không ? Thôi em, em khá về đi ! Anh sống khôn chết thiêng, sẽ theo dõi bóng em, phù hộ cho em mãi mãi ! Em còn trẻ, có nhan sắc ; đời em còn chứa chan hạnh phúc,

em chớ nên nghĩ luôn luôn tới kẻ khốn nạn này làm gì ! Anh phúc mỏng đức bạc, không được cùng em thủy chung trọn nghĩa ; một mai anh chết rồi em nên quên hẳn anh đi, chọn lấy một kẻ xứng đáng trao thân gửi phận, may ra sau này không đến nỗi khổ sở nghèo hèn ! Còn như đối với anh duyên số hai ta chỉ đến đây là đoạn tuyệt ! Em đừng nên quá câu nệ, nghĩ vẩn vơ mà chịu thiệt thòi cả một đời xuân trẻ tốt tươi ! Thôi, anh nói thế đủ rồi, em đứng dậy về đi đừng bịn rịn dằng dằng nữa.

Trọng Việt căn dặn vợ vừa xong, thì có một tốp lính vàng lệnh Giám trăm quan, cầm roi đến xô đuổi Oanh Cơ ra ngoài. Nàng bèn đặt phịch đứa con thơ xuống bãi cỏ bỏ mặc nó khóc oe oe, thụp xuống lạy anh chồng hai lạy, rồi lạy chồng hai lạy, vừa lạy vừa khóc lóc rất thảm thương. Đoạn nàng bế cháu lại hôn bác, nâng con cho hôn cha, rồi bỗng nó lùi thúi bước ra khỏi vòng cấm địa của pháp trường. Nàng đi mới được vài bước đã nghe tiếng loa nổi dậy như một hồi còi thảm thiết, bi ai, tiếp đến một tiếng trống trầm trầm và một tiếng chiêng lanh lảnh. Tùng ! Bi ly ! Nàng ngoái đầu lại, hốt nhiên hoa mắt choáng váng, ngã gục trên thảm cỏ...

Thì ra mỗi tiếng loa, tiếng trống, tiếng chiêng báo hiệu như thế là một mệnh lệnh khai đao. Đao phủ mặc áo chên đen, thắt dây lưng điều buộc thành tua ra phía tả múa may giữa đám tử tù, cứ mỗi lần nghe dứt tiếng chiêng sau cùng là hẳn khoa thanh mã tấu đưa một linh hồn về chín suối !... Bãi chân đồi núi Gôi ngày nay chỉ còn là một cảnh hiên lành phẳng lặng, có ai hay nó đã làm sân khấu cho một tấn tuồng cực kỳ bi đát mà những vai đào kép bây giờ đều đã khuất, chỉ còn lại sự tích thương tâm của họ, và hai mảnh hồn oan phiêu phiêu tán tỵ, thỉnh thoảng lại hiện lên chốc lát để kỷ niệm lại cho đỡ tiếc cuộc đời trai trẻ đầy hy vọng, một sớm mai chẳng may bị cắt đứt dưới lưỡi gươm tên đao phủ vô tình !

Hai cậu ấm chết rồi, chả mấy chốc Lê mẫu cũng buồn thảm mà chết theo ; Oanh Cơ trước kia sống nghèo nàn cô độc nay cũng nghèo nàn cô độc, cùng một đứa con thơ ấu và một đứa cháu vị thành niên. Bao nhiêu sản nghiệp trong nhà, lúc hai cậu ấm Lê bị tù tội, đã đem bỏ cả ra lo lót, thậm chí bán cả vườn cả ruộng thế mà gỡ cũng không xong ! Những đơn từ và mọi công việc chạy chọt, bởi cố cậu Nguyễn Tiêu còn bé dại, nên nhờ ơn thầy Thông ngôn coi sóc hộ từ trước đến sau. Thầy Thông thực quả là người quý hóa. Giữa khi trong nhà lâm biến, thấy một lòng tình nguyện đến đỡ dần dù khó nhọc thế nào cũng chẳng từ nan. Những buổi lấy khẩu

cung ở giữa tòa thầy đã cố ý bênh vực che chở cho hai anh em họ Lê, song quan trên nghiêm khắc quá, nên không tài gì làm giảm tội được chút nào. Kịp đến khi chồng và anh chồng nàng Oanh bị hành hình rồi, thầy lại tự đứng lên giúp đỡ mọi việc ma chay tổng táng rất là tươm tất. Thấy cô cháu Oanh Cơ lâm thế quẫn, nghèo nàn chả có tý gì, thầy nhiều phen giúp tiền, giúp gạo, đối với gia đình nhà nàng rõ ra một vị ân nhân hào hiệp. Thấy Thông không những chỉ phúc hậu từ tâm, thầy còn là người đứng đắn nghiêm trang nữa ; trước mặt một quả phụ trẻ đẹp như Oanh Cơ, không hề bao giờ thầy có một lời bõm xòm bõm bãi cả.

Mãi đến khi nàng hết tang chồng đã hơn một năm, lúc bấy giờ thầy thấy gia đình nàng quẫn bách quá mới sai mối lái lại hỏi nàng và đưa cho nàng một lá thư đại ý như sau này :

"Tôi xem chừng cái thế bà không thể đứng một mình như thế này được mãi, vì cứ thế, bà lấy kế gì mà sinh nhai và nuôi hai cháu còn thơ ? Như bà không có lòng tục huyền thì thôi, tôi không dám nói. Còn nếu bà liệu phải bước đi bước nữa bởi tình thế bó buộc thì tôi có một lời này tâm sự mong bà rộng lượng xét cho ! Tôi đây cũng góa vợ đã lâu, không có con, ở trong cảnh cô tịch quạnh hiu mãi, lấy làm buồn lắm. Chỉ hằng có sự này là lương toàn hơn cả : chúng ta cùng hợp nhau lại để gây một gia đình tươi vui đầm thắm, tưởng những kẻ nơi chín suối cũng hiểu tình thế mà tha thứ cho ta ! Bà nghĩ thế nào ?".

Thực ra Oanh Cơ cũng muốn thủ tiết với chồng cho trọn nghĩa ái ân và đền tẩm ơn tri ngộ, nhưng trong buổi khốn khó này, nàng còn có đứa con thơ phải nuôi nấng gây dựng nên người cho khỏi phụ lòng kẻ khuất. Nàng là một phụ nhân hèn yếu, không có gia tư điền sản, cũng không nghề nghiệp sinh nhai, chả lẽ cứ ỷ lại mãi mãi vào lòng tốt của thầy Thông để cô cháu mẹ con được no thân lành áo ? Và lại, gia đình nàng thụ ơn thầy Thông quá nặng, nay cũng là một dịp để đền đáp chút ơn ấy. Bởi thế nàng nhận lời gá nghĩa cùng thầy, mong rằng sẽ có thể dựa vào thầy được để gây dựng cho đứa con gái bé nên người tử tế. Nàng có lấy thầy chàng nữa, cũng chỉ là vì đứa con thơ, đứa cháu bé mà phải cải giá ; chứ lòng nàng đã héo khô rồi, còn có ái tình đâu nữa ! Ái tình của nàng nó đã theo cậu ấm Lê cùng xuống tuyền đài, nàng không thể một đời yêu đến hai lần, nếu người đó không phải chàng thứ tử họ Lê sống lại...

XIII

ĐÈO Ô QUÝ HỒ

Trên con đường gập ghềnh từ Chapa qua Phong Thổ⁽¹⁾ một đoàn hành khách dừng chân nghỉ giữa con đèo Ô Quý Hồ. Đoàn hành khách có mười hai người : một người đàn bà và một người con gái bé ngồi ghế đằng sau, một người con trai cưỡi ngựa, còn bao nhiêu là phu khiêng ghế và tải đồ đạc cả.

Hỏi ra mới biết người đàn bà đó là bà Tri châu Phong Thổ, chồng vừa ra đất ấy phóng nhậm được ít lâu nay. Đứa con gái bé là con bà, người con trai là cháu bà. Đoàn phu để chiếc ghế đằng sau ở chỗ có bóng mát, rồi họ tản mát ngồi mỗi người ở một gốc cây để nghỉ chân dưỡng sức. Bà Tri châu lúc ấy giở tráp trâu ra ăn một miếng, trông bà có vẻ buồn rầu lo lắng, nhưng vẻ lo buồn không làm thế nào át được sắc đẹp dịu dàng sắc sảo của bà. Bà ăn mặc cực kỳ diễm dấn, nền nếp, không đeo lăm vàng ngọc, không đánh phấn thoa son ; song càng ngắm bà càng thấy có duyên, càng bị say đắm vì đôi con mắt mơ mộng của bà, đôi mắt đắm đắm nhìn vào quãng chân trời xa thẳm.

Lúc ấy vào khoảng ba giờ chiều. Bóng nắng xê xế, trên đường rừng mát mẻ dễ chịu lắm. Người thiếu niên đi ngựa buộc con vật đỡ chân của chàng vào một gốc cây, rồi đi dạo quanh quần ngắm nhìn vẻ đẹp lộng lẫy tươi thắm của ngàn nội. Tụi phu có vẻ mệt nhọc, vì họ đã tít tuổi cả ngày rồi, ai ai cũng nhân dịp lúc dừng chân mà quạt mồ hôi, và nghỉ ngơi cho lại sức. Họ để các rương hòm rải rác dọc đường, núi, rồi ngồi phanh ngực ra mà quạt, có người thì dựa vào gốc cây, vách đá mà lim dim ngủ, chả ai để ý đến chiếc ghế đằng sau để ngay sát rìa núi trước mặt bãi sậy rườm rà.

Bỗng đâu, một tiếng la to làm cho mọi người hoảng hốt đứng cả dậy, rồi đến tiếng khóc, rồi đến một lời kêu the thé vang lừng trong rừng sậy đưa ra :

— Cháu Tiêu ơi ! Cháu nhớ lấy lời cô đó !

(1) Phong Thổ : thuộc tỉnh Lai Châu.

Xong, im bật. Cả đoàn ùa lại mé đặng sơn. Cô bé con nằm chết ngất, ngoẹo đầu dựa vào thành ghế, còn bà Tri châu thì đã biến tự lúc nào rồi. Dưới đất, ngay chỗ đặng sơn, có vết bốn cái vuốt in sâu xuống cát. Đoàn phu nhận ra đó là dấu chân hổ. Thì ra bà Tri châu đã bị hổ cấp tha đi !

Bà Tri châu đó là Oanh Cơ. Ngày nay, theo đúng nghiệp số của nàng, nàng phải theo hai anh chị chết dưới vuốt thiêng loài mãnh thú. Con hổ này rình nàng từ lâu lắm rồi, nó định bắt nàng đi đã mấy năm nay rồi ! Bởi chưa có dịp nào, nó đành phải đợi sau khi bắt hụt nàng một phen ở mé Đồng Giao. Tra khảo anh chị nàng, nó biết nàng tất phải qua đèo Ô Quý Hồ vì theo chồng ra Phong Thổ. Nó phục trong bụi lau đợi nàng ở đó. Ngày giờ nàng đã đến, số kiếp nàng đã tận, nàng bị nó nhảy xổ ra ngậm chặt lấy lời đi, giữa khi cháu nàng và các phu phen đều vô ý mỗi người chăm chú vào việc riêng của mình.

Đời Oanh Cơ thế là đoạn tuyệt ; nàng vừa ra khỏi kịch trường mà nàng đã đóng một vai đào thương hết sức bi ai. Nhưng kỷ niệm của nàng mãi mãi vẫn không bị mờ ám trong lớp bề dẫu ; hình bóng nàng còn sống trong tâm hồn con nàng và cháu nàng. Trước khi nhắm mắt lìa đời, nàng đã tìm ra được một bí mật : chồng cũ nàng, Lê Trọng Việt không phải bị các quan tòa lầm lẫn bắt buộc vào tội chết, mà chính là kẻ thù đã theo dết đã bịa đặt ra nhiều chuyện để xui giục quan tòa hạ bút phê án tử hình ! Kẻ thù ấy, độc địa thay lại là thầy Thông, người đã cùng nàng gá nghĩa sau này ! Cậu ấm Lê Trọng Việt chết được ba năm, nàng nghe lời đường mật của thầy cùng thầy đánh bạn. Nàng về nhà thầy được ba năm thì thầy bỏ đi Bắc Cạn, rồi được hai năm nữa, thầy thăng Tri châu, lên phó nhậm ở Phong Thổ. Trong khi chung chạ, nàng nhận ra rằng thầy Thông là người gian trá xảo quyệt, chỉ có vẻ ngoài niềm nở lịch sự, mà thực tình trong lòng chứa đầy các kế độc, mưu sâu. Nàng nhận được rằng thầy là kẻ tham lam bôn tẩu, tìm hết cách hại nhân thăng kỹ, một là để ăn tiền cho giàu có, hai là để chóng cao thăng. Thầy đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu nhân vật điêu linh, thế mà không tỏ vẻ gì hối hận cả, lại còn đắc ý là đằng khác. Những giờ chần gối, nàng có ý gọi câu chuyện chồng cũ, than vãn sao kẻ kia vô tội mà đến nỗi bị quan trên khép vào án tử hình. Nghe nàng căn vặn, thầy Thông cứ ậm ừ không trả lời sao cả ; mãi lâu lắm, lâu lắm, một đêm mà trời đất lạnh lùng buồn tẻ, một đêm mà hoàn cảnh như gọi lòng người, phải mở phanh cho tâm sự lọt ra, thầy Thông mới khe khẽ rỉ tai nàng, bằng một giọng trầm trầm, ngân ngai :

– Sở dĩ tôi yêu mợ quá, nên buộc lòng phải làm như thế. Đáng lý ra, anh em họ Lê không đến nỗi chết, chỉ phải tù tội mà thôi ; tôi có nói thêm vào nên họ mới bị xử trảm. Song ngẫm ra đến ái tình là hết, tôi có quý thương mợ, nên mới gây ra tội ác ấy ; không thì sao có ngày nay ?

Từ khi nghe lời thú nhận của thầy Thông, Oanh Cơ coi thầy như con vật dữ, ngoài mặt nàng không lộ ra vẻ gì giận dữ căm tức cả, nhưng trong lòng nàng chứa chất một khối oán hận tày đình. Nàng oán thầy khẩu Phật tâm xà, làm hại người ngay thẳng để quyến rũ vợ người ta mà vẫn nhơn nhơn vui vẻ, hình như không coi việc ác của mình là một sự xấu xa. Nàng trót đã lấy thầy, không nỡ giết thầy để rửa hận cho người đã thác ; vả có giết thầy chẳng nữa, cũng không đủ trả thù rửa oán ; tội thầy đáng phải hình phạt một cách tàn nhẫn, độc địa sâu cay hơn, hình phạt thế nào cho thầy sống cũng như chết, ăn mất ngon, ngủ mất yên, đêm ngày tâm trí lo sợ, hối hận, hai mắt dù mở dù nhắm, cũng thấy những cảnh mắt dầu đổ máu tự tay thầy đã gây nên. Như thế, may ra mới xứng đáng ! Nàng muốn tìm một kế báo thù như thế, nhưng thời gian thấm thoát, nàng chưa tìm được kế gì. Có lắm lúc mới oán hận trong lòng như sóng nước chơi vơi, tràn lên tới cổ, nàng muốn chém thầy ngay, đầu độc thầy ngay, song chợt nghĩ đứa con thơ, nàng lại nén dần khối lòng, hết sức trấn tĩnh, lộ ra vẻ điềm đạm như thường, khiến thầy khỏi nghi ngờ.

Muốn biết rõ ngày xưa thầy hành động thế nào, Oanh Cơ lần về Nam Định, đến Tòa sứ, hỏi những người bạn của thầy Thông, nhờ họ cho xem tập hồ sơ của cái án cũ Lê Trọng Việt. Xem tập án ấy, nàng mới hay lá đơn khiếu nại thầy đã làm hộ cho mẹ con nàng đại ý như sau này :

"Chúng tôi là Bùi Thị Lan, vợ góa của nguyên quan Lãnh binh Lê Văn Khắc, và Nguyễn Oanh Cơ, nàng dâu thứ hai của vị cựu quan ấy, cúi đầu thành kính xin các quan Tòa đền trời soi xét trông lại cho chúng con nhờ.

Nguyên hai tên Lê Mạnh Khôi và Lê Trọng Việt tức là con, anh chồng và chồng chúng con, gần đây lại can phạm vào vụ cướp ở làng Ngọc Chính Hạ. Tên đầu đảng bọn cướp đó là Nguyễn Quán, có rú rờ người nhà chúng con làm việc phạm pháp ; người nhà chúng con trót đại giúp đỡ quân phản nghịch, nhưng cúi xin các quan thương cho và đừng bắt tội, bởi lẽ, nếu hai anh em Khôi, Việt bị tội thì họ Lê chúng con sẽ tuyệt tự. Khôi và Việt còn mẹ già năm nay đã ngoại năm mươi lại có vợ đại con thơ, không biết nương tựa vào đâu, tình cảnh thực là bi thiết. Cúi xin các quan mở lượng hải hà,

hết sức che chở bao dung cho, chúng con sẽ ngậm vành kết cỏ, đội ơn các quan lớn vạn hội".

Một lá đơn như thế, có bao giờ hai mẹ con nàng Oanh chịu ký tên ở dưới, nếu thấy Thông không đọc trại đi một cách khác, bảo rằng hai cậu ấm Lê không từng vào phe với đảng cướp bao giờ. Cứ theo lá đơn này, thì rõ ràng là, nàng Oanh và mẹ chồng nàng đã nhận rằng hai cậu ấm có đi ăn cướp thật, và kêu xin quan tòa ra tay tế độ, mở đường hiếu sinh cho. Nàng Oanh xem đến đấy, khí giận bốc lên ngùn ngụt nàng phải rút khăn lau mồ hôi trán đến bốn năm lần. Nàng lại giờ xem nữa. Đến đoạn lấy khẩu cung, nàng thấy chép bằng tiếng Pháp, mới mượn người dịch lại cho nghe. Khẩu cung của anh em Khởi, Việt mà chính thầy Thông hồi ấy đã dịch cho các quan tòa nghe, như sau này :

"Chúng tôi vì có điều tức giận nên đi theo đảng cướp nay đã làm nên tội, chúng tôi không hối hận gì cả !".

Trời ơi ! Có lẽ nào anh chồng và chồng nàng lại điên cuồng ngộ đại mà khai như vậy ? Thực tình họ có đi theo đảng cướp bao giờ ! Con người độc địa sâu cay làm sao ! Thế mà ngoài mặt vẫn đạo mạo nghiêm trang, nào ai dám bảo là một kẻ giết người không đao kiếm ?

Sau khi ở Nam Định về, Oanh Cơ viện hết lễ này đến lễ khác, không hề chung chạ gối chăn với thầy Thông nữa. Cho mãi tới ngày thầy được giấy quan trên cho thăng chức Tri châu, và bỏ đi Phong Thổ. Thầy đi trước, chỉ đem một ít hành lý, dặn nàng ở lại Bắc Cạn, rồi đem người nhà và đồ đạc theo sau. Trước khi lên đường, không hiểu tại sao, nàng cảm thấy một sự gì buồn buồn khó tả, tựa hồ báo trước cho nàng biết, nàng sắp gặp những tai nạn bất ngờ. Rửa mặt, nàng ngửi nước thấy mùi tanh ; ra cửa nàng bị vấp suýt ngã ; rồi lại có con chó vàng đến kéo áo như muốn lôi nàng trở lại. Nàng ngồi ở đầu thì chỗ ấy có nhện đen sa. Thực là những điềm quái dị vô cùng. Nàng bèn thảo một phong thư di chúc trao cho cháu là Nguyễn Tiêu ; đoạn, nàng tỏ bày nỗi oán hận của mình cho cháu rõ và bảo chàng rằng :

– Cháu chịu khó giữ lấy thư này cho kín đáo cẩn thận lắm mới được ! Khi nào em Quyên (con gái nàng) đúng mười tám tuổi, bấy giờ cháu sẽ kể sự tích cha nó thế nào cho nó nghe. Và cháu sẽ bảo nó nên theo đúng lời cô mà báo thù. Báo thù nào cho kẻ kia phải điêu linh, khổ sở, còn cũng như mất chó đừng giết hại nó làm gì ! Bởi giết nó, tức là ra ân cho nó đấy ! Đi chuyện này, cô cảm thấy mệnh số cô hình như sắp hết ; cô cháu ta sẽ cùng

nhau vĩnh quyết nay mai ! Trên đời này, cô không còn ai họ hàng thân thích, chỉ có cháu và em Quyên. Cô thường vẫn thương cháu như con, vậy một mai cô có mệnh hệ nào, cháu sẽ nghĩ tình, tận lực giúp em cho nó trả được thù, ấy là cháu đáp nghĩa cho cô đấy !

Nỗi lo ngại của nàng Oanh quả nhiên thành sự thực. Nàng đã bỏ con thơ cháu bé ở lại với cuộc đời tàn ác, để một mình lánh sang cõi thế bên kia.

Câu chuyện sự tích nàng Oanh đến đây là dứt.

— Từ ngày nàng bị hủ tha vào bụi thì cứ những đêm mưa dầm gió bắc, những đêm u ám không trăng, trên quảng đền Ô Quý Hồ lại văng vẳng có giọng đàn ca náo nức, ai bạo gan xông xáo trong đêm khuya rừng vắng, thì thấy ba cái bóng ma ngồi đàn hát cho một con cọp lớn ngồi nghe. Quái trạng đó hiện chán ở đền Ô Quý Hồ, thì lại quay về hiện ở Đồng Giao tức chỗ ngày trước nó thường dùng làm nơi cơ sở. Ở đây, cũng như ở kia, chỉ là do một gốc tích mà xảy ra tình hình ghê rợn ấy. Nàng Oanh thác rồi, mười lăm năm sau, con gái nàng mới thay nàng báo thù cho cha là Lê Trọng Việt. Câu chuyện báo thù ấy, lại là một vấn đề khác, nó dài dòng lắm, và nó ly kỳ rùng rợn chẳng kém gì câu chuyện của Oanh Cơ. Con người độc nhất vô nhị được rõ nguồn gốc và kết quả sự báo phục ấy là tôi, bởi lẽ tình cờ và duyên số đã khiến tôi đóng một vai, một vai thụ động trong tấn kịch thương tâm chua xót ấy. Mà cũng vì có chân trong kịch, tâm tôi bị đeo một vết đau dớn thấm thía đến nay quá bốn mươi năm rồi cũng vẫn chưa nguôi... Nhưng mà ?... Bây giờ đêm sắp hết rồi, tôi không thể kể tiếp cho ông nghe được nữa ! Mai kia khi chúng ta lên tới Chapa, trong những giờ rỗi rãi nhàn cư, tôi sẽ dần dần thuật một lượt để ông thưởng thức ! Kia ! Ông hút nữa đi chứ ! Hút đi và tìm cho tôi một điều xem nào !

Cụ Trần Công Chất nói tới đây, ngừng lại, tôi nhìn cửa sổ trong phòng thấy ánh sáng nhờ nhờ dương xuyên qua luồng kính...⁽¹⁾

(1) Tác giả để cuối truyện : Viết xong tại phố Nghĩa địa Tây, trước cửa Nghĩa địa Sài Gòn ngày mừng bảy tháng Tư năm Canh Thìn (13 Mai 1940).

YÊU NGÔN

Tác giả : **Nguyễn Tuân** (10.VII.1910 - 28.VII.1987). Bút danh : Nhất Lang, Thanh Thủy, Ngột Lôi Quật, Thanh Hà, Tuấn Thừa Sắc, Ân Ngũ Tuyên... Người làng Mọc, thôn Thượng Đình, (nay thuộc phường Nhân Chính), quận Thanh Xuân, Hà Nội. Sinh trưởng trong một gia đình Nho học. Thuở nhỏ sống ở nhiều tỉnh miền Trung. Nguyễn Tuân học Thành chung ở thành phố Nam Định, tham gia bãi khóa và bị đuổi học. Ông trốn sang Thái Lan nhưng bị bắt, bị giải về xử tại Hà Nội, bị kết án giam và quản thúc ở Thanh Hóa. Thời kỳ này, ông bắt đầu làm báo, viết văn, là phóng viên báo Đông Tây. Hết hạn quản thúc, ra Hà Nội, sống chủ yếu bằng nghề viết văn. Từng cộng tác với báo : Đông Tây, Nhật Tân, Hà thành ngọc báo, Tiểu thuyết thứ Bảy, Hà Nội tân văn, Tao đàn, Thanh nghị, Trung Bắc Chủ nhật... Những năm 1938 - 1939, với hàng loạt truyện ngắn đăng trên Tao đàn, Tiểu thuyết thứ Bảy, v.v. ông thực sự nổi tiếng trong làng văn.

Đầu những năm 1940, ông bị Pháp bắt, bị đưa đi tập trung ở Vụ Bản, Nho Quan, sau được tha. Những năm 1945 - 1946, nhà văn cùng một đoàn văn nghệ sĩ đi công tác vùng khu Năm (Trung Bộ). 1947, ông phụ trách một đoàn kịch lưu động. Từ 1948 - 1958, là Tổng Thư ký Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ 1958 về sau, ông thường xuyên là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Trong lần xuất bản đầu tiên bộ sách này vào năm 1999, dưới tiêu đề chung Báo oán, chúng tôi in lại 3 truyện ngắn giàu chất kỳ ảo của Nguyễn Tuân : Báo oán, Trên đỉnh non Tản và Xác ngọc lam. Báo oán in lần đầu trên Tao đàn số 12 năm 1939, Trên đỉnh non Tản cũng in lần đầu ở báo này, số 13 năm 1939 với tiêu đề Trên đỉnh

núi Tản. Cả hai truyện sau được chọn in lại trong Vang bóng một thời năm 1940, truyện Báo oán đổi đầu đề thành Khoa thi cuối cùng và truyện Trên đỉnh núi Tản đổi thành Trên đỉnh non Tản. Chúng tôi giữ lại đầu đề Báo oán và dựa theo văn bản trong Vang bóng một thời của Nhà xuất bản Văn học, 1983. Còn truyện Xác ngọc lam được đăng tải lần đầu trên Thanh nghị số 28 và 32 năm 1943. Sau này các bộ Tuyển tập Nguyễn Tuân đổi tên là Cô Dó và chỉ trích đăng phần đầu chứ chưa có dịp in trọn vẹn. Chúng tôi đã lấy lại tên gốc và in đầy đủ cả truyện.

Năm 2000, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh sưu tầm thêm được 5 truyện : Đới Roi (báo Thanh nghị, số 29 - 1943), Rượu bệnh (Thanh nghị, các số 51 đến 54 - 1943), Lửa nén trong tranh (Trung Bắc Chủ nhật, số 156 - 1943), Loạn âm (Trung Bắc Chủ nhật, số 161 - 1943) và Tâm sự của nước độc (rút từ truyện Chùa Đàn), cho in chung với 3 truyện mà chúng tôi đã trích từ trước (trong 3 truyện này thì truyện Xác ngọc lam không đầy đủ bằng bản trích của chúng tôi) dưới nhan đề chung là Yêu ngôn mà theo ông, vốn nằm trong ý tưởng của Nguyễn Tuân những năm trước 1945 (Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000).

Lần tái bản này, chúng tôi xin phép được chọn thêm cả 5 truyện đã dẫn của Yêu ngôn vào Truyện truyền kỳ Việt Nam - Quyển III và cũng xin đổi tiêu đề Báo oán của cả cụm truyện Nguyễn Tuân thành Yêu ngôn ; riêng truyện Tâm sự của nước độc sẽ để riêng thành một mục, trích từ Chùa Đàn.

Chúng tôi có chỉnh sửa và chú thích thêm ở một số đoạn văn được Nguyễn Tuân rút từ thơ chữ Hán Trung Quốc, nhưng do phiên âm Hán Việt có sai sót, người sưu tầm Yêu ngôn chưa kịp chỉnh sửa và chú thích.

Xin bày tỏ lời cảm ơn đối với nhà sưu tầm Nguyễn Đăng Mạnh và Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

227. BẢO OÁN

Ở cuốn lịch niên hiệu Duy Tân năm thứ mười (1916) bìa vàng nhòe nét son dấu kim ấn tòa Khâm Thiên Giám⁽¹⁾, thấy tiết thu phân và ngày lập thu qua đã lâu rồi.

Mùa mưa dầm thảng Chín chỉ là những giọt than vãn triền miên của kỳ Ngâu còn kéo dài mãi đến bây giờ. Xứ đồng chiêm Sơn Nam hạ⁽²⁾ đã biến thành một vùng nước rộng nhấp nhô những con đò đồng ly ty. Sóng đồng hỗn loạn vỗ vào mép những con đường đất thó nhuyển và những bờ lũy tre già ướt át. Làng mạc vùng quê Nam Định nhoi lên khỏi làn nước trắng lạnh như những quần đảo xanh một màu hoang vu.

Nước mùa mưa hợp các xứ đồng chiêm lại thành một khối lớn và trên nước đồng mông quạnh, những con thuyền thúng đi về nhiều như tre rụng lá mùa thu. Đêm mưa gió, mặt nước bình rộng âm hưởng rất xa cái tiếng kêu đánh cướp nhóm lên từ những làng cù lao lẻ loi.

Bên bờ đường cái quan, hoa hòe nở vàng ối. Dặm hòe đất Sơn Nam hạ trở bông đã từ lâu. Hòe đã râu cánh, vàng úa tới mãi xuống.

"Hòe hoa hoàng, cử tử mang". Thấy dặm hòe ngả màu vàng, lòng những người có chữ bắt đầu bận bịu. Dưới mảnh trời sứt sùi, hòe vàng nở đều, lại ấm lại lòng người sĩ tở tưởng đến sự hiển đạt về sau này. Màu vàng của sắc hoa nơi dặm hòe dài đã nhắc bao nhiêu học trò vùng Sơn Nam hạ nghĩ đến cái màu vàng của một tấm giấy cáo trực⁽³⁾ phong tặng hoặc là phần hoàng mai sau cho hai đấng sinh thành.

(1) *Khâm Thiên Giám* : cơ quan làm lịch và xem thiên văn, địa lý.

(2) *Sơn Nam hạ* : nay là địa phận các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thái Bình và một phần tỉnh Hưng Yên.

(3) *Cáo trực* : tờ sắc phong cho quan từ ngũ phẩm trở lên.

Một hôm kinh truyện sũng ướt nước mưa, ôm khư khư mà ngồi trong lòng một chiếc đồ đầy đang tìm lại bến cũ, ông Đầu xứ Em nghĩ xem giờ xuống tỉnh, nên trọ nhà ai cho tiện trong suốt một kỳ thi. Cái nhà bà Phùng quen kia thì đã chật hết chỗ rồi.

Hoa hòe là tả đánh rớt những cánh vàng nâu cuối cùng lên bả vai bao nhiêu học trò các vùng đổ về tỉnh Nam. Năm nay Nhà nước lại mở khoa thi. Một khoa thi cuối cùng. Có những ông đồ già tóc râu đã ngả màu vì sự đùa nhả của công danh đánh lừa suốt mấy phen, chuyến này cũng cố chen ra hồ vớt lấy một chút phấn hương cuối chầu của triều đình.

Trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ⁽¹⁾ có ông Đầu xứ Em dự, còn nhận nhíp gấp mấy khoa Ất Mão⁽²⁾ trước.

Khoa Ất Mão trước, ông Đầu xứ Anh bị loại ngay vòng đầu, bay kỳ kinh nghĩa. Khoa Mậu Ngọ này, ông Đầu xứ Anh nhất định không đi nữa, mặc dầu đây là khoa cuối cùng, rồi đây bãi hẳn sự thi cử. Ở vào buổi giao thời, nếu người ta còn cái lòng công danh thì khoa thi Mậu Ngọ là một chuyến thuyền vượt biển cuối cùng. Từ Mậu Ngọ trở về sau, sẽ mở một thời khác, chữ Hán chỉ còn là một thứ xa xỉ phẩm trong học vấn của một lớp người. Từ sau khoa này, cái lều cái chõng chỉ là những vật cổ tích mỗi khi nhắc tới lại gợi lại một chút nhớ tiếc trong lòng một đám người còn sống thêm một ngày là càng chỉ thêm một ngày bờ ngõ với phong hội mới.

Ông Đầu xứ Anh nhất định không nộp quyển khoa này, tuy bao nhiêu người, từ quan Đốc tỉnh cho đến anh em đồng song, thấy đều gởi hy vọng vào ông. Thơ phú làm rất nhanh ; sách nhớ có thể vạch ra từng chương từng tiết một. Tính người lại điềm đạm hồn hậu ; ai nấy đều khen nhà ông có đất học. Khen rồi lại lấy làm lạ cho ông. Có một ông tam trường khoa trước lại ngờ hay là khoa này, tại Nhà nước bắt đám sĩ tử phải chụp ảnh dán vào quyển nộp mà ông Đầu xứ Anh không đi chăng ? Có một hôm đang cùng mấy người dạo chơi ở phố Hàng Thao, nhận được tin này, chính ông Đầu xứ Anh đã kêu : "Từ trước tới nay, có bao giờ như thế. Nhà nước bảo hộ, đãi đám sĩ phu trong nước, thật không ra quái gì. Chụp hết ảnh ông Thám, ông Đề, chụp đến nhà pha, nay lại chụp nốt học trò".

(1) Mậu Ngọ : tức năm 1918.

(2) Ất Mão : tức năm 1915.

Hôm người em là ông Đầu xứ Em xuôi tỉnh để soạn sửa đi thi ; ông Đầu xứ Anh đưa ra khỏi cái dốc đầu làng và lúc ông Đầu xứ Em đã ngồi gọn trong lòng đò đồng ông dặn :

– Xuống tỉnh, nhà bà Phùng đã đông người ở trọ rồi, có phải ở chỗ khác, chú có ở đâu, cũng cứ tạt lại đây mà nhắn hộ cho tôi. Đến hôm các quan tiến trường, cứ hạ tuần tháng này, thể nào tôi cũng có mặt dưới tỉnh.

Người em đứng dậy, nói với lại làm chiêng con đò đây :

– Cô Trinh, con gái út bà Phùng, hình như vẫn chưa lấy chồng phải không anh ? Khoa Tý⁽¹⁾ năm trước anh cũng trọ đây phải không ?

Người em cũng muốn tiết nỗi vui ra ngoài một cách quá đáng để trấn tĩnh cái rối reng trong bụng một người đi thi. Ông Đầu xứ Anh nói lảng ra ngoài câu hỏi :

– Cứ quanh quẩn ở phố Cửa Trường ấy thôi nhé. Đi về nó tiện hơn. Ở đây dễ gặp anh em các nơi về thi.

Mấy đám hàng xáo người làng trên qua đây ghé đò xuôi chợ, không nhao nhao lên nữa như lúc mới nghiêng mạn đò vừa rồi. Họ ra về nể nang, ngồi thu hình lại, quơ lại một góc mấy lư tay nải và bì cối, cốt để dọn cho cái người học trò xuống tỉnh đi thi kia một chỗ ngồi rộng rãi. Đẩy con đò, dính chắc vào đất sét lòng bến nông, cô hàng gạo, buộc lại múi khăn mở quạ, nhìn cậu khóa không mỏi mắt, mỗi lúc ngượng nghịu lại nhỏ cốt trầu xuống đồng nước. Gió đồng hôm nay không thổi. Bãi quết trầu đỏ lặng im giữa làn nước nhọt nhạt rồi chậm chạp tan hòa vào nước cánh đồng chiêm, mỗi khi nhìn rộng ra, chỉ rất một màu bao la nhờ nhờ. Người lái đò mặc áo tơi kín phủ thân hình, chụp nón mê lấp cả mặt, đã rút đầu sào khỏi mặt nước. Con đò đẩy cựa quậy, bốc nhẹ, rồi trườn mình ra xa. Trời bắt đầu gió rét. Mưa thu lộp độp gõ xuống áo tơi nón lá của một chuyến đò đồng. Dưới gốc cây hòe già chỗ dốc đê làng, ông Đầu xứ Anh vẫn đứng nhìn theo.

Tỉnh mơ ngày 25 tháng Chín, tại khu trường thi Nam Định, các quan làm lễ tiến trường. Hai chiếc lọng vàng nghiêng phủ xuống lá cờ và tấm biển có chữ "phụng chỉ", "khám sai" bốn cây lọng xanh ghé thấp tị xuống một cái đầu bạc đại khoa. Mùi nghi vệ mới phảng phất ít hôm trước thì sớm nay đã nổi dậy trên khắp một khoảnh đất mà mọi khi chỉ có gió chạy trên hoa cỏ may hiu hắt từng cơn.

(1) Khoa Tý : tức năm Nhâm Tý (1912).

Ánh sáng ban ngày vắng đi mãi đến những đâu mà đến bây giờ vẫn chưa thấy trở về. Từ hôm có gió vàng pha mùi cơn bắc đến nay, chưa bao giờ thấy cái âm u tẻ lạnh đến nhường ấy. Gần giữa giờ Thìn rồi mà tối và sáng chưa phân tách hẳn được ra. Người đứng bao quanh đàn cúng, vẫn chỉ thấy ánh sáng mấy chục ngọn nến bạch lập rọi vào đàn tế, trên đàn phủ phục ba cỗ tam sinh còn queo : một con trâu và một con dê đen thui kèm con lợn cạo trắng mỡ to cặp mắt chết.

Mặt đất sáng hơn nền trời. Cuộc tế tiến trường như đang lắng chờ một sự biến gì. Gió cũng không muốn thổi. Mấy ngọn sáp không lung lay, vết khói xám nơi bình hương bốc lên thẳng thắn trên bàn tam sinh. Nền trời phương Đông đáng lẽ phải hừng lên rồi. Thế mà ở đấy chỉ rập một thứ mây đục đùn lên những hình quỷ đông. Phía Tây, một cái cầu vòng cụt một chân, tồ lên tạo vật những màu xanh đỏ đại đại và nghịch mắt. Trong cảnh âm dương không chia biệt rõ, quan Chánh Chủ khảo trường Hà Nam hợp thi khoa Mậu Ngọ đang tế cáo trời, đất, vua, thần, và thánh ; xuýt xoa khai xong tên, tuổi, quê, quán, ngài khấn to :

"Báo oán giả, tiên nhập ; báo ân giả, thứ nhập..."⁽¹⁾.

Có lẽ đoạn khấn này là khoản chú trọng nhất của lễ tam sinh⁽²⁾ và đã được quỷ thần chứng giám. Người lính tuần mặc áo nẹp đỏ vừa được lệnh đổ chén rượu cúng xuống tàn lửa đồng vàng đang hóa dở thì những đầu ngọn cỏ may im lìm nơi bãi trường thì đều rung lên một nhịp và rung theo một chiều. Người ta, hồi nãy sống một cơn mơ giữa khoảng ban ngày u uất, bây giờ trông thấy một cơn mơ đang tan dần. Một thứ gió u hiễn thổi thốc vào bãi trường, nghe ào ào như có tiếng các hồn oan hồn lành chen chúc và ùa vào choán chỗ. Những cây nến cháy vật ngọn bỗng tắt phụt hết. Không gì xa vắng bằng cái động dậy trong điều hiu của muôn loài.

Trời đất trong sáng lại dần dần.

Hai anh em ông Đẩu xứ Ngoạt – lấy tên tục của làng nguyên quán Cổ Nguyệt⁽³⁾ – lững thững ra về. Ông Đẩu xứ Anh bụng buồn lắm mà không dám nói ra.

(1) *Báo oán giả, tiên nhập ; báo ân giả, thứ nhập ; sĩ tử thứ thứ nhập* : những hồn báo oán vào trước, những hồn báo ân vào sau, các thầy khóa vào sau rồi.

(2) *Lễ tam sinh* : lễ tế xã tắc của bậc đế vương, chư hầu, dùng ba con vật trâu, dê, lợn.

(3) *Cổ Nguyệt* : tên làng, chưa rõ thuộc vùng nào của xứ Sơn Nam hạ.

Ba năm trước, cũng ngày tế tiến trường năm Tý, cảnh trời đất cũng âm thâm giông giống như ngày này. Quan Chánh Chủ khảo khoa ấy, theo tục lệ quen của mỗi khoa thi, cũng cúng tam sinh khấn mời những oan hồn nên nhập vào trường trước hết mà để báo oán trả thù. Rồi ông Đẩu xú vào trường, rồi oan hồn hiện lên, ngay ở kỳ đệ nhất. Một người đàn bà trẻ, xõa tóc, ẩm con hiện ngay lên dưới lều, ngay chỗ đầu chõng, kêu khóc giữ rịt lấy tay không cho viết quyển nữa. Gào khóc chán, người đàn bà ấy lấy móng tay xõa quất vào mặt ông cứ bóng rít lên. Lại cười sằng sặc, lấy nghiêng mực hắt vào quyển của ông. Lần ấy ông xin đổi quyển đến hai ba lần. Vẫn người đàn bà ấy quấy nhiễu không tha để quyển ông cứ tỳ ố mãi. Lúc gần chiều, ông nổi một cơn đau bụng hoắc loạn, phải bỏ dở kỳ thi, nhờ người dìu về nhà trọ. Thế là ông bay ngay kỳ kinh nghĩa. Một người Đẩu xú hay chữ và được quan Đốc khen ngợi luôn mà hồng ngay nhất trường thì có thảm thương không. Cũng may mà còn có người lấy được cái bản thảo nháp bài của ông đem về, ông còn giữ được đến giờ, nếu không thì nhục cho gia giáo biết là chừng nào. Ông cụ thân sinh ra ông, cụ Huấn là người nổi tiếng một vùng, đem theo lại bản nháp và đưa cho các bạn đọc, ai cũng lấy làm tiếc. Hơi văn đi mạnh như thế, có vào đến kỳ Hội thí cũng cứ lọt. Mọi người đều chặc lưỡi tiếc rẻ. Cái người bạn ngồi cùng một vi với ông, sau khi đem trả ông cái bản nháp đó, đã tìm đến phòng trọ đưa tạ ông ba chục quan tiền kềm : "Đại huynh lúc không may lâm bệnh rồi bãi trường, phải bỏ lại trên có bản nháp bài kinh nghĩa. Là một người tự biết là bất tài, tiểu đệ đã mạn phép hiển huynh diễn vào quyển của đệ những lời gấm hoa đánh thép bị bỏ phí kia. Nay được vào kỳ đệ nhị, gọi là có món quà mọn gửi lại, xin đại huynh nhận cho".

Biết là có oan hồn hiện lên cố phá không cho mình mở mặt với thiên hạ, ông Đẩu xú Anh để tâm tra cứu lại chuyện nhà. Thì ra, lúc sinh thời, cụ Huấn đẻ ra ông, đã phạm vào một việc thất đức. Hồi còn mồ ma cụ Huấn, cụ đã mang lấy trách nhiệm tinh thần về cái chết của một người nàng hầu tài hoa nổi tiếng một thời. Người thiếp đó, lúc tự ải, có mang được sáu bảy tháng. Cái âm oán ấy còn theo đuổi ông mãi, nếu ông cứ còn lều chiếu ở cửa trường thi. Đây là lời người thiếp đó lúc ộp vào con đồng khi phụ lên. Nàng xưng là cô và gọi ông Đẩu xú Anh là nó, cười sặc sụa và giọng nói the thé : "Nó còn đi thi, cô còn báo mãi. Các người hỏi cô muốn những gì ấy à ! Cô muốn, cô muốn nó phạm hủ, cho nó bị tội cả nhà kia. Nhưng nhà nó cũng có một ông mãnh, thiêng lắm, cô không tàn hại nó được như lòng cô muốn. Nên nó chưa viết

phạm đến tên các vua". Con đồng lắc lư nói có thể. Có gắng hỏi thêm thì chỉ khóc hu hu rồi lại quay ra mà cười như bị ma ếm. Ông Đầu xứ Anh thấy lạnh đến tủy xương sống. Và đâm ra lo nghĩ từ ấy.

Khoa thi này, ông đành nhẽ không ra nữa, để ông Đầu xứ Em nộp quyển thôi, thử xem hồn oan có còn đòi báo nữa không. Ông tin ở học lực người em ruột, sao cũng lấy về cho làng Ngoạt, có hèn ra cũng được cái Cử nhân. Khoa cuối cùng, thêm phần luận quốc ngữ và cho phép đo lường tính theo lối học mới, nhưng chú nó thông minh vốn thiên bẩm và gần đây tân thư và toán pháp đọc cũng nhiều, cũng không lấy gì làm ngại lắm. Nhưng mà phúc phận con người ta, ở một người thi chữ Hán, biết sao mà định trước được.

Còn năm hôm nữa mới nhập trường. Mãi đến ngày sóc⁽¹⁾ tháng Mạnh đông⁽²⁾ mới gọi tên bốn năm ngàn người vào kỳ đệ nhất. Cơm nhà trọ, luôn mấy ngày nay, bữa nào cũng hết một bình rượu. Hai anh em ông Đầu xứ, những lúc trời ngớt hột mưa, vào mấy ngày mong chờ thường nhẩn nha ở phố Hàng Giấy, chọn một thỏi mực, thử lông một cây bút thỏ hay là soi một tờ giấy bản lên ánh sáng. Ông Đầu xứ Anh cố quên chuyện cũ, hết sức vui vẻ trong khi đi lục lợi giấy bút cho em ở các cửa hàng sách phố Hàng Giấy. Những người văn nhân lượn lên lượn xuống nơi phố này nhiều đến nỗi không thể nào mà nhớ được mặt, ví có gặp lại ngay đó một lần thứ nhì.

Cái cửa hàng sách gọn ghẽ xinh xắn được nhiều thầy khóa lui tới nhất là cửa hàng cô Phương. Đám học trò vào cửa hàng cô để mua hàng, và để nghỉ chân và giải trí cũng có. Cô Phương ở phố Hàng Giấy, ngày trước là một người danh đá chua ngoa có tiếng. Có một lần, một cậu học trò vào hàng cô chọn bút. Cô đưa bút Song Lan, Thanh Chi, Nhất Chi, rồi Kiều Lan, rồi đến Trúc Lan ; người thư sinh mặt trắng rút tháp bút, cho bút vào miệng, ấn tõe đầu bút vào lòng bàn tay xòe, để thử soi lông bút lên ánh sáng có đến mấy mươi lần rồi mà cứ lắc đầu hoài, chê xấu. Anh chàng nhất định hỏi cho được cái thứ bút Tảo Thiên Quân mới chịu lấy. Thấy thầy khóa ăn mặc đồ vải xuềnh xoàng, cô Phương ra giọng bĩ thử : "Có Tảo Thiên Quân lông trắng nhưng mà những hai quan một chiếc". Tiếp cái nguýt dài của cô hàng sách càng ngời dãi thẽ thêm ra, người thư sinh mặt trắng

(1) Ngày sóc : tức ngày mừng một đầu tháng, theo Âm lịch.

(2) Tháng Mạnh đông : tức tháng Mười, theo Âm lịch.

chỉ tay lên tí trên đầu tú : "Phải, Tảo Thiên Quân lông trắng ; có còn thứ nào những năm sáu quan một quán, cô lấy cho tôi chọn". Lúc nói câu này, thầy khóa cố dần giọng vào chữ *những*, có ý bảo thăm cho nhà hàng biết rằng nên khinh người vừa vừa chứ. Cô Phương bẽn lẽn, nhưng cũng cố đứng dậy lấy thứ bút quý cất mãi trên cùng tọt lớp tú, đưa cho thầy khóa, chỉ đợi nếu anh chàng không mua nổi chiếc nào thì sẽ mắng một trận như tát nước vào mặt cho bõ ghét. Lấy luôn một lúc bốn chiếc Tảo Thiên Quân, trả tiền xong xuôi, người thư sinh mặt trắng đứng một ngời bút mới vào nghiên mực, vờ thử ngời bút vào một mảnh giấy nơi mặt hàng. Những dòng chữ viết rất tốt kia, sự thật, chỉ là một bài thơ chữ nói mát mẻ cô hàng có tính chông lòn. Từ đấy, cô Phương đâm ra gờm những thầy khóa có tính ỡm ờ và trở nên rất ngoan ngoãn đối với bạn hàng, bất cứ là ai. Sau cô hỏi thêm, mới biết người thư sinh khó tính trong sự lựa chọn bút và tác giả bài thơ bóng gió ấy là cậu Đầu xứ Ngoạt. Năm Mão, phong thanh người thiếu niên tài hoa ấy thụ bệnh trong trường và bỏ dở khoa thi, cô Phương đã ra mặt ái ngại tiếc than với những người chung quanh. Trong tâm một cô hàng sách nho phố Hàng Giấy, đang nhú lên cái mầm sơ đầu của yêu thương gắn bó và đợi chờ.

Cho mãi đến năm Ngọ năm nay, ông Đầu xứ Ngoạt mới trở lại cửa hàng cô Phương. Ông Đầu xứ Em còn lần lữa ngoài mặt hàng, chưa bước vào nhà. Trên mấy tấm cửa lùa ngả xuống hai cái mẽ gỗ nhô hẳn ra vỉa hè, một cuốn *Chinh phụ ngâm* diễn Nôm đã ghìm bước ông Đầu xứ Em lại. Thấy có bóng khách vào hàng, cô Phương đặt cuốn *Truyện Lục Vân Tiên* xuống, lấy móng tay đánh dấu vào cái đoạn nàng Kim Liên đang "đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê" sắp cất tiếng chào khách, bỗng cô ngờ ngợ, tùm tùm như muốn bật cười. Cô nhìn không chớp mắt, đôi má lúm đồng tiền phơn phớt nhuộm đào - cái màu đào một ngày năm nọ.

Ông Đầu xứ Anh hơi luống cuống, chưa biết hỏi món hàng gì thì may mắn quá, ông Đầu xứ Em đã tiến theo vào phá hộ cái yên lặng :

– Này anh, lấy một cuốn *Chinh phụ* bản Nôm, về nhà trọ, ta ngâm nga chơi cho nó hết mấy ngày đợi bảng nhập trường.

– Ờ thích được ngâm nga thì cứ lấy về. Có gì mà phải bàn.

Cô Phương hết nhìn người anh, lại nhìn sang người em. Cô đoán họ phải là anh em ruột thì mới giống nhau như tạc đến thế. Vả chẳng hồi gần đây, cô có nghe đồn ông Đầu xứ Anh cũng có một người em đồ Đầu xứ và

tài hoa đã làm trội cả một vùng tỉnh Nam. Chắc là người mua truyện này đây. Chưa biết câu chuyện ông Đầu xứ Anh không nộp quyền thi khoa này, cô Phương tự nói với mình : "Huynh đệ đồng khoa ! Cái làng Cổ Nguyệt chuyển này tha hồ mà rước xách. Trong hai anh em, chả biết ai sẽ Tú tài, ai là Cử nhân. Mọi năm hai trường Hà Nội và Nam Định hợp lại, lấy sáu mươi tư Cử nhân. Năm nay khoa rớt, Nhà nước đặc cách lấy những chín mươi Cử nhân và cũng như mấy lần thi trước, cứ một Cử nhân thì ba Tú tài. Lọt sao được tay hai cậu Đầu xứ này". Cô kéo cái ấm giở trong bọc trong ra, giở nắp ấm thăm cái nóng chiếc ấm sứ, rót hai chén, cô hạ thấp vôi ấm xuống để nước không nổi bọt.

– Mời hai thầy quá bộ vào trong này xơi nước. Nước trà nụ ướp sôi vừa pha đấy, nên mới dám mời hai ngài tân khoa.

Cô Phương lấy tay che miệng cười, tự cho câu chúc sớm sủa đó là có duyên lắm, hẳn là phải hay và anh em ông Đầu xứ Cổ Nguyệt phải thưởng thức. Thấy họ cứ đứng trân trân ra đấy, cô Phương thu dần nét mặt xơi lời lại rồi ngồi ngẫm, càng nhận thấy cái vô duyên và vô lý của câu nói vừa rồi. Ai người ta đã thi cử được một kỳ nào, mà đã chúc với tụng. Cho đỡ ngượng, cô lại mời :

– Hai thầy xơi chén nước.

Ông Đầu xứ Em chẳng biết cái gì cả, cầm chén, uống luôn, tưởng hễ cứ vào mua hàng người ta là mình có quyền xơi ngay nước mời. Khốn nạn, nào từ trước tới giờ anh mình có bao giờ nói cho nghe cái đoạn tình duyên thâm kín đã mấy năm nay giữa anh với cô hàng sách đầu mà biết. Ông Đầu xứ Em thấy anh còn tròng trĩnh chưa chịu ngồi xuống cầm lấy một chén nước mà đầu lưỡi rất tinh của ông phải nhận là thơm ngon, ông càng chèo kéo ôn mãi lên.

Cô Phương cũng phải phì cười và làm cho ông Đầu xứ Anh cười luôn thể. Con người nào đã biết e dè với cuộc sống, những lúc cảnh ngộ tình thân sớm không cho mình phỉ sức hưởng thụ khi ở vào một cái tuổi ăn và ngủ đáng lẽ phải nhiều mỗi lần được vui cười trên mặt, thì cái cười ấy thật là thỏa đáng, thật là đầy đủ và lại xinh đẹp là khác nữa. Nhân một cái vui tươi thể chỗ nét mặt trang nghiêm luôn luôn của ông Đầu xứ Anh, cô Phương nói một câu mà sự thân mật riêng tây đã không cần thâm kín nữa.

– Khoa Ngộ này là khoa cuối cùng. Ông Đầu xứ nên giữ mình làm trọng, chớ có đau bụng như kỳ năm Mão mà để thiệt thòi nhiều cho vùng Sơn Nam hạ lắm đấy ông ạ.

Đến chữ "ông ạ" ở cuối một câu nói, giọng rất thành thật và cảm động, cô hàng sách cố làm ra giọng bông lơn cho nó nhẹ bớt sự tha thiết của một câu nói đã lỡ nhời, đã thốt ra từ đáy một tấm lòng để đi sâu vào một tấm lòng khác bấy nay cũng vẫn chờ lúc được dãi dăng. Sự rất hữu tình mà cố làm ra vô tình bằng một cái giọng cố gò lấy, làm sao cho tránh khỏi sự nhận xét thông minh của ông Đầu xứ Anh được. Ông biết lắm. Ông hiểu cô Phương để ý đến ông lắm. Không cần các bạn nói cho hay, không cần gặp gỡ, không cần âm tín tiêu hao, ba năm nay rồi, linh tính bảo cho ông biết thế. Nhưng từ ngày vấp ngay vào khoa thi đầu tiên, ở một kỳ đệ nhất, ông buồn uất vô hạn khi nhận thấy mình dù có còn lều chõng nữa cũng chỉ là để làm sống dậy, trong vòng oan trái, một cái oán cừu xa cũ của ông cha di lại. Một cái oan hồn đã hiện lên, đã ộp đồng vào miệng người sống mà thốt ra toàn những lời hằn học, cái oan hồn ấy hẳn không chịu buông tha ông nữa rồi. Hóa cho nên, rớt khoa Ất Mão ngay kỳ kinh nghĩa, ông nhận luôn cho nó là khoa cuối cùng, chẳng cần phải đợi đến khoa Mậu Ngọ cuối cùng này. Ngay dạo ấy, ông đã tuyên bố rất to rằng ông là thí sinh của một khoa thi thôi. Cô hàng sách không rõ, vẫn tưởng ông còn có bụng với sự lều chõng.

Ngắm kỹ cô Phương, ông thấy cái đẹp của cô già dặn hơn ngày năm trước. Còn muốn nói thêm vài ý nghĩ vui tươi nữa vào việc đánh giá cái đẹp, nhưng ông Đầu xứ Anh bỗng ngừng lại. Bởi vì – quái, sao mãi đến giờ, ông mới nhớ nhận ra – khuôn mặt cô Phương đã hao hao tựa như diện mạo người đàn bà ẵm con xoa tóc ngồi rù than khóc nơi đầu chiếc chõng tre trong trường thi khoa nọ. Tự nhiên ông thấy cô Phương không hiền hậu nữa. Ông nghĩ đến những cái ghê sợ mà một cái sắc đẹp có thể giấu dưới nụ cười. Ông nghĩ đến những chuyện ma quái lúc thay hình biến thể khi muốn hãm hại học trò. Ông nhớ lại cái cười gằn của oan hồn khi hiện thành người, quát đuôi tóc trần vào mặt ông cho ông hôn mê đi và cầm nghiên mực đổ chan hòa xuống quyển thi. Cái oan hồn ấy đã lên tiếng nói, thể quyết làm cho người sống phải lụn bại mới nghe. Biết đến lúc nào cái người nằng hầu cụ Huấn mới nguôi giận và cái âm oán kia hết theo ông ? Chuyện cũ của cha, hồi sinh thời đi lại với người ta thật ông cũng chưa rõ hẳn đầu đuôi như thế nào.

– Vâng, nhà có thứ mực Kiều Kỳ đấy ạ – Cô Phương nhanh nhẩu trả lời ông Đầu xứ Em.

Choàng tỉnh cơn suy nghĩ, ông đã vội bắt lấy việc mua mực, khuyên em không nên lấy mực Kiều Ky :

– Đi thi không ai dùng mực Kiều Ky. Mực của xã Kiều Ky chế rất tốt, chỉ hiếm mỗi khi viết xuống giấy, nó cắn xuống giấy chắc quá khó tẩy đi lắm. Cô lấy cho mấy thỏi Hoàng Tam Xương – vàng, nếu hết thứ chữ vàng rồi, cô có thứ chữ bạc cũng được. Cái thứ mực hiệu Diệu Tự "nhà ta" bán có được chạy lắm không hả cô ?

Chà, người ăn nói sao mà xuôi tai, dễ nghe đến thế. Cô Phương nhìn ông Đầu xứ Anh, nhắm trong óc mấy chữ "nhà ta", tưởng đến cái lạc thú ngây thơ của một đôi vợ chồng son kia trong lúc đầu gối tay ấp ngửa mặt lên trần trời cao mà bảo nhau rằng trước khi làm bạn với nhau, mỗi người có một ông trăng, và nay thì mảnh trăng của cả thiên hạ kia cũng chỉ là vầng trăng của riêng của "nhà ta". Cô vui lòng quá, suýt quên cả việc soạn thoi mực cho khách.

– Luôn thể cô cho tôi ít chục tờ giấy lịch nữa.

– Mấy chục tờ ạ ?

– Có đợi cho tôi tính xem dùng hết độ ngân nào thì không là thừa phí.

Làm ra bộ thông thạo thì ít, mà muốn tỏ sự thân mật thì nhiều – bao giờ được nên thân tình nữa nhĩ ! – cô Phương co tay tính nhắm những cái gì gì rồi cô ngắc đầu, vuốt mái tóc, nói với ông Đầu xứ Em, giọng nhẹ nhót mà tự nhiên :

– Nộp ba quyển : kỳ đệ nhất, kinh nghĩa một quyển bảy tờ, kỳ đệ nhị, thơ phú, một quyển sáu tờ và kỳ đệ tam, văn sách một quyển mười hai tờ nữa, có dày lắm cũng chỉ đến mười bốn tờ là cùng. Ông định mua trữ giấy mang vào trường để phòng những lúc phải cánh quyển hoặc đổi những trang hư hỏng, chỉ nên trữ lấy từng kỳ một.

Ông Đầu xứ Anh, vừa soi giấy lịch, vừa hỏi :

– Tại sao thế hở cô ?

– Thưa, tại... là giấy chuyển này, thú thật với hai ông rằng không được mịn mặt lắm. Chuyển sau có thuyền hàng phường neo về, thế nào cũng có giấy tốt hơn nhiều. Có lẽ kịp kỳ đệ nhị của các ông đấy. Để tôi xem nào.

Có hàng sách, bán giấy bút cho học trò của trường Nam đã mười năm có lẽ, đã không phụ cái tiếng là một người thông thuộc những phong tục nơi trường ốc. Cô Phương lại co tay tính nhắm một hồi.

– Được rồi. Mừng một tháng Mười là ngày vào kỳ đệ nhất. Có chóng lăm thì cũng phải hết cử thượng tuần tháng Mười mới có bảng vào kỳ đệ nhị. Phường giấy của tôi thể nào cũng có thuyền về bên trên mom sông trước ngày mừng mười. Đúng hôm tết trùng thập cúng cơm mới, các ông lại đây mua mở hàng cho kiện giấy lịch Bưởi. Giờ các ông lấy tạm ít chục tờ dùng đỡ trong kỳ đệ nhất vậy.

Cô đếm giấy, thổi những tờ giấy chap đôi, nâng tờ giấy lên với cái nâng niu nhẹ nhàng của một người chị cả săn sóc em thơ lúc mẹ già đi chợ xa. Chỉ có những người đàn bà đẹp và phúc hậu thì mới thổi được giấy như thế thôi. Cô đếm thành hai xấp, mỗi xấp đầu hai chục tờ, đùn một xấp vào phía ông Đầu xứ Em, còn cái xấp thứ nhì là lấy sau ở trong ruột đẹp khác, cô trao tận tay ông Đầu xứ Anh, cặp mắt tình tứ linh động như muốn nhắc thăm ông rằng cái xấp sau đây tốt hơn xấp trước, và sự đối xử chênh lệch này trong lúc soạn giấy không phải là do ngẫu nhiên. Ra chiều tin chắc vào cái tài và cái may của hai anh em ông Đầu xứ thi khoa này, cô hàng sách vẫn lấy cái cười duyên dọn đường cho một câu nói mà ở một cái miệng khác thì không khỏi thành ra thiếu lễ phép :

– Cánh quyền mà dùng bấy nhiêu giấy là nhiều quá lắm rồi. Phải thay quyền, đổi quyền đến quá ngữ giấy này, thì chỉ còn có ngồi mà lắng ba hồi chín tiếng trống ngoại hạn...

Lúc ra về, ông Đầu xứ Anh, trong một phút sầu hận, đã muốn trả lại cô Phương tập giấy, để thăm bảo cô hay rằng cô đã làm một việc thừa, riêng đối với ông khoa Ngộ này, ông có đi thi đâu.

...Mấy bữa nay mưa to gió nặng. Nước trên trút xuống, nước ở dưới dâng lên, người thiêu và cánh ướt át sống trong một bầu không khí nồm ề ẩm và lo lắng. Trăm nhà vùng Sơn Nam hạ lại, mới nhận được thêm cái tin dè võ đường trên vùng Kinh Bắc.

Nằm nghe mưa rơi trên quán trọ xóm Cửa Trường, một đêm nguyệt tận năm Ngọ, ông Đầu xứ Anh những hết lo xa rồi lại nghĩ gần : "Mình không đi. Chú nó đi khoa này, hay dở sao đây...". Trong một lúc mơ hoảng, ông lại trông thấy bóng người đàn bà mặc đồ trắng, xoa tóc, kiềng gót, thu một đứa trẻ con vào tà áo sổ gấu, đi tuột vào phía nhà ngang. Ông ú ớ như người bị ma mộc đề, cố gắng mà không quấy mình dậy được. Cái người đàn bà mặc đồ trắng, chân không sát đất, lại lên trở ra, và khi lướt qua mặt

ông, cười gằn mà không nghe thấy tiếng, tà áo quất vào má ông, nhúc nhối và buốt lạnh như chưa bao giờ cảm thấy.

– Anh nói mê những gì thế ?

Ông Đâu xứ Em lắc mãi, ông mới hoàn hồn, nhìn em một lúc lâu rồi hỏi :

– Chú đã soạn sửa lều chõng đủ cả rồi ?

Trống đêm cuối thu và đông non điểm bốn tiếng giục. Uống hết một nai rượu để chống lạnh và trừ gió mà nhà trọ đã dọn sẵn từ khuya, ông Đâu xứ Anh bỏ thêm một đỉnh vàng lá vào tráp của em.

– Khi nào thấy "khang khác" trong trường thi, chú đốt vàng cho nhiều vào. Thôi ta đi đi. Anh đưa chú vào đến cửa trường. Đưa tôi cái bộ gọng lều và chõng. Chú đeo lấy ống quyển và tráp. Đi đôi tất vào cho nó ấm.

Đêm mưa dầm vẫn tối như bưng lầy mắt. Hai cái tài hoa anh em kia, cộng lại không được bốn mươi nhăm tuổi đâu, bì bõm dắt nhau đi về phía cửa trường thi. Có tấm mưa gió và đi đêm như thế này, người ta mới thấy bước công danh là một con đường chật vật, nên xét lại xem có nên tiếp tục đi nốt không ! Giá cô Phương Hàng Giấy có đứng đây mà nhìn này ! Ông Đâu xứ Anh cần vào môi mà bước. Trong tối tăm, tiếng hơi thở người anh dẫn lối cho người em lặng thinh từng bước một.

Bãi trường thi thấp hơn mặt nền tỉnh. Nước mưa lụt dòn về, cỏ may chôn ngập lút cả ngọn. Đứng xa trông những cây đình liệu rọi trên bãi cỏ xám xấp nước, người không có chữ tường đâu như dân cả một làng chài nào đang đốt đuốc làm nghề trên bãi nước. Càng tiến gần lại trường, người ta có những cảm tưởng rùng rợn như khi chịu bó tay đứng nhìn một đám cướp lớn bật lửa hồng phá nhà lấy của trên xóm trên, trong những ngày lụt lội ở xứ bị thủy tai, quân cướp toàn đi bằng thuyền. Cái tiếng mất nửa nổ to ở cây đình liệu cháy sáng, có khác gì cái tiếng quân hồi vô lệnh đốt ống lệnh bật hồng của phường đạo tặc.

... Ông Đề điệu đã leo lên ghế chéo. Một người lính thể sát bắc ống loa, lia ống loa qua lại. Giọng loa hô :

– "Báo oán giả, tiên nhập ;

Báo ân giả, thứ nhập ;

Sĩ tử thứ thứ nhập... ập"⁽¹⁾.

(1) Báo oán giả, tiên nhập : báo oán giả, thứ nhập ; sĩ tử thứ thứ nhập : xem chú thích (1), trang 350, truyện Báo oán, số 227 cùng tập.

Tiếng loa đồng xoáy sâu vào màn mưa lạnh. Trời còn tối đất. Ông Đầu xứ Anh nghe tiếng hô, mặt nhợt nhạt, luôn luôn nhìn trộm em. Người em bây giờ chỉ là một thân cột cứng đờ mà sự thi cử đã mắc vào đấy biết đến bao nhiêu thứ múi dây lòng thông : dây lều, dây chõng, dây buộc bộ gọng, ống quyển, v.v. Cùng với ngàn ngàn người khác, hai anh em đứng nghểnh mãi cổ lên, kiểng mãi người lên như muốn nhìn rõ mặt người lại phòng xướng danh. Đã lâu chôn chân xuống bãi sũng nước, lòng dạ người người đều bằng hoàng. Bỗng ông Đầu xứ Anh dun mạnh người em :

– Kia... làng Cổ Nguyệt ! Tên chú ! Vào đi.

Trời sáng tỏ đã từ lâu. Cái hàng rào sĩ tử có đủ các hạng tuổi từ một cái đầu xanh mặt trắng cho đến một chòm tóc bạc, một lớp da mồi, đã bị xé thủng. Ông Đầu xứ Em lách mình qua rồi, nhưng lều chõng còn vướng mắc lại sau lưng, gỡ mãi mới ra. Nhón nháo một lúc lâu, cái bề người, đã lấp được chỗ trống của một con sóng người tràn đi, lại bằng phẳng như cũ để chờ đợi một cái đổi đời khác. Ông Đầu xứ Anh ra về, chỉ hận rằng, lúc tới tấp, quên không dặn lại em nên đốt một lúc cho hết dinh vàng lá trong tráp nếu ở trong trường có thấy "cái gì khang khác". Dọc đường, ông gặp một toán lính khố xanh đội nón đĩa, nai nịt súng ống gọn ghẽ. Người ta bảo đấy là bọn lính Nhà nước phải thêm vào trường giữ trật tự.

... Ông Đầu xứ Em dựng lều, dọn chỗ ngồi thi giữa sự dằn dỗi của trời đất. Mưa to gió lớn trên một trường thi. Cứ thế mãi mãi, cho đến qua giờ Ngọ, cho đến quá giờ Mùi. Vậy mà xưa nay người ta vẫn bảo mưa không qua Ngọ, gió không qua Mùi. Sĩ tử khắp bốn vi giáp ất tả hữu, co ro trong lều dột, thật đã coi tính mạng mình không quý bằng một quyển thi chỉ luôn luôn muốn những chuyện tỳ ố. Chốc chốc cái loa đồng ngoài cửa trường lại kêu inh ỏi gọi các tư gia ai có thùng gỗ hay thùng sắt tây thì cho đem vào trường bán cho học trò kẻ quyển viết và dọn thêm lên chõng ngồi.

Cái bản nháp bài viết xong lâu rồi mà quái lạ, hễ cứ động ngòi bút lên mặt quyển là ông Đầu xứ Em lại thấy đau bụng, đau quần quai tựa chứng hoắc loạn cứ như dúi vào từng miếng tỳ vị. Ông cựa quậy nhiều lắm, vừa ôm bụng, vừa giữ ống quyển. Cái chõng tre đặt trên bãi cỏ ngập, lún xuống lần lần. Giữa hai cơn đau bụng, những lúc trời ngớt mưa, từ khu nhà thập đạo, vắng vẻ lều ông những tiếng sĩ tử kêu nài : "Lạy các quan, còn chỉ có một khoa thi này, xin các quan thương cho anh em được đổi quyển. Trời mưa ướt lắm, anh em có muốn như thế làm gì...".

Thấy ở một vài lều xung quanh có khói lửa và tàn vàng bay ra, ông Đầu xứ Em sực nhớ đến đỉnh vàng cất trong tráp, bèn lấy ra gỡ từng tờ một, xếp ngay ở đầu mép chõng, một tay chặn cơn đau nơi bụng dưới, một tay châm mỗi lửa bùi nhùi. Gió thổi vào đồng lửa vàng hóa bùng bùng, lửa kêu vù vù. Trong tiếng ngọn lửa reo, lại như có tiếng người nói cười lạnh lạnh. Khói bốc lên, khói trút tỏa xuống soai soai, như những vệt nước thời gian trượt từ đầu ngọn tường xuống vách gạch những đền chùa xưa cũ có mốc vẽ hình có rêu phong dấu. Những vòn khói nhẹ đổ xuống nhanh, đổi màu rất nhanh chóng. Trước mắt ông Đầu xứ Em mê mết và hoảng hốt, những vòn khói – thoảng mùi gầy gầy, khen khét, và tanh lợm – bỗng sẫm hẳn lại thành một mớ tóc xòa u hiễn đóng khung lấy một khuôn mặt người. Lửa vàng gập lụn, vụt bùng lên. Trời đất tối sẫm xuống. Ông Đầu xứ Em thấy bãi trường thi hình như nó rộng lớn hơn cả cái kiếp người. Trường thi âm u và không quạnh. Gió thổi bay quyển thi xuống làn cỏ dầm nước. Ông Đầu xứ Em gắng nhoài người ra, muốn vớ lấy quyển bị gió vừa thổi bốc khỏi mặt tráp. Ông hụi tay, chỉ đủ giữ mình khỏi ngã. Cơn đau bụng nổi lên dữ dội. Ông gục xuống tráp, thiếp dần. Ông Đầu xứ Em tỉnh giấc, thấy trong người nhẹ hẫ, tưởng chừng như cơn đau dữ dội ban nãy chỉ là một cơn ác mộng. Ông bỡ ngỡ, mất hết cả ý thức về thời gian và không gian. Ông ngơ ngác trước hoàng hôn như một người còn ngái ngủ ngày. Từ một chòi cao, người ta đã điểm mau hồi trống ngoại hạn.

Ông Đầu xứ Anh đã đón ở cửa trường. Bỏ lại cả lều và chõng, cầm chỉ vền vện có một bản nháp, ông Đầu xứ Em đã rời bước trong một giấc thần thờ. Hai anh em gặp nhau không nói một câu nào suốt từ cửa trường về đến nhà trọ.

Tại nhà trọ bà Phùng, ở mâm cơm tay đôi ấy, có một người hồng thi khoa thi chữ Hán cuối cùng đã uống cạn ba bình rượu cúc, vào một đêm dài nhất trong một đời người ⁽¹⁾.

(1) *Nguyễn chú ghi* : Hà Nội, tháng Giêng - tháng Mười, 1939.

228. TRÊN ĐỈNH NON TẢN

*"Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"*

Làng Chàng Thôn, tổng Kim Quan, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây là một làng trung du mà hai phần ba số dân làm nghề thợ mộc. Cái chàng cái dục của dân Chàng Thôn không những được người trần biết đến mà thỉnh thoảng cứ dăm bảy năm một, lại có người tiên trên núi hạ sơn cầu đến, sau những vụ lụt to tháng Tám đánh chìm hết những làng ở rải rác phía chân núi Tản Viên.

Vài năm một, vua Thủy lại dâng nước một lần như thế lên chân núi Tản, lên lưng chừng núi Tản, lên đến đỉnh núi Tản. Nhà cửa, trâu dê bò lợn, hoa màu bị ngấm nước cứ hàng tuần trắng một, rồi chết, rồi nẫu, rồi rữa, rồi tan theo với ngọn nước lúc rút, tiếng nước xiết réo lên như thiên binh vạn mã. Mỗi một kỳ nước trắng cuộn dâng lên vùng non Tản cao ngất trời xanh, rồi lại cuộn cuộn rút về thủy quốc, dân gian khổ hại không biết thế nào mà lường được. Có nhiều làng bị nạn nước, toàn thể sinh linh đều biệt tích. Nóc đình các làng bị nước phù sa chôn chặt, nhiều khi phải đào móc mãi mới dò được ra dấu vết cũ. Ở nhiều chỗ không ngờ tới, người ta thường còn đào thấy những hài cốt kỳ quái của loại động vật đời thạch khí. Trần hồng thủy đã đem từ những nguồn, những ngàn xa nào, biết bao con vật quái về chôn tại vùng xuôi này. Như là cái mai con dãi to bằng cả một cái giếng làng đào thấy ở cạnh cái vãn chỉ hàng huyện huyện Tùng Thiện chẳng hạn. Còn nhiều thứ xương cốt của nhiều giống thủy quái khác nữa bị giạt vào các chân đồi vào giữa thung lũng các xóm núi, mà nước rút xuống mau đã ký táng vào khu vực tỉnh Đoài. Mỗi lần đào thấy dưới những lớp dày cát phù sa, dân sở tại nhìn nhau, hỏi nhau bằng cặp mắt sợ hãi. Ở khắp

mấy vùng Vệ Đông, Nam Toàn, Thạch Bàn, Văn Mộng, đều có đào thấy như thế cả. Lắm ông già tuổi thọ đã linh trăm tuổi mà cũng chịu, kêu rằng cha ông bình sinh cũng chưa từng có nói đến những việc đào được cốt như thế.

Nhiều cái cốt khí lạ không biết thế nào mà nói. Có một lần, người Mường ở xóm Đá Chông, ngay chỗ sát rìa chân núi Tản, về vụ làm rẫy tháng xuân, đào được không biết bao nhiêu là đồng xương một loài chim to lạ quá ; người ta ngờ rằng đấy là những chim rừng của rừng hoang núi Tản, những con chim ấy lúc sống có đủ da thịt lông, thì cũng phải to gấp năm sáu lần thân những con hạc gỗ thờ bên hương án các đình cổ.

Tục truyền những trận hồng thủy dữ dội tàn khốc như thế là gây nên bởi cuộc đánh ghen giữa vua Thủy và một vị thần trong bốn vị Tứ Bất Tử nơi thế giới u linh thánh Tản Viên, chúa Liễu Hạnh, Chử Đồng Tử, và Phù Đổng Thiên vương. Trong bốn vị này, sau chúa Liễu Hạnh hay đùa ghẹo người trần nhỡ gặp phải, có người nào hay biến hóa nhiều nhất và tàng hình lẫn vào đám người trần mắt thịt, thì là thánh Tản Viên. Thánh Tản Viên đã gây thù kết oán với Tiểu Long hầu, con vua Thủy Tề. Thần Núi và vị Hoàng tử Nước kia đã là hai tình địch một thiên tình sử thoát phàm trong cái mơ hồ vô tận ở tít trên một chòm non xanh, ở tít tận dưới đáy một Thủy cung. Hai kẻ tình thù mỗi lúc đánh ghen nhau thì muôn ngàn sinh linh đồ thần. Mỗi một kỳ đánh ghen, nước các vùng lại đổ về như thác và dâng cao mãi lên ; đỉnh non Tản, muốn cho khỏi ngụp dưới làn nước ghen oán, lại có dịp để ngói lên cao thêm nữa thêm mãi. Trời, bao giờ cho nàng Công chúa đẹp kia mất tích hẳn đi để Nước ấy và Núi kia được trở lại với sự yên nghỉ muôn thuở. Chứ thỉnh thoảng mà hai cái Thần ấy còn cướp phá nhau và cố chống giữ nhau thì nước còn dâng lên muôn trượng và nghìn nhà vùng xứ Đoài còn mãi mãi bị nạn lụt nước. Chính cái hạnh phúc trên non Tản và lòng ghen của một ông Hoàng tử Nước kia đã thành câu hát của người xứ Đoài :

*"Núi cao sông hãy còn dài
Năm năm báo oán đời đời đánh ghen".*

Trẻ con tỉnh Đoài đến bây giờ vẫn còn hay hát. Vừa hát vừa nghe vừa trông lên cái chòm non Tản : trông xa như hình một cái tán đá, non kia với vọi đã là cả một thế giới của bí mật, của huyền ảo.

Mỗi lần đi chủ tế lễ quốc tế xuân thu hai kỳ trong một năm ở đền thờ thánh Tản Viên, không có quan địa phương nào là không tò mò hỏi thăm đến cái bí mật của rừng cao cả.

Người ta truyền lại rằng đền thờ thánh Tản có đủ ba ngôi. Đền Hạ và đền Trung thì nhiều người đã leo lên tới rồi. Nhưng vượt được cái vách đá trái núi thất quả bông để lên cho được trên đền Thượng, chưa từng thấy có ai thuật lại việc đó. Hình như có một lần, đâu có ông Phủ Quốc Oai nói chuyện một cách sợ sệt về đền Thượng với quan Đốc học Sơn Tây. Ông Phủ Quốc chỉ nói có mấy câu : "Đứng ở mái Nam đền Thượng mà nhìn xuống, trông được cả khối ở kinh thành Thăng Long. Thấy rõ cả cái Chợ Giời ở núi Sài. Có đứng ở đền Thượng nhòm thẳng xuống thì mới biết cái dải Đà Giang là có thể hiểm. Tôi có mang trộm về được ít đá cuội và một mẩu gỗ chò. Đây Quan lớn ngài xem", thế rồi là lăn đùng ra chết. Cái viên đá cuội mà ông Phủ Quốc Oai còn nắm chắc trong bàn tay giá lạnh cứng đờ, khi đập ra có một cái nhân nhỏ màu trắng nhờ nhờ tiết ra một mùi hương thơm của quả men rượu ủ trấu. Cái nhân đó vụt biến đi đâu mất. Vò cuội đá còn lại, đem thả vào bát nước mưa kinh niên, lấy thìa múc uống thấy say ngất vô cùng. Mảnh đá cuội vỡ, quan Đốc Sơn Tây giữ lấy, đi đâu cũng giắt trong mình. Thỉnh thoảng vắng người, quan Đốc lại thả nó vào bát nước mưa, uống có nhạt hơn trước, nhưng vẫn say và thơm. Đói mảnh cuội về sau, vì quan Đốc phải đi theo gia quyến chạy loạn, thành ra thất lạc mất. Muốn cho được an ủi lòng mình, quan Đốc Sơn Tây tin rằng mảnh đá hần là đã trở về với chủ nhân trên non Tản. Ngài lại càng lấy làm sợ hãi và không dám kể lại với ai cái việc Thần núi Tản đòi lại hòn cuội cho mượn đó. Sợ lại có cái vạ miệng phải chết tươi như ông Phủ Quốc Oai ngày nọ chẳng.

Chuyện kỳ dị hòn cuội có nhân không biết vì đâu mà đồn về đến tận dân làng Chàng Thôn chuyên làm nghề thợ mộc. Bên bếp lửa, giữa những mối thuốc Lào châm nùn rơm hút đến tụt nõ điều cày, những bác phó mộc trẻ tráng luôn miệng nói đến hòn cuội trên non cao, hỏi nhau xem ở trên cái ngôi đền Thượng núi Tản Viên có những cái gì. Họ muốn được hiểu biết. Có một điều lạ là mỗi lúc câu chuyện có đả động đến ngôi đền Thượng huyền bí thì những ông phó mộc có tuổi đều đánh trống lảng ra chuyện khác, nếu họ không lảng xa ra chỗ khác. Bọn thợ trẻ để ý đến những cái nhìn ý tứ của đám phó mộc lớn tuổi đưa đẩy với nhau bằng mắt khi bọn đàn em nhao nhao bàn tán đoán già đoán non về những việc trên đền Đức thánh Tản. Những bậc đàn anh này có biết một cái gì trên ấy chẳng ? Sao những người tuổi tác này có vẻ khiếp sợ kín kín hờ hờ giấu giếm như thế ?

Thái độ ông cụ phó Sấn thì lại càng đáng nghi lắm. Ngày trước ông cụ phó Sấn vui tính hay bép xép. Chỉ từ dạo cách đây đầu mười năm, ông cụ phó Sấn tự nhiên bỏ làng Chàng Thôn mất đến hơn một tháng, vợ con không rõ là đi đâu. Lúc ông cụ Sấn đi có mang theo đủ bả, đục, chày, cưa, dây mực, ống mực, dây quả dọi, và chỉ nói là đi nhận làm khoán ở nơi xa lắm. Khi về thấy có rất nhiều tiền và mỗi lúc tiêu đến thì lại mang tiền thả vào vại nước, có nhiều đồng nổi lênh bênh ; ông cụ nhặt những đồng chìm tiêu dần và cất những đồng nổi vào một chỗ rất kỹ rất kín. Từ ngày ấy vợ con và cả người mấy xóm ở làng thấy ông đổi tính đổi nét một cách mau chóng. Trước ông hay ngồi lê đôi mách, bép xép hết chuyện người rồi mang nốt cả chuyện nhà ra mà nói. Giờ thì ông dè dặt từng câu, lắm ngày vẫn vợ như bị ma ám và nhiều hôm không cựa mồm ra mà nói lấy nửa lời. Và thêm thêm tật khạc nhổ, thăm khám nước bọt vừa nhổ và tay luôn luôn sờ lên cái cổ vốn lộ hầu. Ông phó Sấn xưa điếm đạm thì giờ hốt hoảng. Người ấy có một điều gì ngập ngừng nửa muốn nói, nửa lại thôi không dám. Bà cụ phó Sấn buồn lắm. Những cháu rể hỏi trộm nhau rằng hay là lúc có tuổi, ông ngoại giờ chứng lúc sắp nằm xuống ?

Cụ phó Sấn là người không bao giờ biết những mơ mộng ở đời là gì cả. Thế mà từ hồi đi làm ăn một chuyến xa ấy về, ông cụ có cái phong thái của một kẻ lãng mạn vào lúc cuối đời. Ông cụ giờ chơi cây cảnh. Và bất cứ là nơi nào, hễ ai đánh tiếng cho ông biết một vườn quả nào đẹp và lạ, là ông lần mò tìm đến cho được. Có được bao nhiêu chất vui sướng còn lại trong lòng là ông cụ Sấn cho nó hiện hết cả lên trên nét mặt, để rồi lúc ở vườn quả trở ra về, ông cụ lại cho mọi người được đọc về thất vọng trên bộ mặt khô héo. Không, những thứ hoa và quả ở mấy thửa vườn quý báu ông vừa tới thăm không có chút gì là quý cả. Cũng chỉ tầm thường như mọi thứ tầm thường ở cuộc đời này. Những thứ cỏ suối hoa ngàn và quả nơi rừng cấm, có lẽ ông chỉ thấy được một lần ấy thôi. Đã lâu lắm, từ cái ngày ông cụ Sấn bị bắt đi mất hơn một tháng để trùng tu lại ngôi đền Thượng trên đỉnh núi Tân Viên.

Ở trên ấy đẹp lắm. Ngày tháng thì dài, mà không thấy sốt ruột. Hoa quả lành ngọt và thơm như hết thảy những cái gì không phải là trần hủ sống gửi ở mặt đất cõi trần. Những cái êm, dịu, trong, sáng, thơm, lành trên non tiên, nếu được đem thuật lại với người làng, ông cụ Sấn tin rằng sẽ có khối người đoạn tuyệt với cố hương, tìm vào ngàn cao cho được thỏa cái tai cái mắt. Nhưng ác cái những chuyện rừng lại không được thuật lại. Hôm

hoàn thành công việc sửa đền, lúc sắp xuống núi, Thần Non Tản đã gọi cả hai hiệp thợ mộc và thợ ngỗ lại, đưa mỗi người nuốt một lá trúc xe điều và dặn tất cả bấy nhiêu người :

– Thôi nhá, chuyện chi để đó. Các người về làm ăn dưới ấy cho yên ổn.

Cái lá trúc xe điều ấy là một con dao găm, một con trúc đao có phép thuật kết quả đời kẻ nào bấp xếp lỡ mồm tiết lộ đến thiên cơ thần cơ. Mỗi người thợ hạ sơn là đem theo trong mình một lời đe dọa của Thần Non Cao và cả một cái bí mật của ngàn xanh.

Hiệp thợ ngỗ là người xa lạ các nơi tụ họp lại, một lúc xuống núi là họ phân tán ngay. Còn hiệp thợ mộc bảy người toàn là người làng Chàng Thôn. Ông cụ Sắn cùng trở về làng với tất cả anh em đi chữa đền thánh Tản. Những lúc tất lứa tối đèn hoặc họp chè họp rượu ở nơi chiếu hương ẩm, hoặc là làm mùa màng, bảy người thợ mộc đều gặp nhau luôn. Nhưng tình không ai hé răng cạy miệng ra nói lấy nửa lời về câu chuyện hơn một tháng trên non xanh. Họ nhìn nhau trùng trùng mà biết vậy, rồi lo sợ đều bằng con mắt cá. Họ đều đem nhơn tuyến ra mà chung viết lại với nhau một tập ký ức cam về hơn một tháng trùng tu ngôi đền Thượng.

Trong bọn, có Nhiều Tầm, người xóm dưới, không biết đại mồm đại miệng thế nào hay là lúc say sưa, không rõ từ nhập ngôn xuất ra làm sao mà lăn đùng ra chết. Cả làng thấy Nhiều Tầm khỏe mạnh như thế, đang vui cười mà lăn ra chết, không ai hiểu ra sao cả. Chỉ có ông cụ Sắn và năm người thợ mộc rõ thôi.

Ông cụ Sắn và năm bác phó mộc đã tìm đến nhà đám đòi xem mặt cho được người bất hạnh. Nói là xem cái cổ Nhiều Tầm thì đúng hơn. Thì ra ở phía bên trái cổ, có một cái nhọt bọc mả đao đang nung. Nặn nhọt ra, có một cái ngòi xanh lè, dài vừa đúng một cái lá trúc con. Ông cụ Sắn và năm bác phó mộc xanh mắt nhìn nhau im lặng. Con trúc đao ! Sự trùng phạp của Thần Non Tản !

Ông cụ Sắn bèn xin lấy cái ngòi mả đao ấy, nói dối là đem về khảo về một môn thuốc ung thư ngoại khoa. Cụ Sắn đem cắm ngòi mả đao đó vào chiếc chậu sứ. Chỉ có một đêm thôi mà ngày hôm sau, trước chậu sứ đã có một cây trúc nhỏ bé khẳng khiu như trúc non bộ, cành và đốt rất nhiều, nhưng chỉ mỗi một lá thôi. Một cái lá nhọn hoắt. Muốn giữ mồm giữ miệng cho quen đi, sau ngày đưa ma Nhiều Tầm, cụ phó Sắn thường họp

mấy người thợ bận đàn em kia lại đánh chén ở nhà mình. Bữa chén không có đồ nhắm.

Họ uống rượu rất nhiều, ngồi im lặng ngắm cái lá trúc cô độc trên khóm trúc tí hon bày trước thềm nhà. Trong những ngày nồm nớp của đám thợ mộc này vừa hụt đi mất một người, những bữa rượu này là những bữa không ngon lành nhất trong đời một đám người sống nơi thôn ỏ với cái vui thú được thảnh thơi nâng chén.

Cái lá trúc non bộ ấy vẫn xanh ngắt trên khóm trúc đã khô giòn như bó que đốt nỏ. Đây là một lời cảnh cáo dai dẳng.

Ngày tháng cứ thế mà vội dần trên lũy tre làng Chàng Thôn.

Bỗng một buổi chiều năm ấy – không nhớ rõ là năm nào, chỉ biết là cùng một năm có trận lụt rất lớn làm sạt cả kỳ đài thành Đoài và cuốn phăng mất đến gần tám mươi tượng đá tổ ong phía tường Tây thành tỉnh – buổi chiều năm ấy, vào lúc nhá nhem người ta đang đánh trâu cày vào các ngõ đười, một ông cụ già râu tóc lông mi trắng xộp như bông, chống một cây gậy trúc dài gà vàng óng, khoan thai tiến vào cổng trước làng Chàng Thôn.

Trông ông cụ đỉnh đạc, cổ kính, đội cái nón cỏ giống kiểu nón tu lờ người tu hành ; dân làng không hỏi căn vặn và chỉ nhìn theo ông cụ đi khuất vào ngõ nhà ông cụ Sắn, bước đi có đủ cái vững vàng của một người quốc thước thuộc lòng con đường đi của mình.

Ông phó Sắn đang ngồi quây nôi kê. Thấy có người tiến vào đến giữa sân nhà mình và lạ quá, sao ba con chó mực không sủa mà lại còn quẩn quýt lấy chân người lạ, ông phó Sắn bỏ cả nôi kê chưa chín, vội chạy ra. Ông già đẹp quá. Ở làng, thực các cố lão thường ngự ở chiếu trên cạp điều ngoài đình, thật là chưa có cố nào đẹp lão đến như thế.

– Dạ thưa tượng nhân, chúng tôi xin chờ những điều tượng nhân dạy bảo.

Ông cụ già gỡ nón tu lờ, cốt để ông Sắn nhận rõ mặt mình. Nhưng ánh sáng chiều tàn đã yếu quá rồi. Ông Sắn càng thêm ngợ. Ông cụ già chột nhìn thấy cái khóm trúc non bộ có một chiếc lá bày ở thềm kia, bèn tiến lại, cúi xuống, lấy tay đỡ lấy và mân mê cái lá nhọn hoắt. Ông cụ già ngẩng đầu lên, vừa gặp bộ mặt ông Sắn đang chăm chú nhìn xuống. Ông

già khề mỉm cười. Ông phó Sắn tái hân mặt đi và sụp xuống đất sấp lạy. Thân Non Tản ! Thân Non Tản bèn đỡ ông Sắn dậy :

– Chỗ này không phải là nơi bày vẽ ra những nghi vệ nơi cung điện. Người đứng thẳng mình lên, ta dặn điều này. Là họp ngay lại trong đêm nay mấy người thợ bạn ngày năm nọ. Ta có việc cần đến.

– Dạ.

– Cuối trống canh tư, các người đợi ở bến Gòn. Thấy chiếc thoi nào tới thì cứ xuống. Ngồi một không hết thì san ra làm hai con lườn.

– Dạ.

– Đây ta để lại cho ít bạc cốm. Hể thả vào nước, những hạt mẩn nào chìm thì quân phân ra cho khắp vợ con trong anh em các người. Những hạt mẩn nào nổi thì gói lại đem theo, hôm sau sẽ có người đổi lại cho. Tính theo ngày tháng của các người dưới này, thì cũng phải đi vắng mất chừng một tháng. Giữ sao cho không ai biết đi đâu, vợ con cũng vậy.

Nói xong câu này, Thân Non Tản, chỉ vào cái lá trúc vẫn xanh tươi như bao giờ, một tay ngăn không cho ông cụ phó Sắn sấp sụp lạy.

Thế rồi ông cụ già đội nón tu lờ phát mạnh cửa tay áo rộng, ra đi ; mấy con chó mực vẫn không sủa lấy một tiếng nào.

Bến Gòn. Đầu trống canh tư, sáu người thợ mộc ăn uống ở nhà no nê rồi như lũ thợ cày, đang ngồi bó gối chờ đợi trên những tảng đá sông trâu trơn lạnh. Bến dò bỏ hoang đã đến mấy năm. Mấy năm này, người hai làng bên bờ đều lấy bến trên hoặc bến dưới mỗi lúc sang ngang trải chợ huyện bên này và chợ phủ bên kia. Đã lâu lắm, không có một con đò nào ghé bến này. Đến cả một cái bè nửa chở muối rừng, đến cả một con đò độc mộc cũng không ngừng lại. Bến Gòn im vắng đến nỗi dòng nước chảy xuôi cũng không chịu lên tiếng. Lâu lâu mới có một tiếng tôm, dội cái tiếng vang ngược lên mãi khóm lau già mọc nơi chỗ khuỷu sông bị vụn queo. Tôm. Tôm. Những trái sung nẫu lìa ngành cổ thụ. Dưới cái lờ mờ của đêm thắm, vài ba trái cây gợn vẽ lên mặt nước đặc sệt như dầu bông ít vòng tròn cùng chung một điểm trung tâm.

Chim thủ thủ thì thì đi gần mãi lại nhau. Chả còn mấy nỗi nữa, đêm sẽ tan canh. Bởi vì tiếng kêu con chim thủ thủ đục đã gần mãi lại chỗ có tiếng trả lời của con thù thì cái.

Ông cụ Sần và năm người phó mộc bạn, ngồi chờ đã oải cả xương sống, chốc lại trở vai. Những bèo, cán chèo, cán đục va vào nhau, tiếng động rất khô rất gọn.

Nước lừ dừ dịch vài bãi nước bọt mà đám phó mộc nhỏ xuống dòng nước bệnh lúc muốn đánh lừa đợi chờ.

Đêm tờ mờ đen rầm hắt lại, rồi đen ngòm, rồi đen kịt. Ở một điểm huyện cũ, trống bắt đầu chuyển canh.

Bỗng, ông cụ Sần cảm thấy một cái gì vừa loáng qua rồi vòng trở lại, rồi đứng sững hắt lại trước mặt bấy nhiêu người. Nhìn gần lại, dí sát vào mắt thì là chiếc thuyền thoi và một... chiếc thuyền thoi nữa. Mũi hai chiếc lườn có cặp luống hai bên mạn ghé sát vào gờ đá. Bọn ông cụ Sần lẳng lặng bước chân xuống lườn. Lườn nhỏ quá, mỗi lườn chỉ chứa được đến bốn người là nhiều lắm. Nhưng hai lườn, mà chỉ có một người đẩy. Người chèo lườn không nói chuyện, không nhìn bọn vừa xuống lườn, chỉ hướng thẳng vào cái thâm thẳm của đêm sông vắng đang thốc mạnh vào đầu mũi con sào. Lườn đi vun vút.

Bọn ông cụ Sần nắm tay nhau. Lườn đi trên sông, song song hai chiếc, gì mà lại như đi trong cái rỗng tuếch của không gian. Lườn đi như êm như trườn xuống một cái dốc ngọn thác mà lòng thác đều lót một lớp đầu rêu lơ lửng.

Ban này, lườn áp bến không có một tiếng động róc rách, như là khe lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rũ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi xuyên như cắm sâu mãi vào cái đông đặc của sương núi rặng mai.

Đến chân núi Tản Viên, thì rõ mặt người. Ô hay, người đẩy lườn lại là một người con gái. Một cô con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như chất kim, lạnh hơn cái gầy gầy của rừng buổi sớm mai đầy đặc sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh văng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.

Có lái và hiệp thợ mộc đã đổ bộ được một thôi đường. Con đường núi lót bằng đá tảng màu gan gà viền rêu xanh. Người ta đã phải lấy các đầu ngón chân bấm xuống mặt đá trên lối độc đạo cho vững bước đi.

Đây đã khỏi xóm Đá Chông.

Rừng Tản thấm hút không hết làn sương núi. Sương cảnh trên đọng gieo xuống cảnh dưới. Chỉ có một điệu chìm chìm tẻ tẻ. Rừng vắng và ẩm và mốc. Ngực đã bắt đầu tức tức. Càng lên cao, bọn người thấy mình càng rời lìa cái nguồn sống quen thuộc của mọi ngày. Ở đây bắt đầu một nguồn sống mới lạ. Nguồn sống của dây mơ rợ mốc và cỏ và đá vào lúc mới có Cấu Tạo.

Đền Hạ, rồi đền Trung. Không có gì lạ cả. Ông cụ Sắn cho nơi này là tầm thường. Người xứ Đoài ai chả từng có dịp để dấp bàn chân lên đây một lần rồi. Nếu có những cái gì đáng mở mắt cho to mà xem kia thì phải là lên nữa, lên trên nữa, trên đền Thượng. Thành đá đổ mồ hôi lạnh trước soai soai, giò đã đứng thẳng mãi lên rồi dựng ngược. Vách đá đứng sững trước mặt bọn người đang sơn. Thế này thì theo lên làm sao, hiệp thợ tự hỏi. Ông cụ Sắn vốn có biết truyện *Tam quốc* thấy cái thế của núi đứng rất hiểm nghèo, bèn nghĩ đến cái nước non xứ Ba Thục mà có những lúc người làm tướng biết dùng binh thì lợi hại vô cùng. Ở cái yết hầu con đường đèo trên kia mà xếp sẵn gỗ của ngàn từng đoạn và đá tảng, mỗi lúc lăn xuống, gỗ đá lao xuống như nước thác, thì chỉ một người cũng đủ địch với cả một binh đoàn cảm tử.

Cô lái dò hướng đạo quay lại. Cả hiệp thợ mộc lấy gân kìm bước lại, đứng thẳng lên, rồi uốn người hơi ngả về phía sau. Họ ngắm kỹ, không có một phút dám nghĩ đến lơ lả. Có ông Sắn là nhớ đến cái Bèo ở nhà : đứa con gái út cụ, cũng thon thon như cô lái. Cái vẻ óng dánh của cô lái bây giờ không còn nữa. Cái người đoan trang ấy giờ là người đứng ra để truyền một cái lệnh.

Cô cầm sẵn trong tay một nắm lá trông sắc đỏ như là mẩn đình hồng, phân phát cho mỗi người một lá, bảo ngậm lấy, lấy sức mà lên cao, mà chống lại khí núi. Đường đi từ đây lên đấy tính thời gian theo cái phép đo lường của hạ giới thì cũng phải mất đến nửa ngày. Người con gái đưa đường lên tiên bảo thế. Cô lái dặn sáu người phó mộc nên buộc vào lưng cho kỹ những đồ làm đem theo, nắm lấy tay nhau cho thật vững và nhắm mắt lại. Thế rồi cả đoàn người cứ thấy bay lên, cứ chọc thủng các lớp mây. Từ dưới bay vụt thẳng lên cao lắm, hiệp thợ ấy chỉ là những hạt mẩn sắt bị một khối đá nam châm xa cao tí tấp hút ngược lên. Bên tai hiệp thợ phi hành, chỉ có gió vù vù. Cái lá thắm mẩn đình hồng ngậm trong miệng làm nóng ấm cơ thể bọn thợ mộc đang băng mình qua cái miết lạnh của sơn

cước mỗi lúc một cao, một dày, một tức thở. Cả bọn thợ không ai lấy làm sợ hãi cả. Bởi vì, mấy năm trước, họ cũng đã phi hành như thế này rồi. Người cũ lại lên cảnh cũ non tiên, giả chuyển trước được mở mắt xem lược qua và chuyển này cũng được mở mắt mà xem kỹ lại cảnh xưa !

Cả bọn bỗng rút đánh bịch một cái trên một vật cứng và mát. Tiếng người con gái bảo họ mở mắt ra. Đây là một khu đá bằng mặt rộng độ một mẫu mà chung quanh là những vách đá cao, trên mỗi chóm nhọn màu xanh cánh trả lại có mây trắng mây vàng đánh đai lấy. Ông cụ Sần sục nhớ lại những lúc ở dưới quê hương thấy núi và mây như thế, người ta thường gọi là núi đội mũ. Cây và cỏ trên này vẫn nhiều cái lạ lắm. Chuyển trước, họ cũng đã thấy phong cảnh trên đầu non, nhưng từ khi hạ sơn, ăn phải lại cái cơm hạ giới, họ chỉ còn phảng phất mà thôi. Đã mười năm rồi còn gì nữa. Thành thử ra lên tiên chuyển này nữa, tái kiến mà vẫn như là lần đầu. Người ta càng ngỡ ngàng với non xanh. Mà thêm tần ngần.

Sau một lúc đi khuất vào nẻo đá, người con gái lại từ nẻo đá hiện ra, truyền ra cho hiệp thợ những lời của Chủ Non Xanh :

– Sơn chủ hôm nay bận sang núi bên phó hội cờ thạch bàn. Các bác nghỉ ngơi nốt ngày nay. Ngày mai sơn chủ về, sẽ có điều bảo ban sau về công việc. Theo lệnh nữ sơn chủ, tôi đã xếp cho các bác một lều cỏ ở cạnh suối Tịch Mịch. Trong khu vực suối, các bác được phép bắn chim bắt cá và hái quả. Ngoài chỗ suối Tịch Mịch, các bác nhớ rằng không được đụng chạm đến từ một tác cỏ, một cái lá. Thối phép trên sơn thượng này nghiêm lắm. Nhớ lấy kẻo lỡ ra mà khốn đó.

Người nữ tỳ - đây là người nữ tỳ hầu cận Nữ sơn chủ - ngoắt ngón tay bảo hiệp thợ theo mình đi ra phía sau nẻo đá, rẽ ngoặt phía trái rồi đi xuống. Tiếng nước róc rách lưng đèo nghe gân mải lại. Lúc đến bờ suối có lều cỏ bông dựng sẵn thì dòng nước suối Tịch Mịch nín bật. Nó lững lơ trôi ồm yếu và lững lơ. Nó trong như pha lê gọt. Nó hiền lành. Cụ phó Sần vực hai bàn tay xuống nước Tịch Mịch làm ngay mấy ngụm.

Sáu người phó mộc cất đồ làm vào dưới lều.

Tính cũng mất nhiều thời giờ lắm rồi, mà ngày vẫn chưa hết. Cả hiệp thợ đi dạo cảnh non cao. Cảnh non cao trong cái khu vực khe Tịch Mịch.

Loài cây ăn quả, nhiều nhất hai bên suối là một giống hồ đào, trông như quả roi ở dưới ta. Giống đào rợ Hồ màu vàng nhạt và xanh hay chín,

trái nào cũng có má hồng. Hiệp thợ trừ ông phó Sấn, thi nhau mà bứt. Trái đào rợ Hồ, nhân hột có dáng cái thai đứa trẻ gục đầu ngủ quên. Rớt xuống thềm cỏ, hột hồ đào hóa thành luống cúc tần có bảy lá móc. Cả bọn thợ, vẫn trừ ông phó Sấn, cười như phá. Chim ngàn giạt mình, bay bổng.

Người nữ tỳ đã đứng trước lều cỏ. Ông cụ Sấn chờ đợi một lời quở mắng. Nhưng không. Người con gái trao cho ông một cánh cung sừng sơn dương đen, hai vòng ngọc đỏ như hổ phách và hai mũi tên, một mũi bằng vàng, một mũi bằng bạc.

– Thức ăn bốn mùa trên sơn thượng là giống đào rợ Hồ. Nếu các bác không chịu được, muốn đổi bữa thì đã sẵn chim trên cành và cá dưới lòng khe. Cứ bắn lấy mà ăn. Cái tên vàng, dùng bắn chim. Bắn cá thì dùng cây tên bạc này. Cứ bắn ra, rồi mũi tên sẽ vòng quay lại, không bao giờ hết tên.

Ông cụ Sấn cầm hai mũi tên, ngập ngừng mãi rồi mới dám hỏi khê :

– Thế còn ngũ cốc ?

Người con gái tủm tỉm cười chỉ ra rìa suối :

– Cứ những hòn cuội kia đập vỡ ra là lúa gạo. Cuội xanh là lúa tẻ, cuội vàng là lúa nếp. Còn thứ cuội trắng là, là... Các bác muốn uống rượu thì đập vỡ cuội trắng ra, lấy nhân đá trắng hòa vào với nước suối mà uống. Hôm nay còn nghỉ ngơi, cũng nên nếm cho biết. Nhưng lúc nào đã bắt tay vào việc, mỗi lúc muốn uống rượu, các bác nên trình qua sơn chủ đã.

Mấy bác phó mộc trẻ trở mắt nhìn nhau, lấy làm ngờ vực. Người con gái đã xoay lưng đi, lại còn trở lại, dặn thêm :

– Phía dưới lều cỏ, khe Tịch Mịch xoáy sâu vào chân đá thành một cái hầm nước rộng. Những rễ cái các cây trầm hương cổ thụ đều ăn cả về đáy và cá suối thường tụ ở hầm hàng đàn, ăn những bọt dầu trầm nổi lên mặt nước. Nên năng tìm đến đấy, bắn cá ngư hương mà ăn. Còn như những việc khác, ở trên này có khác với dưới chân núi, các bác chớ lấy làm lạ mà kinh động vô ích.

Thế rồi người con gái đi khuất. Thế rồi, được lời như mở tấm lòng tục, bọn thợ mộc khuôn rất nhiều đá cuội, cứ từng đồng có ngọn một, mang về trước lều làm gạo nấu cơm và chế rượu uống. Họ đập đá bữa bọn, không cần để riêng hòn xanh hòn vàng. Mà có cái lạ là không cần phải nấu nướng gì, những nhân đá xanh vàng kia, cứ đập rời ra, bốc bỏ mồm là đủ hương vị một hạt cơm, một hạt xôi rồi. Nhân đá trắng, thả vào những giống tre đằng ngà

không lồ đựng nước suối, đem uống với nhau, thấy ngà ngà mà say, lâng lâng mà khuây vợi lòng tha hương.

Trong khi ấy, ông cụ Sần xách cung sừng và hai cái tên vàng bạc lần xuống chỗ đầm Bạch Đàn bắt được sáu con cá ngư hương. Lúc trở về đi qua dưới cây đại cổ kính đầu cành chàng nạng nhẩn nhụi như những cặp nhung hươu, thấy có chim ông phó Sần bèn phóng một mũi tên vàng, dây cung kêu đánh phụt một tiếng. Rồi mũi tên lướt rơi qua lùm cây tóc tiên và rớt xuống cỏ thạch xương bồ bóng loáng nước sơn then. Lại cũng đủ sáu con chim xiên vào mũi tên như một que chả chim nướng cả con. Mà thực là một xiên chả. Mùi thơm ở sáu con chim sể đồng bị tên vàng cấm suốt, thơm phưng phức. Ông cụ Sần tháo vòng ngọc đỡ ngón tay, đeo cung lên vai, trở về lều với xâu chim chín và xâu cá cũng đã chín sẵn chung quanh cây ngân tiền.

Sau một bữa ăn có rượu nhân đá, có chả chim ngàn, có chả cá suối, cả hiệp thợ mộc say sưa, gối đầu lên chàng đục, đánh một giấc không biết trời đất là gì nữa. Mở mắt dậy, thì cũng như hôm qua, cái ánh sáng trên này lúc nào cũng nhờ nhờ như nước gạo loãng, không kể sớm, không kể trưa, không kể tối.

Ba bốn con voi lông toàn trắng, chung vùi lại, đỡ mấy cây gỗ đi qua lều, chân nặng bước rất nhanh, để lại sau đuôi nào là gió, là đá rậm, đá cuội bắn tung hạt lại.

Một chốc, thấy người con gái hôm qua tới bảo cả bọn lên hết cho sơn chủ dặn bảo. Đi đến cổng ngôi đền gần sọt mái, người nữ tỳ lảng ra một bên. Thần Non Tản phe phẩy cây phất trần, ngắm mấy con bạch tượng cấm ngà xuống sân đền, sau mười cây gỗ dài rất thẳng. Thần Non Tản truyền cho voi trắng và hiệp thợ mộc đứng cả đây. Bọn thợ theo Thần vào đền.

Mấy hàng cột con, cột hàng ba, cột quyết không đủ sức chống cái mái đền lợp ngói vai bộ trắng men ngũ sắc. Ở nền đền, mất nhiều chân cột và thiếu nhiều miếng gạch lát. Bọn thợ xem qua một lượt. Họ ngờ rằng một dây cột mẹ và những tảng đá chân cột và lát nền kia là do vua Thủy dâng nước lên lấy mất. Ngoài vua Thủy ra, còn ai dám động đến đền Thượng ? Đích cột đền là gỗ chò vầy và đá bị mất luôn kia là đá hoa. Có lẽ trận lụt cách đây mấy tháng là vua Thủy dâng nước lên đỡ gỗ chò vầy và đá hoa ở đền Thượng. Bây giờ sơn chủ gọi họ lên chữa.

– Tàu Chúa Ngàn cao cả, cứ như kiểu đèn này, kẻ ra giờ thiếu hàng cột mẹ, thì bắt mấy cái quá giang rồi xoay ra kiểu thượng thực hạ hư cũng được.

Thần Non Tản, đi lại trên những lỗ gạch đá thềm đình trống hồng, hỏi tại sao lại phải xoay kiểu và dựng đèn thành ra thượng thực hạ hư.

– Dạ cúi thưa Chúa Ngàn cao cả, đó là cung cách của chúng tôi thường làm, mỗi khi không đủ gỗ cột mẹ. Tất cả phải mất mười sáu cây cột mẹ. Ngoài sân chỉ có chín cây gỗ chò. Nếu phải làm hàng cột này bằng hai thứ gỗ khác nhau, chúng tôi e không đẹp. Tàu xin Ngài phán xuống để anh em chúng tôi khởi công.

Thần Non Tản liền phán :

– Đèn dựng trước như thế nào, cứ thế mà trùng tu. Không phải thượng thực hạ hư gì cả. Ở sơn gian này, có thiếu gì gỗ chò vẩy và đá hoa. Ta dám chấp kê kia cứ dâng mãi được nước lên đây mà đỡ cho hết được gỗ quý và đá báu của ta. Còn thiếu bảy cây gỗ chò nữa, chiều nay lũ voi trắng của ta sẽ đem về đủ. Còn đá cẩm thạch lúc nào lột cột và lát nền, sẽ có lần lần cho thợ ngỗ làm.

Hiệp thợ mộc vẫn tuân tữ tiến hành công việc. Ngày tháng trên này không biết lấy gì mà đo tính, bởi vì chỗ sơn thượng không có đêm không có ngày. Đây là nơi của ánh sáng vĩnh viễn nhờ nhờ như màu ngọc liệu, như chất nước quế trắng chính sơn pha loãng. Những buổi trời tái hần lại vì khí núi âm u, thì một vài hòn ngói trên lòng trần đèn hình mai luyện lại sáng rực hần lên như một nguồn lửa. Ở những hòn ngói phát hào quang ấy, đọc rõ được bốn chữ *Tản Viên đài ngỗ*. Vào những phút này, mấy thân cây cột gỗ chò vẩy mới tỏ rõ cái đẹp cái quý của một thứ gỗ đặc biệt. Dưới ánh lửa ngói sáng choang, cột gỗ chò nhấp nhánh lộng lẫy chớp chớp lên như vẩy rồng vàng cốm chạm nổi.

Những đầu kèo vai và câu đầu, đều chạm tứ quý tứ linh. Bức trần gỗ thì chạm bát bửu cổ đồ. Nét chạm tỷ mỹ công phu gấp mấy lần công thợ điêu khắc ở các đền đài khác ở dưới núi. Họ chia nhau ra mà chạm, người thì tĩa hình như kiếm, quạt, và phát trần, kẻ thì gạt đáng tù và với túi roi hoặc là túi thơ cùng bầu rượu, cái nọ ghép vào với cái kia thành một bộ đôi bằng những sợi cạm đối nét dẻo như tung bay được.

Đến hôm chạm đến tám cánh cửa bức bàn theo hình Bát tiên hoá thì trời xám quá, ánh sáng ngói đèn không đủ để làm việc. Sơn chủ phải cho

nổi hiệu khánh đá gọi đòi tề giác xanh tới đền. Người thợ nào cần thêm ánh sáng thì con tề giác xanh lại ghé đến bên cạnh lấy cái sừng âm rọi sáng cho đường chạm. Sừng tề giác là những vết lân hòa sáng xanh và dịu. Nhiều con anh tước lắng tai nghe những tiếng đục đánh xuống chàng kêu lách cách cóc cách gieo những thanh âm thô lạ và gắt vào cái êm ả của ngàn mềm. Nhiều buổi sơn chủ hài lòng cho phép cả hiệp thợ ngâm đá cuội mà say. Có một lần, ông cụ Sần tỉnh rượu thấy mình gối vào vôi con bạch tượng mà ngủ và vượn trắng đang bứt hồ đào đưa ném vào các người thợ bận còn ngủ ly bì. Bên hàng lệ liễu màu phấn hồng, có đến linh trăm con chim quỳên mỏ và lông đều tím hoa sim đang rĩa vỡ những màng hoa mấy khóm phong lan đen như gỗ mun.

Hôm nay, bọn thợ mộc làng Chàng Thôn đã làm đến cái diêm gỗ hàng hiên phải chạm thủng đường sồi. Nghĩa là công việc chữa đền Thượng gần xong. Ông cụ phó Sần buồn buồn nghĩ đến ngày sắp phải xuống khỏi núi. Cứ ở trên này, thì bọn thợ còn được tha hồ bàn tán đến những cái lạ của ngàn thăm thẳm kín mật, mỗi lần rời xuống khỏi, là không tìm lại được đường lên, là không dám hỏi hang tý chút lại với người đời về cái thần bí trên đây xanh tươi đến ngày tận thế.

Ông cụ phó Sần rầu rầu nghĩ đến một hôm nào đây cũng không còn xa gì đâu, Chúa Ngàn thiêng lại đưa cho người về một cái lá trúc nhọn đầu.

229. XÁC NGỌC LAM

Làng Hồ Khẩu có nhà họ Chu làm giấy nổi tiếng đã đến mấy mươi đời liền. Ông tổ bốn đời nhà họ Chu đầu suýt nữa đã có lần ra làm quan. Thời ấy nhà vua xuống chiếu cho quan địa phương phải làm sổ đệ dâng về những môn bách nghệ trong nước và tên họ những người có tài thủ công trong các môn ấy ; về các phường làm giấy, bán giấy, một hạt Hà Đông, nhà họ Chu được đứng vào đầu sổ kê khai bách nghệ. Ý chừng quan địa phương cho giấy là mật thiết với văn chương khoa bảng của một nước sùng thượng kẻ sĩ nên liệt họ Chu lên đầu sổ. Chẳng rõ như thế có phải không, nhưng cứ cái chất giấy dó của nhà họ Chu đem ra xét thì đến giấy trúc của Tàu cũng xê lui chứ đừng nói là giấy dó của bất cứ lò nào xứ ta nữa.

Nhà họ Chu vốn không làm giấy moi bao giờ. Chỉ làm toàn giấy lụa và giấy lệnh hội để viết bằng, viết sắc. Và vào khoảng đầu những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu có khoa thi, thì nhà ấy mới làm đến thứ giấy để học trò đóng quyển gọi là giấy thi. Giấy của họ Chu chế ra bao giờ soi lên cũng có hai chữ Chu Hồ, in lối thủy ấn. Hai chữ thương tiêu⁽¹⁾ viết theo lối triện cổ đời Tần nhắc cho người dùng giấy biết rằng đây là giấy của họ Chu làng Hồ Khẩu. Trông đến tờ giấy dó của nhà này là ai cũng biết ngay, chẳng cần phải soi lên mà tìm dấu thương tiêu thủy ấn nữa. Cái đám đàn bà con gái buôn tạp hóa họ đã đổ nhau là xếp ra trước mặt rất nhiều loại giấy của rất nhiều nhà làm giấy bán ra rồi người bị đổ sẽ nhầm lẫn lại, chỉ được lấy tay sờ mà phải gọi được tên giấy của lò nhà nào ra. Chẳng bao giờ các bà các cô ấy gọi sai các loại giấy của nhà họ Chu cả. Thì ra gồng gánh ăn

(1) *Thương tiêu* : dấu hiệu riêng của nhà sản xuất đóng hoặc dán trên sản phẩm của mình, tức nhãn hiệu.

phương ăn hàng mãi khắp kẻ chợ thôn quê họ đã hiểu hết những đức tính của loại giấy nhà họ Chu. Nó nhẵn mặt mà không cứng mình, mà chất lại dai và lấm tờ khổ rộng mình dày thế mà bắc đồng cân lên thì nặng chỉ đến như cái lông hồng. Mặt giấy xốp, nghiêng giấy ra sáng mà nhìn chất cát đó thì nó như làn da má trinh nữ phẳng đượm chất tuyết của lớp lông măng. Vuốt vào mặt giấy, người ta có cảm tưởng được sống là một điều dễ chịu ; mùa nực, sờ vào giấy thấy mát cả lòng tay và về tiết đông áp tay vào giấy nhà Chu, thấy nó ấm ấm như có sinh khí. Đưa lên mũi, tờ giấy đượm hơi thơm của một thứ mộc thảo còn tươi sống. Thật là một vật quý trên thế gian. Tờ giấy dó từ lò nhà họ Chu đưa ra thị trường, ai nhìn thấy cũng đều lấy làm sung sướng. Nó đẹp đến nỗi mọi người yên trí rằng dầu dĩa thất phu có cầm bút vẽ bậy vào đấy thì những nét lếu láo ấy cũng vẫn cứ thành được chữ. Nhưng hồi ấy người ta còn trọng nho phong và chúng nhân đều là người trí sĩ cả, nên tờ giấy nhà họ Chu còn được may hơn là phận những vách đá gior mình ra cho người dốt thích thơ vào. Người có chữ nhưng mà văn xoàng và viết xấu thì đều không nhẫn tâm đem giấy họ Chu ra mà viết. Người dốt thì biết kiêng sợ và chỉ trông thấy giấy có thủy ấn Chu Hồ là đã chạy xa rồi. Thành ra kẻ sĩ ở vào cái thời ấy thấy ai dùng đến giấy Chu Hồ là họ tìm đến, ví chẳng được văn đại khoa thì âu chữ cũng phải có nét bút thiếp. Mà sự dùng giấy dó nhà Chu Hồ đã thành một lối biểu dương của riêng một phái quý tộc trong làng văn mặc.

Cái lần được triệu vô kinh và được hầu hạ quan Thượng thư Bộ Lễ để bày tỏ những đức tính của giấy dó lò nhà, ông cụ họ Chu đã làm cho bức lão thần và tất cả thuộc nha một bộ phải kinh ngạc và trầm trồ. Ông cụ đã bày các thứ giấy các loại ra án thư và bắt những con gián, con nhay, con dài đuôi thả vào đám giấy ấy. Thì lạ quá, cả một lũ côn trùng kẻ thù truyền kiếp của sách và giấy đều chạy lảng xa rất nhanh khỏi chồng giấy và lẫn trốn đi đâu hết cả. Bộ Lễ bèn làm sớ đệ dâng lên chỗ chín bệ và nhà vua bèn xuống chỉ cho ông già họ Chu sung vào một chân trong Cẩn tín viện để ở luôn nơi thành vàng sớm tối chế giấy cung cho cả một hoàng tộc và cả một triều đình. Bộ Công đã có chỉ phải xây hai lò giấy dó bên sông Hương và ông già họ Chu sẽ là vị quan trọng dụng lần thứ nhất để coi mấy lò giấy mới mở đó. Nhưng ông già họ Chu lấy làm sợ hãi mà tâu lên rằng hiện trong mình đang mang cái tang mẹ và xin được lộn về Bắc, cứ ở nơi Tây Hồ nguyên quán mà chế giấy Ngự chỉ và thường niên đệ vào kinh do quan

địa phương sẵn sóc việc đưa đi theo những kỳ hạn nhất định. Triều đình thấy ông già họ Chu cũng thuộc về một trường hợp đình gián⁽¹⁾ nên cũng ung và không nghị tội.

Từ ấy giấy Chu Hồ tiếng lại càng bay rộng xa. Thường niên, gặp kỳ vạ thọ hoặc khánh đản triều đình vẫn nhớ đến công người làm giấy, ban ra cho nhà họ Chu hết tường lục này đến tường lục nọ và ân tứ cho vô khối là vàng lụa. Đời một người thôn dã lái buôn mà được đặc sủng đến dường ấy, thực cũng là một sự đáng ghi lại nơi ngoại sử của một thời trong một nước chỉ biết quý yêu có kẻ sĩ. Và cổng lò giấy nhà họ Chu làng Hồ có nhiều ngày lại vui nhộn quá cửa hầu quyền. Lối xe vệt móng trước nhà người thương nhân, hân hữu lắm mới chịu ăn rêu đậu cỏ. Những bậc cao sang tài tuấn của một thành đô vẫn thường lấy chỗ nhà ông già họ Chu làm một nơi hẹn hò với hạnh phúc. Được cái nhà họ Chu có cái đức làm người bình dị rất vững, nên vẫn cứ cố giữ mực thường, không vì thế mà thành kiêu lộng và lại càng vui với cần lao và nghề nhà ngày một càng tinh xảo. Vào nhà ấy, người ta không thấy có gì là lộ ra cái lối phú quý chơi trèo. Giá vào kẻ khác thì ít ra ở đấy cũng đã điểm những vệt vàng lớp son - và cũng chính đáng lắm chứ sao. Nhưng không, ở đấy chỉ có cái tàu dó gỗ sù sì, tảng đá ép giấy nhấn lạng và hòn đá nghề giấy rất khiêm tốn nằm giữa nền đất trổ. Từ đời ấy đến đời khác vẫn chỉ có bấy nhiêu. Rất cổ điển, cổ kính và đơn bạc. Cái gì mà cả dòng nhà ấy biết quý yêu thì vẫn lại là cái tờ giấy của mình chế ra, cho người có chữ dùng.

Cho đến bây giờ.

Cái tảng đá xanh xanh màu núi mùa thu và vuông mỗi chiều hai thước ta, dùng để nghề tờ giấy cho nhấn mặt, vẫn chỉ là một vật rất thành thuộc ở với họ nhà Chu đã đến sáu bảy đời. Nó câm lặng mà phụng sự như không biết có mình nữa. Và người ta quý nể nó như là nương nhẹ một người lão bộc, ít khi người nhà họ Chu nữ nặng tay gieo đầu chày xuống miếng đá của tổ phụ lưu lại, những khi nghề mặt dó giấy. Mà người ngoài cũng làm nghề này thì cũng chỉ thấy viên đá là một viên đá, dành cho nó cái giá của một viên đá thôi. Cả đến nhà họ Chu cũng nghĩ vậy.

(1) Nguyên chú : ngày xưa người đang làm quan mà vướng phải việc đại tang, thường phải cáo đình gián, xin lùi nghĩ cho hết tang rồi mới lại xin ra sau để triều đình bố dụng. Ai ẩn nặc bị tội nạng.

Nhưng... hòn đá ấy vốn có một đời sống thuộc về tâm hồn cũng hơi lạ.

*

* *

Rừng Hoành Bồ có một nương dó. Rộng sâu lắm. Cũng gần thành một cánh rừng riêng. Gió thung lũng thổi vạt vào nương dó, mỗi đợt muốn đi gấp qua hết lòng nương thì cũng phải tàn mất nửa điệu thuốc quán. Trong cái chỗ cùng tít của nương dó, có một cây dó không rõ mọc từ đời nào mà cao vút, cành lá át cả những cây thiên niên tùng gần đấy. Loài dó vốn là một loài cây trung bình, thường chỉ cao hơn đầu người, mấy khi đã có được chút bóng dài. Vậy mà cây dó cổ thụ này mình to như mình lim, mỗi lúc mặt trời chỉ lệch quá Ngọ độ phần nén nhang là bóng nó đã rợp cả một khoảng lòng suối xa kia để làm vui cho một đàn cá bương ngư. Người trung châu mình thường hay khiếp lánh những cái gì lớn quá, không dám nhận những cái cao to là hẳn vật riêng của thế giới mình, bèn gọi luôn cây đại thụ ấy là Gốc Dó Thần, phải nhắc đến thì chỉ dám nói thầm và mỗi lần gặp mùa bóc dó, họ đều lảng xa khỏi Gốc Dó Thần. Đời ấy và đời khác. Góc nương dó có gốc cây thần, chả mấy mà đã thành hoang vu và trở nên bí mật như một rừng cấm, gió ngàn có lách qua được kể cũng còn là mệt. Chỉ có bọn thổ dân sơn cước muốn mở một lối đi tắt là còn dám lặn vào đó chứ đến bọn người Kinh đi bóc dó thuê là đều lùi cả.

Nhiều buổi rừng dó lặng gió quang mây, từ góc rừng cấm nổi lên những tiếng hát, giọng không ra Bắc không ra Nam mà hơi hát thì toàn bát chành đi cả ; lúc xa lúc gần, cái thứ tiếng nói không ai hiểu là tiếng gì đó, đi khắp cả nương dó. Tiếng nói, đôi khi lại có chen vào ít tiếng trúc. Bọn người Kinh đi lên rừng Hoành Bồ bóc dó, nghe thấy tiếng hát giữa một nơi mênh mông đều hui, giá đừng có những cái lối khiếp đảm tâm thường, thấy bất cứ cái gì không quen thuộc như cơm áo và tiền y như đã sợ - thì vào những ngày gió tạnh mây quang nơi nương dó ấy, là họ đã có dịp gần nghề thuật rồi đấy. Họ nghe tiếng hát lần lần vắng lên thì cái lòng kinh hãi nơi lòng họ cũng tăng lên dần dần. Thậm chí có người ngất đi và cấm khẩu, phải đốt đến hàng đống lá khô mới tỉnh lại. Mới hay tiếng hát u niêm và tiếng trúc tuyệt vời có khi lại cũng làm tội cả đến những kẻ đi làm thuê ăn công nhật. Rồi có bao nhiêu người Kinh đi bóc dó thuê kia đều lấm lét bỏ cả việc, quây quần lại sát thít vào nhau bên đống lửa cho đỡ sợ. Tiếng hát

tất đã lâu lắm, bọn họ mới lò dò làm nốt buổi. Những người thổ dân cùng đi bóc dó chung với họ, lấy thế làm cười và bảo họ :

– Không việc gì phải thất đảm như thế. Cô Dó hát đấy. Cô Dó không làm hại ai bao giờ.

– Các bác bảo cô Dó hát ? Ai là cô Dó ?

Đám thổ dân sơn cước vui vẻ chỉ đúng cái cây Gốc Dó Thần ở phía xa.

– Cô Dó ấy đấy. Cô ở cái cây ấy. Cô là hồn sống của cây ấy. Chúng tôi vẫn thấy luôn. Hôm nào đi làm về, gặp cô thì y như về đến nhà – ở mãi trên kia - bọn tôi cũng đều vui và quên mệt. Cô lúc nào cũng mặc một cái áo màu chàm.

Họ còn nói cho bọn thợ Kinh nghe rằng cứ năm nào cô Dó hát trong nương thì giấy dưới vùng xuôi làm ra rất nhiều. "Chắc dưới vùng xuôi lại có khoa thi khoa thiếc gì, nên năm nay cô Dó lại hát". Bọn thợ Kinh tính ra thì năm họ đang bóc dó vụ chiêm đây là một năm Mão. Và nghe đám người núi nói chuyện giọng thành thực, nên bọn thợ Kinh cũng đỡ sợ, và từ đấy một vài người lại còn sinh ra tò mò nữa. Họ rình cô Dó ra hát. Bọn thổ dân nói đúng đấy. Cô mặc áo xanh màu lam và cứ đi đến Gốc Dó Thần thì vụt mất. Nhiều lần thấy thái độ bọn thợ Kinh là suông sã lộ liễu quá, cô Dó giận dỗi mất hàng mấy hôm. Bấy giờ thấy nương vắng tiếng cô Dó, bọn thợ Kinh phân đông mới thấy nhớ và thấy hình như ngày làm của họ thiếu mất một cái gì. Nhưng sau đấy ít ngày rừng dó lại vang tiếng sáo tiếng hát, bởi vì vui hát là bản tính của cô Dó và cô vốn không phải là một sinh vật trong nhân loại nên lòng tha thứ ở người cô rất quảng đại.

Chuyện này đồn về đến vùng xuôi.

Có cậu Năm nhà họ Chu ở ven hồ Lăng Bạc nghe chuyện lấy làm mê lắm. Vụ bóc dó mùa năm sau, cậu Năm bèn dặn dò lại công việc làm ăn cho người nhà trông đỡ lấy lò giấy làng Hồ Khẩu rồi theo luôn bọn thợ bóc dó lên rừng Hoàn Hồ. Cậu tìm vào nương dó đánh tranh làm nẹp nhà bên suối, ngày ngày ăn cơm lam chấm với tro gang tằn nửa đốt ra làm muối. Cậu Năm nhất định chờ cô Dó. Đôi khi cậu Năm bắt chợt được tiếng hát tiếng trúc, nhưng đến bóng người áo chàm thì từ ngày vào nương, thật cậu chưa được thoáng thấy một lần nào. Thì ra, cái giống tình xưa nay vẫn là thế ; lúc không thì chẳng sao, mà một bên đã hơi hiểu đến tình ý thì y như là e lệ thẹn lánh rồi là bày ra cái trò bắt diệt đi trốn đi tìm. Biết có người

trai đẹp dưới Kinh tìm lên đến chỗ có cây muôn năm xanh tươi để chỉ tìm cầu đến cái thanh sắc của mình, cô Dó trở nên mất hết tự nhiên rồi lãng hết lối mọi ngày tung tăng trong nường. Và giờ, có cao hứng lắm thì cô Dó chỉ ngồi trong Gốc Dó Thần mà hát cho đủ thành điệu thôi. Thế mà cậu Năm đã chờ bên gốc cổ thụ từ hôm nào không rõ. Cậu Năm vốn là người có chữ nên cậu ngỡ rằng điệu hát cô Dó mang máng như lối trong giáo phường đọc phú và nhiều khúc thì lại có cái âm luật xốc vác của thơ cổ phong năm hiệp gặp đường cùng. Đến một đoạn sau thì dài hơn, trong trẻo như pha lê và vui như tiếng thông reo giữa trời nổi gió. Có rờn rợn chẳng chỉ là cái đoạn chót của bài hát. Nó lơ lơ ảm ẽ ối a như lối ma Hời đưa võng ru con. Dứt câu hát, lại có tiếng cười gằn và tiếng thở dài. Buồn cho hoang vu và cảm cho lẻ loi, tay rờ rẫm Năm ta bấm móng tay vào vỏ dó thì thấy từ ruột cây tuôn rơi xuống hai dòng lệ đặc. Trời, như vậy thì đến phải lấy nhau mới xong. Cậu Năm bèn khẩn xin cô Dó cho thấy mặt. Bóng dương đã ba lần chênh chếch bên cây to mà cậu Năm vẫn một niềm chôn chân đứng chờ giữa trời. Cây to vẫn im lặng. Gió rừng chiều gỡ một cái lá thả từ chòm cây vào lòng cậu Năm như trao cho nhau một bức thư không lời.

Ngày thứ tư, mặt trời vừa vươn lên khỏi ngàn trước mặt là đã thấy cậu Năm đứng dưới gốc dó, tay cầm một cây rìu lưỡi sáng quắc. Người tình nhân ấy bữa nay trông quá quyết như một người sơn tràng sắp ngã một cây gỗ rừng rồi dẽ vào đèo sao rồi cốn nốt rồi thả đà. Cậu Năm gõ vào thân cây, tiếng nói thất thanh, kêu rằng cậu không đợi được lâu hơn nữa, trong người cậu đã thấy rề rề mẩm bệnh sốt rét rừng và nếu hôm nay cô Dó còn lánh mặt nữa, thì cậu phải phá nhà cô nghĩa là chém cây cổ thụ mà "Còn tình chi nữa là thù đấy thôi", rồi cậu xuôi luôn về Kinh đây này cho mà biết. Đến nước này thì cô Dó phải ra. Dưới gốc, kẻ khóc người cười. Cả hai cùng e ấp rồi cùng kháu đầu tạ lỗi. Sóng vai trên cỏ sương hai người bàn đến chuyện đưa nhau về Kinh. Chợt nhìn đến lưỡi tầm sét sáng như nước nằm dưới chân, hai người cười liếc nhau và cậu Năm cảm liệng luôn xuống lòng con suối bạc. Sợ người ta ngượng vì mình và yêu nhau kém tự nhiên đi, mấy con bướm đậu ra những ngọn lau xa. Đàn chim má cũng ứng hồng lên vì chút thẹn, lông bay dãi lạc đậu trên chòm xanh, chùng cũng cho thế là phải, bèn rủ nhau đi sang rừng khác, sau khi gáy lên mấy dịp tươi nhanh để tỏ mừng ; mấy bụi sim quanh quất gần đấy đều cho nở một loạt cánh tím, mặc dầu mùa hoa tím hết đã từ ngày hạ.

Cô Dó sụt sùi hỏi cậu Năm rằng :

– Trên này tôi đã quen ở với thảo mộc. Về dưới Kinh, cây cỏ cần vắng, chất xanh nghèo nàn, biết sẽ gửi mình nơi nào và ở vào đâu ?

– Em sẽ ở với đá với nước. Lấy cái xanh của nước thay tạm cho cái xanh của lá, lấy cái lành vững của đá thay cái mềm lạnh của cây, anh tưởng cũng tiềm tiệp được.

– Đá nào ? Nước nào ?

– Nước hồ Tây. Và đá phiến làng Hồ Khẩu. Nhà anh làm giấy ở kẹt vào giữa một con sông và một cái hồ rộng. Có hòn đá ghè giấy, mỗi chiều bằng vai em, tường em ở cũng không đến nổi chật quá. Và em vốn sinh trưởng bằng nhựa dó và dưới ấy là nhà làm giấy, sự sống hằng ngày có thêm em nữa, cũng không phiền thêm chút nào. Thế giờ liệu đã xuống núi được chưa ?

Cô Dó gật gật, rồi xin phép cậu Năm cho cô khóc một lúc để tỏ nghĩa với Rừng cao cả. Cô quỳ xuống lạy Ngàn Xanh hai lạy, giọt dài không khác người con gái lạy sống cha mẹ để lúc bước chân về nhà chồng. Cậu Năm mắt cũng rơm rớm. Con suối bạc cảm động quá ngừng hẳn lại, không chịu chảy xuôi nữa. Lòng suối im ả như gương Tàu phản chiếu, không nhòe lấy một đường viền nào, cái bóng hai người đang lấy tà áo chùi lẫn nhau những lệ châu hạnh phúc sớm mới. Hai người say sưa và mệt mỏi, đi trên một cái lối mòn ăn ra dốc đèo.

Chúa rừng cho nổi một cơn gió nồng tiễn đưa cô Dó ra cửa ngàn. Có một con hươu đực đang vươn cổ cao nhìn cô Dó xuống đồng bằng, mỗi lúc một bé dần. Nó quật sừng vào cái cây đại có những cành ngang và lá to làm bận tâm mắt nó.

Cái chấm áo chàm người sơn thần nữ vu quy đã tan lẫn vào cái xanh lớn lao của ngàn già. Bữa ăn chiều ấy, hươu đực ngón tác cỏ thấy chất đắng. Nương dó mất tiếng hát từ đây. Sớm ngày sau rừng dó bỗng kêu một tiếng âm như ngọn núi nào lở thụt ngã xuống vực. Gốc Dó Thần đổ vật. Giai nhân đã đi. Đất này trở lại những lá úa rầu. Nhưng mà từ nay ven hồ Tây và trên dòng sông Tô Lịch lại có tiếng cô Dó bây giờ xuống hát ở dưới đồng bằng.

Hát riêng cho cậu Năm nhà họ Chu nghe thôi. Hôm về tới làng Hồ Khẩu, trời đã canh hai, cả nhà đều đã ngủ say. Cậu Năm đưa cô Dó về nhà mà không ai biết tý gì cả.

Trông thấy phiến đá xanh nghè giầy đặt chìm xuống nền đất trổ, cô Dó cười hỏi chồng :

– Đấy phải không ?

Cậu Năm đang gờ tay đốt đèn quay vội lại vui vẻ gật gật. Thế là cô Dó lẩn mình ngay vào tấm đá, sau khi ăn hết hương thơm của mấy trăm tờ giấy sắc vừa seo xong còn ướt để ở ngoài hiên. Mấy ngày đi đường cô đói quá. Lại vừa mệt nữa. Nên chỉ kịp chào cậu Năm và nói có một câu "Đầu canh tư, anh đánh thức em dậy với" là cô đã ngủ ngay trong lòng đá.

Riêng cậu Năm thì không ngủ được. Ngồi uống rượu một mình cho đỡ lạnh, Năm thấy phải độc ẩm có ý buồn buồn, bèn thành kính rót một chén xuống mặt phiến đá và tuy mới sang canh ba được có một lúc, cậu đã đánh thức vợ dậy để cùng nhấp một chén tân hôn.

– Này em này, đã sang tư rồi. Sao tua rua tháng Mười đã gần tụt hết xuống phía Đoài rồi đấy. Em ngồi dậy, uống một chén mừng cho đỡ lạnh.

Từ lòng phiến đá lạnh có một tiếng ngáp mệt mỏi đưa lên :

– Anh lấy ít bột dó chưa seo rắc lên mình đá cho em kéo trong này lạnh lắm. Ngày thường, anh bắt đầu làm việc từ lúc nào ?

– Cứ trời gần hừng sáng thì anh đã trở dậy nghè giầy. Đứng Ngọ, ngừng tay một lát ăn cơm. Mặt trời lặn thì anh nghỉ hẳn tay chày.

– Từ nay có em về ở cùng, anh nên đổi thời khắc biểu cũ đi. Em thuộc chất âm, ít chịu được cái nóng sáng của mặt trời. Em muốn từ bây giờ, anh thay giờ làm việc, lấy đêm ra làm ngày. Như thế nó tiện cho em những lúc phải đỡ dần anh một tay. Vả chăng, cái việc em về làm bạn với anh, cũng không nên cho người khác biết, cả đến người nhà nữa. Muốn giữ bền được hạnh phúc, chúng ta nên mai ẩn ít nhiều tung tích mình đi để tránh những việc dòm dò của chung quanh. Lại còn thế này nữa : là thỉnh thoảng em có muốn lánh mình ra khỏi đá để hát cho anh nghe hoặc đánh bóng mặt giầy cho anh mà phải lộ tấm hình hài cho người ngoài thấy thì thực là một điều không những là bất tiện mà lại còn nguy hiểm cho hai mình nữa. Nào anh đổ xuống mặt đá cho em một chén rượu nữa, người em vẫn còn mệt lắm, nhưng đã là ngày vui nhất trong một cuộc đời, thì phải say và phải hát chứ.

Em sẽ hát một bài ngắn thôi, rồi đi nằm. Lúc nào gà gáy canh một đêm nay, em sẽ dậy. Anh cũng đi ngủ, để tối hãy làm giấy.

Cậu Năm nghe theo lời vợ hiền. Và từ bấy giờ, cả nhà đều phải để ý đến những giấc ngủ ngày triển miên của cậu Năm. Hỏi, cậu bảo rằng cậu vừa tìm được một phương pháp mới để chế giấy cho tốt hơn ; giấy nghe vào lúc đêm hôm thì mặt bóng hơn, chất chắc hơn vì... vì có hơi sương và tia trăng tia sao ! Cậu nói thế mà cũng có khối người trong nhà nghe được đấy.

Ở ven hồ Tây, giờ cảnh đêm đông không còn lạnh lạnh như mọi khi nữa. Trong sương, dùng đục những nhịp tiếng chày nhà cậu Năm già đó và lấm buối còn lẫn một thứ tiếng hát, âm thanh lơ lơ và nhịp lúc mau như khổ đựng giọng nhà Tơ và lúc thưa thì giống hết lối ngâm thơ Thiên Thai rồi ngân dần dần lên và lại dần dần ngân mà xuống đúng như hơi hát cung bậc lúc đổ con kiến. Đêm đêm, cậu Năm làm giấy và cô Dó cũng lách mình ra khỏi đá, nghe giúp chồng. Cả ngày chỉ ngủ không ăn, giờ bữa cơm chính của cậu Năm thường lại là một bữa súa-sứa có điểm mấy chén rượu. Vợ chồng vui vẻ, nói không nên lời. Ái tình và cần lao. Lắm khi ngà ngà mà say, phát phơ mà đi, nhìn đêm lạnh trăng suông, nhớ rừng cũ cô Dó lại càng hát nhiều nhiều. Khuya im một bầu sương muối, cỏ cây dùng đục vẫn trong sữa trắng loăng, trời đất trông ra như lúc hỗn mang, cô Dó đánh bạo ra ngoài. Đêm đông trường, chỉ có một thứ tiếng hát của cô Dó chập chờn đi từ giới hạn một bờ hồ Tây đến một khúc sông Tô Lịch. Tiếng huyền diệu và mờ mờ bao la.

Từ đấy, lò chế giấy nhà cậu Năm họ Chu làng Hồ Khẩu biết một kỷ nguyên mới – giấy tự nhiên thơm đẹp lên và bỏ xa sự cạnh tranh của nghìn vạn người sống bằng vỏ dó. Loại giấy Chu Hồ có từ bấy giờ. Áp tờ giấy đẹp vào lòng biết nó là công ơn của người vợ hiền đêm đêm đã cần cù vì mình, cậu Năm mê-mê vì chân hạnh phúc và thú cần lao, nhiều phút ban ngày sướng quá, ngất đi và tỉnh cơn cuồng lại vỏ mãi vào phiến đá nghe có ý đánh thức vợ dậy mà xem mình đang khóc vì... hoan lạc.

Có một lần cô Dó trở trời khó ở mất đến một tuần, giấy Chu Hồ tự nhiên xuống hẳn mặt. Đã có bao đêm liền, cậu Năm bó gối gác chày bên phiến đá, nghiêm và râu như kẻ sắp gieo mình xuống dòng.

Dưới lòng đá, có tiếng phào phào đưa lên.

– Em rõ chứng bệnh em rồi anh ạ. Ra em không chịu được cái mùi hoa hòe nhà ta vẫn mua để nhuộm giấy sắc. Đổ cái chất vàng ấy lên mình em,

em ăn phải cho nên đầy và cứ phù dãn người ra. Anh thử bỏ vút bột hộc đi em xem.

– Có như thế.

Sau khi cậu Năm cho đổ hết hộc xuống hồ làm vàng ố cả một vụng xanh trong thì cô Dó cất cơn ngay. Lò giấy nhà họ Chu thôi hẳn việc chế giấy sắc vàng, lại cũng từ đấy. Ngày tháng. Hai người yêu nhau trong ca vui và lao cần ; trăm năm cũng già. Không, cô Dó vẫn trẻ. Chỉ có cậu Năm là già đi, vì cậu vốn thuộc chất dương và vốn bị thời gian chi phối. Cậu Năm chính là ông cụ tổ ba đời của ông cụ họ Chu được nhà vua cho quan Bộ Lễ vời vào kinh để sung một chức ở Cẩn tín viện đấy.

Cậu Năm trăm tuổi đi rồi. Cô Dó đêm đêm ra ngồi ở ven hồ Tây và ven sông Tô có mấy tháng liền, sự nhớ thương lại biến thành nhiều khúc hát buồn và những bài ca điệu ấy. Cô Dó chép một tập đề là *"Chu Ngũ Lượng hoài nhân khúc"* giữ luôn dưới lòng đá và nét chữ cô Dó lờm chờm nhọn hoắt và so le như ngọn cỏ bông. Mấy mươi đời sau, đâu có một người tài về môn cách vật trí tri⁽¹⁾ bảo đấy là thứ chữ không phải của loài người chế lấy mà dùng, nó là thứ chữ Sơn Hoàng của Chúa rừng truyền dạy cho các hồn cây hồn quả hiển viết lúc dâng bài *Chúc thọ* và chỉ có những người nào có số hỏ vồ là đọc thông được thôi.

Phiến đá xanh nghề giấy, từ cụ Năm về trời bỗng trắng toát ra. Phiến bạch thạch lẫn vài bố góc bàn thờ mới. Sau ba năm cô Dó rất có thể lộn về rừng – cái quê hương cũ muôn năm xanh vui của mình. Nhưng không, cô vẫn còn thương cậu Năm nhiều lắm và thề ở lại giúp và dựng cho lũ con cháu và lũ chất nhà chồng, có cái định kiến là đến bao giờ dân Trung châu hạ bệ tuyệt nghề làm giấy bản thì cô mới bỏ nhà chồng mà lộn về rừng. Từ ngày theo chồng về Hồ Khẩu cho đến quá về sau cái thời chồng chết, người quả phụ ấy chỉ có một lần tìm đường quy ninh về rừng thăm lại Mẹ Ngàn (cô Dó quy ninh đâu vào cái khoảng người cháu bốn đời nhà cậu Năm).

Từ khi cậu Năm mất đi, con cháu nhà họ Chu lại trở lại tập quán cũ, nghĩa là nghề giấy vào lúc ban ngày. Dưới đá trắng cư tang, nghe những âm chầy non đại đổ xuống dó ướt, cô Dó mỉm cười. Thương lũ trẻ, đêm đêm cô lại

(1) *Cách vật trí tri* : tiếp xúc với vật và đưa sự hiểu biết đến tận cùng.

lên hiện ra, hà ít hơi mình vào giấy và lấy tay vuốt từng tờ một. Giấy Chu Hồ vì thế vẫn giữ được vẻ quý mà riêng lũ con cháu nhà cậu Năm thì vẫn không hề biết lấy mảy may về sự hiển linh nhà mình. Đời ấy và đời khác.

Năm 1925 vào lúc cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng đế⁽¹⁾, đất Nam Kỳ, trấn Gia Định... có một ông huyện... tên là Khỏe. Ông huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng, hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái nông nỗi hóm của của ông huyện Khỏe... vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thuở ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một trời và đến ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt... Khoảng đời thiếu niên của ông huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hội Tây. Đấy, ông huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chăng trong cử chỉ hàng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cường và các nhà máy xà phòng, gạo và dầu cù là của ông rải rác ở khắp Lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là cổ là đẹp, nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bức có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng phủ Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng : "Bất thừa xa mã bất quá thử kiều"⁽²⁾. Ở Sài Gòn được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh để bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thể nào cũng phải tìm lấy dịp để mà trả ơn lại ông huyện, nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc Kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm Chiêu Hiện lại lộn về một lần để sục mót xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá ghè giấy nhà họ Chu làng Hồ Khẩu, tìm có lần la rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông huyện Khỏe.

(1) *Hoàng Tôn Tuyên Hoàng đế* : tức vua Khải Định nhà Nguyễn, ở ngôi 1916 - 1925.

(2) "*Bất thừa xa mã bất quá thử kiều*" : không cưỡi xe đi ngựa không qua cầu này.

Thâu ngày thâu đêm đá đã qua hết các giang khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông huyện Khỏe, đá bờ ngõ với thời tiết ở đây quanh năm nóng như lò nung vôi, đá bỗng đổ mồ hôi. Cảm chén rượu rũ bụi, lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiên đá có tiếng người hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm tiêu sái ấy đến như ông huyện Khỏe mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giải rằng đây là một trong những bài thương ở tập "*Chu Ngũ Lương hoài nhân khúc*" của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tính hay khoe của, ông huyện Khỏe, ngay ngày hôm sau gửi luôn thiệp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và xem "một hòn đá biết sụt sùi trong đêm". Tàn rượu tiệc, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ... ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ Tý thôi, nếu có bụng chân thành muốn nghe những tiếng thương xót của hồn đá "nó là cái cơ đẹp của buổi hợp hoan này". Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét một ngọn đèn cây. Sau đây một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tàn khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sớm họ ra về và bất chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đây phải cho họ được xem mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiên đá lương thiện có tình lại còn là cái cơ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa cô Dó phải nhầm lẫn về hoàn cảnh mới gặp dễ thành thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm dòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối Nhà nước ngân đắp đập. Ngày lạc thành cái mẩu hồ lộn sông và cái khúc sông giả vờ đó lại tiệc yến. Những tân khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo ước cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo thảm thôi⁽¹⁾ và mớ tóc tang rối như xơ dó ăn vôi. Có bao nhiêu người bưng bưng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khẽ trầm trồ với nhau là đẹp và đoạn chính đến bức ấy là cùng.

(1) *Thảm thời* : một trong năm tang phục quan trọng nhất, may bằng vải thô, mặc để tang trong ba năm.

Cô Dó chập chờn trên nước sông đào, trên nước hồ đắp, tỷ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đấy. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đấy chỉ là những lá cành của kè, cọ, dừa xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ ngợ đến một sự nguy hiểm của một thung thỏ lạ, cô lại vội lẩn ngay vào lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng nhớ cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiện bỗng nấc lên mấy tiếng rồi là dần đi. Vực vào buồng bệnh thấy Chiêu Hiện cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm, ông huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phèn vào nước, cứ mỗi giờ lại đổ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phiền hơn ; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiện không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách thuốc *Y dược đại toàn* gọi là bệnh miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiện đã tỉnh lại. Nghe ông huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai đêm ngày có dư, Chiêu Hiện đã bốc đứng người dậy, kêu xong hai tiếng "hồng rồi" thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì "hồng rồi", ông huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bấy giờ đang lăn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại dột Chiêu Hiện chán chường nhìn vào khoảng không và miệng - tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại "hồng rồi", đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiện tập tễnh bước lại chỗ đặt phiến đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá, vầy ông huyện Khỏe lại :

– Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy. Cô Dó không khéo chết mất rồi ông huyện ạ !

– Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối với.

– Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu dó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhiều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về tôi đã mang theo về bao nhiêu bó vỏ dó để ngày ngày áp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm

bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bó đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

– Vậy bây giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đá thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bắn vung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quý thân ôi ! Có một người đàn bà rất xinh bé đang nằm ngủ. Nàng mặc một áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiện đã nhẹ nhàng ẵm nàng ra đặt lên giường thì mảnh dưới phiến đá vỡ còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trống xuống như chỗ đọng nước trong một cái nghiêng dùng viết đại tự.

Chiêu Hiện rờ vào ngực cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái bó vỏ dó ông cất trong kho ra mau. Chúng đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thứ dây rợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng lại đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiện dầm chân kêu giời, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cùng ông huyện : "Ông phải làm ngay hai việc : nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miền Lục tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chữ giấy moi và giấy Tàu của các chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh dây thép ra Bắc theo địa chỉ này - bảo phải gửi ngay vào cho năm kiện vỏ dó theo lối đại tốc".

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyển chép dở những thi ca của mấy chỗ thế gia ngoài Bắc, ông Chiêu Hiện đem xé vỏ ra, chắt thành một đồng to, đốt sưởi cho cô Dó hồi lại. Người đá chết lả đã dần dần tỉnh lại, ngón tay động làm buột rơi một cuốn sách nhỏ ngoài bì bằng lá cây có nét kim khí vạch sáu chữ "*Chu Ngũ Lược hoài nhân khúc*". Cô Dó mắt vẫn còn nhắm nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang hé cười. Nhưng những luồng khói đặc ở đồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khói tắt, hương giấy tàn đi, người cô Dó càng lạnh, lạnh thêm lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khóc cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lam trong sáng.

Bên tử thi đá lam có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiện tưởng còn có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình vèn vèn được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu : "Dạ chúng

con đã cho xe lên Sài Gòn và về cả Lục tỉnh mà cũng chỉ vợ vét được có bấy nhiêu. Dạ bẩm trong này ít dùng cái thứ này. Việc quan và tư thầy đều dùng có giấy Tây thôi". Ngẫm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiện trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông huyện Khỏe có cái số không được làm quý nhân nên quý vật nó mới không chịu ở với. Và cô Dó đã nhất định đi, giá có nán ná lại đến lúc này chờ giấy bản về kịp thì cái đẹp giấy khổ nạn mỏng và biến lộn kia cũng không đủ để sưởi nóng cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vò ở Bắc gửi vào theo lối đại tốc. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thi hài đá lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông điu ngọc vào đất Sài Gòn để đến nỗi mắc tội với ngọc đá và đánh hỏng cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng để sau ba tiếng của mình khóc ngọc ty trần vừa dứt thì tiếp theo nghe đến ba tiếng cười của ông huyện Khỏe. Ông huyện Khỏe đã ôm lấy xác cô Dó vui reo ồn ào :

– Trời, té ra là ngọc thạch. Thuý ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vụn một phiến ngọc, ví bán đi thì có thể thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc ví có còn sống để lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tử đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái di hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi...

Thôi nín đi mà bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lười ông huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm phải một người có nhân cách dè hạ quá. Đã thăm chưa ! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán xác ngọc, cùng là cho ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhóp đến thế là cùng. Một người đã vô sở bất chí⁽¹⁾ đến như thế thì còn cái gì ở

(1) Vô sở bất chí : không có gì mà không cố sức đạt đến.

thế gian này mà hấn không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về trời sớm, ngọc đầy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, hướng chỉ là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi không còn lấy mấy may tình ý về kỷ niệm ; cứ ở gần kề đứa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đầy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông Huyện hàm. Lúc bỏ đi, không thềm chào, không thềm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông huyện vẫn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cố tật trong người ; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ nữa không, nhưng dấu sao ơn ngày trước tưởng cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm... cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên cái thân dầu dãi đã cuối châu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Phùng đây mà lộn về phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đầu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghệ, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bấy giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Để duy trì cái sống hằng ngày, nhà họ Chu bấy giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi...

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dạn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá tảng đá hòn đá nào ; mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ miên nhất khí bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn Tây, huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lờm chờm lờn nhón những đá tổ ong.

230. ĐỐI ROI

Một đêm giao thừa nọ, chúng quỷ sắp y ước mà vút xói oản vào đất mình, Phật mới hiện ra mà bảo rằng :

"Đấy là Hậu thân của con".

Ân Ngũ Tuyên^(*)

Kinh Sám Hối

Cái ông khách đứng tuổi đến chơi uống nước nhà bác Téch Già chỉ tiền châu hát tất niên hôm kia nhìn theo một người gầy ốm mặc áo vành tô vừa ra khỏi cửa, hát hàm hời nhà chủ :

– Tôi trông cái bác vừa vào bán roi châu cho bà đây có vẻ mặt quen lắm. Hình như tôi đã có gặp ở những đâu đây.

Sau một giây lát suy nghĩ và dè dặt, bác Téch Già :

– Dạ thưa đấy là cậu Đái.

– Đái nào ? Cậu Ấm Đái con cụ Bố Nam ấy à ?

– Vâng chính là cậu Đới đấy ạ. Tên cậu, chữ Đái cứ theo lời mấy cụ nhà nho hay xuống hát ở đây giăng ra thì là đẹp lắm - đâu là cái đai hay cái dải mũ gì ấy – nhưng tất cả chị em trong giáo phường đều gọi chệch đi là Đới.

Ông khách mỉm cười. Rồi liền nhắc đến một đoạn tình sử cũ thuộc Ấm Đới :

– Tôi còn nhớ ngày trước cậu yêu cô Tám – cái cô Tám ở Ấp ấy mà – say như điệu đỏ. Hồi ấy người ta còn có cái thói là cứ được nằm giường

(*) Một bút danh thỉnh thoảng Nguyễn Tuân có dùng (NBS).

Hồng Công thì mới cho là giàu sang kia. Cậu bèn về nhà đánh lừa vị trưởng họ mở nhà thờ, làm thế nào mà thố ngay được bộ chén ngọc liệu, đem bán đất bán rế đi sắm giường Hồng Công để Tám ngủ cho đỡ đau lưng.

Chủ nhà hát nguyệt ông khách :

– Ông cũng hay nhớ những cái chuyện nhảm quái ấy nhỉ. Tôi tưởng chỉ có chị em chúng tôi trong giáo phường là biết thôi.

– Bà đừng nên tưởng như thế. Bởi vì tiếng lành đồn đã xa mà tiếng dữ đồn thì lại càng xa lắm. Với lại những người đi chơi hay tọc mạch như bọn tôi thì cái gì mà lại không biết. Để tôi kể chuyện tiếp về cái bộ chén. À, cái bộ chén ngọc liệu ấy đầu bán cho cái chú khách đứng chủ hiệu cao lâu Nhật Tân được gần ngàn bạc. Cậu Đới liền sắm giường cho tình nhân và còn bao nhiêu thì uống sâm banh dần với tình... Thú lắm. Nhưng trong họ cậu, có tý hơi phiền phiền. Là mỗi lần có giỗ họ, tổ tiên, những ngày chính kỵ và tiên thường, không có cái gì khéo khéo để uống một chén nước cúng cho ngon.

– Bây giờ cậu Đới khổ lắm ạ. Tài tình như thế mà hóa ra hão huyền. Giờ sống bằng nghề chuốt roi chầu và vót gong ô nan hoa xe đạp làm tiêm bán cho các tiệm.

Đứng lên ông khách vẫn giữ cái giọng đùa :

– Ra cái người đi chơi xóm lúc xuống cũng chóng quá bà nhỉ. Thôi tôi về bà ạ. Qua năm, có lẽ đến giữa Giêng, tôi mới xuống ăn cuốn được ở đây với bà.

Một buổi chiều giáp Tết, nhẩn nha ngoài đường nghĩ về chuyện cậu Đới, lòng ông khách đi chi tiền hát cũ ra về, giờ mới thấy ngậm ngùi cho cuộc sống của làng chơi lúc xế chiều, tiền hết sức khỏe hết, cái tài hoa còn giữ lại được thì cũng chỉ là thừa. Ông nghĩ hộ cho người ; ông nghĩ luôn thể về riêng ông. Ông thấy rằng ca và nhạc và cái thanh cái sắc ở người đàn bà là thú thực đấy, nhưng đã có bao giờ những cái ấy có thể trở nên một cái bến tốt cho một đời sống của tình cảm. Ở đấy gió giời chúa hay giời mặt, nước nông mà lại hay có sóng ngầm. Qua Cống Tráng, một đợt gió tàn nằm tạt ngang tai. Ông khách rung mình. Một tiếng đàn bà trẻ gọi giật lại :

– Này, vào tôi hỏi cái đã.

Cô Nhẫn ! Ông khách ghé vào nhà cô đào Nhẫn.

– Lạnh quá Nhẫn ạ. Gió phố ta lạnh quá.

– Đời bọn tôi còn lạnh bằng vạn cái gió ngoài đường ấy... Qua năm anh xuống hát mở hàng cho Nhẫn nhé. Anh xuống đốt cho em một bánh pháo để mừng cho cái đời có chồng của Nhẫn lại được ngắn bớt đi một đoạn nữa nhé.

Người đàn ông từ chối, viện cớ để không mở quả mứt đầu năm ; người đàn bà nói lại rằng một người vừa lành đến nhường ấy thì cứ phải xuống. "Vớ lại đầu năm, ai cũng thế, khai hoa, rồi mới khai bút anh ạ. Sau đó, có làm gì thì mới làm. Anh vốn là người hiểu biết nhiều". Lòng cái ông khách chơi vừa se lại cách đây mấy phút, giờ lại mở toang. Ông cười hà hà như một người được đời sống cho mình có rất nhiều tiền để đem tiền ra mà cười với mọi người. Ông nhận nhời hát mở hàng nhà Nhẫn.

Một kẻ đối rách khúm núm tiến vào. Lại vẫn lại cái người mặc áo vành tô bán roi châu ban nãy tại nhà bà Téch Già.

– Bà mua cho một trăm. Hai bó này là đủ một trăm roi.

Rất tử tế, cô Nhẫn mở xác gửi người bán roi ba đồng, không đếm số roi ở hai bộ xem thiếu hay đủ và cất nghĩa về phía ông khách :

– Bác Đối là chỗ quen. Nhà vẫn còn nhiều roi. Có đến hàng chục ông thâu khoán tới đây đánh trống cho giãn gân cốt tay cũng không gãy hết được. Nhưng tôi cũng cứ mua để bác Đối lấy tiền tiêu Tết. Bác vẫn ở trong ngõ Liên Hoa đấy chứ ? Bác xem hễ lúc nào cô Hường hàng xóm dọn đi thì bảo tôi ngay, để cậu Lý nó và các cháu vào trong ở kéo ngoài này chật lắm. Độ này, cứ hai ba châu một đêm là thường.

Ông khách vui tay rút một cây ra khỏi bó roi vừa mua. Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống ; thân roi uốn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo. Bác Đối tiến gần lại :

– Dạ thưa đây là gỗ ruối.

Ông khách lại uốn đến cái roi khác ở bó thứ hai. Roi mới tườn được có chút đường cong thì kêu đánh rắc, gãy đôi.

– Thế cái này hẳn là gỗ găng ?

– Dạ bẩm ông tỉnh lắm. Gỗ ruối thì dẻo bền hơn. Nhưng thường bán ra, tôi vẫn đưa một nửa ruối và một nửa găng. Được cái các bà các cô ở xóm vốn có bụng thương nên đều vui lòng nhận như thế cả. Vớ lại các ông tỉnh, chúng tôi làm nghề chuốt roi châu mà đánh đến một nghìn bài

Thét Nhạc rồi mà đời một cái roi bán ra ấy vẫn cứ lành vện thì chúng tôi sống thế nào được, nếu không liệu thay nghề đi.

Ông khách gật gật, cười hóm hỉnh :

– Nhưng ngộ tôi muốn có một cái rất bền có thể dùng hết đời mình và lại còn truyền đến đời đứa con tôi sau này nữa mà không gãy thì liệu bác có cái nào không ?

– Dạ ông đùa kẻ hèn mọn này hay là ông nói thực ?

– Tôi nói thực đấy.

– Dạ thế ông cứ ngồi đây, tôi về nhà lấy đem ra. Ông uống tàn ấm trà với bà Nhẫn thì tôi ra đây.

Người bán roi đi rồi, chủ nhà nói chuyện về người bán roi :

– Anh có biết rõ về cậu Đới này không ? Hát từ hồi còn Hàng Giấy kia đấy. Độ chị tôi dọn trên ấy cậu thường đến phá luôn. Tôi còn bé bằng này. Giờ thì cực lắm. Bán roi châu cho mấy xóm. Nên gọi là Đới Roi. Này, tài hoa lắm nhé. Cậu ta mà đánh ba tiếng trống gọi rất tròn rất đỉnh đặc thì đến bà cụ Trương Bảy đang ngủ cũng phải chồm dậy mà ra xóc phách. Những lúc say đùa mà cậu nhại lối hát Ấp thì cứ bò ra mà cười. Lại đánh được cả đàn đấy nữa. Giá chịu khó uốn nắn thêm ít tiếng nữa thì ghim đàn đấy được rồi đấy. Chúng tôi thỉnh thoảng có khuyên cậu nên xoay tài ra mà làm kép còn hơn là chuốt roi thì cậu kêu rằng giờ cậu rất lấy làm sợ những tiếng tơ tiếng trúc và nếu có tập thêm để đàn quanh đây thì rồi lại cũng chỉ đến thành một anh kép một để mà dắc tội thêm với tổ, nên cậu không muốn. Chữ nghĩa như thế mà không thành một cái danh phận gì thì cũng uổng và cũng tội. Cái bài Tỳ Bà chữ, chữ viết lối triện treo trên gác là chữ bác Đới Roi đấy. Chị tôi cho mượn treo đến hai năm nay và giờ tôi có ý chiếm hẳn. Người vậy mà hay khải lắm đấy nhá, Cô Vy – Đồng – Bống mê lắm. Mà xem cậu Đới thì hình như cứ làm như không biết ấy. Thế có lạ không ?

– Vy nào ? Hay là Vy lấy cái lão người Cự Đà mà nó cứ gọi là Mặt – Thủ – Lợn ấy phải không ?

– Chính. Tính con bé cũng ngang lắm. Nên mấy lần dọn nhà hát đều sập cả và giờ thì chỉ đi hát mảnh thôi. Khỏi người chấp chơi. Mà nó vẫn gan.

Đối Roi đã lộn về, xách một cái túi vóc lam đựng đôi roi châu. Ông khách xem qua, biết ngay là thứ roi quý. Một cây bằng gỗ Khổng, một cây bằng gỗ Nguyệt Quế. Roi gỗ Khổng khắc cả một bài *Hữu sở tư*, chữ "lệ" và riêng mấy câu "*Mỹ nhân hể mỹ nhân – Bất tri vì mộ vũ hể vì triều vân – Tương tư nhất dạ...*"⁽¹⁾ thì viết theo lối hành thư. Roi gỗ Nguyệt Quế khắc một câu "*Thiên Thai thanh đài bạch thạch dĩ thành trần*"⁽²⁾. Đều là nét khắc của cậu Đối cả. Ông khách lấy làm đặc ý lắm, ngắm mãi và uốn mãi, luôn tay thử mãi vào mặt trống.

– Tôi phải lấy hai cây này. Bao nhiêu ?

– Cái đó tùy ông. Tôi giờ thất thế, có giữ thì cũng chẳng dùng đến nào. Nhưng ông cũng chỉ nên lấy một cây thôi. Còn cây có khắc câu *Thiên Thai* tôi giữ lại làm kỷ niệm.

Ông khách là người biết điều, đưa ba chục, lấy cây roi *Hữu sở tư*⁽³⁾.

*

* *

Lúc tỉnh rượu, giời tết lúc ấy áng chừng độ năm giờ. Ngoài ngõ, vẫn mưa phùn. Đối Roi vào nhà trong tìm không thấy Vy đâu cả. Con sen vừa đi đâu về đưa ra một bì thư. Thư rằng : "Anh Đối ơi, em phải yêu anh...".

Đối Roi ngồi lặng người đi. Lời thư quyết liệt lắm.

– Mợ con dặn khi nào ông dậy thì nói là mợ con phải đi hát mảnh hát đầu năm. Một mảnh chúc thọ dưới Ấp và một mảnh mở cửa hiệu trên Hàng Ngang. Mợ con dặn đun nước hạt mùi để ông tắm. Và tối thì mợ con về cùng đi ăn với ông.

(1) Mấy câu này rút trong bài *Hữu sở tư* của Lô Đồng 盧仝 (790 - 835), nhà thơ đời Đường, nghĩa là : Mỹ nhân chữ mỹ nhân/ Chẳng biết mưa chiều hay mây sớm/ Nhớ nhau một đêm... (NBS chú).

(2) Câu này rút từ đoạn thứ năm, bài *Lưu Nguyễn du Thiên Thai* của Tào Đường 曹唐, nhà thơ đời Văn Đường, không rõ năm sinh năm mất ; nghĩa là : Rêu xanh cá trắng đều đã trở thành bụi cả (NBS chú).

(3) Ở trên viết *Hữu sở tư*, tới đây bản *Thanh nghị* lại in thành *Sở hữu tư*, rõ ràng là có sự sai lệch. Chúng tôi tạm chỉnh lại, nhưng cũng chỉ là đoán ra thế thôi (Chú trong tập *Yếu ngôn*). NBS chú thêm : đúng là *Hữu sở tư*.

Đới Roi gật. Mặt người bán roi lại nghiêm trang và xa vắng hơn cũ. Thế này thì ra Vy nó muốn lấy mình và đêm nay là một tối tân hôn của nhau đây. Vy nó thương một anh bán roi không muốn cho anh bán roi phải khổ nữa ! Đới Roi hút hết ba xu thuốc lào. Miệng Đới Roi cười ra chua chất và mắt thì ướt dần. Từ lúc sa sút, chưa khi nào chàng thấy bận lòng hơn phút này. Đới Roi hiểu Vy thương mình lắm. Nhưng gán cái thân mình vào đời Vy chàng thấy là buộc một quả chì vào đời người ta để rồi mà chịu ơn đời đời. Mà từ sau phút này, từ chối Vy nữa, chàng thấy sống là một sự hết cả vui. Mà nếu không lấy người tri kỷ thì lấy ai ? Mà cứ đi chuốt roi mãi như thế này, tết ấy qua tết khác, sống bằng sự thương hại của một giáo phường thì cũng là một điều hờ. Đới Roi vừa nghĩ ra được một việc rất hay phải làm ngay, không thì chẳng có lúc nào làm được. Đêm ấy, không để một chữ gì cho Vy, gọi là đáp đền nhau một cái tri ngộ. Đới Roi đã men ra phía Cổng Trắng treo cổ lên ngành tre bên dòng nước tù.

Và rồi càng về sau này, cái người trai không vợ ấy đã thành một ông mãnh rất thiêng thường hiện ra để quấy nhiễu nhà chủ có đào ở Khâm Thiên dám vô lễ với vong hồn mình vẫn oán kết gần quanh kỹ viện. Nhiều nhà hát, những đêm không có khách, đã khóa trái cửa gác rồi mà vẫn cứ nghe thấy có tiếng đánh trống trên đầu. Cúng thì lại hết.

231. RƯỢU BỆNH

"Ấm giá lưu kỳ danh "

Kính gửi : Vong linh ông bạn rượu Nguyễn Khắc Hiếu

Người ta không rõ ông cụ ấy tên là gì và người ở đâu. Mỗi buổi sớm lúc giờ đất còn lờ mờ, ông cụ đã ngồi sẵn ở các cửa ô Hà Nội, không ai rõ người có tuổi đó làm nghề gì. Nếu là đi buôn thì sao lại không có tay nải. Nếu là xem số hoặc là thầy bói sáng thì sao không có tráp. Và làm nghề gì mà đóng chỗ sớm thế ? Tất cả những đồ vật đem theo, nếu người gặp ông già ấy luôn mà chịu để ý nhận một chút, thì chỉ vền vện có một cái ghế gỗ và một cái chén gỗ to gần bằng cái lồng gỗ mít đóng oản của nhà chùa.

Mỗi buổi sớm, ông già ấy ngồi ở một cửa ô. Ông cụ không bỏ ngõ với một cửa ô nào cả, ô Chợ Dừa, ô Cầu Giấy, ô Yên Phụ, ô Quan Chưởng, ô Đống Mác, ô Cầu Dền, mỗi buổi mặt trời gần hừng, cửa ô nào đối với ông già cũng đều là một cái quế hương trong chốc lát của mỗi ngày. Ông cụ đó là một đứa con nuông già nua hom hem của tất cả những cửa ô vào Kinh thành. Nhưng có một cửa ô ông cụ thích nhất : cửa ô Quan Chưởng. Mỗi buổi tinh mơ ngồi ở một cửa ô, đi hết một lượt thì lại lộn vòng lại. Nhưng đến cửa ô Quan Chưởng thì bao giờ ông cụ cũng đóng chỗ ở đấy liền hai buổi sáng để đón rượu, thứ rượu làm ở bên kia sông. Thứ rượu ngon cất ở tả ngạn sông Nhị, đưa qua bán bên đất Kinh đô, các cô gái vùng Bồ Đề bao giờ cũng ghé đò ngang đi vào lối cửa Quan Chưởng này.

Giờ còn nhạt mặt người ông cụ đã đặt ghế gỗ xuống nền cạnh chân tường cửa ô, ngồi xuống đấy rồi bày ra trước mặt mình cái chén gỗ tùy thân. Ông già cử động rất trịnh trọng, mặt ngóng ra phía bờ sông lăm buổi sương mù dềnh dang mãi không chịu tan. Thấy có bóng nào của quang

gánh tiến lại cửa ô thì ông già bắt đầu xoa tay. Cả người ông cụ lúc bấy giờ là sự vui sướng hồn nhiên. Bốn cô hàng gánh rượu đã chọc thùng màn sương gần lướt qua mặt, ông lão dặng háng, gọi : "Cố rượu ngon, cho lão mua vài cân", rồi ông lão liền đưa cái chén gỗ cho cô hàng rót đầy vào để nếm thử. Nếm xong, ông già kêu nhạt, hoặc chê là khô, xoa tay cho cô hàng đi. Buổi sớm mai đi hàng, gặp người khách khó tính, cô hàng đành chịu vậy, lặng lẽ nhấc gánh đi nốt con đường vào kẻ chợ, lẫn mất vào mù sương. Ông già nhìn theo cô hàng móc túi lấy ra một cái đinh đóng thuyền chắm vào chén rượu nút đánh chặt một cái rất gọn và làm tiếp mãi như thế. Trông rất ngon lành. Một cô hàng rượu, hai cô hàng rượu, dăm bảy cô hàng rượu đã qua đều đều. Mỗi cô là một chén gỗ rượu nếm thử. Mỗi lần nếm thử các thứ rượu cái các thứ nôi nấu khác nhau không phải trả tiền và nhắm bằng cái đinh đóng thuyền ấy, ông già lại khoan khoái nhìn theo những đám quang gánh xinh gọn kia nhòe biến vào sương khói dày đặc bên hữu sông như những nhân ảnh của một giấc chiêm bao thú vị chợt tỉnh là muốn nối lại ngay. Đến lúc ông già đã đủ chệnh choáng để giác quan thừa sức mà nhâm lộn về cuộc đời thực tại quanh mình, thì đám sương khói cũng vừa quét tan. Cửa ô Quan Chương đứng sững trước giới hừng đông. Cũng đã vừa cho bụng ấm rồi, ông già liền đứng dậy, cho chén gỗ vào túi và cắp ghế gỗ vào nách chập chững trên đường vào phố như trẻ mới tập đi. Những tia lửa đầu tiên của vùng hồng đuổi theo cái lưng còng một người say đang ra về đâu ? Máy ai đã rõ được cái chỗ nằm chết giấc của một người say ! Và cả ngày cả tối ấy, đồ phố phường có thấy mặt ông già này. Muốn tìm ông lão ấy, tìm để mà nhìn qua nhìn chơi cho biết thế thôi, chứ còn ai dại gì tìm ông để làm ăn và chữa chặc ông cụ ấy đã chịu tính chuyện làm ăn gì với ai - thì lại cứ đầu canh năm, đi lục hết sáu cái cửa ô của Hà Nội. Bao giờ cũng chỉ có thế. Một cái chén gỗ lớn, một cái ghế gỗ con, phục sức chưa tã rách nhưng cũng đã quá tầu tầu, ông ngồi thu hình trên nền đất lạnh của buổi tình mơ, rình những gánh men lướt trong màn sương : đáng điệu lúc thì khuất nhục, ngôn ngữ lúc thì hóm hình, chơi chơi thật thật cứ y như là tiên hiện hình xuống để thử lòng những người đi qua. Mỗi buổi sớm ở mỗi cửa ô, ông già đã lại ra ngồi bày hàng ở đấy để đánh thuế rất khéo vào những gánh hàng các cô bán rượu quẩy vào chợ tỉnh. Và ngày tháng của bậc lão tửu đồ ấy đi qua một cách rất nhàn dậm có như là giọt sương mới thấm rơi trên một cái chén gỗ nông. Rồi có buổi, các cô gái bán rượu đều nhận rõ ông già nọ. Mỗi lúc đi hàng vào kẻ chợ, gặp cái người ngồi

ghế gỗ và đưa chén gỗ đòi nếm rượu họ sùng người ra mà kêu : "Thế ra lại cụ. Ở cửa ô nào cũng thấy cụ nếm rượu. Lúc nào cũng cụ. Cụ là cái chức gì ở Hà Nội mà ngày nào cũng phải đánh thuế vào lũ rượu chúng tôi ? Thế này thì mấy lúc mà hết vốn chúng tôi, hả cụ tiên ?". Buổi sớm mai đi hàng các cô gánh rượu không dám nói nặng với bất cứ ai trên ám mình, sợ rông buổi hàng, nên họ đã dùng những lời nhẹ nhàng như thế để vận lại một người có tuổi và có cái tật cứ đi nếm chằng rượu để rồi không bao giờ mua thật cả. Và có lẽ vì họ thấy ông khách không đứng đắn ấy tóc trắng râu trắng mặt trắng lông mày trắng mà họ trêu là ông tiên. Được thế ông tiên bèn xoay câu chuyện đùa gọi là xí xóa cái việc làm bậy của mình : "Lão nghèo, các cô buôn trăm bán nghìn, các cô tiếc chi lão một chén rượu nếm. Những lúc rơi vãi dọc hàng, còn gấp mấy ngàn cái chén gỗ con con này ấy chứ. Đòi các cô còn dài rồi còn tha hồ mà hưởng lộc giới. Lão không có con, không có vườn, lại không có rượu nữa thì lão buồn lắm. Lão sống cũng chẳng mấy nữa. Sự thiệt thòi và chịu khó của các cô cũng không đến nỗi lâu lắm đâu". Thấy lời ông già quen nếm rượu chằng kia có vẻ hữu lý và nghe nó cũng tội tội, từ bấy giờ họ nhận lấy việc mỗi buổi mai mỗi người cấp cho ông già đầy một chén gỗ rượu là một việc dĩ nhiên. Rồi họ bèn đặt tên luôn cho cái ông già đánh thuế rượu một cách kỳ dị đó và gọi đùa là Bố Ô. Bố Ô, từ sau đó, đã thành một hình ảnh quen thuộc đối với họ. Bắt đầu mỗi ngày, chờ đồ chợ bên sông sương, họ bàn tán về ông khách hàng nghèo và già của họ.

– Không rõ hôm nay, Bố Ô ngồi ở cửa nào ? Có ngồi ở cửa ô Quan Chương để chị em mình cúng mỗi người một chén không ?

– Mà này, có cái lạ là hôm nào gặp ông cụ ấy nếm rượu là đất hàng ra phết nhá. Mặt giới độ con sào là đã với cả hai đầu gánh. Các chị ấy cũng đều nhận thấy thế.

– Hay ông cụ ấy đúng là người Giời !

– Trông Bố Ô uống rượu ngon tẻ cứ ngọt xót đi thôi. Chẳng bao giờ thấy nhân như mọi người khác. Uống đẹp quá. Nếu tôi mà không neo vốn thì có buổi chợ, tôi dám đưa không cả gánh hàng cho Bố Ô nếm đấy.

– Ông cụ uống, em trông thấy ngon lành và thêm thương quá. Mình cứ tưởng như là đang uống nước đường. Có lẽ chuyển này em cũng tập uống và nghiện được rượu đấy.

Và về sau này, thân thuộc nhau quá, buổi đêm trước, lúc làm hàng chợ sớm sau, nhân nhà sẵn những be nạm sành con con, thậm chí có nhiều cô lại còn đóng sẵn một be nhỏ cho Bố Ô, để lúc gánh hàng qua cửa ô, sẽ dúi vào tay ông già, không phải dừng gánh lại nữa cho nó đỡ mất thêm thời giờ. Cái nghề buôn bán, thời giờ bao giờ cũng vẫn là phải quý hơn hết mọi thứ khác. Dúi nhiều be đựng sẵn rượu vào tay Bố Ô là cô Cốm người bên bãi Bồ Đề. Cô Cốm mô côi cha mẹ và Bố Ô vốn có khổ người và nét mặt phằng phắt giống cha mình, nên trong bọn bán rượu gánh, cô Cốm là người có thiện cảm nhiều với ông già. Riêng về phần ông già thì cũng chỉ có đối với cô Cốm là ông hay lộ cái tính vui của ông và nhiều khi bằng giọng đùa cợt của bề trên - ông bảo ban lắm điều hữu ích về lẽ xuất xử của một cô gái ngồi hàng ở chợ, một nơi mà người thì không biết là bao nhiêu đáng và của thì không rõ là bao nhiêu loài. Sớm nào, ông già gặp bọn người bên Bồ Đề trẩy chợ là ông cũng hỏi thăm nhiều nhất về cô Cốm, nếu cô chậm gánh qua hoặc nghỉ buổi hàng để trông nom việc đồng áng. Kể đến một hồi, cô Cốm không thấy qua dò ngang vào chợ tỉnh nữa. Có đến hai ba phiên chợ rồi chứ chẳng ít. Ông già hỏi ra thì mới rõ cô Cốm vừa bị vướng vào một chuyện hãm hiếp và không rõ tính mệnh và danh tiết cô giờ có còn được toàn không ? Cậu Tư con quan Thượng mà cho lính bắt đi thì không phải là chuyện chơi. Cậu Thượng tuy là chính trực, nhưng cậu Tư vốn là cậu ấm con quan về ngành thứ, thường hay ỷ thế cha để làm phiền nhiều chuyện bậy giữa cả lúc ban ngày trong đám dân gian. Cậu có cái bệnh thêm sự gần đàn bà và hay cho lính vào lòng gái quê trong chợ, người nào coi chừng gọn gọn và sạch sẽ là bọn lính lôi luôn về phủ riêng của cậu. Cái thân người thôn nữ một khi vào đây thì mỗi ngày ở cái phủ đầy mùi dâm bôn ứ hiếp ấy là như nghìn thu ở ngoài và nhiều cô gái bị hãm vào đấy thì tự coi là đành cướp công đáng sinh thành rồi. Kêu oan cùng quan Thượng thì ông kiến làm gì được to hòng và cửa hầu thêm một nỗi là sâu như rốn bể.

Được tin cô Cốm gặp nạn, ông lão cũng biết vậy. Sớm tinh mơ hôm ấy, ông lạc quyền các cô hàng một số rượu gấp đôi mọi lần, đổ tất cả vào miệng, ngồi lịm đi ở cổng ô như một khối tượng đá. Chờ cho mặt trời thối tan hết mù mai vươn lên độ nửa con sào, ông lão bèn đi thẳng vào dinh quan Thượng, gạt phăng cả lính canh cổng ngoài và bắt chấp cả lũ lính hầu vồng trong. Chẳng rõ giáp mặt quan Thượng - quyền trấn một góc giới lấy đầu người trị hạ cứ dễ như bỡn - ông lão đã nói những câu gì. Đứng ngoài vòng dinh, mọi người chỉ nghe tiếng quan Thượng quát lính sao canh phòng

không được nghiêm cấm để giữa ban ngày có thích khách lên vào và ngài quát tả hữu trời tên giặc lại để chút nữa bêu đầu ngoài cổng tỉnh. Mọi người lại còn nghe tiếng ông già la hét om sòm giữa chốn thâm nghiêm. Không rõ người ta có làm gì ông già không, nhưng hôm sau ông già được thả ra. Mọi người thấy ông già được tha ra về, mới lấy làm vững lòng và ngay sau đó cô Cốm cũng được trả về cuộc đời cũ nơi thôn ố.

Người ở kẻ chợ được biết tin này đều lấy làm khâm phục cái người say rượu có tuổi vừa làm được việc lộng hiểm có hiệu quả. Chẳng rõ đấy là lòng can đảm nghĩa khí đã xui ông cứu cô hàng trẻ hay đấy chỉ là cái sức phản động mãnh liệt dĩ nhiên của chứng rượu lúc lên tới cùng độ ở một người liễu mạng, nhưng đám đàn bà quang gánh trẩy rượu vào các cửa ô, từ bây giờ, càng lấy làm quý Bố Ô không còn để vào đầu cho hết nữa. Họ càng lấy làm ngạc nhiên thêm là từ hôm xảy ra việc đại náo dinh quan Thượng thì cái ông già uống rượu chẳng mọi khi ấy, cũng biến mất. Ô, một người kỳ dị. Riêng cô Cốm thì càng lấy làm nghĩ nhiều quá. Ông cụ đi đâu? Sao vào những lúc này thì lại không ngồi ở cửa ô mà đưa cái chén gỗ ra để cho người ta và các chị em cùng đi hàng rót vào đấy gấp năm gấp mười mọi khi! Mà tìm ông cụ thì tìm vào đâu? Muốn hỏi thăm thì hỏi vào ai?

Bỗng một buổi mai, lúc các cô đang quẩy gánh tiến vào cửa cổng ô thì từ trong màn sương hiện ra một đứa bé đầu còn để trái đào, một tay cắp cái hũ sành lớn bằng nửa người nó, một tay giơ ra một cái chén, miệng lắp bắp: "Bác tôi nói các cô đổ rượu vào đây cho đầy". Và nó chìa luôn hũ cùng chén ra. Cả bọn gánh rượu, nhận ra cái chén gỗ quen thuộc, bèn reo to: "Bố Ô đây rồi!" và hỏi dồn đứa bé xem ông cụ giờ ở đâu và sao lại không ra đóng chỗ tại đây như mọi ngày. Đứa bé lắc đầu, trả lời là ông cụ bác nó giờ hai chân không đi được, người không dựng dậy được, cả ngày chỉ nằm bệt trên chõng tre, đã lâu không ăn uống gì, chỉ nói mê, mãi đêm qua mới tỉnh lại và dặn nó đưa hũ chén ra chờ ở đây để xin rượu. Hỏi thêm về cận trạng ông lão bí mật, đứa bé không biết thêm được điều gì nữa. Cả bọn gánh rượu càng thêm ngạc nhiên. Bàn qua loa, họ bèn vui lòng lỡ một buổi chợ sáng để theo đứa bé tìm đến thăm ông già tại nhà.

Bây giờ họ mới có dịp biết nhà cửa Bố Ô. Đây là một cái túp nhà gianh dựng bên một ông đồng ở phía sau một nếp đình cổ. Đây một cái cổng cảnh tre gai, qua một mẩu sân con là vào đến nhà. Nhà rộng độ một gian, kê vèn vèn chỉ có một cái chõng. Trên chõng, Bố Ô nằm cứng đờ, chân tay

đuổi thẳng. Một cỗ màn nhuộm nâu rủ thông xuống trùm lên thân hình Bồ Ô không khác gì một cái nhà táng. Trên tường đất, treo một bức tranh Thập Điện Diêm Vương có những màu đen tối của địa ngục tương phản với vàng chói của mũ quan tòa luận tội, với màu đỏ của lửa vạc và của máu tội nhân. Cạnh bức tranh cũ là mấy bức liễn giấy viết bài *Tương tiến tửu* - mấy dòng trên bài phú bị rách nát mất đi thành thử bài phú lại mở đầu bằng câu "*Minh kính bi bạch phát, triều như thanh ty...*"⁽¹⁾. Trên tường đất sòng với tranh và liễn là một cái nỏ Mán và một cái ống địch trúc Hồ quân. Tất cả chỉ có thế. Nồi quạnh hiu và cô đơn ở gian lều cỏ này, đến kẻ nghèo khổ nhất - dưới mực đũa ăn mày một tý - cũng phải rùng mình vì nỗi đơn lạnh. Thấy các cô hàng rượu để ý ngắm cái nỏ Mán, đũa bé chỉ ra phía bụi chuối ngoài hàng rào, trở vào một cái nồi bông đất úp ngang lên đầu một cây tre cụt : "Ấy mọi khi còn đi lại được, mỗi buổi sớm bác tôi đi uống rượu - không biết ở những đâu - về là lấy nỏ Mán ra tập bắn vào cái nồi đất có vẽ mặt người đó. Phát nào đâm thủng con mắt vẽ vôi kia thì bác tôi lại mang ống trúc ra thổi một lúc rồi ngồi bùng mặt khóc cho tới lúc lặn mặt giới. Mỗi lần bắn thủng mắt ở nôi, thì lại thay nồi đất khác. Cả đêm không ngủ, mỗi lúc có tiếng gà gáy lại ngồi cười một mình trong bóng tối và tặc lưỡi thì với con mối trên vách, hoặc mang cái bát sứ xanh rộng miệng ra - không biết bác tôi cất cái bát đó đâu rồi - lấy lòng bàn tay nhỏ nước bọt vào rồi vuốt nhanh vào lợi bát, uốn vòng lòng tay ướm theo đường tròn thành bát, tự nhiên cái bát kêu vo vo như sáo diều. Gần sáng thì lại ra đi và lúc nào về cũng say mèm". Ông lão cựa mình mạnh rung lá màn, rên hừ hừ. Đũa bé tắt câu chuyện. Thấy gọi đến nó, nó liền thưa :

- Thưa bác, có các cô hàng rượu đến nhà.

- Ôi chao ôi. Quý hóa quá. Các cô lại còn nghĩ đến nghĩa rượu cũ mà tìm đến thăm lão nữa kia. Lâu lắm lão không được ra cửa ô. Nhà nước có dựng thêm cửa ô nào nữa không ? Phải thêm cửa ô chứ ! Ô, lại cả cô Cốm nữa đây à ? Cháu bé đưa chén gỗ ra xin ngáy cô Cốm một chén đầy cho bác.

Cô Cốm khom khom rót. Một chén. Bốn năm chén. Mười chén. Ba mươi chén. Chén nào Bồ Ô cũng chỉ làm có một hơi. Nhanh và ngon như

(1) Câu này rút trong bài *Tương tiến tửu* của Lý Bạch (701 - 762), nhà thơ đời Đường. Nguyên cả hai câu là "*Hạ bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát/ Triều như thanh ty mộ thành tuyết*"; nghĩa : Lại không thấy thêm cao gương soi buồn tóc bạc/ Sáng như tờ xanh chiều đã thành tuyết. Tác giả chỉ trích lửng hai nửa đoạn (NBS chú).

kẻ khát đường vớ được nước suối rừng, vục nón xuống mà múc lấy múc để. Và rượu vào đến đâu, là chân lông ông già lại dầm tuôn mồ hôi ra đến đấy, làm dầm dề cả vải gối. Nhiều dòng nước trắng cứ theo mỗi chân tóc mà tuôn mạnh ra. Hết cả hai đầu gánh cô Cóm mà Bố Ô còn gào rượu nữa. Rồi ông già bèn cười sằng sặc, nét mặt thất thần lại, thanh âm càng rộn lạnh mãi lên - diện sắc lúc ấy chép đúng biến chuyển của mặt các bạo chúa lúc được đắc ý về những việc phá hoại báo ân báo oán vừa gây nên với sinh linh. Lũ hàng rượu sợ quá, không biết đứng ngồi ăn nói bầy giờ thế nào cho phải với chủ nhà.

Bố Ô mới thu nét cười bạo ngược lại, giọng trở nên ôn tồn van vì :

– Lão đã tỉnh lại rồi. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều các cô nhỉ ? Hay là trời đất đã đến lúc được trở nên vô thể rồi đây ! Mà trông ra cứ mờ mờ nhàn ảnh cả thế này. Tôi chẳng nhận rõ cô nào vào mới cô nào cả. À, mà các người ơi, nay còn họp đông đủ mặt với nhau đây, lão muốn phiên các người hứa chắc với lão rằng từ nay sớm nào các người cũng ghé vào lều cỏ này, mỗi vị đổ vào cái hũ kia cho lão một chén đây. Lão bây giờ nửa phần dưới thân hình tự nhiên dầm trệ hẳn đi, phải nằm bệt ở đây không lê người ra các cửa ô như mọi buổi sớm trước để ăn mầy rượu các người nữa. Bây giờ lão không nuốt được miếng gì, ăn cũng thổ ra hết và thiếu rượu thì bị chứng nôn khan, ruột gan đảo lộn cứ như có người sàng sẩy trong lòng mình. Bụng dạ lão chỉ còn chịu được cái chất ngũ cốc dầm trong nước men thôi. Các người gắng chia phiên nhau mà cấp nước đó cho lão đến ngày lão chết. Cũng chẳng lâu la gì đâu. Khéo lắm là hết vụ xuân năm nay.

Miệng Bố Ô líu lại, bọt mép ông già phồng bong bóng lên, to như bọt dãi ông kễnh lúc say giấc. Tay Bố Ô phác họa trong khoảng không trước mặt vài cử chỉ đại nghịch, mắt đỏ rực những tia máu và con ngươi như muốn phọt ra ngoài. Bọn gánh rượu tưởng ông già hóa đại đến nơi, xóc gánh muốn ra đi ngay thì Bố Ô kêu to : "Rồi hãy đi. Tôi đã chết đâu. Đứng đấy mà xem. Thằng cháu tôi đâu ? Mày đưa cây nỏ cho bác". Ông già với giạt cây nỏ khỏi tay đưa cháu, cong cánh tay lên và lồng khuỷu tay vào tấm dây nỏ, lấy gân căng dây. Gân mặt ông già hằn oẹ lên những đường đau găng. Khuỷu tay căng dây mạnh quá, một bên cánh nỏ gãy đánh rắc một cái. Ông già cũng ngắt người đi, nằm thiếp trên gối ướt. Chừng đưa cháu cũng được thấy bác nó thỉnh thoảng lại có cơn ngắt người đi như thế, nên nó không lấy gì làm thẳng thốt và báo luôn các người gánh rượu : "Thế này

là bác tôi ngủ luôn có khi hai ba ngày và lúc dậy không có ăn gì cả. Chỉ có uống thôi. Và số rượu uống lại dùng tăng gấp bội số uống hàng ngày. Hình như có bao nhiêu, uống cũng cứ là thiếu. Vâng, các cô cứ rót rượu đầy vào hũ dó cho bác tôi. Vâng, tôi trông nom bác tôi quen rồi. Bác tôi không việc gì đâu".

Đám quang gánh rượu ra đi. Bố Ô vẫn lịm giấc. Đứa cháu lạng lẽ ngồi đánh cờ chân chó một mình trên nền đất trệ. Lúc nào đói khát thì nó lại lẩn vào trong làng xin ăn xin uống những bà con trong họ chứ ở cái nhà Bố Ô này, lâu nay quanh năm, không có thổi nấu gì cả. Bố Ô đã không ăn cơm ăn cháo mà lại cũng không uống nước nữa. Cái người lạ ấy không bao giờ thấy đói và chỉ có biết khát thôi. Mỗi lúc tỉnh bữa rượu trước, thấy khát thì lại đem luôn rượu của bữa sau ra mà giải khát. Rất tiện. Cái bếp nhà ấy, giờ cỏ mọc um tùm, bó kín lấy mấy ông đầu rau lạnh. Ở đây không bao giờ có khói. Và cũng tịnh không bao giờ có lửa nữa. Tối đến chẳng cần lên đèn, chẳng cần chặn cổng – nhà còn có gì nữa mà sợ trộm – đứa cháu lăn ềnh ra ngủ. Trước khi đi ngủ, bao giờ nó cũng mắc một múi dây vào đầu ngón chân cái nó và buộc một đầu khác vào tay ông bác, phòng lúc khuya khoắt, ông bác có cần đến nó thì cứ việc giật dây gọi. (Cái trò này sinh ra từ lúc ông già ấy trệ bại hẳn nửa người).

Tật cũ của Bố Ô ngày một thêm biến chứng. Có người biết việc ông già đại náo trong đình Ông Lớn đầu tỉnh, ngờ bệnh hoạn của ông bây giờ là khởi nguồn từ ngày ấy. Biết đâu lúc bị cầm ở đấy hai hôm, người ta đã chẳng dùng đến ngón đòn âm mà hình phạt trả thù cái tính bợm trọc của ông. Nhưng có người lại bảo rằng tất cả cái thảm kịch bây giờ của ông già chỉ là cái kết quả rất đau buồn của chứng rượu trả nợ cho rượu. Đây là bệnh rượu. Họ nói gọn thế.

Bệnh rượu ghê thực. Giờ nó đổi được cả diện mạo và thân hình Bố Ô. Ai là cố nhân của ông già, giờ gặp lại cũng không nhận được ra nữa. Mặt Bố Ô bị rượu chuốt theo hình một cái hũ – cái cầm dài ra đúng đường lượn của cổ hũ – bụng chứa uốn lên như dáng chóc và hai cái chân thời thật là một đôi nằm : bắp đùi thu ngắn và bạnh phồng lên, ống chân thì thót ngắn dài mãi ra. Những đường cong, có bao nhiêu đường cong nơi thân the con rượu là đều đập đúng những đường lượn của những đồ vật bằng sứ bằng thủy tinh vốn dùng vào việc đựng rượu xưa nay. Hai tay người uống rượu ấy trước kia còn cử động được để với một cái hũ, nghiêng rót nó ra chén rồi

đưa vào miệng. Nay nó cũng theo cặp chân mà trệ nổi và cứ buông xuôi thế. Sự chết bắt đầu sống trong người Bố Ô. Ở khắp mình kẻ có tật nguyên kia, những thứ ung thư rất kỳ quái cũng bắt đầu phát ra. Nó to bằng quả trứng ngỗng. Có đến hàng chục cái trứng ngỗng nổi rõ trên khắp thân thể. Lúc nó nung chín, nổ vỡ bục ra ; rồi theo sau... phì phì là một thứ nước trắng như sữa dừa. Quệt để vào mũi không thấy tanh. Chỉ thấy hăng sè. Nước cay ấy nhảy nhồn nơi lá màn, chân gối và áo quần. Lũ ruồi nhặng tưởng bỏ đậu xuống đưa vôi ra hút phải là đều say ngất đi như bị thuốc mê, cánh cụp lại và chân cẳng co ngửa lên giời rụng ngã xuống mặt chiếu. Đứa cháu vốn hay nghịch được một dịp lấy ngón tay gầy lủ trùng ấy lăn ra, vun chúng lại thành đống rồi thả vào những cửa tổ kiến lửa ở chân tường. Cái thứ nước trắng nhờ ấy xông lên cay thực. Đến ngay đứa cháu, nhiều khi con người cũng xót chảy nước mắt ra, những khi nó phải đứng hầu cạnh lâu quá. Từ ngày ông bác nó lại trệ thêm cả hai tay nữa thì cái việc phục dịch ở nó cũng thêm phiền khó nhiều ra. Bác nó vốn không nói được nữa từ luôn với ngày không dùng được tay, nó bèn nghĩ sẵn ra một cách rất gọn để bác nó lên tiếng những lúc muốn nó đến hầu rượu. Đứa cháu mua ngay một cái còi đất cắm sẵn vào miệng ông bác. Lúc nào cần đến nó thì ông già liệc cả người kia chỉ việc thổi mạnh vài dịp là nó đã chạy vào. Đạo sau này, đứa cháu họ Bố Ô đâm buồn, càng dần dóm đông dài tẻ. Nó bỏ nhà luôn, suốt ngày chơi quay đánh đáo ngoài sân đình, ít chịu ở bên cạnh người bác phế nhân. Lắm khi ông già huýt còi đến ba bốn dịp nó mới chịu bỏ dở trò chơi với trẻ làng mà chạy về, hầu rượu xong một cái là nó lại tuồng ra đường ngay.

Trông đứa cháu bón rượu cho ông già tê liệt kia thì không còn ai ở đời này muốn nghiện rượu nữa. Thảm quá. Bố Ô huýt xong mấy dịp còi, mắt thao láo chờ đứa cháu, mũi thở phì phò, môi mồm mà không dám há miệng, sợ rơi mất còi mà nó chưa về thì làm thế nào mà gọi tiếp. Thành thử cả ngày đêm Bố Ô cứ phải ngậm còi liền miệng. Bố chỉ rời cái còi ra khỏi miệng mỗi khi nào đứa cháu nghe hiệu chạy về đổ vào mồm cho vài chén rượu. Nuốt ực xong rượu, ông già mắt đã lim dim đứa cháu lại cắm lại cái còi vào miệng méo xong là nó lại đi ra sân đình ngay để khi nào còi hiệu thì nó mới lại chạy về, có ngày đến bốn lần. Trước, chỉ mỗi ngày một bữa rượu thôi. Vào hồi này, Bố Ô uống càng tợn. Đến cô Cóm mà cũng phải kêu lên là sự không vừa. Cô tưởng giá Bố Ô mà trường thọ mãi thì có ngày

vốn của cô đi hàng cũng đến cạn hết. Mà chẳng lẽ lại đi nuốt lời hứa với một vị ân nhân mang tật !

Nhưng giờ đã thương cô Cốm và sớm gỡ cho cô một lời nguyên. Bố Ô đã tận số vào cuối mùa xuân năm ấy. Bố Ô chết cháy.

Chả một hôm, không hiểu tại sao lại có tên dân cày nọ đem nùn rơm vào cái nhà lạnh vắng này mà thổi bùng lên để thắp một điếu thuốc Lào. Lửa ấy bắt ngay vào chăn màn quần áo của ông già Ô và thiêu luôn cả cái túp ấy ra gio. Ngọn lửa xanh lè vờn lấy mình ông già đang say mềm. Xác Bố Ô nứt đến đâu là mùi thịt thui ấy thơm lừng như mùi cá mực nướng bằng rượu không có chút gì là hơi khét cả. Và lúc mà lửa đã hoại xong cái xác kia thì cổ xương ấy bệch ra như thạch cao ải vụn ra trông trắng nhỏ không khác gì thứ bột để luyện những hòn men. Ngửi cái vụn xương vô tự ấy, lại còn thấy thơm và ngậy ngất nữa, trong khi sờ tay vào thì thấy nó ấm như tinh bột men. Gắn đồng gio xương ấy, cái chén gỗ của Bố Ô dùng mọi ngày vẫn nguyên vẹn, không bị sém tý nào. Lửa chỉ trắng lên toàn thân chén một lần men khói bóng. Biết chén ấy có công dụng kỳ lạ, một người làng chuyên buôn đồ châu bảo bèn nhặt về bán cho một bậc cự phú nọ lấy trăm nén bạc và chén đó sau tiện thành một bộ khay và lạc vào tay một vị Thái bộc mang theo luôn trong người để phòng việc hỏa hoạn.

Thời nhân, có kẻ rồi thời giờ, ngồi điều tra vụ chết cháy này, bảo rằng đích nhà Bố Ô phát hỏa vì lửa đã bắt đầu bén vào những khí rượu ở miệng mũi tửu đồ phì ra, ở những đồ dùng bằng vải của tửu đồ đã tẩm chất nước men khô đóng lại. Không khí túp gianh ấy nặng những hơi men như thế gặp được tia lửa nùn rơm làm gì mà chẳng cháy vèo. Có nước thác đổ cũng không cứu kịp.

232. LỬA NẾN TRONG TRANH

Tên thực ông Tây già chủ đồn điền ấy là Rê Bít Xê. Nhưng người mình đã Đông phương hóa cái tên ông Rê Bít Xê từ hồi ông còn là quan cai trị xứ này. Trước khi được về hưu để vỡ đồn điền giống cà phê ở hai vùng Nghệ An, Hà Tĩnh, ông Rê Bít Xê đã làm chức Công sứ ở nhiều tỉnh Trung Bắc lương kỳ và sự thực, cái tên Rê Bít Xê được hóa chệch ra là Lê Bích Xa là từ cái hồi ông Tây đó bắt đầu lĩnh chức Đại Pháp lưu trú quan ở tỉnh Quảng Ngãi. Quan Tuần vũ Quảng Ngãi là người hoàn toàn cụ học, mỗi lần có giấy má gì ở bên tỉnh đưa sang tòa mà không có tính cách công văn lăm, lại viết lên đầu thư riêng : "Lê Bích Xa Công sứ đại nhân...". Quan Tuần lấy làm thú lăm. Chữ Lê Bích Xa, nghe nó Tàu lăm, không còn tý gì là Tây nữa. Và chẳng ngại không có chút nào là dính với cái học mới nên chữ "Rê" mà đọc ra "Lê" nghe nó cũng tiện lợi : ngại và thuộc hạ phải cái bệnh là không uốn được tắc lưỡi. Cho nên mỗi lần có quan Công sứ nào mới đổi đến mà tên có vần "r" là vần tên ấy sẽ biến cả ra là Lê hoặc La, Li, Lô, Lư, vân vân... Có lẽ cũng vì thế mà đại danh quan nguyên Toàn quyền Robin đã biến thành Lỗ Bình đại thần.

Nhưng mà chúng ta nên trở lại với cụ Tây đồn điền Rê Bít Xê nguyên là Lê Bích Xa Công sứ đại nhân. Và muốn tránh sự bỡ ngỡ của chúng ta mỗi khi đọc những ngoại âm, trong truyện này, vai chính của chúng ta sẽ được mãi là Lê Bích Xa.

Vậy thì cụ Lê Bích Xa là một vị trí sĩ làm đồn cà phê vùng Hoài Hoan. Cụ Lê doanh ấp lập trại ở đấy từ bao giờ thì không rõ nhưng những gốc cà phê thấy đã to lăm. Cụ đã cho trẩy hạt bán ra ngoài không biết đến mấy vụ rồi. Vị hưu quan đó giờ là một lái buôn chính hiệu và thỉnh thoảng lại cho lộ ra cái cốt tài tử của mình những lúc chơi tranh xem tranh hoặc bày

tranh. Cụ Lê không vẽ tranh, nhưng cụ buôn tranh. Hình như tôi đã quên không nói ngay ở đầu rằng cụ Lê Bích Xa là một người buôn tranh cổ. Nhiều bức lạ lắm. Đã đành là đẹp. Nhưng nhiều bức quái lắm, quái lạ như là trò phù thủy đánh vào ấy. Nhiều người được cụ lấy tình thân cho xem những bức tranh cổ – những bức quý như thế, cụ Lê ít khi cho bày ra chỗ công chúng thành hẳn một cuộc triển lãm – lúc trở ra đều ngỡ ngác ít nhiều và cụ Lê là một người có ảo thuật hoặc không thì cái người vẽ tranh cổ đó cũng là một ảo thuật gia.

Nhà riêng ông Tây già Lê Bích Xa nhiều tranh quá. Người ta phải tưởng đấy là một nhà bảo tàng chứa tranh Tàu. Tiền của mỗi vụ cà phê thu về rất nhiều nhưng chủ nhân đều cho đi mua tranh hết...

Người ta ngờ việc mở đồn điền của vị Tây già này chỉ là một cái cớ và mục đích muốn đạt được thì phải là một bảo tàng viện cổ họa Trung Quốc kia.

Cụ Lê Bích Xa có dùng một vị Tây lai trẻ tên là Dăng để giúp cụ những lúc soạn tranh tìm tranh. Có người lại bảo cậu Dăng này ngày trước có làm phóng viên trường Báo Cổ Viễn Đông. Cái điều chắc chắn nhất là cậu Dăng người rất ít tuổi nhưng sức học nặng lắm. Không rõ cậu học môn khảo cổ từ bao giờ mà môn học so sánh của cậu sâu rộng đến nỗi các niên hiệu, các tên vua lịch triều bất kể nước nào và tên các nghệ sĩ bất kể thời nào xứ nào, cậu nhớ vanh vách rồi thì là kê khai so sánh, suy luận. Giá có viết ra thì thành từng pho sách được đấy. Ờ, người cậu thành ra là cả Đông Tây Cổ Kim rồi còn gì nữa. Suốt một vùng Nghệ - Tĩnh ai cũng biết cậu Dăng. Nhưng họ chỉ biết đấy là một người Tây lai hạnh kiểm rất khá, không có gì là mất nết, bao giờ cũng nhớ đến mẫu hệ, rất có hiếu đối với mẹ với người bên quê ngoại, thường vẫn lấy lễ ra mà xử. Dân gian gần đó chỉ biết về cậu Dăng có bấy nhiêu thôi, chứ thực không rõ một tí gì về cái tài đọc tranh và cái sức đi tìm tranh của cậu ở khắp vùng quê Bắc Kỳ.

Một lần ấy cụ Lê Bích Xa gọi cậu Dăng lên buồng riêng và sau một tuần cà phê đặc có chế rượu rôm :

– Này Dăng, có lẽ cũng nên sắp mà đi Hưng Yên đi thôi. Về chuyện cái bức tranh Hàn Kỳ ấy mà. Hình như có một lần vào rừng săn hươu, tôi đã nói chuyện cho cậu nghe rồi. Lúc ấy đang cùng mãi tìm lối chân hươu, cậu có nghe và nhớ không ? Nhưng tôi cũng cứ kể lại. Nguyên hồi tôi còn ở chức thủ hiến vùng Hưng Yên, có một người Chánh tổng huyện Ân Thi

đem dâng tôi một bức tranh để gỡ mình khỏi một vụ án hình. Hồi đó tôi còn quý cái lương tâm nhà nghề lắm. Và lại lúc ấy còn trai khỏe, tôi chưa để bụng vào chỗ chơi đồ cổ. Tôi bèn đuổi lão Chánh tổng đó đi và dọa bỏ tù nó thêm về cái tội đòi hối lộ thượng quan. Cái thằng cha táo bạo thế. Bây giờ tôi mới biết bức tranh đó là quý. Nó vẽ một ông tướng già đang ngồi xem sách đèn trong quân trường. Trên án sách có một ngọn nến cháy trên đế son. Góc phải bên án, có vẽ một thanh bảo kiếm tuốt trần ghếch lên cái hộp tướng ấn. Trông thì bản thủ lắm. Lụa bồi đã bong rách và lòng tranh nhiều góc dán đã nhăm nhieu. Nhưng mà tranh đó... (nói đến đây, Lê Bích Xa ngừng lại, tợp thêm một ngụm rôm, đôi mắt già sáng bừng lên bao nhiêu là thèm muốn)... nhưng mà tranh đó, cái chỗ quý giá thì không biết thế nào mà nói cho hết được. Mua được về rồi con mắt người Mỹ mà nhìn thấy là chúng ta sẽ có một cái cơ nghiệp để hưởng chung, Dăng ạ. Tôi tin rằng cậu và tôi, bao giờ cũng sống gần nhau mãi mãi. Tôi rất tin và yêu cậu như là con. Rồi dần dà tôi sẽ truyền hết cho Dăng những cái sở đắc của tôi về cái bí thuật tìm tranh cổ.

Sớm ngày sau, dân hàng áp đã đánh sẵn xe ngựa cho cậu Dăng xuôi tỉnh để đáp tàu ra Bắc – xe ô tô, tài xế ốm nặng. Cậu Dăng đánh thức cụ Lê Bích Xa dậy.

– Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

Cụ Lê dụi mắt ngáp :

– Hôm qua tôi uống nhiều quá. Có lẽ gần chai rôm. Ít khi cao hứng như thế.

– Tôi đi Hưng Yên đây, cha già ạ.

– À, tốt lắm. Đi đi.

Cụ Lê rút ở tủ kết còn thúc vào mặt tường, phía trên thành đầu giường một cuốn sổ in, ký vào một tờ vẽ hoa rêu lằng nhằng và xé đưa cho Dăng :

– Tạt vào nhà Đông Pháp ngân hàng Hà Nội mà lấy tiền. Đi Hưng Yên lấy tranh xong rồi tiện đường, sang luôn bên Cổ Am hỏi xem dân làng đã chịu bán hay chưa, cũng cứ đưa cho dân làng được một nghìn bạc cho họ tiêu chơi. Mà phải lấy dấu Lý trưởng và cả một vài chữ ký của bố lão nữa nhá. Thôi, đi cho được nhanh chóng. Tôi ngủ lại, có lẽ chiều hôm mới dậy.

Cụ Lê Bích Xa ngáp, vươn vai. Thấy Dăng vẫn còn ngán ngủ, cụ tưởng là cụ đã hiểu một điều gì, bèn cười :

– Cái séc ấy, bốn mươi ngàn phật-lăng, cha tưởng là thừa thãi lắm chứ còn gì nữa. Một nghìn đồng đưa cho dân bên Cổ Am và còn ba ngàn đồng thì mua bức tranh. Có lẽ mua tranh, đến ba ngàn đồng, cũng là nhiều lắm rồi.

– Không phải thế. Tôi muốn ông cho tôi cái địa chỉ của người Chánh tổng có tranh đó kia.

– Tôi cũng không nhớ là về làng tổng nào và tên người đó tôi làm thế nào mà nhớ lại được. Vả lại tôi tưởng một người như Dăng thì có cần gì phải hỏi kỹ đến như thế mới tìm đến được nhà người ta. Cậu làm như xưa nay chưa bao giờ thuộc lầu địa dư hàng tỉnh của xứ Bắc ấy.

Cụ cười. Cậu Dăng cũng cười theo. Cụ Lê Bích Xa chìa tay ra, lắc mạnh tay Dăng : "Thôi đi cho tốt" rồi chui luôn vào chốn.

Ngoài cổng đồn đồn tiếng móng ngựa, dịp nhạc và sát vòng bánh thừa và bé dần.

Sau đó độ dăm hôm, dân vùng Ba Tổng Lê ở Hưng Yên nhao nhao lên với nhau rằng hình như có quan đoan về sục rượu lậu. Có người lên mặt thông thạo lại thì thăm rằng đó là quan Tây khảo cổ về đào mả Tàu đấy chứ. Cái việc Dăng về một làng vùng Ân Thi tìm mua tranh, đã là một việc náo động cả cuộc đời an nhàn cần cù và bình dị của đám dân quê. Người ta sợ sệt lo lắng cũng mất đến một ngày tròn. Mãi sau ông Lý sở tại mới cất nghĩa rằng đấy là quan Tây về mua cái bức tranh quái gì của cụ Chánh Thuận "đâu giả những mấy nghìn bạc" thì cả làng mới thở đánh phào một cái và lại cày cuốc gánh gồng được như cũ.

Cậu Tây Dăng mà tìm đúng được nhà cụ Chánh Thuận kể cũng tài thật. Thì ra đối với những người đi tìm vật báu trên đời thật không có cái gì là khó là không làm được cả. Có thể thôi, chứ dẫu có đến thiên nan, họ cũng chẳng coi là mùi gì. Về những cái gay go trên con đường tìm đồ cổ, đâu có lần Dăng đã có nói chuyện đến những cái vất vả lúc vào tụy đạo dưới mặt đất Ai Cập để tìm vào lăng tẩm các vua Pha Ra Ông.

Đứng trước bức tranh cổ của cụ Chánh Thuận vừa cho treo lên cây cột mẹ gỗ mít giữa nhà thờ, Dăng ngắm mãi và ngờ ngợ. Lòng tranh thì cũ xưa mà lẩn vóc bối thì tươi sáng.

– Tranh này, hình như tiên sinh mới cho bồi lại.

– Dạ bẩm quan, có thể. Mới bồi độ dăm năm nay. Vì nó đã nát lắm rồi.

Dăng trầm ngâm trước tranh, cố tìm cái quý giá trong những nét vẽ đã gần bay hết đường bút lông. Cậu ngắm mãi hình người trong lòng bức tranh trung đường. Cậu chỉ thấy nét mặt ông tướng Hàn Kỳ là tươi đẹp quá thước. Chỉ có thể thôi. Nét chổ khỏe, chổ mềm dẻo tài tình. Nhưng chẳng nhẽ cả giá trị bức cổ họa lại chỉ có thế ? Đã gọi là vẽ thì họa sĩ nào hẳn cũng phải vẽ đến được như thế. Phải có những cái gì khác thế nữa kia chứ ! Thì cụ Lê Bích Xa mới chịu trả ba nghìn đồng và tỏ lòng thêm muốn như đi mua ngọc biết nói. Cụ Lê Bích Xa về môn cổ họa, Dăng đã phải tôn lên làm bậc thầy học mình kia mà. Cái tài học ấy, Dăng đã được bái phục về cái lần đó cụ Lê giảng cho Dăng về màu phẩm huyền ảo của những bức tranh dăm sơn môn bên Tây Tạng.

Dăng đứng rồi Dăng lại ngồi. Sau khi đặt cái ghế bành hướng vào bức tranh cách tranh độ ba thước để "quan" Dăng ngồi thẩm tranh, cái ông cụ Chánh Thuận, cả một buổi sớm ấy cũng mất cả công ăn việc làm, và chỉ biết có nín thít mà ngồi túc trực đó xem người mua tranh có cần dùng hỏi han gì không. Cái ông Tây trẻ đó cũng là lạ. Ngồi suốt một buổi, bên cạnh cụ Chánh Thuận, ông không nói lấy một câu. Ông chỉ có vòng tay trước ngực, ngồi đực ra và dán chặt mắt vào tranh. Ông hút không biết bao nhiêu là thuốc lá. Tàn tro và mẩu đầu thuốc dưới chân vị Tây trẻ, đã dồn lên thành một đồng rác. Ông lim dim mắt, nhìn bức họa qua vờn khói, say sưa và thắc mắc và có lúc nét mặt người trẻ ấy xa vắng như khuôn mặt một nhà sư già nhập thiền lúc tĩnh tọa. Dăng càng ngắm tranh, càng thấy mình bất tài. Chàng ngán ngừ, lúc đứng dậy. Cầm ví đếm tiền, chàng có ý không muốn trao nó cho ông Chánh Thuận. Không phải Dăng có ý tiếc tiền, dầu rằng cái tiền ấy không hẳn của mình lấy mấy may. Từ đi vào con đường khảo cổ, Dăng đã được dùng tiền nhiều gấp bao nhiêu ngàn ấy kia. Có khi chỉ đổi lấy một mảnh sứ vỡ, Dăng cũng đã bỏ ra một số tiền bằng tiền mua một nếp nhà lâu rồi kia mà.

Nhưng thôi, lời thầy đã dạy như thế, Dăng chỉ có biết tuân theo, Dăng đưa đủ số cho ông Chánh Thuận và lên đường về lĩnh mệnh cụ Lê Bích Xa.

Cụ Lê Bích Xa đã nhận trước được điện tín của Dăng ước ngày về, đem tranh về. Cụ liền soạn sẵn một bữa tiệc lớn cho riêng chỉ có hai người : cụ và Dăng. Và đám dân đồn điền đều lấy làm lạ về việc cụ cho họ nghỉ luôn những ba ngày luôn mà vẫn cứ cho ăn cả lương. Không những thế, họ lại còn được chủ đồn điền ban cho gạo thịt, rượu, cà phê và đường ; cứ bốn

người một chai rượu và tám người một kilô cà phê. Người bảo rằng hay là cụ Lê Bích Xa lại ăn mừng ngày sinh nhật. Nhưng có kẻ thông thuộc việc nhà ông chủ, lại nói rằng lễ sinh nhật mọi năm thường làm vào giữa mùa lạnh kia mà. Có đâu một người trong một năm lại ăn những hai lễ sinh nhật mình. Cả đồn điền cà phê xao xuyến – cụ Lê Bích Xa vui.

Cái buồng riêng của cụ Lê Bích Xa đã được kê dọn lại. Cụ cho cất bớt đi rất nhiều thứ. Mọi khi gian buồng này, không mấy ai được vào. Thân tín đến như Dăng mà đâu cũng chỉ được để chân tới vền vện hai lần. Đây đã gần như một nơi chính tẩm một ngôi đền. Đây chứa rất nhiều của lạ trên thế gian thuộc về đủ các loại. Những kỷ niệm lữ hành. Những vật quý tích trữ được, sưu tầm được. Linh tinh quá. Và có nhiều vưu vật bé chỉ bằng khuy áo mà nói đến là y như là cơ man tiền bạc. Mỗi vật đều có trước số theo thứ tự phân loại, kê khai vào một cuốn sổ và được chụp ảnh lại dán riêng vào một cuốn an-bom, dưới mỗi ảnh đều có cước chú hình dáng cân lượng màu sắc, và cả tên tuổi những vị tiền chủ các vật đó. Thật là cả một cuốn sổ căn cước, một sổ bộ lý lịch. Thường mọi ngày, cụ Lê Bích Xa, mỗi đêm vào phòng này, đều phục sức rất trang nghiêm, tay cầm nến rọi vào từng vật, dáng đi chậm chạp thành kính ; đứng ngoài nhìn cái bóng chậm yếu ấy cử động dề dặt, ta tưởng đây là một kẻ tu hành đang thâm kín làm một lễ dâng hương vào những giờ u tịch của đêm ấp.

Dăng đã đưa bức cổ họa về. Bàn tiệc đã bày sẵn. Lê Bích Xa không cho Dăng có thời giờ đi thay quần áo và tắm gội, cụ liền nâng mừng Dăng một cốc ứt-cây tẩy trần và đòi xem ngay tranh. Tường đã đóng sẵn một cái đinh mới. Cái đinh ấy chờ bức tranh cổ đã từ mấy bữa nay. Hai thầy trò loay hoay mắc lên đấy. Ngồi đối diện bức họa xưa thướt tha trên nền tường, sự chăm chú của Lê Bích Xa bị nghi ngờ tràn mãi vào. Lòng hoài nghi ấy càng tăng thêm mãi. Lê Bích Xa thay mãi kính tuổi. Có khi đeo hai ba kính chồng lên nhau. Đến lúc mà cụ đi gần lại tranh rọi kính hiển vi lên nền lụa cũ một hồi lâu xong rồi, cụ quay lại Dăng và chậm rãi :

- Hồng mắt rồi Dăng ạ.
- Thừa thầy tranh này vừa bồi lại. Họ cũng nói thế.
- Chính vậy, họ đánh tháo mất ruột tranh rồi. Chúng ta bị lừa to rồi.

– Thầy muốn nói đây không phải là nguyên bản bức tranh ? Đây chỉ là một bản sao bức cổ họa ?

Cụ Lê Bích Xa không trả lời. Mặt người sưu tầm đồ cổ có những nét chìm đường nổi của suy nghĩ và thương tiếc. Lại cho người ra Ba Tổng Lê đòi lại tiền lão Chánh Thuận ? Máy ngàn bạc, tuy là một số tiền to tròn đấy, nhưng đòi lại để mà làm gì. Cái đáng giữ lấy, đâu có phải là tiền. Bức tranh cổ kia chứ. Rủi bị tranh giả, Lê Bích Xa chỉ hận tiếc mình đã chẳng có duyên với vật báu, giờ biết nó lạc vào đâu mà săn tìm. Người đã biết chơi cái ruột tranh xưa đó, hẳn không vì vàng bạc mà thuận nhượng lại cho, ví có biết mà tìm đến cầu thân.

Một đêm ròng ấy, chủ ấp không ngủ.

Ông già ngồi đối diện bức tranh có đèn măng sông, ba trăm nến soi tỏ. Ánh sáng mạnh và xanh trong càng làm tỏ thêm những thờ dài tiếp thêm của chủ ấp không ngủ.

Ngày sau, Dăng lên buồng thỉnh an thấy và hỏi cụ Lê Bích Xa xem giờ nên xử trí ra sao với bức tranh bị đánh tráo và chàng xin chuộc lại lỗi bất tài vô học sơ suất của mình bằng sự bỏ tiền ra đền lại cho cụ, nếu Chánh Thuận manh tâm không hoàn lại máy ngàn đồng.

– Thấy bắt đền con mà làm gì. Thấy cũng không đến nỗi nghèo thiếu. Và bị mua nhầm tranh này, lỗi cũng không hẳn tại con cả. Vì cái học lực xem cổ họa của con, dầu sao cũng chưa vào được mực cao đẳng. Mà lúc con đi lấy tranh, thì thấy lại không dặn kỹ về cách thử. Ai biết đâu rằng trong thế giới chơi tranh lại cũng có người quái quỷ như mình. Kẻ kia đánh tháo ruột tranh, thực cũng là người có mắt tinh đời, đáng nên gán lăm.

– Có lẽ người ấy là tên khách bồi tranh.

– Rất có thể.

– Con muốn được nghe thầy giảng cho về cái quý giá của bức họa.

– Thấy sắp nói đến mà. Con hãy ngồi xuống đã. Uống đi. Và cũng không nên tiếc nữa. Vô ích. Thế gian còn vô khối cái khéo cái quý. Chỉ sợ mình không có mắt xanh đối với những vật có cái bề ngoài của vô hồn. Chỉ sợ mình kém đức để được làm bạn với vật báu thôi, con à.

Cụ Lê Bích Xa từ tốn đặt xuống bàn một bộ đồ hút thuốc lá chưa quấn, lấy ở giá điều ra hai cô píp, đưa cho Dăng một. Mùi thuốc thơm ở hai ống điều tỏa khói lẩn. Nước bọt chốc chốc chảy từ họng điều xuống tàn lửa mỗi thuốc, đánh dấu thời khắc qua bằng những tiếng xèo xèo gọi cảm. Lê Bích Xa đứng lên đi mấy vòng, bắt đầu giảng về bức cổ họa Trung Quốc, giọng

đỉnh đạc trong trẻo. Buồng người chủ ấp có tuổi, phút đã trở nên một giảng đường mà Dăng là một thanh niên chăm chú.

– Con có biết tác phẩm này là của ai không ? À của Lỗ Hường Diên người tỉnh Mân – cái tỉnh Trung Quốc nổi tiếng về môn hội họa quái ảo, hẳn con đã tường ! Như con trông thấy đó, tranh vẽ một ông tướng và một ngọn nến cháy soi xuống một cuốn sách mở của ông lão tướng. Tất cả giá trị huyền ảo của tranh là thu vào ngọn nến. Ngọn nến ấy, nếu cha đánh diêm châm vào thì nến sẽ cháy sáng như một ngọn nến của cuộc đời thật tại chúng ta. Con hãy cứ bình tĩnh ngồi xuống mà nghe cha nói tiếp. Cha nói cái gì nhỉ ? À nếu châm lửa vào đầu nến đó của tranh thì tranh sẽ sáng bùng lên. Và, chỉ có nến cháy thôi, chứ tranh vẫn âm u nguyên vẹn ; lửa nến sáng vẫn không làm hại gì đến đời vật chất của tranh. Muốn cho tranh trở lại vẻ bình thường của tranh thì chỉ có thổi tắt phụt ngọn nến đi thôi.

– Thưa cha, con đi vào con đường cổ họa Trung Quốc kể cũng đã lâu ngày nhưng chưa từng nghe chứ không nói đến sự thấy nữa - tới những việc quái dị như vậy.

– Dăng, con hãy đứng lên ghế kia, đánh hộ cha một que diêm vào châm ngay vào đầu nến tranh.

Tranh tự nhiên sáng bùng lên. Nến bốc dần sức sáng, soi xuống trang sách và khuôn mặt hồng hào vị tướng già quắc thước ngồi trong lòng cổ họa. Giá lúc này, lửa nến lả lay ngọn đi một chút theo với tỷ giao động của phòng khách đây thì Dăng đã tưởng tượng Hàn Kỳ ngồi kia là người của cuộc đời này và đang là một vị quý khách ngoài thời gian của chủ ấp đây, Dăng lùi mãi ra xa, nhõn tuyến bị sự hiển linh của tranh sáng chi phối. Chàng dụi mắt. Giữa không khí kinh ngạc kinh sợ thâm lặng đem lại bởi quái ảo, giọng cụ Lê Bích Xa cũng phào phào xa vắng như từ một thế giới nào gửi về – Lựa vẽ tranh, nguyên có những hai lượt. Vĩ còn cả cái ruột tranh không bị người có mắt tinh đời nào đó lấy mất, thì ngọn nến sáng của chúng ta cháy mãi mãi. Ta có thể treo mãi tranh này trong nhà, dùng ngọn nến này mà chơi thay đèn, đêm đêm thắp lên. Nhưng uổng quá, chúng ta chỉ còn có một lần lựa ngoài của bức tranh nên sự thần diệu này chỉ có được trong giây lát thôi. Thắp lâu nữa thì cháy luôn cả tranh mất. Con lại chịu khó đứng lên ghế thổi tắt nến tranh đi rồi cha sẽ giảng tiếp về cái bí thuật của lối họa xưa tỉnh Mân này.

Nến tranh tắt. Phòng giảm hẳn sức sáng – cái cây bạch lập nơi tranh lúc sáng tỏ, sức sáng vốn ngang bằng một ngọn măng sông nhỏ. Mùi cà phê tỏa trong sáng dịu của phòng lặng.

– Lỗ Hường Diên vốn là một họa sĩ nổi tiếng về môn vẽ và lại kiêm cả khoa thời miên nữa (tỉnh Mân vốn lại là quê hương của môn hư linh học). Cứ chỗ thầy biết thì lúc tạo lên bức tranh này, Lỗ đã phải đi hành hương mãi vào vùng Ma Thiên Nhẫn để tìm nguyên liệu như chất lân tinh và diêm sinh ở những mỏ hoang gần đấy - núi Ma Thiên Nhẫn, vốn là đất cổ chiến trường - và chất thạch nhung ở đáy lòng sông Bộc Lý. Con cũng thừa biết công dụng hóa học của mấy loài khoáng này. Lân và diêm sinh thì cháy sáng và thạch nhung thì không cháy, mặc dầu bỏ thẳng vào lửa. Lựa vẽ tranh, dẹt bằng tờ loại sơn tằm đánh sần lại với thạch nhung cán nhỏ ra. Vẽ đến ngọn nến, họa sĩ dùng chất lân và diêm Ma Thiên Nhẫn trộn lẫn với thuốc vẽ. Vẽ xong, họa sĩ thời miên vào đầu ngọn nến. Đây là ruột tranh. Cái lân trong. Lân lựa vẽ ngoài, chỉ là cái lượt hoa mỹ của màu sắc và hình vẽ phủ lên để giữ vững cái cốt kỳ diệu ở trong. Tranh cổ lâu ngày, lượt lựa ngoài cũng hấp thụ được cái thần diệu của cốt trong. Và thấp vào ngọn nến ngoài cũng có cháy. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc thôi.

– Thừa cha, những lối hiểm hóc này của môn hội họa, cha sở đắc được ở nguồn khảo cứu nào ? Sách, không có nói đến.

Cụ Lê Bích Xa sẽ cười mỉm không trả lời thẳng vào câu hỏi của Dăng. Cụ kể sang một chuyện khác :

– Cái lối vẽ lấy chất lân trộn vào thuốc để điểm ngọn lửa tranh và lấy thạch nhung để làm nền tranh, đầu còn có cái bức vẽ tích "Phục Nữ Thổ Thư" cũng gần như thế. Nguyên tranh này diễn lại việc nàng Phục Hy Nga đọc cho Thượng thư lệnh Triều Thổ đời Hán chép lại những lời của lũ sách bị mất đi về đời Tần Thủy Hoàng phân thư khanh nho. Lúc Phục Hy Nga đọc cho Triều Thổ ngồi chép, bên án sách có hai người quỷ nâng đèn lồng soi sáng trong sách. Ấy lửa đèn lồng, cũng điểm theo cái thuật ấy. Nhưng không rõ tranh tích sau này có phải là sản phẩm của tỉnh Mân không.

Cụ Lê Bích Xa ngừng một hồi lâu rồi bàn với Dăng :

– Bây giờ cha nghĩ thế này. Là cũng không đòi tiền cái lão Chánh tổng ấy nữa. Và cũng không giữ tranh này để chơi riêng nữa. Cha sẽ tổ chức một buổi nói chuyện về cổ họa Tàu và đem đan cử luôn tranh Hàn Kỳ này ra và châm lửa nến thí nghiệm ngay cho công chúng xem. Sẽ làm một tiệc trà tại

câu lạc bộ Pháp - Việt ở Vinh. Mời cả thân hào và những bất cứ là ai người Pháp người Nam có cảm tình với Nghệ Thuật. Cửa bấu, có khi cũng không nên giữ lấy một mình. Cha sẽ phí bức tranh cổ đó, đốt cháy cho thiên hạ đây xem chơi.

Tại tiệc trà đi kèm vào buổi nói chuyện về tranh Tàu tổ chức ở Vinh, công chúng Việt vền vẹn có năm người. Bất chấp cả cái thiếu số đáng là một cái cơ để hoãn lại ngày nói chuyện, cụ Lê Bích Xa vẫn bình tĩnh giảng về cổ họa học Trung Hoa và cứ cho châm ngọn lửa nến trong bức tranh ba nghìn đồng của mình treo ở tường câu lạc bộ. Lửa nến cháy, nhiều người trầm trồ cảm động. Phép kỳ diệu đó chỉ đứng được có hai mươi phút nghĩa là bức tranh đã cháy ra gio trước khi diễn giả nói đến câu cuối cùng của đề chuyện mình.

Lúc ra về, bằng một giọng trào lộng, ông già phàn nàn với Dăng :

– Cha đã hy sinh bức tranh một cách không được xứng đáng. Ra người ở địa phương này họ chỉ biết quý có những cái học thiết thực quá – thiết thực nghĩa là có ích lắm – đến nỗi gần như dừng dưng với Nghệ Thuật.

Sự thiên này cũng là do cái bệnh ngu bướng mà ra. Họ phải chịu lấy sự hình phạt nặng nhất là suốt đời chỉ là những người thô tục. Thật cũng không nên tiếc.

233. LOẠN ÂM

Ông Kinh Lịch họ Trịnh quán làng Phú Giang tỉnh Đông, ở chức tại tỉnh Bắc, được cáo đình gián⁽¹⁾ về quê giữ tang mẹ mới có chưa đầy một năm, lòng bận vô cùng, phần vì việc triều chính đổi mới, phần vì việc nhà lạc gần hết thời cũ. Thường đêm – nhất là bắt đầu vào tiết hè này - ông thức rất khuya chong một ngọn đèn thổ hà, làm khuấy bụng mình bằng những lời sách của người ngày trước. Cuốn sách in bản gỗ bìa đánh cây gáy gấn sơn, có khi quá canh ba vẫn chưa chịu rời tay ông Kinh Trịnh. Một đêm, nằm giữa sân, ngả mình trên trường kỷ tre, nằm ngửa mặt lên nền trời rất cao và rất trong gắt để luyện thêm về khoa chiêm tinh, ông Kinh bất chợt ngửi thấy một mùi khen khét rất lạ trong không khí. Không phân rõ là mùi gì, nhưng linh khiếu bảo ông nên đi vào nhà đi chứ không nên kéo dài việc nằm ở ngoài giới độc nữa. Ông thấy các lỗ chân lông khắp mình như mở rộng hơn lúc thường để đón lấy những đợt gió gáy gáy lạnh. Bầu trời sáng cao khi này bắt đầu tỏa sương và trở nên thấp tức. Giữa ngày hè, sương ! Mà lại sương có chất mặn, thế có biến không ? Ông Kinh liếm mép khô, chặc lưỡi, đi vào nhà đóng cửa. Trong nhà càng lạ nữa. Nồng lên một mùi khói chổi sể và khói đốt rác. Mùi lan buồng sách của ông bạt đi đâu mất cả. Ông chạy lại án sách, thì hai giò Chu Mặc Lan vẫn còn tươi nơi ống bút. Ông định gây một lư trầm và pha một ấm nước. Xuống bếp định gọi đứa tiểu bộc dóm lò than thì ra nó bỏ nhà đi đâu từ bao giờ, cửa cổng mở toang. Và cùng phút nghỉ ngơi này, từ các lối xóm dồn về không biết bao nhiêu là tiếng chó sủa vang. Ông Kinh chặn cổng rất kỹ, lòng nghĩ đến những tai biến có thể đang xảy ra giữa nhà ông và quanh nhà ông. Dưới

(1) Đình gián : xem chú thích (1), trang 377, truyện *Xác ngọc lam*, số 229, cùng tập.

ngọn đèn khuya, ông thao thức không ngủ. Đọc sách, chữ không vào, mà đêm thì còn dài. Nguy hiểm nhất là lúc khuya vắng, đọc sách mà chữ thánh hiền không chịu vào. Cái lòng người có chữ, lúc ấy đã là biến lắm. Ông Kinh biết lấy gì mà thức, mà ngủ ngay được ? Ông đành nằm đếm suông những dịp ngắn dịp dài tiếng một đục khoét lòng chiếc cái gỗ sơn son đồ cái bát nhang thờ trên cái tín áp tường. Có tiếng sột soạt khô nỏ và cứ cách quãng một. Lắm lúc tiếng ấy lại đều đều như tiếng lá khô bị gió ru chạy trên mặt đường nỏ. Soi đèn tìm mãi, thì ra đấy là một con mối vừa đớp được một con gián, nuốt chưa hết - lớp cánh gián còn xòe tung ngoài miệng - và quật mãi cánh gián đập vào nền giấy một bức tứ bình mép rách cong cứng lên. Ngoài ngõ đưa vào tiếng bụi tre già cọ mình vào nhau, tiếng kêu kẻo kệt y như tiếng nước xiết vùn thùng cọc mái chèo một con thuyền mới cắm nghỉ ở bến nước khuya. Hình ảnh một con thuyền nghỉ nơi bến thường hiện lên luôn luôn trong đầu ông Kinh - một người làm quan sống một đời lãnh hoạn và chỉ thêm được lùi hẳn về nghỉ với vườn quê hương.

Đêm vắng nỏ lắm. Ông Kinh lại như nghe thấy tiếng sáo lúc xa lúc gần. Ấy là tiếng sáo thiên nhiên của bụi tre già ngoài ngõ. Chả bụi tre già bị kiến đục nhiều lỗ thủng trên từng đốt tóp cằn, mỗi đợt gió lùa qua bấy nhiêu lỗ thủng suốt, mỗi lỗ lại vang lên một âm thanh cao thấp khác nhau và bụi tre già đã là một cây phong cầm vang âm trong gió đêm tiết hạ. Mọi ngày vui vẻ trong lòng, ngà ngà mấy chén rượu thuốc, nghe điệu sáo bụi tre ngõ nhà, ông Kinh lấy làm thú và ví nó với một khúc dịch *Thiên Thai*. Nhưng lòng ông Kinh giờ này tràn ngập những ngờ sợ, ông chỉ thấy tiếng gió lùa qua lỗ tre là một thứ thanh âm đủ những cung bậc quái đản của một thứ nhạc huyền bí tấu từ một thế giới u linh nào lạc về. Thêm vào ngón sáo ma quái ấy, ngoài hiên, đợt gió lả lay mỗi lúc đổi chiều lại ru cái ống bơ sắt vắng vào thành cong nước đầy. Cái ống bơ nổi lênh bênh trên mặt nước vại bị gió xô quanh thành ang sành có những tiếng rụt rè lén lút. Đêm quanh hiu lẻ bóng, nghe mà thêm rợn. Nghe nó cứ như ma múc nước trộm và nghịch cái gáo ấy. Ông Kinh muốn tìm pho *Kinh Dịch* ra đọc để trấn vững lòng mình. Ông nghĩ thế thôi, chứ chưa kịp trở dậy lấy sách thì mí mắt đã thấy nặng. Ông mệt quá, muốn thiếp đi.

Bỗng hai cánh cửa lùa từ từ mở rộng, gió ùa dần vào. Ông Kinh ngẩn mình dậy rất nhanh như một người có nghề võ tự vệ lúc ngờ có ai định xúc phạm vào thân thể mình. Rất rõ rệt, có hai người lính áo dậu nếp đỏ, đầu

đội nón sơn, hiện hình trong khung cửa. Họ từ tốn bước vào, cung kính đặt giữa bàn một khay lễ vật rất xinh và cúi đầu nói qua vào trong lá màn ông Kinh :

– Thưa ngài, Ông Lớn chúng con hành hạt qua vùng đây, có chút lễ vật truyền cho chúng con đưa đến hầu ngài. Ông Lớn chúng con có lẽ sắp tới bây giờ.

Ông Kinh không rõ là Ông Lớn nào, lòng phân vân mà tay thì đã với áo dài thắm mặc vào mình. Vừa quần xong mấy vòng khăn rồi thì quý khách đã bước vào. Ấy là một vị Thượng quan, bằng trạc tuổi mình, mặt tròn và đen và không râu không ria, đầu đội mũ đuôi cá, chân đi hia, mình mặc áo bào xanh cánh hạc đỏ - lưng và ngực thêu một con giao long đen, dát bạc. Cứ phẩm phục ấy, thực ông Kinh cũng chưa thấy có vị quan cả nào ở triều đình thế gian này như vậy. Vị quý khách và ông Kinh vẫn vòng tay kính cẩn, hai bên lặng nhìn nhau trong lạ lùng và lễ độ. Sau cùng, ông Kinh chợt nhớ chưa mời khách ngồi, vội kéo ghế và tạ lỗi :

– Tôi vốn là một chức tiểu lại của triều đình vừa cáo đình gián về cư tang mẹ được hơn năm nay. Tính lại vốn quen với việc thôn ỏ, ít khi được đi tới những chốn tử các lễ viên. Nay Quan Lớn lại không hiềm nhà gianh vách đất mà giáng lâm lúc khuya khoắt, ắt hẳn có điều chỉ giáo.

Bây giờ vị quan áo bào xanh mới lên tiếng, giọng sang sảng như chuông đồng :

– Anh quên em rồi à ? Chỗ anh em trong nhà cả, anh xưng hô làm gì như thế cho nó cách biệt ra. Quan là quan với chỗ âm phủ và chỗ dương gian có việc thôi chứ ; còn riêng đối với anh thì em đâu dám thế.

Ông Kinh Trịnh lại càng không hiểu, gương đôi mắt nhìn không chớp, trong sự ngỡ ngàng giờ lại pha thêm ít e sợ.

– Quan Lớn có thương yêu kẻ thôn dã áo vải này được điều gì trong đức hạnh liêm cần hoặc trong tính tình cao khiết mà giáng lâm để luận đàm đôi chút về lời chư sự chư hiền nơi cổ thư vào lúc tĩnh vắng đây thì kẻ thất phu tôi xin được hầu chuyện và kẻ cũng đã là may lắm rồi. Còn như chuyện Quan Lớn nhận cho là có tình ruột thịt thì trong họ tôi đây, cả bên nội lẫn bên ngoại, thực cũng ít người có chữ mà được điều hiển đạt. Xin Quan Lớn nghĩ lại, e có điều nhầm lẫn chăng ?

Vị quan áo bào xanh cả cười :

– Anh để em nói thêm. Anh em cách biệt nhau đã mấy chục năm và lại âm dương cách biệt – em giờ làm quan dưới âm – anh không nhận được ra em là phải lắm. Số là em vốn học trò cụ Đắc. Hồi còn nhỏ em vẫn được hầu điều đóm thầy. Anh tức là thế huynh của em. Được cùng anh học chung đèn đến lớp đại tập thì em chẳng may không được làm người nữa. Em rất tiếc rằng không được học nốt năm ấy để làm rạng cửa thầy. Thầy vốn thương em như thương anh và tin em sao cũng lấy được ít ra là cái Cử nhân về cho thầy. Em chết xuống dưới âm ty, Diêm Vương nhận ra em là oan uổng và thấy tư chất thông minh, lại thêm có sĩ hạnh, nên cho em làm quan luôn dưới ấy, giữ về việc kiêu lương đạo lộ. Một đôi năm, những lúc có việc đại công tác, thiếu phu phen lính tráng để hưng công hoặc trùng tu đình đài miếu võ và đường sá thì lại cho em lộn về dương thế tuyển lính và bắt phu. Như năm nay chẳng hạn. Năm nay dưới âm em mở rộng đoạn đường nối từ bến đò U Minh đến Quán Cháo Lú, thiếu phu đầu đất, nên em lại được lệnh trở lên đây bắt phu. Công việc đem đủ người xuống phải làm cho xong trong vụ hè này. Phần việc của em nặng lắm. Chậm trễ sơ suất, sẽ bị khiển trách to. Nói qua để anh biết rằng sự giao thông ở dưới âm giờ bận rộn lắm. Các oan hồn thác xuống nhiều quá, không tiêu tan hết, chứa vào ngục tối thì không có quyền, nên ngày đêm họ nhan nhản trên đường. Nên năm nào, cũng phải tu sửa và mở thêm.

Vậy ra cái anh khóa Lương – ông Kinh Trịnh nhớ ra rồi. Ông nhớ cả cái tật hay ăn khoai lang sống của người bạn đồng song đáng yêu của mình – vậy ra khóa Lương giờ làm quan dưới âm, có áo bào xanh và lính áo nẹp đỏ đứng vòng tay hầu sau lưng. Ông Kinh Trịnh hơi rùng mình khi hiểu rằng giờ người bạn học cũ lĩnh chức Quan ôn và cũ học này, quanh vùng đang có bệnh dịch tả phát hiện. Giữa lúc ấy, tiếng chó các lối xóm sủa vang lại dội về inh ỏi.

Vị Quan ôn ngược nhìn hai tên lính và truyền khẽ :

– Bay ra truyền cho quân đội trong hàng ngũ quanh ta hãy nghỉ tay làm việc, chớ làm kinh động làng quan Kinh đây vội. Nói ông còn dở tý chuyện với Quan Lớn đây. Khi nào ông xong câu chuyện, sẽ hay, nghe.

Hai tên lính lĩnh mệnh đi ra. Vị Quan ôn bèn nâng khỏi lòng khay lễ vật lấy ra hai vật xinh xinh và nói với ông Kinh :

– Thừa thế huynh, em ăn mày được ít chữ của thầy và gần gũi được cái đức của thầy, nay được xuống làm quan dưới ấy. Làm quan nơi xa và là

chỗ quanh năm lạnh lẽo, quà cáp đưa được lên, gọi là có mấy vật mọn này, xin thế huynh nhận hộ em thực lấy làm vạn hạnh.

Đó là một cái nghiền bút bằng đá đen và một cái thủy trì cầm bút nho cũng bằng đá đen. Vị Quan ôn chỉ mấy thứ văn phòng tứ bửu đó, nói tiếp :

– Thứ đá làm nghiền và làm thủy trì này lấy ở lòng sông Hắc Thủy. Nó có cái đức tính là ướt quanh năm. Chẳng cần cho nước mà lúc nào mài mực cũng được, chẳng cần đổ nước mà lúc nào cầm bút vào, ngòi cũng mềm dẻo.

Ông Kinh Trịnh còn do dự chưa biết nên nhận vật tặng hoặc viện lẽ từ chối thì vị Quan ôn lại rút thêm ở trong túi ra một cuốn sổ con mở đưa cho ông Kinh, tay bấm sẵn vào chỗ trang có tiêu tên làng Phú Giang quê ông Kinh lên đầu số mục.

– Công việc em làm năm nay, riêng về vùng Hải Dương này, phải bắt cho đủ một nghìn phu. Sẽ lần lượt đi qua khắp các làng mà nhật phu, nhật được đến đâu sẽ có áp tải quân đưa về dưới ấy trước. Làng ta, tức là ở vào chặng thứ ba nơi chương trình tuyển phu của em và phải cung mất... mất – anh cho em mượn lại cuốn sổ em quên mất rồi – ừ, phải mất chín mươi nhăm tên phu, kể cả già trẻ đàn bà con trai. Em đưa trình thế huynh xem kỹ sổ này. Tên tuổi, nghề nghiệp và quê quán mỗi phu đính bắt đưa xuống đều có ghi rõ cả, không thua gì một cuốn sổ bộ trên thế giới anh. Vậy anh nhận cho kỹ tên họ từng người và tìm xem trong sổ đó có ai là ân nhân riêng của thế huynh, hoặc người trong họ gần họ xa hoặc những người mà thế huynh biết là hay tu nhân tích đức làm đình, chùa xây cầu quán và hay tô tượng đúc chuông thì xin thế huynh kê riêng ra mảnh giấy. Em sẽ liệu cách châm chước. Nghĩa là sẽ lại để nguyên cho họ làm người. Và số phu thiếu hụt ở làng ta, em sẽ cho quân đi bắt ở các làng quanh mà điền vào cho đủ.

Ông Kinh chăm chú đọc hết tên những người làng mình bị bắt đi phu xuống âm phủ vào cỡ vụ dịch tả năm nay. Đến lúc này thì nét mặt ông bình thản vô cùng. Đây là việc Giời. Việc số mệnh. Ông vẫn giữ nguyên được vẻ điềm đạm của nhà nho, mặc dầu ông vừa thấy rõ trong sổ tên và tuổi đứa tiểu bộc của ông. Nó mười sáu tuổi. Thấy ông Kinh đọc đến hai ba lượt trong sổ rồi mà không nói gì, vị Quan ôn bèn giục :

– Thế nào, ý thế huynh ra sao, xin cho biết, để tôi còn liệu châm chước. Cũng nên định cho chong chóng đi. Thời giờ của em ngồi được với

anh, không thể dènh dàng ra được. Vào thăm anh thế này cũng là đủ lắm rồi. Để em còn cho đám tùy tùng họ lĩnh mệnh mà làm việc rồi còn trở xuống làng dưới. Quân án mãi ngoài ngõ đã lâu cũng bất tiện. Vả chẳng đêm đã gần nhạt. Canh đã gần cuối tư rồi. Xin thế huynh nhất định đi cho. Có thể để sống lại cho làng anh chừng hai mươi kiếp phu. Nhiều hơn số đó, em không dám nhận.

Ông Kinh mới thùng thảng :

– Thừa Quan Lớn, trong cái đời liêm chính của tôi, chưa lúc nào tôi có làm điều gì khuất tất trong lòng. Nay Quan Lớn hành hạt qua đây, lại nghĩ đến cái tình đồng song cũ và thứ nhất có nghĩ đến cha tôi mà vào chơi, thế là quý lắm rồi. Việc Quan Lớn gia ơn cho làng Phú Giang này, tôi rất thâm tạ, nhưng thực không dám xin cho ai. Xin Quan Lớn cứ thừa thiên mà hành đạo. Việc sống chết của chung quanh tôi, xin Quan Lớn cứ phải mà làm và người áo vải này không dám nói thêm vào lấy nửa lời.

Sắc mặt vị Quan ôn bỗng tái hẳn đi. Sự giận dữ quả đã là rõ rệt.

– Thế huynh thực phụ bụng tôi nhiều quá. Lòng cố nhân ngay thẳng quá, điều đó thực là đáng quý. Nhưng từ sau phút này chia tay, lộn về dưới âm, bụng tôi không dành chút nào. Và như thế này tức là thế huynh không muốn cho tôi lui tới cửa nhà thầy nữa đây.

– Tôi đâu có dám nghĩ như thế. Tôi sợ dĩ không nhận xin sống cho một ai ở làng đây vì sợ điều này sẽ biến thành một chuyện ảm nặc có thể gây lụy cho Quan Lớn lúc thừa hành công vụ. Để tỏ rõ lòng tôi vẫn có chỗ quyến luyến với tình đồng song cũ, tôi xin nhận cái nghiên bút và bình thủy trì đá đen và trân trọng tưởng nhớ mỗi khi dùng đến.

– Vậy anh cứ nhất định không xin cho một tên phu nào ? Cái thế tôi có thể làm được thì mới dám nói.

Nói xong vị Quan ôn định rũ áo ra đi. Ông Kinh nể lời bèn lấy móng tay nhọn gạc sang bên chỗ tên tuổi đứa tiểu bộc hầu mình.

– Vậy thì xin Quan Lớn tha phúc cho tên này. Nó mới có mười sáu tuổi. Nó cũng lanh lẹ. Nhà vốn lại neo người. Mất nó hầu, kể cũng hơi bận. Và đâu trong họ nhà nó, nó lại là con một.

– Một tên ấy thôi ?

– Tưởng như thế cũng là đủ rồi. Cố nhân gia ơn cho mà không nhận thì thật là lỗi với đạo bằng hữu.

Vị Quan ôn mỉm cười, xin cáo biệt. Ông Kinh vừa tiến ra đến sân thì thấy biến mất. Trống canh chòi phủ phía trên điểm bốn tiếng. Ông Kinh lộn vào, lòng nghĩ ngợi liên miên. Truyện gì mà như chiêm bao. Ông đang ngấm nghiên mực đen, thì từ lối xóm dưới, chó sủa không ngớt tiếng và lại có tiếng người nhón nhao chạy qua lối ngõ nữa. Mà hình như có ai mở cổng. Tên tiểu bộc đã hốt hải chạy vào, mặt cắt không ra giọt tiết. Nó nói ngay nghe chữ được chữ không :

– Ghê quá, ông ạ. Làng ta chuyển này bị bắt phu nhiều quá. Các quan và lính tráng đóng chặt cả đình làng. Con chắc kỳ nước năm nay rồi sẽ lên to lắm và các quan tuyển sẵn người để đi đê vụ nước sắp tới đây.

Thì ra tên tiểu bộc vẫn chưa hiểu gì. Ông Kinh giả vờ như không hay chi hết, hỏi thêm nó :

– Sao mày biết ? Ai bảo mày rằng Nhà nước bắt phu đi đê từ bây giờ ?

– Dạ thưa ông, thì con vừa ở đấy về. Lúc tối, nóng quá con trộm phép ông ra sông tắm rồi thiếp ngủ luôn ở nền quán đầu làng. Con ngủ được một giấc kể cũng đã dài. Bỗng có nhiều người đánh thức con dậy, bảo con đi theo. Đến đình làng, con thấy các quan đóng ở đấy ra đã từ bao giờ ấy. Ông nào trông cũng tợn cả, ông ạ. Các quan cho gọi tên từng người. Nhà xã bên hàng xóm nhà ta cũng có hai người phải đi. Lại cả vợ chồng Nhiều Hữu ở xóm Cầu cũng đều phải đi cả. Con nghe thấy tiếng hai vợ chồng khóc to lắm và kêu xin tha, nhưng mà không được. Đồng lắm ông ạ. Tiếng khóc như ri. Gọi đến tên con, thì thấy có một ông mặt đen ngồi giữa, mặc áo xanh, trông rất tợn - bảo tha cho con. Vậy là con chạy luôn về đây, xem ông có sai bảo gì không. Nếu không có gì bận - thưa ông, nước con gánh đầy cả các vại và cong rồi - ông cho phép con lại chạy ra đình. Nhộn nhịp lắm. Mà sao con lại không thấy ông Lý đâu cả ?

Té ra cái tên tiểu bộc vừa thoát chết dịch này vẫn không hiểu gì cả và nói chuyện âm phủ như chuyện dương gian. Ông Kinh bèn quát nó không được đi đâu và xuống dóm ngay lò đun nước cho ông.

Giờ đông hừng dần ngoài con sông trúc. Ông Kinh uống ấm trà thấy lạc vị. Từ nãy mãi nghe chuyện tiểu đồng, ông quên đi, chứ thực ra, từ một lúc lâu rồi, đã im hẳn những tiếng chó cắn gà gáy. Lò than quạt nước còn ừng hồng, ông Kinh bỏ vào đấy ít thối trầm Tử Đàn Hương và giờ bài *Chính khí ca* ra tụng. Những lời lẽ chính trực trong bài văn đầy nghĩa khí

của Văn Thiên Tường được ngấm lên đồng dục như lời kệ buổi niệm của sư chùa làng. Theo một thói cũ nhà nho, ông Kinh Trịnh tin rằng những buổi độc giờ xấu giờ, giờ *Chính khí ca* ra tụng thì những tà khí tản đi hết.

Tụng *Chính khí ca* xong, ông uống ba chén rượu thuốc để giữ độc rồi khăn áo đi xem động tĩnh trong làng.

Lúc ấy, bóng dương độ con sào.

Quanh co qua các ngõ, ông Kinh ngửi thấy toàn một mùi khói bốc kếp và chổi sể. Một vài nơi trong lối xóm đã nổi lên tiếng khóc. Đúng là tiếng khóc người chết. Ông Kinh tìm đến gần những nơi có tiếng khóc để dò xem ai chết ở nhà ai. Một nhà, hai nhà rồi dăm bảy nhà, "Thảo nào mà ám trà buổi sáng chẳng đi hết nhang!". Ông Kinh nhớ lại cuốn sổ vị Quan ôn đưa đọc tối qua. Thì những kẻ xấu số vừa thiệt mạng kia đều là những người có tên ở đấy cả. Ông Kinh gật gù. Cứ lời Quan ôn nói thì làng Phú Giang này phải cung mất những chín mươi nhăm suất phu kia. Ông Kinh đi vòng hết làng, và một buổi sớm dũ dội ấy, không thấy ai chết thêm nữa, ông bèn lộn về nhà. Trên con đường về qua các ngõ hẻm có tiếng tiếc thương người chết, miệng ông Kinh lầm bầm : "Chín mươi nhăm, chết mất bảy rồi. Chín mươi nhăm, trừ bảy còn... còn tám tám". Bước vào đến sân nhà, nhìn thấy thằng bọc đang lom khom quét sân ; ông à một tiếng và tiếp : "Thế nghĩa là còn tám mươi bảy mạng nữa. Nhưng quái, sao không bắt nốt cả đi, trong một đêm qua ? Có lẽ thiếu người làm việc, còn đợi bắt dân chăng!".

Giữa đêm ấy, ông Kinh Trịnh đem kinh Phật ra tụng, tiếng chày nện xuống cái mõ con cúng cháo nghe đều đều. Và những tiếng kèn Lâm Khốc của bảy nhà bất hạnh lại chốc chốc dội về như muốn hòa theo đánh bạo với những điệu siêu sinh tịnh độ.

Cho đến hết một cái tháng Tư.

Và qua tháng Năm. Ngày nào, làng Phú Giang cũng có ít người qua đời. Qua một cách nhanh chóng quá. Chỉ đi có một hai lần, chỉ nôn có vài lần, thế là đã xong một kiếp người.

Ông Kinh Trịnh cứ ngồi đấy mà tụng kinh và cộng dân số người chết dịch. Ông tự nhủ rằng làng ông còn được kinh động chán, kỳ cho đủ đến cái số gần một trăm mạng kia. Việc bí mật này ông giữ mồm giữ miệng, tịnh không hề dám ngỏ với ai. Ông vốn là người kiêng dè đến những việc

của quỷ thân. Nhà sẵn có ít cây cau liên phòng, mỗi đêm ông lại bẻ buồng cau xuống một quả đặt lên cây hương ở ngoài sân với một lá trầu, rồi đứng ra giữa giới khăn vái cầu bình yên. Sớm mai dậy, buổi nào cũng vậy, ông đều nghiệm duy chỉ có bát nước cúng là không có váng, còn như mặt nước các ang cong chum là đều nhờn váng như có ai rỏ giọt dầu xuống. Ông hiểu đấy là những lệ khí của một bầu giới loạn âm. Ấy, nhà mà không có âm phù dương trợ, kém âm công, nhờ mà uống phải những nước váng ấy tức là "đi phu" dưới âm phù đấy. Ông Kinh lại còn nhận thấy điều này nữa là từ độ vào hè đến giờ, các thứ quả thời trầu mua ở chợ về, là đều có vết móng tay của quan quân bấm vào vỏ, lắm vết đánh dấu rất sâu, cứ đỏ như máu tươi chứ không chịu tối thâm xuống.

Như thế này thì làng Phú Giang còn làm ăn gì nữa.

Chợ làng vắng hẳn đi. Đầu tiên, tuy nắng nỏ và nhân tâm nao núng, chợ vẫn có người. Nhưng buồn và lạnh ghê lắm vì trong số người gồng gánh có mặt ở đây thì đến quá nửa là chết khăn trắng. Có người, trên đầu đeo ba bốn cái tang dòn trong một lúc. Ở chỗ đám đông, số khăn trắng tăng mãi. Trông xa cứ như là cò đậu. Người sống họp chợ cứ vội dần mà ma mới thì cứ thêm mãi. Chết nhiều quá. Sau cùng đến cả những người đội khăn trắng cũng chết. Âm thịnh mãi mà dương thì suy dần. Rồi có một buổi, chợ làng đến ba phần tư là ma họp. Thậm chí, còn một số ít toàn ông già bà cả, vì đói kém mà không còn biết sợ là gì, cố đem quang gánh đi họp vào ngày phiên. Nhưng tan rất sớm. Đầu giờ Mùi mà đã không còn một ai ngồi đấy. Chông ghế lỏng chổng, bên những nồi nước lã đầy có những đồng tiền nổi lênh bênh trông rất là gở quái. Từ ngày có việc loạn âm, ma quỷ được dịp lên nhiều người dương gian cả giữa ban ngày, các bà ấy đi chợ bèn sinh ra cái tục là thử tiền của người mua vào chậu nước. Ai trả đồng nào và mua bán gì là họ đều quăng luôn vào chậu nước để bên cạnh, những đồng nào chìm thì mới vớt ra và đếm đến. Còn những đồng nổi thì coi là tiền của ma và không kể. Có bà cụ bạo là thế mà cũng đã có hôm chết ngất đi vì suốt một buổi họp chợ từ đầu Ngọ đến sang Mùi bà toàn nhận có những đồng tiền nổi thôi. Giận quá, ngược mắt lên hỏi thì đám người trả tiền nổi ấy phá lên cười, ù té chạy, chân không sát đất và biến vào cái lùm tre xanh đầu đình chợ. Eo ơi, bà cụ lăn dưng ra. Mọi người ù té chạy. Thế là tan chợ. Như lúc có loạn dương vậy. Kể đến những ngày chợ làng không còn ai họp nữa. Và đường lối trong làng, lắm hôm

mới quá Ngọ được có không bao lâu mà đã không có bóng một ai. Mặt trời chưa chéch hẳn bóng mà nhiều nhà đã sập hẳn cửa ngõ xuống rồi. Ai gọi cũng không thưa nữa. Mỗi khi có ai kêu đúng tên mình ngoài lối ngõ, người trong nhà, già bảo trẻ rằng chớ có lên tiếng vì đó là ma nó gọi đi đấy. Lên tiếng là mất, là không được làm người nữa. Ngoài đường, trên những con đường rác rưởi bừa bộn vì thiếu người quét, giờ nhiều nhất thì chỉ là lũ chó đuôi cụp lười lè, vẩn vơ như đi tìm bóng chủ cũ, lớp lông thưa phờ trên một lớp da gầy hằn lên những bộ xương đói. Ấy là những con chó vô chủ của những gia đình bị "đi phu" cả nhà. Cả làng không có tiếng gà gáy sớm trưa nữa. Nhưng chiều giờ vàng mặt, đã có những tiếng chó già thay vào. Nó kêu như tiếng người bị bóp cổ kêu cứu sống. Cảnh tượng làng Phú Giang vắng quanh và thê thảm vô cùng. Trông những bóng rợp, to rộng từng miếng đen mát rơi nơi đường vắng mà lại càng rợn lòng. Mọi khi, đây là mát, đây là có sinh khí vì nó che cho vô số bóng người nghỉ chân dưới gốc. Bây giờ những bóng râm ấy chỉ gọi đến lạnh lẽo. Không một ai dám đến đây mà nghỉ chân, tin rằng quan quân đóng cả đó, nhớ tới mà chạnh phải vía các ngài thì khốn to.

Không khí khô nỏ. Giếng làng thấy đều ngót vơi hết nước. Và ở các rãnh cống ăn ra ao hồ hoặc lạch con, nhan nhản những thuyền bát nhã bị rêu nhờn nước tù gấn chắc chèo lái lại. Những thuyền giấy mã của những đàn tế cúng hung thần ấy khô quắt lại trên những tảng nước giả vờ đang cho sùi những cái bọt xanh đặc mỗi lúc nổi cục lên là to bằng cái ung thư. Khắp dọc các lối ngõ ngang đường chính, cứ vài bước là lại có một cái que nâng lấy một chiếc lá đa khoanh tròn đựng ít cháo thí cho chúng sinh cô hồn. Nắng ngày dịch đã cô đặc cháo cúng giữa giờ và rút dần mực cháo xuống, để lại từng ngấn tròn trong lòng lá đa khoanh chứa thứ nước ngũ cốc đã trở nên sền sệt như mũi. Kèm vào sát ngay mỗi lá đa cháo cúng là những lá cờ đuôi nheo xanh đỏ chói lòa và muôn thuở không lung lay giữa một giờ đứng gió. Bầu trời nỏ, chốc lại vang về ít tiếng vọng âm u những hơi thở của vong hồn oan khổ. Ngoài các đầu ngõ, trên những đồng gio mới, ngổn ngang các mẩu chổng tre và cối chiếu cháy dở.

Ghê thảm nhất là cảnh dò ngang làng Phú Giang không có người chở. Trên con dò chợ bến dưới, chỉ có hai chị em đứa bé ngồi khóc bên mạn thuyền vắng, trên đầu mỗi trẻ, lòi thoi một giải khăn ngang.

Cha mẹ chúng nó vừa chết chưa đầy một tuần cơm cúng đầu. Bây giờ ai có việc muốn qua sông sang bên kia huyện dưới thì cứ bước chân xuống thuyền nhưng phải cầm lấy sào mà chống đẩy. Sang bờ sông lạ bên kia, trẻ càng bờ ngỡ và khóc nhiều.

Lắm buổi có chút gió dưới xuôi về, ông Kinh Trịnh nghe tiếng khóc của đôi trẻ ấy mà lấy làm ái ngại vô cùng.

Một hôm ông Kinh đang nghĩ có nên đem hai đứa cô ai từ ấy về mà nuôi không thì có người vén rèm bước vào. Ngọn đèn thổ hà lay ngọn, ông Kinh giật mình, nhìn lên thì té ra ông quý khách ngày nọ. Vẫn mặt đen, áo bào xanh, nhưng lần này không có lính đi hầu theo.

– Kính chào thế huynh. Lâu nay thế huynh vẫn mạnh giỏi ?

– Kìa Quan Lớn đã lại đến. Hẳn lại có điều gì chỉ bảo nữa.

Thấy vẻ mặt ông Kinh có vẻ lo sợ, vị Quan ôn vội cười :

– Thế là gần một tháng nay, em đã làm xong xuôi mọi công việc ở vùng làng anh. Đêm nay, em xin trở xuống các làng xa phía dưới. Đến để cáo biệt cùng anh. Và có chút vật mọn này, gửi anh gọi là đồ kỷ niệm buổi chia tay.

Vị Quan ôn đang loay hoay lấy ra khỏi tay áo rộng từng cái gói quạ xinh xinh và đen bóng - lấy ra từng cái một - thì đứa tiểu bộc nhà ông Kinh mang hỏa lò nước lên. Nó nhận rõ mặt khách này chính là cái ông quan ngồi bắt phu ở giữa đình làng đêm tháng trước, nó sợ quá, đánh rơi hỏa lò than xuống nền vỡ tan và chạy mất.

Vị Quan ôn, bình thần ra khép kín cánh cửa lại. Rồi ghé sát vào tai ông Kinh : "Thôi em xin đi. Cốt lại chào anh và báo luôn cho anh một tin này. Là qua năm, vụ hè, anh sẽ cùng làm việc với em. Em đã tâu với Diêm Vương. Diêm Vương cảm cái đức lớn của anh, định để anh làm Chánh Tuyển Quan và em làm Phó Tuyển, mỗi kỳ có việc tuyển phu trên này".

Vụ hè năm sau. Ông Kinh Trịnh vẫn còn ở vào thời hạn cáo đình gián tại làng Phú Giang, lấy lời chữ sách và gió giảng chỗ quê nhà mà khuấy khỏa lòng nhớ mẹ khuất. Và về câu chuyện Diêm Vương mời làm việc âm giúp – cứ vào lời vị Quan ôn nói từ hè năm ngoái – ông Kinh Trịnh cũng quên hẳn.

Một đêm nóng nực ấy, phải thức quá lệ thường để nghĩ dùm một bài văn tế làm dở cho một hiệu chủ hàng xóm, ông lắng thấy có tiếng móng

ngựa nện ngoài sân đất trị, rồi lại có tiếng nhạc rung. Vội mở cửa thì thấy có đông người tiến vào nhà, ông vội kêu đèn to thêm, hai con bắc nữa. Trời ôi, cố nhân. Lại vẫn vị Quan ôn ngày năm nọ nhưng năm nay lại không mặc áo bào xanh mà lại mặc áo bào màu ô bóng. Và dáng điệu có phần e dè hơn mấy lần trước. Những người tùy tùng đã khệ nệ đặt nhiều hòm con lên mặt bàn xong xuôi đầu đầy rồi, vị Quan ôn mới xoa tay vào nhau và thưa với ông Kinh một cách rất kính cẩn.

– Dạ thưa anh, đây là áo mũ Diêm Vương ban để anh dùng lúc làm việc. Nói để anh biết rằng anh không thể vin lễ gì mà từ nan được đâu. Từ nay có anh đỡ dần cho một tay, công việc em chắc sẽ được nhẹ nhàng hơn trước nhiều.

Thấy ông Kinh hốt hoảng, vị Quan ôn hiểu ý, nói đón :

– Thưa anh, anh không phải xuống hắc dưới ấy mà làm việc đâu. Anh vẫn cứ ở nguyên dương thế với những bốn phận và những dật lạc của cuộc đời trên này. Một vụ hè, cứ mỗi thượng trung hạ tuần mỗi tháng, anh dành cho ba ngày giúp em. Vậy xin ngày mười tới đây, em sẽ trở lại thỉnh anh đi điểm hộ ít phu và soát sổ bộ. Thôi, lạy anh.

Vị Quan ôn vụt ra cửa. Tiếng nhạc ngựa thưa dần trong gió khuya. Ông Kinh ngồi ngẩn người ra trước bộ áo bào ô xanh mới nguyên để giữa bàn mình với một đôi hia và một cái mũ đuôi cá.

Gió khuya vẫn còn đưa lại cái tiếng lạnh lạnh thưa thớt của nhạc ngựa. Ngọn đèn thổ hà lụi một con bắc, kém hẳn sáng đi. Một con thiêu thân bay ập xuống, cánh đập tắt nốt ngọn đèn dầu. Cũng như đêm hè năm ngoái, ngoài hiên, gió sang canh lả lay lại ru cái gáo múc nước văng cụng vào thành ang nước đầy.

CHÙA ĐÀN

Tác giả : Nguyễn Tuân (xem Tiểu dẫn, ở Yêu ngôn).

Chùa Đàn do Nhà xuất bản Quốc văn, Hà Nội xuất bản năm 1946, Nhà xuất bản Tân Việt tái bản năm 1947, là một truyện vừa gồm ba phần : Phần I có tiêu đề là Dựng, kể chuyện một người tù chính trị tên là Linh, một trí thức rất say mê cách mạng, bề ngoài có vẻ phong lưu nhưng lại sống khắc khổ, khiến cho người khác lấy làm khó hiểu, trong đó có nhân vật "tôi" là người dẫn truyện. Để giải đáp phần nào thắc mắc của anh bạn tù, Linh cho bạn mượn tập nhật ký ghi chép quãng đời cũ của mình trước khi giác ngộ cách mạng. Đó chính là Phần II. Phần II có tiêu đề Tâm sự của nước độc là phần trích dẫn dưới đây, cũng là phần chính của truyện Chùa Đàn, có lẽ được viết và hoàn chỉnh từ trước 1945, là một câu chuyện trọn vẹn, mang màu sắc truyền kỳ, kể lại những chuyện oan nghiệt mà cây đàn đáy của ông Chánh Thú, người chồng quá cố của cô Tơ, gây ra, sau khi ông qua đời. Phần III có tiêu đề Mười cuối, là một bức thư gửi cô Tơ, sau khi đã trở thành sư Tuệ Không trụ trì ở Chùa Đàn, khuyên nhà sư trở lại với đời, đem tiếng hát phục vụ cách mạng.

Chúng tôi chọn vào đây trọn vẹn phần II.

234. TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát..."

Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cổ thụ ở suối Vầu :

– Em phải trông cẩn thận kẻo chúng nó làm gãy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đứng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.

– Thưa cậu, phải qua sông ?

– Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sông Tắm vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa cây về ấp rồi. Nội trong ngày mai, phải đưa được cây về tới đây trước lúc mặt trời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình cậu nữa, để cho cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho em xuống.

Trời sẩm rồi đen. Gió ngàn hôm lùa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thấp cây sắp ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ mợ Lãnh gọt rũa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo đang mừng tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sắp đến kỳ giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lưng lờ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, dỡ dần bức tranh thả vào lòng tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng rộng. Cậu Lãnh thấp thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trung phòng và lúc dừng bước ngắm vào tranh thì thần thái trông thiếu nào quá chừng. Lòng tranh lựa hiện lên một tấm họa mỹ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên một cái đôn màu cốm, bên một khung

cửa sổ có mấy tàu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạ vào khí buồn rỗng quanh và đổ thêm buồn lên về nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức truyền thần toàn thân vợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vền vện có một tấm hình bán thân vợ Lãnh do hiệu ảnh dưới tỉnh phóng đại theo hai chiều 24x32. Từ ngày vợ Lãnh chết một cách bất đắc kỳ tử, cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc, cậu đã cấy một hoa sĩ trứ danh phỏng hình người vợ vào tấm này và huỷ tấm ảnh của máy chụp kia đi. Vợ Lãnh bị vào cái tai nạn đoàn hỏa xa lật úp xuống vực gần hẻm Sen ga Liên Chiểu, là người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tướng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí cậu dần dỗi với những vật dụng cần thiết hằng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô tô, xe đạp máy bơm nước sông tưới nương dâu, cậu bán rẻ đi và cho không nữa. Cậu bán cả những ống khí dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cũ thủng giá. Đến như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò cồn đun nước, đèn măng sông, ống hàn thủ biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, cậu gói làm một quãng xuống khúc sông Tầm.

Tang lễ vợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Tháo – tục danh của ấp Mê Thảo – đều bị dân hàng ấp giữ lại khám xét rất kỹ xem có giắt theo vật dụng gì có tính cách máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi cậu Lãnh thành người góa bụa, trong sự dãi dằng khách khứa bà con lên chơi, cậu Lãnh vẫn không giảm đi tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Tháo vẫn có danh là rộng rãi. Nhưng dầu sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ấy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và người mua bán.

Còn mô ma vợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ thì sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt và về ấp gây rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuốt của tằm ấp Tháo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đấy sức hoạt động kinh tế chỉ còn gói gắm vào những chuyến nước ống luống tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tầm cách xa nương hàng mươi lượt đổi vai. Rồi để nổi sự sản xuất và

đổi chác của áp với đồ thị thương mại, mười chiếc xe bò bánh gỗ đặc gập ghềnh trên đường đất đỏ khắp khểnh đã đánh thụt lùi áp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đây, giờ người ta sưởi cho tầm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phẩy phất cho tầm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giũ bằng nhựa trái bồ hòn, đem đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cây bắn chim thì ông chủ áp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó dày lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc áp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự dây thép ở tận cuối chân Tràng Sa này cũng dùng hồng thu của cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản cục, hãy để yên cho người đọc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, cậu Lãnh không đi tỉnh nữa vì xuống đến đây thì thế tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải thừa nhận cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp mở rộng chương trình đại công tác và vẫy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tầm men theo chân áp Tháo. Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định sẽ bán rẻ áp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hỏa xa nhô máy vào ngắm sơn xuyên vùng ấy. Rồi cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

Mặt giờ lìch bóng, ba chục dân áp Tháo lực lưỡng bắt đầu thất cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thông lọng dây thừng thít mãi vào những cành to giang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiên dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những đoạn luồng già dùng làm bẫy cấm chèn vào kẽ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quạt gốc già. Đầu rẽ cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tọt máu phun. Bọn người đánh cổ thụ áp Tháo bèn chặt những cành to thành từng đoạn đều nhau, dúoi ngang vào dưới thân cây gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như xống ngon cỏ bị gió lửa mau.

"Một ngày đã ngả bóng dàu

Trở về áp Tháo tưới dàu (ta) chẵn tầm... (dô ta)

Rừng thiêng ta ngã cối sơn lâm (ta dô ta)

Lần lửa ấp Tháo trông tầm (ta lại) thương dâu (dô ta)

Con người rút ruột con sâu

Đem tơ trả miếng lá dâu xót lòng

Dô ta... ta ở dô ta".

Bá Nhữ lăm bắm theo : "Ấp Tháo chứ lại ấp Tháo !". Gõ chạy âm âm, lân thắm qua những giọt mồ hôi người ngã gối. Tiếng đồng vọng dô ta làm chấn động một cánh rừng bị thương và vang theo mãi xuống bến sông Tầm đã ken sẵn mấy bè nứa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, dịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

– Chơì lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giống giọt như thế. May chuyến này không ai bị cây đè chết.

– Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thối. Sống thế nào được. Phải giống nó từ lúc bé kia chứ !

– Cây gạo thì quý gì. Gõ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quỵến rừ được sáo đá và quạ thối.

– Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gối quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vĩa yêu tinh và bóng các cô các cậu trên rừng mà khốn thối.

– Mà làm sao cứ đến kỳ giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giống ở ấp ? Cúng à ! Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không ?

– Cơ mầu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lăm lá dâu và tầm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tầm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vớ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.

– Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngã sang đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.

– Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khảm cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn điều thuốc Lào thì cứ như là thằng ăn cắp.

– Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò của người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi xẻo lấy miếng thịt mỏng, nướng ăn tái. Nhân rằng ra cười, kêu rằng chỗ mỏng cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì ai. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy !

– Thế đã khổ sở bêu riếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ Ngã Sáu Quán Chuột ấy. Quay màn ra giữa giới mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượu với chè không chứ !

Ba xe bò bánh gỗ đặc nối càng vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sau vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhữ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thôi.

Bá Nhữ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tòng phạm mà cũng bị kêu án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chống làm cho y một tập lý lịch giả và cho lên ẩn nấu luôn trên ấp Tháo. Bá Nhữ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tầm tang ở ấp, tính không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia trông coi cả ấp rộng, Bá Nhữ không một phút nào là lộng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhữ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhữ vẫn xưng em với cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì nạn xe lửa, Bá Nhữ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gầy gán tình. Bá Nhữ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhữ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đàn hát ấy Nhữ đem ra làm khuấy cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, xao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không có Bá Nhữ thì ấp Mê Thảo tan rồi. Cậu Lãnh uống nhiều quá, lắm kỳ hựt cả vào tiền thuế trạch. Một mình Bá Nhữ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tửu hậu, Bá Nhữ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Tháo vì thế vẫn còn lay lút nổi trong cảnh tầm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh Út buồn khổ đến đâu, cái buồn khổ ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đấy. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng

kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhữ săn sóc đến tinh thần cậu Lãnh không một lúc nào rời.

Bữa rượu tối nào của cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi, Bá Nhữ bình cổ vắn, ngâm thơ Đường luật và diễn lại cho cậu Lãnh nghe – theo một lối riêng – nhiều đoạn *Kim Cổ Kỳ Quan*, *Đông Hán Tây Hán Hậu Hán* và *Đông Chu*. Lắm lúc mang đàn ra gảy. Lại còn sắm lẻ từng vai tuồng một cho cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhữ một mình diễn vở *Lưu Bình Dương Lễ*, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ.

Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoẻn cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhớ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho cậu Lãnh thì Bá Nhữ lại cạy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhữ cho dựng nhà rạp lên rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng, được hòa hân lòng vào cái vui của đàn trống múa hát âm ỉ ấy, vẫn không phải là cậu Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Tháo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kỳ chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tằm tang. Bá Nhữ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tổn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm cậu Lãnh, người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình : "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại ? Lòng kẻ chung tình ấy cứ chuyên hướng mãi về một phía tuyến dài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ ấp trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Song, đâu có phải là ngôi ỳ ra đấy để chuyên tâm nhớ một người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

Quá đêm, cây gạo đánh ở suối Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyển hỏa xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây". Lãnh Út còn lăm bắm những gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lap, đêm tiên thương kỳ giỗ hết vợ Lãnh, chủ ấp cho thấp toản nển trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quần dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lụa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trâu rượu lên góp vào ngày kỵ bà chủ ấp. Bá Nhữ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà đã bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gọi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyển cữu. Nỗi lâm ly lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đây. Họ lấy nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hóa ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chìm cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hết cái tiếng người rừng – mình mảy mọc lông móng chân móng tay hóa ra vuốt – bỗng phần nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Con khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió hiu hiu trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cất con khóc, não cân bị kích động, cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống rượu suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm, ấy là một mâm nhộng rang lối văn hòa, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, mẹ Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kỳ giỗ này cũng như kỳ đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhữ vẫn nhớ đến cái hèm này của người đã khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Rờ đến nai rượu uống dở đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đây là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu đã chạy lên, thở hồng hộc :

- Dạ, bẩm cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.
- Vậy thì cho đào một hũ mới.
- Dạ đào về phía nào ?
- Chỗ nào có chôn thì đào.

– Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quán (tức là Bá Nhữ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tùy theo từng lứa cất. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dấu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quán quở.

Cụ Quán – Bá Nhữ – đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhữ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia

thì có biết gì. Và đến cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhỡ lên tiếng : "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưới mai và cuốc bần".

Cảnh áp, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn của hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chôm gò phát phơ toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyết rượu. Bá Nhỡ chôn cơm men và rượu cất ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhỡ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tửu phần. Tửu phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tửu phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thể lẫn với bài bùa phù thủy. Ấy là Bá Nhỡ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui buồn trong lòng ra gởi ngay vào đấy. "Vô Cố Nhân" – "Mê Thảo Hầu" – "Thuần Hoàn Quận Chúa" – "Úc Sấu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu áp thì Bá Nhỡ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo. Chữ Sấu Viên là tên hiệu riêng của mợ Lãnh lúc làm thơ. Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhỡ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ chủ ấp lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Con Vượn Gầy" ! – người mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gợi cảm thay ! Và cũng tốn nước mắt thay ! Khi uống đến thứ nước say ấy, chính cậu Lãnh đã ồm nhiều trận vì những đêm sông bên cạnh vò sành "Úc Sấu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nường dậu trĩu sương cành.

Cỏ gò chôn rượu bùng dậy chất xanh bóng thạch sương bồ, bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuốc. Bá Nhỡ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng chìm chìm sương rừng reo xuống những tiếng đục đục loài kim khảo ruột loài thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ấp ngồi trong phòng đợi rượu đào. Ánh sáng thản nhiên của bạch lạp tỏa quanh áo tang khăn trắng người tửu đồ tình chung đang vò vò đối mặt vào tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò. Lau rửa sạch, Bá Nhỡ kính cẩn đưa nó lên bàn rượu và cậu Lãnh kính cẩn cây nắp gắn kín trám đường. Chén "Vô Cố Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn áp gáy

lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyết rượu gò đang lụn tàn đóm, xèo xèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rừng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ. Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gập cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận rượu giỗ hết mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhữ càng lo, khi thấy chủ ấp không nói một tiếng nào, không khóc một lần nào. Có việc gì cần lắm, cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi. Bá Nhữ ngỡ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhữ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vời vào đất ấp. Cậu Lãnh dờ chứng, xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là cậu Lãnh cũng không thêm uống rượu nữa. Rượu của mẻ cất nào cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt mua pháo để đốt. Pháo bánh kê không được to thì mua diêm sinh về chế hóa mà làm ống lệnh. Tầm, giạt mình, chết cứ từng lứa. Lắm lứa đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như là hổ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhữ ngồi chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo.

Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thê thảm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh, dáng điệu như nhà sự nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi im như thế được một năm, bóng in hẳn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy vẫn cứ hiện bật lên. Thân hình cậu Lãnh khô sứt chẳng khác gì thân hình kẻ vận hỏa tâm ra để tự diệt mình. Những lúc cậu bất đắc dĩ phải cử động thì tứ chi cậu cứ như là chân mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã trót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về

nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái bực lý. Một hôm chợt thấy bóng mình trong tấm gương, cậu đập tan ngay tấm gương đứng và từ đấy cũng không dám rửa mặt vào thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước động là cậu rúm người lại ; nổi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chủ ấp choàng dậy, vợ lấy chiếc mõ cá móc meo, đánh một hồi bảy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhữ đã lên, mình khoác chiếc áo tơ đêm mưa.

– Em lấy rượu cậu uống.

– Ừ.

– Một năm nay cậu từ rượu. Từ phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kỹ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên cậu xem.

Thấy chủ ấp đòi uống, Bá Nhữ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chủ ấp lại trở về với thói tật cũ. Ngấm chủ ấp cầm lại cái chén đã bỏ quên hàng năm, Bá Nhữ lấy làm hân hoan lắm và tự nhủ thầm : "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có em này cất cho cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ấp, cậu cứ mặc em tính liệu. Miễn là cậu đừng buồn, may ra ông giời mà thương lại, xui cho cậu lại tục huyền với đời sống – đời sống nhiều khi cũng lại chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm ! – cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì em này vui sướng biết đến đâu ! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triển miên ngày tháng đi".

Rượu vào, cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã băng đi một năm tròn. "Này em, cái cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay nhà quê nhỉ ? Hôm nào em bảo cô hát lại cho cậu nghe. Một cây đàn đi theo với cô ta thôi. Giờ cậu sợ những cái gì là đồng đức âm ỉ". Câu nói của cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi từ từ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhữ thì quên thế nào được. Bá Nhữ để tâm việc tìm cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhữ thân hành đi tìm lấy, lòng hứng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thì thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói cô Tư dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhữ cũng lộng hiểm mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhữ bèn tìm hẫ về làng nguyên quán cô Tư. Quả như điều dự đoán, Bá Nhữ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú – chồng cô Tư – mất đi rồi là cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lùi về quê sống cái đời người thôn nữ làm việc với đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhữ lần về đến quê Nhộn thì cô Tư đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người đi tìm về.

– Cô đã về. Có lẽ cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ấp Mè Thảo mà cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

– Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẫ có điều gì dạy bảo ?

– Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm cô. Nay được gặp, thật cũng bỏ cái công lặn lội. Chúng tôi muốn thỉnh cô về trên ấp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tư không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía Bá Nhữ, tay sửa lại vành khăn tang. Giờ chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép ông khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn thờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, cô Tư nói chuyện với khách : "Chẳng nói giấu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời góa ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc. Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ".

Bá Nhữ tưởng đấy là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bung ra, Bá Nhữ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đấy : "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươi tắn. Chẳng mấy khi ông về đến đất cổ lậu này, mời ông nghỉ chơi lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông có cần dùng điều đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia". Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhữ cũng

đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với cô Tư về nhật kỳ khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bùng ra nữa. Cô Tư xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc cô Tư trở lên thì Bá Nhữ đang ăn trắng miệng, nhồm nhoàm nói : "Vậy hôm nào cô lên được ấp chúng tôi, xin cô nhất định cho để chúng tôi cho người về đón".

Cô Tư cười nhẹ và khoan thai nhắc đúng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm : "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hóa quá. Không nhận được nhời với ông lên hát trên ấy, thật là phụ cái bụng quý của người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho". Bá Nhữ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ cô Tư không nhận nhời ngay vì chưa có người kếp nào xứng đáng để cùng lên ấp, đi với người đàn kém sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kếp đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhữ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không đến nỗi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đỡ được một tay kếp ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn. Và ý cậu nhà cũng chỉ muốn ít người thôi". Trên con đường trở lại Mè Thảo, người quán áp vui tươi như hôm vừa rồi thấy cậu Lãnh đôi uống lại.

Một tháng rông, Bá Nhữ cho đón một người kếp nghiệm về ấp để luyện lại ngón đàn đáy, cung đón thấy đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ đành ninh hễ thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón cô Tư mà sống tơ mình với trúc người – ít ra là một lần này – để cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.

Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhữ thì tức là cướp cả nghề của kếp nghiệm đấy. Bá Nhữ không thềm buông một tiếng tơ nào. Đã bám đến tiếng đàn nào thì tiếng đàn ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giải cũng không bắt được Bá Nhữ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhữ thất cổ chó mỗi lúc nổi dây, xinh đáo để. Mà người tử mỹ đến thế là cùng. Không một bộ phận còn con nào của nhạc khí lồi thòi kênh càng ấy mà Bá Nhữ không thuộc. Không nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái mỗ phím đàn, cái vú đàn, Bá Nhữ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vẽ, lấy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xòe, Bá Nhữ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tầm.

Bá Nhữ đi nài lại một cây đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngò đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gầy muôn thương của các bậc tiền chủ đàn đã cẩn mãi vào tang. Bá Nhữ lia Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.

Lần này, gặp cô Tơ, Bá Nhữ nói ngay : "Có lẽ cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh cô, cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử cô thẩm âm mấy khổ, hễ cô thấy không đến nỗi sượng lắm, thì cô nhận lời mời nhé !". Thế là ngồi vịn trực, thử lại đây, Bá Nhữ đàn luôn.

"Tùng tung tênh, dênh dênh a dênh

Tùng tung tùng tung tùng tênh tùng tung tung,

tung tênh tênh tênh tênh tùng tung (xòe)

Tùng tênh tang tùng tang, tùng tang tênh tang

Tênh tênh tang tùng tênh tênh tang

Tênh tùng tênh tênh tang

Tùng tênh tùng tênh tang (xòe)"

Đầu tiên, cô Tơ còn ngỡ ngàng với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay cô coi như là việc cổ tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngẩn ngơ thì cô đã phải chú ý đến ngón đàn khuôn của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng cô mấp má, cổ họng muốn dặng hắng, cô muốn hít hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi cô phập phồng nhẹ, cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhữ cứ như thẩm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hỏi vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhữ để cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn dựa vào tà áo người chủ nhà góa. Cô Tơ nhích ra, thở dài.

– Cô có thể cùng đi với tôi lên trên áp ngay giờ chứ ?

– Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vời đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bậc như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.

– Đàn tôi còn non, cô sợ tôi không ghim nổi chăng ?

– Không phải. Đàn ông chín lăm. Nghe đàn của ông, đến người đá cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.

– Vậy sao cô không chịu nhận nhời mời ! Phách, tôi chắc cô không quên được rồi, dẫu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là cô chưa được khỏe !

– Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về áp hát hầu các ông nghe vậy. Cũng gần đây.

– Nếu cô không nhận nhời cho thì cậu Lành chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra mà cậu Lành tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn cô nhiều lắm.

– Nghe hát, khỏi được ! Khỏi gì ạ ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.

Bá Nhỡ liền đem tình cảnh áp Tháo và bệnh tình chủ áp kể tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tư lấy làm suy nghĩ quá.

– Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên áp mà kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi cũng không dám giấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên áp ông nữa nhá !

– Xin cô cứ kể cho nghe đã.

– Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bạn đến tai ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào để cưỡng lại được mệnh giới, chúng tôi có thể đọc với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thế không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi... trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gở. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chi dùng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhời thế đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám...

– Tôi ngắt cô một chút. Thưa cô, tôi tuy không tài giỏi, bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không hay là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đấy, xin phép cô cho tôi thử một vài khổ, xem nó khó khăn đến thế nào.

– Ông để tôi nói tiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù chú yểm bùa biếm gì ấy. Tang đàn làm bằng nắp ván thoi cổ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lảm. Về sau này, cứ vào những đêm tối giời, không tiếng gà gáy chó kêu và thứ nhất là vào những đêm áp ngày giỗ nhà tôi, thường cây đàn vẫn dở giời, thành đồ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng thờ dài và vật mình vật mẩy với bức vách, cứ lũng cùng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Và chẳng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

– Cây đàn ông Chánh đồ mồ hôi và thờ dài ?

– Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn luôn.

– Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không ? Hiện có ở nhà này chứ ?

– Dạ vâng. Dựng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

– Không, cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Vội lại, cô cũng nên cho tôi thắp một tuần nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nòi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhữ có một lối nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Và chẳng, người cũng có cái cốt cách phong nhã. Cô Tơ đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhữ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dày – khom mình cách xa đàn độ một với tay – bỗng đàn cũ nổ một tiếng tách gọn như cái tiếng nứt dọc bóng đèn a phien. Bá Nhữ giật mình ngắc lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phụt, nó đang xoắn quẩn và rung rinh gọi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dằng rĩ rên.

Bá Nhữ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mướt. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụn dần trên gio bát. Cô Tơ sợ quá và sắc mặt Bá Nhữ cũng có tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách, Bá Nhữ gật gù :

– Hồn ông Chánh có điều thiêng lảm đấy, cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hử cô ?

– Năm ngoái, cũng có một người đến đây nài tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khổ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

– Sao, sao, cô ?

– Ông ta đàn được mấy khổ vào cây đàn của nhà tôi...

– Cây đàn cũ của ông Chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi ?

– Chứ ông bảo còn cây đàn đáy nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh tôi như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người, ông ạ.

– Ông ta chết bên cây đàn ?

– Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lời nói cho. Ông khách ấy không chết. Nhưng thành ra hồng mắt hằn nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta người vùng Bắc.

– Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin cô cho được nghe rành rọt.

– Ông ta ngồi đàn mà tôi thì gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu mười. Tôi mới buông đỡ chữ *quê* sau ở câu "Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê" thì thấy ông ta rung mình mạnh, tay đàn lia hẳn đầu gảy, cả người rung lên mặt xám đi và mắt đại hằn ra. Tôi vội bỏ cổ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thối dần đi. Phải tìm ông thấy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lệch hẳn về một bên. Nhớ lại câu ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay ghế. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi hồng một nửa người, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi thật chỉ tại tôi. Giờ phiền cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn cô thật là nhiều lắm". Tôi có thuê cái võng và cật hai người khỏe mạnh võng ông ta về vùng Bắc. Võng ông ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hóa và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.

Bá Nhỡ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ cô Tư, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lặt vặt.

Về tới Mê Thảo, Bá Nhữ vào thẳng buồng riêng mất một đêm một ngày, mất không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hần máu lại. Việc tầm việc áp, có điều cần kíp đến mấy, dân áp cho người lên vấn kế, Bá Nhữ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhữ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhữ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.

"Nhu thế nghĩa là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết. Nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến toàn thân thể như cái lão gù bên vùng Bắc. Ta có nên quyến luyến với cái thể xác ta nữa không ? Ta thử nghĩ xem ta có còn để dành ta vào việc gì khác không ? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi ! Đổi tên đổi tuổi lên cái ấp nuôi tầm để rồi mà hết hần ở đây hay là hết ở một chỗ nào khác trong không gian ? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đây là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bùng dậy trong lòng con người tẻ đại này. Có thể đây là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành tiếng, dẫu rằng đời chơi đàn của ta chỉ vắng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách ta đến thế ! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gảy để cô Tư hát, để cậu Lãnh đánh trống ! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ". Bá Nhữ nghĩ trước đến những nương dâu lá xanh um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhữ nghĩ trước đến những lúa tằm chín – ruột đỏ trong suốt như hổ phách gọt mài – mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ Bá Nhữ lúc này cũng là một ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một giây phút của thời gian rồi mà hết luôn với cả chung quanh ! Bá Nhữ muốn cười to một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhữ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đấy tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình. Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.

Vô tâm đối với chung quanh đến như cậu Lãnh mà cũng phải giật mình khi trông thấy cái đầu trắng xộp như mây của Bá Nhữ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cò của tửu phần.

– Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu em đã ngả bạc hết cả rồi ?

– Cậu tưởng đời em còn xanh lắm sao ?

– Chết chưa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.

Bá Nhữ lại muốn cười to, tâm bạn với một chữ tơ. "Tơ tóc. Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thuở của âm nhạc".

Chủ áp và quản gia đối ẩm, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhữ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đấy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kệp lấy tiếng rót. Thời gian thân nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình cấu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy cũng vẫn cứ se thất được để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng : "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẩn lút lẩn lữa nơi áp người, trên đầu đội một bản án tòa đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta ! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả cả các thứ tàu và chuyến tàu của cuộc đời này không chờ một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lý lẽ chính đáng nào để ta không nhấn ngón tay vào phím đàn Chánh Thú ! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh – đánh cái cuộc đời mình vào đấy – để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhữ thấy cái cảm dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.

Gần tàn tiệc đêm, cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thềm ước cũ : "À, hôm nào em cho tìm cô Tơ về áp hát một buổi. Đàn của em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy em chơi đàn đấy ! Ừ, chưa có lần nào em đánh đàn đấy. Có cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó em ạ".

Chủ áp lại đòi vợ thêm nữa bài "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giời rọi lệch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào sóng còn sủi tăm. Đã

trên dưới nghìn đêm rừng rôi, gà ở ấp Tháo chỉ có gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.

Bá Nhữ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.

Trông thấy Bá Nhữ bước vào nhà, cô Tư càng lo sợ nghĩ đến cái mòng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, cô Tư nửa thức nửa ngủ chồn chợn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ ra. Cô quay mặt lại phía cửa màn thì đã thấy ông Chánh Thú đứng sững đấy, áo sơ gai rộng tay và hoeen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bạch ấy phào phào với vợ : "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong thì người ấy lăn ra chết. Thế nghĩa là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thủy Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tối tâm khổ sở lắm. Những thanh âm ngục tối, mình ôi ! Mình nhớ kỹ lấy để tôi được đầu thai về cái thế giới tởn trức trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai rồi vì mạng cái người bên Kinh Bắc ấy còn vũng lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tư ngồi hẩn dầy thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp ? Bao giờ cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiểu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhể nhại mỗ hời. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập lòe. Cô Tư lại gằn nhìn mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con gười leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chất ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và lóe tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chồn vờn của lửa con đóm. Cô Tư thắp một tuần nhang bất thường và, đổ cổ phách ra khỏi túi vóc, cô gõ mấy câu hát thờ.

Công việc đồng áng của cô Tư vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trẽ nải hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhữ vào nhà cô.

Sực nhớ lại mấy nhời trong mộng, cô Tư chỉ vội mời Bá Nhỡ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống đĩa xin âm dương, khấn : "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên áp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đấu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu. Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ mình. Có trời sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đành tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ mình. Tôi gieo tiền, mình bằng lòng thì một đồng sắp một đồng giữa".

Tiền khát dài, một mặt bồi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tít mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tư hoa mắt, nghẹn nơi họng và trong người như có ai đặt hỏa lò. Rồi cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhỡ.

– Thưa cô, tôi về áp đã nghĩ kỹ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.

– Thưa ông... Thưa ông...

– Thưa cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.

– Thưa ông...

– Thưa cô... mà lần này chắc không còn có cách gì để cô từ chối nữa. Vì cô không phải lên hát tận trên áp. Cô ngồi hát ngay ở bục kia. Tiện lắm.

– Thưa, không có trống ?

– Điều đó, tôi đã tính rồi. Chừng vàng mặt giờ thì vồng cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm châu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn – đàn ngay vào cái đàn ông Chánh. Thôi, cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để tôi uống mấy chén cho ấm bụng.

Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa – chỉ

một chốc nữa thôi – khi mà Bá Nhữ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hể bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là ký vào một bản án tử hình đấy.

Cả người cô Tơ là một cỏi bốn chồn không có biên giới. Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhữ và rồi lại chạy xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được trốn lánh đi đâu chứ không muốn là một xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tổng tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi... tơ ! Và cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi tơ kia đứt phụt.

Chiếc cồng điều áp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà cô Tơ hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ổi già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu, hai lực điền dân ấp vực cậu Lãnh vào, đặt cậu ngã lưng bên gối xếp. Bá Nhữ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn và mời cô Tơ đổ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết vào bát hương thờ Chánh Thù, Bá Nhữ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tơ cầm phách gõ.

Bá Nhữ thử dây, vận trục đàn. Trục nghiêng gắt và nắc dăn mãi lên. Cản đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhữ ngửi thấy một mùi tanh tanh và gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gảy xuống dây, đàn vắng ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải – Bá Nhữ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút – nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhữ chững chạc buông ba tiếng sòng.

Cậu Lãnh còn đang ly bì vội choàng dậy, cầm roi châu đánh luôn mấy tiếng. Người cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chứ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cầm vênh lên giới. Cô Tơ như mất hẳn hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gõ bực dưới thân tan loãng đi đâu để cả người cô Tơ phiêu phiêu lững lờ trôi mãi giữa không.

Chưa bao giờ cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đấy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chùng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liềm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bùng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tảm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chùng. Nó là niềm vang dội quần quai của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ màn thừa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lẻ thê của

nấm vô danh hiu hiu ngọn vàng so le. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vương vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cỗ phách cô Tơ đồn như tiếng chim kêu thương trên dặm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cắt lao mạnh xuống thêm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo mộc một linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nảy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dặt nhau mà lướt bóng. Cậu Lành Út mềm tay roi, càng mê tới đi vì tơ trúc riu ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của áp, cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đêm nhạc. "Đàn ai đàn...".

Nấn những đường gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắc buốt như cật nửa, mấy đầu ngón tay Bá Nhỡ sưng vù và bật máu. Bá Nhỡ đang chịu một nhục hình bá đao từng xẻo. Nghe phách cô Tơ, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhỡ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi một tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bông nở một nụ cười héo sũng trên hai môi tái.

Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhỡ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhỡ vệt trở nên vốc đại hồng, trông hệt một người phục sức để ăn thượng thọ. Người Bá Nhỡ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhỡ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài. Bá Nhỡ đã thấy khát nước. Và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đến đâu là chừng hạn nữa. Một tiếng đàn là một miếng thịt lấy ra. Tý một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tang. Tùng. Tùng ! Tụng. Bá Nhỡ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón chừng đôi dây lạt trên mỗ phím cao quyền huyết. "Đàn ai... đàn... một tiếng".

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhỡ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có rất nhiều hạt muối lạo xạo đánh loăng chất tủy người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhỡ là điều động với lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay cô Tư xuống phách đã có chiều lão đảo vì chuột rút. Hạt châu lấy bảy đong trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát cô Tư có nhiều chữ buông bất đã hết vòng hết tròn. Tiếng hát đã sa làn rồi khê và mực hát đã có chỗ bưng. Cả hát cả đàn đang dất tay nhau sa lầy trên cái mệnh mông bùn sũng ngào vỏ ốc, mờ rộng xanh lơ ngút chân giòi. Cô Tư rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủy, cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tư ấy bắn vào mặt. Thái dương cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi cổ hơi mũi, cô Tư hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thẳm trong trắng tinh khiết quá pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt ngào dâng lên. Tiếng phách trúc dứu đan như cô đúc lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đánh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đòi tai cậu Lãnh Út chỉ là cái phễu để cô Tư rót vào đấy cả một rừng chim và cả một suối thủy tinh.

Cô Tư giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ áp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời nhõn tiền đều tan rã theo một cái roi quật xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa lũy thế mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Châu, điểm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái cùng người gõ trúc.

Lúc này, cậu Lãnh chỉ biết có sự thâm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra cậu không biết gì hết. Chén tống rượu cứ liên tiếp mà vui mà dầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhộn này có phát hỏa, cả chung quanh cậu đất có sụt nứt hết, cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dán vào mặt da.

"...Nguyệt dải tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc...". Nhưng thật ra cô Tư chuyển hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điểm châu. Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn

đính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tắt bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gãy bằng sừng bò tốt kia cũng hết luôn. Hơi tơ thiếu nảo như lời gởi gắm giới giã. Nó buồn rộng ra nhòe quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời. Cô Tơ cố bắt buồng từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời già từ ngượng nghịu.

Trong buồng thờ Chánh Thù, có tiếng cười sảng sặc ở sau cái bài vị. Bát hương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng cô Tơ nhận thấy tiếng đổ vỡ này và hiểu nó là điềm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trùng trùng vào người đàn. Bá Nhỡ vốn đã còm, giờ lại càng khô sứt hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đông quanh chỗ Bá Nhỡ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái đầu gãy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhỡ vơi đi từ đấy. Và thân hình ngót dần đi và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc có cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ra.

Bá Nhỡ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thâm tình thương và cô Tơ chỉ còn nhận thấy có mỗi một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nấn dây. Tất cả sinh khí một kiếp người chỉ còn gởi có vào một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gãy cũng đã uể oải rồi trên con phím. Rồi băng hẳn đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhỡ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng dính liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn tỏa ra một mùi tanh nhạt. Bá Nhỡ gục vào đàn, nách cắp lấy thành đàn mà nhào ra giường. Gỗ bực đêm và thân người nhào ra kia lạnh bằng nhau.

Phía sau gáy Bá Nhỡ, vụt bay lên một con bướm đen loang lổ những chấm tròn hồng hoàng.

Tình hồn Bá Nhữ đã xuất thoát ra kia đang dúi đôi cánh ốm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nổ ruột trên tim nấn lá lay.

Thế là hết hân ngân rung của chỉ đàn.

Điều hát Hòa Mã, chưa quá một phần ba.

Như một hành khách hỏa xa tỉnh giấc lúc tàu đổ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hát hàm hời : "Kìa, sao lại nghỉ lâu thế ! Nối lại dây chóng vào".

Cô Tư bỗng òa lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lại đỡ xác Bá Nhữ, đẩy chiếc gối mây vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, cô Tư đang vuốt mắt cho Bá Nhữ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nữa nổ ngay cạnh cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bụi, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mòng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gấn. Đàn chỉ còn là một đồng vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.

Lãnh Út – nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tu lường im vắng ghê lạnh – chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngôi ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lân sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.

Tỉnh giấc ngủ ngôi, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhữ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám vào đòn cáng mà lân về ấp. Lẽo đẽo chạy theo sau xa là cô Tư, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.

Bá Nhữ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật luôn lên. Mật đất gò rượu ngổ ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngã nghiêng ở miệng huyết rượu. Nhiều vò rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men – lấm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khánh tương đến nơi.

Sấn bó được cháy, Lãnh Út vút luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hỏa. Lửa men khê nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm phóng hỏa tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lay. Cây cảnh cỏ lá đều miên man rũ rượi rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lão đạo, Lãnh Út lấp bắp ồm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng : "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh ly khác. Đối với đàn, hát, từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc một người cô đơn một người phản bội. Và trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này".

*

* *

Tái bút : Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kỳ giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.

Cô Tư đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhỡ, ghi ngày kỵ và lễ vật dâng vào định kỳ ấy. Ngày kỵ Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tầm tang bốn buổi liền.

Bệ với nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ đẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kỹ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông triệu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ập mồ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, cô Tư cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.

Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.

Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cắt ra làm ruộng hậu.

Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

TẬP VI

Tác giả :

**CUNG KHANH - BÙI HIỂN - THANH TỊNH
ĐỖ HUY NHIỆM - KIM BA - BÌNH NGUYÊN LỘC**

CÁCH BA NGHÌN NĂM

*Tác giả : **Cung Khanh**. Chưa rõ tiểu sử, nhưng có lẽ là một tác giả miền Nam sống tại Hà Nội trước năm 1945.*

Tác phẩm bao gồm những truyện ngắn viết theo lối phóng truyền kỳ pha chất ngụ ngôn, được viết rải rác trong khoảng thời gian 1923 - 1943. Nhà xuất bản Đời nay tập hợp và in thành sách năm 1944. Dưới mỗi truyện đều ghi năm sáng tác.

Ngoài truyện Hoàng kim ốc (viết năm 1923) được in thay lời nói đầu, sách gồm 9 truyện sắp xếp theo trật tự như sau :

1. Cách ba nghìn năm (1940)
2. Quyển rũ (1939)
3. Trên Bồng Lai (1939)
4. Mặt trời (1939)
5. Di tiêu dao (1938)
6. Nhà hiền triết Đại Sơn (1943)
7. Người con gái thần rắn (1939)
8. Thần Tú và người phù thủy (1943)
9. Một giấc hoàng lương (1942)

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu 6 truyện, kể cả truyện Hoàng kim ốc.

235. HOÀNG KIM ỐC

Thư trung hữu hoàng kim ốc

Ở Đông Thành có một cây gạo lớn, cành lá rườm rà. Đêm đến, bọn ma hợp nhau bàn câu chuyện thế gian. Có chuyện nực cười, cũng có chuyện ghê gớm lắm. Thỉnh thoảng có một vài chuyện éo le, ma thuật lại vừa rơi nước mắt. Những đêm như thế, người ta bảo rằng : "Ma kêu gào thảm thiết vì đói lạnh" ; thực tình, ma rên xiết vì chuyện thế gian mà người không rõ.

Có một độ ma nói chuyện với nhau về một cái nhà vàng lạ lùng ở Tân Thanh. Cái nhà toàn bằng vàng, và trong có đủ thứ báu vật. Ma thuật chuyện ấy cho nhau nghe, và bảo rằng cái nhà quý báu hiện có trên thế gian.

Thổ công nằm nghỉ, xem trăng trong cái liêu⁽¹⁾ bên cạnh cây gạo, nghe chuyện cũng cho là lạ lắm. Vì chính ông ở trong cuộc đất mà không hay biết điều kỳ lạ ấy bao giờ. Ngay đêm ấy ngài đến chơi đức Thành hoàng bốn cảnh để hỏi xem có tin tức về câu chuyện của ma nói không ? Thành hoàng lại ngạc nhiên hơn nữa.

– Ông còn không rõ, tôi thì đi đâu mà biết được - Ngài bảo Thổ công như thế.

Rồi cùng nhau đem việc lạ ấy hỏi Đông trù tư mệnh. Đông trù nghe hai ông khách, lại tưởng chuyện trong sử *Phong thần*, cười và nói :

– Ấy, các ông hãy kể nốt câu chuyện cho tôi nghe.

Thấy hai ông kia ngơ ngác, bấy giờ mới suy ra là chuyện thực. Đông trù thú thật rằng, chưa biết việc ấy bao giờ.

(1) *Cái liêu* : chưa rõ là gì.

– Tôi tra xét việc thế gian, năm năm tâu lên Thượng đế, mà không thấy một việc lạ như thế, cũng không nghe ai nói đến. Và lại ở thế gian, nếu có lâu đài vĩ đại, bất quá chỉ làm bằng đá bằng cây, chạm trổ đủ hình, đủ kiểu. Xưa lắm thì độ năm sáu nghìn năm, chớ có nghe đâu nhà toàn bằng vàng như các ông bảo. Ấu chúng ta nên hỏi Nam tào giữ sổ nhân gian, chắc có lẽ biết được hết cái lạ trong quá khứ và vị lai vậy.

Cùng nhau lên xe mây, để vân ngưu kéo về thiên đình, thì bỗng gặp một nhà tu hành kỳ quái, không biết ở đâu lại, thỉnh không hiện ra giữa chừng không trung. Các thần đều hỏi :

– Ông là ai ? Chúng tôi chưa được biết ?

Người lạ đáp :

– Tôi sống trong một thế giới khác, nên các ngài không biết được. Nhưng về sau rồi các ngài có thể biết.

Các thần hỏi :

– Vậy ông đến chúng tôi có việc gì ?

Người lạ đáp :

– Đây cũng vừa nghe, các ngài bàn việc lên trên kia hỏi một vị thần khác giữ sổ thế gian, xem cái nhà vàng ở đâu. Tôi sợ các ngài đi xa nhọc nhằn mà sẽ không kết quả gì, vì chắc chắn trên kia, vị thần mà các ngài đến hỏi chuyện cũng không thấu rõ cái kỳ quan đó.

Các thần nhìn nhau, rồi hỏi :

– Thế ông có cách cho chúng tôi biết không ?

Người lạ gật đầu rồi dẫn các thần trở lại thế gian, về làng Tân Thanh. Đến đây thì trời rạng đông, các ma đã tản lạc theo đêm tối về phương khác. Người lạ rút trong tay áo ra một hạt ngọc trong như thủy tinh, hạt ngọc chiếu những tia sáng tinh anh. Rồi cho những tia sáng ấy rơi về phía người lạ trở, cho các thần chăm chú, tức thì cách đó ba dặm, trong một cảnh thật huyền ảo, cái nhà vàng rực rỡ xuất hiện giữa một vườn cây kỳ dị.

Các thần rú lên :

– Đích rồi ! Hoàng kim ốc !

Vừa nói xong, hạt ngọc và người lạ bỗng dưng biến mất. Các thần nhìn nhau, không biết mình hãy còn chiêm bao như kẻ tục, hay là, đây là một sự

thực hiển nhiên. Nhìn về chốn huyền ảo khi nãy, thì chỉ thấy ánh sáng ban mai nhuộm hồng những chót cây cổ thụ và cánh đồng phẳng lý, mạ xanh rợn sóng. Ở đấy rải rác một vài nóc nhà, và chính nơi cái nhà vàng vừa thấy, thì lại là một túp lều tranh không đẹp.

*

* *

Chàng thư sinh đặt viết xuống bàn, cất một quyển sách rồi đi nghỉ. Nằm trên phản, lim dim thì mang máng thấy trên xà nhà có ba gương mặt nhìn xuống mình như dò xét. Chàng nhận được một gương mặt đen như nhọ chảo, nhưng không có vẻ ghê gớm lắm, một gương mặt trắng như phấn dôi, môi đỏ như bôi son, có râu mép uốn cong, râu cằm suôn đuột, vẻ như vui cười, tươi mãi, và gương mặt thứ ba xám nắng, vẻ đạo mạo, nghiêm trang, đầu đội mũ vàng, chàng cho đấy là một vị đại thần thời nào. Chàng dụi mắt, để tưởng mình không mê muội, hoặc bị một ám ảnh. Dụi xong thì không thấy gì cả. Nhưng trên bàn bên cạnh, quyển sách khi nãy bỗng cất lên không, những trang tự lật ra từng tờ, và bình mực tự nó bắn cái nắp ra một lúc rồi tự nó sập lại như trước. Chàng dụi mắt lần nữa, để chắc mình không phải chiêm bao; ngồi nhồm dậy, thì đầu đấy yên lành. Chàng nằm xuống trở lại mơ màng sắp ngủ, thì tai nghe văng vẳng những tiếng bàn cãi xôn xao. Tiếng nghe xa xôi dần dần, chàng chỉ mơ hồ như nhận được một câu :

– Thị phi tất cả, đâu có lẽ như thế được.

Chàng mơn môi, hơi thở đều đều, rồi an giấc.

Đông trù cần nhân Thổ công :

– Hắn ta chỉ là một anh học trò khó, nghèo xơ xác, mà lại bảo ở nhà vàng. Mong mị quá, thật là mong mị. Thế này tôi phải không nghe ông mới được. Trọn mấy hôm ròng, tôi phí cả việc tôi mà đi với các ông. Trong mấy hôm việc lành dữ của thế gian đã chồng đống trên bàn mà chưa kiểm điểm và ghi một việc nào.

Thành hoàng cũng bực mình :

– Tôi bỏ qua hết ba cuộc lễ kỳ yên rồi còn gì. Một ở Tân Trung, một ở Tân Bình và một ở Hưng Khánh. Ở Hưng Khánh thì lớn hơn cả, có hát bộ ba châu và tế đủ các thứ con sinh. Ông Thành hoàng thôn ấy lại ân cần mời, tôi định thế nào cũng dự, mà rồi phải thất hứa.

Thổ công vuốt râu cười hất :

– Các ông sao nóng nảy. Chúng ta hãy tìm cái ông Đạo sĩ hôm trước, mà hỏi lại manh mối thì khác biết.

Ba vị thần trở lại chốn nhà tranh. Chàng thư sinh nằm thiêm thiếp ngủ. Ông Đạo sĩ lạ lòng đương bách bộ trước sân. Đêm trăng, gió thổi dập chồn những cành đóm hoa trắng. Bấy giờ thấy ba ông đến thì Đạo sĩ mừng rỡ đón mời :

– Các ông đến đây – Đạo sĩ nói – trong lúc vừa được rảnh, định tìm các ông, thì các ông lại đến. Hay quá.

Thổ công liền hỏi :

– Ông là gì của hán mà ở đây ? - Thổ công trở vào chàng thư sinh.

– Tôi là thần đang đây. Tôi là cái đèn, cùng người ấy làm việc đã ngót hai mươi năm.

– Thế còn cái nhà vàng ?

– Chính ở đây.

– Ở đây ?

– Vâng.

Thổ công và hai vị thần ngơ ngác nhìn chung quanh, cố tìm, rồi lại nhìn nhau mà cười :

– Chắc ông mị chúng tôi ?

– Không phải, nhưng phải có viên ngọc của người ấy mới xem thấy được.

– Viên ngọc hiện giờ hán để đâu ? – Thổ công hỏi.

Thần đáp :

– Cũng không chừng, dường như khó định lắm; những đêm nào chàng thức khuya cùng tôi làm việc, nghĩa là tôi phải đem ánh sáng cho chàng mãi, và chàng thì mài giũa sự gì trên trang giấy trắng. Khi chàng ngồi nghĩ, tự những trang giấy ấy xuất hiện một hạt ngọc; lúc bấy giờ lấy ngọc ấy mà soi, tự nhiên xuất hiện "hoàng kim ốc".

*

* *

Từ đây, mỗi đêm chàng thư sinh nghe như có ai thơ thẩn trước sân. Nhưng khi mở cửa trông ra thì chỉ thấy bóng trăng trên những chiếc lá

mười. Lúc trở vào, chàng hơi là lạ về chiếc đèn, bỗng nhiên sáng rõ khác thường. Hiện trạng ấy chỉ thoáng qua, rồi thì đầu đầy lạng lẽ, bình thường. Chàng không để ý đến nữa.

Một đêm, nhằm mùa hoa dạ lý nở, mùi hương bay tỏa một vùng. Chàng nghe mình bốn chôn rạo rực về một nỗi niềm mầu nào, rồi cảm giác ấy tăng gia từng phút. Chàng không còn là chàng của thời khắc trước nữa. Chàng nghe mình đi vào một cõi sống khác, mà sự thăng bằng đối hẳn cái thăng bằng của hằng ngày. Chàng thấy chàng nhẹ nhàng có thể chơi trên mặt nước, có thể lướt qua những lá liễu, đùa những làn hương và tia sáng. Chàng ghi trên tờ giấy những cảnh chàng đương ngắm, chàng vẽ con đường chàng đương đi, con đường huyền bí...

Lúc bấy giờ, ngọn đèn tự nó dài ra mãi, tượng thành một dạng người, rồi lìa cái thân bằng sành, Đạo sĩ hiện ra nhẹ nhẹ, bước lại cửa.

Thổ công và hai vị thần kia đã chực hờ ngoài cửa, Đạo sĩ gọi vào. Bấy giờ trên những trang giấy vừa khô, có một vật gì trong sáng xuất lộ. Chàng thư sinh, như mệt mỏi sau một cuộc thôi miên, gục đầu thiêm thiếp trên bàn. Thần đang cầm hạt ngọc trao cho Thổ công và các vị thần xem. Những tia sáng chiếu ngời, rực rỡ. Thần đang lại bảo soi những tia sáng kỳ diệu ấy vào vùng trán cao của chàng thư sinh. Các thần y theo, tức thì không còn thấy chàng thư sinh đâu nữa. Giữa không gian, xuất hiện một cái nhà vàng, trong một cảnh lạ. Các thần đang ở trong cái nhà vàng ấy mà không hay biết. Bấy giờ đưa nhau đi xem, thì thấy không biết bao nhiêu là bầy vật nhiệm mầu. Có vật các thần nhận ra được, nhưng có vật các thần phải chịu là không thể nào hiểu biết tính chất...

... Như thế không biết độ bao lâu, mé ngoài có tiếng gà gáy; các vị thần vội vã trở ra, tiếc đành bỏ dở cuộc xem kỳ thú ấy. Một tiếng động, chàng thư sinh của mình. Các thần vội vã lánh đi và xô nhau chen một kẹt cửa. Chàng thức giấc, thấy mình mệt mỏi lạ thường, đầu choáng váng. Ngọn đèn hết dầu đã tắt từ lâu. Chàng đứng dậy loạng choạng, đi lại giường. Tay sờ trán như sờ một vết thương. Chàng lẩm bẩm :

– Đại khờ quá, để sương vào mà không hay, hẳn là bị cảm.

Khi qua một cửa sổ còn mở, nhìn ra thì lại thấy ba gương mặt hôm trước, tự khóa ng trông khung cửa nhìn chàng như lo lắng. Chàng vỗ trán để xua đuổi một giấc mê nào, thì những gương mặt ấy biến mất.

236. QUYẾN RŨ

Trong các chi nhánh đạo Phật có phái Minh sư⁽¹⁾. Những tín đồ nào trong phái, học rộng, hay chữ, thuộc nhiều kinh kệ và tính hạnh nhân từ được bầu lên chức Lão.

Thuở ấy có một tín đồ phái Minh sư tên là Huyền, người tuổi trẻ, vừa ba mươi mà lên tới bậc Lão. Cụ học rộng và thông minh. Cụ sống một mình trong túp lều tranh, dưới chân đồi Yên Tĩnh. Sau nhà, có vườn, nửa trồng hoa, nửa trồng cây trái. Sau những buổi cầu kinh hoặc đọc sách, cụ ra vườn vun tưới mấy khóm huệ hay bắt sâu đeo theo dọt non của nhện và xoài. Thường ít có khách đến chơi, hay chỉ có những người rất nghèo khổ đến thăm. Cụ vẫn một lòng niềm nở, tiếp đãi và cứu giúp họ. Lòng từ thiện rải khắp bốn phương, và tín đồ cùng người ngoài đều tặng cụ là "Bác Ái".

Chiều chiều cụ lên đồi, theo đường mòn viên cỏ nhưng. Trên đồi gió mát và ánh nắng tươi đem cho cụ những tư tưởng thâm thúy về đời người và vạn vật. Ánh vàng tha thướt trên nõng cỏ xanh, chiếu những hạt mưa còn đọng trên dọt non muôn màu. Trông xa, bờ cỏ điểm hoa, và mỗi hoa là một vì sao rơi trên mặt đất. Hứng thú cụ chấp tay, chúc tụng Tạo Hóa và đức Mâu Ni⁽²⁾ :

"Ôi những lẽ nhiệm mầu ! Ôi những lẽ huyền bí ! Hỡi Tạo Hóa rất khéo léo ! Hỡi Thích Ca rất hiền từ ! Vạn vật quanh ta phải chăng công trình đáng tối cao của Thiên Nhiên ! Nhan sắc nở đùa với thanh hương. Ánh sáng trầm ngâm trong làn gió khiêm tốn và thật thà. Tiếng nhạc êm

(1) *Phái Minh sư* : trong kinh sách đạo Phật không thấy có phái Minh sư, chỉ có Minh sư coi về Minh để là một trong 25 đề do Sở Luận sư lập ra nhưng cũng không hẳn là một phái của Phật giáo.

(2) *Mâu Ni* : tức Thích Ca Mâu Ni (563 - 487 tr. CN), là vị tổ khai sáng Phật giáo ở Ấn Độ.

đem vang trong lá : chim ca tụng dâng hương lòng cho Thiên Nhiên. Phải chăng đó là ý của ngài và của đồ đệ ngài, đức Phật Thích Ca rất thông minh, rất cao siêu.

"Ta kính trọng, tôn sùng đức Mâu Ni đã hy sinh mà tìm chơn lý. Gương của người chói rạng muôn đời, muôn kiếp. Còn ai noi được chí ngài để xả thân cho sự Đẹp, sự Thực, sự Phải, những ánh hào quang của ngọc chơn lý.

"Sống muôn thuở sao bằng sống một ngày. Ánh muôn sao đâu sánh với mặt trời. Cực khổ vì muôn điều, sao bằng cực khổ vì chơn lý. Người đời gục mặt vào mảnh đất, còn mắt đâu nhìn bầu trời rộng rãi bao la. Tâm lo âu muôn việc lớn của trần – tuy là nhỏ – còn đâu nhọc vì vũ trụ huyền bí, nhiệm mầu. Trí tính toán lợi nhiều của thế giới – tuy là ít – còn đâu nghĩ tới vô biên.

"Chỉ có người : Thích Ca Mâu Ni tối cao và sáng láng. Chỉ có người thấy xa mà gần; chỉ có người biết tìm bao quát vũ trụ cho tâm hồn yên tĩnh; chỉ có người tánh viễn vọng mà ưa lẽ Thực nắm được Niết bàn.

"Danh vọng cho Thích Ca ! Quý hóa thay đức Thiên Nhiên tối cao và tuyệt mỹ".

*

* *

Một hôm cụ đọc sách trước hiên, bỗng có bạn đến chơi, tay xách đôi nhành lài⁽¹⁾. Cụ tiếp rước, vui vẻ, mừng rỡ, ân cần mà người bạn vẫn rụt rè, khiêm tốn. Đấy nhờ sự tu hành đặc quả, vẻ hiền từ cụ xuất phát ra ngoài có sức mạnh khiến người thường phải kính cẩn khâm phục.

Ông lão hỏi người bạn :

– Anh đến thăm ta hay có việc gì ?

– Tôi đến thăm cụ và luôn dịp kính tặng đôi nhành lài để cụ trồng sau vườn.

Lại nói tiếp :

– Ngày xưa, lúc cụ và tôi còn nhỏ, cụ thích hái hoa và ưa nhất hoa lài. Nay cụ xuất tục, tôi còn lãng vãng nơi trần, kính dâng quà này là có ý nhờ cụ thương kẻ phàm còn chìm nổi trong bể khổ, mà cũng có ý nhắc nhở sự

(1) Lài : tiếng miền Trung và miền Nam gọi hoa nhài.

ham thích ngày xưa để tránh. Vì biết đâu trên đường đạo lý, cụ lại không gặp những thứ hoa ấy, rồi phải tốn công hái, để xao lãng, bê trễ việc tu thân.

Ông lão Huyền mỉm cười đáp lại :

– Quý hóa thay ông bạn ngày xưa ! Ta rất cảm ơn người bạn thân thiết và yêu mến của ta. Trải mười mấy năm xa cách, anh không quên còn tặng nhau đôi cành hoa đẹp, kỷ niệm lúc chúng ta còn xuân. Ngày trước, cùng đi học một đường, ta vì ham hoa lái mà luôn luôn bê trễ việc học. Anh thường khuyên can mà ta không nghe, đến nỗi lạc đường công danh. Ngày nay đi tu, tìm sự thực thiêng liêng, đường đi khó khăn hơn đường công danh thuở nọ. Anh còn nhớ đến, lo sợ ta gặp "hoa lái" kia quyến rũ mà lỗi bước như xưa. Anh đem ngay nó cho ta, ngày ngày có mặt, để không phút nào quên mà bê trễ sự tu hành. Quý hóa thay ông bạn ngày xưa, quý hóa thay !

Câu chuyện vui vẻ thân mật kéo dài đến chiều, người bạn từ biệt ra về. Cụ bịn rịn đưa theo một quãng đường. Lúc chia tay, người bạn nhìn cụ mà nói :

– Từ đây cách nhau, mỗi người đi một nẻo. Sống chết lúc nào cụ cũng nên nhớ đến hoa lái mà giữ mình cho vẹn, hầu mau tìm thấy chơn lý.

Cụ Huyền trở lại, lòng buồn bực. Cụ đem hai nhánh lái trồng vào chậu để trước án thư. Bây giờ làm công việc ấy, cụ thư thả, lòng bình tĩnh như không xảy ra việc gì.

*

* *

Đất trong chậu mầu mỡ. Hai nhánh lái đâm rễ lên chồi, và không bao lâu, trên cành non, trắng điểm những búp hoa trinh.

Đêm trong yên lặng, cụ Huyền ngồi trước án thư đọc kinh và tĩnh tọa. Một hương vị đậm đà nồng nàn cuộn tròn từ hai chậu lái bốc lên. Cụ Huyền bỗng nghe lòng bứt rứt, tâm trí bàng hoàng, khó đọc kinh và tĩnh tọa được. Cụ liếc nhìn hai chậu hoa. Những bông hàm tiếu điểm trắng trên cành, và ánh trắng ngoài soi vào, phảng phất như tà áo lụa của một vị tiên nữ.

Thấy mình đang trí say mê mùi hương và dáng đẹp ấy, cụ lo sợ định thần, nhìn vào quyển kinh bỏ dở. Một bóng đen vụt nhanh qua, cụ vừa nhận kịp con mèo mun, con mèo có đôi mắt lông lánh bắn những tia xanh

dom đóm. Nó nhảy vào một hốc tối, ngồi lại, tròng mắt lườm cụ. Biết thế, ông lão không thềm nghĩ đến nó, yên lặng đọc kinh. Một lát sau, không biết con mèo đi đâu, hình như biến mất. Đôi nhành lài bây giờ cũng hết thơm. Cụ Huyền thong thả đọc kinh, trí não và tâm hồn bình tĩnh.

Sáng ngày, cụ tỉnh tọa xong, bước lại hai châu kiểng ngắm đôi nhành lài. Những hoa nở đêm hôm tàn rụng khắp mặt chậu. Rồi không hiểu lẽ gì, từ đó hai nhành lài khô héo dần, không đâm hoa nữa, cũng không đâm chồi, mãi cho đến chết. Cụ Huyền sinh nghi, tìm nhà người bạn trước hỏi thăm, thì được tin người kia đã mất. Cụ sợ hãi, tâm hồn bức dọc, cụ nghĩ đến chuyện Ma vương quyến rũ đức Thích Ca.

*

* *

Từ ấy, cụ để tâm niệm Phật, bố thí kẻ nghèo thập phương. Có khi nhà tranh cụ che chở những lũ khách lỡ đường, hoặc những người nghèo không chỗ nương thân. Lòng bác ái cứ thế mà lan ra mãi, hương bố thí của lòng nhân bay khắp mấy vùng. Nhưng cụ vẫn không yên bởi câu chuyện hoa lài năm trước. Mỗi đêm cụ lo, tưởng như Ma vương chực hồ đầu đầy, sắp hiện ra quyến rũ, trong khi tâm hồn cụ yếu ớt.

Những việc làm nhân đạo : săn sóc kẻ nghèo, chữa bệnh người đau ốm, đem lại cho cụ một vài bình tĩnh và sự yên ổn trong người. Cứ mỗi lần đón tiếp người cực khổ, ốm đau, cụ thấy lòng nhẹ nhàng vui vẻ, như hình rửa được một ít bụi nhơ.

Nhưng khách tha phương lần lần rời cụ đi nơi khác. Tâm hồn lưu lạc của họ xui giục, khiến họ không biết vui thích ở lâu một nơi nào. Họ phiêu lưu đã quen, ngắm mãi một cảnh sinh ra chán, họ tìm nước non mới lạ, và như thế mãi không dứt. Cụ Huyền vì đó mà sống lại cảnh quạnh hiu vắng vẻ. Rồi sự vắng vẻ gợi về những ảnh Ma vương, yêu quái. Cụ tĩnh tọa, đọc sách, làm vườn, không cho tâm trí rảnh rang một giây nào.

Bỗng một chiều, có một thiếu nữ mười sáu xuân xanh, nghèo khổ lắm đến lay xin cụ cho ở vài hôm. Thiếu nữ hứa với cụ lúc nào hỏi thăm được bà con thì về, vì lúc nhỏ mồ côi cha, mẹ lấy chồng đem bán cho người khác. Lớn lên, biết chuyện, tìm cách trốn đi, về làng Yên Tĩnh tìm họ hàng. Đến đây, không biết nhờ ai, trong lúc chưa tìm được nhà quen, bỗng có người mách ông lão hiền từ và nhân đức mới đến xin trọ mười hôm.

Cụ Huyền không biết làm thế nào, nhưng cũng không từ chối được. Cụ chịu nuôi thiếu nữ lúc nào biết rõ họ hàng ở đâu thì về. Thiếu nữ, tuy bản hàn nhưng trắng trẻo, ngộ nghĩnh, có duyên. Thiếu nữ ở với cụ rất đảm đang, hầu hạ cụ hết lòng kính mến. Lúc nào không tìm bà con, thì gánh củi ra chợ đổi gạo.

Nhưng cụ nhận thấy nhiều sự lạ trong cách ăn ở của nàng, đâm ra nghi ngờ lắm. Thiếu nữ ăn rất ít cơm, có bữa không ăn. Cụ hỏi tại sao ? – Không đáp. – Ban ngày thì ngủ, mà đêm thì thức. Mỗi tối cứ đến giờ Tý, dậy mở cửa ra sau, không biết đi đâu, mãi đến gà khởi sự gáy bận nhất thì về.

Một hôm, cụ quả quyết rình xem thiếu nữ làm gì. Đọc kinh xong, cụ giả vờ đi nghỉ. Đến giờ Tý nghe thiếu nữ mở cửa, thì cụ cũng dậy. Thiếu nữ đi ra sau, cụ cũng nom theo. Nàng đi về phía cuối vườn đến chỗ trống dừng lại ngó quanh, ý chừng xem có dạng người không. Khi chắc đâu đấy thật yên lặng, không một bóng người, thì cởi hết áo mặc trong người rồi nhảy múa. Múa một giây lâu, thì đứng lại thở, hơi thở rất dài, rất sâu mà khê lắm...

Cụ Huyền thấy bóng ấy giữa yên lặng của vạn vật, những nét trắng mờ linh động trong âm khí, tâm thần kích thích, rối loạn. Cụ loạng choạng bước trở vào nhà, sương đêm xuống thấm cả đầu và áo mặc. Lúc về phòng, lên giường nằm, sờ soạng thì có vật gì mịn màng, ấm ấm nằm trong chân. Cụ giật mình, lấy đèn soi. Đó là một con mèo đen, hết con vật năm trước. Nó trương mắt nhìn cụ kêu "meo meo" như mơn trớn. Cụ giơ tay sắp đánh, thì nó phóng đi, vào bóng tối rất nhanh, như hồn ma. Từ đấy cụ thao thức mãi không ngủ được. Muốn ép trí thư thả niệm kinh, nghĩ đến sự thực nhiệm mầu thì trí tưởng tượng lại nổi lên làm chủ. Ảnh thiếu nữ theo cụ vào nằm trong chân. Một ít lâu cụ nhuộm bệnh không dậy được, mê man thấy đương nằm trên một cái đệm thơm tho mát mẻ. Cụ sung sướng, cố nhìn thì nệm ấy hóa ra thiếu nữ. Cụ vội xóa hình dáng ấy đi, thì đâm ra nói nhảm.

Lúc hơi tỉnh, mở mắt, thì thấy vô số mèo đen bao quanh khắp thân thể; con thì leo lên thành giường, con thì kêu "meo meo", con thì ngấu giốn trên đỉnh màn, con thì chạy trên người cụ cào xé. Cụ sợ hãi lắm khi thấy chúng một phút một đông, không biết nơi nào đến. Có lúc một con bỗng đứt ra thành hai, một cái đầu và một khúc đuôi lom xom nhảy; cứ thế thêm nhiều, đợi khi nào cụ nhắm mắt mới thôi. Nhưng kể đó xuất hiện một không gian tối tăm, mà nơi ấy một thân thể uyển chuyển nhảy theo điệu múa.

Bống cụ nghe mát lạnh ở trán. Mở mắt nhìn cụ bắt gặp đôi mắt lo lắng của thiếu nữ. Thấy đã tỉnh, nàng thở thê :

– Thưa cụ, cụ bị cảm nặng lắm, ông lang vừa ra nói cho con biết như thế và bảo con săn sóc, coi chừng thang thuốc cho cụ luôn luôn.

Nàng đi ra, một giây sau bung một chén thuốc cho cụ Huyền. Ông lão mệt mỏi và bần thần không ngồi được. Thiếu nữ phải choàng tay đỡ dậy, nhưng áo đã cũ, khuy nút bỏ rời, bị sức nặng thân thể cụ Huyền trần xuống mà bứt đi. Cánh áo sứt hé mở, lộ ra cái da trắng đỏ. Cụ rùng mình, uống cạn chén thuốc, nằm nhanh xuống giường trùm chăn kín mít và rên xiết như người bị thương.

Xế trưa cụ thấy nhẹ, bảo thiếu nữ đem mấy quyển sách trên án thư đưa cho cụ. Cụ lâm râm niệm kinh, và tối đến cụ nhận thấy trong người khỏe khoắn, tâm thần bình tĩnh.

Cách đó ít hôm, thiếu nữ vào lạy cụ xin từ biệt vì tìm được bà con rồi. Cụ hỏi nàng về đâu thì chấp tay thưa rằng : về Thành An. Lại hỏi người bà con tên gì thì nàng ngập ngừng dường không muốn nói. Nhưng sau vì cụ gạn hỏi, phải nói người ấy tên Quang ở lối hàng da trong ấp.

*

* *

Cụ lo sợ vắng vợ, bây giờ không dám ở một mình. Cụ về nhà bà con, nhờ tìm hộ một tiểu đồng. Ít tháng sau có người dắt đến một thằng bé trạc mười sáu mười bảy tuổi. Nó xấu xí, mặt mày u nấn và còn một mắt. Nó không chút thông minh và tỏ vẻ đần độn. Thấy thế cụ an tâm cho ở. Thường ngày phải lau chùi bàn ghế, quét dọn trong nhà, hay vun phân tưới nước những hoa quả trong vườn. Nó dốt nát và không bao giờ quan tâm đến sách vở, kinh kệ chồng chất trên án thư. Cụ thêm yên tâm và hy vọng ngày kia sẽ đem nó vào Niết bàn. Vả lại cụ thường nghĩ rằng : ngu đần, ít lanh lợi, thì vào Niết bàn không khó, có phần dễ dàng hơn những bậc thông minh là khác.

Ngày ngày, sau khi rảnh việc, cụ chỉ thấy nó lên đôi cật những cỏ thơm đem về. Có khi nó vào một khu rừng nhỏ ven đồi tìm quả "viết" chín hồng. Cụ tưởng nó đem cỏ về lót chiếu nằm cho êm, cho thơm và hái trái "viết" về ăn, nhưng một hôm cụ đương niệm kinh thì ngửi được một mùi thơm

ngọt phảng phất trong gió. Thấy lạ, cụ đi tìm. Bước ra sau gặp đứa ở đang loay hoay đun nấu một chất nước gì và tay nó đang cầm một cái bình nhỏ kê lên mũi ngửi. Trong ấy chứa một thứ nước xanh, trong vắt như lọc. Cụ hỏi nó đun vật gì, nó kính cẩn thưa :

– Con đun nước cỏ thơm và chất mật của trái "viết".

– Mà đun để làm gì ? – Cụ hỏi.

– Để nấu linh dược.

Cụ ngạc nhiên lấy bình linh dược của nó mà xem, ngửi thử thấy bay mùi thơm. Hỏi có nếm được không thì nó gật đầu. Cụ nhắm một ít thấy ngọt ngon lạ, và khi nuốt vào thấy ấm. Một giây sau, cả người nhẹ nhàng khỏe khắn, cụ vui vẻ hơn lên.

Ông lão Huyền mừng rỡ, hình như cụ đặc chí về một sự bào chế tiên thánh nào. Vì từ đó ngày ngày đôi Yên Tĩnh được nghe cụ hát nghêu ngao, và tiểu đồng sáng đi cất cỏ thơm thực nhiều, trưa vào rừng tìm trái "viết" đem về lấy mật. Trí thông minh sáng suốt lại giúp cụ chế được một thứ hơi rất nhẹ mà rất mạnh. Hơi thơm đậm đà, cụ gọi là tinh hoa của linh dược.

Bây giờ khắp vùng đều biết mùi thơm ấy. Họ không hiểu là gì, nhưng cũng đoán phỏng rằng :

– Cụ Huyền tu hành đắc đạo, phúc đức lan rộng thơm tho trùm một ven đồi. Cũng vì đó, cụ Huyền bớt tĩnh tọa dần, chỉ nếm thường linh dược, hoặc ngửi tinh hoa của linh dược cất trong bình dậy kỹ. Và sau những lúc nếm hoặc ngửi ấy, trí não thông minh sáng suốt lạ thường. Người cụ nhẹ nhàng, thân thể mọc cánh bay bổng lên thượng tầng không khí, tìm chơn lý và Niết bàn.

Một hôm, uống và ngửi nhiều linh dược quá, cụ ngã lăn xuống đất mê man. Tiểu đồng thấy cụ nằm mê, lấy bình tinh hoa ngửi thử. Nó chưa biết thứ ấy khác với linh dược của nó thế nào. Ngửi xong nó cũng ngất đi, trong lúc lửa trong một lò đun linh dược cháy dần. Vì nóng quá hơi linh dược động nhiều sức mạnh, tung bắn ra ngoài. Lửa bắt hơi bùng cháy không tài nào dập tắt. Khi đó cụ Huyền và đầy tớ vừa tỉnh, còn ngỡ ngác không biết tai họa ra sao. Có dân trong xóm đem gầu đến cứu, nhưng một người can lại bảo rằng :

– Cụ Huyền thiêu mình để tịch.

Trong cơn nguy ông lão rồi bắn, lúng túng, còn tiểu đồng thì ngồi dưới đất xem ngọn lửa cười xòa. Cụ nhìn nó ghê tởm. Bỗng nó trợn mắt nhe răng, trở tay về phía cụ vừa thét :

– Ông có nhìn được không ? Có nhìn được không ?

Cụ run cầm cập :

– Gì ? Cái gì ?

– Ha ha ! Quỷ vương, kia là Quỷ vương !

Cụ vội ngoái ra sau xem xét, nó đứng xồng dầy nhảy lại chụp cụ, đè xuống cho ngửi nốt tinh hoa linh dược. Cụ ngã khuỵu bất tỉnh, liền đó, nó xốc cụ lên vai, nhằm nồi linh dược đang sôi mà phóng vào.

Bên ngoài lửa thiêu hết nóc nhà tranh, cột kèo chuyển nghe răng rắc. Một tiếng ầm vang lên, cả nhà đều sập, và ngọn lửa cháy bùng.

237. TRÊN BÔNG LAI

Kỷ niệm một thời đại

Ánh sáng nơi đây mờ mờ như lúc bình minh. Những cây thông đứng nghiêm nghị hơn mấy buổi hội tiên nữ, và không reo hát vang lòng như mấy buổi ấy. Thỉnh thoảng có gió nhẹ, màu xanh lọt và mát mẻ của lá đọng đưa se se. Dòng suối trong hơn mọi khi và chậm rãi chỗ nước quanh mình đá. Liều bên dòng buông tơ êm ái như ru, in bóng lặng lẽ trên dòng suối trong veo. Thảm đều yên lặng, một yên lặng trang nghiêm vì nay là hội các hiền sĩ. Lâu lâu có tiếng thỏ thẻ, ngáy thơ của oanh hay là hạc văng vẳng nơi xa. Dưới hàng tùng bóng xanh lơ mờ, những làn trắng như sương phát phơ, thấp thoáng. Nhìn kỹ, những làn ấy nhẹ bổng tợ khói, uốn thành hình người bước tới lui, lướt trên nệm cỏ êm thấm và mát mẻ. Đó là linh hồn các bậc danh nhân hiền triết, từ đời nào tới đời nào. Họ đang cập kê đi bên nhau, từng đoàn, hoặc hai ba, hoặc năm sáu bàn bạc với nhau một vấn đề gì. Nhiều linh hồn đi rải rác một mình đường tư lự, vè đạo mạo trang nghiêm như còn đeo đuổi một lý tưởng. Tiếng bàn luận nhỏ rớt, lao xao, hết tiếng hoa đương nở trái cánh ra, hay là, nhẹ hơn nữa : tiếng hương rơi trong không khí buổi chiều.

Mạnh Kha⁽¹⁾ chậm rãi đi bên cạnh Hoa Đà⁽²⁾. Hai bậc vĩ nhân đã quen

(1) *Mạnh Kha* : cũng gọi là Mạnh Tử (khoảng 372 - 289 tr.CN), nhà tư tưởng lớn thời Chiến Quốc, kế tục Khổng Tử phát triển đạo Nho, đề xuất học thuyết "nhân chính".

(2) *Hoa Đà* (? - 272) : một danh y thời Đông Hán, tương truyền từng dùng ma phát tán gây mê để mổ bụng cho bệnh nhân, lại phóng theo điệu bộ các loài thú để sáng chế ra "ngũ cầm hý" rèn luyện thân thể. Về sau không theo Tào Tháo nên bị giết.

nhau lâu từ thuở mới lên non Bồng⁽¹⁾. Hai linh hồn cặp kè đi sát nhau thân mật - Mạnh Kha đưa Hoa Đà lại một gốc tùng già. Lá tùng xanh biếc se sẽ rung động vái chào. Một kim đồng tóc vấn quả đào, mặc áo lam sắp bàn cờ kê dưới gốc tùng; sắp xong khoanh tay chờ lệnh. Hoa Đà ra dấu cho phép nó đi chơi thông thả. Rồi đó hai linh hồn ngồi dựa gốc tùng khởi sự đánh cờ. Hai bậc vĩ nhân đi tiếp ván cờ bỏ dở ngày hội trước.

Mạnh Kha vừa đi, vừa nói :

– Hai ta đánh ván cờ này không biết thuở nào xong. Cứ lần tính đã hơn hai mươi ngày hội rồi, và mỗi một ngày hội là một trăm năm. Kể từ khi gặp nhau, biết nhau, ta chỉ đánh có một ván cờ mà chưa xong và cũng chưa ai thắng nước một lần nào.

Hoa Đà cười, chậm rãi đáp :

Đấy cũng vì hai ta đều là linh hồn, linh hồn hay tinh hoa của tâm trí vậy - nghĩa là một sự trong vô cùng. - Bởi thế chúng ta không lầm lỗi mà thua, hoặc sáng suốt thêm để thắng, ván cờ phải kéo dài ra mãi. Nước trong đổ vào nước trong vẫn là nước trong, không phân biệt chén nước đầu và chén nước sau.

Giá còn sống chúng ta đã ăn, thua nhau có muôn vàn ván cờ rồi, vì lúc ấy có thân hay là xác thịt, một sự pha lẫn, có thanh có trọc. Xác thịt làm bằng thất tình⁽²⁾ và lục khí⁽³⁾; những thứ làm cho hồn ta không được trong, trí không được sáng, luôn luôn bị rung chuyển. Ăn thua thắng bại đều do nơi ấy. Lạnh mùa đông ít làm cho người bạo, mát mùa thu làm cho người hiền. Cứ mỗi khi thời tiết đổi thay là mỗi khi trong người thay đổi. Mạch máu gặp lạnh thu nhỏ lại, máu chảy chậm lờ đờ, con người nhờ thế bớt lòng háo thắng, gặp lúc nồng nực, mạch máu giãn ra, máu chảy nhanh có vôi, người dễ cảm xúc mà thương hay ghét. Cứ như thế, mỗi lúc thời tiết thay đổi, và tính tình đổi thay, là một dịp ta thắng hoặc ta bại. Nếu không

(1) *Non Bồng* : tức Bồng Lai, tương truyền là một trong ba nơi các vị tiên ở : Bồng Lai, Phương Trượng và Doan Châu, đều ở giữa biển Bột Hải. Trên núi Bồng Lai, tiên nhân có thuốc trường sinh nên không già, không chết, cây cỏ cầm thú ở đấy đều màu trắng, và vàng bạc dùng để xây dựng cung khuyết.

(2) *Thất tình* : bảy tình cảm của con người là yêu (*ái*), ghét (*ô*), mừng (*hỷ*), giận (*nộ*), thương (*ái*), sợ (*úy*), ham muốn (*dục*).

(3) *Lục khí* : sáu khí trong vũ trụ là gió (*phong*), lạnh (*hàn*), nắng (*thủ*), mưa (*thấp*), khô (*táo*), nóng (*hỏa*).

xác thịt, linh hồn vẫn trong và khiết, không còn có sự thắng và bại nữa... Ta nay đánh cờ với nhau, là vì một thói quen. Khi sống bao phen dự vào cuộc cờ, về đây, nơi chốn non Bồng, tính quen còn vẫn vít.

Mạnh Kha nghĩ ngợi hồi lâu, đáp lại :

– Ôi danh y nhứt thời ! Hoa Đà, chốn non Bồng tĩnh mịch này, khéo bàn những lẽ tình vì về con người. Tôi rất phục tài xét đoán và quan sát của ngài. Vâng, chết rồi tình cảm chúng ta đều tan mất. Ta về non Bồng sống an nhàn, bình thản như ván cờ đương đi, không thắng bại. Ta điềm nhiên trước mọi việc, vô lý cùng bất công. Ta mất lòng thương ghét, mà lúc ở trần, đã làm cho đời ta có ý nghĩa.

Ngừng mấy giây, Mạnh Kha nói tiếp :

– Ngày nay để mắt vào thế giới chúng ta ở tạm trong bao nhiêu năm, ôi còn bao cảnh đau thương mà ta phải oán hận xót xa nếu còn ở đây. Tôi có lần giận dữ thốt lời quá khích. Nhớ tới thuở tôi bảo "dân là quý, kẻ đến xã tắc, còn vua thì khinh", tôi không khỏi tự trào. Cứ như ở đây, ta bình tĩnh suy xét mọi việc, thì cứ điều uất ức ấy chỉ có thể biểu lộ bằng lời trào phúng. Hiệu quả có lẽ đắt hơn, mà cõi đời lại được vui hơn một tý.

Hoa Đà, như sực nhớ điều gì, buông tay cờ đáp lại :

– Trong bọn ta chắc không ai bằng Trang Chu⁽¹⁾ về tài giễu cợt, nhạo đời. Tinh thần hài hước của Chu sâu sắc lắm.

*

* *

Cùng khi ấy, nơi xa, có một bóng sáng bay phấp phới, Hoa Đà cố nhìn và nói :

– Ai kia, giống hệt Trang sinh⁽²⁾ ?

Mạnh Kha nhìn kỹ, đáp :

– Chính Trang sinh đấy. Tôi trông rõ con bướm lớn màu rực rỡ.

(1) *Trang Chu* : cũng gọi là Trang Tử (369 - 286 tr. CN), là nhà tư tưởng lớn thời Chiến Quốc, phát triển quan điểm "đạo" của Lão Tử về tự nhiên, đề xuất chủ nghĩa tương đối. Câu chuyện ngụ ngôn nói Trang Tử một hôm nằm ngủ mộng thấy mình hóa thành bướm, tỉnh dậy vẫn vợ suy nghĩ không biết mình nằm mơ hóa bướm hay con bướm nằm mơ hóa ra mình, là ở trong sách của ông.

(2) *Trang sinh* : tức Trang Chu.

Hoa Đà vẫy con bướm vừa gọi :

– Có phải Trang Chu đấy không ? Mời ngài đến, chúng ta đàm đạo.

Có tiếng trả lời :

– Xin vâng.

Rồi một con bướm bay đến. Bướm to, cánh rộng như chiếc quạt, và điểm màu rực rỡ. Lúc đến nơi thì đập cánh vào nhau, tiếng kêu như vỗ tay. Trang Chu hiện ra mặc áo tím viền chỉ vàng và thêu hoa đỏ.

Mạnh Kha cười ngất :

– Hay quá. Trang sinh, thay đổi dễ dàng như thế, chẳng trách tinh thần hài hước của ngài rất dễ dàng, rất tươi tắn và mới mẻ luôn.

Trang Chu vội đáp :

– Kha chớ khen, Kha chớ khen. Thay đổi là thực, không thay đổi là giả. Ta là thực nên thay đổi mãi và biến đổi mãi. Nếu xét nhận tình tường, cả vũ trụ cũng thay đổi luôn luôn, không ngớt. Đến câu chuyện ta vừa nói và những lời ta sắp nói cũng thay đổi như thế.

Hoa Đà mời Trang Chu ngồi lại, cùng Mạnh Kha thôi đánh cờ. Chu thấy vậy phì cười :

– Các ngài đã thoát ra ngoài thế giới kẻ sống, bây giờ thư thả, thế mà cũng chưa thư thả với thế giới riêng của mỗi người. Thế giới này khiến – không chừng đã buộc – các ngài bày ra một cuộc cờ để ăn thua với nhau. Các ngài mất sự thông thả, tự do vì cuộc cờ ấy. Đánh một ván cờ, là sống một thế giới khác mới mẻ, hoặc nói cho đúng sống một cuộc đời nhỏ ta vừa tạo lập, đương khi ta sống cuộc đời lớn hằng ngày. Như thế tâm hồn và trí não không tự do nữa – mà cũng không thể tự do – luôn luôn còn nghĩ tới đường đi nước bước trên ván cờ hết như lúc lo lắng ăn thua trong cái sống lớn.

Ta cố tìm sự tự do nên tránh điều lo nghĩ thế mà cũng chưa được tự do, còn hình ảnh và lời nói. Hình ảnh, cái lối này luôn luôn báo với đời : có Trang Chu đây, có Trang Chu đây ! Lời nói hay là tiếng thốt ra, luôn luôn báo với đời : có thuyết Trang Chu, có tư tưởng Trang Chu. Hai thứ. ta chưa tránh được nên không thể nói đã hoàn toàn tự do. Cũng vì vậy ta thay đổi hình mãi, lúc Hồ Điệp, lúc Trang sinh. Trang sinh là của mẹ ta cho ta, nay còn đem theo đây; Hồ Điệp là của ta cho ta, nay còn vấn vương đây; cũng chưa bỏ được cả thầy cho nên cũng chưa được cái tự do tinh khiết...

...Còn lời nói ! Đó là một nhà tù phải sống đời đời kiếp kiếp mà không mong thoát khỏi. Ta đã lo xa, khi biến thành Hồ Điệp sẽ ít nói, để thư thả một lúc. Nhưng vừa khỏi nhà tù này là đi vào nhà tù kia. Ấy phải làm theo cử chỉ con bướm, để phải là bướm và cho người biết đó là bướm vậy. Chỉ khi nào không còn Trang Chu, chừng ấy mới thực hiện cái tự do hoàn toàn vậy. Quý hóa thay kẻ không sinh và không tử ! Kẻ ấy sẽ không tên, không lót, không lời, không tiếng nói, chỉ là một Ý, một Hồn, mãi mãi an nhàn yên tĩnh. Đây mới là cái tự do tinh khiết.

Mạnh Kha cười ngất :

– Trang sinh nguy biến rồi.

Trang Chu vội đáp :

– Nguy biến có lý, còn thực hơn lời biện chính đĩnh. Kha chưa nghĩ hoặc đã nghĩ mà không nhớ : đời người lúc sống cũng như khi chết không phải một nguy biến hữu lý sao ? Cứ xét lại tư tưởng đã có, với cử chỉ và hành động, rồi suy ra từ sự hành động đến sự thành công, Kha ắt thấy đời là một nguy biến chí lý...

*

* *

Hoa Đà ngắm cái áo màu rực rỡ của Trang Chu vừa suy nghĩ :

Áo này không dệt bằng gì cả, không phải tơ, không phải vải, chỉ có màu kế tiếp nhau thành một làn nhẹ tợ khói, mà không động như khói. Thoạt nhìn, thì màu ấy tím, có làn vàng và chấm đỏ. Trông kỹ thì màu tím ấy có ngời xanh da trời, có màu nâu. Nơi màu vàng thì chiếu sáng màu lá non pha một ít tia đỏ màu da cam chín; và nơi màu hồng, ẩn muôn rắng đỏ khác nhau.

Hoa Đà ngạc nhiên hỏi Chu :

– Trang sinh dùng áo này làm gì, không phải là vải cũng không phải tơ, chỉ có màu thì vô cùng xán lạn.

Trang sinh cười :

– Hoa Đà là một danh y, nhìn áo mặc hiểu có khác. Theo y sĩ, áo để che thân, ngăn lực khí xâm nhập vào tạng phủ. Ta đây nghĩ khác, áo mặc ngoài là giấu sự thực bên trong.

Trang Chu vừa nói, vừa vén vạt áo lên. Bên trong không thấy gì cả. Mạnh Kha và Hoa Đà tỏ vẻ ngạc nhiên, ngài nói tiếp :

– Sự thực là gì, đó là cái không. Cái có là giả, cho nên màu mè có mà giả dối tãt, nó chỉ để giấu cái thực mà thôi, cái thực vô hình. Tư tưởng là gì ? Không phải là vô hình sao ? Thế mà nhờ tư tưởng ấy các ngài biết được ta, rõ được ta : đó, Trang Chu đó !

Tư tưởng con người, trí não con người đều là thực, vì nhờ chúng người mới có, mới sống ! Nhưng nó là không, vì chúng vô hình... Bởi thế phải cần màu mè - đều là giả, vì tự nơi chúng không có một tư tưởng nào - làm áo mặc ngoài, che chở đời người bên trong, hoặc làm xuất hiện một tư tưởng rõ ràng, như điểm trắng giữa khối đen. Người đời khi sống lúc nào cũng lấy cái áo màu lòe loẹt mà che cái thực của mình, cho nên không thuở nào con người giả dối bằng khi "sống".

Hoa Đà chưa hết ngạc nhiên, lắc đầu :

– Tôi phục Chu lắm. Ngài nguy biện quá tôi xin chịu, không sao hiểu thấu lời ngài. Nếu cứ nguy biện vậy, chắc ngài sẽ bảo : sống là chết mà chết là sống, trong khi tôi tưởng sống là có giác quan có cảm xúc, nơi thân thể ngũ tạng làm việc điều hòa.

Mạnh Kha lại thêm :

– Sống là hoạt động. Ta còn tạo lập một công nghiệp nào tức nhiên ta còn sống. Có người nhờ thế, sống đời đời không chết. Tư tưởng họ luân quần mãi nơi trần, ảnh hưởng sâu xa vào đời mà hoạt động, sinh nở thêm bao công việc to tát.

Trang Chu vỗ tay cười :

– Các ngài hiểu như thế, ta chưa dám nói là sai, nhưng không đồng ý với ta chút nào.

– Vâng, theo ta, như nhà danh y mới nói, sống là chết mà chết rồi mới hẳn là sống vậy. Một điều rõ ràng : bây giờ chúng ta có đây, và đương bàn cùng nhau nhiều vấn đề thâm thúy. Chết là mất, nhưng ta có mất gì đâu. Chúng ta chỉ thay đổi. Ngày trước có xác, nay xác bỏ đi, vì linh hồn đến kỳ trưởng thành, không thể ở mãi trong ấy. Bỏ nhà ra đi, sao gọi là chết ?

Nay không thêm ở trong cái nhà tù xác thịt chật hẹp dơ bẩn ấy, ta thoát ly ra vòng lục khí, thất tình; tâm hồn thư thả tự do bay về chốn này, thế

cánh này là cánh chết sao ? Không phải. Ấy chỉ vì hai chữ sống chết, người trần dùng không đúng nghĩa, cũng như muôn nghìn chữ khác.

Nếu bảo sống là có cảm xúc, có giác quan, ta không chịu vậy là đúng; vì cảm xúc và giác quan đều là nguồn gốc của sự chết. Cảm xúc làm hao tâm : buồn, giận, thương, muốn... có phải để làm mòn mỗi tinh thần ta không ? Giác quan : thấy, nghe, nếm, ngửi... có phải để chà mòn cái xác thịt ta không ? Như thế sao gọi rằng sống, ấy đi lẫn về cái chết vậy. Và lại cái sống mà người đời không hiểu là muôn nghìn cái chết nhỏ kết lại.

Nếu bảo sống là hoạt động, bây giờ ta cũng sống đây; thế mà dưới trần, người đã bảo chúng ta chết rồi. Ta còn hoạt động lắm chứ; ta đang tìm tòi, bàn luận, trí còn suy nghĩ hoạt động. Ta chết đâu nào, mà người đời dám gọi ta đã chết.

Mạnh Kha cùng Hoa Đà nhìn nhau lắc đầu, nghe Chu mà không cãi.

*

* *

Trong thời khắc ấy, bỗng thoáng qua một dòng hơi lạnh, các linh thần rung mình. Cả thầy nhìn quanh; những linh hồn ngơ ngác hỏi nhau : có phải gió Bắc phương thổi lạc chốn hay không ? Sự kinh dị mỗi lúc một tăng. Luồng gió quay tròn vi vút. Rồi trong vòng trời⁽¹⁾, một làn khói trắng xuất hiện, một lúc một dày, kết khối, biến làm một dáng người. Giữa lúc ấy, có tiếng rên xiết đau khổ, văng vẳng như gần như xa, kể bật lên một lời quát tháo :

– Hãy ngừng lại, trở về Hạ giới cả thầy; ta vào đây bàn một chút việc rồi về liền.

Một người xuất hiện, đội mũ bình thiên, mặc bạch giáp.

– Chào các dị nhân. Chúc các ngài vẫn được thanh nhiên và vô tư.

Hoa Đà lạnh mắt, nhận được ngay là Tào Mạnh Đức⁽²⁾.

– Chúa công lâu nay mạnh khỏe thế nào ? Ngài hỏi.

– Ta vẫn bình an, cõi u minh cũng nhàn hạ như trên này.

(1) Trời : cột gió lốc xoáy tròn, tiếng miền Nam gọi là "con trời".

(2) Tào Mạnh Đức : tên là Tào Tháo (155 - 220), tự Mạnh Đức, vua đầu nước Ngụy thời Tam Quốc.

Mạnh Kha vội hỏi :

– Ngài tự cỡi u mình lên đây. Xa xôi mà gay go làm sao đi được ?

Tháo cười hất :

– Khó gì ! Kể giữ ải mà tham thì mười Tháo này cũng qua được, huống gì có một Tháo. Và lại nhằm buổi Trung nguyên, được thông thả giao du, ta lên lên đây, muốn bàn với các ngài một việc lớn.

Hoa Đà lại hỏi :

– Thế đi có một mình ngài, sao ban nãy lại nghe nhiều tiếng rên rĩ khóc than ?

– Đó là toán âm hồn cảm tử của ta, không cho vào đây vì sợ mất cái yên tĩnh trang nghiêm của non Bồng.

Trang Chu nhìn Mạnh Đức giây lâu, mời ngồi rồi khởi chuyện :

– Ta nghe khi xưa Mạnh Đức danh tiếng lẫy lừng, một bậc anh hùng trong thế giới, thế cái khí phách ấy còn không ?

Mạnh Đức nhìn Chu, rồi hỏi :

– Ông có phải là Trang sinh chăng ? Xưa nghe là một triết nhân phóng khoáng, thích chơi vô cùng, ghét cái có mà tìm cái hư vô. Tính khí ấy ông nay còn không ?

Ta vẫn vậy.

– Thế thì Tháo này cũng vậy. Tháo cười ngất và nói tiếp :

– Nay lên non Bồng muốn bàn với các ngài một việc quan hệ, có ảnh hưởng đến tất cả vũ trụ, không biết các ngài nghĩ thế nào ?

– Chúng tôi sẵn lòng nghe. Chư vĩ nhân đồng đáp.

– Đây này, Tháo nói, vũ trụ không biết đã bao nhiêu lâu theo một thứ tự đã cũ kỹ. Giá chúng ta hiệp lực chung nhau; hoán cải cái thứ tự ấy, nghĩa là truất ngôi Tạo Hóa đã mấy muôn thế kỷ làm bá chủ trên Thiên cung, trên Bồng Lai, khắp Hạ giới và Âm phủ. Lẽ nào đời đời kiếp kiếp, cỡi Bồng Lai, cỡi Âm phủ vẫn không di không dịch. Tại Âm ty đã mấy triệu thế kỷ, bọn ngưu đầu mã diện⁽¹⁾ làm tên ngục tốt không thăng không chuyển,

(1) *Ngưu đầu mã diện* : đầu trâu mặt ngựa, tức Quỷ sứ.

trên Hạ giới loài mơ chỉ sinh ra mơ, không sinh được quả đào, và trên non Bồng này, các tiên chỉ có mỗi một việc là bàn chuyện khảo⁽¹⁾ đến vĩnh viễn.

Ta hãy nhân dịp cái bằng phẳng chung quanh, cái đều đều chán nản, cái thứ tự bình thường, mà nổi lên đả đảo sự yên tĩnh, sự tĩnh mịch, sự nhàn hạ nghìn xưa. Muốn thế nào cho có mưa giông trên Thượng giới, có tiếng nhạc êm ả nơi Âm ty, có sự điều hòa mới mẻ ở Hạ giới; tự nhiên theo chiều bốn mùa vận chuyển, loài mơ có thể sinh ra đào, sinh ra lý, sinh ra lê, đến loài người, muốn tới vị lai, hoặc về quá khứ cũng dễ dàng như cơm bữa.

Những điều xưa kia gọi là bất lực, nay gọi là sự có hàng ngày, cái khó hóa dễ, những cái không thể có đều thành ra cái có. Thế giới khắp nơi đổi mới, loài người cũng mới, cả vạn vật và vũ trụ. Được thế, chúng ta nghiêm nhiên từ chỗ thấp này, vượt lên bậc Hóa Công. Ta giam Hóa Công một nơi, lấy hết cả phép tắc, nhiệm mầu, giựt quyền thưởng phạt, cướp phép "biến cải" về bọn ta. Chừng ấy, mỗi người một tài, thế giới không phải thờ phụng chịu ơn một đấng thiêng liêng, mà do nhiều tài năng mà phát triển; tùy chốn, tùy thế hệ, rồi từng quyền một Tạo Hóa riêng, chuyên môn tinh xảo. Sự tạo hóa không còn do một người mà có, mà do nhiều tài năng tinh vi, chỉ hóa sinh cái sở trường, cái đặc sắc của mình. Như thế, vũ trụ này sẽ thấy cái sung túc dồi dào, cái mới mẻ lạ lùng xuất hiện không bao giờ ngớt; trái hẳn lại cái thế giới già cỗi này, luôn luôn điềm dạm, luôn luôn nhiễm một tật xấu, vì là tác phẩm của một tài năng đã cỗi.

Tháo mê man bàn việc lớn, lời hoạt bát và hùng hồn, khiến cho các linh hồn hăng hái thêm lên, dường cảm nhận một nguồn sinh lực mới. Mạnh Kha vợ vẫn nghĩ đến chức Hóa Công, Hoa Đà nghĩ ngợi đến cái lẽ hóa sinh của vạn vật. Trang Chu yên lặng, không rõ đã nghĩ gì.

Tháo nhìn qua thấy lời mình có hiệu quả, lại càng hứng chí, cố phát hiện ra lời tất cả cái sức nóng cuồng mà Tháo đã chịu trót hơn hai nghìn năm trong lửa địa ngục.

– Ta sẵn sàng, Tháo nói, có được hai mươi lăm triệu âm binh dưới Âm phủ và Hạ giới; thầy tình nguyện theo ta làm việc lớn; các ngài trên này chỉ

(1) *Khảo* : tầm phào.

còn việc quyến rũ những quân tiên khác, cùng hợp một lòng, lại tập rèn bọn Kim đông⁽¹⁾ thành thuộc việc đao binh, đến sang năm ta khởi sự.

Tháo dương quyến rũ, bỗng dừng ngừng lại; tai vừa lắng nghe một âm thanh kỳ diệu. Ngay lúc ấy các linh hồn thấy giạt mình, như tỉnh một cơn say. Âm thanh huyền diệu mỗi khắc một rõ. Tháo lẩm nhẩm :

– Trương Tử Phòng⁽²⁾ thối sáo làm hư việc ta. Trương Tử Phòng đáng ghét.

Tiếng sáo bật lên rõ rệt. Thanh âm của đấng anh hùng, sau khi thành công, ẩn non xanh tu luyện cái thuật thối sáo của mình, tiếng sáo náo nùng, dịu dàng đến đôi không những lui một toán quân hăng hái, mà có thể lui những dục vọng quý quái chực chờ ám ảnh hồn người.

Tử Phòng mặc áo Đạo sĩ, có chiều thanh nhã, phảng phất đến gần. Tháo rú lên, vận gió; luồng trốt xoay vần, một làn khói trắng chui về miền Hạ giới.

Cả thấy đều tỉnh minh, ngơ ngác nhìn, Trương Lương đã đến. Trương Lương vái chào các linh hồn, không nói một lời gì, lại an nhiên thối sáo. Trang Chu đứng dậy lẩm nhẩm hát :

*"Này thế sự có vui đâu đó,
Nỡ rời tàn hoa nợ khác chi"*

Hát xong vỗ tay như pháo nổ, biến làm con bướm to, cánh rộng như chiếc quạt, và điểm màu rực rỡ. Ánh sáng nơi Bông Lai yếu dần như sắp tắt. Buổi hội đã mãn. Các linh hồn, từng đoàn, thông thả, về động riêng của mình. Con bướm bay thấp thoáng vào cõi hư vô, và trên lần bay, các linh hồn còn nghe tiếng nói Trang sinh : "Đúng là người thì không còn có mình, đã làm thần thì không có công, làm thánh thì không có danh".

Tiếng nói dứt đi, cả thấy đều trở nên tĩnh mịch. Trong sự thanh tĩnh bây giờ chỉ có tiếng sáo của Tử Phòng còn thướt tha uyển chuyển.

(1) Kim đông : những tiên nam còn trẻ, hầu hạ các vị tiên, trái với Ngọc nữ là tiên gái cũng làm việc hầu hạ chư tiên.

(2) Trương Tử Phòng : tức Trương Lương (? - 186 tr. CN), một danh tướng của nhà Hán, giúp Hán Cao Tổ đánh thắng Tần, diệt Hạng Vũ rồi bỏ đi tu tiên, tương truyền từng được chiếc sáo của tiên cho, một khi thổi lên làm tiêu hồn quân sĩ đối phương.

238. MẶT TRỜI

Thuở ấy Thiên Nhiên nắn xong quả đất, có vạn vật cầm thú, cây, cỏ, nhưng chưa có người. Một thiên thần quỳ xuống tâu rằng :

– Muôn tâu lệnh Tào Hóa, công trình Tào Hóa thật vĩ đại, nhưng ngu thần thiết tưởng muốn tác phẩm ấy được tinh xảo hơn, Tào Hóa nên tượng một động vật gồm cả tinh hoa của vạn vật vừa làm. Sau này cần khảo sát việc gì trong quả đất, ta chỉ hỏi động vật ấy là xong.

Thiên Nhiên ngẫm nghĩ giây lâu cho là phải. Rồi đó, người sai một thiên thần chọn lọc những bột vừa dùng, lựa hết thảy hạt rất tinh, rất trắng, đem cho ngài. Thiên Nhiên nắn bột ấy một hình thể như ngài và nhờ vậy, người thứ nhất hiện trên mặt đất.

Một tiên nữ thấy thế che miệng cười khúc khích. Thiên Nhiên chợt thấy, không giận, kêu lại hỏi :

– Nhà ngươi có ý gì hay, vui cười như thế ?

Tiên nữ quỳ xuống tâu rằng :

– Thần thiếp thấy lạ nên cười : mỗi vật trong quả đất đều có đôi, hoa cũng có dục, cái; chim có trống, có mái, ong bướm cũng thế ; chỉ có vật vừa nắn xong có một mình không bạn. Thấy lạ thiếp cười.

Thiên Nhiên vui vẻ hỏi :

– Vậy nhà ngươi có cách gì tìm cho nó một người bạn không ?

Tiên nữ đáp :

– Thần thiếp không dám khoe tài, nhưng tưởng nặn cho vật ấy một người bạn thật là không khó.

Thiên Nhiên bảo nàng :

– Vậy ta phó thác cho ngươi việc ấy.

Tiên nữ thu cả vẻ đẹp trong quả đất, góp hương hoa, gom màu sắc của muôn loài : sắc hoa, sắc lá, màu chim, đem về trộn lại điều hòa. Rồi đó nàng dùng vẻ đẹp ấy nắn hình một thiếu nữ xinh tươi, lấy màu sắc và hương thơm điểm trang cho thân thể. Thiên Nhiên ngắm thiếu nữ của nàng tiên vừa nắn xong, khen rằng :

– Tác phẩm tiên nữ khéo léo thực, tỷ mỷ và đẹp dễ lắm.

Từ đó nhân gian có một người đàn ông thông minh và một người đàn bà tuyệt đẹp

*

* *

Hai người quen biết nhau lúc vừa hiện, và rất thích sống chung với nhau như đôi chim gáy. Họ không biết tình họ là gì nhưng bây giờ ta biết và gọi nó là ái tình.

Thuở ấy vạn vật đều sống trong không khí yêu đương. Đi đâu cũng thấy chim âu yếm, thú đùa bỡn và hoa rơi lá để hương rơi theo gió mát. Trời bình minh. Nơi màu xanh, không khí có tiếng nhạc, rót vui vào lòng mọi vật. Nơi màn liễu dịu dàng tha thướt, vợ chồng nhà oanh thỏ thẻ cùng nhau câu chuyện ân tình. Và chàng cùng nàng bên dòng suối, trên nệm cỏ, cũng bắt chước thì thầm những lời mà chỉ gió mai nghe được.

Buổi đầu êm ái quá. Vạn vật không lo bận sự gì, thấy tươi cười hớp rượ ngọt và mát của ái tình. Một hôm, ngồi trên đồi cao lắng tai nghe gió hát, sau tiếng gió dần ền tiếp theo những lời ca vui, thấy tâm hồn cảm xúc chàng bẽ sậy tiện thành một ống tiêu; rồi lựa những tiếng đẹp của chim, của thú, của gió và của người, sắp trộn cho đều hòa. Từ đó tiêu của chàng cất tiếng du dương nâng niu lòng vạn vật cho tình thương thêm nhẹ nhàng êm ái. Nàng thấy chàng yêu mến càng yêu mến; rồi bắt chước, nàng lựa những lời dịu dàng mà âm điệu thâm trầm kết lại thành tràng ca âu yếm nồng nàn. Từ đó, lúc nào có tiếng tiêu du dương và lời ca ân ái, gió ngừng hơi thở, suối và chim gõ nhịp cùng tiếng hát dễ nghe. Màn liễu đẽ mề, se sẽ rung tơ, vì tiếng ca rất trong và tiếng tiêu rất thắm. Những đóa hoa trinh bạch hớp say sưa ái tình của đôi tài tử giai nhân, bày lộ nhan sắc và rải hương lúc nào không hay.

Tình yêu nồng nàn, nhưng không một tư tưởng ham muốn và thềm ước về xác thịt. Thấy yêu nhau trong sạch, không lúc nào gợn sóng nhục dục.

Tạo Hóa và các thiên thần nhìn xuống trái đất thích chí lắm. Những màu rực rỡ của sự yêu đương làm cho thế giới này thêm tươi, thêm xinh và có phần hoa mỹ hơn chốn Thiên đình. Tạo Hóa không chút ganh hờn, buồn tiếc, vì đó là công trình của mình.

*

* *

Bây giờ một thiên thần tài cán hơn hết, đẹp dễ hơn hết, nhưng có tánh ganh hiên, lúc nào cũng muốn làm hơn Tạo Hóa và lúc nào cũng muốn phá hoại công trình Tạo Hóa. Sở dĩ như thế là vì Tạo Hóa cũng là một thiên thần, nhưng vì tài và nhân từ hơn cả thiên thần, được tôn làm chủ Thiên đình, được quyền tạo hóa mọi điều theo ý muốn.

Chỉ có một vị thần ấy cậy tài, ỷ phép thường không thuận và tìm đủ cách làm hỏng công việc của Thiên Nhiên. Biết thế, Thiên Nhiên để vị thần trấn riêng một thế giới xa, và không một thiên thần nào kết bạn với thần ấy.

Một hôm đi dạo, thần bỗng để ý tới quả đất. Nàng xinh đẹp và chàng thông minh. Thần đâm ra ganh ghét với Tạo Hóa. Suy tính giây lâu, rồi thần hóa làm một cụ già đầu tóc bạc phơ.

Lúc ấy chàng đương nghe chim hót, và lựa tiếng tiêu véo von đem về. Nàng một mình, bên cạnh hoa, sắp những màu hòa hợp để khi về làm vui mắt chàng. Ông cụ đến lúc nào nàng cũng không hay. Vừa trông lại, nàng rú lên, sợ hãi. Nhưng ông ta cười :

– Sao lại sợ, ta là Thiên Nhiên. Chính lão đã sinh nhà ngươi.

Bấy giờ hoàn hồn, nàng rón rén lại gần. Ông cụ lấy tay cuộn màn sương phơ trên cỏ, rũ xuống một cái, màn sương hóa chiếc áo tơ. Cụ đem lại mặc cho nàng. Làn tơ cọ vào thân thể gợi sự xấu hổ e lệ, khiến nàng thẹn thùng đã lóa lổ trong bấy lâu. Ông cụ rút những giọt thủy tinh lóng lánh trên cành hoa, giọt sương biến thành chuỗi kim cương, cụ đem mắc vào tai nàng. Đôi hoa tai chiếu ngời, má nàng ửng hồng vì sung sướng. Ông cụ lại bẻ hoa lan trắng xâu thành vòng ngọc thạch, rồi cũng đem lại đeo vào tay ngài của nàng. Nàng mê mải rạo rực, nghe có một cảm giác mới. Lúc ông cụ trang điểm cho nàng xong, nàng vội vã ra dòng suối, ngắm thân thể nàng trong gương nước. Nàng vỗ tay thốt lên : "Ta đẹp ! Ta đẹp !".

Ông cụ mỉm cười đắc ý :

– Ta lại biếu người hai viên đá lửa, lúc chạm vào nhau thì lửa bùng cháy, và khi lửa cháy người sẽ đẹp hơn lên.

Nói xong trao cho nàng hai viên đá màu huyền, rồi biến đi. Nàng còn ngạc nhiên, nhìn hai viên đá lạnh trên tay, rồi ngỏm nh lại dòng nước trong, nàng khôn xiết vui mừng : "Ta xinh đẹp, ta xinh đẹp" – nàng thì thầm nói với nàng.

*

* *

Lúc ấy chàng lắng nghe chim hót, bỗng có tiếng xao động, lá rụng cành rơi, ngừng lên thấy ông cụ già bước đến trước mặt. Chàng không sợ hỏi rằng :

– Ông ở đâu ?

– Ta ở trong gió.

– Ông là ai ?

– Ta là Thiên Nhiên.

Chàng cúi phục chào đấng Thiên Nhiên. Ông cụ đỡ dậy hỏi :

– Người làm gì ngồi đấy ?

– Con lắng tai nghe chim hót.

Ông cụ lắc đầu khuyên nhủ :

– Thế cũng chưa thích. Để ta biếu người vật này dùng rồi thấy hứng thú hơn.

Ông cụ bỏ một nhánh đào uốn cong, chặt dây leo cột thẳng vào hai đầu, vuốt ve vật ấy thành một cây cung; lại bẻ một nhánh trúc, chuốt nhọn làm tên. Ông cụ trao cho vật ấy mà bảo rằng :

– Người chấp tên vào cung, nhắm con chim gáy kia thử nào.

Chấp tên vào cung, chàng nhắm con chim gáy đang hót bên vòm trên cành thông. Ông ta lại bảo :

– Người kéo sợi dây kia vào người rồi buông thử nào.

Chàng kéo sợi dây vào mình, rồi buông. Sợi dây thả lỏng vụt bắn mũi tên. Tên bay vút, con chim gáy bị trúng thương nhào xuống chết tươi. Một án mạng thứ nhất xảy ra trên thế giới.

Ông lão biến mất, chàng đứng ngạc nhiên trong lúc chim mái kêu thảm thiết. Khó chịu chàng nhặt mũi tên, lắp vào cung bắn luôn con mái. Chim rơi xuống đất, lòng chàng thôi bứt rứt, vui vẻ trở lại. Tay vuốt ve âu yếm cây cung, gương mặt hân hoan vì chàng mới được thú vui hiếm có. Chàng vội vã trở về san sẻ thú vui ấy cho người yêu.

Khi về, ngạc nhiên hơn nữa, chàng đứng trân nhìn nàng xinh đẹp lạ thường. Ánh lửa tươi vừa nhóm, ánh lửa cỏ lá cuộn lên không trung. Lửa reo vui, nàng múa hát. Tà lụa mỏng thướt tha theo làn gió. Thình thoảng cánh áo phất lên, lộ một cánh thân trắng nuốt. Đôi hạt kim cương cũng theo chiều nháy múa, lóng lánh trên gò má ửng hồng. Tay dịu dàng, trong trắng bên chiếc vòng ngọc thạch.

Hơi lửa nồng, gợi về những ham muốn xác thịt. Cái đẹp của nàng, nàng cảm nhận với một sự rung động mê ly; còn chàng, chàng nhìn cái dáng đẹp khiêu khích ấy, lòng rạo rực bồn chồn nghe mình sung sức quá. Chàng hấp tấp giấu cung tên một nơi. Nàng bỗng rú lên rồi ngất đi.

Ngọn lửa ma tàn dần, chàng nghe lạnh và nàng run rẩy. Một cái lạnh không biết do đâu, thông thả tràn vào tâm hồn hai người. Áo kia mỏng quá không đủ ấm. Đốt lửa, hơi nóng cũng không đủ sưởi. Lạnh thấm vào người, đem theo sự đói khát và mệt nhọc.

Thế rồi chàng mang cung vào rừng sâu, tìm thú để săn. Nàng bẻ trái ngọt, kiếm suối trong lấy nước. Họ bắt đầu cực khổ vì miếng ăn, và từ đấy họ thấy đói rét. Chàng giết chim sáo giọng líu lo, chim sơn ca tiếng hát thanh mà chàng đã ưa, đem về nuôi vợ và mình. Nàng bẻ trái thơm ngọt, làm rụng những chùm hoa đẹp mà nàng đã từng ham ngấm khi xưa. Vừa đủ năm, tới kỳ sinh nở đau đớn, nàng rên xiết lăn lộn, và cứ thế, năm năm, nàng rên xiết một lần.

Đàn con một ngày một thêm, chúng lần lượt tranh nhau ra đời. Lớn lên ăn nhiều không sao nuôi kịp. Chúng phải đói rét tranh giành miếng ăn, miếng mặc mà đánh nhau. Lớn thêm nữa, chúng đi tán lạc mọi nơi, tìm cách nuôi thân. Nhưng sinh nở mãi, con người mỗi lúc một đông. Đi mãi rồi cũng gặp nhau, đánh nhau, tàn sát nhau để cướp nhà chiếm đất.

Từ đó trái đất vang tiếng oán hận, ganh ghét của nhân loại. Hơi tham như sát khí, giết tình thanh khiết ban sơ.

*

* *

Thiên Nhiên chưa hay.

Bỗng một hôm tiếng ai oán bay tới Thiên đình. Tạo Hóa lắc đầu, các thiên thần cũng không cách sửa đổi. Nhưng các vị thần đồng thanh bắt tội kẻ ghen tỵ với Tạo Hóa. Thiên đình triệu vị thần kia đến phán rằng :

– Công việc ta làm kẻ không sắc sảo, nên người có ý sửa đổi theo ý người. Bây giờ đã làm theo ý rồi, nhưng kết quả người chưa được thấy. Ta cùng chư thần đã quyết nghị buộc người trở lại xem mãi công việc của người. Người sẽ luôn luôn để mắt tới quả đất mà người có ác tâm sửa đổi tâm tình như vật chủ tể muôn loài nơi ấy. Người chỉ được xem xét các nơi mà không phép sửa đổi điều gì trong thế giới kia nữa.

Từ đó, ngày ngày đều có mặt trời, vị thần xưa kia đã làm mất sự tinh khiết của tình yêu. Mặt trời rơi xuống quả đất đương thân nhiên trước muôn sự xấu xa. Nhưng biết đâu, lắm khi thân giận dữ muốn thiêu hủy vạn vật, lắm khi chán nản tủi nhục muốn trốn lánh để khỏi chứng kiến những điều ô trọc đang phô bày trên thế giới.

239. ĐI TIÊU DAO

Tặng Đặng Ngọc Tốt

Về thời Hồng Bàng⁽¹⁾, vua Hùng Vương thứ bảy⁽²⁾, nước ta có người nằm ngủ rồi chết, năm ngày sau sống dậy. Lúc chết, người nhà không tá⁽³⁾, vì ngực hẫng còn nóng; như thế đến ngày thứ năm thì tỉnh. Họ hàng thân thích đến mừng khôn xiết. Người ấy bảo rằng :

– Các anh được ta sống lại thì vui, còn ta sống lại thì buồn.

Thấy ai nấy tỏ vẻ ngạc nhiên, anh ta mới nói :

– Ta vừa đi xa chơi thú lắm. Muốn đi nữa, nhưng khi trở lại qua đây nghe trong nhà, tiếng than khóc rên rỉ, ta tưởng có việc lạ đi vào, biết rằng đã chết. Họ hàng buồn rầu làm ta cảm động, đành bỏ dở cuộc đi chơi mà sống lại.

Bấy giờ, họ hàng xúm hỏi cuộc đi chơi ra làm sao thì anh ta kể :

– Tối hôm ấy, ta vừa nằm xuống giường thì bỗng thiếp đi. Một ông lão đầu râu bạc trắng, mặc áo thụng màu lam đến bảo :

– Ta là Linh thần đây; thấy ngươi có phúc tinh đến rủ ngươi đi chơi cho có bạn.

Rồi Linh thần dẫn đi. Dưới chân ta bỗng có mây. Mây cuộn hình thành xe tứ mã; bốn ngựa lửa phun khói và chạy nhanh bằng tia sáng mặt trời. Ta còn ngẩn ngừ chưa biết đi đâu, thì Linh thần đã hỏi :

– Nhà ngươi định chơi đâu trước ?

(1) *Hồng Bàng* : theo truyền thuyết là tổ đầu tiên của tộc người Việt.

(2) *Hùng Vương thứ bảy* : Hùng Vương theo truyền thuyết là tên chung để chỉ 18 đời vua nước Văn Lang (sau thời Hồng Bàng).

(3) *Tấn* : liệm xác chết để nhập quan.

Ta đáp :

– Muốn lên cung trăng xem mặt Hằng Nga đẹp thế nào ?

Linh thần cười mà rằng :

– Không phải ! Không phải, rồi người đến đấy sẽ rõ lời kia là dối.

Chớp mắt thì tới cung trăng; nói cung trăng cho dễ hiểu, kỳ thực đó là một thế giới, cũng như thế giới này. Không thấy Hằng Nga đâu cả, chỉ có một đám dân đang cày, cuốc, lam lũ, không đẹp, không lịch sự và không vui. Họ không nói gì đến ta, chỉ chăm lo trồng mảnh đất của họ, mảnh đất cần cỗi, mệt mỏi quá không còn sinh nở được nhiều. Ta hỏi Linh thần vì sao họ không cười, không nói, không bày trò chơi giải trí như ở thế giới mình, cứ khur khur bầu lầy miếng đất già kia.

Linh thần đáp :

– Người chưa rõ tình thế ở đây. Chốn này là một thế giới cũ kỹ sắp tàn, con người ở đây khổ cực lắm. Dân gian không biết phải hy vọng vào đâu chỉ có cách nhồi nắn, ép lại mảnh đất để mong lấy chút nước màu mỡ mà nuôi thân. Ngày nào nước ấy cạn dòng họ sẽ tiêu diệt. Biết thế, họ tằn tiện, cần mẫn và chịu cực đến đôi không còn thiết gì đến giải trí như ở thế giới của người. Tuy thế họ có cái văn minh của họ, nhưng cái văn minh ấy đã quá vãng. Bây giờ trong những lúc nhọc nhằn quá đôi, họ gọi lại trong lòng chút ánh lửa tươi ngày xưa. Thế thì họ trở lại khỏe, nhưng cũng để chịu cực như lúc nãy.

Ta buồn rầu, suy nghĩ :

– Giá đừng ham lên cung trăng, chỉ mơ màng cái ảo ảnh tuyệt đẹp mà bọn thi sĩ của trái đất gán cho Hằng Nga, thiết tưởng ta hưởng được biết bao thú vị của sự ảo dụ kỳ thú ấy và tránh được cái buồn đứng trông một giống người cần cỗi sống trên mảnh đất cần cỗi.

Linh thần thấy ta sầu ngơ ngẩn, thì cười :

– Chưa chi người đã buồn. Vậy hãy theo ta đến một nơi khác, chỗ này sẽ nhộn nhằng rộn rục hơn.

Nói xong, Linh thần và ta lên xe mây, Linh thần cho bốn ngựa lửa chạy về phía mặt trời.

*

* *

Ta đến mặt trời không biết bao lâu, hồi nào, vì lúc bấy giờ thời gian của trái đất không còn dùng được. Thời gian và không gian của vũ trụ rất lạ, không chút nào hết ở thế giới ta. Linh thần đã có lần giảng về việc ấy; nhưng ta không sao hiểu được, bởi nó mẫu nhiệm quá hay vì ta kém khiêu thông minh ? Gẫm lại cùng lý thì đằng nào cũng vậy.

Đến mặt trời, Linh thần ôn tồn căn dặn :

– Anh nên cẩn thận nhé ! Người xứ này rất vui, rất siêng, rất ham làm việc và rất hay nghi ngờ. Người siêng thường có tính nghi kỵ người khác kém sức làm việc hơn mình và nhân thế khinh thị người ta là biếng nhác. Anh phải đề dặt trong câu chuyện của anh với họ, kéo bị họ nghi như thế thì khốn, phải bắt và không được tiêu dao nữa.

Ta vâng, rồi cùng Linh thần đi vào mặt trời.

Ở đây vui vẻ thực như lời Linh thần. Thân thể người xứ này rất dẻo. Họ đi rất nhẹ tới lui tấp nập, nói cười luôn miệng. Mọi người đều có một vết tròn hồng trên trán. Họ mặc áo màu hồng, quần hồng, chân mang hài màu huyền. Ta hỏi sao họ ăn mặc như thế, Linh thần dạy rằng :

– Chốn này, dân tuân lệnh vua như con vâng lệnh cha, không bao giờ trái. Ăn mặc thế là nhà vua muốn thế. Độ trước ta đến đây, nhà vua ra lệnh mặc quần áo làm bằng ánh sáng, vì bấy giờ mùa màng phát đạt, trong dân gian nhà nào cũng chứa đầy bồ lúa sáng. Cách ít lâu nhà vua sinh thù với bọn rợ, không rõ gốc tích chúng nơi nào; chúng thành linh đến phá. Nhà vua đem binh ra cự và hồi lâu mới thắng được. Muốn kỷ niệm ngày về vang ấy, vua xứ mặt trời ra lệnh dân trong nước mặc áo hồng quần hồng, vì màu ấy là biểu hiện xứ mặt trời. Dân được phép may quần áo kiểu nào cũng được, dùng thứ hàng lụa nào cũng được, chỉ có màu thì phải hồng, không phép chọn thứ màu khác. Chân luôn luôn mang hài đen, màu đen là màu da bọn rợ kia. Nhà vua có ý cho loại dân rừng rú nọ là một thứ dân như đôi hài đen, chỉ đáng dùng dẫm dưới chân mà thôi.

Giảng xong, Linh thần dắt ta xem ruộng lúa sáng. Ở đấy có hàng vạn người đang lom khom gặt, vì bây giờ là mùa lúa chín. Ánh hạt sáng chói ngời, ta phải lấy tay che bớt mắt mới trông rõ được. Bọn gặt vui vẻ, hát, lý vang lừng. Nhiều người nhanh nhẹn, đội những thúng lúa sáng, đi vội vã. Ta kêu một người hỏi duyên cớ nào mà ở đây làm việc gì cũng vội vàng,

hấp tấp và cười đùa luôn mồm như thế. Người ấy dừng lại nhìn ta, dò xét rồi đi thẳng, không đáp, chỉ hát tiếp bài ca, mà vì ta, phải tạm ngừng giây lát. Ta hỏi nhiều người, người nào cũng không thèm trả lời. Họ như lo sợ mất sự gì, nhưng vẻ lo ấy họ cố giấu trong thâm tâm bằng những lời ca. Rốt cuộc, ta gặp một thiếu nữ lạnh lẽo và vui tính. Cô ta đứng lại, giảng cho ta biết : "Nguy lắm, ông ạ ! Chắc ông chưa biết cái nguy ấy ra làm sao. Ở nước tôi từ trước không có sự lạ gì. Nhưng sau khi dẹp xong bọn rợ đen thì nơi bãi chiến trường, chỗ chôn thây quân giặc, nổi lên những hòn núi đá, đen kịt, cứ to dần mãi, choán cả ruộng vườn chúng tôi. Núi ấy khô khan, hút cả chất màu mỡ trong đất. Chúng tôi nhiều lần trồng tía trên ấy, thấy vô hiệu quả, cây cối chết hết. Nhà vua thấy thế, liền ra lệnh bắt mỗi năm phải trồng năm mùa lúa sáng mà trước kia chỉ phải trồng một mùa, là đủ. Nhà vua phòng bị, khi nào núi kia choán hết đất, còn dành được bao nhiêu kho lúa sáng phát cho dân, trong lúc tìm cách trồng tía giống cây nào thích hợp với núi đá ấy. Bởi thế, chúng tôi làm gì cũng hấp tấp, mau lẹ để kịp thì giờ. Nhà vua lại cấm dân gian buồn thảm, âu sầu, bất cứ lúc nào, gặp một tai nạn gì cũng vậy, phải vui tươi, cười cợt luôn; vì mỗi lần buồn thì núi đen kia sẽ lớn hơn và choán thêm một phần đất tốt nữa. Những núi ấy ông có thể thấy được, nó ở về phía này (cô ta vừa nói vừa trở cho ta xem)".

Thiếu nữ nói xong quay đi nhanh nhẹn, đội thúng lúa sáng đem vào vựa của nhà vua. Cô ta đi mau vừa hát và cười đùa vui vẻ. Nhưng cái vui ấy khiến ta nghĩ ngợi, vì nó là bề trái một tư tưởng buồn bã canh cánh trong lòng.

Lúc ta nghĩ ngợi, và nói chuyện với thiếu nữ, một bọn người rình nghe, chúng bảo với nhau :

– Hẳn bọn này là người xứ nào, không phải ở đây, vì chúng ở không và không hát vui vẻ như dân mình. Chúng lại đi rong trong đồng mà chuyện trò với gái. Nhân thật !

Liền đó bọn ấy mách quan đến bắt. Linh thần biết trước vội kéo ta lên xe tứ mã kịp lúc chúng trở lại với đám quân cầm khí giới ghê sợ. Tuy sắp làm việc bạo tợn, bọn ấy cũng vừa đi vừa hát, cười đùa với nhau. Xe tứ mã vụt lên không, bốn ngựa lửa phun khói bay ra khỏi xứ mặt trời.

Linh thần còn đưa ta viếng nhiều thế giới khác. Ta được đến Mộc tinh, Hỏa tinh, vân vân... Đâu cũng có một loại người ở, nhưng tính nết khác nhau, không giống nào hết giống nào. Người ở Mộc tinh thường ăn hoa quả mà sống, tính tình họ thuần và chất phác. Họ rất chuộng đạo đức. Đời họ kéo dài trên nệm an nhàn và trong không khí êm đềm của tiếng nhạc. Người ở Hỏa tinh ưa lộc loẹt như đàn bà trong quả đất này. Đàn ông họ cũng đeo hoa tai, cũng thoa phấn, bôi son, cũng mặc áo màu như đàn bà của mình. Còn đàn bà họ thì làm dáng không người đàn bà ở thế giới nào bằng. Họ lại có tính nóng, thường gây gổ và đánh nhau luôn, nhưng họ không biết thù là cái gì. Hai người gây gổ với nhau rồi thân với nhau, tưởng tình vợ chồng ở quả đất mình không bằng. Còn loài người ở Kim tinh thì khác hơn hết, họ chỉ ăn vàng mà sống, như ta ở đây ăn cơm vậy. Nhưng vàng trên Kim tinh không phải là một loại kim như lúa của ta mà là một thứ cỏ. Vàng của họ giống hết loại ếch xứ mình. Sáng sớm, mỗi người đều ra khỏi nhà, tay cầm chĩa đi "soi" vàng. Người nào không muốn đi soi thì nuôi vàng ở nhà để dành ăn. Tánh người xứ này thì kiết lắm, hà tiện độc nhất. Có người thuật chuyện với ta rằng : "Một anh Kim tinh nuôi vàng không biết bao nhiêu mà kể, anh ta chăm nom rất kỹ nên vàng thật tốt, nhưng chỉ để ngắm chứ không ăn. Sau mắc bệnh "kiết" mà chết"; bệnh "kiết" ở đây cũng như bệnh táo xứ mình.

*

* *

Lúc chơi xong khắp vũ trụ, xe tứ mã đưa ta đến một cái biển rộng mông mênh; nước biển đen như mực, bề sóng có vôi. Mặt nước, hơi lên nghi ngút, và hơi ấy nóng không biết lấy gì mà sánh được. Vòm trời nơi đây mù mịt, u ám. Ta hỏi Linh thần biển này tên gì, Linh thần lắc đầu không nói. Ta gạn hỏi, Linh thần cho ta biết rằng : "Ngày xưa, tiên trưởng, thầy của Linh thần, có nói biển này vô danh. Nó lớn lắm, không biết lấy ước gì mà đoán được. Biển chảy ra vũ trụ, ngoài cần khôn và nơi đó có một thế giới lạ lùng". Ta nghe nói rộn óc, không hỏi nữa. Linh thần quay xe tứ mã trở lại.

Ta ngồi trên xe nghĩ ngợi, bỗng sực nhớ ông Tạo Hóa. Ta hỏi Linh thần :

– Tạo Hóa ở đâu ? Sao ngài không dẫn ta đến ?

Linh thần cũng lắc đầu không đáp.

Ta hoài nghi, bứt rứt không thôi hỏi tiếp :

– Vậy xin ngài giảng giải cho tôi thông hiểu điều này : mỗi một việc ở đời, đều là duyên cớ của một hay là nhiều việc kia, và cũng là kết quả của một hay là nhiều việc khác. Tỷ như khói là kết quả của lửa, và là duyên cớ cho sự thành mây; trái là kết quả của sự giao hợp của nhị đực và nhị cái và là duyên cớ của sự sinh ra hạt. Thế thì cả vũ trụ chúng ta vừa đi chơi nó sẽ là duyên cớ của một thế giới nào hay một vũ trụ nào và đã là kết quả của một thế giới nào, vũ trụ nào hay của một công trình nào ?

Linh thần vẫn lắc đầu không đáp.

Ta sợ lời chưa diễn đạt cả ý, nên lại đem một thí dụ nữa :

– Đây này, ta nói, giả sử thấy khói bay lên cao, nếu không biết rõ là gì và gốc nó ở đâu, tức thì tôi đi tìm. Tìm mãi sau biết chất nó là một thứ hơi, rồi theo đường nó bay đi, ngược lại lần lần tới gốc, gốc là một lò lửa. Bây giờ biết được : chính lửa đã tạo nên khói vậy. Nói xa ra, thì các thế giới mà ngài và tôi vừa đi, là khói trong câu thí dụ. Thấy trong các thế giới ấy, loài người sống đều đều theo một khuôn khổ nhất định, nhưng giống nào cũng không như giống nào, cách ăn ở của mỗi giống khác nhau. Thấy thế, tôi tự hỏi : "Ai đã nhọc công tạo lập những thế giới, sinh sản những giống dân ấy, và để làm gì ?".

Linh thần bấy giờ gật đầu và cười :

– Ta đã hiểu, ta đã hiểu – ngài nói – ta biết ý người muốn hỏi. Nhưng điều ấy huyền bí lắm. Thấy ta xưa phỏng đoán có một đấng "Thiên Nhiên" mà khi nầy người gọi bằng "Tạo Hóa". Đấng "Thiên Nhiên" đó, là thợ nặn ra, những thế giới và những giống người ta vừa thấy. Đấng "Thiên Nhiên" làm công việc ấy, có lẽ cũng có một dự định, hoặc một chủ ý mà ta không thể biết và không phép biết. Nhiều người bạn của thầy ta ngày trước, bàn rằng : Đấng "Thiên Nhiên" ấy tạo nên Vũ Trụ để làm trò chơi; ý của ngài là dùng cả thế giới ta vừa thấy để ngắm, trong lúc ngài an nhàn thư thả. Nhưng thầy ta quả quyết rằng không, Thiên Nhiên chả làm điều phi lý và trẻ con như thế được. Các bạn bấy giờ nhiệt liệt cãi rồi hỏi :

– Ông bảo không như lời chúng tôi bàn, thì ý của Thiên Nhiên thế nào ?

Thầy ta lắc đầu, đáp lại :

– Việc ấy huyền bí, tôi không sao được biết, nhưng phỏng đoán như các ông, tôi cho phi lý.

Cãi nhau tới đó là dứt, không ai còn biết gì mà phỏng đoán thêm.

Thấy ta nhiều lúc đứng ven biển rộng khi nãy, nhìn ra khỏi mênh mông, rồi lắc đầu, có bữa lại bảo ta :

– Có lẽ phía bên kia là nơi đáng "Thiên Nhiên" ở. Ta thử vượt qua một lần xem.

Từ xưa không ai dám bơi trên mặt biển ấy; chỉ có thầy ta lần đầu dạn gan vượt qua. Nhưng công việc không thành, nửa chừng đành bỏ dở. Ta cũng ba lần noi chí thầy và thầy ba đều hỏng.

Lần đầu ta vượt qua bằng xe tứ mã, nửa đường xe hư và ngựa bệnh phải về; lần giữa ta nuôi một con cá kình thật to để chở ta đi. Cá bơi một đôi như gặp nước lạ không hợp với nó, vùng vẫy hấp hối, ta đành quay về. Lần sau ta chế một chiếc thuyền bằng thủy tinh, rất dày và rất chắc, đi hơn một quãng đường thì hơi xói thủy tinh, nước rịn vào thuyền, ta phải mau mau trở lại.

Câu chuyện tới đó thì xe tứ mã đến quả địa cầu. Linh thần hỏi ta :

– Người còn muốn đi chơi đâu nữa ?

Ta đáp :

– Xin phiền ngài dẫn xem khắp thế giới tôi ở, vì từ đó đến giờ tôi chưa biết trong quả địa cầu của tôi có những gì.

Linh thần cười mà rằng :

– Ấy thế là tính chung phần đông nhân loại các người. Họ đi chơi đâu đâu trước đã rồi sau cùng mới nghĩ đến xứ sở họ. Có kẻ không biết xứ sở mình có gì, lại thấu rõ những sự đâu đâu trên Hỏa tinh, Kim tinh, vân vân...

Nghe Linh thần, ta hổ thẹn, nói gờ :

– Vậy xin ngài dẫn cho xem một nơi gần tôi hơn hết.

Thần hỏi :

– Nơi nào ?

Ta đáp :

– Muốn đi chơi khắp thế giới nằm trong người.

Linh thần vỗ tay cười lớn :

– Hay lắm, hay lắm ! Vậy người hãy theo ta.

Lúc ấy Linh thần và ta đến đây. Linh thần ngừng xe tứ mã, thả ngựa lửa đi rong trên mây tìm thức ăn. Thần dắt ta đi bộ đến một cái làng kia. Lúc bấy giờ đã rạng đông về cuối thu, ta thấy một người đang dạo vườn hoa, vừa đi vừa ngâm một bài thơ, khen và tiếc cái đẹp hoa cúc sắp tàn. Linh thần bảo đó là nhà thi sĩ có tiếng trong thời bấy giờ. Ta nói với Linh thần :

– Vậy ngài cho tôi vào thế giới trong người ấy để xem cái tài của thi sĩ ra làm sao.

Linh thần gật đầu mà rằng :

– Muốn thế ngươi phải để ta làm phép hóa thân đã.

Ta chịu. Linh thần làm phép vỗ vào mình ta một cái, tức thì ta biến thành một hạt mưa rào; còn Linh thần hóa gió. Ngọn gió thổi mạnh vào người thi sĩ rồi gieo hạt mưa rào lên môi, thi sĩ nuốt hạt mưa và hít luồng gió, chạy vào nhà. Nhờ đó Linh thần cùng ta vào được thế giới bên trong của thi sĩ.

Ở đây cây cỏ tốt không biết đâu mà sánh. Trời chốn này lúc nào cũng bình minh và mát mẻ. Người ở đây vui vẻ, họ chỉ trồng hoa hồng mà ăn. Trọn thế giới chỉ có một con sông, nước trong từ nguồn đến biển. Con sông ấy tưới những thành thị đông đảo, những cánh đồng ánh cỏ màu hoa. Ta đi trong ấy, gặp nhiều người chuyện trò vui vẻ với ta. Người nào, người ấy cũng đẹp, cũng xinh; thấy đều như hoa hồng, thơm và đáng yêu. Tính tình họ ngây thơ. Nhiều người ngồi hàng giờ bên bờ sông mà nhìn dòng nước, chốc chốc lấy tay vuốt ve làn nước, hoặc hứng lấy một ngụm mà uống. Ta hỏi làm gì, họ cười khanh khách mà rằng :

– Thế ông chưa biết cái đẹp của sông này à ? (ở đây sự "đẹp" của họ, đồng nghĩa với sự "ích lợi" của ta, và nói cho thực, trong xứ này, họ chưa biết lợi hại gì cả). Thế ông chưa biết cái đẹp của sông này à ? Chính nó đã nuôi chúng tôi, bồi đắp cho lâu dài chúng tôi ở đây; chính nó nuôi hoa hồng rất tươi tốt trong những cánh đồng mênh mông kia. Như thế ông bảo đừng yêu nó mà vuốt ve hơn nó à ?

Nói xong, một người vuốt ve và uống nước sông như trước bỗng hỏi ta :

– Còn ông ở đâu tới mà chưa biết cái đẹp vô nhị này ?

Ta mới nói :

– Tôi ở trong trái đất, và tôi là "người".

Người ấy ngạc nhiên :

– Thế à ? Ông là người à ? Lạ thật ! Vì từ đó đến giờ tôi không thấy, hoặc nghe nói một người nào ở trái đất vào đây. Người thì làm thế nào vào người được.

Ta phải giảng cho anh nghe rằng nhờ phép của Linh thần, ta vừa nói vừa giới thiệu Linh thần. Người kia gật đầu nói tiếp :

– Có thể, may ông mới vào đây được; nếu không thì chả khi nào. Vậy nhân dịp ông vào đây, tôi xin chỉ một chỗ đẹp nhất, để ông xem. Ông cứ theo con sông này mà lên mãi tận nguồn, rồi ông sẽ bảo cho tôi biết cái đẹp nó ra làm sao.

Người ấy nói xong, ta cáo từ, cùng Linh thần đưa nhau lên nguồn.

Gần tới nguồn thì sông nhỏ dần và trong hơn trước. Cây cối hai bên tươi tốt thêm và đẹp đẽ hơn. Lúc đã gần, thì dòng nước chảy chỉ còn bằng sợi tơ, tiếng nước đưa nhau đi êm ái như tiếng đàn; giọt trong lồng lánh như kim cương và sao trên trời. Ta nếm thử thì ngọt hơn mật, mát hơn sương. Linh thần giục ta đến trước nữa, không thấy dòng nước đâu cả, chỉ thấy một hạt đá nằm trên một chòm rêu xanh, to như giọt sương đọng nơi chót lá cây buổi sớm. Đá trắng như cẩm thạch, và xem kỹ, bên trong chiếu muôn màu. Kề tai thì nghe một tiếng nho nhỏ dịu dàng như tiếng sáo, thâm trầm như tiếng đàn. Nơi đá ấy, se sẽ nhỏ từng giọt rất trong, những giọt hợp thành một dòng nước nhỏ như sợi tơ, rồi lớn dần thành một con sông khi này. Linh thần bảo ta :

– Chính đây là tài năng của thi sĩ. Nhờ đây mà thi sĩ nhả được những lời châu ngọc, những câu thơ mà âm điệu thâm trầm như tiếng đàn, những lời ngọt ngào như mật và mát mẻ như sương. Ta thử xem hòn đá quý báu và lạ lùng này có những mẫu nhiệm gì mà phát sinh những thi vị thế kia.

Linh thần nâng hòn đá lên tay. Bỗng thình không hòn đá biến mất, như tan thành hơi bụi, không để lại một dấu vết nào.

Linh thần ngạc nhiên lắm, và ta lấy làm kinh hãi về sự biến đổi vô chừng ấy. Bỗng cả thế giới trong người thi sĩ rung động. Nhân loại ở đây kêu la âm ỉ ; ta không biết có tai họa gì, cùng Linh thần chạy tìm một người hỏi thăm. Người ấy bảo chúng ta :

– Nguy lắm rồi hai ông ơi ! Từ xưa đến nay chúng tôi chưa từng gặp một tai hại như thế này. Đất của chúng tôi thình không lại động làm cho

nhà cửa và lâu đài sập đổ. Con sông đẹp kia thình không lại cạn làm cho loài hồng đều chết. Nguy lắm, hai ông, nguy lắm, hai ông hãy xem chân trời kia, một luồng khói đen kéo đến, khói ấy làm chúng tôi ngộp mà chết.

Người ấy nói xong, khóc nức nở và ngồi phịch xuống đất. Luồng khói nơi chân trời phía nam từ từ bay đến và lan rộng mãi. Bay đến đâu thì lâu đài chốn ấy cháy sạch, còn người thì chết rạp. Linh thần thấy nguy đã kể bên hóa gió đưa ta theo hơi thở của thi sĩ mà trở ra. Vừa ra khỏi, thi sĩ nấc lên một tiếng, trút linh hồn.

Linh thần ngoảnh lại, thương tiếc và hối hận. Tự trách rằng :

– Chỉ vì ta muốn biết tài năng của hần, mà hần phải chết. Tài năng con người kể cũng huyền bí không khác nào đấng "Thiên Nhiên".

Ta vừa theo Linh thần cũng vừa suy nghĩ :

– Không khéo ông này rồi cũng làm tiêu mất vũ trụ đi thôi. Ta lo sợ có ngày ông ta vượt qua được biển rộng kia, rồi thì sự vô cùng bí mật của "Tạo Hóa" sẽ bị khám phá, và trái đất, và mặt trời, và tất cả tinh tú phải tiêu tán như hòn đá "tài năng" của thi sĩ.

Đương nghĩ ngợi, Linh thần bỗng ngoảnh lại ta mà bảo :

– Bây giờ nhà ngươi hãy theo ta mãi nhé, vì ta muốn nhờ nhà ngươi giúp ta một tay trong việc đi tìm Thiên Nhiên.

Ta lo lắng mà không đáp.

Lúc đến bên xe tứ mã Linh thần bỗng nghe ngóng. Từng chập gió lùa những tiếng khóc than. Linh thần lắc đầu như thất vọng sự gì rồi nói với ta :

– Chưa được, ngươi nên trở lại đời một ít lâu, mười năm nữa ta đến rước ngươi. Chừng ấy chúng ta sẽ đi tiêu dao nữa.

Nói xong, ngài thẳng xe tứ mã, leo lên rồi bay mất. Khi đó ta nghe rõ tiếng khóc than ở đây; tưởng có sự lạ gì bèn trở về. Thấy các anh thương khóc thảm thiết, ta không nỡ bỏ đi, nên ở lại rồi sống đây.

*

* *

Người nhà nghe thuật như thế, cho là mới tỉnh còn nói nhảm, nên không tin. Hôm sau, một người làng bên đến thăm, thuật với chủ nhà rằng :

– Độ này người ta chết nhiều cách lạ thường; như mới hôm qua bên làng tôi, có nhà thí sĩ nọ cũng chết như ông, nghĩa là không bệnh tật gì. Tang tảng sáng, ông ấy dạo vườn xem hoa, nửa chừng có trận mưa rào bay đến, ông ta chạy lủi vào nhà tránh mưa, bỗng thấy mệt rồi hai giờ sau thì mất. Người nhà bảo rằng bị gió độc mà chết.

Ai nấy sinh nghi, rồi cũng cho là huyền hoặc dị đoan, bỏ qua không nghĩ tới.

... Mười năm sau, một hôm chủ nhà ngủ trưa rồi chết luôn. Họ hàng cũng tưởng như lần trước, không tản để chờ sống lại. Nhưng qua ngày sau, giáp cũ, xác chết có mùi, người nhà bấy giờ mới biết là chết thực.

240. NGƯỜI CON GÁI THẦN RẮN

Về phía Nam suối Ngọc có cái miếu cổ, hư sập rồi không ai chữa lại. Dựa bên miếu có cây đào to lớn, cành lá um tùm. Trong miếu có hang, hang sâu thăm thẳm. Dưới hang có một con rắn to lớn không biết ngần nào. Rắn sống lâu năm, linh thiêng hóa hình người được. Cây đào bên miếu sống cũng lâu và cũng thiêng. Mỗi năm đến cuối mùa đông, bắt đầu mùa xuân, khi hoa đào đua nở, thì trong những cành sây bông hiện ra một giai nhân đẹp tươi như hoa đào; cứ mỗi đêm ca hát trước miếu. Mãn mùa xuân, lúc hoa tàn, cánh hoa đào rơi trước gió, người ấy biến mất, chờ mùa xuân sang năm lại ra.

Chốn ấy hoang vu, không ai lai vãng. Có người bảo đấy là ổ trăn, vì họ thấy mang máng nhiều sọ người nằm trong bụi rậm. Có hôm mưa giông người ta gặp một con rắn lớn dị thường bò trước miếu, hoặc khoanh tròn dưới gốc đào, lúc tanh thì biến mất. Từ đấy họ sợ thêm, và lần lần quanh miếu thành một khu rừng nhỏ, không dấu chân người.

Bấy giờ cuối mùa đông, cây cỏ đâm chồi, trên nhành đào lấm tấm lộc non. Khi xuân đến, hoa điểm hồng mơn mớn.

Một đêm nồng, giai nhân hiện ra tha thướt. Nàng cất tiếng hát. Rắn thần đang yên giấc thức dậy lắng nghe. Đêm trong, ngàn sao lóng lánh, từng trận gió thoảng rải hương ngào ngạt. Thần rắn nhìn giai nhân nhờn nhờn bên những cành đào, lòng thần hồi hộp. Rồi uốn thân mình, thần hóa một trang thanh niên tuấn tú. Chàng là một tài tử, tiếng sáo véo von, nhịp nhàng với lời ca thanh tao của giai nhân...

Từ đó hai người quen biết nhau, thân mật nhau rồi trở nên vợ chồng.

Mùa xuân năm ấy hoa đào lộng lẫy hơn các hôm khác. Đêm đến, trong không yên chuyển tiếng yêu đương của chàng và nàng.

Những chim én đưa thoi, dệt thời gian lệ làng và thấm thoát. Sang hè, cuộc ái ân tạm ngừng. Giai nhân tuy buồn về nỗi tạm biệt chàng, nhưng vui tươi bày tỏ cùng chàng một mầm hy vọng. Rắn thần dẫu bị rịn khúc chia ly, nhưng khắp khởi mừng thầm vì ái ân đã kết quả. Rồi một tia nắng nồng, một ngày nồng nực làm héo những đóa hoa cuối mùa. Luồng gió nồm thoảng nhẹ, rải trên bờ cỏ úa vàng bao cảnh hoa đẹp. Giai nhân từ biệt thần rắn và biến theo vẻ đẹp cây đào.

*

* *

Mùa xuân năm sau, hoa đào nở rất ít nhưng màu sắc đậm đà. Thần rắn trông chờ*giai nhân, và, một tối đầu mùa xuân nàng trở về. Sắc nàng kém tươi nhưng thâm thúy. Nàng sinh một gái, xinh đẹp hồng hào. Thần rắn vui mừng khôn xiết, nhưng một cái buồn tự đâu xâm về chiếm lấy tâm linh chàng. Giữa mùa xuân, trong lúc cây cỏ xanh tươi, trăm hoa đến lúc đầy thì dưới ánh vàng ấm áp, giai nhân than thở cùng chàng :

– Thiếp không dè ái ân của đôi ta đến đây kết liễu. Thiếp không còn sống nữa để cùng chàng sum họp và nuôi con. Ái tình đã đem cho thiếp tất cả nhan sắc và đẹp đẽ của sự sống. Ăn ở với chàng được một mụn con, đó là kỷ niệm êm đềm trong đời hai ta. Chàng sống lâu vì chàng là sức mạnh. Chàng sẽ ở lại săn sóc con thơ. Thiếp là sự đẹp rất mong manh. Ái tình đã làm cho thiếp thêm xuân mà cũng làm cho thiếp chóng tàn. Bây giờ thiếp chết, nhưng thiếp còn để dấu vết nhan sắc lại cho con. Chàng nuôi con hết lòng, đó cũng như chàng tỏ tình còn mến thiếp. Nhưng thiếp xin nhờ chàng một điều : lúc con khôn lớn, chàng nên căn dặn nó, đừng lâm vào vòng ái ân mà kiếp sống phải ngán lại. Nếu nó muốn sống đời đời kiếp kiếp, trẻ mãi, vui tươi mãi, thì phải xa lánh ái tình.

Nói xong, nàng khóc rất lâu, trao con lại thần rắn rồi biến mất. Hôm sau, những hoa đào tàn rụng. Cây đào khô héo lần rồi chết.

*

* *

Thần rắn chất chiu nuôi con thơ, dấu tích của người yêu quý. Ngày ngày chàng vào rừng xa tìm sữa đem về. Ngày qua, nàng lớn khôn; đúng

mười sáu năm thì nàng đẹp dễ và thông minh hơn loài người. Nhan sắc nàng chính là nhan sắc của mẹ ngày xưa; nhưng trong nhan sắc ấy ẩn vẻ huyền bí của cha. Thông minh của nàng là thông minh của loài rắn. Đôi mắt của nàng trong như trời quang không mây. Cái nhìn nàng chính cái nhìn thôi miên thu cả tâm hồn người và vật của tổ tiên loài rắn để lại. Miệng nàng cười xinh đẹp như hoa đào. Nàng đi tha thướt, yếu điệu, uyển chuyển. Tất cả tính nết và sắc đẹp của cha mẹ, nàng đều thọ lãnh.

Thần rắn thấy con lớn khôn và xinh đẹp thì lo âu. Ngày ngày dặn con chơi quanh nơi miếu, không được đi xa. Thần lo sợ nàng bị ái tình quyến rũ. Thần chưa dám ngỏ cái sợ ấy cho con biết, cùng nói lại lời trời của giai nhân cho con nghe. Thần cũng không nói câu nào với con mà có lần hai tiếng ái tình vào, vì thần biết hai tiếng ấy có sức mạnh vô ngần. Ngày ngày nàng quanh quẩn bên miếu, tâm hồn ngây thơ và chất phác.

Hằng ngày, thần rắn ra sức tìm thức ăn về cho con. Cực nhọc, nhưng thần vẫn sung sướng vì thấy con chóng lớn và khôn ngoan. Nhiều lần suýt chết với thú dữ trong rừng, thần trở về buồn rầu, gương mặt còn in nét sợ. Nhưng khi thấy nàng chạy đến mừng rỡ, nói những lời ngây thơ, thần bỗng quên tất cả ưu tư, trở lại vui vẻ, nô đùa với con.

Một buổi chiều, trời mưa tầm tã, thần quảy thức ăn về xong, hồi tưởng đến ngày xưa... Thuở ấy, thần hống hách oai linh, không ai dám phạm đến tên tuổi. Thú dữ, người vật thấy đều xa lánh. Thần rất khỏe mạnh, không biết mệt nhọc là gì. Nhưng từ lúc yêu cho đến bây giờ, linh tính phai dần, dễ san sẻ cho con. Ngày trước, thần muốn đi đâu, chỉ uốn mình hóa gió bay đi. Bây giờ phép ấy không linh nghiệm. Thần đã mất thiêng. Nhưng mất phép màu nào, thì con thần được thêm một đức tính. Cảm nhận bấy nhiêu, thần tự an ủi : "Dẫu sao, ta sẽ còn sống mãi mãi, bởi đứa con ta".

Cứ như thế mà ngày tháng trôi đi. Rồi một hôm, thần mệt nhọc, biết mình sắp chết. Thần gọi con lại bên mình trời rằng :

– Con chắc không biết ta là ai và mẹ con ở đâu. Ta xưa là rắn, rất công phu luyện tính mình. Trải mấy trăm năm lao khổ, tính mới được linh và hóa được làm người. Ta phải trau dồi trong mấy trăm năm lòng ta trong sạch, trí ta sáng suốt để hơn cả mọi người và thành thần. Ta ước ao sống đời đời kiếp kiếp dung dưỡng tính tình, nhưng vì ta yêu mà sự sống phải bỏ lại để trao sự sống cho con. Mẹ con trước kia là cây đào, cùng trải mấy

trăm năm chất chứa tình hoa, gộp cả nhan sắc từ đời nào mới hóa hình người được. Rồi cũng vì yêu, mà đem cả vẻ đẹp san lại cho con để phải bỏ mình. Chúng ta đều vì yêu mà chết, vì con mà hy sinh tất cả thông minh, tất cả vẻ đẹp của chúng ta. Ngày ấy, lúc mẹ con sắp mất, có lời trời này mà cũng là lời trời của ta : "Con là kết quả ái tình của một thần linh và một nhan sắc tuyệt trần. Con là một giai nhân của những giai nhân trong đời, một thần linh trong những thần linh. Đời con sẽ là đời của mẹ con và của ta hợp lại. Nhưng nếu con muốn giữ vẹn toàn đức tính, con phải xa lánh tình yêu đi; gương mẹ con ngày trước và của ta bây giờ đủ cho con thấy xa...".

Nói xong, thần rắn thấy lòng bứt rứt, giãy giụa. Một lát sau lăn lộn dữ dội, biến hình rắn hổ mang mà chết.

Nàng thương tiếc khôn xiết, đem thầy cha chôn cạnh gốc đào. Từ ấy nàng ghê tởm ái tình. Nàng không biết là gì, nhưng cũng nguyện trước mộ cha mẹ, hễ gặp ái tình chốn nào sẽ tiêu diệt đi.

*

* *

Nhan sắc và thông minh của nàng quyến rũ các loài vật. Những con ong về đóng ổ nhả mật cho nàng, những chim trĩ, gà rừng đẻ trứng và đẻ nàng bắt làm thịt. Sự sinh sống như vậy mà dễ dàng, sung sướng.

Ở mãi một nơi, nàng thấy bức dọc muốn đi xa, tìm cảnh mới, muôn dịp tìm ái tình để trả thù cho cha mẹ. Nàng hóa một bà cụ già, đầu tóc bạc phơ xuống kinh đô, hỏi thăm ái tình ở đâu. Những người nghe hỏi đều mỉm cười chế nhạo. Họ bảo nhau :

– Đã già từng ấy tuổi mà còn đi tìm thú nguyệt hoa.

Nàng thấy họ chế nhạo mình, tưởng rằng ái tình không có đây, và mình tìm một việc không có cho nên họ cười. Nàng đi nơi khác, thay hình một trang thanh niên tuấn tú. Gặp đoàn thiếu nữ đang chuyện trò với nhau, vui cười thích chí, nàng đến gần hỏi có biết ái tình không. Bọn ấy cả thẹn, dòm má mỗi người đều ửng hồng, họ nhìn nhau e lệ, rồi tản lạc bỏ nàng đứng đấy.

Hoài công tìm kiếm, nàng trở lại chốn cũ, và nản chí tưởng không cách gì gặp được ái tình.

Một buổi chiều, nàng ra bờ suối Ngọc. Ánh chiều rơi trên dòng, gió mát từng chập thoảng qua, nàng nghe lòng lâng lâng bất ngát. Một đôi chim song song, bay về phương xa, tận chân trời, rồi khuất trong làn sương; nàng cảm thấy buồn vương vấn, một thứ buồn nhẹ nhàng và vô cớ, nương theo gió theo mây, để tràn thấm vào tâm tư nàng.

Từ đấy không đi đâu nữa, chiều đến, nàng chỉ ra nhìn làn nước suối để lắng nghe cái cảm giác ấy, như ru như cảm dỗ. Nàng không biết cảm giác ấy là gì, nàng thấy một ngày một lẻ loi, và lòng mang mang khát khao thêm thương. Đôi khi nàng hồ thẹn với nàng, nhưng có lúc, dường táo bạo hơn nữa, nàng trông chờ..., nhưng nàng cũng không rõ mình trông chờ sự gì nữa.

Bỗng một buổi chiều gần tàn. Vòm trời phương Tây trong như nước biếc, tha thướt một vài áng mây hồng. Mặt trời đã khuất lâu rồi, nhưng chót vót mấy ngọn thông cao, còn nhuộm một ít điểm vàng của ngày sắp tắt. Gió thổi, cành lá đong đưa. Nàng nhìn màu chiều biến đổi trên dòng như mọi ngày. Bỗng nàng e thẹn tránh núp vào một khóm lau để xem. Một thanh niên dắt một bầy trâu xuống bờ bên kia uống nước. Thanh niên an nhiên cời trăn, tắm vào dòng mát. Chàng lội bơi nô đùa, tưởng chốn ấy vắng vẻ, không còn giữ gìn lo sợ điều gì. Nàng nghe má nóng bừng, muốn quay đi. Nhưng chàng trai có một hấp lực gì, khiến nàng đứng yên một chỗ để trộm nhìn chàng. Tắm xong, chàng dắt trâu đi. Cảnh đẹp, chàng ngồi trên lưng trâu lấy tiêu ra thổi. Tiếng tiêu uyển chuyển trong không khí tịch mịch. Nàng nhìn chàng đến lúc khuất đằng sau những nẻo quanh, nhưng thanh âm vẫn trầm bổng du dương trong không khí, lòng mê mê phập phồng, nàng khóc lúc nào cũng không hay.

Từ đó, như hẹn với dòng nước, cứ chiều đến, chàng trai ấy trở lại suối tắm mát. Khi trời còn sớm, chàng ngồi trên bờ xanh lấy tiêu ra thổi. Ở bên này, nàng vẫn lắng nghe cái âm thanh kỳ diệu ấy như cảm dỗ nàng, và gọi cho nàng một cảm giác say mê.

*

* *

Thế rồi một hôm nàng gặp chàng trai, vì nàng cảm thấy tiếng tiêu của chàng mỗi ngày thêm thiết tha, quyến luyến. Nàng không cầm giấu thân thể

nàng được nữa. Hai người yêu nhau, nhưng nàng vẫn ngây thơ, không biết mình đang yêu, chỉ cảm nhận mơ hồ đang chiều theo một sự kích thích nào của cơ thể. Nàng rất ưa cái sức khỏe cuồng bạo của chàng, cái luồng điện ngây ngất của chàng truyền sang người nàng. Những đêm trăng sáng, trong như ngọc, chàng lại với nàng, thổi tiêu cho nàng nghe, rồi cả hai mê nhau đắm đuối.

Một đêm như thế, nàng nằm trong lòng thanh niên, nhìn chàng và hỏi :

– Sao chàng mạnh khỏe vậy ?

Trang thanh niên cười đùa mà đáp :

– Ta mạnh khỏe vì muốn sống lâu dài.

Rồi chàng sẽ nâng mặt nàng lên, nhìn đôi mắt trong. Nàng lim dim dề mê chờ đợi...

... Lúc tỉnh, chàng còn thiêm thiếp ngủ, nàng mệt nhọc thấy mình oán hận sự gì. Nhìn lại chàng, nàng đột nhiên nhớ lời của chàng đã thốt trong cơn âu yếm, và liên tưởng đến lời trời của cha; chàng muốn sống lâu dài, cha mẹ nàng cũng muốn sống lâu dài.

Nàng nghe mình yếu ớt vì mệt mỏi; cái yếu ớt do sức mạnh của chàng gây ra. Nàng bỗng sợ hãi cái sức cuồng bạo ấy đã làm giảm sức nàng. Nàng nghĩ đến cái họa ái tình, và cho cái sức mạnh của chàng là ái tình đáng ghê kia vậy.

Một áng mây qua, làm mờ ánh sáng trăng. Bóng tối trùm lên gương mặt thanh niên. Một hình ảnh tiêu tụy hiện ra trước mắt, nàng sực nhớ đến cái chết của cha. Nàng ngồi phắt dậy, lén tay vào mái tóc lấy một mũi kim dài và sắc của cha nàng để lại, chích sâu vào ngực của chàng. Chàng thanh niên rú lên :

– Nàng làm gì thế ?

– Thiếp giết ái tình.

Mũi kim truyền nọc độc của loài rắn vào mạch máu. Mắt thanh niên hoa lên, cả người chàng mềm nhũn. Rất khế, chàng bảo nàng trong một hơi thở :

– Không, nàng giết ta chứ không giết được ái tình.

*

* *

Lòng nàng không yên. Chiều chiều nàng vẫn ra bờ suối trông chàng, vì nàng không tin chàng đã chết. Nàng chỉ giết ái tình. Trong gió chiều, nàng còn vắng nghe tiếng sáo của chàng. Lắm lúc ở bên này nhìn sang bờ bên kia, nàng mơ thấy chàng cởi áo, rồi nhảy vào dòng suối. Làn nước nổi sóng và bọt trắng tung tóe trên dòng. Nhưng, đó chỉ là bông lau bị gió hất rải trên mặt nước.

Nàng trở lại chốn đêm xưa, một mùi hôi tanh xông lên. Thấy chàng thanh niên túa ra những đường nước vàng mà từng đám ruồi đáp xuống. Đôi mắt chàng chỉ là hai hố sâu, lúc nhúc những ký sinh trùng. Nàng quay đi, ghê tởm cái chết của ái tình. Nhưng còn chàng thanh niên xinh đẹp kia, chàng không thể chết, vì chàng không phải ái tình. Trong gió chiều, nàng còn vắng nghe tiếng sáo của chàng. Chàng trai ấy không bao giờ trở lại, và nàng cũng không thôi trông mong.

Một hôm, ngồi nhìn dòng nước, hồi tưởng chuyện đêm xưa, nàng bỗng nghe ngóng. Một tiếng người êm ả rót vào tai nàng :

– Không, nàng giết ta chứ không giết được ái tình.

Nàng run lên sợ hãi. Một luồng gió nhẹ lướt qua : khóm lau nghiêng đầu về một phía. Nàng bịt tai chạy trốn để không nghe lời kỳ dị ấy. Nàng hãi hùng, tưởng tượng ái tình còn đeo đuổi, hãm hại nàng. Nàng bỏ chốn cũ, lìa mồ mã đi lang thang. Nàng tìm nơi nào có thể không còn nghe tiếng kêu gọi tha thiết ấy.

Nàng tìm khắp nơi, và lúc đi tìm, nàng nhận thấy người nàng đổi khác. Dạ dưới của nàng mỗi ngày một lớn thêm. Có người bảo nàng có thai, nàng lắc đầu không hiểu, và không biết họ bảo gì. Nàng cảm nhận mỗi ngày, đức tính của cha mẹ để lại kém sút lần, và không rõ những đức tính ấy san sẻ về đâu. Nàng bớt nhanh nhẹn, bớt vui tươi như ngày còn nhỏ, sức mạnh kém thuở nàng gặp chàng thanh niên. Một hôm, uống nước trên sông, nước trong in bóng nàng. Nàng bỗng rú lên ngạc nhiên. Nàng không còn vẻ đẹp lộng lẫy ngày trước. Dòng nước lặng lẽ bảo nàng : đôi má hóp, đôi mắt lơ dờ, đôi môi lợt lạt. Nàng ôm mặt khóc rưng rức như trẻ con.

... Mấy tháng sau, một hôm nhớ cha mẹ, nàng trở về thăm mồ cũ. Cảnh điều tàn. Nàng bùi ngùi nhớ lời dạy của cha mẹ ngày xưa. Nàng lưỡng lự không biết có theo lời dạy của cha mẹ nàng không; sau rồi nàng quả quyết

ràng có, và không bao giờ nàng bị ái tình quyến rũ. Hơn nữa, nàng đã giết ái tình và rửa thù cho cha mẹ.

Đêm ấy, nàng thấy trong người đau tức, không sao chịu nổi. Nàng rên xiết lăn lộn. Đến khuya, trăng mờ, hết như đêm xưa, nàng khát nước, ôm bụng lăn ra bờ suối. Uống xong, mệt lả người, nàng gục xuống bờ cỏ, rồi ngất đi.

*

* *

Sáng hôm sau, một lữ khách qua đây nghe tiếng trẻ khóc, bèn vạch lau đi tìm. Trên nông cỏ, một đứa bé hồng hào vừa lọt lòng, nằm khóc vì khát sữa. Cạnh đứa nhỏ, một con rắn – lưng điểm những chấm hồng xa trông như lấm tấm hoa đào – nằm khoanh thiêm thiếp. Nơi bụng con rắn, đứt một lần dài. Lữ khách sợ hãi, cầm đòn đập chết con vật, rồi vội vã bỏ đứa bé đi.

NĂM VẠ

Tác giả : Bùi Hiến (sinh 22.XI.1919). Người xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Trước 1945, làm viên chức, viết văn, sống chủ yếu ở Vinh. Trong kháng chiến chống Pháp, làm báo và hoạt động văn nghệ ở Khu Bốn cũ. Từ năm 1954, công tác tại các báo Nhân Dân, Văn học, Văn nghệ và ở Hội Nhà văn Việt Nam.

Tác phẩm chính :

- Năm vạ (1941)
- Đánh trận giặc lúa (1945)
- Gặp gỡ (1953)
- Ánh mắt (1961)
- Trong gió cát (1965)
- Đường lớn (1966)
- Những tiếng hát hậu phương (1970)
- Hoa và thép (1972)
- Giản dị (1975)

Năm vạ do Nhà xuất bản Đời nay của Tự lực văn đoàn in lần đầu tại Hà Nội, 1941, là một tập truyện ngắn thuộc khuynh hướng hiện thực ; ở đây chúng tôi chọn 2 truyện tương đối có ít nhiều sắc thái truyện kỳ, được tác giả bổ sung trong lần tái bản năm 1984 (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội).

241. CHIỀU SƯƠNG

Vào một chiều trung tuần tháng Giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lạng thấm cái êm ả lắng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như dát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đóa hoa này để đến với hoa kia.

Chàng đi lơ đãng, đến nỗi sương tỏa xuống mù trời từ bao giờ mà chàng không biết. Sương bạc đã tỏa rất nhanh một cách bất ngờ. Thấy ẩm lạnh trên đầu và có hơi nước đọng trên mi, chàng mới ngơ ngác nhìn lên.

Cảnh vật, như dưới một đũa tiên mầu nhiệm, đã tan biến trong giây phút. Chỉ còn trơ lại quanh mình những nét thâm thâm của vài nhánh cây khẳng khiu và những vuông xám mờ của các túp tranh. Những bụi xương rồng và râm bụt chạy hai bên đường đắm sương, óng ánh xanh tươi lại. Vài mạng nhện mắc giữa hai cành yếu, trắng toát như dệt bằng những sợi tơ bạc ly ty.

Trời không lạnh lắm, nhưng hơi sương ngấm vào mình; chàng trai lẳng lẳng trong tâm hồn, buồn cái buồn tê tái và mang mang, cái buồn ôm trùm, như kết bằng những sâu thăm nào mơ hồ và đã xa xôi lắm, tưởng tượng hay là thực, chàng cũng không biết nữa. Hơi ẩm đọng trên mi, chàng tưởng nước mắt rung rung.

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khế vào da mặt như một làn phấn bụi.

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lảng đãng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sữa soạn ra khơi, chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xỏm đan lưới, hai chân co

trước ngực, mình quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo tôi và áo rét của dân chài.

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi :

- Cố không đi biển à ?
- Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.
- Cố kể chuyện đi biển nghe đi.

Chàng nói thế bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vùi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá mức đến cùng chiều, như tình yêu thương của tất cả những người già dùm bọc trẻ con. Lão cười đáp :

- Còn chuyện gì mà kể nữa ! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.
- Không... Cố phải kể đi... À, cố kể chuyện ma đi. Cố đi chài có bao giờ gặp ma không ?

Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuộm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

– Chuyện ma à ? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giăng mạnh ở câu, vội kéo lên. Ái chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vùng vẫy như con cá to. Tôi nghĩ thầm : khéo lại cái *nổ ta* rồi, hấn muốn trêu mình đây... Quả nhiên ! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy hấn xòa một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn lưới câu, con mực mỗi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo vắng vẻ, chắc cu cậu buồn tình, bày chuyện phá mình tý cho vui.

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy các chú bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dằng dằng hai bên mạn thuyền. Họ nói : "Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì ?", thế là cả bọn nhảy ùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bình khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm, ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy hấn bấu lấy tay. Không thấy người đâu, nhưng nghe tiếng hấn léo nhéo xin cá. Ông ta đáp : "Chào, xin với xỏ,

được mấy con cá về cho vợ con đây !". Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt : "Đồ quý cứ nghịch thôi !". Thế là tiếng cười bật lên ríu rít, lát sau lại thấy nặng rổ.

Lão chài kể như vậy, giọng nói bình thường như nói chuyện người dương gian, tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khẽ rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ. Chắc chắn đó chỉ là điều huyền tưởng, nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó, nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tốn hiền hòa của ông lão ! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về ngôi lạng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời vì cảm thấy lòng biển quá mênh mông lạnh lẽo. Tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương bi thảm dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống. Và chàng trai tưởng nghe, vắng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn ríu rít của những cái bóng vô hình, cạnh cây đa già miếu cổ...

– Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không cố ?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

– Thuyền ma à ?... À... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai dưới thuyền mỗ ma ông Phó Nhụy... Ồ, cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tổ xong, thoát nạn chết này, lại đâm liền vô nạn chết khác.

Bữa đó thuyền ra lạch.

*

* *

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang. Bình minh dát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đưa chèo theo nhịp đều đặn, ngược nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền đi ngang Nha Thương chính, một chiếc xuống do hai đứa con nít chèo bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chửi rủa chúng âm ỉ : dân chài rất kiêng bị "ngáng đường" như thế, và ông lái hơi nhăn trán lại.

Ra khỏi lạch, thuyền kéo buồm bắt cơn gió Tây Nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền đáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn tròn nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung tóe một làn nước bạc xóa. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảnh nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tóe, rồi tự rẽ đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bện dây neo, quai chèo, hoặc tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lách của sóng.

Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phẳng phẳng, để lại sau một vạch phẳng lý, vì nước đã bị khối nặng của thuyền đàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xóa mất vạch phẳng.

Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

Ông Phó Nhụy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo. Đoạn người ta tháo dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hòm trước. Bóng là cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gậy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ, tới nhóng xung quanh, có khi hàng đàn lớn.

Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại, và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dẫn lưới lên. Những con cá mắc đầu vào mắt lưới, giẫy đành đạch làm lóe những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhót và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình, hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác, mùi của biển cá. Những con cá trích, cá đốm, lẫn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở tròn tròn, há miệng méo xệch một cách tuyệt vọng cố hóp không khí, trong tiếng lách tách của vảy cứng.

Thuyền nặng dần, đè ép sức lách nhồi của sóng. Chú trai đã đi thổi cơm. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ, thồn lòn hai bát cá đầy và một bát muối ; cạnh mâm, một rá cơm và một xanh canh cá. Cơm xới trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu :

– Nhìn kìa !

Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lặn tằm báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ dũa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.

Họ mê mải trong công việc, trong khi trời đã ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trần nhìn lên và kêu :

– Coi kìa ! Trời đỏ ráng ngoài.

Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, hơi rụt đầu trong cổ béo, quay ngoắt xung quanh, cũng kêu theo :

– Sắp có tố đến nơi !

Họ vừa nhận thấy điểm báo không thể lăm lăm. Trời đã đột ngột đỏ ráng ba phương đó rục : ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng Lò (Cửa Lò), ráng Cương (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh :

– Kéo lưới lên ! Giương buồm !

Chân người chạy trên sạp rầm rập. Các bác chài co chân du mình trên dây để kéo buồm, miệng "dô hò" lấy nhịp. Một bác hỏi :

– Gió gì ?

Người khác đáp :

– Gió trong. Khó tháo kịp.

Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát. Sóng vùng lên, cuốn réo, đuổi dồn nhau, va vào nhau tóe bọt, ngụp xuống, trào lên, đã lấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh càn cách lên cột, có khi cọ vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lùi ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu :

– Mưa đến rồi !

Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong tời chiếu, đã vuốt mặt không kịp.

Một bác bảo :

– Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích đế cho mà coi.

Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lùi về sau, đoạn giắt nẩy mình, chúm hần mũi : dây đã tháo hết. Người ta hạ buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu

dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúi xuống thì vôi thừa dịp nhảy chồm, nước tóe trắng lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền, rất khỏe, lại hếch cái mũi ướt sượt lướt, chờ mảng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rát bỏng cả da.

Một lần, thuyền tỳ lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền đốc đứng tường như cứ thế mà đâm thẳng xuống đất sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngòm ngộp vì bị nước đánh tới tằm mặt mũi, rời chỗ vịn, lăn trên sạp lông lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không trì hoãn được nữa ! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vội giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phụt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phăng phăng. Các bác chài vội nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mỏ neo không cắm, nằm bệt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giăng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rề trên đáy cát.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giận dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tuy có tới che, quần áo họ ướt mềm dính vào da, và vải đã bỏ sẵn, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú trai, lúc này bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tát nước, tay lia lịa đưa cái mu sam. Hai bác chài tới giúp sức, chuyền cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giảm ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nỗi cá nổi lênh bênh. Theo lệnh ông lái người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hần thù mai mữa, đánh vào thuyền trả lại. Những con cá đập lên áo các bác chài và nằm trắng trần rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác. Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn nhưng vì thế lại làm mới thêm cho gió, trôi phăng phăng. Người ta bèn xở buồm, buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gập nước, buồm mở tung như một chiếc điều mà đầu lèo đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tằm buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa dội, sóng nhồi, gió táp. Mưa xám lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo :

– Anh em có ai đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt.

Chừng quá nửa đêm – họ chỉ đoán vậy, và không còn một ý niệm nào về thời gian – sóng bắt gấm rêu và bắt nổi lắc, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa lừ đừ. Và khi một ánh trắng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyền não hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mệt mỏi và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Màu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến - dân chài bảo từ Thủy phủ dồn lên - một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn, và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, dỡ cánh mái lắp vào rồi neo thuyền cho đứng yên. Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hóa, vì trong cơn bão, gió chướng thổi từ phía Tây Nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng : họ vừa ngửi thấy một mùi kỳ dị, một mùi nhạt và ẩm ướt tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán :

– Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra này giờ neo rê.

Một người khác đáp :

– Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kỹ mà coi.

Quả nhiên trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lố nhố những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắt loa miệng hỏi :

– Ai đó ?

Thuyền bên kia có người đáp :

– Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không ?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài :

– Tiếng ai nhỉ ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình ?

Đoạn cất cao tiếng :

– Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tổ đó phải không ? Có biết đây là đâu không ?

Bên kia đáp :

– Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xế lên mà vô lạch.

Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bần cãi lao xao. Gió thổi từ phía Nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được ? Ông Phó Nhụy lại hỏi to :

– Sao mà biết ?

Bên kia có một câu trả lời kỳ quặc mà bí mật :

– Sao lại không biết... A kìa, nôm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch.

Trong nháy mắt đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao họ làm nhẹn và lạng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.

Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phân phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước, vẫn chỉ nom thấy đáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.

Chợt chú trai kêu :

– Có ai như người trôi kia ?

Một bác dùng sào khều cái vật trôi lênh bênh đen thui và nói :

– Người thật.

Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cắp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.

Một người bảo :

– Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.

Từ bên kia thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi :

– Vớt được ai đó ?

Mọi người cúi nhìn tận mặt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhăn nhúm đến nỗi đã méo dẹo hẳn đi. Chú trai góp ý kiến :

– Giống như anh Hoe Chúc.

Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia :

– Hoe Chúc !

Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ ? Hoe Chúc đi bạn trên thuyền ông Xin Kính kia mà ? Ông hỏi to :

– Có Hoe Chúc bên ấy không ?

Thuyền bên kia có một im lặng kỳ quặc. Chú trai thính tai nhất trong đám nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên :

– Ô kìa, đâu mất rồi ?

Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhờ nhờ, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trắng ấy nhòa dần vào màu sương phơn phớt xám. Trên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người cảm lạnh, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân.

Chú trai lại kêu :

– Có tiếng gì om om lạ gớm ?

Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phộp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy lèo, giăng riết. Chiếc thuyền quật mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngả mới. Các bác chài vội vàng chạy đi tra chèo, ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào : thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá.

Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chúc hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đá vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn vì bị sóng quật vào lèn đá đến rã xương.

Vợ họ nay vẫn sống trong góa bụa. Và cái hy vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu⁽¹⁾.

(1) Nguyên đăng trong *Hà Nội tân văn*, 1941.

242. MỘT TRẬN BÃO CUỐI NĂM

Ngày hăm lăm tháng Chạp một năm đã xa, một trận bão khốc liệt và rất dữ dội khoáy thủng thường tàn phá bờ biển Bắc Trung Kỳ. Mãi tới hăm ba, trời vẫn còn quang đãng. Mùa đông năm ấy dịu ấm, có những ngày nắng hanh vàng rọi. Người ta bảo nhau : mùa sẽ muộn, cái rét muộn dồn sang Giêng, Hai. Các ông Táo trở về trên kia chắc bay bằng cánh nhẹ giữa bầu trời xanh lơ như làm bằng khói pháo. Đốt vàng tiền xong, những bác chài trong làng quấy rương xuống thuyền đi một chiều lưới tát niên. Vợ họ tươi cười tiễn biệt chồng, dặn với :

– Nhờ trời di, mau về cho kịp ăn Tết, *chá !*

Họ mong sẽ về được rất sớm. Năm ấy được mùa biển, lưới lên căng phình. Sự sống trong làng sung túc hơn, người ta dự định ăn cái Tết khá khá để hưởng một cái vui xưa nay chưa từng được và cũng để tạ ơn thần Phật tổ tiên đã phù hộ cho.

Nhưng ngay tối hôm ấy, trời đổi tiết. Mây đen lặng lẽ kéo lên rồi vỡ thành trận mưa nhỏ. Đồng thời, gió nổi dậy, như đến từ một nơi nào xa lắm. Nghe tiếng khua động lạo xạo sắc nhọn của những cành lá như làm bằng thép : rồi một cái miệng vĩ đại nào thổi phù từng luồng hơi trong không rất dữ dội. Tiếng mưa râm ran bao la. Những giọt tranh nhỏ xuống vũng nước lũng bùng. Không phải kiểu mưa dầm mùa đông, dai dẳng và lặng lẽ. Đây thực là một trận mưa thu đột ngột, lộng những cơn gió mạnh ray rút. Bầu trời chứa đựng một nỗi tức giận gì đang muốn nổ bật ra.

Quá nửa đêm, gió càng lên mạnh. Ngoài kia bể réo sôi, sự náo động của những sức mạnh phi thường, bởi diễn trong bóng tối dày, càng rợn một

sự dọa nạt ghê sợ. Làng đã tỉnh dậy, bỗng rộn hân lên. Tiếng người gọi nhau, gió mưa át mang đi. Ngoài sông, một giọng còn ngái ngủ la hét hốt hoảng : có chiếc thuyền nào đã bứt đứt dây neo, trôi đi theo chiều gió. Người ta hồi hộp chờ đợi một tiếng va đụng rầm rột... Tiếng cát soạn sào chèo lịch kịch. Thỉnh thoảng, "bùm", một cái neo quăng xuống nước.

Sáng hôm sau, trời bệch hân mặt ra. Làng xóm bơ phờ, như vì đã phải thức nhiều trong cái đêm náo động.

Qua ngày hăm lăm, khoảng gần sáng, cơn bão tới tột độ mãnh liệt. Gió mạnh, như thu góp tự bao giờ, thổi phù từng trận, bạt ngang trận mưa. Người ta nghe tiếng vãn mình kéo kẹt của những túp lều không chắc chắn. Bỗng một vật gì đen đen bay sột tường rồi rơi sà xuống : đó là một miếng tranh bị bóc từ mái nhà bên cạnh. Biển cả càng vang tiếng rầm rộn âm u. Sóng mạnh đánh vào các hốc đá, không khí bị ép nổ bùng bùng như súng.

Dải sông vàng khè, như thể đất bùn ở dưới lòng sâu đã bị khoáng lên. Cái làng nhỏ đáng thương nằm giạt, sợ hãi, tê cóng dưới mưa lạnh, có vẻ nhần nhục. Người ta nghĩ đến những thuyền lướt ngoài khơi. Thuyền nào đã gãy cột, văng lái, quay nhào theo sóng rồi đổ ụp ? Thuyền nào đã rã tan từng mảnh, đánh văng tóe người ra như những giọt nước ? Mẹ và vợ dân chài, hai hôm trước còn tươi cười, nay ngồi ép trong một xó lều, nhìn mưa gió qua những chỗ trống dột, và nghiền ngẫm một niềm bi thống mênh mang.

Mãi tới chiều, mưa gió mới ngớt dần, rồi sáng hôm sau, trời bỗng vàng khè như nghệ. Người trong làng kéo nhau ra Mũi Trâu, ngóng thuyền về. Sự chờ đợi trong hai ngày đầu bị thất vọng. Nhưng ngày thứ ba, người ta nhận thấy một chấm đen nhỏ về phía bờ biển làng Ngọc Hải. Những mục già nhắm mạnh đôi mắt nhòe ướt rồi trượng lên cố nhìn, hỏi : "Mô, mô ?". Khi đã nhận rõ hình chiếc thuyền, ai nấy cố đoán xem thuyền ai. Một người nói đầu, chỉ sợ ứ đoán vu vơ : "Giống thuyền nhà ông Long Nghị".

Trong lúc đó chiếc thuyền tiến rất chậm chạp. Nó đi dọc bờ cát, lùi thui như một con chó vừa bị đánh chạy nép chân tường. Cột buồm gãy, ngắn cụt, giờ vết thương vàng ệnh. Buồm và lưới ngổn ngang. Chắc hẳn chèo đã bị gãy, người trên thuyền phải chống sào.

Mọi người rủ nhau xuống bãi cát. Một bác có bộ ngực tốt hỏi to :

– Thuyền ai đó ?

Đằng kia đáp :

– Xin Bình.

Đám người nhôn nhao. Ba bốn mục òa khóc. Đó là những mục có người nhà đi cho ông Xin Bình. Những mục khác khóc theo.

Người ta hỏi :

– Ai nằm đó ?

– Cố Năm. Liệt đi rồi.

Người ta bảo nhau : "Chẳng trách ! Cố già, chịu mô được cái bão *ráp* như *thế nì*".

Khi chiếc thuyền quay mũi vào lạch, cố Năm mới lên tiếng. Cố thở dài sườn sượt, rồi nói bằng giọng khàn :

– Thôi chuyển *ni* về nhà nằm mà chết cho khỏe. Kiếm được con cá nhọc lắm ! Nhọc lắm !

Mấy mục nhà quê càng rống lên.

Những người vừa về không ai biết tin gì về những thuyền khác. Nhờ thuyền chạy hay, riêng họ đã tháo được xuống Cửa Lò.

Về đến nhà, có người bật khóc như con nít : họ kể lại những nỗi gian nguy đã chịu. Khi nghe nhắc đến những ngọn sóng "cao như *rú*" đâm bổ xuống làm thuyền văng bật ra xa như một cái nút chai, mấy mục nhà quê nhắm mắt, rùng mình kêu lên : "Ôi chao ôi ! Rõ khiếp khủng !".

Cũng trong ngày ấy và ngày hôm sau, thuyền ông Tý Điển, ông Dân Năm, ông Lý Cự, lần lượt về lạch. Còn tám thuyền nữa không tin tức.

Ấy là hôm hăm chín, ngày cuối năm.

Nửa đêm, sau khi nghe trên đền nổ ba chiếc lói sắt báo giờ giao thừa, làng bỗng dậy ran tiếng pháo. Đám nhà giàu, mà trận bão vừa qua không làm thiệt hại, ầm ĩ đón mừng năm mới.

Tiếng huyền náo sục vào những nhà dân chài. Niềm bi thống chột thức dậy càng bóp lòng những mục nhà quê. Họ ngờ ngạc lắng nghe tiếng mừng xôn xao của thiên hạ.

Lát sau một đám người tụ họp trước miếu thờ dựng cạnh ngã đường ra cửa lạch. Họ vào miếu sì sụp khấn vái và hy vọng. Nhưng khi trở ra, khi tiếp xúc với bóng đêm lạnh và nghe rõ tiếng bể rền rĩ, ai nấy lại đều tấm tức muốn khóc. Họ đứng tần ngần, không muốn lìa nhau. Mối lo buồn chung đã ràng buộc họ.

Phía trước mặt, cửa lạch in hình tam giác mờ mờ trắng. Sóng bề u trầm nghe tha thiết. Giữa cái huyền ảo đặc đen và bao la ngoài kia, chồng con họ hiện ở chỗ nào ? Trong tiếng sóng, phải chăng có chen lời than vãn của những kẻ đáng thương, chết không mồ mả, thân thể bị nước mặn hun hăng nhồi lắc, ray rứt đến rã rời từng mẩu thịt sũng mềm ?

Một mục nói : "Về ta !". Nhưng không ai nhúc nhích. Khoảng trắng mờ tam giác như thu hết linh hồn mọi người : trí não dần căng, họ như mong đợi một sự xuất phạm. Và họ đã được chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ.

Có phải mọi người đều hoa mắt, vì đã nhìn lâu trong bóng tối ? Sự chấn động gây bởi những ngày đợi chờ vô vọng đã đánh loạn thị giác họ chăng ? Nhưng mãi ngày nay, tuy việc đã lùi xa theo thời gian, những người trong cuộc đều đoán chắc đã thấy rõ ràng và kể lại được tách bạch từng tiểu tiết.

Họ thấy giữa khoảng bề đen mờ mọc lên một điểm ánh sáng xanh, tiếp sau đó mọc thêm hai điểm nữa cũng màu biếc xanh y hệt. Trông giống ba vì sao vừa ngoi ở dưới nước lên, giống thẳng hàng như buộc lấy nhau bằng một sợi dây. Những điểm ánh sáng ấy bay tới phía cửa lạch, to dần thành những ngọn đèn le lói chiếu mờ mờ ra chung quanh, làm nổi những bóng đen lớn thon dài. Người ta nhận ra được những hình thuyền. Buồm không thấy căng lên : không nghe chèo khuấy nước. Nhưng ba chiếc thuyền tiến vào rất nhanh. Ba ngọn đèn vuông tỏa ánh xanh mờ bí mật, không soi rõ những bóng người lơ lửng trên thuyền. Thuyền đi rất êm, như lướt trong bóng tối, không chạm mặt nước. Những hình người không động và im lìm. Chợt một bóng người ở thuyền đầu tách ra, tiến đến phía mũi và nói bằng một giọng nghe xa xôi :

– Được rồi đó. Thôi quay trở lại, anh em !

Mụ Can Túc tưởng nhận ra tiếng chồng, hồi hộp hỏi ra :

– Bố thằng Can đó phải không ?

Người kia giơ đèn lên ngang mặt, nhìn vào bờ, hỏi lại :

– Tiếng ai như tiếng mẹ thằng Can ?

Nhờ ánh đèn, mọi người đều nhận rõ mặt bác Can Túc. Bác cười lặng lẽ, miệng dềch đến mang tai. Hai mắt lóng lánh một vẻ tinh quái, như giấu một sự bí mật gì.

Bác dềch miệng cười rất lâu, rồi nói lớn :

– Anh em gửi lời chào bà con cả. Anh em ở xa ghé về thăm nhà một tý, giữ đi đây.

Chưa ai kịp đáp gì, cũng chưa ai kịp hiểu những sự vừa xảy ra, thì ba chiếc thuyền đã đồng thời quay mũi. Người ta tưởng thấy những bóng người cử động như đang chèo, nhưng không hề nghe tiếng nước xao động. Ba chiếc thuyền ma lặng lẽ quay ra biển, trở về chốn vô cùng.

Mọi người sững sờ nhìn theo. Đột nhiên ba điểm ánh sáng xanh cùng một lúc vụt chìm xuống đáy biển, như những hy vọng mong manh chẳng còn bao giờ trở lại.

Ngày hôm sau, bốn chiếc thuyền nữa lần về được lạch nhà. Một chiếc thứ năm đã bị giạt xuống ngang cửa Nhật Lệ⁽¹⁾. Thuyền ụp nhưng may bạn chài đều sống sót, họ lần lên Đồng Hới⁽²⁾, tìm được đến nhà thấy mẹ tôi. Họ xin một bữa rượu, "uống để giải cái rét". Cơm rượu no say, mỗi người được biếu một cái nón, bộ quần áo và một suất tiền xe trở về làng.

Duy ba chiếc thuyền cuối cùng bật tin tức. Bác Can Túc chỉ còn lưu lại trong ký ức mọi người hình ảnh nét cười lặng lẽ dềch đến tận mang tai, cái cười mang một vẻ vừa bí hiểm vừa tinh nghịch, hầu như vui vẻ nữa, cứ như thể bác đã tìm ra được cái bí quyết vượt qua mọi gian nguy khổ cực trên đời và tới được nơi an ổn vĩnh viễn. Mỗi khi nhắc chuyện bác, người ta nói : "Mồ ma bác Can..."⁽³⁾.

(1) *Nhật Lệ* : thuộc tỉnh Quảng Bình.

(2) *Đồng Hới* : thành phố của tỉnh Quảng Bình.

(3) Nguyên đăng trong *Tiểu thuyết thứ Bảy*, Hà Nội, 1942.

NGÂM NGẢI TÌM TRẦM

Tác giả : Thanh Tịnh (12.XII.1911-1988). Các bút danh khác : Thỉnh Không, Pathé, Thanh Thanh, Trịnh Thuần. Tên khai sinh là Trần Văn Ninh, năm lên sáu tuổi đổi là Trần Thanh Tịnh. Người xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế. Thuở nhỏ học chữ nho đến mười một tuổi, rồi tiếp tục học Tiểu học và Trung học ở Huế. 1933, làm việc ở các sở tư rồi sau làm nghề dạy học. Thời gian này ông bắt đầu viết văn, làm thơ và cộng tác với các báo Phong hóa, Ngày nay, Hà Nội báo, Tiểu thuyết thứ Năm, Thanh nghị... Sau 1945, làm Tổng thư ký Hội Văn hóa Trung Bộ, tham gia phụ trách Đoàn kịch Chiến thắng của Bộ Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam. Sau 1954, từng làm Chủ nhiệm tạp chí Văn nghệ quân đội. Nhiều năm là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

Tác phẩm chính :

- Hận chiến trường (1937)
- Quê mẹ (1941)
- Chị và em (1942)
- Ngâm ngải tìm trầm (1943)

Ngâm ngải tìm trầm in lần đầu năm 1943, là một tập truyện ngắn mang khuynh hướng trữ tình, nối tiếp tập Quê mẹ. Ở đây chúng tôi chọn 2 truyện tương đối đậm sắc thái truyện kỳ hơn cả, trong đó có một truyện là mô phỏng truyện cổ tích thần kỳ.

243. NGẬM NGẢI TÌM TRẦM

Hôm ấy chúng tôi vào phía rừng Kim Vân gần chân núi Truồi⁽¹⁾ để đo mấy khoảng ruộng tranh mới vỡ. Đường đi gồ ghề và hóc hiểm, lắm đoạn phải lội qua suối nước lên quá lưng quần.

Chúng tôi đi một dãy dài cho có vẻ nhiều và mạnh. Thật ra đường cũng hẹp, không thể đi hàng hai được. Đi trước là người mang hòm máy rồi đến người xách máy mo côm nắm và thức ăn. Tôi đi giữa, phía sau tôi là hai người cầm "ra lông" và "mía"⁽²⁾. Tôi chỉ cầm bản đồ để dò đường nên phải đưa mắt nhìn quanh mãi. Vào giữa trưa, chúng tôi đến đầu địa phận làng Thanh Mỹ. Trời về tiết hạ nhưng mây cũng chưa nắng gắt. Có lẽ vì nhờ hơi đá bốc lên cao và khói sương ủ xuống nặng. Trời tuy nắng, nhưng thời tiết có vẻ dễ chịu. Qua khỏi đồi thông, am Sơn Thuần, trước mắt chúng tôi hòn núi Truồi dựng lên sừng sững, oai nghiêm như một vị linh thần. Sườn núi từ trên cao chạy xuống từng đường trắng, rồi tỏa rộng bốn bề trông như những ngọn thác lửa đá ùn thành đồi.

Chúng tôi đang loay hoay tìm chỗ ngồi ăn trưa thì may gặp một nền nhà cũ bỏ hoang khá bằng phẳng.

Chung quanh nền nhà có mấy thanh sắt dựng lên thật cao. Bên tay trái có mấy sợi dây thép dằng qua lại giữa hai cây sắt đã rỉ cùn đầu. Cây bìm bìm tha hồ thả dây leo và đang kết thành một hàng rào lá chàm lóng khà dày. Quái lạ, một hàng rào sắt bao quanh một nền nhà đất sét ! Thật là một chuyện lạ ngoài tưởng tượng. Hay đây là bãi chiến trường xưa... ?

Tôi đang phân vân muốn biết chuyện hàng rào sắt thì một bà lão thấy chúng tôi ngồi ăn, liền đến đứng xem. Và cũng nhờ bà ta, chúng tôi mới biết câu chuyện sau đây :

"Xóm Bình Lư hồi ấy có độ trên mười nóc nhà. Xóm ấy thuộc về làng Thanh Mỹ thượng. Họ chuyên nghề vào rừng đốn củi hay đi săn. Cách sinh kế của lớp người này rất đơn giản. Rừng núi đã chu cấp cho họ gần hết vật

(1) Núi Truồi : thuộc tỉnh Quảng Trị.

(2) "Ra lông" : table à rallonge, là bàn vẽ gồm nhiều phần nối vào nhau; "mía" : mire, là máy ngắm.

liệu họ cần dùng. Thiếu gạo đã có ruộng rừng, họ ra công cày cấy lấy. Đồ ăn phần nhiều là thịt hươu nai ướp muối hay ép thật khô. Thỉnh thoảng họ mới xuống chợ bán củi để mua ít thức ăn, phần nhiều là vải, muối hay diêm. Đời họ ở xa cách thành thị, có tiền nhiều họ cũng không biết sắm thêm gì và không vượt ra khỏi cơm ngày hai bữa. Hy vọng của họ cạn và gần, và nhờ thế rất dễ được mãn nguyện. Trong xóm ấy có hai vợ chồng bác Diệm nhà nghèo nhưng ở với làng nước rất thảo. Bác gái là người làng Ngô Xá ở Quảng Trị. Lấy nhau sáu năm bác gái sinh được một trai và một gái. Thấy trong nhà nhiều miệng ăn, muốn cho vợ con được no ấm, bác trai liền nghĩ cách vào núi tìm trầm. Nhưng tìm trầm rất khó, không phải đôi ba ngày mà tìm ra được. Có khi phải đi đến hàng tuần hàng tháng. Rồi kết quả lắm lúc cũng chẳng ra gì. Đó là chưa nói phải vào tận trong núi xanh và vượt qua nhiều cánh rừng nguy hiểm. Muốn tránh tai họa, người đi tìm trầm phải ngậm ngải. Theo lắm người kể chuyện, ngải là một thứ củ cây do người Mọi ở Trường Sơn luyện rất công phu. Họ hấp củ cây ngải trong lò mật ong một tháng, để giữa dòng suối chảy một trăm ngày. Đoạn phải đặt trong tay đủ năm người chết, và đeo trước ngực năm bà già trong đời giữ vẹn tiết trinh. Vẫn chưa hết. Xong phải nhét vào trong cái giỏ heo để lừa cho hổ ăn. Nghĩa là nếu may thì ngải sẽ nằm trong bụng hổ. Đoạn phải bắt cho được con hổ ấy, rồi giết ngay và lấy ngải ra.

Ngải lúc ấy là một cái bùa thiêng có sức mạnh huyền bí. Ai ngậm nó mà đi vào rừng thì không ăn không uống cũng sống được. Và thú dữ dù đi sát bên cạnh cũng không thấy mình được. Nhưng hạn trong ba tháng mười ngày phải trở về nhà nhà ngải ra. Nếu không thì người ấy sẽ mọc lông, trở vuốt, thêm nanh và hóa ra hổ thật.

Chuyện ngậm ngải tìm trầm, thổ dân ở các dải núi miền Trung cho là rất thường. Cái mỉm cười ngờ vực đối với câu chuyện họ nói về sức phi thường của ngải sẽ quyến được cái quắc mắt giận dữ hay cái trề môi ngạo nghễ của họ ngay vì họ quá tin đến dám xem thường tất cả người nào không chịu tin như họ, nghĩa là không hiểu rõ sức uy hùng bí mật của rừng thâm núi cao.

Bác Diệm trai vào rừng đã gần ba tháng nhưng vẫn chưa thấy ra. Bác gái ngày nào cũng nhìn vào núi Truồi để chờ tin tức. Có lẽ chỉ lần này bác trai mới vào rừng lâu nhất. mấy lần trước bác chỉ đi trong một vài tháng là nhiều. Bác gái ngày đêm lo sợ nhưng cũng không biết làm sao được. Bác liền đi hỏi thăm mấy nhà hàng xóm. Có người an ủi lấy có bác Diệm rất thông minh, thế nào bác cũng nhớ về nhà đúng kỳ hạn. Lắm người bông đùa một cách quái ác, là nói bác đã vào tận Bình Định, Quy Nhơn, rồi lấy

vợ bé trong ấy rồi. Bác Diệm gái vẫn trông mong chồng và đêm nào cũng ra phía sau nhà nhìn về phía dãy Trường Sơn bát ngát. Nhưng dải núi thì cao và hùng vĩ quá, không thể đem lại sự yên lành trong tâm hồn chất phác của cô gái quê được.

Ba tháng mười ngày đã qua từ lâu. Bác Diệm gái lại càng lo sợ hơn nữa. Đêm nào bác cũng ra đứng giữa sân thần thờ nhìn về dãy núi, rồi đến đêm khuya bác mới trở vào nhà ngồi khóc rấm rứt.

Ngày tháng cứ lặng lẽ trôi, rất nặng nề trong lòng người mong đợi. Rồi giữa một đêm trăng mờ cuối thu, Bác Diệm gái bỗng nghe tiếng rú xa xa, dứt quãng rồi kéo dài rất ảo não. Bác Diệm tung chiếu chạy ra sau nhà, tìm đập mạnh và tay chân run lập cập.

Phía xa trên một đồi nhỏ, lọt trong rừng thông lơ thơ, một bóng người đang nhìn về xóm Bình Lư đã từ lâu im lìm trong đêm vắng. Tuy chưa nhận rõ là ai, linh tính đã báo cho bác biết đó là chồng bác, bác Diệm trai. Rồi không suy tính, bác đâm đầu chạy ra, lòng mừng khắp khởi. Nhưng mới chạy được một quãng ngắn, bác đã lạnh người đứng dừng lại. Một tiếng rú nghe lạnh và uất như một người cầm cố thét lên để nói được tiếng của loài người.

Tuy sợ nhưng lòng bác Diệm gái thương chồng mạnh hơn. Bác gắng sức chạy đến chân đồi, cái bóng đen liền chồm vồn đi lại phía bác, hai tay thả lỏng, đầu gật gù, lưng cúi lom khom. Ánh trăng thu rây bụi vàng nhạt trên mớ tóc dài đen nháy của con người kỳ dị lại làm bác gái giật mình, muốn đứng lại ngay. Giữa lúc ấy bác nhận thấy một manh áo nâu đã rách tươm còn vướng trên cổ người ấy... Thôi rồi ! Chồng bác đã gần hóa hổ, bác run sợ và bối rối... Nhưng bác cũng cố đứng nhìn và đợi. Cái bóng đen vừa tiến đến vừa rên hừ hừ, như bị ngạt trong cổ. Lúc thoáng thấy cặp mắt chồng đã tròn xoe và hoe sáng như lửa, cằm đã mọc râu dài và thưa, bác Diệm gái liền đi thụt lùi rất gấp. Nhưng bác vấp phải một cành cây nằm ngang ở phía sau. Bác thét lên một tiếng rồi ngã nhào, chết ngất.

Sáng hôm sau, lúc bừng mắt tỉnh dậy, bác Diệm gái thấy mình đang nằm trên giường nhà. Hỏi mấy người đến thăm, bác mới biết tiếng rú đêm qua, dân xóm đều nghe rõ cả. Họ cũng lần ra phía đồi để xem thì vừa lúc gặp bác nằm chết ngất trên cành cây khô. Mấy người khiêng bác về nhà. Còn những người bạo dạn thì lấy roi hèo đánh đuổi con người quái lạ kia đi. Nghe đến đây bác Diệm gái mở lớn đôi mắt, băn khoăn hỏi :

– Dân xóm có đánh người ấy à ?

Một ông lão đáp :

– Không, chỉ dọa thôi. Thật ra cũng không ai dám đến gần hẳn.

Bác gái nói thầm như để một mình nghe :

– Chồng tôi đó !

Nói xong bác ứa nước mắt thở dài một cách ngao ngán.

Luôn mấy đêm sau, bác Diệm gái ra sau nhà đứng nhìn về phía mấy ngọn đồi nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng chồng đâu nữa. Bác lại trở vào nhà âm thầm nằm đợi nghe tiếng rú.

Qua tháng sau, một buổi chiều, bác xuống chợ Truồi mua gạo thì bác trai mon men vào nhà. Bác đem theo một buồng chuối hoang và mấy trái cam dại. Hai đứa con mới nhận thấy bác đã khóc văng lên. Bác lo sợ cúi gắm đầu xuống và đưa cam chuối cho chúng ăn. Chúng thấy người ấy không làm gì hại và còn cho ăn tử tế thì ngồi yên lặng ngay.

Bác Diệm trai muốn vuốt ve con, nhưng tay bác sờ đến đầu quần áo của hai đứa nhỏ rách toang đến đấy. Thì ra móng tay bác đã sắc và nhọn lắm rồi.

Thừa lúc đứa con trai quay mặt nhìn ra sân bác Diệm liền thè lưỡi liếm đầu nó. Bác muốn tỏ vẻ yêu mến con, lòng bác còn là lòng người, nhưng chao ôi, cử chỉ của bác đã nhuộm đầy vẻ thú. Lưỡi bác đã rám và sắc hơn dao rồi. Chỉ đưa đi đưa lại mấy cái, tóc đứa con đã rụng tua tủa. Hai đứa con sợ quá, liền bỏ chạy ra sân la lớn. Cũng ngay lúc ấy bác Diệm gái đi chợ về. Thấy chồng lông đay người và màu lông đã hơi vàng, hai tay trước thông gần chấm đất và nanh trắng nhe ra ngoài môi, bác Diệm gái cũng hoảng hốt la tiếp.

Nghe tiếng ồn ào dân quanh xóm liền chạy đến và đuổi con vật nửa người nửa thú chạy bán sống bán chết vào rừng. Muốn che chở người cô quả, dân xóm Bình Lư xuống xin mấy người làm đường xe lửa ở gần ga Truồi một chục thanh sắt và mấy sợi dây thép về làm một cái hàng rào vây quanh nhà bác Diệm gái. Từ đó bác Diệm trai không dám bén chân về nhà nữa.

Nhưng qua mùa xuân sau, cũng một đêm trăng mờ như bảy tháng trước, bác Diệm gái lại nghe tiếng rú kinh hồn trên đồi thông vắng. Bác liền vội vã chạy ra sau nhà. Trong bầu ánh sáng nhạt, nhuộm sương khuya, bác Diệm thấy một bóng người - không, một con vật thì đúng hơn - chụm mạnh bốn chân xuống đất, ngẩng đầu lên cao, đang dăm dăm nhìn về phía bác. Thôi thế là hết ! Chồng bác đã hoàn toàn hóa hổ... Bác ôm mặt khóc rất thê thảm. Con hổ cũng rú lên một hơi dài như để đáp lại tiếng lòng của vợ. Tiếng rú nghe lạnh và buồn.

Đoạn con vật quay mình lảng lảng đi vào phía núi Truồi, rồi biến dần trong ánh trăng xanh nhạt.

Dãy núi Truồi từ đó đã như một bức thành kiên cố chia đôi tình nhân loại với cảnh huyền bí của sơn lâm".

244. LÀNG

Cách chân đèo Phước Tượng⁽¹⁾ hai cây số và ở giữa phá Cầu Hai có một chồng đá xám mọc lên thật cao. Trên chồng đá ấy có cái am vôi trơ trọi đứng một mình. Mặt am nhìn về phía núi Tuy Vân và cách đó ba cây số là cửa biển Tư Hiền. Lưng am chênh chếch xây về dãy Trường Sơn và riêng hòn Bạch Mã trán cao chát ngất, về phía ấy chân núi bò ra tận phía và nhiều khoảng chuối thẳng mình trong bầu nước rộng mênh mông.

Am không có vẻ hoang phế, nhưng cũng không được vẻ sần sốc lắm. Trong am đếm được hơn ba trăm bát lư hương vừa sành vừa gỗ. Am xây theo kiểu rất cổ, mái vồng và chân mạnh. Chắc đã bị bão táp nhiều phen nhưng mặt vôi nhiều nơi còn nguyên láng. Tìm niên hiệu thì mới biết am dựng năm Hoằng Định nguyên niên (1601) (tức về đời vua Lê Kính Tông đầu thế kỷ XVI). Hỏi người sống trong làng mạc hai bên phá thì họ bảo là am Kê Chài. Nhưng người chài lưới thì nhắc đến tên kính cẩn hơn : am Cô Giang.

Dưới đây là câu chuyện do một cụ già Trường Sơn kể lại :

"Theo ông bà tôi thì am dựng đã lâu, lâu lắm. Hồi ấy Huế chưa có kinh đô và vua còn ở đâu ngoài Bắc. Phá Cầu Hai lấy tên là Trạng Tô do người Chăm đặt. Hai bên bờ phá không có xóm người ở. Nhưng chính giữa phá đã có lớp người dựng lên làng mạc hẳn hoi. Quanh năm họ sống về nghề chài lưới. Họ là người của nhiều làng, nhiều nước. Nghe đâu có cả người Trung Quốc và dân Chiêm Thành nữa. Họ gặp nhau trong cảnh làm ăn hay trên đường lưu lạc. Rồi từ quen biết đến thân yêu, họ thành lập một làng sống với nhau trên mặt nước. Làng ấy là một khoảng phá lan dài trên tám

(1) Tất cả các địa danh trong truyện đều thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên - Huế, quê hương tác giả.

dậm nước. Họ toàn là kẻ tha phương ở với nhau lâu ngày, tình liên lạc trở nên đậm đà và bát ngát.

Làng ấy không có tên và chỉ lấy chữ *Làng* vền vện. Nhưng dân chài lưới lại hiểu một cách sâu xa thấm thía. Động ai nhắc đến tên *Làng* là lòng họ đã thấy nhớ nao nao.

Dân trong *Làng* thường đi làm ăn phương xa, nhất là vào đầu mùa thu. Vì hồi ấy nước nguồn đổ xuống nhiều. Ở đâu có nước ở đó là nhà. Người chài lưới đã quen sống lênh đênh nên không biết ngại ngùng trên những dòng nước lạ. Họ cắm thuyền bất cứ đâu. Đời họ đã quen với phá rộng, với sông dài. Cách giao tiếp dễ dàng như con với mẹ.

Năm tôi hai mươi tuổi thì *Làng* được trên hai trăm dân. Hằng năm vào tháng Bảy tôi đã chèo thuyền đi về phía Thuận An. Cuối năm nào tôi cũng găng về *Làng* rất đều đặn. Vì đêm ba mươi Tết dân *Làng* có tục lệ hội họp chung quanh am. Xa cách mấy tháng liên tiếp nên đêm ấy họ nhao nhao hỏi nhau rối rít. Và hằng năm chỉ đêm ấy họ mới biết số dân *Làng* đã thêm bớt bao nhiêu.

Cuộc họp mặt ấy rất vui. Họ thả lưới câu may vào khoảng 3 giờ sáng. Sợ nhất là bắt được lươn và chình. Vì đó là điềm rủi. Trong lưới được bao nhiêu tôm cá họ đều đổi cho nhau cả. Tục lệ trao đổi ấy cũng như quà biếu đầu năm. Nhưng ở đây vui hơn. Vì không ai mất tiền mua quà cả.

Buổi chài lưới đầu năm họ chia cho nhau chứ nhất định không bán. Các chợ Tết ở làng mạc phố phường vì thế không có tôm.

Dân *Làng* xem đó là một sự hãnh diện tự chủ của đời sống bình bình trên mặt phá mênh mông.

Cuối năm Thìn tức năm Thành Thái lục niên (1894), tôi đang ở Kim Long gần Quảng Trị. Tôi định ăn Tết một năm ở đấy cho vui. Nhưng không hiểu sao chiều hai mươi tám Tết tôi tự nhiên thấy bốn chồn một cách lạ. Tôi nghĩ chắc có chuyện gì không may xảy ra.

Buổi chiều, tôi nhất định chèo thuyền về *Làng*. Từ phá Tam Giang đến Cầu Hai cách nhau ngót trăm cây số. Tôi phải chèo suốt ngày đêm. Lúc nào nấu ăn thì tìm bờ cắm thuyền lại.

Dọc phá tôi mới sực nhớ năm nay đến phiên tôi "hương khói" am Cô Giang và tôi tự bảo có lẽ vì thế nên "ông bà" bắt mình nóng lòng nóng ruột.

Am Cô Giang là nơi dân *Làng* đến gửi lư hương nhà trước khi đi làm ăn xa. Người có mặt sẽ cúng thay người vắng mặt. Và hằng năm *Làng* cử một người đến am cúng bái trong ba ngày Tết.

Chiều ba mươi, lúc mặt trời sắp tắt, thuyền tôi đã đến đầu làng Mỹ Lợi. Tôi nhắm chừng chân đèo Phước Tượng chèo tới mãi. Nhưng càng đến gần, sương mù càng sa xuống nặng. Sau tôi thấy như khói đặc từ mặt nước bốc lên không. Mặt phá vì thế trông mung lung không bờ bến. Xa xa đèo Phước Tượng như trôi dập dề trong ngàn mây trắng.

Đến am Cô Giang vào khoảng 11 giờ khuya. Tôi nhận thấy chung quanh am không có bóng thuyền nào cả. Tôi tin thuyền dân làng đang lẩn trong sương đêm còn phủ đầy mặt phá.

Khí lạnh bắt đầu bao vây cả người tôi. Tôi mặc thêm cái áo đen dài nữa. Cầm thuyền xong tôi liền bước chân lên một tảng đá lớn. Nước lấp lánh trong khe đá như thủy tinh. Sau một làn sóng dội, nước trong mấy lạch đá cùng một lần hòa nhịp phập phồng theo. Tôi chum chân lấy thăng bằng rồi đi thẳng vào am. Đứng trên tảng đá cao tôi đưa mắt nhìn mông ra xa. Tôi cũng không nhận thấy bóng thuyền nào cả.

Sương xuống dày quá và tôi run cả người. Quanh tôi trời nước mênh mang. Xa xa dãy núi Trường Sơn phủ đầy mây đã như một ngọn sóng thần tung bọt đổ xô về phía tôi. Tôi tự thấy mình nhỏ quá và con thuyền trước mắt không hơn gì một ngọn lá tre. Tôi sợ quá đến muốn kêu lên một tiếng thật lớn. Nhưng tôi vẫn không dám.

Ngay lúc ấy ở triền núi Bạch Vân có mấy ánh đèn của chùa Linh Sơn nổi bật lên trong đám cỏ cây trùng trùng điệp điệp. Có lẽ chùa đang cúng lễ giao thừa. Nhìn được ánh đèn xa, lòng tôi cũng thấy bớt sợ.

Muốn đáp lại dấu hiệu che chở của nhà chùa tôi liền thắp đèn trong am thật sáng.

Đèn am vừa bật lên, một cảnh đẹp kỳ dị đã phơi ngay trước mắt tôi. Lẩn trong sương mù mấy trăm chiếc thuyền *Làng* đều lên đèn một lượt. Ngọn đèn xao động trông hơi mờ và xanh nhạt. Thuyền *Làng* trôi từ từ nên ánh đèn cứ thay đổi chỗ mãi. Trước cảnh xinh đẹp ấy tôi hối hận đã dám nghi dân làng quên cuộc họp hằng năm.

Sương mù càng sa dày hơn nữa và tôi cảm thấy nặng nặng trên hai vai. Khí lạnh như cố ôm riết người tôi. Tôi không cử động được.

Không biết tại sao lúc ấy có cái gì rờn rợn và bắt tôi rùng mình. Tôi gọi lớn tên mấy người bạn tôi quen. Ở đằng xa thoang thoảng có mấy người lao xao đáp lại. Nhưng tôi cũng không nhận rõ được tiếng ai. Hơi lạ là tiếng chuông chùa Linh Sơn tuy nhỏ và xa tôi vẫn nghe rõ lắm. Tôi nghĩ dân làng kiêng không cho thuyền mình đến gần – như người ta kiêng xông nhà, đập đất – nên không gọi nữa.

Thuyền *Làng* bắt đầu chèo quanh am làm tôi nhìn theo chóng cả mặt. Ban đầu ánh đèn còn đi chậm, sau đi nhanh, sau cùng đi nhanh quá đến nỗi tôi thấy toàn người như đảo lộn. Đứng không vững tôi liền tìm thuyền xuống nằm và ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng dậy bước ra khỏi mui thì trời đã bừng sáng. Sương đã tan và mặt nước tươi xanh như mới nhuộm. Tôi dụi mắt nhìn lại mặt phá thì không thấy thuyền *Làng* đâu cả. Chưa biết duyên cớ gì tôi đã sợ lạnh cả người. Chèo thuyền đi hỏi mấy làng lân cận thì họ bảo :

– Trận bão dữ dội ngày mồng hai tháng Tám năm Thìn, thuyền và dân làng đã chìm và chết hết.

Nghe xong, tôi buồn uất, khóc không ra tiếng. Từ đó, tôi cứ chèo thuyền làm ăn thật xa, không mấy khi trở về *Làng*. Về thêm khổ và về với ai ?”.

TIỀN KIẾP

*Tác giả : **Đỗ Huy Nhiệm**, bút danh **Đỗ Phủ**, Thiếu Lăng, sinh ngày 16.III.1915 ở Nam Định, chưa rõ năm mất. Ông chính gốc người Phú Yên, họ Hồ, sau đổi ra họ Đỗ. Học trường Nam Định cho đến khi đỗ Thành chung rồi lên Hà Nội học đến khi đỗ Tú tài. Từng làm ở Sở Truớc bạ Hà Nội.*

Đã đăng thơ trên hầu khắp các báo chí Bắc Nam những năm ba mươi, bốn mươi như Phụ nữ thời đàm, Tân thiếu niên, Tiến hóa, Văn học tạp chí, Hà Nội báo, Tiểu thuyết thứ Năm, Trào phúng, Đông thanh, Đông Á, Tin mới... Ông có hai tập thơ đã xuất bản là Khúc ly tao (1934), Thiên diễm tuyết (1936).

Tiền kiếp do Tam kỳ thư xã xuất bản năm 1944 tại Hà Nội và xếp vào loại "tiểu thuyết". Nhưng tác phẩm thực ra gồm những truyện ngắn viết theo lối phóng truyền kỳ. Có những truyện mô phỏng cốt truyện kinh dị của phương Tây khá rõ. Rất tiếc do tư liệu ở Thư viện Quốc gia đã cũ nát, không thể khôi phục được nguyên bản, kể cả đối với truyện chính là Tiền kiếp, nên dưới đây chúng tôi chỉ chọn được 5 truyện còn nguyên vẹn để bạn đọc tham khảo.

245. CÂY ĐA BA CHẠC

Khi đó, vào năm Gia Long, ở làng Giá Lua, một buổi chiều bỗng có ráng vàng như nghệ. Từ Đông sang Tây, dải cầu vồng ngũ sắc vắt ngang. Các cụ già biết là điềm sắp có gió to, vội sai con cháu chống lại cột nhà và thu thóc vào vựa. Nhưng lạ hơn hết là gió không to, cát không bốc mù lên như người ta tưởng tượng. Ráng dần lạt màu. Gió vẫn yên. Rồi nắng quái bùng lên ở mái nhà, ở ngọn cây một thứ vàng kỳ ảo.

Giữa lúc ấy, một ông già, râu tóc bạc phơ, không biết từ đâu đến, chống gậy trúc đi từ phía bắc vào làng. Thấy bộ râu ba chòm trắng xóa và mớ tóc như bông của ông, ta đoán đó là một người già lắm. Nhưng khi thấy đôi mắt vô cùng linh động và dáng điệu quắc thước của lão, người ta chịu không đoán được tuổi ông ta nữa.

Lão mặc chiếc áo xanh rộng ống, một tay chống chiếc gậy trúc, một tay cầm quạt lông, lưng đeo một cái khăn gói lưng còng và nặng nề.

Dân trong làng, ai thấy ông lão kỳ dị đó cũng phải để ý nhìn. Những trẻ chăn trâu, vứt cả nón, cả điều, tranh nhau chạy coi cho kỳ được.

Tới một quán hàng nước thì lão đặt tay nài xuống và ngồi nghỉ chân. Lão dùng bút giấy nói chuyện với chủ quán hỏi thăm nhà ông Tiên chỉ. Thấy vậy người thì cho rằng lão bị chứng câm, người thì cho rằng đó là một người Tàu đi tìm mả nên không thuộc tiếng ta. Đàn bà con trẻ thấy lão dáng điệu phong nhã mà lại đến làng giữa lúc cầu vồng ngũ sắc vắt từ Đông sang Tây, bàn nhau đó là một tiên ông giáng hạ.

Ngày hôm sau, sau khi bút đàm với ông Tiên chỉ, ông lão kỳ dị lập lên trên cái gò cao nhất của làng một túp lều tranh và ở liền trên đó.

Thì ra đây là một người khách già hái thuốc, đi tìm thảo dược. Lão ở trên đỉnh gò, tuyệt không giao thiệp với ai trong làng. Người ta không hiểu đồ ăn thức dùng lão kiếm ở đâu.

Có mấy đứa trẻ chân trâu táo bạo, không sợ chông gai rần rết, tuy ngã, vẫn cố trèo, đã lên được tới chỗ lão ta.

Khi xuống tới chân gò, mọi người xúm xít lại hỏi thăm chúng nó tin tức ông khách già. Mấy đứa trẻ, mặt tái mét, thở hồng hộc, kể lại những điều trông thấy ở trên đỉnh gò :

Ông khách già, gầy đét, cời trần, ngồi xếp vòng trên tấm nệm cỏ mình vận độc có một chiếc quần hồng, chung quanh tịnh không có một chút dấu vết gì về việc nấu nướng cơm nước của lão. Bên tay phải có ba cuốn sách cũ giấy đã vàng; phía trái có một cái bát gỗ đựng đầy kê, thứ kê Tàu to hạt vẫn cho chim ăn. Đằng sau lão có một cái búa đáng chừng nặng lắm và một cái kèn làm bằng thứ xương gì trắng và dài như ống xương chân người chết. Một đứa trong bọn tò mò và bạo dạn hơn hết tưởng lão khách ngủ say - vì mắt lão nhắm nghiền và lão ngồi hàng giờ không nhúc nhích, mon men bò khế lại, định rờ tay vào cái kèn lạ đời. Lão không quay lại chỉ giơ một ngón tay lên trời, thằng bé tự dưng riu hai chân lại, không tiến được một bước. Sợ hãi quá, chúng bèn bám nhau tụt xuống, kiếm đường về.

Người trong làng bàn tán về ông lão ấy xôn xao một độ. Thế rồi mãi công việc làm ăn, người ta quên dần đi rồi bằng hẵn.

Được sáu tháng, vì lão đến từ tháng Chín, mà lúc bấy giờ đang tháng Hai, thì lão già xuống núi lần thứ nhất.

Lão tìm đến nhà ông Tiên chỉ đưa biếu ba cái cây cấp ở nách, viết mấy chữ đại ý nói :

"Đây là ba thứ cây rất quý thuộc về loài đa, giống ở Thiểm Tây, tôi ương sáu tháng trời mới được. Thứ cây này trồng xa nhau thì rất yếu. Nhưng nếu chung một gốc, cây to lớn vô cùng, mấy chục người ôm không xuể. Tôi đưa tặng dân làng để đáp lại tấm lòng tốt của họ đối với tôi.

Tôi xin nói trước để các ngài ngẫm : cây này sẽ có ba ngọn hướng về ba phương Đông, Tây và Nam. Mỗi ngọn ứng vào sự phát văn, phát võ và nền kinh tế trong làng. Các ngài cố trông nom, về sau sẽ gặp được nhiều điều may mắn".

Ông khách già theo ông Tiên chỉ tới chỗ điểm Trung chọn một chỗ bên phía tả con đường từ Trạm Trời đi vào, rồi tự tay trồng lấy ba cây ở chỗ đó.

Ba tháng sau, lão lại xuống gò, bút đàm với ông Tiên chỉ : Lão mới làm xong cho dân làng một tấm cầu bằng nguyên một tảng đá lớn và mượn một

ít trai tráng lên trên gò để vắn hòn đá xuống. Tấm cầu này sẽ dùng để thay mấy phiến gỗ vắn bắc qua một rãnh nước trong làng.

Thoạt tiên, người ta tưởng là hòn đá nhỏ nên cho mười người lực điền lên khiêng xuống. Không ngờ đến năm sáu chục người chặt vật mãi từ sáng đến chiều mới vắn nổi hòn đá đến chỗ định đặt.

Lão chọn chỗ chỉ cho người kê xong xoa tay đứng ngấm một lúc ra dáng đắc ý, rồi cúi chào mọi người trở về núi.

Tất cả làng xúm vào xem hòn đá lạ lùng, cái kỳ công của ông già bí mật. Đó là một tảng đá rất dày, dài chừng sáu thước, ngang hơn bốn thước, có những vân xanh. Cái dụng công của lão là đã khéo đục hòn đá ở chính giữa thành hình chữ nhật; và đã chọn được một miếng đá sắc hồng cần thế vào. Chỗ vá đó vừa khít vừa nhãn lỳ. Dấu trám đường gấn chung quanh khô và chắc rắn.

Người thì bàn tán rằng trong lỗ hồng đó, lão đã táng hài cốt của tổ tiên nhà lão; người thì cho rằng lão đã giấu của ở trong đó.

Giữa những lời bàn tán ấy, một buổi sáng, ông khách già chống gậy trúc, lưng đeo khăn gói, xuống gò, chào mọi người để ra đi.

Lão ra đi làm cả làng khoan khoái dễ chịu. Mọi người từ nay đỡ phải băn khoăn về cái hành tung bí mật của lão nữa. Rồi không ai bảo ai, họ họp thành một đoàn lớn, kéo nhau lên trên gò để tìm những vết tích của lão già kỳ dị.

Họ đều ngạc nhiên và cùng đứng sững lại, khi thấy ở trên đỉnh gò, mọi khi để hoang vu, ngày nay có một cái am cỏ chĩnh tề, khói hương nghi ngút.

Bọn dân làng đâm ra sợ sệt, người nọ đi sát vào người kia kéo nhau đi vòng quanh cái miếu để lăm lét nhìn. Đằng sau am, có tấm bảng gỗ viết rằng :

*"Hỡi dân Giá Lụa ! Các người hãy thờ đáng Chí Tôn sinh ra muôn loài !
Hãy diệt cho kỳ được lòng tham ! Chừng tham sinh ra đủ điều ác !"*

Cách đó chừng năm mươi năm, một buổi sáng mùa thu, có một người đàn ông Tàu xách cái tay nải, lưng thưng đi từ Cổng Rong vào làng Giá. Hắn ngơ ngơ ngác ngác như muốn tìm kiếm một nơi nào. Tới gò Con Quy là cái gò cao nhất, lão khách già ở trước, thì hắn ra ý muốn lên song lại thôi.

Tới hòn đá vá, hắn lộ ra vẻ vui mừng lắm. Hắn ngồi nghỉ bèn gốc cây đa ông khách già trông ngày trước. Trong vòng năm mươi năm cây to lớn lạ lùng. Ba ngọn sum sê và hùng vĩ như có người uốn từ thuở nhỏ, chỉ về ba

phía Đông, Tây, Nam. Người đàn ông Tàu ngồi tựa vào gốc cây rồi rút ở túi ra lấy một tờ giấy để đọc.

Hắn vừa đọc vừa có vẻ suy nghĩ lung lăm, mặt nhăn nhó như có điều gì không toại ý. Mồm lẩm bẩm như thầy phù thủy khấn ma.

Dân làng qua lại cũng không ai chú ý đến người khách đó.

Tối đến. Người đàn ông Tàu leo lên trên gò.

Hai hôm sau, có người lên thiêu hương trên miếu thổ thần, thì thấy hắn đã treo cổ chết ở một cành cây sau miếu, mắt trợn ngược, lưỡi thè lè.

Tờ giấy hắn chăm chú đọc hôm trước để ở trong túi là cái họa đồ làng Giá Lua, trong có vẽ mấy cái gò Con Quy, cây đa ba chạc và hòn đá vá.

*

* *

Từ khi theo hương lý lên khám thi thể người Tàu thất cổ trên gò Con Quy, cụ Đồ thống Nguyễn lúc nào cũng có vẻ buồn và suy nghĩ. Cụ không ở trong phòng nhắm rượu với lạc rang như trước nữa. Cụ thường chấp tay đi đi lại lại trong làng. Lắm người quen gặp chào, cụ cũng vô tình không đáp lại. Người thì bảo tại cụ già nên dăng trí, người thì bảo tại lãnh khí của xác chết bữa ấy nhiễm vào người cụ nhiều, vì khi đó cụ ra công khám xét kỹ quá, nắn từng túi, lần từng đường khâu; nên tinh thần có phần mệt mỏi.

Sự lạ hơn hết là con nhà võ ấy bình sinh rất cứng cổ, ngày nay lại đâm ra sợ sệt quỷ thần. Cách một ngày lại đem vàng hương lên lễ trên gò Con Quy một lần, có khi trời tối mà vẫn chưa về.

Có người tò mò đi theo, thì thấy cụ, sáng sớm ở nhà ra đi đến cây đa ba chạc. Cụ ngồi dưới gốc cây chỗ người đàn ông Tàu ngồi ngày trước. Cụ khoanh tay trước ngực mắt nhìn đi đâu, mồm lẩm bẩm như người đọc thần chú. Được một lúc cụ đứng dậy bước từng bước rất rộng từ gốc cây đến hòn đá vá rồi lại bước về.

Vừa đi, vừa ngồi nghỉ như thế khá lâu cụ Đồ thống mới thung thình bước lên gò. Tối trước miếu thờ cụ nằm phủ phục xuống đất hồi lâu nữa như một tín đồ đang sám hối.

Ngày nào cũng vậy, cũng giờ ấy chỗ ấy, cụ cũng làm những việc như thế, kể từ ngày người Tàu thất cổ chết được đúng một trăm ngày.

Ngày thứ một trăm linh một thì khác hẳn : cụ nằm tĩnh dưỡng trong phòng cả ngày, không bước ra ngoài đến nửa bước. Cụ ở trong buồng sửa soạn quần áo đồ đạc như người sắp đi đâu xa, không tiếp chuyện một ai cả.

Tối đến, cụ gỡ bộ áo chên mặc hồi còn trẻ, trong các kỳ thi võ, mặc vào người, giắt con dao quắm đằng sau lưng, một cái ấm uống chè tươi trong bọc, rồi sẽ mở cửa ra đường. Trong nhà tịnh không ai biết.

Cụ bước thong thả và chắc chắn từ nhà đến cây đa ba chạc. Cụ ngồi nghỉ bên gốc cây một lát. Rồi nhìn trước nhìn sau, thấy không có ai, cụ ôm chặt lấy cây đa và leo... leo mãi.

Tới chỗ chạc ba, cụ ngồi nghỉ như để định cho đúng hướng, rồi mon men bò lại cái cành hướng Tây. Tối đó rồi cụ bỏ thông hai chân xuống, ngồi chắc như người cưỡi ngựa, một tay vúi chặt vào cây, một tay rút ở đằng sau lưng, lấy con dao quắm ra để chém những cành con rườm rà, lấy lối cho dễ đi. Đoạn, cụ lại tụt xuống. Tối đất, cụ bước dò dẫm, vì tối trời quá, mò tới rãnh nước chỗ hòn đá vấ. Cụ rút cái ấm ở trong bọc ra để múc lấy nước ở đó; rồi lại leo lên cây.

Cụ già đó sao mà khỏe lạ lùng. Một tay cầm cái ấm đầy nước, một tay bám lấy thân cây sù sì, cụ thoăn thoắt leo lên một cái cây mà xưa nay chưa hề có ai dám chạm đến bao giờ, chớ không nói là leo. Vì ai cũng gọi cây đa đó là cây đa thần.

Tối hạ tuần. Trời đen như mực. Ở đồng ruộng chốc chốc lại có con đom đóm đục bay lên, chập chờn như những bóng ma trôi. Trong cái yên lặng ban đêm của làng mạc, thỉnh thoảng có con chó cắn gióng mõ, hay rít lên những tiếng hú hồn của những mộ "then" đường ngược. Kinh sợ vô cùng !

Trong đêm tối, cụ Đồ yên lặng làm việc. Cụ đứng thẳng người giữa cái chạc ba, mặt hướng về phía Tây, tay phải cầm cái ấm đầy nước. Lắm bữa khấn xong, cụ bước ba bước thật đều từ chỗ đứng tới đầu cái cành quay về hướng Tây, tay phải cầm cái ấm giờ thẳng về đằng trước, tay trái thì giờ lên giờ xuống ở đằng sau để lấy thăng bằng. Cụ bước ba bước thì đứng lại, tay trái buông xuôi, tay phải giờ thẳng cái ấm ngang người rồi rót. Nước ở trong ấm nhỏ xuống đất cát kêu lịch bạch.

Nhưng ấm nước chưa hết, sức cụ Đồ nặng quá và ngọn cây yếu quá, nên bất thành linh cành đa cụ Đồ đứng gãy gục, hất cụ xuống đất bất tỉnh nhân sự.

Cụ Đô nằm tới đầu canh tư, thì sương xuống làm ướt cả người. Cụ tỉnh giấc thấy trong mình đau ê ẩm, đầu thì choáng váng như sau một bữa rượu thật say. Cụ cố mãi mới gượng chống tay dậy được. Cụ nén đau, giơ tay tìm trong tối lấy con dao quắm và những mảnh vỏ ấm võ; giắt bằng ấy thứ vào người rồi loạng choạng trong đêm sâu và sương lạnh, lẩn về nhà.

Tối phòng, cụ nằm vật xuống giường vừa lúc con gà đằng xóm dưới gáy báo sáng.

Sáng hôm sau, tất cả dân làng Giá Lụa nhao nhao lên vì một điềm lạ mới xảy ra ở cây đa ba chạc. Cành đa về phía Tây ứng vào sự phát võ trong làng, không gió không mưa bỗng dưng gãy gục xuống. Đàn bà con trẻ chen nhau đến chặt những cành vụn đem về lấy khước. Các bà lão thăm thì nói chuyện với nhau về cây đa như là một câu chuyện lạ lùng. Rồi cả làng lo sợ hiện ra nét mặt : một sự phi thường sẽ xảy ra ở trong làng chẳng sớm thì chầy. Một vài cụ già còn nhớ lời lão khách già khi trồng cây đa buồn rầu bảo nhau :

– Ngành võ làng ta đến hồng mất thôi !

Một cụ tỏ ý lo ngại cho cụ Đô thống vì kể về võ thì nhất làng duy có cụ là làm to.

Mà cụ Đô quả đáng lo ngại thật. Từ đêm hôm ấy cụ nằm liệt giường, lúc sốt lúc không, lúc tỉnh lúc mê. Con cháu không rõ đầu đuôi, lễ bái cầu đảo khắp nơi. Tuy vậy bệnh cụ vẫn thấy tăng lên. Cụ nói mê nói sáng suốt ngày. Lắm khi đưa thuốc cho cụ uống, cụ đỡ lấy bát rồi từ từ rót thuốc xuống giường, vừa rót vừa nói :

– Đấy, cứ chỗ nước trũng thì đào, cứ chỗ nước trũng thì đào. Đúng ba thước sẽ có bí thư. Có bí thư mới nói chuyện hòn đá vá.

Con cháu vội đỡ cụ xuống để nghỉ. Lúc cụ tỉnh hỏi lại, cụ chẳng biết đã nói những gì.

Cụ Tiên chỉ làng Giá Lụa thấy cụ Đô một mãi cố sang thăm. Mới gặp mặt cụ Đô còn tỉnh nên còn chào hỏi được một đôi điều. Ngồi một lát nữa, cụ Đô lại mê, cứ võ ngực dùm dục, vừa dấm vừa nói :

– Trời hại tôi ! Trời hại tôi ! Sao lại gãy ?

Cụ Tiên chỉ sợ hãi, vội cáo từ ra về, đem câu chuyện được mục kích kể cho mọi người nghe. Ai cũng chịu là cành đa gãy ứng vào việc cụ Đô bị ốm nặng.

Một kỳ hội đồng bất thường họp ở đình làng. Không ai bảo ai, mọi người đều đồng lòng cho chặt bỏ cây đa bán gỗ lấy tiền sung quỹ. Một điềm bất thường đã xảy ra. Người ta không thể nào còn có can đảm ngồi đợi những tai nạn khác tiếp theo mà đến mãi được.

Mấy hôm sau, cụ Đồ chịu uống thuốc, bệnh tình có ý thuyên giảm. Cả nhà đều lấy làm mừng mà chính cụ cũng hân hoan ra mặt. Nằm trong buồng luôn luôn cụ hỏi thăm ở ngoài trời nắng hay mưa. Khi có người nói ở ngoài đẹp trời, cụ lại đòi lấy áo mặc ra thăm cây đa ba chạc. Chẳng qua nằm lắm, cụ mới sinh ra quẫn trí, chứ từ khi bị ngã tới giờ, trong mình còn đau ê ẩm thế, thì còn được đi đến đâu !

Hôm thứ mười kể từ ngày bị ngã, cụ tỉnh hẳn, ngồi dậy được. Cụ đang vui vẻ hút thuốc lào thì ông Khán hàng xóm sang chơi. Cụ hỏi thăm việc trong làng trong mấy hôm cụ liệt thì ông Khán gãi đầu :

– Bẩm cụ, có cụ Tiên chỉ phải cảm mấy hôm thì nay đã đỡ rồi còn cây đa ba chạc bỗng dưng gãy một cành hướng Tây, làng lấy làm bất tường nên đã cho hạ xuống, bán gỗ lấy tiền rồi ạ.

Chưa dứt tiếng của ông Khán, cụ Đồ đấm ngực một cái thật mạnh, kêu to lên :

– Chết tôi rồi !

Cụ thổ huyết ra ông ọc.

Một lát cụ cố sức tỉnh dậy, bảo người con trai ngồi ở đầu giường :

– Mở hòm sắc của thầy, sẽ rõ.

Lưỡi cụ rú lại. Tiếng đã ngong. Cụ trợn mắt, sùi bọt mép và cứng hàm. Thế là hết.

Trong cái hòm sắc bằng gỗ vuông, sơn son thiếp vàng của cụ Đồ, người ta tìm thấy cuốn trong tấm sắc bằng giấy lệnh vàng khè, một bức bản đồ làng Giá Lụa, trong có vẽ rõ ràng vị trí cây đa ba chạc, hòn đá vá và gò Con Quy, tấm họa đồ, người ta đã thấy trong mình người Tàu thất cổ đạo trước. Đằng sau có chi chút những chữ Hán, tạm dịch sau đây :

"Ngoài năm mươi năm, đứng lên đầu cành đa hướng Tây giờ thẳng cánh mà rót nước xuống. Tự chỗ nước trũng đào sâu xuống ba thước sẽ có bí thư trong đó dạy cách mở hòn đá vá để lấy bản đồ ở trên gò Con Quy".

Và ở đáy hòm có tấm bảng gỗ, năm mươi năm về trước, người khách già treo trên miếu thổ thần :

*"Hỡi dân Giá Lụa ! Các người hãy thờ đấng Chí Tôn sinh ra muôn loài !
Hãy diệt cho kỳ được lòng tham ! Chứng tham sinh ra mọi điều ác !"*

*

* *

Nhiều người còn nhớ chuyện yêu tinh hiện hình ở Hà Nội và ở một vài tỉnh Bắc Kỳ, cách đây chừng hai mươi năm. Không biết có ai trông thấy yêu tinh hay ở nơi nào, nhưng cứ theo lời huyền truyền thì ở Hà Nội và ở Nam Định, nó thường hiện thành hình người, thuê xe giờ đi chơi đến chỗ vắng thè lè lưỡi, nát người phu xe rồi biến mất. Có người quả quyết trông thấy nó hay lảng vảng chỗ cột cờ hàng tỉnh rồi hề thấy người, lại biến vào trong cây tháp.

Chuyện yêu tinh ở mấy nơi đó, chỉ ồn ào trong vài tháng rồi băng hẳn. Rồi kể đến dân làng Giá Lụa xôn xao : có con yêu ở Hà Nội mới về, ở trên gò Con Quy, chỗ miếu thổ thần.

Nhiều người có việc đi đêm gần đó, thường thấy có ánh lửa xanh đỏ trên gò lúc biến, lúc hiện. Người ta bảo nhau đó là ánh sáng của mắt con yêu.

Các cụ bô lão nhớ lại chuyện anh khách thất cổ và chuyện cụ Đồ thống chết bất thành linh, lấy làm sợ sệt, nghiêm cấm không cho con cháu bén mảng tới gò Con Quy về chập tối nữa.

Con yêu được thể, càng tha hồ hoành hành. Những đêm không có ánh trăng nó xuống tận dưới làng, đi bách bộ chơi, cao lênh khênh hơn mái nhà mà đen trùi trùi. Có người táo gan rượt theo nó cũng phải trở về; vì ở người nó xông ra một mùi xú uế không thể chịu được và không hiểu nó làm phép gì khiến người theo sau, mắt cay không thể nào mở được.

Những người năng cúng bái trên gò, cũng dần dần bỏ cái miếu đó không dám lên nữa. Người khỏe khi đi lễ về thì ngứa tịt mình mẩy, người yếu thì rờn rợn trong người rồi phát sốt rét, hàng tuần mới khỏi.

Con yêu đó lại ngộ nghịch là khác. Khi thì nó đem treo bát hương lên ngọn cây trên gò, khi thì nó nhặt ở đâu rất nhiều hoa đem về cài chung quanh miếu.

Suốt đêm con yêu đi lại trên gò không ngớt, vì người ta thấy ánh xanh đỏ phụt ở chỗ này, phụt đã ra chỗ khác. Đôi khi ở đằng cuối làng, người ta

thấy tiếng ở trên gò cuốc đất thành thành. Đàn bà con trẻ ngồi nép vào nhau ra dáng sợ hãi vì cho đó là tiếng động của con yêu lúc bước mạnh. Thành thoảng đáng chừng con yêu khoải chí có những tiếng rít dài rất rùng rợn, phát ra ở trên gò, giữa cái tịch mịch nặng nề của ban đêm.

Từ đó, gò Con Quy lại để hoang phế như xưa. Lối lên gò thường ngày, lâu không vết chân người qua lại, cỏ mọc cao tràn.

Nhưng được ít lâu, dân làng không thấy động tĩnh trên gò nữa. Họ kháo nhau rằng con yêu đã đi nơi khác kiếm ăn. Tuy vậy chưa có ai dám đánh bạo lên trên miếu thổ thần.

Một hôm, lão Sáo ở làng bên đi đào măng vô tình lên gò Con Quy vì thấy ở trên đó cây mọc tốt lắm.

Lão lên được một lát đã vứt cả giỏ và cuốc chạy xuống kêu la âm ỉ. Thì ra ở trên gò, có một người đàn ông cụt hai tay nằm từ bao giờ, mồm rên khừ khừ.

Hương lý và một ít người hiếu kỳ vội theo lão Sáo lên gò thăm người lạ mặt. Hắn vào khoảng bốn mươi, mặt gầy hốc hác, có lẽ, vì nhịn đói đã lâu ngày. Hai bàn tay rụng hết ngón, lở loét rất ghê sợ.

Trông thấy hương lý, hắn khẽ gật đầu, nói phều phào :

– Chào các cụ !

Ông Khán ngồi ngay xuống hỏi căn cước. Hắn nói nhỏ nhẹ ra dáng mệt lắm, chốc chốc lại ngừng để thở :

– Các cụ cứ thông thả. Tôi xin kể hết tình đầu :

Từ khi cụ Đồ thống mất, tôi để ý nghe ngóng biết là làng này có Tàu để của. Mà số của không phải là ít. Vì một khi họ đã phải cất công thuê địa lý tới đây ở hàng năm để tìm đất cát và yểm long mạch thì hẳn phải là một nhà cự phú.

Tôi vào trong làng, đi đến đâu cũng nghe thấy chuyện cây đa ba chạc, hòn đá vá và gò Con Quy. Tôi dò chừng ba nơi này có liên lạc quan hệ với nhau mà nhất là chuyện của các cụ già kể lại, cây đa và hòn đá ấy đều do một người khách già tạo thành. Tôi nghĩ nhất về hòn đá vá. Hà có gì người khách già lại tốn công khoét một miếng đá vuông vắn như thế rồi cấn một miếng khác vào làm gì ? Nếu không dụng ý làm một việc gì bí mật. Cây đa ba chạc mới lại tài tình. Hẳn làm thế nào mà khiến được cây đó chỉ có ba cành mà mỗi cành chỉ vào một hướng đã định trước.

Sau khi đi hỏi từ già tới trẻ trong làng để rõ về chuyện người Tàu thất cổ và chuyện cụ Đồ thống chết bất thành linh, tôi bèn đặt ra một ức thuyết như thế này.

Đến đây, hẩn nghỉ một lát để thở, rồi lại nói tiếp :

– Lão khách già ở trên gò gần một năm tìm chỗ thật tốt để giấu của. Nhưng ở một nơi hoang địa như thế, tránh sao cho khỏi những kẻ vô tình đào bới mà khám phá ra được. Tất nhiên lão phải tìm ra một chỗ bất khả xâm phạm thì số của lão chôn mới yên lành được. Đối với dân ta, còn cái gì "bất khả xâm phạm" hơn là chỗ thờ cúng ? Lão bèn đặt ngay một cái miếu thờ thổ thần trên chỗ lão chôn của. Lão cho thế còn chưa được chắc chắn, lão mới nghĩ ra được một thứ thuốc rất độc để xây cái hầm lão giấu của. Kẻ nào biết cách phá để vào cái hang vàng đó không sao; còn kẻ nào tham của trời quá, tin ở cái thông minh nhưng không có lương tâm của mình, sờ vào bức tường đó thì... cụt hết tay, cụt hết tay thừa các cụ.

Hẩn nói đến câu cụt hết tay thì cổ giờ hai cái cùi tay đỏ nhon nhót lên rồi bỏ xuống, giọng có vẻ hằn học. Hẩn nghỉ một lát, đoạn lại tiếp :

– Tôi xin nói nốt để các cụ nghe. Lão đã buộc thì hẳn lão phải biết cách cời. Cách làm để bức cửa cuốn và những bức tường cái hầm đó hết độc, lão khách già để ở trong hòn đá vá. Hẩn để trong đó chắc chắn bằng mấy trong tù. Đá gấn kỹ, không sợ nước, lửa không sợ, mà lại không sợ kẻ nào mò trộm nữa. Cái tù không chìa khóa ấy chính là then chốt của việc chôn vàng này.

Bây giờ các cụ muốn hỏi cái chìa khóa đó đâu. Vâng, để tôi xin thưa. Cách thức mở hòn đá vá, lão Tàu chôn bên gốc cây đa ba chạc. Chính tay lão đã chép đúng. Cách thức trong bức họa đồ để ngày sau con cháu đi tìm cho dễ. Người khách thất cổ ngày trước, tưởng là dễ tìm, hăm hở đi ngay, đến nơi thấy công việc khó khăn, bản di chúc viết nửa úp nửa mở mới chán nản lên gò tự tử.

Cụ Đồ thống học nhiều, nên tinh ý, đọc bản đồ đó đến đâu vỡ lẽ đến đấy. Nhưng số trời chưa cho giàu. Cụ vừa leo lên cây thì cành gãy, chưa kịp rót nước định chôn cái tờ giấy của lão Tàu. Rồi cụ uất lên mà chết, vì thấy dân làng trong lúc sợ hãi vội vàng đem chặt mất cây đa rồi. Chặt cây đa đi là hết, hết tất cả, thừa các cụ. Tờ giấy bí mật dạy cách mở hòn đá vá sẽ rơi vào mạch nước và trôi đi mất, vì rễ cây đa đó bị chuyển.

Cụ Đồ thống lúc sắp mất có trời lại cho con cháu bức bản đồ của lão Tàu. Nhưng không ai để ý đến vì vậy mới lạc vào tay tôi. Nhưng tôi biết đến thì đã chậm. Bây giờ chỉ còn một cách là lên trên gò, tìm khắp mọi nơi xem của ở chỗ nào là cứ việc đào bừa ra mà lấy. Tôi sợ các cụ cho là động long mạch, nên mới dùng kế giả yêu tinh cho dễ hành động. Tôi may chiếc quần thật dài, dùng đôi khoèo cao đi lênh khênh khắp mọi nơi. Trong xứ vốn đang nhao nhao về chuyện yêu tinh, nên tôi phao tin có con yêu về làng, ai cũng tin rằng thật. Đêm đến tôi dùng đèn có hai mặt đỏ xanh để đi tìm của; đằng sau trông không rõ họ tưởng là đôi mắt con yêu. Tối khi biết rõ là của chôn ở dưới cái miếu rồi, tôi tìm cách phao ngôn để không cho ai lên gò nữa. Nhưng thật là công cốc, tất cả cái hầm gạch xây toàn bằng thứ vữa có chất độc kia, tay tôi vẩy vào trong có mấy tháng trời đã rụng cụt hết ngón.

Các cụ hãy quay lại sẽ thấy cái hầm cuốn đó kiên cố như thế nào và xin hãy nghiêm cấm không cho ai lai vãng tới đây làm gì, kéo lại bị tai nạn như tôi.

Hắn nói đến đây, nhọc quá, mắt trợn lên, mồm nhai chèm chẹp.

Mấy người vội vàng xúm lại, đổ nước và cháo cho hắn. Nhưng chưa kịp ăn uống, hắn đã giãỵ đành dạch rồi tắt thở.

Ngày hôm sau, dân làng Giá Lụa xúm nhau lại trên gò Con Quy, người thì đắp đất vùi cái cửa cuốn chỗ người Tàu chôn của, người thì đào huyết chôn kẻ tìm vàng.

Trong có mấy hôm, cái miếu thổ thần lại dựng lên, khang trang hơn trước. Một cụ già nhớ lồm bồm được câu cách ngôn của người Tàu treo đằng sau miếu một trăm năm về trước, nguyệt ngọc viết trên tấm bảng gỗ nhỏ :

"Các người hãy diệt hẳn lòng tham. Chúng tham sinh ra đủ điều ác".

Người ta phân vân không biết nên treo tấm bảng đó đằng sau miếu hay cắm lên trên mộ người bất hạnh.

246. MỘT CHUYỆN LẠ

Bác sĩ Hàm, một nhà chuyên khảo về môn thần linh học, mới kể cho tôi nghe một câu chuyện lạ lùng :

"Hồi tôi còn du học tại Pháp, dưới đây là lời bác sĩ Hàm kể, nghĩa là cách đây đã hơn hai mươi năm rồi, tôi ham thích về môn thần linh học lắm. Các hội khảo cứu về thần linh học ở bên Pháp rất nhiều mà mỗi lần có hội họp để thí nghiệm về một vấn đề gì, thì bao giờ tôi cũng đến trước tiên. Tôi đã từng thấy người ta làm ma hiện lên ở Paris, trong một căn phòng của hội, hay một cái ghế tự nhiên lơ lửng bay lên rồi dính vào trần nhà.

Ấy là cuộc thí nghiệm về thần linh học còn những lần thí nghiệm nhỏ về thôi miên học thì chẳng đêm nào là đêm không có. Thường thường chúng tôi bịt mắt người thụ cảm lại, lấy tay vuốt mặt cho họ ngủ say, rồi hỏi họ những câu hỏi thật khó. Họ nhận được cả hình sắc những đồ dùng để ở trong những gian buồng xa cách biệt. Họ đọc được tên những người chưa từng quen biết và đôi khi đoán trước được cả về tương lai của chúng tôi nữa.

Chính tôi đã nhiều lần làm thử với chúng bạn và lần nào cũng được kết quả mỹ mãn.

Khi về nước nhà, tôi vẫn theo đuổi môn học đó mãi không thôi. Ngoài những thì giờ bận ở bệnh viện, tôi thường bảo các bạn :

– Tôi rất lấy làm bằng lòng về những điều tôi đã thấy ở Pháp và ở đây, trong khi khảo cứu với các anh. Nhưng tôi chưa được thật thỏa mãn vì một điều này : Tôi chưa được thôi miên với một người đang sắp chết bao giờ ! Khi họ còn sống mình muốn dùng nhân diện sai khiến họ thế nào cũng được, cái ấy đã đành; nhưng khi họ bắt đầu chết, cái nhân diện lực của mình trong người họ có còn hiệu quả gì nữa không ? Hồn của họ có được tự do mà lìa xác không ? Hay lại vướng bởi những trở lực khác. Ấy là

những điều tôi hằng khao khát muốn biết. Nhưng tìm được một người thụ cảm đang hấp hối khó vô cùng. Mà ví có tìm được thì thân nhân họ cũng không khi nào cho phép mình được thí nghiệm theo ý muốn.

Tình cờ, một hôm tôi nhận được một bức thư của anh Tín, Giám đốc một bệnh viện tư chuyên môn chữa phổi ở Hà Nội, mời tôi lại chơi ngay, có việc cần.

Thấy nói là có việc cần, tôi đánh xe lại đằng anh ta ngay, không chậm trễ.

Tới nơi, trông thấy anh Tín, tôi giật mình.

Đây không phải là người bạn đồng nghiệp trai trẻ mọi ngày của tôi nữa ; nhưng là một người già ốm hòm hèm, đang đợi chờ tử thần đến để rước đi. Tôi không ngờ trong một tuần xa cách mà đã thay đổi chóng thế !

Thấy tôi ngỡ ngác hết nhìn anh, lại nhìn đến những chai thuốc bày trên bàn, anh Tín bảo tôi :

– Chúng lao của tôi lại tái phát đấy anh ạ. Tôi vẫn biết trước sẽ có hôm nay, nhưng không ngờ nó lại đến chóng như thế. Ấu cũng là ở số mạng cả.

Anh Tín nghỉ nói để ho nhè nhẹ.

Tôi vội tiếp ngay :

– Anh có cần gì tôi không ? Tôi tiêm thuốc cho anh nhé. Anh cứ nghỉ, đừng nói chuyện với tôi cho mệt.

Anh Tín cười. Hai con mắt đã sâu hoắm lại có vẻ sâu thêm lên ở giữa những quầng đen. Hàm răng đều đặn mọi ngày ở giữa khuôn mặt hòm hèm ấy trông như hàm răng vỡ.

– Anh đừng lo tôi mệt. Tôi sẽ từ biệt các anh vào khoảng nửa đêm nay thôi.

Sợ tôi cãi lại, anh giơ tay cho tôi cầm và nói :

– Anh thử xem qua mạch tôi sẽ thấy.

Tôi nắm lấy cổ tay hăm hấp sốt của anh để chẩn mạch. Anh quả nói không sai, mạch anh yếu quá. Tín thấy tôi có vẻ không vui bèn nói :

– Anh Hàm ạ, tôi không mời anh đến đây để thương xót họ tôi đâu, nhưng muốn để bàn với anh một câu chuyện quan hệ. Tôi còn nhớ anh thường phàn nàn với tôi rằng thiếu một người thụ cảm đang hấp hối để thí nghiệm. Vậy từ chiều hôm nay tôi hoàn toàn thuộc về anh, nghĩa là của khoa học. Tùy ý anh muốn dùng tôi để khảo cứu thế nào cũng được. Tôi, vợ con không có, họ hàng cũng không, chắc anh không còn phải kêu ca gì nữa.

Lúc ra về, tôi cảm động bắt tay anh Tín và nói :

– Tôi xin thay mặt khoa học cảm tạ anh. Tôi sẽ cố gắng đem hết tài học của tôi ra để khỏi phụ lòng anh mong mỏi.

Hồi sáu giờ chiều, tôi nhận được mấy dòng chữ nguệch ngoạc của anh Tín :

"Anh Hàm.

Từ bây giờ, anh có thể lại làm việc được rồi. Tôi thấy trong người mệt lắm – Tín".

Tôi vội vàng gọi anh My, ở nhà thương B. H để cùng đi lại nhà anh Tín.

Tới nơi, anh Tín đang chập chờn ngủ. Chúng tôi ngồi chung quanh để chờ. Được một lúc thì anh cựa dậy, thấy chúng tôi anh gật đầu nói phều phào :

– Anh bắt đầu đi.

Tôi cũng làm như mọi lần, bảo anh nhắm mắt lại, lấy tay vuốt sống mũi cho anh ngủ chóng say, đặt anh nằm thẳng, hai tay buông xuôi cho đỡ mệt.

Hơn một giờ thì anh Tín đã ngủ say lắm rồi. Nhưng chúng tôi chưa thấy một trạng thái nào lạ. Duy có chân tay anh thì lạnh dần đi, tim đập rất khê, mạch thiết nhỏ, hơi thở còn chút ít.

Như thế tới nửa đêm. Tôi bắt mạch lại cho anh thì thấy mất hẳn. Chân tay giá lạnh như chân tay một người đã chết rồi. Thử để cái gương con vào mũi thì không thấy còn ấm hơi nữa.

Anh My không tin, xem lại mạch rồi lại tim cũng công nhận như thế. My quay lại bảo tôi :

– Tôi chắc chắn rằng anh Tín quả đã chết rồi. Vậy anh thử hỏi lại anh ta xem nhân diện lực của anh có còn không ?

Nghe lời My, tôi nhìn trừng trừng vào mắt anh Tín cất giọng đồng dục hỏi :

– Anh Tín ! Anh Tín ! Anh hãy trả lời tôi bây giờ anh làm sao ?

Cái thầy ma lạnh ngắt của anh Tín bỗng động dậy. Quai hàm của anh đã cứng ngắc lại cố sức mở ra và ở trong cổ anh phát ra một thứ tiếng lạ lùng quá, tôi nhắc lại mà vẫn còn run sợ. Tiếng anh nói khàn khàn mà âm âm như ở đâu xa nói lại, không phải là tiếng nói của anh, nhưng là của người khác chui qua cổ anh mà ra. Anh nói :

– Bây giờ... tôi... chết rồi... Lúc nãy... ngủ... giờ... chết rồi !

Hai hàm răng lại cứng ngắc lại và cắn sít vào nhau, người lạnh hơn trước. Nhưng tròng mắt của anh vẫn đảo lộn đi lộn lại.

Anh My sợ quá ngã ngất người xuống đất, tôi và anh Thạc là bạn thân của anh Tín cùng mấy người y tá đứng đẩy xúm nhau vào để cấp cứu cho My. Rồi anh Thạc phải đánh xe của tôi để đưa My về tận nhà.

Còn anh Tín thì vẫn thế trong gần mười ngày trời, nghĩa là người vẫn lạnh như đồng, tim không đập, mũi không thở, hàm răng, chân tay cứng đờ, con ngươi luôn luôn đảo đi đảo lại.

Một buổi sáng chủ nhật, My bảo tôi :

– Ta nên làm cho Tín tỉnh đi thôi. Thí nghiệm lâu quá e có hại. Nhất là Tín không ăn uống gì trong mười bữa rồi.

Tôi nghe lời và dùng phương pháp làm tỉnh ngủ mọi ngày. Tôi nắn chân nắn tay cho Tín một lúc, đoạn gọi to :

– Anh Tín ! Anh Tín ! Anh phải tỉnh lại ! Tỉnh ngay ! Tôi cần đến anh !

Gọi một lúc lâu đã thấy hàm răng của anh nhúc nhích. Rồi hàm dưới của anh trề ra, cứng đờ. Lưỡi của anh sùi lên và sưng to gấp ba cái lưỡi thường. Ở trong mồm anh xông ra một thứ mùi hôi thối.

Một lát nữa, mắt anh đảo đi đảo lại nhiều lần. My mắt tuy đã cứng cũng cố chớp lên chớp xuống, rồi bỗng mở ra : hai con ngươi đều mất cả. Ở trong hai lỗ đào sâu hoắm ấy chảy ra một thứ nước vàng cũng hôi thối như cái mùi ở trong mồm.

Rồi anh nói. Chao ôi ! Tôi có nên tả lại cái kinh khủng của chúng tôi cho anh nghe không ? Các thầy y tá đứng chung quanh bỏ chạy tán loạn. Anh My cố trấn tĩnh đứng sát vào tôi. Còn tôi, tuy đã từng được mục kích nhiều cuộc thí nghiệm lạ lùng, lần này cũng phải khiếp đảm.

Cái giọng của anh Tín lần này không giống lần trước một chút nào. Nó khàn khàn và rề rề. Anh có nghe những tiếng nói ô ô ở những máy truyền thanh bao giờ không ? Ấy nó cũng na ná như thế, nhưng đằng này nghe rờn rợn muôn phần. Nó hình như tiếng ở Âm phủ vọng về. Hàm dưới vẫn cứng và trề ra, anh Tín nói :

– Tôi... chết... rồi. Gọi... làm.... gì ? Tôi...

Anh chưa nói xong thì người anh uốn cong lên như người nằm lâu, mỗi lưng muốn trở mình. Rồi, trong một khoảnh khắc ngắn vô cùng, tất cả người anh tan ra thành một đồng nước vàng hôi thối và buồn nôn, lầy nhầy lẫn với đồng quần áo".

247. NGỦ VỚI MA

Đêm ấy tuy đang giữa mùa hè, mà tiết trời hơi lạnh. Có lẽ vì trận mưa rào lúc chập tối nên hơi nóng của buổi trưa tan đi hết. Chúng tôi đánh bài tan sớm, ngồi xúm lại nói chuyện ma cho vui. Những đêm dài ở bãi biển ngồi không để nghe sóng vỗ và thông reo thì còn gì buồn hơn.

Tâm là người dốt nhất chưa kịp nghe đã co trước hai chân lên giường. Quý ngồi nép với Liên để lấy can đảm. Còn Thúy, Thìn và tôi, ngồi yên để chờ lượt Thúy kể.

Chuyện của Thúy kể là một câu chuyện lạ lùng mà chính Thúy được mục kích ít nhiều từ đầu đến cuối.

Thúy nói :

– Dạo ấy, tôi còn học ở năm thứ nhất trường Bà Xơ. Bà giáo hồi đó là bà xơ Céline. Bà là một người hiền từ và dịu dàng. Đối với học trò bao giờ cũng nhẹ nhàng và tươi cười luôn. Cả bọn mấy chị em chúng tôi ai cũng triu mến bà lắm. Vào ngày sinh nhật của bà hay ngày lễ tết cũng vậy, chúng tôi bỏ nhau đóng tiền khi thì mua hàng giỏ hoa thật to, khi thì bộ đồ khâu thật đẹp để biếu bà. Những lần như thế thì chỉ có chị Sa và tôi đứng lên đảm đương thu tiền và mua đồ lễ; và trong cả bọn chỉ có Sa và tôi là được bà yêu nhất. Sa bằng trạc tuổi tôi, tính hiền lành và thùy mị. Tôi tưởng trong các chị em cùng học có lẽ chỉ có chị ta yêu bà Céline thành thực và đậm thắm hơn cả, đôi khi thân mật hơn là đối với người chị ruột và nũng nịu quá tình mẹ con.

Như thế được ba năm. Khi chúng tôi lên năm thứ tư, thì bà được lệnh bê trên đống về dạy ở Huế. Cái tin bất ngờ ấy đã làm cho chúng tôi ngao ngán trong mấy buổi. Trí óc thơ ngây của chúng tôi đã biết gì hương vị của

sự biệt ly ! Chúng tôi bỏ bài vở không ngó ngang gì đến nữa. Rồi suốt ngày chỉ ngồi thút thít khóc với nhau như có người chị sắp về nhà chồng, Hôm bà ra đi, chúng tôi rủ đi theo để tiễn đông lắm. Tối Phủ Lý chúng tôi mới sang tàu để về.

Ít ngày nữa, có bà xơ khác ở Huế ra để dạy thay. Bà sau cũng dịu dàng và vui vẻ lắm (và lại những bà phước hiền từ ấy, bà nào mà chẳng dịu dàng !). Chúng tôi quên dần bà Céline. Mà không quên để học sao được ? Kỳ thi tốt nghiệp chỉ còn vài tháng nữa đã tới nơi rồi !

Nói rằng chúng tôi dần quên bà Céline là không đúng. Vì cả bọn, duy có Sa bao giờ cũng nhớ đến bà luôn. Không tuần nào Sa không viết thư thăm bà. Mỗi lần tiếp được hồi âm, Sa mừng cuống lên. Đọc đi đọc lại bức thư đó hàng chục lần mà không chán.

Một hôm, Sa tìm tôi, nét mặt hơn hờ, Sa thở không ra hơi nữa, dúi vào tay tôi một bức thư, trong đó bà Céline viết vắn tắt cho Sa hay rằng trong một khoảng thời gian rất gần bà sẽ ra Hà Nội. Bệnh đau ngực của bà đã khỏi được hai năm rồi nay lại tái phát. Mà ở Huế thì thiếu thầy, thiếu thuốc, nên đành lại phải ra Hà Nội để điều trị. Và cứ theo trong thư bà viết - là điều chúng tôi lấy làm lạ nhất - thì khi ra, bà sẽ không ở trong trường như trước, hay nằm tại một bệnh viện nào, nhưng sẽ ở tại một lớp nhà riêng ở gần hồ Tây. Chúng tôi bàn tán với nhau mãi về việc này, vì như thế là trái với thói lệ nhà trường. Vì có lời bà dặn riêng đừng cho ai biết, nên chúng tôi cũng không hỏi ý kiến các bà xơ khác hay chị bạn nào cả. Bà ra tới Hà Nội hôm nào, tôi cũng không được rõ vì ngày thì đến nơi rồi còn thì giờ đâu mà chơi phiếm mãi được. Hôm ấy hình như chỉ có một mình Sa ra ga đón. Lúc về, Sa nói chuyện tôi mới hay. Sa lại buồn rầu nói với tôi rằng bà Céline bây giờ trông gầy và xấu hơn trước. Da xanh bợt và mắt quầng đen. Tuy về Huế là quê hương của bà, mà vẫn không chịu được khí hậu nên bệnh cũ mới phát lại. Sa nói thế thì tôi cũng biết thế, vì bao nhiêu tâm trí của tôi để vào việc học cả.

Bà Céline ra Hà Nội được một hôm, thì Sa nghỉ học để chơi thăm. Hôm sau vào lớp, Sa kể lại chuyện :

- Hôm qua bà Céline có cho người "chị hai" ra tìm tôi ở đằng nhà riêng. Tôi thích quá, vì lâu ngày không được gặp nên quên cả xin phép nhà, vội vã đi ngay. Bà ở một căn nhà nhỏ, xinh đẹp ở ven hồ Tây. Nhà lối cổ vương vẫn như cái khu táng giấy tịch mịch lạ lùng. Đối với người đau ốm

có lẽ thích hợp lắm. Tôi đến lúc chiều tối nên chưa đi xem xét kỹ hết được, nhưng biết rằng cảnh vườn chung quanh buồn tẻ quá, buồn hơn cảnh một bãi tha ma.

Không một luống hoa hay một cây cảnh. Toàn cỏ xanh rì và những cây trắc bách diệp, những cây thông cao vút như ta vẫn thấy ở các mộ địa. Tôi không hiểu làm sao bà lại ở nổi một căn nhà lạnh lẽo như căn này. Ban đêm chỉ có độc một ngọn đèn dầu ta leo lét.

Bà không mặc áo dòng tu như mọi lần, nhưng mặc áo cảm nhung trắng, quần cảm nhung trắng, đầu quàng chiếc khăn cũng bằng cảm nhung trắng.

Trông thấy cơm nước của bà, tôi thương tâm quá. Chỉ có quả trứng luộc cắm trên một bát cơm. Nước thì chỉ nước nguội.

Bà giữ tôi từ sáng tới đêm mới cho về. Lúc tiễn tôi, bà có nhả trách chị không lại thăm đấy.

Nghe Sa nói, tôi ân hận quá, song thật không còn một chút thì giờ nào rồi để lại thăm bà được. Tuy thế, tôi vẫn định bụng hôm nào tiện ngày nghỉ, sẽ theo Sa lên chơi hồ Tây.

Sa thì khác hẳn. Không có ngày nào Sa học bài. Sa ngồi trong lớp như người mất hồn, lúc nào cũng bần thần như người mê ngủ. Ngồi học thì chỉ mong hết giờ để trốn lên thăm bà Célina.

Có một hôm Sa đi suốt đêm không về. Nhà Sa tưởng là xuống dưới tôi học rồi ngủ đêm lại đó nên không cần vặn. Cách hôm sau, người chị dâu của Sa hỏi chuyện, tôi vô tình trả lời lại nên chúng tôi mới rõ.

Gặp Sa thất thủ trong sân trường, tôi túm lại hỏi chuyện Sa tối hôm trước đi đâu. Sa vội kéo tôi đến một gốc cây rồi kể chuyện cho nghe. Sa móc ở túi ra một mớ tóc có ruban đưa cho tôi xem. Túm tóc đó lạ lắm. Nó không mỡ và trơn như tóc một người con gái trẻ măng chải đầu. Sa bảo :

– Đây là tóc của bà Célina tối hôm tôi ngủ lại bà đã cắt cho tôi làm kỷ niệm. Tôi với bà nhận nhau làm chị em và cùng cắt tóc cho nhau.

Lần này tôi không tin chút nào nữa, vì trước hết mớ tóc của Sa đưa cho tôi không phải là mớ tóc của người sống ! Tóc này cần lại, rối bết với nhau như ta thường thấy ở những đám bốc mả. Tôi ghê tởm không dám cầm còn Sa thì cứ hôn lấy hôn để mớ tóc ấy.

Sa lại tiếp :

– Bà Céline ở một căn nhà vắng vẻ lạnh lẽo thế mà đêm qua còn có khách nữa. Cả thầy là bốn người, cùng mặc đồ trắng và gậy còm như nhau. Họ lẳng lặng nằm mỗi người một giường không ai nói chuyện với ai một câu nào. Duy có tôi nằm chung với bà Céline và nói chuyện với bà đến gần sáng. Tôi không hỏi là người nào, nhưng trong bụng cũng thừa đoán rằng đó là những người Huế cùng làng với bà nên ăn mặc mới có phần lạ lùng thế.

Tôi vừa chợp mắt, đến gần sáng thì đã thấy bà đánh thức tôi dậy và bảo rằng :

– Sa dậy đi mà về đi học. Mai Sa lại lên chơi với tôi. Đây tóc của tôi cắt lúc tối, Sa giữ kỹ kéo mát.

Tôi hỏi mấy bà khách buổi tối đâu, thì bà trả lời rằng họ đã ra tàu sớm về Huế cả rồi. Tôi ra về, dậy sớm nên nhọc mệt quá, cũng chẳng nhớ đã đi bằng cách gì về nhà. Trong lúc lật đật đánh rơi mất cái ví con bỏ túi trong có ít tiền.

Chuyện của Sa thật là hoang mang, tôi chẳng biết có thật hay không vì Sa nói lắm lúc như người mê chẳng ra đâu với đâu cả. Tôi nghĩ bụng chỉ có hôm nào theo Sa lên chơi với bà Céline thì mới rõ chuyện.

Cách ba hôm, được ngày chủ nhật nắng ấm, tôi theo Sa đi xem nhà bà xơ ở hồ Tây. Sa đi loanh quanh như người mất hồn hay nói theo tiếng khoa học như một người trong giấc ngủ thôi miên.

Mãi mới đến hồ Tây. Chúng tôi đi ven theo hồ, đến một rẻo đất cỏ mọc dày. Sa ngơ ngác chỉ tay bảo tôi như người trong giấc mơ :

– Đây ! Đây ! Nhà bà Céline đây !

Tôi lấy làm lạ, giương to mắt ra nhìn kỹ, chỉ thấy một bãi tha ma bát ngát, cỏ mọc cao tràn. Ở giữa bãi tha ma đó có bốn cái mả mới bốc được ít lâu, nước mưa đọng như bốn cái giếng và gần đấy có một cái ví con đựng tiền giống cái ví của Sa vẫn dùng mọi ngày.

248. ÔNG RẮN

Cách đây chừng năm mươi năm, tại làng Long Xú, thuộc tỉnh Cao Bằng, có một ngôi đền rất linh ứng. Ai muốn cầu gì được nấy. Người buôn bán qua vùng đó, mỗi lần khấn vái cầu đảo, hàng buôn một bán mười. Ở dưới Kinh ta cũng lắm người biết tiếng. Hàng năm, trong tháng Giêng họ cũng cất công lặn lội tới đây để cầu cúng.

Ngôi đền này vốn xưa làm bằng gỗ. Sau dân làng thấy linh ứng mới gom góp nhau kẻ ít người nhiều, giao cho một người cất lên bằng gạch lợp ngói. Bởi ít tiền, nên tuy đất rộng, nhưng chỗ thờ tự vẫn chật hẹp, chỉ vừa kê một cái hương án và đặt một cái bực gỗ hẹp dùng để tế lễ những ngày rằm, mồng một.

Trong ngày tuần, hai cánh cửa gỗ của đền mới mở toang để cho những người ra vào lễ bái. Còn quanh thán cửa đóng im ỉm, vừa buồn vừa lạnh lẽo. Nhất là ngôi đền Long Xú lại dựa lưng vào gốc một cây đa cổ thụ, trông không biết từ đời nào. Chung quanh, lơ thơ vài nóc nhà, còn toàn núi đỏ rừng xanh. Nơi đường ngược vốn có tiếng là nơi có nhiều huyền bí, ngôi đền này bởi cái vị trí của nó, lại càng có vẻ âm u.

Suốt ngày hương thấp ở gốc cây đa già cháy nghi ngút. Những đôi hài giấy treo ở các rễ đa gió thổi lũng la lũng lảng. Những người Thổ ở gần, qua đưa đồ lễ đến, đủ thứ. Người thì nắm gạo nếp, người thì ít chuối, cái oản, bày la liệt quanh cái hốc lớn dưới gốc đa.

Chiều đến, khi hơi núi đã bốc lên đủ che tỏa khắp miền, những đàn qua đen trước khi về tổ, đều tạt xuống chung quanh gốc đa, để mổ ăn những đồ lễ đặt ở đây ! Chúng tranh nhau mổ, đánh nhau kêu rợn một vùng.

Những người thổ dân ở đây thường bảo nhau : ở trong hốc cây đa chắc có rắn lớn. Vì ở đâu có rắn cũng thường hay có quạ. Nhưng thật ra, chưa có ai thấy rắn ở đó bao giờ.

Một hôm, nhằm ngày mồng một, người giữ việc hương đèn đền Long Xú, theo lệ thường, đem chìa khóa mở cửa đền cho mọi người vào lễ. Khi cửa vừa mở, hần giật nẩy mình, lùi vội ra, mặt tái mét. Thì ra trên cái ngai thờ đã tróc hết sơn, nằm lù lù một đôi rắn cực lớn. Chắc là một con trống, một con mái. Hai con nằm quấn khức với nhau. Lúc thấy tiếng động, cùng góc cổ lên để nhìn.

Người coi đền vội chạy về làng phi báo. Trong một loáng cả làng Long Xú đều rõ tin có rắn thần về ngự ở đền làng. Họ tranh nhau đem lễ phẩm đến đền để cầu phước đông hơn ngày hội.

Có điều đáng chú ý là hai con rắn này thấy đông người mà không hề sợ hãi. Nó vẫn nằm thản nhiên ở trên ngai, mắt lim dim như tận hưởng mùi hương trầm đang nghi ngút cháy.

Qua ngày mồng một, cửa đền lại đóng, đôi rắn lạ lùng vẫn nằm quấn chặt với nhau ở trên ngai. Được mười lăm ngày đã đến ngày rằm. Lúc mở cửa đền, đôi rắn ấy vẫn còn nằm nguyên ở chỗ cũ.

Bắt đầu từ ngày hôm đó, đôi rắn này mới thực được công nhận là rắn thần của làng. Cửa đền suốt tháng, không đóng nữa. Cần phải mở luôn để cho dân sự đem chuối oản cho ông rắn bà rắn ăn. Và cả làng ai nấy đều kiêng không dám sát hại loài rắn nữa, vì, biết đâu số rắn giết đi lại cũng chẳng là con cháu ông rắn bà rắn ?

Tuy vậy, cả làng vẫn có một người không kiêng nể gì loài rắn. Đó là cha con thằng Căng, chuyên nghề bắt rắn cho mấy người khách dưới xuôi.

Sáng sớm hai bố con thằng Căng đã xát hồng hoàng vào hai cánh tay rồi vác thuổng cuốc vào khe núi lưng bắt rắn rồi.

Cả làng ai cũng lấy thế làm không bằng lòng. Vì như thế làm méch lòng ông rắn, ông sẽ báo thù cả làng.

Quả như lời người ta đoán, thằng Căng đã "sinh ư nghệ, tử ư nghệ"⁽¹⁾ thật. Một hôm, bất cẩn thế nào, nó để con rắn giun cắn phải cườm tay và bỏ mình ngay hôm đó.

Bố nó thương nó quá đổi nhưng nọc rắn chạy nhanh quá, phương thuốc hay nhất trong nghề bắt rắn cũng không kịp cứu nổi.

(1) "Sinh ư nghệ, tử ư nghệ" : sống với nghề, chết với nghề.

Chôn cất cho con xong, ông già tội nghiệp kia thề quyết báo thù cho con, nghĩa là trừ diệt hết loài rắn mới nghe. Từ đó gặp bất cứ thứ rắn gì, ông ta cũng tìm cách giết cho kỳ được, từ con rắn thần lẫn nhỏ xíu cho tới những con hổ mang gầm ghì. Giết được con rắn nào, ông ta lại mang đến đặt trên mồ con rồi khóc lớn.

Như thế trong một năm trời, số rắn ông ta sát hại được không phải là ít.

Thấm thoát đến ngày giỗ đầu của thằng Căng. Hôm ấy ông già uống rượu thật say. Chiều đến, ông ta xát hồng hoàng vào hai cánh tay rồi thủ con dao lớn vào trong người.

Ông ta đi thủng thẳng trong làng như người đi chơi mát.

Khi đàn quạ đen chia nhau hết phần mồi cuối cùng ở gốc cây đa lớn rồi thì ông già say rượu cũng vừa loạng choạng tới.

Đàn quạ sợ hãi, bay tán loạn. Ông già điêm nhiên bước vào trong đền. Trong cái ánh chiều nửa sáng nửa tối, đôi rắn nằm trên ngai thờ, ngóc cổ lên nhìn, thật là ma quái.

Ông già bước thẳng lên bục. Hai con rắn vẫn nằm, ngóc cao cổ lên để nhìn.

Nhanh như chớp, ông già chặc lưỡi, rút con dao trong người, chém đại vào cặp rắn. Trong lúc bất thành linh, một con bị chém đứt đôi nằm trên ngai. Một con nữa, đứt mấu đuôi, vùng chạy trốn vào trong hốc cây đa.

Ông già trả được thù lớn, vừa đi vừa cười một mình như người ra đại.

Đêm hôm ấy, ông ta ngủ một giấc say sưa. Nửa đêm thức giấc, ông ta quờ tay xuống chân chông tre, tìm cái điều cày để hút mồi thuốc thì nắm phải vật gì mình tròn mà dính nham nháp. Giật mình ông ném vội đi. Nhưng không kịp. Cái vật tròn mà ông đã tưởng là cái điều cày, quẩn chặt vào cổ tay ông ta rồi.

*

* *

Buổi sáng khi hương lý biết tin đến làm biên bản thì thấy ông già Căng nằm chết co quắp cả người, da thịt tím bầm lại, trong tay còn nắm một con rắn cũng đã chết mà đuôi cụt.

249. TẾT TRÊN MUỒNG

Hôm ấy là mùng ba Tết, trời tuy không mưa nhưng rét cắt ruột. Những vũng nước tù hãm xanh đặc ở dưới chân núi, hình như đông lại. Những bụi lan xơ xác vàng hình như rét cóng không buồn động đậy.

Trên con đường từ xã Ban Then về làng Nam Phào có hai người khách bộ hành rảo bước. Đây là hai người lái buôn mộc nhĩ trở về quê ăn Tết. Họ mãi việc buôn quá nên lần lửa ngày về.

Đến hôm nay mới ra đi được.

Đi một thời đường đến một nơi hình như quán nước, người khách nhiều tuổi dừng chân lại bảo người ít tuổi :

– Thôi anh Tư ạ ! Ta hãy tạm nghỉ chân ở đây một lát rồi hãy đi.

Hai người xốc lại khăn gói, cùng leo thang bước lên trên nhà sàn. Người trẻ tuổi mà người bạn đồng hành gọi là anh Tư, thấy ở trên bực gỗ có ba bát nước chè tươi nóng, nhân đang khát, vội bung ngay một bát lên để uống. Đang khát mà có nước uống mừng hơn là được vàng, xong ba bát nước, đặt bát không xuống bực, anh ta bấy giờ mới nhìn quanh nhìn quẩn trong nhà :

–Ồ này ông xã ạ !

Ông xã đang xếp đặt khăn gói ở ngoài sân nghe thấy tiếng gọi, vội quay lại ông buột mồm kêu to :

– Thôi chết rồi !

Quang cảnh nhà này làm ông khiếp đảm ! Thì ra đây không phải là một quán nước nhưng là một nơi quán ma xó vắng tanh. Ông xã hỏi ngay người trẻ tuổi :

– Anh Tư đã ăn uống gì chưa ?

– Mới có ba bát nước.

Ông xã mặt tái mét, lắc đầu nói :

– Thôi cũng được. Đành vậy !

Người trẻ tuổi mới đi rừng lần đầu chưa hiểu chuyện gì cả, giơ tay cầm cái bánh gai ở trên bục định bóc ăn.

Ông xã giơ tay cản, cười gượng hỏi :

– Anh Tư muốn ăn Tết hẳn ở trên này hay sao ?

Người trẻ tuổi tưởng là nói đùa, gật đầu cười, mồm ăn đã hết nửa cái bánh gai rồi.

Ăn xong hẳn ta đứng dậy hỏi ông xã :

– Không có chủ quán ở đây thì trả bao nhiêu tiền hờ ông ?

Ông xã mắt nhìn lơ đãng ra phía rừng xa, trả lời một cách vừa xăng vừa buồn rầu :

– Tùy ý.

Đếm tiền để lại xong, hai người xách tay nải lên đường, nhưng lần này mỗi người một tâm sự.

Đi được một quãng, người thiếu niên bảo ông xã :

– Tôi nhầm nhầm đau bụng ông ạ !

Ông xã vẫn thản nhiên :

– Việc quái gì, chốc nó khỏi !

Một quãng đường nữa, người trẻ tuổi ngồi xếp xuống, ôm bụng quần quai :

– Đau chết mất !

Ông xã bảo người trẻ tuổi :

– Anh có biết tại làm sao mà đau bụng không ? Ma Mường nó làm đấy. Anh ăn bánh uống nước của nó lúc nãy, bây giờ nó gọi anh lại với nó ! Đành phải lộn lại cho xong.

Hai người quay lại con đường cũ. Ông xã cần nhân :

– Anh làm nhớ hết công việc của tôi !

Bước lên thang nhà sàn lúc nãy đã thấy một người đàn bà Mường đơn dả chạy ra đón mời :

– Gớm ! Hai ông đi lâu quá. Chúng tôi chờ nguội cả cơm. Tôi thấy em nó về khoe đã có hai ông chiếu cố vào chơi, mừng quá nên làm cơm ngay. Xin mời hai ông về nhà xơi rượu.

Người đàn bà xuống trước. Hai người lái buôn theo sau. Ông xã mặt buồn rầu chán nản, người trẻ tuổi ngơ ngác không hiểu gì.

Một lát qua chiếc cổng nửa vào ngôi nhà sàn rộng lớn, một người Muờng già chạy ra cười :

– Quý hóa quá, rước hai ông lên trên nhà. Lâu lắm mới có khách Kinh qua chơi ăn tết.

Cơm thì có xôi nếp đồ. Thức ăn thì có ít thịt lợn luộc chấm với muối trộn với một chút xanh ở lòng non lợn.

Hai người miễn cưỡng ngồi ăn. Ông già Muờng vừa tiếp thức ăn mời khách vừa nói chuyện :

– Chẳng nói giấu gì hai ông, tôi hiếm hoi sinh được hai gái thì đứa lớn chồng chết nên vẫn ở đây với tôi. Còn đứa nhỏ mới có người dạm thì lăn ra chết. Tôi vẫn quan cháu tại đầu rừng đợi ngày tốt mới chôn. Sáng hôm nay thấy cháu hiện về báo rằng đã có hai ông khách tới thăm. Tôi mừng quá biết rằng cháu đã bắt đầu thiêng có thể giữ của được rồi. Theo tục dân chúng tôi, hai ông là hai vị khách quý của cháu, chúng tôi bắt buộc phải giữ mời cung phụng đến khi chôn cất cháu xong. Hai ông thể lượng cho.

Hai người lái buôn cúi đầu ủ rũ, không nói một câu nào.

Người thiếu niên bấy giờ mới hiểu lời của người bạn đồng hành lúc nãy : "Anh Tư muốn ăn Tết hẳn ở trên này hay sao ?".

Thấm thoát được một trăm ngày, ông già Muờng đem xác người con gái hạ huyết. Họ chôn nông để hở mắt mũi người chết ra ngoài để trông nom của cải. Ông già Muờng vốn nhà giàu nên lúc chôn con đưa theo rất nhiều vàng bạc châu báu. Nhất là vàng nén và bạc nén thì xếp từng nải đất một. Sở dĩ của không cần chôn vì người chết đủ linh ứng rồi, ai phạm vào sẽ bị tai họa ngay. Ma xó đã nhớ mặt nhớ tiếng thì họa có trốn lên trời.

Ái người qua lại tấy máy sờ mó vào những thức ấy về cũng ớn lạnh xiết hàng tháng.

Hôm đưa đám, ông xã và anh Tư thấy vàng bạc nhiều quá thì có ý tham, nhưng nghĩ đến phép của ma xó thì lại sợ. Thứ nhất là hai người đã

từng ở với con ma đó ba bốn tháng rồi, đã rõ mặt rõ tiếng rồi, thì làm sao mà lấy trộm những của đó cho trời được.

Một hôm hai người bàn nhau một kế, định bụng cuỗm một mẻ lớn cho kỳ hết những vàng bạc để ở trên cái mả ấy rồi mới ra về, cho bồ công ăn chực nằm chờ trong mấy tháng.

Ông xã và anh Tư, hôm ấy vác nỏ vờ đi săn như mọi ngày. Đến gần chỗ mả thì anh Tư cởi bỏ hết quần áo, để cho ông xã lấy mực Tàu vẽ thành mặt người lên trên hai móng đất⁽¹⁾. Xong đâu đấy anh ta mới đi bằng hai tay, như thằng hề trong rạp xiếc "trồng cây chuối", mồm anh ta huýt còi. Anh ta cứ lảo lổ như thế, hai chân chống lên trời, đi vòng quanh cái mộ mấy lần. Lần cuối cùng anh ta quặp cả nỏ vàng nén trong tay rồi lúi ra khỏi mộ.

Sáng hôm sau hai người lái buôn ngò ý nhớ nhà, vả lại việc chôn cất xong xuôi, nên xin phép ông già Mường về quê cho đỡ sốt ruột.

Trong bữa cơm tiễn hành cực kỳ long trọng, ông già Mường mếu máo kể chuyện cho hai ông khách quý nghe :

– Chúng tôi gặp được hai ông có lòng tốt thương đến cháu mà ở lại giúp cho, thật ơn ấy không bao giờ dám quên. Duy có một điều này là hôm qua không biết có một con ma gì lạ, mặt to phèn phẹt mà tiếng rít nghe rợn cả người, xông đến mộ cháu hành hung rồi cướp hết cả vàng bạc. Tôi buồn quá không biết lấy gì mà đền bù vào đấy được.

Hai người lái buôn nói mấy câu chia buồn, trịnh trọng chào ông già Mường lên đường, về đến quê nhà, hai người mới đem chia số của ăn cấp được. Họ bán đi một ít để tậu ruộng, mua trâu, làm nhà ngôi linh đình.

Anh Tư, một vai chủ động trong chuyện này, một hôm kể lại cho tôi nghe từ đầu, có tặng cho tôi một viên ngọc đỏ, giống như mã não sặc trong và màu hồng gọi là "gối quạ" để cho ma xó gối đầu. Tôi đeo chiếc "gối quạ" đó vào dây đồng hồ làm kỷ niệm song vẫn rờn rợn, chỉ e ma xó biết đến mà báo thù chăng ?

(1) Nguyên chú : Xin lỗi các bạn đọc, vì chuyện có thật như vậy.

KIM BA CHÍ DỊ

Tác giả : chưa rõ tiểu sử, sự nghiệp, chỉ biết hiệu là **Kim Ba**. Theo lời mở đầu thì Kim Ba chỉ dị là kết quả của hơn hai mươi năm tác giả lưu lạc trên đất Trung Hoa, thu thập những truyện hoang đường quái đản trong dân dã thời Trung Hoa dân quốc, nhưng cũng có thể tác giả có chịu ảnh hưởng của một số truyện "tân truyền kỳ" trên báo chí sách vở Trung Quốc khoảng nửa đầu thế kỷ XX mà hiện nay không còn dễ tìm ra xuất xứ cụ thể. Phỏng theo đề tài và phong cách cổ xưa, tác giả đã viết thành 14 truyện truyền kỳ để tựa vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1969) và do nhà in Duy Thanh xuất bản tại Sài Gòn, 1969.

Ở đây chúng tôi chọn 12 truyện.

250. CẨM NANG PHÚ QUÝ

Trang sinh người Giang Lăng⁽¹⁾, con nhà thế gia có học. Nhâm cuối đời Thanh, vua Quang Tự⁽²⁾ hạ chiếu bãi khoa cử, Trang sinh quyết chí viễn du để thỏa chí công hầu.

Ngày nọ đi Vũ Xương⁽³⁾ trên tàu có cô gái đã tới trước, kiêu diễm quý phái, đang ôm chần lòng cừu ngồi tựa cửa sổ đọc sách. Khi bước qua mặt, Trang sinh thoáng thấy bìa sách có tựa đề *Phú quý bất cầu nhân*⁽⁴⁾.

Thấy cô gái ôn tồn lịch sự, nhân lúc còn vắng khách, Trang sinh bèn mượn lời cà kê làm quen với nàng. Cô gái tự xưng là Doãn thị Cát Nương, cũng có việc cần xuống mạn xuôi.

Trong lúc đàm đạo, Cát Nương hỏi Trang sinh rằng :

– Trông ông cũng là con nhà danh giá, chuyến đi này có mục đích cầu danh hay cầu lợi ?

Trang sinh trả lời với vẻ kiêu hãnh :

– Danh lẫn lợi đều cần thiết, nếu trời cho cả hai thì hay biết chừng nào.

Cát Nương cười rằng :

– Ông quả là người thanh niên có chí lớn, nhưng nếu trường hợp không thể được cả hai trong một lúc thì thiết tưởng chỉ bằng *tiên phú nhiên hậu quý*⁽⁵⁾, ông nghĩ sao ?

(1) *Giang Lăng* : thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

(2) *Quang Tự* : tức vua Thanh Đức Tông (1875 - 1908).

(3) *Vũ Xương* : thuộc tỉnh Hồ Bắc.

(4) *Phú quý bất cầu nhân* : giàu, sang không tìm người.

(5) *Trên phú nhiên hậu quý* : trước giàu có rồi sau sang trọng.

Trang sinh lắc đầu :

– Tôi chưa hề học nghề buôn bán, dĩ nhiên phải làm giàu bằng cách làm quan, lẽ nào bỏ quan mà làm giàu cho dạng !

Cát Nương cười xòa :

– Thực là cậu học trò ngây thơ, cái gọi là phú thì phải biết cách hốt bạc không vốn, nếu đi buôn mười lãi một thì đến đời kiếp nào mới phát tài được.

Thấy Cát Nương ăn nói lưu loát, duyên dáng, Trang sinh cũng cười theo, mặc dù chàng chưa kịp phân định lý luận đó đúng hay sai.

Lần hồi có nhiều hành khách lục tục xuống tàu. Cát Nương ngó ý mời Trang sinh dời chỗ khít cạnh nàng để tiện trò chuyện với nhau.

Khi tàu rời bến thuận gió xuôi chiều, giữa dòng sông Dương Tử⁽¹⁾, cánh hoàng hôn đắm dần trong bóng tối, ánh trăng vàng len vào cửa sổ, hôn nhẹ mái tóc của Cát Nương, nàng mơ màng cặp mắt, vẻ mặt dịu hiền như tiên nữ hạ phàm. Không dằn nổi trước sự quyến rũ bởi mùi thơm toát ra từ da thịt nàng thiếu nữ sát cạnh mình, Trang sinh đánh bạo chui luôn vào chăn, Cát Nương không có ý khước từ, chàng được toại nguyện.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, chiếc gối bên cạnh bỏ trống. Trang sinh khoác áo ra tìm, thấy Cát Nương đang ngồi một mình ở mũi tàu dưới ánh nắng rạng đông, trong tay nàng vẫn cầm cuốn sách bữa chiều qua.

Trang sinh tiến gần khẽ hỏi :

– Cô nương có bí quyết "Phú quý bất cầu nhân" nếu có thể được dạy khôn cho tiểu sinh với.

Cát Nương liền đáp lại :

– Cái gọi là bí quyết của đường đời là hồ thực tập, đêm qua chàng đã điều luyện rồi, cần gì phải đọc sách nữa ?

Câu nói bóng bẩy ấy làm Trang sinh hơi thẹn thùng.

Cát Nương nói tiếp :

– Cái danh, cái lợi cũng như cái sắc, chẳng qua là tùy cơ hành sự, ứng biến hợp thời, miễn tinh lạnh là được, làm gì mà có phương pháp nhất định.

(1) Sông Dương Tử : tức sông Trường Giang, Trung Quốc.

Đêm rồi chàng đột nhập Từ Ngạc Cốc, vượt qua đường sạn đạo, trực chỉ tận Kiếm Môn⁽¹⁾, dấy tức là nẻo đường tắt đi sẵn sẵn, thì lối sẵn danh cầu lợi, cực cũng chẳng thế ư ?

Nghe lời lẽ danh đá, độc đáo đó, Trang sinh sùng sốt cả người, biết mình bị hạng nữ nhi mắng nhiếc một trận nên thân, vội lựa lời cáo lỗi.

Cát Nương thần nhiên bảo :

– Việc mọn chẳng đáng kể chi, xem tàu sắp cập bến kia kìa !

Đến Vũ Xương, Cát Nương bảo Trang sinh rằng :

– Gia đình thiếp vốn làm nghề khách sạn, có nhiều thương gia tên tuổi tới lui, trong số chẳng hiếm chi nhà triệu phú, nếu chàng ở lại đây có thiếp giới thiệu cho thì sẽ gặp nhiều cơ hội tốt.

Trang sinh thuận lòng tạm trú tại nhà Cát Nương. Trong thâm tâm chàng thật tình vì nàng hơn là vì danh lợi.

Trong khách sạn có người đàn ông khôi ngô ăn mặc sang trọng, hào hoa khí khái, rất được mọi người kính nể. Trang sinh hỏi lén Cát Nương người ấy là ai ?

Đáp rằng :

– Hắn là một đại thương gia đến từ Thượng Hải⁽²⁾, có lắm vàng, nay mai sẽ vào Tứ Xuyên⁽³⁾, Tây Tạng⁽⁴⁾ buôn xạ hương, lộc nhung, v.v. Nếu chàng làm quen được với hắn, thiếp sẽ mách cho những bí quyết phát tài trong cuốn sách gối đầu đêm nọ để giúp chàng thành đạt nhanh chóng.

Trang sinh vốn người Tứ Xuyên và từng du ngoạn núi Nga My⁽⁵⁾, Thanh Thành⁽⁶⁾, bèn giao kết với khách Thượng Hải, tỏ ý sẵn sàng làm người dẫn lối cho khách. Khách cũng mến Trang sinh là người có học, việc lui tới ngày càng thân mật, thường hay ăn chung mâm, nằm chung phòng.

Đêm nọ, Cát Nương vẫy Trang sinh vào phòng tư nói kín rằng :

(1) Những lời bóng bẩy chỉ việc ái ân.

(2) *Thượng Hải* : thành phố thuộc tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

(3) *Tứ Xuyên* : tên tỉnh, nằm ở thượng du sông Trường Giang.

(4) *Tây Tạng* : vùng ở phía Tây tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc.

(5) *Núi Nga My* : nằm ở huyện Nga My, phía Tây tỉnh Phú Xuyên.

(6) *Thanh Thành* : tên huyện, cách Tứ Xuyên bốn mươi dặm về phía Tây, Trung Quốc.

– Biết chàng muốn đọc cuốn bí quyết của thiếp từ lâu, nay xin thú thực cùng chàng, cái gọi là "Phú quý bất cầu nhân", phép đầu tiên là móc túi. Nay cái bị to nằm sờ sờ ngay trước mắt ta, chẳng lẽ lại không moi ?

Đoạn ôm Trang sinh vào lòng, rỉ tai nói tiếp :

– Chàng cầm gói thuốc mê này, khi nào uống rượu đêm với khách Thượng Hải kia, thì lén bỏ vào chung hần, chừng hần say mê rồi, của trong bị hần sẽ về hết tay ta. Khi cái tài đã đến thì cái sắc cũng theo sau, thiếp nguyện sẽ làm vợ chàng và sẽ giúp chàng mua được quan to chức lớn cũng bằng phép lạ trong cuốn cẩm nang này, chừng đó chàng sẽ toại nguyện cả tài sắc lẫn danh vọng trên đời, chẳng còn thiếu món nào nữa. Chàng hãy chuẩn bị hành sự đi !

Sắc đẹp của Cát Nương làm cho Trang sinh say đắm, nhưng lời đề nghị đột ngột của nàng lại khiến cho chàng do dự bàng hoàng. Ngẫm nghĩ một hồi, Trang sinh bảo rằng :

– Cái thủ đoạn thâm độc ấy, tiểu sinh tự xét không đủ tài cán để thi thố, nếu em thực lòng yêu anh, thì cùng về thừa lại với mẹ, rồi chúng ta dặt tay ra tranh đấu với đời cũng chẳng muộn chi.

Cát Nương bèn buông Trang sinh ra, trợn mắt bĩu môi nói với giọng khinh bỉ :

– Thôi đi cậu học trò ngốc ! Đã cả gan dám trộm sắc lại thiếu can đảm cướp tài, tài với sắc tuy hai mà một, không có tài lấy chi bảo đảm cho sắc ?

Trang sinh tự then lảng lạng bước ra.

Chính đêm ấy khách Thượng Hải mời Trang sinh vào phòng đối ẩm. Nghi là Cát Nương đang bày mưu đặt kế gì đó, lại lôi cả mình vào cuộc, nên chàng một mạch từ chối không dám nhận lời. Nhưng khách Thượng Hải cứ cố nèo mãi, buộc lòng phải bước theo trong pháp phòng lo âu.

Trong khi ăn uống Trang sinh băn khoăn hồi hộp, đứng ngồi chẳng yên. May là đêm đã khuya, canh đã tàn mà chẳng thấy có điều chi khác lạ xảy ra. Chàng yên dạ phần nào, định giả say từ tạ trở về phòng mình cho chóng thoát thân. Bỗng khách Thượng Hải đứng dậy bảo rằng :

– Tôi biết có người xúi cậu moi bị của tôi, đêm nay mời cậu đến chơi cốt để phá tan cái ảo thuật trong bị này.

Nói vừa dứt lời, hần tháo cái bị to ra cho Trang sinh xem. Trời ơi ! Trong đó toàn là những đầu lâu, cánh tay, khúc đùi của những kẻ xấu số

nào đó đã bị phân thây, máu me be bét, da thịt rơi rời, làm cho Trang sinh sợ hãi cả người, ầm ớ trong họng nói chẳng nên lời.

Khách Thượng Hải thản nhiên nói tiếp :

– Cái bị này chuyên chứa những tên trộm danh đạo⁽¹⁾ lợi, tôi chỉ tiếc là giết chưa sạch hết bọn chúng đó thôi.

Trang sinh run rẩy, khép nép chấp tay xá từ, chạy thẳng vào phòng lập cập kể chuyện hãi hùng vừa xảy ra cho Cát Nương nghe.

Cát Nương chỉ cười mà giang tay ra ôm chàng vào chân, ấp ủ một hồi cho đỡ sợ, rồi khẽ bảo rằng :

– Chàng có nhớ chàng, năm xưa một đêm bão tố, sấm sét rền trời, có con vật vọt qua cửa sổ chui trốn dưới gầm giường của chàng để lánh nạn ?

Trang sinh ngạc nhiên hỏi :

– Chuyện xưa trong thư phòng của anh sao em lại biết được ?

Cát Nương nói tiếp :

– Chính là thiếp đây. Khi loài chồn còn tu luyện mà chẳng may gặp nạn thiên lôi thì phải tìm đến nhà người trần thế có hồng phúc để nhờ sự che chở. Nhà chàng vốn là thế gia từ thiện, nơi chàng nằm đêm ấy chính là cái giường xưa của cụ cố, người nhân đức đại thiện trong xứ, nên trời Phật cũng kiêng nể. Chàng thừa hiếu, ở đời làm lành tích đức, thì con cháu mới được hưởng lộc đời đời. Vậy chàng nên trở về quê cha mà nối nghiệp tổ, chớ học thói người đời theo đuổi thứ phú quý phù vân.

Trang sinh như tỉnh giấc mơ, tự hỏi rằng :

– Tôi đã trộm sắc khác nào tội cướp tài, chuyện trên tàu đêm nọ là một tội ác mà tôi đã lỡ phạm, mong tiên cô rộng lòng thứ tha.

Cát Nương nở nụ cười thông cảm rằng :

– Đừng nói đại, ấy là thiếp đền ơn xưa nghĩa cũ của chàng đấy, duyên nợ đôi ta chỉ còn đêm nay thôi, chàng hãy yên lòng tận hưởng giây phút yêu đương này, chớ nghĩ ngợi lẫn thẩn nữa.

(1) Đạo : ăn cắp.

251. CHIẾC KHĂN ĐÀO

Lâm sinh, người Tịnh Trung⁽¹⁾ học chung với bạn trong ngôi chùa núi Ngự Sơn⁽²⁾. Đêm nọ từ nhà mẹ trở về chùa, giữa đường gặp mưa to gió lớn, sấm sét rền trời, lay động cả sơn lâm. Lâm sinh tạm lánh vào hang đá cạnh lề đường. Qua luồng điện chớp, bỗng thấy có cô gái ở trần chui vào động, mình mẩy ướt đẫm, chen mình thẳng vào lòng Lâm sinh vừa run vừa nói :

– Làm ơn ôm lấy tôi với, lạnh quá, sợ quá, hừ... hừ !

Lâm sinh cố né qua một bên và bảo rằng :

– Mùa hè dầm mưa một tý có chi mà lạnh lắm. Cô là con nhà ai mà chẳng mặc áo thế này ?

Cô gái đáp :

– Áo em mỏng manh, gió thổi mạnh bay mất rồi, trời tối tìm chẳng thấy đâu mà tìm. Mình mẩy em ướt hết, anh chẳng thương hại tý nào sao ?

Lâm sinh trao cho chiếc khăn để lau mình. Cô gái nhận lấy nhưng chẳng nỡ lời cảm ơn.

Đoạn cô gái hỏi Lâm sinh :

– Đây, học trò đi học có phải cùng học một thứ chữ của thánh hiền không hở anh ?

– Dĩ nhiên rồi !

Cô gái lại hỏi :

– Đã học chung một thứ chữ, đáng lẽ phải có cùng một tư cách, cơ sao Lê sinh lại khác với anh ?

(1) Tịnh Trung : chưa rõ ở đâu.

(2) Núi Ngự Sơn : tại phía Tây huyện Đông A, Sơn Đông, Trung Quốc.

Lâm sinh thấy câu hỏi có ngụ ý sâu xa, nên hỏi lại cô gái có quen Lê sinh chăng ?

Cô gái đáp :

– Nghe dẫu chị Liên Cô họ Tả mến cậu ấy đẹp trai, nay mới biết cậu ấy bộ mặt tuy đẹp mà lòng dạ chẳng đẹp tí nào. Còn anh, anh thì đẹp cả trong lẫn ngoài, nhưng tiếc rằng chưa biết yêu đó thôi.

Bị tấn công bất thần, Lâm sinh thấy hơi lúng túng. Nghĩ thầm rằng, cô này đã quen Liên Cô thì ắt là người trong làng, lời lẽ tuy hơi sỗ sàng nhưng cũng chứa nhiều đạo lý. Song e càng nhiều lời lại thêm điều thất lễ, nên không dám hỏi tới nữa.

Thấy mưa gần tạnh bèn thúc rằng :

– Sắp tạnh rồi đó, cô về đi, tôi cũng phải về trường bây giờ.

Cô gái gật đầu bước ra khỏi động, đi được vài bước ngoảnh lại bảo :

– Nhà em ở sau núi Ngư Sơn, ngoài mẹ già không còn ai, khi nào rảnh mời anh quá bộ đến chơi, trước cổng có cây mít là đúng.

Lâm sinh vừa ừ vừa xua tay có ý thúc cô gái đi mau.

Vừa về đến chùa thì bạn học là Dương sinh vội vàng chạy ra đón và hấp tấp mách rằng :

– Sao anh về trễ thế, Lê huynh đang rên rỉ trên giường kia ! Vào thăm mau lên.

Lâm sinh kinh ngạc hỏi thăm bệnh tình, thì ra trong cơn mưa gió vừa rồi lại có tình tiết khác xảy ra cũng rất ly kỳ.

Nguyên Lê sinh ra hè đi tiểu trở vào thoáng thấy nơi hành lang dưới lầu Tầng Kinh có cô gái ở trần trơ trọi một mình, đứng tựa lan can ngắm cảnh mưa đêm. Bị bộ ngực nở nang hấp dẫn, Lê sinh tiến lại gần, trong nụ cười c lẹ, Lê sinh nhận ra là Liên Cô, gái nhà họ Tả. Lê sinh thầm yêu Liên Cô từ lâu, ngật vì chưa có dịp thổ lộ tâm tình.

Lúc ấy hoa lòng đang nở, Lê sinh không màng nghĩ đến câu chuyện tại sao Liên Cô lại ở trần đến đây, lập tức ôm nàng vào lòng hôn hít lia lịa, và định dẫn lên lầu để hưởng phút thân tiên. Liên Cô dùng dằng, nhưng cũng không có ý bỏ đi, thấy vậy Lê sinh toan làm ẩu tại chỗ, bất ngờ có vòi sữa vọt ra từ vú Liên Cô trúng ngay vào mặt Lê sinh, đau điếng cả người như bị bỏng nước sôi.

Lê sinh ôm mặt la lên giữa lúc Liên Cô vòng qua góc lầu đi khuất dạng. Khi về phòng cặp mắt sưng lên, đau nhức thật khó chịu.

Nghe qua câu chuyện thật quá lạ lùng, tại sao đau đấy đều xuất hiện có gái ở trần trong cơn mưa. Lại nữa nhà Liên Cô cách chùa khá xa, có sao đêm mưa gió lại đến đây làm gì ? Nhất nhất đều là nghi vấn.

Vào phòng thăm Lê sinh thì thấy đang nhắm mắt nằm ôm gối, cơn đau hành hạ quả tình đáng thương. Lâm sinh hỏi rằng :

– Theo tôi nghĩ, họa chăng anh đã ngộ nhận người khác trong cảnh mưa đêm. Có lẽ nào Liên Cô lại đến đây một cách lố lăng như thế được ?

Với giọng oán hận, Lê sinh đáp :

– Làm sao mà làm cho được ! Con nhỏ đó dù là trong giấc mơ tôi cũng nhận ra nó mà !

Lâm sinh giấu chuyện gặp gỡ trong hang đá, lẳng lặng lui ra.

Sáng hôm sau cặp mắt Lê sinh sưng to như hai quả đào chín, càng đau nhức bội phần, phải mời thầy chữa thuốc. Mẹ Lê sinh là người đàn bà đánh đá khét tiếng mà lại cưng con ra mặt. Sau khi hiểu rõ sự tình, lập tức đến thẳng nhà họ Tả đòi co quả quyết là Liên Cô dùng phép tà làm hại con bà ta và dọa sẽ đi thưa quan.

Liên Cô mồ côi mẹ, sống với cha già chuyên nghề săn thú. Trong vùng đồn rằng, cha Liên Cô là thầy phù thủy, có phép khiến chó săn bắn nỏ như người. Liên Cô thường theo cha đi săn và học được phép thuật của cha.

Hôm ấy vắng mặt cha, thấy mẹ Lê sinh đứng trước cửa la lối om sòm, chửi bới thô tục, quá bức mình Liên Cô bèn mời các bà hàng xóm đến chứng kiến bữa qua mình có mặt ở nhà đan lưới săn, chưa hề bước chân ra khỏi cổng và trách mẹ Lê sinh vu khống bậy bạ. Đồi bèn tranh luận mỗi lúc càng quyết liệt hơn. Giữa đám đông, mẹ Lê sinh nhất định đòi khám vú Liên Cô xem có chất sữa độc không. Úc quá, Liên Cô đành liều cởi áo đưa ngực cho các bà hàng xóm xem.

Không dè Liên Cô vừa cởi áo thì có chiếc khăn ở ngực rơi xuống, mẹ Lê sinh liền hô to rằng :

– Đây rồi, chiếc khăn này là của cậu họ Lâm thường mang bên mình, sao lại nằm gọn trong ngực cô ?

Mẹ Lê sinh phân giải rằng, chiếc khăn này gọi là khăn "đào hoa", 'mẹ Lâm sinh có mượn kiểu hoa của mẹ và chính mẹ ta đã chỉ dẫn đường kim nét chỉ cho mẹ Lâm thêu. Lâm sinh rất quý chiếc khăn này, luôn luôn mang theo bên mình, rồi mẹ kết luận rằng :

– Hẳn buổi đầu Liên Cô yêu con tôi, sau đó lại phụ Tần theo Sở. Khi đã yêu Lâm sinh rồi thì bày mưu hãm hại kẻ bị phụ bạc, cực chẳng vậy nên mới xảy ra cơ sự này.

Tình tiết câu chuyện này càng truy ra càng thấy phức tạp thêm, các bà hàng xóm chẳng biết đằng nào mà phân định.

Ban đầu Liên Cô còn cố sức cải chính rằng, cô ta nhặt được chiếc khăn ấy ở giữa đường, vì thích kiểu thêu mới và đẹp nên giữ trong mình, nhưng bị mẹ Lê sinh dồn ép, uất ức quá đổi, bèn quát to lên rằng :

– Đúng đấy, tôi có yêu Lâm sinh đấy, cha tôi chẳng cai quản, ai làm gì tôi ?

Cuộc cãi vã chẳng đâu vào đâu rồi cũng tan. Nhưng câu chuyện này chẳng bao lâu thì loan truyền khắp nơi, cả làng xôn xao bàn tán. Lâm sinh rất lấy làm bức bối và hối hận khi chia tay quên đòi cô gái ở trần trả lại chiếc khăn đào cho mình đến nỗi xảy ra câu chuyện lố thời.

Sực nhớ lại, khi gặp gỡ trong hang đá, cô gái ấy từng nhắc đến tên Liên Cô, chắc là cô ta đã trao chiếc khăn này cho Liên Cô làm mình phải mang tai mang tiếng với xóm làng. Nghĩ đến đây Lâm sinh có ý định đòi chiếc khăn lại, nhưng lại không dám bước chân đến nhà Liên Cô.

Bí quá, Lâm sinh phải đem câu chuyện trong động thưa lại với mẹ, xin mẹ tha thứ cho sự sơ suất của mình và ngỏ ý khẩn cầu mẹ mình xác trước bà con lối xóm.

Bà mẹ vẫn tin ở con mình xưa nay rất đứng đắn, bèn an ủi Lâm sinh :

– Chuyện thị phi trên đời biện bạch làm sao cho hết được, miễn sao tâm hồn con trong sạch là mẹ yên lòng. Chuyện đâu còn có đó, ai phải ai quấy rồi đây thiên hạ sẽ rõ con ạ !

Hơn một tháng sau, Lâm sinh vâng lời mẹ đến nhà bà con nơi xa, chiều về lại gặp cơn mưa to, mình mẩy ướt hết, gió lạnh tái tê cả người. Chàng cố đi thêm một quãng thì đường sá tối tăm mù mịt, không tài nào lần bước được nữa. Thấy có ánh sáng bên lề, bèn tạt vào đó đứng dưới mái nhà vắt áo. Bỗng dung cửa mở, có cô gái ra mời :

– Gió to quá ! Mời cậu vào trong nhà nghỉ tạm.

Lâm sinh vừa bước theo vừa ngỏ lời cảm ơn. Cô gái nhìn Lâm sinh có vẻ thương hại :

– Trông cậu như bị cảm rồi ! Trong mình cậu có thấy sao không ?

Lâm sinh đáp :

– Không hề gì, chỉ hơi ngạt mũi tý thôi. Nếu không làm phiền cô lắm, xin cho chậu nước nóng rửa mặt có lẽ đỡ.

Cô gái ra bộ ngấm ngứa rồi lại bảo :

– Chao ôi, mũi đã tái xanh rồi, nước nóng chữa đâu khỏi. Nhà tôi có sẵn thuốc hay, cậu hãy ngồi ngửa cổ trên ghế đi !

Lâm sinh đành làm theo. Nhưng cô gái chẳng đi lấy thuốc chi cả, bắt thân một tay ấn đầu Lâm sinh, tay kia cởi nút áo ra, chĩa núm vú ngay vào lỗ mũi Lâm sinh mà vắt sữa.

Lâm sinh gượng dậy, hoảng hốt la :

– Cô làm gì thế ?

Nhưng đã muộn, chất sữa vọt thẳng vào lỗ mũi. Nhảy mũi một hồi, tự dung thông thoáng thực dễ chịu. Cô gái buông Lâm sinh ra cười bảo :

– Láng giềng đều biết giữa chúng ta có mối tình trao khăn đổi vật, nay em dùng sữa tợ chữa bệnh cho người yêu có chi mà ngại.

Lâm sinh giật mình hỏi :

– Vậy cô đây là Liên Cô ?

– Vâng ạ ! Liên Cô xin ra mắt công tử.

Lâm sinh tự nghĩ cũng nực cười, hỏi rằng :

– Sữa của cô là sữa gì mà lạ đời thế, đã hại con mắt Lê sinh mà lại lợi cho cái mũi của tôi !

Liên Cô nghiêm hắn nét mặt bảo :

– Sữa tôi thay đổi bởi lòng người. Với hiền sĩ thì là cam lộ, khi gặp kẻ tiểu nhân nó sẽ biến thành chất độc.

Nghe câu nói ấy Lâm sinh rất thán phục. Tuy nhiên, nếu xét kỹ lại thì chuyện ấy khá hợp tình, nhưng bất hợp lý, muốn hỏi thêm, lại e càng sinh chuyện lời thôi, chỉ bằng nhân dịp này đòi lại chiếc khăn đào để dứt hậu hoạn là hơn, bèn ngỏ ý xin khăn.

Liên Cô cười rằng :

– Chiếc khăn ấy đã cất kỹ tận đáy lòng, khi nào chàng mở cửa lòng thì em sẽ tặng luôn cả con tim.

Lâm sinh cảm thấy Liên Cô tuy gái nhà quê, nhưng ăn nói duyên dáng, câu nào cũng chứa đầy tình cảm, dễ rung động tâm hồn người trai trẻ. Nhưng sợ ở lâu, có người biết đến càng mang tai tiếng, bèn đứng dậy tạ từ.

Mùa thu năm ấy, bệnh dịch lan tràn trong vùng. Lâm sinh tham gia tổ chức từ thiện đi quyên tiền biểu thuốc cho dân nghèo. Một hôm có cụ lang chống gậy đến bảo Lâm sinh rằng :

– Tôi nghe đâu Tả thị Liên Cô từng dùng vú sữa chữa bệnh ngạt mũi cho cậu, theo tôi nghĩ đây là "Tiên lộ"⁽¹⁾ có thể trị bách bệnh, nếu được cô ta nhỏ sữa vào thuốc trị dịch thì phúc đức cho thiên hạ biết chừng nào.

Lâm sinh do dự thưa rằng :

– Cụ nói phải lắm, nhưng thiên hạ chế giễu tôi đã nhiều, sao tiện đến đây mà nhờ cô ta.

Cụ lang cười bảo :

– Thì cứ để cho tin đồn thành tin thực há chẳng đẹp sao ? Cậu nên bàn với cụ thân sinh đi.

Lâm sinh thưa lại với mẹ, mẹ bảo :

– Được rồi, con cứ để mẹ đến thăm Liên Cô vậy.

Khi đến nhà bàn tính chuyện bố thí sữa làm thuốc cứu bệnh dịch thì Liên Cô ngạc nhiên rằng :

– Trời ơi ! Làm gì mà có chuyện ấy ! Chiếc khăn này quả thật báu nhất ở giữa đường mà.

Mẹ Lâm sinh cũng lấy làm lạ, bèn kể hết những câu chuyện thần bí mà Lâm sinh đã gặp cho Liên Cô nghe. Liên Cô như sực nhớ chuyện gì liền thưa rằng :

– Thôi cháu hiểu cả rồi, đây là Công chúa Hoàng Ngu bày chuyện chứ còn ai.

(1) "Tiên lộ" : nước sương móc của tiên.

Liên Cô kể lại câu chuyện xưa :

Một hôm, Tả ông đi săn ở núi Ngư Sơn, chợt thấy một con cá vàng tuyệt đẹp đang vẫy mình bên bờ suối, thành linh có con gấu đen vỗ tới, Tả ông liền xả nỏ, gấu trúng tên bỏ chạy, cá cũng biến đi mất. Đêm nằm mộng thấy cô gái ở trần đến bảo Tả ông rằng :

– Tôi là Công chúa Hoàng Ngư ở Ngân Hà, vì phạm lỗi bị Thiên đình đày xuống Ngư Sơn, đội ơn giải cứu tôi sẽ báo đáp.

Mẹ Lâm sinh hiểu ý Công chúa Hoàng Ngư đã chủ định dặt mối xe tơ, liền hỏi cưới Liên Cô về làm dâu.

Vợ chồng Lâm sinh cùng đến sau núi Ngư Sơn tìm thấy cây mít to, bày hương án bái tạ Hoàng Ngư Công chúa.

252. CÔ BA BỮU

Năm 1948, ở Nam Kinh⁽¹⁾ các báo có đăng câu chuyện họa sĩ danh tiếng Diệp Vu Ân bị bắt làm chấn động cả Kim Lăng⁽²⁾. Nguyên chàng họa sĩ trẻ tuổi này thích giao du, tình cờ làm quen với cô gái tên là Bạch Mai, một nữ sinh viên miền Bắc, thất lạc gia đình trên đường tỵ nạn chiến tranh. Tính Mai hâm mộ mỹ thuật, đôi trai tài gái sắc tâm đầu ý hợp này chung quy cùng xây tổ uyên ương trong một ngõ hẻm ở cửa Nam. Nàng làm mẫu cho chàng vẽ tranh mỹ nữ, tác phẩm bán chạy như tôm tươi.

Vu Ân vốn có vợ tên là Ngọc Thủy, người đàn bà trí thức tính hiền hậu nhưng kém xã giao, nên mỗi lần đi ăn uống du ngoạn chàng thường đưa Bạch Mai theo, lâu ngày bạn bè đều biết chuyện. Một hôm giữa bữa tiệc, Vu Ân ngồi cạnh người đàn bà quý phái lịch thiệp, vốn biết địa chỉ cũ của chàng, nhưng chưa hề gặp mặt Ngọc Thủy, nhân đó chàng giới thiệu làm quen với Bạch Mai. Chuyện trò vui vẻ như bạn tâm giao cố cựu.

Bữa sau, bà ấy tự lái xe đến nhà Vu Ân, cửa bỏ ngõ thấy có người đàn bà ăn mặc lồi thối đầu tóc bơ phờ đang lau dọn sàn nhà, ngỡ là người ở, khách hỏi :

– Bà chủ có nhà không ?

Thấy người lạ mặt, Ngọc Thủy cười đón kính cẩn thưa rằng :

– Bà chủ em đi vắng, bà có điều gì cần dặn, em xin thưa lại.

Khách đáp :

– Tôi tên là Bửu, hôm qua ngồi chung mâm tiệc với bà chủ nhà người, bà có hứa cho tôi xem bức tranh khỏa thân tuyệt đẹp. Nay không gặp, vậy xin hẹn lại bữa khác.

(1) *Nam Kinh* : thuộc huyện Giang Ninh, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.

(2) *Kim Lăng* : thuộc huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô.

Ngọc Thủy nghe phong thanh chồng mình có vợ lẽ, nay đã chứng thực y như rằng. Nhưng bà khách tên Bửu ấy là ai ? Ngọc Thủy bèn sang hỏi thăm nhà họ Phan chơi thân với Vu Ân. Vợ Phan cũng chẳng ưa gì tính bướm ong của những ông chồng đẹp trai hay si tình. Khi nghe chuyện Ngọc Thủy, liền bảo :

– Ấy chết, con yêu quái đó chính là cô Ba Bửu, chuyên dụ dỗ đàn ông, khi đã thất điên bát đảo thì chán rồi lại bỏ. Không chừng anh ấy đã bị bùa mê của nó rồi đấy chị ạ !

Ngọc Thủy thở dài. Đoạn hỏi dò cô Ba Bửu có phép thuật chi lạ. Vợ Phan kể :

– Cô Ba Bửu chẳng ai biết rõ lai lịch và chỗ ở, người ta chỉ thấy cô thường đi lại giữa Thượng Hải, Nam Kinh, bán ái buôn tình, làm say đắm biết bao hoàng tôn công tử. Tuổi đã ngoài ba mươi rồi mà trông kiểu diễm như hạng thiếu nữ.

Tô Châu⁽¹⁾ có ba thanh niên, theo cô ta đi Thượng Hải du hý, ở chung một khách sạn. Cả ba cậu đều muốn hưởng phút yêu đương thật sự với cô. Biết thế cô ta tuyên bố thẳng với ba chàng rằng : "Tối nay tôi mở rộng cấm môn, cả ba cậu đều có cơ hội phóng ngựa buông cương, tướng nào đoạt ải trước là tướng ấy thắng".

Ba cậu trẻ ấy muốn biết ngay biện pháp tranh cuộc như thế nào ? Cô ta vẫy các người theo vào phòng, rồi tự cởi áo ra nằm gọn trong chậu tắm mà bảo họ rằng : "Lần lượt từng người bế tôi đặt lên giường, tôi nhìn đồng hồ ai nhanh là người ấy thắng, nhưng chỉ hạn định trong năm phút thôi, ai quá giờ là bị loại".

Ba cậu trẻ đều vui vẻ nhận lời và bốc thăm định thứ tự tiên hậu. Cậu thứ nhất xắn tay áo bước tới đỡ cổ ôm đùi, định ẵm thẳng lên giường loan, ai dè thân liễu bỏ lại nặng hơn cả cái đỉnh ngàn cân, mồ hôi nhễ nhại mà cô ả vẫn nằm trơ như pho tượng, lim dim đôi mắt phượng, nhếch môi đào cười cợt : Năm phút đã qua rồi !

Chàng trai sững sờ, đành bỏ cuộc chịu thua.

(1) Tô Châu : tên phủ, ở phía Bắc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc.

Người thứ hai, thứ ba không phục, dùng hết sức bình sinh nhất nhất tấn công như vũ bão nhưng trước sau đều thất bại. Cả ba nhìn nhau, chẳng hiểu lẽ nào. Cô Ba Bữu ung dung xối nước, đòi khăn mặt, xà bông, sai kỳ lung, bóp giò, ba cậu trẻ ngoan ngoãn thi hành ý chí người đẹp như bọn Thái giám hầu hạ Dương Quý Phi⁽¹⁾ tại Hoa Thanh Trì⁽²⁾. Tắm gội xong, cô Ba Bữu bước ra báo họ rằng :

- Hồi chư bại tướng nghe đây. Để đáp lại công lao hầu hạ của các người, ta thưởng cho một điệu múa để khởi hận tình.

Kiểu múa của cô Ba thật là mê ly, hấp dẫn.

Nghe qua câu chuyện, Ngọc Thủy ngẫm nghĩ một hồi, xét tư thái của người khách lạ vừa rồi lại quả như lời mô tả của vợ Phan, rất lấy làm tiếc có mắt mà không biết núi Thái Sơn.

Vài hôm sau nhằm ngày chúa nhật, ở nhà một mình buồn tẻ, Ngọc Thủy trang điểm qua loa rồi ra dạo phố cho khuây khỏa. Khi tới bờ hồ Huyền Vũ⁽³⁾, nhằm lúc các quán trà dưới các bóng cây đều đông nghẹt, chợt thấy có hai người đàn bà ngồi đối ẩm với nhau. Một người trong đó rõ ràng là cô Ba Bữu, còn người kia chưa hề biết mặt, xinh đẹp chẳng kém gì cô Ba.

Ngọc Thủy bèn chọn lấy một chỗ ngồi kế cạnh để ý theo dõi cử chỉ của hai người đàn bà kia và tự nhủ, hôm nay mình trang sức khác hẳn lúc ở nhà, chắc chắn sẽ không bị lộ. Thoáng nghe người đàn bà kia nói :

- Tại chị sơ ý chớ trách em, đến nhà mẹ cả mà đòi xem tranh của em, thì quả là một chuyện bất thức thời vụ.

Đến đây Ngọc Thủy đã hiểu rõ họ nói gì rồi. Đoạn người đàn bà kia đứng dậy đi, cô Ba Bữu còn ngồi tại chỗ. Ngọc Thủy định rời ghế chăm chuyện, bỗng dung cô Ba Bữu quay lại chào đón và nói rằng :

- Xin Diệp phu nhân thứ lỗi, bữa nọ tôi lầm lẫn chủ nhân là người ờ, và vừa có ý định đến nhà cáo lỗi thì hôm nay may mắn được gặp phu nhân tại đây.

(1) Dương Quý Phi (719 - 756) : thiếp yêu của Đường Minh Hoàng (685 - 762).

(2) Hoa Thanh Trì : tức ao Hoa Thanh trong cung vua Đường.

(3) Huyền Vũ : hồ ở phía Bắc huyện Giang Ninh, Giang Tô, Trung Quốc.

Ngọc Thủy giật mình, nhưng cố lấy lại bình tĩnh hỏi thăm về tên họ và chỗ trú ngụ của người đàn bà kia.

Cô Ba Bửu khẽ bảo :

– Nghe đâu chúng nó gọi là cô Bạch Mai, hẳn chồng bà đã mê nó rồi. Song mong phu nhân hãy tạm dần cơn ghen, vì câu chuyện này hãy còn nhiều uẩn khúc lắm, ngoài phạm vi tình yêu nhi nữ.

Nói xong trao địa chỉ cho Ngọc Thủy và dặn rằng :

– Khi khẩn cấp hãy đến đây mà tìm tôi, ngồi lâu ở đây không tiện.

Ngọc Thủy chưa kịp nói gì, cô Ba Bửu đã cáo từ rồi khuất dạng trong đám đông. Đêm ấy chồng vẫn chưa về, Ngọc Thủy thao thức, bồi hồi không thể nào yên giấc được.

Sáng hôm sau có người đến báo tin Vu Ân bị cơ quan an ninh bắt giữ rồi, nghe đâu có liên can gì đến vụ án của một cô gái ngoài cửa Nam. Ngọc Thủy hoảng hốt, lập tức chạy tìm cô Ba Bửu cầu cứu. Cô Ba Bửu đón tiếp niềm nở, khoản đãi điểm tâm, cười rằng :

– Bà chớ nóng lòng, hãy tạm dùng quà sáng đi đã rồi nghe tôi kể câu chuyện thời sự sốt dẻo này cho mà nghe : đêm qua cô Bạch Mai yêu quý của chồng bà mang bức tranh lửa thề, tuyệt tác của chàng họa sĩ đẹp trai nhà ta ra ga Hạ Quan⁽¹⁾, nói rằng đem đi Thượng Hải bán được giá, chẳng may gặp công an đón đường kiểm soát. Thì ra trong cặp đựng tranh chứa toàn những tài liệu bí mật của Nhà nước, vì thế nên chàng họa sĩ nằm trong tổ ấm thơ mộng cũng bị liên lụy đó bà ạ !

Ngọc Thủy cả kinh, năn nỉ chỉ cách cứu chồng.

Cô Ba Bửu đùa rằng :

– Ấy chẳng qua là cái hạn phong tình nho nhỏ đó thôi, một bài học quý giá cho những ông chồng hay mê gái. Ba bữa sau chồng bà sẽ được trả tự do, việc gì phải chạy chọt cho nhọc thân mệt trí.

Quả y như rằng, ba hôm sau Vu Ân về nhận lỗi với vợ. Vợ chồng tìm đến tận nơi để tạ ơn cô Ba Bửu, nhưng chim hạc bay đi lâu bỏ trống, chẳng biết cô Ba ở phương mô mà tìm.

(1) Ga Hạ Quan : có lẽ ở phía Nam huyện Đại Lý, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

253. DUYÊN NGỌC RẮN

Xứ Du Ấp⁽¹⁾ có nhiều bãi cỏ, là nơi chăn nuôi lý tưởng, dân làng phần đông sống bằng nghề này. Thanh niên Lưu Đa Phước, nhà nghèo, thường đi cắt cỏ bán cho các trại bò. Một hôm chàng đang lom khom làm việc, thỉnh linh có con rắn nhỏ phóng ra dớp trúng ngay đầu ngón tay bên trái. Trong cơn hốt hoảng Đa Phước thấy rắn màu xanh biết là loài độc, sẵn liềm trong tay liền gọt hơn nửa ngón tay bị cắn chạy vội về nhà bó thuốc, nhờ thế mà bình yên vô sự.

Mấy bữa sau lành bệnh, Đa Phước lại đi làm việc như thường lệ, đến chỗ cũ thấy đầu ngón tay cái vẫn nằm nguyên trong đám cỏ, phình to bằng quả trứng gà, lớp da ngoài căng thẳng bóng nhoáng thấy mà ghê. Giữa lúc chàng đang ngắm nghía bỗng bên tai có tiếng nữ nhi :

– Trong đó có ngọc rắn đấy, nếu anh tìm ra được đem về chế thuốc thì rất hiệu nghiệm, trị được mọi nọc độc.

Đa Phước ngoảnh lại thấy cô thôn nữ tuổi vừa đôi mươi khá xinh đẹp, nhưng không hề quen biết bao giờ. Chàng ngấm nghĩ câu nói của nàng cũng có lý, bèn lấy que chọc bới đầu ngón tay rời. Nhưng khốn thay vừa vỡ lớp da mỏng thì nước vàng phun ra trúng ngay trán Đa Phước, khi kéo tay áo lau trán cô thôn nữ đã đi đâu mất. Kịp về đến nhà cặp mắt Đa Phước sưng to lên và đau xót vô cùng. Nhờ chạy thuốc sớm, con mắt bên trái đã khỏi nhưng con mắt bên phải bị lòa. Từ đó Đa Phước thù rắn đến cực độ, chịu khó tìm thầy giỏi học nghề trị rắn độc.

Một hôm Đa Phước đi xóm về đêm qua cầu tre, vì mắt kém phải lần mò từng bước một, bỗng đứng sau lưng có người gọi :

(1) Du Ấp : chưa rõ xứ này thuộc tỉnh nào của Trung Quốc.

Này anh chàng một mắt kia, bước khéo nhé ! Đừng ngại, tôi sẽ điều cho mà qua cầu.

Nghe giọng nói đàn bà quen tai, nhưng nghĩ mãi chẳng nhớ là ai, Đa Phước đang ở giữa cầu không dám ngoảnh cổ lại bèn hỏi tên họ.

Đáp :

– Kẻ trước người sau, cùng qua một nhịp cầu, chẳng bà con thì cũng lối xóm, việc gì phải tra khảo kỹ vậy.

Tiếng nói vừa dứt, Đa Phước cảm thấy có người xốc nách mình đi, đang định dừng lại đầu cầu để cảm ơn thì chẳng thấy ai cả.

Cuối xuân sang hè, nhằm lúc cỏ tươi hoa nở, cũng là mùa lấm rần nhất. Đa Phước đang ngồi bên bờ hồ nghĩ chân lại thấy cô thôn nữ xúi anh bôi dầu ngón tay rời khi trước từ trong hàng cây liễu tiến ra. Gợi nhớ chuyện, lòng căm thù, toan định đứng dậy hỏi tội cô ta, nhưng sức nhớ lại, hình như người đỡ mình qua cầu hôm nọ chính là cô này, lại thôi. Cô gái bước tới ngồi ngay bên cạnh Đa Phước tươi cười rằng :

– Nói thực này, em có cách chữa cho mắt anh sáng lại, khi khỏi tật nguyên rồi em nguyện làm người nâng khăn sửa túi cho anh với điều kiện là anh phải chiều em một việc trước đã, chịu không ?

Đa Phước hỏi việc gì ? Cô gái đáp :

– Lát nữa có anh học trò đến hỏi lối đi thì anh cứ chỉ cho hắn ta đi dọc theo bờ hồ, nhưng khi gặp rần mặc kệ cho rần cắn anh ta là xong việc.

Đa Phước phẫn nộ vô cùng, quát to :

– Rần là tử thù của ta, ta đã thề thấy rần là nhất định giết, có lẽ nào lại đưa đường dẫn lối cho rần hại người hiền lương !

Cô gái cũng có vẻ giận nói :

– Như vậy được lắm ! Chỉ e anh thắng không nổi rần, còn thiệt cả tính mạng nữa là khác.

– Mặc kệ tôi !

Cô gái đứng dậy rũ áo bỏ đi.

Giây phút sau quả có anh học trò đi ven theo bờ hồ, Đa Phước giật mình gọi :

– Này cậu kia ! Đừng đi lối đó, coi chừng có rần đa !

Anh học trò dừng lại nhìn Đa Phước đáp rằng :

– Vừa rồi có cô thôn nữ mách tôi đi lối này, lẽ nào mà đi chẳng đặng ?

Giữa lúc đối đáp Đa Phước thấy cổ động bèn hô to :

– Chạy nhanh lên ! Rắn phóng tới kia kìa.

Anh học trò hoảng hồn bỏ chạy, rắn đuổi theo sau, thực là nguy cấp muôn phần. Lúc này Đa Phước đã lão luyện về thuật bắt rắn, chàng nhanh chân nhảy tới tóm đuôi rắn giật mạnh một cái và nhấc bổng lên. Rắn ngóc đầu há miệng ngó ngoáy định chống cự, nhưng không làm sao trở mình được.

Đa Phước thò tay vào túi lấy một viên "Độc long hoàn" ra nhét vào miệng rắn, chờ rắn nuốt cổ rồi đặt hẳn xuống đất chẳng động đậy được nữa. Anh học trò xá tạ Đa Phước và thần phục tài nghệ bắt rắn của chàng. Thấy Đa Phước định xách rắn về, thư sinh hỏi để làm gì ? Đa Phước cho biết là dùng rắn độc để chế "Độc long hoàn", dĩ độc công độc⁽¹⁾ là thứ thuốc trị rắn hiệu nghiệm nhất.

Ít giờ sau, phú ông họ Đàm sai lão bộc mang lễ vật đến mời Đa Phước trị nọc rắn cho con gái nhà ông, vì khi nàng hái hoa ở sau vườn chẳng may bị rắn độc rúc vào ống quần cắn nhằm háng đùi, chạy thuốc không khỏi, đã bất tỉnh nhân sự.

Anh học trò bị rắn đuổi chính là cháu họ của Đàm ông, nhân khi đến thăm kể chuyện gặp gỡ Đa Phước bên bờ hồ, nên lập tức sai lão bộc đến rước, nhưng Đa Phước tạ từ rằng :

– Tôi chỉ học nghề bắt rắn. "Độc long hoàn" cũng chỉ chế để trị rắn, chứ không phải để trị người bị rắn cắn.

Song, lão bộc một hai nài chàng phải đến gặp Đàm ông. Từ chối không được, Đa Phước đành phải đánh bạo đến thử xem có cách nào cứu trị được bệnh nhân chẳng.

Đến nửa đường lại gặp cô gái nọ ngồi trên hòn đá bên lề đường vẫy tay gọi Đa Phước, chàng sa sầm nét mặt :

– Cô lại định giữ trò gì nữa đây ?

Cô gái mỉm cười không đáp ngay mà kéo tay áo Đa Phước bắt chàng ngồi xuống, đoạn rì tai báo :

(1) Dĩ độc công độc : lấy độc trị độc.

– Con rắn mà anh vừa bắt được đó là "Tam giác phong" chứa rắn độc đấy. Hãy dùng dao thực sắc mổ sọ rắn ra, trong đó có viên ngọc xanh là linh dược trên đời, trị được tất cả các thứ nọc rắn, anh dùng khăn lụa bọc lại, xoa nơi vết thương của bệnh nhân ngày ba lần, nội trong ba ngày thì khỏi hẳn, nhưng anh không nên trao cho người khác, phải chính tay anh xoa lấy mới linh nghiệm. Thôi về lấy thuốc rồi đi mau lên kẻo muộn, ái nữ họ Đàm sẽ bị tử thần rước đi !

Đa Phước có vẻ nghi ngờ rằng :

– Đã hai phen toan làm hại tôi, lời cô nói còn tin được ư ?

Cô gái cười đáp :

– Nhưng em cũng đã giúp anh một lần, kẻ mù qua cầu tre giữa đêm tối, nếu không gặp em, liệu có nguy chẳng ?

– Tôi chẳng dám quên ơn ấy, nhưng lòng cô khi chánh khi tà, chẳng biết đường nào mà lường.

– Thôi được rồi, anh cứ về mà mổ sọ rắn ra, nếu quả có ngọc xanh thì anh cứ tin lời em. Như vậy bằng lòng chứ ?

Đa Phước nghĩ cũng có lý bèn trở về nhà mổ rắn, quả đúng như lời cô gái đã nói.

Đa Phước gói ngọc vào khăn lụa xong đến thẳng nhà Đàm ông. Đàm ông cả mừng xin chữa ngay cho ái nữ. Nhưng ngặt vì vết thương khít bên chỗ kín, Đa Phước lại chưa có vợ nên e thẹn, rụt rè, không dám động tới. Đàm ông đứng bên cạnh thấy Đa Phước là thanh niên thuần hậu, vả lại lòng khao khát cứu sống ái nữ như nắng hạn trông mưa, bèn hứa rằng :

– Nếu con gái lão khỏi được nó sẽ là bạn chung thân của cậu, cứ chữa đi đừng e ngại chi cả.

Đa Phước làm như lời cô thôn nữ dặn, được hai hôm bệnh nhân đã tỉnh ba bữa sau khỏi hẳn.

Đàm ông giữ lời hứa, cậy thư sinh đứng làm mai và biếu nhiều tiền bạc để Đa Phước chuẩn bị làm lễ cưới.

Trên đường về lại gặp cô thôn nữ đứng chờ.

– Mừng anh được vợ đẹp ! Lấy gì tạ ơn em đây ?

Đa Phước nép mình kính xá. Đột nhiên cô gái trở nét mặt âu sầu mà bảo rằng :

– Xin thú thực cùng anh, năm trước em chết vì rắn độc, hồn em bị ma rắn bắt làm tay sai, nhờ giúp anh cứu chữa người đẹp nên phen này mới được đi đầu thai. Kiếp này đã lỡ, kiếp sau em chẳng mong giàu sang phú quý, chỉ ao ước được người chồng hiền hậu như anh là toại nguyện rồi.

Đa Phước cảm động rơi lệ, quên hẳn mình đang nói chuyện với ma.

Cô gái còn giải thích thêm rằng :

– Ngọc rắn ai dùng để chữa bệnh đều hiệu nghiệm cả, sở dĩ anh phải đích thân xoa chỗ ấy là cố ý xe tơ cho anh đấy.

Nói xong hồn thôn nữ biến đi mất.

254. CHÚ ÚT LẤY VỢ

Một thế gia họ Đàm ở Bắc Kinh, năm anh em đều giàu có mà nhà nào cũng đông con, duy chỉ chú Út tính hay chơi bời phóng đãng, đã ngoài bốn mươi vẫn chưa thành gia thất, xem chừng phải sống độc thân tới già. Bốn anh thường khuyên chú Út nên kén một đứa cháu trai làm con kế tự, nhưng thực tình thì ai nấy đều nhòm ngó phần gia tài của chú Út. Vì thế các chị dâu tranh giành nhau ra mặt. Thế khó xử, chú Út cứ khát lần.

Kinh thành có bán thứ thuốc bổ thận rất mạnh được chế theo toa Ngự y gọi là "Khuyến dương cao", phải là người có tuổi mới uống được. Chú Út lên mua vài lượng uống đại, suốt đêm khó ngủ, đã dương thẳng huyết thịnh lại thích men nồng, không ngủ được dờm sôi nhộn hòng làm tắt thở luôn.

Giữa lúc thầy ma còn chưa liệm, các chị dâu đang tranh giành sôi nổi về vấn đề kế tự thì có cô gái bên cạnh là Hương Cô đến xin gạo nếp than để làm thuốc cho mẹ. Hương Cô còn trẻ, góa chồng về ở với mẹ, rất hiếu thảo, mẹ đau cần gạo nếp than, đêm khuya khó mua biết là nhà họ Đàm có sẵn, nên đánh bạo gõ cửa vào xin.

Đang bực mình với các em dâu, người chị cá quát Hương Cô :

– Cần thứ chi thì cứ việc lên lầu tìm lấy, ai ở không mà làm mọi việc cho cô !

Vì thương mẹ, Hương Cô đành nhẫn nhục khép nép lên lầu. Trong đêm tối vừa soi đèn mò thấy lu gạo thì thành linh có con chuột nhảy vọt ra.

Hương Cô giật mình né vào một bên đựng tắt ngọn đèn dầu, càng sợ hãi, lật đật bốc đại một nắm gạo rồi quay xuống lầu ngay, không ngờ lại

chạm nhằm cái bô, bô lật, nước tiểu tràn ra, từ ván lầu rĩ xuống phòng ngủ chú Út. Hương Cô thất kinh ra xin lỗi mọi người và nguyện vào lau rửa gian phòng của chú Út. Đứa con gái lớn của bà chị cả kéo Hương Cô ra ngoài cho hay chú Út đã chết và đùa rằng :

– Đêm nay cô coi chừng chú Út tôi hiện hình đa !

Hương Cô hoảng hồn, chạy thẳng về nhà kể chuyện lại cho mẹ già nghe.

Mẹ thờ dài :

– Cậu Út vốn người nhân từ dễ tính, sẽ không trách con đâu, điều đáng tiếc là người hiền lại không đắc thọ !

Đoạn Hương Cô vào sau vườn lấy củi sắc thuốc cho mẹ, bỗng có bóng đen lù lù đi tới, rõ ràng là chú Út. Hương Cô sợ hết vía, thét chẳng ra lời.

Chú Út nắm tay nàng khê bảo :

– Đừng sợ, tôi thành thật cảm ơn cô !

Hương Cô cho là ma nói như vậy là có ý phản nghĩa, mình sẽ bị quở nặng, run rẩy van xin, gấn ngát xiu.

Chú Út cười bảo :

– Muốn được tha thì hãy ưng gả cho tôi đi.

Chỉ cần được thoát thân trong lúc này, Hương Cô cứ gạt đầu nhận đại.

Được chú Út buông tha, Hương Cô chạy nhào vào nhà, lập cập kể lại tự sự với mẹ già và mếu máo rằng :

– Mẹ ơi, ma đòi cưới con, làm sao bây giờ hả mẹ ?

Mẹ cũng hết sức lo âu, nhưng vô kế khả thi.

Sáng hôm sau chú Út dậy đánh răng rửa mặt như thường lệ. Vì đêm qua không có người giữ xác, chẳng ai hiểu chú Út dậy bằng cách nào. Các cháu hoảng sợ chạy tứ tung, anh chị cũng không dám gấn.

Chú Út điềm nhiên như bình nhật, ăn mặc chỉnh tề rồi đi thẳng sang nhà Hương Cô. Vì quá đột ngột, Hương Cô tránh không kịp, đứng nép vào tường. Chú Út nghiêm chỉnh bảo :

– Đêm qua cô đã hứa hôn với tôi, nay xin đến thưa cùng mẹ để chọn ngày lành cho đôi ta lạy ông bà.

Mẹ già ra tiếp, được chú Út kể chuyện rằng :

– Nhờ có nước tiểu nhỏ vào miệng, tính nước hàn làm tan dờm hỏa mới hồi tỉnh lại được. Nhân lúc ra sau hè đi tiểu, kẻ cửa sổ phòng ngủ bà cụ, được nghe câu chuyện Hương Cô thuật lại ngọn ngành.

Bà cụ mừng rỡ và bằng lòng gả Hương Cô cho chú Út.

Năm ấy chú Út cưới Hương Cô, năm sau sinh được đứa con trai kháu khỉnh. Mẹ Hương Cô mất, chú Út làm đám tang thật lớn, rồi chia hết gia tài cho bốn người anh, chỉ dành lại một chút vốn mang cả vợ con đi biệt xứ.

255. LÒNG QUẢ PHỤ

Văn Phương Ngôn, một tiểu công chức thời Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy⁽¹⁾, tòng sự tại Bộ Nông lâm ở Bắc Kinh, thuê nhà trong xóm bình dân gần chợ An Đông⁽²⁾. Vợ là Hồ Uyển Quân, có sắc đẹp, hay trang điểm, vì lương chồng ít không đủ tiêu pha, thường có lời chê trách chồng mình mang tiếng làm quan mà thua kém thiên hạ. Một hôm hỏi tiền không được, nói xéo ông chồng rằng :

– Giá mà có người mua tôi, thì tôi cũng đành phải bán cái thân hèn này để cứu nạn nghèo cho anh, mà tôi cũng được chỗ nương tựa, không đến nỗi thiếu ăn, kém mặc như vậy.

Vốn tính hiền lành, Phương Ngôn không biết lấy lời lẽ nào an ủi người vợ đẹp, chỉ cười gượng gạo.

Nhằm ngày hội chợ mùa xuân, Uyển Quân đi du ngoạn chùa Bạch Tháp⁽³⁾ cùng bạn gái, nơi đám trẻ chơi bắn nỏ, một chàng trai trẻ đẹp bảnh bao đứng xem bên cạnh, nở nụ cười thực duyên dáng. Uyển Quân liếc mắt nhìn trộm đôi lần, rồi rỉ tai với người bạn gái rằng :

– Thật là bậc công tử hào hoa phong nhã, giá mà được người chồng như thế, dù mỗi ngày chỉ húp bát cháo loãng em cũng đành lòng.

Nói vừa dứt lời, chàng trai liền ngoảnh lại cười bảo :

– Giá thử bát cháo loãng cũng chẳng có, cô nương có sẵn lòng chăng ?

(1) *Đoàn Kỳ Thụy* (1865 - 1936) : làm Thủ tướng Chính phủ Bắc Kinh sau khi Viên Thế Khải chết (1916).

(2) *An Đông* : chợ thuộc Bắc Kinh, Trung Quốc.

(3) *Bạch Tháp* : chùa trên núi Bạch Tháp ở phía Đông Nam tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Lời thâm kín của mình bị người ta nghe thấy, Uyên Quân hơi thẹn, nhưng bất giác lại ứng khẩu đáp rằng :

– Sắc đẹp ví như bữa cơm ngon, hẳn là hơn bát cháo loãng rồi !

Chàng trai mỉm cười gật đầu, Uyên Quân cho là đối phương thán phục lời lẽ danh đá của mình, nên lấy làm tự đắc. Bạn gái thấy xấu hổ quá, lúi Uyên Quân đi và trách rằng :

– Bữa nay sao chị ăn nói sỗ sàng đến thế, anh nhà biết chuyện thì sao ?

Uyên Quân làm ngơ như không nghe thấy, bạn gái giận bỏ về.

Đêm ấy Phương Ngôn bận việc ở lại sở, một mình Uyên Quân ngồi trong gian phòng chật hẹp, chống cằm nghĩ vẩn vơ, bỗng nhiên cảm thấy dưới bóng đèn mờ hình như có luồng gió thoảng qua, cánh cửa sổ hơi động đây; trong khi kinh ngạc nhìn lên thì có tiếng người bên tai.

– Tôi đưa sắc đẹp đến đây rồi, để khao cô một bữa ăn thật ngon lành !

Uyên Quân giật mình ngoảnh lại thì ra chàng công tử đẹp trai ấy đã đứng sau lưng nàng từ bao giờ không biết. Nghĩ thầm rằng, cổng ngoài chưa mở, cửa phòng cũng khép chặt, người ấy làm sao mà vào được đây ? Sợ quá run lấy bầy không dám hỏi. Chàng trai trẻ nắm lấy tay Uyên Quân bảo rằng :

– Cô nương đừng sợ hãi, tiểu sinh vốn là thuật sĩ, dù là cửa kín tường cao cũng coi như chốn không người. Đêm nay sở dĩ đột ngột đến đây là để đáp tạ tấm lòng luyến ái của cô nương hồi ban sáng.

Vừa nói vừa ôm lấy Uyên Quân vào lòng, nàng phập phồng lo lắng, nhỡ chồng về bất từ thì khốn, nhưng chẳng hiểu tại sao mềm mại cả người không tài nào giãy giụa được, mà thực ra trong thâm tâm nàng cũng chẳng muốn từ chối.

Từ đó hễ đêm nào vắng mặt chồng là chàng trai trẻ ấy đến, khiến Uyên Quân cũng không khỏi băn khoăn sợ sệt, nhưng lần hỏi người ấy đến luôn cả ban ngày mà không bao giờ tìm được tông tích. Lâu dần rồi cũng quen đi, Uyên Quân không còn nghi ngờ là ma quỷ nữa.

Càng ngày Uyên Quân càng thấy chán ghét ông chồng, đối xử chẳng khác nào người dung, còn tệ bạc bội phần so với những ngày trước.

Gian nhà trên có người góa phụ họ Từ, chồng chết để lại một đứa con côi còn thơ ấu. Một hôm biết là chồng Uyên Quân đi công tác xa, Từ thì

định xuống nhà dưới thăm Uyển Quán chuyện trò cho đỡ buồn, không ngờ vừa tới cửa phòng thấy có tiếng cười cợt, trong bụng sinh nghi, lên ra cửa sổ nhìn trộm, những cảnh tượng bên trong lọt hết vào mắt nàng.

Đêm ấy Từ thị không tài nào ngủ được.

Từ đó mỗi lần đi xóm, Từ thị đều ăn mặc hoa lệ, trang điểm phấn son chứ không lười thôi như trước nữa. Một chiều nọ qua nhà chị em bạn dạy thêu, khi về, bạn tiễn ra cửa vừa gặp Sở sinh đi học về, bạn gái nhìn và khen rằng :

– Thực là một chàng trai anh tuấn.

Từ thị tuy chẳng nói gì, nhưng cũng liếc mắt nhìn trộm, Sở sinh mỉm cười bước tới hỏi :

– Nghe tiếng hai chị thêu khéo lắm, chẳng hay có thể nhường cho tiểu sinh một đôi áo gối chăng ?

Bạn gái đỡ lời rằng :

– Chị họ Từ đây là một tay thêu trứ danh ở khu xóm này, nào là gối uyên ương, gối long phụng, thiếu gì hàng đẹp.

Sở sinh nhìn Từ thị đáp rằng :

– Tôi biết tiếng chị đã lâu, nhưng ít có dịp gặp chị đó thôi. Nay tôi cần mua đôi gối đẹp để tặng người bạn, song khổ nỗi ban ngày mắc đi học, nếu chị cho phép, tối nay tôi sẽ đến nhà chọn hàng. Có tiện chăng ?

Từ thị đáp :

– Có chi mà chẳng tiện, cậu có lòng chiếu cố, lúc nào chúng tôi cũng sẵn hàng ở nhà.

Sở sinh đi rồi, bạn gái dặn riêng Từ thị rằng :

– Anh chàng này coi bộ là con nhà giàu đấy, chị nên kêu giá cao, khi anh ta thích kiểu hoa của chị thì dù đắt đến mấy chắc cũng sẽ bỏ tiền ra mua.

Đêm ấy thiếu phụ thu dọn sạch sẽ gian phòng và dỡ con ngủ sớm, xong rồi lựa hàng thêu đẹp nhất bày la liệt trên giường, lợi dụng thì giờ còn lại ngồi soi gương tô điểm.

Đoạn nghe vài tiếng gõ cửa nhẹ, tim Từ thị đập theo nhịp cửa, vừa đứng dậy thì Sở sinh đã tiến vào, tươi cười chào hỏi. Từ thị càng thấy e lệ, không dám nhìn thẳng vào mặt Sở sinh, chỉ trên giường ngó ý mời Sở sinh tự chọn lấy.

Sở sinh nhặt chiếc áo gối trong tay, quay lại cười bảo Từ thị rằng :

– Cặp uyên ương này trông thật xứng đôi, khi thêu sao chị không để cho chúng đậu cổ lại với nhau ?

Vừa nói vừa kể mặt vào má nàng. Từ thị lưỡng cuống nói khẽ với giọng run run :

– Công tử đến đây chẳng thực tâm mua hàng thêu mà có dụng tâm khác ư ?

Sở sinh cười bảo :

– Đêm nay tiểu sinh đến để tế độ nương tử thoát khỏi vòng khổ ải.

Nghe lời Sở sinh nói, Từ thị cảm thấy xót xa gần như xây xẩm. Thành linh có tiếng "soạt" như vật gì ở đầu giường rớt xuống. Từ thị giật mình lùi gót theo bản tính, nhìn kỹ lại càng sợ hãi, thì ra vật vừa rơi chính là cái khung ảnh của hai vợ chồng chụp chung khi mới cưới.

Từ thị lật đật ôm lấy khung ảnh khóc nức nở bảo Sở sinh :

– Tôi cảm ơn lòng đoái thương của quân tử, nhưng tôi không thể nào phụ bạc tình xưa nghĩa cũ của chồng tôi, hãy đi đi.

Sở sinh vẫn cười bảo :

– Thôi, người chết đã lâu rồi, nương tử ôm bóng ma mà khóc có ích lợi gì ?

Vừa nói vừa ôm nàng vào lòng. Bí quá sẵn khung kính trong tay, Từ thị bỏ luôn vào đầu Sở sinh. Bị tấn công bất thần, Sở sinh hoảng hốt ôm đầu chạy.

Từ thị gài chặt cửa phòng lại rồi quỳ dưới chân giường, rung rung hai dòng lệ khăn tên chồng tạ lỗi.

Uyển Quân cũng vốn thường lai vãng với Từ thị, học đường kim nét chỉ. Từ thị nghĩ lại chuyện đêm nọ, suýt tý nữa là mình sa ngã vào vòng tội lỗi, vừa hối hận vừa tiếc cho Uyển Quân, người đàn bà có học hơn mình mà không giữ được tiết hạnh thanh cao. Nhân lúc ngồi thêu, nàng châm biếm Uyển Quân rằng :

– Giữa em và chị ví như kẻ hèn người sang, kẻ hèn tự biết thân mình, nên cam sống đạm bạc, còn người sang cả thì cứ việc ăn xài phí phạm, mà khi người ta đã sang rồi thì không còn nhớ đến những ngày nghèo khổ nữa.

Uyển Quân biết là Từ thị soi mói mình, đem lòng oán thâm. Ngày ấy nhân tình đến, Uyển Quân thuật lại lời của Từ thị và xúi rằng :

– Có lẽ mẹ ấy đã biết chuyện chúng mình, vì thèm khát mà sinh lòng ghen tị. Hay là anh dùng phép thuật làm cho mẹ ta kín miệng vậy.

Không ngờ người nhân tình lắc đầu lia lịa bảo Uyển Quân rằng :

– Chẳng được đâu em, anh vẫn biết Từ thị đã hay chuyện của chúng mình từ lâu rồi, nhưng vì chị ấy có cốt cách của người đức phụ, nên khó thể dùng phép thuật hãm hại họ được.

Nghe lời ấy, Uyển Quân không khỏi giật mình, vội hỏi lại :

– Nói vậy là em có bộ cốt cách tà dâm hay sao mà rơi vào phép thuật của anh ?

Nhân tình bĩu môi đáp :

– Với mẹ ư ? Mẹ là còn trùng, làm gì còn có cốt cách cho được, lấy chi mà luận chính với tà !

Uyển Quân sùng sốt cả người, ngồi gục mặt xuống bàn khóc rống lên.

Chàng trai trẻ gật đầu :

– Thôi duyên nợ đôi ta chấm dứt từ đây. Có biết ăn năn hối cải mới xứng đáng là con người.

Nói xong rũ áo ra đi.

Uyển Quân vừa tủi nhục vừa hổ thẹn, úp mặt vào gối khóc suốt đêm, bởi thế mà sinh bệnh, chồng chưa về, nhờ có Từ thị chăm sóc thuốc thang.

Một tuần sau Phương Ngôn về, bước thẳng đến cạnh giường, đặt tay lên trán vợ và an ủi rằng :

– Nỗi khổ tâm của em anh đã hiểu cả rồi, lỗi đó cũng bởi nơi anh một phần, vì chưa làm tròn bổn phận của người chồng. Từ nay vợ chồng ta nên thông cảm nhau hơn, chung sức đấu tranh với đời, thế nào cũng có ngày vinh quang rạng rỡ.

Vì quá xúc động, Uyển Quân úp mặt vào ngực chồng khóc nức nở, Phương Ngôn bèn thuật lại câu chuyện kỳ ngộ cho vợ nghe :

Trong thời gian đi công tác, đêm nằm ngủ một mình, bỗng nhiên có cô gái đẹp lọt vào phòng, Phương Ngôn ngạc nhiên hỏi tìm ai, cô ả không trả lời cứ liếc mắt đưa tình, nạt đuổi cũng chẳng đi. Giận quá Phương Ngôn

toan dụng võ, trong khoảnh khắc đó, cô gái hóa thành một lão già, râu tóc bạc phơ, bảo Phương Ngôn rằng :

– Một công chức nghèo mà cao quý như anh, thực đáng kính trọng.

Đoạn lão thuật hết đầu đuôi câu chuyện của Uyển Quân cho Phương Ngôn nghe và cho biết thêm :

Lão đây là Thần quy ở chùa Bạch Tháp. Vợ anh chỉ vì trẻ người non dạ, bất cẩn nhất thời, nên bị tiền tài hương sắc ám ảnh mới ra nông nổi, nay đã biết ăn năn hối cải, vậy khi về chẳng nên khiển trách quá lời. Nên nhớ là ma bởi lòng tà mà có, khi nào chính tâm thành ý thì ma tà tự nhiên tuyệt. Nơi làm của anh hiện nay chẳng có tương lai, nên xuống phương Nam mà tìm cương vị khác, sẽ phát đạt đấy. Từ thị thủ quả nuôi con, khi giàu sang rồi nên giúp đỡ người góa phụ tiết hạnh ấy.

Hai vợ chồng đem chuyện thuật lại với Từ thị, mới hay Từ thị cũng nằm mơ thấy cụ già ấy đến ban khen và cho biết Sở sinh cũng chính là Thần quy hiện ra để thử lòng y thị.

256. CHỊ CHỒN

Thời kỳ Trung – Nhật chiến tranh⁽¹⁾ có vị sĩ quan họ Cao đẹp trai tài giỏi. Khi còn ở nhà, cha mẹ đã hỏi vợ cho chàng theo cổ lễ. Vị hôn thê là gái quê mùa tên là Mỹ Hòa, ít ăn học nhưng có sắc đẹp hồn nhiên, hiền hậu, chất phác.

Đêm tân hôn, Mỹ Hòa e lệ, nằm chèo queo, xoay mặt vào trong, co rút như con tôm kho. Thấy vậy Cao lấy làm thương hại không nỡ lần áp thái quá.

Đang trong thế bí, tự nhiên Cao cảm thấy giai nhân lấy chân khều đùi mình. Cả mừng, chui tọt vào chân, thì ra đối phương đã dần sẵn trận thế từ lâu. Cao phóng ngựa đoạt ải chẳng gặp một trở lực nào. Sau khi thu dọn chiến trường, thâm nghĩ rằng Mỹ Hòa ban đầu làm ra vẻ e thẹn, sau đó lại chủ động khiêu chiến, người đàn bà như vậy bản tính chẳng dám dăng lăm ư ?

Đêm sau vào phòng, Mỹ Hòa lại nằm co như trước, Cao bèn chế nhạo rằng :

– Con người đã khao khát thềm muốn, lại còn che giấu làm gì ?

Không ngờ Cao vừa dứt lời thì nghe tiếng khóc sục sục trong chăn.

Chàng hối hận, an ủi Mỹ Hòa rằng :

– Câu nói đùa giữa vợ chồng trong tư phòng, có chi đâu mà đến nỗi em phải tủi. Thôi cho anh xin đi.

Nhưng Mỹ Hòa vẫn nằm im thín thít. Cho là tính đàn bà đa biến, Cao đành phải tạm hưu chiến một đêm vậy.

Đêm khác Cao đi thăm bạn về khuya, qua ngõ hẻm thoáng nghe có tiếng thì thâm pha lẫn tiếng cười từ trong phòng vợ vang ra, bèn dừng lại lắng tai nghe, thấy có giọng nói đàn bà :

(1) Trung – Nhật chiến tranh : khoảng 1931 - 1945.

– Giống đàn ông chẳng mấy ai đứng đắn đâu, miễn làm sao cho họ thỏa thích về tình yêu thì họ sẽ chiều mình, em mà khóc lóc suốt đêm như vậy chẳng khác nào tự đào hố sâu, ngăn cách đôi đường. Ở đời có ai chịu được cái cảnh nằm bên cạnh người đẹp ôm sâu nuốt lệ mà thức suốt đêm như vậy đâu.

Biết là không phải vợ mình nói, Cao kiểng chân lên nhìn lên vào cửa sổ. Cao ngạc nhiên vì người đàn bà ngồi đối diện với Mỹ Hòa dưới đèn kia kiều diễm như nàng tiên thuở nay chưa từng thấy. Vừa lúc đó Mỹ Hòa trả lời người đẹp rằng :

– Vẫn biết khóc chẳng ích lợi gì cho em cả, nhưng chị dạy cách hiến thân như vậy e rằng chồng em sẽ nghi em là người đàn bà bất chính.

Đã hiểu được phần nào câu chuyện giữa hai người đàn bà rồi, Cao muốn biết ngay người đó là ai bèn nhanh chân chạy ra gõ cửa trước. Khi bước vào phòng thì chẳng thấy người đẹp ấy đâu cả. Nhìn thần sắc Mỹ Hòa có phần hoảng hốt, Cao lấy làm lạ, bèn hỏi nữ khách đâu rồi ? Mỹ Hòa ảm ớ nói chẳng nên lời. Cao gạn hỏi, lát sau Mỹ Hòa mới chịu thổ lộ câu chuyện kỳ dị như sau :

Nguyên một hôm cách đây ba tháng nàng lên huyện trở về, trời nóng nực, dừng chân lại nghỉ mát dưới bóng cây đa. Bỗng nghe có tiếng "chét chét" lạ lùng, Mỹ Hòa dò theo tiếng kêu thì thấy con chồn con nằm trong bụi rậm bị bầy chuột tấn công. Mỹ Hòa bèn dậm chân đuổi chuột bỏ chạy. Nhưng chồn vẫn nằm yên. Đoán là chồn bị thương nơi chân không đi được, động lòng thương, nàng đem về để nằm trong chân áp ủ và cho ăn, ba hôm sau chồn đi mất. Đêm ấy có một mỹ nhân đến tạ ơn Mỹ Hòa rằng :

– Con mọn chẳng may gặp nạn, nhờ ân nhân cứu vớt trong cơn nguy cấp, xin hẹn có ngày đền đáp.

Mỹ Hòa biết là mẹ của chồn con, nhưng thích cái vẻ đẹp diệu huyền của chồn nên cũng chẳng sợ. Từ đó chồn thường đến trò chuyện thân mật với Mỹ Hòa, rồi kết nghĩa kim lan⁽¹⁾, mến nhau như chị em ruột. Cạn ngày xuất giá, chồn ở lại luôn mấy ngày đêm liền, tiếp tay cho Mỹ Hòa sửa sang y trang, phục sức, việc làm rất nhanh nhẹn, nhưng ngoài Mỹ Hòa ra chẳng ai được thấy hình dạng của chồn. Chồn bảo rằng :

(1) Kim lan : chỉ sự kết nghĩa bạn bè thân thiết.

– Ngày tân hôn, chị chẳng có chi xứng đáng để tặng em, nhưng chị sẽ cố giúp em khéo ăn ở với đức lang quân để tình yêu giữa đôi bạn mỗi ngày càng sâu đậm.

Mỹ Hòa nghe vậy biết vậy thôi, chẳng hiểu chồn sẽ giúp bằng cách nào. Không ngờ đêm đầu chồn lại chen chân vào giường móc nối cho đôi bên bằng cách ấy, nên Mỹ Hòa tự nghĩ rất lấy làm thẹn.

Nghe câu chuyện, Cao ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo vợ rằng :

– Chồn đẹp thì đẹp thật đấy, nhưng tính chồn dâm dăng, nên cẩn thận là hơn.

Câu nói vừa dứt, bỗng có tiếng từ góc tường vang ra :

– Chú lại giả đồ đứng đắn rồi, trường hợp người đàn bà ngoại tình, thất trinh với chồng mới gọi là con dâm phụ, còn phu thê ái ân tình thực sao gọi là dăng. Chú chớ học thói đạo đức giả mà hại em tôi chẳng được tận hưởng tình yêu trong sạch của tuổi xuân xanh.

Cao giật mình đứng dậy chấp tay tạ lỗi và thỉnh cầu chị chồn cho ra mắt.

Chị chồn cười bảo :

– Tôi e khi người đạo đức thấy sắc đẹp rồi dâm ra dăng, nên chưa dám ra mắt quân tử giữa lúc này. Vậy xin hẹn lại, dịp khác sẽ đến thăm chú với bộ mặt xấu xí hơn nhé.

Nói xong im lặng, Mỹ Hòa chỉ ra cửa sổ bảo Cao rằng :

– Chị ấy đi ngà này rồi kia kìa !

Từ đó vợ chồng Cao hoàn toàn thông cảm nhau và ân ái nồng nàn như keo sơn gắn bó. Nhưng mãi cũng chẳng thấy chị chồn đến nữa.

Qua năm sau, Cao lãnh nhiệm vụ liên lạc trong ngành quân báo, giả dạng làm bạn hàng đi buôn, xuyên qua phòng tuyến quân Nhật.

Một hôm Cao giấu kín tài liệu quan trọng trong chiếc chân bông cũ kỹ mang từ vùng địch về, thần nhiên qua trạm kiểm soát của quân Nhật như thường lệ. Cả bọn lái buôn hơn mười người đang lần lượt trình giấy thông hành, bỗng nhiên có năm tên hiến binh kỵ mã phi ngựa đến ra lệnh cho viên trưởng đồn giữ lại hết để xét từng người một và khám thật kỹ từng món đồ. Cao toát cả mồ hôi, song rút cuộc vẫn được bình yên thông qua trạm kiểm soát.

Cao vừa mừng vừa lo. Mừng là mừng cho mình thoát nạn, lo là lo tài liệu đã mất đi hồi nào chẳng hay biết. Nghĩ quanh quẩn mãi, chẳng hiểu có nào, rõ ràng là mình giấu kỹ tài liệu mật ấy vào lòng chần, sao lại mất được ?

Khi về đến nhà kể lại cùng Mỹ Hòa với tâm tình ảo não lo âu. Phận nữ nhi chẳng biết lựa lời nào an ủi ông chồng, Mỹ Hòa vừa kiểm điểm lại hành trang vừa bảo Cao rằng :

Đã lâu lắm rồi, hôm nay chị tiên ta mới đến thăm em và có trao lại một phong thư dặn em cất kỹ đưa lại cho anh, khi anh trở về. Chẳng hay trong đó nói gì ?

Cao sững sốt bảo :

– Hãy đưa anh xem ngay !

Mỹ Hòa mò trong gói lấy phong thư ra trao cho Cao. Cao mở xem thì thấy tài liệu mật của mình hiện sờ sờ trước mắt, Cao mừng quá ôm lấy Mỹ Hòa xoay tròn, rồi hai vợ chồng ra sân đốt nhang khấn tạ, nhưng nhiều phen xin được gặp mặt mà chẳng thấy chôn hiện đến.

Đến năm Nhật đầu hàng, Cao nhờ lập được nhiều công, đã vinh thăng giữ chức vụ quan trọng. Vì bận lo việc tước khí giới quân Nhật ở Thượng Hải, Cao để Mỹ Hòa ở lại thành Thái An⁽¹⁾.

Một đêm, lối xóm bất cẩn gây hỏa hoạn, ngọn lửa tràn sang nhà Mỹ Hòa. Chồng vắng nhà, nàng giạt mình tỉnh dậy trong lúc khói lửa mịt mù. Giữa lúc cuồng loạn chưa tìm được lối thoát, bỗng có một bóng đen gạt gậy cả song sắt, phóng mình qua ngọn lửa vào xóc nách Mỹ Hòa vọt ra cửa sổ như bay.

Vừa mới đứng yên, bóng người lại phóng trở vào xách rương ôm gói nhảy ra lạnh lẽo như loài khỉ. Dưới ánh lửa hồng, Mỹ Hòa nhìn kỹ thấy người cứu mình là đứa trẻ lạ mặt ước chừng mười tuổi, vội nắm tay cảm ơn và hỏi thăm là con nhà ai mà tài giỏi như vậy ? Đứa trẻ tươi cười với vẻ mặt ngây thơ rằng :

– Di quên con rồi sao ? Con từng thọ ơn cứu mạng của dì mà nằm dưỡng bệnh ba hôm tại nhà dì đấy, ơn sâu nghĩa cả đó con nào dám quên.

(1) Thành Thái An : thuộc Sơn Tây, Trung Quốc.

Mỹ Hòa hiểu ngay là con của chị chồn, liền ôm lấy đứa trẻ vào lòng âu yếm bảo rằng :

– Nay con lớn khôn rồi, dì mừng lắm, nhưng mẹ con đã lâu chẳng đến với dì, dì nhớ quá con ạ.

Trẻ thưa rằng :

– Mẹ đang tu luyện trên núi Thái Sơn⁽¹⁾ không dự vào thế sự nữa, mong dì yên lòng, thỉnh thoảng con sẽ thay mặt mẹ đến thăm dì.

Lúc ấy lửa còn đang cháy, Mỹ Hòa sợ nhớ còn sót món của quý cất dưới gầm giường, có ý muốn nhờ đứa cháu chồn vào lấy giùm.

Đứa trẻ lắc đầu bảo :

– Thôi, dì ơi, đó là của phi nghĩa do quyền thế của dượng mà ra, dì nên bỏ đi là hơn, nếu lấy nó trời Phật sẽ phạt nhà ta.

Nói xong biến mất.

Khi Cao trở về nghe Mỹ Hòa thuật chuyện, cảm khái rằng :

– Thực là lời vàng ngọc đó em ạ ! Chúng ta là loài người mà tâm hồn lại kém cỏi hơn chồn.

(1) *Thái Sơn* : núi ở Đông Nam tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

257. TÂN BÁT TIÊN

Huyện Đông Ba ở miền châu thổ sông Dương Tử⁽¹⁾ là nơi trù phú, hằng năm cứ đến rằm tháng Giêng âm lịch là dân chúng trong vùng có tổ chức cuộc đua xe hoa, quang cảnh hết sức tung bừng náo nhiệt.

Để chúc mừng chính thể dân quốc cộng hòa⁽²⁾ vừa thành lập, cuộc vui được tổ chức đại quy mô hơn mọi năm.

Có người đưa ra sáng kiến, đề nghị trình bày một kiểu xe hoa mới lấy tên là "Tân bát tiên". Sở dĩ gọi là "Tân bát tiên" nghĩa là những người đóng vai trong tám vị thần tiên đều ăn mặc theo lối tân thời, tỷ dụ như "Thiết quê lý" tay cầm ba toong thay vì chổng gậy, "Tào quốc cửu" mặc Âu phục đại lễ kiểu đuôi én thay vì bào mao cổ xưa, v.v.

Lúc bấy giờ cũng như các nước Á Đông khác, phong khí xã hội Trung Hoa đang còn trong tình trạng giao thời, nửa mới nửa cũ; đề nghị này được nhiều người nhiệt liệt tán thành và tiên đoán chắc chắn sẽ đoạt giải nhất trong cuộc thi này. Nhưng để chắc ăn hơn thì phải kén một cô gái trẻ đẹp đóng vai "Hà tiên cô". Song, con nhà quý phái chẳng ai chịu xuất đầu lộ diện làm trò trơ trên trước thiên hạ, mà bỏ tiền ra thuê hạng gái làng chơi để tôn lên làm nàng tiên thì lại e xóm phường phỉ nhổ. Ban tổ chức gặp phải khó khăn này thật là nan giải.

Một thanh niên họ Dư, học trò nghề thợ bạc ở tiệm vàng nọ tên là Tiểu Thành đến tự giới thiệu với ông Trưởng ban rằng :

(1) *Dương Tử* : tức sông Trường Giang, Trung Quốc.

(2) *Dân quốc cộng hòa* : chính thể nước Trung Hoa thành lập sau Cách mạng Tân Hợi, tồn tại trong 39 năm (1911 - 1949).

– Nghe đâu đã cận ngày đua xe hoa mà còn chưa chọn được "Hà tiên cô", vậy tôi xin tình nguyện xung phong cải trang thiếu nữ để đóng vai này, thử xem có được chăng ?

Ông Trưởng ban để ý nhìn kỹ, thấy anh chàng đẹp trai có cặp mắt tròn, đôi mày liễu, miệng nhỏ, môi tươi như quả anh đào vừa chín tới, đúng là khuôn mặt của một mỹ nhân hương sắc khuynh thành. Mừng quá, quyết tuyển làm "Hà tiên cô" và giữ kín không cho người ngoài cuộc biết.

Quả nhiên khi đoàn xe qua các đường phố, muôn ngàn người chen vai tranh nhau xem "Tân bát tiên", làm chấn động cả huyện thành, ai nấy tắc lưỡi khen mộ vẻ đẹp tuyệt vời của "Hà tiên cô". Họ chạy mách hỏi nhau : chẳng hay là khuê nữ nhà ai mà thuở nay chưa từng thấy ? Nhất là các cậu công tử nhà giàu lại càng theo đuổi đến cùng, quyết chí tìm cho ra xuất xứ mới nghe.

Con trai quan huyện là Trương Kỳ Phong đem lòng ái mộ yêu thầm, liền chạy đi tìm thầy phù thủy Đinh Công Hảo vấn kế "độc chiếm hoa khôi" bất cứ với giá nào. Hảo bằng lòng giúp và thúc Kỳ Phong nên lo sẵn địa điểm hành sự ngay đêm ấy, nếu bỏ lỡ dịp này e việc chẳng thành. Kỳ Phong suy nghĩ một hồi rồi bảo rằng :

– Có chỗ rồi, đền Sở Công ở phía sau dinh quan huyện là nơi vắng vẻ, ít người lui tới, kín đáo lắm.

Hảo ừ, rồi vào phía trong lấy ra một tấm gương nhỏ trao cho Kỳ Phong và căn dặn rằng :

– Cái này gọi là "Triệu tiên kính", công tử hãy giữ kín bên mình, cứ theo xe hoa, khi về tới đình thì lén rọi vào mặt cô ả, lập tức cô ta tự nhiên đi theo tấm gương này trong lúc công tử nắm chặt nó trong tay. Nhưng một khi âm dương chừng đã giao phối thì bùa mê sẽ mất hiệu nghiệm, nên lựa lời mà an ủi nuông chiều, đừng để cho cô gái khóc lóc mà bại lộ đa !

Kỳ Phong mừng quýnh, nhận gương bỏ vào túi rồi chạy theo xe "Tân bát tiên" chu du khắp các nẻo đường. Đêm khuya, đoàn xe trở về đình giải tán, cả đám đông kẻ thay áo người rửa mặt, thừa lúc chen chúc lộn xộn, Kỳ Phong đem kính ra rọi vào mặt Tiểu Thành. Quả nhiên như người mất vía chàng cứ ngơ ngác đi theo Kỳ Phong qua hẻm tối, tiến thẳng về phía đền Sở Công, lúc đó mọi người đều mệt mỏi cả, chẳng ai để ý đến việc gì xảy ra.

Vừa đến góc đền, trong lúc hấp tấp, Kỳ Phong vấp phải dây leo té chúi đầu xuống, tấm gương bị đánh rơi, mò một hồi lâu mới thấy, quay lại nhìn bóng người đẹp vẫn còn đứng xa xa ở trước cổng đền, vội vàng đưa gương chiếu thẳng, bóng người lại tiếp tục tiến tới. Vừa mới giao hoan thì nghe một tiếng thét, Kỳ Phong giật bắn người lên, liền ôm chặt giai nhân vào lòng dỗ ngọt :

– Tiên cô đừng sợ, tôi là công tử Kỳ Phong, con trai quan huyện đây, thực lòng yêu cô...

Nói chưa dứt lời thì tiếng Kiều Oanh đã ứng đáp bên tai :

– Trời ! Mày là Kỳ Phong đó hả ? Làm sao mà mày lại đối xử với tao như thế này ?

Như sét đánh ngang tai, Kỳ Phong toát cả mồ hôi hột. Chết rồi ! Rõ ràng là "Hà tiên cô" đi theo, cứ sao lại biến thành ái thiếp của ông bố mình ? Giữa lúc này hắn không còn đủ trí khôn để biện bạch cho mình nữa, chỉ biết quỳ lạy van xin.

Ái thiếp của quan huyện vốn là con dân phụ, thừa lúc chồng đang bận lo công việc giữ gìn an ninh trật tự cho cuộc vui đêm rằm, lén dụ một tên thư ký đẹp trai trong phủ, hẹn nhau gặp tại đền Sở Công, chẳng ngờ anh chàng này nhất gan, đến giờ phút quan trọng lại thất hứa. Trong lúc bà huyện nhỏ đang đứng ngóng đợi ngoài cổng đền thì bị "Triệu tiên kính" thỉnh vào đây. Khi đã tỉnh lại, lửa xuân đang bốc cháy bèn dọa Kỳ Phong :

– Mày đã xâm phạm đến tao thì phải xử sự làm sao cho thỏa thích đến cùng, nếu nửa chừng bỏ cuộc làm tao khó chịu thì mày sẽ chết.

Bí quá, Kỳ Phong đành phải tuân lời mẹ ghê tiếp tục nhắm mắt đưa chân...

Lúc đôi trai gái đang hoan lạc loạn luân thì bỗng có tiếng người ào ào kéo tới, đèn đuốc sáng trưng cả đám, thì ra chẳng ai xa lạ, chính quan huyện đích thân suất lãnh một tốp gia đình giáp trận, bắt quả tang, tấn tuồng ô nhục diễn ra trước mắt công chúng.

Số là khi đoàn xe hoa giải tán, quan huyện về phòng chẳng thấy ái thiếp đâu, có người mách thấy nàng ra phía sau phủ tiến về hướng đền Sở Công, nên mới đổ xô ra đó tìm.

Đằng này, khi "Triệu tiên kính" dẫn đi gần tới đèn, vì Kỳ Phong vấp ngã làm rớt kính, nên Dư Tiểu Thành dừng chân lại ở một góc tường trong khi đang còn mê mết. Nơi ấy là trước cửa nhà của một góa phụ trẻ tuổi tu hành tại gia, dành sống khổ hạnh với vú già mà không tái giá. Đêm ấy vú đi xem xe hoa về bất chợt thấy có bóng người đứng trước cửa, giật nảy mình tưởng là ma. Nhìn kỹ lại thì ra một thiếu nữ xinh đẹp, hỏi chẳng rằng, gọi chẳng thừa, cho là cô dâu trẻ nhà nào bị dọa dầy quá đổi đâm ra ngớ ngẩn như vậy. Động lòng thương bà vú bèn đẩy cửa đưa vào nhà và gọi góa phụ tiếp tay đỡ lên giường nằm nghỉ. Vì quá mệt mỏi, Tiểu Thành vừa đặt lưng xuống giường là ngủ yên, góa phụ thấy thương hại định cởi áo đắp chân cho nàng, vô ý chạm tay vào những vật gì lồm cồm, sợ hãi vội kêu vú già ra quờ rằng :

– Vú đưa đồ yêu quái về nhà, bây giờ tính liệu làm sao đây ?

Vú nhìn mặt Tiểu Thành bảo :

– Trời, đúng là "Hà tiên cô" lúc nãy, biết đâu là đáng tu mi. Nhưng xem tướng mạo cậu này hiền hậu, cô đừng ngại, để đó mặc già.

Vú lấy khăn ướt lau vào mặt ba lần, Tiểu Thành tỉnh lại, nhồm dầy hoảng hốt hỏi :

– Sao ta lại đến nơi này ?

Vú cho biết tự sự. Tiểu Thành như vừa trải cơn mơ.

Vú lấy cơm nước cho ăn xong, căn dặn đừng cho ai biết câu chuyện đêm nay. Tiểu Thành cảm ơn, lên về tiệm.

Sau vụ đèn Sờ Công, để che đậy chuyện xấu trong nhà, quan huyện vu khống kẻ đóng vai "Hà tiên cô" đêm nọ là loài yêu tinh, dùng bùa ngải làm mê hoặc con ông, nên ra lệnh lùng bắt. Tiểu Thành liền trốn ra ngoại thành, vừa gặp vú già hôm nọ. Vú hỏi định lánh đi nơi nào ?

Tiểu Thành lác đầu bảo :

– Tôi tứ cố vô thân, miễn thoát được nạn, dù đi ăn mày cũng đành vậy.

Vú trầm ngâm giây lát rồi bảo rằng :

– Cậu đi như thế này chưa chắc đã thoát được đâu, thôi thì cứ theo tôi về nhà tạm giả làm ni cô rồi sẽ liệu tính sau.

Vốn vô chủ định, Tiểu Thành nghe theo lời vú già trở về ẩn náu tại nhà góa phụ, giả làm chị em đồng dao đến thăm. Ở đây, Tiểu Thành làm việc

rất cần mẫn, không bao giờ đặt chân vào phòng góa phụ. Khi gặp nhau vẫn giữ lễ "nam nữ thụ thụ bất thân"⁽¹⁾, cử chỉ đoan trang, sống an thường thủ phận như vậy thấm thoát nửa năm trời.

Ngày nọ, người ta thấy ni cô và góa phụ cùng xuất ngoại hành hương, nhưng từ đó hai người không trở lại thành Đông Ba nữa. Ít lâu sau Tiểu Thành mở tiệm vàng tại Tô Châu bên cạnh có người vợ đẹp, lúc đó thiên hạ mới rõ góa phụ vốn lắm của, mà việc xe tơ chấp mối này là kỳ công của mục vụ già.

(1) "Nam nữ thụ thụ bất thân" : trai gái khi trao và nhận không được tiếp xúc với nhau.

258. LỘ NGỌC LÔNG SON

Khuu sinh, người An Huy⁽¹⁾ có chú làm Tri phủ ở Khai Hóa thuộc tỉnh Chiết Giang⁽²⁾, nhân dịp nghỉ hè đến thăm chú và ở lại chơi.

Khuu có thói quen hay dậy sớm tập thể dục vào lúc tờ mờ sáng. Một bữa tỉnh sương dạo bước ra thành, toan tìm đất trống để luyện thái cực quyền thì bỗng thấy nhà cửa san sát, chợ búa tấp nập, thấp thoáng trong đám sương mù bên kia ngọn đồi. Không ngờ ngoại ô thành này lại có chợ mai đông đúc như thế, lòng hiếu kỳ thúc chàng đến đó xem.

Khi gần đến chợ, chợt thấy có một túp lều tranh nằm bên lề đường hầu như quán rượu. Dừng chân ngó vào thì có cô thiếu nữ ra đón. Khuu sinh bèn lên bước vào hỏi :

– Quán cô bán rượu sớm thế ?

Cô gái tươi cười đáp :

– Quán em không chỉ bán rượu mà còn bán cái món dưới chữ "tửu" kia nữa cơ.

Vừa nói vừa liếc mắt nhìn chàng, Khuu sinh hiểu ý, định lui ra, nhưng cô gái nắm tay áo giữ lại :

– Xin công tử vui lòng nán lại cho thiếp tỏ đôi lời.

Khuu sinh hỏi có việc gì thì cô gái quỳ xuống lạy rằng :

– Thiếp vốn có người anh tên là Triệu Quý, một tiểu phu yên sống thanh bản trong núi rừng. Chỉ có một chút tư hiêm với tên công sai trong phủ mà bị vu khống nhập bọn với kẻ cướp, nên đã vào ngục tối mấy tháng

(1), (2) An Huy, Chiết Giang : tên hai tỉnh thuộc cực Nam Trung Quốc.

nay. Khẩn cầu công tử minh oan cho người lương thiện; ơn tái tạo thiếp xin tạc dạ ghi lòng.

Khưu sinh rất lấy làm thương hại, không nỡ từ chối hẳn, bèn đáp rằng :

– Tôi đến đây tạm trú ít lâu với tư cách là người khách, quả thật bất tiện can dự vào công vụ. Tuy nhiên, tôi cũng sẽ đem việc này thưa lại với chủ xem sao.

Cô gái tỏ vẻ vui mừng, mời khách ngồi, rồi vào trong buồng cái khay ra. Khưu sinh ngỡ là mời trà, không dè cô gái dõng cái lọ trong khay đặt trên bàn trước mặt khách và thưa rằng :

– Đây là cái lọ ngọc của tiền nhân để lại, xin công tử vui lòng nhận cho, gọi là món quà mọn để ghi ơn cứu mạng anh thiếp.

Khưu sinh ngắm cái lọ hơi to hơn ly rượu một tý, có màu xanh biếc bóng nhoáng tuyệt đẹp, bèn ngoảnh lại nghiêm nghị bảo cô gái rằng :

– Chú tôi vốn làm quan liêm chính, tôi cũng chẳng phải là phường tham lam, có sao cô lại bày đặt như thế này ? Hãy dẹp ngay đi !

Nói xong rũ áo đứng dậy.

Cô gái có vẻ kinh hoàng, lật đặt nút áo chàng lại nũng nịu rằng :

– Vậy thì thiếp phải đền đáp công tử thế nào cho xứng đáng ?

Đang lúc Khưu sinh định lựa lời khuyên nhủ thì có tiếng bà lão ở trong nhà vọng ra :

– Ngọc à ! Chợ mai sắp tan rồi, đừng cầm chân công tử nữa con !

Nghe tiếng gọi, cô gái đành để khách ra về. Thấy vậy Khưu sinh an ủi rằng :

– Chớ buồn tủi, về phủ ta sẽ xin cứu xét lại bản án của anh cô.

Cô gái kính cẩn bái tạ và tiễn ra cửa quán.

Vừa bước ra khỏi quán thì mặt trời chói rạng, sương mù đã tan, chợ nhóm lúc nãy cũng biến đi đâu mất. Ngoảnh lại thì lều tranh cũng chẳng còn, trước mặt chàng gồ ghề toàn những mộ hoang, chen nhau trong cây cỏ bèn sườn đồi.

Khưu sinh cả kinh, chạy vội về kể chuyện lại cho quan Án Mục nghe. Ông này liền cho gọi Triệu Quý ra hỏi thì quả thật hẳn có cô em gái tên Ngọc đã chết từ ba năm trước. Khi hỏi đến lọ ngọc là vật gì, có phải là của gia bảo do ông cha để lại chôn theo nàng không ? Triệu Quý thưa vâng.

Bữa sau Khuru sinh đem việc thừa lại với chú. Quan phủ bèn gọi lão lại ra hỏi, lão trình :

– Trên đồi ngoài thành vốn có chợ ma, khi mặt trời mọc là tan. Cô Ngọc ấy là diêm ma, có sắc đẹp, nếu ai sa ngã thì bệnh nặng mà chết. Công tử giữ chính khí, tuyệt hối lộ, nên ma tà chẳng dám mê hoặc.

Quan phủ truyền lệnh cho xét lại vụ án cướp xảy ra trước đây vài tháng. Triệu Quý quả nhiên vô tội được tha bổng.

– Ít lâu sau, một đêm Khuru sinh thu xếp hành trang để hồi hương. Khi vừa mới tắt đèn lên giường nằm, đột nhiên thoang thoảng bên tai có tiếng kêu oanh :

– Thiếp mang lọ ngọc đến đây để đáp lại tấm thịnh tình của chàng, xin hèn kiếp sau hiến thân hèn này đáp đền nghĩa cả.

Khuru sinh vớ tay chẳng thấy người đẹp đâu, thấp đèn lên soi thì lọ ngọc hiện ra bên gối, bèn cất kỹ mang về nhà giữ làm của báu.

259. TUỐNG CƯỚP

Thời kỳ quân phiệt chia cắt lãnh thổ, chính trường Trung Quốc hủ bại đến cực độ, quan lại ăn hối lộ hầu như công khai.

Lỗ Hiếu Tài, người Việt Tây⁽¹⁾ làm chức Giám đốc Nha Quan thuế tại một nơi biên thùy miền Bắc tỉnh Phúc Kiến⁽²⁾.

Tài dùng người em họ tên Sách giữ chức Trưởng ty Thuế vụ, làm nên lăm của.

La Chương Thần lại là chú vợ của viên Thống đốc, thay mặt quan trên đến thanh tra với chức hàm Cố vấn kinh tài. Thần có mang theo bốn tên cận vệ cao lớn, trông có vẻ oai phong lẫm liệt, khí phách phi thường. Biết là hạng quyền thế, anh em Lỗ Hiếu Tài kính cẩn chiêu chuộng đủ điều mà vẫn chưa được vừa lòng ông lớn.

Sách tự cho mình là túc trí đa mưu, bèn bàn kế với ông anh, xin hiến Tiểu Hồng Lâu, một ca kỹ có nhan sắc vốn là nhân tình của Sách cho Thần để tiện đường mua chuộc.

Từ khi có Tiểu Hồng Lâu xuất trận, việc kêu giá trả giá giữa đôi bên đã có trung gian, nhưng La Chương Thần đòi hỏi thái quá, khiến cho anh em Tài bàng hoàng lo lắng, chẳng biết phải làm cách nào mới thỏa mãn được lòng tham vô đáy của ông "Cố".

Khi tiền đã đầy túi thì đâm ra mển sắc, Thần có ý định độc chiếm hoa khôi, đưa luôn Tiểu Hồng Lâu về Phúc Châu⁽³⁾, còn buộc anh em Tài phải xuất ngân chuộc thân cho gái lầu xanh.

(1) Việt Tây : tức Quảng Đông và Quảng Tây, Trung Quốc.

(2) Phúc Kiến : tên tỉnh, còn gọi đất Mân, Trung Quốc.

(3) Phúc Châu : tên phủ, ở phía Tây Bắc núi Phú Sơn, Trung Quốc.

Một hôm Tiểu Hồng Lâu lên ra gặp Sách bảo rằng :

– Cả hai anh em nhà anh đã bắt tài mà lại thất sách nữa, bao nhiêu tiền của vào tay kẻ khác đã đành, nữa nào anh lại để cho người ta đưa em đi biệt xứ ?

Nói xong rung rung giọt lệ. Sách bối rối bảo rằng :

– Nhưng biết làm sao bây giờ, khi họ dùng quyền thế để lấn mình ?

Cô gái gạt lệ nói :

– Uống thay cho các anh đã xông pha nơi chính trường từ bấy lâu nay, mang tiếng là tay lão luyện mà để cho tên tiểu tốt vô danh đánh lừa bằng bốn khẩu nội hóa.

Sách như thức tỉnh việc gì, bèn nắm chặt cánh tay Tiểu Hồng Lâu vừa lắc vừa hỏi :

– Thật không ?

Đáp :

– Anh hãy tin nơi em.

Sách mừng rỡ :

– Rồi đây chúng nó sẽ biết tay ta. Tiểu Hồng Lâu, em vẫn thuộc về anh ! Sách về bàn với anh, quyết thuê năm bảy tên lưu manh đón đường cướp lại cả người lẫn của.

Vài hôm sau, La Chương Thần đưa người đẹp lên đường về Phúc Châu. Lúc ấy miền Bắc Phúc Kiến chưa có xa lộ, kẻ sang ngồi võng người hèn thì đi bộ, phải lâu ngày mới về đến tỉnh lỵ. Đêm nọ Thần ghé lại một thị trấn nhỏ, nghỉ nhà trọ. Canh khuya, lữ hành mệt mỏi, Thần đang ngon giấc, thình lình Sách đeo mặt nạ dẫn bọn lưu manh vào bắt trói bốn tên cận vệ nhét khăn vào mồm rồi tiến thẳng vào phòng, thấy Tiểu Hồng Lâu còn thức, nháy mắt tỏ ý cứ nằm yên rồi lấy dây buộc Thần lại. Thần giật mình thức dậy thấy dao găm kề cổ không dám cự cạy. Sách bịt miệng hắt lại ra hiệu cho cả bọn vào vét hết hành trang chuẩn đi ngõ sau.

Đang lúc cầm đầu chạy, bỗng phía sau có tiếng gọi :

– Anh Sách ! Anh Sách !

Khi đến gần nhìn kỹ thì ra Tiểu Hồng Lâu, Sách cả kinh bảo rằng :

– Trời ơi ! Sao em lại đại dột chạy theo anh, thế là hỏng hết cả việc rồi !

Cô gái điếm nhiên bảo rằng :

– Anh mới là người đại nhất trên đời, anh đã cướp của không giết người, lại trói cả bọn mà không trói em, nếu người ta gán cái tội thông đồng ăn cướp thì em làm sao mà bào chữa cho được ? Mai này quan lính đuổi theo tầm nã, anh toan chạy đằng nào cho thoát ? Rồi đây cả ông anh nhà anh cũng sa khám luôn, còn đâu là tài với sắc nữa.

Sách nghe nói giật mình bảo rằng :

– Thôi được, “trám thảo thì phải trừ căn”⁽¹⁾, để ta trở lại giết quách hán đi cho rồi.

Tiểu Hồng Lâu cản lại bảo rằng :

– Đồ ngu, lúc này đã sôi động cả khách sạn rồi, người ta còn để cho anh ngang nhiên giết người ư ? Giờ đây kế vạn toàn là chạy nhanh ngang đường rừng, nơi quê nhà em thuộc lối, anh đừng lo, vừa lánh được truy binh, vừa sớm về đến nhà cùng tính chuyện tẩu thoát luôn với ông anh.

Sách cho là diệu kế, liền huy động bọn chúng rẽ vào ngả tắt do Tiểu Hồng Lâu đưa lối.

Hùng đông, khi vừa đến một ngọn đồi, Tiểu Hồng Lâu bảo chúng dừng chân tạm nghỉ để cô ta tới đằng trước xem xét tình hình. Bỗng nghe tiếng hét quái dị, liền theo đó tiếng súng nổ vang tứ phía, hơn mười tên võ trang khí giới từ trong rừng rậm hiện ra, chĩa súng vào ngực mọi người lấy hết của.

Tiểu Hồng Lâu chỉ vào mặt tên Sách cười ngạo rằng :

– Nghe kỹ đây ! Muốn ăn cướp hãy học nghề với bà này ba năm đã... Bây giờ thì chịu khó về ăn mày đi con !

(1) “Trám thảo trừ căn” : nhổ cỏ thì phải nhổ tận gốc.

260. CỌP TIÊN

Kinh Sơn⁽¹⁾ có con nhà tiểu phu tên Tam Quang, mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, giúp việc nhà Viên ngoại họ Mã, trung thành cần kiệm, được Mã ông coi như con cháu trong nhà. Khi Tam Quang lớn lên, Mã ông chia cho một thửa ruộng gần đó để tự lập và còn dạm hỏi cô gái họ Chu lối xóm cho Quang, đang chờ ngày cưới.

Một hôm xong việc đồng áng, Tam Quang đi chợ đông gạo, về nhà thấy trong bếp có bà cụ già đang lom khom thổi nấu. Vốn chưa quen biết, Quang lễ phép chào hỏi. Bà cụ đáp rằng :

– Dì là em ruột của má con, về nhà chồng nơi xa từ thời con còn thơ ấu, nay được tin con sắp có vợ, e con trẻ chưa hiểu đạo gia cương nên dì về thăm con và nhân tiện lo việc gả cưới cho con luôn.

Tam Quang sực nhớ hồi nhỏ dường như đã từng nghe mẹ kể chuyện có bà dì xuất giá nơi Thương Châu⁽²⁾ cách đây thực xa, liền chào mừng bà dì. Dì hỏi công việc nhà ra sao ? Quang thưa :

– Mọi thứ đều do Mã ông tặng cho, con nghèo lắm, vốn không đủ sức cưới hỏi dì ạ !

Dì gật đầu bảo rằng :

– Lòng ưu ái của hiền chủ nhân thực đáng cảm mến. Được rồi, nay đã có dì về đây thu xếp mọi việc, con cứ yên lòng.

Tam Quang bái tạ. Sau khi hỏi rõ chi tiết trong nhà và dặn dò đầu đầy tươm tất rồi, bà dì hẹn ba hôm sau sẽ trở lại, rồi đi.

(1) *Kinh Sơn* : tên huyện, thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

(2) *Thương Châu* : chưa rõ địa danh này thuộc Thiểm Tây hay Hà Bắc, Trung Quốc.

Đúng hẹn, bà dì đưa hai cô thôn nữ về và mang cả gương tử, vật dụng linh tinh cùng vò rượu to, chẳng còn thiếu món nào nữa, thực là sự bất ngờ. Dì thấy Tam Quang có vẻ lúng túng, chỉ hai cô gái bảo rằng :

– Đây là Đại Hoa và Nhị Hoa, con gái hàng xóm nhà chồng dì ở Thương Châu, đến đây để giúp con trong những ngày hôn lễ, cần điều chi con cứ việc sai bảo, coi như là em gái trong nhà vậy.

Tam Quang kính vâng. Được tin ấy, Mã ông mừng thầm cho Tam Quang và bảo rằng :

– Nó tuy mồ côi mà chẳng khác nào còn có mẹ.

Nhân lúc nhàn rỗi, Mã ông bèn chống gậy qua thăm nhà Quang, thấy hai cô gái đang rào giậu, rất lanh lẹ mà thân hình cô nào cũng tráng kiện. Lão không ngớt khen rằng :

– Thực xứng đáng là con dâu hiền, chẳng hay con trai nhà ai có phúc phận này ?

Bỗng bên tai có tiếng bà lão :

– Gái quê mùa, đâu xứng đáng với lời khen tặng của cụ.

Mã ông nghe nói xoay lại thấy Tam Quang đứng cạnh một bà lão là dì của Quang, bèn chấp tay xá. Dì cũng cúi đầu đáp lễ và mời ông vào nhà trà nước hàn huyên. Mã ông chỉ hai cô gái đang làm lụng ngoài nhà mà nói với bà dì rằng :

– Lão có đứa con trai, kém Tam Quang ba tuổi, chưa đường gia thất, nếu cụ không chê thì xin làm mai giùm cho con lão một trong hai cô ấy, cô nào cũng vừa ý lão cả.

Bà dì cười rằng :

– Hân hạnh lắm, con Nhị Hoa mồ côi cha mẹ, già này có thể chủ định cho nó được.

Mã ông cả mừng và trước khi cáo từ, hứa sẽ khiến con trai ông qua đây ra mắt bà dì.

Hôm sau, con trai Mã ông là Nam sinh đến, phải lúc Tam Quang đi chợ, bà dì ra vườn, tự đẩy cửa bước vào thì cô thôn nữ bước ra chào hỏi và tự giới thiệu với Nam sinh rằng :

– Tôi là Đại Hoa, nghe đâu cụ ông hỏi em gái tôi là Nhị Hoa cho cậu, đây là duyên nợ tiền định. Nhưng cậu nhất định phải uống viên "Phục hồ đơn" này mới có thể hành đạo phu thê, bằng không bảy ngày giao bái là cậu nguy to.

Đại Hoa vừa nói vừa móc trong túi ra một viên thuốc nhỏ bằng hột đậu đưa cho Nam sinh và thúc phải nuốt ngay. Nam sinh lớ ngớ làm theo lời cô gái mà chưa kịp suy nghĩ gì hết. Đại Hoa dặn thêm rằng :

– Đã uống thứ này thì trong năm ba ngày hạ thể tất sẽ tráng kiện khác thường, nhưng đừng lo, vạn nhất không dần nổi thì lên cho tôi hay, sẽ có cách giúp cậu.

Đoạn bà dì trở vào, Nam sinh bái kiến theo lệnh cha, bà lão cầm tay nâng dậy khen rằng :

– Thật đứa con ngoan, về thưa lại với cụ ông Nhị Hoa sẽ là dâu nhà họ Mã.

Đại Hoa đứng sau lưng bà dì nháy mắt ra hiệu, Nam sinh lật đật quỳ xuống bái tạ bà lão một lần nữa rồi trở về thưa lại với cha nhưng giấu chuyện Đại Hoa cho uống "Phục hồ đơn".

Năm hôm sau, Tam Quang rước dâu. Mã ông đưa cả gia quyến đến mừng, thấy mọi việc trong ngoài đều hoàn bị, không ngớt khen tặng bà dì. Mã ông tửu lượng khá, hôm ấy vì vui mà uống thật nhiều, rượu có mùi thơm kỳ dị, càng uống càng thấy ngon. Khi được biết chính là vò rượu do chị em song Hoa mang đến, lại càng tắc lưỡi khen tài. Bà dì cho Mã ông biết rằng :

– Đây là "Hổ xạ tửu" trong núi Thương Châu, trai uống thì tinh lực dồi dào, gái uống thì trẻ đẹp, sinh nở nhiều và người có tuổi dùng nó sẽ trường thọ. Chuyển sau xin dành riêng một vò để mừng cụ vạn thọ.

Mã ông vuốt râu cười xòa, liền nâng ly tạ bà dì, trong bụng càng muốn được Nhị Hoa về làm dâu sớm.

Đêm khuya tân khách lũ lượt ra về, đôi tân nhân cũng vào động phòng hoa chúc hưởng phút xuân quang, tự nhiên Nam sinh cảm thấy thèm khát lạ thường... nên vội tìm Đại Hoa tố khổ. Đại Hoa mỉm cười ra hiệu bảo đi theo. Đến vườn sau, Đại Hoa dàn trận nghênh chiến, Nam sinh buông

cương giục ngựa công kiên đột phá, nhuệ bất khả đương... Sau khi thu dọn chiến trường, Đại Hoa khê bảo Nam sinh rằng :

– Từ nay cậu đã đủ điều kiện tận hưởng mỗi duyên tơ tóc cùng em tôi. Đó là hậu phúc của Mã ông.

Sau ngày hôn lễ của Tam Quang, Đại Hoa và Nhị Hoa đều về Thương Châu, chỉ còn một mình bà dì ở lại dạy bảo cháu dâu về đạo tề gia nội trợ.

Chu thị là một thiếu phụ rất thông minh, một hôm chuyện kín với chồng rằng :

– Em thấy bà dì có nhiều dấu hiệu khả nghi, chẳng rõ nhà chồng là dòng họ nào ở Thương Châu. Chàng đã từng bảo với em rằng bà con họ hàng chẳng còn ai, cứ sao lại ra bà dì ruột một cách đột ngột như thế nhỉ ?

Tam Quang bảo vợ rằng :

– Sao em lại nói thế ? Dì thuật lại chuyện xưa của mẹ ta nhất nhất chẳng sai, còn điều chi mà đáng nghi ngờ.

Chu thị ngẫm nghĩ giây lát rồi nắm tay Tam Quang nói tiếp rằng :

– Tuy nhiên, em vẫn cảm thấy cặp mắt của bà dì tinh sáng như ngọn lửa, hơn nữa đã già mà tóc chẳng thấy bạc, răng chẳng lay, trái với lẽ thường tình lắm anh ạ !

Hình như bà dì đã biết câu chuyện thâm kín trong tư phòng vợ chồng Tam Quang rồi, nên sáng hôm sau bà tuyên bố trở về nhà chồng, và hứa qua năm tới sẽ cho Nhị Hoa đến thành hôn với Mã công tử.

Mùa xuân năm sau, Đại Hoa đưa Nhị Hoa đến đúng hẹn, và cho hay rằng bà dì bận việc nhà không thể đến được, nhắn gửi Nhị Hoa ở lại nhà Quang chờ bên họ Mã chọn ngày lành làm lễ cưới.

Chu thị vẫn thắc mắc về bà dì, nhân lúc vắng mặt Đại Hoa, bèn lựa lời hỏi khéo Nhị Hoa. Nhị Hoa lấy trong bị ra một bộ da cạp, thận trọng trao cho Chu thị và bảo rằng :

– Đây. Dù chị chẳng hỏi thì em cũng xin thưa : xưa kia, tổ mẫu trên ba đời của anh Tam Quang là Đường thị, tính cục cằn, lỡ tay quăng cước vỡ sọ ông chồng trong cơn thịnh nộ, ăn hận quá, bà gieo mình từ trên ngọn đèo xuống hố sâu mà tự vẫn. Âm ty xét vì bà vốn không chủ tâm giết chồng mà đã lấy cái chết tan thây để đền tội, nên xử bà trở thành loài hổ. Khi được tái thế, hổ tình ngộ thể không giết hại sinh linh, đôi thì ăn hoa

quả, khát thì uống nước suối, trăm năm sau đắc đạo. Em nguyên là đứa trẻ bị bỏ rơi trong rừng hoang, được cọp tha về nuôi trong hang và giáo hóa trưởng thành. Nay cọp đã hóa tiên, biến thể thành người và để lại bộ da này, dặn trao cho anh chị lưu truyền con cháu đời đời ghi nhớ. Và nên tu hiền tích đức để tai qua nạn khỏi.

Nghe qua câu chuyện, Chu thị động lòng kính mộ và hỏi rằng :

– Vậy thì chị Đại Hoa là cọp hay người ?

Nhị Hoa hạ giọng xuống thưa rằng :

– Không là cọp mà cũng chẳng là người, nói ra chị đừng sợ, chị ấy là hồ ly, mới thành đạo nhờ diu dặt của cọp tiên đấy.

Chu thị cảm động vô cùng, dặn dò Tam Quang nên giấu kín chuyện này. Sau đó vợ chồng làm ăn tấn đạt, lập miếu thờ phụng vị Cao tổ mẫu Đường thị với bộ da do chính bà để lại.

261. VỢ HÓA TIÊN

Một thương gia Quảng Đông⁽¹⁾ nhờ xuất ngoại buôn bán làm nên giàu có. Vì bản tính khoáng đạt, khảng khái hay làm việc thiện, nên của dễ tụ mà cũng dễ tan, được người trong xứ tôn xưng là "Đào Châu công"⁽²⁾ tái thế. Chỉ đáng tiếc là người hiền không thọ. Sau khi thương gia qua đời, vợ con trở về quê cũ, nhờ có ruộng đất để lại, góa phụ thủ tiết nuôi con, không đến nỗi thiếu thốn cho lắm.

Con trai thương gia tên Tín Chu là một thanh niên hiếu học, sành duyên với Đỗ thị, con gái ở Huyện Thành⁽³⁾, rất hiền hậu nhưng kém sức khỏe, không thể làm việc nặng nhọc. Khi mới về nhà chồng, mẹ Tín Chu có ý chê, song lâu ngày thấy tính hạnh tốt bà lại thương.

Tín Chu ở nhà mãi thấy chán, tự nhủ rằng có học phải có hành, bèn xin phép mẹ lên Bắc Kinh tìm cơ hội tiến thân để thỏa chí tang bồng. Tín Chu đã đi một năm mà vẫn chưa tìm được việc làm hợp với ý mình, đang lúc chờ tin người bạn giới thiệu để gặp một trưởng cơ quan nọ thì nhận được thư mẹ giục về gấp, vì Đỗ thị đau lâu, nay bệnh tình trở nên trầm trọng e khó qua khỏi được. Tín Chu vội vã thu xếp về quê với tâm tình nào nề lo âu. Không ngờ khi bước chân vào nhà lại thấy vợ mình vui cười ra đón, nước da hồng hào khác hẳn ngày ra đi. Tín Chu mừng rỡ, nhưng cũng trách thầm trong bụng, sao mẹ lại đánh lừa mình như thế kia.

Hiểu được ý con, nhân lúc Đỗ thị đang tưới cây sau vườn, bà mẹ lên bảo Tín Chu rằng :

(1) *Quảng Đông* : một tỉnh thuộc Trung Quốc.

(2) *Đào Châu công* : tức Phạm Lãi, một tướng giỏi của Việt Vương Câu Tiễn thời Chiến Quốc.

(3) *Huyện Thành* : tên huyện, chưa rõ thuộc tỉnh nào của Trung Quốc.

– Vợ con vốn hay đau yếu, kỳ này nằm liệt trên giường cả tháng trời chẳng ăn uống chi được, thấy thuốc đã chề, suốt ngày chỉ biết than khóc mong con về để được gặp mặt trong giây phút vĩnh biệt chia tay. Chẳng hiểu có sao, sáng hôm trước tự nó ngồi dậy, rồi tắm gội trang điểm như người không bệnh mà lại khỏe mạnh khác thường, việc chi trong nhà đều làm được cả. Mẹ kinh ngạc hỏi nó, nó bảo : "Con cũng chẳng hiểu tại sao ?". Song, đến nay mẹ vẫn còn thắc mắc về điều này, thực nghĩ chẳng ra là lẽ gì ?

Tín Chu cho rằng vợ mạnh được là phúc, cũng chẳng cần tra cứu cặn cùng, duy chỉ đem sự ngờ vực của mẹ nói sơ qua với Đỗ thị. Vợ bảo :

– Từ ngày về nhà anh, mẹ vẫn coi em là con dâu đáng thương hại, đau yếu mới là lẽ thường. Trái lại, một khi đã mạnh thì mẹ đâm ra nghi ngờ. Vậy thì kể từ nay câu cho em cứ trở lại nằm liệt trên giường là xong.

Tín Chu ôm vợ vào lòng nựng nịu rằng :

– Đừng nói đại thế, ai khi không lại đòi bệnh bao giờ. Có lẽ mẹ mừng quá chẳng ngờ nhà ta lại có phúc phận như vậy, nên chưa dám tự tin đó thôi.

Đôi vợ chồng trẻ lại nhìn nhau cười.

Nhưng làng xóm đều biết vợ Tín Chu là con dâu đa bệnh và họ còn tặng cái biệt hiệu là "Bệnh Tây Thi"⁽¹⁾ nay bỗng dung trở thành người tươi tốt khỏe mạnh một cách lạ thường, hơn thế, trước đêm hôm vợ Tín Chu đột biến lại có câu chuyện ly kỳ xảy ra, càng khiến cho thiên hạ không ngớt xôn xao bàn tán.

Số là bên nhà kế cận có cô gái tên Nhị Cô tình cờ đi ngang qua cửa sổ phòng ngủ Đỗ thị, dưới ngọn đèn mờ thấy có bóng người nháy nhót trên giường bệnh. Có kẻ bảo rằng đó là Kim Đồng, Ngọc Nữ⁽²⁾ đến tặng tiên đơn cho vợ Tín Chu, cái bóng người nhỏ tí hon, cao chừng ba tấc, béo trắng như ngọc ngà. Họ còn cất nghĩa thêm rằng, nhà Tín Chu nhờ có phúc đức của cha ông nên mới được vậy.

Tin đồn này lọt vào tai mẹ Tín Chu, bà cho là nói láo, vì trước kia có người làm mai Nhị Cô cho Tín Chu, bà ta chê đôi tai của Nhị Cô cụt ngắn không có tướng mạo người đàn bà phúc hậu, nên đã từ khước. Tín Chu có ý định hỏi riêng Nhị Cô về chuyện đó, nhưng lại ngại cô ta mới góa chồng về quê ngoại, e thiên hạ bình phẩm, lại thôi.

(1) *Tây Thi* : thiếp yêu của Phạm Lãi, sau được dùng làm mỹ nhân kế khiến Phù Sai sụp đổ. *Tây Thi* mỗi khi nhúu mây lại trở nên đẹp hơn.

(2) *Kim Đồng, Ngọc Nữ* : tên hai vị tiên.

Mùa thu năm ấy, bệnh sốt rét lộng hành trong xứ, Tín Chu cũng chẳng khỏi. Nửa đêm nổi cơn rét đập thật nhiều chần mà vẫn còn lạnh run, nhờ vợ ôm ấp thấy đỡ lạnh. Tín Chu vừa rên vừa bảo :

– Ngực thì ấm rồi nhưng lưng còn lạnh quá em ơi !

Vợ đùa rằng :

– Vậy thì anh rước thêm bà hai về, có đủ cả kiểu thê mỹ thiếp, tiền hô hậu ủng cho ấm áp nào !

Tín Chu cho là vợ thử lòng mình, đáp rằng :

– Đâu được em, ái ân phu thê quý hồ chuyên nhất, có người thứ ba xen vào chẳng phúc mà lại thêm họa nữa là đằng khác.

Không thấy vợ nói gì hơn nữa, Tín Chu mơ màng nửa thức nửa ngủ, cảm thấy như có kẻ khác đeo sau lưng mình, mùi thơm ngào ngạt, hơi ấm lạ thường, quơ tay sờ thấy mềm dịu như da thịt đàn bà, nghi là mình đã trở mình nên vợ nằm phía sau, nhưng phía trước vẫn thấy còn êm ấm, rõ ràng tay vợ đang ôm choàng qua lưng như cũ, giật mình kêu lên. Vợ ôn tồn khẽ bảo :

– Tiền hô hậu ủng cũng chỉ một mình kiểu thê thôi, chưa có mỹ thiếp đâu ! Ngủ đi đừng nghĩ vớ vẩn.

Mấy lần Tín Chu định vùng dậy vận đèn nhưng bị vợ ghì chặt lại cử động chẳng được, vừa qua cơn rét mệt quá, đành phải nằm yên và thiếp đi lúc nào chẳng hay.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, hơi nồng mùi thơm vẫn còn phảng phất đâu đây. Tín Chu trở mình dậy hỏi vợ :

– Lạ thay câu chuyện hôm qua là giấc mơ hay sự thật ? Không lẽ em lại có thuật chia thân ?

Vợ cười bảo :

– Thường nghe người ta nói hể lòng thành thì linh nghiệm, có lẽ là ái thần giáng phúc cho anh đó, để tẩm thân kiểu thê này kiêm luôn nhiệm vụ của mỹ thiếp, há chẳng được lắm ru ?

Nghe lời vợ nói hay hay, Tín Chu cảm thấy vui vui, nhưng vẫn đinh ninh chắc là mơ mộng chứ làm gì có chuyện lạ đời như vậy.

Ba năm sau, mẹ Đỗ thị vì tuổi già hay bệnh, nhớ con gái, cho người nhà đến đón vợ Tín Chu về thăm quê ngoại. Khi thu xếp hành trang, Đỗ thị lấy ra một cái túi nhỏ trao cho Tín Chu rằng :

– Hồi ngộa bệnh, một mình em nằm trong phòng rộng, thật là lạnh lẽo cô đơn. Một hôm cảm thấy buồn tẻ, lục trong rương cũ của ông thân anh để lại tìm xem có vật gì lạ ở xứ ngoài để giải khuây, quả nhiên thấy có cái túi nhỏ xinh đẹp này và hình như làm bằng da cá, mỏng như tấm giấy bóng mà thật bền dẻo. Em lấy bóng tơ dồn vào túi hóa ra như thế này, đêm nằm ngủ ôm vào lòng thật êm ấm dễ chịu. Sau khi lành bệnh là anh cũng vừa về tới nơi. Nay đôi ta chia tay tạm biệt, anh hãy giữ lấy, khi đi ngủ thì ôm nó vào lòng chẳng khác chi có em nằm bên cạnh.

Tín Chu gật đầu, nhìn cái túi trong phút chia tay không khỏi ngậm ngùi.

Đồ thị đi rồi, đêm ấy Tín Chu ôm túi ngủ, một giấc tỉnh lại, tự nhiên thấy vật trong lòng động đậy lại có mùi mịn co gác qua lưng chàng. Tín Chu sực nhớ cái cảm giác êm ấm dễ chịu ấy đúng như hôm lên cơn sốt rét nằm bên vợ, bèn lấy tay sờ từ đầu đến cuối, cảm thấy tựa như đứa trẻ béo bụ chừng đôi ba tuổi, nhưng khúc dưới tròn tròn, chẳng có tiền hộ hậu môn chi cả, ước đoán rằng chắc là của quý hải ngoại mà cha chàng chưa hề nhắc tới lúc sinh tiền. Tín Chu nghĩ quanh quẩn một hồi rồi trở về với cảnh mộng đẹp lúc nào không biết, mãi cho đến sáng hôm sau mặt trời đã lên cao mà vẫn còn ngon giấc.

Nhị Cô có việc đi qua nhà Tín Chu, thấy một mình bà mẹ đang dọn dẹp ở sau nhà, nàng dừng lại trước cửa phòng hô rằng :

– Nay, đàn ông gì mà lười biếng thế, vợ đi vắng cũng chẳng làm giúp mẹ già, lại ngủ đến giờ này chưa dậy ?

Nhị Cô vừa nói xong, nhìn vào phòng xem có phản ứng gì không thì thấy Tín Chu vẫn nằm yên, mà hình như còn ôm ai trong lòng. Vì hiếu kỳ bèn nhón chân nhẹ nhàng bước vào phòng nghiêng cổ nhìn trộm vào kẽ hở của góc chăn... Vừa thấy chiếc chăn hơi động đậy một cái, đột nhiên có đôi tay nhỏ thò ra, ghì chặt hai vành tai Nhị Cô đau điếng người làm nàng hoảng hốt thét lên, bà mẹ vội vàng chạy vào, vừa lúc Tín Chu đã tỉnh dậy ôm chặt ngồi trên giường.

Mẹ Tín Chu dăm dăm nhìn vào Nhị Cô, thấy cô ta tái xanh cả mặt, ú ớ nói chẳng nên lời. Để giải thoát cho nàng, Tín Chu thưa với mẹ là Nhị Cô chỉ vào gọi chàng dậy đó thôi. Bà mẹ để ý nhìn kỹ đôi tai Nhị Cô, bỗng nhiên kêu lên :

– Lạ không ? Tai cô vốn cụt ngắn, tự nhiên sao nay lại trụ ra dài như thế này ?

Nhị Cô tự mó đôi tai cũng không khỏi giật mình. Giữa lúc xôn xao bàn tán thì ngoài nhà có người đến cấp báo nhạc mẫu Tín Chu đã qua đời, chàng lật đặt lên đường qua nhà nhạc gia bôn táng.

Tín Chu đi rồi, để bà cụ khỏi nghi rằng mình là đàn bà không giữ phu đạo, Nhị Cô kể lại câu chuyện kỳ dị vừa rồi, mô tả đôi tay ngọc đó y hệt như đôi tay của người ngọc tỷ hon, nhẫy nhót trên giường Đỗ thị khi trước. Mẹ Tín Chu càng kinh ngạc bảo rằng :

– Nhà tôi xưa nay chưa hề có chuyện quái dị, sao lại sinh ra sự thể như thế này ?

Nhưng sự đột biến của đôi tai Nhị Cô đã quá rõ ràng, sờ sờ còn đó, chẳng tin sao được ? Chỉ còn có cách đợi vợ chồng Tín Chu về họa chăng mới có thể hiểu rõ nội tình.

Việc tống táng nhạc mẫu xong, bảy hôm sau vợ chồng Tín Chu về, bà mẹ đem chuyện hỏi Tín Chu. Chính chàng cũng đang thắc mắc về chuyện này từ bấy lâu nay, đêm ấy kể lại những gì Nhị Cô đã thấy cho Đỗ thị nghe.

Đỗ thị bảo :

– Thiếp đền bù ân ái cho chàng thấm thoát đã trọn ba năm, khi duyên nợ đã mãn, tức nhiên là phải chia tay.

Đến đây Tín Chu đã hiểu phần nào là chuyện gì rồi, chàng hết sức hối hận mình đã lỡ lời.

Đỗ thị nói tiếp :

– Thú thật cùng chàng, thiếp là Quận chúa Nam Hải⁽¹⁾, năm xưa gặp nạn, phơi xác trên bãi cát, nếu không nhờ cụ ông nhặt ném xuống biển thì đã làm mồi cho hải âu rồi. Nay thiếp mang ngọc báu đến đây và mượn thi hài của hiền phu nhân để đáp lại nghĩa xưa. Chị Đỗ thị đã mãn phần ba năm nay, ngày mai đây nên chôn cất tại gốc cây mai sau vườn, sau này con cháu sẽ tấn phát. Nhị Cô đã có trụ tai, duyên nợ tiền định, chàng xin cưới về chắp nối để có người nâng khăn sửa túi, chớ nên nghĩ đến thiếp nữa.

Đang lúc bối rối thì người đẹp bỗng nhiên nhắm mắt xuôi tay, Tín Chu khóc rống lên gọi mẹ, hai mẹ con ôm lấy xác Đỗ thị sụt sịt suốt đêm.

Tín Chu y lời Quận chúa dặn, chôn cất Đỗ thị xong, cưới Nhị Cô về làm vợ.

(1) *Nam Hải* : vùng biển Quảng Đông, Lôi Châu, còn gọi biển Chi Na (Trung Quốc).

CÔI ÂM NƠI QUÁN CÂY DƯƠNG

Tác giả : Bình Nguyên Lộc (7.III.1914 - 7.III.1987). Tên khai sinh là Tô Văn Tuấn; bút danh khác là Phong Ngạn. Quê quán : làng Tân Uyển, tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa (nay là tỉnh Đồng Nai). Bắt đầu viết văn từ năm 1943, năm 1948 sống hẳn bằng nghề văn. Có hàng trăm tác phẩm thuộc các thể loại tiểu thuyết, thơ, khảo luận, trong đó có vài chục cuốn đã xuất bản. Hai năm cuối đời ông sống ở Mỹ (mất tại California năm 1987).

Ở thể loại tiểu thuyết, Bình Nguyên Lộc đã sáng tác một số truyện ngắn, truyện dài theo kiểu phóng truyền kỳ : năm 1958, ông có tập truyện ngắn Tân Liêu Trai (gồm 40 truyện, ký tên Phong Ngạn) do Nhà xuất bản Bến Nghé, Sài Gòn xuất bản. Tiếc rằng đến nay chúng tôi vẫn chưa tìm được văn bản tác phẩm này. Thay vào đấy, chúng tôi xin giới thiệu dưới đây truyện dài Côi âm nơi quán Cây Dương. Đây là một trong vài tác phẩm hiện thực hóa về mối quan hệ giữa người và ma như một niềm tin có thực, đặt trong khung cảnh đời sống hiện đại mà Bình Nguyên Lộc gọi là truyện dài tình cảm Liêu Trai, do Mây Hồng xuất bản tại Sài Gòn năm 1972.

262. CỐI ÂM NƠI QUÁN CÂY DƯƠNG

Những năm 1950, 1951, 1952, còn an ninh, vào mùa nực không đêm nào mà hai đứa chúng tôi không ra ngoại ô xa, hoặc đi xuống tỉnh.

Không khí nóng hầm quá, ăn cơm tối ở nhà nướng không trôi, nghề nghiệp lại bắt buộc chúng tôi phải đứng đường, hơn thế người bạn của tôi là anh Kim lại có một tờ báo riêng mà bạn hữu trong giới gọi đùa là *Niên báo*. Báo mỗi năm chỉ ra có một số, sống nhờ độc giả săn khẩu và dĩ nhiên đang toàn quảng cáo các ban cải lương, nhưng báo ra vào dịp xuân mà thường thì đến mùa mưa đòi tiền quảng cáo mới xong.

Các ban hát thường đi lưu diễn ở tỉnh và phải rượt theo họ để chụp tiền ngay hồi 10 giờ đêm là giờ họ khóa sổ bán vé.

Thế nên, chúng tôi đi Long An, đi Tây Ninh, đi Biên Hòa vào đầu hôm và về Sài Gòn hồi nửa đêm là chuyện hằng bữa. Hôm nào không phải rượt theo họ thì cũng đã quen chân rồi lại đi Bình Điền ăn nhậu, đi mũi Nhà Bè ăn cháo cá chà vôi, ăn tôm nướng, không còn làm sao nằm nhà được nữa.

Nhưng chúng tôi cũng ít đi hai mình mà thường kéo bạn trong làng theo. Anh Kim có một chiếc "trắc xong"⁽¹⁾ hai ngựa, nhẹ như bằng mây đan, vậy mà lắm đêm, anh chở như xe cam nhông, chở tới tám mạng trên ấy, lại còn chạy đua với những chiếc xe lớn nữa, vậy mà lần nào về tới Sài Gòn, thằng nào cũng còn sống nhăn, chưa hề có đứa nào bị gãy giò sút tai bao giờ.

Vào những năm ấy, ở các ngoại ô Sài Gòn có hàng trăm quán nhậu, nhiều nhất là dọc đường Nhà Bè, dọc đường Hậu Giang và dọc đường

(1) "Trắc xong" : tiếng Pháp là traction, một loại xe Citroën.

Biên Hòa, tức đường thiên lý cũ, chứ xa lộ chỉ mới bắt đầu đổ đất, chưa thành hình.

Giữa Thủ Đức và Sài Gòn có một cái quán, tục gọi là quán Cây Dương mà chúng tôi chưa ghé qua bao giờ, mặc dầu anh Kim cứ đòi ghé để xem sao, vì anh là một phóng viên, chưa lên chủ báo như ngày nay, và nghề nghiệp của anh bắt buộc phải biết tất cả.

Riêng tôi, tôi rất sợ ma, mà quán đó lại nổi tiếng có ma dữ.

Đó là một ngôi biệt thự nhỏ của tư nhân, cất giữa đồng trống. Trên sân rộng có trồng rất nhiều cây phi lao mà thiên hạ gọi lầm là cây dương.

Lần nào anh Kim đòi ghé quán đó, tôi cũng giã nảy từ chối. Nhưng riêng đêm đó, từ Biên Hòa về, trời nóng quá mà đèn màu và những chiếc ghế dài để khách nằm chơi dưới gốc các cây phi lao lại mời mọc mạnh mẽ, nên tôi đành nhượng bộ.

Người ta đồn nhà ấy có ma vì bị quân đội Pháp sung công để làm phòng tra tấn, bao nhiêu người đã chết oan trong đó, kể cả ông luật sư L. Chúng nó hiếp vợ ông trước mặt ông, bị ông mắng là dā man nên chúng nó đá giày vào hông ông đến hộc máu ra mà chết. Tôi ghé thăm ngôi nhà ấy lắm, vì khi quân đội Pháp trả ngôi nhà ấy lại cho chủ nhân của nó, ông này cũng không ở được, đóng cửa bỏ trống rất lâu.

Giờ kẻ khác thuê để lập quán, nhưng những kỷ niệm bi thảm xưa như còn in rõ lên đó, nên tôi cố ý tránh nhìn gần cái nơi thê lương ấy.

Cả anh Kim lẫn tôi đều không hề mặc cảm và anh lái xe vào sân quán, đút chiếc xe khổ của anh vào giữa hai chiếc Mercedes và Fiat-128, coi bọn ấy như nơ-ba⁽¹⁾.

Nhưng kỳ lạ thay, hai thằng khách bản cố nông là chúng tôi lại được một anh bồi bàn bỏ khách sang, chạy bay ra tận xe chào đón.

– Chào cậu Kim và cậu Lộc.

Chúng tôi nhìn lại, thì đó là một gã thanh niên non choẹt và lạ hoắc.

Kim hỏi :

– À em, có gì lạ ?

– Chỉ đến chào hai cậu chứ không có gì.

(1) Nơ-ba : tiếng Pháp ne pas ; nghĩa là không có gì, không là gì.

– Sao em biết hai anh ?

– Cậu thì ai lại không biết mặt. Còn cậu Lộc luôn luôn đi chung xuồng với cậu thì cũng thế.

– À ra vậy.

– Nhưng em lại dễ biết mặt hai thằng khác nữa vì em là con của ông H.T. Em là N. đây.

Hai chúng tôi kinh ngạc, nhìn trừng trừng vào anh bồi bàn tự xưng là N. con của một nhà tỷ phú ở Sài Gòn, ông H.T.

Tôi nói :

– Em đi vào trước, tìm cho hai anh một xó nên thơ nhứt của quán này đi.

N. vâng dạ rồi bỏ chúng tôi. Kim rỉ vào tai tôi :

– Hình như đây là một ổ nhện⁽¹⁾ super luxe⁽²⁾ của ông H.T. và thằng N. này trá hình làm chủ quán để kiểm soát nhân viên.

– Bậy. Ông H.T. làm ăn lương thiện. Các cơ sở của ông ấy đều thịnh vượng, ông chẳng thèm làm nghề Tú ông chi đâu.

– Bỏ nói cũng có lý.

Giây lát sau, chúng tôi an vị rồi thì N. hỏi :

– Cậu Kim thì cà phê sữa đá muôn năm, em đã biết rồi, còn cậu Lộc chắc cũng muôn năm Bireley⁽³⁾ hoặc cà phê đen thật đậm ?

Chúng tôi cười xòa rồi gật đầu. N. đi rồi, Kim lại thắc mắc :

– Lạ quá, họ chỉ bán rượu, nhưng xem kỹ lại thì khách uống rượu rất lựa thưa, phần đông uống nước ngọt. Họ tổ chức đại quy mô thế này mà buôn bán như vậy, không mấy tháng là phải bán cả lúa giống. Mồ hồ nghi họ có làm cái gì nữa.

Tôi hù anh Kim :

– Biết đâu nơi này lại không là một đại bản doanh gián điệp của cường quốc nào, hoặc của miền Bắc.

Anh Kim hơi sợ, nhưng rồi anh bật cười :

(1) Ổ nhện : quán có gái mại dâm.

(2) Super luxe : siêu sang.

(3) Bireley : một loại nước cam đóng chai nhỏ.

– Làm gián điệp mà kẻ thật thà như anh cũng đoán được thì chết bỏ mẹ. Tôi chắc họ làm cái gì, buôn lậu hay gì gì đó, chỉ gián điệp có thể thôi. Nhưng mặc kệ, ta là khách giải khát, lại không tới lui thường thì không hơi đâu mà lo. Vả cảnh sát, công an đều biết quá rõ ta sinh sống ra sao thì họ chẳng thèm để ý tới ta làm gì cho nhọc xác. Ta cứ chơi mát ở đây vài tiếng đồng hồ cho thoải mái là hơn.

– Hoàn toàn đồng ý.

Chúng tôi nhìn lại cái quán. Ngôi biệt thự ấy quá nhỏ, chắc chỉ gồm ba buồng thôi. Buồng trước, buồng tiếp khách, được biến thành quầy phê rượu và các món giải khát không chất rượu. Nhân viên ở đó cũng chỉ có hai đực rựa. Sau quán, tới hù, hay nói cho đúng ra, nơi đó được một bóng đèn nhỏ soi lờ mờ ánh sáng vàng khè của nó xuống cái sân đất nứt nẻ. Đất ở đây là đất sét đen, vào mùa mưa, đặt chân xuống thì bị dính luôn dưới ấy, còn mùa khô thì mặt đất nứt như bị nung. Sân trước có tráng xi măng nên khách mới đi đứng dễ dàng trên đó được.

Anh Kim rất thính mũi nhờ anh làm phóng viên từ nhiều năm rồi, nhưng lần này, anh không có đánh hơi được cái gì cả và khi N. xách tới chai Bireley mà tôi gọi, anh không có hỏi thêm gì hết. Chắc anh đoán rằng cậu con trai ông H.T. giận cha mẹ sao đó, nên thoát ly gia đình, chỉ gián điệp có thể thôi.

Nhìn N. rót nước ngọt cho tôi, tôi hỏi, cố tránh giọng điều tra :

– Em không quen chịu cực mà phải làm việc như thế này, có khổ lắm hay không ?

Tuy chúng tôi không biết mặt N. chớ vẫn nghe danh cậu em là một công tử bột, không học mà cũng chẳng buồn làm ăn gì, chỉ giỏi phá tiền ông bố.

– Dạ, cũng đã quen đi rồi, nên không nghe sao hết.

– Nguyên động lực chắc phải mạnh lắm, em mới lao mình vào cảnh cực nhọc, cho đến đổi quen với cảnh này ?

N. không đáp, chỉ ngược mắt lên nhìn tầng phi lao vì một ngọn gió nhẹ vừa lướt qua và rặng cây này reo khẽ lên. Phi lao là một cái phong kế rất nhạy. Không có máy ra đa nào làm lộ sự có mặt của gió nhạy cho bằng tầng phi lao. Chỉ phiền là ban ngày, trông nó buồn bã quá, lá đã quá thưa,

lại không xanh mắt, cứ cho người ngắm cái cảm tưởng héo úa, suy đồi, tang tóc.

Cặp khách cuối cùng đã đứng lên không kể hai chúng tôi, vì chúng tôi chỉ là đực rựa, không làm cho cái quán này hấp dẫn thêm được chút nào, chúng tôi lại không uống rượu mạnh để quán họ được nhờ cây đòi chút.

– Họ đi hết rồi, chắc sắp đóng cửa phải không em ? Tôi hỏi.

– Còn hai cậu nữa chi. Nhưng quả quán sắp đóng cửa. Ở đây chỉ bán tới 12 giờ khuya thôi, mà bây giờ đã 11 giờ 50 rồi.

– Vậy, đêm sau hai anh trở lên, để nghe em kể chuyện nhé !

N. banh miệng ra mà cười rồi hỏi tôi :

– Em đâu có hứa kể chuyện gì, sao cậu đòi như vậy ?

– Em không có hứa, nhưng hai anh đoán biết là em có một câu chuyện hay, lại đoán rằng em không có ý định giấu chuyện để làm của gia bảo. N. lại làm thỉnh.

Thình lình chúng tôi nghe tiếng đàn bà con gái la lớn ngoài đường :
"Hoan hô !".

Cả ba chúng tôi đều day nhìn ra đó thì thấy hai ba chiếc xe hơi nối đuôi nhau trên đường, đèn màu ở đây soi mờ không biết bao nhiêu là áo màu trên đó.

Đó là bọn nữ chiêu đãi viên của các quán rượu trá hình trên Thủ Đức về Sài Gòn. Bọn này thuê xe tháng, đầu hôm lên đó, khuya lại thì về, và trên đường họ nô đùa như lính Tây.

Thế nghĩa là đã khuya lắm rồi. Chúng tôi trả tiền nước rồi uể oải đứng lên. Không bảo nhau mà cả hai đều riêng biếu N. mỗi người một trăm bạc. Tiền nước của chúng tôi chỉ có một trăm thôi, tức "puốc-boá"⁽¹⁾ của chúng tôi là hai trăm phần trăm, vượt bậc lệ quốc tế, chỉ có mười phần trăm thôi. N. không từ chối, nhưng cũng chẳng hoan nghênh. Hắn có vẻ không cần cóc gì nữa cả. Hắn nhận tiền vì thói quen, bởi làm bồi rượu mà không nhận tiền puốc-boá, khách họ sẽ trở mắt nhìn hắn như nhìn một con quái vật, và nhận mãi rồi thì cứ nhận, một cách máy móc. Có lẽ lần đầu hắn cũng hơi thích vì tiền puốc-boá ở các quán sang trọng nhiều gấp năm, gấp bảy lần

(1) *Puốc-boá* : tiếng Pháp là pour boire, tiền khách hàng cho thêm người phục vụ.

tiền lương, thì kể cũng như hần được tiền túi do mẹ cho một cách bừa bãi, nhưng giờ thì sự thích thú đã hết rồi, chắc vì hần đang ở vào một thời kỳ khủng hoảng mà con người không cần tiền chút nào hết, hay chỉ cần đủ cơm ăn mà thôi.

Tôi có hậu ý nên cho puốc-boa để vương như vậy, còn anh Kim cho nhiều vì đăng trí hay vì thương xót cậu công tử nầy thì không rõ. Tôi định mua chuộc anh con trai nầy, mà cũng là để rình xem phản ứng của anh ta. Và tôi thấy phản ứng đó.

Lúc lên xe, tôi nói với anh Kim :

– Tối mai, lên đây nữa nhé.

– Để xem.

Hai đứa tôi, tuy luôn luôn đi chung xuống, đúng y như đã nhận xét, nhưng mỗi đứa nhìn đời một cách khác nhau. Theo anh Kim thì nếu gã thanh niên kia mà có một câu chuyện để kể cho chúng tôi nghe, thì câu chuyện ấy cũng không giật gân chút nào, chẳng cần khai thác làm gì. Đó là lối nhìn của một người phóng viên.

Tôi không có xe, nên gạt anh :

– Cứ lên đầu hôm đi, rồi khuya lại về Sài Gòn, mỗ sẽ thưởng cho cái nầy rất hay.

– Dụ khi⁽¹⁾ hoài ! Nhưng thôi, được. Ở đây cũng mắc lắm. Vậy chiều, rời nhà báo, ta đi ăn cơm ở đầu đó, rồi sẽ đến thẳng quán Cây Dương của anh.

Chiều hôm sau, tôi đón Kim tại cửa tờ báo hằng ngày mà anh cộng tác. Mỗi chiều anh ghé qua đó hồi 5 giờ, để coi xem đêm nay hoặc mai sáng có phải đi công tác đặc biệt ở đâu xa chăng, hầu kịp chuẩn bị.

Tụi nó thấy tôi mở cửa xe anh Kim, lên ngồi sẵn trên đó, bèn hỏi :

– Tụi bây đi đâu ?

– Đi chơi.

– Nhưng đi quá sớm như vậy chắc phải có gì hay ?

– Ai biết đâu. Cái hay xảy ra bất thần mới thật là hay. Tụi bây đoán rằng tụi tao có "chương trình" thì hẳn là không hay rồi.

(1) *Dụ khi* : *dụ* : dụ dỗ ; *khi* : do tiếng Quảng Đông *khu-oi* đọc trại đi ; nghĩa là : nó. *Dụ khi* : dụ nó, hoặc dụ dỗ sao cho kẻ khác tin theo mình và làm theo ý mình.

Anh Kim từ trên lầu xuống và tụi nó đòi đi theo đông tới bốn đứa. Anh Kim nhận hết, vì chiếc xe hai ngựa của anh có tài chở nặng như xe cam nhông.

Có lần tụi nầy nửa đêm đi Trảng Bàng chở tới tám đứa, trên đường về lại chạy đua với một chiếc Peugeot mà xe vẫn không tan ra từng mảnh và về tới Sài Gòn đứa nào cũng còn sống nhăn. Nhưng tôi ngần :

– Cho khi khác ghen các bồ. Lần này đi thăm một ông bự để vận động một cuộc làm ăn. Các bồ theo, bất tiện lắm.

Tụi nó đã酣 nghỉ, càng nghỉ dữ hơn nên quyết liệt đòi theo. Anh Kim hỏi tôi :

– Nhưng sao lại không cho tụi nó theo ?

– Đứa nào trả tiền cơm cái nè ? Nên biết là tụi tao ăn ở quán Bình Lợi.

Tôi đưa con ngáo ộp Bình Lợi ra cho tụi nó sợ để chúng tôi được yên thân. Sáu miệng ăn với rượu nầy kia không mất hai nghìn rưởi bạc, mà năm đó thì hai nghìn rưởi là quá to. Không đứa nào xung phong chi tiền ăn uống thì ở nhà vậy.

Quả chúng tôi sẽ ăn ở quán Bình Lợi như tôi đã dự định, nhưng không phải vấn đề tiền ăn uống là chướng ngại. Bất quá chung đậu lại mỗi đứa vài ba trăm cũng không thăng nào sạt nghiệp. Nhưng các tía nội ấy đều giống anh Kim, làm việc điều tra, thấy rõ quá là họ điều tra, rồi gặp trường hợp đương sự muốn giấu câu chuyện hay giấu một vài chi tiết thì hồng bét. Các anh là phóng viên rất giỏi nhưng là nhà trinh thám rất xoàng.

Thế rồi chúng tôi ra khỏi đô thành theo đường thiên lý. Không phải là tay nhậu nhẹt, chúng tôi cũng ăn thật lâu. Tôi khuyến khích anh Kim đi tua với hàng mấy chục bàn, để giết thì giờ.

Quán Cây Dương chỉ có khách khi nào trời tối hẳn chớ còn đang chạng vạng họ cũng không vào. Cái quán ấy chỉ có giá trị nhờ đèn màu mắc trong các tầng dương mà thôi, ban ngày rặng phi lao, cái sân rộng mênh mông và ngôi biệt thự nhỏ, cả ba thứ ấy đều rất xoàng.

Cuộc đất từ cầu Bình Lợi lên tới Thủ Đức thuộc loại đất bùn, rất quý đối với những người đào ao thả cá, trồng cây ăn trái hoặc trồng mía mưng, chớ các loại mía khác trồng cũng chẳng mọc vì đất quá ẩm, rất quý nhưng đáng vứt đi đối với người ưa cảnh.

Đã bảo đất đen ở đó, đặt chân xuống là rút lên không được kia mà ! Cây phi lao lại là một loại cây trồng chán đời hết sức là chán. Ngôi biệt thự thì hơi xinh xinh thật, nhưng nó nằm giữa một khung cảnh không nên thơ thì rõ cũng bị lây cái tầm thường vầy quanh nó.

Ngày nay nhà cửa ở nơi ấy đông đúc, chớ năm đó thì từ hàng rào quán đi ra, toàn là lau lách đìu hiu, không có một cái gì để hấp dẫn khách hết. Nhưng về đêm thì phải biết !

Không có gì thần tiên bằng đèn màu hư ảo soi sân rộng, nhất là trên sân người đẹp rất đông, người đẹp vừa xuống xe vào sân, tha thướt, người đẹp nằm nghỉ trên những chiếc ghế "Xuyên Đại Tây Dương", người đẹp ra về năm bảy cô trong năm bảy kiểu áo, năm bảy màu áo khác nhau. Nội bảy nhiều đó cũng đáng đồng tiền rồi.

Nhưng cái thú lớn nhất là nằm đấy nghe thông reo trong gió thoảng, trong ánh sáng hồng dịu hoặc xanh nhạt của một nền nhạc êm dịu mà các ống phóng thanh mắc đây đó rót xuống thật khê nghe như suối reo cùng hòa tấu với nhạc thông, tạo nên một không khí có thể tạm gọi là Bồng Lai.

Chúng tôi kéo dài bữa ăn để đợi tối trời chớ không có gì lạ và để mà thèm quán Cây Dương hầu tăng thêm thích thú của chúng tôi. Vâng, sự thèm muốn bao giờ cũng cho ta ăn ngon hơn, nên lắm khi không thèm nghe, con người cũng cố tạo cái thèm bằng rượu khai vị, có thể mới thường thức đậm đà món ăn sắp có.

Không khí của quán nhậu nào cũng nồng nặc mùi rượu mạnh, mùi các món ăn mặn, quá nặng trăn tục. Quán Bình Lợi hé mở một cánh cửa cho chúng tôi phóng cái nhìn vào một thế giới khác, trên kia, cách đó một thôi đường, một thế giới nhiều áo màu và cả các ly đựng các món giải khát cũng lờ lợc màu sắc : màu cam của Bireley, màu vàng của nước cam Segi, màu xanh trong vắt của nước ngọt dầu măng.

Ở đó người ta thủ thủ thì y như là rặng dương dưới gió. Ở đó các loa phóng thanh buông thật to điệu nhạc vọng cổ, tuy cũng hay nhưng ta bị nghe từбет mắt đến tối, khiến chán tai và dễ sợ lạ. Tóm lại, ở trên kia, cái gì cũng dịu nhẹ, giúp ta nghe thơ thới tâm hồn, thanh thản tấm lòng chớ không sặc mùi rượu thịt như ở đây.

Quán Cây Dương đứng vững được nhiều năm cũng chỉ nhờ cái không khí yên nghỉ ở đó mà dân Sài Gòn rất cần, sau một ngày mệt nhọc vật lộn với cuộc sống trong một rừng bê tông cốt sắt.

Người ta cần một chỗ nằm chơi, một ly nước tính giá năm lần hơn chỗ khác cũng được, miễn là người ta khỏi phải nghe tiếng la hét của khách nhậu ở bàn bên cạnh; khỏi phải nghe mùi nước mắm, mùi mắm nêm, và hơn thế, được nghe mùi của đủ thứ nước hoa, vì khách nào cũng đi với phụ nữ, trừ bọn tôi ra.

Ở đó dần ông cũng uống rượu mạnh, nhưng họ không nói to, cười lớn hay la hét bao giờ. Họ thuộc hạng người biết giữ yên tĩnh cho nhau, đứng như cái lịch sự mà ai cũng cần.

Anh Kim nói :

– Có điều tra thì làm cho chớp nhoáng, còn có nửa tháng nữa là ta hết thích quán này rồi.

– Đồng ý, nhưng cũng tùy nó chịu tuôn câu chuyện ra hay chỉ rõ từng giọt một như bà hoàng trong *Nghìn lẻ một đêm*.

Còn có nửa tháng nữa là tới tháng Tư, tai nhức nhối vì mùa ve xứ này. Ve sẽ kêu vang dậy lên không còn gì là thơ mộng nữa cả, mặc dầu lắm thi sĩ cứ ca ngợi nhạc ve. Quán này phải nhờ sự hoàn toàn im lặng, cái hay của nó mới nổi bật lên, chứ ve làm ồn lên thì hỏng cả. Nhưng không rõ N. hẳn sẽ giữ bí mật tới mức nào mới chịu xì ra.

Tôi căn dặn anh Kim :

– Đừng có hỏi nó cái gì về vụ đó hết nghe không !

– Sao vậy ?

– Thế mới là bí mật nhà nghề. Chọc khéo cho nó nói, hỏi là nó nín luôn cho mà coi.

Khách đêm nay tương đối đông. Mới lên đèn, đã có mười chiếc xe đậu sẵn nơi sân, tức có mười cặp nhân tình hay vợ chồng uống nước rồi. Từ giờ cho đến nửa đêm, họ sẽ tới lu bù.

Tôi thất vọng lắm vì tôi cứ yên trí một cách ngớ ngẩn rằng N. sẽ đang ngồi không như đêm rồi, tôi thất vọng và tôi đâm ghét bao nhiêu ẩm khách ấy mà chủ quán rất là quý trọng. Và rốt cuộc tôi bật cười vì thấy mình ích kỷ một cách vô lý hết sức.

Nghe tôi cười, anh Kim hỏi :

– Cái gì hay ?

Anh Kim là người thực tế, không ưa cuộc sống trầm lặng nên không thích quán nầy như tôi là kẻ đã ngán anh vào từ bao lâu nay. Anh hy vọng ghê lắm khi nghe tiếng cười của tôi, ngỡ tôi vừa bắt gặp trò gì ngộ nghĩnh lắm.

Tôi đáp trở đi nhưng đúng sự thật :

– Nó giao khách của nó lại cho thằng khác vì nó trông thấy chiếc xe khổ của bố.

Anh Kim cười ngất. Quả trong đám khách sang trọng ở đây, bọn tôi có vẻ bản cố nông lắm với chiếc xe hai ngựa mà anh Kim đã tận dụng từ bốn năm rồi nào chở giấy, nào chở trái cây, nào chở bạn hàng bảy tám đứa một lần, đề thùng xe mốp hàng chục nơi. Thế mà chúng tôi không hề mặc cảm, luôn luôn chen vào giữa những xe bóng lộn để dạo chơi. Tôi vừa lấy bằng lái xe là anh Kim gạ bán xe cho tôi, khoe rằng xe đó làm ăn hên số dách nhưng tôi không mua, vì loại hai ngựa đi chơi chung hai thằng đực rựa mới là vui. Nếu tôi lấy chiếc xe đó, anh Kim mua xe tốt hơn, chúng tôi hết chung xuống được nữa.

Năm ấy giá xe hai ngựa cũ, chỉ lố hai mươi lăm ngàn, mà anh Kim thì thừa tiền sắm Peugeot cũ bảy, tám mươi ngàn nhưng trừ tôi ra, anh không khứng bán cho ai cả, vì quả xe hai ngựa hên lắm, làm ăn rất được thiên hạ tín nhiệm, bởi dân Sài Gòn đã bắt đầu sợ bọn đi xe đẹp mà quýt tiền như đi ăn cướp cạn. Người đẹp cũng chẳng chê loại xe nầy, mà nhứt là rất vui, nếu bạn trai đi chơi với nhau, đường gồ ghề thế nào, xe vào ra cũng được như thường, mà ai đi tới đâu ta cứ đi tới đó, không ngán xe nào hết, chỉ hơi phiền là gió Vũng Tàu thổi mạnh chạy xe trên đường núi ta có cảm giác như đang bị gió thổi bay cả xe lẫn ta.

Tôi nhớ ngày tôi lấy bằng lái xe, tôi mượn xe anh Kim đi ra ngoài ấy. Lẽ cố nhiên là cùng đi với anh. Tôi leo núi trơn tru, nhưng lúc xuống núi, anh Kim nói : "Van lạy anh, anh có muốn gãy xương thì gãy một mình anh, để tôi xuống đi bộ vì con tôi còn bé quá".

Xuống dốc núi, xe lắc lư trông rất buồn cười và nhứt là dễ sợ lạ, y như bây giờ mà nó xuống dốc đi vào sân quán vì sân nầy thấp hơn mặt đường.

N. chạy một mạch ra sân đậu xe để đón chúng tôi :

– A, hai cậu, tôi cứ tưởng cậu Lộc nói cà rơn rồi không lên chớ !

N. hoan nghênh chúng tôi không phải vì hai trăm bạc puốc-boa đêm rồi đâu. Hồi y còn ở Sài Gòn, y có nhiều tiền hơn chúng tôi. Còn bây giờ thì y tự ý hành xác chớ không phải dói vì suy sụp đâu mà ham tiền. Nhưng chắc chắn là y buồn vì thiếu bạn. Y đâu có được chúng tôi nhận là bạn, nhưng đâu sao chúng tôi cũng là hai người khách độc nhất vui lòng nói chuyện với y, và đã mang lên cho y hương gió đô thành mà y còn thèm.

Những năm trà thất mới ra đời, nghe nói y là một cây. Từ ngữ "một cây" đã xưa rồi, nhưng nói chuyện cũ thì lại rất hợp. Y là cây sĩ và là cây vung tiền, chúng tôi cứ nghe nói chuyện y ném tiền qua cửa sổ mà ngộp, và cái nghề ký giá công nhân của tụi tôi thật là lép vế trước anh công tử bột này. Nếu giành gãi với y thì bọn tôi thua y tới một trăm cửa của nếp sống hào hoa của y.

Cái bàn đằng góc kia, góc ở phần sân không có cổng vào, là bàn tốt nhất. Sự kiện ấy, chắc nhiều khách biết. Thế mà bàn lại còn trống và N. mời chúng tôi đi tới đó. Chúng tôi tin rằng y đã quyết liệt dành bàn tốt cho chúng tôi và dự định hạn chế tiền puốc-boa mà chúng tôi thỏa thuận với nhau trên xe, đã thấy là không thể thực hiện được.

Mặc dầu làm bồi rượu bát đặc dĩ, N. vẫn quen phần nào với cảnh sống tạm bợ của y, mà công lao để dành bàn tốt cho khách, không phải là một cái công thường thường bực trung đầu, cho ít y sẽ rửa thắm chúng tôi, khó chịu quá.

N. khá tế nhị, không đưa chúng tôi đến đích vì, muốn tránh cho chúng tôi nỗi khổ đi ngang qua trước mặt bao nhiêu người đẹp, bỏ rơi y thì không đành, còn thân mật với y thì không ổn. Thế nên y hỏi :

- Hai cậu uống gì ? Xin com-măng⁽¹⁾ ngay bây giờ để em đi lấy.
- Cho anh một chai Bireley, anh Kim đáp.
- Còn anh thì Martini.

N. hỏi đùa Kim :

- Thưa, cậu Kim uống Bireley sex chớ ?

(1) Com-măng : tiếng Pháp là commander, nghĩa là : đặt mua, đặt hàng, gọi món.

Cả ba chúng tôi đều cười xòa rồi N. tách ra, đi vào trong. Anh Kim nổi danh không uống được lấy một giọt rượu. Đi nhày đầm anh cứ trà đá, nhưng phao vu rằng đó là uýt-ky sô đa, còn đi quán nhậu với anh em thì anh bắt buộc phải nhậu rượu nhưng để rồi len lén đổ. N. đã nghe danh anh nên mới trêu như vậy.

– Đêm nay một đĩa cho phước-boạ thôi nhé - Tôi dặn anh Kim - Mà tôi cần nó thì để tôi trả tiền nước và cho tiền nhấm xà⁽¹⁾.

– Đồng ý.

– Mà nhứt là đừng hỏi gì nó hết về vụ kia.

– Ô kê.

Chúng tôi tới nơi, ngả lưng xuống ghế liền để nghe thông reo, vì vừa ăn ngon xong thêm nằm lấm. Xa lộ chỉ mới thành hình, còn là một con đường đất sét vòng khổng lồ, nên bao nhiêu xe cộ đi và về miền Đông, miền Trung đều chạy ngang qua đây trên đường thiên lý làm giảm bớt sự yên tĩnh ở đây rất nhiều, nhưng đâu sao nơi này cũng là nơi nường nấu tương đối lý tưởng cho những kẻ bị thành phố làm tình làm tội từ sáng đến chiều.

Tôi nghe dễ chịu lạ kỳ, còn anh Kim thì chắc cũng thích nhưng chỉ thích có chừng mực thôi. Anh hợp với cảnh phồn hoa náo nhiệt hơn.

N. đã bung món uống ra, Kim hỏi :

– Em định mọc gốc mọc rễ ở đây tới mấy năm nữa ?

N. đang vui bỗng sa sầm nét mặt xuống rồi buồn hiu như lúc chúng tôi mới thấy hắn lần đầu. Hắn đáp :

– Em cũng không biết nữa ! Để rồi xem.

– Không nhớ Sài Gòn sao ? Câu hỏi này là của tôi.

– Cũng nhớ lắm chứ, nhưng em cần ở đây.

– Kể cả ban ngày ?

– Dạ.

– Các nhân viên khác cũng vậy à ?

(1) *Nhấm xà* : theo PGS Hoàng Dũng thì đây là hai chữ “ấm trà” đọc theo giọng Quảng Đông, có nghĩa rộng chỉ chuyện ầm thực. Tiền nhấm xà cũng như tiền trà nước.

– Không. Quán đóng cửa hồi nửa đêm thì 5 phút sau đó họ đi hết, người thủ quỹ được xe của chủ nhơn lên rước còn tụi nó thì tự lực về bằng xe gắn máy. Chỉ có ông Sáu, người pha cà phê, làm rượu và kiêm luôn quản lý ở đây, là ở lại luôn đây, từ năm này sang tháng khác. Em ở lại với ông ấy.

– Rồi ai nấu cơm cho mà ăn ?

– Ông Sáu. Ngày trước ông ấy làm bếp cho Tây, ông nấu nướng khéo lắm.

– Đi chợ nào ?

– Chợ Thủ Đức hoặc chợ Cây Thị, Cây Quáo, tùy hứng.

– Hứng của ai ?

– Của ông Sáu.

Tôi đã biết một chi tiết qua các câu đối thoại trên. Chính ông Sáu làm bếp và đi chợ. Thế nghĩa là trong vòng rào quán này không có cô gái nào, người đàn bà nào hết.

Anh Kim kết luận rất nhanh chóng, rất thực tế và rất hữu lý, ở bề ngoài :

– Thôi anh biết rồi, em có bồ ở xóm này.

Anh Kim đoán rất đúng. Nhưng không sâu. Quả thật ái tình là một nguyên động lực rất mạnh và chỉ có tình yêu mới lôi kéo được anh công tử bột nhiều tiền, lười biếng và ham vui ấy lên cái xó quê này để làm bồi rượu mà thôi. Nhưng tại sao N. lại không đưa bồ xuống Sài Gòn để lập tổ uyên ương ? Các cô con gái ở làng cô nào lại không mê dò thị thì cái chuyện rù nàng bỏ làng, dễ như chơi. Và nhứt là tại sao N. cứ buồn, đáng lý thì hẳn vui vì toại nguyện, toại nguyện không lâu dài thì ít lắm cũng trong giai đoạn này ?

Tôi chỉ uống rượu để hết tanh miệng sau một bữa ăn toàn thịt, món nào cũng thịt, chớ tôi cũng khát nước lắm. Cuối tháng Ba ta mà ! Và lại thấy anh Kim tự biến anh ra một cái thùng chứa nước ngọt thì đổ ai khỏi bị lây cái khát nước của anh. Thế nên tôi lại gọi một tách cà phê sữa đá và anh Kim gọi thêm một ly Bireley.

– Lạ quá anh Lộc à, Kim nói sau khi N. xây lưng đi. Các quán lộ thiên ngoại ô, nếu không phải là ổ nhện trá hình, họ cũng mượn vài cô bồi rượu để quyến khách vì phần đông đực rựa họ chỉ mê quán vì các nàng thôi, không như bọn ta, ta có thể mê một gốc cây, một mái tranh ở đằng xa, sau quán. Nhưng ở đây lại không có nhân viên phụ nữ. Thật là hi hữu, nhất là quán lại không có gì khác, như một món ăn đặc biệt để thay thế cho nàng.

Anh có thấy hay không, các quán ngoài mũi Nhà Bè, lụp xụp vậy, mà họ lại đã có tôm nướng, tôm luộc được khách ưa, không có gái, bán cũng chạy hàng.

– Hình như là N. nó cũng đã ngạc nhiên như ta và rồi nó tò mò, nên mới mắc nạn.

N. đã trở ra. Tôi hỏi y :

– Em nè, theo em thì quán này có khách, nhờ gì ?

– Cậu hỏi lạ. Chính em mới không biết lý do đắt khách ở đây, chớ còn cậu thì đã cất nghĩa rất ổn.

– Anh đã cất nghĩa ? Hồi nào ?

– Trong một tiểu thuyết đăng báo. Cậu đã thi vị hóa mấy chiếc ghế "Xuyên Đại Tây Dương" nẩy ở những cái quán bờ sông, trong giải trí trường Thị Nghè ấy mà.

Anh Kim bật cười. Quả còn một nơi nằm chơi thứ nhì nữa với loại ghế nẩy ở Thị Nghè, mà tôi đã dùng làm khung cảnh cho một tiểu thuyết. Anh Kim cười vì nhớ ra rằng tôi đã khoe tiền lời trong suốt một mùa nực mà tôi la cà ở đó, rất tốn tiền nước vì đó là quán bình dân, nhưng lại tìm được một nhân vật và một đề tài cho nhân vật đó, viết thành truyện để bán.

– Chỉ vì thế mà thôi à ?

– Chỉ vì thế, cậu há lại không biết rằng những đôi vợ chồng mới lấy nhau, những cặp nhơn tình, còn tìm đâu được một nơi như thế nầy để mà nhỏ to tâm sự. Những cái quán trong giải trí trường Thị Nghè mà cậu tả nên thơ hơn ở đây vì có bờ sông, có gió chiều, có lá bàng rơi ngay cả giữa mùa nực, nhưng đó là quán bình dân. Những cặp tình nhơn người bình dân đôi khi vào đó nhưng thường thì họ vào công viên Bạch Đằng ngồi trên bãi cỏ cho khỏi tốn tiền, còn người sang trọng biết đi đâu, nếu không tới đây ?

– Em nói có lý.

– Nhưng sự thật ấy, em cũng chỉ mới biết đây thôi. Trước kia, em giống như hai cậu, cứ thắc mắc hoài và hồ nghi dữ lắm. Còn trẻ, tánh còn tình nghịch lại không phải làm việc để mà sống, nên một hôm, giữa ban ngày, em mới trá hình làm dân thất nghiệp cỡi mô-bi-lét lên đây để xin chỗ làm.

Anh Kim hỏi :

– Em quyết khám phá cho ra bí mật mà em nghi rằng nơi này chứa thật ?

- Dạ, đúng như vậy. Là thổ công ở Sài Gòn, em đâu có chịu nhốt ở đây.
- Em xin việc có khó lắm không ?

Sợ anh Kim ló đuôi điều tra rồi N. lúi vào trốn trong im lặng của y, tôi chỉ cái gốc cây bị đốn cho trống sân, nhưng gốc được chừa lại vì sợ bứng cái gốc quá to ấy thì bể xi măng tráng sân đi, tôi chỉ gốc cây ra hiệu cho N. ngồi.

- Em uống gì, tôi hỏi.
- Cảm ơn cậu, em không uống.
- Sợ thân mật với khách rồi bị chỉnh hử ?

– Dạ không, họ đã biết em là ai rồi. Em chỉ mới trở lại đây làm từ một tháng nay. Và trong thời gian em thôi việc là họ biết chân tướng của em vì em trở lại quán với tư cách một người khách lái Mercedes.

Không uống nước, N. vẫn xem y là khách như bọn tôi, và tâm trạng nầy khiến y cởi mở được. Và lại, y đã trót mở cái nút đóng chặt một ống nước to, nút mở rồi thì đành phải để cho nước tuôn ra, không mong khóa miệng ống nước được nữa.

Từ đây đại danh từ TÔI (chỉ N.) người bồi rượu kể câu chuyện dưới đây, chớ không phải tôi, Bình Nguyên Lộc, kể ghi lại câu chuyện nữa, vì từ đây hẳn xưng hô với tất cả mọi người.

*

* *

Quán nầy mở cửa được một tuần lễ là tôi có mặt ở đây, dĩ nhiên là với tư cách một người khách đi chơi đêm. Hai cậu cũng biết rằng tôi là thổ công Sài Gòn, hai cậu không biết mặt tôi thật đó, nhưng hẳn có quen tên, nghe tiếng.

Nhưng thằng thổ công Sài Gòn đâu có cam phận chỉ làm thổ công Sài Gòn. Nó có tham vọng làm thổ công ở mọi nơi, nhất là ở các ngoại ô xa, vì về phương diện các nơi ăn chơi, ngoại ô xa bị kéo vào chung xuống với Thủ đô, ở thành phố nào cũng thế.

Y như hai cậu đêm nay, tôi hồ nghi dữ lắm, chỉ khác hai cậu là trước đó, tôi lại có thất vọng nữa. Vâng, tôi còn quá trẻ thì thất vọng vì cảnh tiên nầy lại thiếu tiên nữ, là chuyện mà hẳn hai cậu coi là thường, chớ không cười chê gì.

Tôi hồ nghi, nhưng không ngồi đó để đứng đắn vắn vỏi bởi rượu như hai cậu. Tôi giả vờ cần đi ngoài, tìm hỏi nhà vệ sinh để có cơ mà khám xét phía sau nhà.

Tôi quan sát, tôi lục lạo thật kỹ, nhưng quả thật không có bóng hồng nào lấp ló ở cửa buồng nào hết.

Biệt thự gồm ba buồng nhỏ, ba thước năm trên ba thước năm mỗi buồng, hai buồng trước dùng bày rượu và đặt quây cho thu ngân viên, anh nầy là đàn ông, và đêm nay cũng vẫn cứ là anh ta, như từ bao giờ rồi. Người quản lý kiêm phân phát các chai rượu và gọi ra sau bếp kêu cà phê, cũng là đàn ông, và cũng cứ là cái ông quản lý đêm nay. Ông ta ngủ ở buồng thứ ba, xây sau buồng trước, bên hữu, tức hướng Thủ Đức. Cách nhà năm thước là nhà bếp và vài căn nhà phụ như là kho chứa dụng cụ làm vườn, buồng ngủ của tôi tớ.

Ông quản lý luôn luôn mở rộng các cửa buồng của ông ta ra, cả khi ông ngủ. Cửa nhà bếp và các căn nhà phụ thuộc cũng mở rộng và có thấp đèn. Không, nơi này quả không có chứa gái, cho đến người nấu nước pha cà phê cũng là con trai, một anh nông dân.

Cái ông chủ quán nầy thật là dị kỳ. Tại sao ông ta không cho một nốt nhạc vui vang lên ở đây, nhạc lành mạnh cũng được, tôi muốn nói đến người thu ngân viên, người nầy có thể là một thiếu nữ. Có bóng giai nhân ở đây, không khí sẽ thơ mộng hơn biết bao.

Vậy tôi không khám phá được gì hết, nhưng tôi không bỏ cuộc vì chúng nó mần ăn kiếm hiệp lắm, lắm kẻ rất thạo cũng chẳng biết đầu là đâu.

Có thể chúng nó đặt đại bản doanh trong một nếp nhà tranh, ở ngoài vòng vào quán, và khách phải là người quen thân kia mới được đưa đi. Tôi còn trẻ quá họ sợ tôi bép xép, chớ không phải nghi tôi là nhân viên kiểm tặc đâu.

Tôi không bỏ cuộc vì tôi biết tẩy của bọn nuôi em mà nhứt là vì tánh háo thắng của tuổi trẻ. Nào có đáng gì mà phải bỏ công ra quá nhiều, bởi tiên ở đây cũng cứ là ba cái con bị thiên hạ quá biết mặt ở Sài Gòn, chớ cũng chẳng phải là dân rước từ Băng Cốc hay Hồng Kông về.

Sự trì chí của tôi là một trò chơi, nó hay tự nó, chớ không hay vì mục đích, nó hay như cuộc leo núi của các nhà thể thao, họ liều cả mạng sống để trèo núi đá cao sáu ngàn thước. Lên tới đỉnh giây lát họ tuột xuống rồi

tuyên bố : "Trên ấy không có gì cả, nhưng chính cuộc leo trèo là một cái thú vô song".

Các cậu cũng thế, chắc các cậu sung sướng lắm trong lúc viết, nhưng lúc buông bút, chắc các cậu không buồn đọc lại coi rốt cuộc nàng có lấy chàng hay không, coi nàng đau khổ như các cậu tả có đủ đau lắm hay không.

Thế nên đêm ấy tôi về Sài Gòn nghỉ kế, rồi sáng ra giữa ban ngày, tôi trốn nhà, đi bằng một chiếc mô-bi-lét khổ, lên xin việc.

– Và xin được ngay ? Kim hỏi.

– Vâng, nhưng đó chỉ là nhờ may mắn thôi, bởi khách càng ngày càng đông mà bồi rượu chỉ leo heo mấy đứa.

Tuy nói thế, chớ tôi có nhận được tức thì đâu. Phải qua một cuộc khảo sát.

– Trời, làm bồi rượu mà cũng phải thi nữa ?

– Dạ, nhưng họ thử tôi chơi chớ nếu tôi dân một cục, họ cũng nhận như thường, rồi cho tôi tập sự vài đêm.

– Thi cách nào ?

– Ông quản lý ở luôn đây, nên chính ông ta nhận lời xin việc, làm giám khảo, ông ta cũng có quyền nhận luôn người làm, nếu kẻ ấy có khả năng. Các cậu thấy chớ, đó, cái ông đầu bạc, tóc ngắn, ngồi gần người thu ngân viên đó. Ông ta ngày xưa làm bồi cho Tây, rồi lên phụ bếp, sau lên bếp chánh. Tây đi hết rồi, ông ta làm cho người mình, nhưng vẫn lên chức, lên lương, chớ không sút kém đâu vì nghề bồi, nghề bếp, nghề quản gia, coi vậy mà toàn những tay chuyên môn cần thiết cả.

Về môn khảo hạch miệng thì có hai giai đoạn. Ông ấy bắt tôi kể đủ cả tên các thứ rượu ngoại quốc có nhập cảnh ở Sài Gòn. Kế đó ông ấy ngồi làm khách, kiểm chuyện gây sự để xem tôi thạo lễ độ tới mức nào, và có giỏi nguy biện hay không.

Phần thực hành phải qua hai giai đoạn, giai đoạn đầu là đặt mâm xuống bàn, để ly ra bàn, và rót rượu. Ấy, khó lắm đa, thưa hai cậu. Đặt mâm mạnh tay thì bị xem là vô lễ, hồng. Nhưng quá sợ, hóa ra khúm núm, khách họ khinh quán nhà quê, hồng. Rót rượu thì tương đối dễ, ví như rót xong, dựng đứng chai rượu mới là then chốt của nghề làm bồi rượu. Lật chai quá chậm, sẽ có những giọt rượu nó chảy ngoài thành chai, bắn cái chai mà lại hao rượu. Còn lật quá nhanh, lăm lăm chực chờ để lật cho được

nhanh thì rất có thể rót không đủ số lượng cho khách, lắm ông khách họ so đo từng chút, vô tình mà ăn gian họ, cũng không được phép làm.

Giai đoạn chót buồn cười ghê lắm, là bung một mâm rượu ly mà ly rượu nào cũng đầy, mà chỉ bung bằng một tay thôi, rồi chạy cho thật lẹ như là chạy đua vậy. Nhiều cậu bồi rượu chạy tới đích mà rượu không sánh, không mất một giọt. Tôi không giỏi quá như vậy, nhưng không làm đổ ly trên mâm là được rồi.

Ông quản lý ấy tên là Sáu Dậu. Ông Sáu rất hài lòng về tài của tôi, và thương mến tôi lắm. Ông ấy tin là tôi đã làm bồi ở La Pagode⁽¹⁾, vì tôi thạo đủ cả tên rượu, mà rót rượu cũng không dớt, ăn nói lễ phép nhưng không hạ mình. Ông ấy bảo là tôi giỏi hơn ông, thuở ông ấy bằng tuổi của tôi ngày nay.

Ông ấy thương mến tôi, nhưng vẫn bắt tôi ở sau bếp. Ông ấy độc thân từ nhỏ đến lớn và không ưa ai ở chung buồng với ông ấy hết.

Tôi bắt đầu làm việc ngay tối đêm đó, và mãi đến 12 giờ đêm chủ quán từ Sài Gòn lên lấy tiền kết, tôi mới được trình diện với ông chủ. Lương tháng là một ngàn rưỡi, như ông Sáu đã cho biết. Nhưng nghề bồi rượu không cần lương, ở bên Tây, muốn làm bồi rượu còn phải trả tiền cho chủ quán nữa là khác vì tiền puốc-bova nhiều lắm, mỗi tháng kiếm bảy tám ngàn là thường.

Anh Kim thúc cùi chỏ tôi, rồi hai chúng tôi lặng lẽ cười với nhau để nhớ lại số tiền puốc-bova để vương mà chúng tôi biểu N. đêm đầu. Bọn này hưởng của mỗi bàn mười phần trăm số tiền giải khát, mỗi đêm mỗi cậu phục dịch ít nhất là mười bàn, mỗi bàn xài trung bình năm trăm đồng, tức biểu các cậu năm mươi đồng, mười bàn là năm trăm bạc, mỗi tháng mỗi cậu kiếm được tới mười lăm ngàn, vậy mà thỉnh thoảng còn có một vài ông khách quê, điên, hoặc ngông biểu thật nhiều thì bảo sao các cậu không hút toàn Lucky, Camel, vân vân...

Suốt đêm làm việc đầu, N. kể tiếp, không có gì lạ xảy ra cả, không có ông khách nào nhờ ai đưa đi hết, kể cả đi nhà vệ sinh, khiến tôi kinh ngạc lắm. Y như hai cậu, tôi cứ thắc mắc tại sao họ tổ chức đại quy mô như thế này, mà chỉ ăn mặt thật, không trá hình như ở các quán khác.

(1) *La Pagode* : tên một nhà hàng ở đường Catinat (trước 1975 là đường Tự Do), nay là trụ sở của Sài Gòn tourist.

Bằng như đây là ổ nhện trá hình nhưng đêm rồi không có khách giải trí lành mạnh thì hết "xú óách"⁽¹⁾ rồi, vì lỗ vốn.

Thế nên định làm một đêm thôi, rồi điểm mặt ông quản lý cho ông ngân hầu đêm sau trở lại với tư cách khách giải trí, tôi lại phải làm bồi luôn tới ba đêm, mà cũng chẳng thấy gì hết. Tuổi trẻ hăng lắm, nhưng cũng mau chán như một mớ lửa rơm, nên chỉ chiều ngày thứ tư, tôi quyết đêm nay hãy gặp khách quen là bỏ chỗ làm, cộp xe⁽²⁾ của họ để về Sài Gòn.

Tôi thất vọng lại đâm sợ. Nếu họ không nuôi các em thì hẳn họ buồn lâu hay làm đại bản doanh cho một tổ chức gián điệp nào. Như thế, càng dính lâu với họ, càng được "may mắn" chịu vạ lây.

Rồi chàng vạng tối tối, lúc các đồng nghiệp của tôi lần lượt tới nơi, thì bỗng tôi thấy bóng dáng một người con gái từ nhà bếp, từ căn nhà mà tôi ngủ, đi ra ngoài sân rồi vòng ra sau nhà bếp.

Lúc ấy tôi đang đứng ở cổng nói vài ba câu chuyện với một thằng bồi ở gần, thằng N.C., thằng này là dân Sài Gòn, nhưng lấy vợ trong xóm này, từ nhà lại đây, nó cuộc bộ chớ khỏi dùng xe.

Sân quán này sâu mười sáu thước như các cậu thấy, biệt thự sâu bảy thước, sân sau biệt thự sâu năm thước, thế nghĩa là tôi thấy người con gái ấy ở cách tôi tới hai mươi tám thước, mà lại thấy trong bóng hoàng hôn nữa thì các cậu biết tôi có thấy rõ hay là không. Tuy nhiên, tôi vẫn biết được rằng thiếu nữ không lam lũ và không quê như các thôn nữ thật sự, mặc dầu nàng chỉ mặc đen.

Có thể nàng xấu như bà Hoàng hậu họ Chung⁽³⁾ cũng nên, nhưng đây là người phụ nữ độc nhất trong cái quán chứa toàn đực rựa nên tôi cứ muốn biết nàng ra sao. Tôi bỏ thằng N.C. đồng đi một nước. Nhưng sau dãy nhà bếp, không có ai cả.

Sân nhà này, sau nhà bếp, là lau sậy, nhứt là tranh, đế. Hai cậu đã biết là ngôi biệt thự này từng bị bỏ hoang trong nhiều năm, trước khi chủ quán sửa sang lại, nhưng ông ấy đâu có cần cái phân sân ở đằng sau mà dọn sạch cho tốn tiền công, bởi tranh và đế là hai loại cỏ mà rễ mọc chẳng chịt dưới

(1) *Xú óa ch* : hết gân, hết sức, không còn làm gì được nữa.

(2) *Cộp xe* : đi nhờ xe không trả tiền.

(3) *Xấu như bà Hoàng hậu họ Chung* : Chung tức là Chung Vô Diễm, một nhân vật trong truyền thuyết Trung Hoa thời cổ, tương truyền rất xấu xí.

đất, cày đi cày lại mấy lần, vẫn không diệt hai thứ cỏ lớn ấy được, nó còn khó xới hơn là cỏ thụ ở rừng sâu nữa.

Tôi đứng đó mà đợi lâu lắm, nhưng chẳng thấy tăm hơi ai cả, đèn ở sân trước đã đỏ lên rồi mà tôi vẫn không buồn trở ra đó. Tôi tự hỏi phải chăng nàng mắc cỡ với các anh bồi con trai, nên đi ra mà tránh cổng ? Nhưng sao không nhảy rào ở hai bên hông quán cho dễ lại khỏi sợ rắn nữa, mà lại lúi đầu vào trong lau, sậy, tranh, để ? Và nàng ở đâu mà đến đây, để gặp ai tại nhà bếp ?

Tôi bèn trở vào dãy nhà phụ thấp lè tè, trong đó có buồng ngủ của tôi. Anh nông dân được tuyển mộ để nấu nước pha cà phê, ngồi chồm hổm trên nền gạch Tàu, không buồn, không vui, sau lưng anh ta, lửa củi của hai cái lò chấy rần rạt rất to, vì đây là hai ấm nước hoàn toàn lạnh, cần được đun sôi ngay, những ấm sau, dùng hết nửa ấm thì hắt thêm nước giếng vào, mau sôi lắm.

– Anh vừa có khách hả ? Tôi hỏi.

Hắn ngược lên nhìn tôi, ngờ ngác.

– Thôi mà, làm bộ chi vậy bồ. Có đó đẹp lắm, chắc đến để hẹn với bồ khuya nay gặp nhau tại đâu đó chứ gì ?

Anh nông dân tên là Được đỏ mặt tía tai lên rồi chối leo leo :

– Tôi không có...

Tôi nạt anh ta :

– Không có thật hả ? Tôi bắt được quả tang rồi đó. Nếu biết anh em, nói chuyện nghe chơi thì tôi tha, bằng không tôi mách với ông Sáu quản lý cho coi.

Tôi chỉ dọa bóng anh nhà quê nầy vậy thôi, chứ có bồ thì mắc tội lỗi gì mà phải sợ ông quản lý.

Nhưng hắn ta khiếp sợ lắm. Hắn ta năn nỉ tôi :

– Tội nghiệp tôi anh ơi, tôi nghèo lắm.

– Ủ, thì tôi thương anh, nên mới tha cho anh đó, chứ còn cái tội cho con gái vô đây thì phải biết.

– Nhưng tôi đâu có cho con gái vô đây hồi nào !

– Trời, anh nầy thật lẻo mép. Còn mới ràng ràng đây nè. Cô ấy vừa nói chuyện với anh khi nãy.

– Oan cho tôi lắm anh ơi ! Chắc cô ấy nói chuyện với ông quản lý.

– Bộ anh muốn chết hả ? Ông quản lý đã năm mươi, còn cô ấy thì mới mười tám, đáng con ông, anh coi chừng miệng mồm. Vả lại, cô ấy từ đây bước ra, còn ông quản lý thì đang ngồi nói chuyện với thầy thâu tiền vừa mới tới, ở trên nhà.

– Tôi thể với anh là không có cô nào ở đây hết. Tôi tới đây đã nửa tiếng đồng hồ rồi, có nhìn vào đủ các căn nhà, căn nào cũng mở cửa, mà không có ai trong đó hết.

– Anh có nhìn vào buồng vệ sinh hay không ?

– Có chứ sao không.

– Tại sao anh lại nhìn vào các căn nhà ấy để làm gì ?

– Là tại tôi đi ngang qua đó để tới nhà bếp vô tình nhìn vô trong ấy.

Dãy nhà phụ này gồm bốn căn, một căn dùng làm nhà bếp, một căn nhà xe, một căn để tôi ở, một căn ngày xưa chứa dụng cụ làm vườn, và một cái buồng nhỏ xây khít vách căn thứ tư này là buồng vệ sinh. Tôi ngủ trong căn nhà mà ngày xưa dành riêng cho tôi ở, căn nhà xe thì chứa củi nấu nước và nấu ăn cho ông quản lý, căn dụng cụ làm vườn thì bỏ trống.

Tôi chỉ dọa cho Được sợ mà khai thật thôi, giờ tôi đã tin hẳn rồi, nên không còn biết làm gì, nói gì nữa. Thế nên tôi bỏ hẳn, thơ thẩn đi vòng bên hông phía hữu của biệt thự để ra sân quán.

Ông quản lý bỏ buồng trống, nhưng thấp đèn sáng trưng nơi buồng ông. Không có ai trong đó cả.

Người khách đầu tiên đã đến với cả gia đình gồm một bà vợ và bốn con. Tôi quên mất rằng chủ quán họ không đại đâu. Họ làm ăn thật như thế này thì họ lấy được khách gia đình, loại này có thể còn đông hơn là loại ăn chơi nữa. Tại bao nhiêu ông chủ quán khác đều chỉ nghĩ đến loại khách kia khiến ta bị ám ảnh vì độc cái loại đó. Ông này đã tìm được một con đường độc đáo để mà đi riêng, thành thử khách của quán này, toàn là khách "lành mạnh" số dách, tẻ lắm là họ đưa nhơn tình tới, chứ không hề có người bắn thủ vào đây.

Đêm nay, tôi quyết tìm người quen, trái hẳn với các đêm trước mà tôi cố tránh người quen. Phải về Sài Gòn mới được, vì buồn lắm rồi. Mỗi đêm giai nhân tới đây đông đủ lắm, nhưng đó là người đẹp của họ, mình ngắm thì càng nghe cô đơn hơn, chịu làm sao cho thấu. Tôi phải trốn một cách

không đẹp dễ như đã dự định, vì ông Sáu ông ấy thương tôi lắm, tôi bỏ ông ấy không đành, ông ấy mà nói một tiếng để cầm chân tôi lại là tôi thua trận ngay. Ông ấy cho tôi ở lại quán là ban cho tôi một ơn huệ lớn mà không anh bối nào được hưởng hết. Lắm anh ở Vĩnh Hội, ở Phú Nhuận quá xa, mà vẫn phải chạy xe về nhà nửa đêm, khổ hơn bọn nữ chiêu đãi viên trá hình trên Thủ Đức nhiều lắm, bọn ấy nhờ quá đông nên thuê ô tô hằng tháng mỗi đêm đưa rước họ tận nhà.

Ông ấy lại cho tôi ăn cơm mà không lấy tiền thì đó lại còn là một ơn huệ lớn hơn. Ông ấy thương tôi vì ngỡ tôi là bồi rượu chánh hiệu con nai, và tình thương này là tình thương thường có nơi một người hành nghề thâm niên đối với một đứa cháu mới vào nghề mà giỏi giang, chứ không có gì lạ.

Tôi phải đi, vì không còn lý do ở và tôi phải trốn vì rất có lý do mà trốn.

Đêm nay là đêm mười tám ta, nên khi trăng lên, khách họ đòi tắt đèn để thưởng trăng. Mặc dầu chiều ý họ thì thất lợi cho quán, bồi đèn màu mắc trong các tầng phi lao đầu có phải để soi sáng họ mà để quyến rũ khách chạy xe hóng mát trên đường thiên lý, những người này đông lắm, vì tình hình trong nước thật yên ổn chớ không phải khó khăn như những năm 1952, 1953 đâu. Mặc dầu thất lợi là thế, họ cũng được thỏa mãn vì ông quản lý có làm bồi rượu cho các quán Tây, ông ta quen với sự chiều khách của người Tây.

Thật là thần tiên, thần tiên hơn đèn màu nhiều lắm. Dân Sài Gòn chỉ thấy đèn sáng trắng nên mê đèn màu mờ rồi quên mất ánh trăng, vẫn có tại thủ đô nhưng bị ánh điện lấn át đi. Thỉnh thoảng hưởng được ánh trăng như thế này thì bao nhiêu người đẹp áo màu đều hóa ra Hằng Nga thứ thiệt hết ráo. Đêm ấy chắc cậu nào còn do dự về một cô như tình đều quyết định hứa hôn, để rồi đi hưởng trăng mật ở nơi khác, nhờ con trăng ở đây.

Nhưng không thần tiên cho tôi chút nào hết vì tôi không tìm được người quen nào cả. Ở lại thêm một đêm cũng chẳng sao, sáng lại nói láo là đi Sài Gòn chơi, rồi đi luôn một cách dễ dàng, nhưng tuổi trẻ nóng tánh, muốn gì, muốn cho bằng được, đến chừng hết thích lại càng muốn vút ngay tức khắc. Thế nên tôi rầu lòng mà thu dọn ly mâm, lúc ông chủ quán lên lấy tiền, và rước thâu ngân viên về Sài Gòn. Tôi định ninh rằng tôi phải qua một đêm thao thức đợi sáng.

Giây lúc sau, đèn tắt cả rồi là tôi nghe ông Sáu ngáy pho pho. Ông Sáu bụng bự và mặt phì nộn hồng hào, rất có vú chủ như ông. Đó là hạng

người nằm xuống là nắm tay lại mà ngủ liền, hạng này không hề băn khoăn về nhơn sinh, về vận nước, về tình yêu, còn về tiền bạc thì ban ngày họ tính toán đủ lắm, nhưng họ đã đóng cửa trí não của họ cùng lúc với đóng cửa tử sắt.

Ánh trăng dịu mát rơi lên mớ tóc buồn của rừng phi lao, và trên đường thiên lý, thỉnh thoảng một chiếc ô tô lộng lẫy chạy qua, họ rước đào đi, hay đưa đào về. Tôi đặt giường bố⁽¹⁾ trước căn buồng của tôi để nằm cho mát và định tối mai sẽ đi chơi suốt đêm để bù lại với non một tuần lễ tu khổ hạnh tại nơi này.

Tôi nằm rất lâu, đôi mắt lim dim nhưng chưa ngủ. Tôi sợ rằng tôi phải thao thức đến sáng, nhưng tuổi ăn ngủ hai mươi đầu sao cũng lần lượt được mọi băn khoăn, bực bội, buồn chán, nên đôi mi tôi cứ nặng dần và tôi biết chừng hai phút đồng hồ nữa là tôi sẽ hóa thành cái xác chết với giấc ngủ rất nặng của tôi.

Thình lình tôi nghe thông reo hơi to mặc dầu trời lặng gió. Có lý nào mà gió lại chỉ đi trên trời, bỏ quên mặt đất hay không ? Nhạc không đọc âm cứ tăng cường độ lên mãi khiến tôi ngạc nhiên, ra khỏi giấc mơ màng, tôi mở to mắt ra, định day mặt về phía trước để nhìn ngọn phi lao thì ồ nẩy lạ... người con gái thấy lúc chàng vạng tối đang đứng trước mặt tôi, cạnh giường bố, nhìn tôi trân trối.

Không, tôi nói sai, người con gái khi đầu hôm tôi không thấy rõ, có thể đó là một người, mà cũng có thể người khác. Tuy nhiên cô này cũng mặc toàn đen, cũng không quê, cũng không lam lũ. Nàng mặc một bộ bà ba bằng lụa đen nhơn tạo, may khéo không nhờ thợ may mà nhờ nàng có một tấm thân khéo tạc.

Nói nàng là gái của chợ cũng đúng vì diện mạo của nàng không giống diện mạo các cô gái quê, nó như thế nào tôi không tả được, nhưng trông là biết ngay ai là người ở chợ, ai là người ở làng. Tôi nói là "cũng đúng" vì có lắm cô gái quê, có tướng người thị thành lắm, và trái lại.

Mặt nàng có đẹp hay không ? Chắc chắn là đẹp. Tôi đâu có phải là một anh con trai dốt gái, thiếu kinh nghiệm so sánh. Vâng, có so sánh nhiều, mới biết đúng ai đẹp, ai không, chứ còn mới gặp một thiếu nữ xinh xinh lần đầu, người con trai mới lớn lên nào cũng cho là đẹp cả.

(1) *Giường bố* : giường vải.

Nàng đẹp, đẹp hơn tất cả các người đẹp mà tôi đã gần gũi thân mật, nàng lại được cái ưu điểm là nàng trông ngây thơ hơn họ. Nàng không đánh phấn, tô son, đánh là thế, nhưng nếu những cô Tuyết, cô Vân, cô Madeleine, cô Marguerite quen thân với tôi mà không đánh phấn, họ cũng lạnh lợi, xảo quyệt hơn nàng, ít lắm là ở gương mặt, còn ở tấm lòng thì... mặt nào, lòng nấy, thường thì như vậy.

Tôi vụt ngồi dậy, nhìn nàng rồi ấp úng hỏi :

- Em tìm ai ?
- Anh hỏi làm gì ?
- Ai cho phép em vào nhà nầy ?
- Anh có phải là chủ nhà nầy không ?
- Không. Nhưng mà...
- Chỉ có chủ nhà, chủ thuê, hay đại diện của họ mới có quyền hỏi điều đó.

Tôi cứng họng mấy phút, rồi trêu chọc, vì không còn hỏi khó cô ta được nữa.

- Anh Được đã về nhà anh ấy từ lâu rồi, anh ấy không có ở đây.
- Mặc anh ấy.
- Nhưng ai cho phép cô nhìn tôi ?

Cô ta cũng hỏi lại rằng ai cho phép anh nhìn tôi ?

Tôi cười xòa, và nàng cũng mỉm cười, trông dễ thương lạ.

- Chắc cô em đã từ đây đi ra, lúc chạng vạng tối ?
- Có lẽ.
- Ngộ nhỡ tôi la lên, vu cô em là kẻ trộm thì sao ?
- Thì người ta sẽ cười vào mũi anh.
- Sao vậy ?
- Anh cứ la hoảng lên đi thì sẽ biết.
- Cô em ngồi đây với tôi.
- Không.
- Nhưng cô em cứ nhìn vào mặt tôi, tôi khó ngủ lắm.

– Thì cứ thức, để sáng mà về Sài Gòn với những cô Tuyết, cô Vân, cô Madeleine, cô Marguerite của anh.

- Trời, sao cô em biết ?
- Biết cái gì ?
- Biết rõ đời tôi ?
- Bí mật. Cô gái hóm hỉnh cười rồi đáp như vậy.
- Chắc cô em là tay sai của ai, đến đây dò xét tôi ?
- Có lẽ ?
- Để làm gì ?
- Để ăn tiền.
- Ủ, dò xét để ăn tiền. Nhưng họ thuê cô em dò xét tôi với mục đích nào ?
- Tôi biết sao được. Vả, tôi cũng chẳng cần biết.
- Là quá ! Chắc ba tôi cho người đi tìm tôi ?
- Chuyện đó có thật. Nhưng họ không biết anh ở đây.

– Trời, té ra cô biết nhiều đến thế, biết rõ cả những gì xảy ra trong nhà tôi. Thế ông cụ có sợ hãi lắm hay không ?

– Bà cụ khóc dữ lắm, cho người lục lạo ở các nhà thương, ở nhà xác đồ thành. Còn ông cụ thì cứ bình tĩnh, đích thân đến dò hỏi các bót cảnh sát, công an.

– Tôi có đọc báo, không nghe báo đăng tin vật về một công tử bột mất tích. Họ lấy tin ở các bót, chắc ba tôi đã yêu cầu các bót giữ kín cho. Ông già sợ tôi ế vợ ấy mà, các cụ có con gái, họ thấy tin đó thì phải chỉ ra vài triệu họ mới bằng lòng gả con của họ, cho tôi là thằng hư hỏng, bởi mất tích mà không bị bắt vì chính trị, không trôi lênh bênh trên mặt sông Bến Nghé, tức là đã đi theo gái bá vợ rồi, không còn ngờ gì nữa.

Ông cụ của tôi chắc đoán như vậy, nên mới "bình tĩnh" được, như thiếu nữ nây cho biết.

– Anh dẫu hàng em rồi đó. Vậy em ngồi lại đây với anh, rồi muốn làm thịt anh, anh cũng để cho em hạ dao, không chống cự đâu. Nhưng mai anh về, em sẽ hết sứ mạng, chắc em không bằng lòng ?

– Ủ, hết sứ mạng thì hết được ăn tiền. Vậy anh ở lại nhé ?

– Hoan nghinh, nếu em vui lòng ngồi lại đây với anh.

Thiếu nữ ngồi lên giường bố, cách tôi hơn một thước Tây.

- Ông già muốn ếm bao nhiêu tiền ?
- Mỗi ngày năm trăm.
- Và em tìm trong bao lâu thì bắt gặp anh ở đây ?
- Từ ngày anh mất tích.
- Nhưng em "lãnh đám" với tư cách gì ?
- Em là nhân viên của một sở trinh thám tư.
- Sở tên là gì ?
- Le Masque⁽¹⁾.
- Lạ quá, anh chưa hề nghe tên sở trinh thám tư đó.
- Anh thì chỉ thuộc tên các hộp đêm mà thôi.

Chúng tôi cười xòa. Tôi nhận xét :

– Em là một cô gái oanh liệt, thật là không ngờ, tướng mạo của em là tướng học trò...

–... nhưng trò ăn cướp há ?

Chúng tôi lại cười xòa với nhau lần nữa. Tôi nói tiếp :

–... nhưng sao em không ăn mặc như bọn nữ cao bồi mà lại mặc theo gái quê ?

- Tùy sở thích riêng của mỗi người.
- Anh đã quen với những hình ảnh của các phim trinh thám.
- Ăn mặc bất ngờ như vậy, làm việc mới đắc lực chứ.
- Ủ, ếm nghiên cứu đúng. Nhưng em theo dõi anh làm gì ?
- Bí mật.
- Nếu em cứ bí mật như thế mãi, anh không làm tùng đảng với em nữa đâu.
- Tùng đảng về gì ?
- Chính em đã đề nghị rằng : anh phải mất tích hoài hoài, để em được lãnh tiền của ông bố anh hoài hoài.
- Lần này thì chính em đầu hàng anh đó.
- Em tên gì ?

(1) *Le Masque* : mặt nạ.

– Trường Lệ.

– Hình như đó là biệt hiệu thì phải ?

– Anh cứ gọi em như vậy.

– Em Trường Lệ ơi, làm thế nào ta gặp lại nhau nữa ?

– Anh không bằng lòng hưởng hiện tại, tự ám ảnh lo lắng về tương lai, kỳ chưa !

– Vì hiện tại đâu có gì để hưởng hay đã có mà như vậy là đủ lắm rồi vì nói chuyện với em, anh thích lắm. Và vì thích nên mới muốn được dịp trò chuyện nhiều lần với em.

– Em sẽ tới thường với anh.

– Thường là mỗi hôm em nhé ! Và anh chỉ rảnh ban ngày thôi. Tốt hơn là em đến vào giấc sáng, hay giấc trưa.

– Ban ngày em không rảnh, má lại không cho đi.

Má nữa ! Tôi bật cười. "Má" là con ngáo ộp mà các cô gái trời đánh trách hình làm gái lành, thường dùng để tự tạo uy tín với đám con trai ngốc nghếch hoặc dùng để cất nghĩa tại sao họ không đến, vào lúc nào ấy, vì bận đi với một cậu trai khác.

– Em trốn đi giấy lát không được hay sao ?

– Chỉ có thể trốn giữa khuya được mà thôi.

– Có phải băng rừng lướt bụi gì không ?

– Không.

– Thế nghĩa là nhà em ở gần đây. Nữ trinh thám tại Sài Gòn mà nhà gần đây thì không ổn đó ghen cô hai.

Trường Lệ phì cười. Tôi chồm tới đưa ngón tay trở ra, quẹt mũi thiếu nữ, rồi hỏi :

– Thế nào, nhà trinh thám Le Masque có ngán nhà trinh thám tài tử này chưa ?

– Ngán ghê lắm.

– Vậy tới ban ngày nhé ?

– Ban đêm không thơ mộng hơn hay sao ?

– Nhưng anh thức đêm như thế này độ một tháng thì sẽ phải vô nằm nhà thương Hồng Bàng mất.

- Em bảo đảm cho, về sức khỏe của anh.
- Thôi thì cũng được. Vậy mỗi đêm anh đợi em, nhưng vào giờ nào ?
- Lúc ông Sáu bắt đầu ngủ.
- Hay lắm !

Tôi không hỏi gì nữa và quyết từ đây chỉ nói đùa và nói những chuyện rất là thơ, bởi thiếu nữ còn muốn giấu giếm thì gan hỏi chỉ mất công, vô ích mà thôi, để tự nhiên nàng sẽ xì ra lần lần vì lỡ lời, như về cái chỗ ở của nàng khi này, hoặc vì đã yêu tôi thì không cần kín đáo với người yêu nữa.

Nhưng hiện bây giờ thì tôi cũng không nói đùa. Tôi bận ngắm nàng. Nếu Trường Lệ mà đẹp thua những cô gái dễ dãi, đào của tôi ở Sài Gòn, tôi cũng mê nàng hơn tất cả nhân tình đã qua của tôi, vì kẻ nào ăn cao lương mỹ vị mãi cùng thêm ăn mắm nhà quê.

Tôi ngắm Trường Lệ và nghĩ mưu để chinh phục nàng cho mau lẹ. Tôi lười tán gái lắm, nên đào của tôi toàn là gái dễ dãi không mà thôi, cô nào làm khó làm dễ lâu lắt thì tôi sẵn sàng nhường lại cho các cậu kiên gan. Trường Lệ tiến sát giường tôi để nhìn mặt tôi thì hắn "Tình trong như đã mặt ngoài còn e" rồi vậy. Thế nghĩa là cũng tương đối dễ. Nhưng con gái nhà lành, chúng nó vẫn làm bộ chịu không nổi, thì tôi sẽ mất rất nhiều thì giờ.

Vậy làm thế nào để không chụp giựt cho ả ta khó chịu rồi phải khước từ, mà lại khỏi phải đợi nhiều đêm ?

- Em Trường Lệ ơi !
- Dạ.

Lần đầu tiên nàng "dạ" khi tôi gọi nàng, và cô gái oanh liệt bấy giờ nhỏ nhẹ và trông có vẻ hổ ngươi, khiến tôi muốn làm tàng chồm tới hôn đại nàng một cái rồi ra sao thì ra. Nhưng tôi dần kịp lúc.

– Ta ngồi xa nhau quá, phải nói chuyện hơi to, ông Sáu ông giựt mình thức giấc thì bất tiện. Vậy em cho phép anh ngồi xích lại gần em nhé.

- Dạ, nhưng vẫn phải giữ khoảng cách.
- Chừa bao xa ?
- Năm tấc.

Tôi vừa xích lại, vừa mặc cả :

- Bốn tấc rưỡi em nhé ?

Trường Lệ cười ngất khi nghe thấy tôi vừa mặc cả, vừa ăn gian, chỉ chưa lối hai tắc thời.

Lạ quá, Trường Lệ rất thơm, nhưng từ nãy giờ tôi lại không hay biết. Nàng thơm một mùi hương huyền hoặc lắm, mùi bông nguyệt quý⁽¹⁾ là loại bông nở về đêm, mỗi năm chỉ nở độ năm sáu lần, mỗi lần vài ba tiếng đồng hồ thôi.

Hương của bông nguyệt quý trồng ở sân nhà, tỏa ra đến sau bếp cũng vẫn nghe ngào ngạt, vậy mà từ nãy giờ tôi không hay thì thật là khó hiểu.

– Chắc em để hoa trong túi ?

– Sao anh lại hỏi như vậy ?

– Vì không có nước hoa nào mùi bông nguyệt quý cả mà em lại thơm mùi đó.

– Không, em không có giắt hoa trên người.

– Đúng như vậy, tóc em không có cài hoa, vì thế anh mới đoán là em bỏ túi.

– Cũng không nữa.

– Chối mãi, anh xét túi cho coi.

Trường Lệ lại cười rũ rượi, hai tay giữ chặt hai túi áo bà ba rồi nói :

– Cấm anh chạm tới người của em.

– Anh tôn thờ em thì đâu có dám chạm tới người em. Nhưng anh rất muốn nhìn tâm hồn em.

– Tâm hồn của em lộ ra nơi mắt.

– Vậy nhìn mắt anh và rót vào lòng anh, qua ngõ mắt, chút ít tấm lòng em đi.

Chúng tôi nhìn nhau, mắt trong mắt rất lâu, rồi tôi bỗng rợn người lên. Mắt của Trường Lệ long lanh sáng, nhưng nó cứ sáng lên mãi cho đến một lúc kia nó sáng quá để có thể không phải là mắt người nữa.

– Em !

Tôi gọi ầu, cho đỡ sợ, sợ cái gì tôi cũng chẳng biết. Bỗng ánh sáng huyền hoặc nói trên tắt ngay, hay nói cho đúng ra, như là Trường Lệ hạ

(1) *Nguyệt quý* : loại cây nhỏ có hoa thơm ngát, thường nở hoa vào cuối tháng.

thấp hai ngọn đèn của nàng xuống vậy, vì đôi mắt đen huyền của nàng bao giờ cũng long lanh sáng, chỉ sáng vậy thôi chứ không sáng bất thường như khi này.

– Dạ.

– Anh tin chắc rằng em có nỗi buồn nào trong lòng.

Trường Lệ chỉ làm thinh.

– Vì anh rất thạo về sắc diện. Nỗi buồn ấy triển miên trên mặt em, nơi mắt em. Khi này anh bắt gặp em thì em tươi cười tinh nghịch, có lúc quái ác nữa mà anh không mê. Nhưng nỗi buồn này nó làm cho anh xao xuyến không an. Anh cứ muốn được là một người bạn rất thân của em, một người bạn mà em sẵn lòng tâm sự.

Trường Lệ mỉm một nụ cười héo hon rồi nói :

– Anh chỉ tưởng tượng ra đó thôi, chứ em đâu có buồn gì.

– Điều này anh không giấu em được, mặc dầu em là người thường đi nữa, chứ không phải là một nhà trinh thám đã biết rõ anh không phải là một anh con trai ngoan ngoãn. Anh đã yêu nhiều lần rồi, anh không thiếu thốn về tình cảm, mà nhất là không thiếu thốn về xác thịt. Nhưng anh rất muốn yêu em.

– Để chi ?

– Để được nghe em tâm sự.

– Chưa chắc được. Anh muốn thì cứ yêu, nào ai ngăn anh được, còn em có tâm sự hay không thì đó là chuyện khác.

– Chỉ là lối nói thôi. Anh muốn yêu em, nghĩa là ước ao được em yêu lại.

– Ước thì có thể được nếu anh thành tâm.

– Anh thành tâm đây, nhưng anh đâu có mở tim ra được để em xem, thì biết làm sao bây giờ.

– Có đâu mà yêu chớp nhoáng như vậy.

– Có chứ. Yêu vì tiếng sét ấy mà.

– Yêu vì tiếng sét thì không bền đâu.

– Sao vậy ?

– Tiếng sét làm cho anh choáng váng, không còn tỉnh trí nữa, nên cần nhắc không kỹ.

– Nhưng nó đủ điều kiện lắm mới làm anh choáng váng được.

– Không đâu. Có khi sét nổ chỉ vì một khước mắt. Rồi thì lâu ngày các khuyết điểm khác lộ ra, chẳng hạn như đôi bàn chân hơi thô, thế là anh đổi ý.

– Anh đâu có dốt coi người.

– Còn coi lòng ?

– Anh cũng không dốt nữa. Tâm hồn em đẹp lắm.

– Bằng cơ ?

– Những câu đối thoại giữa chúng ta, cho anh biết rằng em rất thông minh, rất tế nhị.

– Phần anh thì như thế, thôi thì em cũng cứ nhận như thế đi, nhưng phần em, anh cũng nên để cho em biết rõ anh hơn chứ.

– Thì em đã biết anh rồi, em biết tới ông bố anh đang làm gì, bà mẹ anh đang khóc.

– Không, biết rõ là biết rõ tâm hồn anh kia chứ.

– Khổ quá. Anh không phải là họa sĩ, nhạc sĩ, văn thi sĩ gì hết, biết em sẽ thấy là nó đẹp hay không ?

– Không cần gì phải là những người ấy mới có tâm hồn đẹp.

"Con gái hay làm bộ lắm, nhứt là con gái nhà lành. Không yêu người ta mà nửa đêm tới đây ngắm người ta ngủ ! Thôi đi cô nương, tôi thấu rõ tim đen của cô nương rồi đó. Tôi cũng làm bộ nói đầy đưa cho nó đẹp vậy thôi, để cô nương khỏi xấu mặt vì trao thân quá dễ, nhưng bấy nhiêu đó là đủ lắm rồi, cô nương làm khó thêm nữa, tôi không mất tích thì cô nương mất tiền. Điều kiện ấy, tôi đã nói ra dưới một hình thức ngậy thơ để hiểu giản dị rằng trò chuyện là trò chuyện. Trò chuyện là yêu đó chứ. Mà hề hiểu nhau rồi thì đừng có làm bộ nữa mất công, tôi lười tán gái lắm đó ghen cô nương !".

Tôi nghĩ thầm những điều trên đây trong bụng rồi quyết định ngay rằng phải làm ầu mới được, không thôi người đẹp cứ nói chuyện dây dưa mãi mỗi đêm thì mỏi lưng và buồn ngủ lắm.

Quyết định xong, tôi vừa cầm lấy tay người đẹp vừa lết tới, choàng tay qua ôm lấy vai nàng rồi hỏi :

– Anh làm việc từ đầu hôm đến nửa đêm, mỏi lưng muốn chết. Vậy ta nằm mà nói chuyện thì thú hơn.

Nói xong tôi kéo Trường Lệ nằm xuống với tôi. Nàng không cưỡng lại, và lạ quá, sao mà nàng nhẹ như trẻ con, và lạ hơn nữa là khi lưng tôi rơi trên mặt bố của chiếc giường xếp rồi thì Trường Lệ đã đứng xuống đất đầu từ hồi nào, tôi không hay rằng nàng đã làm gì để thoát ra khỏi tay tôi.

Nàng cười rũ rượi, nhìn tôi bằng đôi mắt hóm hình rồi nói :

– Lêu lêu mắc cỡ.

Vừa nói nàng vừa đưa tay ra để vuốt mặt tôi. Tay nàng mát và thơm lắm. Cái vuốt nhẹ ấy làm cho tôi sướng đê mê, nên tôi cứ để vậy mà lắng nghe và tận hưởng sự mơn trớn đó, chưa vội nín lấy nàng.

– Ngoan đi rồi em yêu, anh nhé, anh mà còn thô lỗ như thế này nữa, em sẽ kéo cổ anh về cho ba, nói cho mà biết.

Không, tôi không biết, tôi không còn biết gì nữa cả, sau đó một giây đồng hồ.

*

* *

– Trời ơi, cái thằng này, mặt trời rơi vào mặt mây, mây không hay hay sao ?

Nghe tiếng ông Sáu, tôi giật mình mở mắt ra, nhưng chưa tỉnh hẳn. Tôi cũng chưa nhận ông là ai, và đây là đâu nữa. Mấy mươi giây sau hôn vía của tôi mới nhập trở vào người tôi. Tôi hoảng hốt ngồi dậy, dáo dác nhìn đây đó, trong khi ông già bụng bự tay xách giỏ nhìn tôi, hơi ngạc nhiên.

Ông Sáu mặc áo phục may bằng bố trắng, áo cổ đứng, chân đi giày cũng bằng bố trắng. Ông nói :

– Mây bị mặt trời đè⁽¹⁾. Nhưng tao chỉ nghe nói mặt trời chiều đè mà thôi chớ chưa hề nghe nói mặt trời sớm mai đè ai bao giờ. Nhưng tại sao mây lại dậy quá trưa, để bị mặt trời đè ? Thôi, đi rửa mặt đi để rồi uống cà phê với tao.

Ông Sáu đi chợ Thủ Đức mới về tới nơi và gọi tôi dậy vì thấy tôi nằm tằm nằng trong giấc ngủ, rất là bất thường. Từ hôm nay, tôi dậy sớm, cũng

(1) *Mặt trời đè* : có lẽ là một hiện tượng bệnh lý, người đang ngủ đã tỉnh dậy nhưng không sao dậy nổi. Ở miền Bắc gọi là bóng đè.

cứ được ông ấy gọi, chớ cái tật dậy trưa của tôi thì bất trị, và lại, tôi hoạt động trong giới quán đêm mà trong giới này, ai lại không dậy trưa trừ cái ông già dị hợm ấy thôi, một đêm ông ấy ngủ có năm tiếng đồng hồ, thế mà ông ấy cứ phát phì ra. Chúng tôi dậy thật sớm rồi tôi nấu nước để pha cà phê sáng cho hai bác cháu chúng tôi. Sáng nay, chắc ông ấy đi chợ quá sớm, không muốn gọi tôi, chừng về thì tôi vẫn còn ngủ.

Bấy giờ, tôi đã nhớ được tôi là ai, đang làm gì và mãi đến khi rửa mặt xong, đi vào thay ông Sáu nấu nước pha cà phê, ông ấy đã nhóm lửa xong, tôi mới nhớ lại câu chuyện đêm rồi, nhưng chỉ nhớ mang máng vậy thôi về những giây phút cuối cùng.

Ừ, Trường Lệ đã vượt ra khỏi tay tôi hồi nào tôi không hay. Rồi sao nữa ? Rồi tôi chưa kịp phản ứng gì thì được nàng mơn trớn nơi mặt. Tôi ngây ngất tận hưởng cái nựng dè mê ấy rồi thì bị chìm tức khắc vào một giấc ngủ nặng nề.

Có lý nào như thế được hay không ? Tôi kể ra, chắc không được ai tin đâu. Cái gì rồi mà ngất đi thình lình như là bị đánh thuốc mê trong phòng mổ ? Trẻ con kia mà chúng nó còn hay biết rằng mẹ chúng nó hôn hít chúng nó đoạn đi ra ngoài, còn nghe tiếng dép của mẹ, còn nghe mẹ rót nước uống, rồi nói với cha một câu ngắn nào đó. Tôi thì hoàn toàn không biết Trường Lệ rời tôi lúc nào và làm gì, sau cái vượt mặt. Nhưng tôi không thắc mắc lâu. Có lẽ vì thức khuya quá, tôi mệt chãng và giấc ngủ nặng nề lắm ? Tối nay hăng hay. Hãy thưởng thức bữa ăn sáng cái đã.

Ông Sáu nướng bánh mì thoa bơ rồi rắc đường cát lên đó thì phải biết. Ai làm cái món ăn này cũng được hết vì rất dễ làm, nhưng chỉ có ông Sáu là làm ngon nhứt nước mà thôi.

Nước đã sôi rồi, tôi lấy ra hai cái phin. Trong khi đó, ông Sáu đã thay y phục, mặc quần đùi trở xuống đây mà khi nãy ông đã đặt giỏ đi chợ và nhúm lửa. Ông lấy từ giỏ ra một cái gói và nói :

– Bữa nay đổi bữa, tao mua xiu mại⁽¹⁾ nhỏ về ăn chơi.

Xiu mại nhỏ là loại xiu mại khô, rẻ tiền nhứt trong các loại xiu mại, nhưng lại ngon nhứt.

(1) *Xiu mại* (thieu mại) : món ăn làm bằng thịt lợn băm, hấp chín sấy khô.

Chúng tôi ăn điểm tâm ngay, mặc kệ cho hai cái phin làm việc chùng nào xong cũng được vì chúng tôi thích uống rất nóng và ăn xong mới uống, chứ không phải vừa ăn vừa uống như một số người.

Tay xé bánh mì, mắt nhìn tôi, ông Sáu hỏi :

– Mấy có "đào" lần nào chưa ?

Tôi bật cười rồi đáp :

– Lu bù bác Sáu à.

– Tao không tin.

– Gì làm cho bác không tin ?

– Mặt mấy hân hoan đặc biệt. Chỉ có đứa nào mới yêu lần đầu và vào ngày đầu nghe yêu, mới hân hoan như vậy. Con gái cũng thế.

Tôi giựt nảy mình, suýt đánh rơi đôi dũa đang đưa miếng xiu mại vào miệng. Quá đúng là tôi mới yêu lần đầu. Tôi có bồ lu bù mà đâu có yêu các ả đó. Đã bảo là tôi rất lười tán gái, và chúng nó toàn là gái dễ dãi không mà thôi.

Và quả đúng là tôi hân hoan. Tôi chưa soi gương, nhưng tôi tin ông Sáu ngay. Tôi nghe yêu đời ghê lắm từ lúc mới giựt mình thức dậy, mà không rõ lý do của sự yêu đời ấy. Tới chừng chợt nhớ lại cuộc gặp gỡ với Trường Lệ thì tôi vụt hiểu cả. Tôi lại có nghe sách vở nói rằng : Khi con trai con gái bắt đầu yêu thật sự, nghĩa là yêu có đối tượng chứ không phải là mơ yêu nữa, thì cơ thể của họ tiết ra rất nhiều hoóc-môn, hoóc-môn này thủ nhiều vai trò, trong đó có vai trò làm cho gương mặt của kẻ đã yêu hân hoan lên, không thể giấu giếm được.

Quả đêm rồi tôi xúc động một cách thần tiên, nó khác hẳn những lần hồi hộp khác trước một cô gái đẹp sắp sửa hiến thân cho tôi, những lần ấy trái tim tôi đập dữ lắm, chứ không phải đập mạnh có chừng mực như đêm rồi đâu, mà đập dữ chỉ vì cơn nóng sốt của xác thịt mà thôi.

Đành rằng đêm rồi ở đoạn sau tôi cũng đã bị xác thịt xúi dại, nên tôi mới làm ầu, nhưng lúc đầu, tôi chỉ yêu một cách thanh cao thôi và yêu thật sự, yêu như chưa bao giờ yêu, có lẽ đó là lúc tôi chợt thấy nỗi buồn kỳ lạ nơi mặt, nơi mắt của Trường Lệ.

Ông Sáu nói :

– Ở đây có ai đâu mà mấy yêu. Coi chừng mấy lại si một cô khách thì hóa ra chú hề si công chúa, khổ không biết bao nhiêu.

Ông Sáu không biết văn chương Tây, không biết từ ngữ "Anh chân cừu si nàng công chúa"⁽¹⁾. Ông là khán giả của hát bội, mà sân khấu cổ của ta thường phổ biến tích anh đồn củi mê nàng Công chúa, anh đồn củi luôn luôn là vai hề trong vở tuồng.

Tôi cúi gầm mặt xuống, nghe thẹn vô cùng. Cái thằng trời đánh là tôi, đã làm ái tình với hàng trăm thiếu nữ đẹp, lại mắc cỡ khi bị ông già làm bếp nói trúng tẩy. Rõ ràng là tôi đã yêu nên mới có tâm trạng kỳ dị như vậy.

Ăn sáng xong, tôi phụ nhặt rau, rửa cá, ông Sáu không bắt buộc, nhưng ngồi không để người ta dọn cỗ cho mà ăn thì cũng khó coi. Tôi bồn chồn muốn đi dạo xóm một lần, biết đâu sẽ bắt gặp cô Trường Lệ của tôi đang xúc cám cho heo ăn.

Thình lình, tôi lại vụt nhớ tới cái chuyện trinh thám lão toét mà cô ta đã kể. Chắc chắn thiếu nữ là người địa phương, chứ một cô gái Sài Gòn thì tội gì lại phiêu lưu xa như vậy, trong bộ bà ba. Nhưng người địa phương đâu có làm trinh thám được.

Nếu quả thực có sở trinh thám tư nào tên là Le Masque, thì cho dầu không làm chuyện bịp bợm, sở ấy cũng tuyển toàn những nhân viên bán trời, lạnh lợi, có thể xảo quyết và gian manh nữa, chớ đâu có thuê nạp một cô gái ở làng.

Nàng gốc ở làng, nhưng hoạt động tại thủ đô chẳng ? Có thể lắm. Nhưng nàng hiền lành như thế ấy, trông cứ như cô dâu mới về nhà chồng thì còn làm ăn thế nào được trong cái nghề rắc rối đó.

Còn lắm chi tiết kỳ khôi nữa nơi người của Trường Lệ và ở các câu chuyện do nàng kể. Thật là không ổn chút nào. Nhưng nếu không là nhà trinh thám thì không thể nào biết được bí mật của tôi. Ông Sáu là người hạch sách tôi rất nhiều lần mà còn chưa khám phá ra được gì khả nghi thì đừng nói đến một cô gái quê.

Trưa nay, ăn cơm xong tôi phải đi dạo xóm mới được. Tôi hỏi ông Sáu :

- Bác làm ở đây lâu lắm, chắc bác quen gần đủ mặt người xóm này ?
- Đâu có.

(1) "Anh chân cừu si nàng công chúa" : có lẽ là câu chuyện trong *Những bức thư viết từ cõi xay gió* của Alphonse Daudet (1840 - 1897), nhà văn Pháp rất quen thuộc với thế hệ thanh niên trí thức nước ta trước và sau 1945.

– Quen biết ít à ?

– Tao không có quen với ai hết.

– Sao lạ vậy bác ?

– Tao biếng đi làm quen. Còn họ thì quê mùa, thấy ta thấp đèn màu, mặc bộ đồ Tây họ ngỡ ta sang trọng lắm, họ bị mặc cảm đâu có léo hánh tới đây. Quán này là một hòn đảo hoang, ghe thuyền quanh đây có thấy mà không ghé lại, vì không cần thiết ghé, lại nhất ghé. Họ để ta yên. Mà vậy cũng tốt.

– Nhưng cháu muốn đi dạo xóm có hại gì chăng ?

– Chỉ có lợi mà thôi. Thăng N.C. nó cũng đi dạo xóm như mây rồi gặp vợ.

– Vợ đẹp lắm hả bác ?

– Tao đâu có biết.

Rồi ông Sáu cười ha hả mà rằng :

– Dầu sao, chắc đẹp lắm trong con mắt của nó. Nếu nó không thấy là đẹp, nó đâu có lấy con ấy làm vợ.

Tôi cũng cười ngất. Quả là một câu triết lý rẻ tiền, nhưng đúng không chỗ chê.

Đây là lần đầu tiên tôi bỏ giấc ngủ trưa từ khi tôi trưởng thành. Khí hậu của xứ ta cộng với bữa cơm trưa, làm cho con người của tôi nặng ghê lắm. Bỏ giấc ngủ trưa, luôn luôn phải vì một nguyên động lực rất quan trọng, chớ ai lại hy sinh sức khỏe vì một chuyện không đâu, hoặc một công việc có thể làm được vào những giờ khác.

Tôi ra đi ngay, sau bữa ăn, rất tiếc là hôm trốn nhà, tôi chỉ mang theo toàn áo quần xấu. Đi làm bồi rượu thì diện với ai chớ ! Chén bát, thường thì ngủ dậy mới dọn rửa, ông Sáu không khó tánh như các bà nội trợ nên cũng chẳng nói gì.

Đi không há để lại về không ? Một nhà thơ cổ đã làm thơ như vậy. Nhưng tôi lại về không. Tôi chỉ mới thăm được có ba nhà mà mặt trời đã ngả về Tây rồi. Nông dân, nếu có dịp nói, thì họ nói đến tàu mà chờ cũng chẳng hết. Làm quen với họ rất khó được họ tâm sự ngay, nhưng khi họ đã bằng lòng thì là thao thao bất tuyệt, tôi muốn dứt để sang viếng nhà khác mà lần nào dứt cũng khó khăn, khó bằng như là lìa quê hương để đi kiếm ăn xa vậy.

Tôi rửa chén rồi phụ nấu ăn xong thì anh Được tới. Hôm nay anh nấu nước tới đây hơi sớm, có lẽ vì anh ta sợ tôi tố cáo cái gì, nói đúng ra là vu cáo, nên anh nóng lòng trở lại đây để sớm biết số phận của mình. Tôi nhìn anh rồi cười hỏi :

– Bồ muốn tôi thương hay ghét ?

Hắn ngơ ngác nhìn tôi. Tôi giải thích :

– Nếu muốn tôi thương thì trưa mai, hồi đúng Ngọ, trở lại đây đưa tôi đi dạo xóm, bằng không, tôi cho con gái nó bắt cóc bồ cho coi.

Hắn nhe răng ra mà cười, và chắc hắn thở ra, nhẹ nhõm.

– Bằng lòng hay không ?

– Ngờ gì, cái đó dễ lắm.

– Nhưng đi đâu ?

– Thì anh nói là dạo xóm.

– Xóm nào ?

– Tôi nào có biết.

– Nè, anh có biết cô nào tên cô Trường Lệ hay không ?

Hắn lại ngơ ngác nhìn tôi rất lâu, rồi lắc đầu :

– Tên đó đẹp quá, nhưng không có.

– Sao lại không có ?

Tôi hỏi một cách vô lý như vậy, nhưng lúc đó tôi đâu có thấy là vô lý.

– Tôi cũng không biết tại sao lại không có cô Trường Lệ.

– Nhưng tôi quen với cô ấy.

– Vậy hà ? Cô ấy ở đâu ?

– Chính đó là điều tôi muốn biết nên mới hỏi anh.

– Chắc là ở trên chợ Thủ Đức ấy hà ?

– Ai biết đâu. Nhưng xóm này không có cô Trường Lệ à ?

– Không có.

– Nè, hỏi thật bồ, chiều hôm qua bồ không thấy cô nào vào sau quán này hết hử ?

– Tôi thề rằng không.

- Con gái ở đây từ tể hay lãng loạn ?
- Từ tể lắm chứ !
- Có cô nào hư hỏng hay không ?
- Có con Phền nó đi theo không người ta chứ không đợi cưới.
- Chỉ hư tới mức đó thôi à ?
- Chớ anh muốn hư tới mức nào nữa ? Mà đâu còn mức hư nào cao hơn.
- Còn chứ. Nó đi theo tới hai ba thằng, bạ thằng nào cũng trêu, cũng yêu người ta.
- Cái đó thì không. Đâu có ai mà kỳ cục như vậy. Bộ đi hay sao ?
- Ừ đi. Trong xóm có đi hay không ?
- Cái anh này ! Anh vô xóm mà hỏi như vậy thì họ vác hèo họ đập anh, anh chạy tới đâu, họ cũng sẽ rượt theo anh tới đó, anh không sống được mà về tới đây đâu, mà có sống cũng gãy giò.

A, cái anh nấu nước này mới dữ quá đa ! May là anh ta đang sợ tôi, mà anh ta còn dám nổi giận như vậy, nếu tôi không hù anh ta trước, thì không biết trận lòi đình của anh ta đã nổ đến bao to. Nông dân họ rất xấu hổ về chuyện đó thì gán cho họ cái tội ăn cướp cũng chẳng sao, chớ đừng hòng nghi họ chuyện bắn thiu đó rồi ra đi lành lặn được đâu.

- Thôi, vuốt giận cậu em ! Hỏi cho biết vậy mà ! À, anh có biết nhà vợ thằng N.C. hay không ?
- Biết. Ở gần đây.
- Vậy trưa mai đưa tôi tới đó chơi.
- Cũng được.
- Anh ăn cơm trưa hồi mấy giờ ?
- Đúng Ngọ.
- Tôi cũng vậy. Ăn rồi thì anh lại đây liền nhé. Nhà anh ở xa đây hay gần ?
- Không xa cũng không gần.

Tôi buông tha cho Được đi nhóm lửa. Chủ quán Cây Dương chiều khách y như Tây. Một đêm chỉ có hai ba người uống cà phê, quán khác họ đã bỏ cái tiết mục cà phê ấy rồi, thế mà ông chủ quán này lại xài sang, mượn cả một người nấu nước lương tháng một ngàn rưỡi để phục vụ cho

vài ông khách hiếm hoi và đem lợi rất ít vào quán ấy. Đành rằng, Được còn chặt nước đá, rửa ly, nhưng giá thử không có cái món cà phê, thì chính bọn tôi làm hai công việc đó, đỡ tốn thêm một đầu lương.

N. nói tới đây thì Kim nắm tay tôi, rồi đòi bạn cùng cười xòa với nhau. Chúng tôi là hũ chìm⁽¹⁾ cà phê, vào quán giải khát sang trọng, rất bị họ ghét, nên thường thì tôi phải gọi một cái áp-bê-rô⁽²⁾ để rồi bỏ, hầu ngồi lâu mà bọn bồi rượu chúng nó không ngó mình bằng nửa con mắt. Nghĩ lại thì các vũ trường họ đập⁽³⁾, nhưng họ làm mình dễ chịu ghê, không bị mặc cảm nào hết. Thà là gọi một ly trà đá, phải trả trăm rưỡi hai trăm, mà được thoải mái hoài hoài, chớ lấy giá phải chăng làm gì mà ngăm bắt người ta phải uống rượu. Các quán giải khát họ đại hơn các vũ trường không biết bao nhiêu. Người ta chỉ cần chỗ ngồi chơi, hoặc nằm chơi như ở đây, chớ không phải ai cũng uống được rượu thì cứ gián tiếp lấy tiền chỗ ngồi, một ly nước đá lạnh lấy năm trăm họ cũng dám, chớ còn làm áp lực để bán rượu mạnh thì họ bực lắm.

Tôi không ghi rõ rằng đoạn này N. kể vào đêm thứ mười, chớ không phải trong một buổi đầu hôm mà hẳn kể được nhiều chi tiết đến thế, nhưng không nên nói mãi điều đó ra, để bạn đọc có được cái cảm giác nghe chuyện một cách liên tục. Với lại, cũng không nên cho hai cái Tôi chạm trán nhau ở đây nó làm rối trí bạn đọc.

N. kể tiếp :

– Đêm ấy, tôi lánh người quen như trước đây, chớ không tìm bạn để cộp xe về Sài Gòn nữa. Bây giờ, mà hoa hậu thế giới nhấc tôi về dưới để cho tôi hôn cô ta một cái, tôi cũng không hoan nghênh. Trường Lệ của tôi đã bỏ bùa cho tôi rồi và trên đời này, nhan sắc nào cũng mờ đi, trước người thiếu nữ kỳ dị mà tôi nghe rằng tôi muốn cưới làm vợ trăm năm.

Và đêm nay, tôi là thằng hồi ác ôn, cứ muốn tống cổ khách đi hết cho rồi. Hồi 9 giờ, vào trong lấy rượu, tôi thấy ông Sáu sắp uống một ly cà phê đá, tôi ngăn ông :

– Ý chết, bác Sáu sao lại uống cà phê ban đêm ?

(1) *Hũ chìm* : loại hũ chứa được rất nhiều. Ở đây ý nói dân nghiện rượu.

(2) *Áp-bê-rô* : uếng Pháp apéritif, rượu khai vị.

(3) *Đập* : bắt chẹt.

– Tại sao tao lại phải cữ⁽¹⁾ cà phê ban đêm ?

– Cháu nghe mấy ông bác sĩ nói, người cao niên mà mập và hồng hào như bác, uống cà phê ban đêm, rất dễ bị đứt gân máu.

Bác Sáu cười khà, rồi nói :

– Mấy sợ tao bị thương mã phong⁽²⁾ chớ gì. Nhưng tao đâu có đàn bà.

Nói xong, bác ta cứ uống rốc ly cà phê. Tôi lo bác ấy lát nữa mất ngủ rồi người đẹp của tôi không dám trò chuyện với tôi.

Hồi 12 giờ 40 phút bác Sáu quản lý ngáy khò khò như có ai đang hút thuốc lào trong buồng của bác, và tôi hồi hộp trông đợi Trường Lệ. Tôi tự hỏi không biết Trường Lệ núp ở đâu để rình chuối tiếng ngáy ấy, nàng lấy đó làm giờ hẹn, chớ không nói 12 giờ 30 hoặc một giờ đêm, đó là giờ hẹn thật đích xác, đích xác hơn hẹn theo giờ đồng hồ và nó làm khổ thân xác người ta đến vô cùng, nếu người ấy cố giữ đúng hẹn.

Để xem nàng có đúng hẹn hay chẳng. Ý, cái thứ đàn bà con gái họ khó chịu về khoản này lắm. Cái bọn mà tôi bất tình chơi chơi ở Sài Gòn, cái bọn làm ái tình để ăn tiền ấy, thế mà lũ nó cũng làm khó dễ tôi, bắt tôi chờ đợi, không có ả nào đúng hẹn bao giờ cả. ả này đang ở trong thời kỳ mà tôi phải nịnh, thì không biết ả ta sẽ trễ đến bao nhiêu tiếng đồng hồ.

Nhưng kìa, người đẹp của tôi đã đến. Thật là đáng kính, nàng không nói sai phút nào hết. Nhưng tôi chưa thấy nàng ở đâu mà chỉ nghe hương của nàng thôi. Đó là một đạo binh tiên phong báo hiệu sự có mặt của nàng gần đây đây. Tôi ngồi dậy tức thì, dáo dác nhìn.

Đêm nay, tôi để giường bố trong nhà chớ không đưa nó ra bên sau nữa, sợ sáng ông Sáu bắt gặp tôi tắm nắng trong giấc ngủ một lần nữa rồi sanh nghi có cái gì không ổn. Với lại ở trong nhà, nếu tôi không chong đèn thì tối om, mà bóng tối luôn luôn là kẻ thù đáng sợ của những kẻ yêu đương.

Tôi dáo dác tìm, dáo dác nhìn tứ hướng, mặc dầu đáng lý gì tôi chỉ rình cửa vào mà thôi. Tôi không hiểu tại sao tôi lại vô lý như vậy, nhưng mà tôi hành động như thế đó, và vô lý thay, nàng hiện ra, ở phía bên trong chiếc giường bố.

(1) Cữ : kiêng cữ, tránh.

(2) Thương mã phong : theo cách gọi thông tục là "phạm phong".

Trăng mười chín sáng lắm, ánh sáng gián tiếp soi mờ tận xó buồng nữa nên tôi mới trông thấy được nàng. Trường Lệ vẫn ăn mặc y như đêm rồi, như là nghèo quá, chỉ có một bộ y phục đó là lành, nên mặc nó mãi, chớ con gái mà đi gặp trai thì họ diện ghê hôn ấy chớ.

Tôi nhớ rõ câu nói cuối cùng vào đêm hôm qua của Trường Lệ : "Ngoan đi rồi em yêu, anh nhé ? Anh mà còn thô lỗ như thế này nữa, em sẽ kéo cổ anh về cho ba, cho mà biết".

Tôi không rõ người miền Bắc, miền Trung nói làm sao, chớ theo miền Nam ta thì khi tiếng "ba" không đi đôi với hai tiếng "của anh" thì nó có nghĩa là "ba của ta". Thế là Trường Lệ đã tự nhận là con dâu của thân phụ tôi, không còn chối cãi được nữa, không còn ngờ gì nữa cả.

Vì vậy mà đêm nay tôi không tán nàng, không van lơn cầu khẩn để xin xỏ tình yêu nữa mà cứ cầm đại tay nàng.

Trường Lệ ngoan ngoãn vâng lời và tôi hơi ngạc nhiên về chi tiết nhỏ này : đêm rồi chúng tôi ngồi ngoài trời khá lâu rồi tôi mới chạm tới nàng. Tôi đã nghe da nàng lạnh và cho đó là sự thường. Đêm nay thì không thường nữa. Chúng tôi đang ở trong nhà ấm và chưa phơi sương chút nào hết. Nhưng thôi, cho qua thắc mắc nhỏ đó.

Tôi kê má tôi vào má nàng rồi nói :

– Thương nhớ em muốn chết, chờ đợi một chút bằng một thiên thu. Em có nhớ anh hay không ?

– Không nhớ mà lặn lội tới đây vào giờ này.

– Em nè, anh nhớ ra thì bông nguyệt quý chỉ trở hoa trong các tháng mùa mưa thôi, trở nhiều nhất là đêm Trung thu. Ta đang ở vào mùa nực, thế sao em lại có bông nguyệt quý bỏ túi ?

– Em đâu có biết. Cứ thấy bông là hái vậy thôi.

– Đêm rồi em phà khói thuốc mê vào mặt anh hay sao mà anh ngất đi thình lình như vậy ?

Trường Lệ cười rũ rượi rồi nói :

– Anh nói nghe như mục tin vắn của các báo hằng ngày.

– Là thế nào ?

– Ngày nào họ cũng loan tin một cô kia đi mua hàng, lên xe lam, bị con mẹ ngồi gần phà khói và lột hết nữ trang, hoặc một chị coi bói ở

vía hè, bị ông thầy bói giở ngón đó để móc túi lấy hết tiền. Chắc anh tin loại tin ngẩn ấy lắm hả ?

– Sao lại không tin.

– Sao anh không suy luận để xem có thể nào mà có được chuyện ấy hay không.

– Sao lại không có.

– Trên xe lam không bao giờ có dưới ba bốn người hành khách. Lại có anh tài xế nữa. Nếu có kẻ cướp đàn bà sử dụng khói thuốc mê thì cả xe ngất đi hết. Bằng không họ đã báo động.

Còn các thầy bói vía hè thì lại càng không dám giở ngón ấy ra, trước mặt muôn người.

– Chớ nhặt trình họ bịa ra làm gì ?

– Họ đâu có bịa. Đó là mấy con mẹ thua cờ bạc hoặc mê trai bị trai lột hết tiền của, không biết ăn nói làm sao với chồng con, nên chính mấy con mẹ ấy đã viết loại tiểu thuyết nghệt thờ ấy tại các bót. Các bót có bản phận ghi chép tất cả mọi tờ khai. Rồi các báo lại lấy tin ở bót. Chỉ giản dị thế thôi. Thỉnh thoảng lại có những ông lái buôn ở tỉnh lên bỏ quên cái túi đựng hai triệu bạc trên tắc xi. Trời ơi, sao mà thiên hạ dễ tin dữ vậy không rõ. Em mà cầm hai triệu bạc trong tay, em không bao giờ dám buông bao bạc ra cả thì còn làm sao mà bỏ quên được. Mà ai cũng thế, trừ các ông lái buôn bị điểm gạt gẫm, sợ vợ mần thịt, mới viết loại tiểu thuyết kiếm hiệp ấy tại các bót cảnh sát.

Tôi bật cười, Trường Lệ nói rất hữu lý. Nhưng nàng vẫn không cắt nghĩa được cơn ngất lịm của tôi. Tôi lại hỏi :

– Nhưng tại sao anh lại ngất đi ?

– Cái khỉ khô. Ngất gì mà ngất ! Anh ngủ đấy chứ.

– Ngủ gì mà ngủ.

– Ấy, anh dồi dào sức khỏe lại quá mệt mỏi nên dễ ngủ lắm.

– Anh không tin.

– Hay là tại như thế này. Anh vào một ban-pha-mi⁽¹⁾, anh có suýt ngất đi vì nước hoa của các bà các cô sang trọng trong ấy chẳng, nếu nhà hẹp ?

(1) Ban-pha-mi : tiếng Pháp bal de famille, khiêu vũ trong gia đình.

– À có. Hương nước hoa mà xông lên nhiều quá làm cho ta ngáy ngất là rất khó chịu.

– Nếu nhà có máy lạnh, thì thỉnh thoảng chủ nhà phải mở các cửa kính ra, cho quạt máy chạy vù vù để xua đuổi bớt hương nước hoa, và nhất là xua đuổi bớt khói thuốc của các ông, hai thứ đó máy lạnh có thể hút để loại ra ngoài, nhưng phải làm việc quá mức, nó làm không xuể. Hay là anh chịu đựng hương bông nguyệt quý lâu không được ?

– Em nói cũng có lý phần nào, nhưng bông em bỏ túi đâu có nhiều bằng bông của cả một cây nguyệt quý, vậy mà nhà anh trồng đến bốn cây, vẫn không có ai ngất đi bao giờ.

– Có lẽ tại dạo này anh yếu.

Trường Lệ vừa mới cho rằng vì sức khỏe của tôi dồi dào nên tôi ngủ rất dễ, bây giờ lại đổ thừa tại dạo này tôi yếu. Nhưng đó là lý luận của phụ nữ, nó ươn ọ như ruột vịt, không hơi sức đâu mà cãi với họ.

Tôi hôn nhẹ lên tóc của Trường Lệ và nàng ngả đầu vào ngực tôi mà kêu lên những tiếng ư... ử... sung sướng, thứ tiếng kêu của con chó con khi nó được ta mơn trớn bằng bàn chân.

Tóc của nàng chỉ thoang thoang một hơi hương của bông nguyệt quý thôi, nghe dễ chịu lắm, mà cái hơi hướm tí ty của hương hoa ấy cũng chẳng át được mùi da người. Con người có mùi riêng, có người thơm, có người hôi. Lắm người đẹp hôi chịu không nổi, và nếu họ không tắm nước hoa đắt tiền thì chắc họ không còn chung đụng với xã hội được. Trường Lệ thuộc hạng người thơm tho, và mùi của con người dễ ưa hơn mùi của nước hoa thượng hảo hạng nhiều lắm nếu con người ấy không hôi.

– Em !

– Dạ.

– Em đã biết anh bấy bạ. Nhưng anh nguyện sẽ sám hối vì yêu em. Em làm vợ của anh em nhé ?

– Vâng, nhưng để thủng thẳng hẵng hay. Vội gì, ta yêu nhau trăm năm, chớ đâu phải một ngày một bữa.

– Đành vậy, nhưng em nên hứa cho anh an lòng đi mà.

Trường Lệ quẹt mũi tôi rồi cười nói :

– Mẹo của anh cổ lắm, con gái ngu nhút thế gian cũng biết tẩy rồi. Anh bắt em hứa, em hứa xong, anh sẽ nói : - "Trước sau gì ta cũng sẽ vợ chồng với nhau, thì em còn gìn vàng giữ ngọc cho ai nữa. Nhá, em nhá ?".

Tôi bật cười. Quả tôi sẽ nói như vậy, và sẽ leo thang từ lời nói đến cử chỉ. Trường Lệ đang nằm trong ruột gan tôi, biết cả, biết tới ý nghĩ tới mưu toan chưa được thực hiện của tôi nữa.

Tôi cũng quệt mũi nàng mà rằng :

– Đêm nay anh thách em phà khói thuốc mê vào mặt anh, và nhút là thách em vuột khỏi tay anh đó.

– Em đâu dám, anh dạy chết, em sẽ chết, cho sống, em sẽ sống.

– Nhưng không bằng lòng sống như vợ chồng với anh ?

– Sao lại không, nhưng hãy đợi một thời gian ngắn nữa.

– Đợi cái gì ?

– Đợi cho tình anh nó chín muồi.

– Hiện nó đã chín quá rồi và sắp đứt cuống rơi xuống đất đây.

– Không, trái chỉ mới hường hường mà thôi.

– Em bóp thử tim anh mà xem.

Trường Lệ đâm thùm thụp lên ngực tôi ngay chỗ trái tim rồi nói đùa :

– Nó kêu tóc tóc tức là chưa đầy đặn, còn lưng, còn non.

– Còn tim em kêu như thế nào nè ?

Tôi hỏi và toan sờ thử tim nàng thì nàng cười hăng hắc, thật là chưa ai cù mà cười, rồi vội bảo vệ cái ngực bằng cả hai bàn tay xòe.

Tôi ngoạm lấy một ngón tay nàng, cắn nó giữa hai hàm răng của tôi và nói :

– Anh nghiền một cái là thành trì này sẽ đổ nát. Sợ hay là không nè ?

– Dạ sợ.

– Sợ thì đừng tự vệ nữa. Để tự nhiên cho anh xử thế lịch sự, nó mới là đẹp.

Trường Lệ vâng lời tôi rồi với tay lên vuốt tóc tôi mà nhủ :

– Ngoan nhé, rồi em cưng !

– Ủ, anh sẽ ngoan.

Quả thật, tôi bị kẹt gió. Tôi hứa là tôi sẽ tự nhiên mà lịch sự thì không thể nào làm gì bậy bạ nữa mà không bị nàng khinh. Khổ quá, khi không lại làm quân tử Tàu, bây giờ biết xoay xở thế nào để tấn công trở lại đây.

Tôi lại kêu mỏi lưng như đêm rồi và quả tôi mỏi lưng thật tình. Sức trai mạnh lắm, đành thế, nhưng ngồi và đứng từ 7 giờ đêm tới bây giờ, không nằm thì họa may xương sống bằng thép mới là không cong, không vẹo. Nhưng hậu ý của tôi là để xem lại coi nàng thoát thế nào mà tài quá, vượt trội như một con lươn.

Lạ sao, đêm nay Trường Lệ không thoát thân, bằng lòng chung gối với tôi một cách dễ dàng.

Giường bố loại giường đặc biệt của miền Nam, có tánh cách giường Hồng Kông, rất *ang-vô-gơ*⁽¹⁾ cách đây bốn mươi năm, là oàn ở giữa.

Ông cụ tôi, những lúc vui tính hay kể chuyện những đôi vợ chồng nhà giàu ngày xưa mà giận nhau. Giường Hồng Kông bằng đồng nên rất mắc tiền. Lò xo bằng thép tốt cũng rất mắc tiền. Chỉ phiền là nhà sản xuất cố ý chế tạo lò xo thật mềm, thành thử giữa giường trũng xuống như cái hố, một đôi vợ chồng không thể nằm xa nhau mỗi người nằm trên bờ hố được. Thế là khi họ cựa mình một cái là rơi xuống đáy hố, hai vợ chồng đụng nhau, phì cười, thế là hòa. Miền Nam, chữ "đụng" lại có nghĩa là lấy nhau nữa.

Giường bố cũng thế đó, thành thử đêm nay cho dầu Trường Lệ đặt ra một khoảng cách ngắn là một phân Tây, tôi cũng không tuân lệnh nàng được.

Da thịt của Trường Lệ quá mát đến nghe lạnh như đá trong thạch động, khiến tôi hơi thất vọng, vì nàng không có tánh cách người.

Nhưng đụng chạm nhau mấy phút là chúng tôi ấm trở lại nên tôi quên mất cái cảm giác rờn rợn lúc vừa chạm phải da thịt nàng, nó như là da con chàng hiu, loại nhái biết nhảy cao, ban đêm ta đi ngoài đồng trống, nó nhảy lên cổ ta, khiến ta hết cả hồn vía, loại nhái mà người ta gọi là nhái ma ấy, dễ sợ quá, không phải vì chúng nó thích bóp cổ ta, mà vì chúng nó lạnh ngắt như xác ma, lại chạm vào ta quá đột ngột.

Bấy giờ, Trường Lệ không tự vệ nữa, hay nói cho đúng ra, chỉ tự vệ ở giai đoạn cuối cùng mà thôi, nhưng tôi không đại gì mà vội vàng đi tới giai

(1) *Ang-vô-gơ* : tiếng Pháp en vogue, đang thịnh hành.

đoạn ấy. Tôi đã khôn ra rồi, và phải bước từ từ mới được. Nói con gái nhà lành hay làm bộ, quả có thể, nhưng họ cũng nhát đèn thật tình, họ sợ hãi lắm, trong lần yêu cụ thể đầu tiên, cố lùi cái giây phút mới lạ ấy lại trở chừng nào, hay chừng nấy.

Y phục của Trường Lệ không có gọt găm tôi chút nào hết. Quả thân thể nàng khéo tạc thật sự, và xúc giác của tôi xác nhận thị giác của tôi. Vả lại áo quần của nàng, như tôi đã nói, may bằng lụa nặng mình thì không thể gọt găm được. Lắm cô thợ may giỏi, họ khéo lợi dụng vài thứ lụa nhân tạo vừa nhẹ mình, vừa tương đối cứng như nylon chẳng hạn, rồi may phồng lên ở những nơi mà bên trong phải là những gò cao, một người đàn bà ho lao, mặc áo của họ, ngực cũng căng, eo cũng mang hình số 8 hẳn hoi.

Giờ nghe kỹ tôi mới hay là Trường Lệ mặc sa tanh đen, may bề trái trở ra ngoài. Lối trở trái làm mặt ấy rất là quỷ quyệt. Sa tanh đen quá bóng, mặc trông nhà què và lảng. Bề trái của sa tanh đen mượt, một màu đen quyến rũ và kỳ lạ thay, da người cứ cho ta cảm giác bóng láng hơn thật và mát mẻ hơn thật, khi ta chạm vào da ấy mà bị một lớp sa tanh trở mặt như vậy, làm vách ngăn giữa da của ta và da của họ.

– Làm vợ của anh em nhé !

– Dạ, nhưng còn lâu.

– Coi kìa, em mới nói là cần đợi một thời gian ngắn !

– Vâng, đợi một thời gian ngắn, rồi thì em có thể trao thân cho anh được, còn theo về làm vợ của anh thì phải đợi lâu hơn, có lẽ lâu lắm.

Tôi yêu Trường Lệ thật sự, nhưng không ham lập gia đình thì nàng trao thân cho tôi là đủ rồi. Nhưng điều kiện của thiếu nữ này hơi trái đời, khiến tôi ngạc nhiên lắm. Thường thì con gái nhà lành, chúng nó bắt ta cưới xong, mới trao thân cho ta, đó là lối dè dặt khôn ngoan mà không ai dạy, các cô đều biết cả. Cô nào không đủ trí chí đợi cho kế hoạch ấy được thì hành, trao thân trước thì đó chẳng qua là chuyện bất đắc dĩ, dẫu này chính Trường Lệ lại đặt cày trước trâu, lại cho trước khi chụp được giấy giao kèo, mà không phải cho vì quá đại dột, quá ngây thơ, thì thật là khó hiểu.

Vì vậy mà tuy không cần cái hôn nhân ấy lắm, hôn nhân mà có thể tôi phải bắt buộc ký kết nếu Trường Lệ tự vệ quyết liệt, không cần cái hôn nhân đó vì nàng sắp cho kia mà, tuy không cần, tôi cũng thắc mắc và hỏi gặng :

– Tại sao lại phải đợi lâu, và nhứt là tại sao em lại dễ dãi với anh trước khi cọt anh lại bằng hôn nhân ?

– Điểm thứ nhì là tại em quá yêu anh. Còn điểm thứ nhứt thì ơ... hơ... khổ quá có những điều chưa thể nói ra được, mà anh lại cấm em giữ bí mật, em biết tính sao bây giờ.

Tôi nghĩ bụng rằng Trường Lệ không còn là con gái nguyên trinh nữa, và được cậu nào đó hứa hôn nhưng nàng không thích, đang tìm kế để phá hủy hôn nhân ấy, mà công việc đó phải cần một thời gian mới xong. Vì không còn nguyên trinh nên nàng chẳng cần để dành làm gì, nhứt là để dành cho một cậu mà nàng không yêu thì lại càng vô lý hơn.

Tôi chỉ nghĩ tới đó thôi chứ không nghĩ xa hơn. Tôi cóc cần sự trinh bạch của con gái, không phải vì tôi chỉ qua đường với họ mà vì tôi nhiệm quan niệm chung của con trai thời nay : yêu nhau là đủ rồi, mọi thứ khác đều là chuyện phụ.

Đã bảo rằng tôi không gán phụ nữ từ lâu rồi. Đối với tuổi của tôi, chạy lạt một tuần lễ là dài lắm, nên đã quyết làm quân tử Tàu với Trường Lệ, tôi giữ lời được đâu có hơn mười lăm phút thì bắt đầu toan làm xằng.

Trường Lệ cứ để vậy và dĩ nhiên tay tôi tiến bình. Nói con trai ngốc thì cũng oan cho họ. Con gái ưa làm bộ thì còn làm sao mà biết khi nào đó họ cự tuyệt thật tình, còn khi nào khác họ chỉ giả vờ tự vệ mà thôi. Nếu họ làm bộ mà ta lui bình, họ sẽ rửa thắm ta là thằng ngốc, thôi thì thà là bị tát tai còn hơn là bị chửi.

Mà tôi ngốc thật. Đã có một lần rồi, Trường Lệ cứ để vậy cho tới phút quyết liệt thì nàng làm dữ. Đó là một cô gái mạnh cá tánh, thích được vuốt ve mơn trớn (ai lại không thích), nhưng biết gượng lại không tuột dốc luôn. Tôi ngốc, nên thấy nàng nhận mơn trớn, tôi cứ tưởng nàng bằng lòng, và đến một khi kia thì tay tôi bị khóa chặt lại. Nàng trách :

– Anh cứ như vậy hoài nè ! Yêu là như thế sao chứ ?

– Chớ còn như thế nào nữa ?

– Đành rằng rốt cục rồi cũng có chuyện đó, nhưng đâu phải đó là chuyện bắt đầu. Cái việc bản ấy, tự nó không bản, mà anh hành động như vậy, anh làm hoen ố nó đi.

Tôi xấu hổ quá, xin lỗi nàng và tự nguyện thâm là sẽ đứng đắn. Và tôi đứng đắn được trong đêm ấy, cho đến một khi kia, thì Trường Lệ vừa ngồi dậy vừa khen :

– Anh ngoan lắm và xứng đáng được em cưng lắm đấy nhé !

Mặc dầu buồn ngủ muốn chết, tôi cũng rất sợ Trường Lệ bỏ tôi mà đi nữa, nên tôi vội níu nàng lại. Tôi thích đi vào giấc ngủ với nàng bên cạnh tôi, khác hẳn những lần yêu khác của tôi, yêu những tình nhân hờ trong vài tháng mà tôi chỉ cần họ cho tới khi nào xác thịt của tôi lắng dịu lại mà thôi. Tôi mê gắn gũi với Trường Lệ như trong đời sống vợ chồng mới cưới, một phút không rời nhau. Tôi đã yêu rồi đây, yêu thật sự đó.

Tôi đã lo sợ hão vì Trường Lệ tự động cúi xuống hôn tôi. Lúc ngồi dậy, nàng day lưng lại trước mặt của tôi. Nhưng nàng xây mình một cái là ngồi đối diện với tôi rồi. Nằm cạnh tôi, Trường Lệ hôn tôi được, nhưng không thể hôn mạnh và hôn không ngon bằng ngồi dậy rồi cúi xuống mà hôn. Đàn bà họ ít hôn ta hơn là ta hôn họ, và có hôn, họ cũng chỉ nằm đó mà hôn thôi. Đây là những cái hôn của một bà mẹ, bà hôn một đứa con cưng chưa biết ngồi.

Nhưng Trường Lệ không hôn tôi mạnh lắm đâu. Đó là những mơn trớn nhẹ nhàng như cánh bướm quạt, môi nàng lướt qua trên da mặt của tôi, nhưng hôn như thế lại dễ mê hơn và tôi nghĩ rằng Trường Lệ đã có kinh nghiệm rồi, mà lại là kinh nghiệm già dặn nữa. Nhưng cũng có thể là nàng vừa học được với tôi mấy đêm nay thôi cũng nên, vì tới hôn nàng như thế. Chắc nàng đã nghe dê mê và thực hành liền cái lối hôn đã làm cho nàng nổi da gà. Những lần tôi hôn Trường Lệ như vậy ở tai và ở chơn tóc mai nàng đều mọc ốc khắp thân thể.

Dĩ nhiên là tôi cũng dê mê như nàng đã dê mê lúc đầu hôm, có lẽ dê mê nhiều hơn chăng, nên tôi thiếp đi hồi nào không hay, rồi tôi ngủ quên mất.

Sáng ra, tôi dậy cũng hơi trưa, và tôi tức cho tôi hết sức. Không, tôi không tiếc chuyện bậy bạ đâu. Đã nói là tôi tự chủ được trong đêm ấy mà hề được là sẽ được suốt đêm và Trường Lệ mà có ở lại, chúng tôi cũng chỉ ôm nhau mà ngủ khò thôi, chứ không có làm trò khỉ gì cả đâu. Nhưng tôi tức mình cứ bị Trường Lệ gạt gẫm mãi lúc chia tay, cái lúc mà tôi rất muốn chứng kiến để xem nàng đi về đâu.

Ông quản lý đi chợ về, không bắt gặp tôi còn ngủ nữa. Hơn thế, tôi đã nấu nước xong, chỉ đợi ông có mặt để pha cà phê sáng mà thôi. Ông già

này siêng lắm. Có lắm bà nội trợ, chợ chỉ cách nhà họ có năm trăm thước thôi, vậy mà mỗi tuần họ đi chợ có hai, ba lần, còn ông thì đi hôm một, nên chúng tôi được ăn rau tươi luôn luôn.

Ông ta sống máy móc theo thói quen, đã đi chợ hôm một, trong suốt ba mươi năm trường, ông đâm ra nghiện không khí chợ búa, sáng dậy là thêm đi chợ trước hơn thêm cà phê nữa.

Ông vừa cởi áo bành tô cổ đứng ra, loại áo Tây mốt 1915 mà bối, bếp và tài xế của Tây ưa mặc và phải mặc vì đó là đồng phục của kẻ ăn người ở của Pháp thuở ấy, vừa nhìn tôi mà cười nói :

– Mấy lớn cái đầu rồi mà ngủ đêm nào cũng mớ hết.

Tôi giật mình sợ hãi, nhìn ông trừng trừng, rồi sợ ông nghĩ cái gì, tôi vội trốn mắt ông, hạ cái nhìn của tôi xuống chiếc áo thun rách tả tơi mà ông mặc lót mình lúc đi chợ, và bây giờ nó hóa thành áo cánh của ông.

Tôi đánh trống lấp :

– Bác có tiền mà hà tiện quá !

Ông ta cười rồi hóm hình nói :

– Mớ đâu có gì xấu hổ mà mấy sợ tao cười chê, kiếm chuyện nói trở đi. Tao chỉ lo mấy bệnh thôi, vì mớ tức là nằm chiêm bao thấy cái gì. Mấy cũng không la hét nghĩa là không thấy chuyện dữ. Trái lại đôi khi mấy còn cười nữa, chắc mấy chỉ thấy chuyện vui không mà thôi. Nhưng mớ hằng đêm là không bình thường chút nào hết đó nghe cậu.

Tôi sợ điếng người, và rất băn khoăn tự hỏi ông ta có nghe tiếng của Trường Lệ hay chăng. Tiếng con gái trong trẻo hơn tiếng của lũ đục rựa chúng ta nhiều lắm, ta nói nhỏ vài từ đằng xa họ chỉ nghe rì rầm mà thôi chớ còn con gái nói thì họ có thể nghe rõ được từng tiếng một.

Ông già tò mò nầy nói :

– Tao đốt thuốc men lắm, mấy nên tìm ông già bà cả để hỏi thăm coi uống cái gì mà khỏi được cái bệnh chiêm bao của mấy.

– Dạ !

Tôi vâng lời lấy lệ cho ông ta bỏ qua câu chuyện ấy. Sau này mới buồn cười mà thấy mình lo sợ vô lý. Ông già nầy xem ra không phải là một nhà đạo đức mà còn trái lại nữa. Chính ông đã chê tôi là gà trống thiến, vì ban ngày tôi cứ lút thút ở nhà chớ không dạo xóm o mèu như tất cả con trai đều

làm. Ông đã kể cho tôi nghe những bước phiêu lưu tình ái của ông thuở ông còn thanh xuân, còn làm bồi làm phụ bếp chớ chưa lên bếp chánh. Không có chị bồi nào thoát khỏi tay ông, kể cả những chị bồi có chồng con, và những chị bồi làm cho Tây ở các nhà khác trong khu phố mà ông làm việc. Và kinh thiên động địa hơn, ông còn làm ái tình với cả những bà đầm mà chồng thường đi xa đây đó, hoặc ông chồng già quá hoặc chồng không khuyết điểm nào, mà vì bà ấy quá mạnh về sinh lý.

Người như thế, sẽ không lên án, không bắt tội một anh con trai có "mèo" đâu, còn tiếp nhận tình tại nhà ông thì... ơ hơ, ở đây đâu có phải là nhà của ông, vả lại tôi ngủ dưới nhà bếp, trong một căn buồng để dành cho tôi tớ kia mà.

Về sau, tôi cứ buồn cười cho mình, nhưng đồng thời tôi cũng ý thức được về căn cội sự sợ hãi của tôi. Trường Lệ không cho tôi biết nhà nàng, mà cả cái tên của nàng cũng có vẻ là biệt hiệu để giấu tên thật, thế thì nếu rủi ro ông quản lý cấm cửa người yêu của tôi thì thật là chết tôi, vì tôi còn làm sao mà tìm lại được nàng. Vậy lúc đó tôi không nên để cho sơ hở nào có thể gây hại cho tôi cả. Lòng người biến đổi, khó lường, nhiều kẻ hồi còn con trai là những con quý, thế mà khi về già, không mần ăn gì được nữa họ lại làm bộ đạo đức, một hình thức lấy le⁽¹⁾ của các ông già, thì ta sẽ khổ với các ông đạo đức giả hiệu ấy, còn khổ hơn là với những người bình thường, không bao giờ quý mà cũng không bao giờ quá khắt khe, khắt khe vì ganh tỵ với bọn được hưởng cuộc đời, còn họ thì không.

Thế rồi ông quản lý bỏ sang câu chuyện khác, câu chuyện giá sinh hoạt, nên tôi hết sợ nhưng không thôi thắc mắc. Tôi tự hỏi tại sao có hai người đối thoại với nhau mà lão ta chỉ nghe độc thoại của một người. Bằng như lão ta mà nghe đối thoại, hẳn lão ta sẽ hỏi vặn tôi nhiều lắm, hoặc chế giễu tôi, hay ngợi khen tôi có số đào hoa, chớ có đâu mà bỏ cuộc ngang xương như vậy.

Tôi liêu, sau nhiều phút suy nghĩ, hỏi một câu :

– Bác không ngủ hay sao mà nghe cháu mớ ?

– Các ông già đâu có ngủ được. Riêng tao thì khác, tao là một ông già gân, tao khỏe mạnh lắm nên quán đóng cửa rồi thì tao ngủ được ngay, mà ngủ tới sáng bết. Nhưng tao có bốn phận nên tao cố dậy sớm. Còn giữa

(1) *Lấy le* : tiếng Pháp prendre l'air, làm ra vẻ ta đây, làm bộ.

giấc ngủ, một tiếng động nhỏ cũng đánh thức tao dậy rồi. Vì vậy mà tao không cần nuôi chó trong nhà này. Nhà không có gì quý, nhưng cái buồng rượu giá đáng bạc muôn, trộm mà chúng nó biết giá trị của rượu tao cũng sẽ mệt. Nhưng như đã nói, tao không cần chó, mấy ho một tiếng là tao hay rồi.

Tôi lại giật mình sợ hãi. Nếu vì lẽ gì, ông già này dám húng, nuôi chó thì rắc rối không biết bao nhiêu. Hoặc nếu ông chủ quán khi không dám ra sợ mất rượu, mang từ Sài Gòn lên đầu một con chó thì hồng bét. Trường Lệ có làm quen được với chó cũng phải mất năm bảy đêm, tức sẽ bị lộ trước khi chó để yên cho nàng.

Như đã nói, tôi đã yêu hàng trăm thiếu nữ, nghĩa là yêu qua đường vậy thôi, nhưng đầu sao, tôi cũng không còn thêm đàn bà như các anh con trai thường, tôi còn ít thêm khát họ hơn cả những người lớn đứng đắn nữa, những ông này, cho tới già vẫn còn thêm gái đẹp vì họ đã trót khoác lên người họ chiếc áo đạo đức từ lâu, họ không bao giờ được hưởng sắc đẹp nên họ cứ thêm hoài, thế mà tôi lại bồn chồn, trông đứng trông ngồi cho mau tới.

Có lẽ vì thế mà mối tình của tôi càng ngày càng lớn một cách nhanh chóng, lớn như thổi, không như ở Sài Gòn mà tôi muốn gặp nhân tình của tôi bất kỳ giờ giấc nào cũng được.

Tôi lại, tôi rất bực mình khi thấy những cặp khách đầu tiên. Mãi cho đến lúc chạng vạng, sau bữa ăn tối tôi còn nuôi ảo giác rằng Trường Lệ sẽ nường bóng đêm vào quán, quên mất rằng nàng phải đợi tôi rảnh tay, tức đợi giờ quán đóng cửa mới tới thăm tôi được.

Các anh bồi rượu khác, thấy khách tới là hớn hở vui tươi vì có khách, chúng tôi mới nặng túi những chỗ tiền puốc-boa; lương tháng thật không đáng sánh với khoản tiền phụ ấy. Còn tôi thì lại bí xì xuống. Kể từ lúc thấp đèn màu ngoài sân, chúng tôi hồi hộp nhìn xe hơi từ Sài Gòn chạy lên, chạy gần đến cửa quán, tụi nó hồi hộp sợ những xe ấy chạy luôn, tôi thì hồi hộp sợ xe ghé lại. Tụi nó đánh cuộc tiền hể đứa nào nói đúng chiếc xe nào sẽ ghé là ăn mười đồng của mỗi thằng nói ngược lại. Đêm nào tôi cũng thua quá xá vì tôi nói theo ý muốn của tôi, mà ý muốn của tôi luôn luôn sai.

Những kẻ yêu thật là mù quáng và điên dại, không có khách quán vẫn phải mở cửa tới nửa đêm và hồi 11 giờ rưỡi khuya đọc một ông khách ghé

qua để uống một tách cà phê nóng, vẫn phải tiếp họ như thường chứ không phải thấy ế là được phép đóng cửa đi ngủ đâu. Vậy mà tôi cứ mong cho khách đừng tới. Tôi lại ghét cay ghét đắng bọn họ, những kẻ giúp tôi có tiền gần bằng lúc tôi làm công tử bột ở Sài Gòn.

Nghề bồi rượu ở các quán sang trọng, giúp chúng tôi kiếm được tiền nhiều bằng ba lương một ông kỹ sư trẻ tuổi, nên chỉ tôi hết cho là nói láo câu chuyện sau đây xảy ra ở bên Tây, bên ấy một số giáo sư trung học ban đêm đi làm bồi rượu, đã không có lương của các hiệu giải khát lại còn phải trả tiền cho họ và được gởi gắm thì mới được người ta nhận cho.

Bọn đi giải khát làm cho tôi biết như vậy từ đầu hôm cho tới nửa đêm mà đêm nào cũng thế, thật là lũ nó đáng ghét lắm. Về sau, tôi quen đi, chứ đêm nay thì tôi rất muốn bẻ cổ cái cặp nhân tình xứng đôi ngời đó tới 11 giờ 45 mà chưa chịu nhúc nhích.

Khi đèn màu ở sân lần lần tắt như đèn trong các rạp xi- nê, tất lối ấy đỡ sợ hơn là tắt ngay toàn thể một lượt với nhau, tôi thở ra nhẹ nhõm, và hồi bạn đồng nghiệp của tôi ra về để tôi đi ngủ.

Chủ quán đã lên trước giờ đóng cửa độ nửa tiếng đồng hồ, và bồi lấy tiền lần chót là ông ta chờ người thu ngân viên đi được ngay, lắm khi đi trước những người khách cuối cùng nữa vì khách họ trả tiền xong, còn tiếc, nằm nán lại năm, mười phút nữa.

Đêm nay, tôi uống cả một ly cối đầy nhóc cà phê đen, lại uống thêm một viên Maxiton⁽¹⁾ vì tôi quyết thức không ngủ quên như mấy đêm rồi nữa. Vâng, tôi tin là tôi ngủ quên vì quá mệt mỏi, chứ Trường Lệ không có làm gì cho tôi mê đi, như tôi đã hỏi vắn nắn.

Quán Cây Dương, mười phút sau khi ngọn đèn cuối cùng chết lịm, chìm mất trong bóng đêm dày đặc, cũng không phải là đêm quê, vì không có tiếng chó sủa ma, tiếng trẻ giựt mình ré lên khóc, tiếng những bà mẹ nhựa nhựa ru con lúc ngái ngủ, mà kẻ thao thức chỉ nghe tiếng lau sậy và tiếng côn trùng, thỉnh thoảng tiếng thở dài của những ngọn phi lao. Xóm nhà gần nhất cũng ở cách đó một dặm hú của một người có một buồng phổi lục sĩ điển kinh, có một cuống họng của một nam ca sĩ giọng kim cỡ Mariano⁽²⁾.

(1) *Maxiton* : một loại thuốc kích thích làm cho tỉnh táo hơn.

(2) *Mariano* : tên một nam ca sĩ nổi tiếng ở phương Tây lúc bấy giờ.

Khi phi lao thì thăm hiệp đầu, tim của tôi đã đánh thành thành rồi. Đó là dấu hiệu báo trước nàng sắp đến, y như một vài loại chim linh kia, báo tin có hổ, hoặc như trong các chuyện thần tiên, báo tin tiên giáng hạ. Tôi không quan sát, nhưng vẫn thấy được rằng sự việc đã xảy ra như vậy : hễ phi lao thở dài ba hiệp, hương của bông nguyệt quý thoang thoảng đầu đây rồi thì Trường Lệ tới một cách thành linh quá sức, tôi không làm sao thấy được nàng từ hướng nào tiến lại nhà bếp, cho dầu là tôi đứng rình giữa sân sau nhà.

Bỗng dưng tôi nghe mát mẻ lạ kỳ, khiến tôi chợt nhớ lại những điều mà vài du khách có tài quan sát tinh tế, kể về nếp sống thân mật của người Nhật Bản.

Bên Nhật, vào mùa hạ nhà ai cũng treo nơi cửa sổ những chiếc khánh bằng sứ, mỏng dị thường, mỏng như giấy. Người Nhật có tài chế tạo sứ mỏng, cứ xem cái tách uống trà của họ thì đủ biết họ khéo tay đến mức nào, mà khánh sứ nói trên lại còn mỏng hơn nữa. Những chiếc khánh này reo lên mỗi lần một làn gió nhẹ nhút quả địa cầu dạo chơi trong xóm, trong khu phố, nhẹ đến đổi các bức màn vải cũng không lay động nữa.

Nhờ vậy mà người Nhật nào cũng nghe mát do tự kỷ ám thị, bởi họ ý thức rằng gió đang thổi qua nhà họ, đang vào buồng họ để thăm viếng họ, chỉ ý thức mà thôi, chứ xúc giác của họ tuyệt nhiên không hề được gió mơn trớn.

Phi lao, ở đây, thủ vai của những chiếc khánh sứ huyền diệu của dân Phù Tang. Đó là tôi cứ tưởng như vậy thôi, chứ về sau tôi mới biết rằng tôi được mát thật sự, chứ không phải vì tự kỷ ám thị, bởi sự mát mẻ của tôi gần như là do một cây quạt máy đứng, loại cánh to tạo nên, chứ không phải chỉ mát vậy mà thôi đâu.

Phi lao thở dài đã ba hiệp rồi, và đúng y như tôi tiên liệu, hương của bông nguyệt quý thoang thoảng liền sau đó. Tôi vụt ngồi dậy, toan rời giường bố, để chạy ra sân thật lẹ thì Trường Lệ đã đứng ngay trước mặt tôi, bóng dáng của nàng đen thui, nổi bật lên, bóng đêm tương đối sáng hơn nhờ trời đầy sao.

Tôi chụp lấy vai nàng, vừa tiến tới một bước vừa kéo nàng vào người tôi. Tôi hôn nhẹ tóc của người bạn gái không bé người không gầy chút nào, nhưng sao lại nhẹ cân quá vì nàng ngã đại vào tôi mà tôi không bị chút xúi ảnh hưởng nào của trọng lượng thân thể nàng.

– Em phải tên là Nguyệt Quý mới được, em thơm bông nguyệt quý ở khắp thân thể em. Nhớ em muốn chết, hăm bốn tiếng đồng hồ qua, anh nghe nó dài như thiên thu.

– Em cũng nhớ anh lắm. Nhưng ta phải chịu vậy chớ biết sao bây giờ.

– Anh có cách giải quyết khó khăn của ta.

– Cách nào ?

– Anh cất nhà ở cạnh đây, để đầu hôm là ta gặp được nhau ngay.

– Bỏ chỗ làm à ?

– Ừ, bỏ. Anh không tiếc chỗ làm này chút nào hết.

– Rồi tiền đâu anh tiêu xài ?

Tôi quẹt mũi Trường Lệ rồi chế :

– Lêu lêu mắc cỡ ! Đã khoe là nữ trình thám nhận lệnh ông bố anh theo dõi anh, mà không biết anh là con nhà giàu à ?

– Biết chớ sao không. Nhưng nếu anh ra mặt để xin tiền bà cụ, thì bà cụ nắm đầu anh về dưới, anh đâu có được ở cái nhà "cạnh đây" nữa. Chừng ấy ta sẽ xa nhau hơn, mà có lẽ sẽ xa luôn cũng nên.

Tôi làm thinh vì Trường Lệ nói rất hữu lý. Tôi không có lối ra. Nếu bỏ nghề là phải về nhà để xin viện trợ, mà như vậy khó lòng còn gặp Trường Lệ được; bằng như cứ giữ nguyên tình trạng cũ, thì phải chịu cảnh nhớ thương trong rất nhiều tiếng đồng hồ mỗi ngày.

Tôi đỡ Trường Lệ nằm lên giường bố, chìa cánh tay cho nàng gối đầu và bây giờ tôi mới chợt nghe là Trường Lệ cũng mặc bà ba bằng sa tanh đen, may trở trái làm mặt. Áo bà ba của nàng, cổ áo là cổ bà lai, một bước tiến (hay một bước lùi) của kiểu áo đó. Ở miền Nam, cả hai danh từ "bà ba" và "bà lai" đều chỉ cái dân tộc Mã Lai, một dân tộc đã giao thương với xứ Nam Kỳ thuở còn khản hoang và đã để ảnh hưởng lại xứ này khá nhiều. Áo bà ba là kiểu áo của họ mà dân Nam Kỳ đã cóp lấy. Nhưng ta Việt hóa cái cổ, may như các bạn thường thấy. Mấy trăm năm sau, ta thấy cổ áo chánh gốc đã bị ta bỏ đi, đẹp hơn cổ áo Việt hóa, nên ta lại bắt chước muông, và dùng danh từ thứ nhì để gọi cái cổ ấy, danh từ "bà lai". Áo bà ba, mà cổ bà lai, nguyên lai là thế đó.

Cổ bà lai là cổ áo hở ngực, hình một trái tim quá dài, và mũi nhọn của tim nằm giữa ngực phụ nữ. Một chi tiết khác nữa là áo không có

cái "hồ"⁽¹⁾, còn bầu áo thì viền bằng một dải lụa to bản, chớ không phải viền nhỏ như bầu áo bà ba Việt hóa, bầu to bản ấy chạy dài xuống tới tròn, ở hai vạt, nó thay cho hai cái "hồ".

Đó là một áo của những phụ nữ bình dân miền Nam nào hay làm dáng, mặc áo quá một loại đầm, họ ngượng, nên cải thiện lối bà ba cố hữu của họ.

Trường Lệ không có vẻ gì là gái bình dân cả, nhưng hiện nàng sống ở đây, thì nàng phải phục sức như người ở đây, không dám làm khác họ quá xa. Những chi tiết trên đây, tôi đã thấy nhờ vào đêm tôi ngủ ngoài sân, dưới ánh trăng mờ.

Đêm nay, tôi mới bình tĩnh được để hỏi đơn hỏi ren⁽²⁾ Trường Lệ về đời của nàng mà tôi nghe không cần biết lúc tôi chỉ mới thèm muốn nàng thôi chớ chưa yêu nàng.

Sự nén dục rất là kỳ lạ. Khi ta thành công rồi thì lòng ta trở lại bình thản như là những cô gái mà ta đang thèm dữ dội là vợ cũ của ta từ lâu rồi, việc ân ái không còn thúc bách nữa.

- Hình như em đã thôi học rồi hả ?
- Dạ, em thôi học năm ngoái.
- Em đã học tới đâu ?
- Dạ tới đệ tam.
- Tại sao em lại giấu tên và giấu giếm không cho anh biết nhà ?
- Còn phải hỏi. Anh biết để anh mò tới đó cho ba má đánh đòn em.
- Anh xin thề...
- Khỏi thề. Nếu anh tỏ ra kín đáo thì anh sẽ được biết.
- Có thể chớ !

Tôi thưởng Trường Lệ một cái hôn nhẹ lên má của nàng, và lại nài nỉ :

- Hay là em cho anh biết tên thật của em là đủ rồi.

Trường Lệ quẹt mũi tôi rồi cười nói :

- Em gái của anh đâu có ngốc đến thế. Hề anh mà biết tên em là anh điều tra ra cha mẹ em và nhà em tức khắc.

(1) Cái "hồ" : cái nách áo.

(2) Hỏi đơn hỏi ren : hỏi thăm, thường nói về người có lỗi muốn hỏi để dò ý xem sao.

– Nhưng ba má nghiêm khắc, em sợ đòn, sao em lại nửa đêm dám trốn nhà mà tới đây ?

– Em có buồng riêng, em bỏ buồng, ba má đâu có hay biết.

Trường Lệ trả lời ồ ồ, nên tôi không thắc mắc nữa, còn tại sao nàng lại đến đây với tôi thì tự ái con trai của tôi đã thâm cật nghĩa rõ cho tôi nghe rồi : là tôi bảnh trai số dách và con gái nào mà thấy tôi một lần là mê tôi như điên đảo không cần tìm biết có đúng như vậy hay không, và càng không nên tìm hiểu, vì rủi ro không phải thế thì vỡ cái ảo tưởng bảnh trai của tôi đi còn gì.

Tôi quyết thức nên mới uống nhiều cà phê đen và thêm xuc⁽¹⁾ Maxiton, nhưng tôi quên mất rằng đó là hai chất kích thích thâm kín và kích dục. Thế nên tôi chỉ ngoan ngoãn được có nửa tiếng đồng hồ rồi chứng nào tật nấy, mà đêm nay tôi lại càng đỡ chứng nhiều hơn bởi đã bị thuốc kích thích quá độ kia mà !

Tôi định ninh rằng sẽ bị xì-tốp nơi ngã ba đèn đỏ, nhưng kỳ lạ thay, đêm nay phú-lích⁽²⁾ rất là thông cảm, tôi tấn công đợt một không bị sức kháng cự nào cả khiến trong mấy giây đầu tôi đâm hoảng, ngỡ Trường Lệ dùng chiến thuật dụ khí cho tôi tiến sâu vào nội địa để rồi siết chặt vòng vây lại hầu tận diệt tôi.

Thôi tôi không dám múa búa trước cửa Lỗ Ban⁽³⁾ mà tả cái chuyện đó cho hai cậu nghe đâu, nhưng tôi phải khai rõ rằng nàng còn tân. Nàng chỉ kinh nghiệm qua sách vở mà thôi, với lại qua câu chuyện với bạn bè. Con gái thời nay họ cởi mở với nhau lắm, chớ không thẹn xằng như xưa, nên các cô đã "sống" thường hay giáo dục sinh lý cho các đứa em chưa vào đời.

Đã bảo là tôi không trọng "cái đó" thêm xu nào hết, thì nàng còn là con gái hay không, thật là không đáng kể, nhưng tôi vẫn phải nói ra, để mà cất nghĩa những chuyện sau.

Sự hiệu nghiệm của một ly cà phê đen lớn và một viên Maxiton, đối với cơ thể trung bình của tôi, kéo dài tới sáng. Tôi biết chắc điều đó vì tôi đã thí nghiệm nhiều lần rồi nên chỉ tôi tin ba bố một gia rằng đêm nay tôi

(1) *Thêm xuc* : ăn thêm, uống thêm.

(2) *Phú-lích* : tiếng Pháp police, cảnh sát.

(3) *Lỗ Ban* : tức Công Thâu Ban nước Lỗ, sách *Mặc Tử* chép ông là người rất giỏi về nghề mộc và về kỹ xảo, binh pháp.

sẽ thức được và sẽ được dịp tiễn người yêu của tôi ra cổng, lúc gà gáy hiệp thứ nhì.

Vả lại, khi một người gái tân cho ta tình yêu, thì còn cái gì mà nàng lại không cho kia chứ ? Thế mà, một tiếng đồng hồ sau, sau trận tấn công đợt hai tôi lại thiếp đi lúc nào tôi không hay biết thì có tức hay không ?

Không, không phải tại vì tôi quá mệt đâu. Sức con trai mà, hai cạu ? Sáng ra, tôi nhớ rõ là Trường Lệ cũng ngồi dậy, cũng hôn tôi, và tôi cũng nghe đề mê rồi thì u u, minh minh, tôi không còn biết gì nữa cả.

Nhưng tôi đã thôi thối mắc rồi, vì tôi đã được nàng, được trọn vẹn, đã qua hai lần ân ái với nàng thì tôi còn muốn gì hơn ? À, không, tôi có muốn hơn. Lần này thì tôi định lập gia đình đây, một cách nghiêm trang đấy nhé, đánh bỏ mẹ đứa nào nói láo.

Tôi là một thằng đoàn hậu, hễ làm ái tình với đào nào xong là tôi hết muốn gần cô ấy nữa, hoặc sự thích tái ngộ chỉ còn có năm mươi phần trăm của háo hức buổi đầu. Vậy mà lần này thì tôi muốn tính chuyện trăm năm với Trường Lệ đây.

Trường Lệ khác tất cả những cô gái mà tôi đã được : Nàng không quá "văn minh" như họ cho tôi phải ngấy ra. Họ là những cao lương mỹ vị của cao lâu, của các hiệu cơm Tây sang trọng mà tôi ăn thường quá nên nuốt không vô nữa. Nhưng Trường Lệ cũng không phải là món mắm mặn không ngon, tức không phải một cô thợ cấy, thợ gặt nào, chỉ có xinh, có gợi thêm chớ không có gì khác.

Không, nàng là một món ăn sần đã thật đó, nhưng mà là món ăn của giới trung lưu. Tánh cách sần đã nơi nàng, không ngán miệng như các món chiên xào với nhiều mỡ, và tánh cách món ăn trung lưu, không quá hoắc lê, không quá tương rau đến không chọc thêm gì hết.

Trường Lệ là thành phố cất giữa đồng quê hay giữa rừng sâu vậy, tức có biệt thự tráng lệ, có điện, có nước máy, có vũ trường, có trà đình tửu quán, mà đồng thời cũng có suối reo róc rách dưới cỏ, dưới rêu, có hương hoa rừng thơm ngát, có gió sông mát lạnh da người, có tiếng tù và, có mục đồng ca hát.

Đó là tôi nói về tâm hồn và phục sức của nàng ấy. Đến như da thịt của nàng thì lại càng huyền diệu nữa ! Da mặt của gái văn minh nóng lăm lăm vì son phấn. Da thịt của các cô thợ cấy thì khét nắng. Trường Lệ không khét nắng, mà cũng chẳng phấn son nên nó mát rượi như là tượng cẩm thạch.

Hương của nước hoa đuổi mất hương của da người, hương này có linh hồn, có đời sống, nói lên cá tính của con người mà ta áp yêu trong tay. Tôi quên nói rõ chi tiết này là không hiểu vì sao mà nàng gán tôi một hồi thì hương của bông nguyệt quý tiêu tan mất hết, chỉ còn lại hương trời sanh của da thịt nàng mà thôi.

Hôm nay, tôi còn nhớ Trường Lệ hơn là những hôm tôi chưa được nàng nữa, nên chỉ tôi lại đi tìm anh chụm lửa nấu nước pha cà phê để cùng anh ta đi dạo xóm.

Làng quê, ta cứ tưởng là nhỏ hẹp dễ tìm người, nhưng thật ra thì khó hơn ở Sài Gòn nhiều lắm. Sài Gòn có nhiều ngõ hẻm, chằng chịt như mạng nhện, nhưng nhà nào cũng trở mặt ra ngõ hẻm cả. Ở thôn quê thì không. Một khu vườn rộng cả mẫu rồi kể đó là một khu vườn rộng cả mẫu nữa. Trước các khu vườn ấy có ngõ trúc quanh co, nhưng sau những khu vườn ấy mà ta cứ ngỡ là không còn gì nữa, bởi cây cối rậm rì, án sát phía sau, ta ngỡ thế, nhưng sau đó lại là những khu vườn, vẫn có ngõ đưa vào đó, nhưng phải đi vòng quanh, tên Được chặt nước đá, hấn lưỡi đi vòng, không đưa tôi vào bên trong, nên tôi quyết lục lạo khắp nơi, mà mục đích có đạt đâu.

Đi vài tiếng đồng hồ, mỏi chơn rồi về. Ông quản lý coi bộ hoan nghênh tôi lắm. Ông nhìn tôi mà cười lặng lẽ, nhưng tôi đoán được rằng ông ta thâm nói : "Có thể chớ, một anh con trai bình thường tâm trí, bình thường sức khỏe thì phải là một con gà trống thường mới được, chớ gà trống thiên thì chỉ đáng vứt vào nồi hầm hoặc nồi cà ri mà thôi !".

Ông đâu có dè rằng tôi đào hoa hơn thế kia !

Chúng tôi yêu nhau như vậy được hai tuần trăng tức hai mươi ngày tình càng mặn, nghĩa càng nồng không có trục trặc kỹ thuật nào xảy ra như ở nhà đèn, Chợ Quán hay ở đài phát thanh, đài truyền hình cả.

Nhưng một hôm, giữa bữa ăn điểm tâm, ông già quản lý khó chịu ửng ửng nhìn tôi trừng trừng, khiến tôi lo lắng. Giấy lâu, ổng nói :

– Tao thấy mấy dạo này ồm ồm, và xanh lắm, trông thấy được ngay chớ không phải chỉ hơi gầy, hơi xanh đâu. Tụi nó không thấy như tao vì tụi nó tới đây lúc chạng vạng tối rồi một lát sau, có đèn nhưng lại là đèn màu rất mờ. Mấy lại mớ liên miên mỗi đêm. Liệu mà lo thấy, lo thuốc.

Tôi đã tỉnh hồn rồi. Các anh con trai mới cưới vợ anh nào trong mấy tháng đầu lại không thể. Không, không có gì đáng lo hết, rồi tự nhiên ham muốn của tôi dịu lại, là tôi hồng hào tốt tươi như cũ chứ không có gì.

Ông Sáu lại hỏi :

– Mấy có mắc bệnh di tinh hay không ? Nếu có thì nguy lắm vì mấy có thể chết được đa. Nói trong mơ, gầy và xanh mét là ba dấu hiệu của bệnh đó, tao kinh nghiệm lắm, tao biết chắc như vậy. Có hay không nè ?

– Có. Tôi đáp thật khẽ nhưng không đúng sự thật. Chứng di tinh nơi tôi, đâu có phải là cái bệnh. Còn nói mơ là tại ông ấy tưởng như vậy thôi chứ, tôi nói chuyện với người yêu của tôi hẳn hoi giữa lúc tôi thức ấy chứ ?

Tối hôm đó, Trường Lệ cho tôi leo cây⁽¹⁾ : nàng không đến, báo hại tôi thức đợi nàng cho tới hừng đông. Nàng không đến một đêm thì có gì lạ đâu, mà nàng vắng mặt ba bốn đêm liên tiếp cũng là sự thường bởi phụ nữ phải chịu đựng cái khổ dịch kinh kỳ chứ có tự do như ta đâu. Nàng lại cũng có thể bị kỳ đà cắn mũi, ba má nàng đau ốm gì, không ngủ được, hoặc nhà có giỗ cũng nên. Vậy mà tôi tức giận ghê lắm, rồi cả ngày đó, tôi hờn nàng, định khuya lại sẽ lách mặt, không thèm gặp nàng, cho bỏ ghét.

Trí thì quyết như vậy, nhưng lòng lại cứ nhớ nhung và mong ngóng đêm về. Đêm về đêm lại cho tôi thất vọng, tức tối và hờn tủi một lần nữa, vì một đêm nữa, nàng cho tôi leo cây. Tôi nghe ngóng thì trong vùng, những ngày hôm ấy không có đám ma nhà héo, không có quan, hôn, tang, tế gì cả. Nếu cái đà nẩy mà cứ tiếp theo cái nhịp ấy thì tôi đau tương tư mất thôi. Khổ quá ! Nếu Trường Lệ có báo tin trước sẽ vắng mặt trong mười lăm đêm, tôi sẽ ngăn nàng, và nếu không được, tôi sẽ chịu số phận trong buồn bã. Nhưng nàng mà không làm si nhanh như thế này, tôi khổ không biết bao nhiêu và tổn thọ cho tôi lắm.

Nhưng vào đêm thứ ba thì phi lao thả dài ba hiệp trong khi gió nín hơi. Ấy, có cái điểm lạ đó, là những lần phi lao thì thâm trong đêm vắng, không có lấy một gờ-ram gió nào cả. Ban đầu tôi đã ngạc nhiên, nhưng câu chuyện về những chiếc khánh sứ Nhật Bản cất nghĩa được hiện tượng đó nên tôi thôi thắc mắc. Về sau, nghĩ ngờ, tôi thí nghiệm theo khoa học thì mới chắc được rằng quả không có làn gió nhẹ nào hết. Vậy mà phi lao vẫn than thở.

(1) Cho leo cây : bị để cho lỡ hẹn.

Tôi rất muốn tuột xuống giường chui trốn đâu đó để nàng phải ôm gối vài tiếng đồng hồ cho biết thân mà đừng có làm bộ với tôi, nhưng tim tôi lại đập mau và mạnh, đập cái nhịp đập vui mừng chứ không phải sợ hãi, hai lối đập gần giống như nhau, nhưng có khác đối với dương sự và đối với cái máy ghi nhịp tim.

Rồi thì thoang thoảng hương nguyệt quý, rồi thì đứa em gái cưng của tôi xuất hiện đột ngột trước đầu giường của tôi. Tôi đang ngồi vì tôi đã vụt ngồi dậy một cách máy móc khi nghe phi lao reo khê. Cái cảm giác mát lạnh đến với tôi từ lúc thông than thở, bấy giờ đã rõ rệt lắm rồi.

Hai đứa tôi nhìn nhau trong bóng đêm đến mấy mươi giây, tôi còn bối rối chưa biết nên có thái độ nào thì Trường Lệ bước tới, ngả đầu xuống vai tôi rồi hỏi :

- Có giận em lắm không ?
- Còn phải hỏi.
- Em xin anh thứ lỗi cho.
- Sao em không báo trước ?

Tôi đã đầu hàng rồi, nên mới vừa hỏi câu ấy vừa cúi xuống hôn lên tóc bạn.

– Nếu em báo trước, anh sẽ ngăn em, anh sẽ nài nỉ, và em sẽ không nổi văng mặt.

- Té ra em cố ý văng mặt, chứ không phải bận việc thành linh ?
- Dạ, đúng như vậy.
- Tại sao ?

Tôi hỏi, giọng xăng là vì tôi thấy rằng không thể tha thứ được một cá tánh bất định như vậy.

- Tại anh mệt.
- Anh mệt ? Anh mệt hồi nào ?

– Thì suốt hai mươi đêm nay, mỗi đêm anh chỉ ngủ có hai ba tiếng đồng hồ, rồi lại gần dần bà hằng đêm, làm sao khỏi mệt. Anh gầy và xanh lắm.

Tôi giựt nảy mình. Nếu tôi có gầy thì cũng chỉ trông thấy được ở gương mặt thôi, mà má tôi có thâm, quầng mắt tôi có sâu, da mặt tôi có xanh hay chằng, cho đến đồng nghiệp của tôi đứng gần sát tôi mỗi đêm còn không hay biết, thì Trường Lệ bắt quá chỉ rình đằng xa, ngoài hàng rào, làm thế nào mà phân biệt được cái gì trong đèn màu ? Mà nàng lại

dùng y những danh từ mà ông Sáu đã dùng mới kỳ. Tôi hỏi, sau mấy mươi giây im lặng :

– Em chỉ nói phóng mạng. Làm thế nào mà em biết anh gây hơn trước và xanh mét hơn trước được.

– Sáng hôm kia ông Sáu đã không nói như vậy, và anh đã không nhìn nhận rằng ông ấy nói đúng à ?

Tôi lại giựt nảy mình một lần nữa. Nhận xét của ông Sáu, không có nhân chứng. Mà ông cũng chẳng hề ra khỏi nhà, chẳng hề tiếp khách sau đó mà nghĩ rằng ông đã bết xết với ai. Đó là hai hôm mà ông lười không đi chợ, chúng tôi ăn cá kho cũ ở nhà. Đồng nghiệp của tôi đâu có thì giờ leo mép, nếu lũ nó đã nghe ông Sáu nói gì, trừ phi bọn ấy ở trong một tổ chức nào, và một thằng bồi rượu có phận sự loan mọi tin tức cho Trường Lệ hay. Hay là cái vụ trình thám của nàng là có thật, và cả ông Sáu lẫn bọn bồi bàn đều là người mà ông bỏ tôi mua chuộc để theo dõi tôi ? Nhưng theo dõi tôi làm gì bởi nếu ông cụ bà cụ của tôi mà biết tôi ở đây thì ông bà nắm đầu tôi giờ phút nào lại không được ?

Trong những giây kinh dị ấy, tôi đã buông Trường Lệ ra, nhìn nàng trừng trừng, mặc dầu tôi chỉ thấy bóng dáng đen thui của nàng mà thôi, hay nói đúng hơn, tôi có thấy được đôi mắt nàng, đôi mắt sáng gần như hai ngọn đèn, dưới ánh trăng, còn trong bóng tối, nó không sáng đến thế, nhưng vẫn phát quang như không tắt hẳn.

Tôi có đi săn đêm mấy lần, câu vui, và đã được dịp thấy mắt chồn, mắt cọp, mắt nai. Mắt cọp và mắt nai chỉ phản chiếu ánh đèn pha mà ta đội đầu, nhưng mắt chồn thì sáng tự nhiên trong đêm tối. Mắt của Trường Lệ như vậy đó.

Bấy giờ Trường Lệ bỏ vai thụ động từ trước đến nay. Nàng ngồi xuống giường bố và kéo đầu tôi xuống để hôn lên tóc tôi rồi hỏi, một câu hỏi mà tôi cho rằng có tánh cách đánh trống lảng :

– Con trai mà làm đáng dữ. Anh xúc nước hoa hiệu gì đó ?

– Bains de Champagne. Tôi trả lời bằng giọng ừ hử lấy lệ.

Tôi vẫn bất động, không ôm nàng mà cũng không đáp những lời mon tron của nàng vì tôi còn choáng váng trước những cái biết kỳ quặc, khó hiểu của nàng. Trường Lệ nói :

– Đêm nay em cho anh biết nhà em được rồi đó.

Thình lình, tôi quên tất cả, ôm chầm lấy nàng, hôn nàng lu bù rồi hỏi :

– Thật như vậy hở em ? Đừng có nói giỡn cho anh phải thất vọng đó ghen.

Trường Lệ "già giờ" quá và tôi bị vào tròng ngay, quên cả ngờ vực, lo lắng, thắc mắc.

– Em đâu dám nói giỡn về cái chuyện mà em đã hứa.

– Nhưng tại sao tới đêm nay em mới tiết lộ điều đó được ?

– Vì anh đã thương nhớ em nhiều lắm tức tình anh đã vũng rồi. Anh lại đã chứng tỏ biết ngoan ngoãn, biết dè dặt tò mò.

– Vậy em ở xóm nào ?

– Em ở xóm Bến Bụi !

– Bến Bụi ? Cái tên lạ nhỉ ? Nơi bến ấy có nhiều bụi cây à ? À, nhưng anh đâu có thấy sông ?

– Ở phía Nam ngoại ô của thành phố Thủ Đức, phía Sài Gòn, có một con rạch nhỏ chảy ngang qua đường thiên lý, ở đó người ta có bắc cầu đúc.

– A, đúng như vậy rồi.

– Bến Bụi nằm ven con rạch ấy, cách cầu có vài mươi thước mà thôi.

– Nhưng anh thấy nơi đó trống trơn, nhà cửa đông đúc, đâu có bụi cây nào ?

– Không, bụi là bụi bậm ấy chứ.

– Đất ven sông rạch là đất ẩm, sao lại có bụi ?

– Bụi ấy là bụi nhà máy xay lúa.

– À ra vậy. Té ra ở đó có nhà máy to ?

– Không có cái nào hết.

– Kỳ lạ.

– Anh có biết hay không là nhà máy xay lúa ở Bình Tây, Bình Đông dưới Sài Gòn, mỗi ngày họ sản xuất ra hàng tấn bụi ?

– Không. Nhưng họ sản xuất bụi bằng cách nào và để làm gì ?

– Đó là bụi thóc của châu thổ Cửu Long, bụi phù sa rất màu mỡ. Họ xay thóc, thì tự nhiên bụi bay lên, rơi đầy nền nhà máy. Miền Đông đem thuyền xuống dưới ấy mua về để bón ruộng, ruộng miền Đông thiếu đất màu anh biết chưa ?

– À hiểu rồi.

– Ba em là chủ một vựa bụi ở đây. Bụi này sẽ bán lẻ ra cho các nông dân nho nhỏ trong vùng. Bấy nhiêu đó, đủ cho anh hay chưa ?

– Rất đủ.

– Nghĩa là anh sẽ đi thăm tất cả các vựa bụi trong vùng để tìm em ? Nè, em nói cho mà biết, em cấm anh hành động như vậy. Nếu anh không nghe thì... đoạn tuyệt.

Tôi cười hể hể và nói thắm : "Được rồi cô em ơi, anh sẽ nghe cô em, nhưng nửa chừng thôi. Anh là vua nguy trang đây mà, anh sẽ trá hình làm nông dân, làm Chệt mua ve chai, đồ cô em nhận diện được anh".

Kẻ nào yêu, cũng điên rồ hết ráo. Khám phá ra nhà Trường Lệ để làm gì ? Không lẽ một chú Chệt mua ve chai lại tới đó mỗi ngày một bận để hỏi mua những thứ mà người ta đã bán cho chú ta ngày hôm trước ? Còn định điều tra về hạnh kiểm của Trường Lệ là một điều thừa, vì nàng còn trinh bạch trước khi trao thân cho tôi, thì rõ là nàng tốt, có lẳng cũng chỉ lẳng vậy vậy thôi.

Đó là bản năng ham khám phá của con người nói chung, của người đàn ông nói riêng, họ muốn biết tất cả về người con gái mà họ yêu, và tìm thấy thích thú chính trong sự khám phá chứ không phải trong việc đã khám phá được.

Tôi đã nghe Trường Lệ là vợ của tôi hơn trước, khi mà gia đình của nàng, cha mẹ của nàng nằm ở cái tọa độ mà tôi biết. Vì thế mà xác thịt tôi bình thản được và trò chuyện với Trường Lệ hơn nửa tiếng đồng hồ mà tôi chưa giở trò gì bậy bạ cả. Nhưng chính Trường Lệ lại bị kích thích. Đó là một người con gái dồi dào sức khỏe và sinh lực rất bông bột trong những buổi làm ái tình.

Chính sự rung động của nàng đã làm cho tôi chợt nhớ ra là tôi chưa môn trớn nàng lần nào hết. Và tôi làm phận sự vậy.

Tôi không ăn nói theo sách vở, nghĩa là không cho rằng người ta yêu nhau chỉ vì tâm hồn, vì tánh nết của nhau, mà nhìn nhận cả yếu tố ái tình xác thịt nó dự phần rất lớn trong tình yêu nữa. Sở dĩ tôi yêu Trường Lệ nhiều hơn tất cả những cô tình nhân trước của tôi là vì Trường Lệ là cô gái bông bột hơn hết trong những phụ nữ mà tôi biết, mà nhứt là nàng bông bột nhiều trước lúc làm ái tình chứ không phải lúc đang làm ái tình, sự rung động quá sớm và quá mạnh trước đó của nàng cho tôi cái tiền vị yêu đương xác thịt mà tôi chưa bao giờ được hưởng, đó là một chất kích thích tinh thần hiệu nghiệm hơn bất kỳ thuốc mạnh nào mà loài người biết bào chế.

Sự bông bột của người đàn bà trong lúc làm ái tình, chỉ có tài vuốt ve tự ái xằng của bọn đàn ông làm phách, lũ nó có ảo tưởng được rằng lũ nó mạnh lắm, cho nên bọn bán phần buôn hương luôn luôn lợi dụng cái điểm tâm lý lỗ bịch ấy của người đàn ông để làm bộ bông bột, mong nịch ái⁽¹⁾ họ.

Tôi không có tự ái xằng, và quả tôi mê Trường Lệ vì sự rung động trước đó mà thôi, sự rung động này, không thể làm giả được như là sự bông bột của bọn gái giang hồ.

Bảy giờ trăng hạ tuần đã mọc rồi và chúng tôi lại bắt đầu rù rì trở lại như lúc mới gặp nhau. Trường Lệ xoa mặt tôi, những ngón tay của nàng giống như một tiểu đội quân thám địa, mò kiếm, lục lạo từng gò cao, đồi lớn đến trũng nhỏ trên mặt tôi rồi thờ dãi, nói :

Quả anh đã gây đi, thật đó. Má anh hóp hơn hôm trước nhiều lắm. Anh có đọc truyện *Liêu Trai* hay không ?

– Có.

– Thiên hạ cứ cho rằng gần gái *Liêu Trai*, bị chúng nó rút rĩa sinh khí nên rồi anh thư sinh nào cũng chết lần chết mòn. Họ nói vậy đó. Sự thật là tại gái *Liêu Trai* quá đẹp, lại đến quá thường với các thư sinh ấy và các cậu làm dụng nên mới chết vì đuối sức. Đó là một sự thật, không có gì huyền hoặc trong đó cả đâu. Từ đây em sẽ tới thăm anh một đêm, rồi nằm nhà một đêm, như vậy trong hai tuần trăng tức hai mươi ngày, rồi sau đó, em tới một đêm nghỉ hai đêm.

Tôi giãy nảy, phản đối :

– Ý, đâu có được, bộ em muốn giết anh hay sao chứ ?

– Chính vì em muốn cứu anh sống nên em tự bắt buộc mình phải lập ra cái thời dụng biểu mà chính em cũng không ưa. Nằm bên tay anh, trong lồng ngực anh, em sung sướng không biết bao nhiêu, cỡ anh không làm gì bảy ba, em cũng thỏa mãn được. Nhưng anh thì không. Thể chất của nam phái khác hơn thể chất của phụ nữ. Như vậy em chỉ còn có mỗi một con đường là lánh mặt mà thôi.

Tôi ôm Trường Lệ chặt cứng làm như là sợ nàng đi mất.

Nàng nói :

– Nếu chỉ có thể thôi, thì tốt đẹp không biết bao nhiêu ! Đàn bà cũng có lòng dục chứ chẳng phải không, nhưng nó trầm lắm, và có bông bột dữ

(1) *Nịch ái* : làm cho người tình đắm đuối, mê hoặc.

họ cũng đè nén được và nằm cạnh nhau như thế này, cái sung sướng nơi người đàn bà kéo dài hàng mấy tiếng đồng hồ, sung sướng nhẹ nhàng, êm ả, nhưng bền dai lắm. Nhưng mà nào có được với anh đâu. Giấy lát, anh lại làm trò khỉ nữa.

– Không ! Trời, anh sẽ chết mất vì nhớ em !

– Không chết đâu, mà trái lại, sự nhớ nhung nhau còn giúp cho tình ta mạnh hơn.

– Không, nếu em làm như vậy, thì lần gặp nhau sau này, anh sẽ bắt cóc em luôn.

– Trẻ con ! Anh có muốn ho lao hay không thì nói đi.

– Đã có thuốc trị bệnh ho lao rất thần hiệu.

– Ừ. Nhưng nếu anh thoát khỏi nanh vuốt của vi trùng Cốc, anh cũng sẽ là con người vứt đi, trọn đời anh không được phép mắc mưa, anh không đi quân dịch được, mà cho đến cái việc làm phạm sự người chồng, anh mà làm thì bệnh sẽ tái phát.

Tôi không còn cãi vào đâu được, nên chỉ biết ghì chặt Trường Lệ trong tay tôi mà thôi. Nàng đánh hơi rồi hỏi :

– Anh xúc Bains de Champagne cho ai ?

– Cho em chứ còn cho ai nữa ?

– Chớ không phải cho mấy cô khách áo màu ?

– Anh là bồi rượu, đâu dám trèo đèo.

– Thôi đi, cái anh bồi rượu giả nầy muốn khoác áo công tử thật lúc nào lại không được. Em cứ lo ngày nào đó một cô khách sẽ bỏ bùa cho anh.

– Còn khuya.

– Nè, em nói cho mà biết, em gái của anh chỉ ngoan hiền với anh mà thôi đa ghen, chớ nhứt định không dung tha con nào nhảy vô giữa anh và em hết. Riêng với anh, em gái của anh cũng chỉ ngoan hiền có chừng mực thôi, và nếu anh có "mèo" thì như vậy...

Trường Lệ vừa nói vừa véo hai bắp vế non của tôi, khiến tôi đau điếng và kêu lên một tiếng khá to. Kêu xong, tôi không còn hồn vía nào, bởi ông Sáu ổng sẽ thức dậy lắm với giấc ngủ nhẹ của ông. Tôi còn chưa hoàn hồn thì Trường Lệ hoảng hốt nói :

– Ý chết, có ai rọi đèn xuống đây !

Nói xong, nàng tuột xuống đất tức thì, tôi chưa kịp phản ứng thì nàng đã lẩn đâu mất rồi. Tôi không thấy ánh đèn nào cả, đèn dầu, đèn điện, hay đèn pha gì hết, và đêm cứ vắng lặng như thường. Tôi cũng vội tuột xuống đất, bước mau ra sân, đảo mắt nhìn quanh thì không thấy bóng ai hết, bóng của Trường Lệ hay của kẻ nào rình chúng tôi, hoặc nghe tôi kêu lên nên muốn tìm biết cái gì.

Tôi chợt hiểu rằng Trường Lệ biết tôi sợ hãi lúc đã trót kêu lớn nên nàng nhân dịp ấy để "rút dùi". Thật là con bé tinh nghịch không chỗ chê và khôn quỉ không ai bằng.

Hú vía ! Ông Sáu không hay biết gì cả, bởi con người luôn luôn có những phút sợ hãi nào đó, chớ không phải cứ một mực như vậy hoài. Cái giấc ngủ nhẹ nhàng, cái khả năng sẽ thức dậy của ông, thỉnh thoảng cũng bị một giấc ngủ nặng làm đứt đoạn đi.

Sáng ra, tôi không nôn nao đợi tối nữa vì nếu Trường Lệ giữ đúng quyết định của nàng thì đêm ấy nàng sẽ không tới. Tôi chỉ buồn mà thôi, và nỗi buồn của tôi kỳ lạ hơn là nỗi buồn của những kẻ có vợ mới cưới đi xa, vì họ biết được vợ họ đi đâu, còn tôi thì không. Tôi nghe buồn gần như là Trường Lệ đã chết rồi, hoặc đã đoạn tuyệt với tôi rồi, tôi nói "gần như là" vì nếu quả sự việc đã xảy ra như vậy thì tôi đau khổ chớ đâu có buồn.

Tóm lại nỗi buồn của tôi ở giữa lưng chừng sự đau khổ và nỗi buồn người yêu đi vắng.

Chiều hôm ấy Được tới sớm hơn mọi ngày độ nửa tiếng đồng hồ. Ấy, nhà hắt dưng đông hồ trời, hể hắt ăn cơm chiều xong, thấy trời sắp tối thì vội ra đi, và hắt rất sợ mất chỗ làm nên thường đến rất sớm. Vả lại, tới sớm, hắt cũng chẳng phải ngồi không, vì hắt dùng thời giờ rảnh để mà chế củi. Ông Sáu lại là tay đầu bếp tế nhị, nấu nước sôi để pha cà phê, ông chỉ dùng siêu bằng đất nung, ông nói nước nấu bằng ấm kim khí không ngon. Thành thử Được còn phải tẩy nhọ quanh siêu, vì nhọ mà rơi xuống phin thì hỏng cả.

Tôi chụp lấy hắt để điều tra ngay :

- Anh có biết Bến Bụi hay không ?
- Biết.
- Ở đó có bao nhiêu vựa bụi ?
- Hai vựa.
- Của ai và của ai ?

– Cửa hương thân Nhân và cửa Bảy Lựu.

– Hương thân Nhân mấy người con ?

– Ba. Người con gái lớn lấy chồng về Biên Hòa. Hai người con trai thì một người vừa cưới vợ, ở với ông ấy, còn cậu út thì học dưới Sài Gòn.

– Không có người con gái nào chưa chồng hay sao ?

Được nhìn tôi nhe răng ra mà cười rồi lắc đầu.

– Thật không có hả ?

Tôi hỏi gạn lại, và hần trả lời ra tiếng :

– Mấy năm trước, tôi ở làm thằng nhỏ sai vặt cho ông ấy, không hề thấy ông ấy có người con gái nào khác hơn là cái cô đã đi về nhà chồng từ năm năm nay.

– Còn Bảy Lựu ?

– Bảy Lựu có ba vợ, đều ở chung. Ông ta có cả thảy mười bốn đứa con, mà đứa con gái lớn hơn hết của bà vợ lớn, năm nay mới có mười bốn tuổi.

– Liệu ông ta còn bà vợ lớn nào khác hay không ?

– Ông ấy năm nay mới có băm bốn mà con gái lớn nhứt của ông mười bốn tuổi là vừa, đâu còn làm sao mà có con gái vừa mắt anh được. Nếu ông ấy có một đời vợ hồi ông ấy mười tám tuổi đi nữa thì con gái lớn của ông cũng chỉ mới mười sáu thôi, chưa trở mã, anh đâu có dọ hỏi làm gì.

Té ra Được đoán rằng tôi chú ý đến một thiếu nữ nào mà tôi ngỡ là con của một ông chủ vừa bụi, nên chỉ hần không ngạc nhiên trước cuộc điều tra của tôi.

– Không có vừa bụi nho nhỏ nào khác hả ?

– Không.

– Không có bến bụi nào khác sao ?

– Có chớ, nhưng có ở Lái Thiêu, ở Biên Hòa cách đây mười mấy cây số lận, anh đâu còn gặp con gái họ được.

Tôi rất giận Trường Lệ. Tôi nghe tôi có quyền phần nào, ít lắm là quyền không bị gạt gẫm. Thà là nàng cứ làm thỉnh, chớ sao lại dám bịa chuyện với tôi mà nàng quả quyết rằng yêu với tất cả tấm lòng nàng ?

Đứng lên để ra sân trước vì đèn màu đã thấp lên rồi, chúng tôi phải có đủ mặt nơi đó, lòng tôi bỗng nôn nao trở lại. Tôi bứt rứt muốn gặp mặt ngay Trường Lệ để cự nàng một mách cho đã nư giận của tôi. Nếu Trường Lệ

không phải là trinh nữ, chắc tôi đã nghĩ đủ thứ việc không hay về nàng, vì không có gì khả nghi bằng sự giả dối.

Chưa chi, tôi đã là đứa mất hồn trong đêm đó và suốt ngày hôm sau. Cũng may là đồng nghiệp của tôi rất hoan nghinh kẻ mất hồn, bỏ khách cho lũ nó phục dịch, hầu hưởng puốc-boa, nếu không, có thằng sẽ lập công chạy vào tàu với ông Sáu thì nguy cho tôi. Hôm sau, tôi cáo bệnh, nằm gôn suốt ngày, trừ hai bữa ăn, nên ông già quản lý này cũng chẳng nghi ngờ gì. Mãi cho tới tối là tôi tỉnh lại như thường, vì tôi biết rằng chỉ phải chịu đựng có mấy tiếng đồng hồ nữa là sẽ được gặp người yêu. Từ đầu hôm cho đến khi đèn tắt nơi sân quán, có năm tiếng đồng hồ chớ lâu lắm gì đâu, tại mình quá nóng nảy nên xem thời gian ấy rất dài đó thôi.

Những gì đã diễn ra trong đêm trước tái diễn y hệt như vậy, nghĩa là phi lao thò dài ba hiệp rồi thì hương của bông nguyệt quý phảng phất trong không trung, rồi thì bóng dáng đen thui của cô gái bà ba sa tanh đen xuất hiện tại đầu giường của tôi, cũng trong bộ y phục may bằng sa tanh, làm như là nàng chỉ có một bộ áo quần độc nhất còn lạnh lặn ấy để diện với người yêu mà thôi.

Tôi quên tất cả giận dữ, vội ôm chầm lấy nàng, rồi ẵm nàng trên tay mà hôn trơ, hôn trát. Một lần nữa, tôi ngạc nhiên tự hỏi sao Trường Lệ quá nhẹ đối với dáng vóc và sự đẩy dạn của một người con gái đang thì tràn trề sinh lực ? Nàng nhẹ như một đứa em nhỏ lên ba khá nặng cân, không hơn chút nào.

- Thương nhớ muốn chết lặn đi em ơi !
- Thì em tới đây nè, để cho anh khỏi nhớ.
- Nhưng em lại nghỉ một đêm.
- Em đã báo trước với anh rồi kia mà ! Qua hai tuần trăng, em sẽ lại nằm nhà hai đêm liền.
- Nhứt định không, anh sẽ bắt cóc em, nhốt em trong buồng này.
- Hồng sợ ở tù hay sao ? Ông già là nhà tai mắt ở đây, anh nên liệu hồn.
- A, ông già ? Nãy giờ anh quên hỏi tội em. Em là con của ông hương thân Nhân hay của ông Bảy Lựu ?
- Không là con của ai hết.
- Nhưng sao em lại nói láo với anh rằng em là con của một ông chủ vừa bụi ?
- Bộ chỉ có hai ông đó là chủ vừa hay sao ?

- Chớ đâu còn cái vừa thứ ba nào nữa ?
- Anh coi chừng, tai nạn sắp đến rồi mà không lo.
- Tai nạn gì ?
- Ông bố của anh đã hay tin anh làm bồi ở đây rồi. Tối mai ông sẽ vô đây uống rượu để bắt anh về.

Tôi hết cả hồn vía, hỏi :

- Thật hay không ?
- Tối mai anh sẽ biết.
- Vậy thì chết anh rồi !
- Không có gì mà kêu chết. Anh cứ trốn là xong.
- Giỡn hoài ! Trốn luôn mới xong, nhưng trốn luôn lại mất em. Còn tạm lánh mặt, chẳng ăn thua gì cả. Nhưng sao em biết ?
- Em đã chẳng khai em làm do thám cho ba đó hay sao ?
- Chuyện đó nghiêm trang à ?
- Không nghiêm trang thì làm sao em thạo tin được.
- Như vậy, chính em đã phản bội anh ?
- Em chỉ phản bội ông bố mà thôi, chớ còn anh thì em báo tin, lại chỉ cách trốn nữa thì phản bội ở chỗ nào ?
- Nhưng trốn ở đâu ?
- Dĩ nhiên là anh không thể cáo bệnh để tránh tiếp khách một đêm vì ông già ông sẽ điều tra nơi quản lý, mà quản lý thì hẳn phải biết tên thật của anh, bởi lúc xin việc, chắc anh phải trình thẻ căn cước.
- Ủ, đúng như vậy, trời ơi, thế thì chết anh rồi.
- Em đã có cách.
- Em thông minh lắm nên mới đoán đúng được mọi sự việc đã xảy ra như trình thẻ căn cước lúc xin việc và sắp xảy ra như là anh sẽ cáo bệnh để lánh mặt. Quả thật anh chỉ biết có một mẹo là cáo bệnh mà thôi. Vậy em mách kế cho anh thử xem.
- Lúc anh trình thẻ, ông già quản lý có nhận ra ông bố ở cái khoảng tên cha hay không ?
- Không. Ông bố chỉ nổi danh vì hiệu buôn, thiên hạ biết ông dưới cái tên hiệu buôn H.T. còn tên cúng cơm của ông rất là tầm thường như Nguyễn Văn Hai, Lê Văn Ba, không ai thèm chú ý tới làm gì.

– Như vậy anh nên nói thật với ông một phần.

– Phần nào ?

– Anh thú nhận anh là con nhà giàu, chuyên phá của cha mẹ. Anh tỉnh ngộ, trốn nhà đi lập thân. Ông bố anh vừa dò được tung tích của anh nên sắp lên bắt anh. Nói thật mà thật ra là nói láo, chớ anh lên đây để làm gì thì chỉ có anh biết mà thôi.

– Để tìm em chớ còn để làm gì nữa.

– Thôi đi tổ sư xạo. Chớ không phải để tìm hoa lài ? Anh chỉ rủi ro gặp hoa nguyệt quý đó thôi.

– Hoa lài ? Là ai ?

– Anh dốt tiếng mẹ lắm đó nhé ! Người mình xem hoa sen là biểu hiện của con đòi, còn hoa lài là biểu hiện của gái đi.

– Vậy à ?

Tôi dâm sợ. Quả đúng y như vậy. Nhưng Trường Lệ nói phóng mạng và nói đúng theo rủi may, hay là biết cả đến bí mật của một ý muốn tình nghịch và thâm kín của tôi lúc đó ?

– Nhưng nghe đây, Trường Lệ tiếp. Nói thật một cách láo khoét tới đó rồi anh van nài ông giúp anh, nếu ông nhận rằng anh thoát ly gia đình để lập thân là con đường phải theo, riêng đối với anh, chớ còn về nhà làm con cưng thêm ngày nào, anh sẽ hư thêm ngày nấy, nếu ông nhìn nhận "chánh nghĩa" của anh thì anh mới có thể cáo bệnh được vì ông sẽ chối rằng có anh trong danh sách nhân viên. Chắc anh cho các anh kia biết tên giả chớ ?

– Đúng như vậy ?

– Như thế thì chỉ cần sự tòng đảng của ông quản lý mà thôi.

– Nếu ông ấy không chịu đồng lõa với anh ?

– Em sẽ có cách. Em đứng ngoài rào, báo tin cho anh đúng lúc, khi xe ông bố lên gần tới đây. Thế là anh chạy trốn luôn.

– Nhưng anh lại không muốn mất em.

– Đâu có mất, vì em sẽ đưa anh tới một nơi an toàn.

– À, như vậy thì hay lắm, và anh sẽ không cần ông Sáu, anh chỉ thích trốn để theo em mà thôi.

– Nhưng đó là nơi an toàn đối với các cuộc săn đuổi của ông bố của anh, chớ còn muốn gặp em thì khó lắm, nửa tháng hai mươi ngày em mới tới thăm anh được một đêm.

– Trời, vậy thì chết anh rồi !

– Anh chỉ thuộc một câu gồm sáu tiếng ấy mà thôi ư ? Con trai gì mà chỉ biết kêu trời ! Nhưng anh có thấy chỗ làm của anh ở đây là tối cần hay không, vì quán này là vị trí lý tưởng để ta gặp nhau ? Em chỉ can thiệp khi nào có gì đổ vỡ, tuy nhiên em tin chắc rằng ông quản lý sẽ giúp anh.

Trường Lệ đã thắng tôi thêm một keo nữa. Tôi vừa hạch sách nàng về điểm nàng gặt gẫm tôi thì cái vụ ông già tôi săn đuổi tôi, làm cho tôi quên mất nổi tức giận.

Thế rồi hai đứa tôi yêu nhau, cá nước duyên ưa sau một đêm cách mặt. Tôi định đêm nay tôi yêu bù cho đêm nàng không đến, nhưng như vào đêm mà nàng quyết định chương trình, tôi mới biểu diễn có một mạch bất phân thắng bại, thì nàng đã vượt khỏi tay như một con lươn. Trường Lệ đã hạn chế số lần tới thăm tôi lại hạn chế số buổi ái ân trong một lần thăm viếng. Tôi giận nàng nhưng tôi phải nhìn nhận rằng đêm nay tôi khỏe người hơn vì đã được nghỉ một đêm. Nhờ vậy mà rồi tôi cũng "hỷ xả" cho nàng được.

Sáng hôm ấy tôi thực hiện kế hoạch của Trường Lệ ngay trong bữa điểm tâm. Hôm nay ông Sáu không đi chợ nên không mua được bánh bao, bánh mì gì hết. Ông chiên cơm nguội với tôm khô nhưng chiên khéo lắm, nên tôi làm một bụng no căng hông.

Lúc hai bác cháu "cụng" tách cà phê sữa với nhau, tôi hỏi :

– Thưa bác, bác có biết ông H.T. dưới Sài Gòn hay không ?

– Không, tao có nghe tiếng ông ấy, nhưng không biết mặt.

– Cháu là con ruột của ông H.T. đó.

Ông Sáu nhìn tôi trừng trừng rồi hỏi tôi, y như cậu Kim đã hỏi vào đêm đầu mà hai cậu tới đây chơi :

– Bộ mấy là con riêng của ông thuộc đời vợ tao khang của ông hả ?

– Dạ đầu có. Ba cháu từ thuở giờ chỉ có một vợ thôi, mà cũng chẳng có con rơi với nhân tình hờ nào hết.

– Nhưng sao lại...

Tôi bèn đọc thuộc lòng cái tiểu thuyết ly kỳ do Trường Lệ sáng tác cho ông nghe, và kết luận :

– Chỉ có bác thương cháu, cháu mới lập thân được, bằng không, cháu sẽ trở lại đời công tử bột và sẽ hư hỏng như bao nhiêu công tử bột khác.

Ông Sáu làm thỉnh để suy nghĩ. Tôi không lo lắm vì tôi biết ông rất trọng những người có chí, quyết tự lập thân, và khinh rẻ những kẻ nhờ của

phụ ám mà thành công, phương chi nhờ của phụ ám để vớt tiền qua cửa sổ thì ông còn ghét đến đâu.

Giây lâu uống cạn tách cà phê, ông với lấy bình trà để uống một tách cho hết ngọt cổ họng. Ông vừa rót nước, vừa hỏi tôi :

– Cháu không nói lão ở điểm nào hết chứ ?

– Dạ, cháu đâu dám. Vả lại, nếu cháu ăn cắp tiền cha mẹ thì để trốn đi chơi, chứ đâu có thể làm bồi rượu ở đây.

Ông Sáu gục gật đầu, thầm cho là tôi tự biện hộ khá ổn. Đoạn ông uống nước trà nóng vài hớp, rồi nói :

– Bác sẽ liều mà chơi. Nếu cháu có làm gì bậy bạ thì bác sẽ khổ bởi ba cháu có thể không tin bác, thưa ra tòa, bác sẽ mắc tội, vì tòa sẽ cho người tới đây khám xét. Nhưng, như đã nói, bác sẽ liều, vì nếu không, rồi cháu thành thật, thì tội nghiệp cho cháu lắm.

– Cháu đội ơn bác ngàn ngày.

Vì giả bệnh, tôi nằm đằng sau nhà nên không hay biết những gì xảy ra trong quán. Đây là lời kể lại của ông Sáu. Hai anh bồi rượu, anh Ngọt và anh Hiệu được ba tôi hỏi thăm một người bồi rượu tên là N. tên thật của tôi. Ba tôi lên quán hồi 9 giờ đêm, cùng đi với má tôi với lại chị tôi và anh rể tôi.

Cả nhà quan sát lâu lắm để xem quán có nhân viên phụ nữ hay chàng, tới chừng không tìm thấy gì lạ ba tôi mới hỏi anh Ngọt, người phục dịch gia đình tôi đêm đó, và anh Hiệu, anh này đứng gần, được hỏi thêm cho chắc ý.

Cả hai anh đều ngờ ngợ khi thấy rằng hai gương mặt của khách, gương mặt của ba tôi và gương mặt của chị tôi, sao lại giống gương mặt của tôi quá, mặc dầu họ chỉ biết tôi dưới tên giả là Ngọc Tự Sanh. Vì thế mà họ ấp úng, do dự trước khi và trong khi trả lời, khiến ba tôi sanh nghi, hỏi đến một anh bồi rượu vừa thôi việc hay đi vắng đêm nay. Họ lại do dự thêm và rút cuộc giao ba tôi lại cho ông quán lý.

Ông Sáu có sạn đầu chứ không phải lơ khờ như Ngọt và Hiệu nên chỉ ông xác nhận ngay :

– Thưa ngài, quả có một thằng bồi rượu nghỉ làm đêm nay vì đau ốm thành linh.

– Nó tên gì và ra sao ?

Ông Sáu không đáp, giả dờ lật sổ nhân viên ra, một cuốn sổ giả, rồi đọc danh sách tên họ giả của tôi, của cha mẹ tôi, sổ giấy căn cước, giấy này được cấp phát tại Biên Hòa, chứ không phải tại Sài Gòn.

Ba tôi thất vọng, cảm ơn lão cáo già ấy, rồi trở lại bàn với gia đình.

Thế là tôi thoát nạn. Nhưng tôi thắc mắc lắm, thắc mắc này tôi vốn không có, đó là thắc mắc mà ông Sáu truyền sang cho tôi. Ông ấy hỏi tôi :

– Tại sao cháu biết quá đích xác về vụ ba cháu lên đây bắt cháu, lại biết đúng cái đêm mà ông ấy tới đây ?

Tôi đáp được ngay, cũng khá ổn :

– Nhờ một thằng bạn, nó là khách đêm rồi. Nó về phe với cháu.

Ông Sáu bằng lòng với câu trả lời của tôi, nhưng tôi lại không bằng lòng với lối trả lời mập mờ của Trường Lệ. Trường Lệ không có vẻ gì là kẻ do thám cả. Ở xứ ta, chưa có tổ chức trinh thám tư ra hồn, nhưng vẫn có những người làm nghề ấy một cách nhậy dù, nhứt là làm cho những bà vợ, những ông chồng nghi người hôn phối của họ ngoại tình. Tuy nhiên, những kẻ hành nghề đó toàn là dân bảnh về phương diện trá hình, nói láo, với gương mặt láu lỉnh, bộ vó thạo đời. Trường Lệ hiền lành quá, có vẻ con nhà lành quá, lại là trinh nữ nữa thì không thể phiêu lưu như bọn gái trời đánh thánh vật được. Hơn thế, nàng phải là người địa phương nên mới nửa đêm tới đây trong bộ bà ba, mà đâu có dân làng nào lại đi làm cái nghề đó. Đó là nghề của gái buôn hương xế bóng, hoặc gái lộn chồng năm bảy kiếp, sống lây lất ở các thành phố lớn, dám nhận bất cứ công việc nào nguy hiểm hay nhớp nhơ, họ không ngại, miễn kiếm được tiền dễ dàng mà nhan sắc tàn phai của họ không cho phép họ kiếm được nữa.

Tôi thắc mắc và tôi mong đợi đêm về, quyết hỏi vặn người yêu của tôi cho ra lẽ.

Trường Lệ đến với tôi như những cơn sốt rét cách nhứt của bệnh sốt ngã nước, một đêm tới, một đêm không, và tôi không thể chối cãi được rằng tôi bớt tiêu tụy hơn dạo trước. Ông Sáu cũng nhận thấy như vậy. Ít ra mỗi tuần tôi cũng ngủ được ba đêm, hay ba lần cái nửa đêm, vì tối nào mà nàng không tới tôi vẫn phải thức hầu rượu khách cho tới 12 giờ khuya. Đó là cái lợi khí thứ nhứt. Lợi thứ nhì là tôi bị cưỡng bách tiết chế sắc dục thì sức lực không quá hao mòn vì lạm dụng nữa.

Nhờ nhận thức và thông cảm được cái khôn ngoan, cái hữu lý của Trường Lệ mà tôi bình thản được để đợi đêm về, chớ không bồn chồn như ngày mà Trường Lệ mới thực hiện chương trình nghỉ cách nhứt nữa.

Và đêm đã về. Ông bố tôi bỏ cuộc không có tới nữa, vì cuộc điều tra, lục lạo của ông như thế là chu đáo lắm rồi, ông không còn ngờ vực gì nữa về sự thành thật của quán. Vụ này cho tôi thấy được là Trường Lệ rất

đa mưu túc trí, mặc dầu nàng có vẻ thật thà. Trường Lệ đã nhấn mạnh ở cái khoản đừng kéo bọn bồi rượu vào làm đồng lõa. Nếu họ là đồng lõa, họ sẽ chối rằng có một anh bồi rượu xin nghỉ phép vì đau ốm, mà chối vụng về thì ông bà tôi sẽ hồ nghi sẵn đuổi riết thì mệt cho tôi.

Nhờ họ không phải là đồng lõa nên khi ông bà tôi hỏi thăm về một kẻ vắng mặt, họ mới bối rối, giao ông bà tôi lại cho ông Sáu, và ông Sáu được dịp diễn tấn kịch "thành thật".

Chắc chắn là ông bà tôi đã suy luận như thế nầy nên mới bỏ cuộc :

"Chắc là chúng nó thành thật, chớ nếu chúng nó có âm mưu với nhau thì tụi bồi rượu đã cố trả lời cho trôi chớ đâu có gởi mình đi tìm ông quản lý cho mình sanh nghi thêm".

Trường Lệ cũng có cho tôi biết là ông bà tôi bỏ cuộc ngay nên tôi mới dám ra mặt không đề phòng gì hết.

Tôi bị mặc cảm tự ty vì đây là lần đầu một con bỏ lại bảo vệ tôi, điều khiến tôi. Nhưng đồng thời tôi lại nghe sung sướng vô cùng mà có người yêu bảnh đến thế. Tôi sẽ nể nang Trường Lệ hơn từ đây, xem nhau như vợ chồng chớ sẽ không dám bóc lột, ầu xị nữa, và sẽ hỏi kế nòng về mọi việc chớ không đề nghị những kế hoạch trẻ con của tôi nữa với người con gái xem ra trưởng thành hơn tôi ấy.

Khách về. Đèn tắt. Ông Sáu ngáy. Phi lao dạo nhạc thì thâm, hương nguyệt quý thoang thoang. Tôi rất mừng nhưng đã hết trẻ con. Tôi nghe tôi là người lớn đợi vợ đi xa về đây.

Và nàng về tới nơi. Đêm nay cả hai đứa chúng tôi đều nghiêm trang hơn mặc dầu nàng đã hiến thân cho tôi nhiều lần rồi. Tôi nghiêm trang vì tôi phải cố mà người lớn để xứng đáng với nàng, còn nàng thì có thái độ mới, vì lẽ gì tôi chưa hiểu.

Tôi đưa tay ra, dịu dàng lại nơi giường bố, hôn lên tóc nàng và nói :

– Cám ơn em đã cứu anh được tai qua nạn khỏi.

– Chồng sao lại cám ơn vợ. Ta giúp lẫn nhau là bổn phận đó mà.

– Anh sung sướng vô cùng mà nghe chính miệng em thốt ra hai tiếng "Vợ" và "Chồng". Anh muốn tạo hạnh phúc lớn lao cho em. Vậy ta nên ra mặt để anh cưới em, em nhé.

– Chưa phải lúc.

– Nữa ! Còn đợi gì nữa bây giờ ?

– Đợi một sự việc.

– Trong bao lâu ?

– Khó lòng mà đáp được. Có thể là ngày mai, mà cũng có thể ba năm nữa.

– Trời ! Lâu quá !

– Anh không nên trẻ con. Phải bền chí mới được. Sở dĩ em trao thân cho anh là để giúp cho anh bền chí được một cách dễ dàng, thế mà anh lại không kiên nhẫn thì hỏng cả bây giờ.

– Thôi, anh không dám lộn xộn nữa đâu. Nhưng anh có thắc mắc này. Thứ nhất, tại sao ba lại biết anh ở đây ?

– Một người khách, có quen với ba, có biết mặt anh mà anh không biết họ. Chính ông ấy đã thông tin cho ba.

– Còn tại sao em lại biết đích xác rằng...

– Điều đó, em đã cất nghĩa rồi. Em là...

– Khó tin lắm.

– Không ai bắt ép anh phải tin. Nhưng anh rắc rối lắm. Không hiểu sao tự nhiên đêm nay em nghe buồn lo, mà anh lại không vui, hoặc bình thường để trấn an em, lại còn làm em bức mình hơn.

Tôi hối hận và hơi hoảng sợ hỏi :

– Em buồn lo về gì ? Ba má có nghi gì hay không ?

– Không. Những cái đó ở đây.

– Cái đó là cái gì ?

– Là căn nguyên của sự buồn lo.

– Không sao đâu em. Ông Sáu, ông già mà ngủ như trẻ con.

– Không, không phải là em sợ ông Sáu. Em linh cảm sắp gặp họa lớn, tại đây, nhưng không rõ-tánh cách của họa ấy ra sao.

– Tại đây thì chỉ có ông già ấy là kỳ đà mà thôi. Nhưng ông thương anh lắm, ông mà có bắt gặp ta yêu đương, cũng chẳng đến nỗi nào đâu.

– Không biết, em chưa biết gì cả. Em chỉ được linh tánh báo động thôi.

– Linh tánh của em có nhạy lắm không ?

– Chỉ nhạy tới mức ấy, nghĩa là biết sắp có họa nhưng không rõ được họa gì.

– Má anh cũng có linh tánh nữa. Hễ mỗi lần có bà con xa sắp tới chơi là má anh nhảy mũi một cái.

Trường Lệ cười giòn lên rồi nói :

– Chưa chắc cái đó là linh tánh. Chẳng qua là một sự ngẫu hợp cơ hội, sự việc mà thôi, rồi các cụ tưởng là như vậy đó chứ. Anh biết sao má thường nháy mũi không ?

– Không.

– Má yếu phổi.

– Ủ, cậu hai thấy thuốc cũng nói y như em. Trời, té ra em biết rõ gia đình của anh quá.

– Má tốt bụng lắm, em thương má lắm.

Tôi ôm lấy Trường Lệ mà hôn trơ trát, đây là những cái hôn thương mến, chứ không phải là thương yêu, càng không phải là cái hôn vì xác thịt của phút giây liền ân ái đâu. Nghe Trường Lệ nói rằng thương má tôi, mà nói bằng một giọng thương mến chơn thành, tôi bỗng nghe thương mến Trường Lệ như nàng là một đứa em gái nhỏ của tôi.

Nhưng tình thương mến chỉ cách tình thương yêu có một bức tường mỏng và mỏng như giấy, nên chỉ rời những cái hôn trần tục ra rồi chúng tôi cùng đi đến một nơi còn trần tục hơn nữa.

Lạ quá, trước đây, hồi còn ở dưới Sài Gòn tôi thay đổi nhân tình luôn luôn, nhưng những cô nàng khác nhau ấy sao cứ như là một người, họ không khác nhau tí nào, còn giờ tôi trung thành với độc một người nhưng mỗi đêm, tôi cảm nghe như là tôi áp yêu một người mới lạ trong tay. Nàng rất độc đáo, mỗi lần chúng tôi gần gũi nhau. Tôi nói rằng nàng mới lạ luôn luôn là tôi muốn ăn nói nhỏ nhe nhả cho hai cậu đừng chế giễu, khinh khi tôi đó thôi, chứ như với bạn hữu tôi thì tôi đã nói tạch hoạch ra rằng là nàng luôn luôn MỚI, mỗi đêm mỗi MỚI, mà cái tính từ MỚI ở đây phải dùng chữ nhỏ, nghĩa là mỗi đêm-tôi được gần gũi với một cô Trường Lệ còn TÂN.

Không, hai cậu chớ vội cười. Là người viết lách tức thích đọc sách, lẽ nào hai cậu lại không biết huyền sử về cái TÂN của Tây Thi mà sau này y học Thái Tây có xác nhận. Vâng, có những mảnh trinh không rách. Có phải là sách y học của các bác sĩ Âu Mỹ đã nói như vậy hay không nè, thưa hai cậu ? Em không biết đọc sách Tây, nhưng các sách ấy đã được dịch đăng báo ta, không biết bao nhiêu lần rồi, và đó là điều mà cả nước đều biết.

Tôi giữ miết Trường Lệ trong tay, sau những phút mê ly của chúng tôi, vì tôi quyết được nàng bù trừ cho những đêm nàng không tới, đêm hôm qua, và đêm mai.

Trường Lệ nói :

– Sao em cứ nghe không yên trong lòng.

– Thôi đi cô nương, cô nương làm bộ để tôi lơ dềnh hầu cô nương thoát ra mà đi.

– Không, thật đó anh à ! Em muốn thoát lúc nào lại không được như anh đã có kinh nghiệm bản thân và đêm nay em cũng sẽ thoát nữa, không để cho anh lạm dụng mà phí sức. Nhưng em cần nói rõ cho anh biết là em đang lo sợ và rất có thể mắc họa.

– Thật như vậy sao em ?

Nghe giọng chơn thật buồn bã của Trường Lệ tôi đâm sợ nên mới nghiêm trang mà hỏi như vậy.

– Tai nạn lù lù tiến đến, em như thấy được nó tiến đến trước mắt em.

– Nhưng cái gì mới được chớ ?

– Em không biết.

– Sao em nói em thấy được nó ?

– Đó là một lối nói. Em cảm nghe hơn là thấy. Em hồi hộp lắm.

Vẫn không buông bạn, tôi ngóc đầu lên. Đêm không trăng nhưng trời sáng sao. Ngoài sân không có gì lạ. Tôi lại hạ đầu xuống và nói :

– Anh có học Nhu Đạo, anh đủ sức đương cự với năm bảy đứa côn đồ không khí giới. Nhưng không thành nào dám vào đây đâu, và lát nữa, anh sẽ đưa em về.

– Không phải vậy đâu anh ơi, anh không hiểu gì hết đâu.

Tôi đâm cáu, nên bớt nể nang người bạn không khôn ngoan của tôi. Thế nên tay tôi lại bắt đầu phiêu lưu. Trường Lệ nói :

– Đừng có trẻ con, em giận em đi bây giờ. Bấy nhiêu đó không đủ cho anh hay sao ?

Tôi cứ làm thỉnh mà mẩn tới, với cái tay ở không tôi giữ riết Trường Lệ, bụng nói thầm : "Phen này mà cô nương thoát được thì kẻ đa tình này sẽ kêu cô nương bằng chị hai".

Thình lình không có gì trong tay tôi nữa cả. Mà tôi đang thức, đang tỉnh trí, mình mẩn như thường. Tôi vụt ngồi dậy : Trường Lệ đã đứng trước mặt tôi. Khi này nàng lỏa thể, nhưng chỉ trong vòng có một giây đồng hồ là nàng đã ăn mặc lại y như lúc mới đến. Thật là ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Tôi nhìn nàng, lặng lẽ, như đang nghiên cứu kế hoạch bắt lươn. Nàng cười rũ rượi rồi chế nhạo tôi theo lối trẻ con ở thôn quê :

– Xí huyệt, cụt đuôi !

Tôi vẫn làm thình, rồi lẹ như chớp, tôi nhào tới, Trường Lệ chỉ lùi nhẹ một cái là tôi phải chới với trong cái võ huyệt ấy. Cũng may là tôi có học chút ít võ ta và võ Nhật nên vừa xuống giường chớp nhoáng vừa chụp huyệt nàng mà không sao cả, chớ kẻ khác thì một là không thể làm được như vậy, hai là đã ngã lăn cù rồi.

Trò chơi, bây giờ hay lắm, cô em giỏi thật, tôi phải nhìn nhận như vậy. Quả xứng đáng là một tay thám tử lắm. Nhưng tôi nghĩ rằng tôi sẽ thắng, mà thắng trong gay go, thế mới hay.

Thế nên rồi tôi lại phóng mình tới như một con hổ vồ mồi. Tôi vừa chụp được vai nàng thì nghe nàng nói :

– Thôi em đi đây.

Thế rồi lại không có gì trong tay tôi nữa cả. Trong một giây đồng hồ, mắt tôi hoa lên, khi nãy cũng thế. Sau đó, tôi thấy nàng thông thả đi, chỉ cách tôi có mấy thước. Tôi rượt theo. Nàng không có tăng tốc độ nhưng cứ cách tôi mấy thước hoài.

Tới cái cầu xí, nàng rẽ tay phải để đi ra sau dãy nhà phụ. Tôi quên mất dè dặt, vừa chạy nước rút, vừa gọi to :

– Trường Lệ em ! Đứng lại anh nói cái này !

Trường Lệ cứ cách tôi mấy thước, tôi chạy nhanh bao nhiêu cũng thế và khi tới biên giới của đế và tranh thì không còn Trường Lệ đâu nữa cả, mặc dầu những thứ cây cỏ ấy chỉ cao tới ngực nàng mà thôi.

Tôi toan phóng mình theo thì bỗng nghe ròn óc lên.

Một tia sáng chiếu vào lưng tôi, giúp tôi thấy ngọn đế, ngọn lau lay động, khấp lại sau lưng một kẻ vô hình đang đi tới trong đó.

– Gì đó vậy N. ?

Tôi sợ điếng hồn, đứng chết lặng nơi đó như bị trời trồng. Tiếng guốc của ông Sáu kéo lê trên đất bùn khô kêu lẹp xẹp, tôi biết rằng mọi việc đã bị bại lộ, nhưng không sợ hãi bằng buồn vì không cầm được Trường Lệ ở lại với tôi. Ông Sáu đi tới nơi, đặt nhẹ một bàn tay lên vai tôi, nhưng tắt đèn ngay. Ông hỏi :

– Gì đó ?

– Dạ không có gì bác à.

– Không có gì thì đi vào ngủ. Mà cháu phải ngủ với bác.

Suốt ngày hôm nay, bác Sáu đổi lời xưng hô, không "mày", "tao" với tôi nữa vì bác ấy đã biết tôi là ai rồi.

Tôi bước theo bác như cái máy, buồn quá mà quên mất sự vô lý vào ngủ chung với bác.

Buồng bác Sáu sáng đèn. Tôi ngồi phệt xuống một chiếc ghế bành mà mặt mây đan đã rách rồi than :

– Khát nước quá !

Bác Sáu lặng lẽ đi mở cho tôi một chai Bireley. Bác nhìn tôi uống nước rồi nói :

– Bác đã thử và thấy rằng cháu không có bệnh thụy du⁽¹⁾.

Tôi đang ngậm nước ngọt vội nuốt rồi hỏi :

– Bệnh thụy du là bệnh gì bác ?

– Kẻ mắc bệnh thụy du, đang ngủ, đứng dậy đi, có khi đi cả năm bảy cây số có khi đi tắm trên sông, có khi leo nóc nhà, mà cứ còn ngủ hoài, rồi trở về ngủ lại, không hay biết gì hết.

– Vâng, cháu không có mắc bệnh đó. Nhưng bác thử cách nào ?

– Bác tắt đèn bấm rồi hỏi, cháu trả lời đúng. Sau đó cháu lại theo bác mà vào nhà, theo là làm theo lời của bác chứ không phải là bị dẫn dắt đi theo. Người mắc bệnh thụy du, hễ bị ánh đèn rọi vào mặt là họ tỉnh lại. Nếu cháu mắc bệnh đó, cháu chưa tỉnh lại thì đâu có đáp được câu hỏi của bác và đâu có biết đường vào đây. Bác đã làm bếp cho mấy đời chủ Tây, có một ông chủ có đứa con gái mắc bệnh đó, bác biết rõ lắm.

Tôi uống rốc hết chai nước ngọt và rất mừng mà thấy rằng ông Sáu cà kê dễ ngồng mà quên trách cứ tôi, hoặc hạch sách tôi. Nhưng bác ấy lại nói :

– Vậy chắc chắn là cháu không mắc bệnh thụy du ?

– Vâng, cháu không có mắc bệnh đó. Nếu có, má cháu đã cho cháu biết.

– Vậy thì cháu làm gì đó ?

Bác Sáu nhìn thẳng vào mắt tôi mà hỏi câu trên. Tôi ấp úng đáp :

– Trời nóng bức quá, cháu đi tiểu tiện ở ngoài cầu xí.

(1) *Thụy du* : một căn bệnh thần kinh, người mắc bệnh đi lại trong lúc vẫn ngủ.

– Đùng, đùng có nói láo với bác. Cháu đã kêu gọi ai. Vậy ai đó ?

– Dạ... ơ... ơ...

– Vì cháu kêu nên bác mới giật mình thức dậy. Trường Lệ là ai ?

Tôi lại sợ điếng người và cúi gằm mặt xuống. Bác Sáu hỏi lại và gần từng tiếng :

Trường... Lệ... là... ai ? Không... được... giấu... giếm... vì... chuyện... này... vô... cùng... quan... trọng.

– Dạ, xin bác tha lỗi cho cháu. Đó là người yêu của cháu.

– Nhưng nó đi, cháu gọi lại mà không được ?

– Vâng.

– Yêu nhau từ bao lâu rồi ?

– Dạ non một tháng.

– Nó đi đâu ?

– Dạ, nó lủi vào lau sậy.

– Rồi mất luôn ?

– Dạ, đúng như vậy.

– Cháu đóng hết các cửa lại coi.

Tôi vâng lời ông Sáu mà làm cái việc bất thường này vì ông Sáu không bao giờ đóng cửa cả. Xong, tôi trở lại ngồi chỗ cũ và ông lại hỏi :

– Có phải là nó đã cho cháu biết là ba cháu lên đây tìm cháu hay không ?

– Dạ, đúng như vậy. Sao bác biết ?

– Bác có quen với nó.

Tôi mừng đến muốn ngộp thở và hỏi lia lịa :

– Vậy hà bác ? Trời ơi, may quá ! Thế thì cháu không còn phải khó khăn mà gặp nó nữa.

– Không, không thể nào bác cho cháu gặp nó nữa.

– Tội nghiệp hai đứa cháu lắm bác ơi. Cháu định cưới nó đó.

– Cháu đi nằm, rồi bác nói cho mà nghe. Nằm phía trong vách tường. Tôi lại vâng lời ông Sáu. Ông nằm ngoài, không tắt đèn, rồi hỏi :

– Có phải nó mặc bà ba may bằng sa tanh đen hay không ?

– Dạ, đúng y như vậy. Nó cứ mặc bộ đồ ấy hoài.

– Nè, nghe rồi rán mà bình tĩnh nha ! Nó là ma đó.

Tôi nghe một tiếng "bựt" ở thái dương của tôi, như thỉnh linh bị đứt gân máu, rồi chết lặng đi.

Tôi đã đánh nhau với cao bồi rất nhiều bận cách đây mấy năm, chớ giờ thì tôi không còn ba gai nữa, mặc dầu cũng cứ không biết sợ ai. Vậy mà tôi lại sợ ma đây.

Bất giác tôi nằm xích lại gần ông Sáu và kêu lên :

– Trời ơi !

Ông Sáu bật cười. Về sau, không bao giờ tôi xấu hổ hay hối hận đã sợ người yêu của tôi cả. Con người vẫn thế. Người thân của họ ốm đau, họ săn sóc tận tình. Nhưng năm phút sau, khi người thân ấy tắt thở rồi thì họ sợ y lắm, không dám đến gần nữa, nếu nhà vắng và cất thật hẻo lánh.

Ông già quản lý hỏi :

– Cháu yêu nó, nhưng yêu như thế nào ?

Bây giờ, tôi đã hết sợ ma rồi vì con ma, không còn là con ma nữa, mà trở lại là người yêu nhứt đời của tôi, khi câu hỏi ấy được thốt ra.

– Dạ, cháu yêu nó và được nó yêu lại. Chúng cháu ăn ở với nhau như vợ chồng. Nếu Trường Lệ chỉ là một oan hồn, thì cháu sẽ đau khổ không biết bao nhiêu.

– Bậy nào ! Trái lại cháu nên mừng mà xa nó kịp lúc không thôi thì nguy. Người và ma, ăn ở với nhau sẽ có hại. Nó sẽ hấp hồn cháu cho cháu chết theo nó, vì nó đâu có sống lại được để theo cháu.

– Trường Lệ có hứa là sẽ theo cháu.

– Khi mồi, nó hứa láo đó. Nó nói chừng nào nó theo cháu ?

– Nó không biết chắc là chừng nào, nó nói có thể ngày mai này, mà cũng có thể ba năm nữa.

– Nó nói càn. Nó đợi dịp tốt để bắt hồn cháu chớ gì.

– Nhưng sao nó không bắt ngay ?

– Ai biết đâu. Có lẽ cũng khó bắt vì con người có số mạng do trời định, nó đâu có dám cãi trời.

– Nhưng sao bác biết nó là ma ?

– Vì nó đã hiện lên, lúc quán nầy mới lập ra.

– Hay là nó tới chơi ?

– Không, nó hiện lên để nhát bác ấy chứ.

– Rồi sao nữa ?

– Bác cứ cố lý, không thêm sợ nó nên nó đâm chán. Và lại bác chỉ ở một mình, không phá quấy nó nên nó tha, để yên cho. Hơn thế bác có thấp hương van vái trước mộ nó nữa.

– Mộ ở đâu bác, có thật hay không ?

– Ở trong đám đế, đám tranh ấy. Để bác kể cho nghe. Ông chủ nhà này bị nó nhát dữ quá nên ông bỏ nhà luôn. Sau ông chủ quán thuê, sai bác đến nhận chìa khóa, nghe người nhà của chủ ngôi biệt thự này bếp xếp, bác mới hay biết là nhà có ma, nhưng bác không tin, chùng lên đây ở đêm đầu, bác mới ngã ngửa ra rằng nhà có ma thật.

– Nhưng nó nhát làm sao ? Bác có sợ lắm không ?

– Chỉ sợ ít thôi. Nó làm cho cây phi lao reo dữ khi không có gió, nó khua đồ khua đặc, rồi nó hiện hình. Vì vậy mà bác mới tả đúng y phục của nó.

– Còn ngôi mộ ?

– Chỉ là một nắm đất thôi mà bị chài gài lý xuống bằng mặt đất xung quanh, nhưng dễ tìm lắm nhờ một cái chậu bể ai vứt cạnh mộ hồi nào không rõ, trong đó trồng một cây nguyệt quý, giờ cũng còn sống.

– Trời ơi !

– Gì mà kêu trời ?

– Vậy thì đúng rồi ! Giờ cháu tin lời bác một trăm phần trăm đó. Nó thơm hương của bông nguyệt quý lắm. Cháu không thấy nó cài hoa trên tóc, ngửi nó bỏ túi, muốn xem thử, nhưng nó không cho xem túi.

– Để mai, bác đưa cháu đi xem ngôi mộ đó.

– Người nhà của chủ ngôi nhà này có nói là mộ của ai không bác ?

– Họ không biết. Họ bảo rằng trước kia không có ngôi mộ ấy.

– Trời ơi ! Vậy còn đâu là người em yêu quý của cháu.

– Sao lại tiếc con ma ? Nên mừng thoát nạn ấy chứ. Từ rày cháu ngủ ở đây với bác. Cháu ngủ riêng nó sẽ mò tới nữa và ngày kia ở sân sau sẽ có hai nắm mộ, không sai.

– Cháu không tin là Trường Lệ lại nỡ giết cháu.

– Đầu có giết. Theo quan điểm của nó thì làm cho cháu chết tức là tạo hạnh phúc trọn vẹn cho cháu đó chứ. Nó chỉ đưa cháu từ côi DƯƠNG sang côi ÂM mà thôi, nó không thấy côi nào hơn côi nào, hay thấy rằng cái côi của nó hơn côi của ta.

Tiếng gà gáy xa, nghe đồn dập tới. Tôi mệt lắm nên rồi ngủ quên đi.

Khi tôi giật mình thức dậy thì mặt trời đã lên cao lắm rồi. Tôi buồn bã ra sau thì thấy ông Sáu đang nấu cơm. Ông nói :

– Bác không đánh thức cháu để uống cà phê vì bác thấy là cháu cần ngủ bù cho một đêm thức sáng trắng. Giờ đã gần 11 giờ rồi thì sẽ gần có cơm, không lo đói đâu.

Tôi đi rửa mặt và muốn xem ngôi mộ ngay. Tôi hỏi ông già quản lý :

– Tìm mộ hướng nào bác ?

– Cứ đi vào cái nơi mà cháu thấy nó lụi vô đêm rồi. Độ mười lăm thước là gặp mộ.

Tôi đi liền.

Chỗ này chỉ có để chớ không có tranh nên cũng dễ vệt để tiến vào bên trong. Và cái cây nguyệt quý đã cho tôi biết nơi, chớ quả thật nắm đất đã lỳ mặt lắm rồi, không nghe nói, chắc không ai dè rằng đó là một nắm mộ.

Tôi đứng đó mà ngậm ngùi rất lâu, muốn nhìn được qua khối đất, xem xương tàn cốt rụi của nàng ra sao và tưởng tượng rất nhiều về nỗi oan khúc của người con gái nặc danh chết trong tâm tôi.

Dưới đất mọc lên nhiều chân nhang xanh đỏ, chắc là hương mà ông Sáu đã thắp cho nàng. Cái chậu bể làm hai, khiến đùm đất bao rễ cây nguyệt quý lọt ra ngoài. Cây ấy nằm nghiêng, và chắc rễ cây đã bỏ cái đùm đất bị mưa gió gặm mòn gần hết, tìm ăn sâu xuống đất sân nhà.

Cây không có hòa, dĩ nhiên là như vậy, vì đây là giữa mùa nắng, nhưng tôi như vẫn nghe có mùi hương nguyệt quý thoang thoảng đâu đây.

Tất cả ý thức của tôi đều giãy nảy lên, nhứt định không muốn nhận rằng bộ xương khô dưới mộ là người con gái kiều diễm, là người con gái da thịt mát rượi mà tôi đã ẵm trên tay. Nhưng sự thật là thế, Trường Lệ chỉ là một bóng hình từ thế giới bên kia về. Không thể nào ông Sáu quản lý lại bịa chuyện được một cách quá đúng về nàng, về cái bộ bà ba bằng sa tanh đen muôn năm của Trường Lệ. Các chi tiết khác cũng ăn khớp với sự xuất hiện của bóng ma, nhứt là mùi hương của bông cây nguyệt quý lâu năm này.

Tại tôi quá mê gái rồi hóa ra xuẩn ngốc chớ ngay hôm đầu tiên mà nàng hiện hình rồi biến mất ở bờ lau này, tôi phải đoán nàng là ma rồi, vì anh Được không thấy ai cả, mà nàng lại từ dãy nhà phụ đi ra bãi sậy. Rồi về sau đó nữa, có không biết bao nhiêu chuyện lật vật xác nhận nàng là người của cõi Âm, chẳng hạn như đôi mắt sáng quá, sáng như hai ngọn đèn mà nàng muốn hạ quang độ hay tăng gì cũng dễ dàng, tùy lúc, chẳng hạn như những lần vượt ra để thoát khỏi tay tôi, chẳng hạn như nhạc thông báo hiệu sự đến nơi của nàng, nhạc ấy riêng cho tôi thì nó là nhạc, còn cho ông chú biệt thự trước kia, và cho ông Sáu sau đó, là cơn giận dữ của ngọn gió vô hình.

Tôi ngồi phệt xuống đất, một thứ đất âm ẩm ngay cả giữa mùa nắng, rồi dựa má vào lòng bàn tay lật ngửa lên trời, tôi sầu như người yêu của tôi là người thật mà vừa chết đi, mới được chôn xong. Và đôi mắt rung rung lệ.

Thật là "Bá niên vạn kiếp nan tao ngộ"⁽¹⁾, đúng y như câu kệ mà thầy chùa tụng trong các đám ma. Âm – Dương đôi ngá, tôi có thể gặp lại nàng, nhưng không còn hy vọng gì mà kết tóc xe tơ với nhau như tôi đã dự tính. Ông Sáu gọi tôi vào ăn cơm, tôi uể oải đứng lên, nhìn lại nắm mồ hoang rồi mắt lại rơm rớm lệ một lần nữa. Tôi vào tới trong thì ông già quản lý nói :

– Giờ Ngọ là giờ của ma quỷ, tinh, yêu, cháu không nên ở ngoài ấy. Mà từ đây cũng không bao giờ nên ra đó nữa hết. Ma quỷ hễ mình để chúng nó yên, thì chúng nó để mình yên, mình quyến rũ chúng nó, chúng sẽ tới hoài.

Tôi không nghĩ gì cả về lời khuyên của ông già này, hay nói cho đúng ra, không phản đối quyết liệt, chớ chính tôi muốn cho "nó" tới hoài, cho "nó" tới nữa, mặc dầu mối tình bí mật của chúng tôi đã bị đổ bể.

Giữa bữa ăn, ông Sáu nói :

– Đạo trước, bác thấy cháu hân hoan rồi tươi lên, bác đã sanh nghi. Nhưng nghĩ lại thì quanh đây không có con gái đẹp, bác không theo dõi cháu. Rồi sau đó, cháu lại xanh xao vàng vọt một lúc. Đúng là bị ma quỷ rút rủa sinh khí. Nhưng bác ngạc nhiên tự hỏi, rồi làm thế nào mà cháu lại hồng hào trở lại được, giờ bác mới biết sự thật là cháu đã lấy ma.

Tôi bèn kể rõ kế hoạch hạn chế của Trường Lệ, có nhắc lời lẽ của nàng về huyền thoại rút rủa sinh khí của gái *Liêu Trai* nữa. Ông Sáu nghe qua rồi

(1) "Bá niên vạn kiếp nan tao ngộ" : trăm năm ngàn đời khó gặp gỡ.

làm thỉnh mà suy nghĩ miên man, chắc là ông càng ngạc nhiên hơn trước sự tiết lộ ấy. Cái gì mà gái ma lại hạn chế tình dục cho con trai mà chúng nó phải giết chết, để cướp hồn, đúng theo tin tưởng ngàn đời của người Á Đông ?

Nhưng ông không thể không tin tôi, bằng cứ là tôi đã hồng hào trở lại, sau một hồi xanh xao, gầy ốm. Mà chính vì phải tin nên ông mới bối rối trước sự mâu thuẫn của sự thật hiển nhiên và tin tưởng ngàn đời.

Mà hình như là ông đã có cảm tình với con ma phần nào nên ông nói :

– Ta lại tin tưởng có sự thay đổi xác.

– À cái vụ đó là thế nào, thưa bác ?

– Một người khỏe mạnh bỗng dưng ngã ra bất tỉnh. Chùng hoàn hồn lại thì y nghe y là người khác, không quen biết với người chung quanh, mà nói rằng y ở một nơi kia... xa lắm, y lại cho biết cả tên họ của chính y, của vợ con y.

Họ nói đó là một linh hồn lạc lõng bơ vơ, không siêu thoát được vì lẽ gì đó, rồi gặp cái xác hợp, nó nhập vào, đuổi hồn của cái xác ấy đi. Con ma đó nó hứa với cháu rằng nó sẽ ra mặt, bác đoán là nó sẽ dùng cách đó, nhưng nó còn đợi tìm cho được người giống nó phần nào, có thể cháu mới nhìn nhận cái xác là người yêu của cháu.

Tôi biết bác Sáu chỉ nói ra những gì bác thường nghe các cụ kể, chính tôi cũng có nghe bà ngoại tôi kể như vậy, tuy nhiên tôi vẫn hy vọng vô cùng. Mà hy vọng của tôi lại bị ông già nấy giết đi, thế mới đáng giận. Ông Sáu nói :

– Nhưng mà Tây họ cắt nghĩa khác...

– Khác làm sao, thưa bác ?

– Họ nói kẻ đó mắc một chứng bệnh tâm thần kia, chứ không có gì lạ.

Tôi chưa thất vọng đâu, nhưng ông già đáng ghét nấy lại nói tiếp :

– Dầu sao, Dương cũng chẳng nên liên lạc với Âm, trừ các nhà chuyên môn như các thầy phù thủy, các nhà thần linh học. Vậy từ đây, cháu ngủ với bác luôn luôn. Khi sáng đi chợ về, bác thấy ở sân nhà kia có tông cây dâu, bác có xin một nhánh. Bác ngắt lá bỏ hết để làm roi, tối nay bác sẽ quất cho nó sợ mà không dám léo hánh tới đây nữa.

Tôi mỉm cười không tin rằng Trường Lệ của tôi lại sợ roi dâu.

Roi dâu chẳng qua là thứ khí giới của những kẻ can đảm hồi xưa, họ dùng nhánh dâu chớ không có dùng cây gì khác, vì nhánh dâu mềm, ở trong nhà mà quất, nó không va bể đồ đạc, nếu rủi ro có sự đụng chạm.

Nhưng họ can đảm, họ dám chống cự lại với ma quỷ, và ma quỷ nể họ chính vì lòng can đảm của họ, chớ chắc không vì chiếc roi dâu chút nào đâu.

Nhưng dẫu sao, Trường Lệ của tôi cũng sẽ không tới, vì tới rồi làm thế nào tôi dám rù rì với nàng – khi có ông già khó chịu nầy nằm cạnh tôi, lại không chịu tắt đèn điện ?

Từ lúc tôi hết sợ ma, tôi không còn chỉ thấy bộ xương khô của Trường Lệ nữa, mà mỗi lần ý nghĩ của tôi đi về phía nàng là một cô gái có thịt, da mát và mịn hiện lên trước mắt tôi.

Nàng có là ma, tôi cũng mặc kệ. Sự kiện tôi áp yêu một cô gái trên tay có thật, tôi sờ được nàng, xúc giác tôi nghe mát rõ ràng, không thể chối cãi được, thì là nàng có mặt trên đời nầy.

Có thể đó chỉ là ảo tưởng mà thôi. Nhưng con người, ai lại không sống với ảo tưởng và không thích sống với ảo tưởng kia chớ ? Chính những cô gái má phấn môi son, áo quần lờ lợt mà ai cũng biết rằng da mặt thật của họ ứa lấm vì chất chì trong phấn tàn phá tế bào da, ai cũng biết rằng lòng dạ họ bẩn thỉu như thân xác họ, vậy mà ai cũng dám đổ tiền ra để gần gũi họ, miễn họ biết cho người ta ảo tưởng rằng họ đẹp và họ yêu người ta.

Lắm lão nhà giàu, mà biết đâu ông bố của tôi cũng chẳng lại ở trong số người ấy, lắm lão tỷ phú họ sắm nhà cho những ả giang hồ hai mươi tuổi ở, các lão thiếu sức khỏe, bận làm ăn, bị vợ giữ riết vài ba đêm mới tới thăm bầy được một lần, các ả đó tha hồ mà nhảy dù, vậy mà các lão vẫn sung sướng như thường, không tiếc căn nhà cần một triệu bạc, không tiếc ba bốn mươi ngàn đồng "bạo em" mỗi tháng, miễn mỗi lần các lão đến là các ả phải có mặt, phải khóc lóc nói là nhớ các lão muốn chết đi.

Cả thế gian đều sống với ảo tưởng mà riêng cậu Lộc đây đã có viết đến hai ba cuốn sách ảo tưởng loại đó, thì tại sao tôi lại không cứ yêu con ma khả ái của tôi ?

Trường Lệ của tôi còn hơn các ả gái bao của ông bố tôi một bậc là nàng yêu tôi thật sự. Vâng, nàng đâu có lý do mà giả dối với tôi ? Nàng đâu có cần tiền mà nhảy dù, còn ở đây, trong vòng mấy dặm chắc không có thằng nào bảnh trai bằng tôi đâu. Nhưng tôi tin rằng Trường Lệ yêu tôi vì một lẽ bí mật nào đó mà tôi chưa biết, chớ ma thì nó đi tìm con trai bảnh ở

xa mấy ngàn dặm lại không được, đâu có phải bám víu vào tôi, tôi là thằng chỉ bảnh ở đây thôi chứ dưới Sài Gòn có hàng trăm thằng bảnh hơn tôi nhiều lần.

Mà mối tình của chúng tôi nào phải là không có lối thoát, vì ông Sáu, ghét ma là thế, lại rất tin có vụ thay hồn đổi xác kia. Và nếu không thay hồn đổi xác được, chắc Trường Lệ không hứa gì cả đâu.

Bây giờ, tôi mới hết thắc mắc về những cái biết quá nhiều và quá rõ của Trường Lệ về gia đình tôi, về một chuyện chưa xảy ra để báo trước với tôi, chuyện ba tôi đi tìm tôi.

Tôi hỏi ông Sáu :

– Roi bác cất ở đâu ?

Ông già quản lý nhìn tôi, hóm hỉnh cười rồi hỏi :

– Cháu muốn ăn cắp để thù tiêu hả ? Đâu có được, bác tìm roi khác rất dễ dàng. Nhưng cháu bậy lắm. Nhứt định cháu phải xa nó, bằng không bác không để cháu ở đây nữa đâu. Đó là tối hậu thư.

Ông già nẩy bống dưng dễ ghét lạ đối với tôi. Người bạn già của tôi tình linh biến thành kẻ thù số một của tôi kể từ giây phút mà lão ta quyết liệt ló mồi độc tài, ngăn cản chuyện riêng tư của tôi.

– Nhưng cháu đâu có chết, mà còn trái lại nữa, cháu hồng hào trở lại, như chính bác đã nhận thấy.

– Ai biết đâu được cái gì sẽ xảy ra.

– Nhưng mặc cháu chờ.

Lão già đáng giận ấy cười khanh khách mà rằng :

– Như vậy thì không còn bác cháu với nhau nữa, và cháu nên ra khỏi nhà nầy. Cháu nên biết rằng làm thế, bác đã hy sinh đó, có thể nói là hy sinh tánh mạng của bác nữa, vì con ma ấy có thể hại bác để được cháu, cháu có thấy hay không ?

Tôi bị xúc động tình linh trước luận điệu này, và hết nghe mình căm thù ông già nẩy nữa, nên chỉ một ý định vừa thoáng qua nơi trí óc của tôi, bị tôi dẹp lại vĩnh viễn, tôi có ý muốn cất một chòi tranh cạnh quán ngoài vòng rào, để làm tổ uyên ương cho hai đứa tôi. Tôi cảm động trước lòng tốt của ông Sáu, mà tôi cũng hơi hơi còn sợ ma, nên tôi nhượng bộ, bụng bảo dạ rằng để rồi xem sao.

Đêm ấy, có một thằng bồi rượu làm việc với tinh thần tắc trách. Nó đang mang đại tang. Những lúc nó mặc kệ sự cách biệt giữa hai thế giới Âm, Dương xem người yêu của nó như là cứ còn hoài, thì nó lại sâu nỗi sâu bị cầm tù trong buồng của ông quản lý, lát sau đó.

Trước kia, đêm càng về khuya, nó càng phấn khởi, lòng nó càng rộn vui vì giờ gặp bạn gần đến, còn giờ thì thấy khách thưa dần, nó rầu thúi ruột.

Lúc đèn màu ở sân tắt phụt xuống thì anh bồi rượu cuối cùng đang lên mó-bi-lét để về Sài Gòn. Tôi đóng cổng lại, rồi ngược nhìn ngọn của rừng phi lao, làm như là Trường Lệ đang lướt nhẹ chân trên đó. Vâng, tôi cho rằng nàng là một vị tiên chứ không phải là ma. Tôi đứng đó để lắng đợi nhạc gió mà tôi biết rằng sẽ không vang lên, ngậm ngùi như sau một cuộc dứt tình đơn phương, người yêu tôi bị cha mẹ cấm đoán không cho tiếp xúc với tôi nữa.

Rồi tôi thui thui đi vào buồng của ông quản lý. Ông Sáu đang ngắm nghĩa cây roi dâu mà ông bẻ cong lại.

Ông không nhìn tôi, nhưng tôi bước vào trong rồi thì ông quát lên không trung lia lịa, đoạn bước ra đứng tại cửa để quát nữa, khiến tôi nén cười đến tức cả ngực.

Con người mâu thuẫn lạ kỳ. Ông bảo rằng Trường Lệ có đủ quyền phép để hại ông, như thế thì cây roi dâu ấy sức mấy. Vậy mà ông đang vững tin vào uy thế che chở của roi dâu đó.

Tôi hỏi trên :

- Bác dâu có quát được hoài. Nếu bác ngủ quên nó len lén vào thì sao ?
- Bác để roi dưới gối, nó không dám đâu.

Chắc Trường Lệ cũng đang lêu lêu mắc cỡ ông già nầy ở đâu đây, ngay trên đầu giường nằm của chúng tôi cũng nên.

Nhưng tôi giật nẩy mình khi chợt nhớ đến một lời của nàng : họa sắp đến. Nàng nói tới "họa" hẳn là nàng phải sợ cây roi dâu đúng y theo tin tưởng của người Á Đông và tin tưởng ấy có căn cứ nào chứ chẳng ngoa đâu. Và biết đâu, họa lại không thể còn to hơn sự bị cấm cửa nữa. Nhưng là gì ?

Nàng là ma, có thể tiên tri được, nhưng không biết trước tất cả mọi việc. Nàng biết nàng sắp mắc họa, nhưng không thể đoán là họa nào. Mà cũng chẳng phải là tại tôi gây họa đâu. Nếu tôi không kêu la, vô tình đánh

thức ông Sáu, cũng sẽ có chuyện gì khác xảy ra và ông Sáu cũng biết sự thật, chẳng hạn như một con mèo hoang nó vào buồng ông nhảy bậy làm ngã lọ cắm hoa.

Vậy họa gì ? Nếu chỉ là bị cấm cửa không thì không lo lắm, nhưng không chắc là họa chỉ có tới đó rồi thôi.

Tư tưởng của tôi phiêu lưu ra sau bãi đế, khi ông Sáu đã bắt đầu ngáy. Tôi hình dung ra vừa rời cây nguyệt quý bầu bạn của nàng để đi vào đây. Tôi hình mũi, đánh hơi để bắt lấy một thoáng hương trong không khí. Nhưng tôi chỉ nghe mồ hôi của ông già nẩy mà thôi.

Mặc dầu vậy, tôi cũng cố tưởng tượng rằng Trường Lệ đang đứng cửa mà nhìn vào.

Ông Sáu quản lý ở biệt thự, nhưng nằm... chõng tre. Cái chõng bất nhơn nẩy nó tựa mình kêu rảng rắc khi tôi chõng tay để ngồi dậy. Tôi phải nín thở, chồi lên từ từ, rất là mệt và mỏi tay, và lâu lắm, tôi mới ngồi dậy được. Nhưng ông ấy không hay biết gì cả.

Tôi phóng mắt nhìn ra ngoài và chỉ thấy khung cửa đen thui. Đã bảo trời không trăng nhưng sáng sao. Mà đó là khi ta ở ngoài kia, chớ trong buồng sáng trưng đèn điện như thế này thì ở ngoài đó là một cục mực Tàu khổng lồ. Tôi định xuống giường để đi tắt đèn, nhưng nghĩ lại thì không thể được, vì nếu được, tôi sẽ trốn xuống ngủ dưới buồng của tôi, ông Sáu đâu có giam lỏng tôi ở đây làm gì. Chắc giấc ngủ của ông ấy nhẹ lắm chớ không phải nặng như tôi tưởng và sự ngáy không phải là dấu hiệu ngủ quá say mê đâu. Có thể ông ta ngáy chỉ cuống hợng có tật, dị hình hay sao đó mà thôi.

Mắt tôi lại soi bóibóng đêm. Tôi muốn chọc thủng bức màn đen ấy bằng sức mạnh mọng manh của tia mắt và tôi tự hỏi sao là ma, Trường Lệ lại không làm được cái gì cho tôi trông thấy.

Tôi vừa bắn khoả như thế thì lặng người đi vì bị xúc động chớ không phải vì sợ. Đó là hai ngọn đèn nhỏ xúu cháy lên thành linh trong cái bóng đen dày mịt trước mắt tôi như là đôi con mắt mèo phản chiếu ánh trăng. Đó là mắt của Trường Lệ, những lúc nàng phấn khởi hay cảm động hoặc vui mừng.

Tôi nhảy qua người ông Sáu nhẹ như một trái ba lông, nhưng chõng tre ắt phải rung rinh như có cơn địa chấn qua đây, và tôi rơi xuống gạch kêu đánh thui một cái. Tôi lại nhảy ra ngoài và một bàn tay lại chụp lên vai tôi, ngọn roi dâu quất vào không trung nghe tron trót.

– Cháu thấy nó hả ? Ông Sáu hỏi tôi.

– Dạ ! Tiếng dạ của tôi rất là thiếu nã.

– Con nầy quá quắt lắm ! Thật là đồ ngựa bà. Người ta đã giữ cháu người ta rồi mà nó không biết thân mà liệu phận còn cố mò vào đây. Được, để mai nó biết tay bác. Thôi đi vô ngủ.

Nằm lại trên giường, tôi thỏ thẻ hỏi ông Sáu :

– Bác định làm gì nó ?

– Đào mả nó chớ làm gì !

– Trời, bác Sáu ơi, bác nữ nào ? Nó có tội tình gì chớ ?

– Nhưng bác không ác đâu. Chỉ là một cuộc cải táng. Bác sẽ cho chôn lại ở ngoài rào. Vì phải làm gấp, nên không xin phép được. Đây là một cuộc quật mồ lậu, không thôi bác sẽ mời thầy pháp tới ếm bùa cho chắc ăn.

– Cháu van lạy bác, bác Sáu ơi !

– Đã bảo đó chỉ là một cuộc cải táng thôi mà chớ không ai đốt xương đâm cốt nó đâu. Cháu thấy rõ là bác không ác, nhưng bác chỉ thương xót tới mức ấy mà thôi vì bác không thể nhắm mắt cho người và ma sống chung với nhau vì sự sống chung nầy sẽ gây hại cho cả đến những người ở xung quanh cháu nữa, chớ không riêng gì cho cháu mà thôi đâu.

Tôi chỉ còn biết ôm mặt mà khóc thương cho năm mồ lạnh ở ngoài kia, nó chỉ mong được yên nơi mà cũng chẳng yên trong đám để rậm rì che chở nó từ bao năm nay. Và tôi thù lão già nầy ghê lắm. Tôi sẽ đóng lên Thủ Đức tức khắc để báo với nhà chức trách cuộc quật mồ lậu của lão và vu cáo thêm nầy kia cho lão khổ thân chơi.

Tôi nghiền ngẫm kế hoạch báo quan và vu cáo ấy rồi ngủ quên đi lúc nào tôi không hay.

Sáng ra, chúng tôi thức dậy một lượt với nhau, tôi pha cà phê ngay, những lần tôi thức sớm vì ông Sáu đã bị nhiễm Pháp rất đậm, sáng không ăn gì cả, chỉ uống cà phê mà thôi. Xong đâu đó, lão ta đi chợ và chắc dọc đường sẽ thuê người đào mộ của Trường Lệ, còn tôi thì tôi đóng tuốt ra ngoài ấy như là để báo tin chẳng lành cho nàng, mặc dầu tôi ý thức rằng hẳn Trường Lệ đã thừa biết rồi.

Tôi ngồi đó, chắc là lâu lắm, có lẽ hơn một tiếng đồng hồ, cứ mong cho Trường Lệ hiện lên, nhưng không hề thấy một ngọn cỏ lung lay.

Thình lình tôi nghe tiếng la lên bai bai ở ngoài lộ, tức ở trên con đường thiên lý, trước cổng quán, cách chỗ tôi ngồi hơn hai trăm thước. Tôi quay lại, thì không thấy gì hết, vì xung quanh tôi là đế, sậy. Tôi đứng lên, và hơi ngạc nhiên mà thấy thiên hạ đứng trước quán rất đông và nhiều xe cộ trên đường dừng lại thành hai dãy rất dài, dãy xe từ Sài Gòn lên và dãy xe từ Biên Hòa xuống. Như đã nói, xa lộ đắp chưa xong, và vào giờ này thì trên đường thiên lý trước quán người đi bộ và đủ thứ xe cộ lên xuống dập dìu.

Ngồi lâu nghe mỏi, nên tôi vệt lau, để đi ra ngoài ấy xem cho biết cái gì, mà nhất là để cho đỡ cuồng chân. Đi khỏi dãy nhà bếp thì tôi biết được đó là một tai nạn xe cộ chớ không có gì lạ, chắc là xe hơi đụng xe vết-ba⁽¹⁾ hay đụng người đi bộ. Nhưng tôi cũng đi thẳng ra cổng vì buồn quá mà không có gì để giải khuây, đây là một trò xem được, ít lắm là trong nửa tiếng đồng hồ.

Tôi ra tới đường, nhón gót nhìn qua đầu những kẻ hiếu kỳ rồi kêu lên một tiếng, khiến tất cả mọi người đều nhìn tôi : nạn nhân là ông Sáu quản lý.

Chiếc xe gây tai nạn là xe lô chạy đường Biên Hòa – Sài Gòn, còn xe đạp của ông Sáu trấn bánh trước, phía sau nát hết vì bị xe cán lên đó.

Ông Sáu văng đi rất xa, đập đầu xuống mặt đường nhựa, máu ra đầy đường, nhuộm đỏ cả bộ y phục bố trắng của ông. Chiếc giỏ đi chợ còn văng xa hơn nữa, còn rau, thịt thì biến đi đâu mất hết.

Một người hỏi tôi :

- Người nhà của anh hả ?
- Không, đây là ông quản lý của quán Cây Dương. Tôi chỉ là người làm công cho quán thôi.
- Vợ con ông ấy đâu ?
- Ông không vợ, cũng không con.
- Còn chủ quán ?
- Chủ quán ở Sài Gòn.

Một chiếc xe nhà binh chạy tới ngừng lại. Hai ba quân nhân nhảy xuống. Họ thảo luận nho nhỏ với nhau, đoạn khiêng ông Sáu để lên xe. Tôi chạy theo, nói :

- Các ông cho tôi đi với, để tôi biết nơi ông điều trị.

(1) Vết-ba : tiếng Pháp là vespas, một loại xe gắn máy của Italia, ra đời năm 1946.

– Anh là người nhà ?

– Không đồng nghiệp. Nhưng ông không có vợ con, tôi cần cho chủ quán hay liền.

Vừa lúc ấy, xe cảnh sát ở Thủ Đức cũng xuống tới nơi để mở cuộc điều tra hầu làm biên bản. Giấy tờ của ông Sáu đã có người soát túi ông mà lấy ra rồi, chắc là tài xế xe gây tai nạn.

Một anh quân nhân đoán :

– Chắc ông nẩy từ Thủ Đức xuống, rẽ tay trái để vào quán, bị xe lô đâm ngay hông, trịch ra phía sau một chút.

– Gì làm cho anh đoán như vậy ? Một anh khác hỏi.

– Tôi bằng vào vị trí của cả hai xe.

Tôi xác nhận rằng anh lính thứ nhứt đoán trúng. Ông Sáu đi chợ về tới cổng, ông rẽ vào nhà, nhưng coi chừng xe sau không đủ cẩn thận. Rồi tôi hỏi :

– Bà con định đưa ông đi đâu ?

– Nhà thương Nguyễn Văn Học. Phải cứu ông ngay, đợi nhà chức trách địa phương họ rùa quá, chắc ông khó sống. Còn nóng hổi, không việc gì. Vả lại, nhà thương Thủ Đức đâu có khả năng săn sóc một người bị thương nặng như thế này.

Tôi nhìn lại ông già mà tôi đang cảm hận, thương xót ông ta và rất lo ông ta chết vì máu cứ tiếp tục chảy mà không ai có gì để băng lại vết thương trừ chiếc khăn của ai đó không rõ mà cũng đã ướt mềm rồi.

Bỗng một ý nghĩ làm cho tôi rợn người lên : hôm nay, ông Sáu định thuê người hốt cốt Trường Lệ ; ông là người cẩn thận lại rẽ tay trái mà không coi trước coi sau thì có phải chăng đây là cuộc báo thù của một oan hồn ?

Xe không bị kẹt cổng xe lửa tại cầu Bình Lợi nên giầy lát sau, chúng tôi đã tới trước trường Mỹ thuật Gia Định, tức hông nhà thương Nguyễn Văn Học.

Tôi xin xuống xe vì tôi cần báo gấp tin chẳng lành này cho chủ quán, thủ tục đưa bệnh vào nhà thương sẽ giữ tôi lại đó lâu quá, thì nhờ các anh lính lo cho vậy, các ông đã làm ơn thì làm ơn cho nốt.

Đó rồi tôi bắt tắc xi đông ra đường Hiền Vương⁽¹⁾, nơi đó chủ quán có biệt thự riêng. May quá, ông có nhà. Nghe tin dữ, ông kêu trời, rồi hỏi tôi :

(1) Đường Hiền Vương : trước là đường Mayer, nay là đường Võ Thị Sáu.

– Anh Sáu nằm trại số mấy, giường số mấy ?

– Thưa, cháu không biết, cháu giao cho mấy ông lính, vì cháu vội ra đây để cho ông hay tin.

– Thôi được.

– Cháu xin phép ông, cháu về trên ấy ngay, kéo họ ăn cấp rệu hết.

– Ủ. Mà nè ! Tao nghe anh Sáu, anh khen mấy giò lắm lại lương thiện lắm, vậy tối nay mày thay cho anh, rồi sẽ hay. Mày điều khiển mấy đứa kia được không ?

– Dạ được.

– Tốt, thôi đi về trên ấy ngay đi.

Tôi chạy bộ một thời đường để đến sau nghĩa địa Mạc Đình Chi trở ra đường Hiền Vương, nơi đó là cái bến xe nhỏ cho các xe miền Đông, rồi lên xe lô để đi liền.

Tôi về tới quán Cây Dương thì thiên hạ đã giải tán cả rồi. Người và xe cộ qua lại như nơi đó không hề có gì xảy ra, nếu không có dấu máu trên đường thì chính tôi cũng ảo tưởng rằng không có gì hết, dòng người và xe trôi qua, y như dòng sông, một con cá to bị một con sấu đớp, vẩy đánh bùng một cái rồi mặt nước khép lại liền.

Tôi đẩy cổng vào sân quán và tôi nghe lạnh lạnh nơi xương sống. Con ma dịu hiền mà tôi cưng như một đứa em gái nhỏ, có thể không hiền lành tí nào đâu nếu đây là một cuộc báo thù của Trường Lệ. Hèn chi mà ông Sáu ổng nhưt quyết không chấp nhận một cuộc chung sống giữa người và ma.

Nhưng rồi, nỗi mừng được tự do gặp lại bạn cũng lương hóa hình ảnh ghê rợn của một oan hồn.

Tôi đi thẳng vào buồng ông Sáu và nghĩ đến những bữa ăn của tôi từ đây nó sẽ phiền phức lắm, thì lạ quá, một đôn bánh tét thật lớn đang nằm trên bàn nhỏ của ông và cạnh đó mấy thè đường ta.

Đó là một đôn bánh tét gói theo lối thôn quê, một lực điền ăn cả ngày không hết. Lạ quá là vì ông Sáu đi chợ về chưa tới nhà kia mà ! Ai đã vào đây ? Thăng Được chăng ? Tôi chạy ra ngoài kiếm khắp nơi mà không thấy bóng dáng người nào hết.

– Anh Được ơi ! Anh Na ơi !

Tôi gọi to lên hai nhân viên ở trong vùng, chớ tụi khác chúng nó ở Cây Quéo, Phú Nhuận, Khánh Hội, đâu có lên đây làm gì giữa ban ngày.

Không có tiếng vang nào đáp lại lời kêu gọi của tôi. Chắc một trong hai anh đã tới đây để biếu quà ông Sáu, rồi không thấy ai trong nhà cả, họ đợi không được, để quà lại rồi đi về. Nghĩ như vậy, tôi không thắc mắc lâu. Vả lại, bao nhiêu tâm tư của tôi đều đi ra bãi sậy, nơi an nghỉ ngàn thu của một thiếu nữ vô danh mà oan hồn đã vấn vít vào tôi.

Tôi không còn sợ ma nữa, trái lại, tôi trông đợi đêm về từng giây, từng phút, nhưng đâu sao tôi cũng nghe nhòm tòm trước cuộc báo thù quá tàn ác của con ma mà tôi không hết yêu.

Tôi chắc một trăm phần trăm rằng đêm nay, Trường Lệ sẽ vào với tôi, vì con kỳ đà già đã nằm nhà thương, không còn ai quất roi dẫu trong gió nữa cho nàng phải sợ. Và đêm nay, tôi sẽ ngủ dưới nhà bếp, vì hẳn Trường Lệ không ưa căn buồng của ông Sáu đâu.

Lật bật mà đã tới giờ Ngọ. Tôi mân dòn bánh tét ngay, thay cho bữa cơm trưa. Tôi ăn rất ngon miệng vì lạ miệng, mà cũng nhờ bánh tét nầy quả là bánh tét ngói, gói bằng nếp tóc, nhưng đậu rất to, mỡ cục bên trong cũng lớn lắm, ăn với đường thẻ thì đúng điệu nhà quê một trăm phần trăm. Nhưng tôi biết rằng, chiều nay tôi ăn thêm một lần nữa thì đã ngấy tới cổ ngày mai chẳng biết xoay xử thế nào, chắc phải lên chợ Thủ Đức ăn cơm tiệm, và mỗi chiều sẽ phải xuống hai quán Bình Lợi hoặc Bình Triệu để ăn các món cao lương.

Giờ đứng bóng là giờ của yêu, tình, quý, quái nhưng tôi ăn xong là lăn ra mà ngủ vì tôi tin rằng Trường Lệ không tới ban ngày đâu. Nàng là ma, chớ có phải là yêu tình đâu. Ma hiền hơn yêu, tình, quý, quái, nên thường thì chỉ nường bóng đêm để xuất hiện mà thôi, đó là theo tin tưởng của dân chúng, khác hẳn bốn thứ kia là thú dữ, có thể tác hại vào bất cứ giờ nào, kể cả xuất hiện, chúng nó cũng dám ra mặt giữa đám đông, dưới ánh mặt trời, hay nơi chỗ sáng đèn nữa.

Tôi không thấy mộng đẹp hay mộng dữ gì hết, cho tới 4 giờ chiều, thức dậy, nghe khòe ru. Từ đó cho tới chạng vạng tối là giờ anh nấu nước tối, cũng chẳng có gì xảy ra. Thấy mặt anh ta, tôi thòp lẩy để cật vấn, điều tra :

– Nè, anh biết có ai ngày trước làm vạ bụi, có một người con gái đã chết oan ức gì hay không ?

Được không còn ngạc nhiên nữa trước những câu hỏi vớ vẩn của tôi, nên hẳn chỉ lắc đầu rồi lo đi làm công việc. Giây lát sau, các anh bồi rượu

khác lục tục đến, tôi cho họ hay tin về ông Sáu, rồi thì thấy thu tiền theo xe chủ quán lên đây.

Chủ quán cho tôi biết rằng ông Sáu không việc gì, ngất đi vì bị va chạm và lưu huyết, chỉ có thể thôi. Nhưng tôi phải thay thế cho ông trong một thời gian khá lâu, vì ông gãy giò, được bó bột và phải nằm đợi xương lành.

Thế là mọi việc đều tốt đẹp, tôi được tự do yêu thả giàn mà không ai mất mạng cả. Tuy nhiên tôi thú thật rằng tôi bớt yêu thương Trường Lệ đến bốn mươi phần trăm, vì hai lẽ : nàng là ma mà yêu ma chỉ là chuyện bất đắc dĩ thôi, chớ đâu có bằng yêu người thật. Lẽ thứ nhì là tôi không thôi nhòm góm lối báo thù của nàng, mặc dầu tôi thấy rằng nàng chính đáng mà tự vệ.

Nếu có ma (mà sao lại không có chớ, bằng có là tôi đã yêu ma từ mấy tháng nay), nếu có ma thì tin tưởng Á Đông về mọi thứ thuộc người chết, phải vững. Trong những tin tưởng ấy có cái lòng kính trọng xương cốt của người chết và chính vong hồn người chết cũng quý hài cốt họ. Như vậy, khi những linh hồn ấy phản ứng mạnh vì bị hăm dọa ở cái món mà họ quý trọng, là họ chính đáng.

Tuy nói thế chớ lòng tôi cũng đã bắt đầu nóng sôi rồi, khi đèn màu thấp lên. Còn đến bốn tiếng đồng hồ nữa mới thấy mặt cô tình nhân mà bấy lâu xa cách, làm sao mà khỏi sốt ruột cho được.

Cũng may là đêm nay đông khách, tôi phát rượu và lọc cà phê không hờ tay nên chẳng còn bao nhiêu thì giờ để mà bồn chồn. Khách thật là bá nhơn bá bưng, họ uống gần đủ các thứ rượu bán trên thị trường thì không thể ngồi đó mà máy móc trao hai thứ Cổ-nhắc⁽¹⁾ và Uýt-ky⁽²⁾ cho bồi rượu mà xong phận sự đâu.

Phụ nữ uống nước cam vắt, uống Bireley, uống Bíp-oọc-manh⁽³⁾, cũng may là chưa có Coca Cola, không thôi các bà các cô đã tiêu thụ đến bốn thứ rồi.

Đục rựa, bọn kém tửu lượng thì uống bia, mà năm đó lại có cả bia nhập cảng ba bốn thứ nữa, kể đó leo thang lưu linh, họ uống Martin⁽⁴⁾, Gassis⁽⁵⁾,

(1) Cổ-nhắc : rượu Cognac.

(2) Uýt-ki : rượu Whisky.

(3) Bíp-oọc-manh : tiếng Pháp pippement, tên một thứ rượu màu xanh.

(4) Martin : tên một loại rượu nhẹ.

(5) Gassis : tên một loại rượu.

Sure Cointreau⁽¹⁾, rồi thì Ấp Xanh⁽²⁾, Cổ-nhắc năm bảy hiệu. Uýt-ky cũng năm bảy loại, thật là cái bọn đàn ông rắc rối vô cùng về cái vụ uống của họ. Thỉnh thoảng, bếp lửa vừa tắt thì có một ông lại đòi cà phê, cái đó mới là ác ôn, mà cà phê có bán cất cổ, cũng chẳng lấy được của họ trên hai mươi bạc một tách.

Nhưng non mồn, biển cạn, và giờ quán mở cửa cũng chấm dứt. Sau cặp trai tài gái sắc cuối cùng là các anh bồi rượu, và sau họ là mấy mươi ngọn đèn, tất cả lũ lượt ra đi, để lại bóng đêm dày mịn với tấm lòng tôi vừa rộn vui lại vừa lo nghĩ, vừa ngỡ ngàng. Tôi không biết cái gì sắp xảy ra bởi bộ máy đang chạy trơn tru thì bị trục trặc một thời gian, bây giờ cho chạy trở lại nó sẽ chạy suôn sẻ chẳng, tức em gái của tôi sẽ đến nữa hay không sau thời gian gián đoạn mùa yêu của chúng tôi ? Còn tôi ngỡ ngàng vì, như đã thú, tôi bớt yêu Trường Lệ, lại còn ghê tởm nàng nữa. Hẳn là ma, nàng phải rõ thấu tâm can của tôi, như vậy gặp lại nhau, tôi nguội thì cũng tội nghiệp nàng mà nóng sốt lại sợ bị nàng mắng là giả dối.

Tôi ôm gối mềm đi xuống căn nhà của tôi. Giường bố tôi vẫn giặt thỉnh thoảng và phơi mỗi hôm vì tôi vẫn dùng nó để trưa trưa nằm dưới các bóng cây cho mát. Vậy là căn nhà riêng của tôi trở lại y như xưa chớ không có gì thay đổi hết.

Tôi nằm đó, và hơi ngạc nhiên vì tâm trạng kỳ dị của tôi. Tôi nghe hơi sờ sờ : sợ ma ấy mà !

Tôi đã bảo rằng khi ông Sáu vừa tiết lộ rằng đã thấy Trường Lệ hiện hình mấy lần thì tôi mọc ốc cùng khắp thân thể và nghe lạnh buốt nơi xương sống, nhưng rồi sau đó, thương nhớ nàng, tôi lại hết sợ con ma ấy nữa. Nhưng sao giờ lại sợ ?

Nếu ông Sáu có ở nhà mà thả giàn cho tôi tự do, chắc là tôi an lòng lắm, vì dù sao, trong khu đất rộng và hoang vắng nầy vẫn có một người thứ hai cùng sống. Giờ đây, nơi nầy là cõi Âm tuyệt đối. Âm vì bóng tối phủ xuống đầy sân, đầy đồng hoang, đầy bụi rậm quanh đây, và nhứt là Âm vì đây là giang sơn của ma, tôi thì không kể, vì tôi cũng đã tự đồng hóa với ma trong cuộc luyện ái ma của tôi rồi.

(1) *Sure Cointreau* : tên một loại rượu.

(2) *Ấp Xanh* : rượu Absinthe.

Đó là nỗi sợ truyền kiếp của con người, cứ còn chảy trong huyết mạch của mỗi chúng ta, mặc dầu chúng ta có suy luận khoa học đến thế nào, mặc dầu chúng ta đã áp yêu ma trong tay đến mức nào, ta vẫn cứ sợ như thường.

Tôi càng lo và sợ hơn mức thường vì sao lâu quá mà không nghe tâm hơi Trường Lệ đâu cả. Mọi khi, ông Sáu nằm xuống năm phút là ngáy pho pho, rồi Trường Lệ có mặt liền sau mấy tiếng ngáy đầu của ông.

Tôi ngồi dậy, sẵn sàng ứng chiến, nếu Trường Lệ giận tôi, hay vì lẽ gì khác, trở mặt, hóa ra con quỷ há rộng cái miệng đầy lửa, thè ra một cái lưỡi đâm máu dài đúng một thước để nhát tôi.

Và tôi lắng tai nghe ngóng, hồi hộp lắng đợi.

Kia nhạc phi lao bắt đầu dạo khúc thì thầm rất thân yêu đối với tôi, rồi thì thoang thoảng hương của bông nguyệt quý : người yêu của tôi đã đứng trước mặt tôi.

Không, không có gì thay đổi hết, cứ bộ bà ba đen, bằng sa tanh như ngày nào, và cứ đôi mắt sáng bất thường như ngày nào. Chỉ có đêm nay, tôi mới hiểu tại sao mà mắt Trường Lệ sáng đến thế. Chắc lúc còn sống, nàng có đôi mắt đặc biệt sáng. Khi thành ma, cái sáng ấy lại sáng rực lên vì tài phép của linh hồn nàng.

– Em !

Trường Lệ dạ một tiếng thật khẽ, rồi bước tới một bước, đưa đầu dưới cằm tôi cho tôi hôn tóc, y như ngày nào. Giọng nàng buồn bã vô cùng và cái bước của nàng với lại cái cử chỉ đưa đầu của nàng đều ngập ngừng làm như là lo ngại cho sự đón rước nơi tôi nó không được nồng nhiệt cho nàng phải buồn.

Tôi vừa hôn nhẹ đầu bạn, vừa đưa tay ra sau để ôm lấy lưng nàng. Đây, thật rõ ràng là thịt người. Không, tôi không bị ảo giác đâu. Tôi đang mình mẫn trí tuệ. Da thịt này, nếu muốn bảo là mát thì nó mát rượi, nhưng nếu nói rằng nó ấm để xác nhận rằng quả đây là da thịt người thì quả nhiên nó cũng ấm, chứ không lạnh như xác ma.

Trước kia, tôi áp yêu ma trong tay mà không hay biết thì không có vấn đề, chứ giờ ý thức được sự thật, thắc mắc của tôi lớn lắm. Té ra ma, nếu nó muốn, nó vẫn có thể xác vật chất được, chứ không phải chỉ đủ khả năng cho ta thấy bóng dáng thôi đâu.

– Cảm ơn anh nhé ! Nàng vừa nói vừa ngồi bên giường với tôi.

– Sao lại cảm ơn, và cảm ơn về gì ?

– Em cứ ngỡ anh sẽ lạnh nhạt hơn.

– Em ơi, nhớ thương nhiều ngày quá, lẽ nào...

– Nhưng anh lại trót biết sự thật, lại còn ngộ nhận nữa.

– Ngộ nhận về gì ?

– Anh đã ghê tởm em, ngỡ em báo thù.

– Ủ, quả anh có ngộ nhận. Té ra không phải là...

– Phải làm sao được. Nếu người của cội Âm mà đủ quyền lực hại người của cội Dương thì bao nhiêu kẻ sát nhân đã bị lôi đầu xuống âm phủ hết cả rồi chứ có đâu mà cứ phây phây hưởng nơi trần thế.

– Té ra m...

Tôi suýt thốt ra cái tiếng tối kỵ, là danh từ Ma ấy. Không phải luôn luôn ta được phép theo thuyết chính danh đâu nhé, và không ai nên gọi thẳng đi là đi, ăn cướp là ăn cướp.

– Ủ, ma không làm gì được người sống hết đâu, trái với tin tưởng của người sống, và anh cứ gọi em là ma đi, em không bị mặc cảm đâu.

Trường Lệ cho phép và quả quyết rằng nàng không bị mặc cảm, nhưng tôi cũng nhứt quyết không gọi nàng là ma vì tôi muốn giữ nguyên vẹn người yêu của tôi. Nàng là một người đẹp, bằng xương bằng thịt, thở không khí như tôi. Nghĩ khác, tình yêu của tôi sẽ sút mẻ đi.

Tôi lết lại ngồi sát bên nàng rồi nín cho nàng dựa ngả lên ngực của tôi. Tôi hôn mắt nàng cho nàng phải nhắm mắt lại vì ánh sáng của đôi mắt ấy làm cho tôi khiếp sợ lắm.

– Em !

– Dạ.

– Em có nhớ anh không ?

Trường Lệ không đáp, chỉ thờ dãi rồi trách móc :

– Tại anh không ngoan đó !

– Ở chỗ nào ?

– Anh gọi em quá to cho ông lão ấy giật mình thức dậy.

– Nhưng ông ấy đã đi rồi, và ta tự do tuyệt đối.

– Anh không hiểu gì cả. Đầu phải vấn đề ông ấy có mặt hay không. Nếu ông ấy cứ có mặt, cứ ngăn trở ta gặp nhau, anh sẽ thoát ly để gặp em

nơi một cái chòi mà anh cất gần đây chớ. Mồ em có bị đào, hài cốt bị chôn nơi khác thì em cũng cứ còn báo tin cho anh biết và hẹn nơi gặp gỡ. Nhưng hại lắm là anh biết sự thật về em.

– Đâu có hại gì, vì anh cứ còn yêu em như cũ kia mà.

– Đừng có giả dối.

– Nhưng nếu anh cứ không biết sự thật thì tương lai sẽ ra sao ?

– Ông Sáu đã có nói chuyện thay hồn đổi xác cho anh nghe. Em đang tìm một cô gái giống em mà có số chết để em mượn xác cô ta. Nếu dự định của em mà được thực hiện trọn trù thì có phải là mối tình của anh sẽ tốt đẹp một trăm phần trăm hay chăng.

– Chuyện đã lỡ rồi thì em cứ mượn xác của bất kỳ ai, anh yêu em vì tâm hồn của em, còn xác thì sao cũng được.

– Cho dầu là như vậy đi nữa, tình anh cũng có bận rồi, không hay tí nào. Em cứ phải là đứa em của buổi đầu, không thể là người khác, tấm lòng anh hẳn phải đòi hỏi như vậy và chỉ vui được trọn vẹn với tình trạng trước sau như một đó mà thôi.

– Vì thế mà em mới cố tìm cô gái giống em, mà không tìm cô đẹp hơn em. Em bắt anh phải đợi lâu là vì cái yếu tố "giống" ấy nó hiếm có chớ gái đẹp có số chết thì đông như kiến.

– Nhưng trên đời này có ai giống em hay không ?

– Có chớ. Bất kỳ ai, cũng có. Kề giống mình, hai ba người như vậy trên thế gian. Chỉ phiền là họ không có số chết.

– Bất họ chết đại không được hay sao ?

Trường Lệ tát yêu vào má tôi rồi rửa :

– Anh ác lắm đó. Khi không lại bắt người ta phải chết. Vậy mà nhòm tòm em khi lầm tưởng rằng em cho ông Sáu gãy giò. Gãy giò đâu có hại bằng chết.

Tôi bật cười. Quả con người ích kỷ quá. Hễ cái gì làm lợi cho họ thì họ xí xóa cho, cho đến giết người mà họ cũng chẳng thấy ngại.

Trường Lệ tiếp :

– Nhưng đâu có được, dầu cho em mà có coi rẻ mạng người như anh đi nữa. Cho đến đôi làm gãy giò ông Sáu, em còn không làm được thì tài nào mà giết nổi một con người.

– Nhưng sao có người lại bị ma nhát rồi hóa điên ?

– Họ hóa diên là tại họ quá sợ, sợ cái gì quá mức cũng có thể hóa diên, chứ không riêng gì là sợ ma. Còn tại sao ma không làm gì ai được mà họ lại quá sợ là vì họ có biết đâu như anh vừa biết. Họ cứ ngỡ ma có quyền lực nhiều lắm.

– Té ra ông Sáu...

– Ừ, chỉ là chuyện tình cờ, ông ấy gặp rủi đúng vào cái ngày ông ấy sắp cho quật mồ em, chứ không phải là em xui xe đụng ông ấy đâu. Em đâu có sợ bị quật mồ cho lắm mà đến phải hại ông ấy.

– Té ra cõi Âm có thật và linh hồn cũng có thật.

– Dĩ nhiên là có thật, nhưng không giống hết như quan niệm của người sống.

– Nhưng tại sao có người chết thành ma, còn có người thì không ?

– Quan niệm ma của loài người là quan niệm sai lầm. Theo anh thì ma là gì ?

– Ma là hồn người, hiện ra như thân xác người rồi làm việc này việc nọ, tốt hay xấu, tùy trường hợp.

– Nếu chỉ có thế thì ai cũng thành ma cả. Thiên hạ cứ đồng hóa ma với những linh hồn dữ và làm xấu. Ai cũng thành ma, nghĩa là linh hồn ai cũng còn, nhưng họ không hiện ra chỉ vì tại họ không có lý do để mà hiện ra.

– Em thì có lý do ?

– Chớ sao.

– Lý do gì ?

Trường Lệ lại tát yêu tôi rồi nói, giọng rất nhõng nhẽo :

– Còn hỏi nữa !

Tôi ôm chặt nàng trong tay, hôn mạnh vào má nàng và nói :

– Không, giờ tình của anh đã lớn trở lại y như hôm nọ, khi mà anh được biết chỉ vì yêu anh mà em phải hiện ra. Tình em hẳn phải lớn lắm. Anh sung sướng quá và yêu em nhiều thật là nhiều. Em nè ! Hay là không cần mượn xác của ai hết. Ta cứ yêu nhau như trước là đủ rồi, anh không đòi hỏi em ra mặt để làm đám cưới nữa đâu.

– Không được. Anh có lý mà đòi như vậy. Anh cần một người bạn đời, cần luôn luôn, chứ không phải chỉ cần hồi nửa đêm, trong một tiếng đồng hồ rồi thôi. Rồi anh sẽ thấy thiếu cái gì trong đời anh, thiếu sự có mặt của em trong bữa cơm, trong buổi đi dạo mát, đi xem chiếu bóng.

Trường Lệ quả thật là già dặn... Đây là chuyện tâm lý chứ không phải chuyện tài phép, biến hóa, tiên tri, mà bảo rằng nhờ nàng là ma nên mới giỏi thế. Hề là chuyện tâm lý, thì một con ma ngu ngốc, vẩn vụng về như thường.

Quả đúng là tôi sẽ nghe thiếu cái gì. Trường Lệ nói làm tôi chợt nhận thức được ngay rằng tâm trạng của tôi sẽ đi tới cái chỗ không hay đó, nếu người bạn đời của tôi chỉ có mặt trong lúc cả thành phố đều ngủ yên.

Từ nãy giờ, bất giác tôi rờ rẫm Trường Lệ ở khắp nơi trên thân thể nàng, mà không phải vì nhục dục xui khiến như dạo trước đâu. Trường Lệ thông minh lắm hiểu ngay ý nghĩ của hành động vô thức của tôi, nên nàng cười giòn lên rồi hỏi :

– Có quá là da thịt hay không hay là hình nộm bằng giấy ?

Tôi cũng cười rồi hôn lên má nàng và nói :

– Anh hôn em, anh nghe ngon như thường thì thôi, em là người sống hay là ma, anh cũng cóc cần biết.

– Ngon như gì ?

– Ngon như là...ơ...ơ...không tả được, vì đây là cái ngon đầu tiên mà anh hưởng, không có đối tượng so sánh.

– Xí, anh thì "đào" lu bù, bộ em không biết hay sao.

– Nhưng anh hôn chúng nó, anh không nghe ngon, hay chỉ nghe ngon ít thôi. Hồi đó thì anh không biết như vậy đâu, chỉ mới biết từ ngày được hôn em đây thôi.

Cuộc phiêu lưu của tay tôi, không còn là hành động vô thức nữa, không còn do tiềm thức sai khiến tôi xem xét coi thân thể nàng là thân thể thật hay là xác ma nữa. Nhưng ra khỏi cõi vô thức, nó vẫn không ngừng hoạt động, rồi vì vậy mà giây lát sau, tôi lại làm bậy bạ nữa.

Chúng tôi không gặp nhau hàng thế kỷ rồi, tôi nghe như vậy, nên giờ tôi mới trả thù cuộc xa nhau đó một cách tàn nhẫn vô cùng. Không, Trường Lệ không thể là ma. Ma không có xúc giác thì làm sao mà biết rung động mãnh liệt như nàng đã rung động.

Đêm nay, sau cuộc giao hoan, chính Trường Lệ ôm tôi, chứ không phải là tôi quyết giữ nàng nữa. Không, không phải là tôi bớt yêu nàng đâu, nhưng vì tôi hết lo nàng thoát thân. Nàng đâu có sợ đệ tam nhân là ông Sáu phá đám, mà phải rút lui quá sớm. Bí mật của nàng, với tôi, cũng đã tiết lộ

rồi thì nếu nàng cần đi cứ nói thật ý muốn rồi đi, tôi có xích nàng bằng dây xích sắt cũng chẳng được nào.

Nhưng Trường Lệ không vội đi, mà trái lại nữa, còn bám víu vào tôi, như sợ chính tôi đi. Tôi hiểu bạn của tôi ngay, nên vội an ủi nàng :

– Chắc em không tin lắm nơi tấm tình của anh ?

– Em lo sợ lắm.

– Gì làm cho em lo sợ ? Có dấu hiệu gì đâu ?

– Hiện giờ thì không có gì cả. Nhưng anh không thể quên rằng em là ma, Âm – Dương cách trở đôi đường, anh hết hy vọng về một tương lai tốt đẹp với em rồi, anh sẽ lạnh nhạt dần...

Trường Lệ nghẹn ngào, không nói tiếp được nữa, lệ của nàng trào ra ướt cả vai tôi.

A... ! Trường Lệ ! Trường Lệ là cơn khóc dài, như là "Hát Giang trường lệ" chẳng hạn, thế mà tôi ngốc quá, không hiểu biệt hiệu của nàng ý muốn nói gì. Hẳn người yêu của tôi đã ôm một khối hận to lớn nghìn cân xuống tuyến dài ! Nhưng hãy khoan, tôi cần lau cơn lệ thảm hiện tại cái đã, rồi hăng hay.

Tôi co cánh tay lại và ôm lấy đầu nàng bằng cánh tay xếp ấy rồi nói :

– Em khéo dư nước mắt mà khóc chuyện chưa xảy ra. Nhưng anh hỏi thật em, vậy chớ là người của Âm, em có được biết rõ sở bộ của Thiên Tào về duyên nợ của ta hay không ?

– Không, em không biết.

– Như vậy thì đừng vội buồn tủi. Tất cả đều do ở lòng ta. Mà lòng ta thì hiện nay đã quyết. Em cứ cần vui với hiện tại là được.

– Em vẫn biết vậy, nhưng em cứ không đừng lo cho việc sẽ tới được. Tại lòng em như vậy chớ ai đại gì mua thảm chuốc sầu.

– Đêm nay là đêm đầu tiên mà đôi ta hoàn toàn cởi mở với nhau, thì anh tưởng em nên tâm sự với anh về kiếp trước của em. Em có cần giấu giếm gì với anh hay không ?

– Không, nhưng em vừa buồn. Nói tới chuyện ngày xưa, em lại sẽ phải khóc nữa.

– A, anh ngốc quá mà đã quên điều ấy. Vậy để khi khác.

– Nhưng em lại thấy rằng cần kể lẽ đêm nay. Thà khóc suốt một đêm hơn là phải khóc mỗi đêm một ít.

"Năm đó em mười chín tuổi và học đệ tam niên, khu tự do, trường Áo Tím...

A, thì ra Trường Lệ là chị hai của tôi rồi. Nếu nàng còn sống thì năm nay (tức năm ấy, năm 1953) nàng đã ba mươi hai tuổi. Tôi nghe kỳ kỳ trước tiết lộ này. Té ra ta mơ Tây Thi, ta mơ Dương Quý Phi, ta mơ Vương Thúy Kiều là mơ những bà già ba ngàn tuổi, hai ngàn tuổi, hai trăm tuổi đó.

Nhưng ngộ nghĩnh lắm là Trường Lệ vẫn cứ là cô gái tươi trẻ mười chín đôi mươi. Ma đâu có già. Ma bất chấp không gian, bất chấp thời gian.

Trường Lệ giải thích rõ hơn :

"Trước chiến tranh, trường Gia Long⁽¹⁾ có tên Tây mà không có tên ta một cách chính thức, chỉ có tên tục là trường Áo Tím mà thôi. Còn khu tự do là vì trường chia ra hai hạng học sinh, một hạng học xong, đỗ đạt thì làm nữ giáo viên, đó là khu sư phạm, khu tự do cũng học y một chương trình với khu sư phạm mà bớt môn sư phạm, và đỗ đạt rồi, để chơi vậy thôi. Phần lớn học sinh khu này là con nhà giàu. Đệ tam niên là đệ tam niên của bậc đệ nhứt cấp, trên giấy tờ thì là ngang hàng với đệ ngũ ngày nay, nhưng thật ra họ giỏi lắm, giỏi hơn cả Tú tài ngày nay nữa.

"Năm đó là năm 1945, em tựu trường được có hơn hai tháng thì cuộc khởi nghĩa của dân ta bùng lên. Trường đã được dời ra khỏi thành phố Sài Gòn trước đó để tránh oanh tạc của Đồng minh, họ oanh tạc quân đội Nhật Bản đang chiếm đóng xứ ta. Nhật Bản đầu hàng rồi, nhưng trường chưa kịp dời về chỗ cũ.

"Em từ nơi xa ấy, về thẳng nơi quê hương là vùng này mà ba em có ruộng nương, vườn tược, trại đồ gỗ và vựa bụi...

– À, vựa bụi ! Anh đã điều tra tỷ mỉ mà không có vựa bụi nào có con gái tới tuổi gả chồng cả.

– Anh lẩn thẩn ! Đây là chuyện đời xưa mà !

– Ủ, anh cũng có điều tra về chuyện đời xưa nữa.

– Xưa mấy năm ?

– Ai dè mà xưa dữ vậy. Anh chỉ hỏi về ba bốn năm trước đây thôi.

(1) Trường Gia Long : nay là trường Nguyễn Thị Minh Khai trên đường Điện Biên Phủ.

– Không, ba má em đã tiêu tan sự nghiệp và buồn quá vì sự mất tích của em, nên đã bỏ xứ xuống Sài Gòn tìm kế sinh nhai rồi qua đời dưới ấy. Em kể tới đâu rồi ? À, em lủi về quê ngay sau khi Nhật đầu hàng vì cuộc khởi nghĩa đã có dấu hiệu trước và tất cả lớp tuổi trẻ có học đều biết rõ tin tức. Em lủi về đây vì em muốn tham gia cuộc vùng dậy, mà ở quê nhà, em thuộc đường đi, nước bước, dễ bề lẩn tránh hơn ở chỗ xa lạ, khi nào cần lẩn tránh.

"Em liên lạc với người yêu của em là anh Thoại... không, anh đừng có ghen. Em đoán được lòng anh vì vừa nghe tim anh máy động khác thường mà có lẽ người trần không thể nhận thấy được như em. Anh đừng có ghen vì em yêu anh còn hơn yêu anh Thoại nữa, bằng cứ là em thất thân với anh chứ không phải với anh Thoại đâu... em liên lạc để rủ anh ấy cùng về đây, một là để hai đứa khỏi thất lạc với nhau trong cơn gió lốc ấy, hai là để anh ấy hưởng cái thạ địa thế của em. Anh không biết gì hết về năm ấy đâu, nên không thể tưởng tượng nó ra sao.

Anh Thoại không phải trọ tại nhà em đâu, mà ở nhà của một người trong làng mà anh ấy không hề quen biết. Không ai cần biết ai, hễ cứ tham gia kháng chiến là được người ta cho dùm đậu, cho ăn uống.

"Cho đến cuối năm Tây lịch 1945, quân đội Pháp vẫn chưa chiếm vùng này. Chúng nó có lên đây, nhưng đó là những đoàn thám địa phiêu lưu xa vậy thôi, rồi trở về ngay trong ngày đó. Chúng nó lên bắn bẫy một hồi, chết ai nấy chịu rồi bắt có lối vài mươi thường dân để đem về bót Catinat rồi thả họ xuống âm ty. Người kháng chiến không ơ hờ như thường dân, lẩn tránh cẩn thận nên không sao cả.

"Mãi cho đến cuối năm 1945, chúng nó mới chiếm Thủ Đức, nhưng kháng chiến vẫn không bỏ thành phố. Chúng nó mù quáng, chẳng biết đâu là đâu, bọn pác-ti-dăng⁽¹⁾ theo chúng là người ở những nơi xa lạ đến, nên cũng mù quáng y hệt như chúng. Thành thử chiếm xong thành phố, hai tháng sau chúng nó mới thật sự bắt được người kháng chiến lẩn tránh ra các ngoại ô.

"Em không dùng danh từ Cộng sản, vì thuở ấy Cộng sản chỉ leo heo có vài người trong một vùng như vùng Thủ Đức này chẳng hạn, còn chín mươi

(1) *Pác-ti-dăng* : tiếng Pháp partisan, nghĩa là người đi theo, người đứng về một phe phái nào đó.

chín phần trăm người kháng chiến đều vô đảng phái, họ chỉ yêu nước rồi tự động kết hợp nhau để làm việc vậy thôi. Em chết quá sớm, nên không được thấy cái giai đoạn Cộng sản nắm lấy phong trào.

"Ngôi biệt thự này, đã có rồi, và tụi em biết là một trung đội Phòng nhì⁽¹⁾ đóng ở đây, do một viên Trung úy Pháp làm trưởng bót, trưởng là trưởng Phòng nhì ấy, chứ còn trung đội thì đã có trưởng của nó, về mặt quân sự. Người ta cứ nói rằng đây là bót Lê Dương⁽²⁾, nhưng không, về sau, em bị bắt vào đây, em mới biết rằng họ toàn là người Pháp thuần chủng.

"Em bị bắt không phải vì em ăn núp mà vì lẽ khác. Em đang ngồi ăn cơm đường hoàng trong nhà một người dân. Chúng nó bắt tất cả những cô gái vừa mất chúng nó, y như là giặc rợ thời xưa. Em rất kinh ngạc trước hành động của chúng nó vì em vốn thâm nhiễm văn hóa tốt đẹp của Pháp.

Em chưa sợ hãi quá độ thì anh Thoại ra mặt. Anh ấy xằng thật. Anh ấy đang trốn ở một nơi rất kín trong vườn rậm rạp của nhà đó, và chúng nó dẫn em đi ngang qua vườn, tức là về bót, không lục soát gì nữa hết.

"Nhưng nghĩ cũng tội nghiệp cho anh ấy không biết bao nhiêu. Anh ấy vốn biết chúng nó bắt em để làm gì, nên anh ấy ghen, ra mặt để phản đối. Lòng người đã yêu thì như vậy, đáng khen hay đáng chê, em không còn biết đâu mà nói nữa. Những người say mê hành động họ mắng rằng làm như vậy là xuẩn ngốc và ai lại hy sinh một chiến sĩ vì một cô gái có thể không có bao nhiêu khả năng.

Nhưng những người phê bình như vậy họ có đứng ở quan điểm kẻ yêu đương mà xét việc đâu. Theo anh thì thế nào ? Anh Thoại có lý hay không ?

Tôi giựt nảy mình vì tôi đang nghĩ ngợi lung tung. Tôi có đọc một thiên điều tra phóng sự về những cái chết thê thảm thuộc loại này và đã xúc động, đã khóc trước câu chuyện vợ chồng luật sư L. cũng xảy ra tại đây.

Chúng nó bắt vợ chồng luật sư L. khuyến dụ ông quy hàng, ông từ chối. Chúng nó hăm dọa nếu ông không đổi ý, chúng nó sẽ hiếp vợ ông trước mặt ông. Ông vẫn nhứt quyết từ chối.

Thế rồi chúng nó làm thật. Quân mọi rợ quá, chứ không có văn minh khỉ khờ gì hết.

(1) *Phòng nhì* : tức Deuxième bureau, tên gọi một phòng thuộc Sở Mật thám Pháp trước 1954 ở Việt Nam.

(2) *Lê Dương* : tiếng Pháp légion étrangère chỉ đội quân chuyên đánh các nước ngoài.

Dĩ nhiên là luật sư L. la hét mắng chửi chúng nó thậm tệ rồi bị chúng nó thù tiêu.

– Hử, em hỏi gì ?

– Theo anh thì anh Thoại ra mặt như vậy, đúng hay sai ?

– Anh là con người thường, anh nghĩ và làm y như một con người thường. Nếu anh ở vào địa vị anh Thoại, anh cũng sẽ ra mặt.

– Có thể chớ ! Nè, anh giống hệt anh Thoại về gương mặt, vóc dáng, nên em mới chú ý đến anh rồi yêu anh. Giờ em lại được thấy rằng tấm lòng anh cũng giống tấm lòng anh Thoại. Anh Thoại không phải là anh hùng, anh chỉ là con người thôi.

"Vậy chúng nó rất mừng là túm được một tên "phiến loạn" thứ thiệt, chớ từ mấy tháng nay, chúng nó chỉ bắt được dân lành, mặc dầu anh nào cũng nhìn nhận những tội tày đình, nhưng chúng nó vẫn biết là chưa trúng tù đâu.

"Và dĩ nhiên, chúng nó đoán được rằng em là nhân tình của anh Thoại.

"Em biết anh đang nghĩ về chuyện thương tâm của vợ chồng luật sư L. đấy. Câu chuyện đó xảy ra sau câu chuyện của tụi em, thuở ấy em không biết, chết rồi em mới rõ ! Ủ, đúng là chúng nó áp dụng cái chiến thuật mọi rợ Pháp ấy với hai đứa em.

"Tên Trung úy trưởng Phòng nhì tên là Lê Ba. Nó có một thằng cận vệ tên là Surcouf, to lớn như ông hộ pháp và râu ria lông ngực thấy mà phát sợ. Em đã nói rằng đây là đồn của lính Pháp thuần chủng, nhưng em nói sai. Tên Thượng sĩ cận vệ này là dân Pháp nhưng gốc An Giê Ri, tức gốc Ả Rập.

"Hắn chuyên mổ bụng người để uống máu, mỗi ngày mổ bụng hai ba nông dân, công việc mà tên Lê Ba gọi là xử tử.

"Tên trưởng Phòng nhì ấy cho thằng ngu đầu, mã diện Surcouf hiếp em, trước mắt anh Thoại...

Tôi bỗng nghe đau nhói nơi tim, như là câu chuyện đang xảy ra và chính tôi là cái anh Thoại tội nghiệp ấy mà giờ tôi đã hết ghen với anh, mà còn thương anh không biết bao nhiêu.

Nhưng lạ quá, Trường Lệ kể chuyện bằng một giọng bình thản lạ kỳ, như là kể chuyện cổ tích vậy. Chắc là ma không còn oán hận nữa hay sao ấy !

"Em không hiểu sao, Trường Lệ tiếp, mà rồi xác em lại được vùi nong trong sân nhà này, sau khi em cắn lưỡi tự tử, trong khi xác của hàng trăm, hàng ngàn người khác bị chõ ra bờ sông lớn, xô xuống nước hết cả, kể cả xác của anh Thoại".

Trường Lệ không có khóc ra lấy một giọt nước mắt, cũng chẳng có ghen ngào lẫn nào. Giọng nàng bình bình, trung lập, từ đầu tới cuối như kể chuyện đi chợ mua cá, về nhà bình yên. Nhưng nàng vẫn buồn, nỗi buồn của kẻ vừa đánh mất một gói bạc hai mươi triệu đồng.

Riêng tôi, tôi cắn môi nén lệ. Tôi không còn thương xót cá nhân của Trường Lệ nữa vì nàng đã không còn trên thế gian này để mà đau khổ và làm cho bao nhiêu người khác khổ đau, mà lại tội nghiệp cho hàng vạn cô gái khác trên khắp đất nước Việt Nam, họ không được điểm phúc lìa đời như Trường Lệ, kéo những ngày dài hiu quạnh với mộng đời tan vỡ, vì vào những năm đầu khởi nghĩa, người mình, cả trai lẫn gái đều còn trọng chữ trinh hơn ngọc ngà châu báu nữa, con gái bị hiếp mang mặc cảm mà lẩn trốn người yêu hay bị vị hôn phu lạnh nhạt, con trai có vị hôn thê hay có nhân tình bị hiếp, đành ngậm hờn đi tìm yêu nơi khác.

Là một thằng con trai ăn chơi, không quan tâm đến vận nước, vậy mà giờ đây máu căm hờn của tôi cũng sôi lên sùng sục, và tôi tự hỏi không biết vì sao mà một số ít người mình vẫn còn mơ Pháp, sau khi họ đã biểu dương tác phong như vậy trong nhiều năm trời.

Tôi nhìn ra để ngắm những gốc phi lao trong ánh sao mờ. Cảnh nên thơ này, mười năm trước là sào huyệt của sự hãi hùng, là vũng nước mắt của dân lành, là nơi vang lên tiếng kêu la rên rỉ của những người bị tra tấn, là nơi đầm máu của những người chẳng làm nên tội tình gì cả, hoặc chỉ có tội chống xâm lăng mà thôi như luật sư L., như Thoại và Trường Lệ chẳng hạn.

Tôi không còn nghe sợ ma nữa. Bao nhiêu con ma ở đây đều là nạn nhân đã thua trận người sống một mách rồi thì còn làm gì được tôi. Trái lại, tôi cảm thấy họ là bạn, mà người bạn thân nhất là cô gái tội nghiệp đang nằm trong nách tôi.

Lâu lắm, tôi mới hỏi bạn tôi :

– Em nè, nhưng "dưới" ấy, em không có gặp anh Thoại hay sao ?

– Không. Linh hồn của người chết không thể tự ý muốn sống nơi nào cũng được, như người ta tưởng. Ai vương bận về cái gì hay về nơi chốn nào

thì bám nít vào cái ấy hay chỗ ấy mà thôi. Có lẽ anh Thoại đã xa chơi ngoài đại dương cũng nên vì xác anh bị thả trôi sông.

– Em chú ý tới anh lúc nào ?

– Hồi đứng bóng, ngày mà anh được nhận ở đây. Giờ đứng bóng là giờ của cỏi Âm.

– Và đã yêu anh ngay ?

– Không, thoát tiên, em chỉ chú ý đến anh vậy thôi vì cái sự kiện gương mặt của anh Thoại. Sau rồi em yêu, nhưng vẫn cứ yêu anh Thoại qua con người của anh. Sau đêm gặp gỡ đầu, em mới yêu anh vì thấy anh điều tra, tìm kiếm lung tung, tỏ ra bị em giáng sét lên đầu.

Tôi lại sờ thử Trường Lệ một lần nữa. Không, nàng vẫn là con người, bằng xương bằng thịt, từ ngữ nấy, trong trường hợp nấy, đúng theo nghĩa đen không gì đúng bằng, khiến tôi ngờ rằng "Ma" chỉ là chuyện nàng bịa ra thôi, còn con ma mà ông Sáu đã thấy là ma thật nhưng đó là chuyện khác.

Trường Lệ bịa, có lẽ để cho tôi thôi tò mò, tìm kiếm dò la về tung tích nàng mà không hay cho việc riêng của nàng chăng ?

Từ ngày giao thiệp với ma, đêm nào tôi cũng minh mẫn cả, chỉ có đêm nay là thần trí tôi lu mờ, nghe thấy thật thật, hư hư không biết là mình đang ý thức hay bị ảo ảnh nữa.

Những người thấy ma, có kẻ hóa điên là vì thế chăng ? Không kể những trường hợp mà họ quá sợ hãi, họ bị mất thăng bằng tâm trí vì sự xáo trộn của ý niệm về thật và hư nơi họ.

– Em nè, nếu linh hồn của em mà kết tinh lại được thành thể xác như thể này thì tại sao em không giữ cho cuộc kết tinh này tồn tại mãi mãi ?

– Không thể được. Đây là một sự cố gắng vô biên của hồn em, nhưng kết quả chỉ phù du trong một vài tiếng đồng hồ mà thôi. Mà cũng phải có nguyên động lực mạnh mẽ lắm mới cố gắng được như thế này : nguyên động lực nơi em là tình yêu.

Thì ra, Trường Lệ không thể ở lại với tôi cho tới gà gáy, cho dầu là nàng có muốn ở lại đi nữa. Nàng phải biến đi trước khi cái thân xác tạm bợ của nàng biến thành hơi, thành khói, mà có thể đôi khi nàng thành hơi ngay trên tay tôi cũng không biết chừng.

Chỉ có đêm nay tôi mới nhận thức thấu đáo tất cả cách biệt của Âm - Dương đôi ngả, mà lời than của những cô đào ma trên sân khấu, họ hiện hồn để cứu chồng, cứu con, rồi phải từ biệt trong tiếng khóc bịn rịn, mà lời than của họ không thấm thía bao nhiêu đối với tai lơ dềnh của khán giả, khán giả lơ dềnh vì cho đó chỉ là lời hoa mỹ của người soạn tuồng chứ không hề đó là một sự kiện nào lòng có thật.

Nghĩ tới đây, tôi vội ôm chặt người yêu của tôi lại, không phải với cái ý định hão huyền giữ nàng lại cho tới sáng, mà vì biết tánh cách phù du của buổi hẹn hò, tôi cố tận hưởng những giây phút còn lại.

Trường Lệ không khiển trách sự lạm dụng của tôi như những đêm khác, có lẽ vì nàng cũng muốn tận hưởng như tôi hay vì lẽ gì khác tôi không rõ. Nàng cũng hứa thỏa mãn ý muốn tái ngộ mỗi đêm của tôi, chứ không bắt buộc tôi phải hạn chế như trước đây.

Linh tánh của nàng báo trước cho nàng thấy sự chẳng lành của tương lai chẳng mà nàng "thả giàn" cho bỏ những ngày xa nhau về sau ?

Rồi Trường Lệ ra đi, không gát gắm tôi như mọi đêm khác. Tôi rất nhớ lời căn dặn của nàng vì tôi đã biết nàng làm bằng chất gì rồi : "Nè, cứ để em đi tự nhiên, thông thả như là em về nhà em. Như vậy đẹp hơn nhá".

Vậy là Trường Lệ đưa đầu cho tôi hôn, rồi chậm rãi đi vòng ra sau nhà bếp, tôi chỉ tiễn nàng tại ngưỡng cửa buồng của tôi và đứng đó mà nhìn theo nàng cho đến lúc nàng khuất dạng.

Quả đúng như thế là đẹp. Tôi được nuôi nấng cái ảo tưởng là Trường Lệ đi về nhà nàng, cái ảo tưởng nàng là con người thường và khỏi tức mình trước sự bất lực giữ nàng trong tay, theo ý muốn, khỏi đau vì cảnh cách biệt hai đường giữa côi Dương của tôi và côi Âm của nàng.

Kể từ đêm đó, chúng tôi được tự do hoàn toàn. Miếng ăn của tôi thì đã được Trường Lệ giải quyết bằng thức ăn thực sự, như đòn bánh tét hôm đầu, chứ không phải là thức ăn ma đầu.

Sau năm ngày, tôi đóng cửa nhà cẩn thận để đi thăm ông Sáu. Ông đã tươi tỉnh lại như thường, ông chỉ phải nằm dài vì cái chơn bó bột.

Thấy tôi, ông cười ha hả rồi nói :

– Sướng nhé ! Tao biết mà ! Chắc tụi bây thả cửa ở trên ấy !

Tôi xác nhận bằng một nụ cười không mặc cảm, nhưng rất là đau buồn, đau buồn vì tôi vụt nhớ ra con kỳ đà già nầy sẽ phá đám nữa. Ông Sáu hỏi tôi :

– Mấy có nghi là nó báo thù ý định của tao không ?

– À không, cái đó thì cháu bảo đảm rằng không. Cháu có hỏi nó, nó nói rằng ông chỉ tình cờ gặp rủi thôi.

– Sao lại tin vào lời chối vu vơ như vậy được ?

– Tin được vì có bằng cứ.

– Bằng cứ nào ?

– Nó bảo, nếu người chết có khả năng trả thù thì bao nhiêu kẻ sát nhân đã chẳng sống phây phây ra đó.

Ông Sáu gục gặc đầu, tỏ vẻ đồng ý với lập luận của người yêu của tôi.

– Nhưng ông vẫn không hết dễ ghét. Ông nói :

– Dầu sao, hai thứ, ma và người cũng không thể sống chung, và nhứt là không thể làm tình với nhau mà không gây hại cho người sống.

Tôi cứ mong cho lão già nầy không bao giờ lành xương cả. Thật là ăn no lo chuyện thiên hạ, cứ xía vào chuyện riêng tư của người khác. Đáng giận lắm. Tôi đâu ngờ là Trường Lệ không báo thù, và bỗng thấy là nàng chánh đáng mà báo thù, chớ hết ghê tởm nữa như hôm tai nạn mới xảy ra.

Nhưng ông Sáu vẫn tốt ở một điểm : chuyện ấy là bí mật giữa ba chúng tôi, ông không hề xì ra cho chủ quán hay nhân viên nào của quán biết cả, thành thử tôi không bị quấy rầy. Nếu có người thứ tư mà hay tin đó thì cả xứ sẽ đều hay, vì ngoài lão già đáng ghét ấy ra, chắc không còn người nào nữa trên đời này biết kín miệng, và báo sẽ đăng những bài điều tra phóng sự tùm lum ra, phiền không biết bao nhiêu.

N. kể tới đây thì tôi nhìn anh Kim mà cười. Anh cũng cười. Chắc anh đang tiếc rẻ không hay biết câu chuyện nầy đúng lúc để mà viết bài cho giật gân. Giờ thì đã vãn hát từ khuya rồi, vì N. bảo rằng hắn ta đã thôi việc và chỉ mới trở lại làm ở đây, thì hắn đã có cuộc đoạn tuyệt giữa đoạn tuyệt nầy. N. kể tiếp :

– Chúng tôi yêu đương thả giàn, vì Trường Lệ cho phép như vậy, và tôi đã bắn khoả lăm về sau, tự hỏi có phải chẳng là Trường Lệ đoán thấy tương lai mờ mịt nên cố tận hưởng được bao nhiêu hay bấy nhiêu ?

Dau lòng lắm hai cậu ơi ? Tôi phải thú thật rằng tôi hơi chán người yêu lý tưởng của tôi, sau một tháng tự do tuyệt đối. Nàng phải là một thứ trái cấm phần nào, tôi mới thêm muốn nàng nhiều và hoài hoài, chớ cứ được mỗi đêm thì nhàm quá.

Hơn thế, Trường Lệ của tôi đã hết là cô gái bí mật mà đời tư khiến tôi ham khám phá. Tôi đã biết rành mạch về ngọn nguồn của nàng rồi, nàng mà không phải là ma, là người đi nữa thì sức quyến rũ của đời nàng cũng đã tiêu tan khi bức màn che cuộc đời ấy được vén lên.

Chất thơ mộng của buổi đầu gặp gỡ, chỉ mới quen sơ, chưa biết rõ nhau lắm, chất ấy huyền ảo như cảnh đẹp trong giấc ngủ, như ráng trời qua sương chiều.

Bây giờ tôi chỉ còn yêu nàng bằng tình chồng, vợ mà thôi, cũng đậm đà, thấm thía lắm, nhưng tôi có thể bị một nhan sắc đặc biệt nào đó lung lạc.

Hôm ấy, đi thăm ông Sáu về, tối lại tôi báo tin cho Trường Lệ biết rằng ông già quản lý ngày mốt sẽ về đây, xương của ông chưa lành, nhưng ông nài nỉ đòi về, nhà thương chiều ý ông vì giờ ông có thể chống gậy đi được mà không gây hại cho sự lành xương, tôi báo tin ấy thì Trường Lệ chau mày rồi thờ dài. Ngộ nhận, tôi trấn an người yêu của tôi :

– Anh bảo đảm với em là ông ta sẽ không động tới em. Anh hứa sẽ giải quyết tình thế của ta, nên ông ta hứa sẽ đợi xem.

– Không phải vậy đâu anh. Em đã nói là em không sợ ông ấy quật mỗ em cho lắm kia mà.

– Nhưng sao em có vẻ lo lắng, nghĩ ngợi và buồn bã ?

– Em linh cảm có sự không hay xảy đến cho em.

– Cho em chớ không phải cho ta ?

– Dạ.

– Làm thế nào mà có chuyện như vậy được. Cái gì không hay xảy đến cho em cũng đều không hay cho anh.

– Chưa chắc.

– Những gì, em nói ra anh nghe thử xem ?

– Em không biết. Chỉ là linh cảm thôi.

– Nhưng em biết trước việc ba lên đây tìm anh.

– Ủ, và em cũng biết trước việc ông Sáu gặp rủi. Nhưng không hiểu sao, cái việc không hay cho em, nó lại quá mơ hồ, em cố tập trung thần lực để nhìn xem đó là cái gì, nhưng em không thành công.

– Nhưng vẫn liên hệ đến sự trở về của ông Sáu ? Em đã thờ dài khi anh cho hay tin ấy.

– Ủ, nhưng liên hệ rất là xa xôi.

Tôi hơi lo, vì Trường Lệ đã tỏ ra già dặn, không trẻ con chút nào mà bảo rằng nàng sợ hãi. Giây lâu, tôi nói :

– Nhưng cũng chưa có gì. Lắm khi ta lo buồn, sợ sệt vì linh cảm tai họa nào, mà rồi không có gì xảy ra cả.

– Ủ, em cũng nghĩ như vậy, nên em không có nói gì với anh hết. Tại anh ngộ nhận về phản ứng của em trước tin ông Sáu trở về nên em phải giải thích vậy thôi.

Và chúng tôi yêu đương nhau và sau đó thì Trường Lệ ra đi y như những đêm trước.

Hôm sau, tôi quét dọn buồng của ông Sáu để ngày mai lại, đón ông. Hôm sau ấy nữa, xe của ông chủ sẽ đưa ông về đây, không phải để làm việc, mà để nghỉ ngơi. Ông sẽ trở xuống nhà thương để đập bột, tháng tới nữa lặn, vì bác sĩ bảo rằng nơi người cao niên, xương lâu lành lắm, phải hai tháng mới xong.

Ông chủ sẽ cho một anh đầu bếp lên để lo tạm cơm nước cho ông Sáu và tôi, suốt thời gian ông Sáu tiếp tục nằm và anh ấy sẽ ngủ ở buồng tôi, ngoài sân. Tôi sẽ hỏi kế Trường Lệ đêm nay, coi chúng tôi làm sao mà tái ngộ. Lần trước tôi bị ông Sáu bắt cóc, không kịp nhờ bạn giải quyết vấn đề chớ lần này tôi biết trước rồi thì phải lo liệu chớ.

Tối lại tôi đang ngồi đó mà sốt ruột thì một cuộc biểu dương lực lượng làm cho tôi sống sờ. Lực lượng này vô cùng hùng hậu, gồm có mười sáu người, mang đủ cả màu sắc của cầu vồng, khiến hai ba cậu bồi rượu chạy lảng xăng để kiêng bàn kê lại vì bàn của quán chỉ toàn loại bàn "đôi ta" không mà thôi.

Nhưng ồ này lạ ! Thì ra đó là đại gia đình của thằng Thập, một thằng bạn bạt mạng của tôi mấy năm trước. Nó mất tích thành linh, tôi hỏi thì nó nói đã ngoan ngoãn cưới vợ và nằm nhà. Đêm nay nó đi dạo mát với ông bà nó, tôi biết như vậy vì ngồi cạnh vợ nó là một thiếu nữ giống hệt bà nó của nó, còn nó thì giống hệt ông nó của nó.

Nó là trường nam, thiếu nữ chắc là con kế đó, và cả một tiểu đội em gái, đúng mười một cô, cô bé nhút nhát cỡ chừng lên bảy thôi.

À, thằng dịch vật. Nó có em gái đẹp như tiên vậy mà nó giấu tôi. Nhưng nghĩ kỹ lại thì nó có lý do chánh đáng mà giấu thằng Tôi trời đánh thánh vật, vì thằng Tôi là một con bướm trắng khét tiếng ở Sài Gòn.

À, mà không, nó đâu có giấu tôi. Cô bé này năm nay, chắc vừa xin xong thẻ kiểm tra, thì năm ấy, cách đây hai năm, cô bé ấy còn đòi quà mẹ, tôi mà có biết cô bé có mặt trên đời này, chắc tôi cũng đã dừng dung vì cô bé năm đó chưa trở mã, ôm nhom xẹp lép như con khô hỏ⁽¹⁾.

Tôi vội lấy rất nhiều chai rượu trên các kệ sau lưng tôi, sắp chai ấy lên mặt quầy trước mặt tôi để ẩn núp, không cho gia đình ấy thấy tôi, còn tôi thì tha hồ rình họ.

Lạ quá, phái nam có khốn nạn hay không, hay là phái nữ họ cũng thế mà không tự thú như ta ? lạ quá, thì ra trên đời này không phải chỉ có một gương mặt là vừa mắt ta đâu. Tôi cứ ngỡ không còn ai đáng kể nữa, ngoài Trường Lệ của tôi, vậy mà vừa thấy cô em gái của thằng Thập là tôi bị sét giáng lên đầu rồi.

Qua kẽ hở giữa hai chai rượu màu, tôi chỉ thấy được có một mình nàng mà thôi. Gia đình ấy, vì đêm nay khách quá đông, không còn chỗ tốt, nên ngồi rất gần nhà, cách buồng rượu không hơn mười thước. Nhờ vậy mà mặc dầu ánh đèn màu không sáng lắm, tôi cũng ngắm kỹ được gương mặt kiều diễm của nàng.

Thình thoảng tôi giật nảy mình một lần khi tôi nghĩ đến người khuất mặt, nàng có lẽ đang quanh quẩn đầu đây và đang quan sát tôi, đang đọc cảm nghĩ của tôi để như ta đọc một tấm bảng quảng cáo khổng lồ.

Nhưng có phải chăng là tại điều kiện khách quan nó phá hoại mối tình mà tôi muốn trung kiên, mối tình với Trường Lệ ?

Tôi đã hưởng tự do tuyệt đối, đã yêu thả cửa nên bắt đầu chán người yêu của tôi. Đó không phải là lý lẽ vững mạnh có thể biện hộ tôi, nhưng sự thật là thế, tôi chỉ đưa ra vậy thôi, chớ đâu có mong tự biện hộ.

Dẫu sao, tôi cũng xấu hổ với chính tôi. Tôi đã phản bội người yêu của tôi trong tinh thần rồi vậy.

Đại gia đình của thằng Thập ra về hồi 10 giờ. Trong giây phút, tôi rất muốn bỏ cả để đi theo họ. Thật là bậy quá ! Họ đi rồi, tôi ngồi đó mà thần thờ rất lâu, dọn dẹp các chai rượu trở vào kệ, và xem đồng hồ tay để đợi giờ đóng cửa quán.

Đêm nay chúng tôi có vấn đề và phải giải quyết cho xong : sự tái ngộ của chúng tôi, vào những đêm sau, khi con kỳ đà trở về quán. Để xem có

(1) *Khô hỏ* : cá phơi khô.

Trường Lệ khôn ngoan và tài ba sẽ xử trí ra sao cho biết. Tôi thì tôi chịu phọc-phe⁽¹⁾, bởi nếu tôi nổi loạn với ông già kỳ cục ấy thì ông sẽ đào má của người yêu tôi lên mắt.

Cặp trai gái cuối cùng đã lên xe. Bồi bàn thu dọn mọi thứ, rồi lần lượt ra về. Đêm dài rình quanh đó và tôi vận công tắc điện một cái là nó ủa vào chụp lấy cả cái quán này.

Tôi đi ra sau, vào buồng của tôi, trải giường bố ra nhưng không nằm, ngồi đó mà vọng người yêu. Giây lâu, tôi ngạc nhiên lắm mà không nghe thông đạo nhạc du dương. Hình như là mười lăm phút đã trôi qua rồi. Có ông Sáu ở nhà, nàng vẫn không tới trễ đến thế.

Ông già ấy nằm xuống hai phút là ngủ khò và hai phút nữa là đạo binh tiên phong của Trường Lệ dọn đường trước, đạo binh âm thanh và mỹ hương. Tôi đưa tay lên nhìn mặt đồng hồ dạ quang rồi đếm phút. Cây kim dài chạy được hai mươi vòng nữa rồi. Trời ơi là bực !

Bỗng tôi rụng rời. Trước mặt tôi, nơi ngưỡng cửa, một bóng trắng, vầng trắng chớ không phải đen, một cái bóng rất là mơ hồ, chỉ biết đó là bóng một phụ nữ mà không rõ là ai.

Tôi toát mồ hôi lạnh đầm dề vì sợ ma, và cứ ngồi đó như là bị đóng đinh vào giường bố. Cái bóng ấy nhìn tôi rất lâu, không còn biết là bao lâu nữa, rồi bỗng có tiếng người vang lên từ bóng ấy, tôi nói thế vì tôi không thấy mặt, mũi, miệng của cái bóng. Chỉ là một dáng người mà thôi.

Giọng nói ấy buồn vô hạn, và rất là đanh thép :

– Anh ! Em thất vọng lắm. Em quá ngây ngô mà đã thật thà tin nơi sự trung kiên của lòng người. Em thật không dè anh đã xúc động trước một nhan sắc. Nhưng em không trách cứ gì anh đâu. Lòng người là thế thì phải chịu vậy, một là mặc nhận như vậy, hai là đừng có yêu, nếu ta quá ích kỷ. Em ích kỷ lắm, nên em chọn giải pháp sau.

Nói tới đây, Trường Lệ, vầng chính đó là giọng nói của nàng, cái giọng thân yêu mà tôi quý mến, tôi say mê, nhưng giờ lại đã xa xôi lắm rồi. Nói tới đây Trường Lệ ghen ngào, không tiếp được.

Tôi đã hết sợ ma, vì con ma đó chỉ là con ma bổ ruột của tôi, nhưng tôi lại sợ điều khác, còn ghê gớm hơn nữa : đó là cái giải pháp thứ nhì mà Trường Lệ đã chọn.

(1) *Phọc-phe* : tiếng Pháp *forfait*, chịu thua, chịu bỏ cuộc.

Mặc dầu mới có hai mươi tuổi, Trường Lệ không còn trẻ con tí nào và đã nhiều lần chứng tỏ nàng là một bản ngã đặc biệt, một cá tánh mạnh mẽ. Nàng nói là làm, và khó mong van nài nàng đổi ý.

Tôi gọi nàng, giọng tôi rất tuyệt vọng :

– Em Trường Lệ của anh ? Không rõ vì sao mà anh tê liệt cả tay chân, không chạy ra đón em được. Nhưng anh van lạy em tha tội cho anh. Anh không chối đã có xúc động hồi đầu hôm. Nhưng mà, đó chỉ là một tình cảm thoáng qua mà thôi.

– Đã trễ quá rồi anh ơi ! Và em rất đau lòng mà xa anh. Thôi, ngàn năm vĩnh biệt người anh yêu quý của em !

– Trời ơi ! Em ơi !

Tôi kêu lên như vậy vì cái bóng trắng ấy tan biến lần lần như khói tan trước gió. Giây lát sau, nó mỏng dính rồi không còn nữa.

Tôi suýt ngất đi vì đau thương tràn ngập lòng tôi.

Lâu lắm, khi tôi thôi khóc rồi, tay chân của tôi mới hết tê liệt (chắc đó là phép của Trường Lệ, nàng làm thế để ngăn tôi níu kéo lời thôi). Tôi vội tuột xuống, chạy ra ngoài, ngó dáo dác rồi chạy tuốt ra bãi sậy để kêu gọi nàng.

Trong đêm lặng chỉ có côn trùng là đáp lời tôi mà thôi.

*

* *

Hai cậu ơi ! Tôi còn biết nói gì nữa đây ? Chắc hai cậu đã thừa hiểu tâm trạng của tôi đêm đó và sau đó.

Đêm sau, ông Sáu về, lại bắt cóc tôi. Tôi cho ông biết là vô ích vì nàng đã hôn tôi mà đi mất rồi. Nghe tôi kể chuyện, ông tin tôi bằng lời vì cái mặt đưa ma của tôi nó còn hùng biện hơn tôi nữa.

Ông cười ha hả, đoạn phé :

– Mấy phản bội ma thì mấy chết. Nhưng không sao. Nó sẽ ám con kia cho điên, còn mấy thì nó tha vì nó cung mấy lắm.

Tôi cãi :

– Không, ma không có khả năng báo oán. Nếu có, nó đã cho xe của thằng bạn cháu lạt đêm ấy rồi.

– À, hình như là mây có lý. Và tao tin rằng tao gặp rủi vì vận số. Thôi tao hết ghét nó rồi, không đào mả nó nữa đâu.

– Dẫn sao cũng đã quá trễ.

– Mốc xì ! Tao dư biết con gái mà ! Chúng nó làm vậy rồi sớm muộn gì cũng lết trở lại với mây. Để mây xem.

Nhưng tôi được ngủ dưới bếp một tháng trường mà không thấy tăm hơi Trường Lệ đâu cả. Ông Sáu đi nhà thương trở lại để đập bột, tôi hoàn toàn tự do, vậy mà nàng vẫn không đến, mặc dầu trưa nào tôi cũng thấp nhang trước mộ nàng, để khẩn vái cầu xin nàng tha cho tôi.

Ông Sáu đi vắng ba hôm rồi trở về. Tôi buồn chán quá, xin thôi việc.

Về Sài Gòn, tôi trốn thằng bạn của tôi, vì tôi không muốn gặp lại cô gái đã làm cho tôi phạm tội với người yêu của tôi.

Tôi cũng chẳng đi chơi bởi gì như trước và đóng tiền để đi học trở lại. Tôi học chăm lắm và năm rồi tôi đỗ bằng Tú tài I. Nhưng nổi nhớ Trường Lệ không nguôi, tôi lại bỏ học, trở lên đây, xin làm việc trở lại y như cũ, mong hão Trường Lệ có nguôi giận hay chăng.

Tháng ngày cứ trôi qua, không còn hương vị gì nữa cả đối với tôi, vì Trường Lệ chắc chắn đã chết rồi, chết thêm lần thứ nhì, vì quá đau khổ cho mối tình thứ nhì không may của nàng.

Có khách đến, N. đứng lên, xin lỗi chúng tôi rồi chạy bàn.

Tôi nhìn anh Kim và thấy mặt anh rơm rớm lệ.

Bất giác, cả hai chúng tôi đều ngược mặt nhìn lên ngọn phi lao vì dạo khúc vừa reo khe khẽ trên ấy.

Hồn người quá cố như lảng vảng đâu đây để nhìn lũ tục tử của trần gian, chúng nó đang phản bội nhau ở ngay cả cái thơ mộng nầy nữa. Cả hai chúng tôi đều nghĩ như vậy, vì chúng tôi chợt thấy cô Tr. người yêu của thằng M. bạn của chúng tôi. Cô ta đi giải khát với kếp của cô ta, một anh kếp lạ, và cô cậu xem ra tâm đầu ý hiệp với nhau lắm.

TRA CÚU TÊN TRUYỆN

TẬP V

<i>Giật mình tỉnh dậy</i>	217
<i>Bóng người trên sương mù</i>	218
<i>Lan rừng</i>	219
<i>Một truyện ghê gớm</i>	220
<i>Tiếng hú ban đêm</i>	221
<i>Trại Bồ Tùng Linh</i>	222
<i>Một đêm trăng</i>	223
<i>Ma xuống thang gác</i>	224
<i>Thần hổ</i>	225
<i>Ai hát giữa rừng khuya</i>	226
<i>Báo oán</i>	227
<i>Trên đỉnh non Tân</i>	228
<i>Xác ngọc lam</i>	229
<i>Đời Roi</i>	230
<i>Rượu bệnh</i>	231
<i>Lửa nển trong tranh</i>	232
<i>Loạn âm</i>	233
<i>Tâm sự của nước độc</i>	234

TRA CỨU TÊN TRUYỆN

TẬP VI

<i>Hoàng kim ốc</i>	235
<i>Quyển rũ</i>	236
<i>Trên Bồng Lai</i>	237
<i>Mặt trời</i>	238
<i>Đi tiêu dao</i>	239
<i>Người con gái thần rắn</i>	240
<i>Chiều sương</i>	241
<i>Một trận bão cuối năm</i>	242
<i>Ngâm ngải tìm trầm</i>	243
<i>Làng</i>	244
<i>Cây đa ba chạc</i>	245
<i>Một chuyện lạ</i>	246
<i>Ngủ với ma</i>	247
<i>Ông rắn</i>	248
<i>Tết trên Muồng</i>	249
<i>Cắm nang phú quý</i>	250
<i>Chiếc khăn đào</i>	251
<i>Cô Ba Báu</i>	252
<i>Duyên ngọc rắn</i>	253
<i>Chú Út lấy vợ</i>	254
<i>Lòng quả phụ</i>	255
<i>Chị chồn</i>	256
<i>Tân bát tiên</i>	257
<i>Lọ ngọc lỏng son</i>	258
<i>Tướng cướp</i>	259
<i>Cọp tiên</i>	260
<i>Vợ hóa tiên</i>	261
<i>Cõi âm nơi quán Cây Dương</i>	262

MỤC LỤC

TRUYỆN TRUYỀN KỲ VIỆT NAM

QUYỂN BA

(TẬP V - TẬP VI)

TẬP V

NHẤT LINH

Người quay tơ	9
217. <i>Giặt mình tỉnh dậy</i>	11
Anh phải sống	15
218. <i>Bóng người trên sương mù</i>	17
Hai buổi chiều vàng	23
219. <i>Lan rừng</i>	25

THẾ LỮ

Ba hồi kinh dị	35
220. <i>Một truyện ghê gớm</i>	37
221. <i>Tiếng hú ban đêm</i>	79
Trại Bồ Tùng Linh	93
222. <i>Trại Bồ Tùng Linh</i>	95
Vàng và máu	147
223. <i>Một đêm trắng</i>	149
224. <i>Ma xuống thang gác</i>	164

TCHYA

Thần hổ	177
225. <i>Thần hổ</i>	179
Ai hát giữa rừng khuya	245
226. <i>Ai hát giữa rừng khuya</i>	247

NGUYỄN TUÂN

Yêu ngôn	345
227. <i>Báo oán</i>	347
228. <i>Trên đỉnh non Tân</i>	361
229. <i>Xác ngọc lam</i>	375
230. <i>Đới Roi</i>	391
231. <i>Rượu bệnh</i>	397
232. <i>Lửa nến trong tranh</i>	407
233. <i>Loạn âm</i>	417
Chùa Đàn	429
234. <i>Tâm sự của nước độc</i>	431

TẬP VI

CUNG KHANH

Cách ba nghìn năm	459
235. <i>Hoàng kim ốc</i>	461
236. <i>Quyển rũ</i>	466
237. <i>Trên Bồng Lai</i>	474
238. <i>Mặt trời</i>	484
239. <i>Đi tiêu dao</i>	490
240. <i>Người con gái thần rắn</i>	501

BÙI HIỂN

Nằm vạ	509
241. <i>Chiều sương</i>	511
242. <i>Một trận bão cuối năm</i>	520

THANH TỊNH

Ngậm ngải tìm trầm	525
243. <i>Ngậm ngải tìm trầm</i>	527
244. <i>Làng</i>	531

ĐỖ HUY NHIỆM

Tiền kiếp	535
245. <i>Cây đa ba chạc</i>	537
246. <i>Một chuyện lạ</i>	548
247. <i>Ngủ với ma</i>	552
248. <i>Ông rắn</i>	556
249. <i>Tết trên Mường</i>	559

KIM BA

Kim ba chỉ đi	563
250. <i>Cắm nang phủ quý</i>	565
251. <i>Chiếc khăn đào</i>	570
252. <i>Cô Ba Bửu</i>	577
253. <i>Duyên ngọc rắn</i>	581
254. <i>Chú Út lấy vợ</i>	586
255. <i>Lòng quả phụ</i>	589
256. <i>Chị chồn</i>	595
257. <i>Tân bát tiên</i>	600
258. <i>Lọ ngọc lỏng son</i>	605
259. <i>Tướng cướp</i>	608
260. <i>Cọp tiên</i>	611
261. <i>Vợ hóa tiên</i>	616

BÌNH NGUYỄN LỘC

Cõi âm nơi quán Cây Dương	621
262. <i>Cõi âm nơi quán Cây Dương</i>	623

* *

*

– <i>Tra cứu tên truyện - Tập V</i>	739
– <i>Tra cứu tên truyện - Tập VI</i>	740

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập lần đầu :

ĐINH THÁI HƯỜNG

Biên tập lần tái bản bổ sung :

HOÀNG PHÙNG

Trình bày bìa :

VĂN SÁNG

Sửa bản in :

HOÀNG PHÙNG

Chế bản :

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Tổng phát hành:

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

**TRUYỆN TRUYỀN KỲ VIỆT NAM
QUYỂN BA**

Mã số : 8V348h9 - NĐN

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế,
57 Bà Triệu - Huế. Số XB: 475-2009/CXB/61-901/GD. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 10 năm 2009.



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



NGUYỄN HUỆ CHI
(Chủ biên)

TRUYỆN TRUYỀN KỶ VIỆT NAM

QUYỂN BA



Giá: 125.000đ